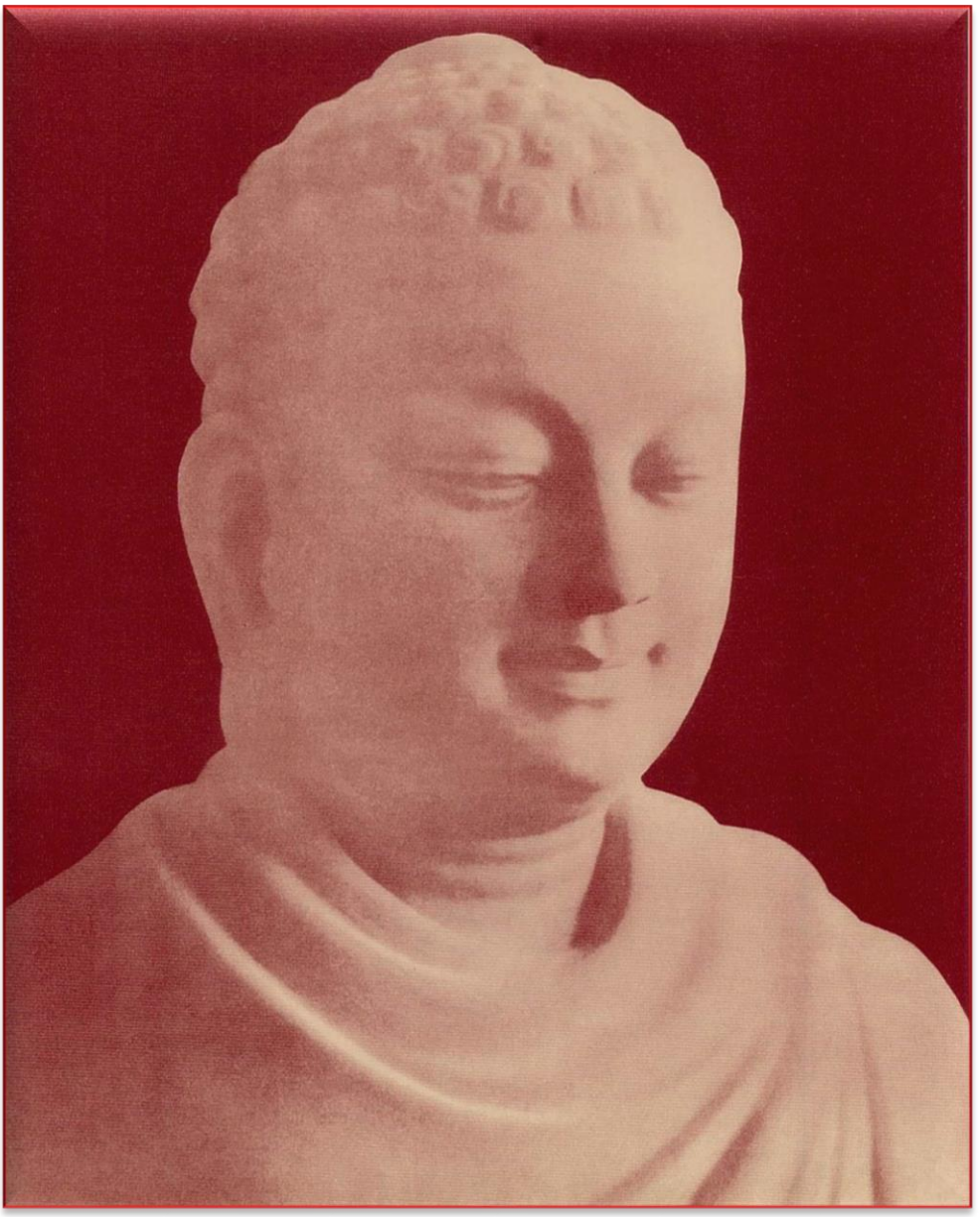


NAM – MÔ BỔN – SƯ THỊCH – CA MẬU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 84

BỘ THÍCH KINH LUẬN

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)

   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 84

BỘ THÍCH KINH LUẬN
II

SỐ 1509 (tt)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
THÍCH KINH LUẬN 2 – T084

SỐ 1509 3
LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ 3
QUYỂN 26 3
41.GIẢI THÍCH MƯỜI TÁM PHÁP KHÔNG CHUNG 3
Mười tám pháp không chung là: 3
QUYỂN 27 32
42. GIẢI THÍCH ĐẠI TỪ ĐẠI BI 32
QUYỂN 28 55
43. GIẢI THÍCH SÁU THẦN THÔNG 55
44. GIẢI THÍCH TÂM TÙY HỶ, BỐ THÍ Phần 1 71
QUYỂN 29 74
44. GIẢI THÍCH TÂM TÙY HỶ, BỐ THÍ 74
45. GIẢI THÍCH HỒI HƯỚNG 76
QUYỂN 30 93
46. GIẢI THÍCH THIỆN CĂN CÚNG DƯỜNG 93
47. GIẢI THÍCH CHƯ PHẬT XƯNG TÁN TÊN BỒ TÁT 111
QUYỂN 31 119
48. GIẢI THÍCH MƯỜI TÁM KHÔNG 119
QUYỂN 32 152
49. GIẢI THÍCH NGHĨA BỐN DUYÊN 152
QUYỂN 33 171
50. GIẢI THÍCH ĐẾN BỜ KIA 171
51. GIẢI THÍCH THẤY THẾ GIỚI CHƯ PHẬT Phần 1 181
QUYỂN 34 188
51. GIẢI THÍCH THẤY THẾ GIỚI CHƯ PHẬT 188
52. GIẢI THÍCH TÍN TRÌ KHÔNG CÓ BA ĐỘC 199
QUYỂN 35 206
GIẢI THÍCH PHẨM HAI: BÁO ỨNG 206
GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ƯNG 220
QUYỂN 36 230
GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ƯNG 230
QUYỂN 37 251
GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ƯNG 251
QUYỂN 38 271

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN: VÃNG SANH 271
QUYỂN 39 291
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN : VÃNG SANH 291
QUYỂN 40 308
GIẢI THÍCH PHẨM BỐN: VÃNG SANH 308
GIẢI THÍCH PHẨM NĂM: TÁN THÁN CỨU ĐỘ 324
GIẢI THÍCH PHẨM SÁU: TƯỚNG LƯỠI 329
QUYỂN 41 332
GIẢI THÍCH PHẨM BẢY: BA GIẢ 332
GIẢI THÍCH PHẨM TÁM: KHUYẾN HỌC 344
QUYỂN 42 353
GIẢI THÍCH PHẨM CHÍN: TẬP TÁN 353
QUYỂN 43 371
GIẢI THÍCH PHẨM CHÍN: TẬP TÁN 371
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI: HÀNH TƯỚNG 376
QUYỂN 44 390
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI MỘT: HUYỄN HỌC 390
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI HAI: CÚ NGHĨA 401
QUYỂN 45 411
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI BA: MA-HA-TÁT 411
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI BỐN: ĐOẠN KIẾN 416
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI LĂM: PHÚ-LÂU-NA 420
QUYỂN 46 432
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI SÁU: THỪA THỪA (CƯỠI XE) 432
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI BẢY: TRANG NGHIÊM 434
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI TÁM: ĐẠI THỪA 443
QUYỂN 47 454
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI TÁM: ĐẠI THỪA 454
QUYỂN 48 475
GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI CHÍN: BỐN NIỆM XỨ 475
QUYỂN 49 495
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI: PHÁT THÚ 495
QUYỂN 50 516
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI: PHÁT THÚ 516
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI MỐT: XUẤT ĐÁO 527
QUYỂN 51 536
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI HAI: THẮNG XUẤT 536
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI BA: HÀM THỤ 542

QUYỂN 52 558
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI BỐN: HỘI TÔNG 558
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI LĂM: MƯỜI VÔ..... 560
QUYỂN 53 577
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI SÁU: VÔ SANH 577
QUYỂN 54 597
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI BẢY: THIÊN VƯƠNG 597
QUYỂN 55 616
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI TÁM: NGƯỜI NHÂN NGHE PHÁP..... 616
GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI CHÍN: RẢI HOA 622
QUYỂN 56 641
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI: TÁN THÁN BA LẦN..... 641
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI MỐT: DIỆT TRỪ TRANH CHẤP 650
QUYỂN 57 661
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI HAI: SO SÁNH THÁP BÁU..... 661
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI BA: THUẬT THÀNH..... 672
QUYỂN 58 675
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI BỐN: KHUYẾN TRÌ 675
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI LĂM: PHẠM-CHÍ 680
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI SÁU: TÔN ĐẠO..... 684
QUYỂN 59 696
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI BẢY: XÁ LỢI..... 696
QUYỂN 60 714
GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI TÁM: MƯỜI THIỆN 714

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 84

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

SỐ 1509

(QUYỂN 26 → 60)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1509

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 26

41.GIẢI THÍCH MƯỜI TÁM PHÁP KHÔNG CHUNG

Mười tám pháp không chung là:

1. Các đức Phật thân không lỗi.
2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Không có dị tưởng.
5. Không có tâm bất định.
6. Không có điều không biết mà đã bỏ.
7. Dục không giảm.
8. Tinh tấn không giảm.
9. Niệm không giảm.
10. Tuệ không giảm.
11. Giải thốt không giảm.
12. Giải thốt tri kiến không giảm.
13. Tất cả thân nghiệp hành theo trí tuệ.
14. Tất cả khẩu nghiệp hành theo trí tuệ.
15. Tất cả ý nghiệp hành theo trí tuệ.
16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại.
17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại.
18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại.

Hỏi: Ba mươi sáu pháp (Mười lực, Bốn vô sở úy, Bốn vô ngại trí, Mười tám pháp không chung) đều là Phật pháp, sao chỉ có mười tám pháp là không chung (chỉ riêng Phật có)?

Đáp: Trong mười tám pháp trước, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật có phần, trong mười tám pháp sau này, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật vô phần. Như Xá-lợi-phất hay phân biệt các pháp, diễn nói một câu, thông suốt không ngại, Phật khen rằng: khéo thông pháp tánh, còn A-nê-

lô-đậu thì mắt trời bậc nhất. Các Thanh văn đều có phần như vậy. Đối với bốn việc không sợ có phần là, như Phật nói trong hàng đệ tử người có thể rống tiếng rống sư tử thì Tân-đầu-lô-phả-la-đỏa-thệ là bậc nhất. Xá-lợi-phất cũng tự thề rằng: Ta trong bảy ngày bảy đêm có thể diễn nói một nghĩa khiến cho không cùng tận. Bốn phân biệt tuệ, các A-la-hán, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na, A-nan, Ca-chiên-diên... cũng biết được nghĩa, tên gọi, ngữ ngôn, và vui nói. Do vậy mười tám pháp trước chẳng gọi là không chung.

Hỏi: Sao Phật không có thân lỗi, không có miệng lỗi?

Đáp: Trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp Phật trì giới thanh tịnh nên thân nghiệp, khẩu nghiệp không lỗi. Còn các A-la-hán như Xá-lợi-phất trì giới không lâu, nhiều nhất là sáu mươi kiếp cho nên có lỗi. Phật trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nhóm các giới thanh tịnh được thành tựu, thường hành thiền định rất sâu, được tất cả trí tuệ vi diệu, khéo tu tâm đại bi, cho nên không lỗi.

Lại nữa, Phật nhổ hết các nhân duyên gốc tội, cho nên không lỗi. Nhân duyên gốc tội có bốn:

1. Nhân duyên tham dục.
2. Nhân duyên sân nhuế.
3. Nhân duyên sợ hãi.
4. Nhân duyên ngu si.

Nhân duyên và tập khí gốc tội đều đã nhổ A-la-hán, Bích-chi Phật tuy nhổ nhân duyên tội mà tập khí đang còn, nên hoặc có lúc có lỗi. Phật đối với hết thảy pháp thường thành tựu trí tuệ biết khắp viên mãn. Nếu không biết nên có lỗi, như Xá-lợi-phất với năm trăm Tỳ-kheo du hành đến một ngôi chùa vắng ở lại đêm, lúc ấy gặp ngày thuyết giới, không biết việc nội giới ngoại giới thế nào, mới bạch Phật, Phật dạy tại trú xứ chỉ ở một đêm rồi bỏ, thì không có giới. Lại một lúc khác, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng với năm trăm Tỳ-kheo lúc trở về lại, to tiếng ồn ào, Phật đuổi đi ra ngoài, ấy là miệng có lỗi. Lại như Xá-lợi-phất không biết phép ăn bình đẳng nên Phật quở ông ăn đồ bất tịnh (trái pháp). Như vậy là thân, miệng có lỗi. Các phiền não tập khí Phật sạch hết, cho nên không có lỗi như vậy.

Lại nữa, hết thảy thân nghiệp, khẩu nghiệp của Phật đều hành theo trí tuệ cho nên thân không lỗi, miệng không lỗi. Do các nhân duyên như vậy nên thân không lỗi, miệng không lỗi.

Niệm không lỗi: Tâm khéo tu Bốn niệm xứ suốt ngày đêm, khéo tu thiền định thâm sâu, tâm không tán loạn, khéo dứt dục ái và pháp ái, đối

các pháp tâm không nhiễm trước, được chỗ tâm an ổn đệ nhất, nếu tâm bồn chồn vội vàng thì niệm có chỗ quên mất. Tâm Phật không có được mất, vì vậy nên không lỗi. Phật có Túc mạng thông, Ba minh, Mười lực, ba thứ trang nghiêm niệm, nên niệm được thành tựu không lỗi, vì niệm phần nhiều dụng ở quá khứ.

Lại nữa, niệm căn niệm lực vô biên vô tận nên niệm không lỗi.

Lại nữa, hết thảy ý nghiệp của Phật hành theo trí tuệ nên niệm không lỗi. Mỗi mỗi niệm đều theo ý hành. Như vậy gọi là niệm không lỗi, như trong kinh Trời hỏi nói:

Người nào không lỗi lầm?
Người nào không mất niệm?
Người nào thường nhất tâm?
Làm được việc đáng làm,
Chánh biết hết thảy pháp,
Thốt hết tất cả chướng,
Thành tựu các công đức,
Chỉ có một mình Phật.

Không dị tưởng: Phật đối với chúng sanh không có phân biệt, không có tưởng xa gần dị biệt: người ấy quí có thể nói cho, người kia hèn không thể nói cho. Như mặt trời xuất hiện chiếu khắp vạn vật, ánh sáng Đại bi của Phật bình đẳng thương xót cứu độ hết thảy chúng sanh, người cung kính, người không cung kính, oán, thân, quí, tiện, tất cả đều bình đẳng, như người hốt phân tên Ni-đà, Phật cũng hóa độ cho thành đại A-la-hán, như cư sĩ Đức Hộ, làm hầm lửa, bỏ độc vào đồ ăn muốn để hại Phật, liền trong ngày ấy được trừ ba độc, diệt lửa tà kiến. Như vậy là không có tưởng dị biệt.

Lại nữa, đối với Xá-lợi-phất, Di-lặc Bồ-tát... thuận theo Phật pháp tu hành, Phật cũng không thiên ái, đối với Đề-bà-đạt-đa, Phú-la-na ngoại đạo, lục sư tà kiến... Phật cũng không ghét, ấy là Phật huân tu tâm trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nên là báu ở giữa chúng sanh, như chân kim không thể làm cho biến khác được.

Lại nữa, Phật dùng Phật nhãn ngày đêm sáu thời quán hết thảy chúng sanh ai có thể độ, không bỏ mất thời. Phật bình đẳng quán chúng sanh, nên không có tưởng dị biệt.

Lại nữa, Phật dùng các nhân duyên, khen thiện pháp chê bất thiện pháp, tâm cũng không tăng giảm đối với thiện ác, chỉ vì độ chúng sanh, nên mới có sự phân biệt, ấy là không có tưởng dị biệt.

Lại nữa, như trong kinh Nhất thiết bất hành nói: Phật quán hết thảy

chúng sanh như thân mình, việc cần làm đã làm xong, không đầu, không giữa, không cuối, ấy gọi là không có tưởng dị biệt.

Lại nữa, Phật quán hết thảy chúng sanh và các pháp, từ xưa lại nay không sanh không diệt, thường thanh tịnh như Niết-bàn; ấy gọi là không có tưởng dị biệt.

Lại nữa, vào cửa pháp bất nhị là cửa các pháp thật tướng. Dị tướng tức là hai pháp, hai pháp tức là tà đạo. Phật là người không dối pháp, không hành dối pháp, thường hành vào cửa pháp bất nhị. Dối pháp tức là dị tướng. Như vậy gọi là không có tưởng dị biệt.

Không có tâm bất định: Định là nhất tâm không loạn, trong tâm loạn không thể thấy được sự thật, như nước dậy sóng không thể trông thấy mặt, như đèn giữa gió không thể soi tỏ. Do vậy nói Phật không có tâm bất định.

Hỏi: Định là từ Vị đáo địa cho đến Diệt tận định. Vào trong các định không thể khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nếu Phật thường định, không có lúc nào tâm không định, thì làm sao du hành các nước, đủ bốn oai nghi, vì đại chúng dùng đủ nhân duyên, thí dụ mà thuyết pháp? Việc như vậy, tâm thuộc Dục giới và ở Phạm thế không vào định, mới có thể có việc ấy?

Đáp: Không có tâm bất định có nhiều nghĩa. Định là thường nhiếp tâm ở trong thiện pháp, Phật định ở trong các pháp thật tướng, không thối không mất, ấy gọi là không có tâm bất định.

Lại nữa, ở trong Dục giới có định, vào trong định ấy có thể thuyết pháp. Vì vậy nên trong A-tỳ-đàm nói: hệ thuộc Dục giới, có các công đức thù diệu là Bốn thánh chủng, Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Vô tránh tam-muội, nguyện trí, bốn trí vô ngại. Phật vào định ở trong Dục giới nên gọi là không có tâm bất định. Các Thanh văn, Bích-chi Phật từ định khởi dậy, thì hoặc lại vào vô ký tâm hoặc vào thiện tâm, hoặc thối lui vào cấu tâm, còn Phật từ định khởi dậy liền vào định Dục giới, không hề có lúc nào tâm tán loạn, do vậy nên gọi là không có tâm bất định.

Lại nữa, như ở trong pháp Thanh văn, hóa nhân thuyết pháp thì hóa chủ không thuyết, hóa chủ thuyết pháp thì hóa nhân không thuyết. Phật thì không như vậy, hóa chủ hóa nhân đều có thể đồng thời thuyết pháp. Tâm định cũng có thể khác. Thanh văn vào định thì không thuyết, Phật ở trong định cũng có thể thuyết pháp, cũng có thể du hành, như trong kinh Tâm mật Mật Tích nói: Chư Phật tâm thường ở trong định, tâm cũng có thể thuyết pháp.

Lại nữa, pháp làm tâm tán loạn là các kiết sử, nghi, hối, Phật không có các thứ đó. A-la-hán tuy không còn nghi đối với lý Tứ đế, nhưng đối hết thảy pháp chỗ chỗ có nghi, Phật đối với hết thảy pháp, thường định không nghi, vì không có trí tuệ bất định.

Lại nữa, Thanh văn còn có các phiền não tập khí, có thối pháp cho nên tán loạn, Phật đối với chỗ Nhất thiết trí, trí viên mãn cho nên không loạn; như trong bình nước đầy, thì không động không tiếng.

Lại nữa, chỉ một mình Phật là không dối pháp, tối thượng giữa ba hạng người kiên cố, khổ vui tâm không đổi khác, tướng nhất, tướng dị, tướng sanh diệt, tướng đoạn thường, tướng đi lại, các pháp tướng như vậy, đều là pháp hư dối, pháp hòa hợp hư vọng làm ra, Phật an trú trong các pháp thật tướng, nên tâm không có bất định. Không bất định nên tâm không đổi khác.

Lại nữa, trong năm pháp không thể nghĩ bàn (chúng sanh nhiều ít, nghiệp lực, long lực, thiền định lực, Phật pháp lực – N.D), Phật lại rất không thể nghĩ bàn. Mười tám pháp không chung ấy là tạng thậm thâm của Phật, ai có thể nghĩ bàn được. Do vậy, Phật không có tâm bất định, việc chắc chắn phải như vậy.

Phật tuy thường nhập định, không có thô tâm giác quán, nhưng có trí tuệ không thể nghĩ bàn, cho nên cũng có thể thuyết pháp; ví như nhạc trời, tùy theo trời muốn, các tiếng ứng ra, cũng là vô tâm, cũng là pháp vô thức, do nhân duyên phước đức của chư thiên nên có được như vậy. Như nhạc trời vô tâm, vô thức mà hay cảm ứng vật, huống Phật hữu tâm mà không thuyết pháp. Do vậy nói Phật không có tâm bất định.

Không có điều không biết đã xả: Chúng sanh có ba thọ là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Thọ khổ sanh sân, thọ vui sanh ái, thọ không khổ không vui sanh ngu si. Ba thọ ấy thọ khổ sanh khổ, ở trong khổ thì mất vui, thọ vui sanh vui, ở trong vui thì mất khổ, còn thọ không khổ không vui thì không biết là khổ, không biết là vui, những người độn căn phần nhiều biết thọ khổ thọ vui, còn đối với thọ không khổ không vui, không hay không biết mà chỉ có tâm xả, ấy là bị kiết sử ngu si sai khiến. Phật đối với thọ không khổ không vui biết rõ khi nó sanh, biết rõ khi nó trụ, biết rõ khi nó diệt. Do vậy nói Phật không có tâm không biết đã xả.

Hỏi: Trong đây thế nào gọi là xả? Không khổ không vui tức là xả? Hay xả giác chi trong bảy giác chi? Hay xả trong Bốn tâm vô lượng gọi là xả?

Đáp: Không khổ không vui tức là xả. Xả trong hai chỗ kia cũng như

vậy. Vì sao? Vì các người khác đối với thọ không khổ không vui, trong mỗi niệm khi sanh, khi trụ, khi diệt, thật lâu mới rõ, còn Phật trong mỗi niệm đều biết rõ; xả giác chi trong bảy giác chi, nếu tâm chánh đẳng không trầm không động, lúc ấy là xả. Nếu khi trầm thì hành tưởng tinh tấn, nếu khi động thì hành tưởng nhiếp tâm. Các Thanh văn, Bích-chi Phật hoặc có khi nhiếp tâm sai, tâm rung động chưa được bình đẳng liền xả, còn Phật ở trong mỗi niệm tâm thô, tế cạn sâu đều biết hết, biết rồi mới xả.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật vì Nan-đà, bảo các Tỳ-kheo rằng: Nan-đà đối với các thọ khi sanh, biết, khi trụ biết, khi diệt biết. Các tưởng các giác cũng như vậy?

Đáp: Biết có hai: 1. Biết trong tâm khổ thọ sanh, biết khổ thọ sanh; khổ thọ trụ, biết khổ thọ trụ; khổ thọ diệt, biết khổ thọ diệt; lạc thọ sanh, biết lạc thọ sanh; lạc thọ trụ biết lạc thọ trụ; lạc thọ diệt biết lạc thọ diệt. Bất khổ bất lạc thọ cũng như vậy. Chỉ biết được tướng tổng quát không biết được tướng riêng biệt. 2. Trong mỗi niệm có khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ đều biết đều hay. Tâm số pháp trong mỗi niệm, không điều gì không biết mà bỏ qua. Do vậy nói Phật không có điều không biết đã xả.

Lại nữa, có khi Phật bỏ chúng sanh, để vào thiền định thậm thâm một tháng hai tháng. Có người nghi: Phật vì độ chúng sanh mà ra đời, cớ sao thường nhập định? Phật nói: Ta có đủ nhân duyên biết rồi nên xả, chứ chẳng phải không biết đã xả.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên biết rồi mới xả?

Đáp: Đối với đại chúng mệt nhọc nhàm chán nên tạm nghỉ.

Lại nữa, Phật đời đời thường ưa hạnh viễn ly, khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, mẹ cũng ưa hạnh viễn ly, đi khỏi thành bốn mươi dặm ở trong vườn Lâm-tỳ-ni đản sanh, khi thành đạo, ở tại trong rừng Ưu-lâu-tần-loa (Uruvela) một mình ở dưới cây thành Phật, lúc ban đầu Chuyển pháp luân cũng ở tại rừng Nai chỗ tiên nhân ở, lúc vào Niết-bàn thì ở dưới cây Ta-la song thọ, mãi mãi ưa hành hạnh viễn ly. Do vậy nên Phật vào thiền định.

Lại nữa, Phật thường thành tựu tâm xả, cho nên vào thiền định.

Lại nữa, Phật thường xa lìa chỗ ồn ào tạp ngữ, tự quán công đức tạng của chư Phật, hưởng thọ cái vui thanh tịnh đệ nhất, cho nên vào thiền định.

Lại nữa, khi Phật thuyết pháp xong, thường dạy các Tỳ-kheo nên tọa thiền, để sau khỏi hối hận, miệng nói và thân cũng tự làm như vậy,

cho nên vào thiền định.

Lại nữa, chán ghét cùng dường, biết chúng sanh kẻ đáng được độ, vào thiền định làm hóa nhân đi đến độ.

Lại nữa, có chúng sanh định ít tuệ nhiều, nên thân thị hiện hành thiền để giáo hóa.

Lại nữa, có người vì thường thấy Phật nên sanh tâm nhàm chán, Phật tạm xa lánh để khiến họ khao khát trông thấy.

Lại nữa, Phật muốn thuyết pháp cho chư thiên, nên ở chỗ nhàn tịnh.

Lại nữa, Phật muốn làm phép tắc cho đời sau, cho nên tọa thiền. Lại Phật tự Chuyển pháp luân xong, đem việc ấy giao phó lại cho đệ tử, nên vào thiền định.

Lại nữa, thị hiện hai đạo để nhiếp hóa chúng sanh: 1. Thiền định, 2. Trí tuệ. Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng, là thị hiện trí tuệ; ở chỗ vắng nhiếp tâm là thị hiện thiền định.

Lại nữa, chúng sanh đối với sáu trần có ba cách hành xử: Thấy sắc đẹp sanh vui mừng, thấy sắc xấu sanh ưu khổ, thấy sắc không đẹp không xấu sanh xả tâm, cho đến ý biết pháp cũng như vậy. Phật đối với sáu trần rất tự tại, ở chỗ vui mừng ưu khổ đều sanh xả tâm, như được nói trong đoạn Thánh như ý.

Như vậy, do các nhân duyên nên vào thiền định, chẳng phải không biết đã xả.

Dục không giảm: Phật biết cái ân của thiện pháp, nên thường muốn nhóm các thiện pháp, ham muốn ấy không giảm sút. Tu tập các thiện pháp, tâm không biết nhàm đủ, ấy là dục không giảm. Thí như một Trưởng lão Tỳ-kheo mù mắt, tự vá áo Tăng-già-lê, xâu kim không được, nói với mọi người rằng: "Ai ham muốn phước đức, hãy xâu kim dùm tôi." Bấy giờ Phật hiện ở trước mặt, nói rằng: "Ta là người ham muốn phước đức không biết nhàm đủ, hãy đưa kim ông đây." Tỳ-kheo ấy cố gắng thấy được ánh sáng của Phật, lại biết âm thanh của Phật, bạch Phật rằng: "Biển công đức của Phật vô lượng, đều tận cùng biên tế, cớ sao không biết nhàm đủ?" Phật bảo Tỳ-kheo: "Quả báo công đức rất sâu, không có ai như Ta biết phần ân công đức. Ta tuy đã tận cùng biên tế công đức, mà vốn vì Tâm ta ham muốn không nhàm đủ nên được thành Phật, thế nên nay vẫn ham không ngừng. Tuy không có tướng công đức khả đắc, mà tâm ham muốn của Ta cũng không dừng."

Chư thiên, người đời kinh ngạc, tỉnh ngộ, Phật đối với công đức còn không biết nhàm đủ, huống gì người khác.

Phật nói pháp cho Tỳ-kheo ấy, bấy giờ mắt thịt sáng ra, tuệ nhãn được thành tựu.

Hỏi: Như Phật tướng, đã dứt ham muốn đối với hết thảy thiện pháp, cớ sao nay nói ham muốn không giảm?

Đáp: Nói dứt ham muốn đối với hết thảy thiện pháp là chưa được muốn được, được rồi muốn tăng ích, Phật không có ham muốn như vậy, hết thảy công đức Phật đã đầy đủ, không có công đức gì không được, cũng không tăng ích. Nay nói ham muốn là như trước nói, Phật tuy có đủ hết thảy công đức mà tâm ham muốn công đức cũng không thôi; ví như ngựa báu, tuy đi đến nơi mà tâm ham muốn đi không ngừng, đến chết không bỏ. Phật bảo cũng như vậy.

Lại nữa lửa lớn lúc kiếp tận, đốt cháy hết tam thiên đại thiên thế giới, mà thế lửa vẫn không ngừng, lửa trí tuệ của Phật cũng như vậy, đốt cháy hết phiền não, chiếu rõ các pháp rồi mà lòng ham muốn tương ưng với trí tuệ vẫn không tận.

Lại nữa, Phật đầy đủ hết thảy công đức thiện pháp, mà chúng sanh chưa độ hết, nên tâm muốn độ không ngừng nghỉ.

Hỏi: Nếu Phật muốn độ chúng sanh chưa ngừng nghỉ, cớ sao Ngài vào Niết-bàn?

Đáp: Độ chúng sanh có hai lối: hoặc có người hiện tiền đắc độ, hoặc có người sau khi Phật Niết-bàn đắc độ. Như trong kinh Pháp Hoa nói: Thầy thuốc chế thuốc đưa cho các đứa con, các con bỏ không dùng, vì thế nên vào Niết-bàn.

Lại nữa, có chúng sanh căn độn đức mỏng, không thành đại sự được, chỉ có thể gieo nhân duyên phước đức, vì thế nên vào Niết-bàn.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ, cũng có người chứng được A-la-hán, cớ sao nói chỉ có thể gieo nhân duyên phước đức?

Đáp: Tuy có người chứng được A-la-hán, nhưng ít nên không nói. Như lúc Phật còn ở đời, một lần thuyết pháp, có vô số chúng sanh trong mười phương đắc đạo, sao khi Phật diệt độ thì không như vậy, ví như nước lớn đi chinh phạt, tuy được chút ít thì không gọi là được. Vậy nên, tuy chúng sanh chưa độ hết, mà Phật vào Niết-bàn.

Lại nữa, trong kinh Đại thừa Thủ-lăng-nghiêm nói: Phật ở thế giới trang nghiêm, sống lâu bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp, độ thốt chúng sanh. Do vậy nên nói Phật có ham muốn không giảm.

Tinh tấn không giảm: Như nói nghĩa ham muốn ở trong phần nói về dục không giảm ở trên, chính là tinh tấn.

Hỏi: Nếu như vậy thì không có mười tám pháp không chung. Lại

nữa, dục và tinh tấn là hai tâm số khác nhau, cớ sao nói dục chính là tinh tấn?

Đáp: Dục là mới khởi hành, dục tăng trưởng gọi là tinh tấn. Như Phật nói: hết thảy pháp, dục là căn bản. Dục như người khát muốn được uống, tinh tấn như nhân duyên phương tiện, tìm cầu được uống. Dục là tâm muốn được, tinh tấn là thành được việc ấy. Dục thuộc ý nghiệp, tinh tấn thuộc ba nghiệp. Dục là trong, tinh tấn là ngoài. Sai khác nhau như vậy.

Lại nữa, tinh tấn là điều chư Phật ưa, như đức Thích-ca Mâu-ni Phật do sức tinh tấn mà vượt được chín kiếp, mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, như nói một lần Phật bảo A-nan: "Ông hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, Ta đau lưng tạm nghỉ một lát." Rồi Thế Tôn gấp y Uất-đa-la-tăng thành bốn lớp trải dưới, lấy y Tăng-già-lê gối đầu nằm. Khi ấy A-nan thuyết về ý nghĩa bảy giác phần, đến tinh tấn giác phần, Phật nghe bỗng ngồi dậy nói với A-nan: "Ông tán thán tinh tấn ư?" A-nan thưa: "Tán thán!" Như vậy nói ba lần.

Phật khen: "Lành thay! Lành thay! Khéo tu tinh tấn, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn chứng được, huống gì đạo quả khác!" Do nghĩa ấy, Phật tinh tấn không giảm. Lúc bệnh còn không nghỉ, huống là không bệnh.

Lại nữa, Phật vì độ chúng sanh nên bỏ cái vui trong thiền định thậm thâm, dùng các loại thân, các loại ngữ ngôn, các loại phương tiện để độ thoát chúng sanh, có khi đi qua đường hiểm ác, có khi ăn đồ ăn xấu, có khi chịu lạnh, nóng, có khi gặp kẻ tà kiến nạn vấn, miệng dữ mắng nhiếc, vẫn nhẫn chịu không chán. Phật, Thế Tôn tuy đã tự tại đối với các pháp, mà hành việc ấy không giải đãi, như Phật độ chúng sanh xong, ở giữa rừng Sa-la nằm dưới cây song thọ. Phạm-chí Tu-bạt-đà-la nói với A-nan: "Tôi nghe đấng Nhất thiết trí, sẽ Niết-bàn đêm nay, tôi muốn gặp Phật." A-nan ngăn lại nói: "Phật thuyết pháp cho mọi người, đang mệt lắm."

Phật từ xa nghe tiếng bảo: "A-nan để cho ông Tu-bạt-đà vào, đây là đệ tử cuối cùng của Ta."

Tu-bạt-đa được vào, hỏi Phật chỗ nghi, Phật theo ý thuyết pháp, Tu-bạt-đà dứt nghi, được đạo, nhập Vô dư Niết-bàn trước Phật.

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Thế Tôn rất là hy hữu, cho đến cuối cùng còn thương xót Phạm-chí ngoại đạo, mà cùng nói năng.

Phật dạy: Ta chẳng phải chỉ đời này lúc cuối cùng còn hóa độ, mà

đời trước khi chưa đắc đạo, lúc cuối cùng cũng hóa độ. Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ, có rừng cây lớn, có nhiều cầm thú, lửa nội đến đốt cháy, ba phía lửa đỏ, chỉ còn một phía mà lại cách một dòng nước, cầm thú cùng quẫn bức bách, không nơi chạy trốn. Ta lúc bấy giờ là con nai thân to sức mạnh, lấy chân trước gác qua một bờ, chân sau chống một bờ, khiến các cầm thú đạp trên lưng mà đi qua, da thịt ta rã hết, vì sức từ bi nên nhẫn chịu cho đến chết, sau chót một con thỏ đi đến, khí lực Ta đã kiệt, tự gắng nỗ lực, khiến nó qua được, qua xong, lưng Ta gãy, rồi xuống nước mà chết. Việc như vậy có từ lâu, chứ chẳng phải chỉ có ngày nay. Những con thú qua trước là các đệ tử hiện nay, còn con thỏ qua cuối cùng là Tu-bạt-đà vậy.

Phật đời đời vui tinh tấn nay vẫn không ngừng, do vậy nên nói tinh tấn không giảm.

Niệm không giảm: Hết thảy trí tuệ tương ưng với pháp của chư Phật ba đời, nên niệm đầy đủ không giảm.

Hỏi: Trước đã nói niệm không lỗi, nay lại nói niệm không giảm. Niệm không lỗi, niệm không giảm là một hay khác? Nếu một thì sao nay còn nói lại, nếu khác thì khác thế nào?

Đáp: Thất niệm là sai lầm, giảm niệm là chẳng kịp. Thất niệm là sai lầm trong các oai nghi cúi ngước đi lại, niệm không giảm là trú trong thiền định thần thông, niệm quá khứ, hiện tại, thông suốt không chướng ngại.

Hỏi: Cớ sao niệm không giảm chỉ riêng Phật có?

Đáp: Thanh văn, Bích-chi Phật, khéo tu Bốn niệm xứ nên niệm được kiên cố, niệm tuy kiên cố nhưng cũng còn giảm thiểu, chướng ngại không thông suốt, như trong đoạn trí lực túc mạng nói: Thanh văn, Bích-chi Phật, niệm về túc mạng thật nhiều trong tám vạn kiếp, đối với rộng lớn thì có giảm, cũng như đối với người kiến đế đạo, không thể mỗi niệm phân biệt, còn Phật ở trong mỗi niệm đều phân biệt rõ ba tướng. Tâm Phật không có một pháp nào đi qua mà không nghĩ nhớ, vì vậy nên chỉ riêng Phật có niệm không giảm.

Lại nữa, trí lực túc mạng theo niệm mà biết, Phật đối với việc ấy có lực, Thanh văn, Bích-chi Phật còn không có niệm lực ấy huống gì người khác!

Lại nữa, Phật do có Nhất thiết trí vô ngại giải thốt thủ hộ niệm, cho nên niệm không giảm. Do các nhân duyên như vậy, Phật có niệm không giảm.

Tuệ không giảm: Phật được hết thảy trí tuệ nên tuệ không giảm. Trí

tuệ ba đời vô ngại nên tuệ không giảm.

Lại nữa, Mười lực, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại thành tựu, nên niệm không giảm.

Lại nữa, ví như dầu đầy, tim đèn tốt, thì ánh sáng mạnh tỏ, Phật cũng như vậy, dầu thiền định, các Tam-muội như tam-muội vương v.v…, tim đèn niệm trong sạch không giảm, nên ánh sáng trí tuệ vô lượng không giảm.

Lại nữa, từ sơ phát tâm trong vô lượng, vô số kiếp chứa nhóm hết thảy trí tuệ, thâm tâm vì pháp, đầu mắt tủy não, bỏ hết vật sở hữu trong ngoài mà bố thí, nhảy vào lửa, gieo xuống núi, lột da cắt thân, như vậy không có khổ gì không nhẫn chịu, nhất tâm vì chứa nhóm trí tuệ nên tuệ không giảm.

Lại nữa, trí tuệ của Phật nhờ hết thảy công đức trì giới, thiền định giúp thành, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, đời đời tìm hết thảy kinh sách, pháp đời, pháp Phật, thô tế, thiện bất thiện đều học biết hết, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, từ chỗ mười phương vô lượng chư Phật, nghe pháp, tụng đọc, tư duy, tu tập, vấn nạn, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, vì hết thảy chúng sanh, vì tăng ích hết thảy thiện pháp, phá hết thảy vô minh, nên tuệ không giảm.

Lại nữa, trí tuệ ấy thật biết tướng các pháp không sanh không diệt, không sạch, không nhơ, không tác, không hành, không phân biệt là trí chẳng phải trí, biết các pháp nhất tướng bình đẳng, thanh tịnh như hư không, không nhiễm, không trước, không dùng hai pháp, nên được pháp tướng bất nhị nhập. Pháp tướng bất nhị nhập vô lượng vô biên, thế nên tuệ không giảm. Các nhân duyên như vậy, tuệ không giảm.

Giải thốt không giảm: Giải thốt có hai: hữu vi giải thốt và vô vi giải thốt. Hữu vi giải thốt là giải thốt tương ưng với trí tuệ vô lậu. Vô vi là giải thốt là hết thảy tập khí phiền não đều dứt hết không còn. Phật đối với hai giải thốt không giảm. Vì cớ sao? Vì Thanh văn, Bích-chi Phật trí tuệ không lớn, không nhạy bén, phiền não không dứt hết, nên trí tuệ có giảm, còn Phật trí tuệ nhạy bén đệ nhất, tập khí phiền não dứt sạch vĩnh viễn không còn, cho nên giải thốt không giảm.

Lại nữa, như trong đoạn lậu tận lực nói, giải thốt của Phật và Thanh văn, có khác nhau. Phật được lực lậu tận nên giải thốt không giảm, nhị thừa không có lực ấy nên giải thốt có giảm.

Giải thốt tri kiến không giảm: Phật đối với các giải thốt, trí tuệ thanh tịnh vô biên vô lượng, gọi là giải thốt tri kiến không giảm.

Hỏi: Phật đối với hết thảy pháp không giảm, cớ sao chỉ trong sáu việc không giảm?

Đáp: Đối với hết thảy việc tự lợi, lợi tha, bốn việc có thể làm cho đầy đủ: Dục cội gốc của việc mong cầu hết thảy thiện pháp. Tinh tấn khả năng thật hành. Niệm khả năng thủ hộ, như người giữ cửa, người thiện cho vào, người ác ngăn lại. Tuệ soi hết thảy pháp môn, dứt hết thảy phiền não. Dùng bốn pháp ấy, việc được thành tựu.

Quả báo của bốn pháp ấy có hai:

1. Giải thốt.
2. Giải thốt tri kiến.

Nghĩa giải thốt như trước đã nói. Còn nghĩa giải thốt tri kiến là dùng giải thốt tri kiến ấy biết hai tướng giải thốt ấy là hữu vi và vô vi giải thốt.

Biết các tướng giải thốt, đó là thời giải thốt, bất thời giải thốt, tuệ giải thốt, câu giải thốt, hoại giải thốt, bất hoại giải thốt, tám giải thốt, bất khả tư nghị giải thốt, vô ngại giải thốt... Phân biệt các tướng giải thốt bền chắc không bền chắc, ấy gọi là giải thốt tri kiến không giảm. Như trong đoạn nói về niệm Phật, Phật thành tựu năm vô lậu uẩn, giải thốt tri kiến uẩn, trong đây đã có nói rộng.

Hỏi: Giải thốt tri kiến, chỉ nói biết, sao còn nói kiến?

Đáp: Nói biết, nói kiến, sự được bền chắc; ví như hai giây hiệp làm một thời bền chắc.

Lại nữa, nếu chỉ nói biết, thì không thu nhiếp hết thảy tuệ, như Luận tạng nói, Tuệ có ba thứ: có thứ biết chẳng phải thấy, có thứ thấy chẳng phải biết, có thứ cũng thấy cũng biết. Biết chẳng thấy là tận trí, vô sanh trí, trí tương ưng năm thức. Thấy chẳng phải biết là Tám nhẫn (Khổ pháp nhẫn, tập pháp nhẫn, diệt pháp nhẫn, đạo pháp nhẫn, khổ loại nhẫn, tập loại nhẫn, diệt loại nhẫn, đạo loại nhẫn – N.D chú), thế gian chánh kiến, năm tà kiến. Cũng biết cũng thấy là các tuệ còn lại. Nếu nói biết thì không bao gồm thấy, nếu nói thấy thì không thu nhiếp biết, vì vậy nói tri kiến thì đầy đủ.

Lại nữa, như tụng đọc, phân biệt, trù lượng theo người gọi là biết, tự mình chứng được gọi là thấy, ví như tai nghe việc ấy, vẫn còn hồ nghi, ấy là biết, chính tự mắt thấy, rõ ràng không nghi, ấy là thấy. Biết và thấy đối với giải thốt cũng sai khác như vậy.

Lại nữa, có người nói: A-la-hán còn nghi đối với giải thốt của chính mình, không thể tự biết rõ là A-la-hán hay chẳng phải là A-la-hán. Phật vì phá tà kiến ấy nên nói các thánh nhân đối với giải thốt cũng biết

cũng thấy. Các A-la-hán tuy được giải thốt tri kiến, mà giải thốt trí kiến có giảm vì không được Nhất thiết trí, vì không thành tựu trí tuệ căn thượng thượng, vì không phân biệt được biệt tướng các pháp khi sanh khi diệt trong mỗi niệm; còn Phật thành tựu trí tuệ căn thượng thượng, biết biệt tướng các pháp sanh diệt trong mỗi niệm, nên giải thốt tri kiến không giảm.

Lại nữa, thành tựu đầy đủ pháp nhãn thanh tịnh như đã nói ở trong nghĩa pháp nhãn. Biết chúng sanh ấy do cửa Không giải thốt vào Niết-bàn, chúng sanh do cửa Vô tướng giải thốt vào Niết-bàn, chúng sanh ấy do cửa Vô tác giải thốt vào Niết-bàn; biết chúng sanh ấy do cửa Quán năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, do các pháp môn như vậy được giải thốt.

Phật đối với giải thốt tri kiến biết hết biết khắp, thế nên nói. Phật giải thốt tri kiến không giảm.

Hết thảy thân nghiệp, hết thảy khẩu nghiệp, hết thảy ý nghiệp, hành theo trí tuệ: Phật hết thảy thân, khẩu, ý nghiệp trước biết rồi sau theo chỗ biết mà hành. Thân, khẩu, ý nghiệp của chư Phật, mọi hành động đều lợi ích chúng sanh, cho nên gọi là trước biết rồi sau theo trí tuệ mà hành. Như trong Kinh nói: chư Phật cho đến thở vào thở ra còn lợi ích chúng sanh, huống gì thân, khẩu, ý nghiệp cố làm mà không lợi ích? Các chúng sanh oán ác nghe hương khí hôi thở ra vào của Phật, đều được tín tâm thanh tịnh, ưa vui nơi Phật: chư thiên nghe hương khí hôi thở của Phật cũng đều bỏ năm dục, mà phát tâm tu thiện. Do vậy, nói thân, khẩu, ý nghiệp hành theo trí tuệ. Thanh văn, Bích-chi Phật không có việc ấy. Tâm cố làm thiện rồi sau thân, khẩu nghiệp mới thiện, mà ý nghiệp có khi vô ký, không theo trí tuệ mà tự sanh, huống gì người khác, như Tỳ-kheo Kiều-phạm-ba-đề tuy chứng được A-la-hán mà tự nhã đồ ăn rồi nhai lại; nghiệp ấy không theo trí tuệ.

Lại như Tỳ-kheo A-la-hán Ma-đầu Ba-tư-đà nhảy trên xà nhà, gác, trên vách, cây.

Lại như Tỳ-kheo Tất-lăng-già-bà-ta mắng nữ thần sông Hằng rằng "Con bé". Như vậy là thân khẩu nghiệp trước không có trí tuệ cũng không theo trí tuệ mà hành. Phật không có việc ấy.

Hỏi: Nếu như vậy sao Phật có khi thân khẩu nghiệp in tuồng không theo trí tuệ hành. Vì sao? Vì như khi Phật vào trong chúng ngoại đạo thuyết pháp mà họ đều không tín thọ?

Lại có lần Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp, bày ngực cho Ni-kiền-tử thấy? Lại vì một người nghi không thấy hai tướng mà Phật ở

giữa đại chúng bày tướng lưỡi và tướng âm tàng? Lại mắng các đệ tử, các ngươi là người ngu cuồng mắng Đề-bà-đạt-đa ngươi là người cuồng, người chết, người nhổ mửa! Phật kết giới không cho phép giữ tám thứ bình bát, chỉ cho Tỳ-kheo dùng hai thứ bình bát hoặc bằng sành hoặc bằng thiết, mà Phật lại tự dùng bát đá? Có khi ngoại đạo nạn vấn, Phật im lặng không trả lời?

Lại Phật ở chỗ này nói hữu ngã, chỗ kia nói vô ngã; chỗ này nói các pháp có, chỗ kia nói các pháp không. Như vậy thân khẩu nghiệp của Phật in tuồng không theo trí tuệ mà hành. Thân khẩu nghiệp không lìa ý nghiệp, ý nghiệp cũng phải có khi không theo trí tuệ hành, vậy cớ sao nói Phật thường theo trí tuệ hành?

Đáp: Nói như vậy không đúng. Đối với các việc ấy đều trước có trí tuệ, rồi sau các nghiệp theo trí tuệ mà hành. Vì cớ sao? Vì Phật vào giữa chúng ngoại đạo, tuy biết đời này họ không tin không thọ, mà vì để gieo nhân duyên lớn cho đời sau. Lại để ngăn ngoại đạo phỉ báng nói Phật tự cao mạng, vì vậy Phật tự đi vào trong chúng đó. Lại ngoại đạo nói: Phật tự nói có tâm đại bi tế độ khắp tất cả, mà chỉ vì bốn chúng thuyết pháp, còn chúng ta đây cũng là người xuất gia cầu đạo mà không thuyết cho! Lại như trong kinh Bát-nhã này nói: Phật đi đến giữa chúng ngoại đạo thuyết pháp, họ không nói là không tín thọ. Phật từ xa trông thấy ngoại đạo đại hội, lớn tiếng luận nghị, định đến nôi khác, lại quay trở lại đi vào đây. Các luận nghị sư từ xa thấy Phật đi đến, tự mình nói với nhau rằng: "Các ngươi hãy im lặng! Phật là người ưa tịch tịnh, thấy các người im lặng, Ngài có thể đến đây".

Cả chúng liền im lặng. Phật đi vào giữa chúng ấy thuyết ba đế cho Bà-la-môn, chúng ngoại đạo đều im lặng. Phật nghĩ rằng bọn người cuồng bị ác ma che lấp, pháp này vi diệu, mà cho đến không có một người làm đệ tử. Nghĩ vậy, rồi từ tòa đứng dậy đi, những người ấy thốt khỏi ma che, liền tự nghĩ: "Chúng ta được nghe pháp mầu, tại sao không lấy làm tự lợi", liền cùng đi đến chỗ Phật, làm đệ tử Phật, đắc đạo, lìa khổ.

Lại nữa, đệ tử ngoại đạo lo sợ thầy họ, nên không dám đến Phật, cho nên Phật tự đi vào giữa chúng ấy thuyết pháp, họ được nghe pháp tin thọ kiên cố, không còn lo sợ thầy họ, lại được làm đệ tử Phật, hoặc đắc dấu đạo. Có các nhân duyên trí tuệ như vậy, nên đi vào chúng ngoại đạo.

Lại nữa, Tát-giá-kỳ-ni-kiền-tử lấy lá đồng bịt bụng, tự thề rằng: không có người nào bị ta nạn vấn mà không tốt mồ hôi bại hoại. Voi

lớn cho đến cỏ cây sành đá, nghe tiếng nạn vấn của ta cũng đều toát mồ hôi! Thề như vậy rồi đi đến chỗ Phật; luận nghị với Phật. Phật gạn hỏi, đều không đáp được, mồ hôi đổ xuống đất, cả mình như ngâm. Phật bảo Ni-kiền, trước ông thề rằng, không người nào nghe ta nạn vấn mà không đổ mồ hôi, nay chính ông đổ mồ hôi xuống đất. Ông thử xem Phật, thấy có mồ hôi chăng? Khi ấy Phật cởi y Uất-đa-la-tăng chỉ cho ông và hỏi: Mồ hôi chỗ nào?

Lại nữa, có người nói, hoặc có người đầu đổ mồ hôi thân không đổ mồ hôi, Phật tuy đầu không đổ mồ hôi mà thân chắc có mồ hôi, vì vậy Phật cỡi y Uất-đa-la-tăng bày thân ra, nhân đó ngoại đạo rất tin tướng Phật, đều vào trong Phật pháp, ấy là nhân duyên trí tuệ, thân nghiệp hành theo.

Phật bày tướng lưỡi, tướng âm tàng là vì có người nghi hai tướng ấy nơi thân Phật, mà người ấy là người có thể đắc đạo, chỉ vì nghi nên không đắc, vì vậy Phật bày hai tướng cho thấy. Lè lưỡi ra phủ cả mặt, lưỡi tuy lớn mà trở vào trong miệng cũng không chướng ngại , người ấy thấy rồi hết nghi. Có người thấy tướng lưỡi lè ra, hoặc sanh tâm khinh mạn, lè lưỡi như con nít, khi thấy lưỡi trở vào miệng mà thuyết pháp không bị trở ngại, liền khởi tâm cung kính, khen chưa từng có.

Có người nghi tướng âm tàng của Phật không hiện. Bấy giờ Thế Tôn hóa làm voi báu, ngựa báu; có tướng âm tàng, chỉ cho thấy và nói: tướng âm tàng của Phật không hiện, cũng giống như vậy. Có người nói, Phật bày tướng âm tàng, chỉ cho một người thấy để dứt nghi của họ. Các luận nghị sư nói: Phật có tâm đại từ bi, nếu có người do thấy tướng âm tàng của Phật mà có thể chứa nhóm thiện căn, phát tâm đại Bồ-đề và sanh tâm rất vui mừng tín kỉnh, thì Phật đều làm cho được thấy, dứt nghi tâm của họ, ngoài ra không ai được thấy!

Phật vì tâm đại bi độ chúng sanh nên đối ba hạng người trên tạm bày ra cho họ thấy nhanh như điển chớp, các chúng sanh ấy thấy rồi, tin Phật có tâm đại bi, chứ Phật đối với giới pháp Phật không thủ không đắm trước. Do nhân duyên như vậy nên hiện bày hai tướng, chứ chẳng phải đùa cợt, chẳng phải không biết hổ.

Phật nói lời gay gắt với các Tỳ-kheo: "Các ông là người ngu cuồng". Lời gay gắt có hai loại: 1. Tâm ô cấu sân giận mắng nhiếc. 2. Vì thương xót chúng sanh muốn giáo hóa.

Người ly dục còn không có tâm ô cấu sân giận mắng nhiếc, huống gì Phật! Phật vì thương xót giáo hóa nên nói lời gay gắt. Có chúng sanh nghe lời giáo huấn êm dịu hiền lành không đưa vào khuôn phép đạo

được, phải nói lời gay gắt thô kịch mới đưa vào đạo được. Như ngựa hay thấy bóng roi liền chạy, còn lừa ngu phải quất đau mới đi; cũng như có thứ ghẻ được thuốc êm dịu, phun thoa liền lành, có thứ ghẻ phải lấy dao xẻ lấy thịt thúi ra, xức thuốc dữ mới lành.

Lại nữa, lời gay gắt có năm:

1. Nói thêu dệt.
2. Miệng nói dữ và cũng thêu dệt.
3. Miệng nói dữ và cũng thêu dệt, vọng ngữ.
4. Miệng nói dữ, cũng thêu dệt, vọng nữ, hai lưỡi.
5. Tâm không phiền não mà nói lời gay gắt để giáo hóa đệ tử, phân biệt điều thiện bất thiện, kéo chúng sanh ra khỏi đất khổ nạn.

Đủ bốn thứ ác ngữ tội rất nặng. Ác ngữ thứ ba, hai, một tội nhỏ nhẹ lần. Hàng cư sĩ đệ tử Phật chứng đắc đạo quả thứ nhất, thứ nhì sai khiến nô tỳ với lời nói ác, chẳng phải là đạo bất thiện.

Nhiếp luật nghi có hai thứ: hoặc nói thêu dệt, hoặc nói ác và thêu dệt. A-na-hàm, A-la-hán, không có phiền não khởi lời nói ác, chỉ do tịnh tâm, cần nói ác để giáo hóa nên nói ác và nói thêu dệt. A-na-hàm, A-la-hán còn không có phiền não khởi lời ác huống gì Phật.

Lại nữa, nếu Phật có lời nói gay gắt, không nên nghi, không nên nạn vấn cho là Phật có ác tâm phát ra lời nói gay gắt. Vì cớ sao? Vì ác tâm Phật đã dứt lâu rồi, chỉ vì thân tâm nghĩ tới chúng sanh như cha lành dạy con, tuy có lời gay gắt, cũng vì chỉ thành tựu cho con, chẳng phải là ác tâm. Lúc Phật còn là Bồ-tát, ba độc chưa hết, làm tiên nhân tên là Sằn-đề bị vua ác cắt tai, mũi, tay, chân mà không sanh tâm ác, không nói lời ác. Bấy giờ chưa đắc đạo, còn không có ác tâm, huống gì khi được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ba độc đã hết, đầy đủ tâm đại từ bi đối với chúng sanh, sao được nghi Phật có ác tâm, nói lời gay gắt. Lại nữa, nếu Phật nói ngươi là người ngu cuồng, thì ấy là lời êm dịu, lời nói thật. Vì sao? Vì ba độc phát sanh gọi là ngu cuồng, lại đem việc lành làm lợi ích cho mà không chịu, không hiểu ý Phật, không lãnh thọ lời Phật, ấy là ngu cuồng.

Lại nữa, Phật bên trong thường hành trí tuệ vô ngã, bên ngoài thường quán các pháp không, như vậy thì làm sao có ác khẩu? Đó chỉ do chúng sanh không hiểu tâm Phật, nên tìm chỗ dỡ nơi lời nói của Phật, nếu chúng sanh hiểu Phật lấy thâm tâm thương xót, thì giả sử Phật khiến nhảy vào lửa lớn liền hoan hỷ nhảy vào, như người bị nóng bức nhảy vào ao nước mát, huống gì Phật chỉ nói mà không chịu lãnh thọ. Chúng sanh bị ác ma che lấp không biết, nên Phật đem thâm tâm nghĩ tới, mà không

lãnh thọ lời Phật. Vì vậy, Phật nói ngươi là người ngu cuồng.

Lại nữa, có người nghe lời nói gay gắt thì vui mừng nói: "Vì thương ta nên nói như vậy." Vì vậy, Phật nói ngươi là người ngu cuồng.

Phật nói: Đề-bà-đạt ngươi là người cuồng, người chết, người súc nhổ. Người cuồng là vì Đề-bà-đạt tội nặng sẽ sa vào địa ngục A-tỳ, cho nên nói ba lời gay gắt. Người chết là tợ như người mà không thể chứa nhóm các điều thiện. Cũng vì Đề-bà-đạt cạo đầu mặc áo pháp, tợ như Thánh nhân, mà bên trong không có tuệ mạng, nên gọi là người chết. Như người chết được trang sức đủ thứ mà dần dần tiêu hoại, không thể làm cho sống được, Đề-bà-đạt cũng như vậy. Phật ngày ngày giáo hóa cho đủ cách mà ác tâm càng mạnh, pháp ác bất thiện ngày càng tăng, cho đến gây ba tội nghịch, vì vậy nên gọi là người chết. Người súc nhổ là vì Đề-bà-đạt tham lợi dưỡng mà hóa làm đứa trẻ nít thân trời, ở trong tay ôm của vua A-xà-thế, vua than miệng ông thúi, nên nhổ nước miếng bảo súc miệng. Vì vậy gọi là người súc nhổ.

Hỏi: Đề-bà-đạt đã được thiền định, đã lìa dục, cớ sao còn súc miệng bằng nước miếng của người khác?

Đáp: Người ấy ác tâm cũng sâu, căn kia cũng nhạy bén, lìa dục cho nên có thể biến hóa, khi súc nước miếng liền mất, vì căn nhạy bén nên khi tìm lại liền được, vì vậy nên gọi là người súc nhổ. Nghĩa cuồng như đoạn trước đã nói.

Lại nữa, vì Đề-bà-đạt bạch Phật: "Phật đã già yếu, thường ưa nhàn tịnh, Ngài có thể vào rừng tự vui, Tăng chúng có thể giao cho tôi". Phật nói: "Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... có trí tuệ lớn, là người hiền thiện, nhu hòa, thanh tịnh, Ta còn không cho nhiếp Tăng, huống gì ngươi là người cuồng, người chết, người súc nhổ".

Có các nhân duyên như vậy, Phật đối với các pháp tuy không nhiễm trước mà vì giáo hóa nên nói lời gay gắt.

Phật không cho Tỳ-kheo dùng tám thứ bình bát: Những bát châu báu vàng, bạc... vì vật báu bị người tham, khó kiếm được, sanh tham đắm, nên không cho cất giữ bảo vật đó, cho đến không được lấy tay cầm, cũng không được cất giữ các danh bảo, nếu có làm phép tịnh thí, thì được dùng, vì giá trị không còn quí. Bát gỗ dùng dễ sanh cấu bẩn, bất tịnh nên không cho dùng. Ba thứ bát khác (sành, thiết, đá) không có các việc như vậy.

Hỏi: Bát sành, thiếc cũng dễ bị cấu bẩn không khác bát gỗ, tại sao cho phép dùng?

Đáp: Bát sành, thiếc, nếu không hun khói cũng không được phép

dùng, do hun khói nên không bị cấu bẩn. Bát đá có thô, tế. Đá mịn láng cũng không bị cấu bẩn cho nên Thế Tôn tự dùng, nhưng Phật không cho Tỳ-kheo dùng vì nó nặng, sức của Phật hơn vạn voi trắng, nên không cho là nặng. Vì thương các Tỳ-kheo nên không cho phép dùng.

Hỏi: Thị giả La-đà, Du-thiện-ca, Tu-na-sát-la-đa, Na-già-ta-bà-la, A-nan... thường hầu Phật bưng bình bát, cớ sao Phật không thương xót?

Đáp: Các thị giả tuy bưng bát của Phật, song vì oai đức của Phật và vì tâm cung kính tôn trọng Phật, nên không biết nặng. Lại, thân lực A-nan cũng to lớn.

Lại nữa, vì bát đá mịn láng khó kiếm được, còn thô xám thì bị dính cấu bẩn, nên không cho phép dùng.

Bát đá của Phật tự nhiên sanh ở bốn chót núi của bốn vua trời, các người khác không có bát tự nhiên ấy, nếu tìm cho có để làm rất khó, bị trở ngại mất công nhiều, nên Phật không cho phép dùng.

Lại muốn cho bát của Phật khác với đệ tử, nên Phật dùng bát đá.

Lại như quốc vương, được mọi người tôn trọng, thì đồ dùng để ăn cũng khác. Có người thấy bát của Phật khác với bát người khác, càng thêm tôn trọng cúng dường, sanh tín tâm thanh tịnh.

Hỏi: Nếu bình bát đã phải khác cớ sao y lại đồng?

Đáp: Y của Phật cũng khác. Khi Phật mới thành đạo, biết y của Phật Ca-diếp, thích hợp với Phật mang. Y của Phật Ca-diếp giá trị mười vạn lượng vàng. Sau đó lương y Kỳ-vức (Jivaka) dâng cho Phật cái y Thâm-ma-căn-kiết-bá cũng giá trị mười vạn lượng vàng. Phật dạy A-nan đem y ấy cắt may thành y Tăng-già-lê. May xong Phật nhận mang, ấy là khác.

Hỏi: Phật nhân đó bảo các Tỳ-kheo, từ nay có vị Tỳ-kheo nào nhất tâm cầu Niết-bàn, trái bỏ thế gian, nếu muốn mặc y giá trị mười vạn lượng vàng cũng cho phép, ăn đồ ăn trăm vị, mặc y khác, sau cho phép, sao riêng bình bát không cho phép?

Đáp: Trước tôi đã nói nhân duyên về bát đá, nay nói thêm: Bát của Phật không thọ nhận từ người. Khi Phật mới thành đạo, muốn ăn, cần đồ đựng, bốn vua trời biết tâm niệm Phật, đem bốn bình bát dâng Phật. Phép của Phật ba đời đều dùng bình bát của bốn vua trời, lúc bấy giờ chưa có chúng tăng, làm sao nói cho phép, về sau nếu cho phép, lại không ai cúng cho bát đá. Lại cõi Diêm-phù-đề không ưa bát đá, cho nên không ai cúng cho.

Lại nữa, Phật dạy Tỳ-kheo thường nên che giấu công đức, nếu thọ nhận bát đá, người đời sẽ nói bát ấy từ trời rồng mà có được, nếu bảo

người làm thì công phu quá khó. Lại sợ người ta nói Tỳ-kheo này muốn ngang công với Phật, vì vậy Phật không cho phép. Còn y, hoặc có người nói Phật ở giữa Tăng thọ nhận y tốt của đàn-việt để mặc riêng mà không cho Tỳ-kheo mặc, vì vậy Phật cho phép mặc. Nhưng Tỳ-kheo cũng tự không mặc, vì người thí khó có nên người mặc khó được. Nếu Tỳ-kheo không thanh tịnh thì người ta không cúng, nếu Tỳ-kheo thanh tịnh thì ít muốn, biết đủ, nên không mặc. Phật dứt nghi hoặc của người, nên cho phép mặc y, còn đối bình bát thì không có mong, nên không cho phép dùng.

Hỏi: Như trong kinh nói: Thân Phật là thân Kim cang, không nhờ cậy ăn, thì cần gì giữ bát?

Đáp: Phật pháp có hai đạo: 1. Thanh văn đạo. 2. Phật đạo.

Theo pháp Thanh văn, Phật tùy theo cách thức thường lệ của con người có sự ăn dùng, còn theo pháp Đại thừa, phương tiện vì người, nên thị hiện có ăn, mà kỳ thật không ăn.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Phật muốn độ người nên thị hiện làm theo cách thức con người, nếu không như vậy, người ta sẽ nói: Phật chẳng phải người, chúng ta làm sao thực hành được pháp của Phật.

Lại nữa, có người nhân bố thí mà đắc độ, vì hạng người ấy nên Phật thọ nhận đồ ăn của họ, họ liền nghĩ rằng: Đồ ăn của chúng ta giúp ích thân Phật, nên tâm họ rất hoan hỷ, do tâm hoan hỷ mà tín thọ lời Phật dạy, như đại quốc vương được hạ thần mời ăn, vua tuy không cần, nhưng vì thâu nhiếp người ấy mà ăn ít nhiều, để cho họ hoan hỷ. Do các nhân duyên như vậy, Phật thị hiện thọ thực.

Hỏi: Nếu Phật không ăn thì vật Phật lãnh thọ để ở chỗ nào?

Đáp: Phật sự bất khả tư nghì, không nên hỏi.

Lại nữa, có người được đồ ăn của Phật mà đắc độ, có Thanh văn thấy sắc, chạm thân, nghe hương mà đắc độ. Người cần đồ ăn mà đắc độ thì Phật lấy đồ ăn cho. Như trong kinh Mật Tích Kim cang nói: Phật lấy đồ ăn để trong miệng, đưa cho vị trời cầu Phật đạo, đem đến mười phương thí.

Hỏi: Nếu như vậy, trong đoạn nói về Niệm Tăng trước kia đã nói, đồ ăn của Phật không có chúng sanh nào có thể ăn, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Phật không cho thì không ai có thể ăn, nay Phật cho nên được ăn. Vì sao biết? Khi Phật ăn mã mạch, đưa đồ ăn cho A-nan, có Sa-môn Nhị-thập-ức dâng canh ngon cho Phật, Phật lấy canh thừa cho vua Tần-bà-ta-la, do vậy nên biết Phật thọ dụng rồi đem cho thì được ăn, không

cho thì không thể tiêu hóa được.

Lại nữa, vì Phật mà thiết đặt đồ ăn, Phật chưa ăn, người khác ăn không tiêu hóa được, đồ ăn thừa Phật cho ăn thì tiêu hóa được. Vì vậy, nên tuy thật Phật không ăn, mà vì độ người, nên thị hiện thọ thực, cất bình bát.

Phật không đáp mười bốn nạn vấn: Phật có bốn cách đáp: 1. Đáp bằng cách quyết định chắc chắn. 2. Đáp bằng cách phân biệt nghĩa lý rõ ràng. 3. Đáp bằng cách hỏi ngược lại. 4. Đáp bằng cách bỏ qua. Mười bốn nạn vấn ấy, đúng phép nên đáp bằng cách bỏ qua.

Lại nếu có việc lợi ích thì đáp. Ngoại đạo hỏi không phải vì Niết-bàn, chỉ tăng trưởng nghi hoặc, cho nên Phật dùng lối đáp bằng cách bỏ qua. Biết chắc việc có ích thì phân biệt rõ ràng đáp; còn không có ích thì bỏ qua không đáp. Do nhân duyên ấy, biết Phật là bậc Nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Phật nói ba loại pháp là pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp bất khả thuyết, thế là đã nói hết thảy pháp.

Lại nữa, các ngoại đạo ấy, nương dựa thường kiến, nương dựa đoạn diệt kiến, nên hỏi thường, hỏi đoạn diệt. Thật tướng không có thường, đoạn, nên Phật không đáp. Như ngoại đạo thấy thường, không có việc ấy. Vì cớ sao? Chỉ vì ngoại đạo thủ tướng nên vướng vào thường, đoạn, còn Phật tuy nói thường, nói vô thường, chỉ vì để đối trị mà dùng thôi.

Lại nữa, nếu người nói không là có, có là không, người như vậy là tội lỗi. Phật không đáp thì không lỗi, như mặt trời chiếu thiên hạ, không thể làm cho chỗ cao thành thấp, thấp thành cao, chỉ có làm cho hiển hiện mà thôi. Phật cũng như vậy, không làm gì khác đối với các pháp, các pháp có thì nói có, không thì nói không, như nói: sanh làm nhân duyên cho già, chết, cho đến vô minh làm nhân duyên cho hành; có Phật không Phật, pháp nhân duyên ấy tương tục thường ở thế gian. Chư Phật ra đời, vì chúng sanh chỉ bày pháp ấy cho thấy.

Lại nữa, nếu đáp thường hay đoạn đều có lỗi, như hỏi đứa con của con gái đá, con của kẻ hoàng môn là cao hay thấp, đen hay trắng, loại gì? Những câu hỏi ấy không nên đáp. Mười bốn nạn vấn cũng như vậy, chỉ lấy thường, đoạn làm gốc để hỏi. Vì thật tướng không thường không đoạn nên Phật không đáp.

Do các nhân duyên như vậy, Phật không đáp mười bốn nạn vấn, không lỗi.

Phật ở nhiều nôi nói có ngã, nhiều nôi nói không ngã: Nếu với người hiểu nghĩa Phật pháp, biết giả danh, thì nói có ngã, nếu với người không hiểu nghĩa Phật pháp không biết giả danh, thì nói không ngã.

Lại nữa, Phật vì chúng sanh sắp đọa vào đoạn diệt kiến, thì nói có ngã chịu quả báo tội phước đời sau. Nếu người sắp đọa vào thường kiến, thì vì họ nói không có ngã, không có người làm, không có người chịu; lìa năm uẩn giả danh, thì không có một pháp gì tự tại.

Hỏi: Nếu như vậy, thì những gì là thật?

Đáp: Vô ngã là thật. Như trong ba pháp ấn nói: hết thảy hành vô thường, hết thảy pháp vô ngã, tịch diệt là Niết-bàn an ổn. Pháp ấn là thật tướng các pháp. Nếu người thiện căn chưa thuần thục, trí tuệ không lanh lợi, Phật không nói pháp vô ngã thâm sâu cho họ thì họ liền đọa vào trong đoạn diệt kiến.

Hỏi: Nếu như vậy, như trong lời Ca-diếp hỏi, Phật nói ngã là một bên, vô ngã là một bên, lìa hai bên ấy là trung đạo, sao nay nói vô ngã là thật, có ngã là phương tiện nói?

Đáp: Nói vô ngã có hai:

1. Chấp thủ tướng vô ngã, dính mắc vô ngã.

2. Phá ngã không chấp thủ vô ngã, cũng không dính mắc vô ngã, tự nhiên lìa bỏ.

Như vậy trước nói vô ngã là một bên, sau nói vô ngã là trung đạo.

Lại nữa, Phật nói hữu ngã vô ngã có hai nhân duyên:

1. Dùng theo thế tục thì nói hữu ngã.

2. Dùng theo đệ nhất thật tướng thì nói vô ngã.

Như vậy, nói hữu ngã, vô ngã không lỗi.

Phật ở nhiều nơi nói các pháp có, ở nhiều nơi nói các pháp không:

Hỏi: Không nên nói riêng các pháp có, không, vì có tức là có ngã, không tức là không ngã, sao còn nói lại?

Đáp: Không phải vậy. Phật pháp có hai thứ không:

1. Chúng sanh không.

2. Pháp không.

Nói vô ngã là nói chúng sanh không. Nói không có pháp ngã sở là chỉ pháp không. Nói có ngã là chỉ cho biết có tướng giả danh, đối người không chấp trước ngã nói có ngã, đối người chấp trước ngã tướng trong năm uẩn, vì phá cái chấp trước ngã đó nên chỉ nói có năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã; tịch diệt Niết-bàn ấy gọi là có.

Lại nữa, có hai thứ đoạn kiến:

1. Vì hạng tà kiến cho rằng không có thọ quả báo tội phước khổ, vui đời sau, nên nói có ngã từ đời này đến đời sau thọ quả báo tội phước.

2. Vì hạng tà kiến chấp trước hết thảy trống không, hư vô, mà nói có hết thảy pháp. Đó là pháp hữu vi, vô vi.

Lại nữa, đối chúng sanh căn không lanh lợi lắm thì nói vô ngã, đối chúng sanh căn lanh lợi, trí tuệ sâu xa thì nói các pháp rốt ráo không, vì cớ sao? Vì nếu vô ngã thì bỏ hết các pháp, như kệ nói:

Nếu rõ biết vô ngã,
Có người như thế ấy,
Nghe có pháp không mừng,
Nghe không pháp không lo.

Nói ngã là chỗ nương của hết thảy pháp, nếu nói vô ngã là, hết thảy không có chỗ nương.

Lại nữa, Phật pháp có hai cách nói: nếu nói rõ ràng thì nói hết thảy pháp không, nếu phương tiện nói, thì nói vô ngã. Hai cách thuyết pháp ấy đều đưa vào Bát-nhã Ba-la-mật. Vì vậy trong Kinh Phật nói: Con đường đi đến Niết-bàn đều chung một hướng, không có nẻo khác.

Lại nữa, có ngã có pháp, phần nhiều nói cho người tại gia, có cha mẹ, có nghiệp báo tội phước lớn nhỏ, vì người tại gia phần nhiều không cầu Niết-bàn, nên đắm trước nơi quả báo đời sau. Đối người xuất gia, phần nhiều nói vô ngã vô pháp, vì người xuất gia phần nhiều hướng đến Niết-bàn. Người cầu Niết-bàn thì không thọ lãnh hết thảy pháp, tự nhiên tịch diệt ấy là Niết-bàn.

Lại nữa, có người chưa thành thục các căn tín... trước cầu được những điều có tướng, vậy sau mới xả. Vì hạng người đó Phật dạy làm các thiện pháp, bỏ các việc ác. Những người đó đã thành thục các căn tín... đối với các pháp họ không cầu được điều có tướng mà chỉ cầu đạo xa lìa sanh tử. Vì hạng người đó Phật nói các pháp là không, vô sở hữu. Hai việc đó đều thật, như ngón tay vô danh cũng dài cũng ngắn, so với ngón tay giữa thì ngắn; so với ngón tay út thì dài, dài ngắn đều thật, nói có nói không cũng như vậy. Nói có, có khi là thế tục, có khi là đệ nhất nghĩa; nói không, có khi là thế tục, có khi là đệ nhất nghĩa. Phật nói có ngã, không ngã, đều là thật.

Hỏi: Nếu hai việc ấy đều thật, tại sao Phật phần nhiều tán thán không mà hủy báng có?

Đáp: Không, vô sở hữu, là pháp tạng của mười phương hết thảy chư Phật, hiền thánh. Như trong phẩm Chúc lụy của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Bát-nhã Ba-la-mật là pháp tạng của chư Phật ba đời, mười phương. Bát-nhã Ba-la-mật tức là không, vô sở hữu. Có khi Phật nói có, để giáo hóa chúng sanh, lâu về sau đều sẽ vào trong pháp tạng Vô sở hữu.

Hỏi: Nếu như vậy, sao trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Nếu quán năm uẩn không, vô sở hữu, chẳng phải là đạo?

Đáp: Trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật ấy nói: Có và không đều không. Như trong kinh Trường Trảo Phạm-chí nói có ba thứ tà kiến:

1. Hết thảy có.
2. Hết thảy không.
3. Nửa có nửa không.

Phật bảo Phạm-chí Trường Trảo rằng: Hết thảy hữu kiến là bị dục nhiễm, bị sân nhuế, ngu si trói buộc. Hết thảy vô kiến, là không nhiễm, không sân, không si, không đắm, không buộc. Nửa có nửa không, có thì đồng bị buộc như trên, không thì đồng không bị buộc như trên. Đối ba thứ kiến ấy, thánh đệ tử nghĩ rằng: Nếu ta chấp thọ hết thảy hữu kiến, thì cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thảy không và hạng người chấp nửa có nửa không. Nếu ta chấp thọ hết thảy vô kiến, cũng cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thảy có và hạng người chấp nửa có nửa không. Nếu ta chấp thọ nửa có nửa không, cũng cùng với hai hạng người kia tranh, đó là hạng người chấp hết thảy không và hạng người chấp hết thảy có. Vì đấu tranh nên phỉ báng nhau, vì phỉ báng nhau nên gây phiền não. Vì thấy sự đấu tranh phiền não ấy nên bỏ vô kiến ấy, và các kiến khác cũng không chấp thọ, không chấp thọ nên liền được vào đạo.

Nếu không chấp trước hết thảy các pháp không, thì tâm không nổi lên đấu tranh, chỉ dứt trừ kiết sử, ấy gọi là thật trí. Nếu chấp thủ tướng không của các pháp, thì nỗi lên đấu tránh, không diệt được các kiết sử, nương dựa trí tuệ ấy, là chẳng phải thật trí. Như Phật nói: Vì độ chúng sanh cho nên có nói pháp, tất cả đều thật, chỉ vì chúng sanh đối với pháp ấy có chấp trước, không chấp trước nên có thật với không thật.

Do các nhân duyên như vậy, thân, khẩu, ý nghiệp của Phật không có tội lỗi. Thế nên nói Phật thân, khẩu, ý trước đã biết rõ, vậy sau theo trí tuệ đó mà hành.

Hỏi: Lúc đầu nói Phật thân không lỗi, miệng không lỗi, ý không lỗi, nay lại nói thân khẩu ý theo trí tuệ mà hành, có nghĩa gì sai khác?

Đáp: Trước nói ba thứ không lỗi, không nói đến nhân duyên, nay nói nhân duyên vì theo trí tuệ mà hành nên không lỗi; nếu trước không trù lượng mà khởi lên thân khẩu ý nghiệp thì có lỗi. Phật trước dùng trí tuệ khởi thân, khẩu, ý nghiệp nên không lỗi.

Lại nữa, Phật thành tựu ba thứ tịnh nghiệp; ba thứ tịch tịnh nghiệp, ba thứ bất hộ nghiệp.

Có người nghi nói: Nhân duyên gì Phật thành tựu nghiệp như vậy? Vì vậy nên Phật nói: Ta hết thảy thân, khẩu, ý nghiệp trước do trí tuệ,

vậy sau theo trí tuệ đó mà hành.

Phật lấy trí tuệ biết quá khứ, vị lai, hiện tại, thông suốt không chướng ngại: Ba thứ trí tuệ ấy đối với ba đời thông suốt không chướng ngại, nên ba nghiệp theo trí tuệ mà hành.

Hỏi: Các pháp quá khứ đã diệt đã tận, không còn có gì; các pháp vị lai hiện chẳng đến chẳng sanh, chưa hòa hợp; các pháp hiện tại, cho đến trong một niệm cũng không có lúc trụ lại, làm sao mà có thể biết ba đời thông suốt không chướng ngại?

Đáp: Phật nói quá khứ, vị lai, hiện tại, thông suốt không chướng ngại, lời nói đó đâu phải hư dối.

Lại nữa, nếu không có quá khứ, vị lai, chỉ có khoảnh khắc một niệm trong hiện tại, thì Phật cũng không thành tựu được vô lượng công đức. Như Mười trí là Mười lực, khi ấy cũng không thể một tâm có Mười trí được. Nếu như vậy, Phật cũng không được đầy đủ Mười lực. Do nhân duyên ấy, biết có quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu quá khứ, vị lai, hiện tại đều có, vậy thế nào là không? Phật nói Bốn đế, về khổ đế quán tướng vô thường... vô thường là sanh diệt, bại hoại, bất khả đắc. Nếu pháp quá khứ nay thật có thì không gọi là vô thường, bại hoại, bất khả đắc.

Lại nữa, nếu quá khứ, vị lai, hiện tại đều có, thì đọa vào thường kiến. Vì sao? Vì Pháp ấy chắc chắn sẵn có ở trong vị lai, chuyển từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại chuyển vào quá khứ, như người từ một phòng đi vào một phòng, không gọi là mất người?

Đáp: Nếu không mất, có lỗi gì?

Hỏi: Nếu không vô thường, thì không tội không phước, không sanh không tử, không trói không mở. Tội là mười nghiệp đạo bất thiện-sát... nếu không vô thường, thì không có tội sát. Như trong đoạn phân biệt tà kiến nói, lưỡi dao đi qua giữa bảy phần của thân (Phái ngoại đạo Pakudha chủ trương bảy yếu tố: đất, nước, gió, không, khổ vui, linh hồn, hợp thành thân. Bảy yếu tố độc lập với nhau – ND), không gây não hại. Phước là mười nghiệp đạo thiện, bất sát... vô thường là phân biệt sanh tử, nếu không vô thường thì cũng không có sanh tử, cũng không trói, không mở, như vậy sai lầm vô cùng?

Đáp: Các pháp trong ba đời đều có tướng riêng, pháp quá khứ có tướng quá khứ, pháp vị lai có tướng vị lai, pháp hiện tại có tướng hiện tại. Nếu pháp quá khứ, vị lai mà có tướng hiện tại, thì nên có lời nạn vấn ấy. Nay quá khứ, vị lai, hiện tại đều có tướng riêng.

Lại nữa, nếu thật không có quá khứ, vị lai thì cũng không có luật

nghi xuất gia. Vì cớ sao? Vì nếu hiện tại trụ trong ác tâm, quá khứ lại không có thọ giới, ấy là chẳng phải Tỳ-kheo.

Lại tâm bậc Hiền Thánh ở trong thế tục, khi ấy lẽ đáng phải là phàm phu; vì không có đạo ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy cũng không có tội ngũ nghịch (giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm tổn thương thân Phật, phá hòa hợp Tăng – ND). Vì cớ sao? Vì tội nghiệp ngũ nghịch đã qua đi, khi người chết đã vào địa ngục, tội ngũ nghịch ấy ở vị lai không có nghiệp nên không có báo, còn thân hiện tại không làm tội nghịch. Nếu không có quá khứ thì không có tội nghịch, nếu không có tội nghịch, thì đâu có tội khác. Phước cũng như vậy, nếu không tội phước, ấy là tà kiến, khác gì cầm thú!

Lại nữa, ta không nói quá khứ, vị lai có như tướng hiện tại có, ta nói quá khứ tuy diệt mà có thể nhớ tưởng, phát sanh tâm tâm số pháp, như lửa tắt ngày qua, ngày nay có thể nhớ tưởng lại, không thể nói vì nhớ tưởng tới được cho nên lửa liền có. Hoặc thấy chất củi cũng sanh tâm tưởng nhớ biết sẽ đốt lửa. Lửa ngày mai như lửa đã qua, không thể vì nay có tâm nghĩ tới lửa mà lửa liền có. Các việc vị lai cũng như vậy. Tâm hiện tại, tuy không trụ lại trong một niệm, song tương tục sanh, cho nên có thể biết các pháp. Bên trong do ý hiện tại làm nhân, bên ngoài do các pháp làm duyên, từ nhân duyên ấy phát sanh ý thức, dùng ý thức tự tại biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ không tự biết tâm tâm số pháp hiện tại, ngoài ra đều biết được.

Hỏi: Trong phẩm Như tướng của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: ba đời chỉ một tướng, đó là vô tướng, tại sao nói trí tuệ Phật biết ba đời thông suốt không chướng ngại?

Đáp: Chư Phật có hai lối thuyết pháp: Trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không. Nếu nói các pháp ba đời, thông suốt không chướng ngại, ấy là phân biệt nói, nếu nói ba đời một tướng vô tướng, ấy là nói rốt ráo không.

Lại nữa, chẳng phải bậc Nhất thiết trí, đối với ba đời, trí tuệ có ngại, mà các bậc hiền thánh Quán Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc, Xá-lợi-phất đối với ba đời trí tuệ đều có chướng ngại. Do nhân duyên ấy, nói trí tuệ của Phật đối với ba đời thông suốt không chướng ngại, không vì vô sự mà nói.

Lại nữa, có người đối với ba đời sanh tà kiến, cho rằng pháp quá khứ và chúng sanh có ban đầu, không có ban đầu. Nếu có ban đầu thì có chúng sanh mới sanh. Các pháp cũng không nhân không duyên mà sanh. Nếu không ban đầu thì cũng không cuối cùng. Nếu không ban đầu,

không cuối cùng thì đoạn giữa cũng không. Có ban đầu là có giữa, có sau, không có trước; có cuối cùng là có đầu, có giữa, không có sau; có giữa là có đầu có sau. Nếu chúng sanh và các pháp không có ban đầu thì cũng không giữa không sau. Nếu không ba đời, thì hoàn toàn không có gì.

Lại nữa, nếu không có ban đầu, làm sao có bậc Nhất thiết trí? Vì phá các tà kiến như vậy, nên nói các pháp ba đời nhất tướng, đó là vô tướng; chứ không phá trí tuệ về ba đời của Phật.

Hỏi: Vô tướng là hữu biên?

Đáp: Nếu vô tướng tức là vô biên, là pháp không thể nói không thể nạn, làm sao nói là hữu biên.

Nếu trong vô tướng mà chấp thủ tướng, chẳng phải là vô tướng. Vô tướng ấy gọi là bất khả đắc không, trong ấy vô tướng cũng bất khả đắc, không cũng bất khả đắc, thế nên gọi là bất khả đắc không.

Lại nữa, Phật có hai đạo:

1. Phước đức đạo: Có người nghe Phật có Mười lực, Bốn vô sở úy, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, sanh tâm cung kính tin vui.

2. Trí tuệ đạo: Có người nghe nói các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên không có tự tánh, liền lìa bỏ các pháp, đối với "không" tâm không chấp trước, như mặt trăng hay làm thấm vật, mặt trời hay làm chín vật, nhờ hai nhân duyên ấy vạn vật được thành. Phước đức và trí tuệ cũng như vậy. Phước đức đạo hay sanh các công đức, trí tuệ đạo đối với phước đức đạo hay lìa các tà kiến chấp trước. Vì vậy, Phật tuy nói rốt ráo không, mà cũng nói thông suốt ba đời không chướng ngại, mà không bị lỗi.

Như vậy, đã lược nói nghĩa Mười tám pháp không chung của Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Ca-chiên-diên Ni-tử nói Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại bi, Ba ý chỉ không chung, gọi là Mười tám pháp không chung? Nếu trước đó vừa nói Mười tám pháp không chung là nhân nghĩa, thì sao Ca-chiên-diên Ni-tử cũng nói Mười tám pháp không chung như vậy?

Đáp: Vì vậy nên gọi là Ca-chiên-diên Ni-tử, còn nếu là Thích tử thì không nói như vậy. Thích tử nói là nói pháp không chung thật. Phật pháp vô lượng, ba mươi sáu pháp ấy (Mười lực, Bốn vô úy, Đại bi, Ba niệm, Mười tám pháp không chung – ND) chỉ là một giọt nước trong biển cả Phật pháp, pháp cũng không ít, cớ sao trùng số Mười tám?

Lại nữa, các A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát cũng có Mười lực biết

được đúng đạo lý không đúng đạo lý, phân biệt nghiệp quả báo ba đời, các thiền định cho đến lậu tận trí... cớ sao nói (Ca-chiên-diên-ni-tử nói mười tám pháp ấy – ND) là pháp không chung?

Hỏi: Thanh Văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát không thể biết hết biết khắp, chỉ có thông và minh, không có lực, riêng Phật mới biết hết biết khắp, nên nói là không chung, như trong Mười lực nói?

Đáp: Phật nói nghĩa Mười lực, không nói biết hết biết khắp, chỉ nói ngay là biết đúng đạo lý không đúng đạo lý. Nói biết hết biết khắp là các luận nghị sư nói.

Hỏi: Ông trước tự nói trong kinh Đại thừa nói: Phật vì hành Bồ-tát mà tự nói biết hết biết khắp?

Đáp: Trong kinh Đại thừa nói, ích gì cho ông, ông không tin Đại thừa, không nên dẫn làm chứng. Ông nên tự nói ra pháp Thanh văn làm chứng.

Lại nữa, Phật tuy biết hết biết khắp, mà Thanh văn, Bích-chi Phật có được ít phần, còn mười tám pháp không chung (chỉ riêng Phật có – ND) thời Thanh văn, Bích-chi Phật trước sau đều vô phần. Vì vậy nên gọi là pháp không chung thật.

Hỏi: Mười tám pháp không chung, Nhị thừa cũng nên có phần, chỉ Phật thân khẩu niệm thường không lỗi, còn Nhị thừa thân khẩu niệm cũng không lỗi. Như vậy đều nên có phần?

Đáp: Không phải. Vì cớ sao? Vì thường không lỗi mới gọi là không chung, không phải chỉ do không lỗi mà gọi là không chung. Thanh văn, Bích-chi Phật, đối với thường không lỗi, vô phần.

Lại nữa, có chỗ nói A-la-hán có lực, không có chỗ nào nói A-la-hán có pháp không chung, ông không tin Đại thừa nên không thọ nhận mười tám pháp không chung chân thật, mà lại nói trùng con số mười lực... việc ấy không thể được. Như tám mươi vẻ đẹp của ông tin, trong Tam tạng không có, cớ sao không nói lại?

Hỏi: Chúng tôi phân biệt mười tám pháp không chung, không trùng số. Những gì là mười tám?

1. Biết thật tướng các pháp, gọi là Nhất thiết trí.
2. Tướng các công đức của Phật khó hiểu, nên công đức vô lượng.
3. Thâm tâm thường nghĩ đến chúng sanh, nên gọi là đại bi.
4. Được trí không ai sánh bằng, nên trí tuệ tự tại.
5. Khéo hiểu tâm thường, nên định tự tại.
6. Được có phương tiện độ chúng sanh, nên biến hóa tự tại.
7. Khéo biết nhân duyên các pháp, nên ký biệt vô lượng.

8. Nói thật tướng các pháp, nên ký biệt không hư dối.

9. Phân biệt trù lượng mới nói, nên nói không lỗi.

10. Thành tựu được mười lực, nên trí tuệ không giảm.

11. Trong hết thảy pháp hữu vi, chỉ quán pháp tụ vô ngã, nên thường tu hạnh phóng xả.

12. Khéo biết phải thời không phải thời, an lập nôi tam thừa vì thường quán chúng sanh.

13. Thường nhất tâm, nên không thất niệm.

14. Thiện tâm sâu xa trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nên không có tập khí phiền não.

15. Được trí chân tịnh, nên không ai có thể đúng như pháp chỉ lỗi được.

16. Đời đời kính trọng bậc tôn quý nên có tướng đảnh không thể thấy.

17. Tu tâm đại từ bi, nên an tường để chân xuống dưới chân nhu nhuyến, chúng sanh gặp được liền được vui.

18. Được Thần thông Ba-la-mật nên chuyển tâm chúng sanh làm cho hoan hỷ đắc độ; như khi đi vào thành, hiện lực thần biến?

Đáp: Mười tám pháp không chung như vậy, chẳng phải trong Tam tạng nói, mà các Kinh khác cũng không nói. Vì có người tìm kiếm pháp ấy, nên các luận nghị sư Thanh văn lượm lặc chỗ nọ, chỗ kia soạn tập lại, tán thán công đức Phật. Như nói: Nói không lỗi, tuệ không giảm, niệm không mất, đều là từ Mười tám pháp không chung trong Đại thừa dẫn ra để luận nghị. Tuy có tướng đảnh không thể thấy, dưới chân nhu nhuyến, như vậy rất nhiều, không nên để ở trong Mười tám pháp không chung. Pháp không chung đều lấy trí tuệ làm ý nghĩa. Thân lực của Phật như lực của mười vạn bạch hương tượng và lực thần thông đều không nói, vì vậy nên biết trong Mười tám pháp không chung, chỉ nói đến công đức trí tuệ, không nói đến quả báo tự nhiên.

Lại nữa, Mười tám pháp không chung ấy, trong A-tỳ-đàm phân biệt thu nhiếp vào Năm uẩn. Thân, miệng không lỗi, thân miệng theo trí tuệ hành, thì nhiếp vào sắc uẩn. Không dị tưởng thì nhiếp vào tưởng uẩn, không có tâm bất định thì nhiếp vào thức uẩn, còn lại thì nhiếp vào hành uẩn, đều ở trong Bốn thiền. Phật ở trong Bốn thiền đắc đạo, đắc Niết-bàn.

Có người nói: Bốn pháp không chung thuộc sắc pháp (Thân không lỗi, miệng không lỗi, thân nghiệp, khẩu nghiệp theo trí tuệ hành – ND) thì nhiếp vào Sắc giới, Dục giới, các pháp không chung khác thì nhiếp

vào chín địa; đều là thiện; đều là pháp vô lậu. Bốn pháp thuộc sắc do nhân duyên và tăng thượng duyên sanh, các pháp còn lại do Bốn duyên sanh; bốn Pháp không duyên, mười bốn pháp có duyên. Bốn pháp theo tâm hành, không tương ưng với tâm, mười ba pháp tương ưng với tâm cũng theo tâm hành, một pháp không tương ưng với tâm cũng không theo tâm hành. Các nghĩa như vậy đều có phân biệt trong A-tỳ-đàm.

Ban đầu phân biệt như vậy, khi vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, thật tướng các pháp thảy đều một tướng, đó là vô tướng, vào tâm Phật tất cả tướng đều diệt.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 27

42. GIẢI THÍCH ĐẠI TỪ ĐẠI BI

Đại từ, Đại bi đã phân biệt ở trong chương nói về Bốn tâm vô lượng rồi, nay sẽ nói lược thêm. Đại từ đem vui cho tất cả chúng sanh, Đại bi cứu khổ tất cả chúng sanh; Đại từ đem nhân duyên hỷ lạc cho chúng sanh, Đại bi đem nhân duyên lìa khổ cho chúng sanh. Ví như có người, các con bị lao tù, sắp chịu xử tử, cha nó thương xót, dùng đủ cách khiến cho nó được khỏi, ấy là Đại bi. Khi được khỏi khổ rồi, lấy năm điều dục lạc cấp cho nó, ấy là Đại từ. Như thế là sai biệt giữa từ và bi.

Hỏi: Đại từ, Đại bi là như thế, thế nào là Tiểu từ Tiểu bi? Nhân tiểu ấy mà gọi là đại chăng?

Đáp: Từ bi thuộc trong Bốn vô lượng tâm gọi là tiểu, Đại từ, Đại bi được thứ lớp nói trong Mười tám pháp không chung, gọi là đại.

Lại nữa, Từ bi trong tâm Phật gọi là đại, Từ bi trong tâm người khác gọi là tiểu.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao nói Bồ-tát thực hành Đại từ Đại bi?

Đáp: Đại từ của Bồ-tát, đối với Phật là tiểu, đối với người Nhị thừa là đại, ấy là giả danh đại. Đại từ Đại bi của Phật, chân thật tối đại.

Lại nữa, Tiểu từ chỉ có tâm nghĩ đến chúng sanh vui mà không có vui thật sự, Tiểu bi là thấy chúng sanh bị thân khổ tâm khổ, thương xót mà thôi, chứ không cứu thoát được. Đại từ là nghĩ làm cho chúng sanh được vui và cũng cho vui thật sự. Đại bi là thương xót chúng sanh khổ và cùng làm cho thoát khổ.

Lại nữa, Từ bi của người phàm phu, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát. gọi là tiểu, Từ bi của Phật mới gọi là đại.

Lại nữa. Đại từ là từ trong tâm đại nhân sanh ra Mười lực, bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, từ trong đại pháp xuất ra, có thể phá đại khổ của ba đường ác, có thể cho ba thứ vui lớn là vui trời. vui người: vui Niết-bàn.

Lại nữa, Đại từ trùm khắp chúng sanh mười phương ba đời, cho đến côn trùng, Từ thấu xương tủy, tâm không lìa bỏ. Chúng sanh trong ba

ngàn đại thiên thế giới, đọa ba đường ác, nếu có người chịu thay hết khổ đó, làm cho được thốt, lại lấy năm thứ dục lạc, thiền định lạc, thế gian tối thượng lạc, tự do đem cho được đầy đủ tất cả, rồi đem so với Từ bi của Phật, trong ngàn vạn phần không kịp một. Vì cớ sao? Vì cái vui thế gian giả dối không thật, không lìa khỏi sanh tử.

Hỏi: Pháp ở trong tâm Phật, hết thảy đều đại, cớ sao chỉ nói Từ bi là đại?

Đáp: Các pháp công đức của Phật đều đại.

Hỏi: Nếu như vậy, sao chỉ nói từ bi là đại?

Đáp: Từ Bi là căn bản của Phật đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy chúng sanh bị sanh, già, bệnh, chết khổ. thân khổ, tâm khổ, đời này đời sau bị các khổ bức não, sanh tâm Đại từ Đại bi cứu các khổ như vậy, rồi sau phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng vì lực Đại từ bi nên ở trong sanh tử trải vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, tâm không chán bỏ. Do lực Đại từ bi, nên đáng được Niết-bàn từ lâu mà không thủ chứng. Vì vậy nên Từ bi trong pháp của chư Phật là đại. Nếu không tâm Đại từ Đại bi thì đã sớm vào Niết-bàn.

Lại nữa, khi đắc Phật đạo, thành tựu vô lượng thiền định sâu xa, các tam-muội giải thốt, sanh cái vui thanh tịnh, mà xả bỏ không lãnh thọ; đi vào xóm làng thành ấp dùng các thí dụ nhân duyên để thuyết pháp, biến hiện thân hình, vô lượng âm thanh, nghinh đón hết thảy, nhẫn chịu chúng sanh mắng nhiếc phỉ báng, cho đến tự làm kỹ nhạc, đều là do lực Đại từ Đại bi.

Lại nữa, Đại từ Đại bi, tiếng đại ấy chẳng phải Phật tự nói, mà do chúng sanh nói, ví như sư tử lực đại, không tự nói lực đại mà đều do muôn thú xưng gọi, chúng sanh nghe diệu pháp của Phật, biết Phật vì cứu hộ chúng sanh nên trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, làm việc khó làm, chúng sanh nghe thấy việc ấy, mà gọi pháp ấy là Đại từ Đại bi. Ví như một người có hai bạn thân, người ấy vì có tội phải bị giam lao tù, một bạn lo cung cấp sự cần dùng, một bạn chịu chết thay; mọi người nói người bạn chịu chết thay ấy là Đại từ bi. Phật cũng như vậy, đời đời vì hết thảy chúng sanh đem đầu mắt tủy não bố thí; đều vì hết thảy chúng sanh, chúng sanh nghe thấy việc ấy, cùng nhau gọi đó là Đại từ Đại bi. Như vua Thi-tỳ (Sibi) vì cứu chim bồ câu, đem hết thịt trong thân thay thế, vẫn không cân bằng thân bồ câu, lại lấy tay vịn cân muốn đem cả thân thay thế. Bấy giờ đại địa chấn động sáu cách, nước biển nổi sóng, chư thiên đem hương hoa cúng dường vua, chúng sanh xưng tán rằng: Cảm thương một con chim nhỏ đến như vậy, thật là Đại từ Đại bi. Phật

nhân chúng sanh gọi, nên nói là Đại từ Đại bi. Vô lượng chuyện như vậy, đều có nói rộng ở trong truyện Bổn sanh.

Hỏi: Các công đức khác như thiền định... vì người ta không biết, nên không xưng là đại, còn Trí tuệ hay thuyết pháp... khiến người đắc đạo, cớ sao không xưng là đại?

Đáp: Công năng Trí tuệ của Phật không ai biết hết được, còn Đại từ Đại bi, vì đời đời không tiếc thân mạng, bỏ cái vui thiền định để cứu chúng sanh, nên ai nấy đều biết. Đối với Trí tuệ Phật chỉ có thể suy loại mà biết, chứ không thể biết rõ ràng, còn tâm từ bi thì mắt thấy, tai nghe, nơi nơi biến hóa, rống lớn tiếng sư tử, cho nên có thể biết được.

Lại nữa, Trí tuệ Phật vi diệu, các Bồ-tát, Xá-lợi-phất còn không thể biết, huống gì người khác. Tướng Từ bi có thể mắt thấy tai nghe, nên người tin thọ được; còn Trí tuệ thâm diệu không thể lường biết.

Lại nữa, Đại từ Đại bi ấy, hết thảy chúng sanh đều ưa thích, thí như thuốc ngon người ta ưa uống, còn Trí tuệ như uống thuốc đắng, phần nhiều không ai ưa. Người phần nhiều ưa, nên xưng từ bi là đại.

Lại nữa, Trí tuệ thứ người đắc đạo mới tin thọ được, còn tướng đại từ bi, hết thảy loại tạp đều tin được, như thấy hình tướng, hoặc nghe nói, đều tin thọ được, và vì làm lợi ích nhiều, nên xưng là Đại từ Đại bi.

Lại nữa, Đại trí tuệ là tướng xả, tướng xa lìa, còn Đại từ bi là tướng thương xót lợi ích chúng sanh. Sự thương xót lợi ích ấy, được hết thảy chúng sanh ưa thích, cho nên gọi là đại. Đại từ Đại bi ấy, như trong kinh Trì Tâm nói: Đại từ Đại bi có ba mươi hai thứ thực hành ở giữa chúng sanh. Tướng nhiếp thuộc và các duyên của đại từ đại bi như đã nói trong chương Bốn tâm vô lượng ở trước.

Lại nữa, công đức Đại từ bi của Phật, không nên phân biệt tìm cầu hết tướng nó như trong pháp của Ca-chiên-diên đã làm. Các luận nghị sư trên đây dùng pháp của Ca-chiên-diên để phân biệt hiển bày, không nên tin hết vào đó. Vì cớ sao? Vì Ca-chiên-diên nói Đại từ bi, hết thảy Trí tuệ là pháp hữu lậu, pháp hệ thuộc, pháp thế gian. Việc ấy không đúng, vì Đại từ bi là căn bản của hết thảy Phật pháp, cớ sao nói là pháp hữu lậu, pháp hệ thuộc, pháp thế gian?

Hỏi: Đại từ bi là căn bản Phật pháp, nên là hữu lậu, như trong bùn sanh hoa sen, không được nói bùn cũng đẹp, Đại từ bi cũng như vậy, tuy là căn bản Phật pháp, cũng không thể là vô lậu?

Đáp: Đại từ bi là nói vị Bồ-tát khi chưa thành Phật, hoặc nói là hữu lậu, sự sai lầm ấy còn ít, nay Phật đã được trí giải thốt vô ngại, nên hết

thảy pháp đều thanh tịnh, tất cả phiền não và tập khí dứt sạch. Thanh văn. Bích-chi Phật không được trí giải thốt vô ngại, phiền não tập khí không hết, nhiều chỗ nghi không dứt, cho nên tâm phải hữu lậu, còn chư Phật thì không có việc ấy, cớ sao nói Đại từ Đại bi của Phật nên là hữu lậu?

Hỏi: Tôi không dám không kính Phật, nhưng vì tâm từ bi là vì chúng sanh mà phát sanh, thì nên là hữu lậu?

Đáp: Thế lực chư Phật không thể nghĩ bàn, các Thanh văn, Bích-chi Phật không thể lìa ý tưởng chúng sanh mà sanh từ bi, còn chư Phật có thể lìa ý tưởng chủng sanh mà sanh từ bi. Vì cớ sao? Vì như tướng chúng sanh mười phương là bất khả đắc, mà các A-la-hán, Bích-chi Phật, lại chấp thủ tướng chúng sanh mà sanh Từ bi, còn chư Phật tìm tướng chúng sanh mười phương là bất khả đắc, cũng không chấp thủ tướng chúng sanh mà vẫn sanh từ bi, như trong kinh Vô Tận Ý nói: Có ba thứ Từ bi, là chúng sanh duyên, pháp duyên, vô duyên.

Lại nữa, dối với hết thảy chúng sanh chỉ có Phật hành cùng tận pháp không dối. Nếu Phật đối với chúng sanh chấp thủ tướng mà hành tâm từ bi, thì không gọi là hành pháp không dối. Vì sao? Vì chúng sanh là rốt ráo không thể có được, Thanh văn, Bích-chi Phật không gọi là hành cùng tận pháp không dối, cho nên Thanh văn, Bích-chi Phật đối với chúng sanh, với pháp, hoặc chấp thủ tướng, hoặc không chấp thủ tướng, không nên nạn vấn, vì không hành tận cùng pháp không dối. Nhất thiết trí dứt hết thảy các lậu, có thể từ trong tất cả pháp hữu lậu mà sanh ra, có thể làm nhân duyên cho vô lậu, pháp ấy cớ sao tự là hữu lậu được!

Hỏi: Trí vô lậu mỗi mỗi có sở duyên, không thể duyên hết thảy pháp, chỉ có trí thế tục mới có thể duyên hết thảy pháp, vì vậy nên nói Nhất thiết trí là tướng hữu lậu?

Đáp: Trong giáo pháp ông có thuyết ấy. Chẳng phải trong Phật pháp nói; như người cầm cân đi vào chợ, không đúng với cân của quan, không ai dùng đến. Ông cũng như vậy, tự dùng pháp của mình không đúng với Phật pháp, không ai dùng đến. Trí tuệ vô lậu cớ sao nói không thể duyên hết thảy pháp; trí hữu lậu là giả danh hư dối, thế lực ít ỏi, không thể chân thật duyên hết thảy pháp, mà trong giáo pháp ông tự nói trí ấy duyên được hết thảy pháp!

Lại nữa, trong pháp Thanh văn có mười trí, trong pháp Đại thừa có mười một trí, gọi là Như thật trí (trí thứ mười một). Mười trí ấy vào trong Như thật trí này, đều thành một trí, đó là trí vô lậu; như nước mười phương chảy vào trong biển lớn, đều thành một vị. Đại từ Đại bi ấy nhiếp

vào Tam-muội vương Tam-muội, Sư tử du hý Tam-muội của Phật.

Như vậy, đã lược nói nghĩa của Đại từ Đại bi.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Đạo trí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy Đạo trí làm đầy đủ Đạo chủng trí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Đạo là một đạo, một mực hướng tới Niết-bàn; đối với thiện pháp, nhất tâm không phóng dật, đạo theo thân tâm niệm đến.

Đạo lại có hai: Ác đạo, thiện đạo; thế gian đạo, xuất thế đạo; định đạo, tuệ đạo; hữu lậu đạo, vô lậu đạo; kiến đạo, tu đạo; học đạo, vô học đạo; tín hành đạo, pháp hành đạo; hướng đạo, quả đạo; vô ngại đạo, giải thốt đạo; tín giải đạo, kiến đắc đạo; tuệ giải thốt đạo, câu giải thốt đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn hai đạo.

Lại có ba đạo: Địa ngục đạo, súc sanh đạo, ngạ quỉ đạo. Ba thứ địa ngục: Địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục tối đen. Ba thứ súc sanh đạo: súc sanh đi đất, đi nước, đi không. Ba thứ ngạ quỉ đạo: quỷ đói, quỷ ăn đồ nhơ, quỷ thần. Ba thiện đạo: nhân đạo, thiên đạo. Niết-bàn đạo. Người có ba hạng: hạng làm tội, hạng làm phước, hạng cầu Niết-bàn.

Lại có ba hạng người: người hưởng dục lạc làm ác, người hưởng dục lạc không làm ác, người không hưởng dục lạc không làm ác.

Trời có ba hạng: Trời cõi Dục, Trời cõi Sắc, Trời cõi Vô sắc.

Niết-bàn đạo có ba: Đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo Phật. Thanh văn đạo có ba: học đạo, vô học đạo, phi học phi vô học đạo, Bích-chi Phật đạo cũng như vậy.

Phật đạo có ba: đạo Ba-la-mật, đạo phương tiện, đạo tịnh thế giới.

Phật lại có ba đạo: đạo mới phát tâm, đạo làm các thiện, đạo thành tựu chúng sanh.

Lại có ba đạo: đạo giới, đạo định, đạo tuệ. Như vậy có vô lượng pháp môn ba đạo.

Lại có bốn đạo: đạo phàm phu, đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo Phật.

Lại có bốn đạo: đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, đạo Phật.

Đạo Thanh văn có bốn thứ: đạo khổ, đạo tập, đạo diệt, đạo đạo. Lại có bốn Sa-môn quả đạo.

Lại có bốn đạo: đạo quán thân thật tướng, đạo quán thọ, đạo quán tâm, đạo quán pháp thật tướng.

Lại có bốn đạo: đạo dứt điều ác bất thiện chưa sanh khiến không sanh, đạo dứt điều ác đã sanh khiến tiêu diệt, đạo khiến điều thiện chưa

sanh được sanh, đạo khiến điều thiện đã sanh tăng trưởng.

Lại có bốn đạo: đạo dục tăng thượng, đạo tinh tấn tăng thượng, đạo tâm tăng thượng, đạo tuệ tăng thượng.

Lại có bốn đạo thánh chủng: không lựa chọn áo; đồ ăn, đồ nằm; thuốc thang; ưa dứt khổ tu định.

Lại có bốn tu hành đạo: đạo khổ khó tu, khổ dễ tu, vui khó tu, vui dễ tu.

Lại có bốn tu đạo: 1. Vì đời nay vui nên tu. 2. Vì trí sanh tử nên tu. 3. Vì lậu hết nên tu. 4. Vì tuệ phân biệt nên tu.

Lại có bốn thiên đạo: tức là bốn thiền.

Lại có bốn đạo: Thiên đạo, Phạm đạo, Thánh đạo, Phật đạo. Như vậy có vô lượng pháp môn bốn đạo.

Lại có năm đạo: Địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, người, trời.

Lại có năm đạo chúng vô học: Chúng vô học giới, cho đến chúng vô học giải thốt tri kiến.

Lại có năm đạo trời Tịnh cư. Lại có năm đạo trời Dục giới.

Lại có năm đạo nói như pháp.

Lại có năm đạo nói không như pháp.

Lại có năm đạo: phàm phu, Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật.

Lại có năm đạo: phân biệt Sắc pháp, phân biệt Tâm pháp, phân biệt Tâm số, phân biệt Tâm bất tương ưng hành, phân biệt Vô vi pháp.

Lại có năm đạo: tu Khổ đế đoạn, tu Tập đế đoạn, tu Diệt đế đoạn, tu Đạo đế đoạn, Tư duy đế đoạn.

Như vậy có vô lượng pháp môn năm đạo.

Lại có sáu đạo: địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, người, trời, A-tu-la. Lại có đạo bỏ sáu trần.

Lại có sáu hòa hợp đạo; sáu thần thông đạo, sáu A-la-hán, sáu địa ngục, sáu định đạo, sáu Ba-la-mật đạo. Mỗi mỗi Ba-la-mật lại có sáu đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn sáu đạo.

Lại có bảy đạo: bảy giác ý đạo, bảy địa vô lậu đạo, bảy tưởng định đạo, bảy tịnh đạo, bảy thiện nhân đạo, bảy tài phú đạo, bảy pháp phước đạo, bảy trợ định đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn bảy đạo.

Lại có tám đạo: tám chánh đạo, tám giải thốt đạo, tám bội xả đạo.

Như vậy có vô lượng pháp môn tám đạo.

Lại có chín đạo: chín thứ đệ định, chín địa vô lậu, chín kiến đoạn, chín A-la-hán, chín Bồ-tát đạo. Đó là sáu Ba-la-mật và phương tiện, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

Như vậy có vô lượng pháp môn chín đạo.

Lại có mười đạo: đó là mười vô học đạo, mười tưởng đạo, mười trí đạo, mười nhất thiết xứ đạo, mười bất thiện đạo, mười thiện đạo, cho đến một trăm sáu mươi hai đạo.

Như vậy có vô lượng đạo môn.

Biết các đạo ấy, biết hết biết khắp, ấy gọi là Đạo chủng trí.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật là đệ nhất đạo, nhất tướng gọi là vô tướng của Bồ-tát, cớ sao nói là các thứ đạo?

Đáp: Các đạo ấy đều vào trong một đạo, đó là thật tướng các pháp. Bắt đầu học có các thứ sai khác, đến sau đều đồng nhất; không có sai khác, ví như khi kiếp tận lửa cháy, mọi vật đều đồng hư không.

Lại nữa, vì dẫn dắt chúng sanh, Bồ-tát phân biệt nói ra các thứ đạo, đó là đạo thế gian đạo, xuất thế gian...

Hỏi: Sao Bồ-tát trụ trong nhất tướng vô tướng mà lại phân biệt đạo thế gian, xuất thế gian?

Đáp: Danh tự thế gian chỉ từ hai thứ là ức tưởng điên đảo và hư dối sanh ra, như huyễn, như mộng, như vòng lửa quay, người phàm phu cưỡng cho là thế gian, thế gian ấy đều từ vọng tưởng đến. Nay cũng hư vọng, xưa cũng hư vọng, nó thật không sanh không làm. Chỉ từ trong sáu căn ngoài sáu trần nhân duyên hòa hợp sanh, tùy phàm phu chấp trước mà gọi là thế gian. Thế gian ấy, bị lưới tà kiến như tô rối dính nhau, thường qua lại trong sanh tử. Như vậy là biết thế gian.

Thế nào là đạo xuất thế gian? Như thật biết thế gian, tức là đạo xuất thế gian. Vì người trí tìm tướng thế gian, xuất thế gian đều bất khả đắc (không thể có được), nếu không thể có được, nên biết giả danh là thế gian, xuất thế gian. Chỉ vì phá thế gian nên nói xuất thế gian. Tướng thế gian tức là xuất thế gian, không còn có riêng khác, vì cớ sao? Vì tướng thế gian là không thể có được. Xuất thế gian ấy tức là tướng thế gian thường không, vì định tướng của pháp thế gian là không thể có được. Như vậy hành giả không ở trong thế gian, cũng không đắm trước xuất thế gian. Nếu không ở trong thế gian, cũng không đắm trước xuất thế gian, thì phá trừ ái và mạn, không còn tranh cãi với thế gian. Vì hành giả từ lâu đã biết thế gian là không, không có gì, vì hư dối nên không khởi ức tưởng phân biệt.

Thế gian là năm uẩn, tướng năm uẩn, giả sử mười phương chư Phật

tìm nó cũng không thể có được, không chỗ đến, không chỗ ở, không chỗ đi. Nếu không có tướng năm uẩn đến, ở, đi, tức là xuất thế gian. Hành giả bấy giờ quán sát thế gian xuất thế gian ấy, thật không thể thấy, không thấy thế gian với xuất thế gian hợp, cũng không thấy xuất thế gian với thế gian hợp. Lìa thế gian cũng không thấy xuất thế gian, lìa xuất thế gian cũng không thấy thế gian. Như vậy thì không sanh hai thức là thức biết thế gian và thức biết xuất thế gian. Nếu bỏ thế gian, không thọ lãnh xuất thế gian, ấy gọi là xuất thế gian.

Nếu Bồ-tát biết được như vậy, thì có thể vì chúng sanh mà phân biệt đạo thế gian, xuất thế gian. Tất cả các đạo hữu lậu, vô lậu cũng như vậy, nhập vào một tướng, ấy gọi là Đạo chủng trí.

KINH: Muốn lấy Đạo chủng trí làm đầy đủ Nhất thiết trí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật; muốn lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ Nhất thiết chủng trí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí có gì sai khác?

Đáp: Có người nói không sai khác, hoặc khi nói Nhất thiết trí, hoặc khi nói Nhất thiết chủng trí.

Có người nói tướng chung là Nhất thiết trí, tướng riêng là Nhất thiết chủng trí; nhân là Nhất thiết trí, quả là Nhất thiết chủng trí; lược nói là Nhất thiết trí, rộng nói là Nhất thiết chủng trí.

Nhất thiết trí tổng quát phá bóng tối vô minh đối với hết thảy pháp; Nhất thiết chủng trí quán các pháp môn phá các vô minh.

Nhất thiết trí thí như nói bốn đế; Nhất thiết chủng trí thí như nói nghĩa của bốn đế. Nhất thiết trí là như nói Khổ đế: Nhất thiết chủng trí như nói tám tướng khổ. Nhất thiết trí như nói sanh khổ; Nhất thiết chủng trí như nói các loại chúng sanh sanh ở các nơi.

Lại nữa, tất cả pháp là từ nhãn và sắc cho đến ý và pháp. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng có thể biết tướng chung của nó là vô thường, khổ, không, vô ngã, còn biết tướng mười hai nhập ấy, gọi là Nhất thiết trí.

Thanh văn, Bích-chi Phật còn không thể biết hết tướng riêng một chúng sanh sanh nôi tốt, xấu, sự nghiệp nhiều ít; đời vị lai, hiện tại cũng như vậy, huống gì biết hết thảy chúng sanh. Như đối với tên gọi vàng của một cõi Diêm-phù-đề còn không biết được, huống gì các tên gọi của một vật ở trong ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc trời nói, hoặc rồng nói, các tên gọi vàng theo các ngôn ngữ như vậy còn không biết được, huống gì biết nhân duyên vãng sanh ở đâu, tốt hay xấu, sang hay hèn? Nhân nó mà được phước, nhân nó mà mắc tội, nhân nó mà đắc đạo? Các việc

hiện tại như vậy còn không biết được, huống gì biết tâm tâm số pháp, đó là các pháp thiền định, trí tuệ...

Phật biết hết tướng chung tướng riêng của các pháp, nên gọi là Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, ở trong phẩm sau Phật tự nói: Nhất thiết trí là việc của Thanh văn. Bích-chi Phật; Đạo chủng trí là việc của Bồ-tát; Nhất thiết chủng trí là việc của Phật. Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ có chung Nhất thiết trí, không có Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, Thanh văn, Bích-chi Phật tuy đối với tướng riêng có biết một phần mà không biết hết, cho nên gọi là biết tướng chung. Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí của Phật đều là chân thật. Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ có tên gọi Nhất thiết trí như ngọn đèn vẽ, chỉ có tên đèn, không có dụng đèn. Thanh văn, Bích-chi Phật, nếu có người nạn hỏi, có khi không đáp được, không dứt nghi được. Như Phật ba lần hỏi mà Xá-lợi-phất không đáp được. Nếu có Nhất thiết trí tại sao không đáp được? Vì vậy, chỉ có tên gọi Nhất thiết trí hôn kẻ phàm phu, mà không có thật. Do vậy, Phật là thật Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí. Như vậy có vô lượng tên gọi: hoặc khi gọi Phật là bậc Nhất thiết trí, hoặc khi gọi là bậc Nhất thiết chủng trí.

Như vậy, đã lược nói sự sai khác giữa Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Như trong Kinh nói: thực hành sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy đạo phẩm, mười lực, bốn vô sở úy... được Nhất thiết trí, vì sao trong đây nói chỉ dùng Đạo chủng trí được Nhất thiết trí?

Đáp: Ông nói sáu Ba-la-mật... tức là đạo. Biết đạo ấy, hành đạo ấy được Nhất thiết trí, có gì mà nghi?

Lại nữa, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, hết thảy thiện pháp có được ở khoảng giữa đó đều gọi là đạo. Ở trong đạo ấy, phân biệt tư duy mà làm, ấy gọi là Đạo trí, như trong Kinh nầy đoạn sau nói Đạo trí là việc của Bồ-tát.

Hỏi: Việc Phật đạo đã đầy đủ nên không gọi là Đạo trí, còn A-la-hán, Bích-chi Phật công đức chưa đầy đủ, sao không gọi là Đạo trí?

Đáp: A-la-hán, Bích-chi Phật đối với việc làm của mình đã xong, cho nên không gọi là Đạo trí. Đạo là tướng thực hành vậy.

Lại nữa, trong Kinh nầy nói Thanh văn, Bích-chi Phật. Trong Thanh văn gồm nhiếp ba đạo nên không nói, Phật đạo lớn nên gọi Đạo trí. Thanh văn, Bích-chi Phật đạo nhỏ nên không gọi Đạo trí.

Lại nữa, đại Bồ-tát tự hành đạo, cũng chỉ bày cho chúng sanh mỗi

mỗi hành đạo, vì vậy nói là Bồ-tát hành Đạo trí, được Nhất thiết trí.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết pháp của Nhất thiết trí biết?

Đáp: Như Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ vì các ông nói nhất thiết pháp. Thế nào là nhất thiết pháp? Đó là mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp, mười hai nhập ấy gọi là nhất thiết pháp. Lại có nhất thiết pháp, đó là danh và sắc.

Như bài kệ trong Kinh Phật thuyết lợi chúng nói:

Nếu muốn được quán đúng.
Chỉ có danh và sắc.
Nếu muốn biết thật đúng.
Cũng phải biết danh sắc
Tuy suy tâm nhiều tưởng.
Phân biệt theo các pháp.
Không có việc gì khác.
Ra ngoài danh và sắc.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là sắc, vô sắc pháp; khả kiến, bất khả kiến; hữu đối, vô đối; hữu lậu, vô lậu; hữu vi, vô vi; tâm phi tâm, tâm tương ưng, chẳng phải tâm tương ưng, cộng tâm sanh, bất cộng tâm sanh; theo tâm hành; không theo tâm hành; từ tâm nhân, không từ tâm nhân. Như vậy, vô lượng pháp môn hai pháp, thu nhiếp hết thảy pháp, như trong phẩm Nhiếp Pháp của A-tỳ-đàm nói.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là thiện pháp, bất thiện pháp, vô ký pháp, pháp thấy đế dứt, tư duy dứt, không dứt; pháp có báo, pháp không báo, pháp chẳng có báo chẳng không báo. Như vậy vô lượng pháp môn ba pháp, thu nhiếp hết thảy pháp.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp chẳng quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp hệ thuộc Dục giới, pháp hệ thuộc Sắc giới, pháp hệ thuộc Vô sắc giới, pháp không hệ thuộc; pháp từ nhân thiện, pháp từ nhân bất thiện, pháp từ nhân vô ký, pháp từ nhân chẳng thiện, chẳng bất thiện, chẳng vô ký; pháp có duyên duyên, pháp không duyên duyên, pháp có duyên duyên cũng không duyên duyên, pháp chẳng có duyên duyên chẳng không duyên duyên. Như vậy vô lượng pháp môn bốn pháp, thu nhiếp hết thảy pháp.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp sắc, pháp tâm, pháp tâm số. pháp tâm không tương ưng, pháp vô vi, bốn đế và vô ký vô vi. Như vậy, vô lượng môn năm pháp thu nhiếp hết thảy pháp.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là năm uẩn và vô vi; pháp do Khổ đế đoạn, pháp do Tập, Diệt, Đạo đế tư duy đoạn, và pháp không đoạn. Như

vậy vô lượng pháp môn sáu pháp thu nhiếp hết thảy pháp. Các pháp môn bảy, tám, chín, mười pháp... là các nghĩa phân biệt ở trong A-tỳ-đàm.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là hữu pháp, vô pháp, không pháp, thật pháp, pháp sở duyên, pháp năng duyên, pháp tụ, pháp tán. . .

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp hữu, pháp vô, pháp cũng hữu cũng vô, pháp không, pháp thật, pháp chẳng không chẳng thật, pháp sở duyên, pháp năng duyên, pháp chẳng sở duyên chẳng năng duyên.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp hữu, pháp vô, pháp cũng hữu cũng vô, pháp chẳng hữu chẳng vô, pháp không, pháp chẳng không, pháp không chẳng không, pháp chẳng không chẳng chẳng không; pháp sanh, pháp diệt, pháp sanh diệt, pháp chẳng phải sanh chẳng phải diệt, pháp không sanh không diệt, pháp chẳng phải không sanh, chẳng phải không diệt. Pháp không sanh không diệt cũng chẳng không sanh chẳng không diệt, pháp chẳng không sanh cũng chẳng không diệt cũng chẳng không không sanh chẳng không không diệt.

Lại nữa, nhất thiết pháp đó là pháp có, pháp không, pháp có không, pháp chẳng phải có chẳng phải không, lìa bỏ pháp bốn câu ấy. Không, chẳng không, sanh diệt, chẳng sanh, chẳng diệt, năm câu đều cũng như vậy.

Như vậy vô lượng vô số pháp môn thu nhiếp hết thảy pháp. Lấy trí tuệ vô ngại biết khắp các pháp trên ấy gọi là Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Hết thảy chúng sanh đều cầu trí tuệ, sao chỉ riêng một mình Phật được Nhất thiết trí?

Đáp: Đối với hết thảy chúng sanh, Phật là bậc nhất nên Phật được Nhất thiết trí. Như Phật nói giữa hết thảy chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, Phật là bậc nhất, ví như núi Tu-di tự nhiên là bậc nhất giữa các núi. Như trong bốn đại, hỏa đại là có lực hay chiếu hay đốt. Phật cũng như vậy, tối đệ nhất giữa hết thảy chúng sanh, nên được Nhất thiết trí.

Hỏi: Cớ sao giữa hết thảy chúng sanh, Phật tối đệ nhất?

Đáp: Như trước vừa trả lời, vì được Nhất thiết trí, nay sẽ nói thêm: Phật tự làm lợi ích cũng làm lợi ích chúng sanh, nên ở giữa chúng sanh là tối đệ nhất, như trong các thứ chiếu sáng, mặt trời là đệ nhất; trong hết thảy loài người, Chuyển luân thánh vương là đệ nhất; trong hết thảy hoa sen, hoa sen xanh là đệ nhất, trong hết thảy hoa mọc trên đất, hoa Tu-mạn là đệ nhất; trong hết thảy mộc hương, hương ngưu đầu chiên đàn là

đệ nhất: trong hết thảy ngọc, ngọc như ý là đệ nhất; trong hết thảy giới, thánh giới là đệ nhất, trong hết thảy giải thốt, bất hoại giải thốt là đệ nhất, trong hết thảy thanh tịnh, giải thốt là đệ nhất, trong hết thảy các pháp quán, quán không là đệ nhất; trong hết thảy pháp, Niết-bàn là đệ nhất. Có vô lượng các loại đệ nhất như vậy. Phật cũng như vậy, đối với hết thảy chúng sanh là tối đệ nhất. Vì đệ nhất nên riêng Phật được Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật từ khi mới phát tâm, lấy đại thệ nguyện làm trang nghiêm, muốn cứu vớt hết thảy chúng sanh suy vong nên thực hành khắp đủ các thiện đạo, nhóm đủ mọi điều thiện, hành đủ mọi hạnh khổ, chứa nhóm hết thảy công đức chư Phật; do vô lượng nhân duyên như vậy, nên Phật là đệ nhất giữa hết thảy chúng sanh.

Hỏi: Chư Phật ba đời mười phương, cũng có công đức ấy, cớ sao nói riêng Phật là đệ nhất?

Đáp: Ngoại trừ chư Phật, vì đối các chúng sanh khác nên nói riêng Phật là đệ nhất, chư Phật đồng đẳng hết thảy công đức.

Lại nữa, Tát-bà-nhã-đa (Sarvaynātā) là, Tát-bà là nhất thiết. Nhã là trí. Đa là tướng (tức là tướng Nhất thiết trí). Nhất thiết như trước nói các pháp danh và sắc... Phật biết hết thảy pháp tướng một, tướng khác, tướng lậu, tướng phi lậu, tướng làm, tướng chẳng làm... hết thảy pháp có mỗi mỗi tướng, mỗi mỗi lực, mỗi mỗi nhân duyên, mỗi mỗi quả báo, mỗi mỗi tánh, mỗi mỗi được, mỗi mỗi mất, do lực Nhất thiết trí nên biết cùng khắp hết thảy đời, hết thảy chủng loại. Vì vậy nên nói muốn lấy Đạo chủng trí để được đầy đủ Nhất thiết trí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật: muốn lấy Nhất thiết trí để được đầy đủ Nhất thiết chủng trí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Như khi Phật chứng được Phật đạo đã do Đạo trí được đầy đủ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, sao nay lại nói do Nhất thiết trí được đầy đủ Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Khi Phật đắc đạo tuy do Đạo trí đầy đủ được Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, nhưng chưa dùng Nhất thiết chủng trí, như đại quốc vương khi mới lên ngôi, cõi nước, kho báu đã đầy đủ cầu mà chưa dùng.

KINH: Muốn dùng Nhất thiết chủng trí dứt phiền não tập khí, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

LUẬN: Hỏi: Trong nhất tâm đã có được Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, dứt hết thảy phiền não tập khí, sao nay lại nói do Nhất thiết trí

được đầy đủ Nhất thiết chủng trí, do Nhất thiết chủng trí dứt hết phiền não và tập khí?

Đáp: Thật một lúc được Nhất thiết trí, trong đây vì muốn khiến người tin Bát-nhã Ba-la-mật, nên thứ lớp nói có sai khác. Muốn khiến chúng sanh được tâm thanh tịnh, cho nên nói như vậy.

Lại nữa, tuy trong nhất tâm được, cũng có thứ lớp đầu, giữa, cuối. Như nhất tâm có ba tướng, sanh làm nhân duyên cho trụ, trụ làm nhân duyên cho diệt. Lại như tâm tâm số pháp, các hành bất tương ưng, và thân nghiệp, khẩu nghiệp, do Đạo trí đầy đủ Nhất thiết trí, do Nhất thiết trí đầy đủ Nhất thiết chủng trí, do Nhất thiết chủng trí dứt phiền não và tập khí cũng như vậy.

Trước nói Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Đạo trí gọi là Kim cang tam-muội. Phật sơ tâm tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, lúc ấy phiền não và tập khí dứt hết. Tướng Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí như trước đã nói.

Dứt hết thảy phiền não và tập khí là, phiền não nói lược là ba độc, nói rộng là chín mươi tám sử trong ba cõi. ấy gọi là phiền não. Phiền não tập khí là khí tàn dư của phiền não. Hoặc thân nghiệp, khẩu nghiệp không theo trí tuệ, in tuồng từ phiền não khởi lên, người không biết tâm người khác, thấy sự khởi lên đó sanh tâm bất tịnh, nhưng đó chẳng phải phiền não thật, mà là tập khí phiền não lâu đời khởi lên nghiệp như vậy. Ví như người bị xiềng chân lâu ngày, bỗng được giải thốt, bước đi tuy không có khóa vẫn còn tập khí chướng ngại. Lại như áo nhủ mẫu, lâu cũ dính bẩn, lấy tro giặc sạch, tuy không có bẩn mà hôi bẩn vẫn còn. Áo như tâm thánh nhân, bẩn như các phiền não, tuy lấy nước trí tuệ tẩy sạch mà hơi phiền não vẫn còn. Tập khí như vậy, các Hiền, Thánh khác tuy dứt được phiền não mà không thể dứt tập khí. Như Nan-đà vì tập khí dâm dục, tuy đắc A-la-hán mà khi ngồi giữa chúng nam nữ, con mắt trước hết nhìn chúng nữ rồi cùng họ nói năng thuyết pháp. Như Xá-lợi-phất vì tập khí sân, nên nghe Phật nói ông ăn đồ bất tịnh, liền mửa đồ ăn ra, rồi sau không chịu nhận lời thỉnh. Lại Xá-lợi-phất tự nói kệ rằng:

Người giấu tội vọng niệm.
Vô trí mà giải đãi.
Trọn không muốn hạng ấy.
Dối đến ở gần tôi.

Như Đại Ca-diếp vì tập khí sân, nên sau khi Phật diệt độ kết tập pháp, đã bảo A-nan sám hối tám tội Đột-kiết-la (hay sáu tội? – ND), lại

tự kéo tay A-nan đi ra, vì cho ông là người bất tịnh, lậu hoặc chưa sạch không được cùng kết tập pháp. Như Tất-lăng-già-bà-ta thường mắng nữ thần sông Hằng là tiểu tỳ. Như Ma-đầu-bà-tư-tra vì tập khí trạo hý nên có khi từ giá áo nhảy lên xà nhà, từ xà nhà đến gác, từ gác đến nhà. Như Kiều-phạm-bát-đề vì tập khí nghiệp trâu nên thường nhả thức ăn mà nhai lại. Các Thánh nhân như vậy tuy hết lậu hoặc, mà còn có tập khí phiền não. Như lửa đốt hết củi vẫn còn tro than, sức lửa mỏng không làm cho tiêu hết được. Nếu lửa lúc kiếp tận, thì đốt cháy cả ba ngàn đại thiên thế giới không còn sót vật gì, vì sức lửa lớn. Lửa Nhất thiết trí của Phật cũng như vậy, đốt cháy các phiền não, không còn tàn dư tập khí. Như một Bà-la-môn dùng năm trăm lời nói ác, mắng Phật tại giữa chúng, Phật không đổi sắc, cũng không đổi tâm. Bà-la-môn ấy tâm phục, trở lại dùng năm trăm lời hay tán Phật, Phật không sắc mừng, cũng không tâm vui. Đối với lời chê khen, tâm, sắc không thay đổi.

Lại con gái Bà-la-môn tên Chiên-giá (Cinca) độn bát làm bụng chửa đến phỉ báng Phật, Phật không sắc thẹn, sự tình lộ rõ, Phật không sắc vui. Lúc Chuyển pháp luân cất tiếng khen ngợi đầy khắp mười phương, tâm Phật cũng không cao, Tôn-đà-lỵ (Sundari) chết vu oan cho Phật, tiếng xấu đồn khắp, tâm Phật cũng không hạ. Phật ngồi nằm ở trong quốc độ A-la-tỳ gió lạnh và nhiều cỏ gai, không cho là khổ. Hạ An cư ở trong vườn hoan hỷ trên Trời, ngồi đá Kiếm-bà, mềm mại trong sạch như bông tơ Trời, cũng không cho là vui. Lãnh thọ đồ ăn của Đại thiên vương cúng, không cho là ngon; ở nước Tỳ-lan-nhã ăn lúa ngựa, không cho là dở. Các đại quốc vương cung phụng đồ ăn thượng diệu, không cho là được, vào thành Tát-la khất thực, mang bát không ra về, không cho là mất. Đề-bà-đạt-đa xô đá ở núi Kỳ-xà-quật xuống đè Phật, Phật cũng không ghét, khi ấy La-hầu-la kính tâm tán Phật, Phật cũng không yêu. A-xà-thế thả voi say muốn để hại Phật, Phật cũng không sợ, hàng phục voi cuồng, người thành Vương-xá, càng thêm cung kính, đem hương hoa anh lạc đến cùng dường Phật, Phật cũng không mừng.

Chín mươi sáu phái ngoại đạo cùng lúc hòa nghị với nhau rằng: Chúng ta cũng là người Nhất thiết trí, rồi từ nước Xá-bà-đề đi đến muốn luận nghị với Phật, Phật dùng thần thông, từ trên rốn phóng hào quang, trong hào quang đều có hóa Phật. Quốc vương Ba-tư-nặc cũng ra lệnh khiến đến, còn không lay động được Phật ngồi trên tòa, huống gì luận nghị được với Phật. Phật thấy giặc ngoại đạo đi đến, tâm cũng không thối; phá các ngoại đạo, chư Thiên, người đời càng thêm cung kính cúng dường, tâm cũng không tấn.

Dùng đủ cách như vậy muốn đến hủy báng Phật, không thể làm Phật lay động, ví như vàng thật Diêm-phù-đề, lửa đốt không đổi khác, đập, gõ, mài, giũa, không hoại không đổi khác. Phật cũng như vậy, trải qua các sự hủy nhục, chê bai, nghị luận, không động, không đổi khác. Do vậy biết Phật đã dứt hết phiền não và tập khí không còn.

Hỏi: Các A-la-hán, Bích-chi Phật, đồng dùng trí vô lậu dứt các phiền não và tập khí, cớ sao có sự hết và không hết?

Đáp: Trước đã nói lực trí tuệ mỏng như lửa thế gian, còn lực của Phật lớn như lửa lúc kiếp tận. Nay sẽ đáp thêm: Thanh-văn, Bích-chi Phật chứa nhóm các công đức trí tuệ không lâu, hoặc chỉ trong một đời, hai đời, ba đời, còn Phật ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp rộng tu rộng tập công đức trí tuệ, huân tập thiện pháp lâu đời, nên các phiền não tập khí không còn sót lại.

Lại nữa, Phật đã gom nhiếp hết thảy công đức, cho đến đã dứt vĩnh viễn các phiền não tập khí. Vì sao? vì các công đức thiện pháp làm tiêu các phiền não. Các A-la-hán không được hết thảy công đức nầy, nên chỉ dứt tham ái thế gian mà thẳng vào Niết-bàn,

Lại nữa, lực trí tuệ dứt kiết sử của Phật rất bén, dùng mười trí lực làm đại lực, dùng trí vô ngại đi thẳng qua, nên dứt các kiết sử không còn sót lại. Ví như người có trọng tội, quốc vương rất giận, giết cả cội gốc bảy đời, không cho sót lại. Phật cũng như vậy, đối với giặc nặng phiền não, giết nhổ gốc rễ. không cho sót lại. Vì vậy nên nói, muốn lấy Nhất thiết chủng trí dứt hết thảy phiền não tập khí, hãy nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Chỉ dứt tập khí là cũng trừ phiền não?

Đáp: Có người nói dứt phiền não và tập khí cùng hết, như trước nói tập khí hết không còn sót. A-la-hán. Bích-chi Phật chỉ dứt phiền não, không thể dứt tập khí, Bồ-tát dứt hết thảy phiền não và tập khí, làm cho sạch hết không còn sót.

Có người nói: Phật đã xa lìa dục từ lâu. Như Phật nói: từ khi Ta thấy Phật Định Quang (Nhiên Đăng) đến nay, đã xa lìa dục, dùng lực phương tiện, nên thị hiện có sống chết, có vợ con quyến thuộc.

Có người nói: Từ khi được vô sanh pháp nhẫn lại đây, chứng được thật tướng các pháp, nên dứt hết thảy phiền não và tập khí.

Có người nói: Từ khi Phật mới phát tâm lại đây còn có phiền não, đến khi ngồi đạo tràng, vào cuối đêm mới dứt hết thảy phiền não và tập khí.

Hỏi: Các thuyết như vậy, thuyết nào đúng?

Đáp: Đều tự miệng Phật nói ra, thuyết nào cũng đúng. Ở trong pháp Thanh văn, Phật dùng lực phương tiện thị hiện chịu lấy phép tắc của con người có sanh, già, bệnh, lạnh, nóng, đói, khát... Không có ai sanh ra mà không có phiền não, nên Phật cũng phải theo phép tắc con người, có phiền não; ở dưới cây, bên ngoài trước phá ma quân, bên trong diệt giặc kiết sử. Phá giặc trong ngoài xong, nên thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người đều tin thọ rằng: Người ấy làm được việc ấy, chúng ta cũng sẽ học tập việc ấy. Nếu nói, từ lâu xa đến nay không có phiền não, từ nơi đức Phật Nhiên Đăng được vô sanh pháp nhẫn lại đây, dứt hết phiền não, ấy cũng là phương tiện nói, khiến các Bồ-tát hoan hỷ. Nếu Bồ-tát từ lâu đã dứt hết thảy phiền não rồi, thì khi thành Phật còn làm gì nữa?

Hỏi: Phật có nhiều việc, dứt kiết sử là một việc, ngoài ra còn có việc làm thanh tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh... chưa đầy đủ, vì để đầy đủ các việc nên gọi là Phật?

Đáp: Nếu như vậy, sao Phật nói dứt kiết sử là thân cuối cùng, con người nếu hoàn toàn không có kiết sử, làm sao sanh được?

Hỏi: Từ khi được vô sanh pháp nhẫn lại đây, thường được pháp tánh sanh thân biến hóa chăng?

Đáp: Phép biến hóa, phải có hóa chủ vậy sau mới hóa được, nếu được vô sanh pháp nhẫn, dứt hết thảy kiết sử, khi chết bỏ nhục thân nầy, không có thân thật, thì ai biến hóa? Vì vậy nên biết chứng được vô sanh pháp nhẫn, không phải đã dứt hết kiết sử.

Lại nữa, hàng Thanh văn nói: Bồ-tát không dứt kiết sử, cho đến khi ngồi đạo tràng mới dứt, vậy là quá lầm. Vì cớ sao? Vì trong pháp của ông nói Bồ-tát đã mãn ba A-tăng-kỳ kiếp, sau còn có trăm kiếp, thường được trí Túc mạng, tự nhớ lại thời Phật Ca-diếp từng làm Tỳ-kheo tên là Uất-đa-la tu hành Phật pháp, sao nay còn khổ hạnh sáu năm, tu pháp tà đạo, ngày ăn một hạt mè, hạt gạo? Hậu thân Bồ-tát, một ngày còn không nên lầm huống chi sáu năm? Sân hận cũng như vậy, từ thời lâu xa làm rắn độc, bị thợ săn bắt sống lột da, hãy còn không giận, làm sao thân cuối cùng mà còn giận năm người? Do vậy nên biết người Thanh văn nhận lầm nghĩa của Phật nói. Phật dùng lực phương tiện muốn phá ngoại đạo nên thị hiện sáu năm tu khổ hạnh. Ông nói giận năm người, ấy là phương tiện, cũng là tập khí sân chứ chẳng phải phiền não.

Nay sẽ nói như thật rằng: Bồ-tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, phiền não đã hết, nhưng tập khí chưa trừ, nhân tập khí thọ và pháp tánh sanh thân nên có thể tự tại hóa sanh. Có tâm đại từ bi, vì chúng sanh,

cũng vì mãn bản nguyện nên trở lại thế gian thành tựu đầy đủ những Phật pháp dư tàn. Khi mãn mười địa, ngồi đạo tràng, dùng lực vô ngại giải thốt, chứng được Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, dứt phiền não tập khí.

Người Đại thừa nói: Bồ-tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, hết thảy phiền não và tập khí đều dứt sạch, cũng là sai lầm! Nếu dứt hết rồi, không khác gì Phật, cũng không nên thọ pháp tánh sanh thân. Vì vậy nên Bồ-tát chứng được vô sanh pháp nhẫn, bỏ sanh thân, được pháp tánh sanh thân. Nếu nói đến khi ngồi đạo tràng, tất cả phiền não và tập khí đều hết, lời ấy cũng sai! Vì cớ sao? Vì nếu Bồ-tát có đủ ba độc thì làm sao tích tập vô lượng Phật pháp được? Thí như bình có chất độc, tuy đựng cam lồ đều không nên ăn. Bồ-tát tích tập các công đức thuần tịnh, mới được thành Phật. Nếu xen lẫn ba độc thì làm sao đầy đủ Phật pháp thanh tịnh?

Hỏi: Quán thật tướng pháp và tu bi tâm nên có thể làm cho ba độc mỏng, mỏng cho nên có thể tích tập công đức thanh tịnh?

Đáp: Mỏng ba độc, chỉ có thể được thân chư thiên, Chuyển luân Thánh vương, còn muốn được thân công đức của Phật, không có lẽ đó. Ba độc dứt, tập khí hết, có thể tích tập các công đức.

Lại nữa, gọi là mỏng là như người ly dục, dứt kiết sử ở hạ địa mà còn có phiền não ở thượng địa. Lại như Tu-đà-hoàn kiết sử do thấy Tứ đế đoạn đã hết, mà kiết sử do tư duy đoạn chưa hết, ấy gọi là mỏng. Như Phật nói dứt ba kiết, mỏng dâm, nộ, si, gọi là Tư-đà-hàm. Nếu ông nói mỏng (như trên) thì phải nói là đoạn. Vì vậy nên khi được vô sanh pháp nhẫn dứt phiền não, khi được thành Phật mới dứt phiền não tập khí, ấy là lời nói đúng thật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn lên pháp vị Bồ-tát, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát vị là vô sanh pháp nhẫn. Được pháp nhẫn nầy, xem hết thảy thế gian là không, tâm không nhiễm trước. Ở trong thật tướng các pháp, không còn nhiễm thế gian.

Lại nữa, Ban châu ban tam-muội là pháp vị Bồ-tát. Được Ban châu ban tam-muội nầy, thấy được chư Phật hiện tại trong mười phương, theo Phật nghe pháp, dứt các lưới nghi. Bấy giờ tâm Bồ-tát không lay động, ấy gọi là Bồ-tát vị.

Lại nữa, Bồ-tát vị là đầy đủ sáu Ba-la-mật, sanh trí phương tiện, cũng không trú nôi thật tướng các pháp, tự biết, tự chứng, không theo lời người khác, hoặc ma làm hình Phật đi đến, tâm cũng không mê hoặc.

Lại nữa, do lực nhập Bồ-tát pháp vị nên được gọi là Bồ-tát bất thối.

Lại nữa, đại Bồ-tát, vào trong pháp vị ấy, không đọa vào trong số phàm phu, gọi là người đắc đạo. Tất cả việc thế gian muốn phá hoại tâm ấy, không thể làm lay động. Đóng cửa ba đường ác, đứng trong số Bồ-tát, bắt đầu sanh vào nhà Bồ-tát, thành tựu trí tuệ thanh tịnh.

Lại nữa, trú chót đảnh vị không đọa, ấy là Bồ-tát pháp vị, như nói ở trong học phẩm. Bồ-tát vị trên, không đọa vào ác thú, không sanh nhà hạ tiện, không đọa địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng không từ chót đảnh bị đọa.

Hỏi: Thế nào là chót đảnh bị đọa?

Đáp: Như Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất, nếu đại Bồ-tát không có tâm phương tiện mà hành sáu Ba-la-mật, vào trong không, vô tướng, vô tác, không thể bước lên Bồ-tát vị, cũng không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, ái trước các pháp công đức, đối với năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, chấp thủ tướng, tâm nhiễm trước, nói là đạo phi đạo, là nên làm, là không nên làm, chấp thủ tướng phân biệt như vậy, ấy là Bồ-tát chót đảnh bị đọa. Thế nào là ở chót đỉnh? Như trên đã nói, dứt các pháp ái, đối với pháp ái dứt cũng lại không chấp thủ, như nói ở trong nghĩa trú ở chót đỉnh. Nếu khi Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, trong nội không, không thấy ngoại không; trong ngoại không, không thấy nội không; trong ngoại không, không thấy nội ngoại không; trong nội ngoại không không thấy ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát ngôi trên, được tâm vô đẳng đẳng, cũng không tự cao, biết tâm tướng chân không, các hý luận về hữu, vô dứt.

Hỏi: Sao trong pháp của Thanh văn gọi là chánh vị trong pháp của Bồ-tát thì vị chỉ gọi là vị?

Đáp: Nếu nói chánh vị, cũng không lỗi. Vì cớ sao? Vì nếu nói Bồ-tát ấy thì đã là chánh, như trong pháp Thanh văn chỉ nói vị không nói Thanh văn vị, vì vậy nên nói chánh.

Lại nữa, người học pháp Thanh văn, không có tâm Đại từ bi, vì trí không lanh lợi, chưa sanh tâm nhàm chán, còn cầu biết nhiều pháp, sanh nhiều tà kiến nghi hối, còn Bồ-tát ma-ha-tát có tâm Đại từ thương tất cả, phần nhiều cầu độ thốt chúng sanh khỏi khổ sanh, già, bệnh, chết, không cầu phân biệt các thứ hý luận. Ví như ông Trưởng giả có một người con, hết sức yêu nó, nó mắc bệnh, ông chỉ cầu thuốc hay trị lành bệnh, chứ không cầu phân biệt các tên thuốc, lấy theo thời tiết, hòa

hợp phân số, vì vậy các Bồ-tát từ nôi quả quán Mười hai nhân duyên, không tư nôi nhân quán. Người kiến nhiều thì từ nôi nhân quán, người ái nhiều thì từ nôi quả quán. Các người Thanh văn nhân nôi tà vị nên có chánh vị, Bồ-tát tà vị mỏng nên chỉ gọi là Bồ-tát vị.

Hỏi: Trong pháp Thanh văn, từ khổ pháp nhẫn cho đến đạo tỷ nhẫn, gọi là chánh vị (Khi mới quán khổ đế, gọi là khổ pháp nhẫn, khi biết rõ khổ đế, gọi là khổ pháp trí. Cho đến khi mới quán đạo đế của hai cõi trên, gọi là đạo tỷ nhẫn, khi biết rõ đạo đế của hai cõi trên, gọi là đạo tỷ trí. Nhẫn là nhân, Trí là quả - ND) như trong Kinh nói: Ở trong ba ác đạo, không thể được ba việc là chánh vị, thánh quả, lậu tận. Những người phá giới, tà kiến, tạo tội ngũ nghịch cũng như vậy. Vậy từ pháp gì được gọi là Bồ-tát vị?

Đáp: Phát tâm, tu hành, đại bi và phương tiện đầy đủ. Hành bốn pháp ấy được vào Bồ-tát vị. Như trong pháp Thanh văn, trước hết phải đủ bốn thiện căn là noãn pháp, nhẫn pháp, đảnh pháp, thế đệ nhất pháp, vậy sau mới vào chánh vị "khổ pháp nhẫn".

Hỏi: Trong sự tu hành đều đã gồm đủ bốn pháp, cớ sao lại phân biệt làm bốn?

Đáp: Mới phát tâm, tuy có tu hành mà tu chưa lâu nên không gọi là tu hành. Như người ở nhà, tuy trọn ngày không ở một chỗ, song không gọi là đi.

Lại nữa, khi mới phát tâm, chỉ có ý nguyện, khi hành mới tạo tác, lấy của cho người, thọ trì cấm giới, như vậy hành sáu Ba-la-mật, ấy gọi là tu hành. Tu hành rồi, do Bát-nhã Ba-la-mật biết thật tướng các pháp, do tâm đại bi thương niệm chúng sanh. Nếu không biết thật tướng các pháp, nhiễm trước pháp thế gian hư dối, chịu các thứ thân khổ tâm khổ; ấy chỉ còn mang danh từ đại bi, nên không gọi là tu hành. Phương tiện là đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết các pháp không; đầy đủ đại bi tâm, nên thương xót chúng sanh. Đối hai pháp ấy, do lực phương tiện, nên không sanh nhiễm trước. Tuy biết các pháp không, do lực phương tiện, nên không bỏ chúng sanh; tuy không bỏ chúng sanh, cũng biết các pháp thật không. Nếu đối hai sự ấy bình đẳng, tức được vào Bồ-tát vị, như người Thanh văn đối hai pháp định tuệ được bình đẳng tức được vào chánh vị. Pháp trí, bi, định, tuệ ấy tuy có hành, mà còn có tên gọi khác, không gọi là tu hành. Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, những sự thực hành ở khoảng trung gian ấy, đều gọi là tu hành. Vì có sai khác chút ít nên có tên gọi khác, là điều dễ hiểu, ví như có người mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn độ thốt hết

thảy chúng sanh khỏi các khổ thân tâm sanh, già, bệnh, chết, phát lời thề lớn để trang nghiêm, do công đức và tuệ minh nên sở nguyện đều viên mãn. Hai việc ấy có sáu phần tu hành gọi là sáu Ba-la-mật, bố thí, trí giới, nhẫn nhục là phần công đức, tinh tấn, thiền định, trí tuệ là phần tuệ minh.

Tu hành sáu Ba-la-mật, biết các pháp tướng thậm thâm vi diệu, khó hiểu khó biết, suy nghĩ rằng: Chúng sanh nhiễm trước các pháp trong ba cõi, lấy nhân duyên gì để khiến chúng sanh hiểu được các pháp tướng? Hãy lấy các công đức đầy đủ, trí tuệ thanh tịnh, thành tựu thân Phật ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng, đầy đủ thần thông vô lượng. Lấy Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp không chung, Bốn trí vô ngại, xem xét người có thể độ, thì thuyết pháp khai hóa, ví như chim Kim sí xem khắp các con rồng, con nào mạng sắp tận, dùng cánh quạt khắp biển nước rẽ hai bên, rồi bắt lấy mà ăn. Phật cũng như vậy, dùng Phật nhãn xem chúng sanh trong năm đường ở mười phương thế giới, ai đáng được độ, thì đầu tiên hiện thần thông, tiếp đến mô bày tâm ý họ, do hai việc ấy, trừ ba chướng ngại rồi thuyết pháp cho họ, đưa chúng sanh ra khỏi ba cõi. Được Phật lực có vô lượng thần thông, giả sử hư dối còn có thể tin được, huống là nói thật! Ấy gọi là phương tiện. . .

Lại nữa, Bồ-tát dùng Bát-nhã Ba-la-mật biết tướng các pháp, nhớ bổn nguyện muốn độ chúng sanh của mình mà suy nghĩa rằng, trong thật tướng các pháp, chúng sanh là không thể có được, sẽ làm sao độ? Lại suy nghĩ rằng, trong thật tướng các pháp, chúng sanh tuy không thể có được, nhưng vì chúng sanh không biết thật tướng các pháp ấy, nên muốn khiến cho chúng sanh biết được thật tướng ấy.

Lại nữa, thật tướng pháp ấy cũng không ngại chúng sanh. Thật tướng pháp ấy gọi là không bị trừ hoại, cũng không tạo tác, ấy gọi là phương tiện. Đầy đủ bốn pháp ấy, được vào Bồ-tát vị.

KINH: Muốn qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú địa vị không thối chuyển, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Bồ-tát khi vào pháp vị, tức đã qua địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, mà trú địa vị không thối chuyển, cớ sao còn nói lại?

Đáp: Tuy ba việc một lúc, mà các pháp tương ưng khác nhau, nên thứ lớp tán thán, như trong nhất tâm một lúc được năm vô lậu căn, mà phân biệt nói mỗi tướng của nó. Bồ-tát khi vào pháp vị, dứt bao nhiêu kiết sử, được bao nhiêu công đức, qua khỏi địa vị nào, trú ở địa vị nào, chỉ có Phật biết được. Cũng vì muốn dẫn dắt các Bồ-tát nên Phật mỗi

mỗi tán thán. Như mở đầu Kinh nầy nói, Phật ở núi Kỳ-xà-quật cùng với năm ngàn Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán, đã hết các lậu, việc cần làm đã làm xong. A-la-hán chính là lậu hết, lậu hết chính là việc cần làm đã làm xong, cũng vì dẫn dắt người khác khiến cho tâm họ thanh tịnh, nên mỗi mỗi nói lời tán thán, không có lỗi. Đây cũng như vậy, vào pháp vị tức là qua khỏi địa vị A-la-hán, Bích-chi Phật, mà trú ở địa vị bất thối chuyển.

Lại nữa, nhân vào pháp vị nên được qua khỏi địa vị A-la-hán, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thối chuyển.

Hỏi: Vào trong pháp vị là qua khỏi già, bệnh, chết, dứt hết các kiết sử, phá ba ác đạo v.v… trước đã nói, sao đây lại chỉ nói qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật cũng trú các công đức? Vì sao chỉ nói trú ở địa vị bất thối chuyển?

Đáp: Bỏ các việc ác, được các công đức, sau sẽ thứ lớp nói đến công đức về chỗ ở. Các pháp cần phải có thứ lớp, không thể cùng nói một lần.

Lại nữa, Bồ-tát khi mới phát tâm, điều đáng sợ nhất là địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Giả sử đọa địa ngục cũng không sợ bằng, vì không vĩnh viễn phá đạo Đại thừa. A-la-hán, Bích-chi Phật đối với Đại thừa nầy cho là đã diệt vĩnh viễn, ví như chỗ đất trống có cây tên là Xá-ma-lê, cành lá rộng lớn, nhiều chim tụ lại ngủ, một con bồ câu đến sau, đậu trên một cành, cành lá đó liền bị khô gãy. Thần đầm hỏi thần cây: Chim lớn như chim cắt, chim thứu đến đậu thì cây chịu nổi, còn chim nhỏ đến đậu lại không chịu nổi? Thần cây trả lời: Chim nhỏ này từ trên cây Ni-câu-lô oan gia với ta bay đến, nó ăn trái cây kia rồi đến đậu trên ta, chắc sẽ ỉa ra, hạt rồi xuống đất, cây ác lại mọc lên, gây hại rất lớn. Vì vậy, đối với một chim bồ câu, lòng rất lo sợ, thà bỏ một cành, mà được toàn vẹn cây to lớn. Bồ-tát cũng như vậy, đối với các ngoại đạo, ma chúng, các kiết sử, ác nghiệp, không sợ bằng sợ A-la-hán, Bích-chi Phật. Vì cớ sao? Vì Thanh văn, Bích-chi Phật ở bên Bồ-tát cũng như chim bồ câu kia, làm bại hoại tâm Đại thừa, dứt luôn sự nghiệp thành Phật, vì vậy nên chỉ nói qua khỏi địa vị Thanh văn Bích-chi Phật.

Trú ở địa vị bất thối chuyển là từ khi mới phát tâm lại đây, thường ưa thích trú ở địa vị bất thối chuyển. Nghe các Bồ-tát phần nhiều thối chuyển nên khi phát tâm, lập nguyện rằng: Lúc nào sẽ được qua khỏi địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thối chuyển! Vì vậy nên nói trú ở địa vị bất thối chuyển.

Hỏi: Thế nào là địa vị bất thối chuyển?

Đáp: Nếu Bồ-tát quán hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng chẳng sanh, chẳng chẳng diệt, chẳng chung chẳng phải không chung, quán các pháp như vậy, được thốt khỏi ba cõi, chẳng vì không, chẳng vì phi không, một lòng tin nhận thật tướng trí tuệ của mười phương chư Phật sở dụng, không thể hoại, không thể động, ấy gọi là pháp vô sanh nhẫn; pháp vô sanh nhẫn chính là địa vị bất thối chuyển.

Lại nữa, vào Bồ-tát vị là địa vị bất thối chuyển, qua khỏi Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng gọi là địa vị bất thối chuyển. . .

Lại nữa, trú ở địa vị bất thối chuyển, đời đời thường được quả báo thần thông, không mất không lui. Nếu Bồ-tát được hai pháp ấy, thì tuy ngộ được thật tướng các pháp mà vì tâm đại bi nên không bỏ chúng sanh.

Lại có hai pháp:

1. Trí tuệ thanh tịnh.
2. Trí tuệ phương tiện.

Lại có hai pháp:

1. Thâm tâm niệm tưởng Niết-bàn.
2. Việc làm không lìa thế gian.

Ví như rồng lớn, đuôi ở biển cả, đầu ở hư không, chấn động sấm chớp mà đổ mưa lớn.

Lại nữa, Bồ-tát bất thối chuyển, được trí tuệ thật tướng của các pháp ấy, đời đời không mất, không bao giờ tạm lìa, đối với thâm kinh của chư Phật, không bao giờ nghi cũng không làm trở ngại. Vì cớ sao? Vì ta chưa được Nhất thiết trí nên không biết vì phương tiện gì, nhân duyên gì nói ra như vậy. Bồ-tát bất thối chuyển, thường với thâm tâm không bao giờ sanh ác. Bất thối chuyển với thâm tâm thì tích tập các thiện, còn thiển tâm thì làm các bất thiện.

Hỏi: Nếu tướng của bất thối chuyển là được pháp vô sanh nhẫn, sao còn thiển tâm làm các bất thiện?

Đáp: Có hai thứ bất thối chuyển:

1. Được pháp vô sanh nhẫn.

2. Tuy chưa được pháp vô sanh nhẫn, nhưng Phật biết nhân duyên tác nghiệp quá khứ, vị lai của người ấy, chắc sẽ thành Phật, nên vì lợi ích người hai bên, Phật thọ ký cho người ấy. Vị Bồ-tát này tuy còn mang nhục thân sanh tử, kiết sử chưa dứt, nhưng là tối đệ nhất đối với hàng phàm phu, ấy cũng gọi là tướng bất thối chuyển. Nếu được pháp vô sanh nhẫn, dứt các kiết sử, thì được thanh tịnh, hết nhục thân cuối cùng, được pháp tánh sanh thân, kiết sử không làm ngăn ngại, không cần dạy răn,

như chiếc thuyền ở giữa sông lớn, không cần điều khiển, tự trôi đến biển lớn.

Lại nữa, có khi mới phát tâm, sanh nguyện lớn, nguyện dứt các phiền não, biết thật tướng các pháp, liền được bất thối chuyển. Có khi chỉ hành Bố thí Ba-la-mật, liền đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Có khi hành sáu Ba-la-mật, chưa được bất thối chuyển, đến khi sanh tâm đại bi đối với chúng sanh, liền được bất thối chuyển. Có khi được tâm đại bi mà lại nghĩ rằng: Nếu các pháp đều không, không có chúng sanh, thì có thể độ ai, khi ấy bi tâm liền yếu kém. Hoặc thấy chúng sanh đáng thương mà đối với các pháp, trí quán "không" còn yếu kém. Nếu được lực phương tiện đối với hai điều ấy, đồng đẳng không thiên lệch, tâm đại bi không ngăn ngại thật tướng các pháp, ngộ được thật tướng các pháp, không ngăn ngại tâm đại bi phát sanh, có phương tiện như vậy, khi ấy liền được vào Bồ-tát pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, như đã nói trong phẩm Vãng sanh.

Lại nữa, tướng bất thối chuyển như hai phẩm Bất thối chuyển ở sau sẽ nói.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 28

43. GIẢI THÍCH SÁU THẦN THÔNG

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn trú ở sáu thần thông, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Như đã nói trong phẩm Tán thán Bồ-tát, các Bồ-tát đều được năm thần thông, nay vì sao nói muốn trú ở sáu thần thông?

Đáp: Năm thông là sở đắc của Bồ-tát, nay muốn trú sáu thần thông là sở đắc của Phật. Nếu Bồ-tát được sáu thần thông thật, thì có thể đưa đến nạn vấn như thế.

Hỏi: Trong phẩm Vãng sanh nói: Bồ-tát trú ở sáu thần thông, đi đến các nước Phật, sao nay nói Bồ-tát đều được năm thông?

Đáp: Lậu tận thông thứ sáu có hai thứ: 1. Lậu và tập khí đều hết. 2. Lậu hết mà tập khí chẳng hết. Tập khí không hết nên nói đều được năm thông, lậu hết nên nói trú ở sáu thần thông.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đã hết lậu, tại sao còn sanh tại sao thọ sanh? Hết thảy sự thọ sanh đều do ái tương tục nên có, ví như gạo tuy có được ruộng tốt, gieo đúng thời, tưới tẩm, cũng không thể mọc được. Các bậc thánh nhân đã thốt khỏi lớp vỏ ái, tuy có nhân duyên của nghiệp hữu lậu sanh, cũng không thể sanh được?

Đáp: Trước đã nói, Bồ-tát vào pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, hết nhục thân cuối cùng, được pháp tánh sanh thân; tuy đã dứt các phiền não, mà còn nhân duyên của tập khí phiền não, nên thọ pháp tánh sanh thân, chứ chẳng phải sanh ở ba cõi.

Hỏi: A-la-hán phiền não đã hết, tập khí chưa hết vì sao không sanh?

Đáp: A-la-hán không có tâm đại từ bi, không có bổn thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh; lại lấy việc tác chứng thật tế, đã lìa sanh tử.

Lại nữa, trước đã đáp có hai thứ lậu hết, trong đây không nói Bồ-tát được Lậu tận thông, chỉ tự nói người muốn được sáu thần thông, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa của sáu thần thông như Phật nói ở phẩm sau. Phẩm Tán thán Bồ-tát trên kia, cũng đã nói nghĩa năm thần thông của

Bồ-tát.

Hỏi: Thần thông có thứ lớp thế nào?

Đáp: Bồ-tát lìa năm dục, được các thiền, có từ bi nên vì chúng sanh mà thủ lấy thần thông, hiện các việc hy hữu kỳ lạ, khiến chúng sanh tâm được thanh tịnh. Vì cớ sao? Vì nếu không có việc hy hữu thì không thể khiến nhiều chúng sanh đắc độ.

1. Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, buộc tâm vào chỗ hư không trong thân, diệt tướng sắc thô trọng, thường thủ lấy tướng rỗng nhẹ, phát tâm đại dục tinh tấn, trí tuệ trù lượng, thử sức tâm có thể cất nổi thân chưa? Trù lượng rồi, tự biết sức tâm lớn, có thể cất nổi thân, ví như học bay, thường bỏ tướng sắc thô trọng mà thường tu tập theo tướng rỗng nhẹ, bấy giờ liền bay được.

2. Cũng có thể biến hóa các vật, khiến đất thành nước, nước thành đất, gió thành lửa, lửa thành gió, các đại như vậy, đều làm cho nó chuyển đổi, khiến vàng thành ngói gạch, ngói gạch thành vàng, các vật như vậy, đều khiến biến hóa. Muốn biến đất thành nước, thường tu tập niệm tưởng nước làm cho nhiều hôn, không còn niệm tưởng tướng đất, khi ấy tướng đất theo như niệm tưởng biến thành nước; các vật như vậy, đều có thể biến hóa.

Hỏi: Nếu như vậy thì có khác gì với tu nhất thiết nhập?

Đáp: Tu nhất thiết nhập là bước đầu của thần thông. Trước đã được nhất thiết nhập, tám bội xả, tám thắng xứ, làm cho tâm nhu nhuyến chiết phục, vậy sau mới dễ vào thần thông.

Lại nữa, trong nhất thiết nhập, chỉ riêng mình tự thấy đất biến thành nước, còn người khác không thấy, trong thần thông thì không vậy, tự thấy thật là nước, người khác cũng thấy thật là nước.

Hỏi: Nhất thiết nhập cũng là đại định, cớ sao không khiến thành nước thật cho mình và người đều thấy?

Đáp: Đối tượng của pháp quán nhất thiết nhập rộng, nên chỉ có thể làm cho tất cả thành nước, mà không thể làm cho thật là nước. Còn thần thông không thể khắp tất cả chỗ, mà chỉ có thể khiến đất chuyển thành nước, bèn thành nước thật, vì vậy nên hai định lực khác nhau.

Hỏi: Việc biến hóa của hai định ấy là thật hay là hư? Nếu thật, làm sao đá thành vàng, đất thành nước? Nếu hư, tại sao thánh nhân mà làm việc không thật?

Đáp: Đều thật, Thánh nhân không hư, vì đã nhổ hết ba độc, và vì các pháp không có tướng nhất định, nên có thể chuyển đất thành nước… như sáp, keo là loại đất mà gặp lửa thì tiêu ra nước, thành tướng ướt.

Nước gặp lạnh thì kết thành băng, là tướng cứng, như đá thành vàng, vàng hỏng thành đồng hoặc trở lại đá. Chúng sanh cũng như vậy, ác có thể thành thiện, thiện có thể thành ác, vì vậy nên biết hết thảy pháp không có tướng nhất định. Dùng sức thần thông biến hóa, là thật chứ không dối. Nếu pháp vốn có tướng nhất định, thì không thể biến.

3. Thần thông của các Hiền, Thánh, tùy ý tự tại đối với sáu trần, thấy đẹp có thể sanh ý tưởng chán, thấy xấu có thể sanh ý tưởng vui, cũng có thể lìa ý tưởng đẹp xấu mà hành tâm xả, ấy gọi là ba loại thần thông. Thần thông tự tại này, chỉ Phật mới đầy đủ. Bồ-tát được thần thông dạo qua các nước Phật, đối với ngôn ngữ bất đồng của các nước khác nhau và đối với âm thanh của chúng sanh vi tế, xa xôi không nghe được, nên cầu có Thiên nhỉ thông. Thường nhớ nghĩ đến nhiều loại tiếng lớn, thủ lấy tướng ấy tu hành, thường tu tập, nên được có tai tạo thành bởi sắc thanh tịnh của tứ đại cõi Sắc, được rồi, bèn nghe xa đối với âm thanh người, trời, thô, tế; xa, gần đều thông suốt không ngăn ngại.

Hỏi: Như trong Thiền kinh nói: Trước hết được Thiên nhãn, thấy chúng sanh mà không nghe được tiếng, nên cầu được Thiên nhĩ thông. Được Thiên nhãn, Thiên nhó thấy biết được thân hình, âm thanh của chúng sanh, mà không hiểu được ngôn ngữ, các lời lo, mừng, khổ, vui, nên cầu được trí tư vô ngại. Chỉ biết lời mà không biết được tâm, nên cầu được trí biết Tha tâm. Biết tâm mà chưa biết từ đâu đến, nên cầu được Túc mạng thông. Đã biết từ đâu đến, lại muốn trị tâm bệnh cho họ nên cầu được Lậu tận thông. Được đầy đủ năm thông rồi, mà không thể biến hóa cho nên việc độ thốt chưa rộng, không thể hàng phục người tà kiến, người đại phúc đức, nên cầu được thần thông Như ý. Thứ lớp phải như vậy, cớ sao đây nói trước tiên cầu thần thông Như ý?

Đáp: Chúng sanh kẻ thô thì nhiều, kẻ tế thì ít, cho nên trước dùng thần thông Như ý, thần thông Như ý gồm được cả thô tế, độ người được nhiều nên nói trước.

Lại nữa, các thần thông được pháp khác nhau, số pháp khác nhau. Được pháp nhiều thì trước cầu Thiên nhãn, vì dễ được. Hành giả dùng các ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, ngọc, lửa… thủ lấy tướng sáng của nó, thường siêng tinh tấn, khéo tu tập, ngày đêm không đổi khác, hoặc trên hoặc dưới, hoặc trước hoặc sau, đồng nhất sáng suốt, không bị ngăn ngại, khi ấy bắt đầu được Thiên nhãn thần thông. Các thần thông khác thứ lớp được, như vừa nói.

Lại nữa, Phật như chỗ tự chứng được mà thứ lớp nói cho người. Phật đầu đêm được một thông một minh, đó là Như ý thông và Túc mạng

minh; giữa đêm được Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh; cuối đêm được Tha tâm trí thông và Lậu tận minh. Cầu được minh phải dụng công nhiều nên nói sau. Thông và minh thứ lớp được, như bốn quả Sa-môn, quả lớn thì ở sau.

Hỏi: Nếu Thiên nhãn dễ được nên ở trước, sao Bồ-tát không trước được Thiên nhãn?

Đáp: Bồ-tát đối với các pháp đều dễ không khó, còn người khác vì độn căn nên có khó có dễ.

Lại nữa, đầu đêm ma vương đến muốn chiến đấu với Phật, Bồ-tát dùng sức thần thông biến hóa các thứ làm cho binh khí của ma đều thành anh lạc. Hàng ma xong, tiếp nghĩ đến thần thông muốn cho đầy đủ. Mống tâm liền vào, liền được đầy đủ thần thông. Hàng ma xong, tự nghĩ một thân làm sao được sức lớn? Bèn cầu Túc mạng minh, tự biết do năng lực phước đức đã tích tụ nhiều đời. Giữa đêm ma liền đi xa, vắng lặng không tiếng, vì thương xót tất cả, nghĩ tới tiếng chúng ma, phát sanh Thiên nhó thông và Thiên nhãn minh. Dùng Thiên nhó ấy, nghe tiếng khổ vui của chúng sanh trong mười phương năm đường. Nghe tiếng xong muốn thấy hình mà bị ngăn che không thấy nên cầu được Thiên nhãn. Lúc cuối đêm đã thấy thân hình chúng sanh lại muốn biết tâm của chúng, nên cầu Tha tâm trí. Biết tâm chúng sanh đều muốn lìa khổ cầu vui, nên Bồ-tát cầu Lậu tận thông. Trong các thứ vui, vui Lậu tận hơn hết, nên làm cho chúng sanh chứng được.

Hỏi: Bồ-tát đã được vô sanh pháp nhẫn, đời đời thường được quả báo thần thông, sao nay tự nghĩ, đã thấy chúng sanh mà không biết tâm của chúng?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát:

1. Pháp tánh sanh thân Bồ-tát.

2. Vì độ chúng sanh nên phương tiện chịu làm thân theo phép tắc của con người, sanh vào nhà vua Tịnh phạn, ra dạo bốn cửa thành, hỏi người già, bệnh, chết, làm vị Bồ-tát ngồi dưới cây thọ vương, đầy đủ sáu thần thông.

Lại nữa, Bồ-tát thần thông, trước đã có mà chưa đầy đủ, nay đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm chứng được, ấy là Phật thần thông. Làm theo phép tắc của con người nên tự nghi, không có lỗi.

Hỏi: Theo thứ lớp sáu thần thông, thì nên trước hết là Thiên nhãn, cuối cùng là Lậu tận thông. Song cũng có khi không theo thứ lớp như vậy chăng?

Đáp: Phần nhiều trước có Thiên nhãn, sau là Lậu tận trí, hoặc có

khi tùy chỗ ưa tu mà được Thiên nhĩ trước hoặc thần túc trước.

Có người nói, ở Sơ thiền, Thiên nhĩ dễ được, vì có bốn tâm được giác quán (nhãn, nhĩ, thân, ý thức – N.D); ở Nhị thiền, Thiên nhãn dễ được, vì nhãn thức không có, tâm thu nhiếp không tán loạn; ở Tam thiền, Như ý thông dễ được, vì thân thụ hưởng khối lạc; ở Tứ thiền, các thông đều dễ được, vì là chỗ hết thảy an ổn.

Nghĩa của Túc mạng, Tha tâm, Lậu tận như trong đoạn Mười lực đã nói.

KINH: Muốn biết hết thảy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Trong sáu thông đã nói thần thông biết Tha tâm, sao nay còn nói lại?

Đáp: Cảnh giới của Tha tâm thông ít, chỉ biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh hiện tại ở cõi Dục cõi Sắc, chứ không biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh ở quá khứ, vị lai và ở cõi Vô sắc. Thần thông phàm phu thì đối với Tứ thiền địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong bốn châu thiên hạ; Thần thông Thanh văn, đối với Tứ thiền trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong ngàn thế giới. Thần thông Bích-chi Phật, đối với Tứ thiền địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong trăm ngàn thế giới. Người độn căn ở địa trên không thể biết tâm tâm số pháp của người lợi căn ở địa dưới; phàm phu không biết được tâm tâm số pháp của Thanh văn, Thanh văn không biết được tâm tâm số pháp của Bích-chi Phật; Bích-chi Phật không biết được tâm tâm số pháp của Phật. Vì vậy nên nói muốn biết hết thảy chúng sanh tâm hành hướng về đâu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Lấy trí gì mà biết được tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh?

Đáp: Các đức Phật có giải thốt vô ngại, vào trong giải thốt ấy có thể biết được tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh. Các đại Bố-tát được giải thốt vô ngại tương tợ, cũng có thể biết tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh. Tân học Bồ-tát muốn được giải thốt vô ngại của đại Bồ-tát ấy và của Phật, dùng giải thốt vô ngại ấy mà biết tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh. Đại Bồ-tát thì muốn được giải thốt vô ngại của Phật, nên tuy đã nói biết Tha tâm thông, nay còn nói muốn biết hết thảy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Tâm xu hướng về đâu, tâm có đi hay không đi? Nếu có đi,

thì ở đây không có tâm, giống như người chết; nếu không đi thì làm sao biết được? Như Phật nói, nương ý duyên pháp mà có ý thức sanh ra, nếu ý không đi thì không hòa hợp (với pháp – N.D)?

Đáp: Tâm không đi không ở mà có thể biết, như trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Hết thảy pháp không có tướng đi đến, làm sao nói tâm có đi đến? Lại nói các pháp khi sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi đâu, nếu có đến đi tức rơi vào thường kiến. Các pháp không có tướng nhất định. Vì vậy nên chỉ do trong sáu căn ngoài sáu trần hòa hợp sanh sáu thức, và sanh sáu thọ, sáu tưởng, sáu tư. Do vậy, nên tâm như huyễn hóa, có thể biết tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh, mà không có người biết, không có người thấy. Như trong phẩm Tán thán Đại thừa nói: Nếu tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh, tánh thật có không hư dối, thì Phật không thể biết tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh; vì tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh, tánh thật hư dối, không đến không đi, nên Phật biết được tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh. Ví như Tỳ-kheo người tham cầu thì không được cúng dường, người không tham cầu thì không thiếu thốn chi. Tâm cũng như vậy, nếu phân biệt thủ tướng, thì không được thật tướng pháp, không được thật tướng pháp, thì không thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh. Nếu không thủ tướng, không phân biệt, thì được thật tướng pháp, được thật tướng pháp nên có thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thảy chúng sanh không ngăn ngại.

Hỏi: Các tâm của tất cả chúng sanh có thể biết được hết ư? Nếu biết hết thì chúng sanh có biên giới, nếu không biết thì cớ sao nói muốn biết hết thảy chúng sanh tâm xu hướng về đâu? Làm sao Phật có được Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tâm tâm số pháp của tất cả chúng sanh, có thể biết hết được. Vì cớ sao? Vì như trong Kinh nói: Trong tất cả người nói thật, Phật là hơn cả. Nếu không thể biết tâm của hết thảy chúng sanh đến tận biên tế, thì sao Phật nói biết hết? Cũng không gọi là người Nhất thiết trí, nhưng lời Phật nói đều thật, chắc chắn phải thật có người Nhất thiết trí.

Lại nữa, chúng sanh tuy vô biên thì Nhất thiết chủng trí cũng vô biên. Ví như hộp lớn nắp cũng lớn. Nếu trí tuệ có biên mà chúng sanh vô biên, mới nên có vấn nạn ấy. Nay trí tuệ và chúng sanh đều vô biên, thì vấn nạn của ông sai.

Lại nữa, nếu nói hữu biên vô biên, hai điều ấy ở trong Phật pháp bỏ qua không đáp. Mười bốn việc ấy vì hư dối không thật, vô ích không nên vấn nạn.

Hỏi: Nếu hữu biên vô biên, đều không thật, nhưng Phật nhiều chỗ nói vô biên, như nói chúng sanh có si ái trở lại đây vô thỉ vô biên, mười phương cũng vô biên tế?

Đáp: Chúng sanh vô biên, trí tuệ Phật vô biên, ấy là thật. Nếu ai chấp trước vô biên, thủ tướng hý luận, Phật nói đó là tà kiến. Ví như nói thế gian thường hoặc vô thường, cả hai đều điên đảo, rơi vào trong mười bốn nạn vấn, nhưng Phật phần nhiều dùng nghĩa vô thường để độ chúng sanh, ít dùng nghĩa hữu thường. Nếu chấp trước vô thường, thủ tướng hý luận, thì Phật nói đó là tà kiến hư vọng. Nếu không chấp trước vô thường, biết vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không, được như vậy nương vô thường quán mà vào các pháp không, bèn là thật. Vì vậy nên biết vô thường đứng vào trong chân đế, là thật, đứng vào trong mười bốn nạn vấn, vì lý do chấp trước, nên nói là tà kiến. Thế nên nói vô thường để rõ vô biên, vô biên nên chúng sanh nhàm chán sanh tử dài lâu, ví như bốn mươi Tỳ-kheo ở nước Ba-lê cùng tu mười hai tịnh hạnh, đi đến chỗ Phật, Phật dạy cho hạnh yểm ly. Phật hỏi Tỳ-kheo: Năm sông là Hằng-già, Lam-mâu-na, Tát-la-do, A-chỉ-la-bà-đề, Ma-hê, từ chỗ phát nguyên chảy vào biển cả, nước trong biển ấy nhiều hay ít? Tỳ-kheo thưa: Rất nhiều! Phật nói: Chỉ một người trong một kiếp, khi làm súc sanh bị giết, cắt, lột, hoặc khi phạm tội bị cắt tay chân, chặt đầu, huyết chảy ra như vậy, nhiều hơn nước biển kia. Như vậy trong vô biên đại kiếp, thọ thân xuất huyết không thể kể xiết, kêu khóc rơi lệ và uống sữa mẹ, cũng nhiều như vậy. Một người trong một kiếp chứa xương chất quá hơn núi lớn Tỳ-phú-la (núi này người Thiên trúc thường trông thấy, dễ tin, cho nên nói đến). Chịu khổ sanh tử trong vô lượng kiếp như vậy. Các Tỳ-kheo nghe như vậy, nhàm ghét thế gian, tức thời đắc đạo.

Lại nữa, nghe nói mười phương chúng sanh nhiều vô biên liền sanh tâm hoan hỷ thọ giới bất sát được vô biên phước đức. Do nhân duyên ấy đối Bồ-tát mới phát tâm, hết thảy chúng sanh trong thế gian đều nên cúng dường. Vì cớ sao? Vì độ chúng sanh trong vô biên thế giới, nên công đức cũng vô biên, có lợi ích như vậy nên nói "Vô biên". Vì vậy nên nói biết hết thảy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, như mặt trời chiếu thiên hạ, một lúc cùng chiếu đến, khắp nơi đều sáng.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn hơn trí tuệ của hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Thế nào là trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Do tướng chung tướng riêng quán thật tướng các pháp, đó là trí tuệ Thanh văn, như trong Kinh nói: Đầu lấy trí tuệ phân biệt các

pháp, sau dùng trí tuệ Niết-bàn. Trí tuệ phân biệt các pháp là tướng riêng, trí tuệ Niết-bàn là tướng chung.

Lại nữa, biết pháp ấy là mở, pháp ấy là trói, là lưu chuyển, là trở về, là sanh, là diệt, là vị ngọt, là tai họa, là nghịch, là thuận, là bờ này, là bờ kia, là thế gian, là xuất thế gian, phân biệt các pháp theo hai môn, gọi là trí tuệ Thanh văn.

Lại nữa, có ba thứ trí tuệ, là biết năm thọ uẩn tập như vậy, tán như vậy, xuất như vậy; là vị ngọt, là tai hoạ, là xuất ly. Trí tuệ tương ưng với ba giải thốt môn. Như vậy phân biệt các pháp theo ba môn.

Lại nữa, có bốn thứ trí tuệ, là trí về bốn niệm xứ; trí pháp; trí tỷ (loại trí), trí tha tâm, trí thế; trí khổ, trí tập, trí diệt, trí đạo; trí biết bất tịnh, trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết vô ngã; trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết không, trí biết vô ngã; trí pháp, trí tỷ, trí tận, trí vô sanh. Như vậy phân biệt các pháp theo bốn môn.

Lại nữa, từ khổ pháp trí nhẫn tuệ cho đến Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam muội, Vô tác vô tác tam-muội trí, các trí tuệ có được ở khoảng trung gian ấy đều là trí tuệ Thanh văn. Nói lược là nhàm chán thế gian, niệm tưởng Niết-bàn lìa ba cõi đoạn các phần não, đắc pháp tối thượng là Niết bàn ấy gọi là trí tuệ Thanh văn.

Lại nữa, như trong phẩm Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa nói: tướng trí tuệ Bồ-tát và trí tuệ Thanh văn là một trí tuệ. Chỉ vì Thanh văn không có phương tiện, không có thệ nguyện rộng lớn trang nghiêm, không có tâm đại từ đại bi, không cầu hết thảy Phật pháp, không cầu Nhất thiết chủng trí biết hết thảy pháp, chỉ nhàm chán già, bệnh, chết, dứt các ái buộc ràng, thẳng đến Niết-bàn, ấy là khác.

Hỏi: Thanh văn như vậy, còn trí tuệ Bích-chi Phật thế nào?

Đáp: Trí tuệ Thanh văn tức là trí tuệ Bích-chi Phật, chỉ có sai biệt là thời tiết, lợi căn, phước đức. Thời tiết là lúc không có Phật ở đời cũng không có Phật pháp, do một ít nhân duyên xuất gia đắc đạo, gọi là Bích-chi Phật. Lợi căn là khác, pháp tướng là đồng, chỉ do trí tuệ vào sâu mà được đạo Bích-chi Phật. Phước đức là có tướng, hoặc một tướng, hai tướng cho đến ba mươi mốt tướng. Hoặc gặp được thánh pháp trong Phật pháp đời trước, sau khi pháp diệt chứng thành A-la-hán, ấy gọi là Bích-chi Phật, thân không có tướng hảo. Có vị Bích-chi Phật mau nhất là tu hành bốn đời, lâu là tu hành trăm kiếp, như Thanh văn có vị mau là ba đời lâu là sáu mươi kiếp. Nghĩa này trước đã nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói bốn quả Sa-môn, bốn bậc Thánh nhân, từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán; năm hạng Phật tử, từ Tu-đà-hoàn cho đến

Bích-chi Phật; ba thứ Bồ-đề là Thanh văn Bồ-đề, Độc-giác Bồ-đề, Phật Bồ-đề. Như vậy, trong quả, trong Thánh, trong Phật tử, trong Bồ-đề đều không có Bồ-tát, tại sao nói Bồ-tát hơn trí tuệ của hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Phật pháp có hai: 1. Thanh văn, Bích-chi Phật pháp. 2. Đại thừa pháp. Pháp Thanh văn nhỏ nên chỉ tán thán việc Thanh văn, không nói đến việc Bồ-tát; pháp Đại thừa rộng lớn nên nói việc của đại Bồ-tát là phát tâm, tu hành, mười địa, vào pháp vị, tịnh quốc độ Phật, thành tựu chúng sanh, chứng được Phật đạo. Trong pháp này nói, Bồ-tát ở dưới Phật, hãy nên như cúng dường Phật. Hay quán các pháp tướng như vậy, ấy là phước điền, hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Như vậy, trong kinh Đại thừa mỗi mỗi đều tán thán trí tuệ đại Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Như trong kinh Bửu đảnh nói: Chuyển luân thánh vương thiếu một không đủ ngàn người con, tuy có đại lực, mà chư thiên, người đời không quí trọng. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, dù ở trong thai mới bảy ngày đầu, đã được chư thiên quí trọng. Vì sao? Vì chín trăm chín mươi chín người con không thể nối được dòng giống Chuyển luân Thánh vương, làm sao người đời được vui hiện tại và tương lai. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, tuy ở trong thai nhưng chắc chắn có thể nối ngôi Thánh vương, cho nên được cung kính. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng vậy, tuy được Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám thánh đạo, Sáu thần thông, các thiền định, lực trí tuệ, thật tế được chứng, làm phước điền cho chúng sanh, mà mười phương chư Phật không quí trọng. Bồ-tát tuy còn ở trong bào thai các kiết sử phiền não, ba độc tham dục trói buộc, khi mới phát đạo tâm vô thượng chưa có thể làm gì mà đã được chư Phật quí. Vì vị ấy dần dần sẽ thực hành sáu Ba-la-mật, được lực phương tiện, vào địa vị Bồ-tát, cho đến được Nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh, không dứt hạt giống Phật, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng, không dứt mất nhân duyên của sự thanh tịnh an lạc cõi trời, cõi người.

Lại như chim Ca-lăng-tần-già, còn ở trong vỏ trứng đã phát ra âm thanh vi diệu hôn các loài chim khác. Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tuy chưa ra khỏi vỏ vô minh mà âm thanh thuyết pháp nghị luận hôn Thanh văn, Bích-chi Phật và ngoại đạo, như trong kinh Minh võng nói: Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát thuyết pháp, nếu ai hiểu được, được công đức lớn. Vì sao? Vì cho đến được nghe tên các Bồ-tát ấy cũng được lợi ích lớn, huống gì được nghe các vị thuyết pháp.

Bạch Thế Tôn! Ví như trồng cây, không nương nơi đất mà muốn được gốc, cành, cọng, lá, thành hoa quả, là điều khó được. Các Bồ-tát tu hành cũng như vậy, không trú nôi hết thảy pháp mà hiện trú ở sanh tử, ở trong thế giới chư Phật, tự tại vui nói pháp trí tuệ, ai nghe được pháp do đại trí tuệ du hý tự tại vui nói ấy mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Bấy giờ trong hội có Bồ-tát Phổ Hoa nói với Xá-lợi-phất: Trưởng lão là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, nay Trưởng lão đối pháp tánh các pháp chẳng được chăng? Sao không dùng đại trí tuệ tự tại vui thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Các đệ tử Phật, đúng như cảnh giới của họ, thì có thể có thuyết pháp.

Bồ-tát Phổ Hoa lại hỏi: Pháp tánh có cảnh giới không?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Nếu pháp tánh không có cảnh giới, thì cớ sao Trưởng lão nói đúng như cảnh giới của họ thì có thể có thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Tùy chỗ pháp chứng được mà thuyết.

Phổ Hoa lại nói: Trưởng lão lấy pháp tánh vô lượng tướng làm cảnh chứng ư?

Xá-lợi-phất nói: Phải.

Phổ Hoa nói: Sao nay nói tùy chỗ chứng được mà thuyết? Như pháp tánh chứng được là vô lương thì thuyết cũng phải vô lượng, mà pháp tánh vô lượng thì chẳng phải tướng lường được?

Xá-lợi-phất nói: Pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được.

Phổ Hoa nói: Nếu pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được, thì ông lìa pháp tánh được giải thốt chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không! Vì sao? Vì pháp tánh là tướng không biến hoại.

Phổ Hoa nói: Thánh trí mà ông chứng được cũng như pháp tánh ư? Xá-lợi-phất nói: Tôi muốn nghe pháp, chẳng phải lúc thuyết.

Phổ Hoa nói: Hết thảy pháp nhất định ở trong pháp tánh, có người nghe, người nói ư?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Phổ Hoa nói: Sao ông nói tôi muốn nghe pháp chẳng phải lúc thuyết?

Xá-lợi-phất nói: Phật nói hai hạng người được phước vô lượng là người nhất tâm thuyết pháp và người nhất tâm nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông vào trong diệt tận định, có thể nghe pháp

chăng?

Xá-lợi-phất nói: Này thiện nam tử! Trong diệt tận định không nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông tín thọ tướng thường tịch diệt của hết thảy pháp chăng?

Xá-lợi-phất nói: Tin việc ấy!

Phổ Hoa nói: Pháp tánh thường tịch diệt nên không nghe pháp. Vì sao? Vì các pháp tướng thường tịch diệt.

Xá-lợi-phất nói: Ông có thể không dậy khỏi định mà thuyết pháp chăng?

Phổ Hoa nói: Không có pháp nào chẳng phải tướng định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy, thì nay hết thảy phàm phu đều là thiền định?

Phổ Hoa nói: Phải! Hết thảy phàm phu đều là thiền định.

Xá-lợi-phất nói: Thiền định gì mà hết thảy phàm phu đều thiền định?

Phổ Hoa nói: Vì tam-muội pháp tánh bất hoại, nên biết thảy phàm phu đều là thiền định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy thì phàm phu với thánh nhân không khác gì nhau?

Phổ Hoa nói: Tôi cũng không muốn khiến cho phàm phu và thánh nhân có sai khác. Vì sao? Vì thánh nhân không có pháp diệt, phàm phu cũng không có pháp sanh. Hai tướng ấy đều không ra ngoài pháp tánh.

Xá-lợi-phất nói: Thiện nam tử! Thế nào là tướng pháp tánh?

Đáp: Đó là điều biết thấy của Trưởng lão lúc đắc đạo.

Lại hỏi: Sanh pháp Thánh chăng?

- Không.
- Diệt pháp phàm phu chăng?
- Không.
- Được pháp Thánh chăng?
- Không.
- Thấy biết pháp người phàm phu chăng?
- Không.
- Vậy Trưởng lão dùng tri kiến nào mà được Thánh đạo?

Xá-lợi-phất nói: Người phàm phu như (chân như), Tỳ-kheo được giải thốt như, Tỳ-kheo vào Vô dư Niết-bàn như; như ấy một như như không sai khác.

Phổ Hoa nói: Xá-lợi-phất, ấy là tướng pháp tánh như, bất hoại như,

dùng như ấy sẽ biết hết thảy pháp đều như.

Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ví như đống lửa lớn, không vật gì không đốt cháy. Các thượng nhân ấy thuyết pháp cũng như vậy, hết thảy pháp đều vào trong pháp tánh.

Lại như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Các Thanh văn, như Xá-lợi-phất... đều tự nói rằng: Tôi không kham đến chỗ kia hỏi thăm bệnh được. Mỗi người tự nói vì trước đã bị Tỳ-ma-la-cật quở mắng. Như vậy, trong các Kinh nói trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Nhân duyên gì mà trí tuệ Bồ-tát hôn Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Như trong kinh Nhất Bổn sanh nói: Trí tuệ Bồ-tát, từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp lại đây, tập hợp các trí, trong vô lượng kiếp, không khổ gì không hành, không khó gì không làm, chỉ vì cầu pháp, nên nhảy vào lửa, nhảy từ núi cao, chịu khổ cắt lột da, lấy xương làm viết, lấy huyết làm mực, lấy da làm giấy, viết chép kinh pháp, như vậy vì pháp nên thọ vô lượng khổ, vì trí tuệ nên đời đời cúng dường thầy dạy pháp xem như Phật. Tất cả Kinh sách đều đọc tụng, giải nói, trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường suy nghĩ trù lượng, tìm cầu các pháp tốt xấu, sâu cạn, thiện chẳng thiện, lậu chẳng lậu, thường chẳng thường, có, không... suy nghĩ phân biệt vấn nạn, vì trí tuệ nên cúng dường chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn, nghe pháp, vấn nạn, tín thọ, ghi nhớ đúng, như pháp tu hành; nhân duyên trí tuệ đầy đủ như vậy, làm sao không hôn A-la-hán, Bích-chi Phật?

Lại nữa, trí tuệ Bồ-tát, có năm Ba-la-mật giúp đỡ trang nghiêm, có lực phương tiện, đối với hết thảy chúng sanh có tâm từ bi, nên không bị tà kiến chướng ngại. Trú trong mười địa, thế lực trí tuệ sâu lớn. Vì nhân lớn nên hôn Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì nhân lớn nên cái nhỏ tự hoại. A-la-hán, Bích-chi Phật, không có việc ấy.

Vì vậy nên nói muốn hôn trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn được các Đà-la-ni môn, các Tam-muội môn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Đà-la-ni như trong phẩm Tán thán Bồ-tát đã nói:

Môn là các pháp phương tiện để được Đà-la-ni, như ba tam-muội gọi là cửa giải thốt môn.

Thế nào là phương tiện? Nếu người muốn được giữ gìn những điều đã nghe, không mất, hãy nên nhất tâm ghi nhớ, làm cho tâm ghi nhớ tăng trưởng, trước nên để ý nơi việc tương tợ, buộc tâm khiến biết việc

không thấy được, như Châu-lợi Bàn-đà-ca, buộc tâm nơi tấm dẻ chùi giày, khiến nghĩ nhớ thiền định mà trừ tâm nhơ cấu. Như vậy người bắt đầu học Văn trì Đà-la-ni, ba lần nghe có thể được, khi tâm căn dần dần lanh lợi, thì hai lần nghe có thể được, khi thành tựu thì một lần nghe có thể được, được rồi nhớ mãi không quên; ấy là phương tiện ban đầu của Văn trì Đà-la-ni.

Hoặc có khi Bồ-tát vào trong thiền định, được môn giải thốt không quên, do năng lực giải thốt không quên, mà hết thảy ngôn ngữ thuyết pháp cho đến một câu một chữ, đều không thể quên. Đó là phương tiện thứ hai. Hoặc có khi do năng lực thần chú nên được Văn trì Đà-la-ni. Hoặc có khi do hành nghiệp nhân duyên đời trước, khi sanh ra nghe gì đều nhớ được không quên. Như vậy gọi là cửa vào Văn trì Đà-la-ni.

Lại nữa, Bồ-tát nghe hết thảy âm thanh ngữ ngôn, phân biệt gốc ngọn, quán thật tướng nó, biết âm thanh ngữ ngôn niệm niệm sanh diệt, âm thanh diệt rồi, mà chúng sanh niệm niệm chấp thủ tướng, nhớ ngôn ngữ đã diệt ấy, rồi nghĩ rằng, người đó mắng ta, liền sanh sân hận. Nghe ngợi khen cũng như vậy. Bồ-tát quán chúng sanh được như vậy, tuy có bị mắng nhiếc trăm ngàn kiếp, không sanh tâm giận, hoặc ngợi khen trăm ngàn kiếp, cũng không vui mừng. Biết âm thanh sanh diệt như tiếng vang. Lại như tiếng trống, không có ai làm. Nếu không ai làm, là không có nôi chốn, rốt ráo không, chỉ lừa dối tai người ngu; như vậy gọi là vào Âm thanh Đà-la-ni.

Lại nữa, có Đà-la-ni lấy hai mươi bốn chữ mà thu nhiếp hết tất cả ngôn ngữ danh tự. Những gì là hai mươi bốn chữ? Đó là A-la-ba-giá-na..., A-đề (ban đầu), A-nậu-ba-nại (bất sanh). Vị Bồ-tát tu hành Đà-la-ni nghe chữ "A" ấy, tâm liền vào tất cả pháp "ban đầu chẳng sanh". Các chữ như vậy, mỗi chữ theo chỗ nghe, đều đưa vào trong thật tướng hết thảy các pháp; ấy gọi là Tự nhập môn Đà-la-ni, như trong phẩm Ma-ha-diễn nói các tự môn.

Lại nữa, Bồ-tát được các tam-muội hết thảy ba đời sáng suốt không ngại, đối với mỗi tam-muội được vô lượng vô số Đà-la-ni. Như vậy hòa hợp gọi là năm trăm Đà-la-ni môn, ấy là tạng công đức thiện pháp của Bồ-tát; như vậy gọi là Đà-la-ni môn.

Các tam-muội môn: Tam-muội có hai: Tam-muội trong pháp Thanh văn; tam-muội trong pháp Đại thừa.

Tam-muội trong pháp Thanh văn: là ba tam-muội.

Lại nữa, ba tam-muội là: Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam-muội, Vô tác vô tác tam-muội.

Lại có ba tam-muội là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán.

Lại có năm chi tam-muội, năm trí tam-muội... ấy gọi là các tam-muội.

Lại nữa, hết thảy thiền định cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Tứ thiền cũng gọi là thiền, cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Trừ Tứ thiền, các định khác cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội, cũng gọi là thiền. Định ở trong mười địa, gọi là tam-muội.

Có người nói: Ở Dục giới địa cũng có tam-muội. Vì cớ sao? Vì trong Dục giới có hai mươi hai đạo phẩm nên biết có tam-muội. Nếu không tam-muội thì không thể được công đức thâm diệu ấy.

Lại nữa, trong ngàn câu hỏi có câu hỏi này: Trong bốn thánh chủng, mấy hệ thuộc Dục giới, mấy hệ thuộc Sắc giới, mấy hệ thuộc Vô sắc giới, mấy không hệ thuộc? Đáp: Tất cả nên phân biệt. Bốn thánh chủng hoặc hệ thuộc Dục giới, hoặc hệ thuộc Sắc giới, hoặc hệ thuộc Vô sắc giới, hoặc không hệ thuộc. Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, bốn như ý túc cũng như vậy. Do nghĩa đó nên biết ở Dục giới có tam-muội. Nếu tâm tán loạn làm sao được pháp thượng diệu. Vì vậy nên tam-muội đều có ở trong chín địa (từ ngũ thú tạp cư địa đến phi phi tưởng xứ địa – N.D). Các tam-muội như vậy, ở trong A-tỳ-đàm có phân biệt rộng.

Tam-muội trong pháp Đại thừa: Từ Thủ-lăng-nghiêm tam-muội, cho đến tam-muội hư không tế giải thốt không vướng mắc. Lại như tam-muội thấy hết thảy Phật, cho đến hết thảy Như Lai giải thốt. Tu quán vô lượng vô số Bồ-tát tam-muội, như Sư tử tần thân tam-muội...

Như có tam-muội tên là Vô lượng tịnh. Bồ-tát được tam-muội này, có thể thị hiện thân hết thảy thanh tịnh.

Có tam-muội tên là Oai tướng. Bồ-tát được tam-muội này, có thể át cả oai đức mặt trời mặt trăng.

Có tam-muội tên là Diệm sơn, Bồ-tát được tam-muội này, có thể át cả oai đức của Đế-thích Phạm thiên.

Có tam-muội tên là Xuất trần, Bồ-tát được tam-muội này, có thể diệt hết thảy ba độc cho đại chúng.

Có tam-muội tên là Vô ngại quang, Bồ-tát được tam-muội này, có thể chiếu soi hết thảy cõi Phật.

Có tam-muội tên là Không quên hết thảy pháp. Bồ-tát được tam-muội này có thể ghi nhớ hết thảy pháp Phật nói và giảng nói lại lời Phật cho người khác.

Có tam-muội tên là Tiếng như sấm. Bồ-tát được tam-muội này, có

thể dùng Phạm thanh đầy khắp mười phương Phật quốc.

Có tam-muội tên là Làm vui thích cho hết thảy chúng sanh. Bồ-tát được tam-muội này, có thể làm cho hết thảy người có thâm tâm hoan hỷ.

Có tam-muội tên Ưa thấy không chán. Bồ-tát được tam-muội này, hết thảy chúng sanh ưa thấy ưa nghe không biết nhàm chán.

Có tam-muội tên là Quả báo công đức vui trong một duyên không thể nghĩ bàn. Bồ-tát được tam-muội này, thành tựu hết thảy thần thông.

Có tam-muội tên là Biết hết thảy âm thanh ngữ ngôn. Bồ-tát được tam-muội này có thể nói hết thảy âm thanh ngữ ngôn, trong một chữ nói ra hết thảy chữ, trong hết thảy chữ nói ra một chữ.

Có tam-muội tên là Nhóm hết thảy phước đức nghiệp quả báo. Bồ-tát được tam-muội này, thường im lặng nhập thiền định, mà vẫn khiến chúng sanh nghe phật pháp, chúng nghe âm thanh sáu Ba-la-mật, pháp , Thanh văn, Bích-chi Phật, mà vị Bồ-tát ấy thật không nói một lời.

Có tam-muội tên là Vượt cao hết thảy Đà-la-ni vương. Bồ-tát được tam-muội này thì được vào vô lượng vô biên các Đà-la-ni.

Có tam-muội tên là Hết thảy vui nói. Bồ-tát được tam-muội này vui nói hết thảy chữ, hết thảy âm thanh, ngữ ngôn, thí dụ, nhân duyên. Như vậy là vô lượng tam-muội thế lực.

Hỏi: Tam-muội ấy chính là cửa tam-muội chăng?

Đáp: Tam-muội chính là cửa tam-muội.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không chỉ nói tam-muội, mà còn nói cửa tam-muội?

Đáp: Các Tam-muội của Phật vô lượng vô số như hư không vô biên, Bồ-tát làm sao được hết. Bồ-tát nghe đến tam-muội ấy tâm liền thối mất, vì vậy Phật nói cửa tam-muội. Vào trong một cửa, thu nhiếp vô lượng tam-muội. Như cầm một góc áo, liền được cả áo; cũng như bắt được ong chúa, cả bầy ong đều gom hết.

Lại nữa, triển chuyển làm cửa, như trì giới thanh tịnh, một lòng tinh tấn, đầu đêm cuối đêm, thường tu tư duy, lìa năm dục lạc, buộc tâm một chỗ, hành phương tiện ấy, được tam-muội ấy, đó gọi là cửa tam-muội.

Lại nữa, tam-muội thuộc Dục giới, là cửa tam-muội Vị đáo địa; tam-muội Vị đáo địa là cửa tam-muội Sơ thiền; tam-muội Sơ thiền và Nhị thiền biên địa là cửa vào tam-muội Nhị thiền, cho đến tam-muội Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng như vậy.

Noãn pháp định là cửa vào tam-muội Đảnh pháp; Đảnh pháp là cửa vào tam-muội Nhẫn pháp; Nhẫn pháp là cửa vào tam-muội Thế đệ nhất

pháp; Thế đệ nhất pháp là cửa vào tam-muội Khổ pháp nhẫn; Khổ pháp nhẫn... cho đến là cửa vào tam-muội Kim cang.

Lược nói, hết thảy tam-muội có ba tướng là nhập, trú, xuất. Tướng xuất, tướng nhập gọi là cửa, tướng trú là thể tam-muội. Các pháp như vậy là cửa tam-muội trong pháp Thanh văn.

Cửa tam-muội trong pháp Đại thừa, như các tam-muội trong nghĩa Thiền Ba-la-mật, đã phân biệt nói rộng.

Lại nữa, Thi-la Ba-la-mật là cửa tam-muội. Vì sao? Vì ba chi là Phật đạo, đó là giới chi, định chi, tuệ chi. Giới chi thanh tịnh là cửa của định chi, vì giới hay sanh định; định chi hay sanh tuệ chi. Ba chi ấy hay dứt phiền não, hay cho Niết-bàn, vì vậy Thi-la Ba-la-mật và trí tuệ là cửa gần của tam-muội. Còn ba Ba-la-mật kia, tuy có nghĩa cửa mà là cửa xa, như do bố thí được phước đức, có phước đức nên sở nguyện thành tựu, được sở nguyện thành tựu nên tâm nhu nhuyến, tâm từ bi nên biết sợ tội, biết nghĩ tới chúng sanh, quán thế gian không, vô thường, nên nhiếp tâm hành nhẫn nhục; nhẫn nhục cũng là cửa tam-muội.

Tinh tấn là chế tâm đối với năm dục trừ năm triền cái, nhiếp tâm không loạn, tâm đi thì thu lại không cho chạy loạn, là cửa tam-muội.

Lại nữa, Sô địa là cửa vào tam-muội Nhị địa. Như vậy triển chuyển cho đến cửu địa là cửa vào tam-muội Thập địa. Thập địa là cửa vào tam-muội của vô lượng chư Phật. Như vậy mỗi mỗi làm cửa tam-muội.

Hỏi: Cửa Đà-la-ni và cửa tam-muội là đồng hay là khác? Nếu đồng, sao còn nói lại. Nếu khác, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Trước đã nói cửa tam-muội và cửa Đà-la-ni khác nhau, nay sẽ nói lại: Tam-muội chỉ là pháp tương ưng với tâm, còn Đà-la-ni cũng tương ưng với tâm, cũng không tương ưng với tâm.

Hỏi: Sao biết Đà-la-ni không tương ưng với tâm?

Đáp: Như người được Văn trì Đà-la-ni, tuy tâm nổi sân hận nó cũng không mất, thường đi theo người, như bóng theo hình. Tu hành tam-muội lâu quen sau thành Đà-la-ni, như chúng sanh tập lâu thói dục thành tánh. Tam-muội cọng với trí tuệ biết thật tướng các pháp, phát sanh Đà-la-ni, như bình đất mới nắn được lửa nung chín, có thể giữ nước không chảy, cũng có thể giúp cho người qua sông. Thiền định không trí tuệ cũng như bình đất mới nắn, nếu có được trí tuệ biết thật tướng, như bình đất mới nắn được lửa đốt chín, có thể giữ gìn vô lượng công đức hai đời của Bồ-tát, Bồ-tát cũng nhân đó mà đắc độ, đến Phật. Như vậy là chỗ sai khác giữa tam-muội và Đà-la-ni.

Hỏi: Sao trong pháp Thanh văn không có danh từ Đà-la-ni, chỉ trong

pháp Đại thừa mới có?

Đáp: Trong pháp nhỏ không có pháp lớn, ông không nên hỏi, trong pháp lớn không có pháp nhỏ, thì nên hỏi. Như trong nhà nghèo không có vàng bạc không nên hỏi.

Lại nữa, Thanh văn không ân cần chứa nhóm các công đức lắm, chỉ dùng trí tuệ cầu thốt khổ già, bệnh, chết. Vì vậy người Thanh văn không dùng Đà-la-ni giữ gìn các công đức, ví như người khát, chỉ một bụm nước là đủ, không cần bình đựng nước, nếu cung cấp cho đại chúng nhân dân, thì cần bình đựng nước. Bồ-tát vì hết thảy chúng sanh nên cần Đà-la-ni giữ gìn các công đức.

Lại nữa, trong pháp Thanh văn phần nhiều nói các pháp sanh diệt vô thường. Các luận nghị sư nói: Các pháp vô thường, nếu tướng vô thường thì không cần Đà-la-ni. Vì cớ sao? Vì các pháp vô thường thì không giữ gìn được, chỉ có hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ không mất. Giống như quả báo vị lai, tuy không mà ắt sanh, hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ cũng như vậy.

Trong pháp Đại thừa, tướng sanh diệt không thật, tướng chẳng sanh chẳng diệt cũng không thật. Các quán các tướng đều diệt, ấy là thật. Nếu để giữ gìn pháp quá khứ thì không lỗi. Vì để giữ gìn các công đức thiện pháp thiện căn quá khứ, nên cần có Đà-la-ni. Đà-la-ni đời đời thường theo Bồ-tát, còn các tam-muội không như vậy, hoặc có khi thay đổi thân thì mất.

Như vậy là các thứ phân biệt Đà-la-ni, các tam-muội.

Vì vậy nên nói muốn được các Đà-la-ni, các tam-muội môn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

-------o0o-------

44. GIẢI THÍCH TÂM TÙY HỶ, BỐ THÍ Phần 1

KINH: Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thảy người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thảy người trì giới để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thảy người tu tam-muội, trí tuệ giải thốt, giải thốt tri kiến để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Tâm tùy hỷ thì như trong phẩm Tùy hỷ đã nói rồi.

Lại nữa, tùy hỷ là khi thấy có người làm việc công đức sanh tâm

hoan hỷ theo, mà tán thán rằng: Lành thay! Ở trong thế giới vô thường, bị si ám che lấp, mà có thể mở rộng đại tâm, kiến lập công đức ấy, thí như các thứ hương thơm, một người bán, một người mua, người ở xung quanh cũng ngửi được mùi thơm, mà mùi thơm không tổn, hai người chủ không mất chi. Như vậy có người thí, có người thọ nhận, có người ở bên cạnh hoan hỷ theo, đều được công đức, mà hai người chủ kia không mất chi. Tướng trạng như vậy gọi là tùy hỷ. Do vậy, Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ, mà vượt quá người cầu nhị thừa, huống chi tự mình làm bố thí.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát có thể do tâm tùy hỷ mà vượt trên người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật đem tài vật bố thí?

Đáp: Thanh văn, Bích-chi Phật làm bố thí, Bồ-tát ở bên trông thấy nhất tâm niệm tùy hỷ khen rằng: Lành thay! Lấy phước đức tùy hỷ ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ hết thảy chúng sanh, vì nhờ đó được vô lượng Phật pháp, nên do hai công đức này vượt trên người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Lại nữa, lấy tâm trí tuệ biết thật tướng các pháp mà tùy hỷ, nên vượt trên người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Lại nữa, Bồ-tát đem phước đức quả báo do tâm tùy hỷ sanh, mà hồi hướng cúng dường ba đời mười phương Phật, nên vượt trên người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, ví như người đem một ít vật dâng lên quốc vương, được đáp trả rất nhiều. Lại như thổi kèn, sáo, dùng hơi ít mà âm thanh rất lớn.

Lại nữa, Bồ-tát lấy công đức tùy hỷ hòa hợp với vô lượng các công đức khác, cho đến khi pháp diệt cũng không hết, ví như một ít nước đổ vào trong biển lớn, thì khi kiếp tận nó mới hết. Công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến cũng như vậy.

Hỏi: Dưới Phật có Bồ-tát, dưới Bồ-tát có Thanh văn, Bích-chi Phật, nay nói Bồ-tát muốn hôn người bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, thì có gì lạ?

Đáp: Không lấy công đức bố thí, trì giới... của Thanh văn, Bích-chi Phật so với công đức của Bồ-tát, mà chỉ lấy tâm tùy hỷ đã có thể hơn, huống gì công đức mà Bồ-tát tự làm. Người Thanh văn, Bích-chi Phật, đem thân siêng làm công đức bị mệt mỏi, Bồ-tát yên lặng tùy hỷ, mà phước đức của năng lực trí tuệ vượt qua Thanh văn, Bích-chi Phật, ví như người thợ, chỉ dùng trí tuệ bày vẻ rồi bỏ đi, người cầm rìu búa mệt nhọc tối ngày, mà tính công lãnh thưởng thì người thợ được gấp ba.

Lại như đánh giặc, người chiến đấu mạo hiểm chết, mà chủ tướng lãnh công.

Hỏi: Nếu tâm tùy hỷ hôn số bố thí, trì giới, cớ sao chỉ nói Bồ-tát tùy hỷ là hơn?

Đáp: Người phàm phu bị phiền não che tâm, chấp ngã chưa dứt, đắm vui thế gian, làm sao hôn được người cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, lợi tuy hơn độn, nhưng đồng ở địa vị Thanh văn, nên không nói.

Hỏi: Công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật, pháp công đức rất nhiều, cớ sao chỉ nói sáu pháp?

Đáp: Vì trong sáu pháp này nhiếp hết pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu nói bố thí là đã nói công đức của tin nghe. Vì sao? Vì trước nghe rồi mới tin, tin rồi mới bố thí.

Bố thí có hai thứ là: 1. Tài thí, 2. Pháp thí.

Trì giới nhiếp ba giới là: luật nghi giới, định cọng giới, đạo cọng giới (vô lậu giới).

Định nhiếp các thiền, định, giải thốt, tam-muội...

Tuệ nhiếp văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ.

Giải thốt nhiếp hai giải thốt là hữu vi giải thốt, vô vi giải thốt.

Giải thốt tri kiến nhiếp tận trí, tự biết lậu hoặc đã hết, giải thốt khỏi ba cõi, ở trong đó thấy biết rõ ràng. Trong đây đã nói trợ đạo pháp và thánh đạo pháp.

Lại nữa, nếu công đức không hướng đến Niết-bàn, thì trong đây không nói vượt quá, vì công đức ấy mỏng.

Hỏi: Hôn là chỉ cho thế lực tranh giành nhau, nay Bồ-tát không cạnh tranh với Thanh văn, Bích-chi Phật, cớ sao nói hơn?

Đáp: Hơn là cùng ở trong một việc, mà do tâm lực trí tuệ phương tiện cho nên được phước nhiều, ví như người đối với cái hoa chỉ lấy hương sắc, còn con ong chỉ lấy vị để làm thành mật. Cũng như lấy nước, đồ chứa lớn thì được nhiều, đồ chứa nhỏ thì được ít. Do các ví dụ như vậy, đủ biết đem tâm tùy hỷ thâm sâu mãnh lợi, có trí tuệ tương ưng, nên công đức hơn bố thí để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật.

Sáu pháp này, đầu hết là bố thí, như ở trong nghĩa Đàn Ba-la-mật đã phân biệt nói về pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Trì giới như ở trong nghĩa Thi-la Ba-la-mật đã phân biệt nói về pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật. Tam-muội, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến như ở trong nghĩa niệm Phật đã phân biệt nói.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 29

44. GIẢI THÍCH TÂM TÙY HỶ, BỐ THÍ

Phần 2

KINH: Muốn do tâm tùy hỷ trong một niệm mà vượt quá hết thảy người tu các thiền, định, giải thốt, tam-muội để cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, cần nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Thiền định là bốn thiền và chín định thứ đệ. Giải thốt tam-muội là tám bội xả, ba giải thốt môn, tuệ giải thốt, cọng giải thốt, thời giải thốt, bất thời giải thốt, hữu vi giải thốt, vô vi giải thốt... Tam-muội có giác có quán, tam-muội không giác có quán, tam-muội không giác không quán; Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội, các tam-muội như vậy.

Hỏi: Trong sáu pháp trên, tam-muội tức là thiền, định, giải thốt, tam-muội, sao nay còn nói lại?

Đáp: Có hai thứ tam-muội: 1. Thuộc phần tuệ giải thốt. 2. Thuộc phần cọng giải thốt. Thuộc phần tuệ giải thốt thì không thể vào thiền định, chỉ nói đó là tam-muội trong Vị đáo địa. Trong đây nói tam-muội thuộc phần cọng giải thốt thì đủ có thiền, định, giải thốt, tam-muội. Kia nói lược, đây nói rộng; kia chỉ nói tên, trong đây phân biệt nghĩa.

Lại nữa, trước Thắng tam-muội là có người nói một, hai tam-muội, chứ chẳng phải Thâm tam-muội, nay trong đây nói thiền, định, giải thốt là Thậm thâm tam-muội.

Lại nữa, thiền, định, giải thốt, tam-muội có hai thứ: 1. Khi lìa dục liền được. 2. Cầu mà được. Khi lìa dục liền được như trước đã nói. Cầu mà được là đây nói.

Lại nữa, thiền, định, giải thốt, tam-muội, được nó rất khó, tinh tấn cầu mới được. Bồ-tát chỉ đem tâm tùy hỷ bèn được hơn kia. Đó là pháp chưa từng có, cho nên nói lại.

Hỏi: Trong kia tam-muội, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến cũng khó được, cớ sao nói đây khó được?

Đáp: Trước đã trả lời, kia là thuộc phần tuệ giải thốt, không tận

cùng nghĩa thậm thâm. Còn A-la-hán cọng giải thốt, A-la-hán đủ ba minh khó được, nên nói lại.

Lại nữa, tam-muội, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến ấy, tuy khó được mà không rộng lớn khắp hết, chỉ trực tiếp vì Niết-bàn, còn đây nói rõ A-la-hán muốn được cái vui thiền định hiện tại đó là diệt tận định, đảnh tế thiền, nguyện trí, Vô tránh tam-muội, những việc như vậy, chẳng phải trực tiếp vì Niết-bàn. Vì vậy nên lại nói rộng. Vì cớ sao? Vì như trước là trực tiếp vì Niết-bàn, trong đó nói giải thốt rồi giải thốt tri kiến, nên biết đó là một đường thẳng đến Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vì thiền, định, giải thốt, tam-muội khó được, nên nói lại, trí tuệ là rất khó, vi diệu trong hết thảy pháp, sao không nói lại?

Đáp: Ở trên đã nói trong đoạn nói muốn vượt qua trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Còn thiền định này chưa nói, cho nên nói lại. Thiền định, trí tuệ, là hai pháp tối diệu, có được hai hạnh này thì sở nguyện đều được, như chim có hai cánh, có thể đi đến chỗ này chỗ kia. Giải thốt từ hai pháp đó mà được, giải thoát tri kiến tức là trí tuệ. Bố thí, trì giới là thân nghiệp, khẩu nghiệp thô hạnh dễ được cho nên không nói lại.

Hỏi: Bồ-tát lấy tâm tùy hỷ hơn Thanh văn, Bích-chi Phật tu bố thí, trì giới, trí tuệ. Có thể như vậy, vì cô sao? Vì việc bố thí, trì giới, mắt thấy được, tai nghe được, trí tuệ cũng là pháp nghe được, nên có thể sanh tâm tùy hỷ, còn thiền định, giải thốt, tam-muội, là pháp không thể thấy, nghe, thì làm sao tùy hỷ?

Đáp: Bồ-tát do trí biết tha tâm mà tùy hỷ.

Hỏi: Pháp của trí biết tha tâm là, trí hữu lậu biết tha tâm thì biết tâm hữu lậu của người khác, trí vô lậu biết tha tâm thì biết tâm vô lậu của người khác. Bồ-tát chưa thành Phật, làm sao biết được tâm vô lậu của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Trong pháp Thanh văn thì như vậy, còn trong pháp Đại thừa, Bồ-tát được vô sanh nhẫn, dứt các kiết sử, đời đời thường không mất sáu thần thông, trí hữu lậu biết tha tâm có thể biết tâm vô lậu của người khác, huống gì lấy trí vô lậu biết tha tâm.

Lại có người nói: Bồ-tát mới phát tâm, chưa được pháp tánh sanh thân, hoặc thấy hoặc nghe Thanh văn, Bích-chi Phật bố thí, trì giới, so sánh biết họ sẽ được A-la-hán, sanh tâm tùy hỷ nói: Người ấy biết được thật tướng các pháp, lìa khỏi ba cõi. Ta muốn độ hết thảy chúng sanh thốt khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay họ đã thốt được, ấy là việc của ta.

Có các nhân duyên tùy hỷ như vậy, nên tùy hỷ không lỗi.

---------o0o-------

45. GIẢI THÍCH HỒI HƯỚNG

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát thực hành một ít thí, ít giới, ít nhẫn, ít tấn, ít thiền, ít trí, muốn do sức phương tiện hồi hướng mà được vô lượng vô biên công đức, cần nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Trước đã nói sáu Ba-la-mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trên là nói tướng tổng quát, đây muốn nói tướng sai biệt. Trên nói nhân duyên, đây nói quả báo.

Hỏi: Không phải vậy, trên kia nói sáu Ba-la-mật đều đầy đủ rộng khắp, đây nói một ít thí cho đến một ít trí, dường như không đồng với nghĩa sáu Ba-la-mật trên?

Đáp: Không phải! Chính là sáu Ba-la-mật. Sao vậy? Vì nghĩa của sáu Ba-la-mật cốt ở tâm không phải cốt ở sự nhiều ít. Bồ-tát thật hành hoặc nhiều hoặc ít, đều là Ba-la-mật. Như kinh Hiền Kiếp nói 84.000 các Ba-la-mật. Trong Kinh ấy cũng nói, có thế gian Đàn Ba-la-mật, có xuất thế gian Đàn Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng có thế gian, xuất thế gian.

Hỏi: Sao Bồ-tát bố thí ít?

Đáp: Có nhiều nhân duyên nên ít thí. Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, phước đức chưa nhiều, vì nghèo nên ít thí. Hoặc có Bồ-tát nghe bố thí không kể nhiều ít, công đức tại tâm, vì vậy nên không cầu bố thí nhiều vật, chỉ cầu tâm tốt. Hoặc có Bồ-tát nghĩ rằng nếu ta cầu chất chứa cho nhiều tài vật mà phá giới mất lành, thì tâm bị tán loạn, não hại chúng sanh nhiều. Nếu não hại chúng sanh để cúng dường Phật, Phật không chấp nhận, vì phá pháp để cầu tài. Hoặc bố thí cho phàm phu mà cướp kia cho đây, là không bình đẳng. Đúng như pháp Bồ-tát, tâm bình đẳng đối với tất cả, đều như con một, vì vậy nên ít thí.

Lại nữa, Bồ-tát có hai:

1. Bại hoại Bồ-tát.
2. Thành tựu Bồ-tát.

Bồ-tát bại hoại là vốn phát tâm Bồ-đề, song không gặp thiện duyên, bị năm triền cái che tâm, làm tạp hạnh, khi chuyển thân hưởng thụ giàu sang lớn, hoặc làm quốc vương, hoặc làm đại quỉ thần vương, long vương... vì đã tạo ác nghiệp thân khẩu ý không thanh tịnh nên không được sanh ở trước Phật, và các chỗ vô tội trong cõi trời cõi người; ấy gọi là bại hoại Bồ-tát. Những người như vậy, tuy mất tâm Bồ-tát song

do nhân duyên đời trước, còn ưa bố thí, nên não hại nhiều chúng sanh, cướp giựt phi pháp, để lấy của đem làm phước.

Bồ-tát thành tựu là không mất tâm Bồ-đề, thương xót chúng sanh, hoặc có người tại gia thọ năm giới, có người xuất gia thọ giới. Tại gia Bồ-tát, tuy hạnh nghiệp thành tựu, có người vì nhân duyên đời trước phải chịu nghèo cùng, nghe Phật dạy có hai cách bố thí là pháp thí, tài thí. Người xuất gia nên nhiều pháp thí, người tại gia nên nhiều tài thí. Ta nay vì nhân duyên đời trước, không sanh nhà giàu, thấy Bồ-tát bại hoại kia tạo tội để bố thí, tâm không vui mừng, nghe Phật không khen ngợi tài thí nhiều, chỉ khen tâm thanh tịnh thí, vì vậy nên ta tùy có được vật gì thí vật ấy.

Lại xuất gia Bồ-tát thủ hộ giới nên không chứa tài vật.

Lại tự suy nghĩ công đức của giới hôn công đức của bố thí, nên tùy có được vật gì thí vật ấy.

Lại nữa, Bồ-tát nghe trong Phật pháp nói nhân duyên đời trước bố thí ít được quả báo nhiều, như A-la-hán Bạt-câu-la lấy thuốc một trái Ha-lê-lặc bố thí mà chín mươi mốt kiếp không đọa ác đạo, hưởng phước vui cõi Trời, cõi người, thân thường không bệnh, thân cuối cùng được quả A-la-hán. Lại như Sa-môn Nhị-thập-ức tu ở trong pháp đức Phật Tỳ-bà-thi, làm một phòng xá cấp cho Tỳ-kheo Tăng, trải một tấm da dê để cho Tăng bước lên, nhờ nhân duyên ấy, trong chín mươi mốt kiếp chân không đạp đất, hưởng vô lượng phước vui trong cõi người cõi trời, thân cuối cùng được sanh vào nhà đại Trưởng giả, thọ thân đoan chánh, dưới chân mọc lông dài hai tấc, màu như lưu ly xanh, xoay về bên phải. Lúc mới sanh, phụ thân cho ông hai mươi ức lượng vàng, lúc sau chán đời ngũ dục, xuất gia đắc đạo, Phật khen là Tỳ-kheo tinh tấn đệ nhất.

Lại như Tỳ-kheo Tu-mạn-nhĩ, đời trước trông thấy tháp Phật Tỳ-bà-thi, lấy hoa Tu-mạn trên tai bố thí, nhờ nhân duyên ấy trong chín mươi mốt kiếp thường không bị đọa ác đạo, hưởng phước vui cõi Trời, cõi người, thân cuối cùng, khi sanh ra, có hoa Tu-mạn ở trên tai, hương thơm đầy nhà, cho nên đặt tên là Tu-mạn-nhĩ. Lúc sau chán đời xuất gia, chứng đạo quả A-la-hán.

Như vậy, Bồ-tát nhờ nhân duyên đời trước bố thí ít được quả báo nhiều, bèn tùy theo vật có được nhiều ít mà bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát cũng không nhất định thường bố thí ít vật, mà tùy theo vật có được nhiều thì thí nhiều, ít thì thí ít.

Lại nữa, Phật muốn tán thán công đức Bát-nhã Ba-la-mật lớn lao,

nên nói thí ít mà được quả báo nhiều, công đức vô lượng.

Hỏi: Như A-la-hán Bạt-câu-la... cũng bố thí ít mà được quả báo nhiều, đâu có dùng Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Bạt-câu-la tuy được quả báo, nhưng có kiếp số hạng lượng, được đạo quả nhỏ, vào Niết-bàn. Còn Bồ-tát do Bát-nhã Ba-la-mật phương tiện hồi hướng, nên bố thí ít mà phước đức vô lượng vô biên vô số.

Hỏi: Thế nào là do phương tiện hồi hướng, nên bố thí ít mà được công đức vô lượng vô biên?

Đáp: Tuy bố thí ít mà đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát suy nghĩ rằng: Ta do phước đức nhân duyên này không phải để cầu các vui thế gian trong cõi trời cõi người, mà chỉ để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Lại phước đức ấy vì độ hết thảy chúng sanh, cũng như chúng sanh vô lượng vô biên nên phước đức cũng vô lượng vô biên.

Lại nữa, phước đức ấy dùng đại từ bi gây dựng, đại từ bi vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Lại nữa, phước đức của Bồ-tát hòa hợp với thật tướng các pháp, nên ba phần đều thanh tịnh là người nhận, người cho và tài vật, đều chẳng thể có được. Như trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, khi ban đầu vì Xá-lợi-phất nói Bồ-tát bố thí, cả người cho, người nhận, và tài vật đều không thể có được, nên đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Dùng trí tuệ thật tướng ấy bố thí nên được vô lượng vô biên phước đức.

Lại nữa, các Bồ-tát đều ghi nhớ phước đức có được đều là như tướng, pháp tánh tướng, thật tế tướng. Ví như, pháp tánh, thật tế vô lượng vô biên, nên phước đức ấy cũng vô lượng vô biên.

Hỏi: Nếu đại Bồ-tát quán các pháp thật tướng biết như, pháp tánh, thật tế, là tướng tịch diệt vô vi, thì làm sao còn sanh tâm để tạo phước đức?

Đáp: Bồ-tát tu tập tâm đại bi lâu ngày, khi tâm đại bi phát khởi, suy nghĩ rằng: Chúng sanh không biết thật tướng các pháp, ta sẽ làm cho chúng sanh biết được thật tướng ấy, nên dùng sức Tinh tấn Ba-la-mật giúp cho tâm đại bi, trở lại thật hành nghiệp nhân duyên về phước đức, ví như lửa muốn tắt gặp được gió thổi củi thì bừng cháy lại.

Lại nữa, vì nhớ lại bản nguyện, và mười phương Phật đến nói rằng: Ngươi hãy nhớ lại khi mới phát tâm và nay ngươi mới được một pháp

môn ấy, còn vô lượng pháp môn như vậy, ngươi chưa được tất cả, hãy trở lại chứa nhóm các công đức, như trong Thất địa của kinh Tiệm bị nói rõ.

Hỏi: Bố thí nhiều ít thì có thể như vậy. Về giới có năm giới, giới thọ một ngày, mười giới, nhiều ít cũng có thể được, vì nó thuộc sắc pháp có thể phân biệt được. Còn bốn Ba-la-mật kia, làm sao biết nó nhiều ít?

Đáp: Nó đều biết được, như nhẫn có hai thứ là thân nhẫn và tâm nhẫn. Thân nhẫn là tuy thân miệng không động nhưng tâm không thể không động khởi, vì thiểu nhẫn cho nên không thể chế tâm. Tâm nhẫn là thân tâm đều nhẫn, giống như cây khô.

Lại nữa, thiểu nhẫn là bị người đánh mắng không đánh mắng lại. Đại nhẫn là không phân biệt người mắng, người nhẫn và sự nhẫn.

Lại nữa, nhẫn đối với chúng sanh là thiểu nhẫn, nhẫn đối với pháp là đại nhẫn. Như vậy là phân biệt thiểu nhẫn.

Thiểu tinh tấn có hai là thân tấn và tâm tấn. Thân tấn là thiểu, tâm tấn là đại. Tinh tấn bên ngoài là thiểu, tinh tấn bên trong là đại. Thân miệng tinh tấn là thiểu, ý tinh tấn là đại. Như Phật nói ý nghiệp sức lớn, như khi vị đại tiên nhân nổi sân, có thể khiến một nước lớn tiêu diệt.

Lại nữa, thân miệng làm tội ngũ nghịch, bị quả báo lớn ở trong địa ngục A-tỳ chỉ một kiếp, trong khi đó ý nghiệp sức lớn, được sanh cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng, sống tám vạn đại kiếp và cũng ở mười phương cõi Phật sống vô lượng kiếp. Vì vậy nên biết thân miệng tinh tấn là thiểu, ý tinh tấn là đại.

Lại nữa, như Kinh nói: Nếu thân, miệng, ý, tịch diệt bất động, ấy là đại tinh tấn. Động là thiểu tinh tấn, như vậy gọi là thiểu tinh tấn.

Thiểu thiền là dục giới định, vị đáo địa, vì không lìa dục nên gọi là thiểu, và quán hai thiền. Sô thiền là thiểu, cho đến Diệt tận định, hữu lậu là thiểu, vô lậu là đại. Chưa được bất thối, chưa được vô sanh nhẫn pháp thiền là thiểu, được bất thối, được vô sanh nhẫn pháp thiền là đại. Cho đến ngồi đạo tràng định tương ưng với giải thốt thứ mười sáu là thiểu, Kim cang tam-muội thứ mười bảy là đại.

Lại nữa, nếu Bồ-tát quán hết thảy pháp thường định, không tán loạn, không nương tựa, không phân biệt, ấy là đại, ngoài ra đều là thiểu Tuệ có hai là thế gian tuệ và xuất thế gian tuệ. Thế gian tuệ là thiểu, xuất thế gian tuệ là đại. Tịnh tuệ, tạp tuệ, tướng tuệ, vô tướng tuệ, phân biệt tuệ, vô phân biệt tuệ, tùy pháp tuệ, phá pháp tuệ, vì sanh tử tuệ, vì Niết-bàn tuệ, vì tự lợi ích tuệ, vì lợi ích hết thảy chúng sanh tuệ... cũng như vậy.

Lại nữa, văn tuệ là thiểu, tư tuệ là đại, tư tuệ là thiểu, tu tuệ là đại, hữu lậu tuệ là thiểu, vô lậu tuệ là đại, tuệ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thiểu, tuệ tu hành sáu độ là đại, tu tuệ là thiểu, phương tiện tuệ là đại, trong các địa phương tiện triển chuyển có đại tiểu, cho đến mười địa. Như vậy phân biệt nhiều và ít.

Phật khen Bồ-tát kỳ lạ đặc biệt, trong việc nhỏ mà được vô lượng vô biên công đức, huống chi việc lớn. Còn các người khác bỏ nhiều tài vật, thân miệng siêng khổ mà được phước ít. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy, không kịp được Bồ-tát tu ít mà quả báo nhiều. Như trước nói ví dụ hôi miệng phát ra tiếng không vang đi xa, tiếng thổi vào trong còi thì có thể vang xa. Như vậy nghiệp nhân bố thí ít, các người khác làm thì được phước đức cũng ít, còn đại Bồ-tát do lực phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật hồi hướng, nên được vô lượng vô biên phước đức.

Do vậy nên nói muốn thật hành ít thí, ít giới, ít nhẫn, ít tấn, ít thiền, ít trí.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn thực hành Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Nghĩa của các Ba-la-mật như trước đã nói.

Hỏi: Tướng năm Ba-la-mật tức là tướng Bát-nhã Ba-la-mật chăng? Nếu là tướng Bát-nhã Ba-la-mật thì không nên có năm tên sai khác, cớ sao nói muốn thực hành Bố thí Ba-la-mật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Cũng đồng, cũng khác. Khác là Bát-nhã Ba-la-mật là quán thật tướng các pháp mà không lãnh thọ, không dính mắc các pháp. Bố thí là bỏ tất cả vật sở hữu trong ngoài. Đem tâm Bát-nhã Ba-la-mật làm việc bố thí, khi ấy bố thí được gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, năm Ba-la-mật gieo trồng các công đức, còn Bát-nhã Ba-la-mật trừ tâm tà kiến chấp trước. Như một người gieo lúa, một người bừa trừ cỏ rác, để cho lúa tăng trưởng đơm hoa kết trái. Bốn Ba-la-mật kia cũng như vậy.

Hỏi: Nay làm sao muốn thực hành Bố thí Ba-la-mật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Bố thí có hai, một tịnh, hai bất tịnh. Bất tịnh là vì kiêu mạn nên bố thí, nghĩ rằng: người thua ta mà còn bố thí, ta há lại không làm được ư? Vì ganh ghét nên bố thí, nghĩ rằng, kẻ oán ghét ta nhờ bố thí mà được tiếng hơn ta, vậy nay ta sẽ thí cho nhiều thì chắc chắn hơn người kia. Vì nghèo nên bố thí, nghĩ rằng: Ta bố thí một ít vật mà được quả

báo gấp ngàn vạn, cho nên bố thí. Vì danh nên bố thí, nghĩ rằng, nay ta ưa bố thí, ta sẽ ở vào số người tốt, được mọi người tín mộ. Vì thu nhiếp người nên bố thí, nghĩ rằng: Nay ta bố thí, chắc người sẽ quy về ta. Các lối hành thí xen tạp kiết sử như vậy, gọi là bất tịnh.

Tịnh là, không có việc xen tạp như trên, chỉ đem tâm thanh tịnh, tin nhân quả, cung kính thương xót người thọ nhận, không cầu lợi đời nay, chỉ cầu công đức đời sau. Lại có cách tịnh thí không cầu lợi ích đời sau, chỉ đem tâm tu hành giúp cầu Niết-bàn. Lại có cách tịnh thí là sanh tâm đại bi, vì chúng sanh nên không cầu tư lợi, sớm được Niết-bàn, mà chỉ vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tịnh thí. Do tâm Bát-nhã Ba-la-mật nên có thể tịnh thí như vậy. Do vậy nên nói muốn thực hành Bố thí Ba-la-mật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, do năng lực Bát-nhã Ba-la-mật, bỏ tâm chấp trước các pháp, huống gì tâm chấp ngã lại không bỏ được. Vì bỏ tâm chấp ngã, nên xem tự thân và vợ con như cỏ, đất, không chút luyến tiếc, đều bố thí hết cả.

Do vậy nên muốn thực hành Bố thí Ba-la-mật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy. Nhờ tâm Bát-nhã Ba-la-mật giúp thành tựu vậy.

Lại nữa, các Ba-la-mật kia, không nhờ có Bát-nhã Ba-la-mật thì không được gọi là Ba-la-mật, và cũng không bền chắc. Như trong phẩm sau nói: Năm Ba-la-mật không có được Bát-nhã Ba-la-mật thì không được gọi là Ba-la-mật. Lại như Chuyển luân thánh vương, không có xe báu thì không gọi là Chuyển luân thánh vương, không thể lấy báu khác để gọi được. Cũng như nhóm người mù không ai dẫn dắt thì không thể đi đến được. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, dắt dẫn năm Ba-la-mật khiến đạt đến Tát-bà-nhã (Nhất thiết chủng trí). Ví như đại quân không có tướng giỏi, đánh giặc không thành công. Lại như thân người, các căn tuy có đủ, nếu không có mắt, không thể tự đến đâu được. Lại như người không có mạng căn, thì các căn khác đều hoại diệt, có mạng căn thì các căn khác hữu dụng. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Năm Ba-la-mật kia không có Bát-nhã Ba-la-mật không được tăng trưởng, có được Bát-nhã Ba-la-mật thời các Ba-la-mật kia được tăng trưởng đầy đủ.

Do vậy nên Phật nói, muốn thực hành Bố thí Ba-la-mật nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn đời đời thân thể tương tợ với Phật, muốn đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Trong kinh Thanh văn nói: Bồ-tát tu hành qua khỏi ba A-tăng-kỳ kiếp, trong một trăm kiếp tiếp theo gieo trồng nhân duyên về ba mươi hai tướng, sao nay nói đời đời thân thể tương tợ với Phật, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (Abhidharma-vibbassa) của Ca-chiên-diên-tử nói như vậy, chứ không phải trong Tam tạng nói, vì sao? Vì ba mươi hai tướng người khác cũng có, đâu đủ cho là quý, như Nan-đà ở kiếp trước, nhân một lần tắm cho chúng Tăng phát nguyện rằng: Nguyện cho tôi đời đời đoan chánh thanh khiết. Lại trong một kiếp khác, gặp tháp Bích-chi Phật, lấy tranh vẽ trang nghiêm tượng Bích-chi Phật, phát nguyện rằng: Nguyện cho tôi đời đời có sắc tướng nghiêm thân. Do nhân duyên ấy, đời đời được thân tướng trang nghiêm, cho đến thân cuối xuất gia làm Sa-môn, Chúng tăng ở xa trông thấy gọi đó là Phật, đồng đứng dậy nghinh đón. Nan-đà Tiểu thừa gieo ít công đức mà còn được quả báo ấy, huống chi Bồ-tát trong vô lượng vô số kiếp tu tập công đức mà đời đời thân hình không tương tợ Phật sao?

Lại như Bồ-tát Di-lặc, khi còn làm kẻ bạch y, có vị thầy tên là Bà-bạt-lê có ba tướng:

1. Tướng lông trắng giữa hai chân mày.
2. Tướng lưỡi phủ cả mặt.
3. Tướng mã âm tàng.

Như vậy, không phải là Bồ-tát cũng đều có tướng, thì Bồ-tát há phải sau ba vô số kiếp mới gieo nhân về tướng tốt?

Lại nữa, trong Đại thừa, có Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hề sanh ác tâm, đời đời được quả báo có ngũ thông, thân thể tợ Phật.

Hỏi: Bồ-tát chưa được Phật đạo, sao được thân tướng như Phật?

Đáp: Bồ-tát vì độ chúng sanh, mà hoặc làm thân Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm thân Đế-thích, hoặc làm thân Phạm-vương, hoặc làm thân Thanh văn, thân Bích-chi Phật, thân Bồ-tát, thân Phật. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Văn-thù-sư-lợi tự nói: Bảy mươi hai ức phen làm một Duyên-giác mà vào Niết-bàn. Lại hiện làm Phật hiệu là Long-Chủng-Tôn. Thời ấy chưa phải có Phật mà chúng sanh vẫn thấy thân Phật, hoan hỷ lãnh thọ giáo hóa.

Hỏi: Nếu Bồ-tát có thể làm thân Phật thuyết pháp độ sanh, vậy với Phật có gì sai khác?

Đáp: Bồ-tát có đại thần lực, ở địa vị thập trú, đầy đủ Phật pháp mà trú thế gian, vì rộng độ chúng sanh nên không thủ chứng Niết-bàn,

cũng như huyễn sư tự biến hóa thân thuyết pháp cho người, chẳng phải thân Phật thật. Tuy độ thốt chúng sanh như vậy, song có lượng có hạn, còn Phật độ sanh vô lượng vô hạn. Bồ-tát tuy làm thân Phật, không thể cùng khắp mười phương thế giới, còn thân Phật thì cùng khắp vô lượng thế giới, trước những người đáng được độ, đều hiện thân Phật. Cũng như trăng đêm mười bốn tuy có sáng mà không bằng trăng đêm rằm. Bồ-tát và Phật có sai khác cũng như vậy.

Hoặc có Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, pháp tánh sanh thân, ở địa vị thất trụ, có năm thần thông, biến hóa thân như Phật, giáo hóa chúng sanh.

Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, tu sáu Ba-la-mật, do nhân duyên hạnh nghiệp ấy, được thân tướng giống Phật, giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: Ba mươi hai tướng là quả báo do bố thí... còn Bát-nhã Ba-la-mật là không có gì, như hư không, cớ sao nói muốn được tướng tốt nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Ba mươi hai tướng có hai loại: 1. Đầy đủ như Phật. 2. Không đầy đủ, như Chuyển luân Thánh vương, Nan-đà... Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp với bố thí, nên được tướng tốt đầy đủ như Phật. Các người khác chỉ hành bố thí không có Bát-nhã, nên tướng không đầy đủ.

Hỏi: Tại sao bố thí... mà được ba mươi hai tướng?

Đáp: Như đàn việt khi bố thí, người thọ lãnh được sắc lực... năm việc ích thân, nên người bố thí được đầy đủ tướng vành xe (xoáy tròn) ở chân tay. Như trong chương Đàn Ba-la-mật ở trước đã nói rộng. Thật hành trì giới, nhẫn nhục... cũng như vậy, đều làm cho đủ ba mươi hai tướng. Những gì là ba mươi hai tướng? Một tướng dưới bàn chân bằng phẳng, còn các tướng khác như trong phẩm Tán Bồ-tát ở trước đã nói rõ.

Hỏi: Nhân duyên gì được tướng bàn chân bằng phẳng?

Đáp: Phật đời đời nhất tâm kiên cố trì giới, cũng không khiến người khác phá giới, nên được tướng thứ nhất. Được tướng thứ nhất ấy thì ở trong tự pháp không ai lay động được, nếu làm Chuyển luân thánh vương, thì ở trong tự quốc độ không ai xâm lăng được. Do hạnh nghiệp đúng như pháp nuôi dưỡng, bảo hộ nhân dân và Sa-môn xuất gia, nên được tướng bánh xe ngàn tăm, là tướng ban đầu chuyển pháp luân, nếu làm Chuyển luân thánh vương thì được Chuyển bảo luân. Do nghiệp xa lìa sát sanh nên được tướng ngón tay dài. Do nghiệp không trộm cắp nên được tướng gót chân đầy đặn. Do nghiệp lấy bốn nhiếp pháp thu nhiếp chúng sanh nên được tướng mạng lưới ở giữa các ngón tay chân.

Do nghiệp lấy y phục, ẩm thực, ngọa cụ thượng diệu cúng dường bậc tôn trưởng nên được tướng tay chân mềm mại. Do nghiệp tu phước càng tăng nên được tướng mu bàn chân cao, tướng mỗi lỗ chân lông mọc một lông, lông đều hướng lên trên. Do nghiệp đúng như pháp sai khiến hòa hợp làm phước và mau mắn dạy người, nên được tướng chân đùi đẹp như nai chúa Y-nê-diên. Do đúng như pháp lấy tịnh vật bố thí, không não hại người thọ lãnh, nên dược tướng đứng thẳng tay dài quá gối, tướng thân ngay ngắn như cây Ni-câu-lô-đà. Do tu tâm biết tàm quý nhiều và dứt tà tâm, lấy phòng xá, y phục, vật che trùm để bố thí, nên được tướng âm tàng như ngựa chúa. Do tu Từ tam-muội, tâm tịnh tín nhiều, và dùng ẩm thực, y phục, ngọa cụ màu sắc đẹp để bố thí, nên được tướng kim sắc, tướng hào quang một trượng. Do thường ưa vấn nghĩa, cung cấp người tôn trọng và người lành, nên được tướng da tế mịn. Do đúng pháp xét đốn sự việc, không tự chuyên chấp, ủy thác việc chấp chánh, nên được tướng thân trên như sư tử, tướng dưới nách đầy đặn, tướng bờ vai tròn. Do cung kính đưa đón hầu hạ tôn trưởng nên được tướng thân thẳng rộng. Do bố thí đầy đủ nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Do thí xả tất cả không tiếc lẫn, nên được tướng má vuông. Do lìa nói hai lưỡi nên được tướng bốn mươi cái răng, tướng răng khít và ngang bằng. Do thường tu tâm từ, tư duy đều tốt, nên được răng trắng không lồi lõm. Do lìa vọng ngữ nên được tướng lưỡi mỏng rộng. Do bố thí đồ ăn ngon, không não hại người lãnh thọ nên được tướng có chất vị tối thượng trong thực vị. Do lìa ác khẩu nên được tướng Phạm âm. Do thiện tâm mắt hiền nhìn chúng sanh nên được tướng mắt xanh biếc, như mắt trâu chúa. Do lễ kính bậc tôn kính và tự trì giới, lấy giới dạy người, nên được tướng nhục kế. Do tán thán người đáng tán thán nên được tướng lông trắng giữa hai chân mày; ấy là nghiệp duyên tạo thành ba mươi hai tướng theo trong pháp Thanh văn.

Nghiệp duyên tạo ba mươi hai tướng theo trong pháp Đại thừa là: Hỏi: Chư Phật mười phương, các pháp ba đời, đều là tướng vô tướng, cớ sao nay nói ba mươi hai tướng? Một tướng còn không thật, huống gì ba mươi hai?

Đáp: Phật pháp có hai đế:

1. Thế đế.
2. Đệ nhất nghĩa đế.

Vì thế đế nên nói ba mươi hai tướng, vì đệ nhất nghĩa đế nên nói vô tướng.

Có hai đạo:

1. Khiến chúng sanh tu phước đạo.

2. Tuệ đạo.

Vì phước đạo nên nói ba mươi hai tướng, vì tuệ đạo nên nói vô tướng, vì sanh thân nên nói ba mươi hai tướng, vì pháp thân nên nói vô tướng. Phật thân lấy ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp tùy hình để tự trang nghiêm. Pháp thân lấy Mười lực, Bốn vô sở úy, Bốn vô ngại trí, Mười tám pháp không chung, các công đức để trang nghiêm.

Chúng sanh có hai nhân duyên: 1. Nhân duyên phước đức. 2. Nhân duyên trí tuệ. Muốn lấy phước đức nhân duyên dẫn đạo chúng sanh nên dùng ba mươi hai tướng, muốn lấy trí tuệ nhân duyên dẫn đạo chúng sanh nên dùng pháp thân.

Có hai loại chúng sanh:

1. Chúng sanh biết các pháp là giả danh.

2. Chúng sanh chấp vào danh tự. Vì chúng sanh chấp vào danh tự nên nói vô tướng, vì chúng sanh biết các pháp là giả danh nên nói ba mươi hai tướng.

Hỏi: Công đức mười lực, bốn vô sở úy cũng đều có tướng riêng, cớ sao nói pháp thân vô tướng?

Đáp: Hết thảy pháp vô lậu tương ứng với mười sáu hành (quán mười sáu hành tướng của bốn đế - ND), ba tam-muội (không vô tướng, vô tác – ND) nên đều gọi là vô tướng. Phật muốn cho chúng sanh hiểu nên phân biệt nói các tướng. Nói hết thảy Phật pháp, lấy không, vô tướng, vô tác ấn ký, nên đều vào như, pháp tánh, thật tế, nhưng vì hạng người nhờ trông thấy sắc mà hoan hỷ phát đạo tâm, nên hiện thân ba mươi hai tướng trang nghiêm.

Lại nữa, vì hiển bày sự tối thắng đối với chúng sanh nên hiện ra ba mươi hai tướng mà không phá pháp vô tướng, như Bồ-tát mới sanh trong bảy ngày đầu, quấn bằng lụa trắng, đưa chỉ các thầy tướng, các thầy tướng lấy sách tướng xưa ra đốn và trả lời vua rằng: theo pháp sấm ký của chúng tôi, thì người có ba mươi hai tướng, nếu ở nhà thường làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ được thành Phật. Chỉ có hai lẽ đó, không có lẽ thứ ba. Các thầy tướng lui ra rồi, Bồ-tát ngủ nghỉ.

Lại có tiên nhân tên A-tư-đà thưa vua Tịnh-phạn rằng: Tôi dùng Thiên nhó nghe chư thiên quỷ thần nói, Tịnh-phạn vương sanh con có tướng Phật thân cho nên đến xin xem. Vua rất hoan hỷ, nghĩ người này là tiên thánh mới từ xa đến muốn xem con ta, liền sắc lệnh các người hầu, đưa thái tử đến. Người hầu trả lời vua: "Thái tử vừa ngủ." A-tư-đà nói: "Thánh vương xin thường thí cam lồ cho tất cả, không nên ngủ."

Liền đứng dậy đi đến chỗ thái tử, bồng lên trên tay, xem tướng trên dưới xong òa khóc, không tự cầm nổi, vua rất không vui, hỏi A-tư-đà: "Có gì không lành mà khóc lóc như vậy?" A-tư-đà đáp: "Giả sử trời mưa núi Kim cang lớn, không thể làm lay động một sợi lông của vị này, đâu có gì không tốt. Thái tử chắc sẽ làm Phật, tôi nay tuổi đã xế chiều, sẽ sanh lên coi trời Vô sắc, không được thấy Phật, không nghe được giáo pháp của Ngài, tự thương cho mình quá!" Vua nói: "Các thầy tướng nói không nhất định một việc, nếu ở nhà thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia thì sẽ được làm Phật."

A-tư-đà nói: "Các thầy tướng nói chỉ lấy việc đời so sánh mà biết, chẳng phải do Thiên nhãn biết. Sách tướng của chư thánh lại không đầy đủ biết khắp các tướng, chỉ xem tổng quát, không thể rõ ràng cho nên hoặc nói ở nhà sẽ làm Chuyển luân thánh vương, xuất gia sẽ làm Phật. Nay ba mươi hai tướng của thái tử, ngay thẳng rõ ràng, sâu xa trong sạch, chắc chắn sẽ làm Phật, chứ không phải làm Chuyển luân thánh vương."

Vì vậy nên biết ba mươi hai tướng là rất thù thắng đối với hết thảy chúng sanh.

Nói pháp vô tướng là để phá chấp tướng thường, lạc, ngã, tịnh, nam, nữ, sanh, tử... vì vậy nên Phật pháp tuy là tướng vô tướng, mà hiện ra ba mươi hai tướng để dẫn đạo chúng sanh, khiến họ biết Phật là đệ nhất mà sanh lòng tin thanh tịnh, nên nói ba mươi hai tướng mà không bị lỗi.

Hỏi: Vì cớ sao nói ba mươi hai tướng chứ không nhiều không ít?

Đáp: Hoặc nói nhiều, hoặc nói ít, đều sẽ có vấn nạn.

Lại nữa thân Phật cao một trượng sáu, nếu nói ít tướng thì không khắp, không đủ trang nghiêm. Nếu quá ba mươi hai tướng thì bị tạp loạn, ví như đồ vật trang sức thân, tuy giàu có châu ngọc, không thể mang nặng anh lạc vào mình, thế nên ba mươi hai tướng không nhiều không ít, vừa được trung bình.

Lại nữa, nếu ít không đoan nghiêm, thì để lại chỗ cho tám mươi vẻ đẹp tùy hình, còn quá ba mươi hai tướng thì tạp loạn.

Hỏi: Nếu cần có tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thì sao không gọi cả là tướng mà gọi riêng là vẻ đẹp?

Đáp: Tướng lớn nghiêm thân, nếu nói lớn là bao gồm nhỏ.

Lại nữa, tướng thì thô mà vẻ đẹp thì tế. Chúng sanh thấy Phật thì thấy tướng, còn vẻ đẹp khó thấy. Lại tướng thì các người khác cũng có, còn vẻ đẹp thì hoặc có hoặc không, vì vậy nên nói riêng tướng và vẻ đẹp.

Hỏi: Phật rốt ráo dứt hết tướng chúng sanh, tướng tôi ta, đầy đủ tướng không pháp, cớ sao lại lấy tướng trang nghiêm, như cách của người chấp thủ tướng?

Đáp: Nếu Phật chỉ lấy diệu pháp trang nghiêm tâm, còn thân không có tướng hảo, thì hoặc có chúng sanh khả độ, họ sanh tâm khinh mạn cho Phật không đủ thân tướng, nên không thể nhất tâm vui thọ pháp Phật. Ví như lấy đồ nhô mà đựng thức ăn ngon, người ta không mừng. Như lấy đãy da thúi đựng vật báu, người cầm lấy không vui. Vì vậy, nên Phật lấy ba mươi hai tướng trang nghiêm thân mình.

Lại nữa, Phật thường ở giữa đại chúng, cất tiếng rống sư tử rằng: "Ta có hết thảy công đức rất là đệ nhất giữa chúng sanh," nhưng nếu Phật sanh thân không lấy tướng hảo trang nghiêm, thì hoặc có người nói: "Thân hình xấu xí, có thể biết được gì!" Phật dùng ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân mà chúng sanh còn có kẻ không tin, huống là không dùng tướng hảo trang nghiêm!

Lại nữa, Phật pháp xâu xa, tướng thường vắng lặng, nên chúng sanh cuồng ngu không tin không thọ, cho rằng thân diệt tận rồi không còn có thứ gì nữa. Vì vậy nên Phật đưa tướng lưỡi rộng dài, phát ra tiếng Phạm âm, thân phóng hào quang lớn, dùng các nhân duyên thí dụ, nói pháp thượng diệu, chúng sanh được thấy thân tướng của Phật oai đức, lại nghe âm thanh, đều hoan hỷ tin vui.

Lại nữa, vật trang nghiêm có trong ngoài. Thiền định, trí tuệ, các công đức, là trang nghiêm trong, thân tướng oai đức, trì giới đầy đủ, là trang nghiêm ngoài, Phật cả trong ngoài đều đầy đủ.

Lại nữa, Phật thương nghĩ chúng sanh mà xuất hiện ở đời, lấy các công đức trí tuệ làm lợi ích cho chúng sanh lợi căn, lấy thân tướng trang nghiêm làm lợi ích cho chúng sanh độn căn. Tâm trang nghiêm mở cửa Niết-bàn, thân trang nghiêm mở cửa trời người an lạc. Thân trang nghiêm nên đặt chúng sanh vào ba chỗ phước, tâm trang nghiêm nên đặt chúng sanh vào ba cửa giải thốt; thân trang nghiêm nên đưa chúng sanh ra khỏi ba đường ác, tâm trang nghiêm nên đưa chúng sanh ra khỏi ngục ba cõi.

Như vậy có vô lượng nhân duyên lợi ích, nên lấy tướng hảo trang nghiêm sanh thân.

KINH: Muốn sanh vào nhà Bồ-tát, muốn được đất Cưu-ma-la-già, muốn được không lìa chư Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Nhà Bồ-tát: Nếu phát tâm đại bi thậm thâm đối với chúng sanh, ấy là sanh vào nhà Bồ-tát. Như sanh vào nhà vua, không ai dám

khinh, cũng không sợ đói khát, lạnh, nóng... người vào đạo Bồ-tát, sanh vào nhà Bồ-tát cũng như vậy. Vì là Phật tử nên chư thiên, rồng, quỷ thần, các thánh nhân không ai dám khinh, càng thêm cung kính, không sợ ác đạo, chỗ thấp hèn trong cõi trời người, không sợ người Thanh văn, Bích-chi Phật, hay ngoại đạo luận sư đến làm trở ngại tâm kia.

Lại nữa, Bồ-tát mới phát tâm, một lòng phát nguyện từ ngày nay không còn theo các ác tâm, chỉ muốn độ thốt hết thảy chúng sanh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Bồ-tát nếu biết được thật tướng các pháp chẳng sanh chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn, từ đó trở đi thường trụ Bồ-tát đạo, như Phật nói trong kinh Trì tâm: "Từ khi Ta thấy đức Phật Đỉnh Quang (Nhiên Đăng) được pháp vô sanh nhẫn mới bắt đầu đầy đủ sáu Ba-la-mật, còn từ đó về trước, hoàn toàn không có bố thí, trì giới..."

Lại nữa, nếu Bồ-tát nghĩ rằng, lấy kiếp số nhiều như cát sông Hằng làm một ngày một đêm, dùng ngày đêm ấy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, số năm như vậy quá trăm ngàn vạn ức kiếp mới có một đức Phật ra đời. Đối với chỗ đức Phật ấy, cúng dường, trì giới, chứa các công đức, ở nôi chư Phật nhiều như cát sông Hằng như vậy, vậy sau mới được thọ ký làm Phật, mà tâm Bồ-tát không giải đãi, không mất không chán, thảy đều vui tu hành.

Lại nữa, Bồ-tát đối với chúng sanh tà định, ngũ nghịch, và người dứt thiện căn, mà sanh tâm từ bi, khiến họ vào chánh đạo, không cầu báo ân.

Lại nữa, Bồ-tát khi mới phát tâm đến nay, không bị các phiền não che lấp, phá hoại.

Lại nữa, Bồ-tát tuy quán thật tướng các pháp, đối với các quán, tâm cũng không chấp trước.

Lại nữa, Bồ-tát tự nhiên, miệng thường nói thật, cho đến trong mộng cũng không nói dối.

Lại nữa, Bồ-tát thấy sắc đều là sắc Phật, do năng lực của niệm Phật tam-muội, không đắm trước nơi sắc.

Lại nữa, Bồ tát thấy hết thảy chúng sanh bị trôi lăn trong khổ sanh tử, nên đối với hết thảy sự vui, tâm cũng không đắm trước, chỉ nguyện rằng: "Ta và chúng sanh, lúc nào sẽ được độ thốt."

Lại nữa, Bồ-tát đối với hết thảy trân bảo, tâm không đắm trước, chỉ vui theo Tam bảo.

Lại nữa, Bồ-tát thường dứt dâm dục, cho đến không sanh tâm tưởng nhớ, huống có thật sự.

Lại nữa, chúng sanh mắt trông thấy Bồ-tát, liền được Từ tam-muội.

Lại nữa, Bồ-tát hay làm cho hết thảy pháp đều là Phật pháp, không có pháp Thanh văn, Bích-chi Phật và pháp phàm phu sai khác.

Lại nữa, Bồ-tát phân biệt hết thảy pháp, đối với hết thảy pháp cũng không sanh tướng pháp, cũng không sanh tướng phi pháp. Có vô lượng nhân duyên như vậy, ấy gọi là sanh vào nhà Bồ-tát.

Hỏi: Từ khi phát tâm lại đây, đã sanh vào nhà Bồ-tát, sao nay còn nói muốn sanh vào nhà Bồ-tát, nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nhà Bồ-tát: là có thối chuyển và không có thối chuyển; nhà danh tự, nhà thật; nhà tịnh, nhà tạp; nhà có tin kiên cố, nhà không tin kiên cố. Vì muốn được nhà không thối chuyển, cho đến nhà có lòng tin kiên cố, nên nói: muốn được sanh vào nhà Bồ-tát, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Muốn được đất Cưu-ma-la-già (đồng chân): Hoặc có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường hành Bồ-tát đạo, ấy gọi là đất Cưu-ma-la-già.

Lại nữa, hoặc có Bồ-tát phát nguyện rằng: Đời đời làm đồng nam xuất gia hành đạo, không thọ ái dục thế gian, ấy gọi là đất Cưu-ma-la-già.

Lại nữa, như con vua tên Cưu-ma-la-già, Phật là vua pháp, Bồ-tát từ khi vào chánh vị của pháp, cho đến chứng mười địa, đều gọi là con vua, đều kham làm Phật, như Văn-thù-sư-lợi, đủ các Phật sự Mười lực, Bốn vô sở úy... nên ở đất Cưu-ma-la-già, rộng độ chúng sanh.

Lại nữa, như đồng tử quá bốn tuổi trở lên, chưa đủ hai mươi tuổi gọi là Cưu-ma-la-già. Hoặc có Bồ-tát mới sanh vào nhà Bồ-tát giống như hài nhi, khi được vô sanh pháp nhẫn cho đến mười trụ địa, dứt các việc ác, gọi là đất Cưu-ma-la-già. Muốn được địa vị như vậy, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Thường muốn không lìa chư Phật: Bồ-tát đời đời sanh ra thường gặp chư Phật.

Hỏi: Bồ-tát thường giáo hóa chúng sanh, cớ sao thường muốn gặp Phật?

Đáp: Có Bồ-tát chưa vào địa vị Bồ-tát, chưa được bất thối chuyển, chưa được thọ ký, nên nếu lìa chư Phật, liền hoại các thiện căn, chìm trong phiền não, tự không độ được, đâu độ được người, như người cỡi thuyền giữa dòng bị hư hỏng, muốn vớt người khác, trở lại bị chìm luôn.

Lại như một ít nước sôi đổ vào ao băng lớn, tuy tan băng một chỗ

nhỏ, vẫn trở lại thành băng. Bồ-tát chưa vào pháp vị, nếu xa lìa chư Phật, vì ít công đức, không sức phương tiện mà muốn giáo hóa chúng sanh, tuy được ít lợi ích vẫn trở lại đọa lạc! Vì vậy nên hàng tân học Bồ-tát không nên xa lìa chư Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói không xa lìa Thanh văn, Bích-chi Phật, vì Thanh văn, Bích-chi Phật cũng có thể làm lợi ích cho Bồ-tát?

Đáp: Bồ-tát có tâm lớn, Thanh văn, Bích-chi Phật tuy có lợi ích Niết-bàn, mà vì không có Nhất thiết trí nên không thể giáo hóa, dẫn đạo Bồ-tát. Chư Phật có Nhất thiết chủng trí nên có thể giáo hóa dẫn đạo Bồ-tát, như voi lún dưới bùn, ngoài sức voi không kéo ra được. Bồ-tát cũng như vậy, nếu vào trong phi đạo, chỉ có Phật cứu được, vì đồng đạo lớn. Vì vậy, nên nói Bồ-tát thường muốn không lìa chư Phật.

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ rằng ta chưa được Phật nhãn, không khác người mù, nếu không được Phật dẫn đạo, thì không đến được, lầm đi vào đường khác, dầu nghe nói Phật pháp ở chỗ khác lưu hành, mà chưa biết thời tiết giáo hóa, hành pháp nhiều hay ít.

Lại nữa, Bồ-tát thấy Phật thì được các thứ lợi ích, hoặc mắt thấy mà tâm được thanh tịnh, hoặc nghe nói mà tâm vui pháp, được đại trí tuệ, theo pháp tu hành được giải thốt. Như vậy, gặp Phật được vô lượng lợi ích, đâu lại không một lòng cầu muốn thấy Phật, ví như hài nhi, không nên lìa mẹ. Lại như đi đường, không lìa lương thực, như lúc nóng bức không lìa gió mát nước lạnh, như lúc đại hàn không muốn xa lửa, như qua nước sâu, không nên lìa thuyền, như người bệnh không lìa lương y. Bồ-tát không lìa chư Phật, quá hơn các việc trên ấy. Vì cớ sao? Vì cha mẹ, thân thuộc, tri thức người, trời, vua... đều không lợi ích bằng Phật. Phật lợi ích các Bồ-tát, lìa các chỗ khổ, ở đất của Thế Tôn. Do nhân duyên ấy, Bồ-tát thường không lìa Phật.

Hỏi: Pháp hữu vi giả dối không thật, đều không thể tin, làm sao được như nguyện "không lìa chư Phật"?

Đáp: Đầy đủ phước đức, trí tuệ còn có thể làm Phật, huống chi là không lìa chư Phật. Vì chúng sanh có tội nghiệp nhân duyên từ vô lượng kiếp nên không được như nguyện. Tuy hành phước đức mà trí tuệ mỏng ít, tuy hành trí tuệ mà phước đức mỏng ít, nên sở nguyện không thành. Bồ-tát cầu Phật đạo nên cần tu hai nhẫn là sanh nhẫn và pháp nhẫn. Hành sanh nhẫn nên phát tâm từ bi đối với chúng sanh, diệt tội vô lượng kiếp, được vô lượng phước đức. Hành pháp nhẫn nên phá vô minh đối với các pháp, được vô lượng trí tuệ. Hai hành hòa hợp nên nguyện gì

cũng được thành. Vì vậy nên Bồ-tát đời đời thường không lìa Phật.

Lại nữa, Bồ-tát thường ưa vui niệm Phật, nên bỏ thân thọ thân, thường được gặp Phật, ví như chúng sanh tâm tập dục nặng, nên sanh làm thân loài chim đa dâm như khổng tước, uyên ương... ; tập sân hận nhiều nên sanh loài trùng độc, là ác long, la-sát, rết, rắn độc... tâm Bồ-tát không quí phước vui của Chuyển luân thánh vương, người, trời, mà chỉ niệm Phật, nên theo chỗ tâm thiên nặng mà thọ thân hình.

Lại nữa, Bồ-tát thường khéo tu niệm Phật tam-muội, nên sanh ra thường được gặp Phật, như nói ở trong Ban châu tam-muội; Bồ-tát vào tam-muội này liền thấy Phật A-di-đà, bèn hỏi Phật kia do nghiệp gì nên được sanh nước Cực-lạc ấy. Phật liền trả lời: Này thiện nam tử, do thường tu niệm Phật tam-muội, ghi nhớ không bỏ, nên được sanh nước ta.

Hỏi: Thế nào là niệm Phật tam-muội được sanh nước kia?

Đáp: Niệm Phật là niệm ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thân sắc vàng, thân phóng hào quang chiếu khắp mười phương, như vàng Diêm-phù-đàn nấu chảy, sắc nó sáng trong. Lại như núi chúa Tu di ở giữa biển lớn, khi mặt trời chiếu vào sắc nó phát sáng, hành giả lúc ấy không còn tưởng các sắc khác, như sắc núi đất cây cỏ... chỉ thấy thân tướng chư Phật giữa hư không, như vàng đỏ trong bình lưu ly thật hiện ra ngoài, cũng như Tỳ-kheo khi vào bất tịnh quán, chỉ thấy thân thể phình trướng, tan hoại, cho đến chỉ thấy bộ xương người, bộ xương người ấy không có động tạo tác, cũng không đến đi, chỉ do ức tưởng nên thấy. Bồ-tát ma-ha-tát khi vào niệm Phật tam-muội, thấy chư Phật cũng lại như vậy. Vì nhiếp tâm vì tâm thanh tịnh, ví như người trang nghiêm thân mình, soi kính thủy sạch, thấy hết tất cả. Trong kính thủy ấy cũng không có hình tướng, chỉ vì sáng sạch nên trông thấy thân tướng mình.

Các pháp từ xưa đến nay thường tự thanh tịnh, Bồ-tát đem tâm thanh tịnh, tùy ý thấy hết thảy chư Phật, hỏi chỗ nghi ngờ, Phật đáp câu hỏi; nghe điều Phật dạy, tâm rất hoan hỷ; từ tam-muội khởi dậy suy nghĩ rằng: Phật từ đâu lại, thân ta cũng không đi, liền biết chư Phật không từ đâu đến, ta cũng không đi đâu.

Lại suy nghĩ rằng: Các vật hiện hữu trong ba cõi, đều do tâm làm. Vì cớ sao? Vì tùy tâm nghĩ đến thảy đều được thấy. Lấy tâm thấy Phật, lấy tâm làm Phật, tâm tức là Phật, tâm tức thân ta, tâm không tự biết, cũng không tự thấy. Nếu chấp thủ tâm tướng, thảy đều vô trí, tâm cũng hư dối, đều từ vô minh xuất sanh. Nhân tâm tướng ấy, liền vào thật tướng các pháp, là "thường không".

Được tam-muội và trí tuệ như vậy rồi, do năng lực của hai hành ấy,

nên tùy ý sở nguyện không xa lìa chư Phật, như chim Kim sí, nhờ đủ hai cánh nên tự tại bay liệng giữa hư không. Bồ-tát được năng lực tam-muội và trí tuệ nên thân hiện tại tùy ý cúng đường chư Phật, sau khi mạng chung cũng lại gặp được chư Phật.

Vì vậy nên nói: Bồ-tát muốn thường không lìa chư Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 30

46. GIẢI THÍCH THIỆN CĂN CÚNG DƯỜNG

KINH: Muốn đem các thiện căn cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, được như ý thành tựu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát đã được gặp chư Phật, hãy nên cúng dường. Nếu được gặp Phật mà không cúng dường, thật là chẳng vui! Như Bồ-tát Tu-ma-đề (Diệu Ý) gặp Phật Nhiên Đăng mà không có chi cúng dường, tìm kiếm chung quanh, thấy người con gái bán hoa, lấy năm trăm tiền vàng, mua được năm hoa sen xanh để cúng dường Phật. Lại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, vì cúng dường Thầy, mà bán thịt máu thân mình. Các Bồ-tát như vậy, đã được thấy Phật, tâm muốn cúng dường. Nếu không có gì cúng dường, thì tâm có trở ngại, ví như người dân thường gặp quân trưởng mà không đem lễ tặng, thì là bất kính. Thế nên các Bồ-tát tìm vật cúng dường để cúng dường chư Phật. Phật tuy không cần mà tâm Bồ-tát được đầy đủ, ví như nông phu gặp ruộng tốt mà không hạt giống, tuy muốn gia công, mà không lấy gì để tung sức, tâm rất ưu sầu! Bồ-tát cũng như vậy, được gặp chư Phật, mà không có vật cúng dường, dầu có vật khác, không xứng ý mình; tâm bèn e ngại.

Các thiện căn: Quả báo của thiện căn như hoa hương, anh lạc, y phục, tràng phan, bảo cái, các thứ trân bảo... vì cớ sao? Vì hoặc có khi lấy nhân nói quả, như nói ngày ăn ngàn lượng vàng, vàng không thể ăn, nhân vàng mà được ăn, nên nói ăn vàng. Hoặc có khi nói lấy quả nói nhân, như thấy bức vẽ đẹp nói là khéo tay, tay không phải bức vẽ ấy, mà thấy bức vẽ ấy, nói là khéo tay. Thiện căn quả báo cũng như vậy. Do nhân duyên nghiệp thiện căn mà được đồ cúng dường, gọi là thiện căn. Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói ngay hoa hương mà nói nhân của nó?

Đáp: Đồ cúng dường có hai thứ: 1. Tài cúng dường. 2. Pháp cúng dường. Nếu chỉ nói cúng dường hoa hương thì không bao gồm được pháp cúng dường. Nay nói thiện căn cúng dường, nên biết đã gồm cả tài và pháp.

Cúng dường: Hoặc thấy hoặc nghe công đức chư Phật, sanh tâm cung kính tôn trọng, đưa đón hầu hạ, nhiễu quanh, lễ bái, đứng cúi mình chấp tay, tránh ngồi, yên chỗ, khuyên mời ăn uống, hương hoa, trân bảo... xưng tán các công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, Phật có thuyết pháp thì tín thọ lời dạy bảo; thân. ngữ, ý nghiệp lành như vậy, ấy là cúng dường.

Tôn trọng: Biết hết thảy chúng sanh không ai có đức quá hơn, nên nói là tôn; tâm kính sợ hôn kính sợ cha mẹ, sư trưởng, quân vương, vì sự lợi ích trọng đại, nên nói là trọng.

Cung kính: Khiêm tốn, sợ sệt nên nói là cung, suy tôn trí đức của Phật nên nói là kính.

Tán thán: Khen ngợi công đức là tán, tán chưa đủ, còn xướng lên nữa gọi là thán.

Tùy ý thành tựu: Nếu cần hoa để cúng dường, hoa liền theo ý, hoặc cầu được, hoặc không cầu mà được. Có thứ tự nhiên hiện ra, hoặc biến hóa sanh, cho đến các thứ kỹ nhạc cúng dường, đều được như vậy.

Hỏi: Bồ-tát gặp được thứ gì thì cúng dường, cớ sao lại tìm cầu theo ý?

Đáp: Phước đức theo tâm, dùng vật ái trọng đem cúng dường thì được phước thêm nhiều. Như vua A-dục lúc trẻ nhỏ dùng đất mà mình quý trọng đem dâng Phật. Quả báo được làm vua cõi Diêm-phù-đề, trong một ngày dựng tám vạn tháp, nếu người lớn tuy lấy nhiều đất bỏ vào bát cúng dường mà không được gì, vì không phải là đất được quí trọng. Có người quý trọng riêng thứ hoa, đem hoa ấy cúng dường Phật, được phước thêm nhiều, cho đến bảo vật cũng như vậy.

Lại nữa, thích nghi theo thời, nếu lúc lạnh thì nên đem cho củi lửa, áo, giày, nhà ấm, mền nệm, và thức ăn uống; lúc nóng thì nên đem cho nước, quạt, lọng, nhà mát, áo mỏng, đồ ăn ngon, tùy lúc gió mưa đưa đồ cúng dường. Như vậy tùy thời mà cúng dường.

Lại thích nghi theo địa phương, tùy theo người lãnh thọ cần dùng đều đem cúng dường.

Lại nữa, tùy ý cúng dường là có vị Bồ-tát biết Phật không cần gì, lại biết các vật hư dối như huyễn, chỉ là nhất tướng tức là vô tướng, vì giáo hóa chúng sanh nên tùy tài vật mà chúng sanh và quốc độ quí trọng, dẫn dắt họ cúng dường.

Lại có Bồ-tát được thiền định thâm sâu, phát sanh Bồ-tát thần thông, do sức thần thông nên bay đến trước mười phương Phật, hoặc nơi nước Phật, nếu cần hoa trời mưa khắp, hoa liền khắp đầy ba ngàn đại thiên

thế giới, đem cúng dường Phật; hoặc mưa hương Chiên-đàn trời, hoặc mưa châu ngọc tươi sáng; hoặc mưa bảy báu; hoặc mưa ngọc Như-ý lớn như núi Tu-di; hoặc mưa kỹ nhạc, âm thanh thanh thốt; hoặc lấy thân lớn như núi Tu-di làm tim đèn, cúng dường chư Phật. Như vậy... gọi là tài cúng dường.

Lại Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, lấy pháp cúng dường chư Phật. Hoặc có Bồ-tát thực hành một địa pháp cúng dường chư Phật, cho đến hành mười địa pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, trừ phiền não cho mình và chúng sanh, ấy là pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát trú ở mười địa dùng thần lực làm dứt lửa địa ngục, khiến cho loài ngạ quỉ được no đủ, súc sanh được lìa sợ hãi, khiến được sanh lên cõi trời cõi người, ở địa vị bất thối, sức đại công đức như vậy, gọi là pháp cúng dường.

Vì vậy nên nói muốn được thiện căn thành tựu, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện về y phục, ăn uống, đồ nằm, hương xoa, xe ngựa, phòng xá, giường chõng, đèn đuốc... hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Có thứ lớp gì, khi muốn làm mãn nguyện cho hết thảy chúng sanh?

Đáp: Hành nghiệp của Bồ-tát có hai:

1. Cúng dường chư Phật.
2. Độ thốt chúng sanh.

Do cúng dường chư Phật nên được vô lượng phước đức, đem phước đức ấy làm lợi ích chúng sanh, đó là làm mãn nguyện chúng sanh. Như người chủ buôn vào biển cả tìm châu báu, được an ổn trở về, làm lợi ích cho người thân thích và quen biết. Như vậy, Bồ-tát vào trong biển pháp của chư Phật, được vô lượng báu công đức, làm lợi ích cho chúng sanh. Cũng như tiểu vương cúng dường đại vương, làm cho hoan hỷ, được ban cho điều mong cầu, về chức vị, tài của, đem về nước cũ, làm lợi ích cho mọi người, trừ khổ oán tặc. Bồ-tát cúng dường chư Phật pháp vương, nên được thọ ký, lấy vô lượng trân bảo thiện căn, được vô tận trí lực, trở lại trong chúng sanh, cúng dường người lành, cung cấp vật cần dùng cho người nghèo, bọn ma dân, tà kiến ngoại đạo thảy đều tan rã, ấy là cúng dường chư Phật, tiếp đến làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Bồ-tát thật có thể làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh chăng? Nếu làm mãn nguyện khắp hết chúng sanh, vậy chư Phật và Bồ-tát khác

còn lợi ích gì? Nếu không làm mãn nguyện tất cả, thì trong đây cớ sao nói muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nguyện:

1. Nguyện thành được.
2. Nguyện không thành được.

Nguyện không thành được là có người muốn cân lượng hư không cùng tận biên tế, và muốn tìm biên tế của thời gian, phương hướng, thì chỉ như trẻ con tìm trăng đáy nước, tượng trong gương. Những nguyện như vậy thì không thể thành được. Nguyện thành được là như cưa cây tìm lửa, đào đất tìm nước, tu phước được sanh cõi người cõi trời và thành A-la-hán, Bích-chi Phật quả, cho đến được chư Phật pháp vương. Những nguyện như vậy gọi là nguyện thành được.

Nguyện thành được có hai thứ:

1. Thế gian.
2. Xuất thế gian.

Trong đây vì nguyện thế gian nên làm mãn nguyện chúng sanh, tại sao biết? Là vì lấy đồ ăn uống, giường nằm, cho đến đèn đuốc cần dùng đều cung cấp cho.

Hỏi: Cớ sao Bồ-tát làm cho chúng sanh mãn nguyện những điều dễ được, mà không cho những điều khó được?

Đáp: Nguyện có hạ, trung, thượng. Hạ nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời nay. Trung nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời sau. Thượng nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui Niết-bàn. Thế nên, trước cho hạ nguyện, thứ đến trung nguyện, vậy sau thượng nguyện.

Lại nữa chúng sanh phần nhiều đắm cái vui đời nay, ít cầu cái vui đời sau, cái vui Niết-bàn càng ít cầu hơn nữa. Nếu nói nhiều là đã gồm có ít trong ấy.

Lại nữa, kinh này trước sau phần nhiều nói đến cái vui Niết-bàn, đời sau, ít nói đến cái lợi đời nay.

Pháp của Bồ-tát là cho hết thảy chúng sanh đủ thứ lợi ích, không nên bỏ một ai. Vì sao? Vì tâm ban đầu chỉ muốn dạy chúng sanh tu Đại thừa pháp, nhưng vì chúng sanh không kham thọ hóa, nên tiếp đó dạy cho pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu cũng không kham nữa, thì sẽ dạy cho mười điều thiện, bốn phạm hạnh, khiến tu phước đức. Nếu chúng sanh vẫn không ưa, cũng không nên bỏ rơi chúng sanh ấy, mà nên cho họ sự lợi ích đời này là ăn uống...

Lại nữa, người phàm phu tuy có thể cho người khác ăn uống..., làm mãn nguyện người kia, đều có nhân duyên, hoặc việc đời này, hoặc việc đời sau. Thanh văn, Bích-chi Phật, không có nhân duyên làm mãn nguyện chúng sanh, nên sự lợi ích rất ít, còn đại Bồ-tát do nhân duyên thực hành Bố thí Ba-la-mật nên được làm quốc vương, đại trưởng giả, giàu có vô lượng, chúng sanh bốn phương, nếu đến cầu xin đều được đầy đủ. Như cư sĩ Tân-đầu, làm vị đại đàn-việt, ngồi giường lớn bảy báu, kim cương làm chân, trải nệm trời, màn giăng xích chân châu; người hầu hạ hai bên, mỗi bên có tám mươi bốn ngàn, toàn trang sức kỳ diệu, mở bốn cửa lớn, tự do cho người đến xin. Ngày đêm sáu thời đánh trống, lại phóng ánh sáng. Mười phương vô lượng chúng sanh nghe tiếng trống, ánh sáng chạm thân, thảy đều đi đến, muốn được các thứ ăn uống. Trưởng giả thấy các người ấy nhóm lại, liền im lặng chiêm ngưỡng hư không, khi ấy trong hư không mưa xuống thức trăm vị, đều được theo ý. Nếu chúng sanh không tự lấy được, thì người hai bên lấy chia cấp cho, đầy đủ mới thôi. Ai cần ăn uống, y phục, ngọa cụ, bảo vật... đều cũng như thế. Cho chúng sanh tự do theo ý muốn xong, vậy sau nói pháp, khiến xa lìa bốn cách ăn (đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thục – N.D) đều an trú trong địa vị bất thối chuyển. Như vậy Bồ-tát do lực thần thông nên hay làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Lúc Phật ở đời chúng sanh còn có đói khát, trời không mưa, chúng sanh khốn tệ mà Phật còn không thể cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, huống Bồ-tát làm sao cho chúng sanh mãn nguyện?

Đáp: Bồ-tát trú ở thập địa; vào Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, ở tại ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc có khi hiện làm người mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, hoặc hiện làm người ở địa vị bất thối chuyển, hoặc hiện làm vị nhất sanh bổ xứ, ở cõi trời Đâu-xuất, thuyết pháp cho chư thiên. Hoặc từ trời Đâu-xuất hạ sanh vào cung vua Tịnh-phạn, hoặc hiện xuất gia thành Phật, hoặc hiện Chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, độ vô lượng chúng sanh, hoặc hiện vào Niết-bàn, dựng tháp bảy báu, ở khắp các quốc độ, để chúng sanh cúng dường Xá-lợi, khi Phật pháp diệt hết. Khi đang làm Bồ-tát mà lợi ích như vậy, huống chi khi thành Phật. Phật thân có hai thứ:

1. Chân thân.
2. Hóa thân.

Chúng sanh thấy được Phật chân thân, không nguyện gì không thỏa mãn.

Phật chân thân đầy khắp hư không, ánh sáng chiếu khắp mười

phương, âm thanh thuyết pháp cũng khắp mười phương, đại chúng đầy trong vô lượng hằng hà sa thế giới, thảy đều nghe pháp, thuyết pháp không dứt, trong một khoảng thời gian, mỗi mỗi tùy chỗ nghe mà đặng giải ngộ. Như kiếp tận rồi, do hành nghiệp của chúng sanh nên có mưa lớn đổ xuống, liên tục không dứt, ba đại kia không thể ngăn được, chỉ có gió của kiếp tận mười phương nổi lên, xúc đối nhau mà duy trì nước mưa ấy.

Như vậy, pháp tánh thân Phật thuyết pháp, trừ hàng thập trụ Bồ-tát, hàng tam thừa không thể duy trì được; chỉ có hàng thập trụ Bồ-tát với năng lực phương tiện trí không thể nghĩ bàn là nghe lãnh thọ được. Chúng sanh nào thấy được pháp thân Phật thì không có ba độc, và các phiền não; các khổ rét, nóng cùng lúc diệt hết, không nguyện gì không thỏa mãn. Như ngọc như ý còn luôn cho chúng sanh được tùy nguyện, huống gì ngọc Phật, cho hết thảy được mãn nguyện thế gian, mãn nguyện xuất thế gian. Nếu nói Phật không thể làm cho chúng sanh mãn nguyện, lời ấy không đúng.

Lại nữa, đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thọ thân ở cung vua, hiện chịu theo phép tắc con người, có lạnh, nóng, đói, khát, ngủ nghỉ, chịu lời phỉ báng, già, bệnh, chết... mà nội tâm trí tuệ thần đức không khác với chân Phật chánh giác, muốn làm thỏa mãn sở nguyện của chúng sanh, đều thỏa mãn được, nhưng không mãn là vì từ vô số kiếp lại thường làm cho chúng sanh mãn nguyện về ăn mặc mà không hết khổ, cho nên nay chỉ lấy Niết-bàn vô vi thường lạc làm lợi ích họ, như thương người thân không cho đồ ăn ngon có lẫn độc. Như vậy nguyện của thế gian chỉ làm sanh các kiết sử, lại khi xa lìa các kiết sử thì tâm sanh đại khổ, cho nên không lấy đó làm quan trọng.

Lại nữa, có người nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã làm cho chúng sanh mãn nguyện mà chúng sanh tự không nhận được, như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Phật lấy ngón chân ấn xuống đất, tức thời quốc độ được trang nghiêm bảy báu, Phật quốc độ của ta cũng như vậy, con người nhiều oán hại thì hiện thấy Phật quốc khác hơn.

Lại như vua rồng, tâm bình đẳng mưa xuống, mà ở người thì là nước mà trên thân ngạ quỉ thì là lửa than.

Hỏi: Nếu có thể làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, thì chúng sanh hữu biên, không còn ai chịu khổ đói rét nữa. Vì cớ sao? Vì hết thảy chúng sanh đều đã mãn nguyện lìa khổ được vui?

Đáp: Mãn nguyện hết thảy, là danh tự hết thảy, chứ không phải thật hết thảy, như kệ Pháp cú nói:

Hết thảy đều sợ chết,
Hết thảy sợ gậy đánh,
Suy bụng ta ra người,
Chớ giết chớ đánh gậy.

Tuy nói hết thảy sợ gậy đánh đau, nhưng như chúng sanh ở cõi Vô sắc, không thân, thì không có gậy đánh đau. Chúng sanh ở cõi Sắc, tuy có thể có thân cũng không có gậy đánh đau. Chúng sanh ở cõi Dục cũng có người không bị gậy đánh đau, nhưng nói "hết thảy" là chỉ những người đáng bị gậy đánh mà nói, chẳng phải thật hết thảy. Vì vậy nên Bồ-tát làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện. Nhưng tâm Bồ-tát không có giới hạn, quả báo phước đức cũng vô lượng, chỉ vì chúng sanh bị tội chướng sâu dày từ vô lượng vô số kiếp, nên không thể được, như đệ tử của Xá-lợi-phất là Tỳ-kheo La-tần-châu (Lasoka) đi khất thực sáu ngày liền mà không được chi, cho đến ngày thứ bảy, mạng sắp muốn dứt, có người đồng đạo khất thực đem cho, liền bị chim giựt lấy tha đi. Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Mục-kiền-kiên: Thầy có thần lực lớn, giữ hộ thức ăn ấy đưa cho La-tần-châu được ăn. Mục-kiền-liên liền đem thức ăn đến cho, thức ăn sắp đưa đến miệng, liền biến thành bùn. Lần sau Xá-lợi-phất khất thực đem cho, thì miệng tự ngậm lại. Cuối cùng Phật đi đến đưa thức ăn cho, nhờ phước đức vô lượng của Phật nên làm cho La-tần-châu ăn được. Tỳ-kheo ấy ăn xong, tâm sanh hoan hỷ, càng tin kính gấp bội.

Phật bảo Tỳ-kheo La-tần-châu: Các pháp hữu vi đều là khổ, và nói Tứ đế cho nghe, ngay khi ấy Tỳ-kheo được lậu hết, ý giải, chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Có những chúng sanh phước mỏng, tội nặng hơn đây, Phật không cứu được.

Lại vì biết chúng sanh là không thể có được, rõ thấu pháp tánh, nên chư Phật không có ức tưởng phân biệt là người có thể hay không có thể độ, tâm thường vắng lặng, ý không thêm bớt. Vì vậy nên dù Bồ-tát có muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, nhưng vì chúng sanh tội nặng, nên không thể được, Bồ-tát không có lỗi.

Uống, ăn: Ăn lược có hai thứ là thô và tế. Bánh, cơm, thức ăn trăm vị. Tuy kinh nói do bốn cách ăn mà chúng sanh được tồn tại, nhưng nơi đây chỉ nói cách đoàn thực (ăn đồ vật có khối lượng nắm cầm được – ND) còn ba cách ăn kia là không có sắc chất, không thể đem cho. Nếu nói cho đoàn thực, thì đã cho ba cách ăn kia. Vì sao? Vì nhân đoàn thực nên tăng ích ba cách thực kia. Như Kinh nói: Đàn-việt thí đồ ăn, thì cho

người lãnh thọ năm việc lợi ích.

Uống, tổng quát có hai thứ:

1. Rượu cây cỏ, đó là rượu nho, mía, lúa...

2. Nước cây cỏ đó là nước mía, nước nho, nước đường, nước thạch lựu, nước quả lê, mít, nước quả ba-lô-sa... và nước các thứ lúa, như vậy hòa hợp làm thức uống ăn trong loài người. Và các thức uống ăn của trời là vị Tu-đà cam lồ, hoa quả trời... nước Ma-đầu-ma-đà-bà... mỗi loại chúng sanh ăn hoặc ăn lúa, hoặc ăn thịt, hoặc ăn đồ sạch, đồ nhơ, đều đưa đến no đủ.

Y phục: Y có hai thứ, hoặc lấy từ thân chúng sanh làm ra, như tơ lụa, lông, da... Hoặc lấy từ cây cỏ làm ra như vãi, bông, cỏ cây... có y của trời, không có đường ngang dọc, tự nhiên từ cây sinh ra, màu sáng nhẹ mềm.

Ngọa cụ: Giường chõng, mền nệm, màn, trướng, gối...

Hương xoa: Có hai thứ:

1. Cây Chiên-đàn, xoa thân.

2. Hương tạp các thứ cây, giả nát thành bột lấy xoa thân và ướp chăn áo, hoặc bôi trên đất, trên vách.

Thừa*:* là voi ngựa.

Xa*:* là xe.

Phòng xá là đất, cây, bảo vật làm thành lầu, gác, điện, nhà, cung, quán... để ngăn rét, nóng, gió, mưa, đạo tặc.

Đèn đuốc là dầu, mỡ, sáp ong, ngọc sáng...

Các vật là tất cả những vật cần dùng của chúng sanh không thể nói đủ, cho nên lược nói là "các vật".

Hỏi: Trong đây cớ sao không nói hương đốt, hoa đẹp?

Đáp: Nói "các vật" là đều đã gồm trong đó.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên lược nói ba thứ: ẩm thực, y phục và đồ trang nghiêm?

Đáp: Các vật này là vật nhu yếu, nếu thương niệm chúng sanh thì trước cho ẩm thực, tiếp đến y phục, rồi hương xoa trừ thân nhô thối, kế cho ngọa cụ, rét lạnh cần phòng xá, tối tăm cần đèn đuốc.

Hỏi: Hương hoa cũng có thể trừ thối, vì cớ sao không nói?

Đáp: Hoa chẳng phải có thường, cũng chóng héo tàn, lợi ích ít cho nên không nói. Hương đốt khi lạnh mới cần, khi nóng đáng sợ. Hương xoa thì thông dụng cả khi lạnh khi nóng. Khi lạnh trộn với trầm thủy, khi nóng thì trộn với Chiên-đàn để xoa thân, vì vậy chỉ nói hương xoa.

Hỏi: Nếu thực hành Bố thí Ba-la-mật, được vô lượng quả báo, có thể làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, cớ sao nói muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Trước đã nói, do có Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp nên gọi là Đàn-Ba-la-mật. Nay sẽ nói lại: Chúng sanh có thể được mãn nguyện, không phải chỉ trong một quốc độ, một Diêm-phù-đề, mà đều muốn làm mãn nguyện chúng sanh trong sáu đường khắp mười phương thế giới, nên không phải chỉ bố thí mà có thể làm được, phải do Bát-nhã Ba-la-mật, phá tướng xa gần, phá tướng hết thảy chúng sanh, tướng phi hết thảy chúng sanh, trừ hết các ngại, trong khoảnh khắc khảy móng tay, hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương, mới có thể làm mãn nguyện cho hết thảy chúng sanh.

Thần thông lợi ích như vậy phải từ Bát-nhã xuất sanh, vì vậy, Bồ-tát muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh trong hằng hà sa thế giới, an lập nơi Bố thí Ba-la-mật, an lập nơi trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Nghĩa ấy có thứ lớp, vì nhân duyên gì?

Đáp: Lợi có ba thứ: lợi đời này, lợi đời sau, lợi rốt ráo. Vui có ba thứ: vui đời này, vui đời sau, vui xuất thế. Trước kia nói lợi vui đời nay, ở đây nói lợi vui đời sau và xuất thế. Vì vậy nên khiến chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật. Bồ-tát thương nhớ chúng sanh quá hơn cha mẹ nhớ con. Tâm từ bi thấu đến xương tủy, trước lấy ăn uống làm no đủ thân họ, trừ khổ đói khát, kế lấy y phục trang nghiêm thân họ, làm cho thọ vui. Nhưng tâm Bồ-tát không thoả mãn, lúc suy nghĩ rằng chúng sanh đã được cái vui đời nay, còn nghĩ làm sao cho được cái vui đời sau. Nếu đem sáu Ba-la-mật thế gian dạy cho thì được cái vui cõi người cõi trời, lâu sau trở lại luân hồi sanh tử, nên lại đem sáu Ba-la-mật xuất thế gian dạy cho, khiến được cái vui vô vi thường hằng.

Lại nữa, trước lấy y phục hoa hương trang nghiêm thân họ, nay lấy công đức trang nghiêm tâm họ. Nếu có ba thứ trang nghiêm thì đầy đủ không còn chi hơn: 1. Y phục bảy báu. 2. Phước đức. 3. Đạo pháp. Bồ-tát muốn đầy đủ ba thứ trang nghiêm chúng sanh, nên trước nói quả báo công đức, nay nói nhân duyên công đức.

Lại nữa, trước nói tuy có đại bố thí mà vì chúng sanh tội nặng không thể hưởng được tất cả. Như trong kinh Ngạ quỉ nói: tuy cho chúng đồ ăn

mà chúng không ăn được, biến thành vật bất tịnh, lửa than.

Lại Bồ-tát không bỏ chúng sanh, nên tạo phương tiện để khiến chúng sanh được lợi ích cơm áo, cho nên dạy tu phước nghiệp, tự làm tự hưởng, Bồ-tát khéo biết nhân duyên, không thể cưỡng ép có được, nên dạy khiến tu để được hưởng. Vì vậy nên tiếp dạy chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Chí nguyện của Bồ-tát là khiến hết thảy chúng sanh mười phương an trú sáu Ba-la-mật, cớ sao chỉ nói chúng sanh trong thế giới như cát sông Hằng?

Đáp: Vì người nghe pháp đã nghe nói cát sông Hằng nên lại đối với Bồ-tát mới phát tâm thì cho vô biên vô lượng là nhiều, nhiều thì rối loạn. Nếu là đại Bồ-tát thì không lấy số cát sông Hằng làm số.

Lại nữa, nói như cát sông Hằng là nói số vô biên vô lượng, như trong phẩm sau nói.

Lại nữa, như cát sông Hằng là đã nói mười phương các thế giới, trong đây cũng không nói một cát sông Hằng, không nên vấn nạn. Vì vậy nói thế giới như cát sông Hằng, không có lỗi. Nghĩa thế giới như cát sông Hằng như trước đã nói.

Chúng sanh là đối với Năm uẩn, Mười tám giới, Mười hai xứ, Sáu nhập, Mười hai duyên... nhiều pháp, giả danh chúng sanh: là trời, là người, là trâu, là ngựa. Chúng sanh có hai thứ: động và tĩnh. Động thì phát sanh thân khẩu nghiệp, tĩnh thì không thể. Chúng sanh có sắc, chúng sanh không sắc, chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, chúng sanh thế gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, hiền, thánh, phàm phu, tà định, chánh định, bất định, vui, khổ, không khổ, không vui, chúng sanh vui thượng, trung, hạ; chúng sanh học, vô học, phi học phi vô học. Chúng sanh có tưởng, không tưởng, Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Chúng sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chúng sanh cõi Dục có ba hạng: thiện căn có thượng, trung, hạ. Thượng là trời Lục dục, trung là hạng giàu sang trong loài người, hạ là thấp hèn trong loài người. Vì bộ mặt không đồng loại nhau nên có bốn châu thiên hạ khác nhau (Nam thiệm bộ châu, Bắc cu-lô châu, Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu – N.D).

Bất thiện có ba bậc: thượng là địa ngục, trung là súc sanh, hạ là ngạ Quỉ.

Lại nữa, chúng sanh cõi Dục có mười thứ: ba ác đạo, người, trời Lục dục.

Địa ngục có ba thứ: địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục hắc

ám.

Súc sanh có ba hạng: đi trên không, đi trên bộ, đi trong nước, đi ngày, đi đêm, đi ngày đêm.

Quỉ có hai hạng: quỉ xấu tệ, quỉ đói. Quỉ xấu tệ hưởng vui như Trời, chỉ khác là ở chung với quỉ đói, làm chủ nó. Quỉ đói thì bụng như hang núi, cổ nhỏ như kim, thân thể chỉ có ba thứ: da đen, xương gân vô số, trăm năm không nghe đến danh từ ăn uống, huống chi được thấy. Lại có loài quỉ lửa từ miệng tuôn ra, lấy loài phi nga nhảy vào lửa làm thức ăn. Hoặc ăn gân, ăn máu mủ, đờm dãi, đồ dư thừa rửa bỏ. Hoặc được cúng tế, hoặc ăn đồ sanh đẻ bất tịnh.

Trời Lục dục là bốn Thiên vương... ở giữa trời Lục dục lại riêng có các trời Trì anh lạc, trời Hý vong, trời Tâm sân, trời Chân chim, trời Ưa thấy. Các trời này đều nhiếp vào sáu trời.

Có người nói: Chúng sanh cõi Dục có mười một thứ: trước nói năm đạo, nay nói thêm A-tu-la đạo.

Hỏi: A-tu-la tức nhiếp vào năm đạo, A-tu-la chẳng phải trời, chẳng phải người, ở địa ngục khổ nhiều, ở súc sanh hình khác. Như vậy nên nhiếp vào ngạ quỉ phải hơn?

Đáp: Không đúng! Lực A-tu-la ngang bằng trời Ba mươi ba. Vì sao? Vì hoặc bị chư Thiên phá, hoặc phá chư Thiên, như trong Kinh nói: Thích-đề-hoàn nhơn bị A-tu-la đánh phá. Bốn thứ binh chúng của A-tu-la chui vào cọng sen để tự giấu mình, hưởng thụ năm dục lạc tương tợ như Trời, làm đệ tử Phật. Có oai lực như vậy, đâu được nhiếp vào ngạ quỉ. Vì vậy nên phải có sáu đạo.

Lại nữa, như A-tu-la, Chân-đà-la, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, Dạ-xoa, La-sát, Phù-đà các đại thần này là A-tu-la thuộc Trời. A-tu-la hưởng vui ít hơn chư Thiên, có oai đức biến hóa tùy ý. Vì thế có người nghi rằng đó là A-tu-la chẳng phải tu-la? Tu-la (Trung Hoa dịch là lớn, có nghĩa là trời), có người nói A-tu-la ấy chẳng phải Tu-la. A-tu-la đạo là tên có được ban đầu, ngoài ra đều đồng một đạo.

Hỏi: Kinh nói có năm đạo, cớ sao nói sáu đạo?

Đáp: Cách Phật lâu xa, Kinh pháp lưu truyền năm trăm năm sau, có nhiều dị biệt, kinh bộ không đồng, hoặc nói năm đạo, hoặc nói sáu đạo. Nếu người nói năm đạo, thì xoay văn trong kinh Phật, lại nói năm, nếu người nói sáu đạo thì xoay văn trong kinh Phật lại nói sáu.

Lại trong Đại thừa như kinh Pháp Hoa nói có sáu thứ chúng sanh, xem các ý nghĩa nên có sáu đạo.

Lại nữa, phân biệt thiện ác nên có sáu đạo: thiện có thượng, trung,

hạ, nên có ba đường thiện, là trời, người, A-tu-la. Ác có thượng, trung, hạ nên có ba đường ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ. Nếu không như vậy thì ác có ba hạng quả báo mà thiện chỉ có hai hạng quả báo, việc ấy mâu thuẫn. Nếu có sáu đạo, đối nghĩa không trái.

Hỏi: Thiện pháp cũng có ba quả: hạ làm người, trung làm Trời, thượng là Niết-bàn?

Đáp: Trong đây không nói đến Niết-bàn, chỉ nên phân biệt quả báo về trú xứ của chúng sanh. Niết-bàn không phải quả báo.

Thiện pháp có hai thứ:

1. Ba mươi bảy đạo phẩm có thể đưa đến Niết-bàn.
2. Có thể sanh cái vui đời sau.

Nay chỉ nói thiện pháp được thọ thân, không nói thiện pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế gian thiện có ba bậc: do thiện thượng phần nên được quả báo cõi trời, do thiện trung phần nên được quả báo cõi người, do thiện hạ phần nên được quả báo cõi A-tu-la.

Hỏi: Ông tự nói A-tu-la oai lực ngang với trời, hưởng vui không khác trời, sao nay lại nói thiện hạ phần được quả báo A-tu-la?

Đáp: Ở trong loài người, có thể được xuất gia thọ giới, cho đến đạt đạo, ở cõi A-tu-la kiết sử che tâm, đắc đạo rất khó. Chư Thiên tùy theo kiết sử mà có tâm thẳng tin đạo, còn A-tu-la tâm nhiều tà vạy, không thường gần đạo. Vì vậy nên A-tu-la tuy giống Trời mà vì khó gần đạo nên lại dưới người. Như rồng chúa, chim Kim sí, thế lực tuy lớn, hay biến hóa mà vẫn ở trong súc sanh đạo, A-tu-la đạo cũng như vậy.

Hỏi: Nếu rồng chúa, chim kim sí, thế lực tuy lớn mà vẫn thuộc súc sanh đạo, vậy A-tu-la cũng thuộc vào ngạ quỉ đạo, vì sao lại làm ra sáu đạo?

Đáp: Rồng chúa, chim Kim sí, tuy được thọ vui, mà vì thân hình đi ngang như súc sanh nên nhiếp thuộc súc sanh đạo. Địa ngục, ngạ quỉ thân hình tuy giống người mà vì nó quá khổ, nên không nhiếp vào nhân đạo. A-tu-la thế lực đã lớn, mà thân hình giống người, trời, nên lập riêng sáu đạo. Đó là lược nói chúng sanh cõi Dục.

Chúng sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, như trong phẩm sau sẽ nói.

An lập Bố thí Ba-la-mật: Bồ-tát nói với chúng sanh hãy tu hạnh bố thí. Nghèo là khổ lớn, không nên vì nghèo mà phải làm ác phải đọa ba đường dữ. Làm các hạnh ác, đọa ba đường dữ, thì không thể cứu. Chúng sanh nghe rồi bỏ tâm xan tham, thực hành Bố thí Ba-la-mật, như trong phẩm sau nói rộng.

Lại nữa, Bồ-tát ở trước chúng sanh, dùng các nhân duyên, các thí dụ mà thuyết pháp, chê bai lòng xan tham, người xan tham, ngay việc cần cho bản thân còn tiếc không dám dùng, thấy ai đến hỏi xin thì tâm đục sắc biến, liền hiện ra thân sắc âm thanh hung ác xấu xí, gieo nghiệp ác cho đời sau, nên chịu thân hình xấu xí. Trước không gieo nhân duyên bố thí nên thọ thân đời này nghèo hèn, tham đắm tài vật, cầu nhiều không ngưng, mở cửa tội ác, chuyên làm việc ác, đọa trong đường ác.

Lại nữa, nghiệp lợi ích trong vòng sanh tử luân chuyển, không gì hơn bố thí, đời nay đời sau thường được theo ý, các việc tiện lợi cho thân, đều từ bố thí mà được. Bố thí là con đường thiện, hay mở ra ba vui: vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì người ưa bố thí, tiếng tăm lan truyền, tám phương tin ưa, không ai không ái kính; ở giữa đại chúng, không có sợ hãi, khi chết không hối hận. Người ấy tự nghĩ: Ta đem tài vật gieo vào ruộng phước tốt, chắc chắn ta được cái vui cõi người cõi trời và mở cửa Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì bố thí phá kiết sử xan tham, thương nghĩ người lãnh thọ; diệt trừ sân não, dứt tâm tật đố; cung kính người lãnh thọ thì trừ kiêu mạn; tâm quyết định bố thí, lưới nghi tự phá, biết quả báo bố thí, thì trừ tà kiến và diệt vô minh. Các phiền não bị phá như vậy, thì cửa Niết-bàn được mở ra.

Lại nữa, không chỉ mở ra ba cái vui mà còn mở ra vô lượng Phật đạo, chỗ của Thế Tôn. Vì cớ sao? Vì sáu Ba-la-mật là Phật đạo, mà bố thí là cánh cửa đầu, các hạnh khác đều đi theo. Như vậy bố thí có vô lượng công đức. Vì nhân duyên ấy nên khiến chúng sanh an lập nơi Bố thí Ba-la-mật, như trong chương Bố thí trước đã nói.

An lập Trì giới Ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán việc trì giới rằng: Chúng sanh các ngươi, nên học trì giới. Công đức của trì giới bứng khỏi ba đường ác và kiếp hạ tiện trong loài người, khiến được loài người loài trời tôn quí cho đến được Phật đạo. Giới là căn bản của hết thảy sự vui, ví như kho tàng lớn, xuất ra các trân bảo. Giới là sự bảo hộ lớn, hay diệt mọi sợ hãi, ví như đại quân phá giặc. Giới làm trang nghiêm, như đeo anh lạc. Giới là thuyền lớn, hay đưa qua biển lớn sanh tử. Giới là xe lớn, hay chở châu báu quí trọng đi đến thành Niết-bàn. Giới là thuốc hay, hay phá bệnh kiết sử. Giới là thiện tri thức, đời đời theo dõi không hề xa trái, khiến tâm an ổn; ví như đào giếng đã thấy bùn ướt, vui mừng sung sướng, không còn lo sợ. Giới hay thành tựu các hạnh lợi ích, ví như cha mẹ nuôi lớn các con. Giới là thang trí, hay đưa vào vô lậu.

Giới hay làm các kiết sử kinh sợ, ví như sư tử, hay làm cho bầy thú nhiếp

phục. Giới là gốc của hết thảy các đức, ách yếu của xuất gia. Người tu tịnh giới, sở nguyện được theo ý; ví như ngọc Như ý, mọi sự đều được ứng theo niệm.

Như vậy nhiều cách tán thán công đức của giới, làm cho chúng sanh hoan hỷ, phát tâm an trú Trì giới Ba-la-mật.

An trú Nhẫn nhục Ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh, tán thán nhẫn nhục rằng: Nhẫn là sức mạnh của người xuất gia, hay dẹp các ác, có thể hiện việc kỳ lạ giữa chúng. Nhẫn nhục thủ hộ làm cho thí, giới không bị hủy hoại. Nhẫn là áo giáp lớn, các quân binh không gia hại. Nhẫn là thuốc hay, hay trừ ác độc. Nhẫn là khéo hơn, giữa đường hiểm sanh tử, an ổn không lo. Nhẫn là kho tàng lớn, thí báu rất lớn cho người thiện nghèo. Nhẫn là thuyền lớn hay đưa qua khỏi sanh tử bờ này, đạt đến Niết-bàn bờ kia. Nhẫn là kính sáng hay làm sáng tỏ các đức, nếu người đến gia ác thì như leo dẫm núi vàng, càng làm phát ánh sáng của nó. Lợi khí để cầu Phật đạo, độ chúng sanh nhẫn là tối diệu. Hành giả nên nghĩ rằng: Nếu ta lấy sân hận đáp lại kia thì là tự hại. Lại nghĩ ta đời trước có tội ấy mà không được như ý, chắc phải nên bồi thường lại. Nếu với người này không nhẫn chịu, các người khác cũng hại ta, đều không tránh được, cớ sao nổi giận?

Lại nữa, chúng sanh bị phiền não lôi kéo, gây các việc ác, không được tự tại; ví như người bị kẻ quỷ ám hại, mà mắng nhiếc lương y, lương y lúc ấy chỉ lo trừ quỷ, mà không hiềm kẻ mắng. Hành giả cũng như vậy, chúng sanh đưa ác đến mình, không hiềm nó giận dữ, chỉ lo trừ kiết sử.

Lại nữa, người tu nhẫn, xem kẻ đến mạ nhục như cha mẹ xem con nhỏ, khi nó mạ nhục lại càng thương xót hơn, yêu nó sâu hơn.

Lại tự nghĩ rằng: người kia đưa ác đến ta, ấy là do nghiệp đã tạo ra đời trước, nay phải chịu; nếu lấy giận đáp trả, lại tạo thêm khổ về sau, biết lúc nào giải thốt được! Nếu nay nhẫn nhục, thì vĩnh viễn lìa khổ. Vì vậy không nên nổi giận. Vì các nhân duyên như vậy, nên chê sân giận, sanh từ bi, vào "chúng sanh nhẫn" (gọi tắt là sanh nhẫn – N.D).

Vào sanh nhẫn rồi, suy nghĩ mười phương chư Phật thuyết pháp đều nói không có ngã, cũng không ngã sở, chỉ do các pháp hòa hiệp giả danh chúng sanh, như máy chuyển động người gỗ, tuy động tác mà bên trong vô chủ; thân này cũng như vậy, chỉ có da thịt giữ nhau, chuyển theo gió tâm, niệm niệm sanh diệt vô thường, không tịch, không người làm, không người mắng, cũng không người lãnh thọ; vì gốc ngọn rốt ráo không, chỉ là điên đảo hư dối, tâm phàm phu chấp trước. Suy nghĩ như vậy rồi, thì không có tướng chúng sanh. Không có tướng chúng sanh rồi,

các pháp không thuộc về đâu, chỉ do nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh. Như chúng sanh hòa hợp, cưỡng gọi là chúng sanh; pháp cũng như vậy, tức được vào "pháp nhẫn". Được sanh nhẫn, pháp nhẫn rồi nên còn có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống chi các lợi ích khác.

Chúng sanh nghe như vậy rồi, an trú trong Nhẫn Ba-la-mật.

An lập Tinh tấn Ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh rằng: Ngươi chớ giải đãi. Nếu tinh tấn thì các công đức lành đều được dễ dàng; nếu giải đãi, thì thấy cây có lửa, còn không gây lên được, huống chi việc khác, vì vậy khuyên phải tinh tấn. Nếu người theo phương tiện tinh tấn thì không nguyện gì không thành. Phàm được pháp thù thắng gì, chẳng phải không nhân duyên, mà đều do tinh tấn phát sanh.

Tinh tấn có hai:

1. Hay chứa nhóm, phát sanh các thiện pháp,
2. Hay trừ các ác pháp.

Lại có ba tướng:

1. Muốn làm
2. Tinh tấn làm
3. Không ngưng nghỉ.

Lại có bốn tướng: Ác đã sanh tinh tấn diệt trừ; ác chưa sanh tinh tấn không cho sanh; thiện chưa sanh tinh tấn làm cho phát sanh, thiện đã sanh tinh tấn làm cho tăng trưởng, như vậy gọi là tướng tinh tấn.

Tinh tấn nên có thể giúp thành hết thảy thiện pháp; ví như lửa được gió giúp, ngọn mới cháy bừng. Lại như người dũng kiện ở thế gian, có thể vượt núi qua biển. Theo pháp tinh tấn, cho đến Phật đạo còn được, huống chi việc khác. Chúng sanh nghe như vậy rồi, đều an lập Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người chưa phát tâm Bồ-đề, tán thán pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp tối đệ nhất trong hết thảy pháp, rất là tôn quí, hay lợi ích tất cả, làm cho ngộ được thật tướng không hư dối của các pháp, có đại từ bi, đủ Nhất thiết trí, tướng thân kim sắc, đệ nhất vi diệu, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng, vô lượng giới, định, tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến, ba đạt minh vô ngại, vô ngại giải thốt đối với hết thảy pháp. Được như vậy, thì rất là tối thượng giữa hết thảy chúng sanh, đáng lãnh thọ sự cúng dường của hết thảy thế gian. Nếu người chỉ chuyên tâm niệm Phật, còn được vô lượng vô tận phước đức, huống chi tinh tấn bố thí, trì giới, cúng dường, hầu hạ, lễ bái...

Bồ-tát nói với chúng sanh rằng: Phật sự như vậy, ngươi nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, siêng tu tinh tấn, thực hành được pháp như vậy, không khó. Chúng sanh nghe rồi, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng không thể chỉ phát tâm suông mà được, nên thực hành Bố thí Ba-la-mật, tiếp thực hành Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Thực hành năm Ba-la-mật ấy là Tinh tấn Ba-la-mật. Nếu không phát tâm Đại thừa, thì dạy tu đạo Bích-chi Phật, nếu không tu Bích-chi Phật, thì dạy tu đạo Thanh văn. Nếu không tu đạo Thanh văn, thì dạy lìa sắc, tu định vô sắc, tịch diệt an lạc. Nếu không tu định vô sắc, thì dạy khiến lìa dục, hướng theo các thứ vui thiền định ở cõi Sắc. Nếu không tu thiền, thì dạy khiến tu mười thiện nghiệp đạo, hưởng thụ thứ vui cõi người, cõi trời, chớ giải đãi, luống chẳng được gì, nghèo cùng hà tiện, chịu đủ cần khổ, thật rất đáng lo!

Giải đãi là điều rất tệ ác, phá hoại đạo lành ích lợi đời này đời sau. Chúng sanh nghe rồi, nhóm các thiện pháp, siêng tu tính tấn.

An lập Thiền Ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán cái vui thiền định thanh tịnh; là cái vui bên trong, vui tự tại, vui lìa tội lỗi, vui đời này đời sau, vui các bậc thánh, vui của Phạm thiên vương, vui thọ khắp thân, vui thâm hậu vi diệu. Chúng sanh các ngươi sao cứ đắm theo cái vui ngũ dục bất tịnh, cùng thọ cái vui tội cấu đồng với súc sanh, mà bỏ cái vui vi diệu này. Nếu ngươi bỏ cái vui nhỏ thì được cái vui lớn. Ngươi không thấy kẻ nông phu bỏ hạt giống nhỏ, sau thu hoạch quả lớn, như người hiến cho vua vật nhỏ, mà được thưởng lớn, như chút mồi nhỏ đầu lưỡi câu mà được cá to. Bỏ đi rất ít mà được rất nhiều. Người trí cũng như vậy, hay bỏ cái vui thế gian, được an lạc của thiền định thâm sâu. Được cái vui này rồi, trở lại xem cái vui ngũ dục, rất là bất tịnh, như từ ngục ra khỏi, như bệnh được chữa lành, không còn tìm thuốc.

Lại nữa, thiền định là cửa ban đầu của thật trí, làm cho trí tuệ đứng lặng, có thể soi chiếu các pháp; như đèn trong nhà kín, ánh sáng nó đắc dụng. Nếu tu thiền định, thời Bốn tâm vô lượng, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Năm thần thông, Bốn biện tài... các công đức thậm thâm, đều được đầy đủ, có thể làm cho ngói đá biến thành ngọc Như ý, huống chi các việc khác. Tùy ý muốn làm, không điều chi không làm được. Vào đất như nước, đi trên nước như đất, tay cầm mặt trời mặt trăng, thân không cháy, lạnh, hóa làm thân các cầm thú mà không chịu chuyện cầm thú. Hoặc có khi biến thân đầy khắp hư không, hoặc có khi thân như vi trần, hoặc nhẹ như lông hồng, hoặc nặng như núi Thái. Hoặc có khi lấy ngón

chân ấn xuống đất, trời đất rung động mạnh như rung cỏ lá. Năng lực thần thông biến hóa như vậy, đều từ thiền định mà có được. Chúng sanh nghe rồi, an lập nơi Thiền Ba-la-mật.

An lập Bát-nhã Ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh nên học trí tuệ. Trí tuệ là sáng suốt, thứ nhất gọi là mắt tuệ. Nếu không mắt tuệ, tuy có mắt thịt vẫn là đui. Tuy có mắt mà không khác súc sanh. Nếu có trí tuệ, tự phân biệt được tốt xấu, không theo lời người khác; nếu không trí tuệ, theo người dắt đông dắt tây; như trâu, lạc đà bị xâu mũi đi theo người. Trí tuệ trên hết thảy pháp hữu vi, được bậc thánh nhân thương yêu, vì hay phá pháp hữu vi. Như trong Kinh nói: Trong các thứ báu, trí tuệ báu hơn hết. Trong hết thảy đồ sắc bén, đao trí tuệ sắc bén hôn hết. Ở đảnh núi trí tuệ, không còn lo sợ, xem các chúng sanh khổ não, đều thấy tất cả. Lưỡi dao trí tuệ hay cắt đứt sợi xích phiền não sanh tử vô thỉ. Năng lực trí tuệ còn làm cho đầy đủ sáu Ba-la-mật, được vô lượng Phật đạo không thể nghĩ bàn, thành Nhất thiết trí, huống chi Thanh văn, Bích-chi Phật và các việc tốt thế gian. Trí tuệ ấy tăng trưởng thanh tịnh không thể bị trở hoại, ấy gọi là Ba-la-mật. Chúng sanh nghe rồi, an trú trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát hoặc có khi không dùng miệng dạy; hoặc hiện thần thông, ánh sáng, làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật; hoặc hiện các cảnh duyên khác, cho đến trong mộng, làm nhân duyên khiến chúng sanh giác ngộ mà an trú trong sáu Ba-la-mật.

Thế nên Kinh nói: muốn làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn gieo một thiện căn nơi phước điền Phật, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không cùng tận, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Thiện căn: Ba thiện căn là thiện căn không tham, thiện căn không giận, thiện căn không ngu si. Hết thảy pháp lành đều từ ba thiện căn phát sanh và tăng trưởng; như cây thuốc, cây cỏ, nhờ có gốc mà được sanh thành, tăng trưởng, vì vậy gọi là các thiện căn.

Nay nói thiện căn là, đồ cúng dường làm nhân duyên cho thiện căn là hoa hương, đèn sáng, và pháp cúng dường là trì giới, tụng kinh... Đây là trong nhân nói quả. Vì sao? Vì hoa hương không nhất định, khi lấy thiện căn hoa hương cúng dường, gọi là thiện căn. Bố thí chẳng phải là phước, bố thí chỉ phá xan tham, mở cửa thiện pháp. Thiện căn gọi là phước; như kim dẫn chỉ may áo, may chẳng phải là kim.

Một là hoặc hoa, hoặc hương, hoặc đèn sáng, hoặc lễ kính, hoặc

tụng kinh, hoặc trì giới, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ... mỗi mỗi cúng dường, và pháp cúng dường, gieo vào phước điền Phật.

Phước điền Phật: Mười phương ba đời chư Phật, hoặc Phật ở đời, hoặc hình tượng, hoặc xá lợi, hoặc chỉ niệm Phật.

Gieo là chuyên tâm bám chắc.

Hỏi: Kinh nói các thứ phước điền, cớ sao chỉ nói gieo vào phước điền Phật?

Đáp: Tuy có các thứ phước điền, phước điền Phật hơn hết, vì đầy đủ vô lượng Phật pháp như Mười lực, Bốn vô úy, Mười tám pháp không chung. Vì vậy chỉ nói gieo vào Phật phước điền. Pháp bảo tuy là thầy của Phật, nhưng nếu Phật không thuyết, thì pháp thành vô dụng; như tuy có thuốc hay, nếu không có lương y, thì thuốc thành vô dụng. Vì vậy, Pháp bảo tuy trên, mà trước phải nói đến Phật bảo, huống chi Tăng bảo.

Lại nữa, phước điền Phật, có thể thu được vô lượng quả báo, ngoài ra các phước khác, tuy nói vô lượng mà có kém thua, vì vậy phước điền Phật là bậc nhất.

Không tận: Chư Phật thành tựu công đức vô tận, nên gieo vào phước điền Phật, phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, công đức của Phật vô lượng, vô biên, vô số, vô đẳng, nên người gieo phước, được phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, lúc Phật còn làm Bồ-tát, duyên hết thảy chúng sanh, như chúng sanh vô lượng vô biên, thì phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, phước điền Phật thanh tịnh, nhổ sạch cỏ uế phiền não tham ái... Tịnh giới là đất bằng, Đại từ bi là tươi tốt, trừ đất muối tà ác, Ba mươi bảy đạo phẩm làm ngòi cảng, Mười lực, Bốn vô úy, Bốn vô ngại trí... làm tường vách, hay xuất sanh quả báo Niết-bàn của ba thừa. Gieo giống vào ruộng vô thượng vô tỷ ấy, được phước vô tận.

Hỏi: Hết thảy pháp hữu vi là tướng vô thường, đều trở về tận diệt, phước từ nhân duyên sanh làm sao được bất tận?

Đáp: Cũng không nói thường bất tận. Tự nói: cho đến khi chứng đắc Phật, ở trung gian bất tận.

Lại nữa, hết thảy pháp hữu vi, tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng tương tục không đoạn, quả báo không mất, nên nói là bất tận, ví như đốt đèn tuy ngọn lửa sanh diệt mà không gọi là diệt, khi dầu hết tim lụn, mới gọi là diệt. Phước điền cũng như vậy, do thâm tâm gieo vào ruộng tốt, cho đến khi pháp tận mà phước điền cũng không tận.

Lại nữa, Bồ-tát biết thật tướng các pháp như Niết-bàn bất tận. Phước đức đưa vào thật tướng các pháp, nên cũng bất tận.

Hỏi: Nếu như vậy, Niết-bàn bất tận, phước đức đúng lẽ cũng phải thường bất tận, cớ sao nói cho đến khi thành Phật, ở khoảng trung gian bất tận?

Đáp: Phước ấy do lực trí tuệ làm cho công đức ấy như Niết-bàn rốt ráo không, bất sanh bất diệt; vì vậy nên ví như Niết-bàn, chứ chẳng phải Niết-bàn. Nếu là Niết-bàn thì không thể làm ví dụ. Nếu là Niết-bàn cớ sao quả báo thành Phật mà phước không tận. Ví như ba cửa giải thốt là không, vô tướng, vô tác; như tướng rốt ráo " không" giải thốt, là không giải thốt môn, thì quán thế gian cũng là rốt ráo không; như tướng vô tướng giải thốt, là vô tướng giải thốt môn, thì quán thế gian cũng là tướng vô tướng; như tướng vô tác giải thốt, là vô tác giải thốt môn, thì quán thế gian cũng là tướng vô tác.

Vì vậy nên nói: Muốn gieo một thiện căn nơi phước điền Phật cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phước ấy không tận, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

----------o0o----------

47. GIẢI THÍCH CHƯ PHẬT XƯNG TÁN TÊN BỒ TÁT

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn được mười phương chư Phật xưng tán tên mình, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Bồ-tát nếu quán các pháp rốt ráo không, bên trong không có ta, tôi, đã phá kiêu mạn, cớ sao còn muốn được chư Phật xưng tán tên mình? Lại, Bồ-tát theo pháp phải cúng dường chư Phật, cớ sao ngược lại cầu chư Phật cúng dường mình?

Đáp: Phật pháp có hai môn: 1. Môn đệ nhất nghĩa. 2. Môn thế tục pháp. Theo môn thế tục nên muốn được chư Phật tán thán. Tuy được chư Phật tán thán mà không thấy ta, tôi, không chấp thủ tướng chúng sanh, vì theo giả danh của thế gian nên nói. Ông hỏi: "Cớ sao ngược lại cầu Phật cúng dường mình", như phẩm sau nói Phật tán thán: Bồ-tát được bất thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Bồ-tát ấy muốn được biết chắc chắn mình đã được bất thối chuyển chăng, vì vậy cầu Phật tán thán, chứ chẳng phải cầu cúng dường.

Lại nữa, các người, các chúng sanh khác bị tham dục, sân nhuế, ngu si che tâm, nên không thể như thật tán thán. Vì sao? Vì nếu có thiên về ái thì không thấy thật lỗi, chỉ thấy công đức; nếu có thiên về giận thì chỉ thấy lỗi không thấy công đức; nếu ngu si nhiều thì không thể như

thật thấy tốt xấu. Chư Thiên và người đời tuy có trí tuệ, ba độc có mỏng, cũng không thể như thật tán thán vì còn sai lầm, vì không có nhất thế trí, và kiết sử chưa hết. Thanh văn, Bích-chi Phật, ba độc tuy hết, cũng không thể như thật tán thán, vì còn tập khí sót lại chưa hết, vả lại vì trí tuệ không đầy đủ. Chỉ một mình Phật cả ba độc và tập khí hết vĩnh viễn, thành tựu nhất thế trí, nên có thể như thật tán thán không thêm không bớt. Vì vậy, hành giả muốn được chư Phật tán thán, để biết thực đức của mình, nên không cầu người khác tán thán.

Hỏi: Chư Phật ra khỏi ba cõi, không nhiễm trước thế gian, không có ngã và ngã sở, xem ngoại đạo, ác nhân, đại Bồ-tát, A-la-hán, bình đẳng không sai khác, cớ sao chỉ tán thán Bồ-tát?

Đáp: Phật tuy không có ta, tôi, không có ghét thương, đối hết thảy pháp tâm không nhiễm trước, thương xót chúng sanh, vì lấy tâm Đại từ bi dẫn dắt hết thảy, nên phân biệt người lành mà có sự tán thán. Và cũng muốn phá hoại sở nguyện của ác ma, vì Phật tán thán nên vô lượng chúng sanh ưa thích Bồ-tát, mà cung kính cúng dường, sau đều được thành tựu Phật đạo; vì vậy nên chư Phật tán thán Bồ-tát.

Hỏi: Tán thán như thế nào?

Đáp: Như Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng, Ngài muốn khiến chúng sanh vào pháp thậm thâm, nên tán thán Bồ-tát, như tán thán Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Sadāpralāpa - Bồ-tát Thường-đề).

Lại nữa, Phật tán thán Bồ-tát rằng: "Bồ-tát ấy hay quán các pháp rốt ráo không, cũng có tâm Đại từ bi đối với chúng sanh, hay thực hành sanh nhẫn, cũng không thấy tướng chúng sanh; tuy thực hành pháp nhẫn, mà không sanh chấp trước đối hết thảy pháp, tuy xét việc kiếp trước mà không rơi vào tà kiến, tuy xem thấy chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn mà không rơi vào biên kiến; tuy biết Niết-bàn là Vô thượng thật pháp, cũng không khởi thiện nghiệp về thân, khẩu, ý; tuy đi trong sanh tử mà tâm vui Niết-bàn; tuy trụ ba cửa giải thốt, hướng nhìn Niết-bàn cũng không dứt bản nguyện và thiện hành. Các công đức kỳ đặc như vậy rất là khó có".

Lại nữa, nếu Bồ-tát chưa được Vô sanh nhẫn, chưa được Năm thần thông, ngay nơi nhục thân sanh tử, có tâm Đại từ bi, hay vì chúng sanh, nên có thể thí cho tất cả những gì trong ngoài đáng quý đáng tiếc. Ngoài là vợ con yêu quý, năm dục thượng diệu, ngọc Như ý, diệu bảo tối thượng, quốc độ an ổn... ; trong là thân thể, da thịt, xương máu, đầu, mắt, tủy não, tai, mũi, chân, tay... Bố thí như vậy rất là khó có, cho nên chư Phật tán thán đức ấy. Nếu Bồ-tát đã vào pháp vị, được thần thông,

mà thực hành khổ hạnh thì không là khó. Nhưng vì Bồ-tát ấy còn sanh thân, mắt thịt, mà chí nguyện rộng lớn, có tâm đại bi, ưa vui Phật đạo, làm việc như vậy, rất là hy hữu.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trì giới thanh tịnh đầy đủ, không phân biệt trì giới, phá giới; đối hết thảy pháp rốt ráo bất sanh, thường nhẫn "không pháp"; tinh tấn không thối không nghỉ, không đắm không chán, tinh tấn và giải đãi một tướng không khác, vô lượng vô biên vô số kiếp, siêng tu tinh tấn; đều muốn lãnh thọ thực hành thiền định thậm thâm, không nương dựa, định và loạn không khác, không rời khỏi định mà có thể biến hóa thân vô lượng, cùng khắp mười phương, thuyết pháp độ người; thực hành trí tuệ sâu xa, quán hết thảy không sanh không diệt, chẳng phải không sanh chẳng phải không diệt, cũng chẳng phải không sanh cũng chẳng phải không diệt, chẳng chẳng phải không sanh chẳng chẳng phải không diệt; vượt qua các ngôn ngữ, chỗ tâm đi dứt bặt, không thể hoại không thể phá, không thể thọ nhận, không thể chấp trước, chỗ chư thánh đi sạch như Niết-bàn, cũng không chấp trước sự quán sát ấy; ý cũng không mất, hay lấy trí tuệ tự làm lợi ích. Các Bồ-tát như vậy được chư Phật tán thán.

Lại nữa, Bồ-tát chưa được thọ ký, chưa được vô sanh pháp nhẫn, sanh ra không gặp Phật, không được thấy hiền thánh, do chánh tư duy nên hay quán thật tướng các pháp. Tuy quán thật tướng, tâm cũng không dính mắc. Bồ-tát như vậy, được mười phương chư Phật đều tán thán.

Lại nữa, Bồ-tát nghe Phật pháp thậm thâm vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, tuy tự chưa chứng được, trí tuệ chưa kịp, mà có thể định tâm tin vui, không sanh nghi ngờ hối hận, nếu ma giả làm Phật đi đến nguỵ nói ý nó, tâm cũng không thêm bớt, Bồ-tát như vậy, được chư Phật tán thán.

Lại nữa, có các Bồ-tát phát tâm cùng trong một lúc, trong đó có vị mau thành Phật, thì Phật tán thán, vì có sức tinh tấn lớn. Như đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cùng các Bồ-tát Di-lặc... đồng thời phát tâm, mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni do sức tinh tấn nên vượt qua chín kiếp.

Lại nữa, hoặc có Bồ-tát đầy đủ Bồ-tát sự, là Mười địa, Sáu Ba-la-mật, Mười lực, Bốn vô sở úy, Bốn vô ngại trí, Mười tám pháp không chung, và vô lượng Phật pháp thanh tịnh, nhưng vì rộng độ chúng sanh nên ở lâu trong sanh tử, không thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát như vậy, chư Phật tán thán, đó là ai? Là như Văn-thù-sư-lợi,

Tỳ-ma-la-cật (Duy-ma-cật), Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Biến Cát Bồ-

tát... là thượng thủ của các Bồ-tát, đã ra khỏi ba cõi, biến hóa vô số thân, vào trong sanh tử, giáo hóa chúng sanh. Các việc hy hữu như vậy, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm sanh ra.

Vì vậy nên nói: muốn được chư Phật tán thán tên mình, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn một lần khởi ý là đến được mười phương thế giới số như hằng hà sa, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát được năng lực thần thông biến hóa làm mười phương hằng hà sa thân một lúc đi đến mười phương hằng hà sa thế giới.

Hỏi: Như Kinh nói: "Trong khoảng búng ngón tay có sáu mươi niệm". Nếu trong một niệm đi đến hằng hà sa thế giới ở một phương, còn không thể tin được, huống gì đi đến hằng hà sa thế giới ở mười phương, thời gian ít mà chỗ đi đến nhiều?

Đáp: Kinh nói: "Năm việc không thể nghĩ bàn, đó là chúng sanh nhiều ít, nghiệp quả báo, năng lực người tọa thiền, năng lực các rồng, năng lực chư Phật". Trong năm việc không thể nghĩ bàn ấy, năng lực Phật là không thể nghĩ bàn nhất. Bồ-tát vào thiền định phát sanh thần thông không thể nghĩ bàn, nên trong một niệm đến được thế giới chư Phật trong mười phương. Như nói trong bốn loại thần thông, chỉ Phật và Bồ-tát có thần thông nhanh chóng đi khắp như ý muốn, như con của chim Kim si, mới từ vỏ trứng ra, mà đi từ một núi Tu-di đến một núi Tu-di; các Bồ-tát cũng như vậy, nhờ lực vô sanh nhẫn, phá vỏ trứng vô minh phiền não, tức thì trong một niệm hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương.

Lại nữa, Bồ-tát đã tiêu diệt hết tội chướng trong vô lượng đời, nhờ lực trí tuệ nên chuyển được hết thảy pháp; nhỏ chuyển làm lớn, lớn chuyển làm nhỏ; lấy ngàn vạn vô lượng kiếp làm một ngày, lại lấy một ngày làm ngàn vạn kiếp. Bồ-tát ấy, là chủ thế gian, ưa muốn tự tại, thì có nguyện gì mà không thành được. Như kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Lấy bảy đêm làm một kiếp sống. Do nhân duyên ấy Bồ-tát nương lực thần thông, có thể nhanh chóng vượt qua mười phương thế giới.

Hỏi: Trong năm việc không thể nghĩ bàn nói trước đó không có Bồ-tát, sao nay nói Bồ-tát không thể nghĩ bàn?

Đáp: Hoặc có khi trong nhân nói quả, như nói ngày ăn trăm lượng vàng. Vàng không thể ăn, nhân vàng mà được ăn, nên nói ăn vàng, ấy là trong nhân nói quả. Hoặc có khi trong quả nói nhân, như thấy bức vẽ

đẹp nói là khéo tay, ấy là thấy trong quả nói nhân. Các Bồ-tát cũng như vậy, Bồ-tát là nhân, Phật là quả; nếu nói Phật lực không thể nghĩ bàn nên biết là đã nói Bồ-tát.

Vì vậy nên nói: Muốn một lần khởi ý, đã đến được mười phương hằng hà sa thế giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn phát ra một âm khiến cho mười phương hằng hà sa thế giới đều nghe tiếng, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát được sáu thần thông, tăng trưởng tướng phạm âm, vượt qua ba ngàn đại thiên thế giới, đến mười phương hằng hà sa thế giới.

Hỏi: Nếu như vậy, thì có khác gì với âm thanh của Phật?

Đáp: Âm thanh của Bồ-tát có số hạn trong hằng hà sa thế giới, còn âm thanh Phật đi xa không có hạn số. Như trong kinh Mật Tích nói: Mục-liên muốn thử âm thanh của Phật, đi đến tận phương Tây, vẫn nghe âm thanh Phật, như đối trước mặt.

Hỏi: Nếu như vậy, thì Phật thường ở tại quốc độ, xóm làng, thuyết pháp giáo hóa, nhưng sao người ở trong cõi Diêm-phù-đề, không đến bên Phật thì không nghe được. Sao biết thế? Vì có nhiều người từ phương xa đi đến muốn nghe Phật thuyết pháp.

Đáp: Âm thanh Phật có hai thứ:

1. Âm thanh mật.
2. Âm thanh không mật.

Âm thanh mật trước đã nói, âm thanh không mật, thì đến bên Phật mới nghe. Cũng có hai hạng đệ tử:

1. Xuất thế Thánh nhân.
2. Thế gian phàm phu.

Xuất thế Thánh nhân như Mục-kiền-liên... nghe được âm thanh vi mật; còn người phàm phu thì theo đến chỗ gần mới nghe.

Lại nữa, chư Bồ-tát được vào chánh vị, lìa thân sanh tử, được chân thân pháp tánh, thấy được vô lượng thân Phật mười phương và ánh sáng chiếu khắp, cũng nghe được sáu mươi thứ âm thanh cực xa vô lượng của chư Phật. Các đại Bồ-tát tuy chưa đầy đủ âm thanh như vậy, nhưng đối âm thanh của Phật cũng được một phần.

Âm thanh của Phật Bồ-tát có ba thứ:

1. Do đời trước gieo âm thanh lành nên trong cổ họng có được tứ đại vi diệu, phát ra các thứ âm thanh diệu hảo xa gần một dặm, hai dặm, ba dặm, mười dặm, trăm ngàn dặm, cho đến âm thanh lan khắp ba ngàn

đại thiên thế giới.

2. Là do lực thần thông mà tứ đại trong cổ họng phát ra tiếng lan khắp ba ngàn đại thiên thế giới, và mười phương hằng hà sa thế giới.

3. Là âm thanh Phật thường lan khắp mười phương hư không.

Hỏi: Nếu âm thanh Phật thường lan khắp, sao nay chúng sanh không được thường nghe?

Đáp: Chúng sanh vô lượng kiếp lại đây, vì nghiệp đã gây che lấp, nên không được nghe, ví như sấm chớp giông bão, mà người điếc không nghe, tiếng sấm không giảm. Phật cũng như vậy, thường vì chúng sanh thuyết pháp, như rồng rung tiếng sấm lớn, mà chúng sanh vì tội nghiệp, tự không nghe được. Như nay người tinh tấn trì giới, trong lúc niệm Phật tam-muội, tâm đắc định, không bị tội chướng ngại, thì liền được thấy Phật, nghe Phật thuyết pháp, âm thanh rõ ràng. Bồ-tát đối với ba thứ âm thanh ấy, muốn được hai thứ, hai thứ âm thanh ấy rất khó, hy hữu, còn như âm thanh của nghiệp quả thì tự nhiên có được.

Vì vậy nên nói: Bồ-tát ma-ha-tát muốn dùng một âm thanh khiến cho mười phương hằng hà sa thế giới nghe tiếng, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm cho thế giới chư Phật không dứt, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Phật thế giới không dứt là Bồ-tát làm cho mỗi nước kế tiếp nhau đều khiến chúng sanh phát tâm làm Phật.

Hỏi: Nói kế tiếp nhau là mỗi nước trước sau kế tiếp, hay là mười phương thế giới kế tiếp? Nếu mỗi một nước kế tiếp nhau, thì tâm đại bi là trùm khắp hết thảy chúng sanh, cớ sao không trùm đến nước khác? Còn nếu mười phương thế giới kế tiếp nhau, thì các Phật Bồ-tát khác có lợi ích gì?

Đáp: Tâm nguyện Bồ-tát muốn khiến hết thảy thế giới đều làm Phật, đại tâm rộng xa, không bị giới hạn, lấy tâm chứa nhóm các trí tuệ, và vô lượng phước đức thần thông lực, lại tùy chúng sanh gieo nhân duyên làm Phật, Bồ-tát đều khiến làm. Nếu hết thảy thế giới đều gieo nhân duyên làm Phật, thì các Phật, Bồ-tát khác chẳng phải có ích. Nhưng việc ấy không đúng.

Lại, mười phương thế giới vô lượng vô biên, không lẽ một Bồ-tát được biến khắp hết các thế giới, khiến Phật chủng không dứt, mà các Bồ-tát khác tùy theo nhân duyên đều có phần trong đó. Vì tâm đại bi rộng lớn nên nguyện cũng vô lượng, tâm lợi ích không có giới hạn. Chủng loại chúng sanh vô lượng, nên chẳng phải một Phật một Bồ-tát có thể độ

hết được.

Hỏi: Nếu việc không xứng tâm, cớ gì lại phát nguyện?

Đáp: Vì muốn khiến tâm nguyện rộng lớn thanh tịnh, như tu Từ tam-muội, tuy không thể khiến chúng sanh lìa khổ, chỉ tự muốn làm cho tâm rộng lớn thanh tịnh, thành tựu nguyện lợi ích, như lực của chư Phật, đại Bồ-tát, đều có thể độ thốt hết thảy, nhưng chúng sanh phước duyên chưa nhóm, chưa có trí tuệ, nhân duyên chưa tụ hội, nên không được độ, như nước biển cả, hết thảy chúng sanh lấy dùng, mà nước không khô kiệt, chỉ vì chúng sanh không thể được dùng; như chúng sanh ngạ quỉ, do tội mình, nên không được thấy nước, giả sử được thấy, nước liền khô kiệt, hoặc biến thành nước đồng sôi, hoặc thành máu mủ. Phật cũng như vậy, có Đại từ bi trí tuệ vô lượng vô biên, có thể làm đầy đủ cho chúng sanh, nhưng chúng sanh vì tội nghiệp, nên không gặp Phật, giả sử được gặp Phật, thì cũng giống như người khác, hoặc sanh sân nhuế, hoặc nổi lên phỉ báng. Vì nhân duyên ấy nên không thấy được oai tướng thần lực của Phật; tuy được gặp Phật mà không có lợi ích.

Lại nữa, hai nhân hai duyên phát sanh chánh kiến, đó là nội nhân ngoại duyên. Phật là nhân duyên bên ngoài đầy đủ, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng trang nghiêm Phật, các thứ thần lực, các thứ âm thanh, tùy ý thuyết pháp, dứt mọi nghi lầm. Chỉ vì chúng sanh nhân duyên bên trong không đầy đủ, trước không gieo thiện căn thấy Phật, không tin kính, không tinh tấn trì giới, độn căn sâu dày, đắm vào cái vui thế gian, vì vậy nên không có lợi ích, chứ không phải lỗi tại Phật. Phật hóa độ chúng sanh, thần khí lợi dụng, thảy đều đầy đủ; ví như mặt trời mọc, có mắt thì thấy, mắt mù không thấy, giả sử có mắt mà không có mặt trời, thì không thấy chi, thế nên mặt trời không có lỗi; Phật cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên khiến Phật thế giới không dứt?

Đáp: Bồ-tát đối với chúng sanh, dùng các cách tán thán Phật đạo, khiến chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dần dần hành sáu Ba-la-mật, rồi sau mỗi mỗi làm Phật ở các thế giới. Nếu nôi mỗi nước kế tiếp làm Phật, hoặc ở nước khác tự làm Phật, ấy gọi là không dứt nước Phật.

Lại nữa, Bồ-tát chóng nhóm trí tuệ đầy đủ, làm Phật độ vô lượng chúng sanh, khi sắp vào Niết-bàn, thọ ký Bồ-tát rằng: Sau khi Ta diệt độ, ngươi kế tiếp làm Phật, triển chuyển đều như vậy, khiến không đoạn tuyệt. Nếu Phật không thọ ký Bồ-tát thì Phật quốc bị đoạn, ví như vua lập thái tử, triển chuyển như vậy, quốc độ không dứt.

Hỏi: Cớ sao quí trọng thế giới có Phật, mà khinh chê quốc độ không có Phật?

Đáp: Việc ấy không nên hỏi. Phật là vị chủ trang nghiêm mười phương thế giới, huống chi một quốc độ. Nếu lìa quốc độ có Phật, tuy hưởng cái vui cõi người cõi trời, mà không biết là do ơn Phật gây nên, thì không khác gì súc sanh. Nếu các đức Phật không ra đời, thì không có con đường đến tam thừa Niết-bàn, thường bị nhốt trong ngục ba cõi, vĩnh viễn không ngày ra khỏi. Nếu đời có Phật, thì chúng sanh được ra khỏi lao ngục ba cõi; ví như giữa hai quốc độ, một nôi không có mặt trời, trong đó chúng sanh từ tối tăm sanh ra, từ tối tăm chết đi. Nếu lúc có Phật ra đời, thì có ánh sáng dần soi, mỗi mỗi trông thấy nhau, cho đến thấy các chúng sanh được ánh mặt trời mặt trăng chiếu đến mà biết kia là đại phước, còn chúng ta có tội. Như vậy, hoặc có khi Phật lấy ánh sáng chiếu khắp các Phật quốc, chúng sanh ở nước không có Phật, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, thì rất hoan hỷ, nghĩ rằng: "Chúng ta đây tối tăm, còn nơi kia sáng sủa".

Lại nữa, quốc độ có Phật, thì chúng sanh biết có tội phước, có người thọ Tam quy Ngũ giới, Bát quan trai giới và xuất gia năm chúng, có các thứ thiện pháp như thiền định, trí tuệ sâu xa, có bốn quả Sa-môn, hữu dư Niết-bàn... vì nhân duyên ấy nên Phật quốc là quí. Hoặc như chúng sanh ở quốc độ có Phật, tuy không thấy Phật, mà gặp được Kinh pháp, tu thiện trì giới, bố thí, lễ kính... gieo nhân duyên Niết-bàn, cho đến súc sanh cũng có thể gieo nhân duyên phước đức. Nếu quốc độ không có Phật, thí cho đến trời người, cũng không thể làm thiện.

Vì vậy, nên Bồ-tát phát nguyện muốn khiến Phật quốc không dứt.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 31

48. GIẢI THÍCH MƯỜI TÁM KHÔNG

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn trụ nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN.

1. Nội không: Nội pháp, nội pháp không. Nội pháp là sáu pháp nhập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý bên trong. Mắt không, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

2. Ngoại không: Ngoại pháp, ngoại pháp không. Ngoại pháp là sáu nhập sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp bên ngoài. Sắc không, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp sắc. Tiếng, mùi, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

3. Nội ngoại không: Nội ngoại pháp, nội ngoại pháp không. Nội ngoại pháp là mười hai nhập trong ngoài. Trong mười hai nhập, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp trong ngoài.

Hỏi: Vì các pháp vô lượng, nên cái không tùy theo pháp cũng vô lượng, cớ sao chỉ nói mười tám? Nếu lược nói thì nên nói một không, là hết thảy pháp không. Nếu nói rộng thì tùy mỗi mỗi pháp không, là mắt không, sắc không... rất nhiều, cớ gì chỉ nói mười tám không?

Đáp: Nếu lược nói thì việc không khắp, nếu nói rộng thì việc phồn tạp; ví như thuốc chữa mắt, ít thì bệnh không lành, nhiều thì làm tăng bệnh. Theo bệnh cho thuốc, không được tăng giảm thì bệnh được lành. Không cũng như vậy, nếu Phật chỉ nói một không, thì không thể phá hết tà kiến và phiền não, còn nếu tùy theo mỗi tà kiến mà rộng nói không, thì quá nhiều không, người ta sẽ ưa đắm tướng không, bị đọa vào tà kiến đoạn diệt. Nói mười tám không, vừa được trung bình.

Lại nữa, hoặc nói mười, hoặc nói mười lăm, đều có nghi hoặc, và đó không phải là câu đáng hỏi.

Lại nữa, pháp thiện ác, đều có số nhất định, hoặc Bốn niệm xứ, hoặc Bốn chánh cần, Ba mươi bảy phẩm, Mười lực, Bốn vô sở úy, Bốn vô ngại trí, Mười tám pháp không chung, Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên, Ba độc, Ba kiết, Bốn lưu, Năm triền cái... các pháp đều có số nhất định. Để phá chấp trước đối với mười tám loại pháp nên nói Mười tám không.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật không, với mười tám pháp không, là khác hay là một? Nếu khác, vậy lìa mười tám không, thì thế nào là Bát-nhã không? Lại như Phật dạy: Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Đó là sắc không; thọ, tưởng, hành, thức không; cho đến hết thảy chủng trí không. Nếu không khác thì cớ sao nói muốn trụ mười tám không, nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Có nhân duyên nói khác, có nhân duyên nói một. Khác là Bát-nhã Ba-la-mật là thật tướng các pháp, dứt tất cả pháp quán, còn mười tám không thì chính là mười tám cách quán, khiến các pháp không. Bồ-tát học thật tướng các pháp ấy, có thể làm phát sanh mười tám không, ấy là khác. Một là mười tám không là không, không có tướng gì, Bát-nhã Ba-la-mật cũng là không, không có tướng gì. Mười tám không là lìa bỏ tướng, Bát-nhã Ba-la-mật cũng là lìa bỏ tướng hết thảy pháp. Mười tám không không trước tướng, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không trước tướng. Vì vậy nên học Bát-nhã Ba-la-mật thì chính là học mười tám không, không khác.

Bát-nhã Ba-la-mật có hai phần: nhỏ và lớn. Muốn được lớn, trước nên học môn phương tiện nhỏ; muốn được trí tuệ lớn, thì nên học Mười tám không. Trụ vào môn phương tiện tiểu trí tuệ ấy, có thể được Mười tám không.

Thế nào là môn phương tiện? Đó là đọc tụng, ghi nhớ đúng, tư duy đúng, tu hành đúng như kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói. Ví như người muốn được ngọc báu quý, hãy đi vào biển lớn, nếu muốn được ngọc báu trí tuệ về nội Không tam-muội... hãy đi vào biển lớn Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Cớ sao hành giả khi học Bát-nhã Ba-la-mật lại trụ nội không, ngoại không, nội ngoại không?

Đáp: Thế gian có bốn thứ điên đảo: nôi bất tịnh điên đảo tưởng tịnh, nơi khổ điên đảo tưởng vui, nơi vô thường điên đảo tưởng thường, nói vô ngã điên đảo tưởng ngã. Hành giả vì phá bốn điên đảo ấy nên tu Bốn niệm xứ, theo mười hai cách quán (quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân, quán nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ, quán nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, quán nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp – N.D).

Đầu tiên quán nội thân đầy dẫy ba mươi sáu vật bất tịnh, chín lổ thường chảy nhơ, rất đáng nhàm sợ. Tướng tịnh không thể có được, vì tướng tịnh không thể có được, nên gọi là nội không.

Hành giả đã biết nội thân bất tịnh, quán thân sắc đắm trước bên ngoài cũng giống như vậy; đều thật bất tịnh, kẻ ngu cuồng hoặc, bị dâm dục che tâm, nên cho là tịnh, quán thân sắc đắm trước bên ngoài cũng như thân ta, tướng tịnh không thể có được; ấy là ngoại không.

Hành giả nếu quán thân mình bất tịnh thì hoặc cho thân sắc ngoài là tịnh; nếu quán thân sắc ngoài bất tịnh thì hoặc cho thân mình là tịnh, nay quán cả trong ngoài, thân ta bất tịnh, ngoài cũng như vậy, thân ngoài bất tịnh, ta cũng như vậy, một mực bằng nhau không khác. Trong đó tướng tịnh không thể có được; ấy gọi là nội ngoại không.

Hành giả suy nghĩ biết nội ngoại thân đều thật bất tịnh mà vì kẻ mê lầm nhiễm ái sâu dày, do đó nên phải thọ thân. Thân là khổ lớn, mà kẻ ngu cho là vui.

Hỏi: Ba thọ đều thuộc ngoại nhập, cớ sao nói quán nội thọ?

Đáp: Sáu trần lúc đầu cùng sáu căn hòa hợp sanh vui, ấy là vui ngoài; sau đó tham đắm sâu vào sanh vui, gọi là vui trong.

Lại nữa, duyên pháp bên trong sanh vui, gọi là vui trong; duyên pháp bên ngoài sanh vui, gọi là vui ngoài.

Lại nữa, cái vui tương ưng với năm thức gọi là vui ngoài. Cái vui tương ưng với ý thức gọi là vui trong. Cái vui thô gọi là vui ngoài, cái vui tế gọi là vui trong. Như vậy là phân biệt vui trong vui ngoài. Thọ khổ, thọ không vui không khổ cũng như vậy.

Lại nữa, hành giả suy nghĩ quán cái vui trong ấy thật có thể có chăng? Liền phân biệt biết thật không thể có được, mà chỉ là khổ cưỡng cho là vui. Vì cớ sao? Vì cái vui ấy từ nhân duyên khổ mà sanh, cũng sanh quả báo khổ, vì vui không chán đủ cho nên khổ.

Lại nữa, như người bị ghẻ ngứa, gãi tuy vui ít mà sau càng làm tổn thương thân, là khổ lớn. Người ngu cho là vui, người trí chỉ thấy là khổ. Như vậy thế gian vì bệnh điên đảo tưởng vui nên đắm trước năm dục, phiền não thêm nhiều. Vì vậy nên hành giả chẳng thấy vui chỉ thấy khổ, như bệnh như ung, như ghẻ, như đâm.

Lại nữa, vui ít khổ nhiều, vui ít không hiện ra nên gọi là khổ, như nước sông lớn, ném vào một hạt muối, thì mất tướng muối, không gọi là mặn.

Lại nữa, cái vui không nhất định, đây cho là vui, kia cho là khổ, kia cho là vui, đây cho là khổ; giữ được là vui, mất đi là khổ, ngu cho là vui,

trí cho là khổ, thấy tai hoạn của vui cho là khổ, không thấy tai hoạn của vui cho là vui; không thấy tướng vô thường của vui cho là vui; thấy tướng vô thường của vui cho là khổ; người chưa lìa dục cho là vui, người lìa dục cho là khổ. Như vậy, quán vui là khổ, quán khổ như tên đâm vào thân, quán tướng không khổ không vui vô thường biến đổi. Như vậy, quán ba thứ thọ, tâm liền lìa bỏ; ấy gọi là quán nội thọ không. Quán ngoại thọ, nội ngoại thọ cũng như vậy.

Hành giả lại suy nghĩ: Nếu vui tức là khổ, thì ai thọ cái khổ ấy? Suy nghĩ rồi biết chính tâm thọ, vậy sau tiếp quán tâm là thật hay là hư? Quán tâm vô thường bị sanh, trụ, dị, diệt, tâm thọ khổ, tâm thọ vui, tâm thọ không khổ không vui, mỗi niệm khác nhau; tâm thọ vui diệt thì tâm thọ khổ sanh, tâm thọ khổ trụ trong chốc lát rồi trở lại diệt, tiếp sanh tâm thọ không khổ không vui. Biết khi ấy tâm thọ không khổ không vui trụ rồi trở lại diệt, diệt rồi lại sanh tâm thọ vui. Ba thọ vô thường, cho nên tâm cũng vô thường.

Lại nữa, biết tâm ô nhiễm, tâm không ô nhiễm, tâm giận, tâm không giận, tâm si, tâm không si, tâm tán loạn, tâm thu nhiếp, tâm trói buộc, tâm giải thốt. Các tâm như vậy, mỗi mỗi tướng khác nhau, biết tâm vô thường, không có tâm nhất định thường trú, tâm thọ khổ thọ vui... đều từ nhân duyên hòa hiệp sanh, nhân duyên ly tán, tâm cũng diệt theo. Như vậy quán tâm trong, tâm ngoài, tâm trong ngoài đều là vô thường.

Hỏi: Tâm nhiếp thuộc nội nhập, cớ sao nói ngoại tâm?

Đáp: Tâm quán nội thân gọi là nội tâm, tâm quán ngoại thân gọi là ngoại tâm.

Lại nữa, duyên pháp bên trong là nội tâm, duyên pháp bên ngoài là ngoại tâm.

Lại nữa, năm thức thường duyên pháp bên ngoài, không phân biệt được nên gọi là ngoại tâm, ý thức duyên pháp bên trong, cũng phân biệt được tốt xấu, nên gọi là nội tâm.

Lại nữa, ý thức lúc mới sanh khởi, không phân biệt quyết định được, ấy là ngoại tâm, ý thức chuyển sâu, phân biệt thủ tướng, ấy là nội tâm. Như vậy là phân biệt nội tâm, ngoại tâm.

Hành giả tâm ý chuyển đổi, biết thân là bất tịnh, biết thọ là khổ, biết tâm là vô thường, song vì kiết sử chưa dứt nên hoặc sanh tâm chấp tôi, ta, suy nghĩ như vầy: Nếu tâm vô thường thì ai biết tâm ấy? Tâm thuộc về ai? Ai là chủ tâm? Và hết thảy các vật, thọ khổ thọ vui, là sở hữu của ai? Liền phân biệt biết không có chủ riêng, chỉ do thủ lấy tướng năm uẩn, chấp có tướng người mà sanh tâm chấp ta, vì tâm chấp ta nên

sanh tâm chấp của ta. Có tâm chấp của ta nên cái gì có lợi ích cho ta thì sanh tâm tham muốn, trái nghịch với ta thì sanh tâm sân hận. Kiết sử ấy không từ trí tuệ sanh, mà từ cuồng hoặc sanh, ấy gọi là si. Ba độc tham, sân, si là cội gốc các phiền não, vì đều do chấp ta, tôi. Làm phước đức là ta sau sẽ được phước đức, và tu pháp trợ đạo, ta sẽ được giải thốt. Lúc đầu thủ lấy tướng nên gọi là tướng uẩn; nhân ta, tôi mà khởi lên kiết sử và các thiện hành, ấy là hành uẩn; hai uẩn ấy là pháp niệm xứ. Trong pháp tưởng uẩn, hành uẩn, tìm cái ta không thể có được. Vì sao? Vì các pháp ấy đều từ nhân duyên sanh, đều là pháp tạo tác, không bền chắc, không thật có ta. Hành uẩn như cây chuối, lột từng bẹ ra tìm trong đó không có lõi cứng, lại như ở xa thấy sóng nắng, không nước mà tưởng đó là nước, chỉ dối gạt con mắt. Như vậy quán nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp.

Hỏi: Pháp nhiếp thuộc ngoại nhập, cớ sao nói là nội pháp?

Đáp: Nội pháp là tưởng uẩn, hành uẩn tương ưng với nội tâm. Ngoại pháp là tưởng uẩn, hành uẩn tương ưng với ngoại tâm và các hành không tương ưng với tâm, và pháp vô vi, đồng đều quán sát trong một lúc, gọi là quán nội ngoại pháp.

Lại nữa, nội pháp là sáu căn, ngoại pháp là sáu trần.

Lại nữa, tổng quán thân, thọ, tâm và tưởng uẩn, hành uẩn, là pháp niệm xứ. Vì sao? Vì hành giả đã ở nôi tưởng uẩn, hành uẩn và vô vi pháp tìm cái ta không thể có được, trở lại ở nôi thân, thọ, tâm, tìm cái ta cũng không thể có được. Như vậy ở trong hết thảy pháp hoặc sắc, hoặc phi sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối ngại, hoặc không đối ngại, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc xa hoặc gần, hoặc thô hoặc tế, ở trong đó tìm cái ta đều không thể có được, chỉ do năm uẩn hòa hợp nên cưỡng gọi là chúng sanh, chúng sanh tức là ta. Ta không thể có được, nên cũng không có của ta. Của ta không thể có được, nên tất cả phiền não đều bị suy mỏng.

Lại nữa, thân niệm xứ là hết thảy sắc pháp. Hành giả quán nội sắc vô thường, khổ, không, vô ngã; quán ngoại sắc, quán nội ngoại sắc cũng như vậy. Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.

Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ nội quán, gọi là nội không. Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ ngoại quán, gọi là ngoại không. Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ nội ngoại quán, gọi là nội ngoại không.

Hỏi: Không ấy là do năng lực tam-muội nên không, hay là pháp ấy tự không?

Đáp: Có người nói: Vì lực tam-muội nên không, như Kinh nói:

ba tam-muội, ba cửa giải thốt là không, vô tướng, vô tác. Không tam-muội ấy là duyên nơi thân, thọ, tâm, pháp, không tìm thấy ta, của ta, nên gọi là không.

Hỏi: Pháp Tứ niệm xứ không, cả bốn đều nên quán vô thường, khổ, không, vô ngã; cớ sao đối với thân quán bất tịnh, đối với thọ quán khổ, đối với tâm quán vô thường, đối với pháp quán vô ngã?

Đáp: Tuy bốn pháp đều quán là vô thường, khổ, không, vô ngã, song chúng sanh đối với thân phần nhiều điên đảo đắm trước cho là tịnh, đối với thọ phần nhiều điên đảo đắm trước cho là vui, đối với tâm phần nhiều điên đảo đắm trước cho là thường, đối với pháp phần nhiều điên đảo đắm trước cho là ngã. Vì vậy nên hành giả quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

Lại nữa, nội ngoại không là không có pháp trong ngoài nhất định, chỉ do đối đãi nhau gọi là trong ngoài, kia cho là ngoài, ta cho là trong, ta cho là ngoài, kia cho là trong, nội pháp hệ thuộc theo người là trong, ngoại pháp dính mắc theo người là ngoại. Như người cho nhà mình là nội, nhà người là ngoại. Hành giả quán pháp nội ngoại không có tướng nhất định, cho nên không.

Lại nữa, pháp nội ngoại ấy, không có tự tính. Vì sao? Vì do hòa hợp sanh; pháp nội ngoại ấy cũng không ở trong nhân duyên hòa hợp. Nếu trong nhân duyên vốn không có pháp, thì ở chỗ khác cũng không, nhân duyên của nội ngoại pháp cũng không, vì nhân duyên không nên pháp nội ngoại không.

Hỏi: Pháp nội ngoại định có, cớ sao nói không? Như tay, chân... hòa hợp nên có thân; gọi là nội pháp. Như kèo, cột, vách... hòa hợp nên có nhà; gọi là ngoại pháp. Thân ấy tuy có tên gọi riêng, nhưng cũng không khác chân, tay... Vì cớ sao? Vì lìa chân, tay... thì thân không thể có được, nhà cũng như vậy ư?

Đáp: Nếu chân không khác thân, thì đầu cũng như chân, vì chân với thân không khác. Nếu đầu là chân, thì rất đáng cười.

Hỏi: Nếu thân với chân không khác, thì có lỗi như vậy, còn nay có thể chân tay... hòa hợp lại mà có pháp sanh ra gọi là thân, thân tuy khác với chân tay... nhưng phải nương chân mà tồn tại. Như nhiều sợi chỉ hòa hợp sanh ra tấm vải, tấm vải nương nơi chỉ mà tồn tại?

Đáp: Thân pháp ấy (thân là một pháp – N.D) có đầy đủ trong mỗi phần chân, tay... hay chia ra có trong mỗi phần? Nếu có đầy đủ trong mỗi phần, thì ở phần đầu lẽ đáng có phần chân. Vì sao? Vì thân pháp có đầy đủ; nếu chia ra có trong mỗi phần, thì thân pháp với phần chân

không khác. Lại thân là một pháp, sở nhân thành ra nó có nhiều, một chẳng làm nhiều, nhiều chẳng làm một.

Lại nữa, nếu trừ phần chân... riêng có thân, thì trái ngược với tất cả thế gian. Vì vậy nên không được nói thân tức là các phần, cũng không được nói khác các phần. Vì như vậy thì không thân, thân không có nên các phần chân... cũng không có. Như vậy gọi là nội không. Ngoại pháp như phòng xá cũng không như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Hỏi: Phá thân, nhà... ấy là phá một, phá khác. Phá một phá khác là phá kinh ngoại đạo, còn trong kinh Phật thật có pháp trong ngoài, đó là trong sáu căn ngoài sáu trần, đây cớ sao không?

Đáp: Pháp trong ngoài ấy là hòa hợp giả danh như thân, nhà.

Lại nữa, lược nói có hai thứ không: chúng sanh không, pháp không. Đối với đệ tử Tiểu thừa độn căn nói chúng sanh không, vì ta và của ta không có, thì không đắm trước pháp khác; đối với đệ tử Đại thừa lợi căn nói pháp không, liền biết thế gian thường không tịch như Niết-bàn. Thanh văn nói nội không, ở nôi nội pháp không ta, không của ta, vô thường, không người làm, không người biết, không người thọ; ấy gọi là nội không. Ngoại không cũng như vậy, Thanh văn không nói tướng nội pháp, tướng ngoại pháp tức là không. Đại thừa nói nơi nội pháp không có tướng nội pháp, nôi ngoại pháp không có tướng ngoại pháp. Như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói: sắc, sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không. Nhãn, nhãn tướng không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý tướng không. Sắc, sắc tướng không; thanh, hương, vị, xúc, pháp, pháp tướng không. Như vậy, hết thảy các pháp, tự pháp không.

Hỏi: Hai lối nói nội ngoại không ấy, lối nói nào thật?

Đáp: Cả hai đều thật, chỉ vì hàng tiểu trí độn căn nên trước nói chúng sanh không, sau vì đại trí lợi căn nên nói pháp không, như người bị nhốt ngục, có kẻ phá hoại gông cùm, sát thương lính ngục, tùy ý đi khỏi, lại có kẻ sợ hãi, lén đục vách tường, cũng được ra khỏi. Người Thanh văn chỉ phá nhân duyên ta, tôi, không sanh các phiền não, lìa các pháp ái, sợ hãi cái khổ già, bệnh, chết và ác đạo, không còn muốn suy tìm gốc ngọn rõ ràng, phá hoại các pháp, chỉ cốt một việc được giải thốt. Người Đại thừa, phá ngục ba cõi, hàng phục ma quân, dứt các kiết sử và tập khí, hiểu rõ gốc ngọn hết thảy pháp, thông đạt vô ngại, phá tán các pháp, làm cho thế gian như Niết-bàn, đồng tướng tịch diệt, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm cho hết thảy chúng sanh ra khỏi ba cõi.

Hỏi: Cớ sao Đại thừa phá hoại các pháp?

Đáp: Phật dạy sắc từ các nhân duyên sanh, không có chắc thật, như

sóng nước thành bọt, tạm thấy liền tan, sắc cũng như vậy. Bốn đại đời nay và hành nghiệp đời trước làm cho nhân duyên hòa hợp thành sắc, nhân duyên diệt nên sắc cũng diệt, hành đạo vô thường, chuyển vào cửa không. Vì sao? Vì các pháp sanh diệt không có lúc ngưng trụ; nếu không có lúc ngưng trụ thì không thể thủ lấy.

Lại nữa, vì là tướng hữu vi, khi sanh có diệt, khi diệt có sanh. Nếu đã sanh thì sanh không có chỗ dùng, nếu chưa sanh, thì sanh không sanh được chi, cùng với sanh cũng không khác. Vì cớ sao? Vì sanh, nếu sanh ra pháp, thì lẽ đáng có cái sanh ra sanh, lại phải có cái sanh ra cái sanh nữa, như vậy thì vô cùng. Nếu cái sanh ra sanh lại không do các sanh khác, thì sanh cũng chẳng nên có sanh; nếu sanh không có sanh thì pháp cũng chẳng nên có sanh. Như vậy sanh không thể có được. Diệt cũng như vậy. Vì vậy, các pháp là không, chẳng sanh chẳng diệt; ấy là thật.

Lại nữa, các pháp đều có, cuối cùng trở về không có; nếu sau không có thì trước cũng nên không; như người đi giày, lúc đầu đã có cũ, vì vi tế nên không biết; nếu lúc đầu không cũ, thì nên thường mới mãi; nếu lúc sau có cũ, thì lúc đầu cũng có cũ. Pháp cũng như vậy, lúc sau có không nên lúc đầu cũng có không. Vì vậy nên tất cả pháp đều nên không. Chỉ vì chúng sanh điên đảo nhiễm trước sáu căn bên trong, nên hành giả phá điên đảo ấy, gọi là nội không. Ngoại không, nội ngoại không cũng như vậy.

4. Không không: Lấy không phá nội không, ngoại không, nội ngoại không. Phá ba không ấy, nên gọi là không không.

Lại nữa, trước lấy pháp không, phá nội ngoại pháp, lại lấy không này phá ba không kia, ấy gọi là không không.

Lại nữa, Không tam-muội quán năm uẩn không, được Tám thánh đạo, dứt các phiền não, được Hữu dư Niết-bàn. Khi chấm dứt thân mạng do nhân duyên hành nghiệp đời trước có được, muốn buông bỏ Tám thánh đạo, nên phát sanh Không không tam-muội; ấy gọi là không không.

Hỏi: Không với không không khác nhau thế nào?

Đáp: Không phá năm thọ uẩn, còn không không phá không.

Hỏi: Không nếu là pháp, thì không là đã tự phá; không, nếu chẳng phải pháp, thì không phá được gì?

Đáp: Không phá hết thảy pháp, chỉ có không còn lại. Không phá hết thảy pháp rồi, không cũng phải bỏ. Vì vậy nên cần phải là không không.

Lại nữa, không duyên hết thảy pháp, không không chỉ duyên không. Như một kẻ mạnh phá tất cả giặc, lại có người phá kẻ mạnh ấy, không

không cũng như vậy.

Lại nữa uống thuốc, thuốc hay trừ bệnh, nếu bệnh đã lành thì thuốc cũng phải tống ra, nếu thuốc không tống ra, thì thuốc lại là bịnh. Lấy không trừ các bệnh phiền não, sợ không trở lại làm bệnh, nên lại lấy không xả không; ấy gọi là không không.

5. Đại không: Ở trong pháp Thanh văn, Pháp không là đại không, như kinh Đại Không trong Tạp A-hàm (Samyutta Agama) nói: Sanh làm nhân duyên cho già chết. Nếu có người nói "là già chết, là người già chết". Thì cả hai đều tà kiến. "là người già chết", ấy là chúng sanh không; "là già chết", ấy là pháp không. Còn trong kinh Đại thừa nói: mười phương, mười phương tướng không; ấy là đại không.

Hỏi: Mười phương không, cớ sao gọi là đại không?

Đáp: Phương đông vô biên cho nên gọi là đại, và có ở khắp mọi nơi nên gọi là đại; khắp tất cả sắc pháp nên gọi là đại; thường có nên gọi là đại; lợi ích thế gian nên gọi là đại; làm cho chúng sanh không mê muội gọi là đại. Phá được đại phương như vậy gọi là đại không. Các thứ Không khác chỉ phá pháp nhân duyên sanh, pháp có tạo tác, pháp thô, dễ phá, nên không gọi là đại. Phương hướng chẳng phải là pháp nhân duyên sanh, chẳng phải pháp tạo tác, là pháp vi tế khó phá, cho nên gọi là đại không.

Hỏi: Hoặc trong Phật pháp không nói có phương, vì nó không nhiếp thuộc trong ba vô vi là hư không, trí duyên tận, phi trí duyên tận (cũng gọi là hư không, trạch diệt, phi trạch diệt – N.D), cớ sao đây lại nói có phương là thường, là pháp vô vi, chẳng phải nhân duyên sanh, pháp chẳng phải tạo tác, pháp vi tế?

Đáp: Phương trong luận nghĩa của Thanh văn thì không có, còn trong pháp Đại thừa, vì theo thế tục đế nên nói có, theo đệ nhất nghĩa thì hết thảy đều không thể có được, huống gì phương. Giống như năm uẩn hòa hợp giả danh là chúng sanh, phương cũng như vậy. Ở giữa sự hòa hợp của tứ đại tạo sắc, phân biệt so sánh trong đây trong kia mà giả danh là phương. Chỗ mặt trời mọc là phương Đông, chỗ mặt trời lặn là phương Tây. Như vậy là tướng của phương. Phương ấy tự nhiên thường có, chẳng phải nhân duyên sanh, cũng chẳng phải trước không nay có, nay có sau không, cho nên chẳng phải là pháp tạo tác. Vì chẳng phải hiện tiền biết được nên nói là pháp vi tế.

Hỏi: Phương nếu như vậy thì làm sao phá được?

Đáp: Ông không nghe trước đây tôi nói, vì theo tục đế nên có, theo đệ nhất nghĩa nên phá. Vì tục đế có nên không rơi vào tà kiến chấp đoạn

diệt, vì theo đệ nhất nghĩa phá nên không rơi vào tà kiến chấp thường. Ấy là đã lược nói nghĩa đại không.

Hỏi: Đệ nhất nghĩa không cũng phá được pháp không tạo tác, pháp không nhân duyên, pháp vi tế, cớ sao không nói là đại không?

Đáp: Trước đã gọi là đại, nên đây không gọi là đại, nhưng đệ nhất nghĩa không, tên tuy khác mà nghĩa thật là đại. Xuất thế gian cho Niết-bàn là đại, thế gian cho phương là đại, vì vậy nên đệ nhất nghĩa cũng là đại không.

Lại nữa, vì phá đại tà kiến, về ác thì nên gọi là đại không. Như hành giả lấy từ tâm duyên chúng sanh trong một quốc độ phương đông, rồi lại duyên chúng sanh một quốc độ, như vậy trong lúc triển chuyển duyên, nếu cho rằng duyên hết quốc độ phương đông, thì rơi vào hữu biên kiến; nếu cho rằng duyên chưa hết quốc độ phương đông thì rơi vào vô biên kiến. Khi sanh hai kiến ấy liền mất từ tâm. Nếu lấy phương không phá đông phương ấy, thì dứt hai kiến hữu biên, vô biên. Nếu không lấy phương không phá đông phương, thì tâm hướng theo đông phương, tâm theo đông phương không ngừng, thì từ tâm dứt, tà tâm sanh; ví như lúc nước triều dâng đến giới hạn thường lệ, thì xoay trở lại, cá nếu không xoay lại kịp thì bị dạt lên bờ, chịu đủ thứ khổ. Nếu cá có trí, thì theo nước xoay lại, vĩnh viễn được an ổn.

Hành giả cũng như vậy. Nếu tâm hướng theo phương, không xoay lại kịp thì bị trôi vào tà kiến, nếu tâm hướng theo phương biết xoay lại kịp thời không mất từ tâm.

Như vậy phá đại tà kiến về ác thì, nên gọi là đại không.

6. Đệ nhất nghĩa không: Thật tướng của các pháp, vì không phá không hoại. Thật tướng ấy cũng không. Vì sao? Vì không lãnh thọ, không dính mắc. Nếu thật tướng các pháp là có, thì phải có lãnh thọ, phải có dính mắc; vì không có thật, nên không lãnh thọ, không dính mắc; nếu như lãnh thọ, dính mắc tức là hư dối.

Lại nữa, pháp Đệ nhất trong các pháp là Niết-bàn. Như trong A-tỳ-đàm nói: Thế nào là pháp hữu thượng? Đó là pháp hữu vi và hư không, phi trí duyên tận (tức là phi trạch diệt vô vi. Nghĩa là pháp hữu lậu phiền não vì thiếu duyên nên không sanh khởi mà thành như vô lậu vô vi, chứ chẳng phải thật vô lậu vô vi. Trái lại, trạch diệt vô vi là do trí tuệ quyết trạch dứt sạch hữu lậu hữu vi mà thành vô lậu vô vi, mới thật là Niết-bàn – N.D). Thế nào là pháp vô thượng? Đó là trí duyên tận (cũng tức là trạch diệt vô vi – N.D). Trí duyên tận tức là Niết-bàn. Trong Niết-bàn cũng không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn không, là đệ

nhất nghĩa không.

Hỏi: Nếu Niết-bàn là không, vô tướng, làm sao Thánh nhân nương ba thừa mà vào Niết-bàn? Lại, hết thảy Phật pháp được nói ra đều vì Niết-bàn; ví như các dòng nước đều chảy vào biển?

Đáp: Có Niết-bàn, là pháp vô thượng đệ nhất báu. Có hai thứ:

1. Hữu dư Niết-bàn
2. Vô dư Niết-bàn.

Các phiền não ái... dứt, gọi là Hữu dư Niết-bàn. Thánh nhân thân ngũ uẩn đời này chấm dứt không còn thọ thân trở lại; ấy gọi là Vô dư Niết-bàn. Không được nói Niết-bàn không có, nhưng chúng sanh nghe tên Niết-bàn, sanh tâm tà kiến, đắm trước âm thanh Niết-bàn và sanh hý luận cho là hoặc có hoặc không. Vì để phá sự chấp trước ấy nên nói Niết-bàn không; nếu người chấp trước có là chấp trước thế gian; nếu chấp trước không, là chấp trước Niết-bàn. Phá cái Niết-bàn của kẻ phàm phu chấp trước, chứ không phá Niết-bàn của bậc Thánh chứng đắc. Vì cớ sao? Vì thánh nhân đối với hết thảy pháp không thủ tướng.

Lại nữa, các phiền não ái... giả danh là trói, nếu tu đạo, cởi khỏi trói ấy, được giải thốt tức gọi là Niết-bàn. Lại không có pháp nào riêng gọi là Niết-bàn; như người bị cùm chân được thốt, mà hý luận rằng: ấy cùm, ấy chân, cái gì là giải thốt? Người như vậy đáng cười, ngoài cùm, ngoài chân còn tìm sự giải thốt. Chúng sanh cũng như vậy, lìa cái cùm ngũ uẩn, còn tìm pháp giải thốt?

Lại nữa, hết thảy pháp không lìa đệ nhất nghĩa, đệ nhất nghĩa không lìa thật tướng các pháp. Làm cho thật tướng các pháp không, gọi là đệ nhất nghĩa không. Như vậy, các thứ, gọi là đệ nhất nghĩa không.

7-8 Hữu vi không, vô vi không: Hữu vi pháp là pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, đó là Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới... Vô vi pháp là không nhân duyên, thường chẳng sanh chẳng diệt như hư không. Hữu vi pháp do hai nhân duyên nên không:

1. Là không ta, không của ta và không tướng thường, không biến dị, không thể có được nên không.

2. Hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp không, chẳng sanh chẳng diệt, không có gì.

Hỏi: Ta, của ta và tướng thường, không thể có được cho nên không; cớ sao nói hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp cũng không?

Đáp: Nếu không chúng sanh, pháp không chỗ dựa. Lại vô thường nên không có lúc ngưng trụ, không có lúc trụ, nên không thể biết được, cho nên pháp cũng không.

Hỏi: Trong pháp hữu vi, tướng thường là không thể có được, còn không thể có được ấy là chúng sanh không hay pháp không?

Đáp: Có người nói tâm ta điên đảo nên chấp ta là thường, cái thường ấy không, thì thuộc vào chúng sanh không.

Có người nói: cho tâm là thường, như Phạm thiên vương nói, tứ đại và tứ đại sở tạo sắc đều vô thường, còn tâm ý thức là thường. Cái thường ấy không, thì thuộc vào pháp không.

Hoặc có người nói: Năm uẩn tức là thường, như sắc uẩn tuy biến hóa mà cũng không diệt. Các uẩn khác cũng nói giống như tâm. Năm uẩn không tức là pháp không, cho nên thường không, cũng nhiếp vào pháp không.

Lại nữa, hữu vi pháp, vô vi pháp không, là hành giả quán thật tướng pháp hữu vi, pháp vô vi, không có tác giả, chỉ do nhân duyên hòa hợp nên có, đều là hư dối, ức tưởng phân biệt sanh, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, phàm phu điên đảo thấy nên có, còn trí giả đối pháp hữu vi không tìm được tướng nó, biết nó chỉ là tên giả. Lấy tên giả ấy mà dẫn đạo phàm phu, biết nó hư dối không thật, không sanh, không làm, tâm không dính mắc.

Lại nữa, các bậc hiền thánh không duyên pháp hữu vi mà được đạo quả, nhưng do quán pháp hữu vi không, nên đối với pháp hữu vi tâm không vướng buộc.

Lại nữa, lìa hữu vi thì không có vô vi. Vì sao? Vì thật tướng của hữu vi chính là vô vi; tướng vô vi thì chẳng phải hữu vi, chỉ vì chúng sanh điên đảo nên phân biệt nói.

Tướng hữu vi là sanh diệt trụ dị, tướng vô vi là chẳng sanh chẳng diệt chẳng trụ chẳng dị; ấy là cửa ban đầu để vào Phật pháp. Nếu pháp vô vi có tướng, thì đó là hữu vi. Hữu vi pháp sanh tướng là Tập đế, diệt tướng là Diệt đế. Nếu không tập thì không làm, nếu không làm thì không diệt; ấy là tướng như thật của vô vi pháp. Nếu ngộ được thật tướng các pháp thì không còn rơi trong tướng sanh, diệt, trụ, dị, khi ấy không thấy pháp hữu vi hợp với pháp vô vi, không thấy vô vi hợp với pháp hữu vi; không thủ tướng hữu vi pháp vô vi pháp; ấy là vô vi pháp. Vì sao? Vì nếu phân biệt hữu vi pháp vô vi pháp, thì đối với hữu vi vô vi bị chướng ngại. Nếu dứt hết các ức tưởng phân biệt, dứt các duyên, vì thật trí không có các duyên thì không đọa vào trong chúng sanh số, mà được Niết-bàn an ổn thường vui.

Hỏi: Năm không trước đều nói riêng, nay hữu vi vô vi không, cớ sao hợp lại nói?

Đáp: Pháp hữu vi vô vi đối đãi nhau mà có, nếu trừ hữu vi thì không vô vi, nếu trừ vô vi thì không hữu vi, hai pháp này thu nhiếp hết thảy pháp. Hành giả quán pháp hữu vi có nhược điểm là vô thường, khổ, không, biết pháp vô vi có chỗ lợi ích lớn rộng lớn, cho nên hai pháp hiệp lại nói.

Hỏi: Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh nên không, việc ấy có thể như vậy, còn vô vi pháp chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không thể phá không thể hoại, thường như hư không, cớ sao không?

Đáp: Như trước nói, nếu trừ hữu vi thì không có vô vi, thật tướng của hữu vi tức là vô vi, nếu như hữu vi không thì vô vi cũng không, vì hai sự chẳng khác nhau.

Lại nữa, có người nghe nói: pháp hữu vi có tội lỗi, mà ái trước pháp vô vi, vì ái trước nên sanh các kiết sử, như trong A-tỳ-đàm nói: Tám mươi chín sử (trong tám mươi chín sử mà tách ra – N.D) duyên pháp hữu vi mà phát sanh (là duyên Khổ, Tập, Đạo đế mà không ngộ, phát sanh lậu hoặc; gọi tắt là hữu vi duyên hoặc – N.D) sáu sử duyên pháp vô vi mà phát sanh (là duyên Diệt đế ma không ngộ, phát sanh lậu hoặc; gọi tắt là vô vi duyên hoặc – N.D), còn ba sử (nghi, tà kiến, vô minh – N.D) thì sẽ phân biệt; vô minh sử thuộc Dục giới do thấy Diệt đế được đoạn trừ, hoặc duyên pháp hữu vi mà phát sanh, hoặc duyên pháp vô vi mà phát sanh.

Thế nào là vô minh sử do duyên pháp hữu vi mà phát sanh? Đó là vô minh sử tương ưng với sử, do duyên pháp hữu vi mà phát sanh (tức cọng vô minh – N.D), được đoạn trừ bởi thấy được Diệt đế.

Thế nào là vô minh sử do duyên pháp vô vi phát sanh? Đó là vô minh sử không tương ưng (tức bất cọng vô minh – N.D), với sử do duyên pháp hữu vi mà phát sanh, được đoạn trừ bởi thấy được Diệt đế.

Vô minh sử thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng như vậy. Vì kiết sử ấy hay khởi lên nghiệp bất thiện, do nghiệp bất thiện nên đọa vào ba đường ác, vì thế nên nói vô vi pháp không.

Kiết sử duyên pháp vô vi mà phát sanh là nghi, tà kiến, vô minh.

Nghi là, đối với Niết-bàn nghi là có hay là không?

Tà kiến là, nếu sanh tâm nói rằng nhất định không có Niết-bàn. Vô minh tương ưng với nghi, tà kiến ấy cùng độc đầu vô minh hợp lại, là vô minh sử.

Hỏi: Nếu nói vô vi pháp không, thời khác gì với tà kiến?

Đáp: Người tà kiến không tin Niết-bàn, rồi sau sanh tâm nói nhất

định không có Niết-bàn, còn vô vi pháp không, là phá chấp thủ tướng Niết-bàn, thế là khác.

Lại nữa, nếu người bỏ hữu vi chấp trước vô vi, vì chấp trước nên vô vi liền thành hữu vi, vì vậy nên tuy phá vô vi mà chẳng phải tà kiến; ấy gọi là hữu vi vô vi không.

9. Tất cánh không: Lấy hữu vi không, vô vi không, phá các pháp không còn có sót thừa, ấy gọi là tất cánh không. Như lậu tận A-la-hán gọi là tất cánh thanh tịnh (rốt ráo thanh tịnh); A-na-hàm cho đến khi xa lìa dục sử của cõi vô sở hữu xứ, không gọi là tất cánh thanh tịnh, đây cũng như thế. Nội không, ngoại không, nội ngoại không, mười phương không, Đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, không còn sót pháp gì chẳng không, ấy gọi là tất cánh không.

Lại nữa, nếu người có quý tộc bảy đời, trăm ngàn vạn ức vô lượng đời mới gọi là tất cánh quý, chứ không phải một đời, hai đời, ba đời quý tộc là thật quý. Tất cánh không cũng như vậy. Từ xưa đến đây không một pháp nhân duyên sanh nào mà nhất định thật chẳng không.

Có người nói: Nay tuy không, mà lúc tối sơ chẳng không, như trời khởi thỉ tạo vật và minh sơ, vi trần. Nhưng nó thảy đều không. Vì sao? Vì quả (do trời, vi trần tạo ra) vô thường, nên nhân (trời, minh sô, vi trần – N.D) cũng vô thường; còn nếu như hư không không tác quả, cũng không tác nhân, trời và vi trần... cũng nên như vậy. Nếu trời và vi trần cũng thường như vậy, thì không thể sanh vô thường. Nếu quá khứ không có tướng nhất định, thì đời vị lai, hiện tại cũng như vậy. Trong ba đời không có một pháp nào nhất định thật chẳng không, ấy gọi là tất cánh không.

Hỏi: Nếu ba đời đều không, cho đến vi trần và một niệm cũng không có, thì là chỗ rất đáng sợ. Các người trí tuệ vì cái vui thiền định nên bỏ cái vui thế gian; vì cái vui Niết-bàn nên bỏ cái vui thiền định; nay trong tất cánh không, cho đến Niết-bàn cũng không có, vậy dựa pháp gì để bỏ cái vui Niết-bàn?

Đáp: Người chấp trước ta, tôi, quen lấy tướng một, khác, để phân biệt các pháp, người như vậy thì cho rốt ráo không là đáng sợ; như Phật nói chỗ rất kinh sợ của kẻ phàm phu đó là không ta, không của ta.

Lại nữa, pháp hữu vi có ba đời, vì là pháp hữu lậu nên sanh ái trước.

Niết-bàn là dứt hết thảy ái trước, cớ sao đối Niết-bàn còn cầu lìa bỏ?

Lại nữa, như Tỳ-kheo phá bốn giới trọng; ấy gọi là tất cánh phá giới, không bảo nhậm đắc đạo. Lại như làm tội ngũ nghịch, rốt ráo đóng

ba đường thiện; người thủ chứng Thanh văn thì rốt ráo không được làm Phật. Tất cánh không cũng như vậy, đối hết thảy pháp rốt ráo không, không còn thừa pháp nào.

Hỏi: Hết thảy pháp rốt ráo không, việc ấy không đúng. Vì sao? Vì ba đời mười phương các pháp, cho đến pháp tướng, pháp trụ, chắc phải có thật. Vì có một pháp thật, nên các pháp khác mới là hư vọng, nếu không có một pháp thật thì cũng không thể có các pháp hư vọng, là tất cánh không?

Đáp: Không có cho đến không một pháp thật. Vì sao? Vì nếu có cho đến một pháp thật, thì pháp ấy phải hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Nếu là hữu vi, thì đã phá trong đoạn hữu vi không. Nếu là vô vi, thì cũng đã phá trong đoạn vô vi không. Như vậy là thế gian, xuất thế gian. Nếu thế gian thì nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không đã phá; nếu xuất thế gian thì đệ nhất nghĩa không đã phá. Sắc pháp, vô sắc pháp, hữu lậu, vô lậu pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thảy pháp rốt ráo không ấy cũng không, không, không có pháp, nên cũng không có hư và thật đối đãi nhau.

Lại nữa, rốt ráo không là phá hết thảy pháp, khiến không còn sót lại, cho nên gọi là rốt ráo không; nếu có chút ít thừa lại thì không gọi là rốt ráo; nếu nói vì đối đãi nên có, việc ấy không đúng.

Hỏi: Các pháp chẳng phải không hết. Vì sao? Vì pháp do nhân duyên nên không, mà nhân duyên thì chẳng không, ví như nhân duyên kèo, cột, hòa hợp nên gọi là nhà, nhà không mà kèo cột cũng chẳng phải không?

Đáp: Nhân duyên cũng không, vì nhân duyên bất định; ví như cha con, do cha sanh nên gọi là con, do sanh con nên gọi là cha.

Lại nữa, nhân duyên tối hậu, không chỗ nương tựa; như các loại núi, sông, cây cỏ chúng sanh đều nương tựa đất, đất nương tựa nước, nước nương tựa gió, gió nương tựa hư không, hư không không chỗ nương dựa. Nếu gốc không chỗ nương dựa, thì ngọn không chỗ nương dựa, vì vậy nên biết hết thảy rốt ráo không.

Hỏi: Không phải. Các pháp phải có cội gốc, như thần thông có chỗ biến hóa, vật hóa ra tuy hư dối, mà hóa chủ chẳng không?

Đáp: Người phàm phu thấy vật biến hóa ra không trụ lâu cho là không, hóa chủ trụ lâu nên cho là thật; còn thánh nhân thấy hóa chủ lại từ nghiệp nhân duyên đời trước hòa hợp sanh ra, đời nay lại chứa các thiện pháp, được lực thần thông, cho nên hay biến hóa. Như trong phẩm sau của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Có ba loại biến hóa là phiền não

biến hóa, nghiệp biến hóa, pháp biến hóa (pháp, pháp thân); cho nên biết hóa chủ cũng không.

Hỏi: Những thứ không bền chắc, không thật, cho nên không, còn các thứ bền chắc và thật chẳng thể không; như đại địa, núi Tu-di, nước biển cả, mặt trời mặt trăng, Kim cang... là pháp thật, bền chắc, cho nên chẳng phải không. Vì cớ sao? Vì đất và núi Tu-di thường trụ trọn kiếp, các sông có khô, biển vẫn thường đầy, mặt trời mặt trăng quanh bầu trời không bao giờ cùng. Lại như phàm phu thấy hư vọng không thật cho nên không, còn thánh nhân chứng đắc như như, pháp tánh, chân tế, Niết-bàn, phải là thật pháp, cớ sao nói rốt ráo đều không?

Lại nữa, pháp hữu vi do nhân duyên sanh nên không thật, còn pháp vô vi không do nhân duyên sanh nên phải thật, cớ sao lại nói là rốt ráo không?

Đáp: Bền chắc, không bền chắc, vì không nhất định, cho nên đều không. Vì cớ sao? Vì có người cho đó là bền chắc, lại có người cho đó là không bền chắc; như người cho Kim cang là bền chắc, còn Đế-thích tay cầm như người cầm gậy, không cho là bền chắc. Lại không biết nhân duyên phá hoại Kim cang nên cho Kim cang là bền chắc, nếu biết đặt nó trên xương rùa, lấy sừng dê núi đánh phá, thì biết nó không bền chắc; như thân cao bảy thước cho biển lớn là sâu, còn chúa La-hầu A-tu-la đứng giữa biển nước chưa đến đầu gối, lấy hai tay che núi Tu-di, cúi xuống xem thành Thiện kiến ở cõi trời Đao-lợi, thì cho nước biển là cạn. Nếu người đoản thọ thì cho quả đất là trường cửu bền chắc, còn người trường thọ thì thấy quả đất vô thường chẳng bền chắc. Như Phật nói kinh Ví dụ bảy mặt trời: Phật bảo các Tỳ-kheo, hết thảy pháp hữu vi, vô thường biến dị, đều trở về tiêu diệt. Lúc kiếp sắp hết, đại hạn lâu ngày, cỏ thuốc cây cối đều khô cháy. Khi mặt trời thứ hai xuất hiện, nước các sông nhỏ đều khô hết. Khi mặt trời thứ ba xuất hiện, nước các sông lớn đều khô hết. Khi mặt trời thứ tư xuất hiện, bốn sông lớn trong cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ - N.D) và ao A-na-bà-đạt-đa đều khô hết. Khi mặt trời thứ năm xuất hiện, biển lớn khô hết; khi mặt trời thứ sáu xuất hiện đại địa và núi Tu-di khói bốc, như lò đốt của thợ gốm; khi mặt trời thứ bảy xuất hiện, tất cả đều cháy tiêu, không còn hôi khói; từ quả đất, núi Tu-di đến cõi Phạm thiên lửa đều bốc cháy. Bấy giờ, trời Quang Âm mới sanh, thấy lửa sợ hãi nói: "Đã đốt Phạm cung, sắp không đến đây ư?" Các trời sanh ra trước ủy dụ các trời sanh ra sau rằng: "Đã từng có như vậy, đốt ngang Phạm cung rồi tắt ở đó không đến đây đâu! Đốt ba ngàn đại thiên thế giới xong, không còn tro than.

Phật dạy các Tỳ-kheo: Việc lớn như vậy, ai tin điều đó? Chỉ có tận mắt thấy, mới tin được thôi.

Lại này Tỳ-kheo, thời quá khứ, thầy ngoại đạo tên Tu-niết-đa-la, lìa dục, thực hành bốn phạm hạnh, vô lượng đệ tử cũng được lìa dục. Tu-niết-đa-la mới nghĩ rằng: Ta không nên cùng đệ tử sanh chung một chỗ, ta sẽ tu sâu tâm từ. Người này do tư duy sâu tâm từ, nên được sanh lên cõi trời Quang âm. Phật dạy: Tu-niết-đa-la chính là thân Ta vậy. Ta lúc ấy chính mắt thấy việc ấy. Vì vậy nên biết vật thật bền chắc đều trở về tiêu diệt.

Hỏi: Ông nói rốt ráo không, cớ sao còn nói vô thường? Rốt ráo không thì ngay đây chính là không, còn vô thường thì nay có sau không?

Đáp: Vô thường là cửa ban đầu của không. Nếu rõ thấu vô thường thì các pháp là không. Vì vậy nên thánh nhân dùng bốn hành tướng để quán thế gian vô thường. Nếu thấy vật ái trước vô thường, vô thường thì sanh khổ, khổ nên tâm sanh nhàm chán xa lìa. Nếu là vô thường, không, thì không thể chấp thủ, như huyễn như hóa, ấy gọi là không. Ngoại vật đã không, nội chủ cũng không, ấy gọi là vô ngã.

Lại nữa, rốt ráo, ấy là chân không. Có hai hạng chúng sanh: 1. Tập tham ái nhiều. 2. Tập tưởng kiến nhiều. Người tham ái nhiều ưa sanh đắm trước. Vì vật đắm trước ấy vô thường cho nên sanh ưu khổ. Vì hạng người ấy nên nói: Vật ông đắm trước là vô thường hư hoại, nên ông vì nó mà sanh khổ, nếu vật đắm trước sanh khổ thì không nên sanh tâm đắm trước, ấy là cửa vô tác giải thốt.

Người tưởng kiến nhiều thì hay phân biệt các pháp, vì không biết thật tướng nên đắm trước tà kiến. Vì hạng người ấy nên nói thẳng các pháp rốt ráo không.

Lại nữa, nếu có nói, là có thể phá, có thể phá nên không. Đối tượng thấy đã không, chủ thể thấy cũng không; ấy gọi là rốt ráo không. Ông nói pháp của thánh nhân chứng đắc phải là thật, vì pháp thánh nhân có thể diệt ba độc, chẳng phải điên đảo hư dối, có thể làm cho chúng sanh lìa khổ già, bệnh, chết, đạt đến Niết-bàn. Pháp ấy tuy là thật, cũng đều từ nhân duyên hòa hợp sanh. Nên trước không nay có, nay có sau không, nên không thể lãnh thọ, không thể chấp trước, cũng rỗng không, chẳng phải thật. Như Phật nói kinh ví dụ chiếc bè: "Thiện pháp còn phải bỏ, huống chi pháp bất thiện?"

Lại nữa, pháp hữu vi vô lậu (chỉ Đạo đế - N.D) của thánh nhân, từ pháp hữu lậu làm duyên sanh, pháp duyên theo hữu lậu pháp hư vọng không thật sanh ra, làm sao thật được? Lìa pháp hữu vi không có

pháp vô vi, như trước nói: Thật tướng của pháp hữu vi chính là pháp vô vi. Vì vậy, hết thảy pháp rốt ráo không thể có được, nên gọi là rốt ráo không.

10. Vô thỉ không: Hoặc chúng sanh, hoặc pháp thế gian đều không có ban đầu; như đời nay từ nhân duyên đời trước mà có, đời trước lại từ đời trước nữa; như vậy triển chuyển không có chúng sanh ban đầu. Pháp cũng như vậy. Vì sao? Vì nếu trước sanh sau chết, thì không từ chết nên sanh, sanh cũng không chết; nếu trước chết sau sanh, thì không nhân không duyên, cũng không sanh mà có chết. Vì vậy nên hết thảy pháp không có ban đầu. Như trong Kinh nói: Phật dạy các Tỳ-kheo, chúng sanh không có ban đầu, do vô minh che lấp, ái ràng buộc nên qua lại sống chết, ban đầu không thể có được. Phá pháp không ban đầu ấy, nên gọi là vô thỉ không.

Hỏi: Vô thỉ là thật, không nên phá. Vì sao? Vì nếu chúng sanh và pháp có ban đầu tức bị rơi vào biên kiến, cũng rơi vào vô nhân kiến (chấp không có nguyên nhân – Vô nhân luận – N.D). Xa lìa các lỗi, như vậy, cho nên nói chúng sanh và pháp vô thỉ. Nay lấy vô thỉ không, để phá vô thỉ ấy, thì trở lại rơi vào hữu thỉ kiến?

Đáp: Nay lấy vô thỉ không phá vô thỉ kiến, lại không rơi vào hữu thỉ kiến; ví như cứu người ra khỏi lửa, không nên để vào nước sâu. Nay phá vô thỉ ấy cũng không đắm vào trong hữu thỉ; ấy là hành trung đạo.

Hỏi: Tại sao phá vô thỉ?

Đáp: Vì vô cùng. Nếu vô cùng thì không sau. Vô cùng không sau thì không giữa. Nếu vô thỉ thì phá hoại người Nhất thiết trí. Vì cớ sao? Vì nếu thế gian vô cùng, thì không biết được ban đầu của nó, không biết được ban đầu, thì không có người Nhất thiết trí. Nếu có người Nhất thiết trí, thì chẳng gọi vô thỉ.

Lại nữa, nếu chấp thủ tướng chúng sanh, lại chấp thủ các pháp tướng một, tướng khác, lấy tướng một tướng khác ấy, từ đời nay suy lên đời trước, từ đời trước lại suy lên đời trước nữa, như vậy triển chuyển, chúng sanh và pháp ban đầu không thể có được, thì sanh ra kiến chấp về vô thỉ, kiến chấp ấy hư vọng, lấy một và khác làm gốc, thế nên nên phá. Như lấy hữu vi không, phá hữu vi pháp, hữu vi không ấy, trở lại là bệnh, lại lấy vô vi không, phá vô vi pháp. Nay lấy vô thỉ phá hữu thỉ, vô thỉ trở lại là bệnh, lại lấy vô thỉ không, phá vô thỉ ấy; ấy gọi là vô thỉ không.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao Phật nói chúng sanh qua lại sống chết mà bản tế không thể có được?

Đáp: Muốn khiến chúng sanh biết từ lâu xa lại đây, qua lại sống

chết là rất khổ, mà sanh tâm nhàm sợ. Như Kinh nói: Một người ở thế gian, kể trong một kiếp thọ thân bị hại, máu dồn chứa nhiều hơn nước biển, khóc lóc rơi lệ và sữa mẹ cho uống cũng đều như vậy. Xương chất cao hơn núi Tỳ-phù-la, ví dụ cắt cỏ cây trong thiên hạ làm cái thẻ dài hai tấc để đếm số cha, ông, tằng tổ vẫn không đếm hết. Lại như lấy hết đất làm từng viên, đếm số mẹ, bà nội cũng không đếm hết. Như vậy chịu sống chết khổ não trong vô lượng kiếp, ban đầu không thể có được, tâm sanh sợ hãi, mà dứt các kiết sử.

Cũng như vô thường, tuy là có biên giới mà Phật dùng vô thường để độ chúng sanh. Vô thỉ cũng như vậy, tuy là có biên giới, Phật cũng dùng vô thỉ để độ chúng sanh. Vì độ chúng sanh khiến sanh tâm nhàm chán, nên nói có vô thỉ, chẳng phải là thật có vô thỉ. Vì cớ sao? Vì nếu thật có vô thỉ thì không nên nói vô thỉ không.

Hỏi: Nếu vô thỉ chẳng phải thật pháp, cớ sao dùng nó độ người?

Đáp: Trong thật pháp không có độ người. Các pháp được nói bằng ngôn ngữ độ người, đều là pháp hữu vi hư dối. Phật dùng lực phương tiện nói là vô thỉ, vì lấy tâm không chấp trước mà nói, nên người lãnh thọ cũng được không chấp trước; không chấp trước, nên sanh nhàm chán.

Lại nữa, dùng trí túc mạng thấy chúng sanh sống chết tương tục vô cùng, lúc ấy là thật; còn nếu dùng mắt tuệ thì lại thấy chúng sanh và pháp rốt ráo không; vì vậy nên nói vô thỉ không. Như trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Quán thường chẳng thật, quán vô thường cũng chẳng thật; quán khổ chẳng thật, quán vui cũng chẳng thật. Nhưng Phật bảo thường và vui là điên đảo, vô thường và khổ là đế lý, bởi vì chúng sanh phần nhiều đắm trước thường và vui, không đắm trước vô thường và khổ; vì vậy lấy đế lý vô thường và khổ phá điên đảo thường vui. Vậy nên nói vô thường, khổ là đế lý. Nếu chúng sanh lại đắm trước vô thường, khổ, thì Phật nói vô thường, khổ cũng không; hữu thỉ vô thỉ cũng như vậy. Vô thỉ có thể phá điên đảo chấp trước thỉ, nếu chấp trước vô thỉ thì lại cho vô thỉ là không; ấy gọi là vô thỉ không.

Hỏi: Pháp hữu thỉ cũng là tà kiến nên phải phá; cớ sao chỉ phá vô thỉ?

Đáp: Hữu thỉ là quá lầm. Vì cớ sao? Vì nếu hữu thỉ thì thân ban đầu không có nhân duyên của tội phước mà lại sanh chỗ lành chỗ dữ. Nếu từ nhân duyên của tội phước mà sanh ra, thì không gọi là thân ban đầu. Vì sao? Vì nếu có tội phước thì từ thân trước thọ thân sau; nếu thế gian vô thỉ, thì không có lỗi như vậy. Thế nên Bồ-tát trước đã lìa bỏ tà kiến thô ác ấy; thường tập dùng vô thỉ nghĩ tới chúng sanh nên nói vô thỉ; thường

thực hành pháp nhân duyên nên nói pháp vô thỉ; vì chưa được Nhất thiết trí, nên hoặc đối với vô thỉ bị sai lầm; vì vậy nên nói vô thỉ không.

Lại nữa, vô thỉ đã phá hữu thỉ, không cần lấy không phá hữu thỉ, còn nay muốn phá vô thỉ, nên nói vô thỉ không.

Hỏi: Nếu vô thỉ phá hữu thỉ, thì hữu thỉ cũng có thể phá vô thỉ, cớ sao ông chỉ lấy không phá vô thỉ?

Đáp: Hai cái đó đều là tà kiến, mà có sai khác. Hữu thỉ là nhân duyên khởi lên các tà kiến phiền não, vô thỉ thì là nhân duyên khởi lên từ bi và chánh kiến. Vì cớ sao? Vì nghĩ tới chúng sanh thọ khổ não từ đời vô thỉ mà khởi tâm từ bi, biết từ thân lần lữa sanh thân, tiếp nối không dứt, bèn biết quả báo tội phước nên sanh chánh kiến. Nếu người không chấp trước vô thỉ, thì tức là thiện pháp trợ đạo; nếu thủ tướng sanh đắm trước, thì tức là tà kiến, như thường kiến, vô thường kiến. Hữu thỉ kiến tuy phá vô thỉ kiến, nhưng không thể rốt ráo phá vô thỉ, mà vô thỉ có thể rốt ráo phá hữu thỉ, cho nên vô thỉ là thắng; như thiện phá bất thiện, bất thiện phá thiện, tuy phá lẫn nhau, mà thiện có thể rốt ráo phá ác, như khi chứng được hiền thánh đạo, vĩnh viễn không còn làm ác. Ác pháp thì không thế, vì thế lực nhỏ mỏng; như người tuy khởi tội ngũ nghịch, dứt thiện căn, đọa địa ngục, nhân duyên lâu không quá một kiếp được thốt khỏi địa ngục, cuối cùng thành đạo quả. Vô thỉ, hữu thỉ hơn kém không đồng cũng như vậy. Vì lực vô thỉ lớn, nên hay phá hữu thỉ, vì vậy không nói hữu thỉ không.

11. Tán không: Tán là tướng lìa biệt, như các pháp hòa hợp nên có, như xe do thùng, gọng, tăm, vành, hợp lại thành, nếu lìa rời mỗi cái mỗi nơi, thì mất tên xe; do năm uẩn hòa hợp nên gọi là người, nếu năm uẩn lìa biệt, thời người chẳng có được.

Hỏi: Nói như vậy chỉ phá giả danh mà không phá sắc, cũng như lìa tán, gọng, thùng thì có thể phá tên xe, chứ không phá gọng, thùng. Tán không cũng như vậy, chỉ lìa tán năm uẩn, có thể phá người, mà không phá năm uẩn sắc...?

Đáp: Sắc... cũng là giả danh đều bị phá. Vì sao? Vì do vi trần hòa hợp giả danh là sắc?

Hỏi: Tôi không lấy vi trần, chỉ lấy cái thấy được là sắc, ấy thật là có, cớ sao khi nó phân tán ra là không?

Đáp: Nếu trừ vi trần, tứ đại hòa hợp làm nhân duyên sanh ra sắc có thể thấy, cũng là giả danh, như gió bốn phương hòa hợp quạt nước làm nổi bọt, tứ đại hòa hợp thành sắc cũng như vậy, nếu ly tán tứ đại thì không có sắc.

Lại nữa, sắc ấy do hương, vị, xúc và bốn đại hòa hợp, cho nên có sắc có thể thấy; nếu trừ hương, vị, xúc... không còn có sắc riêng, lấy trí phân biệt, mỗi mỗi ly tán, sắc không thể có được. Nếu sắc thật có thì bỏ các pháp ấy, nên riêng có sắc, nhưng lại không riêng có, cho nên Kinh nói: Sắc có đều do tứ đại hòa hợp mà có, hòa hợp có nên đều là giả danh, giả danh nên có thể ly tán.

Hỏi: Sắc uẩn giả danh nên có ly tán, còn bốn uẩn kia không sắc, cớ sao ly tán?

Đáp: Bốn uẩn cũng là giả danh, vì quán thấy sanh, già, trụ, diệt, ly tán trở thành không. Vì sao? Vì khi sanh khác, khi già khác, khi trụ khác, khi diệt khác.

Lại nữa, trong ba đời quán thấy bốn uẩn ấy cũng đều tán diệt. Lại nữa, tâm theo cảnh sở duyên, duyên diệt thì diệt, duyên phá thì phá.

Lại nữa, bốn uẩn ấy bất định, tùy duyên sanh, ví như lửa tùy ở chỗ đốt mà gọi tên; nếu lìa chỗ đốt thì lửa không thể có được. Nhân mắt duyên sắc sanh nhãn thức, nếu lìa sắc sở duyên thì thức không thể có được. Các căn thức khác cũng như vậy, như trong Kinh nói: Phật bảo La-đà, sắc uẩn ấy phá hoại tán diệt làm cho không có gì, bốn uẩn kia cũng như vậy; ấy gọi là tán không.

Lại nữa, thí như trẻ con nhóm đất làm lâu đài, thành quách, xóm làng, nhà cửa, hoặc gọi là gạo, là bún, ưa đắm thủ hộ, sớm tối đem theo, khi tâm nói lìa bỏ thì đạp phá tán diệt. Người phàm phu cũng như vậy; vì chưa lìa dục, sanh tâm ưa đắm các pháp; nếu đã lìa dục thì thấy các pháp đều tán hoại vứt bỏ; ấy gọi là tán không.

Lại nữa, vì các pháp tập hợp, có tên gọi riêng; người phàm phu chạy theo tên gọi, sanh tâm điên đảo nhiễm trước. Phật thuyết pháp dạy quán sự thật của nó. chớ chạy theo tên gọi, có và không đều không; như kinh Ca-chiên-diên nói: quán Tập đế thì không vô kiến, quán Diệt đế thì không hữu kiến; các nhân duyên như vậy, ấy gọi là tán không.

12. Tánh không: Các pháp tánh thường không, nhờ tương tục nên in tuồng chẳng không; ví như nước tánh vốn lạnh, nhờ lửa nên nóng; ngưng lửa lâu thì nước trở lại lạnh. Các pháp tánh cũng như vậy; khi chưa sanh, rỗng không không có gì; như nước tánh thường lạnh, các pháp nhờ các duyên hòa hợp nên có; như nước được lửa thành nóng. Các duyên hoặc ít hoặc không có, thì không có pháp; như lửa tắt thì nước nóng thành lạnh; như Kinh nói, con mắt rỗng không, không có ngã, không có ngã sở. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc cho đến pháp, cũng đều như vậy.

Hỏi: Kinh ấy nói ngã, ngã sở không, ấy là nói chúng sanh không không phải nói pháp không, làm sao chứng minh tánh không?

Đáp: Trong ấy, chỉ nói tánh không, không nói chúng sanh không và pháp không. Tánh không có hai:

1. Trong mười hai nhập không ta, không của ta.

2. Tướng mười hai nhập tự không; còn không ta, không của ta, là trong luận Thanh văn nói.

Trong pháp Đại thừa nói: Chính mười hai nhập, ta, của ta không có nên không, mười hai nhập, tánh không có, nên không.

Lại nữa, nếu không có ta, không của ta thì tự nhiên được pháp không. Vì người ta chấp trước ta, của ta nên Phật chỉ nói không ta, không của ta. Như vậy, phải nên biết hết thảy pháp không. Nếu ta, của ta còn không chấp trước, huống chi pháp khác. Vì vậy, chúng sanh không, pháp không, cuối cùng quy về một nghĩa, gọi là tánh không.

Lại nữa, tánh là tự có, không nhờ nhân duyên, nếu nhờ nhân duyên thì là pháp có tạo tác, không gọi là tánh. Trong các pháp đều vô tánh. Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều từ nhân duyên sanh, nhân duyên sanh thì pháp có tạo tác; nếu không từ nhân duyên hòa hợp sanh, thì là không pháp. Như vậy hết thảy pháp, tánh không thể có được, nên gọi là tánh không.

Hỏi: Rốt ráo không, không có gì, thì ấy là tánh không; sao nay còn nói lại?

Đáp: Rốt ráo không là không có gì sót lại, còn tánh không là xưa nay thường như vậy; như nước tánh vốn lạnh, nhờ lửa nên nóng; ngưng lửa thì trở lại lạnh. Rốt ráo không như hư không, thường chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, cớ sao nói đồng!

Lại nữa, các pháp rốt ráo không. Vì sao? Vì tánh nó không thể có được. Các pháp tánh không. Vì sao? Vì rốt ráo không.

Lại nữa, tánh không, phần nhiều là Bồ-tát hành trì; còn rốt ráo không, phần nhiều là chư Phật hành trì. Vì sao? Vì trong tánh không chỉ có nhân duyên hòa hợp, không có thật tánh; còn rốt ráo không thì ba đời thanh tịnh, có sai khác như vậy.

Lại nữa, hết thảy pháp tánh có hai: 1. Là tánh chung. 2. Là tánh riêng. Tánh chung là vô thường, khổ, không, vô ngã, vô sanh, vô diệt, vô lai, vô khứ, vô nhập, vô xuất.... Tánh riêng là như lửa tánh nóng, nước tánh ướt, tâm là tánh biết; như người ưa làm ác, nên gọi là tánh ác; ưa làm thiện nên gọi là tánh thiện; như trong kinh Thập Lực nói: Phật biết các chủng tánh của thế gian. Các tánh như vậy đều không; ấy gọi là tánh

không. Vì sao? Vì nếu tánh vô thường là thật, thì mất nghiệp quả báo. Vì sao? Vì sanh diệt qua đi không trụ lại, nên sáu căn không lãnh thọ sáu trần, cũng không chứa tập nhân duyên, nếu không chứa tập thì không tụng kinh, tọa thiền... vì vậy, biết tánh vô thường là không thể có được. Vô thường còn không thể có được, huống chi thường.

Lại nữa, tánh khổ cũng không thể có được, nếu thật có khổ, thì không nên sanh tâm nhiễm đắm. Nếu người chán sợ khổ thống, thì trong các thứ vui cũng nên chán sợ, và Phật cũng không nên nói ba thọ: khổ, vui, không khổ không vui; cũng không nên đối khổ sanh giận, đối vui sanh ưa, đối không khổ không vui sanh si. Nếu một tướng thì đối vui nên sanh giận, đối khổ nên sanh ưa, những việc ấy không đúng. Như vậy, tánh khổ còn không thể có được, huống chi tánh vui hư vọng, mà lại có thể được.

Lại nữa, tướng không cũng không thể có được. Vì sao? Vì nếu có tướng không thì không có tội phước, tội phước không có nên cũng không có đời nay đời sau.

Lại nữa, các pháp đối đãi nhau có. Vì sao? Vì nếu có không phải nên có thật, nếu có thật phải nên có không. Tánh không còn không huống là có thật.

Lại nữa, nếu không ta thì không trói không mở, cũng không từ đời này đến đời sau chịu tội phước, cũng không có nghiệp nhân duyên quả báo, do các nhân duyên như vậy, biết tánh vô ngã còn không thể có được, huống là tánh ngã.

Lại nữa, tánh vô sanh vô diệt cũng chẳng thật. Vì sao? Vì nếu thật thì rơi vào thường kiến, nếu hết thảy pháp thường, thì không tội không phước. Nếu có thì thường có, không thì thường không; nếu không thì không sanh, có thì không mất, như tánh bất sanh bất diệt không thể có được huống là tánh sanh diệt. Các tánh chung không đi không lại, không ra không vào, cũng như vậy.

Lại nữa, các pháp có tánh riêng cũng không phải. Vì sao? Ví như lửa hay đốt, sắc màu hay chiếu sáng, hai thứ hòa hợp, nên gọi là lửa; nếu lìa hai thứ mà có lửa thì lý đáng riêng sở dụng, song thật không có sở dụng riêng. Vì vậy nên biết lửa là giả danh, cũng không có thật. Nếu thật không lửa, cớ sao nói nóng là tánh của lửa.

Lại nữa, tánh nóng từ các nhân duyên sanh, trong có thân căn, ngoài có sắc xúc chạm, hòa hợp sanh thân thức, biết có nóng, nếu khi chưa hòa hợp, thì không có tánh nóng. Vì vậy nên biết nóng chẳng phải tánh lửa. Lại nữa, nếu lửa thật có tánh nóng, cớ sao có người vào lửa không cháy,

và lửa trong thân người sao không đốt thân? Lửa giữa không, nước không làm tắt được? Vì lửa không có tánh nóng nhất định. Do lực thần thông lửa không đốt thân được. Do nhân duyên của nghiệp mà năm tạng trong người không cháy. Do lực rồng thần, nước không làm tắt được.

Lại nữa, nếu tánh nóng với lửa khác nhau thì lửa chẳng phải nóng, nếu tánh nóng với lửa là một, cớ sao nói nóng là tánh của lửa? Các tánh lạnh... cũng như vậy. Tánh chung, tánh riêng ấy không có, gọi là tánh không.

Lại nữa, tánh không là từ xưa lại nay không; như người thế gian cho vật hư vọng không lâu bền là không; còn các vật như núi Tu-di, Kim cang... và điều thánh nhân biết thì cho là chân thật chẳng không. Để dứt các nghi ấy, Phật nói các thứ ấy tuy kiên cố bền chắc lâu dài, cũng đều là tánh không. Trí tuệ của thánh nhân tuy độ chúng sanh, dứt các phiền não, mà tánh không thể có được, cho nên cũng là không.

Lại nữa, người ta cho Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, đều không, chỉ như như, pháp tánh, thật tế là thật tánh của nó. Phật muốn dứt các nghi ấy, nên chỉ phân biệt nói năm uẩn, như như, pháp tánh, thật tế cũng đều là không, ấy gọi là tánh không.

Lại nữa, tánh hữu vi có ba tướng là sanh, trụ, diệt; tánh vô vi cũng có ba tướng là bất sanh, bất trụ, bất diệt. Tánh hữu vi còn không huống là pháp hữu vi. Tánh vô vi còn không huống là pháp vô vi.

Do các nhân duyên ấy, tánh không thể có được, nên gọi là tánh không.

13. Tự tướng không: Hết thảy có hai tướng: tướng chung và tướng riêng. Hai tướng ấy không, cho nên gọi là tướng không.

Hỏi: Thế nào là tướng chung? Thế nào là tướng riêng?

Đáp: Tướng chung là vô thường... Tướng riêng là các pháp tuy đều vô thường mà mỗi pháp có tướng riêng; như đất có tướng cứng, lửa có tướng nóng.

Hỏi: Trước đã nói tánh nay lại nói tướng, vậy tướng và tánh có khác gì nhau?

Đáp: Có người nói nó thật không khác, chỉ có khác tên. Nói tánh tức là nói tướng, nói tướng tức là nói tánh, ví như nói tánh lửa tức là tướng nóng, nói tướng nóng tức là tánh lửa.

Có người nói: tánh và tướng có hôi sai khác. Tánh là nói thể, tướng là nói nó có thể biết được. Như Thích-tử thọ trì cấm giới, ấy là tánh; cạo tóc, mặc Ca-sa, ấy là tướng. Kẻ Phạm-chí tự thọ trì pháp của họ là tánh; đầu có búi tóc, cầm gậy ba chĩa, ấy là tướng. Như lửa nóng là tánh lửa;

khói là tướng lửa; gần là tánh, xa là tướng. Tướng không nhất định từ thân phát ra, còn tánh là nói có thật; như thấy sắc vàng là kim tướng, mà bên trong là đồng, lấy lửa đốt, đá mài, biết nó chẳng phải kim tánh; như người khi cung kính cúng dường, tợ là người lành, ấy là tướng; còn mắng nhiếc hủy nhục, phẫn hận, giận dữ, ấy là tánh nó. Tánh tướng, trong ngoài, xa gần, trước sau có sai biệt như vậy, các tướng ấy đều không; gọi là tướng không.

Như nói hết thảy pháp hữu vi đều là tướng vô thường. Vì cớ sao? Vì sanh diệt không ngừng, trước không nay có, có rồi lại không, vì thuộc các nhân duyên, vì hư vọng không thật. Vì do nhân duyên vô thường sanh, vì do hợp các duyên phát khởi, có các nhân duyên như vậy, nên hết thảy pháp hữu vi là tướng vô thường.

Vì nó hay sanh thân tâm phiền não nên gọi là khổ, vì thân đi, đứng, nằm, ngồi đều khổ, vì là khổ thánh đế, vì thánh nhân buông bỏ không lãnh thọ, vì luôn luôn bức não, vì vô thường. Có các nhân duyên như vậy, gọi là tướng khổ.

Lìa ngã sở cho nên không; vì nhân duyên hòa hợp sanh cho nên không; vì vô thường, khổ, không, vô ngã cho nên gọi là không; vì trước sau không thể có được cho nên không; vì tâm cuồng cho nên gọi là không; thánh hiền đối với hết thảy pháp không dính mắc cho nên gọi là không; vì là vô tướng, vô tác giải thốt môn cho nên gọi là không, thật tướng các pháp vô lượng vô số cho nên gọi là không; vì dứt hết thảy đường ngôn ngữ cho nên gọi là không; vì dứt hết thảy tâm hành cho nên gọi là không; vì chư Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán vào rồi không ra cho nên gọi là không. Có các nhân duyên như vậy, nên gọi là không.

Vì vô thường, khổ, không, cho nên vô ngã; vì không tự tại nên vô ngã; vì vô chủ nên vô ngã; vì các pháp đều từ nhân duyên sanh, từ nhân duyên sanh nên vô ngã; vô tướng, vô tác nên vô ngã; vì giả danh nên vô ngã; vì thân kiến điên đảo nên vô ngã; vì dứt tâm chấp ngã thì đắc đạo nên vô ngã. Có nhân duyên như vậy, gọi là Vô ngã. Như vậy gọi là tướng chung.

Tướng riêng là tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa, tướng động của gió; chỗ nhãn thức nương là tướng mắt; tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Tướng biết của thức, tướng tuệ của trí, tướng trí của tuệ; xả là tướng bố thí, không hối không não là tướng trì giới; tâm không biến dị là tướng nhẫn nhục; phát động là tướng tinh tấn; nhiếp tâm là tướng thiền định; không dính mắc là tướng trí tuệ; hay thành tựu sự việc là tướng phương tiện; thức tạo tác sanh diệt là

tướng thế gian; vô thức là tướng Niết-bàn. Các pháp như vậy mỗi mỗi có tướng riêng. Biết các tướng ấy đều không; ấy gọi là tự tướng không. Các nghĩa khác như trong đoạn Tánh không nói, vì tánh và tướng nghĩa đồng nhau.

Hỏi: Cớ sao không chỉ nói là tướng không mà nói là tự tướng không?

Đáp: Nếu nói tướng không là không nói đến pháp thể không; nói tự tướng không tức là nói pháp thể không.

Lại nữa, nhiều pháp hòa hợp nên có một pháp sanh là một pháp không. Như vậy mỗi mỗi pháp đều không, nay pháp hòa hợp nhân duyên, triển chuyển cũng đều không, hết thảy pháp mỗi mỗi tự tướng không; vì vậy nên gọi là tự tướng không.

Hỏi: Nếu hết thảy pháp mỗi mỗi tự tướng không, cớ sao lại có sự giảng nói?

Đáp: Chúng sanh điên đảo nên chấp lấy tướng một, tướng khác, tướng chung, tướng riêng, mà sanh tâm đắm trước, vì để dứt việc ấy nên có sự giảng nói.

Có các nhân duyên như vậy, gọi là tự tướng không.

14. Nhất thiết pháp không: Nhất thiết pháp là Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới... các pháp ấy đều nhiếp vào các môn; đó là hết thảy pháp tướng có: tướng biết, tướng thức, tướng duyên, tướng tăng thượng, tướng nhân, tướng quả, tướng chung, tướng riêng, tướng nương tựa.

Hỏi: Thế nào là hết thảy pháp tướng có?

Đáp: Hết thảy pháp có tốt có xấu, có trong có ngoài, đối hết thảy pháp có tâm sanh, nên gọi là có.

Hỏi: Trong vô pháp cớ sao nói có tướng?

Đáp: Nếu vô pháp thì không gọi là pháp, chỉ vì ngăn có cho nên gọi là vô pháp, còn nếu thật có vô pháp, thì gọi là có; vì vậy nói hết thảy pháp có tướng.

Tướng biết là, khổ pháp trí, khổ loại trí hay biết Khổ đế; tập pháp trí, tập loại trí hay biết Tập đế; diệt pháp trí, diệt loại trí hay biết Diệt đế; đạo pháp trí, đạo loại trí hay biết Đạo đế. Và thiện trí thế tục hay biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo; cũng biết hư không và phi trí duyên biệt (tức là hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi N.D); ấy gọi là tướng biết của hết thảy pháp.

Tướng thức (biết) là, nhãn thức biết sắc, nhó thức biết tiếng, tỷ thức biết mùi, thiệt thức biết vị, thân thức biết xúc, ý thức biết pháp. Hay biết mắt,

hay biết sắc, hay biết nhãn thức; hay biết tai, hay biết tiếng, hay biết nhó thức; hay biết mũi, hay biết mùi, hay biết tỷ thức; hay biết lưỡi, hay biết vị, hay biết thiệt thức; hay biết thân, hay biết xúc, hay biết thân thức; hay biết ý, hay biết pháp, hay biết ý thức, ấy gọi là tướng thức.

Tướng duyên là, nhãn thức và pháp tương ưng với nhãn thức hay duyên sắc; nhĩ thức và pháp tương ưng với nhĩ thức hay duyên tiếng; tỷ thức và pháp tương ưng với tỷ thức hay duyên hương; thiệt thức và pháp tương ưng với thiệt thức hay duyên vị, thân thức và pháp tương ưng với thân thức hay duyên xúc; ý thức và pháp tương ưng với ý thức hay duyên pháp. Hay duyên nhãn, hay duyên sắc, hay duyên nhãn thức; hay duyên tai, hay duyên tiếng, hay duyên nhó thức; hay duyên tỷ, hay duyên mũi, hay duyên tỷ thức; hay duyên thiệt, hay duyên vị, hay duyên thiệt thức; hay duyên thân, hay duyên xúc, hay duyên thân thức; hay duyên ý, hay duyên pháp, hay duyên ý thức, ấy gọi là tướng duyên.

Tướng tăng thượng là, hết thảy pháp hữu vi vì mỗi mỗi tăng thượng. Vô vi pháp cũng có tăng thượng đối với hữu vi pháp, ấy gọi là tướng tăng thượng.

Tướng nhân quả là hết thảy pháp mỗi mỗi làm nhân, mỗi mỗi làm quả; ấy gọi là tướng nhân quả.

Tướng chung tướng riêng là, hết thảy pháp mỗi mỗi có tướng chung tướng riêng; như ngựa là tướng chung, trắng là tướng riêng; như người là tướng chung, nếu mất một cái tai, thì là tướng riêng; ấy gọi là tướng chung tướng riêng.

Tướng nương tựa là, các pháp đều nương tựa cùng nhau; như cây cỏ núi sông nương tựa đất; đất nương tựa nước. Như vậy mỗi mỗi nương tựa nhau; ấy gọi là tướng nương tựa. Như vậy tướng môn một pháp thu nhiếp hết thảy pháp.

Lại nữa, môn hai pháp thu nhiếp hết thảy pháp; đó là pháp sắc, vô sắc; pháp có thể thấy, không thể thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu vi, vô vi; pháp trong, pháp ngoài; pháp quán, pháp duyên; pháp có, pháp không; như vậy là các tướng môn hai pháp.

Ba, bốn, năm, sáu cho đến tướng môn vô lượng pháp, thu nhiếp hết thảy pháp, các pháp ấy đều không, như trên nói.

Hỏi: Nếu đều không, cớ sao nói các danh tự hết thảy pháp?

Đáp: Người phàm phu đối với không pháp, vô minh điên đảo chấp thủ tướng, nên phát sanh các phiền não ái... nhân phiền não nên khởi các nghiệp; khởi các nghiệp nên vào các đạo; vào các đạo nên thọ các

thân; thọ các thân nên thọ các khổ vui; như tằm nhả tơ, vô cớ tự mình nhả ra lại tự trói lấy mình, chịu khổ đốt nấu. Thánh nhân do lực trí tuệ thanh tịnh phân biệt hết thảy pháp gốc ngọn đều không, muốn độ chúng sanh nên nói chỗ chúng sanh đắm trước là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới; các ngươi chỉ vì vô minh mà sanh năm uẩn, tự làm tự đắm, nếu thánh nhân chỉ thuyết về không thì họ không thể đắc đạo, vì không sở nhân, không chỗ nhàm chán.

Hỏi: Ông nói hết thảy không, việc ấy không đúng. Vì sao? Vì hết thảy pháp, mỗi mỗi nhiếp thủ tự tướng, như đất nhiếp thủ tướng cứng, nước nhiếp thủ tướng ướt, lửa nhiếp thủ tướng nóng, gió nhiếp thủ tướng động, tâm là tướng biết, tuệ là tướng biết, như vậy hết thảy pháp đều tự ở tướng của nó, cớ sao nói không?

Đáp: Trong đoạn tánh không, tự tướng không ở trên đã phá rồi, nay sẽ nói lại: Tướng không nhất định, không thể là tướng; như váng sữa, mật, keo, sáp... đều là tướng đất, khi hợp với lửa, tự bỏ tướng nó, chuyển thành tướng ướt; vàng, bạc, đồng, thiết hợp với lửa cũng tự bỏ tướng nó, biến thành tướng ướt; như nước gặp lạnh thành băng, đổi làm tướng đất; như người ngủ say; người vào vô tâm định; cá trong băng giá, đều không tâm thức, bỏ tướng tâm nó, không giác tri gì; như tuệ là tướng biết, khi vào thật tướng các pháp, thì không còn giác tri, tự bỏ tướng biết. Cho nên các pháp không có tướng nhất định.

Lại nữa, nếu bảo các pháp có tướng nhất định cũng không đúng. Vì sao? Vì như tướng của pháp vị lai, không nên đi đến hiện tại; nếu đến hiện tại thì bỏ tướng vị lai; nếu không bỏ tướng vị lai mà vào hiện tại, thì vị lai là hiện tại, là không có quả báo vị lai; nếu hiện tại đi vào quá khứ, thì bỏ tướng hiện tại; nếu không bỏ tướng hiện tại mà vào quá khứ, thì quá khứ là hiện tại. Có các lỗi như vậy, nên biết các pháp không có tướng nhất định.

Lại nữa, nếu bảo pháp hữu vi, nhất định có ba tướng là sanh, trụ, diệt, pháp vô vi cũng có ba tướng là bất sanh, bất trụ, bất diệt. Ông cho pháp phi trí duyên diệt trong đời vị lai, (tức là phi trạch diệt vô vi – N.D); ấy là pháp hữu vi mà không có tướng hữu vi. Nếu ông cho phi trí duyên tận là tướng diệt; ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì vô thường diệt tận, ấy gọi là tướng diệt; chứ chẳng phải vì phi trí duyên diệt, nên gọi là tướng diệt. Như vậy mỗi mỗi không có tướng nhất định; nếu có tướng nhất định mà chẳng không, việc ấy không đúng!

Hỏi: Phải thật có pháp, chẳng không; vì phàm phu và thánh nhân biết khác nhau. Pháp của phàm phu biết là hư vọng; pháp của thánh

nhân biết là chân thật; nương thánh trí thật nên bỏ pháp hư vọng, không thể nương hư vọng bỏ hư vọng?

Đáp: Vì phá chỗ biết của phàm phu, cho nên nói Thánh trí; nếu không pháp phàm phu thì không có pháp Thánh; như không bệnh thì không có thuốc. Cho nên Kinh nói lìa pháp phàm phu, thì không có pháp Thánh; tánh của pháp phàm phu tức là Thánh pháp.

Lại nữa, Thánh nhân đối với các pháp không thủ tướng cũng không đắm trước, vì vậy Thánh pháp là chân thật; còn phàm phu đối với các pháp thủ tướng và đắm trước, vì vậy pháp phàm phu là hư vọng. Thánh nhân tuy dùng mà không thủ tướng, không thủ tướng nên không có tướng nhất định, như vậy không nên cật nạn. Ở địa vị phàm phu đắm pháp nên phân biệt là thánh pháp, là phàm phu pháp; nếu ở địa vị hiền thánh thì không phân biệt, chỉ vì dứt bệnh cho chúng sanh nên nói là hư là thật, như nói: Phật ngữ chẳng hư chẳng thật, chẳng trói chẳng mở, chẳng một chẳng khác. Thế nên không phân biệt, thanh tịnh như hư không.

Lại nữa, nếu pháp chẳng đều không, thì chẳng nên nói không lý luận là tướng người trí; cũng chẳng nên nói không lãnh thọ, không đắm trước, không chỗ nương tựa, không, vô tướng, vô tác là chân pháp.

Hỏi: Nếu hết thảy pháp không, thì chính đó cũng là thật, cớ sao nói không thật?

Đáp: Nếu hết thảy pháp không, giả sử cho nó là có pháp, thì nó đã vào trong hết thảy pháp bị phá; nếu cho nó là không pháp, thì không nên vấn nạn.

Hỏi: Nếu "hết thảy pháp không" là thật, sao trong tam tạng Phật phần nhiều nói vô thường, khổ, không, vô ngã, như Kinh nói: "Phật bảo các Tỳ-kheo, Ta nói pháp cho các ông, gọi là đệ nhất nghĩa không. Thế nào là Đệ nhất nghĩa không? Mắt sanh không từ đâu lại, diệt không đi về đâu, chỉ có nghiệp của nghiệp quả báo, chứ người làm là không thể có được; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy". Trong đây nếu nói sanh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu, thường pháp là không thể có được, cho nên vô thường, chỉ có nghiệp và nghiệp quả báo, mà người làm là không thể có được; ấy là đệ nhất nghĩa không trong pháp Thanh văn, cớ sao nói hết thảy pháp không?

Đáp: Chấp ta là cội gốc của hết thảy phiền não, trước chấp năm uẩn làm ta, sau chấp ngoại vật làm của ta. Vì bị cái ta trói buộc nên sanh tham, giận; nhân tham giận nên khởi nghiệp, như Phật nói: Không người làm là phá chấp ta trong hết thảy pháp. Nếu nói mắt sanh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu, tức là nói mắt vô thường; nếu vô thường tức

là khổ, khổ tức là không ta, không của ta. Ta, của ta không có, nên tâm không đắm trước hết thảy pháp. Vì tâm không đắm trước, nên không sanh kiết sử. Không sanh kiết sử, thì cần gì nói không. Vì vậy trong tam tạng phần nhiều nói vô thường, khổ, không, vô ngã, mà không nói nhiều về hết thảy pháp không.

Lại nữa, chúng sanh tuy nghe Phật nói vô thường, khổ, không, vô ngã, mà cứ hý luận về các pháp. Vì hạng người ấy nên mới nói các pháp không; nếu không ta cũng không của ta, ấy tức là vào nghĩa không.

Hỏi: Cớ sao Phật nói có nghiệp có quả báo; nếu có nghiệp có quả báo ấy thì chẳng không?

Đáp: Phật dạy pháp có hai:

1. Là không ngã.
2. Là không pháp.

Vì hạng người chấp có cái ta thường, nên vì họ nói không người làm; vì hạng người chấp đoạn diệt, nên vì họ mà nói có nghiệp, có quả báo. Nếu người nghe nói không người làm trở lại rơi vào chấp đoạn diệt, nên vì họ nói có nghiệp, có nghiệp quả báo. Năm uẩn có thể tạo nghiệp mà không đi đến đời sau, nhân năm uẩn này tương tục sanh năm uẩn khác thọ nghiệp quả báo. Cho nên nói thọ nghiệp quả báo; như mẹ và con thân tuy khác mà có nhân duyên liên hệ nên mẹ uống thuốc mà con lành bệnh. Như vậy năm uẩn đời nay, đời sau tuy khác nhau mà nhân duyên của nghiệp tội phước tương tục, nên từ Năm uẩn đời nay tạo quả báo Năm uẩn đời sau.

Lại nữa, có người tìm cầu tướng các pháp và đắm vào một pháp hoặc có hoặc không; hoặc thường hoặc vô thường. Vì đắm pháp nên pháp mình thì ưa, pháp người thì ghét, mà khởi nghiệp ác. Phật vì hạng người đó nên nói các pháp không. Các pháp không thì không có pháp. Vì sao? Vì pháp đáng ưa hay sanh kiết sử, sanh kiết sử thì làm nhân duyên cho vô minh; nếu sanh vô minh, làm sao mà thật được, ấy là pháp không.

Lại nữa, chúng sanh có hai hạng:

1. Hạng đắm thế gian
2. Hạng cầu ra khỏi thế gian.

Hạng cầu ra khỏi thế gian có thượng, trung, hạ. Thượng là hạng lợi căn, có đại tâm cầu Phật đạo; trung là hạng trung căn, cầu Bích-chi Phật đạo; hạ là hạng độn căn, cầu Thanh văn đạo. Vì hạng người cầu Phật đạo mà nói sáu Ba-la-mật và pháp không; vì hạng cầu Bích-chi Phật mà nói mười hai nhân duyên và pháp độc hành; vì hạng cầu Thanh

văn đạo, mà nói chúng sanh không và bốn chân đế. Hàng Thanh văn sợ ghét sanh tử, nghe nói chúng sanh không và Bốn chân đế, vô thường, khổ, không, vô ngã, không hý luận các pháp; như nai trong vòng vây bị trúng tên độc, chỉ một mực cầu thốt, không còn nghĩ gì khác hôn. Hạng Bích-chi Phật tuy chán già, bệnh, chết, vẫn còn có thể một phần quán nhân duyên thâm sâu và có thể một phần độ chúng sanh; ví như con tê giác ở trong vòng vây, tuy bị trúng tên độc vẫn còn có thể quyến luyến con nó. Bồ-tát tuy chán già, bệnh, chết, vẫn có thể quán thật tướng các pháp; cứu xét sâu tột vào Mười hai nhân duyên, thông đạt pháp không, vào vô lượng pháp tánh; ví như voi bạch hương chúa, ở trong vòng vây thợ săn, tuy bị tên bắn vẫn nhìn xem người thợ săn, tâm không sợ hãi, lại đem kẻ tùy tùng bước đi an ổn. Vì vậy, trong Tam tạng không nói nhiều về pháp không.

Hoặc có kẻ Phạm-chí lợi căn, tìm thật tướng các pháp, không chán già, bệnh, chết, đắm các thứ pháp tướng. Phật vì hạng ấy nên nói pháp không. Đó là đối với Tiên ni Phạm-chí, Phật không nói Năm uẩn tức là thật, cũng không nói lìa năm uẩn là thật.

Lại đối với Phạm-chí Cưỡng Luận, Phật đáp: Trong pháp Ta không thọ nhận có và không, cớ sao ông luận có và không, ấy là pháp hý luận, chỗ sanh ra kiết sử.

Lại, kinh Đại Không trong Tạp A-hàm nói: Hai thứ không là chúng sanh không và pháp không.

Trong kinh La-đà nói: Sắc uẩn phá liệt phân tán làm cho không có gì.

Trong kinh Phiệt dụ nói: Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp. Trong kinh Ba-la-diên, kinh Lợi chúng nói: Người trí đối với hết thảy pháp không lãnh thọ, không chấp trước. Nếu lãnh thọ, chấp trước pháp thì sanh hý luận; nếu không nương tựa thì không có luận gì.

Các Thánh nhân đắc đạo đối với các pháp, không lấy không bỏ. Nếu không lấy bỏ, thì có thể lìa hết các kiến chấp.

Như vậy trong Tam tạng nôi nôi nói pháp không; ấy gọi là hết thảy pháp không.

15. Bất khả đắc không: Có người nói trong Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, ngã pháp là thường pháp là không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Có người nói: Trong các nhân duyên cầu thật pháp không thể có được; như trong năm ngón tay, tìm nắm tay không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Có người nói: Hết thảy pháp và nhân duyên rốt ráo không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Cớ sao gọi là bất đắc khả không? Vì trí lực kém, nên không thể có được; hay vì thật không, nên không thể có được?

Đáp: Các pháp thật không, cho nên không thể có được, chẳng phải do trí lực kém.

Hỏi: Nếu như vậy, với rốt ráo không, tự tướng không, không khác; sao nay còn nói lại bất khả đắc không?

Đáp: Nếu người nghe nói các không trên là hoàn toàn không có, trong lòng sợ sệt nghi hoặc, nay nói lý do không là vì tìm không thể có được; để dứt chỗ nghi sợ cho họ, nên Phật dạy bất khả đắc không. Vì cớ sao? Vì Phật dạy, Ta từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật, và mười phương Phật, đối với trong hết thảy pháp, tìm thật tánh không thể có được; ấy gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Việc gì bất khả đắc?

Đáp: Hết thảy pháp cho đến Vô dư Niết-bàn không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Lại nữa, hành giả ngộ được bất khả đắc không ấy, thì không bị Ba độc, Bốn dòng, Bốn trói, Năm triền cái, Sáu ái, Bảy sử, Tám tà, Chín kiết, Mười ác, các tệ ác cấu nhiễm, trói buộc; vì không thể có được, nên gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Nếu như vậy, tu hành bất khả đắc không, thì đắc pháp gì?

Đáp: Đắc giới, định, tuệ, đắc Bốn quả Sa-môn, Năm căn, Năm chúng vô học (năm uẩn vô lậu – N.D), Sáu xả pháp, Bảy giác chi, Tám Thánh đạo phần, Chín thứ đệ định, Mười pháp vô học (bậc vô học A-la-hán thành tựu mười pháp vô học: Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thốt, vô học chánh trí – N.D), như vậy là được pháp Thanh văn. Nếu có được Bát-nhã Ba-la-mật thì đầy đủ sáu Ba-la-mật, và công đức Mười địa.

Hỏi: Trên kia nói hết thảy pháp cho đến Niết-bàn là không thể có được, sao nay nói được giới, định, tuệ cho đến công đức Mười địa?

Đáp: Pháp ấy tuy được, đều đưa tới bất khả đắc không. Vì không lãnh thọ chấp trước ấy, nên gọi là bất khả đắc; vì là pháp vô vi, nên gọi là bất khả đắc; vì là thánh đế, nên gọi là bất khả đắc; vì là đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là bất khả đắc. Thánh nhân tuy được các công đức nhưng vì vào Vô dư Niết-bàn, nên không cho là được; còn phàm phu thì cho là

được lớn; như con sư tử tuy có làm không tự cho là lạ, các loài khác thấy cho là hy hữu. Thánh nhân tuy có đắc mà không cho là được; ấy gọi là bất khả đắc không.

16, 17, 18. Vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không: Vô pháp không là, có người nói: Vô pháp tức là pháp đã diệt. Pháp diệt ấy là không, nên gọi là vô pháp không. Hữu pháp không là các pháp nhân duyên hòa hợp sanh, cho nên có pháp. Hữu pháp ấy không có, nên gọi là hữu pháp không. Vô pháp hữu pháp không là tìm tướng vô pháp hữu pháp không thể có được; ấy là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, quán vô pháp hữu pháp không, cho nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, hành giả quán các pháp sanh, diệt, hoặc hữu môn, hoặc vô môn; đối sanh môn thì sanh mừng, đối diệt môn thì sanh lo. Hành giả quán pháp sanh không, thì diệt tâm mừng; quán pháp diệt không, thì diệt tâm lo. Vì cớ sao? Vì sanh không được gì, diệt không mất gì. Vì để trừ thế gian tham ưu nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, trong Mười tám không, ba phẩm không đầu phá hết thảy pháp, ba phẩm không sau cũng phá hết thảy pháp: Hữu pháp không, phá hết thảy pháp khi sanh, khi trụ; vô pháp không, phá hết thảy pháp khi diệt; vô pháp hữu pháp không, phá chung cả sanh diệt một lúc.

Lại nữa, có người nói: Pháp quá khứ vị lai không, ấy gọi là vô pháp không; pháp hiện tại và pháp vô vi không, ấy gọi là hữu pháp không. Vì cớ sao? Vì pháp quá khứ diệt mất, biến dị quy về không; pháp vị lai nhân duyên chưa hòa hợp, chưa sanh, chưa có, chưa xuất, chưa khởi, vì vậy nên gọi là vô pháp. Quán biết pháp hiện tại và pháp vô vi hiện có, ấy là hữu pháp. Cả hai pháp đó đều không, nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, có người nói: Pháp vô vi không sanh, trụ, diệt, ấy gọi là vô pháp; pháp hữu vi có sanh trụ, diệt, ấy gọi là hữu pháp. Các không như vậy, gọi là vô pháp hữu pháp không.

Ấy là Bồ-tát muốn an trụ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 32

49. GIẢI THÍCH NGHĨA BỐN DUYÊN

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên của các pháp, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hết thảy pháp hữu vi đều từ bốn duyên sanh, đó là: nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên.

Nhân duyên: Tương ưng nhân, cọng sanh nhân, tự chủng nhân, biến nhân, báo nhân. Năm nhân ấy gọi là nhân duyên.

Lại nữa, hết thảy pháp hữu vi, cũng gọi là nhân duyên.

Thứ đệ duyên (duyên thứ lớp): Trừ tâm tâm số pháp quá khứ, hiện tại và tối hậu của A-la-hán, các tâm tâm số pháp quá khứ, hiện tại khác đều có thể làm thứ đệ duyên; ấy gọi là thứ đệ duyên.

Duyên duyên, tăng thượng duyên: là tất cả pháp.

Lại nữa, Bồ-tát muốn biết tướng riêng tướng chung của bốn duyên, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Như trong Bát-nhã Ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được. Vì cớ sao? Vì nếu trong nhân trước đã có quả, việc ấy không đúng; trong nhân trước không có quả, cũng không đúng. Nếu trước có quả, thì không cần nhân; nếu trước không quả mà vẫn có, thì cũng có thể từ không nhân mà sanh.

Lại nữa, thấy quả từ nhân sanh, nên gọi là nhân, nếu trước không quả, làm sao gọi là nhân.

Lại nữa, nếu quả từ nhân sanh, quả tức thuộc nhân, nhân không tự tại, lại thuộc nhân khác. Nếu nhân không tự tại sao nói quả chỉ từ nhân ấy sanh. Do các việc như vậy, nên biết không có nhân duyên.

Lại, tâm tâm số pháp quá khứ đều đã diệt, không tạo tác được gì, làm sao có thể làm thứ đệ duyên. Hiện tại có tâm thì không thứ đệ, nếu làm thứ đệ cho tâm sắp sanh trong đời vị lai, thì tâm vị lai chưa có, làm sao cùng làm thứ đệ, như vậy thì không thứ đệ duyên.

Nếu như hết thảy pháp vô tướng, vô duyên, cớ sao nói duyên

duyên?

Nếu hết thảy pháp không thuộc gì, không nương gì, tất cả đều bình đẳng, cớ sao nói tăng thượng duyên?

Như vậy bốn duyên đều không thể có được, cớ sao nói: Muốn biết bốn duyên nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Ông không biết tướng Bát-nhã Ba-la-mật, vì vậy nên nói trong Bát-nhã Ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được. Bát-nhã Ba-la-mật đối với hết thảy pháp không bỏ, không phá, rốt ráo thanh tịnh, không các hý luận; như Phật nói có bốn duyên, chỉ vì người thiếu trí, chấp trước nôi bốn duyên mà sanh tà luận. Vì để phá chấp trước ấy, nên nói các pháp thật không, không phá hoại gì, như tâm pháp do nhân duyên nội xứ ngoại xứ (sáu căn sáu trần – N.D) hòa hợp sanh, tâm ấy như huyễn như mộng, hư dối không có tánh nhất định. Tâm số pháp cũng như vậy, tâm số pháp cọng sanh với tâm ấy là thọ, tưởng, tư... Tâm số pháp ấy với tâm đồng tướng, đồng duyên, nên gọi là tương ưng. Tâm lấy tâm số pháp tương ưng làm nhân, tâm số pháp lấy tâm tương ưng làm nhân, ấy gọi là tương ưng nhân.

Tương ưng nhân: Ví như người thân hữu tri thức hòa hợp nhau làm thành sự.

Cọng sanh nhân: Hết thảy pháp hữu vi, đều có cọng sanh nhân. Vì cọng sanh nên giúp đỡ nhau; ví như anh em đồng sanh, nên giúp đỡ lẫn nhau.

Tự chủng nhân: Hạt giống thiện quá khứ là nhân của thiện pháp trong đời hiện tại, vị lai; hạt giống thiện quá khứ, hiện tại là nhân của thiện pháp trong đời vị lai. Bất thiện vô ký cũng như vậy. Như vậy hết thảy pháp, đều có cái nhân hạt giống của chính mình.

Biến nhân: Kiết sử do thấy và tu Khổ đế, Tập đế mà được đoạn trừ là nhân của hết thảy pháp cấu nhiễm; ấy là biến nhân.

Báo nhân: Do nhân duyên hành nghiệp nên thọ quả báo thiện ác, ấy là báo nhân. Năm nhân ấy gọi là nhân duyên.

Tâm tâm số pháp thứ lớp nối nhau không xen hở, nên gọi là thứ đệ duyên (tức đẳng vô gián duyên).

Tâm tâm số pháp duyên theo sáu trần phát sanh, nên gọi là duyên duyên.

Khi các pháp sanh, không làm chướng ngại nhau; ấy là vô chướng duyên (tức tăng thượng duyên).

Lại nữa, tâm tâm số pháp từ bốn duyên sanh; vô tưởng, diệt tận định từ ba duyên sanh, trừ duyên duyên; các tâm bất tương ưng hành khác và

sắc, từ hai duyên sanh, trừ thứ đệ duyên và duyên duyên.

Các pháp hữu vi tánh yếu kém, nên không có pháp nào từ một duyên sanh.

Tâm tâm số pháp do quả báo sanh thì từ năm nhân sanh, vô phú vô ký, vì chẳng phải pháp ô cấu nên trừ biến nhân. Các phiền não cũng từ năm nhân sanh, trừ báo nhân. Vì cớ sao? Vì các phiền não là hữu phú; còn báo là vô phú (vô ký) nên trừ báo nhân. Sắc do quả báo sanh và tâm bất tương ưng hành từ bốn nhân sanh; vì nó chẳng chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ưng nhân; vì nó là pháp vô phú vô ký, nên trừ biến nhân. Sắc nhiễm ô và các tâm bất tương ưng hành cũng từ bốn nhân sanh. Vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ưng nhân; và vì nó cấu nhiễm nên trừ báo nhân. Các tâm tâm số pháp khác, trừ vô lậu tâm ban đầu, đều từ bốn nhân sanh, trừ báo nhân, biến nhân. Vì cớ sao? Vì chẳng phải vô ký nên trừ báo nhân, và vì chẳng phải ô cấu nên trừ biến nhân. Các pháp bất tương ưng khác là sắc và tâm bất tương ưng hành, nếu có tự chủng nhân thì từ ba nhân sanh, trừ tương ưng nhân, báo nhân, biến nhân. Nếu không có tự chủng nhân thì từ hai nhân sanh, là cọng sanh nhân va vô chướng nhân. Tâm tâm số pháp vô lậu ban đầu, từ ba nhân sanh, là tương ưng nhân, cọng sanh nhân, vô chướng nhân. Sắc và các tâm bất tương ưng hành trong tâm vô lậu ban đầu ấy, từ hai nhân sanh, là cọng sanh nhân và vô chướng nhân. Không một pháp nào từ một nhân sanh, hoặc từ sáu nhân sanh; ấy gọi là bốn duyên.

Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật quán bốn duyên như vậy, tâm không vướng mắc; tuy phân biệt pháp ấy, mà biết nó không, đều như huyễn hóa; trong huyễn hóa tuy có các sai biệt, người trí quán nó, biết không có thật, chỉ dối gạt con mắt. Vì phân biệt biết pháp người phàm phu đều là người điên đảo hư dối mà không thật, nên có bốn duyên. Như vậy thế nào là thật? Pháp hiền thánh nhân từ pháp phàm phu sanh, nên cũng không thật; như đã nói trong chương mười tám không.

Bồ-tát ở trong Bát-nhã Ba-la-mật, không có một pháp có tánh nhất định khả thủ nên không thể phá. Vì chúng sanh chấp trước vào không pháp do nhân duyên sanh nên gọi là có thể phá; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, tâm sanh ưa đắm, muốn lấy mà không thể lấy được, tâm lại ưu não. Người trí dạy rằng: Tuy có thể mắt thấy, mà không thể tay lấy, đây chỉ phá cái có thể lấy, không phá cái có thể thấy. Bồ-tát quán biết các pháp từ bốn duyên sanh, mà không chấp thủ tướng nhất định trong bốn duyên. Bốn duyên hòa hợp sanh như trong nước, tuy là hư dối không có gì, nhưng phải từ trăng và nước làm nhân duyên sanh, chứ không từ

duyên khác có được. Các pháp cũng như vậy, mỗi mỗi tự do nhân duyên sanh, không có thật nhất định. Vì vậy nên nói: Bồ-tát muốn như thật biết tướng nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu muốn biết rộng nghĩa bốn duyên, nên học A-tỳ-đàm, cớ sao trong đây nói muốn biết nghĩa bốn duyên, nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Nghĩa bốn duyên trong A-tỳ-đàm kẻ sô học như nắm được chỗ thật của nó, lại tìm vào sâu hôn mà bị rơi trong tà kiến; như trước đã nói trong đoạn nghĩa phá bốn duyên.

Lại nữa, sở nhân của các pháp là nhân nôi bốn duyên, bốn duyên lại nhân nôi cái gì? Nếu có nhân thì vô cùng, nếu vô cùng thì vô thỉ, nếu vô thỉ thì vô nhân; nếu vậy thì hết thảy pháp đều nên vô nhân! Nếu có thỉ, thì thỉ không có sở nhân. Nếu không sở nhân mà có, thì không đợi nhân duyên. Nếu vậy thì hết thảy pháp cũng không đợi nhân duyên mà có.

Lại nữa, các pháp từ nhân duyên sanh có hai thứ: Nếu trong nhân duyên trước đã có, thì không đợi, nhân duyên mà sanh, thì chẳng phải nhân duyên; nếu trong nhân duyên trước không có, thì không có mỗi mỗi nhân duyên. Vì hý luận bốn duyên, nên có các lỗi như vậy, còn như Bát-nhã Ba-la-mật là không, bất khả đắc, thì không có các lỗi như vậy; như người thế gian mắt, tai thấy sanh, già, bệnh, chết, ấy thì là có, mà tìm kỹ tướng nó thì không thể có được. Vì vậy nên trong Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ trừ tà kiến mà không phá bốn duyên.

Cho nên nói: Muốn biết bốn duyên, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ tát ma ha tát muốn biết các pháp như, pháp tánh, thật tế, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát nên như vậy trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Các pháp Như có hai: 1. Mỗi mỗi tướng. 2. Thật tướng.

Mỗi mỗi tướng là như đất tướng cứng, nước tướng ướt, lửa tướng nóng, gió tướng động. Như vậy phân biệt các pháp đều tự có tướng riêng.

Thật tướng, nơi mỗi tướng ấy phân biệt tìm thật thể không thể có được, không thể phá, không các quấy lỗi. Như trong đoạn Tự tướng không đã nói: đất nếu thật là tướng cứng, cớ sao keo, sáp... khi gặp lửa thì bỏ tự tánh nó (ở đây chữ tướng, tánh đồng nghĩa – N.D); người có thần thông vào đất như nước? Lại phân tán cây, đá, thì mất tướng cứng? Lại phá đất để làm thành vi trần, lấy phương hướng phá vi trần, cuối cùng quay về không, cũng mất tướng cứng? Như vậy suy tìm tướng đất không thể có

được. Nếu không thể có được, vậy nó thật đều không, "không" là thật tướng của đất. Tất cả tướng riêng đều cũng như vậy; ấy gọi là Như.

Pháp tánh: Như trước nó mỗi mỗi pháp không, không có phẩm trật sai khác, ấy là như: đồng là một không, ấy là pháp tánh.

Pháp tánh ấy cũng có hai: 1. Dùng tâm không chấp trước phân biệt các pháp, tự có tánh riêng. 2. Gọi là vô lượng pháp, đó là thật tướng các pháp. Như kinh Trì Tâm nói: Pháp tánh vô lượng, hàng Thanh văn tuy đắc pháp tánh, vì trí có lượng nên không thể nói vô lượng; như người tuy đi đến biển lớn, vì đồ đựng nhỏ nên không thể lấy vô lượng nước, ấy là pháp tánh.

Thật tế: Lấy pháp tánh làm chỗ thật chứng, nên gọi là tế. Lại như A-la-hán gọi là trú nơi thật tế.

Hỏi: Như, pháp tánh, thật tế, ba sự là một hay là khác? Nếu một cớ sao nói ba, nếu ba thì nay nên phân biệt nói?

Đáp: Ba ấy đều là tên khác của thật tướng các pháp. Vì cớ sao? Vì phàm phu vô trí, đối hết thảy pháp khởi tâm tà quán cho là thường, lạc, tịnh, thật, ngã... còn đệ tử Phật quán đúng như bổn tướng các pháp, khi ấy không thấy thường, ấy gọi là vô thường; không thấy vui, ấy gọi là khổ; không thấy tịnh, ấy gọi là bất tịnh; không thấy thật, ấy gọi là không; không thấy ngã ấy gọi là vô ngã. Nếu không thấy thường mà lại thấy vô thường, ấy là vọng kiến; thấy khổ, không, vô ngã, bất tịnh cũng như vậy, ấy gọi là Như. Như là đúng như bổn tướng, không thể phá hoại. Vì vậy nên Phật nói ba pháp là pháp ấn, đó là hết thảy pháp hữu vi vô thường ấn, hết thảy pháp vô ngã ấn, Niết-bàn tịch diệt ấn.

Hỏi: Ba pháp ấn ấy, trong Bát-nhã Ba-la-mật, đều phá hoại hết, như Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát quán sắc thường, là không thực hành Bát-nhã Ba-la-mật; quán sắc vô thường là không thực hành Bát-nhã Ba-la-mật. Quán khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịch diệt, phi tịch diệt cũng như vậy. Như vậy cớ sao gọi là pháp ấn?

Đáp: Hai kinh đều là Phật dạy. Như trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật, rõ ràng nói thật tướng các pháp. Người có điên đảo chấp trước thường, nên bỏ thường kiến mà không chấp trước tướng vô thường, ấy gọi là pháp ấn; chứ không phải bỏ thường chấp trước vô thường, cho là pháp ấn được. Ngã, cho đến tịch diệt cũng như vậy. Trong Bát-nhã Ba-la-mật phá cái kiến chấp vô thường... chứ không phải phá cái không lãnh thọ không chấp trước. Được các pháp Như rồi, thì vào pháp tánh, diệt các quán , không sanh dị tín, tánh nó tự như vậy; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, vào nước để tìm, tìm không được liền rầu. Người trí nói:

Tánh nó tự như vậy, chớ ưu sầu, khéo vào pháp tánh ấy là thật tế.

Hỏi: Trong giáo pháp Thanh văn cớ sao không nói là như, pháp tánh, thật tế; mà trong giáo pháp Đại thừa nơi nơi đều nói?

Đáp: Trong giáo pháp Thanh văn cũng có chỗ nói, chỉ ít thôi. Như trong kinh Tạp A-hàm nói: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật: "Mười hai nhân duyên là Phật làm hay người khác làm?" Phật bảo Tỳ-kheo: "Ta không làm Mười hai nhân duyên, cũng chẳng phải người khác làm. Có Phật không Phật, các pháp như, pháp tướng, pháp vị thường có, đó là cái này có nên cái kia có; cái này sanh nên cái kia sanh; như vô minh làm nhân duyên nên có các hành; các hành làm nhân duyên nên có thức; cho đến già chết làm nhân duyên nên có ưu, bi, khổ, não. Cái này không nên cái kia không; cái này diệt nên cái kia diệt; như vô minh diệt nên các hành diệt, các hành diệt nên thức diệt; cho đến già chết diệt nên ưu, bi, khổ, não diệt. Pháp sanh diệt như vậy, có Phật không Phật, vẫn thường như vậy". Đó là chỗ nói Như.

Lại như kinh Xá-lợi-phất sư tử hống trong Tạp A-hàm nói: Phật hỏi Xá-lợi-phất một cú nghĩa, ba lần hỏi ba lần không thể đáp. Phật khai thị cho Xá-lợi-phất chút ít rồi vào tịnh thất. Xá-lợi-phất nhóm các Tỳ-kheo, nói với các Tỳ-kheo rằng: Phật chưa khai thị đầu mối sự việc cho tôi, nên tôi không thể đáp liền. Nay tôi đối pháp ấy, qua bảy ngày bảy đêm diễn nói việc ấy không cùng tận.

Lại có một Tỳ-kheo bạch Phật: Sau khi Phật vào tĩnh thất, Xá-lợi-phất cất tiếng rống sư tử mà tự tán thán.

Phật bảo Tỳ-kheo: Xá-lợi-phất nói thật không hư dối. Vì cớ sao? Vì Xá-lợi-phất khéo thông đạt pháp tánh.

Trong giáo pháp Thanh văn, quán tướng sanh diệt các pháp, ấy là như; diệt hết thảy các quán niệm, được thật tướng các pháp; ấy là chỗ nói Pháp tánh.

Hỏi: Chỗ ấy chỉ nói như, pháp tánh, còn chỗ nào nói thật tế?

Đáp: Hai việc ấy vì có nhân duyên khởi nên nói, còn thật tế không nhân duyên nên không nói thật tế.

Hỏi: Thật tế tức là Niết-bàn, vì Niết-bàn mà Phật nói Mười hai bộ kinh, cớ sao nói không nhân duyên?

Đáp: Niết-bàn có nhiều tên gọi, hoặc gọi là ly, hoặc gọi là diệu, hoặc gọi là xuất, như vậy là nói thật tế, chỉ không nói tên gọi, nên nói là không nhân duyên.

Lại nữa, các pháp Như là, như các pháp khi chưa sanh; khi sanh cũng như vậy; sanh rồi qua đi, hiện tại cũng như vậy. Các pháp ba đời

bình đẳng, ấy gọi là Như.

Hỏi: Nếu pháp chưa sanh gọi là chưa có, pháp sanh hiện tại thì có pháp, sử dụng được; nhân pháp hiện tại có tướng sử dụng mà truy nhớ việc đã qua, ấy gọi là quá khứ. Ba đời khác nhau, không nên như thật làm một, cớ sao nói ba đời bình đẳng, ấy gọi là Như?

Đáp: Trong thật tướng các pháp, ba đời bình đẳng một không khác, như trong phẩm Như của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Quá khứ như, vị lai như, hiện tại như, như lai như, nhất như không có khác.

Lại nữa, trong phần luận nghị ở trước đã phá pháp sanh. Nếu không sanh thì vị lai, hiện tại cũng không sanh, cớ sao không bình đẳng!

Lại đời quá khứ không đầu, đời vị lai không cuối, đời hiện tại không an trụ, vì vậy nên ba đời bình đẳng gọi là Như. Thực hành Như ấy rồi vào trong pháp tánh vô lượng.

Pháp tánh: Pháp là Niết-bàn, không thể phá hoại, không thể hý luận. Pháp tánh là hạt giống trong chính nó, như trong đá vàng có kim tánh, trong đá trắng có ngân tánh. Như vậy trong hết thảy pháp thế gian đều có tánh Niết-bàn. Chư Phật hiền thánh lấy trí tuệ, phương tiện, trì giới, thiền định, giáo hóa dẫn đạo, khiến được Niết-bàn pháp tánh ấy. Người lợi căn biết ngay các pháp ấy đều là pháp tánh, ví như người có thần thông có thể biến ngói đá thành vàng, còn người độn căn, phải phương tiện phân biệt tìm cầu, mới được pháp tánh, ví như đúc hàn đá vậy sau được vàng.

Lại nữa, như tánh nước chảy xuống, nên dồn về biển, hợp làm một vị. Các pháp cũng như vậy, hết thảy tướng chung tướng riêng đều quy về pháp tánh, đồng làm một tướng, gọi là pháp tánh; như Kim cương ở đỉnh núi, dần dần xoi xuống đến mé đất Kim cương, đến tự tánh mới ngừng. Các pháp cũng như vậy; dùng trí tuệ phân biệt truy tìm đã đến trong Như, từ Như vào tự tánh, như vốn chưa từng sanh, dứt các hý luận, gọi là Pháp tánh; lại như trâu nghé quanh quẩn kêu la, gặp được mẹ mới thôi. Các pháp cũng như vậy, đủ thứ sai khác, lấy bỏ không đồng, được đến tự tánh mới ngừng, không còn chỗ đến nữa; ấy gọi là Pháp tánh.

Thật tế: Như trước nói, pháp tánh gọi là thật, chỗ vào đến gọi là tế.

Lại nữa, mỗi mỗi pháp có chín thứ:

1. Có tự thể.

2. Mỗi mỗi có pháp: như mắt, tai tuy đồng do bốn đại đạo thành, nhưng chỉ mắt nhìn thấy mà tai không có công hiệu; lại như lửa lấy nóng làm pháp, không thể thấm ướt.

3. Các pháp đều có lực, như lửa lấy sự đốt cháy làm lực; nước lấy sự thấm ướt làm lực.

4. Các pháp đều tự có nhân.

5. Các pháp đều tự có duyên.

6. Các pháp đều tự có quả.

7. Các pháp đều tự có tánh. 8. Các pháp đều có giới hạn trở ngại.

9. Các pháp đều có phương tiện khai thông.

Các pháp khi sanh, thể và pháp khác có chín việc. Biết pháp ấy mỗi mỗi có đầy đủ thể và pháp; ấy gọi là thế gian hạ như. Biết chín pháp ấy cuối cùng quy về biến dị tận diệt; ấy gọi là trung như; ví như thân này từ bất tịnh sanh ra, tuy tắm rửa trang sức, cuối cùng quy về bất tịnh. Biết pháp ấy chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, dứt các quán pháp, rốt ráo thanh tịnh; ấy gọi là thượng như.

Lại nữa, có người nói trong chín sự ấy có pháp, ấy gọi là như, ví như pháp của đất cứng và nặng, pháp của nước lạnh và ướt, pháp của lửa nóng và chiếu sáng, pháp của gió nhẹ và động, pháp của tâm hiểu và biết. Các pháp như vậy gọi là như; như trong Kinh nói: có Phật không Phật, thì như, pháp tướng, pháp vị vẫn thường trú thế gian, nghĩa là vô minh làm nhân duyên cho các hành, thường như bổn pháp.

Pháp tánh là tánh trong chín pháp.

Thật tế là được quả chứng trong chín pháp.

Lại nữa, các pháp thật tướng, thường trú không lay động, chúng sanh vì các phiền não vô minh... nên đối với thật tướng thay đổi quanh co, chư Phật, hiền thánh dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, phá các phiền não vô minh... khiến chúng sanh trở lại ngộ được thật tánh, như bổn nguyên không khác, ấy gọi là Như.

Thật tánh hợp cùng vô minh cho nên biến đổi, không thanh tịnh, nếu trừ bỏ vô minh, được thật tánh, ấy gọi là pháp tánh thanh tịnh.

Thật tế là vào trong pháp tánh, biết pháp tánh vô lượng vô biên, rất là vi diệu, không còn pháp nào hôn pháp tánh, ra ngoài pháp tánh. Tâm đầy đủ không còn cầu gì khác, thời liền tác chứng; ví như đi đường, ngày ngày dẫn bước không ngừng nghỉ, đến chỗ cần đến, không còn tâm muốn đi nữa. Hành giả trú ở thật tế, cũng lại như vậy; như A-la-hán, Bích-chi Phật trú ở thật tế, giả sử lại có hằng sa chư Phật vì họ thuyết pháp, cũng không thể làm tăng tấn thêm, lại không còn sanh vào ba cõi.

Nếu Bồ-tát vào pháp tánh ấy, xa biết thật tế, hoặc chưa đầy đủ sáu Ba-la-mật, mà giáo hóa chúng sanh, bấy giờ nếu đắc chứng thì trở ngại việc thành Phật đạo. Nên khi ấy Bồ-tát dùng lực đại bi tinh tấn, trở lại

tu các hạnh.

Lại nữa, biết trong thật tướng các pháp không có pháp thường, không có pháp lạc, không có pháp ngã, không có pháp thật, cũng bỏ các pháp quán. Như vậy hết thảy pháp quán đều diệt, ấy là chư pháp thật như Niết-bàn, bất sanh bất diệt, như vốn chưa hề sanh; ví như nước là tướng lạnh, nhờ lửa trở nên nóng; nếu lửa tắt nóng hết, trở lại lạnh như trước. Dùng các pháp quán như nước được lửa, nếu dứt các pháp quán như lửa tắt nước lạnh; ấy gọi là Như. Như thật thường trú. Vì cớ sao? Vì các pháp tánh tự như vậy, ví như hết thảy sắc pháp đều có phần không, trong các pháp đều có tánh Niết-bàn, ấy gọi là pháp tánh. Các pháp phương tiện để được Niết-bàn cũng gọi là pháp tánh. Nếu khi được chứng, thì Như, Pháp tánh trở thành Thật tế.

Lại nữa, pháp tánh là vô lượng vô biên, chẳng phải tâm tâm số pháp lường được; ấy gọi là pháp tánh. Thâm diệu cùng cực nôi đây; ấy gọi là chân tế.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đếm biết số vi trần các núi đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát muốn chẻ một sợi lông làm trăm phần, muốn lấy một phần lông cất lên hết nước của ao hồ, sông ngòi, biển lớn trong ba ngàn đại thiên thế giới mà không quấy động thủy tánh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, lửa cùng bốc cháy trong một lúc; giống như lửa cháy lúc kiếp tận, Bồ-tát ma-ha-tát muốn thổi một hơi làm cho tắt hết, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, gió lớn nổi lên, muốn thổi tan ba ngàn đại thiên thế giới, và các núi Tu-di, như xô cỏ mục, Bồ-tát ma-ha-tátmuốn lấy một ngón tay ngăn sức gió ấy không cho nổi dậy, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Sao Phật không tán thán công đức lục độ của các Bồ-tát, mà lại tán thán đại lực này?

Đáp: Chúng sanh có hai hạng: một hạng ưa thiện pháp, một hạng ưa quả báo thiện pháp. Vì hạng ưa thiện pháp nên tán thán các công đức; vì hạng ưa quả báo thiện pháp nên tán thán lực đại thần thông.

Lại nữa, có người nói, tên bốn đại, nó thật cũng vô lượng vô biên, thường có ở đời nên không thể làm di động hết để lường nó nhiều ít. Người ta tuy có tạo dựng thành quách điện đài, dùng nó rất ít, mà sự rộng lớn của đất, chở nuôi muôn vật, rất là bền chắc. Vì vậy nên Phật dạy đối với vi trần các núi Tu-di và đất trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều muốn biết hết số lượng của nó; và đối với nghiệp nhân duyên mỗi mỗi

chúng sanh, có phần trong mỗi mỗi vi trần, Bồ-tát muốn biết nó nhiều ít, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Vi trần của một cục đá cục đất còn khó đếm được, huống chi số vi trần của đất và các núi trong ba ngàn đại thiên thế giới. Điều ấy không thể tin?

Đáp: Trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật còn không thể biết, huống chi phàm phu. Việc ấy là việc chư Phật đại Bồ-tát biết. Như kinh Pháp Hoa nói: Ví như đất và các núi của ba ngàn đại thiên thế giới, nghiền thành vi trần, qua ngàn thế giới phương đông thả một bụi trần, như vậy qua mỗi ngàn thế giới lại thả một bụi trần, như vậy thả hết các vi trần của ba ngàn đại thiên thế giới. Phật bảo Tỳ-kheo: "Số thế giới vi trần ấy có thể tốn số trù lượng biết được chăng?" Các Tỳ-kheo thưa: "Không thể biết được." Phật dạy: "Các nước có thể dính bụi không dính bụi ấy đều nghiền hết làm bụi. Phật Đại Thông Tuệ từ khi ra đời đến nay, kiếp số cũng như vậy." Số vi trần của vô lượng hằng sa thế giới như vậy, chư Phật và đại Bồ-tát đều biết hết, huống gì một hằng sa thế giới.

Lại nữa, vô lượng là theo tâm người mà nói. Như nước đại hải gọi là vô lượng, sâu tám vạn do tuần (mỗi do tuần độ mười sáu dặm) nhưng chúa A-tu-la La-hầu thân lớn, lường nó nhiều ít còn chẳng cho là khó.

Hỏi: Tại sao thực hành Bát-nhã Ba-la-mật được trí tuệ ấy?

Đáp: Người thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, dứt các phiền não và tà kiến hý luận, vào thiền định thâm sâu của Bồ-tát, niệm trí thanh tịnh tăng rộng, nên có thể phân biệt vi trần các sắc, biết số lượng đó.

Lại nữa, chư Phật và đại Bồ-tát, được vô ngại giải thốt, nên vượt hơn việc ấy, còn không cho là khó, huống gì từng ấy.

Lại nữa, có người cho đất là cứng chắc, tâm không hình chất đều là hư vọng, vì vậy nên Phật dạy tâm lực rất lớn. Thực hành Bát-nhã Ba-la-mật nên nghiền nát đại địa làm vi trần, vì đất có sắc, hương, vị, xúc nặng nề nên tự không động tác được, nước thiếu hương nên động tác hôn đất, lửa thiếu hương và vị nên động tác hôn nước, gió thiếu sắc, hương và vị nên động tác hôn lửa; tâm không có bốn thứ sắc, hương, vị, xúc, nên sức động tác lớn.

Lại tâm vì có nhiều phiền não kiết sử trói buộc nên làm cho tâm lực nhỏ yếu. Thiện tâm hữu lậu tuy không phiền não, nhưng vì tâm chấp thủ tướng các pháp, nên lực nó cũng ít. Tâm vô lậu của nhị thừa, tuy không chấp thủ tướng, mà vì trí tuệ có hạn lượng và đến khi ra khỏi tâm vô lậu đạo, sáu căn theo thế tục phân biệt, trở lại chấp thủ tướng các pháp,

nên không phát huy hết tâm lực. Chư Phật và đại Bồ-tát trí tuệ vô lượng vô biên, thường thiền định, không phân biệt thế gian và Niết-bàn. Thật tướng các pháp, nó thật không khác, chỉ trí có hôn kém. Người thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh, không có gì quái ngại, trong một niệm có thể đếm số vi trần đại địa và các núi trong ba ngàn đại thiên thế giới mười phương số như hằng hà sa, huống gì mỗi một hằng hà sa thế giới trong mười phương.

Lại nữa, nếu lìa Bát-nhã Ba-la-mật, tuy được thần thông mà không thể biết như trên. Vì vậy nói muốn được đại thần lực, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại có người nói: Trong hết thảy các vật, nước là lớn nhất, vì cớ sao? Vì bốn phía đại địa đều có nước. Nếu hộ thế thiên chủ không tiết độ trời mưa, lại không có ngọc làm tiêu nước thì trời đất bị trôi chìm. Lại nhờ nước mà chúng sanh số, phi chúng sanh số đều được sanh trưởng. Do vậy, đủ biết nước là lớn nhất. Vì vậy Phật dạy Bồ-tát muốn biết giọt nước nhiều ít, phân tán từng giọt từng giọt làm cho vô lực, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại có người nói: Lửa là lớn nhất. Vì cớ sao? Vì không có hương và vị. Lại vì chỗ nước rất nhiều, mà lửa có thể làm khô, lực của hỏa đại, hay đốt cháy vạn vật, hay soi chỗ tối, vì vậy nên biết lửa là rất lớn. Thế nên Phật dạy Bồ-tát muốn thổi tắt hỏa đại, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Lửa nhờ gió mà cháy bừng, cớ sao diệt nhau?

Đáp: Tuy nhờ nhau, mà quá lắm thì diệt nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, lửa nhiều vô lượng, miệng thổi, gió rất ít, làm sao diệt được?

Đáp: Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nhân thiền định được thần thông có thể biến thân làm cho lớn, gió trong miệng cũng lớn, cho nên thổi diệt được. Lại do thần lực, nên gió ít có thể làm tắt, ví như Kim cương nhỏ có thể phá núi lớn. Vì vậy chư thiên, người đời thấy thần lực ấy, thảy đều kính phục.

Lại nữa, Bồ-tát cho rằng lửa làm hại rộng lớn, vì thương chúng sanh nên đem thần lực diệt tắt.

Lại vì ba ngàn đại thiên thế giới thành lập rất khó, Bồ-tát do lực phước đức trí tuệ nên ngăn được nó.

Lại có người nói: Trong bốn đại, sức gió rất lớn, vì không có sắc, hương, vị, tướng lay động rất lớn. Vì cớ sao? Ví như hư không vô biên, gió cũng vô biên, mọi sự sanh, nuôi, thành, bại đều do nơi gió, thế của gió lớn xô nát các núi ba ngàn đại thiên thế giới. Vì vậy Phật dạy muốn

lấy một ngón tay ngăn sức gió kia, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, vô lượng vô biên, làm cho sức ngón tay mạnh như vậy.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn ngồi kiết-già-phu một chỗ mà biến khắp hư không trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát vì nhân duyên gì nên ngồi kiết-già-phu như vậy?

Đáp: Vì Phạm thiên vương chủ của ba ngàn thế giới, sanh tâm tà kiến cho mình là lớn, thấy Bồ-tát ngồi kiết-già-phu biến khắp hư không, thì dứt tâm kiêu mạn ấy.

Lại trong lực thần thông, phương tiện khéo léo nên một có thể làm nhiều, nhiều làm một; nhỏ làm lớn, lớn làm nhỏ, cũng muốn thị hiện việc hy hữu khó có, nên ngồi khắp hư không; cũng vì ngăn các quỷ thần long vương não loạn chúng sanh nên ngồi khắp hư không. Làm cho chúng sanh an ổn; như anh em Long vương Nan-đà-bà-nan-đà muốn phá thành Xá-bà-đề, mưa xuống các binh khí, rắn độc. Khi ấy Mục-liên ngồi thẳng, khắp hư không, biến các vật độc hại thành hoa hương, anh lạc.

Vì vậy nên nói, Bồ-tát ma-ha-tát muốn ngồi kiết-già phu một chỗ, mà biến khắp hư không trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy một sợi lông nhấc các núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới ném qua vô lượng vô số thế giới Phật ở phương khác, mà không quấy nhiễu chúng sanh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát cớ sao cất núi Tu-di và các núi ném qua vô lượng thế giới ở phương khác?

Đáp: Không hẳn có nhấc lên, đây chỉ nói rõ lực của Bồ-tát có thể nhấc lên vậy thôi.

Lại nữa, các Bồ-tát vì biết Phật sẽ thuyết pháp nên trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, dẹp trừ các núi làm cho đất bằng phẳng, như trong kinh Pháp Hoa nói: Phật muốn nhóm các hóa Phật, nên trước tiên sửa bằng đại địa, cũng muốn hiện ra việc hy hữu, để cho chúng sanh thấy. Vì cớ sao? Vì một núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, nếu nhấc lên một núi đã là hy hữu, huống gì nhấc lên trăm ức núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu lấy một sợi lông nhấc lên trăm ức núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới còn khó, huống gì lấy đầu một sợi

lông, ném trăm ức núi Tu-di qua vô lượng vô số thế giới. Chúng sanh thấy việc hy hữu của Bồ-tát, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, suy nghĩ rằng: Bồ-tát ấy chưa thành Phật đạo, mà thần lực còn như vậy huống gì thành Phật, vì vậy nên nói như thế.

KINH: Muốn đem một phần ăn cúng dường khắp chư Phật và Tăng số như cát sông Hằng ở mỗi phương trong mười phương thế giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn đem một chiếc áo, hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, đèn đuốc, tràng phan, lọng hoa... cúng dường chư Phật và Tăng, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Bồ-tát dùng một phần ăn cúng dường một đức Phật và Tăng còn là một việc khó, huống gì chư Phật và Tăng nhiều như cát sông Hằng trong mười phương?

Đáp: Công đức cúng dường ở tâm không ở sự. Nếu Bồ-tát dùng một phần ăn với đại tâm là cúng dường khắp mười phương chư Phật và Tăng; cũng không vì xa gần làm ngăn ngại, cho nên chư Phật đều thấy, đều thọ nhận.

Hỏi: Chư Phật vì có Nhất thiết trí, nên đều thấy đều thọ nhận, còn Tăng không có Nhất thiết trí làm sao thấy được, làm sao thọ nhận được?

Đáp: Tăng tuy không thấy không biết, mà sự cúng dường kia, người thí được phước, ví như có người sai sứ cúng dường người kia, người kia tuy không được, mà người này đã được phước bố thí. Như Từ tâm tam-muội, đối với chúng sanh tuy không cho gì, mà người hành thí Từ tâm được công đức vô lượng.

Lại nữa, các Bồ-tát thành tựu vô lượng vô tận công đức, nên dùng một phần ăn cúng dường mười phương chư Phật và Tăng thảy đều đầy đủ; mà cũng không hết, ví như suối vọt nước ra mà không khô kiệt. Như Văn-thù-thi-lỵ dùng một bát đựng hoàn hoan hỷ, cúng dường tám mươi bốn ngàn Tăng, thảy đều no đủ mà cũng không hết.

Lại nữa, Bồ-tát ở đây dùng một bát đồ ăn cúng dường mười phương chư Phật, mà trước mười phương chư Phật, đồ ăn uống hiện ra đầy đủ, ví như quỷ thần được đồ ăn vào một miệng mà xuất ra ngàn vạn bội.

Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, được vô lượng môn thiền định, và vô lượng môn trí tuệ phương tiện, vì vậy nên không việc gì không làm được; vì Bát-nhã Ba-la-mật vô ngại, nên tâm Bồ-tát làm gì cũng vô ngại. Bồ-tát hay cúng dường mười phương ngàn vạn ức chư Phật và Tăng số như cát sông Hằng, huống gì như một hằng hà sa, cúng y phục, hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, đèn đuốc,

tràng phan, lọng hoa... cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mỗi phương trong mười phương, đều đầy đủ giới hạnh, tam-muội, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến, khiến chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cho đến khiến chứng được Vô dư Niết-bàn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Nghĩa năm pháp uẩn (giới, định, tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến – N.D) như trước nói. Quả vị Tu-đà-hoàn có hai: 1. Phật nói dứt ba kiết, chứng được vô vi. Lại như trong A-tỳ-đàm nói, dứt 88 kiết, chứng được quả vô vi, Tu-đà-hoàn. 2. Hạng người tín hành, pháp hành, trú trong đạo tỷ trí (cũng gọi là đạo loại trí – N.D) chứng được quả vị Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, Tu-đà là dòng, tức Tám Thánh đạo phần. Hoàn (Ban-na) là vào, vào dòng Tám Thánh đạo phần đưa vào Niết-bàn; ấy gọi là bước đầu quán thật tướng các pháp, được vào phần vô lượng pháp tánh, lọt vào trong số thánh nhân.

Tư-đà là một, Hàm là lại. Người này ở đây chết, sanh lên cõi trời, từ cõi trời còn trở lại cõi Dục một lần nữa là được hết các khổ.

A-na là chẳng, Hàm là lại, ấy là tướng không trở lại. Người này chết ở cõi Dục, sanh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc, ở tại đây dứt hết các lậu hoặc, không còn sanh trở lại cõi Dục.

Hỏi: A-na-hàm dứt tại đời này hay tại thân trung ấm, cũng không sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, cớ sao gọi là A-na-hàm?

Đáp: A-na-hàm phần nhiều sanh trong cõi Sắc, cõi Vô sắc, còn dứt tại đời này thì ít, vì ít phải theo nhiều. Dứt tại thân trung ấm cũng từ cõi Dục sanh lên cõi Sắc, thấy thân sau đáng sợ, liền thủ chứng Niết-bàn. Vì vậy nên nhân nơi nhiều mà gọi tên.

A-la-hán vì dứt hết tất cả phiền não nên xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hết thảy trời, rồng, quỷ thần. A-la-hán có chín hạng: thối pháp, không thối pháp, tử pháp, hộ pháp, trú pháp, thắng tấn pháp, chẳng hoại pháp, tuệ giải thốt, cọng giải thốt A-la-hán. Nghĩa của chín hạng này như trước đã nói. Và tám bội xả, tám thắng xứ, mười nhất thiết xứ, diệt tận định. Vô tránh tam-muội, nguyện trí... là các công đức thù diệu của A-la-hán, và chứng được vô dư Niết-bàn.

Vô dư Niết-bàn: A-la-hán xả bỏ thân năm uẩn này không còn trở lại tiếp nối thọ thân năm uẩn sau, dứt vĩnh viễn các khổ của thân tâm. Ba đạo quả sau, nói như đạo quả đầu.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành bố thí theo Bát-nhã Ba-la-mật, nên phân biệt rằng: Bố thí như vậy được quả báo lớn, bố thí như vậy được sanh vào dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ; bố thí như vậy, được sanh cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Nhân bố thí ấy được vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Nhân bố thí ấy, có thể phát sanh Tám Thánh đạo phần; nhân bố thí ấy, có thể chứng được Tu-đà-hoàn đạo, cho đến Phật đạo, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát ma-ha-tát biết thật tướng các pháp không lấy không bỏ, không có gì phá hoại, hành Bát-nhã Ba-la-mật bất khả đắc, đem tâm đại bi, trở lại tu phước hạnh. Cánh cửa đầu của phước hạnh, trước tiên là bố thí. Bố thí thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, trí tuệ minh lợi, phân biệt phước bố thí; vật thí tuy đồng, mà phước đức nhiều ít là tùy tâm hôn kém. Như Xá-lợi-phất lấy một bát cơm dâng Phật, Phật liền đem cho chó mà hỏi Xá-lợi-phất: Ông thí cơm cho Ta, Ta lấy cơm cho chó, ai được phước nhiều?

Xá-lợi-phất đáp: Như con hiểu nghĩa Phật pháp, thì Phật thí cho chó được phước nhiều.

Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ tối thượng trong hết thảy người, và Phật phước điền là bậc nhất mà không bằng thí cho chó là ruộng xấu mà lại được phước nhiều. Vì vậy nên biết phước lớn từ tâm sanh, chứ không từ ruộng: như Xá-lợi-phất gấp ngàn vạn ức lần chẳng bằng kịp tâm Phật. Hỏi: Như ông nói ruộng phước tốt thì được phước nhiều, mà sao Xá-lợi-phất cúng thí cho Phật lại không được phước nhiều?

Đáp: Ruộng tốt tuy được phước nhiều mà không bằng tâm tốt. Vì cớ sao? Vì tâm là nội chủ, ruộng là vật ngoài. Hoặc có khi phước bố thí cốt ở ruộng phước, như A-la-hán Ức-nhĩ, xưa lấy một cành hoa cúng nôi tháp Phật, mà trong chín mươi mốt kiếp ở cõi trời hưởng lạc, sức phước đức còn lại chứng được A-la-hán. Lại như vua A-dục lúc trẻ nhỏ lấy đất cúng Phật, khi được làm vua cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) lại dựng tám mươi ngàn tháp, tối hậu được đạo. Vật thí rất hèn mà tâm tiểu nhi thanh tịnh và chỉ do ruộng phước tốt mà được quả báo lớn, nên biết đó là phước lớn từ ruộng tốt sanh. Nếu là phước lớn trên hết, thì phải đủ ba việc là tâm, vật thí, ruộng phước đều tốt, như trong phẩm đầu của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Phật lấy hoa đẹp rải trên mười phương Phật.

Lại nữa, như đem tâm Bát-nhã Ba-la-mật mà bố thí, vì không chấp

trước nên được quả báo lớn.

Lại nữa, vì Niết-bàn mà bố thí cũng được quả báo lớn. Vì tâm đại bi thương độ chúng sanh mà bố thí, cũng được quả báo lớn.

Lại nữa, quả báo lớn là như trong đây nói, là được sanh vào nhà Sát-lợi cho đến được thành Phật.

Hỏi: Tại sao bố thí lại được sanh vào nhà Sát-lợi cho đến được thành Phật?

Đáp: Nếu có người nhờ bố thí, trì giới, mà được giàu sang trong cõi người, cõi Trời, thì như có người chí tâm bố thí, trì giới nên được sanh vào nhà Sát-lợi. Nhà Sát-lợi là vua và đại thần; nếu ưa đắm kinh sách trí tuệ không não hại chúng sanh mà bố thí, trì giới thì sanh vào nhà Bà-la-môn; nếu bố thí trì giới ít, mà ưa đắm cái vui thế gian, thì sanh vào nhà cư sĩ. Cư sĩ là tiểu nhân mà giàu lớn. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh hơn chút ít, chán sợ gia nghiệp, ưa vui nghe pháp, cúng dường người lành, thì được sanh cõi trời Tứ thiên vương. Vì cớ sao? Vì ở cõi này tâm cầu muốn gì đều có được; thường thấy ở trong đó các thánh hiền, thiện nhân, sanh tâm cúng dường, vì gần chỗ tu phước. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh, cúng dường cha mẹ và bậc tôn quý, tâm muốn cầu hơn nhiều, thì được sanh lên cõi Trời Ba mươi ba. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh và ưa học hỏi, tâm ý nhu hòa thì được sanh cõi Trời Dạ-ma. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh, làm cho hai việc này càng cao hơn, ưa vui nghe nhiều, phân biệt tốt xấu, ưa vui Niết-bàn, tâm say đắm công đức thì được sanh cõi Trời Đâu-suất. Nếu bố thí và có thâm tâm trì giới, nghe nhiều, ưa vui học vấn, tự lực sinh hoạt, thì được sanh cõi Trời Hóa-lạc. Nếu khi bố thí, trì giới thanh tịnh càng sâu, ưa vui nghe nhiều, tâm quý mình nhiều, không thể tự làm khổ, theo người khác tìm vui, thì được sanh cõi Trời Hóa-tự-tại. Ở đây người khác suy nghĩ, phương tiện siêng năng hóa làm nữ sắc, năm dục, tự tại đoạt lấy cho mình, ví như người dân tự khổ thân tạo tác, người khác dùng sức mạnh đoạt lấy.

Lại nữa, trong khi bố thí do nguyện lực nên sanh cõi trời; như trong Kinh nói: Có người tu bố thí, trì giới chút ít không biết thiền định, người ấy nghe có Trời Tứ thiên vương, tâm thường chí nguyện đến đó. Phật nói người ấy mạng chung được sanh cõi trời Tứ thiên vương, chắc có lẽ ấy; cho đến sanh cõi Trời Tha hóa tự tại cũng như vậy.

Lại nữa, có người bố thí, trì giới, trong khi tu bố thí tâm được an vui, nếu thí nhiều thì vui cũng nhiều. Suy nghĩ như vậy, bỏ năm dục, trừ năm triền cái, vào Sơ thiền, cho đến vào cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng

cũng như vậy. Nghĩa của Bốn thiền, Bốn vô sắc định như trước nói.

Lại nữa, có người bố thí cho Phật và đệ tử Phật, theo đó được nghe giảng đạo pháp, người này nhân sự bố thí đó tâm được nhu nhuyến, trí tuệ minh lợi, tức phát sanh Tám thánh đạo phần, đứt ba kiết (thân, kiến, giới cấm thủ, nghi – N.D) chứng được quả Tu-đà-hoàn; cho đến chứng Phật đạo cũng như vậy.

Nhân sự bố thí được nghe thuyết pháp ấy, bèn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, người chưa lìa dục mà bố thí, được sanh làm người giàu sang và sanh cõi Trời Lục dục. Nếu lìa dục mà bố thí thì được sanh cõi Trời Phạm Thế cho đến cõi Trời Quảng Quả. Nếu tâm lìa sắc mà bố thí thì được sanh cõi Trời Vô sắc. Vì cầu Niết-bàn lìa ba cõi mà bố thí thì được quả Thanh văn. Khi bố thí, chán ghét ồn ào, ưa vui nhàn tịnh, ưa trí tuệ sâu xa, thì được đạo quả Bích-chi Phật. Khi bố thí, khởi tâm đại bi muốn độ chúng sanh, có trí tuệ thanh tịnh rốt ráo sâu xa bậc nhất, thì được thành Phật đạo.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành bố thí Bát-nhã Ba-la-mật, do lực của tuệ phương tiện nên có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm sao khi bố thí do lực của tuệ phương tiện nên đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Vì tướng người thí, người nhận và tài vật đều không thể có được, nên có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật; vì tướng tội không tội, không thể có được nên đầy đủ Giới Ba-la-mật; vì tâm không động nên đầy đủ Nhẫn Ba-la-mật; vì thân tâm tinh tấn không giải đãi nên đầy đủ Tinh tấn Ba-la-mật; vì không loạn, không ưa đắm nên đầy đủ Thiền Ba-la-mật; vì biết tướng hết thảy pháp không thể có được, nên đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Nghĩa chữ đầy đủ trước đã nói rộng. Tuệ phương tiện trong đây nói chính là ba sự không thể có được vậy (ba sự là người thí, người nhận, vật tài – N.D).

Hỏi: Tuệ phương tiện là có thể thành tựu việc ấy, không gì phá hoại, cũng không gì tạo tác, song nay phá cả ba sự ấy, thì lẽ đáng đọa vào đoạn diệt, cớ sao nói đó là tuệ phương tiện?

Đáp: Có hai thứ không thể có được: 1. Được, không thể có được (đắc bất khả đắc). 2. Không được, không thể có được (bất đắc bất khả

đắc). Được không thể có được, là đọa vào đoạn diệt; nếu không được không thể có được ấy là tuệ phương tiện, không đọa vào đoạn diệt. Nếu bố thí không có tuệ phương tiện thì chấp thủ tướng ba sự; nếu cho ba sự không, thì chấp thủ vô tướng. Có tuệ phương tiện thì từ xưa lại đây không thấy tướng ba sự, vì vậy tuệ phương tiện không đọa vào có và không.

Lại nữa, khi bố thí phá hoại các phiền não, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Lại nữa, đối với hết thảy chúng sanh, khởi tâm đại bi bố thí, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Lại nữa, trong vô lượng đời quá khứ vị lai tu phước đức bố thí, đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng gọi là tuệ phương tiện.

Lại nữa, đối với công đức của ba đời mười phương Phật và đệ tử Phật, đều ức niệm tùy hỷ bố thí và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Các lực như vậy, là nghĩa của tuệ phương tiện. Cho đến Bát-nhã Ba-la-mật tuệ, phương tiện cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Công đức Phật quá khứ đã diệt, công đức Phật vị lai chưa có, công đức Phật hiện tại không thể có được. Lại công đức của Phật ba đời đều không thể có được, cớ sao nói muốn được công đức Phật ba đời, nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Không phải nói muốn được công đức của Phật ba đời, mà nói tự muốn được công đức như Phật ba đời không giảm thiểu. Vì cớ sao? Vì công đức của tất cả Phật đều bình đẳng, không nhiều không ít.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao nói đức Phật A-di-đà sống lâu vô lượng, ánh sáng chiếu ngàn vạn ức do tuần, vô lượng kiếp độ chúng sanh?

Đáp: Thế giới chư Phật có nhiều thứ, có thế giới tịnh, có thế giới bất tịnh, có thế giới lẫn lộn, như phẩm kinh Cõi trời Ba mươi ba nói: Phật an-cư ở cõi trời Ba mươi ba, giờ Tự-tứ đến, mà bốn chúng lâu không thấy Phật, lo buồn không vui, sai Mục-liên bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Cớ sao bỏ chúng sanh ở đây mà lên ở cõi trời kia?"

Bấy giờ Phật bảo Mục-liên: "Ông hãy xem ba ngàn thế giới." Mục-liên nhờ Phật lực liền thấy các đức Phật; hoặc vì chúng sanh nói pháp, hoặc ngồi thiền, hoặc đi khất thực, thi tác các Phật sự như vậy. Mục-liên liền năm vóc gieo sát đất. Lúc ấy núi Tu-di cao ngất động mạnh, chư thiên đều rất sợ hãi, Mục-liên khóc rơi lệ, cúi đầu bạch Phật: "Phật

có tâm đại bi, không bỏ hết thảy, làm các việc như vậy hóa độ chúng sanh."

Phật bảo Mục-liên: "Điều ông thấy rất ít, quá chỗ thấy của ông về phương đông có quốc độ, đất thuần bằng hoàng kim, đệ tử Phật ở cõi kia đều là A-la-hán, đủ sáu thông không chướng ngại. Lại quá khỏi đó, phương đông có quốc độ, đất thuần bằng bạch kim, đệ tử Phật ở cõi kia đều học đạo Bích-chi Phật. Lại quá cõi đó, phương đông có quốc độ đất thuần bằng bạch ngân; đệ tử Phật kia đều học Bích-chi Phật đạo. Lại quá cõi đó, phương đông có nước thuần bảy báu, đất kia thường có ánh sáng vô lượng, đệ tử đức Phật kia hóa độ thuần là các Bồ-tát, đều được các môn tam-muội, các Đà-la-ni, ở địa vị bất thối chuyển. Mục-liên nên biết, các Phật kia đều là thân ta. Như vậy vô lượng thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương đông, có thế giới trang nghiêm, có thế giới không trang nghiêm, đều là nơi thân Ta làm Phật sự; như phương Đông; các phương Nam, Tây, Bắc; bốn góc, trên dưới cũng như vậy."

Vì vậy nên biết Thích-ca Văn Phật còn có thế giới thanh tịnh như thế giới Phật A-di-đà. Phật A-di-đà cũng có thế giới nghiêm tịnh và chẳng nghiêm tịnh như thế giới của Thích-ca-văn Phật.

Chư Phật đại bi, thấu suốt xương tủy, không kể thế giới tốt xấu, chỉ tùy căn cô đáng độ mà giáo hóa, như mẹ lành thương con, dẫu con bị chìm hầm xí, cũng siêng tìm cách cứu vớt, không cho là xấu bẩn.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 33

50. GIẢI THÍCH ĐẾN BỜ KIA...

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đến bờ kia của hết thảy pháp hữu vi vô vi, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bờ kia là đối với pháp hữu vi vô vi đến tận bờ mé.

Thế nào là bờ kia? Là dùng đại trí tuệ biết rõ hết thảy pháp hữu vi, các tướng chung tướng riêng của nó đều biết rõ. Đối với pháp vô vi, từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật, thảy đều biết rõ; nghĩa tướng của pháp hữu vi vô vi, như trước đã nói.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết quá khứ, vị lai, hiện tại các pháp như, các pháp tướng, vô sanh tế, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Trên kia đã nói như, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trên chỉ nói ngay các pháp như, nay nói pháp ba đời đều như; trên nói lược, đây nói rộng; trên nói một, đây nói ba. Pháp tướng tức là pháp tánh; vô sanh tế tức là chân tế, quá khứ pháp như, tức là pháp tướng quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, quá khứ pháp như, tức là vị lai, hiện tại pháp như; hiện tại pháp như tức là quá khứ, vị lai pháp như; vị lai pháp như, tức là quá khứ, hiện tại pháp như. Vì cớ sao? Vì tướng "như" chẳng phải một chẳng phải khác.

Lại nữa, như trước nói hai thứ như: 1. Thế gian như. 2. Xuất thế gian như. Dùng thế gian như thì ba đời mỗi mỗi khác; dùng xuất thế gian như thì ba đời là một.

Lại nữa, pháp tướng là nghiệp dụng của các pháp, lực tạo tác, nhân duyên, quả báo của các pháp. Như lửa là tướng nóng, nước là tướng ướt, như vậy phân biệt các tướng riêng khác về nhân duyên, quả báo của các pháp; như trong mục Thị xứ phi xứ lực ở trước nói; ấy gọi là pháp tướng thế gian. Nếu đối với các pháp ấy truy cầu tầm cứu nhập vào vô sanh pháp, không còn gì quá hơn nữa; ấy gọi là vô sanh tế.

Hỏi: Như, pháp tướng có thể phân biệt có ba đời, còn vô sanh tế là pháp vị lai, làm sao có quá khứ, hiện tại? Như trong A-tỳ-đàm nói sanh

pháp là quá khứ, hiện tại, vô sanh pháp là vị lai và pháp vô vi, làm sao muốn khiến cả pháp quá khứ, hiện tại có vô sanh?

Đáp: Các đoạn như trước nói phá sanh pháp, thì hết thảy pháp đều vô sanh, chứ đâu chỉ vị lai vô sanh, như trong chương giải thích nghĩa chữ Nhất thời đã phá ba đời. Ba đời một tướng, đó là vô tướng, như vậy là tướng vô sanh.

Lại nữa, vô sanh là Niết-bàn, vì Niết-bàn không sanh sanh diệt, Niết-bàn là rốt ráo cuối cùng, không còn sanh trở lại, mà hết thảy pháp tức là Niết-bàn, nên Phật dạy hết thảy pháp đều là vô sanh tế.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn ở trước hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật, muốn hầu hạ chư Phật, muốn làm nội quyến thuộc của chư Phật, muốn được đại quyến thuộc, muốn được Bồ-tát làm quyến thuộc; muốn thanh tịnh báo đáp ơn đại thí, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Nếu Bồ-tát chưa sạch hết lậu, làm sao được ở trước bậc Thánh nhân sạch hết lậu?

Đáp: Bồ-tát khi mới phát tâm đã ở trước hết thảy chúng sanh, huống gì đã nhiều kiếp tu hành? Bồ-tát công đức trí tuệ lớn, nên đời đời thường lớn, có thể làm lợi ích cho Thanh văn, Bích-chi Phật. Chúng sanh biết ơn Bồ-tát, nên tôn sùng kính trọng, cho đến ở trong súc sanh cũng là tôn trọng. Như Bồ-tát kiếp xưa làm nai, màu sắc như vàng, sừng bảy báu, năm trăm nai tùy tùng kính thờ. Nếu sanh trong loài người, đời tốt thì làm Chuyển luân Thánh vương, đời ác thường làm Đại vương, hộ trì Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Nếu xuất gia, gặp đời có Phật pháp, thì làm vị đại độ sư cho đời, hưng hiển Phật pháp; nếu gặp đời không Phật pháp, thì làm đại sư ngoại đạo, tu hành bốn vô lượng tâm. A-la-hán, Bích-chi Phật, tuy được vô lậu mà việc lợi ích ít; ví như một thăng váng sữa tuy tinh sạch, chẳng bằng cao sữa đầy nước biển lớn. Bồ-tát tuy trí tuệ hữu lậu mà đến khi thành thục, thì lợi ích vô lượng.

Lại nữa, bốn sự cúng dường dụng cụ trợ đạo cho La-hán, Bích-chi Phật phần nhiều do Bồ-tát mà có được; như kinh thủ Lăng-nghiêm nói: Văn-thù-sư-lợi bảy mươi hai ức kiếp làm Bích-chi Phật, giáo hóa người tu pháp Bích-chi Phật khiến họ được thành đạo. Vì vậy nên Bồ-tát ở trước Thanh văn, Bích-chi Phật.

Muốn hầu hạ chư Phật: Thích-ca Văn Phật khi chưa xuất gia, Xa-nặc hầu hạ, Ưu-đà-da làm trò vui, Cù-tỳ-da, Da-du-đà các thể nữ làm nội quyến thuộc; khi xuất gia tu khổ hạnh sáu năm, có năm người hầu hạ. Khi thành đạo có Di-hỷ, La-đà, Tu-na-sát-đa-la, A-nan, Mật-tích lực

sĩ...; ấy là nội quyến thuộc.

Đại quyến thuộc: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại-Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Phú-lâu-na, A-nâu-lô-đâu các thánh nhân; và Di-lặc, Văn-thù-sư-lợi, Bạt-đà-bà-la các Bồ-tát nhất sanh bổ xứ không thối chuyển; ấy gọi là đại quyến thuộc.

Lại nữa, Phật có hai thân: 1. Pháp tánh sanh thân. 2. Tùy thế gian thân. Quyến thuộc của thế gian thân như trước đã nói; quyến thuộc của pháp tánh sanh thân là vô lượng vô số Bồ-tát nhất sanh bổ xứ theo hầu. Vì cớ sao? Vì như trong kinh Bất khả tư nghì giải thốt nói: lúc Phật sắp sanh có tam mươi bốn ngàn Bồ-tát nhất sanh bổ xứ ở tiền đạo. Bồ-tát (Phật) theo sau sanh ra; ví như bóng mây lồng trăng.

Lại như kinh Pháp Hoa nói: Các Bồ-tát từ đất vọt lên, đều là nội quyến thuộc, đại quyến thuộc.

Bồ-tát làm quyến thuộc: Có đức Phật lấy thuần Bồ-tát làm quyến thuộc, có đức Phật lấy thuần Thanh văn làm quyến thuộc; có đức Phật lấy cả Bồ-tát và Thanh văn xen lẫn làm quyến thuộc, cho nên nói chỉ muốn lấy Bồ-tát làm quyến thuộc, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Quyến thuộc có ba hạng: thượng, trung, hạ. Hạ quyến thuộc thuần Thanh văn; trung quyến thuộc lẫn lộn Thanh văn Bồ-tát, thượng quyến thuộc thuần là Bồ-tát.

Thanh tịnh báo đáp ôn đại trí: Có người nói Bồ-tát chứa nhiều phước, nhưng chưa trừ hết phiền não, lãnh thọ của người tín thí, chưa thể thanh tịnh báo đáp. Phật dạy: Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thấy các pháp đều không, không thể có được, huống gì các kiết sử. Bồ-tát vào trong pháp tánh, không thủ chứng thật tế, cho nên có thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ.

Lại nữa, công đức Bồ-tát rộng lớn, từ khi phát tâm lại đây, muốn thay thế hết thảy chúng sanh chịu mọi sự khổ, muốn đem hết thảy công đức cho hết thảy chúng sanh, vậy sau mới cầu Phật đạo cho mình, nhưng việc ấy không thể được, nên mới tự thành Phật, để độ hết thảy chúng sanh.

Lại chí nguyện Bồ-tát không ràng buộc theo vô số kiếp; cũng như thế gian như, pháp tánh, thật tế, hư không trụ lâu, tâm Bồ-tát trụ thế gian làm lợi ích chúng sanh cũng lâu như thế, không có cùng tận. Bồ-tát như vậy mà không thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ thì ai có thể thanh tịnh báo đáp? Như cha mẹ tuy có kiết sử các ác, vì một đời làm lợi ích cho con, nên nhận sự cúng dường của nó, khiến nó được đại phước; huống gì Bồ-tát không có các kiết sử, mà trụ vô lượng đời làm lợi ích

chúng sanh mà không thanh tịnh báo đáp?

Lại nữa, Bồ-tát chỉ có bi tâm, không có Bát-nhã mà còn có thể lợi ích; huống gì tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu Bồ-tát không còn kiết sử, tại sao còn thọ sanh ở thế gian?

Đáp: Trước đã nói: Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, được pháp tánh sanh thân, nôi nôi biến hóa để độ chúng sanh, trang nghiêm thế giới; do công đức ấy nên tuy chưa thành Phật, mà có thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn không khởi tâm xan lẫn, tâm phá giới, tâm sân nhuế, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm si, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Sáu thứ tâm xấu này làm chướng ngại sáu Ba-la-mật; như khi Bồ-tát tu hành bố thí, nếu có tâm xan lẫn nổi lên, thì làm cho việc bố thí không thanh tịnh, tức là không thể đem vật tốt thí; hoặc cho vật tốt, không thể cho nhiều; hoặc cho vật ngoài, không thể cho vật trong; hoặc có thể cho vật trong, không thể cho hết; đều do tâm xan lẫn. Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật biết hết thảy pháp không ta, không của ta, các pháp đều không, như mộng như huyễn, đem thân, đầu, mắt, xương, tủy bố thí như thí cỏ cây. Bồ-tát tuy chưa đắc đạo mà muốn thường không khởi tâm xan lẫn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Các người khác lìa dục đắc đạo, nên không sanh tâm phá giới, Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật nên không thấy sự phá giới. Vì cớ sao? Vì giới là trú xứ của hết thảy công đức thiện; ví như đất là chỗ nương tựa của muôn vật, phá giới còn không được các đạo quả khác, huống được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vậy nên không khởi tâm phá giới. Lại nghĩ rằng, pháp của Bồ-tát là an lạc chúng sanh, nếu phá giới là não loạn tất cả, vì vậy Bồ-tát còn không khởi tâm phá giới huống gì phá giới.

Hàng Tiểu thừa và phàm phu còn không nên khởi tâm tức giận, huống gì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thân là đồ chứa khổ, đúng pháp phải tự chịu khổ não; ví như người phạm tội, tự chịu hình giết, tự làm tự chịu, không nên oán người. Chỉ nên tự thủ hộ tâm, đừng cho khởi niệm ác; ví như người gặp gió mưa, nóng, rét, cũng không nổi giận. Lại nghĩ rằng, Bồ-tát cầu Phật đạo, lấy tâm đại bi làm gốc; nếu ôm lòng sân hận, thì tiêu mất chí nguyện. Người sân hận còn không được cái vui thế gian, huống gì cái vui của đạo; người sân hận tự không được vui, làm sao có thể đem vui cho người.

Người giải đãi còn không thể thành được việc tốt thế gian, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ví như dùi cây lấy lửa mà thường ngưng nghỉ, thì không hy vọng được có lửa; tâm tán loạn, ví như đèn giữa gió, đèn tuy có sáng mà không thể chiếu vật. Trí tuệ ở giữa loạn tâm cũng như vậy. Trí tuệ là cội gốc của hết thảy thiện pháp, nếu muốn thành tựu trí ấy, trước phải nhiếp tâm, vậy sau mới thành được; ví như ngươi cuồng say, việc tự lợi, lợi tha, tốt xấu đều không hay biết; tâm tán loạn cũng như vậy, việc tốt thế gian còn không thể biết rõ, huống gì pháp xuất thế gian.

Tâm người ngu si, tất cả việc thành bại, đều không biết nổi, huống gì nghĩa lý vi diệu sâu xa; ví như người không có mắt, thì hoặc sa hầm hố, hoặc vào đường quấy. Người vô trí cũng lại như vậy, không còn mắt trí tuệ nên thọ nhận say đắm tà pháp, không lãnh thọ chánh kiến. Người như vậy, việc thế gian gần còn không thành được, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát do lực tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể chướng ngăn sáu tệ ấy, và thanh tịnh sáu Ba-la-mật. Do vậy nên nói nếu muốn không khởi lên sáu tệ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến hết thảy chúng sanh an lập nôi chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu định, chỗ phước khuyến đạo; muốn khiến chúng sanh an lập nơi chỗ phước tài của, phước giáo pháp, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Thế nào gọi là chỗ phước?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm nói, phước là nghiệp thân, khẩu, ý hữu lậu thiện. Lại có người nói, phước là vô phú vô ký. Vì cớ sao? Vì là quả báo do nghiệp hữu lậu thiện nên được vô phú vô ký. Phước là quả báo, cũng gọi là phước, như người thế gian thành được đại sự, làm nên nhiều việc, gọi đó là người phước đức. Phước này lược nói có ba thứ là bố thí, trì giới, tu định.

Thế nào là bố thí? Có người đem y phục, đồ nằm, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc... cho người; ấy gọi là bố thí.

Hỏi: Vật ẩm thực... là bố thí, hay còn có sự bố thí?

Đáp: Vật ẩm thực chẳng phải bố thí, mà khi lấy vật ẩm thực... đem cho, trong tâm phát sanh một pháp gọi là xả bỏ, trái ngược với tâm xan lẫn; ấy gọi là phước đức bố thí, nó hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu, thường là tâm số pháp thiện, tương ưng với tâm, theo tâm hành, cùng với tâm sanh; không sắc không hình; hay làm duyên, tương ưng với nghiệp, theo nghiệp hành, cùng nghiệp sanh, chẳng phải quả báo của nghiệp trước;

được tu, hành tu, tuệ chứng, thân chứng, người phàm phu được và thánh nhân được.

Có người nói: Tư tương ưng với pháp xả, ấy gọi là phước đức bố thí. Vì cớ sao? Vì nghiệp hay sanh quả báo. Tư tức là nghiệp, thân miệng không gọi là nghiệp; từ tư tâm sở sanh, nên được gọi là nghiệp.

Bố thí có hai thứ: 1. Tịnh, 2. Bất tịnh. Bất tịnh là chỉ cho thắng mà thôi. Hoặc sợ mất của nên cho; hoặc sợ trách mắng nên cho; hoặc không cần dùng nên đem cho; hoặc thân ái nên cho; hoặc vì cầu thế nên cho, vì cho nên đưa đến nhiều thế lực lôi kéo; hoặc chết gần kề nên cho; hoặc cầu tiếng khen nên cho; hoặc cầu ngang danh, hôn danh kẻ quý nên cho; hoặc đố kỵ ganh ghét nên cho; hoặc kiêu mạn nên cho, nghĩ rằng tiểu nhân ngu hèn còn cho được, huống ta là đại nhân quý trọng, làm sao không cho; hoặc vì chú nguyện phước đức nên cho; hoặc cầu tốt trừ xấu nên cho; hoặc tìm vào bạn đảng nên cho; hoặc không nhất tâm, không cung kỉnh, khinh hèn người thọ nhận mà cho. Các nhân duyên như vậy, là vì đời nay nên cho; vì ngược lại với tịnh, nên gọi là bất tịnh.

Tịnh thí là như trong Kinh nói: Vì đối trị tâm nên cho; trang nghiêm ý nên cho; vì được đệ nhất lợi nên cho; sanh tâm thanh tịnh hay phân biệt và giúp Niết-bàn nên cho; ví như hoa tươi chưa héo, sắc đẹp lại thơm. Tịnh tâm bố thí cũng như vậy; như nói chư thiên, tâm không thanh tịnh bố thí, thì ánh sáng cung điện mỏng ít; nếu bố thí với tâm thanh tịnh thì ánh sáng thêm rộng lớn. Nghiệp bố thí ấy tuy quá khứ cho đến ngàn vạn đời không mất, thí như bằng khống giao ước.

Hỏi: Phước bố thí ấy làm sao tăng trưởng?

Đáp: Đúng thời bố thí được phước tăng trưởng; như Kinh nói: Thí lúc đói khát, được phước tăng nhiều; thí cho người đi xa, người qua đường hiểm, đường vắng hoặc thường bố thí không dứt; hoặc thường nhớ bố thí, nên bố thí được tăng trưởng. Như trên nói về niệm xả trong sáu niệm. Hoặc thí lớn nên được phước nhiều; hoặc thí cho người tốt; hoặc thí cho Phật; hoặc người thí người thọ đều thanh tịnh; hoặc tâm quyết định thí; hoặc tự lực làm ra của thí; hoặc tùy của có nhiều ít có thể thí hết; hoặc giao hẹn đem vật thí; hoặc đem ruộng vườn, người giúp việc thí... bố thí như vậy chỉ có Bồ-tát lấy thâm tâm mới thực hành nổi. Như Bồ-tát Vỹ-la-ma trong mười hai năm bố thí đã nghiêm sức bát bảy báu, đựng sữa bò, thể nữ, mỗi thứ tám vạn bốn ngàn, cùng các vật ẩm thực khác không kể số.

Lại như Bồ-tát Tu-đề-lệ-noa (Tu-đại-noa) đem voi trắng thiện thắng thí cho kẻ oan gia, rồi vào ở núi sâu, đem hai đứa con yêu quý thí

cho Bà-la-môn Thập Nhị Xú; lại đem vợ và con mắt thí cho Bà-la-môn hóa thân của trời Đế-thích. Bấy giờ đất rung động mạnh, trời sấm chớp, ở giữa hư không mưa hoa.

Lại như Tát-bà-đạt-đa vương tự trói thân thí cho Bà-la-môn.

Lại như vua Tỳ-thi (Si-bi) vì một chim bồ câu mà tự đem thân mình đổi mạng cho nó.

Lại như Bồ-tát từng làm thân thỏ, tự nướng thịt mình thí cho tiên nhân.

Các việc như vậy, trong kinh Bồ-tát bổn sanh nói đủ.

Lại có người Thanh văn bố thí; như Tỳ-kheo-ni Tu-di-đà, cùng với hai bạn đồng học làm tinh xá cho Ca-na-già Mâu-ni Phật, mà được làm Chuyển luân Thánh vương và phước vua Trời trong vô lượng ngàn vạn đời.

Lại như Bà-la-môn Thi-bà đem một bát cao sữa thí Tăng, mà đời đời thọ vui, nay được thân A-la-hán, thọ vui nhất trong những người thọ vui.

Lại như phu nhân Mạt-lợi, cúng dường Tôn-giả Tu-bồ-đề, nên đời nay quả báo được làm vợ vua Ba-thi-na-thi (Ba-tư-nặc).

Lại như Thi-bà cúng dường ông Ca-chiên-diên nên quả báo đời này được làm vợ vua Chiên-đà-ba-châu-đà.

Lại như Cư sĩ Uất-già-đà cúng dường Xá-lợi-phất và năm trăm A-la-hán nên ngay trong ngày được quả báo; là có năm trăm khách buôn được đồ ăn thừa kia, mỗi người đều lấy hạt châu anh lạc tặng cho ông, bỗng được giàu to; bèn gọi là Tốt-uất-già-đà.

Bố thí như vậy được báo ngay trong đời nay. Nên biết, luận nghị về bố thí nói không hết được.

Chỗ phước trì giới: Phật nói về phước của năm giới.

Hỏi: Thế nào là tướng tội sát?

Đáp: Biết đó là chúng sanh mà cố ý cướp mạng sống, mắc tội sát; chẳng phải không cố ý, tâm khối trá an ổn, mắc tội sát; chẳng phải tâm tán loạn si cuồng, cướp mạng sống mắc tội sát; chẳng phải chỉ làm bị thương, chết rồi mắc tội sát; chẳng phải chưa chết, thân nghiệp làm là tội sát; chẳng phải miệng bảo, thân làm là tội sát. Chẳng phải tâm sanh niệm ác, các tội như vậy, ngưng không làm, là tướng trạng thiện của giới thứ nhất.

Hoặc có người nói, đó là vô phú vô ký, hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc không hệ thuộc; hoặc chẳng phải tâm, chẳng phải tâm số pháp, chẳng phải tâm tương ưng, chẳng phải theo tâm hành; hoặc cùng với

tâm sanh, hoặc không cùng tâm sanh; chẳng phải tương ưng với nghiệp, chẳng phải theo nghiệp hành; hoặc cùng nghiệp sanh, hoặc chẳng cùng nghiệp sanh; chẳng phải quả báo của nghiệp trước, được tu, hành tu, thân chứng, tuệ chứng; hoặc tư duy đoạn, hoặc chẳng đoạn; khi xa lìa tham dục của cõi Dục được đoạn biến tri, phàm phu và Thánh nhân cùng có; ấy gọi là tướng trạng giới không sát sanh. Các giới khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt.

Luận nghị tán thán các giới, như đã nói trong mục Thi-la Ba-la-mật.

Chỗ phước tu định: Tuy trong Kinh nói tu Từ là phước tu định, cũng nói thiền định hữu lậu có thể sanh quả báo, tổng quát gọi là phước tu định. Vì ở cõi Dục sân nhiều, tán loạn nhiều nên trước nói Từ tâm là phước tu định. Được phương tiện từ, nguyện cho chúng sanh vui, sau thật sự thấy chúng sanh thọ vui, pháp tương ưng với tâm ấy, gọi là pháp Từ. Pháp ấy hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc, ấy là chân từ; còn phương tiện từ, hệ thuộc cõi Dục, thường theo tâm hành, theo tâm sanh, vô hình vô đối hay duyên pháp; chẳng phải nghiệp, tương ưng với nghiệp mà theo nghiệp hành, cùng nghiệp sanh; chẳng phải quả báo của nghiệp trước, đắc tu, hành tu, thân chứng, tuệ chứng; hoặc tư duy đoạn, hoặc chẳng đoạn, xa lìa tham dục của cõi Sắc được đoạn biến tri, có giác có quán, cũng không giác có quán, cũng không giác không quán; hoặc có mừng, hoặc không có mừng; hoặc có hôi thở, hoặc không có hơi thở, phàm phu và thánh nhân cũng được. Hoặc tương ưng với thọ khổ; hoặc tương ưng với thọ không khổ không vui; trước duyên được tướng liễu giải, sau duyên thật nghĩa. Ở trong bốn thiền căn bản, hoặc quá bốn thiền; nương bốn thiền mà được thì có sức bền chắc.

Từ nên gọi là nhân ái, vì không oán không tranh nên gọi là thân ái; hay duyên vô lượng chúng sanh, nên gọi là vô lượng; hay lợi ích chúng sanh, hay lìa dục nên gọi là phạm hạnh. Các luận nghị khác về từ tâm, như đã nói trong chương Bốn vô lượng tâm.

Hỏi: Trong phước tu định, cớ sao Phật chỉ nói từ tâm mà không nói các tâm khác?

Đáp: Trong bốn vô lượng, Từ tâm vô lượng hay sanh phước đức lớn; Bi tâm vì ưa sầu nên bỏ phước đức; Hỷ tâm vì tự nhớ công đức nên phước đức chẳng sâu; Xả tâm vì phóng xả nên phước cũng ít.

Lại nữa, Phật dạy Từ tâm có năm điều lợi, không nói tâm khác. Những gì là năm? 1. Đao không làm thương, 2. Độc không làm hại, 3. Lửa không làm cháy, 4. Nước không chìm, 5. Hết thảy chúng sanh sân

nộ ác độc thấy đều hoan hỷ.

Bi tâm... không có các việc như vậy, nên chỉ nói phước của tu định là Từ. các tâm khác đi theo. Và các định hữu lậu có thể sanh quả báo.

Chỗ phước khuyến đạo: Nếu Tỳ-kheo không tọa thiền, không tụng kinh, mà giáo hóa khuyến đạo người tu lập phước đức, hoặc có Tỳ-kheo hay tọa thiền, tụng kinh, thấy các Tỳ-kheo áo cơm thiếu thốn, đem sức dẫn dắt, và tu hành khuyến đạo, và các Bồ-tát thương xót chúng sanh, lấy nhân duyên phước đức để khuyến cáo họ.

Lại người xuất gia, nếu cầu tài của, đối với giới bị mất cho nên khuyến đạo làm nhân duyên. Phước về tài của là y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc thang, vàng bạc, xe ngựa, ruộng nhà.

Hỏi: Trên nói chỗ phước bố thí, ở đây nói phước về tài của, có gì sai khác?

Đáp: Bố thí, là tổng quát hết thảy thí. Tài thí, pháp thí, tục thí, đạo thí; nay muốn phân biệt pháp thí, tài thí.

Pháp thí như dùng tâm Đại từ, bắt đầu Chuyển pháp luân, vô lượng chúng sanh đắc đạo, sau Xá-lợi-phất theo Phật Chuyển pháp luân. Các thánh nhân khác tuy chẳng phải Chuyển pháp luân, cũng vì chúng sanh thuyết pháp, làm cho họ đắc đạo, cũng gọi là pháp thí.

Lại có Bồ-tát Biến Cát, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc... dùng hai lực thần thông là quả báo thần thông, tu đắc thần thông, trụ trong đó dùng các nhân duyên về phước đức, lực phương tiện, hào quang, thần túc... để khai độ chúng sanh, cũng gọi là pháp thí.

Các Bích-chi Phật bay lên giữa hư không, nói một bài kệ dẫn đạo chúng sanh, khiến gieo trồng thiện căn, cũng gọi là pháp thí.

Lại đệ tử Phật chưa đắc Thánh đạo, ngồi thiền, tụng kinh, không phá hoại pháp tướng, giáo hóa đệ tử, đều gọi là pháp thí.

Các thứ như vậy, gọi là tướng trạng của pháp thí. Vì vậy nên nói: Muốn an lập chúng sanh nôi sáu phước thí, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn được năm mắt, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Năm mắt là mắt thịt, mắt Trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật. (Mười ba chữ này nguyên ở trong văn kinh, nay y theo Đại chánh tạng đưa vào trong văn luận).

Mắt thịt thấy gần không thấy xa; thấy trước không thấy sau; thấy ngoài không thấy trong; thấy ngày không thấy đêm; thấy trên không thấy dưới, vì bị chướng ngại như vậy nên cầu mắt Trời.

Được mắt Trời, xa gần đều thấy, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới đều thấy không chướng ngại. Nhưng mắt Trời chỉ thấy vật giả danh do nhân duyên hòa hợp sanh, không thấy được thật tướng là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt; như trước, giữa, sau cũng như vậy. Vì thật tướng nên cầu mắt tuệ.

Được mắt tuệ, không thấy chúng sanh, diệt hết tướng một, khác; lìa bỏ các chấp trước, không thọ nhận hết thảy pháp, trí tuệ phân biệt tự diệt bên trong; ấy gọi là mắt tuệ. Nhưng mắt tuệ không thể độ chúng sanh. Vì cớ sao? Vì không còn phân biệt, vì vậy nên cầu mắt pháp.

Mắt pháp khiến cho người ấy tu hành pháp ấy, chứng được đạo ấy, biết hết thảy chúng sanh và dùng các môn phương tiện khiến cho họ được chứng đạo. Nhưng mắt pháp không thể biết khắp đạo phương tiện độ sanh; vì vậy nên cầu mắt Phật.

Mắt Phật không việc gì không biết, thấy biết tất cả sự che kín; việc đối người khác rất xa, đối với Phật rất gần; đối với người khác tối tăm, đối với Phật sáng tỏ; đối với người khác nghi ngờ, đối với Phật quyết định; đối với người khác vi tế, đối với Phật thô thiển; đối với người khác rất sâu, đối với Phật rất cạn. Mắt Phật ấy không gì không nghe; không gì không thấy; không gì không biết; không việc gì khó; không suy nghĩ gì; đối với mọi pháp, mắt Phật thường soi sáng. Nghĩa năm mắt, phần sau sẽ nói rộng.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn dùng mắt Trời thấy chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, muốn dùng tai Trời nghe mười phương chư Phật thuyết pháp, muốn biết tâm chư Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Đúng nghĩa thì mắt trời thấy không vượt quá ba ngàn đại thiên thế giới; nay do lực Bát-nhã Ba-la-mật nên thấy chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng. Vì cớ sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật, thì không gần không xa, không có gì chướng ngại.

Hỏi: Như kinh Ban châu nói: Do lực Ban châu tam-muội, nên tuy chưa được mắt trời vẫn thấy được chư Phật hiện tại trong mười phương: ở đây Bồ-tát dùng mắt trời thấy mười phương chư Phật có gì khác nhau?

Đáp: Mắt trời này thuộc vô phú vô ký, Ban châu tam-muội, người lìa dục, người chưa lìa dục đều được, còn mắt trời chỉ người lìa dục có được. Ban châu tam-muội, nhớ tưởng phân biệt, thường tu thường tập cho nên thấy; còn mắt trời tu thần thông được con mắt sắc trần do bốn đại của cõi Sắc tạo nên, thấy bốn phía khắp tướng sáng; ấy là khác Ban châu tam-muội. Công của mắt Trời dễ; ví như mặt trời mọc, thấy sắc

không khó; công của tam-muội khó; ví như ban đêm đốt đèn, thấy sắc không dễ; tai trời cũng như vậy.

Biết tâm chư Phật. Hỏi: Như ở thượng địa mà độn căn còn không biết được tâm lợi căn hạ địa. Bồ-tát còn không biết được tâm một đức Phật, huống gì biết được tâm chư Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng?

Đáp: Do thần lực của Phật làm cho Bồ-tát biết; như Kinh nói: Hết thảy không ai biết được tâm Phật; nếu Phật dùng thần lực làm cho biết, thì cho đến côn trùng cũng biết được. Vì vậy nên biết, Phật dùng thần lực làm cho Bồ-tát biết tâm Phật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật, không có tướng ngăn ngại, thô tế, sâu cạn, ngu thánh, đều không sai khác. Tâm chư Phật như, tâm Bồ-tát như, nhất như không sai khác. Bồ-tát theo "như" ấy, nên biết được tâm chư Phật.

Lại nữa, việc khó hiểm có, không thể biết mà biết, vì vậy nên nói: Muốn được như vậy nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn nghe mười phương chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không quên, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Pháp của một đức Phật nói còn khó ghi nhớ, huống gì pháp của vô lượng chư Phật nói mà muốn ghi nhớ không quên?

Đáp: Bồ-tát do lực của Văn trì Đà-la-ni nên thọ trì được; do lực của Đà-la-ni ức niệm bền chắc nên không quên.

Lại nữa, trong đây nói lực của Bát-nhã Ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh không dính mắc; ví như biển lớn hàm thọ các dòng. Bồ-tát theo mười phương chư Phật nghe pháp, do khí cụ Bát-nhã Ba-la-mật lớn, nên có thể thọ lãnh vô lượng pháp, giữ mãi không quên.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật không thể ví dụ; như hư không; như lúc lửa kiếp tận đốt sạch, mưa lớn đầy dẫy, trận mưa ấy trừ hư không ra không chỗ nào có thể dung chứa. Mưa pháp của chư Phật mười phương, từ miệng Phật tuôn ra, trừ Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không còn có ai lãnh thọ được, vì vậy nên nói: Muốn nghe pháp của mười phương chư Phật nói, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

-------o0o------

51. GIẢI THÍCH THẤY THẾ GIỚI CHƯ PHẬT Phần 1

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thấy thế

giới của chư Phật quá khứ, vị lai và thấy thế giới của mười phương chư Phật hiện tại, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Nếu thấy mười phương Phật là đã thấy thế giới, nay cớ sao nói muốn thấy thế giới?

Đáp: Bồ-tát khi chưa thiền định vào sâu, nếu thấy mười phương thế giới, núi sông, cây cỏ, thì tâm tán loạn, nên chỉ xem thấy chư Phật; như đã nói trong chương nói về niệm Phật. Hành giả chỉ xem chư Phật, không xem đất nước, núi sông, cây cỏ, khi được lực thiền định thì tùy ý xem rộng.

Lại nữa, cõi Phật thanh tịnh khó thấy, cho nên nói muốn thấy thế giới của chư Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại một đức Phật có vô lượng trăm ngàn thứ thế giới; như trước nói có thế giới nghiêm tịnh; có thế giới không nghiêm tịnh; có thế giới xen tạp; có thế giới rốt ráo thanh tịnh khó thấy, do lực Bát-nhã Ba-la-mật mà thấy được cả; ví như thiên tử khi ngồi ở điện nghe chính sự, thì người ngoài thấy rõ mà người ở thâm cung nội điện không thấy được.

Hỏi: Thế giới hiện tại trong mười phương có thể thấy; còn thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai làm sao thấy?

Đáp: Bồ-tát có thứ tam-muội thấy quá khứ vị lai, khi vào tam-muội ấy thì thấy việc quá khứ vị lai; như thấy việc trong mộng.

Lại nữa, Bồ-tát có thứ tam-muội không diệt trừ, khi vào tam-muội ấy, không thấy có chư Phật có diệt mất.

Hỏi: Hai pháp ấy chẳng phải mắt làm sao thấy được?

Đáp: Đây chính là trí tuệ, giả gọi là mắt.

Lại nữa, như trong kinh Chuyển pháp luân, đối với Bốn đế được nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, Bồ-tát thấy thế giới Phật hiện tại trong mười phương, chắc chắn biết thế giới chư Phật trong quá khứ; vị lai cũng như vậy. Vì cớ sao? Vì hết thảy chư Phật công đức đồng nhau; việc ấy như trước đã nói.

Lại nữa, trong Bát-nhã Ba-la-mật, giống như hiện tại, quá khứ vị lai bình đẳng không khác; vì một như, một pháp tánh, vì thế không nên nạn.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn nghe mười hai bộ kinh của mười phương chư Phật nói là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ-ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Nhân duyên, A-ba-đà-na, Như thị ngữ, Bổn sanh, Phương quảng, Vị tằng hữu, Luận nghị, mà hàng Thanh văn nghe, cùng chẳng nghe, đều muốn đọc tụng thọ trì tất cả, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Trước nói muốn nghe hết thảy pháp của mười phương

chư Phật thuyết, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Pháp chư Phật thuyết tức đây nói mười hai bộ kinh.

Trong các Kinh, những lời nói thẳng gọi là Tu-đa-la, đó là bốn bộ A-hàm, và các kinh Đại thừa, kinh Hai trăm năm mươi giới, ngoài ba tạng ấy cũng có kinh khác, đều gọi là Tu-đa-la (Sutra: khế kinh).

Các bài kệ trong các Kinh gọi là Kỳ-dạ (Geya – Trùng tụng). Chúng sanh trong chín đạo là ba thừa và sáu thú được Thọ-ký (Vyākurana – Ký biệt) rằng: Người ấy trải bấy nhiêu vô số kiếp sẽ được làm Phật; hoặc thọ ký hàng Thanh văn đời này hoặc đời sau đắc đạo; thọ ký hàng Bích-chi Phật chỉ đời sau đắc đạo; thọ ký chúng sanh trong sáu thú (sáu đường) đời sau thọ báo. Pháp của chư Phật khi muốn thọ ký cho chúng sanh trước đều mỉm cười, vô lượng hào quang từ bốn cái răng phóng ra, đó là hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, tía... từ hai răng trên phóng ra chiếu ba đường ác; từ hào quang đó diễn vô lượng pháp, nói hết thảy pháp tạo tác là vô thường, hết thảy pháp vô ngã, Niết-bàn an ổn. Chúng sanh gặp được hào quang cùng nghe thuyết pháp ấy, thân tâm an lạc, được sanh cõi người cõi trời; từ nhân duyên ấy đều được hết khổ. Hào quang từ hai răng dưới phóng ra chiếu lên cõi người cõi trời, cho đến cõi thiền Hữu đỉnh; hoặc kẻ đui mù, câm họng, bệnh cuồng đều được trừ khỏi. Trời Lục dục và A-tu-la thọ vui ngũ dục, gặp hào quang của Phật và nghe tiếng thuyết pháp, đều sanh nhàm chán dục lạc, thân tâm an lạc. Chư thiên ở cõi Sắc, khi thọ cái vui thiền định, gặp hào quang của chư Phật và nghe tiếng thuyết pháp, cũng sanh nhàm chán, mà đi đến chỗ Phật.

Các hào quang lại đến mười phương chiếu khắp sáu đường làm Phật sự xong, trở lại nhiễu quanh thân Phật bảy vòng. Nếu thọ ký địa ngục, thì hào quang từ dưới chân mà vào; nếu thọ ký cho súc sanh, thì hào quang từ đùi chân vào; nếu thọ ký cho ngạ quỉ, thì hào quang từ vế vào; nếu thọ ký cho nhân đạo, thì hào quang từ rún vào; nếu thọ ký cho thiên đạo, thì hào quang từ ngực vào; nếu thọ ký cho Thanh văn thì hào quang từ miệng vào; nếu thọ ký Bích-chi Phật, thì hào quang từ tướng giữa hai mi vào; nếu thọ ký được thành Phật, thì hào quang ấy từ đỉnh vào; nếu muốn thọ ký thì trước tiên hiện tướng ấy, vậy sau các đệ tử như A-nan... phát ra lời hỏi.

Hết thảy kệ gọi là Kỳ-dạ, sáu câu, ba câu, năm câu; mỗi câu nhiều ít không nhất định, cũng gọi là Kỳ-dạ, cũng gọi là Già-đà (Goth – Phúng tụng – Cô khởi).

Ưu-đà-na (Udāna - Tự thuyết) là có pháp Phật cần phải nói nhưng

không có ai hỏi, Phật lược mở mối cho hỏi; như Phật ở thành Xá-bà-đề, trên nhà Tỳ-xá-khư, đi kinh hành chỗ tối, tự nói Ưu-đà-na, đó là "vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay". Bấy giờ một Tỳ-kheo chấp tay bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Thế nào là vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay?" Phật bảo Tỳ-kheo: "Người phàm phu chưa được vô lậu đạo, điên đảo che tâm, nên đối với lý vô ngã, vô ngã sở, tâm rất kinh sợ; còn nếu Phật và đệ tử Phật nghe pháp hay thì hoan hỷ phụng hành, không điên đảo, nên không còn tạo nghiệp trở lại." Những điều như vậy, trong Tạp A-hàm nói rộng.

Lại như trong phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, các thiên tử tán thán lời nói của Tu-bồ-đề nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Hy hữu Thế Tôn! Hy hữu Thế Tôn! Ấy gọi là Ưu-đà-na.

Lại như sau khi Phật Niết-bàn, các đệ tử sưu tập những bài kệ thiết yếu, những bài kệ nói về vô thường, gom lại thành phẩm Vô thường, cho đến những bài kệ nói về Bà-la-môn gom lại thành phẩm Bà-la-môn, cũng gọi là Ưu-đà-na, sưu tập các việc tốt đều gọi là Ưu-đà-na. Như vậy gọi là Ưu-đà-na kinh (cũng gọi là Vô vấn tự thuyết).

Ni-đà-na (Nidāna – Nhân duyên) là nói nhân duyên chính khởi nói Phật pháp. Vì nhân gì Phật nói việc ấy. Trong Tu-đa-la, có người hỏi nên Phật nói việc ấy. Trong luật vì có người phạm việc ấy nên Phật kiết giới ấy. Việc duyên khởi của hết thảy lời Phật dạy, đều gọi là Ni-đà-na.

A-ba-đà-na (Avaḍāna – Thí dụ): Tương tợ với lời nói thô thiển nhu nhuyến của thế gian, như kinh Trường A-la-đà-na trong Trung A-hàm; kinh Đại A-ba-đà-na trong Trường A-hàm, Ức nhó A-ba-đà-na, Nhị thập ức A-ba-đà-na ở trong Luật; Dục A-ba-đà-na nhất bộ trong kinh Giải nhị bách ngũ thập giới, Bồ-tát A-ba-đà-na xuất ra một bộ, như vậy có vô lượng A-ba-đà-na.

Như thị ngữ (Itivataka – Y-đế-mục đa-già - Bổn sự): có hai: 1. Là lời kết cú, rằng trước ta hứa nói nay đã nói xong. 2. Là ngoài ba tạng và đại thừa, còn có kinh tên gọi là Nhất Mục-đa-ca, có người nói là Mục-đa-ca. Tên Mục-đa-ca ở cả ba tạng và Đại thừa, là thế nào? Như Phật dạy: Vua Tịnh-phạn bắt buộc những người trong dòng họ Thích xuất gia làm đệ tử Phật. Phật chọn năm trăm người có thể đắc đạo, đem đến thành Xá-bà-đề. Vì cớ sao? Vì họ chưa lìa dục; nếu ở gần bà con, sợ họ phá giới, nên đem đến thành Xá-bà-đề bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên giáo hóa. Đầu đêm cuối đêm chuyên tinh không ngủ, siêng tu tinh tấn, nên được đạo. Được đạo rồi Phật đem họ trở về bản quốc, cùng với đại hội các thiên chúng ở trong rừng tiên nhân thuộc thành Ca-tỳ-la-bà

(Ca-tỳ-la-vệ). Rừng này cách thành Ca-tỳ-la-bà 50 dặm, đó là vườn dạo chơi của người họ Thích. Các Tỳ-kheo Thích tử này khi còn ở thành Xà-bà-đề, đầu đêm, cuối đêm chuyên tinh không ngủ, nên thấy đêm dài; từ trong rừng đi vào trong thành khất thực, mới biết dặm đường dài xa. Bấy giờ đức Phật biết tâm họ, nhân có một con sư tử đi đến lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên, Phật lấy ba nhân duyên ấy nói kệ rằng:

Không ngủ, đêm dài,
Mỏi mệt, đường dài,
Ngu, sanh tử dài,
Không biết chánh pháp.

Phật bảo Tỳ-kheo: Khi các người chưa xuất gia, tâm kia phóng dật ngủ nghỉ nhiều nên không biết đêm dài; nay đầu đêm, cuối đêm, chuyên tinh cầu đạo, tỉnh giảm ngủ nghỉ nên thấy đêm dài. Rừng Ca-tỳ-la-bà này trước các ngươi vốn cỡi xe dạo chơi, nên không biết xa; nay các ngươi mặc y ôm bát, đi bộ mệt mỏi, nên biết đường xa. Còn con sư tử này, từ thì đức Phật Tỳ-bà-thi, làm vị thầy Bà-la-môn, thấy Phật thuyết pháp, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ vì đại chúng đang nghe pháp, không cùng nói năng, sư tử mới nghĩ ác, phát lời ác mắng rằng: Bọn trọc này, khác gì súc sanh, không biết người tốt, không biết nói năng. Vì nghiệp ác khẩu ấy, nên từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi cho đến nay, chín mươi mốt kiếp, thường ra vào súc sanh. Người ấy lúc đó đáng lẽ đắc đạo, song vì ngu si mà tự làm cho sanh tử lâu dài. Nay ở chỗ Phật, vì tâm thanh tịnh nên sẽ được giải thốt.

Các Kinh như vậy gọi là xuất nhân duyên. Từ chỗ nào xuất? Từ trong ba tạng và Đại thừa xuất ra, nên gọi là xuất. Sao gọi là nhân duyên? Là gốc của ba sự ấy (không ngủ, mỏi mệt, ngu không biết Chánh pháp) nên gọi là Nhân duyên Kinh.

Kinh Bổn sanh (Jataka – Xà-già-đà): Nói về sự tích của Bồ-tát ở quá khứ, như xưa Bồ-tát từng làm con sư tử ở trong rừng, cùng với một con khỉ kết bạn thân, khỉ đem hai con gởi cho sư tử. Khi ấy có con chim ó, đói đi kiếm mồi, gặp sư tử đang ngủ, cố bắt khỉ con đem đi, đậu ở trên cây. Sư tử tỉnh dậy tìm khỉ con không được, thấy chim ó bắt đem trên cây, nói với chim ó: Ta nhận khỉ gởi hai đứa con, giữ không cẩn thận, để ngươi bắt đem đi, phụ lòng tin của khỉ, xin ngươi cho ta lại. Ta là chúa trong loài thú, ngươi là chúa trong loài chim, thế lực quý trọng ngang nhau, ngươi nên trả lại.

Chim ó nói: Ngươi không biết thời, ta nay đang đói, đâu cần luận

đồng hay khác.

Sư tử biết nói vô ích, tự lấy móng sắc bén móc thịt ở vế đùi mình để đổi lấy khỉ con.

Lại trong đời quá khứ, nhân dân nhiều người mắc bệnh liệt, nóng da vàng trắng. Bấy giờ Bồ-tát làm thân cá đỏ, tự lấy thịt mình bố thí cho người bệnh, để cứu khổ họ.

Lại, xưa Bồ-tát làm thân một con chim, trú ở trong rừng, thấy một người đi vào trong nước sâu, không phải chỗ của người đi, bị vướng lưới của thủy thần. Theo phép lưới thủy thần, đã vướng, thì không thể nào gỡ được. Chim biết cách gỡ, liền bay đến núi hương, lấy một cành cỏ thuốc, đặt trên lưới kia, giây liền tiêu hoại, người được thốt khỏi.

Vô lượng việc đời trước cứu giúp như vậy; ấy gọi là Bản sanh kinh.

Kinh Phương Quảng (Vaipulya - Tỳ-phật-lược): gọi là Đại thừa, đó là kinh Bát-nhã Ba-la-mật; kinh sáu Ba-la-mật; kinh Hoa thủ; kinh Pháp Hoa; kinh Phật bản khởi nhân duyên; kinh Vân; kinh Pháp vân; kinh Đại vân; vô lượng vô số các kinh như vậy, vì để chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Tỳ-phật-lược.

Vị tằng hữu (Adbhuta-dharma – A-phù-đà-đạt-ma): như Phật hiện các thần thông, chúng sanh lấy làm lạ cho là việc chưa từng có. Đó là lúc Phật sanh ra, thân phóng hào quang lớn, chiếu ba ngàn đại thiên thế giới và chỗ u ám; lại chiếu ba ngàn đại thiên thế giới của vô lượng chư Phật trong mười phương. Bấy giờ trước Phật mẫu có ao đẹp thanh tịnh, để tắm cho Bồ-tát, Phạm vương cầm lọng, Đế-thích tắm thân, hai rồng phun nước.

Lại lúc mới sanh, không cần phò trì mà tự đi bảy bước, chỗ dấu chân đi đều có hoa sen, và cất tiếng nói: Ta là người độ hết thảy chúng sanh khỏi khổ, già, bệnh, chết. Đất chấn động mạnh, trời mưa các hoa, cây phát âm thanh, trỗi kỹ nhạc trời. Vô lượng việc hy hữu như vậy: ấy gọi là kinh Vị tằng hữu.

Kinh Luận nghị (Upadesa, Upatisa – Ưu-ba-đề-xá): Đáp các câu hỏi, giải thích lý do. Lại nói rộng các nghĩa như Phật nói Bốn đế, thế nào là bốn? Đó là Bốn thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế; ấy gọi là luận nghị. Thế nào là Khổ thánh đế? Đó là tám khổ, là sanh khổ... Thế nào là sanh khổ? Đó là các chúng sanh nơi chỗ sanh ra chịu khổ. Hỏi đáp như vậy, giải rộng nghĩa kia; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá (luận nghị). Như trong Đại thừa, Phật dạy sáu Ba-la-mật: Những gì là sáu? Đó là Đàn Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nào là Đàn

Ba-la-mật? Đàn Ba-la-mật có hai: 1. Đầy đủ. 2. Không đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Bố thí hợp cùng với Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Bồ-tát Thập trụ thành tựu được, gọi là đầy đủ. Không đầy đủ là Bồ-tát mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa hợp cùng với Bát-nhã Ba-la-mật; ấy gọi là không đầy đủ. Cho đến Thiền Ba-la-mật cũng như vậy.

Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ là có năng lực phương tiện lớn, chưa đầy đủ là không có năng lực phương tiện.

Lại nữa, Phật nói Luận nghị kinh, Đại Ca-chiên-diên giải thích Khế kinh, cho đến trong đời tượng pháp, kẻ phàm phu đúng như pháp mà thuyết; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Pháp hàng Thanh văn không nghe được là pháp Phật chỉ nói cho Bồ-tát, không có hàng Thanh văn nghe.

Lại nữa, Phật dùng lực thần thông, biến hóa thân vô số khắp mười phương thế giới nhất thừa nói pháp.

Lại nữa, Phật vì trời Dục giới, trời Sắc giới nói pháp không có các đệ tử, cho nên không được nghe.

Hỏi: Các A-la-hán được sáu thần thông, nếu lúc Phật thuyết pháp, tuy không ở tại tòa, mà dùng tai trời, mắt trời có thể nghe được thấy được; nếu dùng Túc mạng thông, thì biết luôn cả việc quá khứ, cớ sao nói không nghe được?

Đáp: Chỗ thần thông lực của Thanh văn không đến kịp, cho nên không nghe được.

Lại nữa, Phật vì các đại Bồ-tát nói kinh bất khả tư nghì giải thốt, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ở hai bên Phật mà không nghe được, vì không gieo nhân duyên nghe pháp tu hành Đại thừa ấy; ví như người tọa thiền, khi vào định nhất thiết xứ, có thể quán hết thảy đều là nước, đều là lửa, mà người khác không trông thấy. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thốt nói rộng.

Muốn thọ trì hết là nghe mà phụng hành là thọ, lâu dài không quên mất là trì.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 34

51. GIẢI THÍCH THẤY THẾ GIỚI CHƯ PHẬT

Phần 2

KINH: Chính pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng hà sa thế giới ở mười phương đã nói, nay nói, sẽ nói, nghe được rồi đều muốn tín thọ, giữ gìn, thực hành và nói cho người khác, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Trên đã nói, đối với pháp của mười phương chư Phật muốn nhớ giữ không quên, nên học Bát-nhã Ba-la-mật, sao nay còn nói tín thọ giữ gìn pháp của chư Phật ba đời?

Đáp: Trên nói muốn nhớ giữ pháp của chư Phật mười phương chưa biết là pháp gì, nên nói mười hai bộ kinh là pháp Phật và pháp mà hàng Thanh văn không nghe được. Trên chỉ nói chư Phật trong thế giới số như hằng hà sa, nay nói pháp của chư Phật ba đời số như hằng hà hà sa. Trên chỉ nói thọ trì không quên, không nói thọ trì lợi ích, nay nói vì mình cũng vì người thuyết giảng, thế nên nói lại.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp chư Phật quá khứ đã nói, chư Phật vị lai sẽ nói, muốn nghe, nghe rồi, tự làm lợi mình cũng lợi người, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Đối với pháp của Phật hiện tại trong mười phương nói, có thể thọ, có thể trì, còn pháp quá khứ đã diệt, vị lai chưa có, làm sao nghe được?

Đáp: Nghĩa ấy trước đã đáp, nay lại nói thêm. Bồ-tát có tam-muội gọi là tam-muội Quán chư Phật ba đời, Bồ-tát vào trong tam-muội ấy đều thấy chư Phật ba đời, nghe các ngài thuyết pháp. Ví như thần tiên ngoại đạo, đối việc đời vị lai, chưa có dấu hình, chưa có nói năng, mà do lực trí tuệ cũng thấy cũng nghe.

Lại nữa, lực của các Bồ-tát không thể nghĩ bàn, đời vị lai tuy chưa có hình, chưa có nói năng, mà có thể thấy được, nghe được. Hoặc do năng lực Đà-la-ni, hoặc lấy việc nay so sánh biết việc quá khứ, vị lai. Vì vậy nên nói: Muốn được việc này, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn đem ánh sáng chiếu khắp những chỗ tối tăm, mặt trời mặt trăng không chiếu đến được trong hằng hà sa thế giới, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát từ trời Đâu-suất muốn giáng thần vào thai mẹ, bấy giờ thân phóng hào quang chiếu khắp hết thảy thế giới, và chỗ u tối ở thế gian, sau khi sanh ra, hào quang cũng chiếu khắp như vậy. Lúc mới thành đạo, lúc Chuyển pháp luân, lúc Bát Niết-bàn cũng phóng hào quang lớn như vậy. Và vào các lúc khác hiện đại thần thông, phóng hào quang lớn; như lúc sắp nói Bát-nhã Ba-la-mật, hiện đại thần thông, lấy hào quang lớn chiếu khắp chỗ u ám trong thế gian. So sánh như vậy, nơi nơi trong kinh nói đến thần thông, hào quang.

Hỏi: Đó là thần lực của Phật. cớ sao nói là Bồ-tát?

Đáp: Nay nói Bồ-tát muốn được điều ấy, nên học Bát-nhã ba-la-mật Các đại Bồ-tát có được năng lực ấy, như Bồ-tát Biến Cát. Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Minh Võng, Vô Lượng Quang... có được năng lực ấy, thân phóng ra vô lượng hào quang, chiếu khắp mười phương thế giới số như hằng hà sa.

Lại như trong thế giới Phật A-di-đà, các Bồ-tát thân phóng ra thường quang, chiếu mười vạn do tuần.

Hỏi: Bồ-tát có thân quang như vậy, vốn do nhân duyên nghiệp gì mà được?

Đáp: Thân nghiệp thanh tịnh nên thân được trang nghiêm, như Kinh nói: Có một con quỷ đầu như đầu heo, trùng thúi từ trong miệng ra, mà thân có kim sắc sáng chói. Con quỷ ấy kiếp trước làm Tỳ-kheo, ác khẩu mắng nhiếc vị Tỳ-kheo khách, nhưng do thân trì tịnh giới, nên thân có ánh sáng, và do ác ngôn nên có trùng thúi từ trong miệng ra. Như kinh nói tâm thanh tịnh có hôn kém, nên ánh sáng có thượng, trung, hạ, sáng ít, sáng lớn, ánh sáng làm âm thanh. Các trời cõi Dục tâm thanh tịnh, bố thí, trì giới, nên thân có ánh sáng.

Lại nữa, có người vì thương xót chúng sanh mà ở chỗ tối đốt đèn, cũng vì cúng dường tôn tượng, tháp, chùa, nên lấy ngọc sáng, trổ cửa, gương sáng, và các vật sáng sạch bố thí, nên được thân có ánh sáng.

Lại nữa, thường tu từ tâm nhớ khắp cả chúng sanh, tâm thanh tịnh, lại thường tu niệm Phật tam-muội, niệm tưởng ánh sáng và thần đức chư

Phật, nên được thân có ánh sáng.

Lại nữa, hành giả thường tu Hỏa nhất thiết nhập (hỏa biến xứ) lại đem ánh sáng trí tuệ giáo hóa chúng sanh tà kiến ngu tối. Do nhân

duyên của nghiệp ấy, nên được tâm có ánh sáng trí tuệ, thân cũng có ánh sáng.

Do các nghiệp như vậy, nên được thân có ánh sáng thanh tịnh.

KINH: Trong hằng hà sa thế giới ở mười phương không có tên Phật, tên Pháp, tên Tăng, mà muốn khiến hết thảy chúng sanh đều được chánh kiến, nghe tiếng Tam bảo, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Ở chỗ từ trước không hề có Phật pháp tháp chùa. Bồ-tát dựng tháp ở đó, nhờ nhân duyên của nghiệp ấy mà thân sau thành tựu độc lực. Ở chỗ từ trước không hề có Phật, pháp, chúng Tăng, Bồ-tát tán thán Tam bảo, khiến chúng sanh nhập vào chánh kiến. Như Kinh nói: Ở quốc độ từ trước chẳng hề có tháp Phật, có người dựng tháp miếu thờ Phật mà được phước đức Phạm. Phạm gọi là phước đức vô lượng. Nhờ nhân duyên ấy, mau được thiền định; được thiền định nên được vô lượng thần thông. Nhờ lực thần thông nên có thể đi đến mười phương tán thán Tam bảo.

Chánh kiến là, nếu trước không hề biết công đức Tam bảo, nhân Bồ-tát nên được tin Tam bảo, tin Tam bảo nên tin nghiệp tội phước nhân duyên; tin nghiệp nhân duyên nên tin thế gian là trói, Niết-bàn là mở.

Ý nghĩa tán thán Tam bảo, như đã nói ở chương Tám niệm.

KINH: Muốn làm cho chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, nhờ lực của mình mà người mù được thấy, người điếc được nghe, người cuồng được nhớ, người trần truồng được áo, người đói khát được no đủ, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát thực hành vô ngại Bát-nhã, thì hoặc được vô ngại giải thốt thành Phật, hoặc làm pháp tánh sanh thân Bồ-tát, như Văn-thù-thi-lỵ... ở Thập trụ địa, có đầy đủ công đức, chúng sanh thấy được, đều được như nguyện, ví như ngọc Như ý, muốn gì được nấy. Pháp tánh sanh thân Phật và pháp tánh sanh thân Bồ-tát, người nào thấy được, đều được toại nguyện cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, chữa trị chín mươi sáu thứ bệnh mắt cho chúng sanh trong vô lượng kiếp; lại tự lấy mắt bố thí cho chúng sanh trong vô lượng kiếp; lại đem ánh sáng trí tuệ phá tà kiến hắc ám; lại đem tâm đại bi khiến chúng sanh đều được như sở nguyện.

Có các nghiệp nhân duyên như vậy, làm sao khiến chúng sanh thấy thân Bồ-tát mà lại không được mắt sáng? Các việc khác cũng như vậy, các nghĩa này, như đã nói trong chương Phóng quang.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nếu muốn làm cho chúng sanh đang ở ba đường ác trong hằng hà sa thế giới mười phương,

nhờ lực của mình mà đều được làm thân ngươi, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Nhờ thiện nghiệp nhân duyên của chính mình nên được làm thân người, cớ sao Bồ-tát nói do lực của mình nên khiến cho chúng sanh trong ba đường ác đều được làm thân người?

Đáp: Không nói do nghiệp nhân duyên của Bồ-tát khiến chúng sanh được làm thân người, mà chỉ nói do ân lực của Bồ-tát nên được. Bồ-tát lấy lực thần thông biến hóa thuyết pháp, khiến chúng sanh tu thiện mà được làm thân người.

Như trong Kinh nói hai nhân duyên phát khởi chánh kiến: 1. Bên ngoài nghe chánh pháp. 2. Bên trong có chánh niệm.

Lại như cây cỏ, bên trong có hạt giống, bên ngoài có mưa thấm, vậy sau được phát sanh. Nếu không có Bồ-tát, chúng sanh tuy có nghiệp nhân duyên, mà không do đâu phát khởi được. Vì vậy nên biết chư Phật Bồ-tát, lợi ích rất nhiều.

Hỏi: Làm sao khiến chúng sanh trong ba đường ác đều được giải thốt? Phật còn không làm được, huống là Bồ-tát?

Đáp: Tâm nguyện của Bồ-tát muốn như vậy, không có lỗi chi. Lại nhiều người được giải thốt, cho nên nói hết thảy, như thân chư Phật và Bồ-tát khắp phóng ra vô lượng hào quang, từ hào quang ấy xuất ra vô lượng hóa thân, khắp vào trong ba đường ác ở mười phương, làm cho địa ngục lửa tắt, nước sôi lạnh, chúng sanh trong đó nhờ tâm thanh tịnh nên được sanh cõi Trời cõi người; làm cho ngạ quỉ đạo đói khát được no đủ, khai phát thiện tâm mà được sanh cõi Trời, cõi người; làm cho súc sanh đạo tùy ý được ăn, xa lìa sợ hãi, khai phát thiện tâm, cũng được sanh cõi Trời, cõi người. Như vậy gọi là hết thảy ba đường ác được giải thốt.

Hỏi: Như các Kinh khác nói sanh cõi Trời cõi người, sao ở đây chỉ nói được làm thân người?

Đáp: Ở trong cõi người mới có được việc tu đại công đức, cũng hưởng phước lạc, còn ở cõi Trời phần nhiều say đắm vui không thể tu đạo, vì vậy nên nguyện cho được làm thân người.

Lại nữa, Bồ-tát không nguyện cho chúng sanh chỉ thụ hưởng phước lạc, mà muốn khiến được giải thốt, thường vui Niết-bàn. Vì vậy nên không nói sanh lên cõi trời.

KINH: Muốn khiến chúng sanh trong hằng hà hà sa thế giới ở mười phương, nhờ lực của Ta mà đứng vững nơi giới, tam-muội, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến; khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Trước đã nói năm pháp uẩn và đạo quả; nay sao còn nói lại?

Đáp: Trên chỉ nói pháp Thanh văn, từ quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô dư Niết-bàn, nay nói lẫn lộn ba thừa Thanh văn, Bích-chi Phật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn học oai nghi chư Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Thế nào là oai nghi chư Phật?

Đáp: Oai nghi là bốn động chỉ của thân. Ví như voi chúa, xoay mình mà xem, khi đi chân cách đất bốn ngón tay, tuy không đạp đất mà dấu bánh xe hiện rõ, không chậm không mau, thân không nghiêng lay, thường đưa tay phải, an ủi chúng sanh. Khi ngồi kiết già, thân ngay thẳng; nằm thường nghiêng hông bên phải, hai đầu gối chồng lên nhau, trải nệm cỏ chỉnh tề không rối loạn, ăn không kể vị, ngon dở đồng nhau, nếu nhận lời người thỉnh mời, thì làm thinh không nói, nói năng nhu nhuyến, phương tiện lợi ích, không bỏ mất thời tiết.

Lại nữa, oai nghi của pháp thân Phật là quá Hằng hà sa thế giới phương đông làm một bước, phạm âm thuyết pháp cũng như vậy. Nghĩa tướng của pháp thân Phật, như trước đã nói.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn được như voi chúa xem nhìn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát nguyện rằng khi Ta đi cách đất bốn ngón tay, chân không đạp đất, Ta sẽ đến dưới cội Bồ-đề cùng với trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-ni-sắc, vô lượng ngàn vạn ức chúng chư Thiên cung kính vây quanh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Như voi chúa xem nhìn là khi muốn xoay thân để nhìn thì cả thân đều chuyển, thân tâm chuyên nhất là tướng đại nhân, thế nên nếu có xem nhìn, thì cả thân tâm đều xoay, ví như sư tử bắt mồi, không vì vật nhỏ mà thay đổi thế mạnh. Phật cũng như vậy, nếu có xem nhìn, hoặc có nói gì thì thân với tâm đồng nhau, thường không phân tán. Vì cớ sao? Vì từ vô số kiếp lại đây, tập pháp nhất tâm, do nghiệp nhân duyên ấy nên xương đầu với thân làm một, không có phân chia. Lại vì đời đời phá kiêu mạng nên không khinh chúng sanh, khi xem thì cả thân cùng xoay, như trong kinh Ni-tha thí dụ nói: Người hốt phân ở nước Xá-bà-đề, Phật lấy tay xoa đầu dạy khiến xuất gia, còn không khinh nó.

Chân đi cách đất bốn ngón tay là, nếu Phật thường bay đi thì chúng sanh nghi lấy làm lạ, bảo Phật chẳng phải người, nên không quay về nương tựa, còn nếu chân đi chạm đất thì chúng sanh cho chẳng khác người thường, không sanh tâm cung kính. Thế nên tuy là đi trên đất, cách

đất bốn ngón tay mà tướng dấu bánh xe dưới bàn chân vẫn hiện rõ.

Hỏi: Như Phật thường phóng hào quang lớn, chân đi không chạm đất mà sao chúng sanh không cung kính quay về nương tựa hết?

Đáp: Chúng sanh trong vô lượng kiếp chứa tội rất nặng, vô minh cấu nhiễm sâu dày, đối với Phật sanh nghi cho là thầy huyễn, dùng thuật dối người. Hoặc nói rằng chân không đạp đất, bản tánh sanh ra tự nhiên như vậy, như chim hay bay, có gì kỳ lạ? Hoặc có chúng sanh vì tội nặng không thấy tướng Phật, chỉ gọi là Sa-môn đại oai đức mà thôi; ví như người bệnh nặng sắp chết, thuốc hay, đồ ăn ngon, đều cho là xú uế, thế nên không cung kính nương tựa hết.

Đi đến dưới cội Bồ-đề cùng với trời Tứ thiên vương cho đến Trời A-ca-ni-sắc. vô lượng ngàn vạn ức chúng chư thiên cung kính vây quanh là thường pháp của chư Phật. Phật là Thế Tôn, đến dưới cội Bồ-đề, sắp phá hai thứ ma là kiết sử ma và tự tại thiên tử ma, sắp thành bậc Nhất thiết trí, các chúng chư thiên sao không cung kính hầu đưa được! Lại chư thiên đời đời tá trợ ủng hộ Bồ-tát, cho đến khi xuất gia, chư Thiên khiến các cung nhân thể nữ nằm ngủ say mê, đỡ chân ngựa của Bồ-tát vượt ra khỏi thành. Ngày nay việc thành, họ sẽ cùng nhau hầu đưa đến dưới cội Bồ-đề.

Hỏi: Sao không nói vô lượng người dòng Sát-lợi, Bà-la-môn hầu đưa mà chỉ nói chư thiên?

Đáp: Phật một mình ở giữa rừng sâu tìm cội Bồ-đề, không phải chỗ của người đi, cho nên không nói. Lại người không có Thiên nhãn, Tha tâm trí, nên không biết Phật sẽ thành đạo, cho nên không nói.

Lại nữa, chư Thiên quí hơn người, cho nên chỉ nói trời.

Lại nữa, chư Phật thường vui chỗ nhàn tịnh, chư Thiên thường ẩn thân không thấy, không trở ngại nhàn tịnh, cho nên chỉ nói chư thiên hầu đưa đi.

Lại nữa, Bồ-tát thấy năm Tỳ-kheo bỏ Bồ-tát mà đi, Bồ-tát một mình đi đến dưới cội cây, thế nên phát lời nguyện ấy.

KINH: "Nguyện Ta sẽ ngồi dưới cội Bồ-đề, Trời Tứ thiên vương cho đến Trời A-ca-ni-sắc, lấy áo trời trải làm tòa", nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Như Kinh nói: Phật trải cỏ ngồi dưới cội cây mà thành Phật đạo, nay cớ sao nói nguyện lấy áo trời làm chỗ ngồi?

Đáp: Trong kinh Thanh văn nói trải cỏ, trong kinh Đại thừa tùy chúng sanh thấy, hoặc có người thấy trải cỏ dưới cội cây, hoặc có người thấy trải nệm trời, theo phước đức của mỗi người nhiều ít mà chỗ thấy

không đồng.

Lại nữa, sanh thân Phật ôm cỏ đến dưới cây, pháp tánh sanh thân Phật lấy áo trời làm tòa, hoặc hơn áo trời.

Lại nữa, Phật ở dưới cây giữa rừng sâu thành Phật, người ở trong rừng thấy, đem cỏ dâng Phật, nếu quý nhân trông thấy sẽ lấy y phục quý giá trải làm tòa, chỉ vì trong rừng không có quý nhân, nên bây giờ long thần, trời đem mỗi áo đẹp làm tòa, áo của trời Tứ thiên vương nặng hai lượng; áo trời Đao-lợi nặng một lượng; áo trời Dạ-ma nặng mười tám thù; áo trời Đâu-suất-đà nặng mười hai thù; áo trời Hóa-lạc nặng sáu thù; áo trời Tha-hóa-tự-tại nặng ba thù; áo trời Sắc giới không có tướng nặng; áo trời cõi Dục từ bên gốc cây sanh, không chỉ không may; ví như băng mỏng, ánh sáng sáng trong, có đủ màu sắc; áo trời Sắc giới, thuần ánh sáng kim sắc.

Như vậy áo báu trải làm chỗ ngồi, Bồ-tát ngồi lên đó thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Sao chỉ nói chư thiên trải áo, không nói đại Bồ-tát ở mười phương trải tòa cho Phật? Các Bồ-tát lúc sắp thành đạo đều trải tòa cho Phật, hoặc rộng dài đều một do tuần, mười trăm ngàn vạn ức cho đến vô lượng do tuần, cao cũng như vậy. Các tòa báu ấy do phước đức vô lậu của Bồ-tát phát sanh, chư thiên mắt còn không thấy được huống gì lấy tay rờ. Ba đời mười phương chư Phật, hàng ma đắc đạo, trang nghiêm Phật sự, thảy đều soi thấy, ví như gương sáng. Tòa của Bồ-tát đẹp như vậy, cớ sao không nói?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật có hai thứ: 1. Là nói chung cho Thanh văn, Bồ-tát và chư Thiên. 2. Chỉ nói riêng cho Bồ-tát đầy đủ mười trụ. Trong Bát-nhã Ba-la-mật này hãy nói Bồ-tát trải tòa cho Phật. Vì sao? Vì chư thiên biết ân Phật không bằng các đại Bồ-tát, một đời, hai đời. Bồ-tát như vậy, cớ sao không dùng thần lực mà cúng dường Phật. Trong đây hợp với Thanh văn mà nói, nên không nói Bồ-tát trải tòa.

KINH: Muốn lúc chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đi, đứng, ngồi, nằm, đất đều là Kim cương, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Vì sao nói chỗ bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm của Phật, đất đều là Kim cương?

Đáp: Có người nói: Lúc Bồ-tát đến dưới cội Bồ-đề, ngồi ở chỗ đó chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bấy giờ Bồ-tát vào trong thật tướng chư pháp, không có đất nào đủ sức đỡ Bồ-tát. Vì sao? Vì đất đều là quả báo do nghiệp hư dối của chúng sanh mà có, nên không

thể đỡ nỗi Bồ-tát. Lúc Bồ-tát sắp thành Phật, thân Phật là thân thật tướng trí tuệ, lúc ấy chỗ ngồi biến thành Kim cương.

Có người nói: Đất ở trên Kim luân, Kim luân ở trên Kim cương, từ mé Kim cương xuất ra đài hoa sen thẳng lên đỡ chỗ ngồi của Bồ-tát, khiến không lún sụp, vì vậy nên chỗ ngồi đạo tràng gọi là Kim cương.

Có người nói: Thành Phật rồi, chỗ đi, đứng, ngồi, nằm đều biến thành Kim cương.

Hỏi: Kim cương cũng do nghiệp hư dối của chúng sanh mà có, làm sao đỡ Phật được?

Đáp: Kim cương tuy cũng do nghiệp hư dối tạo thành, song bền chắc hôn đất, không còn có gì hôn nữa. Nước ở dưới kim cương, các đại long vương lấy vật kiên cố ấy dâng Phật, đây cũng là do nghiệp đời trước của Phật, nên được chỗ an lập này.

Lại nữa, Phật biến Kim cương và bốn đại thành hư không, hư không không hư dối, trí tuệ Phật cũng không hư dối. Hai việc đã đồng nhau, cho nên đỡ được.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát, muốn ngay trong ngày xuất gia liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Chuyển pháp luân, khi Chuyển pháp luân, vô lượng vô số chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp, vô lượng vô số chúng sanh vì không thọ hết thảy pháp, nên được giải thốt khỏi các lậu tâm, vô lượng vô số chúng sanh được không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hoặc có Bồ-tát ở trong đời ác chúng sanh tà kiến, vì trừ tà kiến cho họ nên thực hành hạnh cần khổ rất khó, như đức Phật Thích-ca Văn ở trong rừng cây Ưu-lâu-tần-loa (Uruvela) ngày ăn một hạt mè hạt gạo. Các ngoại đạo nói: Tiên sư chúng tôi tuy tu khổ hạnh, không bằng sáu năm cần khổ như vậy.

Lại có người nói: Phật có nghiệp ác đời trước, nên nay chịu khổ báo ấy.

Lại có Bồ-tát cho rằng Phật thật thọ khổ ấy, nên phát tâm nguyện rằng: Ta sẽ ngay trong ngày xuất gia được thành Phật.

Lại có Bồ-tát ở vào đời tốt xuất gia, như Đại Thông Tuệ cầu Phật đạo, ngồi kiết-già phu, trải mười tiểu kiếp mới được thành Phật. Bồ-tát nghe như vậy, phát tâm nguyện rằng: Nguyện ta ngay trong ngày xuất gia liền được thành Phật.

Lại có Bồ-tát thành Phật rồi, không Chuyển pháp luân liền, như đức Phật Nhiên Đăng thành Phật đã mười hai năm, chỉ phóng hào quang,

không người nào biết, nên không thuyết pháp.

Lại như Phật Tu-phiến-đa thành Phật rồi, không ai thọ hóa, nên làm hóa Phật lưu lại một kiếp thuyết pháp độ người, còn tự thân thì diệt độ. Lại như đức Phật Thích-ca Văn thành Phật rồi, năm mươi bảy ngày không thuyết pháp. Bồ-tát nghe như vậy, nên phát nguyện: Khi Ta thành Phật rồi liền Chuyển pháp luân.

Lại có đức Phật độ chúng sanh có số hạn, như đức Phật Thích-ca Văn, lúc Chuyển pháp luân, ông Kiều-trần-như một người được Sô quả, tám vạn chư Thiên được Pháp nhãn tịnh đối với các pháp. Bồ-tát nghe như vậy, nên phát nguyện: Khi ta Chuyển pháp luân, vô lượng vô số người được xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp.

Lại như đức Phật Thích-ca Văn lúc Chuyển pháp luân đầu tiên, chỉ có một Tỳ-kheo và chư Thiên chứng được Sô quả, mà không một người chứng được A-la-hán và Bồ-tát đạo. Thế nên Bồ-tát phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật, sẽ làm cho vô lượng vô số chúng sanh, không chấp thọ hết thảy pháp, được giải thốt các lậu tâm, và vô lượng vô số chúng sanh được không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Nếu thần lực và công đức độ sanh của chư Phật bằng nhau, thì cớ sao ở đây Bồ-tát lại phát các nguyện như vậy?

Đáp: Một Phật có thể biến làm vô lượng vô số thân để độ chúng sanh, nhưng thế giới có nơi nghiêm tịnh, có nơi không nghiêm tịnh. Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe có đức Phật tu khổ hạnh khó được thành Phật, có đức Phật không Chuyển pháp luân liền, có đức Phật như Thích-ca Văn sáu năm khổ hạnh mới thành đạo. Lại nghe lúc Chuyển pháp luân đầu tiên chưa có người chứng được A-la-hán huống gì được Bồ-tát đạo. Vì Bồ-tát chưa nghe thần lực của chư Phật bình đẳng, nên phát nguyện như vậy. Nhưng thần lực và công đức của chư Phật bình đẳng không sai khác.

KINH: Muốn lúc Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lấy vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng, lúc Ta một lần thuyết pháp họ liền bèn ở trên tòa đều chứng được A-la-hán, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Có đức Phật lấy Thanh văn làm Tăng, có số có hạn, như đức Phật Thích-ca Văn lúc đầu có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo làm Tăng, đức Phật Di-lặc thuyết pháp hội đầu có chín mươi chín ức Tăng, hội thứ hai có chín mươi sáu ức, hội thứ ba có chín mươi ba ức. Tăng của chư Phật như vậy có hạn có số không đồng. Vì vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Ta sẽ lấy vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng.

Lại có đức Phật thuyết pháp cho chúng sanh, thuyết lần đầu người nghe được Sô quả, lúc khác lại thuyết được nhị quả, tam quả, tứ quả. Như đức Phật Thích-ca Văn thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo, chứng được sơ quả, ngày sau chứng được A-la-hán, như Xá-lợi-phất được Sơ quả, nửa tháng sau mới được A-la-hán quả. Đại Ca-diếp trông thấy Phật liền được sơ quả, qua tám ngày được A-la-hán. Như A-nan được quả Tu-đà hoàn, mười hai năm hầu hạ Phật, sau khi Phật Bát Niết-bàn mới được A-la-hán. Các A-la-hán như vậy không phải một lúc chứng được bốn quả, vì vậy nên Bồ-tát phát nguyện rằng: lúc Ta một lần thuyết pháp, người nghe liền ở trên tòa đều chứng được A-la-hán.

KINH: Nguyện Ta sẽ lấy vô lượng vô số đại Bồ-tát làm Tăng, lúc Ta một lần thuyết pháp, vô lượng vô số Bồ-tát đều được bất thối chuyển.

LUẬN: Bồ-tát sở dĩ phát nguyện này, là vì thấy chư Phật phần nhiều lấy Thanh văn làm Tăng, không tách riêng Bồ-tát Tăng, như các Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... vì đức Phật Thích-ca Văn không tách riêng Bồ-tát Tăng, nên đã phải nhập vào Thanh văn Tăng theo thứ lớp ngồi.

Lại có đức Phật vì nhất thời thuyết pháp, thuần lấy Bồ-tát làm Tăng.

Lại có đức Phật lấy cả Thanh văn Bồ-tát lẫn lộn làm Tăng, như nước đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Tăng nhiều, Thanh văn Tăng ít. Vì vậy nên nguyện lấy vô lượng Bồ-tát làm Tăng.

Lại có đức Phật lúc Chuyển pháp luân đầu tiên, không có người được A-bệ-bạt-trí (không thối chuyển). Vì vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Ta thuyết pháp lần đầu có vô lượng vô số người được A-bệ-bạt-trí.

KINH: Muốn được sống lâu vô lượng, ánh sáng đầy đủ, thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Chư Phật thọ mạng có dài có ngắn. Như đức Phật Tỳ-bà-thi sống tám mươi bốn ngàn năm, đức Phật Câu-lưu-tôn sống sáu vạn năm, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni sống ba vạn năm, Phật Ca-diếp sống hai vạn năm, Phật Thích-ca Văn sống trăm tuổi. Ít có ai quá hôn đức Phật Di-lặc sống tám mươi bốn ngàn năm.

Như đức Phật Thích-ca Văn, hào quang chiếu thường là xa một trượng, đức Phật Di-lặc hào quang chiếu thường xa mười dặm.

Hào quang và thọ mạng của chư Phật có hai thứ:

1. Ẩn tàng. 2. Hiển hiện. 1. Chân thật. 2. Vì chúng sanh nên ẩn tàng. Chân thật là vô lượng hiển hiện. Vì chúng sanh là có hạn có lượng. Thật thì Phật thọ mạng không phải ngắn, vì chư Phật đầy đủ nghiệp nhân duyên

trường thọ, như Bà-già phạm kiếp trước cứu chơn mạng một làng, cho nên được thọ mạng vô lượng vô số. Theo pháp của Phạm thế thì sống không quá nửa kiếp, nhưng riêng Phạm thiên này sống vô lượng. Vì vậy nên ông sanh tà kiến nói rằng, chỉ có ta thường trú. Phật đi đến chỗ ông phá tà kiến đó, nói duyên trước của ông nhờ cứu mạng cho một làng mà còn được sống lâu như vậy, huống Phật đời đời cứu vô lượng vô số chúng sanh, hoặc đem thí vật cứu giúp, hoặc đem thân mạng chết thế, cớ sao sống không quá hạn trăm tuổi?

Lại nữa, giới không sát sanh là nghiệp nhân cho sống lâu, Phật đem tâm đại từ thương chúng sanh thấu xương tủy, còn thường vì chúng sanh mà chết, huống gì sát sanh.

Lại nữa, trí tuệ biết thật tướng chư pháp, chân thật không hư dối, cũng là nghiệp nhân duyên cho sống lâu; Bồ-tát do công đức trì giới hòa hợp với Bát-nhã Ba-la-mật còn được sống lâu vô lượng, huống gì Phật đời đời đầy đủ vô lượng công đức ấy, mà mạng sống có hạn.

Lại nữa. như trong hết thảy sắc, Phật thân đệ nhất; trong hết thảy tâm, Phật tâm đệ nhất; vì vậy nên trong hết thảy thọ mạng, Phật thọ mạng đệ nhất. Như người tục nói: Người sanh ở đời, sống lâu là quý, Phật ở trên người, thọ mạng cũng phải dài lâu!

Hỏi: Phật tuy có nghiệp nhân trường thọ, vì sanh vào đời ác, nên thọ mạng phải ngắn, dùng thọ mạng ngắn ấy đủ hoàn thành Phật sự, chứ cần chi phải dài?

Lại Phật do lực thần thông, trong một ngày đủ hoàn thành Phật sự, huống gì trăm năm?

Đáp: Ở đây cõi Diêm-phù-đề ác, nên Phật thọ mạng phải ngắn, các nơi khác lành, nên Phật thọ mạng phải dài.

Hỏi: Nếu như vậy, Bồ-tát sanh vào cung vua Tịnh-phạn ở cõi Diêm-phù-đề, xuất gia, thành đạo mới là Phật thật, còn ở nơi khác đều do lực thần thông biến hóa làm Phật để độ chúng sanh ư?

Đáp: Lời ấy không đúng. Vì cớ sao? Vì ở các chỗ khác thuộc cõi Diêm-phù-đề cũng sẽ nói Phật ở nước ta là Phật thật, còn ở các chỗ khác là Phật biến hóa, sao biết? Vì nếu ở các quốc độ khác tự biết đó là hóa Phật, thì sẽ không chịu tín thọ giáo giới.

Lại như người ở các quốc độ khác sống lâu một kiếp, nếu Phật sống trăm tuổi, thì so với họ chưa đủ một ngày, chúng sanh kia sẽ khởi tâm kiêu mạng, không chịu thọ giáo, họ cho Phật sống một kiếp là Phật thật, còn đây là Phật biến hóa. Như kinh Thủ-lăng-nghiêm tam-muội nói: Thần thông biến chiếu Phật, sống bảy trăm ngàn Vô số kiếp. Phật bảo

Văn-thù-thi-lỵ rằng: "Phật kia là thân Ta". Phật kia cũng nói: "Phật Thích-ca Văn là thân Ta".

Vì vậy nên biết chư Phật sống lâu vô lượng thật. Vì độ người nên thị hiện có dài ngắn. Ông nói Phật Thích-ca Văn do lực thần thông nên trong một ngày độ chúng sanh không khác gì sống lân, vậy thời không cần sống trăm tuổi, chỉ trong một ngày cũng có thể làm đầy đủ Phật sự.

Như A-nan có một lần sanh ý niệm rằng: Như đức Phật Nhiên Đăng, Phật Nhất Thiết Thắng, Phật Tỳ-bà-thi sanh ở đời tốt, thọ mạng rất dài có thể làm đủ Phật sự, còn Phật Thích-ca Văn của ta, sanh vào đời ác, thọ mạng rất ngắn, Thế Tôn sẽ không có thể làm đầy đủ Phật sự chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn vào Nhật xuất tam-muội, từ thân biến hóa ra Vô lượng chư Phật và Vô lượng ánh sáng, thắp đến mười phương, mỗi mỗi hóa Phật ở các thế giới, đều làm Phật sự, có vị thuyết pháp, có vị hiện thần thông, hoặc hiện thiền định, hoặc hiện ăn cơm. Các nhân duyên như vậy, thi tác Phật sự mà độ chúng sanh.

Từ tam-muội dậy, bảo A-nan rằng: Ông thấy nghe các việc ấy chăng?

A-nan thưa: Đã thấy.

Phật bảo A-nan: Phật dùng thần lực như vậy làm đầy đủ Phật sự được chăng?

A-nan thưa: Giả sử Phật sống một ngày, và cỏ cây trên đại địa đều là chúng sanh khả độ, thì Phật có thể độ hết, huống gì Phật sống trăm năm.

Vì vậy nên biết chư Phật sống lâu Vô lượng, chỉ vì độ chúng sanh nên thị hiện có dài ngắn, ví như mặt trời mọc, bóng hiện trong nước, tùy nước lớn nhỏ, nước lớn thì bóng lâu diệt, nước nhỏ thì bóng mau diệt. Nếu chiếu vào núi lưu ly, núi pha lê, thì bóng trụ lâu. Lại như lửa đốt cỏ cây, đốt ít thì mau tắt, đốt nhiều thì lâu tắt. Không thể vì chỗ tắt không có lửa mà bảo chỗ đốt nhiều cùng không có lửa. Nghĩa ánh sáng dài ngắn cũng như vậy.

-------o0o--------

52. GIẢI THÍCH TÍN TRÌ KHÔNG CÓ BA ĐỘC

KINH: Nguyện lúc Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong thế giới không có dâm dục, sân nhuế, ngu si, cũng không có danh tự ba độc. Hết thảy chúng sanh thành tựu trí tuệ, khéo trì giới, khéo thiền

định, khéo tu phạm hạnh, khéo không nhiễu hại chúng sanh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Nếu thế giới không ba độc cũng không có danh tự ba độc, vì sao Phật xuất sanh ở thế giới đó?

Đáp: Tham dục, sân nhuế, ngu si gọi là ba bất thiện căn, là pháp hệ thuộc cõi Dục. Phật nếu nói tham dục, sân nhuế, ngu si, thì là điều bất thiện hệ thuộc cõi Dục; còn nếu Phật nói nhiễm ái, Vô minh, thời đây là bất thiện thông cả ba cõi.

Có thế giới Phật, thuần là người ly dục, vì hạng chúng sanh đó, Bồ-tát nguyện rằng: Lúc ta thành Phật, trong nước không có ba độc và danh tự ba độc.

Lại có thế giới Phật thanh tịnh, thuần là bậc bất thối chuyển, pháp tánh sanh thân Bố-tát, không có các phiền não, chỉ có tập khí thừa, cho nên nói không có danh từ ba độc.

Nếu có người nói, như Bồ-tát nguyện rằng: Ta sẽ độ hết thảy chúng sanh, mà chúng sanh thật không độ hết. Đây cũng như vậy, muốn làm cho thế giới không có danh từ ba độc mà cũng thật có ba độc không hết. Nếu hoàn toàn không ba độc, thì dùng Phật làm gì? Như đại địa không tối, thì không cần mặt trời chiếu. Như Kinh nói: Nếu không có ba pháp thì Phật không ra đời. Nếu ba pháp không dứt, thì không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết. Ba pháp là ba độc, như trong kinh Ba pháp nói rộng.

Lại nữa, có thế giới chúng sanh phân biệt các pháp là thiện là bất thiện, là trói, là mở... đối với pháp nhất tướng tịch diệt mà sanh hý luận như vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Nguyện làm cho chúng sanh ở thế giới của ta không sanh ba độc, biết thật tướng ba độc tức là Niết-bàn.

Hỏi: Hết thảy chúng sanh có trí tuệ như vậy, là trí tuệ gì?

Đáp: Trí tuệ đây là chánh kiến thuộc thế gian. Chánh kiến thế gian nói có bố thí, có tội phước, có đời nay đời sau, có A-la-hán. Vì tin tội phước nên khéo bố thí, tin có A-la-hán nên khéo trì giới, khéo thiền định, khéo tu phạm hạnh, được lực chánh kiến, nên khéo không nhiễu hại chúng sanh. Chánh kiến thế gian là cội gốc của Vô lậu trí tuệ, vì vậy nên nói trong nước không có danh tự ba độc.

Tham dục có hai: 1. Tà tham dục. 2. Tham dục.

Sân nhuế có hai: 1. Tà sân nhuế. 2. Sân nhuế.

Ngu si có hai: 1. Tà kiến ngu si. 2. Ngu si.

Chúng sanh có ba tà độc như vậy, khó có thể hóa độ; còn ba độc kia dễ độ.

Không có danh từ ba độc là không có danh tự ba tà độc.

Năm việc khéo bố thí, khéo trì giới... như trong chương Phóng quang nói.

KINH: Khiến cho ta sau khi vào Niết-bàn, pháp không diệt tận, cũng không có danh tự diệt tận, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Phật là chủ của pháp, còn tự diệt độ, cớ sao nói pháp không diệt tận?

Đáp: Như trên nói, đó là nguyện của Bồ-tát, không hẳn sự thật. Hết thảy pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp sanh, làm sao thường trú không diệt được. Phật như mặt trời sáng, pháp nhờ ánh sáng thừa lại sau mặt trời lặn, làm sao mặt trời lặn mà ánh sáng thừa không diệt được? Chỉ vì trụ lâu, không thể thấy diệt, cho nên nói là bất diệt.

Lại nữa, Bồ-tát thấy pháp của chư Phật trụ có dài có ngắn. Như pháp của Phật Ca-diếp trụ bảy ngày, pháp của Phật Thích-ca Văn trụ một ngàn năm. Thế nên Bồ-tát phát nguyện rằng: Pháp tuy là hữu vi, nguyện cho tương tục không dứt, như lửa được củi truyền nối không dứt.

Lại nữa, thật tướng chư pháp gọi là Phật pháp. Pháp thật tướng ấy chẳng sanh chẳng diệt; chẳng đoạn chẳng thường; chẳng một chẳng khác; chẳng đến chẳng đi; chẳng thọ chăng động; chăng đắm chẳng nương; không có gì như tướng Niết-bàn. Pháp tướng như vậy, làm sao có diệt.

Hỏi: Pháp tướng như vậy là hết thảy Phật pháp đều không diệt?

Đáp: Như đã nói, thật tướng các pháp không có diệt. Có người ức tưởng phân biệt chấp thủ tướng các pháp, hoại pháp thật tướng, dùng lối hai pháp để nói, cho nên có diệt, còn trong pháp thật tướng không có diệt.

Lại nữa, pháp Bát-nhã Ba-la-mật vô ngại, nhóm vô lượng công đức, nên tùy bản nguyện mà pháp pháp nối nhau, không thấy nó diệt; ví như ngước mặt bắn hư không, mũi tên đi rất xa, người tuy không thấy, nhưng chắc chắn nó phải rơi xuống.

KINH: Nguyện lúc Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hằng hà sa thế giới chúng sanh ở mười phương, ai nghe danh Ta, chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Muốn được công đức như vậy, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Có người sanh gặp đời Phật, ở trong Phật pháp mà còn đọa địa ngục như Đề-bà-đạt, Câu-ca-lê, Ha-đa Thích tử... vì ba pháp bất thiện che tâm, nên đọa địa ngục. Thế tại sao trong đây nói ở thế giới cách Phật như hằng hà sa, chỉ nghe danh tự Phật liền được đạo ư?

Đáp: Đã nói có hai Phật thân: 1. Pháp tánh sanh thân Phật. 2. Hiện hóa thân Phật tùy theo chúng sanh hơn kém. Vì là pháp tánh sanh thân Phật, nên nói cho đến chỉ nghe danh mà được độ, vì là Phật thân hiện hóa theo chúng sanh nên nói tuy sanh cùng đời Phật mà tùy theo nghiệp nhân duyên nên có người đọa địa ngục.

Pháp tánh sanh thân Phật thì không việc gì không cứu giúp, không nguyện gì không viên mãn. Vì cớ sao? Vì trong vô lượng vô số kiếp chứa nhóm tất cả công đức thiện bổn, đầy đủ tất cả trí tuệ vô ngại, là chủ giữa chúng thánh, chư thiên và đại Bồ-tát ít ai trông thấy; ví như ngọc báu Như ý, khó thấy khó được. Nếu ai thấy được thì sở nguyện chắc chắn hiệu quả. Cũng như vị thuốc hỷ kiến, hễ ai thấy được, các bệnh tiêu trừ. Cũng như Chuyển luân thánh vương, hễ ai thấy được giàu đủ mọi điều. Cũng như Thích-đề-hoàn nhân, hễ ai thấy được, được mọi điều theo nguyện. Cũng như Phạm thiên vương, chúng sanh nương dựa, sự khủng bố trừ hết. Cũng như người niệm Quán Thế âm, được thoát khỏi ách nạn. Các việc ấy còn như vậy, huống gì pháp tánh sanh thân chư Phật.

Hỏi: Phật Thích-ca Văn cũng là phần pháp tánh sanh thân Phật, không có khác thể, cớ sao lúc Phật ở đời, mà có người làm năm tội ngũ nghịch, đói khát, đạo tặc, có những việc ác như vậy?

Đáp: Phật Thích-ca Văn vốn có thệ nguyện: Ta muốn sanh ra đời ác, đem đạo pháp độ chúng sanh, không vì đời giàu đáng vui thú mà xuất hiện. Nếu Phật lấy sức ban cho, thì không việc gì không được.

Lại cũng vì chúng sanh phước đức mỏng, tội cấu sâu nặng, nên không được độ thoát theo ý.

Lại, nay Phật chỉ nói thanh tịnh Niết-bàn, mà chúng sanh chê bai phỉ báng rằng: Cớ sao nuôi nhiều đệ tử, hóa đạo nhân dân, đó cũng là sự trói buộc. Chỉ đem pháp Niết-bàn giáo hóa còn bị chê bai, huống gì xen nói các cõi vui thế gian. Như Đề-bà-đạt muốn dưới bàn chân có bánh xe nghìn tăm, lấy sắc làm khuông, đốt mà áp bàn chân vào, áp xong chân hoại, thân khổ la lớn.

Bấy giờ A-nan nghe rồi khóc lóc bạch Phật: Anh con sắp chết, xin Phật thương cứu.

Phật liền đưa tay đến xoa thân Đề-bà-đạt và nói lời chân thật rằng: "Ta xem La-hầu-la với Đề-bà-đạt như nhau, vết thương kia sẽ tiêu".

Khi ấy các thống khổ của Đề-bà-đạt liền trừ hết, cầm tay xem, biết đó là tay Phật, liền nói rằng: "Con vua Tịnh-phạn lấy y thuật đủ tự nuôi sống".

Phật bảo A-nan: "Ông xem thấy Đề-bà-đạt chăng? Dụng tâm như

thế, làm sao độ được! Nếu người tốt ở đời thì không có lỗi ấy".

Chúng sanh như vậy, nếu đem cái vui thế gian ra dạy, thì không thể độ được. Các nhân duyên về việc này, trên kia đã nói rộng.

Do vậy nên nói: nghe danh tự Phật mà có người được đạo, có người không được.

Lại nữa, Phật thân có vô lượng vô số không đồng, có đức Phật thuyết pháp làm cho chúng sanh đắc đạo ; có đức Phật phóng hào quang, chúng sanh gặp được mà đắc đạo ; có đức Phật lấy thần thông biến hóa chỉ bày tâm kia mà làm cho đắc đạo ; có đức Phật chỉ hiện sắc thân mà làm cho đắc đạo ; có đức Phật khắp lỗ chân lông trên mình xuất ra hương diệu, chúng sanh nghe hương mà đắc đạo ; có đức Phật lấy đồ ăn cho chúng sanh mà chúng sanh đắc đạo ; có đức Phật, chúng sanh chỉ nhớ tới mà đắc đạo, có đức Phật lấy âm thanh tất cả cây cỏ mà làm Phật sự, khiến chúng sanh đắc đạo ; có đức Phật, chúng sanh chỉ nghe tên mà đắc đạo. Vì là Phật nên nói: "khi Ta làm Phật, ai nghe tên Ta đều khiến cho đắc độ".

Lại nữa, nghe tên, không chỉ vì tên mà liền đắc đạo, nhưng nghe rồi tu đạo, vậy sau đắc độ. Như trưởng giả Tu-đạt mới đầu nghe tên Phật, nội tâm kinh hãi vui mừng đi đến Phật nghe pháp mà đắc đạo.

Lại như Bà-la-môn Thế-di-la từ chỗ ngồi Phạm-chí bện tóc Kê-nê-da, mới đầu nghe tên Phật, tâm liền kinh hãi vui mừng, đi thẳng đến chỗ Phật, nghe pháp đắc đạo. Ấy là chỉ nói nghe tên, nghe tên là nhân duyên đắc đạo, chứ chẳng phải đắc đạo.

Hỏi: Trong Kinh này nói nghe tên Phật tức thời đắc đạo, chứ không nói nghe tên rồi tu hành mới đắc?

Đáp: Nay nói tức thời, không nói trong nhất tâm, chỉ nói không có việc gì khác xen vào, nên nói là tức thời, ví như trong Kinh nói khi tu tâm từ, tức là tu bảy giác ý.

Có người nạn rằng: Từ tam-muội thuộc hữu lậu, duyên tướng chúng sanh mà phát khởi, cớ sao nói tức là lúc tu bảy giác ý? Người đáp rằng: Từ tâm Từ khởi lên tức thời tu bảy giác ý, vì không có pháp khác xen vào giữa, nên nói là tức thời.

Tức thời có hai: 1. Đồng thời. 2. Tuy lâu không có pháp khác xen vào, tức chính tâm ấy mà tiếp tu bảy giác ý, cũng gọi là tức thời.

Lại nữa, có chúng sanh phước đức thuần thục, tâm kiết sử mỏng, nên sẽ đắc đạo, nếu nghe tên Phật tức thời đắc đạo.

Lại nữa, do oai lực của Phật, nghe liền đắc độ, ví như mụt nhọt đã chín. nếu không trị, gặp chút nhân duyên cũng liền tự khô; cũng như

quả chín, nếu không người hái, gặp chút gió rung cũng tự rơi xuống; ví như lụa trắng sạch mới, dễ nhuộm màu; vì hạng người như vậy nên nói, nếu nghe tên Phật, tức thời đắc đạo, ví như quỷ thần ám người, nghe tên câu chú của tiên nhân, tức thời bỏ đi.

Hỏi: Thế giới xa quá hằng hà sa, ai truyền tên Phật khiến họ được nghe?

Đáp: Phật dùng thần lực, lỗ chân lông trên toàn thân phóng vô lượng ánh sáng, trên mỗi mỗi ánh sáng đều có hoa sen báu, trên mỗi mỗi hoa đều có Phật ngồi, mỗi mỗi Phật đều nói diệu pháp để độ chúng sanh. Lại nói danh tự chư Phật, do vậy nên nghe, như trong chương Phóng Quang đã nói.

Lại nữa, các đại Bồ-tát do bổn nguyện muốn đến chỗ không có Phật pháp, xưng dương danh hiệu Phật; như nói trong phẩm này, cho nên được nghe.

Lại có người đại công đức, ở giữa hư không, nghe danh hiệu Phật như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Bồ-tát Thường Đề). Lại có khi từ chư thiên nghe, hoặc nghe từ trong âm thanh của cây, hoặc nghe từ trong mộng.

Lại nữa, chư Phật có lực bất khả tư nghì, hoặc tự đi đến nói, hoặc dùng tiếng bảo.

Lại như Bồ-tát phát nguyện, thệ độ hết thảy chúng sanh, vì vậy nên nói khi ta thành Phật, chúng sanh trong thế giới xa quá hằng hà sa nghe tên ta đều được thành Phật. Muốn được như vậy, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Trên nói muốn được các công đức và các sở nguyện, các việc ấy đều do các hạnh nghiệp hòa hợp thành, cớ sao chỉ nói nên học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Kinh này tên Bát-nhã Ba-la-mật, Phật muốn giải nói việc ấy, cho nên trong mỗi chướng đều tán thán Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Đối với cha mẹ, công đức mẹ nặng hôn, cho nên Phật lấy Bát-nhã làm mẹ, Ban châu tam-muội (thiền định) làm cha. Tam-muội hay thu nhiếp loạn tâm, khiến trí tuệ được thành, mà không thể quán thật tướng các pháp, Bát-nhã Ba-la-mật có thể quán khắp các pháp, phân biệt thật tướng, không việc
gì không thấu suốt, không việc gì không thành, công đức lớn lao nên gọi là mẹ. Vì vậy hành giả tuy tu hành sáu Ba-la-mật và các công đức hòa hợp, có thể làm cho đầy đủ sở nguyện, nhưng chỉ nói: nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, như phẩm sau đây của Bát-nhã nói: Nếu không có Bát-nhã Ba-la-mật, năm độ kia không gọi là Ba-la-mật, tuy tu khắp các hạnh, cũng không làm đầy đủ sở nguyện, cũng như các tranh vẽ, nếu không có keo thì không dùng được. Chúng sanh từ trong vô thỉ thế giới lại đây, tuy tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhất tâm, trí tuệ, thọ quả báo thế gian xong, rồi phải trở lại hết. Vì sao? Vì lìa Bát nhã Ba-la-mật. Nay nhờ ân Phật, dùng Bát-nhã Ba-la-mật tu hành sáu độ, nên được gọi là Ba-la-mật, thành tựu Phật đạo, làm cho Phật Phật tương tục không cùng tận.

Lại nữa, khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, khắp quán các pháp đều không, không cũng lại không, diệt các quán, được vô ngại Bát-nhã Ba-la-mật, lấy lực đại bi phương tiện, trở lại phát khởi các nghiệp công đức, do nhân duyên của nghiệp thanh tịnh ấy, không nguyện gì không thành. Các công đức khác, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, không có trí tuệ vô ngại, làm sao nói: Muốn thành các nguyện nên học Đàn Ba-la-mật... được?

Lại nữa, lại vì năm Ba-la-mật lìa Bát-nhã nên không được gọi là Ba-la-mật. Năm Ba-la-mật kia như mù, Bát-nhã như mắt. Năm Ba-la-mật kia như bình đựng nước mới nung, Bát-nhã Ba-la-mật như bình đã nung chín. Năm Ba-la-mật kia như chim không có hai cánh, Bát-nhã Ba-la-mật như chim có hai cánh.

Do các nhân duyên như vậy, Bát-nhã Ba-la-mật có thể thành đại sự.

Vì vậy nên nói: Muốn được các công đức và sở nguyện, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 35

GIẢI THÍCH PHẨM HAI: BÁO ỨNG

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật làm được công đức ấy, thì khi ấy, bốn Thiên vương đều rất hoan hỷ, nghĩ rằng: Chúng ta sẽ lấy bốn chiếc bát dâng lên Bồ-tát như trước đây Thiên vương dâng bát trước tiên cho Phật.

LUẬN: Hỏi: Phẩm trước nói đã đầy đủ, nay có sao còn nói lại?

Đáp: Trước tuy tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, việc chưa đầy đủ, người nghe không chán, cho nên lại nói nữa.

Lại nữa, phẩm đầu chỉ tán thán năng lực Bát-nhã Ba-la-mật, nay tán thán hành giả làm được công đức ấy, được bốn Thiên vương hoan hỷ dâng bát.

Lại nữa. Bồ-tát đủ được các nguyện hạnh, nên Phật an ủi khuyến tấn nói có quả báo ấy, trọn không hư dối.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật có hai thành quả: 1. Thành Phật độ chúng sanh. 2. Tuy chưa thành Phật được hưởng quả báo thế gian, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, Đế-thích, Phạm vương làm chủ ba ngàn thế giới, sự cúng dường phước lạc của thế gian, đều được đầy đủ. Nay lấy quả báo thế gian chỉ cho chúng sanh, cho nên nói việc ấy.

Lại nữa, thế gian muốn thành nghiệp lớn, phần nhiều bị hoại loạn. Bồ-tát thì không như vậy, nội tâm đã định, ngoại sự ứng theo. Do nhân duyên như vậy, nên nói phẩm này.

Hỏi: Khi Bồ-tát tăng ích sáu Ba-la-mật, chư Thiên, người đời vì cớ sao vui mừng?

Đáp: Chư Thiên đều nhân nơi Mười điều thiện, Bốn thiền, Bốn vô lượng tâm mà được sanh ra, nhưng các công đức ấy lại do chư Phật Bồ-tát mà có. Nếu Phật ra đời thì làm tăng ích chúng chư Thiên, tổn giảm
chúng A-tu-la; nếu Phật không ra đời, thì chúng A-tu-la nhiều, chúng chư Thiên giảm ít, vì tạo tạp phước không thanh tịnh. Nếu chư Phật xuất thế, có thể dứt lưới nghi cho chư Thiên, có thể thành đại sự. Như Thích-

đề-hoàn nhân khi mạng chung sắp chết, ôm tâm sợ hãi, cầu Phật cứu, tìm khắp không biết chỗ, tuy thấy người xuất gia ở giữa núi đầm, được người cúng dường, cũng không thể dứt lưới nghi cho họ.

Khi ấy, Trời Tỳ-thủ-kiết-la thưa với Thích-đề-hoàn nhân rằng: vua Thi-tỳ (Sibi) khổ hạnh kỳ đặc, đời rất hy hữu. Các người trí nói: Người ấy không bao lâu sẽ thành Phật.

Thích-đề-hoàn nhân nói: Việc ấy khó thành. Sao biết được? Như trứng cá, bông xoài, và người phát tâm Bồ-đề, ba việc ấy khi còn ở trong nhân thì nhiều, khi thành rất ít, nay hãy thử xem.

Đế-thích tự hóa làm chim cắt, Tỳ-thủ-kiết-la hóa làm chim bồ câu, bồ câu chui vào vua, vua tự cắt thịt mình. Cho đến đem thân lên cân để thế mạng chim bồ câu, đại địa chấn động.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn nhân, tâm rất hoan hỷ, rải các hoa trời, tán thán việc chưa từng có.

Đại tâm quyết định như vậy, thành Phật không lâu.

Lại nữa, người phàm mắt thịt, không có trí tuệ, khổ thân tìm của, để nuôi sống, nghe nói Bồ-tát tăng ích sáu Ba-la-mật, thành Phật không lâu, mà còn hoan hỷ, huống gì chư thiên?

Hỏi: Trời Tứ thiên vương, Trời Ba mươi ba còn bị nạn A-tu-la, còn chư thiên trên đó không có nạn ấy, cớ sao hoan hỷ?

Đáp: Chư Thiên trên đó tuy không có nạn A-tu-la, nếu Phật không ra đời, thì được sanh lên cõi ấy rất ít; giả sử có được sanh, năm dục lạc không đẹp. Vì cớ sao? Vì chỉ tu phước bất tịnh: Cung điện, ánh sáng, thọ mạng của chư Thiên cõi Sắc cũng như vậy.

Lại nữa, trong chư Thiên, người có trí tuệ biết được thiền vị, năm dục đều vô thường, chỉ có khi Phật ra đời mới khiến được Niết-bàn thường vui. Vì vui thế gian, vui Niết-bàn, đều do nôi Phật Bồ-tát mà được, cho nên hoan hỷ; ví như cây trái ngon ngọt, thành tựu tốt tươi đầy đặn, thì người rất hoan hỷ. Vì cây đó có các thứ lợi ích, có người nhờ bóng im của nó, có người dùng hoa, có người ăn quả. Bồ-tát cũng như vậy. Hay lấy bóng im lìa pháp bất thiện ngăn che khổ nóng của ba ác, hay cho Trời người hoa giàu vui, khiến các Hiền Thánh được quả Tam thừa, cho nên hoan hỷ.

Hỏi: Chư Thiên có nhiều việc cúng dường, cớ sao dâng bát?

Đáp: Bốn Thiên vương dâng bát, các Trời khác cúng dường, đều có pháp nhất định, như khi Phật mới sanh, Thích-đề-hoàn nhân lấy áo Trời nâng thân Phật, Phạm thiên vương đích thân cầm lọng, bốn Thiên vương phòng hộ bốn bên. Chư Thiên Tịnh-cư muốn khiến Bồ-tát sanh

tâm chán lìa, nên hóa làm người già, bệnh, chết, và thân hình Sa-môn. Lại khi xuất gia, bốn Thiên vương sắc lệnh sứ giả đỡ nổi chân ngựa, tự mình hầu giúp bốn phía Bồ-tát. Thiên Đế-thích lấy tóc bỏ lót dựng tháp tóc ở ngoài cửa Đông thành trên Trời. Lại lấy y báu của Bồ-tát dựng tháp y ở ngoài cửa Nam thành, lúc Phật đi đến dưới cây thì dâng cỏ tốt. Bồ-tát Chấp Kim cang, thường cầm Kim cang hộ vệ, Phạm thiên vương thỉnh Phật Chuyển pháp luân. Như vậy mỗi mỗi đều có phép nhất định. Vì vậy nên bốn Thiên vương dâng bát. Ý nghĩa bốn bát như trước đã nói.

Hỏi: Phật một mình cớ sao lãnh thọ bốn bát?

Đáp: Bốn vua lực bằng nhau, không thể lãnh thiên về một người. Lại khiến thấy thần lực của Phật, hợp bốn bát làm một, tâm mừng, lòng tin thanh tịnh, nghĩ rằng: Từ khi Bồ-tát mới sanh, đến nay thành Phật, chúng ta cúng dường, công đức không hư dối.

Hỏi: Bốn Thiên vương sống lâu năm trăm năm. Bồ-tát quá vô lượng vô số kiếp sau mới thành Phật, bốn Thiên vương hiện nay chẳng phải là bốn Thiên vương sau này, tại sao hoan hỷ?

Đáp: Vì đồng một họ, ví như dòng họ sang, con cháu truyền trăm đời, không vì xa mà cho là khác.

Hoặc hành giả khi thấy Bồ-tát tăng ích sáu Ba la-mật, tâm phát nguyện rằng: Bồ-tát ấy khi thành Phật, ta sẽ dâng bát, thế nên được sanh (bốn Thiên vương).

Lại nữa, bốn Thiên vương sống năm trăm năn, nhân gian năm mươi năm bằng một ngày một đêm ở bốn Thiên vương và ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Lấy sự sống lâu năm trăm năm ấy so bằng chín trăm vạn năm ở nhân gian Bồ-tát làm được công đức ấy, hoặc gần thành Phật, bốn Thiên vương mới sanh, đủ có thể gặp được Phật.

Hỏi: Như trong Kinh Đại thừa nói: Có đức Phật lấy hỷ làm món ăn, không ăn đồ ăn bốc nắm. Giống như Thiên vương, y phục nghi dung của Phật không khác với người đời, thì không cần bát ăn, cớ sao nói bốn Thiên vương nhất định phải dâng bát?

Đáp: Nhất định là vì dùng bát, nên không nói không dùng.

Lại nữa, chư Phật dùng bát thì nhiều, không dùng bát ít, cho nên lấy nhiều làm định lệ.

KINH: Trời Ba mươi ba cho đến trời Tha-hóa-tự-tại cũng đều hoan hỷ, ý nghĩ rằng: Chúng ta sẽ hầu hạ cúng dường Bồ-tát, tổn giảm chúng A-tu-la, tăng ích chúng chư Thiên. Ba ngàn đại thiên thế giới, bốn Thiên

vương cho đến Trời A-ca-ni-sắc, đều rất hoan hỷ. Ý nghĩ rằng: Chúng ta sẽ thỉnh Bồ-tát ấy Chuyển pháp luân.

LUẬN: Chư Thiên ấy, lấy hương hoa anh lạc, lễ bái cung kính, nghe pháp, tán thán cúng dường, cũng nghĩ rằng: Người tu phước thanh tịnh, thì A-tu-la chúng giảm, tăng ích trời Ba mươi ba. Chư Thiên chúng ta cũng được tăng ích.

Hỏi: Trên đã nói sáu hạng trời, sao còn nói trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Trời A-ca-ni sắc đều hoan hỷ cúng dường?

Đáp: Trước nói hạng sáu Trời ở trên một núi Tu-di. Đây nói chư Thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, trước chỉ nói cõi Dục, nay nói trời cõi Dục, cõi Sắc thỉnh Phật Chuyển pháp luân. Trên tuy nói chư Thiên Tịnh-cư cúng dường khuyến trợ các thứ, nay thỉnh Phật Chuyển pháp luân là việc lớn.

Hỏi: Trong ba tạng chỉ nói Phạm thiên thỉnh Chuyển pháp luân, nay cớ sao bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni sắc?

Đáp: Trời cõi Dục gần, cho nên đến trước, trời cõi Sắc đều gọi là Phạm. Nếu nói Phạm vương thỉnh là đã nói các trời khác.

Lại nữa, Phạm là cánh cửa đầu của cõi Sắc, nói đầu nên sau cũng nói.

Lại nữa, có Phật không Phật, chúng sanh thường biết Phạm thiên.

Vì Phạm thiên là tổ phụ của thế gian, vì người đời tin như vậy, nên Phật nói Phạm thiên. Tướng Pháp luân như trước đã nói.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, khi tăng ích sáu Ba-la-mật, các thiện nam tử, thiện nữ nhân, đều hoan hỷ, ý nghĩ rằng: Chúng ta sẽ vì người ấy làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức?

LUẬN: Hỏi: Trước đã nói làm được công đức ấy, nay sao còn nói tăng ích sáu Ba-la-mật?

Đáp: Trước nói tướng chung, nay nói tướng riêng.

Lại nữa, trước nói công đức có vô lượng thứ, người nghe chán mệt, nay chỉ lược nói sáu Ba-la-mật, thì thu nhiếp hết các công đức.

Lại nữa, vì Trời nói làm được các công đức, vì người nói tăng ích sáu Ba-la-mật. Sao biết? Như sau nói: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, do vậy nên biết.

Hỏi: Bốn Thiên vương cho đến Trời A-ca-ni-sắc, cớ sao không nói là thiện thiên, mà chỉ đối với người thì nói là thiện nam tử, thiện nữ nhân?

Đáp: Chư Thiên đều có Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, biết

cúng dường Bồ-tát, nên không nói riêng chư thiện thiên, còn người vì mắt thịt không biết thiện, mà biết cúng dường, vì ít nên nói riêng thiện. Thiện là theo Phật nghe pháp, hoặc theo đệ tử Phật và Bồ-tát nghe pháp. Hoặc nghe thọ ký sẽ làm Phật, lại nghe Phật tán thán danh tự, cho nên biết tu thiện.

Hỏi: Cớ sao chỉ nói nam tử, nữ nhân thiện, mà không nói kẻ hai căn (nam nữ), kẻ không căn là thiện?

Đáp: Không căn là không có căn đắc đạo, cho nên không nói như trong luật không cho xuất gia, vì người ấy mất tướng nam nữ; tâm họ bất định, gặp chút nhân duyên đã nổi giận, kiết sử nhiều, mê đắm thế sự, ôm lòng nghi ngờ, không vui đạo pháp, tuy tu chút ít việc phước, trí tuệ cạn mỏng, không thể thâm nhập, bản tánh thay đổi, cho nên không nói. Đó là trong pháp Thanh văn nói như vậy. Còn trong pháp Đại thừa, ví như biển lớn, không gì không dung, hạng không căn ấy hoặc có khi cũng tu thiện, chỉ vì ít nên không nói. Gọi rằng ít, vì trong số nam nữ, hạng người không căn ấy rất ít, trong hạng không căn mà tu thiện, càng ít hôn. Ví như người tại gia tuy tóc, râu, nốt ruồi đen mà không gọi là người đen. Người hai căn kiết sử cấu tạp nhiều, cũng làm việc nam, cũng làm việc nữ, tâm kia tà cong, khó có thể tế độ, ví như ở rừng rậm kéo cây, cây cong khó ra. Lại như A-tu-la, tâm họ không đoan chánh, thường nghi Phật, cho Phật hỗ trợ Trời. Phật dạy năm uẩn, họ cho là có sáu uẩn, còn một uẩn Phật không nói, hoặc dạy bốn đế, họ cho là có năm đế, còn một đế Phật không nói. Người hai căn cũng như vậy. Vì tâm nhiều tà vạy, không thể đắc đạo, vì vậy nên chỉ nói thiện đối với nam tử nữ nhân.

Tướng thiện là có tâm Từ bi hay nhẫn lời mắng ác, như phẩm Mắng trong kinh Pháp-cú nói: Hay nhẫn lời mắng ác, là ở trên mọi người; ví như ngựa lành tốt, có thể để vua cỡi.

Lại nữa, năm thứ tà ngữ, roi, gậy, đánh hại, trói buộc... không hủy hoại tâm kia được, ấy gọi là tướng thiện.

Lại nữa, ba nghiệp không lỗi, vui với người thiện, không hủy báng người khác thiện, không phô trương đức mình, tùy thuận mọi người, không nói lỗi người, không đắm cái vui thế gian, không cầu danh dự, tin ưa cái vui đạo đức, nghiệp mình thanh tịnh, không não hại chúng sanh, tâm quý thật pháp, khinh hèn thế sự, chỉ ưa lời thẳng, không theo người dối, vì cái vui của tất cả chúng sanh, tự bỏ vui mình, làm cho tất cả chúng sanh được lìa khổ, nên lấy mình thay thế. Như vậy có vô lượng việc, gọi là tướng người lành. Tướng này phần nhiều ở nam nữ, cho nên nói thiện

nam tử, thiện nữ nhân.

Hỏi: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì sao có thể phát lời nguyện ấy?

Đáp: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, tự biết phước mỏng, trí tuệ ít, tập gần Bồ-tát, cầu được vượt qua, ví như trầm thạch tuy nặng nương thuyền được qua.

Lại thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói "Bồ-tát không phải từ một đời, hai đời mà được hành đạo, mà phải qua lại sanh tử trong vô số kiếp, liền suy nghĩ ta sẽ cùng Bồ-tát làm nhân duyên.

Lại nữa, Bồ-tát chứa đức sâu dày, nên ở chỗ sanh ra, chúng sanh đều đến kính ngưỡng Bồ-tát, để mong nhờ lợi ích sâu nặng. Nếu thấy Bồ-tát xả thọ mạng, thì nguyện sẽ cùng Bồ-tát làm cha mẹ, vợ con, quyến thuộc. Vì cớ sao? Vì biết tập gần người thiện, được tăng ích công đức. Ví như chứa nhiều hương, hôi thơm càng nhiều: như Bồ-tát đời trước làm thái tử của quốc vương, thấy người cõi Diêm-phù-đề nghèo cùng, muốn tìm ngọc Như ý, đi vào biển lớn, đi đến cung Long vương, rồng thấy thái tử oai đức thù diệu, liền đứng dậy nghinh đón, mời đến trước để cúng dường mà hỏi rằng: Có việc gì mà từ ta đến đây?

Thái tử đáp: Tôi thương xót chúng sanh cõi Diêm-phù-đề nên muốn tìm ngọc Như ý để cứu giúp.

Rồng nói: Hãy ở lại cung tôi thọ cúng dường một tháng, rồi tôi sẽ cho.

Thái tử liền ở một tháng, vì Long vương tán thán đa văn, rồng liền cho ngọc. Ngọc như ý này có thể mưa xuống một do tuần (khoảng 12 km).

Rồng nói: Thái tử có tướng, không lâu sẽ làm Phật, tôi sẽ làm đệ tử đa văn đệ nhất.

Khi ấy, Thái tử lại đi đến một cung rồng khác được ngọc, mưa xuống hai do tuần. Hai tháng vì rồng tán thán năng lực thần thông. Rồng nói: Thái tử không bao lâu sẽ làm Phật, tôi sẽ làm đệ tử thần túc đệ nhất.

Lại đi đến một cung rồng khác được thứ ngọc, mưa xuống ba do tuần. Ba tháng vì rồng tán thán trí tuệ. Rồng nói: Thái tử không bao lâu sẽ thành Phật, tôi sẽ làm đệ tử trí tuệ đệ nhất.

Các rồng cho ngọc xong nói: Khi người hết thọ mạng, ngọc đem trả lại ta, Bồ-tát hứa lời.

Thái tử được ngọc, đi đến cõi Diêm-phù-đề, dùng một ngọc mưa đồ ăn uống, một ngọc mưa y phục, một ngọc mưa bảy báu, lợi ích chúng sanh.

Lại như Bồ-tát Tu-ma-đề, trông thấy Phật Nhiên Đăng, Bồ-tát liền đi theo người con gái tên Tu-la-bà hỏi mua năm cành hoa, người con gái không chịu bán, Bồ-tát liền đem năm trăm tiền vàng, để được mua năm cành hoa, người con gái vẫn không bán mà lại giao ước rằng: Nguyện tôi đời đời làm vợ ông, rồi sẽ bán cho. Bồ-tát cần lấy hoa cúng dường Phật, nên hứa lời.

Lại Bồ-tát Diệu Quang, có người con gái ông trưởng giả thấy thân Bồ-tát có hai mươi tám tướng, sanh tâm ái kính, đứng ở dưới cửa. Bồ-tát đi đến, người con gái liền cởi ngọc lưu ly nơi cổ, để vào trong bình bát của Bồ-tát, tâm nguyện rằng: Tôi sẽ đời đời làm vợ người này. Ngươi con gái này trong hai trăm năm chục kiếp, nhóm các công đức, sau sanh ở giữa hoa sen trong vườn của dâm nữ Hỷ kiến. Hỷ kiến nuôi làm con gái (đặt tên là Hỷ đức), đến năm mười bốn tuổi, nữ công, thế trí, đều đầy đủ.

Bấy giờ có vua cõi Diêm-phù-đề, tên là Tài Chủ, thái tử tên là Đức Chủ, có tâm đại bi, thường ra khỏi cửa thành vào vườn du ngoạn, các dâm nữ dẫn đạo ca tán, Thái tử Đức Chủ rải các vật báu, y phục, ẩm thực, thí như rồng mưa, không chỗ nào không khắp. Người con gái Hỷ Đức thấy thái tử, tự tạo ca kệ mà tán dương thái tử, con mắt ái luyến chăm nhìn chưa từng nhấp nháy, tự phát nguyện rằng: Việc thế gian tôi đều biết hết, xin đem thân tôi dâng cấp thái tử.

Thái tử hỏi: Ngươi thuộc về ai? Nếu có thuộc về ai, thì chẳng nên nhận.

Bấy giờ, dâm nữ Hỷ Kiến đáp lời Thái tử: Đứa con gái tôi đây năm, tháng, ngày, giờ, nó sanh ra đồng với thái tử. Đứa con gái này chẳng phải từ trong bụng tôi sanh ra. Sáng sớm tôi vào vườn, thấy trong hoa sen sanh ra bé gái này, tôi nhận nuôi làm con gái, chớ vì tôi mà khinh hèn đứa con gái này. Đứa con gái này giỏi sáu mươi bốn điều, không điều gì không đầy đủ, nữ công, mỹ thuật, kinh thư, phương thuốc, thảy đều thông suốt. Thường có lòng hổ thẹn, nội tâm trung trực, không có tật đố, không ý tưởng tà dâm. Con gái tôi đạo đức oai nghi như vậy, Thái tử hẳn nên nhận lấy!

Thái tử Đức Chủ trả lời với người con gái: Chị! tôi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu đạo Bồ-tát, không có thương tiếc gì, quốc tài vợ con, voi ngựa bảy báu, nếu có ai đến xin, tôi không trái ý họ. Nếu con trai con gái của ngươi sanh ra, và chính thân người, nếu có người xin, tôi sẽ cho họ, chớ sanh lo buồn hối hận. Hoặc có khi tôi bỏ người đi tu, làm đệ tử Phật, ở tịnh chỗ núi rừng, người cũng chớ sầu.

Người con gái Hỷ Đức đáp: Giả sử lửa địa ngục thổi đến cháy nát thân tôi; tôi không bao giờ hối hận. Tôi cũng không phải vì dâm dục vui chơi mà đến làm thân hảo, tôi chỉ vì khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên phụng sự chánh sĩ.

Người con gái lại thưa với Bồ-tát rằng: Đêm qua tôi mộng thấy thân Phật Diệu Nhật ngồi dưới gốc đại thọ, nên cùng nhau đến chiêm ngưỡng.

Thái tử thấy người con gái đoan chánh, lại nghe nói đức Phật xuất hiện. Vì hai lẽ đó nên lên một xe cùng đi đến chỗ Phật.

Phật thuyết pháp cho nghe, thái tử được vô lượng môn Đà-la-ni, người con gái được tâm chí điều phục.

Bấy giờ thái tử lấy năm trăm hoa báu cúng dường Phật, để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thái tử thưa với phụ vương rằng: Con gặp thân Phật Diệu Nhật được thiện lợi lớn.

Phụ vương nghe rồi, bỏ vật ái trọng đem cho thái tử, rồi cùng với nội cung quan thuộc, nhân dân trong nước, đi đến chỗ Phật.

Phật thuyết pháp cho nghe, vua chứng được Đà-la-ni. Đèn hết thảy pháp không tối.

Khi ấy vua suy nghĩ: Không thể lấy pháp thế tục nhiếp trị quốc độ, hưởng thọ ngũ dục mà có thể đắc đạo.

Suy nghĩ như vậy xong, lập Đức chủ thái tử làm vua, để xuất gia cầu đạo.

Bấy giờ, thái tử vào ngày rằm, có sáu thứ báo ứng đến. Người vợ tên Hỷ đức biến làm nữ báu. Nhân duyên như vậy, trong kinh Bất khả tư nghì có nói rộng.

Cho nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân, nguyện đời đời làm cha mẹ, vợ con, quyến thuộc Bồ-tát.

KINH: Bấy giờ, Trời Tứ Thiên vương cho đến Trời A-ca-ni-sắc, đều rất hoan hỷ, ai nấy tự nghĩ rằng: Chúng ta hãy làm phương tiện, khiến Bồ-tát xa lìa dâm dục, từ khi mới phát tâm, thường làm kẻ đồng chân, đừng để cho chung hội với sắc dục. Nếu hưởng thụ ngũ dục, còn chướng ngại sanh cõi Phạm thiên, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát diệt dâm dục xuất gia nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng phải không dứt.

LUẬN: Hỏi: Chư Thiên cớ sao nguyện như vậy?

Đáp: Trong thế gian, ngũ dục là đệ nhất, không ai không ưa thích. Trong năm dục, xúc dục là đệ nhất, nó trói buộc tâm người, như người bị rớt xuống bùn sâu, khó thể vớt khỏi, vì vậy chư thiên phương tiện khiến Bồ-tát xa lìa dâm dục.

Lại nữa, nếu hưởng thụ các dục khác, vẫn không mất trí tuệ, còn khi hội hiệp dâm dục, thân tâm hoan mê, không còn tỉnh giác, tự chìm đắm sâu. Vì vậy chư Thiên làm cho Bồ-tát xa lìa.

Hỏi: Làm sao khiến xa lìa?

Đáp: Như Bồ-tát Thích-ca Văn ở trong cung vua Tịnh-phạn, muốn ra ngoài thành dạo xem, chư Thiên Tịnh cư, hóa làm người già, bệnh, chết, khiến tâm kia chán. Lại khiến nửa đêm, thấy các cung nhân kỹ nữ lộ hình xấu xí bất tịnh, nước bọt mũi chảy ra, phân dãi bừa bãi, Bồ-tát thấy rồi liền sanh ghê chán. Hoặc có khi chư thiên khiến người con gái sanh ác tâm đố kỵ, chẳng biết ân đức, ác khẩu dối trá, không biết tỉnh xét. Bồ-tát thấy rồi liền sanh niệm nghĩ rằng: thân tuy tợ người mà tâm nó thật đáng ghét, liền xa bỏ nó.

Muốn khiến Bồ-tát từ khi mới phát tâm, thường làm hạnh đồng chân, không hội cùng sắc dục. Vì cớ sao? Vì dâm dục là gốc các thứ kiết sử. Phật dạy: Thà lấy dao bén cắt dứt thân thể, không nên hội cùng nữ sắc, dao cắt tuy khổ, không đọa đường ác, còn nhân duyên dâm dục phải chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp số. Người hưởng thọ ngũ dục còn không được sanh cõi Phạm thiên, huống gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hoặc có người nói: Bồ-tát tuy hưởng thọ ngũ dục, tâm không đắm trước, không chướng ngại đạo, vì vậy nên Kinh nói: hưởng thọ ngũ dục, còn không được sanh cõi Phạm thế.

Phạm thế là nôi vô thỉ chúng sanh đều được sanh đến đó, song người hưởng thọ ngũ dục, chỗ thường đáng được còn không được sanh, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là nôi vốn không được lại muốn được?

Vì vậy Bồ-tát nên làm kẻ đồng chân tu hành phạm hạnh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát phạm hạnh không nhiễm trước thế gian, nên mau thành Bồ-tát đạo. Nếu người dâm dục, thí như keo sơn, khó thể lìa được. Vì cớ sao? Vì thân hưởng thọ dục lạc, rễ dâm dục càng sâu. Cho nên trong pháp xuất gia, dâm dục đứng đầu, lại cũng nặng.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Hoặc có Bồ-tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức. Hoặc có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, tu phạm hạnh đồng chân, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phạm sắc dục. Hoặc có Bồ-tát do lực phương tiện, thọ ngũ dục rồi, xuất gia được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Ba hạng Bồ-tát ấy, hạng đầu như người thế gian, thọ ngũ dục rồi sau mới lìa bỏ đi tu, chứng được giác ngộ. Hạng thứ hai có đại công đức kiên cố, khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, cho đến khi thành Phật. Hạng Bồ-tát này hoặc là pháp thân, hoặc là nhục thân, hoặc chưa lìa dục. Hạng thứ ba là Bồ-tát pháp thân thanh tịnh, được vô sanh pháp nhẫn, trú ở sáu thần thông, vì giáo hóa chúng sanh nên cùng với chúng sanh đồng sự để nhiếp thủ họ. Hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm vua Diêm-phù-đề. Trưởng giả, Sát-lợi, tùy theo chỗ cần mà làm lợi ích.

KINH: Thí như huyễn sư, hoặc đệ tử huyễn sư, khéo biết cách huyễn, huyễn làm ra ngũ dục, cùng nhau vui chơi trong đó, ý ngươi nghĩ sao? Người ấy đối với ngũ dục, thật hưởng thụ chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát dùng lực phương tiện hóa làm ngũ dục, thọ vui trong đó, thành tựu chúng sanh, cũng lại như vậy. Bồ-tát ma-ha-tát ấy không nhiễm nôi dục, mà dùng đủ cánh chê bai ngũ dục, dục là đốt cháy, dục là uế ác, dục là hủy hoại, dục như là kẻ oán. Thế nên Xá-lợi-phất, nên biết Bồ-tát vì chúng sanh mà hưởng thọ ngũ dục.

LUẬN: Trong ba hạng Bồ-tát, sao chỉ nêu riêng một hạng Bồ-tát ra để ví dụ.

Đáp: Hạng thứ nhất đồng như thông lệ con người, không dứt dâm dục. Hạng thứ hai thường dứt dâm dục, tu tịnh hạnh. Hạng thứ ba cũng tu tịnh hạnh mà hiện thọ dâm dục. Vì người không hiểu nên nêu làm ví dụ.

Hỏi: Cớ sao không lấy chuyện mộng, biến hóa... làm ví dụ?

Đáp: Cảnh mộng chẳng phải do năm căn biết được, chỉ nội tâm nhớ tưởng sanh ra, người do năm căn trông thấy biến mất vô thường, có thể hiểu được, cảnh biến hóa, tuy năm căn biết được. mà người trông thấy rất ít. Phật vì độ chúng sanh có thể độ và sự huyễn là điều chúng sanh tin cho nên nêu làm thí dụ; như huyễn sư dùng huyễn thuật hiện ra việc hy hữu giữa mọi người, khiến họ hoan hỷ. Bồ-tát huyễn sư cũng như vậy, dùng thuật năm thần thông hóa làm ra ngũ dục ở giữa chúng sanh, cùng

nhau vui chơi mà hóa độ chúng sanh.

Chúng sanh có hai hạng: Tại gia và xuất gia. Vì độ hạng xuất gia nên hiện thân Thanh văn, Bích-chi Phật và các thầy ngoại đạo xuất gia. Hạng tại gia hoặc có người thấy người xuất gia mà đắc độ, hoặc thấy người tại gia đồng thọ ngũ dục mà được hóa độ.

Bồ-tát thường lấy các nhân duyên chê bai ngũ dục như: dục là đốt cháy. Khi nó chưa mất thì lửa ba độc cháy, khi nó mất thì lửa vô thường cháy, nên gọi là bừng cháy, chẳng lúc nào vui.

Dục là uế ác: Chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán, các người lìa dục, đều cho là uế hèn. Ví như người thấy chó ăn phân, khinh hèn mà thương xót, nó không được đồ ăn ngon, mà ăn đồ bất tịnh. Người hưởng thọ ngũ dục cũng như vậy. Không được cái vui nội tâm lìa dục, mà cầu cái vui nơi sắc dục bất tịnh.

Dục là hủy hoại: Vì đắm mê ngũ dục, vua trời, vua người, những người giàu sang, mất nước nguy thân đều do nó cả.

Dục như kẻ oán, làm mất thiện lợi của người, cũng như kẻ thích khách, bề ngoài như thân thiện mà trong tâm thì ôm hại. Ngũ dục như vậy làm tan mất thiện tâm, cướp tuệ mạng người. Ngũ dục sanh ra, chính là phá hoại các thiện, hủy bại đức nghiệp.

Lại biết ngũ dục như lưỡi câu giết cá, như bẫy hại nai, như đèn đốt cháy con thiêu thân, cho nên nói dục như kẻ oán.

Cái khổ của kẻ oan gia, không quá một đời, vì mê đắm ngũ dục, đọa ba đường ác, chịu khổ độc vô lượng.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật: Bồ-tát ma-ha-tát làm sao hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy ta hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy ta không hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát, danh tự Bồ-tát tánh không, trong không, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức; lìa sắc cũng không có không, lìa thọ, tưởng, hành, thức cũng không có không. Không tức là sắc, sắc tức là không; không tức là thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không. Vì cớ sao? Xá-lợi-phất! Chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không. Vì cớ sao? Vì thật tánh các pháp, không sanh, không diệt, không nhô, không sạch, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, cũng không thấy sanh, cũng không thấy diệt, cũng không thấy nhô cũng không thấy sạch. Vì cớ sao? Vì danh tự là pháp do nhân duyên hòa hợp làm ra, chỉ phân biệt ức tưởng

giả danh nói.

Thế nên Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy tất cả danh tự, không thấy nên không đắm.

LUẬN: Việc ấy, trên kia Xá-lợi-phất đã hỏi, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Trước kia nhân Phật dạy "muốn đem nhất thiết chủng biết nhất thiết pháp, thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật" cho nên hỏi, chứ chẳng phải tự ý hỏi.

Lại nữa, Xá-lợi-phất nghe trên kia tán thán công đức Bát-nhã, tâm hoan hỷ tôn trọng Bát-nhã cho nên hỏi làm sao có thể tu hành, như người bệnh nghe tán thán thuốc hay, liền hỏi làm thế nào có thể uống.

Hỏi: Trước đã hỏi trú pháp không trú. Hành Đàn Ba-la-mật, người cho, người nhận, tài vật đều không thể có được, như vậy là hành Bát-nhã, sao nay còn hỏi hành?

Đáp: Trên hỏi chung các Ba-la mật, ở đây chỉ hỏi Bát-nhã, trên rộng tán thán Bát-nhã là chủ, ở đây hỏi thẳng sự tu hành Bát-nhã.

Lại nữa, trên tuy tán thán rộng Bát-nhã Ba-la mật, hội chúng đương thời khát ngưỡng muốn được. Cho nên Xá-lợi-phất vì chúng nhân nên hỏi cách hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Công đức Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng vô tận, trí tuệ Phật cũng vô lượng vô tận, nếu Xá-lợi-phất không hỏi thì Phật tán thán không ngừng, nếu Xá-lợi-phất không hỏi, thì không có lý do, nên không thể ngừng.

Hỏi: Công đức Bát-nhã tôn trọng, nếu Phật tán thán rộng rãi, có gì không được?

Đáp: Tán thán Bát-nhã, người nghe hoan hỷ tôn trọng, tăng trưởng phước đức, nếu nghe nói Bát-nhã thì tăng trưởng trí tuệ. Không chỉ do phước đức có thể thành Phật đạo, còn phải có trí tuệ mới được thành. Thế nên không phải chỉ tán thán mà thôi, người nghe tán thán, tâm đã được thanh tịnh, khát ngưỡng muốn được Bát-nhã, như vì người khát mà tán thán đồ uống ngon, không giải được khát, bèn phải cho uống.

Do các nhân duyên như vậy, Xá-lợi-phất nay hỏi làm sao hành Bát-nhã.

Hỏi: Như người có mắt thấy, mới biết chỗ đi đến, vậy sau mới có thể đi, Bồ-tát cũng như vậy, trước niệm Phật đạo, biết Bát-nhã, thấy rồi vậy sau thân mới có thể làm, nay cớ sao nói không thấy Bồ-tát và Bát-nhã. Nếu không thấy làm sao hành được?

Đáp: Trong đây không nói thường không thấy, chỉ nói rõ khi vào Bát-nhã quán, không thấy Bồ-tát và Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-

mật vì làm cho chúng sanh biết thật pháp nên xuất hiện và danh tự Bồ-tát chỉ là tên giả do các duyên hòa hợp, như trong phẩm sau nói rộng, Danh tự Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, do các duyên hòa hợp nên giả danh gọi là Bát-nhã ba-la mật.

Bát-nhã ba la-mật là giả danh, nhưng có thể phá các hý luận, vì nó không có tự tánh nên nói chẳng thể thấy, như lửa từ các duyên hòa hợp giả danh là lửa. tuy không có thật mà có thể đốt vật.

Hỏi: Nếu vào trong Bát-nhã Ba-la-mật không thấy, khi ra liền thấy, làm sao tin được?

Đáp: Trên kia nói Bát-nhã vì thật pháp mà xuất hiện, ấy là có thể tin, ra khỏi Bát-nhã Ba-la-mật thì không thật, nên không thể tin.

Hỏi: Nếu vào trong Bát-nhã không thấy, ra khỏi thì thấy, nên biết như vậy chẳng phải thường không, chỉ vì do lực Bát-nhã cho nên không?

Đáp: Vì theo pháp thế tục nên nói hành giả vào Bát-nhã Ba-la-mật, vì hý luận về các pháp quán dứt, nên không ra không vào. Nếu các hiền thánh không dùng danh tự để nói, thì không thể giáo hóa phàm phu. Nên nhận ý nghĩa, chứ chẳng nên chấp vào ngữ ngôn.

Hỏi: Nếu trong Bát-nhã quí "hết thảy pháp không", cớ gì trong đây trước nói "chúng sanh không" để phá ngã?

Đáp: Đối với người mới đầu nghe Bát-nhã, không được nói hết thảy không. Ngã, không dùng năm căn tìm được, chỉ do ức tưởng phân biệt sanh ý tưởng ngã, không mà bảo có. Lại trong ý căn, không có duyên nhất định, chỉ do ức tưởng phân biệt điên đảo nên đối với năm uẩn trống không, sanh ra ý tưởng ngã, nếu nghe nói vô ngã, thì dễ hiểu được.

Các pháp sắc... chính mắt hiện thấy, nếu lúc đầu mà nói sắc không, không có, thì khó có thể tin. Nay trước tiên phá ngã, tiếp phá ngã sở; phá ngã, ngã sở rồi, thì hết thảy pháp đều không, như vậy lìa dục, gọi là đắc đạo.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật, không có pháp nhất định, nên không thấy ta hành Bát-nhã, không thấy ta không hành Bát-nhã. Như phàm phu không được Bát-nhã, nên gọi là không hành. Bồ-tát thì không như vậy, chỉ hành không Bát-nhã, cho nên nói không thấy không hành.

Lại nữa, Phật là vua pháp, xem thấy trí các Bồ-tát khác rất ít, xen lẫn các kiết sử, không gọi là hành, ví như quốc vương tuy được một ít vật, không gọi là được. Phật cũng như vậy, dạy các Bồ-tát tuy có

hành chút ít không gọi là hành.

Lại nữa, người tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì sanh tâm kiêu mạn nói ta có Bát-nhã Ba-la-mật, thủ lấy tướng ấy. Nếu không hành thì tâm sanh giải đãi mà ôm lòng ưu não. Thế nên không thấy ta hành cùng không hành.

Lại nữa, không thấy ta hành Bát-nhã Ba-la-mật thì phá chấp trước hữu kiến, không thấy ta không hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì phá chấp trước vô kiến.

Lại nữa, không thấy ta hành Bát-nhã Ba-la-mật thì ngưng hý luận các pháp, không thấy ta không hành thì ngưng tâm giải đãi; ví như cỡi ngựa, mau thì gò lại, chậm thì roi đánh. Như vậy phân biệt hành cùng không hành.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên rằng, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát tánh không, trong đây tuy chỉ nói danh tự Bồ-tát không, mà năm uẩn cũng không. Trong không không sắc, lìa sắc cũng không không; không là pháp không, trong pháp không, không có một mảy may pháp, huống gì có sắc thô. Không cũng chẳng lìa sắc. Vì cớ sao? Vì phá sắc nên có không, làm sao nói lìa sắc được! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Vì cớ sao? Vì Phật lại tự nói nhân duyên rằng, chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không.

Hỏi: Trước kia đã nói việc ấy, nay sao còn nói lại?

Đáp: Trước kia nói không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, nay nói không thấy nhân duyên ấy, nghĩa là nói chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không. Nghĩa chữ Bồ-tát trên kia và Bồ-tát ở đây đồng. Danh tự Bồ-tát thì như trong chương Bồ-tát đã nói.

Bát-nhã Ba-la-mật chia làm hai phần: Thành tựu gọi là Bồ-đề, chưa thành tựu gọi là không. Thật tướng của sanh là không thể có được nên gọi là vô sanh. Vì cớ sao? Vì hoặc trước "sanh" sau có "pháp", hoặc trước "pháp" sau "sanh", hoặc sanh và pháp cùng một lúc, đều không thể có được. Như trước đã nói: không sanh nên không diệt, nếu pháp không sanh không diệt như hư không, thì làm sao có nhơ có sạch, ví như hư không, muôn năm mưa không ướt, lửa đốt không cháy, khói không dính. Vì cớ sao? Vì vốn tự vô sanh. Bồ-tát quán được như vậy, không thấy lìa pháp chẳng sanh chẳng diệt ấy, lại có pháp sanh diệt, nhơ sạch? vì cớ sao? Vì Phật tự nói nhân duyên rằng hết thảy pháp đều do ức tưởng phân biệt, nhân duyên hòa hợp nên cưỡng nói danh tự. Bất khả thuyết là thật nghĩa, còn khả thuyết đều là danh tự.

Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy hết thảy danh tự, trước chỉ lược nói danh tự là, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật, danh tư Bồ-đề. Nay nói rộng hết thảy danh tự, đều không thể thấy, không thấy nên không đắm, không đắm vì không thể có được. Như trong các con mắt, con mắt tuệ đệ nhất. Bồ-tát dùng tuệ nhãn tìm khắp không thấy, cho đến không thấy một pháp vi tế, thế nên không đắm.

Hỏi: Nếu Bồ-tát không đắm hết thảy pháp, tại sao không được vào Niết-bàn?

Đáp: Việc ấy đã nói ở nhiều nôi, nay trong đây lược nói: Vì tâm đại bi, vì mươi phương Phật hộ niệm, vì bổn nguyện chưa tròn, vì lực Tinh tấn Ba-la-mật, vì Bát-nhã Ba-la-mật và phương tiện hai sự hòa hợp, được gọi là không đắm nói không đắm.

Có các nhân duyên như vậy, nên nói Bồ-tát tuy không đắm pháp mà chẳng vào Niết-bàn.

--------o0o-------

GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ƯNG

Phần 1

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã-Ba-la-mật nên suy nghĩ như vầy: Bồ-tát chỉ có tên gọi, Phật cũng chỉ có tên gọi, Bát-nhã Ba-la-mật cũng chỉ có tên gọi, sắc chỉ có tên gọi; thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ có tên gọi.

Này Xá-lợi-phất! Như Ngã chỉ có tên gọi, tất cả Ngã thường không thể có được; chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dậy, kẻ khiến khởi dậy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy, tất cả đều không, không thể có được. Vì là không, không thể có được, nên chỉ lấy danh tự để nói. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, hành Bát-nhã Ba-la-mật không thấy ta, không thấy chúng sanh, cho đến không thấy kẻ biết, kẻ thấy, danh tự được nói cũng không thể thấy.

LUẬN: Hỏi: Cuối phẩm thứ hai đã nói Không, nay cớ sao nói lại?

Đáp: Trên phần nhiều nói Pháp không, nay nói xen lẫn Pháp không, cùng Chúng sanh không.

Hành giả quán ngoại pháp đều không không có gì, mà còn cho "cái biết không" chẳng không, thế nên lại nói người quán sát cũng không. Chúng sanh không, ở trong pháp Thanh văn nói nhiều. Hết thảy đệ tử

Phật đều biết trong các pháp không ta, sau Phật diệt độ năm trăm năm chia làm hai phần: Có người tin Pháp không, có người chỉ tin Chúng sanh không, cho rằng năm uẩn là pháp nhất định có, chỉ người lãnh thọ năm uẩn là không, vì vậy nên Phật nói Chúng sanh không để so sánh Pháp không.

Lại nữa, ngã không dễ biết, Pháp không khó thấy. Vì cớ sao? Vì Ngã, lấy năm căn tìm nó không thể có được, chỉ do năng lực của thân kiến ức tưởng phân biệt cho là ngã.

Pháp không là, sắc có thể lấy mắt thấy, tiếng có thể lấy tai nghe, thế nên khó biết nó không. Hai việc ấy, ở trong Bát-nhã Ba-la-mật đều không, như trong chương nói về nghĩa Mười tám không đã nói.

Hỏi: Như Ngã, cho đến kẻ biết, kẻ thấy là một hay là mỗi mỗi khác nhau?

Đáp: Đều là một Ngã, chỉ tùy việc mà thành khác. Đối nôi năm uẩn, có tâm chấp ngã, ngã sở khởi lên, nên gọi là ngã; từ năm uẩn hòa hợp sanh nên gọi là chúng sanh; mạng căn thành tựu nên gọi là thọ giả, mạng giả; hay sanh khởi các việc như cha sanh con, nên gọi là sanh giả; do bú mớm, cơm áo được lớn khôn, ấy gọi là dưỡng dục; năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, các pháp nhân duyên có số, nên nói là chúng số: hành phép tắc người nên gọi là người; tay chân làm lụng được nên gọi là kẻ làm; sức sai khiến được người khác, nên gọi là kẻ khiến làm; có thể tạo nghiệp tội phước đời sau nên gọi là kẻ khởi dậy; khiến người khác tạo nghiệp tội phước đời sau, nên gọi là kẻ khiến khởi dậy; thân đời sau thọ quả báo tội phước, nên gọi là kẻ thọ; khiến người khác thọ khổ vui, ấy gọi là kẻ khiến thọ; mắt thấy sắc gọi là kẻ thấy; năm thức biết gọi là kẻ biết.

Lại nữa, dùng mắt thấy sắc, dùng năm tà kiến quán năm uẩn, dùng chánh kiến thế gian và xuất thế gian quán các pháp gọi là kẻ thấy, nghĩa là nhãn căn, năm tà kiến, thế gian chánh kiến, vô lậu kiến, gọi là kẻ thấy; bốn căn kia biết và ý thức biết gọi chung là kẻ biết. Các pháp như vậy đều cho là ngã, ngã ấy mười phương ba đời chư Phật và các Bồ-tát tìm không thể có được. Chỉ do ức tưởng phân biệt cưỡng gọi tên. Các pháp cũng như vậy, đều là không, không thật, chỉ giả gọi tên.

Hỏi: Ngã ấy chỉ có mười sáu tên gọi, hay còn tên gọi nào khác?

Đáp: Nói lược thì có mười sáu, nói rộng thì vô lượng, tùy việc đặt tên, như danh hiệu chức quan theo phẩm trật sai khác. Có công năng trí xảo, xuất gia hành đạo, các tên gọi đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên không tự tánh. Không tự tánh nên rốt ráo không. Sanh không nên

pháp không, pháp không nên sanh cũng không.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, trừ trí tuệ Phật, còn trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật không thể sánh kịp, vì dùng bất khả đắc không. Vì cớ sao? Vì đối với Bồ-tát ma-ha-tát ấy, tên gọi và cái được gọi tên, cũng không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành được như vậy, là hành Bát-nhã Ba-la-mật, các Tỳ-kheo số nhiều ví như tre, gai, lúa, lau, đầy cõi Diêm-phù-đề, với trí tuệ như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... muốn sánh trí tuệ của vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, trăm phần không kịp một, ngàn phần, trăm ngàn phần cho đến tốn số thí dụ không thể kịp được. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát dùng trí tuệ độ thốt hết thảy chúng sanh.

LUẬN: Có hai nhân duyên nên trí tuệ Bồ-tát hôn Thanh văn, Bích-chi Phật: 1. Do không, biết hết thảy pháp không, cũng không thấy không ấy. Không và bất không đồng nhất không khác. 2. Dùng trí tuệ ấy để độ thốt chúng sanh, khiến được Niết-bàn. Trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ quán các pháp không, không thể quán thế gian và Niết-bàn là một, ví như thốt ngục, có người chỉ đục vách đi ra, tự thốt thân mình, có người phá ngục, đập khóa, đã tự thốt mình còn cứu người khác đồng thốt.

Lại nữa, trí tuệ Bồ-tát vào trong hai pháp nên hôn: 1. Đại bi, 2. Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại có hai pháp: 1. Ban châu tam-muội, 2. Phương tiện.

Lại có hai pháp: 1. Thường trú thiền định. 2. Thông đạt pháp tánh.

Lại có hai pháp: 1. Có thể thay thế chúng sanh chịu khổ, 2. Tự lìa bỏ hết thảy vui.

Lại có hai pháp: 1. Từ tâm không oán không giận. 2. Cho đến tâm cũng không đắm trước công đức chư Phật.

Có các trí tuệ công đức trang nghiêm như vậy, nên hôn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Đối với người độn căn, có thể lấy ví dụ, còn đối với Xá-lợi-phất lợi căn, cớ sao ví dụ?

Đáp: Không hẳn vì độn căn mà ví dụ, ví dụ là để trang nghiêm luận nghị, làm cho người tin chắc, cho nên lấy việc năm căn nghe thấy để ví dụ ý thức, khiến cho được ngộ. Ví như lên lầu, được thang thì dễ lên.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh, đắm cái vui thế gian, nghe nói đạo đức Niết-bàn thì không tin không vui. Vì vậy lấy việc mắt trông thấy ví dụ việc mắt không thấy. Ví như thuốc đắng, uống nó rất khó, giả bọc lớp mật thì uống dễ.

Lại nữa, Xá-lợi-phất là trí tuệ bậc nhất trong hàng Thanh văn, mà so với chư Phật Bồ-tát, chưa từng hiện bày, như Diêm-phù-đề. Diêm-phù là tên cây, cây này rất lớn ở giữa rừng tươi tốt, Đề là châu bãi. Trên bãi này có rừng cây này, trong rừng có sông, đáy sông có kim sa, gọi là vàng Diêm-phù-đề. Vì có cây Diêm-phù-đề nên gọi châu Diêm-phù. Châu này có năm trăm châu nhỏ bao quanh, gọi chung là Diêm-phù-đề.

Hỏi: Đệ tử Phật rất nhiều, cớ sao nói Xá-lợi-phất. Mục-kiền-liên đầy cõi Diêm-phù-đề như tre, gai, lúa, lau?

Đáp: Trong tất cả đệ tử Phật, trí tuệ bậc nhất là Xá-lợi-phất, thần thông bậc nhất là Mục-kiền-liên, hai vị này ở trong Phật pháp là lớn, ở trong pháp ngoại đạo cũng lớn, còn Phú-lâu-na, Ca-hy-na, A-na-luật... ở trong Phật pháp tuy lớn mà ở trong pháp ngoại đạo không bằng.

Lại hai vị này thường ở giữa mọi người giúp Phật tuyên dương pháp hóa, phá các ngoại đạo, còn các Tỳ-kheo Phú-lâu-na... không có công đức ấy, cho nên không nói.

Lại nữa, nếu nói Xá-lợi-phất thì đã gồm tất cả người trí tuệ; nếu nói Mục-kiền-liên thì đã gồm tất cả người thiền định.

Ví dụ có hai thứ: 1. Giả ví dụ. 2. Thật sự ví dụ, nay ở đây là giả ví dụ. Lý do không lấy vật khác làm ví dụ, mà lấy bốn vật "tre, gai, lúa, lau" làm ví dụ, vì bốn vật này sanh trưởng đông đặc, chủng loại lại nhiều, các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... đầy cõi Diêm-phù-đề. Trí tuệ các A-la-hán như vậy hợp lại không bằng một phần trăm trí tuệ vị Bồ-tát cho đến tốn số thí dụ cũng không thể so sánh kịp.

Hỏi: Sao không chỉ nói tốn số thí dụ cũng không thể sánh kịp, mà nói trăm phần ngàn phần không kịp một?

Đáp: Tốn số thí dụ không thể sánh kịp là lời nói cùng cực. Ví như người có tội nặng trước đánh trói khổ sở, vậy sau mới giết. Như trong pháp Thanh văn thường lấy "mười sáu phần không kịp một" để ví dụ. Trong pháp Đại thừa thì lấy "cho đến tốn số thí dụ không kịp một" để ví dụ.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Không kể đầy cõi Diêm-phù-đề như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... nếu đầy ba ngàn đại thiên thế giới như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, lại không kể việc này, nếu đầy mười phương hằng sa thế giới như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà muốn sánh với trí tuệ của vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì trăm phần không kịp một, ngàn phần, trăm ngàn phần, cho đến tốn số thí dụ cũng không thể kịp.

LUẬN: Nghĩa này đồng với nghĩa Diêm-phù-đề trên, chỉ có khác

là nhiều.

Hỏi: Xá lợi-phất, Mục-kiền-liên tuy nhiều mà trí tuệ không khác, cớ sao lấy nhiều để dụ?

Đáp: Có người cho ít vô lực, nhiều thì có lực, ví như nước ít thì sức cũng ít. Lại như đối người rất mạnh, chúng ít sức kém không thể ngăn nổi, đại quân đánh mới phục được.

Có người nói, một Xá-lợi-phất trí tuệ ít thì không kịp Bồ-tát, nếu nhiều hoặc có thể kịp. Phật nói tuy nhiều vẫn không kịp, nên lấy nhiều để dụ. Như hết thảy cỏ cây, sức không bằng lửa; hết thảy ánh sáng, thế không bằng mặt trời; cũng như các núi trong mười phương thế giới không bằng một viên ngọc Kim cương. Vì cớ sao? Vì trí tuệ Bồ-tát là gốc của hết thảy Phật pháp, có thể làm cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, như chim con Ca-lăng-tần-già, tuy chưa ra khỏi vỏ, mà âm thanh nó hơn các chim khác, huống gì ra khỏi vỏ. Trí tuệ Bồ-tát cũng như vậy, tuy chưa ra khỏi vỏ vô minh đã hôn tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật, huống gì khi thành Phật.

Lại như thái tử của Chuyển luân thánh vương, tuy chưa thành tựu mà phước lộc uy đức hơn tất cả các vua, huống gì khi làm Chuyển luân vương. Bồ-tát cũng như vậy, tuy chưa thành Phật, song vì vô lượng vô số kiếp nhóm vô lượng trí tuệ phước đức nên hơn Thanh văn, Bích-chi Phật, huống gì thành Phật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, một ngày tu trí tuệ mà vượt trên Thanh văn, Bích-chi Phật.

LUẬN: Hỏi: Trước đã nói trừ trí tuệ Phật, tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật không sánh kịp, sao nay còn nói lại?

Đáp: Không phải nói lại, trên là nói tổng quát, nay nói riêng, trước nói hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật không kịp trí tuệ Bồ-tát, nay chỉ nói rõ không kịp trí tuệ tu một ngày, huống gì ngàn vạn năm.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Trí tuệ của Thanh văn có được, hoặc trí tuệ của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật và trí tuệ Phật, các trí ấy không có sai khác, không trái ngược nhau, về vô sanh tánh không. Nếu pháp không trái ngược nhau về vô sanh tánh không, thì pháp ấy không có sai khác, cớ sao Thế Tôn nói, Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, một ngày tu trí tuệ mà vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật?

LUẬN: Hỏi: Trên kia Phật đã nói Bồ-tát ma-ha-tát tu trí tuệ, vượt quá Thanh văn, Bích-chi Phật, nay Xá lợi-phất vì sao còn hỏi?

Đáp: Không hỏi về thế lực trí tuệ có thể độ chúng sanh mà nay chỉ

hỏi trí tuệ Phật và đệ tử, trong thể tánh không có sai khác, vì trí tuệ của các bậc hiền thánh đều là tuệ biết thật tướng các pháp; đều là tuệ biết Tứ đế và Ba mươi bảy phẩm, đều là tuệ ra khỏi ba cõi, vào ba môn giải thốt, thành quả ba thừa. Vì vậy nên nói không có sai khác.

Lại nữa, như Tu-đà-hoàn dùng trí vô lậu dứt kiết sử, chứng được quả, cho đến Phật cũng như vậy. Như Tu-đà-hoàn dùng hai quả giải thốt là hữu vi giải thốt, vô vi giải thốt, cho đến Phật cũng như vậy. Như Phật vào Niết-bàn, Tu-đà-hoàn chậm lắm không quá bảy đời đều đồng sự, đồng duyên, đồng hạnh, đồng quả báo, vì vậy nên nói không trái ngược nhau. Vì cớ sao? Vì vô sanh tánh không vậy.

Hỏi: Phá vô minh, nhóm các thiện pháp nên sanh trí tuệ; trí tuệ ấy tương ưng với tâm, cùng tâm sanh, theo tâm hành, trong đó tại sao nói trí tuệ vô sanh tánh không, không có sai khác?

Đáp: Trí tuệ duyên Diệt đế, ấy là vô sanh, nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh, ấy gọi là tánh không, không phân biệt gì.

Trí tuệ theo duyên mà đặt tên, như mắt duyên sắc sanh nhãn thức, hoặc gọi là nhãn thức, hoặc gọi là sắc thức; trí tuệ là pháp tuy do nhân duyên hòa hợp làm ra, mà vì duyên vô sanh tánh không, nên gọi là vô sanh tánh không.

Hỏi: Trí tuệ các hiền thánh đều duyên Tứ đế mà phát sanh, cớ sao chỉ nói duyên Diệt đế?

Đáp: Trong Tứ đế, Diệt đế trên hết. Vì cớ sao? Vì ba đế kia đều thuộc Diệt đế. Ví như có người mời thiên tử và mời quần thần ăn, cũng gọi là cúng dường thiên tử.

Lại nữa, Diệt đế nên nói vô sanh, ba đế kia nên nói tánh không.

Lại nữa, có người nói các tuệ tánh ấy tự nhiên không sanh, tánh tự không. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp đều nhân duyên hòa hợp, nên không tự tánh, không tự tánh nên không sanh.

Hỏi: Nếu như vậy, trí tuệ và ngu si không có sai khác?

Đáp: Các pháp tánh như, vào trong pháp tánh, không có sai khác, như lửa mỗi mỗi không đồng, mà tướng diệt tắt không khác. Ví như trăm sông vạn dòng, mỗi mỗi màu khác, vị khác, khi vào biển cả thì đồng một vị một tên. Như vậy trí tuệ và ngu si khi vào trong Bát-nhã Ba-la-mật, đều đồng một vị, không có sai khác. Cũng như năm màu, gần núi Tu-di tự mất màu nó, đồng đều màu kim. Như vậy các pháp trong ngoài, vào trong Bát-nhã Ba-la-mật đều đồng một vị. Vì sao? Vì tướng Bát-nhã Ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, thật tướng của ngu si là trí tuệ, nếu phân biệt chấp trước trí

tuệ, ấy tức là ngu si. Như vậy ngu si và trí tuệ có gì sai khác.

Mới vào Phật pháp, là si là tuệ, sau dần sâu vào, si và tuệ không khác. Vì vậy các trí không có sai khác, không trái ngược nhau, vô sanh tánh không, nên không lỗi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Ý ông thế nào? Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, một ngày tu trí tuệ, tâm nghĩ rằng: Ta hành đạo tuệ lợi ích hết thảy chúng sanh, sẽ dùng trí nhất thiết chủng biết hết thảy pháp, độ hết thảy chúng sanh; trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, có làm việc ấy chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, Thế Tôn.

LUẬN: Có bốn cách luận (cũng gọi là bốn cách đáp):

1. Tất định luận.
2. Phân biệt luận.
3. Phản vấn luận.
4. Trí luận.

Tất định luận: Như Thế Tôn là bậc nhất giữa chúng sanh; Vô ngã trong hết thảy pháp; thế gian chẳng thể vui; Niết-bàn là an ổn tịch diệt; nghiệp nhân duyên không mất, các việc như vậy... gọi là Tất định luận.

Phân biệt luận: Như thái tử Vô úy hỏi Phật: "Phật nói lời ấy có làm cho người khác giận chăng?" Phật nói: "Việc ấy nên phân biệt đáp". Thái tử nói: "Bọn Ni-kiền-tử rõ rồi! Còn Phật hoặc có khi vì lòng thương xót đưa chúng sanh ra khỏi tội mà chúng sanh giận, nhưng sau đó chúng sanh sẽ được lợi".

Bấy giờ con của Vô úy đang ngồi trên đầu gối Vô úy, Phật hỏi Vô úy: "Hoặc khi con ông nuốt ngói, đá cỏ cây, ông có chịu để nó nuốt xuống chăng?" Đáp: "Không để. Trước tiên bảo nó nhổ ra, nếu không chịu nhổ, thì tay trái cầm tai, tay phải móc miệng, dầu cho máu chảy, cũng không bỏ".

Phật hỏi: "Ông chẳng thương con ông sao?" Đáp: "Thương lắm, vì móc ngói đá ra, tuy khi móc nó đau đớn, mà sau được an ổn".

Phật dạy: Ta cũng như vậy. Nếu chúng sanh muốn làm trọng tội, khéo dạy bảo mà không theo, sẽ dùng lời gay gắt can gián, tuy có nổi giận mà sau được an ổn.

Lại như năm Tỳ-kheo hỏi Phật, thọ vui được đạo chăng? Phật dạy: không nhất định. Có khi thọ khổ mắc tội, có khi thọ khổ được vui, có khi thọ vui mắc tội, có khi thọ vui được phước. Như vậy... gọi là phân biệt luận.

Phản vấn luận: Đáp bằng cách hỏi trở lại. Như Phật bảo năm Tỳ-

kheo: "Ý các ông thế nào? Sắc ấy thường chăng? Vô thường chăng?" Tỳ-kheo đáp: "Vô thường". "Nếu vô thường là khổ chăng". Đáp: "Khổ". "Nếu pháp là vô thường, khổ, thánh đệ tử nghe pháp có chấp đắm pháp ấy nói rằng pháp ấy là ta, là của ta chăng?" Đáp: "Thưa không", Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: "Từ nay về sau, có sắc gì hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc tốt, hoặc xấu thì sắc ấy chẳng phải của ta, ta chẳng phải của sắc ấy. Nên lấy chánh trí tuệ thật biết như vậy; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đó gọi là Phản vấn đáp.

Trí luận: Như mười bốn nạn vấn về thế gian thường, thế gian vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, như vậy gọi là Trí luận (bỏ qua không đáp).

Nay Phật dùng cách hỏi trở lại để đáp Xá-lợi-phất, vì trí Xá-lợi-phất đối với việc chưa hiểu, Phật hỏi lại đầu mối, khiến Xá-lợi-phất được hiểu.

Trí tuệ Bồ-tát độ chúng sanh, gọi là đạo tuệ. Như trong phẩm sau nói: Tuệ Tát-bà-nhã là việc của Thanh văn, Bích-chi Phật, trí tuệ nhất thiết chủng là việc của chư Phật, tuệ đạo chủng là việc của Bồ-tát.

Lại nữa, Tám thánh đạo phần là thật đạo, khiến chúng sanh theo các nhân duyên vào đạo, ấy gọi là đạo tuệ. Khiến chúng sanh an trú trong đạo, ấy là làm lợi ích giống Thanh văn, giống Bích-chi Phật. giống Phật.

Lại nữa, Nhất thiết trí tuệ không gì không biết, ấy gọi là nhất thiết chủng, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; dùng trí nhất thiết chủng biết được Phật đạo rồi, nên độ hết thảy chúng sanh, lợi ích hết thảy chúng sanh, hoặc với Đại thừa, hoặc Thanh văn thừa, hoặc Bích-chi Phật thừa. Nếu không vào được ba thừa đạo thì dạy tu phước đức, hưởng giàu vui cõi trời cõi người. Nếu không thể tu phước thì lấy việc lợi ích đời nay như cơm áo, đồ nằm... giúp cho. Nếu lại không được, thì nên lấy tâm từ bi lợi ích, ấy gọi là độ hết thảy chúng sanh.

Hỏi: Nếu Phật biết Thanh văn, Bích-chi Phật không thể vì chúng sanh, cớ sao cố hỏi?

Đáp: Phật ý như vậy muốn khiến Xá-lợi-phất, miệng tự nói rằng: Thanh văn, Bích-chi Phật không bằng Bồ-tát, cho nên Phật hỏi.

Xá lợi-phất thưa: Thưa không. Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì Thanh văn Bích-chi Phật tuy có từ tâm, song vốn không phát tâm nguyện độ hết thảy chúng sanh, cũng không xoay thiện căn hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy nên Bồ-tát một ngày tu trí tuệ, mà vượt qua

trên Thanh văn, Bích chi Phật.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Các Thanh văn, Bích-chi Phật có thể có nghĩ rằng: Chúng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ hết thảy chúng sanh, khiến được vào Vô dư Niết-bàn chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Xá-lợi-phất: Vì nhân duyên ấy nên biết trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật muốn sánh với trí tuệ Bồ-tát, trăm phần không bằng một, cho đến tốn số thí dụ không thể sánh kịp.

LUẬN: Hỏi: Trên kia đã hỏi lại Xá-lợi-phất, việc đã định, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Vì Xá-lợi-phất muốn lấy việc Tu-đà-hoàn đồng được giải thốt, nên cùng với Phật và Bồ-tát ngang nhau, nhưng Phật không chấp nhận. Ví như có người muốn cho rằng chút trống không trong lỗ chân không ngang với hư không, vì vậy nên Phật gạn hỏi lại việc đó.

Lại nữa, tuy đồng một việc, mà về phương diện ý nghĩa khác nhau. Trước kia nói trí tuệ vì hết thảy chúng sanh, nay nói có thể có niệm rằng: Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến hết thảy chúng sanh được Vô dư Niết-bàn. Nghĩa vô dư Niết-bàn như trước đã nói.

Lại nữa, một Thanh văn, Bích-chi Phật, còn không có niệm như vậy, huống gì hết thảy Thanh văn, Bích-chi Phật.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Các Thanh văn, Bích-chi Phật có thể nghĩ rằng: Ta hành sáu Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, trang nghiêm thế giới, đủ Mười lực, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung của Phật, độ thốt vô số vô lượng chúng sanh, khiến được Niết-bàn chăng?

Xá-lợi-phất thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

LUẬN: Trước lược nói Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay nói rộng chơn duyên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung. Sáu Ba-la-mật như trước đã nói. Giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. sau sẽ nói, Còn như Mười lực… như trước đã nói.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát có thể khởi niệm rằng: "Ta sẽ hành sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thốt vô lượng vô số chúng sanh, khiến được Niết-bàn, ví như con đôm đốm không khởi niệm rằng: Sức ta có thể chiếu soi cõi Diêm-phù-đề, làm cho khắp cả rất sáng". Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng như vậy, không khởi niệm rằng: "Chúng ta

hành sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thốt vô lượng vô số chúng sanh, khiến được Niết-bàn".

LUẬN: Lý do mười phương hằng hà sa Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên không bằng một Bồ-tát, ví như con đom đóm tuy nhiều, mỗi con đều chiếu mà không bằng mặt trời. Con đom đóm cũng không khởi niệm rằng, ánh sáng của ta có thể chiếu cõi Diêm-phù-đề. Các Thanh văn, Bích-chi Phật không khởi niệm rằng, trí tuệ của ta có thể chiếu vô lượng vô biên chúng sanh. Như con đôm đốm ban đêm có thể chiếu, khi mặt trời xuất hiện thì không thể. Các Thanh văn, Bích-chi Phật cũng như vậy, khi chưa có Bồ-tát, có thể cất tiếng rống sư tử thuyết pháp giáo hóa, khi có Bồ-tát xuất hiện thì không thể làm.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Thí như khi mặt trời mọc, ánh sáng chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề không gì không nhờ ánh sáng, Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, hành sáu Ba-la-mật cho đến Mươi tám pháp không chung, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thốt vô lượng vô số chúng sanh, khiến được Niết-bàn.

LUẬN: Như Nhật thiên tử thương xót chúng sanh, cùng với cung điện bảy báu đi quanh bốn châu thiên hạ, từ đầu đến cuối, không hề giải đãi, vì chúng sanh trừ lạnh ướt, chiếu soi chỗ tối, khiến đều được lợi ích. Bồ-tát cũng như vậy, từ khi mới phát tâm, thường hành Sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung, vì độ chúng sanh, không hề giải đãi, trừ khí lạnh "bất thiện" khô kiệt bùn "ngũ dục". phá ngu si vô minh, dạy dỗ tu thiện nghiệp khiến đều được lợi ích.

Lại mặt trời chiếu, không ghét không thương, tùy chỗ cao thấp, sâu cạn đều chiếu. Bồ-tát cũng như vậy, xuất hiện ở thế gian, trú năm thần thông, ở giữa hư không, phóng ánh sáng trí tuệ, chiếu soi các nghiệp và quả báo tội phước. Bồ-tát lấy ánh sáng trí tuệ diệt tà kiến hý luận của chúng sanh, giống như sướng mai, gặp mặt trời thì tan.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 36

GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ƯNG

Phần 2

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thối, thanh tịnh Phật đạo?

LUẬN: Hỏi: Xá-lợi-phất vì nhân gì mà hỏi điều ấy?

Đáp: Trên kia Xá-lợi-phất hỏi về các trí không khác nhau, Phật đã dùng các thí dụ chỉ rõ trí Bồ-tát hôn, ý đã hiểu rồi, nay hỏi làm sao Bồ-tát có thể vượt quá nhị thừa mà trú địa vị bất thối, thanh tịnh Phật đạo.

Hỏi: Tiểu thừa không có khả năng thành Phật, cớ sao hỏi việc thanh tịnh Phật đạo?

Đáp: Xá-lợi-phất là vị tướng theo Phật Chuyển pháp luân, tuy tự mình không lợi ích, mà vì lợi ích cho chúng sanh cầu Phật đạo nên hỏi. Lại vì Bồ-tát đại bi làm nhiều lợi ích, thế nên hỏi việc của Bồ-tát, để lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất mong nhờ Phật ân mà phá các tà kiến, được thành đạo quả, vì muốn báo ân nên hỏi việc Bồ-tát.

Lại Xá-lợi-phất đã cùng tận bờ mé của địa vị Thanh văn, điều chưa hiểu là việc Bồ-tát, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp Bồ-tát rất sâu vi diệu, tuy không thể được song vì ưa thích nên hỏi, thí như người thấy báu đẹp mình tuy không có mà ưa thích nên hỏi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, trú pháp không, vô tướng, vô tác, đã vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, mà trú địa vị bất thối chuyển, thanh tịnh Phật đạo.

LUẬN: Hỏi: Ba việc ấy, ở trong phẩm sau nói đều có nhân duyên, sao nay Phật nhập chung lại nói?

Đáp: Trong đây lược nói, sau sẽ nói rộng nhân duyên của ba việc. Lại nay, chỉ nói nhân duyên của không, vô tướng, vô tác, sau sẽ nói

các công đức, cho nên hợp ba sự mà nói.

Hỏi: Vào ba môn giải thốt thời đến Niết-bàn, sao nay cho không, vô tướng, vô tác có thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Vì không có lực phương tiện nên vào ba môn giải thốt là thẳng đến Niết-bàn. Nếu có lực phương tiện thì trí ba môn giải thốt, thấy Niết-bàn, vì tâm từ bi, nên chuyển tâm khởi trở lại, như trong phẩm sau nói, ví như ngửa mặt bắn hư không, mỗi mũi tên dính nhau, không cho rơi xuống đất. Bồ-tát cũng như vậy, lấy mũi tên trí tuệ ngước bắn hư không "Ba giải thốt", do lực phương tiện, mũi tên sau bắn mũi tên trước, không cho rơi xuống đất "Niết-bàn". Vị Bồ-tát ấy tuy thấy Niết-bàn mà đi thẳng qua không trụ lại, còn mong đại sự, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay là lúc đang quán, chứ chẳng phải lúc chứng, như vậy nên nói rộng. Nếu quá hai địa vị ấy, biết các pháp chẳng sanh chẳng diệt, tức là địa vị bất thối chuyển. Trú ở địa vị bất thối chuyển, giáo hóa chẳng sanh thanh tịnh Phật độ, ấy là có thể thanh tịnh Phật đạo.

Lại nữa, Bồ-tát trú ở ba môn giải thối, quán Tứ đế biết đó là pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Thẳng qua Tứ đế, vào Nhất đế, đó là hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng đến chẳng đi… Vào trong Nhất đế ấy, gọi là địa vị bất thối chuyển. Trú ở địa vị bất thối chuyển, thanh tịnh Phật đạo, diệt trừ nghiệp thô ác nôi thân, miệng, ý, và diệt những việc đã sai lầm từ đầu đến nay đối với các pháp, ấy gọi là thanh tịnh địa vị Phật đạo.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bồ-tát ma-ha-tát, trú địa vị nào có thể làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật?

LUẬN: Xá-lợi-phất thâm tâm cung kính Bồ-tát, nên nay hỏi Bồ-tát chưa hết lậu kiết, trú công đức nào, mà có thể làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, thường làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật.

LUẬN: Phật lấy nghĩa này khai thị Xá-lợi-phất: tuy ba môn giải thốt và Niết-bàn đồng nhau, mà Bồ-tát có tâm đại từ bi, còn Thanh văn, Bích-chi Phật thì không. Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, đều muốn độ hết thảy chúng sanh, đầy đủ hết thảy Phật pháp, cho nên hơn.

KINH: Vì cớ sao? Vì nhờ có nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát, nên các thiện pháp thế gian được phát sanh.

LUẬN: Trước Phật đã lấy một nhân duyên lợi ích mà hành các hạnh,

nên làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật, nay nói nhờ có Bồ-tát làm nhân duyên lợi ích bên ngoài, nên thế gian mới có được hết thảy pháp lành. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát phát tâm, tuy khi chưa thành Phật, song đã khiến chúng sanh khả độ, trú vào ba thừa đạo, nếu không trú được ba thừa, thì khiến trú mười thiện đạo, huống gì khi thành Phật.

Hỏi: Do nhân duyên của Thanh văn, Bích-chi Phật cũng khiến thế gian có được pháp lành, cớ sao chỉ nói Bồ-tát mới có thể khiến chúng sanh có được pháp lành?

Đáp: Nhân Thanh văn, Bích-chi Phật mà thế gian có được pháp lành cũng đều do Bồ-tát nên có, nếu Bồ-tát không phát tâm, thế gian không có Phật đạo, huống gì Thanh văn, Bích-chi Phật. Phật đạo là gốc căn bản của Thanh văn, Bích-chi Phật.

Lại nữa, tuy nhân Thanh văn, Bích-chi Phật mà có một ít pháp lành, nhưng vì ít nên không nói. Thanh văn, Bích-chi Phật còn không nói đến, huống gì nói đến các thầy ngoại đạo.

KINH: Những gì là pháp lành? Đó là Mười thiện đạo, Năm giới, Tám phần trai giới, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn chỗ niệm tưởng, Bốn siêng năng chính, Bốn thần túc như ý, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám phần thánh đạo, đều xuất hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát mà Sáu Ba-la-mật Mười tám không, Mười lực của Phật, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi, Trí nhất thiết chủng, đều hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát nên có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng, đều xuất hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát nên có Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật đều xuất hiện ở đời.

LUẬN: Hỏi: Do nhân duyên của Bồ-tát nên có pháp lành hiện ở đời thì có thể như vậy, còn dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, nếu đời không có Bồ-tát cũng vẫn có các quí tộc này, cớ sao nói đều từ Bồ-tát phát sanh?

Đáp: Do nhân duyên của Bồ-tát, thế gian có Năm giới, Mười thiện, Tám trai giới... pháp ấy có thượng, trung, hạ. Thượng thì đắc đạo, trung thì sanh cõi trời, hạ thi sanh cõi người, nên mới có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ.

Hỏi: Nếu đời không có Bồ-tát, thế gian cũng có Năm giới, Mười thiện, Tám trai giới, dòng lớn Sát-lợi... ?

Đáp: Bồ-tát thọ thân nhiều cách, hoặc có khi thọ thân theo nghiệp

nhân duyên, hoặc thọ thân biến hóa, ở thế gian giáo hóa, nói các thiện pháp, và pháp thế giới, pháp vua, pháp thế tục, pháp xuất gia, pháp tại gia, pháp chủng loại, pháp cư gia. Thương xót chúng sanh, hộ trì thế giới, tuy không có pháp Bồ-tát, mà thường thực hành pháp thế gian. Vì nhân duyên ấy, nên nói đều từ Bồ-tát mà có.

Hỏi: Bồ-tát thanh tịnh, hành đại từ bi, cớ sao nói xen các pháp thế tục?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát: 1. Hành từ bi thẳng vào Bồ-tát đạo. 2. Bại hoại Bồ-tát cũng có bi tâm, sửa trị theo phép nước, không chút tham lợi; tuy có làm điều phiền nhiễu, nhưng làm điều an ổn nhiều hơn. Trị một người ác, để thành một nhà, người lập pháp như vậy, tuy không gọi là thanh tịnh Bồ-tát, mà được gọi là bại hoại Bồ-tát. Vì nhân duyên ấy, nên nói đều do Bồ-tát mà có.

Người giàu sang ở thế gian, đều từ nhị thừa đạo mà có; nhị thừa đạo từ Phật mà có; Phật nhân Bồ-tát mà có. Nếu không có Bồ-tát nói pháp lành thì thế gian không có đạo trời, đạo người, đạo A-tu-la, không có thọ vui, không có thọ không khổ không vui, chỉ có thọ khổ, thường có tiếng địa ngục kêu khóc. Bồ-tát có lợi ích lớn như vậy, cớ sao không gọi là làm phước điền cho thế gian?

Xá-lợi-phất nghe Bồ-tát có công đức lớn cần nên cúng dường, tâm nghĩ rằng: Bồ-tát tuy có công đức lớn, mà phiền não chưa hết, không thể tiêu hóa sự cúng dường ấy? Ví như người tuy ăn đồ ngon mà bên trong có bệnh, nên không thể tiêu hóa. Vì vậy nên:

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bồ-tát ma-ha-tát có báo đáp đầy đủ ân thí chủ chăng?

Phật dạy: Không. Vì sao? Vì vốn đã báo đáp đầy đủ rồi.

LUẬN: Vì Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã là bậc thượng thủ cho hết thảy chúng sanh cúng dường. Vì cớ sao? Vì tâm quyết định chịu thay khổ nhọc cho vô lượng vô số chúng sanh. Lại lợi ích vô lượng vô số chúng sanh khiến được độ thốt; muốn lấy sức đại trí tuệ về hết thảy Phật pháp làm cho thế gian tức là Niết-bàn. Có các nhân duyên như vậy, nên nói vốn đã báo đáp đầy đủ.

Lại nữa, Phật nói lại nhân duyên tiêu hóa ân bố thí như:

KINH: Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát là đại thí chủ. Thí những gì? Thí các pháp lành. Những pháp lành gì? Mười thiện đạo, Năm giới cho đến Mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng; lấy các pháp ấy thí cho.

LUẬN: Trước nói do nhân duyên của Bồ-tát mà thế gian có pháp

lành, nay nói Bồ-tát là vị chủ thí pháp lành, đó là chỗ sai khác.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm thế nào tu tập tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật, cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng?

LUẬN: Trên kia nói một ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật, thắng hôn Thanh văn, Bích-chi Phật. Từ nhân duyên ấy, Phật mỗi mỗi tán thán Bồ-tát có công đức lớn như vậy, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh. Thế cho nên nay hỏi làm thế nào Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng?

Lại nữa, Xá-lợi-phất biết Bát-nhã Ba-la-mật khó tu khó đắc, như huyễn như hóa, khó thọ trì được, sợ hành giả sai trái, nên hỏi tu tập tương ưng.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng sắc không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng với nhãn không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với nhó, tỷ thiệt, thân, ý không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với sắc không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với nhãn giới không, sắc giới không, nhãn thức giới không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với nhó giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với khổ không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với Tập, Diệt, Đạo không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với vô minh không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Tu tập tương ưng với hết thảy pháp không, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sắc uẩn: là pháp có thể thấy, nhân duyên của sắc ấy cùng có thứ không thể thấy, có đối ngại. Có đối ngại tuy không thể thấy, cũng gọi là

sắc. Như người đắc đạo gọi là đạo nhân. Các người khác xuất gia chưa đắc đạo, song nhân đây mà đắc đạo, nên cũng gọi là đạo nhân.

Những sắc gì là có thể thấy? Một Sắc xứ là phần ít sắc có thể thấy có đối ngại, nhiếp vào một Sắc nhập. Chín xứ kia (thanh, hương, vị, xúc, nhãn, nhó, tỷ, thiệt, thân xứ) và nghiệp vô tác, gọi là sắc không thể thấy.

Có đối ngại là mười xứ. Không có đối ngại chỉ là sắc vô tác. Phân biệt về sắc hữu lậu, vô lậu cũng như vậy.

Như Kinh nói: Sắc có ba thứ là thứ sắc có thể thấy có đối ngại, thứ sắc không thể thấy có đối ngại, thứ sắc không thể thấy không đối ngại. Thế nên biết chẳng phải chỉ vì mắt thấy gọi là sắc, mà mười xứ (mười nhập) trong ngoài có thể làm phát khởi năm thức đều gọi là sắc, nhân từ sắc phần ấy, sanh ra sắc vô tác.

Sắc lại có bốn thứ: sắc bên trong có giác thọ, không giác thọ; sắc bên ngoài có giác thọ, không giác thọ.

Lại có năm thứ sắc: đó là năm trần.

Lại có một thứ sắc, đó là tướng não hoại. Sắc thân chúng sanh gọi là tướng não hoại, sắc phi chúng sanh cũng gọi là sắc não hoại. Nhân duyên tướng não hoại nên cũng gọi là não; ví như có thân thì có khổ đói khát, lạnh, nóng, già bệnh, đao gậy...

Lại có hai thứ sắc: đó là bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra: sắc trong, sắc ngoài; sắc có giác thọ, sắc không giác thọ; sắc hệ phược, sắc không hệ phược; có sắc làm sanh tội, có sắc làm sanh phước; nghiệp sắc, phi nghiệp sắc; sắc nghiệp, sắc quả, sắc nghiệp, sắc báo, sắc quả, sắc báo; sắc hữu phú vô ký, sắc vô phú vô ký; sắc có thể thấy, sắc không thể thấy, sắc có đối ngại, sắc không đối ngại; sắc hữu lậu, sắc vô lậu. Như vậy phân biệt hai thứ sắc.

Lại có ba thứ sắc; như trên đã nói, sắc có thể thấy, có đối ngại.

Lại có ba thứ sắc là sắc lành, sắc chẳng lành, sắc vô ký; sắc học, vô học, phi học phi vô học; sắc sanh ra, do thấy lý Tứ đế được đoạn hoặc; sắc sanh ra, do tư duy Tứ đế được đoạn hoặc; sắc sanh ra từ công đoạn hoặc.

Lại có ba thứ sắc: sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc không hệ thuộc; có sắc hay sanh tham dục, có sắc hay sanh sân nhuế, có sắc hay sanh ngu si. Sắc sanh ba kiết, ba lậu... cũng như vậy, có sắc sanh thiện căn không tham, thiện căn không sân, thiện căn không si. Ba thiện pháp như vậy nên nói rộng. Có sắc hay sanh pháp hữu phú vô ký, hay sanh pháp vô phú vô ký. Vô phú vô ký lại có hai là có thứ quả báo

sanh, có thứ chẳng phải quả báo sanh.

Lại có bốn thứ sắc, như đã nói trong mục thọ và chẳng thọ trên kia. Bốn đại và tạo sắc ba thứ thiện, bất thiện vô ký. Tác sắc và vô tác sắc của thân nghiệp, tác sắc và vô tác sắc của khẩu nghiệp. Thọ sắc (khi thọ giới được sắc luật nghi); chỉ sắc (ngưng các pháp bất thiện); dụng sắc (như chẳng Tăng thọ dụng vật bố thí), bất dụng sắc (vật không thọ dụng), như vậy là bốn thứ sắc.

Lại có năm thứ sắc là tác vô tác sắc của thân, tác vô tác sắc của miệng và phi nghiệp sắc; năm căn, năm trần, thô sắc, động sắc, ảnh sắc, tượng sắc, cuống sắc.

Thô sắc là sắc có thể thấy có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể chạm, như đất đá…

Động sắc có hai thứ là chúng sanh động tác và phi chúng sanh động tác; như nước lửa, gió động tác. Đất nương nơi vật khác nên động, dưới có gió lớn động nước, nước động đất, gió động cây, có thứ tự rung động như đá nam châm hút sắt, như chân châu, ngọc, xa cừ, mã não, ban đêm có thể tự đi. Đều do chúng sanh phước đức đời trước, nhân duyên của nghiệp không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Ảnh sắc, tượng sắc, không nên nói riêng. Vì sao? Vì tượng do mắt, ánh sáng, soi gương sạch nên phản ảnh tự soi thấy. Ảnh cũng như vậy, ngăn ánh sáng nên ảnh hiện ra, không có pháp riêng khác?

Đáp: Việc ấy không đúng, như trong dầu thấy tượng đen, thì chẳng phải là bổn sắc; như nôi lưỡi dao năm thước, soi ngang thì thấy tượng mặt mình rộng, soi dọc thời thấy tượng mặt mình dài, thì chẳng phải là cái mặt vốn có, như những vết trong thủy tinh đại tần, trong mỗi vết đều có tượng mặt mình, thì chẳng phải là một tượng mặt, vì nhân duyên ấy, chẳng trở lại thấy được bổn tượng.

Lại nữa, có gương, có người soi, có người cầm, có ánh sáng, đủ các nhân duyên như vậy hòa hợp nên có tượng hiện ra, nếu các duyên không đủ thì tượng không hiện. Tướng ấy cũng chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng ở trong nhân duyên. Như vậy tự riêng có pháp chẳng phải là mặt. Sắc vi tế ấy, cách sanh ra như vậy, chẳng đồng với thô sắc, như nhân lửa có khói, lửa tắt khói còn.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên nói riêng ảnh, vì đồng là sắc vi tế?

Đáp: Tượng trong gương có các sắc, còn ảnh thì chỉ một sắc (sắc tối) cho nên không đồng. Hai thứ ấy tuy đều động theo hình, hình và chất mỗi bên khác nhau. Ảnh từ ngăn ánh sáng mà hiện, tượng thì từ các nhân duyên sanh, tuy đồng là sắc vi tế, song mỗi mỗi khác nhau.

Cuống sắc là như ráng nắng, như huyễn như hóa, như thành Càn-thát-bà... ở xa dối gạt mắt người thấy có, đến gần thì không có.

Như vậy vô lượng các thứ sắc, gọi chung là sắc uẩn.

Thọ uẩn: Nhân bên trong có mắt, bên ngoài duyên sắc, nghĩ muốn thấy, có ánh sáng, có khoảng trống, sắc ở chỗ có thể thấy, do các nhân duyên như vậy phát sanh nhãn thức. Do nhân duyên trên hòa hợp với thức nên từ trong thức sanh ra tâm số pháp, gọi là xúc. Xúc này là căn bổn của hết thảy tâm số pháp, có ba uẩn cùng sanh, đó là thọ, tưởng, hành.

Hỏi: Trong nhãn thức cũng có xúc và ba uẩn, cớ sao nói xúc làm nhân duyên sanh ba uẩn?

Đáp: Đây luận về hiện tại xúc làm nhân duyên sanh ba uẩn, chứ không phải nhân duyên cho mắt thấy.

Hỏi: Nhân tâm tâm số pháp sanh ra ba uẩn, cớ sao chỉ nói xúc?

Đáp: Nhãn thức trụ trong giây lát liền diệt, sanh ý thức vi tế không rõ ràng, cho nên không nói sanh ba uẩn, chỉ nói từ xúc sanh: như sắc pháp từ nhân duyên hòa hợp sanh, tâm số pháp cũng như vậy, từ xúc pháp hòa hợp sanh. Như sắc pháp từ hòa hợp sanh, không hòa hợp thì không sanh, tâm số pháp cũng như vậy, có xúc thì sanh, không xúc thì không sanh.

Thọ uẩn này một thứ, đó là tướng thọ.

Lại có hai thọ là thân thọ, tâm thọ; nội thọ, ngoại thọ; thô tế; xa gần; tịnh, bất tịnh...

Lại nữa, có ba thứ thọ là khổ, vui, không khổ không vui; thiện, bất thiện, vô ký; học, vô học, phi học phi vô học; lậu hoặc được đoạn do thấy Tứ đế, lậu hoặc được đoạn do tư duy Tứ đế, chẳng đoạn; nhân thấy đế đoạn lậu hoặc sanh thọ, nhân tư duy đoạn lậu hoặc sanh thọ, nhân chẳng đoạn lậu hoặc sanh thọ; hoặc nhân thân kiến sanh, không trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc nhân thân kiến sanh, trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc không nhân thân kiến sanh không trở lại làm nhân cho thân kiến.

Lại có ba thọ là thọ hệ thuộc cõi Dục; hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại có bốn thọ là thọ trong thân, thọ ngoài thân, thọ trong tâm, thọ ngoài tâm.

Thọ tương ưng với bốn chánh cần, bốn như ý túc... và thọ tương ưng với bốn lưu, bốn phược... ấy gọi là bốn thứ thọ.

Lại có năm thọ là lạc căn, khổ căn, ưu căn, hỷ căn, xả căn, thọ

tương ưng với thấy khổ dứt lậu hoặc, cho đến thọ tương ưng với tư duy dứt lậu hoặc. Thọ tương ưng với năm triền cái, năm kiết các phiền não… cũng như vậy.

Lại có sáu thọ là thọ tương ưng với sáu thức. Thọ tương ưng với ý thức phân biệt có mười tám là mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh hỷ, mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh ưu, mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh xả, cho đến ý thức cũng như vậy. Trong mười tám thọ đó, có sạch có nhô, thành ba mươi sáu. Ba đời đều có ba mươi sáu thành một trăm lẻ tám.

Các nhân duyên như vậy phân biệt nghĩa của thọ có vô lượng, gọi là thọ uẩn.

Tưởng uẩn: Tương ưng hành uẩn, thức uẩn cũng phân biệt như vậy.

Vì có sao? Vì cùng với thọ tương ưng.

Lại nữa, Phật dạy có bốn tưởng là tiểu tưởng, đại tưởng, vô lượng tưởng, vô sở hữu tưởng.

Tiểu tưởng là giác tri tiểu pháp, như nói tiểu pháp là tiểu dục, tiểu tín, tiểu sắc, tiểu duyên tưởng, gọi là tiểu tưởng.

Lại nữa, tưởng hệ thuộc cõi Dục là tiểu, hệ thuộc cõi Sắc là đại, hệ thuộc ba cõi Vô sắc là vô lượng tưởng, hệ thuộc Vô sở hữu xứ, gọi là Vô sở hữu tưởng.

Lại nữa, tưởng tương ưng phiền não gọi là tiểu tưởng, vì bị phiền não ngăn che, tưởng hữu lậu vô cấu gọi là đại tưởng, tưởng thật tướng các pháp, gọi là vô sở hữu tưởng. Tưởng vô lậu gọi là vô lượng tưởng, vì pháp Niết-bàn là vô lượng vậy.

Lại nữa, Phật dạy có sáu tướng là nhãn xúc tương ưng sanh tưởng, cho đến ý xúc tương ưng sanh tưởng.

Hành uẩn: Phật có khi nói hết thảy pháp hữu vi là hành, hoặc nói ba hành là thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là hôi thở ra vào, vì hơi thở thuộc thân. Khẩu hành là giác quan, vì trước giác quan vậy sau mới nói năng. Ý hành là thọ, tưởng; vì tâm thủ tưởng thọ khổ vui phát khởi, ấy gọi là ý hành.

Tâm số pháp có hai thứ: 1. Thuộc kiến 2. Thuộc ái. Thuộc ái làm chủ gọi là thọ, thuộc kiến làm chủ gọi là tưởng. Vì vậy nên nói hai pháp ấy là ý hành.

Phật có khi nói ba hành là phước hành, tội hành, bất động hành, trong mười hai nhân duyên gọi là hành uẩn. Phước hành là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, tội hành là nghiệp bất thiện; bất động hành, nghiệp hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc.

Theo A-tỳ-đàm thì trừ thọ và tưởng, các tâm số pháp khác, và vô tưởng định, diệt tận định, tâm bất tương ưng hành pháp, ấy gọi là hành uẩn.

Thức uẩn: Sáu nhập trong ngoài hòa hợp sanh sáu giác tri, gọi là thức. Vì sức nội duyên lớn, nên gọi là nhãn thức, cho đến gọi là ý thức.

Hỏi: Ý tức là thức, cớ sao vì sức của ý duyên nên sanh ý thức?

Đáp: Ý, vì là tướng sanh diệt, vì phần nhiều nhân nôi ý đã sanh trước, nên duyên pháp phát sanh ý thức.

Hỏi: Ý trước đã diệt, làm sao có thể sanh thức sau?

Đáp: Ý có hai thứ: 1. Niệm niệm diệt. 2. Tâm tương tục gọi là một. Vì tâm tương tục ấy nên các tâm gọi là một ý. Thế nên nương ý mà sanh thức, không lỗi.

Ý thức khó hiểu, cho nên chín mươi thứ ngoại đạo, không nói nương ý sanh thức, chỉ nói nương ngã sanh thức.

Năm uẩn này đã nói rộng trong chương Bốn chỗ niệm tưởng. Chỗ thân niệm tưởng nói sắc uẩn, chỗ thọ niệm tưởng nói thọ uẩn, chỗ tâm niệm tưởng nói thức uẩn, chỗ pháp niệm tưởng nói tưởng uẩn, hành uẩn.

Hỏi: Không nên có năm uẩn, chỉ nên có sắc uẩn, thức uẩn. Thức uẩn theo lúc phân biệt nên có tên khác gọi là thọ, tưởng, hành; như thức bất tịnh gọi là phiền não, thức thanh tịnh gọi là pháp lành?

Đáp: Không đúng! Vì cớ sao? Vì nếu tên khác thì thật cũng khác, nếu thật pháp không khác thì tên chẳng nên khác. Nếu chỉ có tâm mà không có tâm số pháp thì không nên có nhô có sạch; ví như nước ao trong sạch, voi điên vào làm cho vẩn đục, nếu bỏ ngọc thanh thủy vào, nước liền trong sạch. Không được nói ngoài nước không voi không ngọc. Tâm cũng như vậy. Phiền não vào làm cho tâm đục, thiện pháp từ bi vào làm cho tâm trong. Vì vậy không được nói phiền não, từ bi chính là tâm.

Hỏi: Ông không nghe trước tôi nói, tâm nhô là phiền não, tâm sạch là pháp lành?

Đáp: Nếu tâm nhô làm sao thú lớp sanh ra tâm sạch? Tâm sạch làm sao thứ lớp sanh ra tâm nhơ? Vì vậy nên việc ấy không đúng. Ông chỉ biết việc thô hiện mà không biết tâm số pháp. Không thể vì không biết bèn cho là không. Thế nên biết chắc chắn có năm uẩn.

Hỏi: Nếu có, cớ sao không nhiều hôn hoặc không ít hôn, chỉ nói có năm?

Đáp: Các pháp đều có giới hạn nhất định, như bàn tay có năm ngón, không được đòi nó nhiều hơn hoặc ít hơn.

Lại nữa, pháp hữu vi tuy có vô lượng, Phật phân phán làm năm phần là gom hết.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao còn nói mười hai nhập, mười tám giới?

Đáp: Các nghĩa phải như vậy, nhập và giới nghĩa khác nhau, Phật là vua pháp, vì chúng sanh nên có khi nói lược, có khi nói rộng. Có chúng sanh đối với sắc và thức không mê lầm nhiều mà đối với tâm số pháp thì mê lầm nhiều, nên Phật dạy năm uẩn; có chúng sanh đối với tâm tâm số pháp không sanh mê lầm; chỉ mê lầm sắc; vì chúng sanh ấy Phật dạy sắc làm mười xứ, tâm tâm số pháp nói chung làm hai xứ (thập nhị xứ). Có chúng sanh đối với tâm số pháp mê lầm ít mà lại không hiểu sắc tâm; vì chúng sanh này Phật dạy tâm số pháp làm một giới, sắc và tâm làm mười bảy giới. Hoặc có chúng sanh không biết thế gian đau khổ sanh diệt, không biết con đường lìa khổ, vì chúng sanh này, Phật dạy Bốn đế là: thế gian và thân đều là khổ, phiền não ái... là khổ nhân, phiền não diệt là khổ diệt, phương tiện diệt phiền não ấy là đạo. Hoặc có chúng sanh đắm trước tôi, ta, đối với các pháp sanh tà kiến chấp tướng một, khác, hoặc nói thế gian không nhân không duyên, hoặc đọa vào tà nhân duyên; vì chúng sanh này Phật dạy mười hai nhân duyên.

Có người nói: Pháp thường hoặc nói thần ngã thường, hoặc nói hết thảy pháp thường, chỉ khi diệt thì nó ẩn tàng vi tế, chứ không mất. Nếu gặp nhân duyên hội họp liền xuất hiện trở lại, chứ không phải pháp khác, vì hạng người ấy, Phật dạy hết thảy pháp hữu vi đều là pháp tạo tác, không có thường hằng nhất định, ví như người gỗ, do các máy móc, thanh gỗ hòa hợp nên có thể động tác, chứ không có sự thật; ấy gọi là pháp hữu vi.

Hỏi: Trong đây nói năm uẩn, có thứ lớp gì?

Đáp: Hành giả mới đầu tập quán pháp, trước hết quán pháp thô, biết thân có các hoạn nạn như bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã. Chúng sanh sở dĩ mê đắm thân này vì nó sanh vui. Quán kỹ cái vui ấy thấy có vô lượng khổ thường theo dõi. Cái vui ấy cũng vô thường, khổ, vô ngã.

Trong sáu trần có vô lượng khổ, tại sao chúng sanh mê đắm? Vì chúng sanh chấp thủ tướng nên mê đắm. Như thân người, có hạng người thiên về chấp có có thể khi mạng chung, chấp thủ theo tướng chết thọ khổ vui, phát động sanh ra các ý hành… khi tâm hành phát động, thức biết phương tiện lìa khổ được vui, ấy là thức (tâm).

Lại nữa, chúng sanh do năm dục nên thọ khổ vui. Do chấp thủ tướng nên nhiễm đắm cái vui ấy, vì nhiễm đắm cái vui ấy, nên hoặc khởi lên

ba độc, hoặc ba thiện căn, ấy gọi là hành. Thức là chủ, thọ dụng việc trên ấy.

Năm dục tức là sắc, sắc là căn bản; nên đầu hết nói sắc uẩn. Các uẩn khác thứ lớp có tên riêng. Các pháp mười hai nhập, mười tám giới đều do năm uẩn thứ lớp có. Chỉ riêng trong pháp nhập, pháp giới tăng thêm pháp vô vi. Trong Tứ đế tăng thêm trí duyên diệt (trạch diệt vô vi). Mười hai nhập, mười tám giới, cho đến pháp hữu vi, vô vi, như trên nói.

Các pháp năm uẩn... đều là không, vì thánh chủ nói vậy. Thánh có ba bậc hạ, trung, thượng. Phật là chủ; như mặt trời là nhất giữa trăng sao, vì ánh sáng lớn. Phật được trí tuệ nhất thiết, cho nên gọi là thánh chủ. Điều thánh chủ nói nên phải là thật.

Lại nữa, vì mười tám không, nên hết thảy pháp không, hoặc dùng tánh không là có thể không hết thảy pháp, huống gì mười tám? Hoặc dùng nội không, ngoại không là có thể không hết thảy pháp, huống gì mười tám.

Lại nữa, hoặc có pháp chẳng không, nên phải có hai thứ là sắc pháp, phi sắc pháp. Sắc pháp thì phân biệt phá hoại cho đến vi trần, phân biệt vi trần cũng không thể có được, cuối cùng đều không. Phi sắc pháp thì niệm niệm sanh diệt cho nên không, như đã nói trong chương Bốn chỗ niệm tưởng (Tứ niệm xứ).

Lại nữa, các pháp tánh không, chỉ có danh tự; nhân duyên hòa hợp cho nên có danh tự. Như núi sông, cây cỏ, đất đai, nhân dân, châu quận, thành ấp hợp lại gọi là nước; làng xóm, chợ búa, nhà quán, cung điện hợp lại gọi là đô; kèo cột, rui mè, ngói tre, vách đá, hợp là gọi là điện; phần trên giữa dưới hợp lại gọi là trụ; từng tấm hợp lại nên có tên phần, các thẻ hợp lại nên gọi là tấm; các mảnh nhỏ hợp lại nên gọi là thẻ. Các vi trần ấy có lớn, có vừa, có nhỏ. Lớn là bụi bay có thể thấy; vừa thời Chư thiên thấy; nhỏ thì Thiên nhãn bậc thượng thánh thấy được, Tuệ nhãn trông vào thì không thấy gì. Vì cớ sao? Vì tánh nó thật không. Nếu vi trần thật có tức là thường, không thể phân rã, không thể hủy hoại, lửa không đốt được, nước không chìm được.

Lại nữa, nếu vi trần có hình, không hình, cả hai đều có lỗi. Nếu vô hình thì làm sao gọi là sắc; nếu có hình thì có phần vị giữa hư không, cũng có đủ mười phần theo mười phương; nếu có đủ mười phần theo mười phương thì không gọi là vi trần. Trong Phật pháp, sắc thường là không có xa, gần, thô, tế.

Lại nữa, lìa các nhân duyên danh tự thì không có pháp. Trừ các nhân duyên danh tự núi sông, đất đai thì không có tên nước; trừ nhân

duyên danh tự làng xóm, đường ngõ, thì không có tên đô, trừ nhân duyên danh tự kèo cột, tre ngói, thì không có tên điện; trừ nhân duyên danh tự ba phần trên giữa dưới của trụ thì không có tên trụ; trừ nhân duyên danh tự tấm mảnh thì không có phần; trừ nhân duyên danh tự thẻ, thì không có tên tấm, mảnh; trừ nhân duyên danh tự các vi trần nhỏ, thì không có tên thẻ; trừ danh tự các vi trần vừa, thì không có vi trần lớn; trừ danh tự vi trần nhỏ, thì không có vi trần vừa, trừ Thiên nhãn vọng thấy thì không có tên vi trần nhỏ. Do các nghĩa như vậy biết các pháp chắc chắn không.

Hỏi: Nếu pháp rốt ráo không thì cớ sao có tên gọi?

Đáp: Tên gọi nếu là có, thì bị phá cùng với pháp, nếu là không thì không nên nạn hỏi. Tên gọi cùng với pháp không khác nhau, vì vậy nên biết hết thảy pháp không.

Lại nữa, hết thảy pháp thật không. Vì cớ sao? Vì nhất định không có một pháp, nên đều từ nhiều pháp hòa hợp sanh. Nếu không một pháp thì cũng không có nhiều. Ví như cây rễ, cành, nhánh, lá hòa hợp nên có giả danh cây. Nếu không có pháp cây, thì rễ cành nhánh lá hòa hợp cho cái gì. Nếu không hòa hợp thì không có một pháp, nếu không có một pháp thì cũng không có nhiều, vì đầu một sau mới nhiều.

Lại nữa, hết thảy sự quán sát, ngữ ngôn hý luận, đều không thật, thì hoặc thế gian thường cũng không đúng, thế gian vô thường cũng không đúng. Có chúng sanh, không chúng sanh, có biên không biên, có ngã, không ngã, các pháp thật, các pháp không, đều không đúng. Như trước đã nói ở trong các môn hý luận. Nếu các sự quán sát, hý luận đều không, cớ sao các pháp chẳng không?

Hỏi: Ông vừa nói các pháp thật, các pháp không, đều không đúng, nay cớ sao lại nói các pháp không?

Đáp: Có hai thứ không: 1. Nói danh tự không, thì chỉ phá chấp trước có, mà không phá không. 2. Lấy không phá có, cũng không có không. Như lúc tiểu kiếp diệt tận, thì có đao binh, tật dịch, cô cẩn, nhưng vẫn có người, vật, cầm thú, núi sông. Lúc đại kiếp đốt cháy, thì núi sông, cây cỏ, cho đến dưới Kim cương. đại thủy dưới đất cũng tiêu tận; lửa kiếp đã dứt, thì luồng gió giữ gìn nước cũng dứt, tất cả trống không: không còn sót gì. Không cũng như vậy, phá các pháp đều không, chỉ còn có Không tồn tại, mà chấp thủ nhiễm trước tướng không ấy.

Đại không là phá hết thảy pháp, Không lại cũng không. Vì vậy nên ông không nên gạn hỏi. Nếu dẹp bỏ các hý luận, làm sao chẳng không?

Các nhân duyên như vậy, nơi nơi nói không, nên biết hết thảy pháp không.

Tập tương ưng là tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật tu tập hành quán, không ngừng không nghỉ, ấy gọi là tập. Ví như đệ tử tùy thuận lời dạy của thầy, không trái ý thầy, ấy gọi là tương ưng. Như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát cũng tùy thuận tướng ấy dùng trí tuệ quán sát, có thể được, có thể thành tựu, không tăng không giảm, ấy gọi là tương ưng. Ví như hộp và nắp lớn nhỏ xứng hợp nhau. Tuy Bát-nhã Ba-la-mật diệt các quán pháp, nhưng vì lực trí tuệ, nên gọi là không gì không được. không gì không quán. Biết được như vậy, không đọa hai bên, ấy là cùng Bát-nhã tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng tánh không, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tu tập tương ưng bảy không, đó là tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hỏi: Sao không nói trú mười tám không, chỉ nói trú bảy không, gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng?

Đáp: Trong Phật pháp, nói rộng là mười tám không, nói lược là bảy không, như nói pháp trợ đạo có ba mươi bảy phẩm, nói lược thời bảy giác phần.

Lại nữa, bảy không này phần nhiều dùng làm lợi ích chúng sanh, như đại không, vô thỉ không; hoặc có khi chúng sanh khởi tà kiến ấy, nên vì họ nói.

Tánh không là hết thảy pháp tánh trước sau thường tự không, huống gì hiện tại? Nhân duyên thường không, huống gì quả báo?

Tự tướng không là các pháp tướng chung, tướng riêng, đều quán nó không, thì tâm xa lìa. Dùng hai không ấy, các pháp đều không, ấy gọi là "các pháp không".

Tư tánh không nên có tướng, tướng không nên các pháp không, các pháp không nên lại không có gì được, ấy gọi là Bất khả đắc không.

Dùng bốn thứ không ấy phá hết thảy hữu pháp. Nếu cho hữu pháp là có lỗi vì có tướng, mà chấp thủ vô pháp, thế nên nói vô pháp không. Nếu cho vô pháp là sai quấy, trở lại muốn chấp thủ hữu pháp, thế nên nói hữu pháp không.

Trước nói bốn không, tuy phá hữu pháp, thì hành giả tâm lìa hữu pháp mà tồn tại nôi vô, thế nên nói vô pháp không. Nếu nói vô pháp là quấy vì tâm không dựa vào đâu được, muốn trở lại tồn hữu, thế nên lược nói hữu pháp không, vì tâm tồn hữu mỏng vậy.

Vô pháp hữu pháp không là hành giả cho vô pháp không là quấy, tâm trở lại nghi hữu pháp, nếu tâm quán hữu, trở lại nghi vô pháp; thế nên quán hữu vô đều không, như quán nội ngoại không, vì vậy nên chỉ nói bảy không.

Hỏi: Ông nói biết hết thảy pháp không, diệt hết các quán, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Quán như vậy gọi là tương ưng, không quán như vậy thời không tương ưng. Phân biệt thị phi tức cũng là quán, cớ sao nói diệt?

Đáp: Vì vậy nên Kinh nói:

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu tập tương ưng bảy không, không thấy sắc hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, không thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy tướng sắc hoặc sanh hoặc diệt, không thấy tưởng thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh hoặc diệt; không thấy tướng sắc hoặc sạch hoặc nhơ, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc sạch hoặc nhơ.

LUẬN: Không thấy tướng sắc hoặc sanh hoặc diệt là, không thấy năm uẩn có sanh có diệt, nếu thấy có tướng sanh diệt tức là đọa vào đoạn diệt kiến; đọa vào đoạn diệt kiến thì không tội không phước; không tội không phước thì không khác gì cầm thú.

Không thấy sắc hoặc nhô hoặc sạch là không thấy năm uẩn có trói có mở; nếu năm uẩn có tánh trói thì không có ai được giải thốt; nếu năm uẩn có tánh sạch, thì không có việc học đạo.

KINH: Không thấy sắc cùng thọ hợp, không thấy thọ cùng tưởng hợp, không thấy tưởng cùng hành hợp, không thấy hành cùng thức hợp, vì vậy không có pháp cùng pháp hợp, vì tánh nó không.

LUẬN: Tâm tâm số pháp vô hình, vô hình thì không có chỗ ở, vì vậy sắc không cùng thọ hợp, như bốn đại và sắc do bốn đại tạo, hai xúc (hữu hình) hòa hợp, còn trong tâm tâm số pháp không có xúc (hữu hình) nên không được hòa hợp.

Hỏi: Nếu như vậy sao nói thọ, tưởng, hành, thức không cùng hòa hợp?

Đáp: Trong đây Phật tự nói không có pháp cùng pháp hợp, vì hết thảy pháp tánh thường không. Nếu không có pháp cùng pháp hợp, thì cũng không có lìa.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên:

KINH: Này Xá-lợi-phất! Trong sắc không, không có sắc; trong thọ tưởng, hành, thức không, không có thức.

LUẬN: Vì cớ sao? Vì sắc với không trái nhau, nếu không đến thì diệt sắc, làm sao trong sắc không lại có sắc? Ví như trong nước không lửa, trong lửa không nước, vì tánh trái nhau.

Lại nữa, có người nói, sắc chẳng phải thật không, hành giả vào Không tam-muội thấy sắc là không, vì thế nên nói trong sắc không, hoàn toàn không có sắc. Trong thọ, tưởng, hành thức, không, cũng như vậy.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Sắc không nên không có tướng não hoại, thọ không nên không có tướng lãnh thọ, tưởng không nên không có tướng biết, hành không nên không có tướng tạo tác, thức không nên không có tướng giác tri.

LUẬN: Hỏi: Nghĩa ấy có thứ lớp gì?

Đáp: Trước nói trong năm uẩn không, không có năm uẩn, trong đây nay nói về nhân duyên của nó. Năm uẩn, mỗi mỗi tự tướng không thể có được, nên nói trong năm uẩn không, không có năm uẩn.

KINH: Vì cớ sao? Xá-lợi-phất! Chẳng phải sắc khác không, chẳng phải không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

LUẬN: Phật lại nói nhân duyên, nếu năm uẩn khác với không, thì trong không nên có năm uẩn, nay năm uẩn không khác không, không không khác năm uẩn, năm uẩn tức là không, không tức là năm uẩn, vì vậy nên không chẳng phá năm uẩn. Vì cớ sao? Phật tự nói nhân duyên rằng:

KINH: Này Xá-lợi-phất! Tướng không ấy của các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhô chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, pháp không ấy chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Thế nào trong không không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới; không vô minh, cũng không vô minh hết; cho đến không già chết, cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo, cũng không trí cũng không đắc. Không Tu-đà-hoàn, không Tu-đà-hoàn quả; không Tư-đà-hàm, không Tư-đà-hàm quả; không A-na-hàm, không A-na-hàm quả; không A-la-hán, không A-la-hán quả; không Bích-chi Phật, không Bích-chi Phật đạo, không Phật, cũng không Phật đạo.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hỏi: Người đều biết trong không không có gì, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, không hết

thảy pháp. Cớ sao Phật còn phân biệt nói năm uẩn mỗi mỗi đều không? Đáp: Có người tuy tu tập không, mà tưởng trong không còn có các pháp, như người hành từ tâm, tuy không chúng sanh mà tưởng chúng sanh được vui, tự được vô lượng phước. Vì vậy nên Phật dạy các pháp tánh thường tự không, chứ chẳng phải do Không tam-muội nên làm cho các pháp không. Như nước tướng lạnh, lửa làm nó nóng, nếu nói do Không tam-muội nên làm cho pháp không, việc ấy không đúng.

Trí là tám trí vô lậu (khổ pháp trí, tập pháp trí, diệt pháp trí, đạo pháp trí, khổ loại trí, tập loại trí, diệt loại trí, đạo loại trí - ND).

Đắc là được Thánh đạo từ sơ quả Tu-đà-hoàn, cho đến Phật đạo, trước đã nói rộng.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, không thấy Đàn Ba-la-mật, Thi-la Ba-la-mật, Sằn-đề Ba-la-mật, Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; cũng không thấy sắc hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn sắc thức giới cho đến ý pháp thức giới hoặc tương ưng hoặc không tương ưng; không thấy bốn chỗ niệm tưởng cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến Nhất thiết chủng trí hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Bồ-tát ma-ha-tát được thật tướng các pháp, vào Bát-nhã Ba-la-mật, ngay nôi Bát-nhã Ba-la-mật không thấy tướng nhất định hoặc tương ưng hoặc không tương ưng, huống gì thấy các pháp khác.

Vì sao không thấy Bát-nhã tương ưng, không tương ưng? Không thấy hành như vậy là tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy không hành như vậy là không tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật. Như hành thường, lạc, ngã là không tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật, hành vô thường, khổ, vô ngã là tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật. Hoặc hành thật, là không tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật: hoặc hành không là tương ưng Bát-nhã ba-la-mật. Như hành hữu, vô là không tương ưng Bát-nhã ba -la-mật, hành phi hữu phi vô là tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Bát-nhã Ba-la-mật, đều không việc ấy, vì tướng Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Năm Ba-la-mật năm uẩn cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh thời có thể như vậy, còn

năm Ba-la-mật kia và các pháp khác, làm sao thanh tịnh?

Đáp: Trước nói năm việc lìa Bát-nhã ba-la mật, thì không gọi là Ba-la-mật, cùng Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp nên mới gọi là Ba-la-mật. Như trong phẩm tựa đầu kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Sao gọi là Đàn Ba-la-mật? Là không thấy người cho, không thấy người nhận, không thấy tài vật.

Năm uẩn là chỗ Bồ-tát quán, vì cùng Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp, rốt ráo thanh tịnh, nên không thấy tương ưng không tương ưng.

Mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên cũng như vậy. Các pháp ấy không có định tánh, không có định pháp, vì vậy nên không thấy hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Mười tám không, bốn chỗ niệm tưởng cho đến đại từ đại bi, trí nhất thiết chủng, không thấy hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Hỏi: Bồ tát ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật, tại sao có ba mươi bảy đạo phẩm? Chưa được Phật đạo, tại sao có Mười lực, Bốn việc không sợ?

Đáp: Bồ-tát ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật song cũng quán pháp của Thanh văn. Bích-chi Phật, vì muốn dùng đạo Thanh văn, Bích-chi Phật độ chúng sanh.

Lại có người nói: Hành đạo Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ không thủ chứng, như trong phẩm sau nói: Vào tam-muội không vô tướng, vô tác, Bồ-tát trú ba môn giải thốt, khởi niệm như vầy, nay là lúc quán, không phải lúc chứng.

Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, nghe Ba mươi phẩm pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật, đọc tụng, nhớ nghĩ, phân biệt đúng đắn, vì vậy nên nói Bồ-tát có Ba mươi bảy đạo phẩm. Có Mười lực của Phật... cũng như vậy.

Bồ-tát tự an trú trong Mười lực, Bốn việc không sợ, Mười tám pháp không chung của Bồ-tát. Khi an trú trong pháp ấy hoặc nghe, hoặc nhớ nghĩ, phân biệt Mười lực, Bốn việc không sợ, Mười tám pháp không chung thậm thâm vi diệu của Phật, cũng cho là một phần của mình.

Lại nữa, Bồ-tát từ vô lượng vô số kiếp lại đây, tu tập Mười lực, Bốn việc không sợ của Phật, đến khi ngồi dưới đạo thọ, được vô ngại giải thốt, cho nên tăng ích thanh tịnh; ví như đã lập công lao, vậy sau mới nhận lãnh thưởng công. Bồ-tát cũng như vậy. Có công đức ấy, mới nhận lãnh danh ấy. Công đức ấy đều cùng với lực Bát-nhã Ba-la-mật hợp, nên không thấy hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Các pháp nghĩa ấy, từ sáu Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng

trước đã nói.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không chẳng cùng không hợp, vô tướng chẳng cùng vô tướng hợp, vô tác chẳng cùng vô tác hợp. Vì sao? Vì không, vô tướng, vô tác không có hợp với chẳng hợp.

Xá lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hỏi: Trong nhất tâm không có hai không, tại sao nói không chẳng cùng không hợp?

Đáp: Không có hai thứ: 1. Không tam-muội. 2. Pháp không. Không tam-muội không cùng pháp không hợp. Vì cớ sao? Vì nếu lấy lực Không tam-muội hợp với pháp không, thì pháp ấy chẳng phải tự tánh không.

Lại không là tánh tự không, chẳng phải từ nhân duyên sanh, nếu từ nhân duyên sanh, thì không gọi là tánh không. Hành giả hoặc khi vào tam-muội thấy không, khi ra tam-muội chẳng thấy không, nên biết ấy là cái "Không" hư vọng (chứ không phải tánh không - N D).

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: Trong không, không hợp không chẳng hợp; trong vô tướng, vô tác cũng như vậy. Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

Hỏi: Chỉ một chỗ nói, không thấy cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng không tương ưng cũng đủ, vì sao còn nói đến nhiều nhân duyên tương ưng không tương ưng? Nếu một chỗ đúng thì các chỗ khác đều đúng, nếu một chỗ không đúng thì các chỗ khác cũng không đúng; vì như một kẻ mù không thấy, thì ngàn kẻ mù đều không thấy?

Đáp: Không phải? Nếu muốn lấy hý luận cầu hơn thì nên vấn nạn như vậy. Tướng các pháp tuy chẳng thể nói. Phật vì lòng đại từ đại bi nên nhiều cách phương tiện nói.

Lại Phật thuyết pháp vì một hạng chúng sanh đắc độ, nếu ai chưa ngộ thì Phật nói lại.

Lại nói một lần để dứt kiết sử kiến đế đoạn. Nói lần thứ hai để dứt kiết sử tư duy đoạn, lại nói nữa để dứt từng phần các kiết sử khác.

Lại một lần nói có người đắc đạo Thanh văn, lại một lần nói gieo nhân duyên về đạo Bích-chi Phật, lại một lần nói phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại một lần nói hành sáu Ba-la-mật, lại một lần nói hành phương tiện được vô sanh nhẫn, lại một lần nói được sô trụ địa, lại một lần nói cho đến được trú địa thứ mười. Lại một lần nói cho người, lại một lần nói cho trời.

Lại nữa, tướng Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, khó hiểu khó biết. Phật

biết tâm chúng sanh căn có lợi độn; độn căn ít trí, vì họ nói lại. Nếu người lợi căn, thì một lần nói, hai lần nói, liền ngộ, không cần phải nói nhiều lần. Ví như ngựa hay, đánh một roi liền chạy, ngựa hèn đánh nhiều roi mới đi.

Các nhân duyên như vậy nên trong Kinh nói lập đi lập lại không lỗi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào tự tướng không của các pháp; vào rồi, sắc chẳng làm hợp, chẳng làm chẳng hợp; thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm hợp, chẳng làm chẳng hợp. Sắc không cùng đời trước hợp. Vì cớ sao? Vì không thấy đời trước; sắc không cùng đời sau hợp. Vì sao? Vì không thấy đời sau. Sắc không cùng hiện tại hợp. Vì sao? Vì không thấy hiện tại; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

LUẬN: Trước nói không, vô tướng, vô tác, không hợp, không chẳng hợp, nay lại nói nhân duyên. Vì vào tự tướng không, nên năm uẩn không làm hợp, không làm không hợp. Nếu hết thảy pháp tự tướng không, trong ấy không có hợp chẳng hợp

Hợp là các pháp đúng như tướng nó. Như đất tướng cứng, thức tướng biết, tự tướng như vậy, không ở nơi pháp khác, ấy gọi là hợp.

Chẳng hợp là tự tướng không ở trong tự pháp.

Lược nói các pháp không tăng không giảm. Sắc, chẳng nói cùng đời trước hợp. Vì sao? Vì đời trước không, không có gì, chỉ có danh tự. Nếu sắc đi vào quá khứ, thì diệt mất không có gì, làm sao cùng đời trước hợp? Đời sau là chưa có, chưa sanh, sắc không nên cùng đời sau hợp. Sắc hiện tại sanh diệt không ngừng, không thể chấp thủ tướng nó, sắc không thể cùng hiện tại hợp.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: sắc chẳng cùng đời trước hợp, chẳng phải không hợp. Vì sao? Vì đời trước không thể thấy; sắc chẳng cùng đời sau hợp, chẳng phải không hợp. Vì sao? Vì đời sau không thể thấy; sắc chẳng cùng hiện tại hợp, chẳng phải không hợp. Vì sao? Vì hiện tại không thể thấy; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, đời trước không cùng đời sau hợp, đời sau không cùng đời trước hợp, hiện tại không cùng đời trước đời sau hợp, đời trước đời sau không cùng hiện tại hợp, vì tên ba đời không vậy.

Xá lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Thế nào đời trước đời sau hợp?

Đáp: Có người nói các pháp ba đời đều có, pháp vị lai chuyển làm hiện tại, hiện tại chuyển làm quá khứ, như cục bùn là hiện tại, bình là vị lai, đất là quá khứ. Nếu khi thành bình thì bình là hiện tại, cục bùn là quá khứ, bình vỡ là vị lai. Như vậy là hợp, nếu có tướng ba đời, thì việc ấy không đúng, vì có nhiều lỗi, ấy là chẳng hợp.

Lại nữa, ba đời hợp là như pháp quá khứ làm nhân cho đời quá khứ, vị lai, hiện tại; pháp hiện tại làm nhân cho đời hiện tại, vị lai; pháp vị lai làm nhân cho đời vị lai.

Lại tâm tâm số pháp quá khứ duyên pháp ba đời, tâm tâm số pháp vị lai, hiện tại cũng như vậy. Tâm tâm số pháp gián đoạn có thể duyên pháp không gián đoạn, tâm tâm số pháp không gián đoạn có thể duyên pháp khả đoạn. Các pháp ba đời như vậy, do nhân duyên nghiệp quả cùng nhau hòa hợp, ấy gọi là hợp. Bồ-tát không làm sự hợp ấy. Vì sao? Vì như trước nói, quá khứ đã diệt làm sao có thể làm nhân làm duyên; vị lai chưa có làm sao có thể làm nhân làm duyên; hiện tại cho đến trong một niệm cũng không an trú, làm sao làm nhân, duyên; ấy gọi là không hợp.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: ba đời và tên gọi ba đời đều không, thì làm sao nói hợp.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 37

GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ƯNG

Phần 3

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, Tát-bà-nhã (trí tuệ) không cùng đời quá khứ hợp. Vì sao? Vì đời quá khứ không thể thấy, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ hợp. Tát-bà-nhã không cùng đời vị lai hợp. Vì sao? Vì đời vị lai không thể thấy, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời vị lai hợp. Tát-bà-nhã không cùng đời hiện tại hợp. Vì sao? Vì đời hiện tại không thể thấy, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời hiện tại hợp. Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không xem Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ đồng. Vì sao? Vì đời quá khứ là hư vọng, Tát-bà-nhã là thật pháp; đời quá khứ là tướng sanh diệt, Tát-bà-nhã chẳng phải tướng sanh diệt. Đời và pháp quá khứ, tìm cầu không thể có được, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ hợp.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên rằng: Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật không thấy đời quá khứ, huống gì Tát-bà-nhã cùng đời quá khứ hợp. Đời vị lai, hiện tại cũng như vậy. Đời vị lai, trừ tướng sanh diệt, các nghĩa khác đồng như quá khứ, hiện tại.

Lại nữa, vì Thời nên nói có ba đời. Nghĩa Thời như đã nói trong chương Nhất thời trước kia.

Lại nữa, Tát-bà-nhã là trí tuệ chân thật của ba đời mười phương chư Phật. Ba đời là từ tâm phàm phu hư vọng sanh, làm sao cùng trí tuệ hợp; ví như chân kim vàng ròng không cùng sắt rỉ sét đồng tướng.

Hỏi: Như trong phẩm Tùy hỷ nói: Bồ-tát ma-ha-tát niệm các công đức trí tuệ Tát-bà-nhã của chư Phật quá khứ, hiện tại, rồi hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như vậy sao nói đời quá khứ, vị lai không cùng Tát-bà-nhã hợp?

Đáp: Nếu lấy tâm chấp trước thủ tướng mà niệm Tát-bà-nhã thì không gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ví như đồ

ăn lẫn độc mới ăn vào tuy thơm ngon, mà sau hại thân. Nếu Bồ-tát phân biệt trí tuệ của chư Phật quá khứ, hiện tại, thì có thể cùng ba đời hợp, còn nay không chấp thủ tướng thì không có hợp.

Hỏi: Bồ-tát tụng niệm đời vị lai sẽ thành Tát-bà-nhã của Phật, cũng tự nghĩ ta sẽ được Tát-bà-nhã; ấy gọi là cùng Tát-bà-nhã đời vị lai hợp, làm sao nói không hợp?

Đáp: Tát-bà-nhã vượt qua ba cõi, ra khỏi ba đời, tướng rốt ráo thanh tịnh. Hành giả chỉ do ức tưởng phân biệt rằng ta sẽ được Tát-bà-nhã ấy. Như pháp thế gian ức tưởng ta sẽ có được việc ấy, nhưng việc ấy chưa sanh chưa có, thời tiết chưa đến, nhân duyên chưa hội, hoàn toàn không nôi chốn, làm sao sẽ cùng hợp, như sáng mai sẽ uống váng sữa mà ngày nay đã nhớ mùi thối.

Lại như đệ tử của Ca-chiên-diên nói về quả vị Bồ-đề trong đời vị lai, nói với Bồ-tát rằng, nếu tu thân tướng hảo, thì ta sẽ đến ở trong thân đó, như con gái nhà sang, tự do không khổ nạn, sai sứ nói với con trai nhà nghèo rằng, ngươi hãy trang nghiêm phòng xá màn trướng tốt đẹp, đầy đủ các thứ, ta sẽ đến ở trong nhà ngươi. Nói như vậy, là không tương ưng. Vì vậy nên không được cho Tát-bà-nhã cùng ba đời hợp.

Hỏi: Các pháp khác nhiều lắm, cớ sao chỉ nói Tát-bà-nhã?

Đáp: Tát-bà-nhã là chỗ đi về của Bồ-tát, thâm tâm muốn được, tìm cầu trong ba đời.

Hỏi: Sao không cầu trong pháp hữu vi vô vi?

Đáp: Sau sẽ nói cầu trong hết thảy pháp.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì sắc không thể thấy; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì mắt không thể thấy; tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Sắc không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì sắc không thể thấy; tiếng, mùi, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hỏi: Sao chỉ nói Năm uẩn, Mười hai nhập, mà không nói Mười tám giới, Mười hai nhân duyên?

Đáp: Đáng lẽ phải nói, hoặc có khi người tụng quên mất. Sao biết? Phật dạy Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên vì sự, nhỏ, sạch. Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên gọi là sự; không nhất định là nhỏ; không nhất định là sạch; trong đó hoặc có kiết sử sanh hoặc có thiện pháp sanh, như ruộng nhất định có thể sanh vật, tùy gieo giống gì đều sanh nấy. Uẩn, nhập, giới, Mười hai

nhân duyên, ấy là sự; Sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, ấy là giống sạch. Không nói nhô, là Bồ-tát kiết sử đã mỏng, không tự não hại, thế nên không nói.

Lại Bồ-tát sâu vào trí tuệ, hiểu các pháp không, không có các phiền não, chỉ nhóm các công đức, vì vậy nên nói Mười tám giới, Mười hai nhân duyên, như trong sắc sự... không thể có Tát-bà-nhã hợp. Vì sao? Vì Tát-bà-nhã trong ba đời không thể có được trong sắc sự... cũng không thể có được. Ấy đều là thế gian nhân duyên hòa hợp, không có tánh nhất định.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, Đàn Ba-la-mật không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì Đàn Ba-la-mật không thể thấy; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Bốn chỗ quán niệm không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì Bốn chỗ quán niệm không thể thấy; cho đến Tám thánh đạo phần cũng như vậy.

LUẬN: Hỏi: Năm uẩn là pháp thế gian có thể không cùng Tát-bà-nhã hợp, còn sáu Ba-la-mật cớ sao không hợp?

Đáp: Sáu Ba-la-mật có hai thứ: 1. Thế gian. 2. Xuất thế gian. Vì Đàn Ba-la-mật thế gian nên nói không cùng hợp, vì Ba-la-mật xuất thế gian nên cùng hợp.

Lại nữa, Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, lậu hoặc kiết sử chưa sạch, không được cùng Tát-bà-nhã của Phật hợp.

Lại nữa, Phật dạy sáu Ba-la-mật không, còn không thể thấy, huống gì cùng Tát-bà-nhã hợp. Ba mươi bảy đạo phẩm cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật ấy xen lẫn có đạo và tục, còn ba mươi bảy đạo phẩm hướng đến Niết-bàn, cớ sao không hợp?

Đáp: Ba mười bảy đạo phẩm là pháp Nhị thừa, chỉ vì Niết-bàn, còn Bồ-tát vì Phật đạo, thế nên không hợp.

Hỏi: Trong chương Đại thừa có nói Ba mươi bảy đạo phẩm, cũng là Bồ-tát đạo, cớ sao không cùng Tát-bà-nhã hợp?

Đáp: Có vị Bồ-tát lấy tâm chấp trước hành Ba mươi bảy đạo phẩm, phần nhiều hồi hướng đến Niết-bàn. Vì vậy nên Phật dạy không hợp.

KINH: Mười lực cho đến Mười tám pháp không chung của Phật, không cùng Tát-bà-nhã hợp, vì Mười lực cho đến Mười tám pháp không chung của Phật là không thể thấy.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Mười lực cho đến mười tám pháp không chung tuy là diệu pháp mà vì Tát-bà-nhã nên tu hành. Vì Bồ-tát chưa dứt hết lậu kiết

nên không thể cùng Tát-bà-nhã hợp.

Lại nữa, pháp Mười lực... của Phật có ba thứ: 1. Đó là pháp tu hành của Bồ-tát, tuy chưa được Phật đạo, song dần dần tu tập. 2. Đó là pháp chứng đắc của Phật, mà Bồ-tát ức tưởng phân biệt tìm cầu. 3. Đó là pháp chứng đắc của Phật tâm.

Hai thứ trước không thể cùng hợp, một thứ sau tuy có thể hợp mà Bồ-tát chưa được, cho nên không hợp.

Lại nữa, vì không, không thể thấy, không thể thấy nên không hợp; vì vậy đều nói là không thể thấy.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, Phật không cùng Tát-bà-nhã hợp, Tát-bà-nhã không cùng Phật hợp; Bồ-đề không cùng Tát-bà-nhã hợp, Tát-bà-nhã không cùng Bồ-đề hợp.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát và Bồ-tát pháp có thể không cùng Tát-bà-nhã hợp, cớ sao Phật và Bồ-đề lại không cùng hợp?

Đáp: Phật là người, Tát-bà-nhã là pháp, người là giả danh, pháp là nhân duyên. Chúng sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy là không, nên Phật cũng không; bậc tôn thượng đệ nhất, trong chúng sanh gọi là Phật, thế nên không hợp.

Lại nữa, được Tát-bà-nhã nên gọi là Phật, nếu Phật được Tát-bà-nhã, như vậy trước đã là Phật, không cần Tát-bà-nhã; nếu chẳng phải Phật được Tát-bà-nhã, cớ sao nói Phật được Tát-bà-nhã? Vì vậy, hòa hợp nhân duyên sanh, không được nói trước sau.

Lại nữa, lìa Phật không có Tát-bà-nhã, lìa Tát-bà-nhã không Phật, được Tát-bà-nhã nên gọi là Phật, sở hữu của Phật nên gọi là Tát-bà-nhã.

Hỏi: Phật là người nên có thể không cùng hợp, Bồ-đề là vô thượng đạo, cớ sao không hợp?

Đáp: Bồ-đề gọi là trí tuệ của Phật, Tát-bà-nhã gọi là hết thảy trí tuệ của Phật. Mười trí là Bồ-đề, trí như thật thứ mười một gọi là Tát-bà-nhã (xem chương 11 trí ở cuốn 23 - ND). Hai trí không cùng trong một tâm sanh ra.

Lại nữa, các Phật pháp như Mười lực… và Phật Bồ-đề, đều là Bồ-tát ức tưởng phân biệt, chẳng phải thật, chỉ có Tát-bà-nhã Phật chứng được là thật, nay Bồ-đề này là Bồ-đề của Bồ-tát, trong tâm ấy hư vọng chưa thật, làm sao cùng Tát-bà-nhã hợp được!

KINH: Vì sao? Vì Phật tức là Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức là Phật; Bồ-đề tức là Tát-bà-nhã, Tát-bà-nhã tức là Bồ-đề. Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là

cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không tu tập sắc có, không tu tập sắc không; thọ, tưởng, hành, thức cũng thư vậy. Không tu tập sắc có thường, không tu tập sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng thư vậy. Không tu tập sắc khổ, không tu tập sắc lạc; thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy. Không tu tập sắc ngã, không tu tập sắc phi ngã; thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy. Không tu tập sắc tịch diệt, không tu tập sắc phi tịch diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc không, không tu tập sắc phi không; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc hữu tướng, không tu tập sắc vô tướng; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không tu tập sắc hữu tác, không tu tập sắc vô tác; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không khởi niệm rằng: Ta hành Bát-nhã Ba-la-mật, không hành Bát-nhã Ba-la-mật, không phải hành không phải chẳng hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Nếu Bồ-tát quán năm uẩn chẳng phải có chẳng phải không, nơi ấy cũng không chấp trước, bấy giờ cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Vì sao? Vì hết thảy thế gian chấp trước hai kiến hoặc có hoặc không. Người thuận dòng sanh tử phần nhiều chấp trước có, người nghịch dòng sanh tử phần nhiều chấp trước không, người ngã kiến nhiều thì chấp trước có, người tà kiến nhiều thì chấp trước không.

Lại nữa, người có bốn kiến (thân, biên, tà kiến và giới thủ) nhiều chấp trước có, người tà kiến nhiều chấp trước không; người hai độc (tham, sân) nhiều chấp trước có, người vô minh nhiều chấp trước không; không biết năm uẩn do nhân duyên tập hợp phát sanh nên chấp trước có, không biết sự tập hợp nên chấp trước không. Vì gần ác tri thức và sách ngoại đạo tà kiến nên đọa vào đoạn diệt, không tin tội phước, người vô kiến thì chấp trước không, các người khác thì chấp trước có.

Hoặc có chúng sanh cho hết thảy đều không, tâm chấp trước cái không ấy. Vì chấp trước cái không ấy nên gọi là vô kiến; hoặc có chúng sanh cho các pháp do sáu căn biết được đều là có, ấy là hữu kiến. Người ái nhiều chấp trước hữu kiến, người kiến nhiều trước vô kiến. Như vậy là chúng sanh chấp trước hữu kiến vô kiến.

Hai thứ kiến ấy hư vọng phi thật, phá trung đạo, ví như người đi đường hẹp, một bên nước sâu, một bên lửa lớn, hai bên đều chết; chấp có chấp không, hai bên đều sai. Vì sao? Vì nếu các pháp thật nhất

định có, thì không nhân duyên; nếu từ nhân duyên hòa hợp sanh, thì pháp ấy không tự tánh; nếu không tự tánh tức không. Nếu không có pháp là thật, thì không tội phước, không trói không mở, cũng không có các pháp sai khác.

Lại nữa, người hữu kiến cùng người vô kiến trái nhau, trái nhau nên có thị phi, thị phi nên tranh nhau, tranh nhau nên khởi lên các kiết sử, kiết sử nên sanh nghiệp, sanh nghiệp nên mở cửa ác đạo. Trong thật tướng không có trái nhau, thị phi đấu tránh.

Lại nữa, người chấp có, nếu việc vô thường xảy đến thì sanh ưu não, nếu người chấp không, làm các tội nghiệp, chết đọa địa ngục thọ khổ; người không chấp có không, không có các tội lỗi như vậy. Nên xả bỏ bệnh chấp ấy thì được thật.

Lại nữa, năm uẩn hoặc thường hoặc vô thường, đều không đúng. Vì sao? Vì nếu năm uẩn thường, thì không sanh không diệt, không sanh không diệt thì không tội phước, không tội phước thì không quả báo thiện ác, thế gian như Niết-bàn không hư hoại. Vọng ngữ như vậy, ai tin được. Hiện thấy chết chóc khóc lóc, ấy là chúng sanh vô thường, như cỏ cây khô rụng, hoa quả tiêu mòn, ấy là ngoại vật vô thường. Lúc đại kiếp tận, tất cả đều diệt, ấy là đại vô thường.

Có các nhân duyên như vậy, năm uẩn thường, là không thể có được.

Lại nữa, vô thường phá thường, không nên cho vô thường là đúng. Vì sao? Vì nếu tướng các pháp vô thường, mỗi niệm tiêu diệt, thì sáu căn không thể nhận biết sáu trần. Vì sao? Vì nội tâm ngoại trần đều không đứng yên, không thể duyên được. không thể biết được, cũng không tu tập nhân duyên quả báo. Vì nhân duyên nhiều nên quả báo cũng nhiều, việc ấy không thể được.

Lại vì hữu thường kiến với vô thường kiến tranh nhau, có các nhân duyên như vậy, năm uẩn vô thường, là không thể có được. Khổ, vui, ngã, phi ngã, hoặc không, hoặc thật, có tướng, không tướng, có làm không làm, nghĩa ấy như các nơi ở trước đã nói.

Năm uẩn tịch diệt là vì nhân duyên sanh nên không tự tánh, không tự tánh nên tịch diệt, tịch diệt nên như Niết-bàn.

Bị ba độc đốt cháy nên không tịch diệt, lửa vô thường đốt nên không tịch diệt, chấp trước tướng thật ba độc nên không tịch diệt, tướng ba độc mỗi mỗi phân biệt nên không tịch diệt. Nghĩa này trước chưa nói, cho nên nay trong đây nói.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát lìa được hai bên như vậy, thì hành trung đạo

và hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng không chấp trước. Vì sao? Vì Bồ-tát không thể có được, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể có được; không hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng không chấp trước. Vì sao? Vì các người phàm khác không thể như Bồ-tát quán thật tướng các pháp, làm sao sẽ nói rằng ta không hành Bát-nhã Ba-la-mật? Hành không hành cũng không chấp trước, vì cả hai đều lỗi, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát không vì Bát-nhã Ba-la-mật nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, không vì địa vị bất thối chuyển nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì thành tựu chúng sanh nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì tịnh Phật độ nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì Mười lực, Bốn không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung của Phật nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì nội không nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Không vì như, pháp tánh, thật tế nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không hoại tướng các pháp. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật cho đến như, pháp tánh, thật tế, đó là Phật pháp, Bồ-tát nếu không vì pháp ấy nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì còn có vì pháp gì có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Như Phật tự nói trong đây, các pháp không có phá hoại, vì không hoại tướng các pháp, cũng không phân biệt là bố thí, là xan tham, cho đến là ba cõi, là thật tế.

Lại nữa, có Bồ-tát đối với thiện pháp ấy, thâm tâm buộc đắm, vì buộc đắm nên sanh tội, vì hạng người ấy nên nói sáu Ba-la-mật cho đến thật tế đều không, không có tự tánh như mộng như huyễn, ông chớ sanh chấp, chân Bồ-tát không vì đó mà tu hành.

Có vị Bồ-tát tâm không chấp trước gì, hành sáu Ba-la-mật cho đến thật tế. Vì hạng người này nên nói, vì việc đó nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, như trong phẩm sau nói: Vì đầy đủ sáu Ba-la-mật, cho đến vì giáo hóa chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-

mật, không vì Như ý thần thông nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; không vì Thiên nhỏ, không vì Tha tâm trí, không vì Túc mạng trí, không vì Thiên nhãn, không vì Lậu tận thần thông nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, còn không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, huống gì thấy Bồ-tát thần thông.

Xá lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Trong Thiền Ba-la-mật nói trước đây, đã nói đủ năm thần thông, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trong kia nói tướng tổng quát, không phân biệt tên gọi, trong đây nói tướng riêng.

Lại nữa, quả báo của công đức là năm thần thông, Bồ-tát được năm thần thông ấy, có thể rộng lợi ích chúng sanh.

Lại nữa, tuy có từ bi, Bát-nhã Ba-la-mật, mà không có năm thần thông, thì như chim không có hai cánh, không thể bay cao, cũng như người mạnh không có khí giới mà vào trận địch, như cây không có hoa quả, không có lợi ích, như kênh khô không nước, không thấm ướt gì, vì vậy lại nói năm thần thông và trong vô lượng Phật pháp khác nói riêng, không lỗi.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao Phật dạy chẳng vì năm thần thông nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Có nhiều Bồ-tát không phương tiện, mà được năm thần thông, sanh tâm cao ngạo khinh các Bồ-tát khác. Vì hạng người này nên nói. Vì sao? Vì đối với Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ chư Phật, Bồ-tát còn không chấp trước, huống gì năm thần thông.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khởi niệm rằng: Ta dùng Như ý thần thông bay đến phương đông cúng dường cung kính hằng hà sa chư Phật; phương tây, nam, bắc, bốn góc trên, dưới cũng như vậy.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khởi niệm rằng: Ta dùng Thiên nhĩ nghe mười phương chư Phật nói pháp; không khởi niệm rằng: Ta dùng Tha tâm trí biết chúng sanh mười phương tâm nghĩ gì; không khởi niệm rằng: Ta dùng Túc mạng thông biết mười phương chúng sanh đời trước làm gì; không khởi niệm rằng: Ta dùng Thiên nhãn thấy mười phương chúng sanh chết đây sanh kia.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, cũng có thể độ vô lượng vô số chúng

sanh.

LUẬN: Trước tuy nói tên năm thần thông, nay trong đây nói công dụng của nó.

Hỏi: Sao Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta dùng Như ý thần thông bay đến mười phương cúng dường cung kính hằng hà sa chư Phật?

Đáp: Vì đã nhổ gốc ngã kiến, vì đã xô ngã núi kiêu mạn, vì khéo tu ba môn giải thốt, ba tam-muội. Phật thân tuy diệu cũng vào ba môn giải thốt, như thỏi vàng đỏ nóng, tuy thấy sắc đẹp, không thể lấy tay rờ đến.

Lại các pháp như huyễn như hóa, không đến không đi, không gần không xa, không có tướng nhất định, như người huyễn hóa, ai đi ai đến? Không chấp thủ tướng thần thông, quốc độ, kia đây, gần xa, nên không lỗi, hoặc có thể ở trước Phật, trú vào thiền định, biến làm vô lượng thân, đi đến mười phương cúng dường chư Phật, không phân biệt gì, vì đã dứt pháp ái. Các thần thông khác cũng như vậy.

Bồ-tát được năm thần thông ấy, vì cúng dường chư Phật nên biến ra vô lượng thân, hiển bày lực đại thần thông, nơi ba đường ác trong mười phương thế giới, độ vô lượng chúng sanh như trong phẩm vãng sanh nói.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát, như vậy hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, ác ma không thể được thuận tiện, mọi việc thế gian, tùy theo ý muốn, mười phương bằng hà sa chư Phật thảy đều ủng hộ Bồ-tát ấy, khiến không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh cũng đều ủng hộ Bồ-tát ấy, khiến không chướng ngại. Bồ-tát ấy nếu có trọng tội, hiện đời thọ quả báo nhẹ. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát rải khắp lòng từ gia hộ chúng sanh.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Nay tán thán Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như trên được đại công đức, ấy gọi là quả báo về công lực trí tuệ của Bồ-tát, được năm điều lợi ấy.

Hỏi: Ma là chủ cõi Dục, Bồ-tát là người, mắt thịt không được tự tại cớ sao ma không được thuận tiện?

Đáp: Như trong đây Phật tự nói: Vì Bồ-tát được chư Phật, chư thiên ủng hộ.

Lại nữa, hạnh Bồ-tát ấy rốt ráo không thể có được, vì tự tướng không; đối với hết thảy pháp đều không chấp trước, không chấp trước nên không sai trái, không sai trái nên ma không thể được thuận tiện; ví

như thân người không bị thương, tuy nằm giữa bột độc, độc cũng không vào thân, nếu có chỗ bị thương nhỏ thì chết.

Lại Bồ-tát ấy đối với chư Phật tâm không chấp trước, đối với các ma, tâm không giận, thế nên ma không được thuận tiện.

Lại nữa, Bồ-tát thâm nhập Nhẫn Ba-la-mật: Từ tam-muội, nên hết thảy sự dữ bên ngoài, không thể làm tổn thương, đó là nước, lửa, đao binh...

Mọi việc thế gian là các sự thích hợp cần để nuôi sống, như gieo cấy cây quả, đào giếng ở đường trống, dựng lập nhà cửa, đúng như pháp xử lý công việc, đều được như ý. Nếu muốn tạo lập chùa tháp, làm phước đức lớn, hoặc bố thí lớn, hoặc muốn thuyết pháp cứu độ chúng sanh, đều dược như ý. Các việc thế gian như vậy, hoặc lớn hoặc nhỏ, đều được như pháp tùy ý. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đời đời đã nhóm vô lượng phước đức, trí tuệ vậy.

Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với hết thảy pháp tâm không chấp trước, tâm không chấp trước nên kiết sử mỏng. Kiết sử mỏng nên hay sanh thiện căn thâm hậu, thiện căn thâm hậu sanh nên sở nguyện như ý.

Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên các đại thiên đều kính niệm tán thán xưng dương danh hiệu Bồ-tát ấy. Các rồng, quỷ... nghe Chư thiên xưng tán cũng đến giúp thành việc ấy. Thế nên mọi việc thế gian đều được như ý.

Lại nữa, Bồ-tát được chư Phật hộ niệm, oai đức gia bị, đều được như ý.

Hỏi: Chư Phật mười phương tâm bình đẳng cớ sao hộ niệm riêng Bồ-tát ấy.

Đáp: Bồ-tát ấy trí tuệ và công đức lớn, chư Phật tâm tuy bình đẳng, theo pháp nên hộ niệm Bồ-tát ấy, để khuyến tấn các người khác.

Lại vì Bồ-tát ấy được khí phần trí tuệ của Phật, biết phân biệt thiện ác, thường niệm người tốt, không ai hơn Phật, cho nên Phật hộ niệm.

Lại nữa, Phật hộ niệm nhưng muốn để cho rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì khi vào không, vô tướng, vô tác, nhờ Phật hộ niệm mà không đọa lạc, ví như trứng cá, mẹ hộ niệm thì sanh, không hộ niệm thì hoại.

Các đại thiên ủng hộ là không muốn để làm mất sự tu hành, vì Chư thiên bắt chước Phật mà hộ niệm. Có Chư thiên cho Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, hoàn toàn không dính mắc gì, không vui cái vui thế gian, chỉ muốn giáo hóa chúng sanh nên trụ ở đời, biết đó là tôn quý nên hộ

niệm.

Nếu có trọng tội là trọng tội đời trước, đáng vào địa ngục, do hành Bát-nhã Ba-la-mật nên hiện đời thọ quả báo nhẹ, ví như án tù nặng đáng chết, nhờ có thế lực ủng hộ, thì bị đánh đòn mà thôi.

Lại như con vua, tuy bị trọng tội, dùng phạt nhẹ trừ bỏ. Vì sanh trong dòng vua vậy, Bồ-tát cũng như vậy, hành Bát-nhã ba-la mật đắc trí tuệ thật, nên chính trong dòng Phật sanh ra, vì sanh trong dòng Phật nên tuy có trọng tội, làm sao thọ nặng?

Lại nữa, ví như đồ sắt trong ruột trống không, nên vẫn nổi được trên nước, nếu đầy đặc thì bị chìm. Bồ-tát cũng như vậy, hành Bát-nhã Ba-la-mật, tâm trí tuệ rỗng hư, nên không chìm theo trọng tội. người phàm phu không trí tuệ nên chìm mất theo trọng tội.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: lý do được năm công đức là vì rải khắp lòng từ, gia hộ chúng sanh.

Hỏi: Trước nói vì hành Bát-nhã Ba-la-mật nên đầy đủ năm công đức, sao nay nói dùng lòng từ rải khắp gia hộ chúng sanh?

Đáp: Làm phát sanh vô lượng phước, không gì hôn lòng từ, lòng từ nhân Bát-nhã Ba-la-mật sanh, được vô lượng lợi ích.

Lại nữa, ác ma không được thuận tiện; được chư Phật hộ niệm; trọng tội mà hiện đời chịu nhẹ, đều là nhờ lực Bát-nhã Ba-la-mật. Thế gian mọi việc tùy theo ý muốn, chư thiên ủng hộ; ấy là lực của tâm đại từ.

Lại nữa, có hai duyên: 1. Chúng sanh duyên. 2. Pháp duyên. Bồ-tát ấy nếu duyên chúng sanh thì là từ tâm, nếu duyên pháp thì là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Lòng từ ấy từ Bát-nhã Ba-la-mật sanh, tùy thuận pháp Bát-nhã Ba-la-mật, thế nên nói từ, không lỗi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, mau được môn Đà-la-ni, các môn tam-muội, nôi sanh ra thường được gặp chư Phật, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lúc nào lìa sự thấy Phật.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Đà-la-ni, môn tam-muội, trước đã nói.

Mau được là do nhân duyên phước đức nên tâm nhu nhuyễn, do hành Bát-nhã Ba-la-mật nên trí tuệ lanh lợi, vì vậy nên mau được. Như năm công đức nói trên, nên mau được.

Nơi sanh ra thường được gặp chư Phật là Bồ-tát ấy ngoại trừ Bát-nhã Ba-la-mật mẹ chư Phật, hết thảy việc khác đều không ái trước, vì

vậy ở nơi sanh ra thường gặp chư Phật, như người thường ưa đấu tranh, sanh vào địa ngục "Sống lại" còn cầm dao gậy giết hại lẫn nhau; vì dâm dục nhiều, thường chịu sanh trong bào thai, và làm loài chim đa dâm; vì sân nhuế nhiều nên trở lại sanh vào loài rắn rết, thú độc; ngu si nhiều như con thiêu thân bay vào lửa, loài trùng ẩn trong đất... các Bồ-tát ấy, vì ái kính chư Phật và thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, và tu nghiệp Niệm Phật tam-muội, nên nơi sanh ra thường gặp chư Phật.

Lại nữa, như trong chương Bồ-tát nguyện thấy chư Phật trước kia nói: Trọn không lìa sự thấy Phật. Lại có người tuy một lần thấy Phật lại không còn gặp, như thời đức Phật Tỳ-bà-thi, ông Bà-la-môn thầy vua, tuy thấy Phật và Tăng mà ác khẩu mắng nhiếc rằng: "Người này như súc sanh, không phân biệt người tốt, thấy ta mà không đứng dậy". Vì tội ấy nên trải qua chín mươi mốt kiếp đọa vào súc sanh.

Lại nữa, vì niệm Phật sâu, nên trọn không lìa Phật. Vì đời đời khéo tu niệm Phật tam-muội, không mất tâm Bồ-tát, nguyện không lìa Phật, nguyện sanh ở đời có Phật, gieo nghiệp nhân gặp Phật tương tục không dứt nên cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa thấy Phật.

Hỏi: Đây là việc quả báo, cớ sao nói cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng nên gặp Phật, hoặc có khi trong quả nói nhân vậy.

Tương ưng có hai: 1. Tâm tương ưng. 2. Tương ưng Bồ-tát hạnh. Đó là sanh ở chỗ tốt, gặp gỡ chư Phật, thường nghe pháp, ức niệm chân chánh, ấy gọi là tương ưng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không khởi niệm rằng, có pháp cùng với pháp hoặc hợp hoặc chẳng hợp, hoặc bằng hoặc chẳng bằng. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy pháp cùng với pháp khác hoặc hợp hoặc chẳng hợp, hoặc bằng hoặc không bằng.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hết thảy pháp, không có pháp cùng pháp hợp nhau. Vì sao? Vì các pháp không có phần ít hợp, ví như hai ngón tay đều có bốn phương (bốn mặt) một phương hợp, ba phương không hợp, phần không hợp nhiều, cớ sao không gọi là không hợp?

Hỏi: Vì có chỗ hợp nên gọi là hợp, cớ sao nói không hợp?

Đáp: Chỗ hợp chẳng là ngón tay, mà là phần ngón tay, chỉ là phần

ngón tay, không còn là ngón tay, vì hai ngón tay gần nhau nên giả danh là hợp, lại không có pháp hợp thật.

Lại nữa, sắc, hương, vị, xúc, gọi chung là ngón tay; chỉ xúc là có sức hợp, còn sắc, hương, vị không hợp; vì vậy không được nói ngón tay hợp.

Lại nữa, như khác loài cùng ở một chỗ không gọi là hợp, vì tướng khác nhau. Các pháp cũng như vậy, tướng đất ở trong đất, tướng nước ở trong nước, tướng lửa ở trong lửa, tánh khác như vậy không gọi là hợp. Vì vậy nên nói không có pháp cùng pháp hợp; không hợp nên cũng không chẳng hợp.

"Bằng" là hết thảy pháp một tướng nên gọi là bằng. Vì đều là tướng có, đều là tướng vô thường, đều là tướng khổ, tướng không, vô ngã, đều là tướng chẳng sanh chẳng diệt, sự không khác nên gọi là bằng.

"Chẳng bằng" là mỗi mỗi tướng khác nhau, như tướng sắc tướng vô sắc, tướng cứng, tướng ướt, như vậy khác nhau chẳng đồng, ấy gọi là chẳng bằng.

Bồ-tát không thấy bằng cùng chẳng bằng. Vì sao? Vì hết thảy pháp không có, tự tánh không nên không pháp; không pháp nên không thể thấy, không thể thấy nên không bằng chẳng bằng. Bằng và hợp là tập tương ưng, chẳng hợp chẳng bằng là chẳng tương ưng.

Hỏi: Cớ sao không nói tương ưng xong rồi sau tán thán?

Đáp: Người nghe nhàm chán giải đãi, thế nên Phật tán thán công đức quả báo, người nghe tâm được vui vẻ.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khởi niệm rằng: Ta sẽ mau chứng được pháp tánh hoặc không được. Vì sao? Vì pháp tánh chẳng phải tướng chứng được.

Xá-lợi phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Pháp tánh là thật tướng các pháp. Trừ các kiết sử vô minh trong tâm, lấy tâm thanh tịnh thật quán được bản tánh các pháp, gọi là pháp tánh. Tánh gọi là chân thật, vì chúng sanh tà quán nên bị trói, chánh quán nên được mở, Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta mau được pháp tánh. Vì sao? Vì pháp tánh không có tướng, không có gần xa; cũng không nói Ta lâu dài sẽ được. Vì sao? Vì pháp tánh không chậm không lâu.

Nghĩa chữ pháp tánh như đã nói trong chương giải thích nghĩa Như, Pháp tánh, Thật tế trước kia.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã

Ba-la-mật, không thấy có pháp ra ngoài pháp tánh. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Các phiền não vô minh... vào trong hết thảy pháp nên mất tự tánh các pháp, vì tự tánh mất, nên đều thành tà vạy không chính. Thánh nhân từ bỏ vô minh, thật tánh các pháp trở lại sáng tỏ. Ví như mây tối che tánh hư không trong sạch, trừ mây tối thì tánh hư không trong sạch hiện ra. Nếu có pháp vô minh không vào được, ấy là ra ngoài pháp tánh. Nhưng việc ấy không đúng, không có pháp ra khỏi Vô minh, thế nên Bồ-tát không thấy pháp ấy ra khỏi pháp tánh; cũng như các dòng đều chảy về biển, như các tiểu vương tản mác đều thuộc Chuyển luân thánh vương, như các ánh sáng nhỏ đều thuộc mặt trời.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khởi niệm rằng, pháp tánh phân biệt các pháp. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Hỏi: Cớ sao không khởi niệm rằng, pháp tánh phân biệt các pháp?

Đáp: Vì chấp trước pháp tánh, quý pháp tánh, nên sanh ra các kiết sử, cho nên không khởi niệm ấy.

Hỏi: Nếu pháp tánh không, nhất tướng vô tướng, làm sao phân biệt các pháp?

Đáp: Được pháp tánh ấy, diệt các phiền não vô minh, phá chấp thật tướng các pháp, vậy sau tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt, biết các pháp thật, theo pháp tánh là thiện, không theo pháp tánh là bất thiện, như Phạm-chí Bà-ta hỏi Phật: "Thưa Thế Tôn! Trong trời đất có thiện ác, tốt xấu chăng?" Phật đáp: "Có". Bà-ta thưa: "Con đã lâu quy mạng Phật, xin khéo nói cho con nghe".

Phật dạy: "Có ba điều ác, ba điều thiện, mười điều ác, mười điều thiện, đó là tham dục là ác, trừ tham là thiện; sân nhuế, ngu si là ác, trừ sân, si là thiện. Sát sanh là ác, trừ sát sanh là thiện, cho đến tà kiến là ác, trừ tà kiến là thiện. Như thật phân biệt được thiện ác là đệ tử Ta, vào pháp tánh, gọi là đắc đạo".

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khởi niệm rằng, Pháp ấy có thể đắc pháp tánh hoặc không đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không thấy dùng pháp ấy có thể đắc pháp tánh hoặc không đắc.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Làm sao được pháp tánh. Tu hành Tám thánh đạo phần,

chứng được thật tướng các pháp, đó là Niết-bàn, ấy gọi là được pháp tánh.

Lại nữa, tánh là thật tướng các pháp, pháp là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát không khởi niệm rằng: Hành Bát-nhã Ba-la-mật chứng được pháp tánh. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật và các pháp tánh, hai pháp ấy không khác nhau, vì đều là rốt ráo không, làm sao dùng Bát-nhã Ba-la-mật đạt được pháp tánh.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, pháp tánh chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng pháp tánh hợp. Tu tập tương ưng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng.

LUẬN: Bồ-tát không quán pháp tánh là không, không quán không là pháp tánh. Hành Không đắc pháp tánh, duyên pháp tánh đắc Không, vì vậy nên không khác. Vì sao? Vì là hai rốt ráo không.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, nhãn giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng nhãn giới hợp; sắc giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng sắc giới hợp; nhãn thức giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng nhãn thức giới hợp; cho đến ý giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng ý giới hợp, pháp giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng pháp giới hợp; ý thức giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng ý thức giới hợp.

Thế nên, Xá-lợi-phất! Không ấy tương ưng, gọi là đệ nhất tương ưng.

LUẬN: Nhãn giới chẳng cùng Không hợp, Không chẳng cùng nhãn giới hợp là, nhãn là có, không là không. Không và có làm sao hợp?

Lại nữa, Bồ-tát phân biệt các nhân duyên, phân tán diệt mất nhãn ấy, nên nhãn không; không không có tên nhãn (con mắt), chơn gốc (nhân duyên - ND) nên có Nhãn không, Không cũng không phân biệt là Nhãn không, là chẳng phải Nhãn không, ấy là nhãn chẳng cùng Không hợp.

Lại Không chẳng từ nhân duyên của nhãn sanh. Vì sao? Vì hai pháp ấy vốn tự không vậy; cho đến ý thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây cớ sao không nói các pháp năm uẩn mà chỉ nói mười tám giới?

Đáp: Đáng nên nói, hoặc có khi vì sự tụng chép bỏ sót đó thôi.

Lại có người nói: Nếu nói Mười tám giới thì thu nhiếp hết thảy pháp. Có chúng sanh mê đối với tâm và sắc, không mê đối với tâm và pháp, nên nghe nói Mười tám giới thì đắc độ, thế nên chỉ nói Mười tám

giới.

Hỏi: Sao gọi là Tập tương ưng đệ nhất?

Đáp: "Không" là tạng thâm áo của mười phương chư Phật, là cửa Niết-bàn duy nhất, không còn cửa nào khác, phá được các tà kiến hý luận, sự tương ưng ấy không thể hoại, không thể phá, thế nên gọi là đệ nhất.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên đệ nhất đó là:

KINH: Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tập hành Không, chẳng đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, có thể tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Trong các tương ưng, tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật là tối đệ nhất, tối tôn, tối thắng, tối diệu, là không có gì trên. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, đó là không, vô tướng, vô tác, nên biết Bồ-tát ấy như được thọ ký không khác, hoặc gần thọ ký.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ma-tát tương ưng như vậy, có thể làm lợi ích sâu dày cho vô lượng vô số chúng sanh. Bồ-tát ma-ha-tát ấy cũng không khởi niệm rằng: Ta cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng; chư Phật sẽ thọ ký cho Ta; Ta sẽ gần được thọ ký, Ta sẽ làm tịnh Phật độ, Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ Chuyển pháp luân. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy có pháp nào ngoài pháp tánh, cũng không thấy pháp ấy hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy pháp ấy chư Phật thọ ký, cũng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không sanh tướng ngã, tướng chúng sanh, cho đến tướng người biết người thấy. Vì sao? Vì chúng sanh rốt ráo chẳng sanh chẳng diệt, chúng sanh không có sanh, không có diệt. Nếu không có pháp có tướng sanh tướng diệt, làm sao có pháp sẽ hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát không thấy chúng sanh, nên vì chúng sanh hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì chúng sanh không thọ, chúng sanh không, chúng sanh không thể có được, chúng sanh lìa, nên vì chúng sanh hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát ở trong các tương ưng mà tương ưng tối đệ nhất, đó là Không tương ưng, Không tương ưng ấy hơn các tương ưng khác. Bồ-tát ma-ha-tát tu tập Không như vậy, có thể sanh đại từ đại bi. Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ưng ấy, không sanh tâm xan tham, không sanh tâm phạm giới, không sanh tâm sân, không sanh tâm giải đãi, không sanh tâm tán loạn, không sanh tâm vô trí.

LUẬN: Không đọa địa vị Thanh Văn, Bích-chi Phật, là Không tương ưng, có hai: 1. Đản không. 2. Bất khả đắc không.

Chỉ tu hành Không, thì đọa địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Tu hành bất khả đắc không, không cũng không thể có được thì không chỗ nào có thể đọa.

Lại có hai không: 1. Không, không có phương tiện, đọa hai địa Thanh văn, Bích-chi Phật. 2. Không, có phương tiện, thì không đọa mà thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, vốn có bi tâm sâu xa, vào "Không" thì không đọa, không có tâm đại bi thì đọa, nhân duyên như vậy không đọa hai địa.

Thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh là Bồ-tát trú trong Không tương ưng ấy, không còn bị ngại, giáo hóa chúng sanh, khiến tu mười thiện đạo, và các pháp lành. Vì nhân duyên chúng sanh tu thiện pháp nên Phật quốc độ được thanh tịnh. Vì không sát sanh nên mạng sống lâu. Vì không trộm cướp nên Phật quốc độ giàu vui, ưng niệm liền đến. Chúng sanh tu thiện pháp như vậy, thì Phật quốc độ trang nghiêm.

Hỏi: Giáo hóa chúng sanh thì Phật quốc độ tịnh, cớ sao nói riêng?

Đáp: Chúng sanh tuy tu thiện, song cần phải có hạnh nguyện Bồ-tát làm nhân duyên lực phương tiện hồi hướng, nên mới thanh tịnh Phật độ. Như sức bò kéo xe, song phải cần người điều khiển mới được đi đến nơi. Vì vậy nên nói riêng.

Mau được là hành Không tương ưng ấy, không có chướng ngại, thì mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước nói Không tương ưng, nay nói Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, sau nói vô tướng, vô tác tương ưng, có gì sai khác?

Đáp: Có hai không: 1. Bát-nhã không. 2. Phi Bát-nhã không. Trước nói Không tương ưng, người nghe nghi rằng hết thảy không, nên nói Bát-nhã Ba-la-mật không.

Lại có người nghi chỉ có không đệ nhất, còn vô tướng, vô tác chẳng phải đệ nhất. Thế nên nói không, vô tướng, vô tác tương ưng, cũng là đệ nhất. Vì sao? Vì không là vô tướng, nếu vô tướng thì là vô tác, như vậy là một mà tên gọi là khác.

Tối thượng nên nói là tối tôn; phá có nên nói là tối thắng; được tương ưng ấy không còn vui khác nên nói là tối diệu. Như ở giữa hết thảy chúng sanh, Phật là vô thượng; giữa hết thảy pháp, Niết-bàn là vô thượng; giữa hết thảy pháp hữu vi, pháp lành tu tập tương ưng là vô thượng. Các nghĩa khác như nói trong phẩm Tán Bát-nhã.

Hỏi: Nếu hành được Không tương ưng như vậy, bèn nên thọ ký,

cớ sao nói như thọ ký không khác, hoặc gần thọ ký?

Đáp: Bồ-tát ấy mới hành đạo, nhục thân chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa được Ban châu tam-muội, chỉ do lực trí tuệ phân biệt được như vậy, sâu vào không, Phật tán thán công đức vào không kia, cho nên nói như thọ ký không khác.

Có ba hạng Bồ-tát được thọ ký: hạng như thọ ký, hạng gần thọ ký, hạng được thọ ký. Trong phẩm Bất thối chuyển nói hai hạng như trong đây nói.

Hỏi: Như đây nói tương ưng đệ nhất vô thượng, cớ sao không cho thọ ký?

Đáp: Các công đức phương tiện, thiền định khác chưa nhóm, chỉ có trí tuệ, cho nên chưa thọ ký.

Lại nữa, Bồ-tát ấy tuy có trí tuệ lợi căn mà các công đức khác chưa thành thục, nên nghe nói hiện tiền thọ ký hoặc sanh kiêu mạn, cho nên chưa cho thọ ký, lý do tán thán là muốn lấy đó khuyến tấn tâm kia.

Người lợi căn khi hành Không tương ưng ấy, như thọ ký không khác, người độn căn khi hành Không tương ưng ấy, hoặc gần thọ ký.

Khiến chúng sanh thường an ổn được Niết-bàn, ấy gọi là lợi ích. Lại có hai lợi ích: 1. Lìa khổ. 2. Cho vui.

Lại có hai là diệt chúng sanh thân khổ và tâm khổ.

Lại có ba vui là vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn.

Lại có hai là lìa ba cõi, vào ba thừa.

Như vậy Bồ-tát ma-ha-tát lợi ích chúng sanh vô lượng vô số. Nghĩa chúng sanh như trước đã nói.

Người đời có công lao lớn thì sanh tâm kiêu mạn, cầu được thưởng đáp, vì cầu thưởng đáp là bất tịnh. Bồ-tát thì không như vậy, tuy cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, lợi ích vô lượng chúng sanh, mà không ngã tâm, không kiêu mạn, cho nên không cầu báo công, như đất tuy có công lợi vật rất trọng mà không cầu báo đáp. Vì vậy nói Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta cùng Bát-nhã tương ưng, chư Phật sẽ thọ ký, hoặc gần thọ ký, Ta sẽ tịnh Phật độ, được Vô thượng đạo, Chuyển pháp luân. Nghĩa Pháp luân như trước đã nói.

Hỏi: Những pháp gì ra ngoài pháp tánh?

Đáp: Trong đây Phật dạy, hành Bát-nhã Ba-la-mật mà người hành Bát-nhã Ba-la-mật tức là Bồ-tát. Người biết, người thấy tức là chúng sanh. Trong pháp tánh chúng sanh biến làm pháp tánh. Vì vậy Bồ-tát tự không sanh tâm cao mạn, không theo chúng sanh cầu đáp ân phần, không thấy chư Phật thọ ký cho. Như Bồ-tát không, Phật cũng như vậy.

Như hành giả không, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không. Vì sao? Vì Phật tự nói: Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không sanh tướng chúng sanh, cho đến tướng người biết, người thấy. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật còn không sanh tướng pháp, huống gì tướng chúng sanh. Vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: chúng sanh ấy rốt ráo không sanh, không sanh nên không diệt. Nếu pháp không sanh không diệt tức là pháp tánh; pháp tánh tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

Sao Bát-nhã Ba-la-mật lại hành Bát-nhã Ba-la-mật? Bồ-tát không chấp thủ chúng sanh, không chấp thủ thần ngã, chỉ có hư vọng chấp ngã.

Chúng sanh không là vì pháp chúng sanh không có gì.

Chúng sanh không thể có được là vì thật trí tìm cầu không thể có được.

Chúng sanh lìa là hết thảy pháp tự tướng xa lìa. Hết thảy pháp lìa tự tướng là như lửa lìa tướng nóng... như nói rộng trong chương nói về tướng không.

Đệ nhất tương ưng hơn các tương ưng khác, như trên đã nói.

Bồ-tát hành chúng sanh không, pháp không ấy, sâu vào "Không" tương ưng, nhớ bổn nguyện độ sanh, thấy chúng sanh cuồng hoặc điên đảo, ở trong Không sanh các chấp trước, liền sanh tâm đại bi rằng: Ta tuy biết việc ấy (việc không) mà người khác không biết, vì giáo hóa nên sanh tâm đại từ đại bi, cũng thường chẳng sanh tâm phá sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì sơ tâm Bồ-tát hành sáu Ba la-mật, vì sáu ác lẫn lộn nên sáu Ba-la-mật không tăng trưởng, vì không tăng trưởng nên không mau đắc đạo. Nay biết tướng các pháp, nhổ gốc sáu pháp ác ấy. Vì sao? Vì Bồ-tát biết bố thí là thiện, tâm xan lẫn là bất thiện, hay đọa trong ngạ quỉ nghèo cùng. Biết tâm xan tham như vậy, tự tiết thân mình, đắm vui thế gian nên trở lại sanh tâm xan tham. Bồ-tát có thể thí vật nhẹ, không thể thí vật quý trọng, thí vật ngoài, không thể thí vật trong, vì chấp trước ta, chấp trước người thọ nhận, thủ tướng chấp trước tài vật nên phá Đàn Ba-la-mật, tuy có bố thí mà không thanh tịnh.

Bồ-tát ấy hành Không tương ưng, nên không thấy ngã, cũng không thấy cái vui thế gian, làm sao còn sanh chấp trước mà phá Đàn Ba-la-mật?

Hỏi: Nếu không thấy ngã, không thấy cái vui thế gian nên không phá, thì cũng nên không thấy bố thí, làm sao hành bố thí?

Đáp: Bồ-tát ấy tuy không thấy bố thí, lấy Không tâm thanh tịnh bố thí, khởi niệm rằng: Bố thí này là không, không có gì, vì chúng sanh cần

nên thí cho. Như trẻ con lấy đất làm vàng bạc, người lớn không thấy đó là vàng bạc, bèn theo ý cho nó, mà trọn không có cho gì hết. Năm Ba-la-mật khác cũng như vậy. Vì vậy tuy đồng là Không mà phá xan tham, không phá bố thí.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong "Không" tương ưng ấy, có thể thường không sanh sáu ác tâm.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 38

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN: VÃNG SANH

Phần 1

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu tập tương ưng như vậy, từ chỗ nào chết rồi sanh đến đây, từ đây chết sẽ sanh cõi nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Những Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu tập tương ưng như vậy, hoặc từ nước Phật ở phương khác sanh đến đây, hoặc từ cung trời Đâu-suất sanh đến đây, hoặc từ trong cõi người sanh trở lại đây.

Xá-lợi-phất! Những Bồ-tát từ nước Phật ở phương khác sanh đến đây, mau cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, nên khi xả thân ở đây, các pháp thâm diệu đều hiện trước mắt, sau trở lại cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, ở chỗ sanh ra thường gặp chư Phật.

Xá-lợi-phất! Có vị Bồ-tát một đời bổ xứ ở trên trời Đâu-suất khi mệnh chung, sanh đến trong đây, vị Bồ-tát ấy không mất sáu Ba-la-mật, tùy sanh nơi nào, hết thảy môn Đà-la-ni, các môn tam-muội, mau hiện trước mặt.

Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát mệnh chung ở trong cõi người, trở lại sanh trong cõi người; trừ vị Bồ-tát bất thối chuyển, Bồ-tát ấy căn độn, không thể mau cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, các môn Đà-la-ni, môn tam-muội không thể mau hiện trước mắt.

LUẬN: Hỏi: Trong Bát-nhã Ba-la-mật, chúng sanh rốt ráo không thể có được, như phẩm trên nói: "Xá-lợi-phất! Biết hết thảy chúng sanh không thể có được, các tên gọi sai khác về chúng sanh là thọ giả, mạng giả, cho đến tri giả, kiến giả... đều không, không thật, cớ sao trong đây hỏi từ đâu sanh đến, chết đi về đâu?" Tên gọi khác của chúng sanh tức là Bồ-tát, chúng sanh không thì Bồ-tát cũng không. Lại trong kinh này nói: "Bồ-tát chỉ có tên gọi, không có thật pháp", sao nay Xá-lợi-phất lại hỏi câu ấy?

Đáp: Trong Phật pháp có hai đế: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Vì

thế đế nên nói có chúng sanh, vì đệ nhất nghĩa đế nên nói chúng sanh không thể có được.

Lại có hai hạng là có người biết tướng tên gọi, có người không biết tướng tên gọi, ví như mật hiệu trong quân lính, có người biết, có người không biết.

Lại có hai hạng là có người mới tập hành, có người tập hành lâu; có người chấp trước, có người không chấp trước; có người biết ý người khác, có người không biết ý người khác (tuy có ngôn từ, biết gởi vào ngôn từ để tuyên lý -ND). Vì người không biết tên gọi, mới tập hành, người chấp trước, người không biết ý người khác, nên nói không chúng sanh; vì người biết tướng tên gọi, người tập hành lâu, không chấp trước, người biết ý người khác, nên nói có chúng sanh.

Xá-lợi-phất dùng mắt Trời, thấy rõ sáu đường chúng sanh sống chết lành dữ, không có nghi ngờ, chỉ không biết các Bồ-tát từ vô lượng vô số thế giới từ phương khác sanh đến, nên mới hỏi có các đại Bồ-tát ở đây mệnh chung, có sanh đến vô lượng vô số cõi Phật ở phương khác chăng, Thiên nhãn Xá-lợi-phất không thấy được điều đó cho nên hỏi.

Lại nữa, có người Thanh văn, thấy Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật ở lâu trong sanh tử, lậu hoặc chưa hết, nhóm đủ thứ trí tuệ về kinh sách trong ngoài, mà chẳng chứng thật tế, chưa khỏi sanh già bệnh chết, thương mà khinh, nói rằng: Hạng này mệnh chung, vì ba độc chưa hết, sẽ đọa chỗ nào? Như Phật dạy, hạng người phàm phu thường mở cửa ba đường ác, làm khách đối với ba đường thiện, làm chủ nhà đối với ba đường ác. Sức ba độc mạnh, chất chứa tội nghiệp từ vô lượng kiếp, nên không thủ chứng Niết-bàn, sắp chịu đủ thứ khổ, rất đáng thương xót!

Hạng tiểu thừa thương xót khinh chê Bồ-tát như vậy.

Xá-lợi-phất là vị tướng đại pháp đệ nhất giữa tất cả Thanh văn, biết có việc như thế, nhưng muốn khiến chúng sanh khởi tâm cung kỉnh đối với Bồ-tát, cho nên hỏi.

Phật lấy ba việc đáp: 1. Từ cõi Phật ở phương khác sanh đến. 2. Từ trên trời Đâu-suất sanh đến. 3. Từ trong cõi người sanh đến.

Hỏi: Như từ cõi Phật ở phương khác sanh đến, vì ở xa nên Xá-lợi-phất không biết, còn ở trên Trời Đâu-suất, trong cõi người đến, làm sao không biết (mà còn hỏi)?

Đáp: Xá-lợi-phất không biết từ cõi Phật ở phương khác đến nên hỏi, song Phật vì chỗ cần nên phân biệt, nên đáp từ ba nơi sanh đến.

Hỏi: Thế gian có sáu đường, cớ sao trong đường Trời phân biệt nói từ trời Đâu-suất đến, còn trong đường người không phân biệt nơi chốn.

Nói từ cõi Phật ở phương khác đến cũng không phân biệt đó là đường Trời, hay đường người?

Đáp: Trong sáu đường, ba đường ác vì nhân duyên thọ khổ, tâm trí độn, không thể đắc đạo nên không nói.

Hỏi: Từ trong ba đường ác sanh đến cũng có người đắc đạo như Tỳ-kheo Ngưu Túc, đệ tử Xá-lợi-phất, năm trăm đời sanh trong loài trâu, đời cuối cùng được làm thân người, chân còn giống trâu mà chứng được đạo quả A-la-hán. Lại có Tỳ-kheo Ma-thâu-bà-thi-tha, năm trăm đời sanh trong loài khỉ, đời cuối cùng được làm thân người, chứng A-la-hán đủ ba minh sáu thần thông, vẫn còn ưa nhảy nhót, vì tập khí còn sót lại. Hạng như vậy đều đắc đạo, cớ sao nói không thể?

Đáp: Tuy có người đắc đạo, ít quá không đủ nói. Lại hạng người này, đời trước gieo sâu thiện căn Niết-bàn, vì sai lầm chút ít phải đọa đường ác, trả hết tội, thiện căn Niết-bàn thành thục, nên đắc thành đạo quả. Trong đây không nói đắc đạo quả Thanh văn, vì thân trước thân sau thứ lớp chỉ vì chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ví như từ tâm nhô cấu khởi lên, không thể thứ lớp vào vô lậu, mà trung gian phải có tâm thiện hữu lậu (mới được vào vô lậu - ND) vì tâm vô lậu quý, cho nên nói từ ba đường ác đi ra, không thể đắc đạo thứ lớp được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trời, người, A-tu-la thì không như vậy (không như ba đường ác - N D).

Ba cõi Trời dưới là Tứ thiên vương, Đao-lợi, Tu-dạ-ma, kiết sử mãnh lợi mà sâu; hai cõi trên là Tự-tại. Tha-hóa-tự-tại, kiết sử sâu mà không mãnh lợi; trời Đâu-suất, kiết sử không sâu không mãnh lợi. Vì sao? Vì thường có Bồ-tát thuyết pháp, thế nên không nói trời khác mà nói trời Đâu-suất, hoặc có mà vì ít nên không nói.

Các Trời ở cõi Sắc, ai đắc đạo rồi thì không còn sanh xuống cõi này, ai chưa đắc đạo thì vui đắm thiền vị nên không sanh xuống. Vì đắm thiền vị, trí tuệ cũng trì độn, nên không nói. A-tu-la đồng với hai Trời Tứ thiên vương, Đao-lợi nên không nói.

Từ cõi Phật ở phương khác sanh đến: Từ trước chư Phật sanh đến trong đây, các căn mãnh lợi. Vì sao? Vì đã trừ tội chướng trong vô lượng vô số kiếp. Lại gặp được chư Phật tùy tâm dạy bảo, như mài dao gặp đá tốt thì sắt bén. Lại thường nghe tụng, chánh ức niệm Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên mãnh lợi. Các nhân duyên như vậy thì tâm Bồ-tát mãnh lợi.

Từ cõi người đến: Ở đây đệ tử Phật nghe Bát-nhã Ba-la-mật, nhóm các công đức, khi đã xả thân, trở lại sanh ở đây. Ở quốc độ khác, tuy không có Phật, nhưng được gặp Phật pháp, nghe thọ trì, đọc tụng, chánh

ức niệm, tùy sức nhiều ít, tu phước đức trí tuệ, người này các căn tuy độn mà đủ sức thọ Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ vì không thấy Phật hiện tại nên tâm độn.

Từ nước Phật ở phương khác đến căn mãnh lợi nên tu hành Bát-nhã Ba-la-mật mau được tương ưng. Vì tương ưng nên thường gặp Phật. Nhân duyên gặp Phật, như trước đã nói.

Hỏi: Trên trời Đâu-suất; sao chỉ nói Bồ-tát một đời bổ xứ, không nói hai đời ba đời?

Đáp: Chỗ thân người ở đầy tội kiết phiền não, chỉ đại Bồ-tát ở đó không bị nhiễm lụy, như ngỗng vào nước, nước không làm ướt. Bồ-tát như vậy, các pháp thế gian không làm nhiễm trước. Vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: vì không mất sáu Ba-la-mật, các môn Đà-la-ni, các môn tam-muội, mau hiện trước mắt, nên Bồ-tát ấy ở thế giới đó có thể lợi ích chúng sanh, các Bồ-tát khác, phân bố mười phương, ví như người đại trí tuệ đã ở một chỗ, thì các người trí tuệ khác đi đến chỗ khác, thế nên không nói.

Lại nữa, có người nói chỉ nói Bồ-tát lớn, không giới hạn nhỏ. Lại nữa, từ trong các cõi trời khác đến, sẽ nói rộng ở chỗ khác.

Chết trong cõi người lại sanh trong cõi người thì không như hai chỗ trên, vì thân người đại địa nhiều nên thân nặng tâm độn, vì tâm tâm số pháp theo thân thành mạnh yếu, lại do các nghiệp kiết sử sanh, còn từ hai chỗ kia sanh đến là pháp thân Bồ-tát, biến thân vô lượng để độ chúng sanh, nên sanh đến trong cõi này. Từ trong cõi người đến, đều là thân xác thịt.

Hỏi: Bồ-tát bất thối chuyển, không do kiết nghiệp thọ thân, cớ sao nói ở trong cõi người?

Đáp: Vì sanh đến cõi này mới được bất thối chuyển, chừa bỏ thân xác thịt; vì độn căn nên các môn Đà-la-ni, tam-muội không mau hiện trước mắt. Vì không mau hiện trước mắt nên không cùng Bát-nhã tương ưng.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Ông hỏi Bồ-tát ma-ha-tát cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, mệnh chung ở đây sẽ sanh đến chỗ nào?

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát ấy từ một nước Phật sanh đến một nước Phật, thường gặp chư Phật, trọn không lìa Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát không dùng phương tiện vào Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, cũng hành sáu Ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát ấy được thiền nên sanh cõi Trời sống lâu, khi ở nơi đó mệnh chung, sanh đến cõi này, được làm thân người, gặp Phật, Bồ-tát ấy các

căn không mãnh lợi.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát vào Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, cũng hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì không dùng phương tiện nên khi bỏ thiền thì sẽ sanh vào cõi Dục, Bồ-tát ấy các căn cũng độn.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát vào Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, nhập từ tâm cho đến xả tâm, vào Hư không xứ cho đến Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ, tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám thánh đạo phần, hành Mười lực cho đến đại từ đại bi, Bồ-tát ấy dùng lực phương tiện, không tùy thiền sanh, không tùy tâm vô lượng sanh, không tùy bốn vô sắc định sanh, mà sanh ở chỗ có Phật. Thường không rời hạnh Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát như vậy, trong hiền kiếp sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Xá-lợi-phất hỏi đời trước đời sau, cớ sao trong đời trước Phật đáp ba cách, trong đời sau thì rộng phân biệt?

Đáp: Người phàm vì mắt thịt không thấy quá khứ vị lai, nên sanh tà nghi; tuy nghi hai đời, mà đời vị lai sẽ chịu cho nên rộng phân biệt. Ví như lửa đã tắt, không còn cầu cứu, chỉ dùng nhiều phương tiện phòng ngừa lửa vị lai. Lại như trị bệnh, bệnh đã dứt không còn trị nữa, chỉ trị bệnh sắp phát sanh.

Lại nữa, Phật biện tài vô lượng tùy ý, nên Xá-lợi-phất hỏi ít mà Phật giải nói nhiều. Như hỏi một việc cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng mà Phật phân biệt nhiều cách, ví như người nghèo đi theo người giàu ưa bố thí để xin, xin tuy ít mà cho rất nhiều, Phật cũng như vậy, giàu có đầy đủ vô lượng Phật pháp vô lậu, do tâm đại từ bi ưa làm bố thí, nhân Xá-lợi-phất hỏi ít. Phật vì đại chúng phân biệt nói nhiều.

Lại nữa, trong Bát-nhã Ba-la-mật, các nhân duyên, thí dụ, phần nhiều để nói về Không pháp. Có người mới phát tâm chấp thủ tướng không, đắm tướng không ấy, nên đối với nghiệp nhân duyên sanh tử, sanh nghi: nếu hết thảy pháp rốt ráo không, không đến không đi, không ra không vào, cớ sao chết rồi mà còn có sanh? Pháp hiện tại mắt thấy còn không thể có, huống gì sau khi chết sanh đến chỗ khác, mắt không thấy được mà lại có?

Vì dứt các tâm tà nghi điên đảo như vậy, nên Phật dạy rộng các nhân duyên có sanh có tử.

Hỏi: Không có nhân duyên chết sống. Vì sao? Vì người chết rồi tiêu diệt. Có ba cách diệt: 1. Lửa đốt thành tro. 2. Trùng ăn thành phân. 3. Cuối cùng thành đất. Nay chỉ thấy diệt mất, không thấy còn có ai đi ra thọ thân sau? Vì không thấy nên biết là không?

Đáp: Nếu ông cho thân diệt liền không, vậy làm sao có chúng sanh đời trước huân tập lo mừng, sợ hãi... như trẻ con khi mới sanh ra hoặc khóc hoặc cười; vì trước có huân tập lo mừng, nên nay không ai dạy mà lo mừng tiếp tục phát sanh. Lại như trâu nghé mới sanh ra đã tìm tới vú sữa; loài heo dê sanh ra chưa bao lâu đã biết việc phối hợp đực cái. Con cùng một cha một mẹ mà đẹp, xấu, nghèo, giàu, thông minh, đần độn không giống nhau. Nếu không có nhân duyên đời trước, thì không nên có sai khác như vậy.

Các nhân duyên như vậy, biết có đời sau.

Lại trước kia ông nói không thấy có kẻ đi riêng? Trong thân người chẳng phải riêng con mắt thấy được mà cả sáu căn đều biết. Có pháp nghe được, có pháp ngửi được, có pháp nếm được, có pháp chạm được, có pháp biết được. Pháp nghe được còn không thể thấy, huống gì có thể biết. Pháp "có sanh có tử", cũng có thể thấy, cũng có thể biết. Ông mắt thịt nên không thấy, người có mắt trời. thấy rõ ràng. Như thấy người từ một phòng đi ra lại vào một phòng, bỏ thân này đến thân sau cũng như vậy. Nếu mắt thịt thấy được cần gì cầu mắt trời? Nếu như vậy mắt trời, mắt thịt, thánh, phàm không khác nhau. Ông dùng cái thấy đồng nhau từ nhiều đời súc tích, làm sao có thể thấy đời sau?

Có thể biết được là như người chết rồi sanh, tuy không có đến có đi, nhưng vì phiền não chưa hết, nên tình ý tương tục nôi thân, lại sanh tình ý nơi thân khác, tình ý nơi thân khác lại tạo nghiệp, cũng chẳng đi đến đời sau, nhưng do nhân duyên tạo nghiệp ấy lại sanh ra, chịu quả báo đời sau, ví như sữa có độc, sữa biến thành kem, kem biến thành phô-mát, sữa chẳng phải kem, phô-mát; kem, phô-mát chẳng phải sữa. Sữa và kem tuy biến khác mà đều có độc. Thân này cũng như vậy năm uẩn đời nay làm nhân duyên lại sanh hạnh nghiệp cho năm uẩn đời sau, tương tục không khác mà chịu quả báo.

Lại như cây mùa đông, tuy chưa có hoa lá quả trái, được thời tiết thì thứ lớp sanh ra. Do các nhân duyên như vậy nên biết có sanh tử.

Lại nữa, hiện đời có người biết kiếp trước, như người mộng thấy đi, nằm ngủ rất mệt, thức dậy nhớ lại lý do việc đã trải qua.

Lại tất cả kinh sách trong ngoài của Thánh nhân đều nói đến đời sau.

Lại nữa, pháp bất thiện hiện tại, động phát quá nặng, sanh sân nhuế, tật đố, nghi ngờ hối hận bức não bên trong, thân thì khô héo, nhan sắc không vui. Pháp ác bất thiện, thọ hại như vậy, huống gì khởi thân nghiệp khẩu nghiệp? Nếu sanh pháp thiện, tịnh tín nghiệp nhân

duyên, tâm thanh tịnh, được trí tuệ như thật, thì tâm vui vẻ, thân được nhẹ nhàng, nhan sắc hòa vui.

Vì có nhân duyên khổ vui nên có thiện bất thiện, hiện đời nhất định có thiện bất thiện, nên biết chắc chắn có đời sau. Chỉ vì chúng sanh mắt thịt không thấy, trí tuệ mỏng nên sanh tà nghi, nên tuy có tu phước sư, mà làm việc nông cạn, ví như thầy thuốc vì chữa bệnh cho vua, vua ngầm cho làm nhà trả ân mà thầy thuốc không biết, khi đi về trông thấy, mới hối hận sao không gia tâm tận lực chữa trị cho vua.

Lại nữa, Thánh nhân nói vì việc đời hiện tại thật đáng tin, nên việc đời sau cũng đều đáng tin, như người đi đêm qua đường hiểm, đạo sư đưa tay dắt, biết đó đáng tin nên liền đi theo. Lấy trí so sánh và theo lời thánh nhân có thể biết nhất định có đời sau. Ông vì mắt thịt trọng tội, trí so sánh kém nông cạn, lại không có mắt trời. Tự đã không có trí, lại không tin lời thánh, làm sao biết được đời sau.

Lại nữa, trong Phật pháp thì các pháp rốt ráo không, mà cũng chẳng đoạn diệt; sanh tử tuy tiếp nối, cũng không hẳn là thường; nghiệp nhân duyên trong vô lượng vô số kiếp tuy đã qua đi mà cũng phát sanh quả báo, không diệt, đó là điều vi diệu khó biết. Nếu các pháp hoàn toàn không, thì trong phẩm này chẳng nên nói có sự sanh qua đời khác. Đâu có người trí, lại nói trước sau trái nhau.

Nếu tướng chết sống thật có, cớ sao nói các pháp rốt ráo không? Chỉ vì trừ tà kiến điên đảo ưa đắm đối với các pháp, nên nói rốt ráo không, chứ không phải vì phủ nhận đời sau mà nói. Ông không có mắt trời nên nghi đời sau, muốn tự vùi lấp vào trong tội ác. Vì ngăn ngừa nhân duyên tội nghiệp ấy, nên nói các việc sanh qua đời khác.

Phật pháp không chấp có, không chấp không, không chấp cũng có cũng không, không chấp chẳng phải có chẳng phải không, không chấp cũng không chấp, người như vậy thì không thể nạn hỏi, ví như lấy đao chặt hư không, trọn không bị thương. Vì chúng sanh nên tùy duyên thuyết pháp, tự mình không chấp trước. Vì vậy trong Trung luận nói:

Hết thảy các pháp thật,
Hết thảy pháp hư vọng,
Các pháp thật cũng hư,
Phi thật cũng phi hư
Niết-bàn tế là chân.
Thế gian tế cũng chân.
Niết-bàn đời không khác.
Chút khác chẳng thể được.

Ấy là tướng rốt ráo không. Rốt ráo không không ngăn ngại nghiệp nhân duyên sanh tử, thế nên nói sanh qua đời khác.

Hỏi: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật nhất tướng, đó là vô tướng, thì làm sao cùng Bát-nhã tương ưng; từ một nước Phật sanh đến một nước Phật, thường gặp chư Phật?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật thu nhiếp hết thảy pháp, ví như biển lớn, vì vậy không nên nạn hỏi.

Lại nữa, ông tự nói Bát-nhã ba-la mật nhất tướng vô tướng. Nếu vô tướng làm sao có nạn hỏi? Ông thì trong vô tướng chấp thủ tướng; như vậy là không đúng.

Lại nữa, nhân Bát-nhã Ba-la-mật nên thật hành các thiện pháp, như Niệm Phật tam-muội... sanh ra được gặp chư Phật.

Lại nữa, người thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào sâu tâm đại bi, như cha lành thấy con vì không được của mà chết, cha rất thương đứa con ấy chỉ vì hư dối mà chết. Chư Phật cũng như vậy, biết các pháp là rốt ráo không, không thể có được, nhưng chúng sanh không biết, vì chúng sanh không biết nên nhiễm đắm nôi pháp không, do nhiễm đắm nên đọa đại địa ngục, thế nên sâu vào tâm đại bi, do tâm đại bi nên được vô lượng phước đức, do được vô lượng phước đức nên sanh ra được gặp chư Phật, từ một nước Phật sanh đến một nước Phật.

Bồ-tát ấy chết ở đây sanh ở kia, chết ở kia lại sanh ở đây, như vậy cho đến được thành Phật, trọn không rời Phật, ví như người đại phước, từ một hội lớn đi đến một hội lớn. Hoặc có người chết ở đây sanh ở kia, ở nơi kia dùng lực năm thần thông từ một nước Phật đi đến một nước Phật, cúng dường chư Phật, độ thốt chúng sanh; ấy là vị Bồ-tát đầu.

Nước Phật: Hằng hà sa ba ngàn đại thiên thế giới trong mười phương ấy gọi là Phật độ. Thần lực chư Phật tuy biến khắp tự tại vô ngại, nhưng chúng sanh được độ có hạn cuộc.

Chư Phật hiện tại: Phật hiện tại ở Phật quốc độ kia.

Bồ-tát thứ hai không phương tiện vào Sơ thiền cho đến hành sáu Ba-la-mật. Không phương tiện là khi vào Sô thiền không nhớ chúng sanh, khi trú thiền, khi ra khỏi thiền cũng không nhớ chúng sanh, chỉ đắm thiền vị, không thể cùng Sơ thiền hòa hợp thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát ấy tâm từ bi mỏng, cho nên công đức mỏng ít, công đức mỏng ít nên bị quả báo Sơ thiền lôi kéo sanh vào cõi Trời sống lâu.

Lại nữa, không đem phước đức Sơ thiền cùng với chúng sanh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy có vô lượng nghĩa về chữ không phương tiện.

Trời sống lâu là Trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ; sống tám vạn đại kiếp.

Hoặc có người nói hết thảy định Vô sắc đều chung tên là Trời sống lâu. Vì vô hình không thể biến hóa, không thể đắc đạo, thường là chỗ phàm phu.

Hoặc nói Trời Vô tưởng là Trời sống lâu, cũng không thể đắc đạo.

Hoặc nói từ Sô thiền đến Tứ thiền, trừ Trời Tịnh cư, đều gọi là Trời sống lâu, vì đắm say tà kiến, không thể lãnh thọ đạo pháp.

Trở lại sanh vào cõi người được gặp Phật, vì do trước có phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hoặc do ở nơi thiền nhóm các công đức. Vì sao? Vì đắm say trong thiền, nên thiện tâm khó phát, như trong Kinh, Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đất trên đầu móng tay nhiều hay đất giữa đại địa nhiều?" Các Tỳ-kheo thưa: "Đất giữa đại địa rất nhiều không thể ví dụ được". Phật dạy: "Ở trên Trời mệnh chung, kẻ sanh trở lại cõi người như đất trên đầu móng tay, còn kẻ đọa địa ngục như đất giữa đại địa".

Hỏi: Độn căn là căn nào trong hai mươi hai căn?

Đáp: Có người nói tuệ căn hay quán các pháp, song vì đắm trước thiền vị nên trì độn.

Có người nói năm căn tín... đều giúp thành đạo pháp, song vì chịu báo đắm trước thiền vị nên độn.

Có người nói Bồ-tát do phước đức trí tuệ thanh tịnh nên mười tám căn đều lanh lợi, do tội nghiệp nên trì độn. Sáu căn mắt... như trong kinh pháp Hoa nói, mạng căn không bị già, bệnh, nghèo cùng bức não, an ổn thọ lạc, ấy là mạng căn lanh lợi. Năm căn lạc, khổ... giác tri rõ ràng cho nên nói là lanh lợi.

Lại nữa, khi thọ vui, biết có các lỗi vô thường theo đuổi cái vui, mà không sanh tham dục, nên lanh lợi. Các thọ khổ, ưu cũng như vậy.

Tín căn kiên cố sâu bền, tin được việc khó, nên nói là lanh lợi. Các tấn... cũng như vậy. Năm căn thanh tịnh được tướng âm tàng, không đắm trước xúc chạm, trơn mịn, biết dục là tội lỗi, ấy là lợi căn.

Lại nữa, ba thiện căn lợi nên gọi là lợi. Bồ-tát có khi đối với ba vô lậu căn không chứng thật tế nên lợi, trái với lợi là độn căn.

Hỏi: Bồ-tát thứ ba nếu có thể xả thiền, tại sao nói không phương tiện?

Đáp: Bồ-tát ấy lúc mệnh chung vào tâm bất thiện, xả các phương tiện thiền định. Bồ-tát nếu vào thiện tâm hệ thuộc cõi Dục. Hoặc tâm

vô ký mà xả các thiền vào tâm từ bi; thương xót chúng sanh, khởi niệm rằng: Ta nếu ta sanh theo thiền định, thì không thể rộng lợi ích chúng sanh.

Sanh đến cõi Dục có mười chỗ là người ở bốn châu thiên hạ và sáu trời cõi Dục, ba ác đạo, Bồ-tát không sanh ở đó.

Căn độn là như nói ở Bồ-tát thứ hai. Bồ-tát thứ tư nhập vị được Bồ-tát đạo, tu Ba mươi bảy phẩm, trú Mười tám không, cho đến đại từ đại bi, ấy gọi là phương tiện.

Hai Bồ-tát đầu chỉ có thiền định, tu hành thẳng sáu Ba-la-mật, vì vậy nên không phương tiện.

Bồ-tát thứ tư do sức phương tiện nên không sanh theo thiền định, vô lượng tâm. Vì sao? Vì thực hành bốn niệm xứ cho đến đại từ đại bi, nên khi mệnh chung, thương xót chúng sanh, nguyện sanh đến nước Phật hiện tại ở phương khác để tiếp tục cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng. Vì sao? Vì ưa vui tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Ấy là Bồ-tát nào?

Đáp: Phật tự nói Bồ-tát trong kiếp Bạt-đà, hoặc Bồ-tát chẳng phải trong kiếp Bạt-đà, đây chỉ lấy vị Bồ-tát lớn.

Hỏi: Sao gọi Bạt-đà, sao gọi kiếp?

Đáp: Như Kinh nói, có một Tỳ-kheo hỏi Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Bao nhiêu gọi là kiếp?" Phật bảo Tỳ-kheo: "Tuy Ta nói được nhưng ông không biết được. Ta sẽ ví dụ cho ông hiểu. Như có một thành vuông vức trăm do tuần chứa đầy hạt cải, có người sống lâu cứ qua trăm năm, lấy đi một hạt cải, hạt cải sạch hết, mà kiếp vẫn không hết. Lại như hòn đá vuông vức trăm do tuần, có người cứ trăm năm, cầm chiếc áo lụa Ca-thi nhẹ mền đến quét qua một lần, đá mòn hết, kiếp số vẫn không hết. Thời gian tối thiểu là một niệm trong mười sáu niệm (một sát-na có mười sáu niệm - N D) thời gian tối đại gọi là kiếp.

Kiếp có hai: 1. Đại kiếp. 2. Tiểu kiếp. Đại kiếp như trên ví dụ.

Lúc kiếp sắp hết, chúng sanh tự nhiên tâm ưa xa lìa. Vì ưa xa lìa nên trừ được năm triền cái, vào Sô thiền, người ấy lìa dục sanh hỷ lạc. Từ đó khởi đầu cất tiếng xướng lớn rằng: "Này các chúng sanh! Rất đáng ghét là năm dục, an ổn đệ nhất là Sô thiền". Chúng sanh nghe tiếng xướng ấy rồi, tất cả chúng sanh tâm đều tự nhiên xa lìa năm dục mà vào Sô thiền. Tự nhiên diệt giác quán mà vào đệ Nhị thiền; cũng xướng lên như vậy. Hoặc lìa Nhị thiền mà vào đệ Tam thiền cũng như vậy. Chúng sanh trong ba đường ác tự nhiên được thiện tâm, mệnh chung đều sanh vào cõi người, nếu trọng tội thì sanh vào địa ngục ở tha phương, như

trong phẩm Nê-lê nói.

Khi ấy trong ba ngàn đại thiên thế giới không một chúng sanh nào còn. Bấy giờ hai mặt trời xuất hiện cho đến bảy mặt trời xuất hiện, quả đất ba ngàn đại thiên thế giới đều cháy tiêu hết. Như trong chương Mười tám không đã nói rõ tướng trạng của kiếp sanh kiếp diệt.

Lại có người nói, trong bốn đại, ba đại có động tác nên có ba loại kiếp: hoặc kiếp lửa (thời gian lửa cháy) nổi lên đốt cháy ba ngàn đại thiên thế giới cho đến Sơ thiền bốn trú xứ; hoặc khi kiếp nước nổi lên, trôi sạch ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Nhị thiền tám trú xứ, hoặc khi kiếp gió nổi lên thổi sạch ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Tam thiền, mười hai trú xứ, ấy gọi là đại kiếp.

Tiểu kiếp cũng có ba loại: ba đại bên ngoài phát sanh thì thế giới diệt, ba độc bên trong phát sanh thì chúng sanh diệt, đó là đói khát, đao binh, tật dịch.

Lại có người nói: Số thời tiết năm tháng gọi là tiểu kiếp, như trong kinh Pháp Hoa nói: Lúc Xá-lợi-phất làm Phật, chánh pháp trụ hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp trụ hai mươi tiểu kiếp. Phật từ tam-muội khởi dậy nói kinh Pháp Hoa trong sáu mươi tiểu kiếp. Các tiểu kiếp hợp lại gọi là đại kiếp.

Kiếp-ba (Kalpa) Trung Hoa dịch là phân biệt thời tiết, Bạt-đà dịch là Thiện, có ngàn vạn kiếp quá khứ trống không không có Phật. Trong một kiếp ấy sẽ có ngàn Phật ra đời, các trời Tịnh cư hoan hỷ, nên gọi kiếp ấy là thiện kiếp.

Trời Tịnh cư sao biết kiếp ấy sẽ có ngàn Phật? Kiếp trước hết rồi, rỗng không hoàn toàn, sau đó có nước lớn, từ đáy nước vọt lên hoa sen bảy báu sáng suốt ngàn cánh, ấy là đến tướng ngàn Phật. Các trời Tịnh cư nhân đó biết có ngàn Phật.

Vì vậy nói Bồ-tát ấy trong kiếp này được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát vào Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, vào Từ tâm cho đến Xả tâm, vào Không xứ cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, dùng sức phương tiện, không sanh theo thiền, mà trở lại sanh vào cõi Dục trong dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, để thành tựu chúng sanh.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát có hai hạng: 1. Tùy nghiệp sanh. 2. Được pháp tánh thân. Vì độ chúng sanh, biến hóa thân sanh vào ba cõi, đủ công đức Phật, độ thốt chúng sanh. Vậy nay là thân nào trong hai thân ấy?

Đáp: Bồ-tát ấy do nghiệp nhân duyên sanh thân. Vì sao? Vì do sức

phương tiện vào các thiền, không sanh theo thiền, còn pháp thân Bồ-tát biến hóa tự tại, thì không cần phương tiện lắm. Nghĩa phương tiện vào thiền, như trước nói.

Hỏi: Nếu không theo thiền định cớ sao sanh vào cõi Dục, mà không sanh vào thế giới thanh tịnh ở tha phương?

Đáp: Hạnh các Bồ-tát mỗi mỗi không đồng, hoặc có Bồ-tát ở nơi thiền chuyển tâm, sanh vào nước Phật ở tha phương, có Bồ-tát hồi tâm sanh vào cõi Dục cũng như vậy.

Hỏi: Sanh vào nước Phật ở tha phương ấy là cõi Dục hay chẳng cõi Dục?

Đáp: Nước Phật ở tha phương nếu tạp ác bất tịnh, thì ấy là cõi Dục, nếu thanh tịnh không ba ác đạo, ba độc, cho đến không có tên ba độc, cũng không có tên Nhị thừa, cũng không có nữ nhân; tất cả người đều có ba mươi hai tướng, ánh sáng vô lượng thường chiếu thế gian, trong khoảnh khắc một niệm, biến ra vô lượng thân, đi đến vô lượng hằng sa thế giới, độ vô lượng vô số chúng sanh, rồi trở lại chỗ cũ. Các thế giới như vậy ở trên đất, nên không gọi là cõi Sắc, vì không có dục nên không gọi là cõi Dục, vì có hình sắc nên không gọi là cõi Vô sắc. Các Bồ-tát ma-ha-tát do nghiệp phước đức thanh tịnh nên riêng được thế giới thanh tịnh ra ngoài ba cõi. Hoặc có vị đem tâm đại từ đại bi thương xót chúng sanh, nên sanh vào cõi Dục này.

Hỏi: Nếu khi mệnh chung, bỏ thiền định này, lúc đầu cớ sao cầu học?

Đáp: Tâm cõi Dục cuồng loạn, bất định, nhờ vì nhu nhuyễn nhiếp tâm nên vào thiền, khi mệnh chung, vì độ chúng sanh nên khởi tâm cõi Dục.

Hỏi: Nếu sanh vào cõi người, cớ gì sanh đúng vào dòng Sát-lợi mà không sanh chỗ khác?

Đáp: Sanh dòng Sát-lợi có thế lực, sanh dòng Bà-la-môn có trí tuệ, sanh vào đại gia cư sĩ giàu có, nên có thể làm lợi ích cho chúng sanh, sanh vào nhà bần cùng tự lợi còn không được, làm sao ích người. Sanh trời cõi Dục, tiếp sẽ nói.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát ma-ha-tát, vào Sô thiền cho đến đệ Tứ thiền, vào Từ tâm cho đến Xả tâm, vào Không xứ cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, do sức phương tiện nên không sanh theo thiền, mà hoặc sanh cõi Trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi Trời Ba mươi ba, Trời Dạ-ma, Trời Đâu-suất-đà, Trời Hóa-lạc, Trời Tha-hóa-tự-tại. Ở nơi trong ấy thành tựu chúng sanh, cũng thanh tịnh Phật

độ, thường gặp chư Phật.

LUẬN: Nghĩa này đồng với trên, chi sanh cõi Trời là khác.

Hỏi: Các Trời cõi Dục, tình đắm năm dục, khó có thể hóa độ, sao Bồ-tát sanh đến đó mà không sanh cõi người?

Đáp: Các Trời tâm đắm trước tuy lớn, mà sức phương tiện của Bồ-tát cũng lớn. Như nói trên cõi Trời Ba mươi ba có rừng cây Tu-phù-ma, Trời Thánh trong các Trời, chán bỏ năm dục, trú ở trong đó, hóa độ các trời. Trên cõi Trời Đâu-suất thường có một Bồ-tát một đời bổ xứ, các Bồ-tát thường được nghe pháp. Lực sĩ Mật-tích Kim cang, cũng ở trên Trời Tứ thiên vương. Như vậy để giáo hóa chư thiên.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên vào Sô thiền, ở đây mạng chung sanh chỗ Phạm thiên, làm vua Trời Đại Phạm. Từ chỗ Phạm thiên, đi đến một nước Phật rồi đến một nước Phật, ở chỗ có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa Chuyển pháp luân, thì khuyến thỉnh chuyển.

LUẬN: Hỏi: Nếu sanh theo Sơ thiền, có phương tiện gì?

Đáp: Tuy sanh mà không đắm hương vị Sô thiền, thường niệm Phật đạo, nhớ bổn nguyện, vào tâm từ, Niệm Phật tam-muội, hòa hợp với thiền, nên gọi là phương tiện.

Hỏi: Cớ sao làm Phạm vương?

Đáp: Bồ-tát do nhân duyên nhóm phước đức lớn, đời đời thường làm chủ loài vật, cho đến sanh trong loài nai cũng làm vua.

Lại nữa, bổn nguyện của Bồ-tát ấy là muốn thỉnh Phật Chuyển pháp luân, không phải làm Tán thiên. Hoặc có khi trong ba ngàn đại thiên thế giới này không có Phật, thì từ một nước Phật đi đến một nước Phật, tìm cầu vị Phật mới thành mà chưa Chuyển pháp luân để khuyến thỉnh. Vì sao? Vì pháp của vua Phạm thiên là thường nên khuyến thỉnh chư Phật Chuyển pháp luân như vậy.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát một đời bổ xứ, hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên vào Sô thiền, cho đến đệ Tứ thiền, vào Từ tâm cho đến Xả tâm, vào Không xứ cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo, vào Không tam-muội, Vô tướng, Vô tác tam-muội, không sanh theo thiền, mà sanh chỗ có Phật, tu phạm hạnh, nếu sanh trên cõi trời Đâu-suất, tùy khi mệnh chung, đầy đủ thiện căn, không mất chánh niệm; với vô số trăm ngàn vạn ức chư thiên cung kính vây quanh, sanh đến trong đây, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Vị Bồ-tát một đời bổ xứ, ở địa vị thập trụ, đã đầy đủ các công đức, sao nay còn tu tập các hạnh?

Đáp: Tâm chưa vào Niết-bàn, cần phải có tu hành. Đó là tu bốn thiền cho đến ba tam-muội.

Lại nữa, Bồ-tát ấy tuy ở trong cõi trời cõi người thị hiện làm theo phép người, tu hành cầu đạo.

Lại nữa, Bồ-tát ấy ở địa vị thập trụ, vẫn còn có phiền não tập khí.

Lại đối các pháp còn có điều không biết, thế nên tu hành.

Lại nữa, Bồ-tát ấy tuy hành hạnh sâu, còn chưa thủ chứng ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thốt, nay vì thủ chứng nên lại tu hành các hạnh.

Lại nữa, tuy là Đại Bồ-tát nhưng đối với Phật còn nhỏ, thí như đống lửa lớn tuy có chiếu soi mà đối với mặt trời thì không hiện. Như trong kinh Phóng bát, Bồ-tát Di-lặc nói với Văn-thù-sư-lợi: Như tôi thân sau lại làm Phật, Văn-thù-sư-lợi số như hằng hà sa còn không biết việc tôi cất chân để chân, vì vậy nên tuy ở địa vị thập trụ, còn phải tu hành.

Hỏi: Bồ-tát một đời bổ xứ cớ sao không rộng độ chúng sanh, mà cần phải sanh ở trước đức Phật?

Đáp: Bồ-tát độ sanh đã nhiều, nay sắp gần thành Phật, nên ở trước Phật. Vì sao? Vì chẳng phải chỉ độ chúng sanh, được thành Phật, mà các pháp thâm diệu của chư Phật cũng phải nên nghe hiểu.

Hỏi: Nếu vì hỏi việc Phật nên ở trước Phật, cớ sao đức Thích-ca Văn Phật khi làm Bồ-tát ở trước Phật Ca-diếp mà ác khẩu hủy báng?

Đáp: Việc ấy trước đã nói rồi, là pháp thân Bồ-tát biến hóa các thân để độ chúng sanh. Hoặc có khi làm theo phép của người có đủ thứ đói khát, lạnh nóng, già bệnh, ghét yêu, giận mừng, tán thán, quở mắng... trừ các trọng tội, mọi việc khác đều làm.

Bồ-tát Thích-ca văn ấy bấy giờ làm em Phật Ca-diếp, tên là Uất-đa-la, anh trí tuệ thuần thục, không ưa nói nhiều, em trí tuệ chưa đủ nên ưa luận nghị nhiều. Người thời ấy cho em là hơn; về sau anh xuất gia, đắc thành Phật đạo, hiệu là Ca-diếp. Em làm thầy vua cõi Diêm-phù-đề tên Ngật-lê-cơ. Có năm trăm đệ tử thường lấy sách Bà-la-môn dạy cho các Bà-la-môn. vì các Bà-la-môn không ưa Phật pháp. Bấy giờ có thợ gốm tên Nan-đà Bà-la là đệ tử năm giới của Phật Ca-diếp, chứng đắc đạo quả thứ ba A-na-hàm cùng với thầy vua là Uất-đa-la, làm bạn lành, vì Uất-đa-la có tâm thiện, lòng tin thanh tịnh.

Bấy giờ Uất-đa-la cỡi xe vàng, bốn ngựa trắng kéo, cùng đệ tử đi ra cửa thành, Nan-đề Bà-la gặp ở giữa đường. Uất-đa-la hỏi từ đâu đi

đến. Đáp rằng: anh ông chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. tôi cúng dường xong trở về, ông có thể cùng đi với tôi đến yết kiến Phật, cho nên tôi đến đón ông đi.

Uất-đa-la suy nghĩ rằng, nếu ta đi thẳng đến chỗ Phật, thì các đệ tử ta sẽ lấy làm lạ mà sanh nghi rằng: Ông vốn có trí tuệ luận nghị hơn người, nay đi đến cúng dường, hẳn là vì thương yêu thân thuộc, chắc chúng nó không theo ta nữa, Vì sợ phá nhân duyên thấy Phật của chúng nó, nên trú trong trí biết thật tướng các pháp, vào tuệ phương tiện vô thượng, để độ chúng đệ tử, nên miệng xuất lời ác rằng: Ông trọc đầu ấy (chỉ anh là Phật Ca-diếp) làm sao có thể đắc đạo Bồ-đề!

Bấy giờ bạn lành Na-đề-bà-la làm ra vẻ giận dữ, nắm đầu Uất-đa-la kéo đi và nói: Ông không được dừng lại!

Uất-đa-la nói với các đệ tử, việc đã như vậy, ta không thể dừng lại mà không đi được!

Tức thời thầy trò cùng đi đến chỗ Phật. Thấy Phật tướng tốt, tâm liền thanh tịnh, trước đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Phật theo ý thuyết pháp cho. Uất-đa-la được vô lượng môn Đà-la-ni, mở các cửa tam-muội, năm trăm đệ tử trở lại phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Uất-đa-la từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng: "Xin Phật cho tôi xuất gia làm Tỳ-kheo". Phật dạy: "Thiện lai", liền thành Sa-môn.

Do phương tiện ấy, xuất ra lời ác, chẳng phải thật ác. Hư không có thể phá, nước có thể làm thành lửa, lửa có thể làm thành nước, Bồ-tát đối với người phàm còn không nổi giận huống gì đối với Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật còn chịu tội báo thứ tám là khổ hạnh sáu năm?

Đáp: Pháp Tiểu thừa khác với pháp Đại thừa. Nếu không khác thì không nên có đại tiểu. Trong pháp Tiểu thừa không nói đến pháp thân Bồ-tát với pháp bí áo vi diệu, vô lượng thần lực bất khả tư nghì, mà phần nhiều nói về việc dứt kiết sử đi thẳng chứng Niết-bàn.

Lại nữa, nếu Phật không thọ tội báo thứ tám ấy, sẽ có chư Thiên, Thần tiên, Rồng, Quỷ, những kẻ sống lâu, thấy có ác nghiệp mà không thọ tội báo, thì cho là không có nhân duyên nghiệp báo. Vì vậy, tuy hiện tại không có ác nghiệp cũng thọ tội báo.

Lại có nhân duyên đời nay là các ngoại đạo đều tin tưởng khổ hạnh, nếu Phật không sáu năm khổ hạnh, thì người ta không tin, nói rằng người con vua ấy quen vui, không thể khổ hạnh được. Vì vậy Phật sáu năm khổ hạnh, có kẻ theo ngoại đạo khổ hạnh ba tháng, nửa năm, một năm,

không ai có thể sáu năm ngày ăn một hạt mè hạt gạo. Các ngoại đạo cho đó là khổ hạnh cùng cực, người ấy nếu vô đạo, thật vô đạo vậy. Bấy giờ họ mới tín thọ, đều vào chính đạo.

Do hai nhân duyên ấy, tu khổ hạnh sáu năm, chứ chẳng phải thật tội. Vì sao? Vì hết thảy chư Phật dứt hết tất cả điều bất thiện, thành tựu tất cả thiện pháp. Phật nếu thật thọ tội báo, thì không được nói thành tựu tất cả thiện pháp, dứt tất cả pháp bất thiện.

Lại nữa, trong pháp Tiểu thừa, Phật vì chúng sanh tiểu tâm nên nói Bồ-tát một đời bổ xứ, ác khẩu mắng Phật, chứ thật Bồ-tát một đời bổ xứ còn không mắng trẻ con làm sao thật mắng Phật. Đều là phương tiện vì chúng sanh. Sao biết? Phật Thích-ca Văn ấy, trong thời đức Phật Tỳ-bà-thi, Ngài làm vị đại Bà-la-môn thấy Phật chúng Tăng ăn mau mà phát lời nói rằng: "Bọn người như vậy, nên ăn lúa ngựa". Do tội ấy bị đọa địa ngục Hắc-thằng chịu khổ vô lượng đời rồi, vì nhân duyên của tội dư thừa ấy, tuy nay thành Phật đạo, còn phải ba tháng ăn lúa ngựa.

Lại trong pháp Thanh văn nói: "Phật qua khỏi ba vô số kiếp, thường làm nam tử, thường sanh chỗ quí, thường không mất các căn, thường biết kiếp trước, không đọa ba ác đạo, từ đức Tỳ-bà-thi trở lại chín mươi mốt kiếp".

Như pháp ông đó, trong chín mươi mốt kiếp, Phật không phải đọa ác đạo, huống gì trong một kiếp cuối cùng. Vì vậy nên biết Phật chẳng phải thọ báo thật, vì phương tiện nên nói vậy thôi.

Hỏi: Phật hai tội, nói ở trong Tỳ-ni và Tạp tạng, là có thể tin thọ. Trong một trăm kiếp tiếp sau ba vô số kiếp, không đọa ác đạo, thì từ vô số kiếp đầu cũng không nên đọa ác đạo. Nếu không đọa, cớ sao chỉ nói trong một trăm kiếp Phật không nói lời ấy, đó chỉ là luận nghị sư của A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (Abhi-dharma-vibhasa) nói?

Đáp: A-tỳ-đàm là Phật nói: Thanh văn các ông theo A-tỳ-đàm mà luận nghị, ấy gọi là Tỳ-bà-sa, không nên lầm lẫn!

Lại như Bạc-câu-lô đem một quả Ha-lê-lặc thí cho Tăng, mà trong chín mươi mốt kiếp không đọa ác đạo, huống gì Bồ-tát vô lượng đời lại đây đem thân bố thí, tu các công đức, mà vì nhân duyên tội nhỏ phải đọa địa ngục! Việc như vậy, Tỳ-bà-sa không nên lầm. Vì vậy, người Tiểu thừa không biết Bồ-tát phương tiện.

Lại nữa, cho phép Tỳ-bà-sa các ông không lầm, Phật tự nói chỗ bốn khởi của Bồ-tát: Lúc Bồ-tát mới sanh, đi bảy bước, miệng tự nói Ta sanh ra vì độ chúng sanh, nói rồi, im lặng. Bú mớm ba năm, không đi, không nói, lần lữa khôn lớn, đi, nói như người thường. Tất cả hài nhi lúc

nhỏ chưa thể đi, nói, dần dần khôn lớn, mới đầy đủ vóc người, nay cớ sao Bồ-tát mới sanh, đi được, nói được, sau đó bèn không? Nên biết đó là phương tiện. Nếu nhận đó là phương tiện thì hết thảy Phật ngữ đều thông, nếu không nhận thì một thật một hư!

Do các nhân duyên như vậy, biết Phật vì độ chúng sanh nên thị hiện ác khẩu.

Hỏi: Sao Bồ-tát một đời bổ xứ, chỉ sanh ở cõi trời Đâu-suất mà không sanh chỗ khác?

Đáp: Nếu ở thế giới tha phương đến, các trời sống lâu; rồng, quỷ, thần tìm chỗ Ngài từ đâu đến không biết được thì sanh nghi cho là người huyễn hóa. Nếu ở trong loài người chết sanh lại trong loài người, vậy sau làm Phật, thì người tâm sanh khinh mạn, còn trời thì không tin. Theo phép, trời nên đến giáo hóa người, không nên người giáo hóa trời. Thế nên từ trên trời sanh đến, là từ trời làm người, thì người kính tin.

Trong cõi Vô sắc, vô hình không thể thuyết pháp, nên không sanh ở trong đó.

Trong cõi Sắc tuy có sắc thân, có thể vì người thuyết pháp, song vì đắm sâu thiền vị, không thể lợi ích lớn cho chúng sanh, cho nên không sanh ở trong đó.

Ba tầng trời cõi Dục dưới hết, kiết sử sâu dày, tâm thô tạp loạn, hai tầng trời cõi Dục trên, kiết sử đã mỏng, tâm quen không lợi; còn trên trời Đâu-suất, kiết sử mỏng, tâm lanh lợi, thường là nôi ở của Bồ-tát; ví như thái tử sắp lên ngôi vua, trước ở nhà tĩnh lặng, bảy ngày trai tịnh. Vậy sau lên chánh điện thọ lãnh ngôi vua. Bồ-tát bổ xứ cũng như vậy, trên trời Đâu-suất như nhà trai tịnh, ở đó cuối cùng thọ hưởng vui trời, mệnh chung sanh xuống, cuối cùng thọ hưởng vui người, bèn thành Chánh giác. Có vô lượng chư thiên vây quanh Bồ-tát sanh đến trong đây, vì Bồ-tát trước từ trong vô thỉ sanh tử thường qua lại cõi trời cõi người, nay là thân trời cuối cùng không còn trở lại cõi trời nữa, vì thế chư thiên đều hầu đưa đi.

Bồ-tát mệnh chung ở Đâu-suất, sẽ sanh xuống cõi người làm Phật, chư Thiên mệnh chung, chưa mệnh chung, đều nguyện sanh xuống cõi người làm đàn-việt của Bồ-tát.

Lại nữa, chư Thiên sanh xuống muốn thường hộ vệ Bồ-tát, vì có trăm ức ma oán sợ đến não hại Bồ-tát. Bồ-tát này sanh trong cõi người rồi chán già, bệnh, chết, xuất gia chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như nói trong kinh Bồ-tát bổn khởi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát được sáu thần

thông, không sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, mà từ một nước Phật đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát được thần thông du hý, từ một nước Phật đến một nước Phật, chỗ đi đến không có Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, cho đến không có danh từ Nhị thừa.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát được thần thông du hý, từ một nước Phật đến một nước Phật, chỗ đi đến, sống lâu vô lượng.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát được thần thông du hý, từ một quốc độ đến một quốc độ, chỗ đi đến, có nơi không có Phật Pháp Tăng, thì tán thán công đức Phật Pháp Tăng, các chúng sanh nghe được danh từ Phật Pháp Tăng, mệnh chung ở nôi đó, được sanh đến trước Phật.

LUẬN: Bồ-tát có hai: 1. Sanh thân Bồ-tát. 2. Pháp thân Bồ-tát. Một dứt kiết sử, một không dứt kiết sử. Pháp thân Bồ-tát dứt kiết sử, được sáu thần thông, sanh thân Bồ-tát không dứt kiết sử, được năm thần thông. Vị được sáu thần thông thì không sanh vào ba cõi, dạo đi các thế giới, cúng dường mười phương chư Phật. Vị được thần thông du hý thì đến mười phương thế giới độ chúng sanh, mưa bảy báu; ở thế giới đi đến, đều là nhất thừa thanh tịnh, sống lâu vô lượng vô số kiếp.

Hỏi: Phép của Bồ-tát là phải độ chúng sanh, cớ sao chỉ đi đến thế giới thanh tịnh, sống lâu vô lượng?

Đáp: Bồ-tát có hai hạng:

1. Có tâm từ bi, phần nhiều vì chúng sanh.

2. Phần nhiều nhóm các công đức chư Phật. Người ưa nhóm nhiều công đức chư Phật thì đến thế giới nhất thừa thanh tịnh sống lâu vô lượng. Người ưa vì chúng sanh nhiều thì đến chỗ không có Phật Pháp Tăng. Tán thán danh Tam bảo, như chương sau sẽ nói.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, được Sơ thiền cho đến đệ Tứ thiền, được Bốn tâm vô lượng, được Bốn định vô sắc, tu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, vị Bồ-tát ấy không sanh trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc mà thường sanh đến chỗ có lợi ích cho chúng sanh.

LUẬN: Vị Bồ-tát ấy hoặc sanh ở thế giới không có Phật, hoặc sanh ở thế giới có Phật, hoặc sanh vào thế giới bất tịnh có ba ác đạo, bần cùng hạ liệt, hoặc sanh thế giới thanh tịnh.

Sanh đến thế giới không có Phật, thì lấy Mười thiện đạo, Bốn thiền, cho đến Bốn định vô sắc, làm lợi ích chúng sanh, khiến tín hướng Tam bảo, tuyên nói năm giới và giới xuất gia, khiến được Thiền định, Trí tuệ

công đức.

Thế giới không thanh tịnh có hai: có Phật hiện tại và sau Phật diệt độ. Sau Phật diệt độ, hoặc có khi xuất gia, hoặc có khi tại gia, đem tài thí pháp thí làm lợi ích chúng sanh. Nếu Phật đang tại thế thì tạo các nhân duyên dẫn đạo chúng sanh khiến đến chỗ Phật.

Ở thế giới thanh tịnh mà chúng sanh chưa đủ công đức thì làm cho họ đầy đủ. Ấy gọi là chỗ sanh đến làm lợi ích chúng sanh.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, hành sáu Ba-la-mật, lên địa vị Bồ-tát, được bất thối chuyển.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác liền chuyển pháp luân, làm lợi ích thâm hậu cho vô lượng vô số chúng sanh xong, vào Vô dư Niết-bàn. Sau khi Phật ấy Niết-bàn, Chánh pháp lưu lại hoặc một kiếp hoặc non một kiếp.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc mới phát tâm, cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, cùng với vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ một nước Phật đến một nước Phật, làm thanh tịnh Phật độ.

LUẬN: Có ba hạng Bồ-tát căn lợi tâm bền. Khi chưa phát tâm đã từ lâu nhóm vô lượng phước đức trí tuệ, người ấy gặp Phật nghe pháp Đại thừa, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức thời thật hành Sáu Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị được bất thối chuyển. Vì sao? Vì trước nhóm vô lượng phước đức, căn lợi tâm bền, theo Phật nghe pháp. Ví như đi xa, có người cỡi dê, có người cỡi ngựa, có người dùng thần thông. Người cỡi dê thật lâu mới đến, người cỡi ngựa hơi mau hơn, người cỡi thần thông móng ý liền đến, như vậy không được nói trong lúc phát tâm làm sao đến được. Tướng trạng thần thông là như vậy, không nên sanh nghi. Bồ-tát cũng như vậy, khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền vào Bồ-tát vị.

Có Bồ-tát mới phát tâm, tâm ban đầu tuy tốt, về sau xen các niệm ác, thường thường khởi niệm: Ta cầu Phật đạo, đem các công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người ấy thật lâu vô lượng vô số kiếp hoặc đến hoặc không đến, vì nhân duyên phước đức đời trước mỏng, mà lại độn căn, tâm không bền chắc, như người cỡi dê.

Có người đời trước có chút ít phước đức lợi căn, phát tâm dần dần thật hành sáu Ba-la-mật, trải qua hoặc ba hoặc mười hoặc trăm vô số kiếp, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người cỡi ngựa chắc đi đến được.

Hạng thứ ba người cỡi thần thông thì như trên vừa

nói. Ba hạng phát tâm ấy là:

1. Tội nhiều phước ít.
2. Phước nhiều tội ít

3. Chỉ thật hành phước đức thanh tịnh.

Thanh tịnh có hai: 1. Lúc mới phát tâm liền được Bồ-tát đạo 2. Sau thời gian ngắn, cúng dường mười phương chư Phật, thông đạt Bồ-tát đạo, vào Bồ-tát vị, tức là địa vị bất thối. Nghĩa Bồ-tát bất thối như trên đã nói. 3. Hạng Bồ-tát phát tâm thứ hai, Bồ-tát tiếp sau, rất chán thế gian, đời đời lại đây thường ưa chân thật, ghét giả dối, Bồ-tát này cũng căn lợi tâm bền, lâu ngày nhóm vô lượng phước đức trí tuệ, khi mới phát tâm liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; liền chuyển pháp luân, độ vô lượng chúng sanh, vào Vô dư Niết-bàn, chánh pháp trụ thế hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp, lưu lại hóa Phật để độ chúng sanh.

Phật có hai lực thần thông:

1. Lúc còn ở đời.
2. Sau khi diệt độ.

Nghĩa chữ kiếp như trên đã nói. Chúng sanh được độ trong một kiếp cũng không ít.

Hạng Bồ-tát phát tâm thứ ba, cũng căn lợi tâm bền, lâu ngày nhóm phước đức, phát tâm liền cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, được Sáu thần thông, cùng vô lượng chúng sanh xem mười phương thế giới thanh tịnh mà tự trang nghiêm quốc độ mình, như Phật A-đi-đà, đời trước lúc làm Tỳ-kheo Pháp-tạng, được Phật dẫn đến khắp mười phương, chỉ cho thấy cõi nước thanh tịnh, khiến chọn cõi nước thanh tịnh để tự trang nghiêm nước mình.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 39

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN : VÃNG SANH

Phần 2

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, được Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định Vô sắc, dạo chơi trong ấy mà vào Sơ thiền, từ Sơ thiền khởi, vào Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi, cho đến vào Tứ thiền; từ Tứ thiền khởi, vào Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi, vào Hư không xứ; từ Hư không xứ khởi, vào Diệt tận định; từ Diệt tận định khởi cho đến vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; từ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ khởi, vào Diệt tận định.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện nên vào định một cách vượt bực.

LUẬN: Hỏi: Nếu người phàm phu không thể vào Diệt tận định, cớ sao Bồ-tát từ thiền khởi, lại vào Diệt tận định?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa Tiểu thừa nói như vậy, chẳng phải Phật dạy trong Tam tạng.

Lại Bồ-tát ấy, Thánh nhân còn không kịp huống gì đang là phàm phu, ví như voi trắng sáu ngà, tuy bị tên độc, vẫn thương xót kẻ bắn. Tâm từ bi như vậy, A-la-hán không có. Lúc Bồ-tát còn ở trong súc sanh mà còn như vậy huống gì khi làm thân người, lìa dục vào thiền mà không được vào Diệt tận định.

Hỏi: Nếu Bồ-tát được Diệt tận định có thể như vậy, còn phép vào định vượt bậc thì không thể quá hai. Nếu nói từ Sơ thiền khởi cho đến vào Diệt tận định, không có cách ấy?

Đáp: Các người khác tuy có pháp vào định, vì sức ít, nên không thể vượt xa. Còn Bồ-tát có vô lượng lực phước đức trí tuệ sâu vào thiền định, tâm không đắm trước, cho nên hay vượt xa, ví như lực sĩ trong cõi người, nhảy không quá ba bốn trượng, nếu lực sĩ cõi trời, thì không hạn số. Trong pháp Tiểu thừa, vượt một bậc là định pháp, còn Bồ-tát lực thiền định lớn, tâm không đắm trước, nên tùy ý vượt xa gần.

Hỏi: Nếu như vậy, thì định vượt bậc là lớn; còn định theo thứ lớp

không phải là lớn?

Đáp: Cả hai đều lớn. Vì sao? Vì từ Sô thiền khởi, đến Nhị thiền, không có tâm gì khác xen vào, nhất niệm vào định, cho đến Diệt tận định đều như vậy. Vượt bậc là từ Sơ thiền khởi vào đệ tam thiền cũng không để cho tâm khác xen vào, cho đến Diệt tận định, nghịch hay thuận đều như vậy.

Có người nói: Định vượt bậc hôn. Vì sao? Vì đều không có tâm khác xen vào mà có thể vượt bậc; ví như ngựa vui vầy xoay chuyển tùy ý.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, không thủ chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, dùng lực phương tiện vì chúng sanh phát khởi Tám thánh đạo phần, do Tám đạo phần ấy, khiến được quả Tu-đà-hoàn, cho đến Bích-chi Phật đạo.

Này Xá-lợi-phất! Quả và trí của hết thảy A-la-hán, Bích-chi Phật, là vô sanh pháp nhẫn của Bồ-tát ma-ha-tát.

Này Xá-lợi-phất! Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú ở trong địa vị bất thối.

LUẬN: Hỏi: Sao không nói Bồ-tát ấy hành sáu Ba-la-mật mà chỉ nói được bốn niệm xứ?

Đáp: Hoặc nói hoặc không nói, nên biết Bồ-tát đều thực hành sáu Ba-la-mật, đối với ba mươi bảy đạo phẩm hoặc hành hoặc không hành. Không thủ chứng đạo quả Thanh văn, Bích-chi Phật, có đại từ đại bi, sâu vào lực phương tiện... như trước đã nói.

Hỏi: Không được các đạo quả làm sao có thể lấy đó để hóa độ người?

Đáp: Phật tự nói nhân duyên: đó là quả và trí của Thanh văn, Bích-chi Phật đều là pháp nhẫn của Bồ-tát, chỉ không nhận lãnh danh tự các đạo quả; quả và trí đều nhập vào vô sanh pháp nhẫn.

Lại nữa, chỉ không thủ chứng, còn các pháp khác đều thực hành.

Được Bồ-tát đạo, gọi là bất thối chuyển.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát trú ở sáu Ba-la-mật, thanh tịnh cõi trời Đâu-suất. Nên biết đó là vị Bồ-tát trong Hiền kiếp.

LUẬN: Bồ-tát có mỗi mỗi đạo, mỗi mỗi hạnh, mỗi mỗi nguyện, do nhân duyên tu nghiệp, Bồ-tát ấy sanh trên cõi trời Đâu-suất, vào giữa chúng hội ngàn Bồ-tát, thứ lớp làm Phật. Có tướng trạng như vậy, nên biết đó là Bồ-tát trong Hiền kiếp.

KINH: Này Xá-lợi-phất, có Bồ-tát ma-ha-tát tu Bốn thiền cho đến

Mười tám pháp không chung, mà chưa chứng Bốn đế, nên biết ấy là Bồ-tát một đời bổ xứ.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát một đời bổ xứ ấy, nên sanh cõi trời Đâu-suất, cớ sao nói được bốn thiền...?

Đáp: Bồ-tát ấy sanh trên cõi trời Đâu-suất, lìa dục được Bốn thiền...

Lại nữa, Bồ-tát bổ xứ ấy, từ khi lìa dục trở lại, lâu ngày đầy đủ Phật pháp, dùng lực phương tiện, theo phép bổ xứ, sanh cõi trời Đâu-suất, chưa chứng Bốn đế, là cố ý để lại không chứng, nếu thủ chứng thì thành Bích-chi Phật, vì muốn thành Phật nên không chứng.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát vô lượng vô số kiếp tu hành, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ-tát ấy tuy trồng thiện căn, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng vì căn độn, tu hành hỗn tạp, nên thật lâu mới được. Do trồng thiện căn sâu nên chắc chắn được.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát trú ở sáu Ba-la-mật, thường siêng tinh tấn, lợi ích chúng sanh, không nói việc vô ích.

LUẬN: Bồ-tát ấy trước có ác khẩu, nên phát tâm Bồ-tát nguyện rằng: Tôi vĩnh viễn xa lìa bốn lỗi miệng, được đạo ấy.

Lại nữa, Bồ-tát ấy biết trong Bát-nhã Ba-la-mật, các pháp không có định tướng. Không có tướng có thể chấp trước, có thể nói. Biết như vậy mà có thể làm lợi ích, thì đó đều là Phật pháp, nếu không thể làm lợi ích, thì tuy có nói giỏi, cũng chẳng phải Phật pháp. Ví như các thứ thuốc hay, mà không chữa được bệnh, không gọi là thuốc, dẫu cho đất bùn mà chữa lành bệnh cũng gọi là thuốc. Vì vậy, sợ nó sai lầm, nên không nói việc vô ích.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát hành sáu Ba-la-mật, thường siêng tinh tấn, lợi ích chúng sanh, từ một nước Phật đến một nước Phật, dứt ba đường ác cho chúng sanh.

LUẬN: Bồ-tát ấy trú ở sáu thần thông, đi đến mười phương thế giới, ngăn chặn ba đường bất thiện thượng, trung, hạ.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát trú ở sáu Ba-la-mật, lấy bố thí làm đầu, đem an vui cho hết thảy chúng sanh, cần ăn uống cho ăn uống; y phục, đồ nằm, anh lạc, hoa hương, phòng xá, đèn đuốc tùy chỗ cần đến đều cho hết.

LUẬN: Bồ-tát có hai việc:

1. Hay làm cho chúng sanh lìa khổ.
2. Hay cho vui.

Lại có hai việc:

1. Thương xót chúng sanh trong ba đường ác.
2. Thương xót người.

Bồ-tát cho chúng sanh vui, vì thương người, nên tùy cho họ cần đến đều cho hết.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành Ba-la-mật, biến thân như Phật, thuyết pháp cho chúng sanh trong địa ngục, thuyết pháp cho chúng sanh trong súc sanh, ngạ quỉ.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát ấy cớ sao biến làm thân Phật, tợ như không tôn trọng Phật?

Đáp: Có chúng sanh nhờ thấy thân Phật mà đắc độ, hoặc có chúng sanh thấy các thân Chuyển luân thánh vương... mà đắc độ, vì vậy biến thân làm Phật.

Lại nữa, thế gian xưng Phật danh hiệu là Đại bi, là Thế Tôn. Nếu dùng thân Phật vào địa ngục, thì vua Diêm-la, các quỷ thần không ngăn trở, là bậc tôn quý, làm sao ngăn được.

Hỏi: Nếu ở trong địa ngục lửa cháy, thường bị thống khổ tâm thường tán loạn, không lãnh thọ pháp được, làm sao hóa độ?

Đáp: Bồ-tát dùng lực thần thông bất khả tư nghì, phá vạc, diệt lửa, cấm chế lính ngục, phóng hào quang chiếu soi, chúng sanh tâm vui, mới thuyết pháp cho, nghe thời thọ trì.

Hỏi: Nếu như vậy, chúng sanh địa ngục có người đắc đạo chăng?

Đáp: Tuy không đắc đạo, mà gieo nhân duyên thiện căn đắc đạo.

Vì sao? Vì trọng tội không thể đắc đạo, còn trong đường súc sanh thì nên phân biệt, hoặc đắc đạo hoặc không đắc đạo. Như rồng chúa A-na-bà-đạt-đa, rồng chúa Ta-kiệt đắc Bồ-tát đạo. Trong đường quỷ thần Dạ-xoa, Mật-tích Kim-cang, quỷ Tử-mẫu... có kẻ đắc kiến đạo, là đại Bồ-tát.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành sáu Ba-la-mật, biến thân như Phật, đến khắp mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, thuyết pháp cho chúng sanh và cúng dường chư Phật, thanh tịnh Phật độ. Nghe chư Phật thuyết pháp, xem xét, chọn lựa tướng Phật quốc tịnh diệu trong mười phương, để mà tự dựng lên quốc độ thù thắng, trong đó các Bồ-tát đều là một đời bổ xứ.

LUẬN: Bồ-tát ấy khắp vì chúng sanh trong sáu đường thuyết pháp, lại dùng thân Phật vì mười phương chúng sanh thuyết pháp. Hoặc có chúng sanh nghe đệ tử Phật thuyết pháp, không tín thọ, nếu nghe Phật độc tôn tự tại thuyết pháp thì tín thọ lời ngài. Bồ-tát vì nhân duyên hai

việc nên cúng dường chư Phật, đó là trang nghiêm quốc độ, nghe pháp trang nghiêm quốc độ, đi đến mười phương Phật độ thủ lấy tướng quốc độ thanh tịnh, nhờ nhân duyên tu hành chuyển nên thù thắng và ánh sáng cũng nhiều. Vì cớ sao? Vì ở trong quốc độ này đều là Bồ-tát một đời bổ xứ.

Hỏi: Nếu trước đã nói Bồ-tát một đời bổ xứ chỉ ở trên trời Đâu-suất, nay cớ sao nói Bồ-tát ở các thế giới tha phương đều là một đời bổ xứ?

Đáp: Bồ-tát một đời bổ xứ ở trên trời Đâu-suất, đó là phép thường trong ba ngàn thế giới, còn ở chỗ khác là không nhất định. Gọi là thanh tịnh đệ nhất vì chuyển đổi thân liền thành Phật đạo.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành sáu Ba-la-mật, thành tựu ba mươi hai tướng, các căn thanh tịnh lanh lợi, vì các căn thanh tịnh lanh lợi nên mọi người yêu kính, vì được yêu kính nên dần dần đem pháp ba thừa mà độ thốt họ.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát lúc hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên học thân thanh tịnh, miệng thanh tịnh.

LUẬN: Bồ-tát ấy muốn làm cho chúng sanh mắt thấy thân kia thì đắc độ, cho nên dùng ba mươi hai tướng trang nghiêm thân.

Các căn thanh tịnh lanh lợi, là các căn mắt... vượt hơn người khác; tín căn, tuệ căn, các căn tâm số lanh lợi thanh tịnh đệ nhất, ai thấy được đều khen là hy hữu, nghĩ rằng ta không có được việc ấy, nên yêu kính Bồ-tát, tín thọ Bồ-tát, Bồ-tát đời đời đầy đủ đạo pháp, và bằng ba thừa đạo mà vào Niết-bàn. Các căn mắt... ba mươi hai tướng ấy đều do thân, khẩu nghiệp thanh tịnh mà có được. Vì vậy Phật dạy Bồ-tát hãy nên thanh tịnh thân khẩu nghiệp.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát hành sáu Ba-la-mật, được các căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh ấy mà không tự cao, cũng không khinh hạ người khác.

LUẬN: Bồ-tát ấy thường hành sáu Ba-la-mật một cách thanh tịnh sâu xa, nên được các căn mắt... thanh tịnh lanh lợi, người đều yêu kính. Các căn thuộc tâm số pháp như tuệ căn... thanh tịnh lanh lợi không thể sánh, chỉ vì độ chúng sanh. Theo lẽ thường thế gian, nếu được điều gì đặc biệt thời tâm tự cao, khinh các người khác, nghĩ rằng: họ không có việc ấy, chỉ riêng ta có, vì nhân duyên ấy trở lại mất Phật đạo. Như trong Kinh nói: Bồ-tát khinh các Bồ-tát khác, mỗi niệm mỗi kiếp xa dần Phật đạo, thì phải trở lại tu Phật đạo trải bấy nhiêu kiếp ấy, vì vậy nên không tự cao, cũng không khinh hạ người khác.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm,

trú ở Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, cho đến khi lên địa vị bất thối chuyển, trọn không đọa ác đạo.

LUẬN: Bồ-tát ấy từ ban đầu lại đây, rất sợ ác đạo, làm các công đức, nguyện không đọa ác đạo, cho đến địa vị bất thối chuyển, ở vị đáo định, trung gian thiền vì sợ đọa ác đạo nên phát nguyện và suy nghĩ rằng, nếu ta đọa ba đường ác thì tự độ không còn được, làm sao độ người.

Lại ở trong ba đường ác, khi bị khổ sanh sân não, kiết sử tăng thêm, trở lại gây nghiệp ác, trở lại chịu khổ báo, như vậy vô cùng, biết lúc nào sẽ được tu hành Phật đạo?

Hỏi: Nếu trì giới được quả báo không đọa ác đạo, cớ sao còn nói bố thí gì nữa?

Đáp: Trì giới là căn bản không đọa ác đạo, bố thí cũng có thể không đọa.

Lại nữa, Bồ-tát trì giới tuy có thế không đọa ác đạo, nhưng sanh trong loài người bị nghèo cùng, không thể tự lợi, lại không ích người. Vì vậy thực hành bố thí, các Ba-la-mật khác, đều có việc lợi của nó.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm cho đến lên địa vị bất thối chuyển, thường không bỏ mười hạnh lành.

LUẬN: Phật dạy trì giới nên không đọa ác đạo, bố thí đi theo. Nay không biết làm thế nào thực hành Giới Ba-la-mật cho đến lên địa vị bất thối chuyển, thế nên lại nói thường thực hành mười hạnh lành.

Lại nữa, trước kia nói Bồ-tát trì giới không bền chắc, lấy bố thí theo giúp, nay chỉ nói trì giới bền chắc, không bỏ mười lành, không đọa ba đường ác.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, làm Chuyển luân thánh vương, an lập chúng sanh nơi mười thiện đạo, cũng lấy tài vật bố thí cho chúng sanh.

LUẬN: Do nhân duyên Thí, Giới Ba-la-mật nên làm Chuyển luân thánh vương. Do thực hành Giới Ba-la-mật nên khiến chúng sanh tín thọ mười điều lành; do thực hành Thí Ba-la-mật nên tài bảo cấp thí chúng sanh, cũng không thể hết.

Hỏi: Tất cả Bồ-tát đều thực hành hai Ba-la-mật ấy, đều làm Chuyển luân Thánh vương chăng?

Đáp: Không hẳn như vậy. Vì sao? Vì như trong phẩm này các Bồ-tát có nhiều cách vào Phật đạo; có Bồ-tát nghe nói nghi thức Chuyển luân Thánh vương, ở chỗ này có thể lợi ích chúng sanh, nên phát nguyện ở đó. Có Bồ-tát gieo nhân duyên làm Chuyển luân Thánh vương, tuy không phát nguyện cũng được quả báo làm Chuyển luân Thánh vương.

Tự thực hành hai Ba-la-mật nên làm Chuyển luân Thánh vương, cũng dạy chúng sanh tu mười thiện đạo, cũng tự hành bố thí. Có người nghe sanh nghi là một đời làm hay đời đời làm Chuyển luân Thánh vương, thế nên:

KINH: Phật bảo: Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, vô lượng ngàn vạn đời làm Chuyển luân thánh vương, gặp vô lượng trăm ngàn chư Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán.

LUẬN: Nếu Bồ-tát biết làm Chuyển luân Thánh vương rất ích cho chúng sanh, liền làm Chuyển luân Thánh vương, nếu tự biết làm thân khác có ích lớn hơn, cũng làm thân khác.

Lại nữa, muốn dùng pháp thế gian mà đại cúng dường Phật, nên làm Chuyển luân Thánh vương.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát thường vì chúng sanh lấy pháp soi sáng, cũng tự soi sáng mình, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa soi sáng.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát ấy đã được tôn trọng ở trong Phật pháp.

Này Xá-lợi-phất! Vì vậy Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không để cho vọng khởi thân, miệng, ý bất tịnh.

LUẬN: Các Bồ-tát trên hành Thí, Giới Ba-la-mật, được làm Chuyển luân Thánh vương; Bồ-tát ấy chỉ phân biệt các kinh, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, phân biệt các pháp, để cầu Phật đạo. Lấy ánh sáng trí tuệ ấy tự lợi ích cũng làm lợi ích chúng sanh, như người ở giữa đường tối đốt đèn, tự lợi ích cũng lợi ích người.

Trọn không lìa là do nhân duyên ấy cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa ánh sáng trí tuệ.

Lại nữa, Bồ-tát ấy, thanh tịnh pháp thí không cầu danh lợi cúng dường cung kính, không ham đệ tử, không ỷ trí tuệ, cũng không tự cao, khinh khi người khác; cũng không cô hiềm châm chích, chỉ nhớ chư Phật mười phương lấy lòng từ thường nghĩ đến chúng sanh, Ta cũng học Phật đạo như vậy. Thuyết pháp không dựa vào đâu, không đắm trước gì, chỉ vì làm cho chúng sanh biết thật tướng các pháp. Như vậy thanh tịnh thuyết pháp, đời đời không mất ánh sáng trí tuệ, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đã được tôn trọng là các Bồ-tát trên được như vậy đều được tôn trọng đối với chúng sanh.

Không để cho vọng khởi thân, miệng, ý bất tịnh là, thường đem tâm

thanh tịnh pháp thí, không nên vọng khởi thân khẩu ý ác nghiệp. Vì sao? Vì nếu khởi thân khẩu ý ác, thì người nghe không tín thọ. Nếu ý nghiệp bất tịnh thì trí tuệ không sáng, trí tuệ không sáng thì không thể khéo hành Bồ-tát đạo.

Lại nữa, không chỉ một Bồ-tát ấy, các Bồ-tát trước nay thực hành được pháp ấy đều gọi là tôn trọng Phật giáo. Nếu Bồ-tát muốn hành Bồ-tát đạo, đều không nên xen tạo tội, không để cho vọng khởi hết thảy nghiệp tội ác. Tạp hành thì đối với việc hành đạo khó, không thể mau thành Phật đạo. Vì tội nghiệp phá hoại phước đức vậy.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Bồ-tát thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh thế nào?

LUẬN: Hỏi: Xá-lợi-phất, trí tuệ đệ nhất, sao không biết thân khẩu ý ác nghiệp?

Đáp: Xá-lợi-phất đối với pháp Thanh văn thì biết, còn việc của Bồ-tát khác nên không biết. Như nói "Nếu Bồ-tát sanh tâm Thanh văn, Bích-chi Phật, thì ấy là Bồ-tát phá giới". Vì vậy nên Xá-lợi-phất nghi. không biết thế nào là Bồ-tát tội chẳng tội.

Lại nữa, Xá-lợi-phất biết ba bất thiện đạo của thân, bốn bất thiện đạo của miệng, ba bất thiện đạo của ý, ấy là thân khẩu ý tội. Còn trong đây Phật đáp, nếu Bồ-tát chấp thủ tướng thân khẩu ý, ấy là Bồ-tát thân khẩu ý tội. Do các nhân duyên như vậy nên Xá-lợi-phất hỏi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ rằng đây thân, đây miệng, đây ý, như vậy chấp thủ tướng làm duyên. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát thân khẩu ý tội.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thủ đắc thân, không thủ đắc khẩu, không thủ đắc ý. Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nếu thủ đắc thân, khẩu, ý, dùng thân khẩu ý thủ đắc ấy, nên sanh tâm xan tham, tâm phạm giới, tâm sân, tâm giải đãi, tâm loạn, tâm si... Nên biết Bồ-tát ấy, khi hành sáu Ba-la-mật không thể trừ nghiệp thô của thân khẩu ý.

LUẬN: Phật khai thị Xá-lợi-phất rằng, ở trong pháp không, Bồ-tát không thấy ba nghiệp, ấy là vô tội; nếu thấy ba nghiệp, ấy là tội. Ở trong pháp Thanh văn, mười bất thiện đạo, ấy là tội nghiệp; trong pháp Đại thừa, thấy có thân, miệng, ý làm, ấy là tội. Vì sao? Vì có làm, có thấy, người làm, người thấy, đều là hư dối. Người thô thì tội thô, người tế thì tội tế. Như khi xa lìa cõi Dục, thì năm dục, năm triền cái là ác tội, Sơ thiền thu nhiếp thiện giác quán là vô tội; khi lìa Sô thiền vào Nhị thiền, thì giác quán là tội; Nhị thiền thu nhiếp tâm hỷ thiện là vô tội,

cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng như vậy.

Vào trong thật tướng các pháp, thì hết thảy các quán, các kiến, các pháp, đều gọi là tội. Người Tiểu thừa, vì sợ ba ác đạo nên cho mười nghiệp bất thiện là tội; còn người Đại thừa cho sự sanh tâm chấp trước thủ tướng các pháp, trái với ba môn giải thốt, ấy gọi là tội. Vì việc khác ấy, nên gọi là Đại thừa. Nếu còn thấy có ba nghiệp ấy, tuy không khởi ác, cũng không gọi là bền chắc; không thấy thân khẩu ý ấy là căn bản của ba nghiệp, ấy là bền chắc. Bồ-tát ấy ngộ pháp không, nên không thấy ba việc ấy; nếu dùng ba việc ấy thì khởi lên tướng xan tham, tướng phạm giới, tướng sân, tướng giải đãi, tướng tán loạn. tướng ngu si. Nhân không nên quả cũng không, như không cây thì không có bóng in. Nếu quán được như vậy thì trừ nghiệp thân khẩu ý.

Hỏi: Trước đây nói tội nghiệp, nay sao nói thô nghiệp?

Đáp: Thô nghiệp tội nghiệp không khác, tội tức là thô, không gọi là tế.

Lại nữa, người Thanh văn cho thân khẩu nghiệp bất thiện là thô, ý nghiệp bất thiện là tế. Các kiết sử sân nhuế, tà kiến... là thô tội, các kiết sử tham ái, kiêu mạn... là tế tội. Ba ác giác tưởng là dục tưởng, sân tưởng, não tưởng gọi là thô; giác tưởng bà con, giác tưởng quốc độ, giác tưởng không chết, gọi là tế. Chỉ giác tưởng thiện, gọi là vi tế. Các giác tưởng này, trong Đại thừa đều nói là thô, vì vậy nên nói là thô tội.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm sao trừ thân khẩu ý nghiệp?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không thủ đắc thân, không thủ đắc khẩu, không thủ đắc ý, như vậy Bồ-tát ma-ha-tát trừ được thân, khẩu, ý nghiệp.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm tu mười thiện đạo, không sanh tâm Thanh văn, không sanh tâm Bích-chi Phật; Bồ-tát ma-ha-tát như vậy trừ thân khẩu ý thô nghiệp.

LUẬN: Hỏi: Những gì là thân khẩu ý tế nghiệp, trái lại là thô?
Đáp: Như trước đã có nói.

Lại nữa, nghiệp của người phàm phu là thô đối với Thanh văn, nghiệp của Thanh văn là thô đối với Đại thừa.

Lại nữa, nghiệp nhô là thô, nghiệp không nhô là tế; nghiệp làm nhân duyên sanh ra khổ thọ là thô, nghiệp không làm nhân duyên sanh ra khổ thọ là tế; nghiệp có giác có quán là thô, nghiệp không giác không quán là tế.

Lại nữa, thấy có ngã cho đến có người biết, người thấy là thô, nếu

không thấy ngã cho đến người biết, người thấy chỉ thấy ba nghiệp, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới là tế.

Lại nữa, có sở kiến gọi là thô, không sở kiến gọi là tế. Vì vậy Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát không thủ đắc tướng thân khẩu ý, thì khi ấy trừ hết ba nghiệp thô.

Lại nữa, khi mới phát tâm trú trong rốt ráo không, hết thảy pháp không thể có được, mà thường thực hành mười thiện đạo, không khởi tâm Thanh văn, Bích-chi Phật, dùng tâm không thủ tướng, hồi hướng tất cả thiện căn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là Bồ-tát trừ thân khẩu ý thô nghiệp, gọi là thanh tịnh.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật tịnh Phật đạo, hành Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật thì đó gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trừ thô nghiệp của thân, khẩu, ý.

Xá-lợi-phất, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật đạo của Bồ-tát ma-ha-tát?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Phật đạo là Bồ-tát ma-ha-tát không thủ đắc thân, không thủ đắc miệng, không thủ đắc ý, không thủ đắc Thí Ba-la-mật cho đến không thủ đắc Bát-nhã Ba-la-mật; không thủ đắc Thanh văn, Bích-chi Phật; không thủ đắc Bồ-tát, không thủ đắc Phật. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Phật đạo của Bồ-tát ma-ha-tát, đó nghĩa là các pháp không thể có được.

LUẬN: Bồ-tát ấy nương tổng tướng sáu Ba-la-mật mà làm tịnh Phật đạo.

Hỏi: Xá-lợi-phất theo Phật nghe biết trừ ba ác ba thô tức là làm tịnh Phật đạo, sao nay còn hỏi?

Đáp: Trước nói tướng ba nghiệp thanh tịnh, nay nói tướng tất cả pháp thanh tịnh; trước nói lược, nay nói tướng riêng; trước chỉ không thủ đắc tướng ba nghiệp, nay không thủ đắc tướng sáu Ba-la-mật, tướng các hiền thánh, Bồ-tát và Phật, ấy gọi là tịnh Phật đạo. Vì hết thảy pháp đều không thể có được. Không thể có được thân cho đến không thể có được Bát-nhã Ba-la-mật; ấy gọi là pháp không. Không thể có được Thanh văn cho đến Phật; ấy gọi là chúng sanh không. Bồ-tát trụ trong hai không ấy, dần dần chứng được Nhất thiết bất khả đắc không. Bất khả đắc không
tức là thật tướng các pháp. Nghĩa Bất khả đắc không này như trong chương Mười tám không ở trước đã nói.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sáu Ba-

la-mật, không gì phá hoại được.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sáu Ba-la-mật, không gì phá hoại được?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi hành sáu Ba-la-mật, không nghĩ có sắc uẩn cho đến thức uẩn, không nghĩ có mắt cho đến ý; không nghĩ có sắc cho đến pháp; không nghĩ có nhãn giới cho đến pháp giới; không nghĩ có Bốn niệm xứ cho đến Tám thánh đạo phần; không nghĩ có Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; không nghĩ có Mười lực cho đến Mười tám pháp không chung; không nghĩ có quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán; không nghĩ có Bích-chi Phật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy tăng ích sáu Ba-la-mật, không gì phá hoại được.

LUẬN: Phật vì Xá-lợi-phất dùng nhiều cách phân biệt các Bồ-tát, tiếp đến nói có Bồ-tát khi mới phát tâm đã không gì phá hoại được. Xá-lợi-phất kinh ngạc vui mừng cung kính các Bồ-tát, thế nên hỏi Bồ-tát chưa dứt kiết sử, chưa chứng thật pháp, vì nhân duyên gì mà không thể phá hoại. Phật đáp rằng, nếu Bồ-tát không nghĩ có sắc, cho đến không nghĩ có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được pháp không ấy cũng được chúng sanh không. Nếu là pháp không, người quán không cũng không, trú ở trong Bát-nhã Ba-la-mật vô ngại ấy, không gì có thể phá hoại được.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, đầy đủ trí tuệ. Do trí tuệ ấy thường không đọa ác đạo, không sanh trong hạng người tệ ác, không làm người nghèo cùng, thọ được thân thể không bị người, trời, A-tu-la chán ghét.

LUẬN: Bồ-tát ấy từ đời trước lại đây ưa vui trí tuệ, học tất cả kinh sách, quán sát suy nghĩ, nghe lượm các pháp, tự dùng trí tuệ suy tìm thật tướng trong hết thảy pháp. Được thật tướng hết thảy pháp, nên được chư Phật thâm tâm ái niệm. Vì nhân duyên của vô lượng trí tuệ và phước đức ấy, nên thân tâm đầy đủ, thường hưởng thụ giàu vui, không điều gì không thể.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thế nào là trí tuệ của Bồ-tát ma-ha-tát?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát dùng trí tuệ ấy thành tựu việc thấy mười phương Hằng hà sa chư Phật và nghe Pháp, thấy Tăng, cũng thấy cõi Phật nghiêm tịnh; Bồ-tát ma-ha-tát dùng trí tuệ ấy, không khởi Phật tưởng, không khởi Bồ-tát tưởng, không khởi Thanh văn, Bích-

chi Phật tưởng, không khởi ngã tưởng, không khởi Phật quốc tưởng; dùng trí tuệ ấy thực hành Thí Ba-la-mật, cũng không thủ đắc tướng Thí Ba-la-mật, cho đến thực hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thủ đắc tướng Bát-nhã Ba-la-mật; thực hành Bốn niệm xứ, cũng không thủ đắc tướng Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, cũng không thủ đắc tướng Mười tám pháp không chung.

Này Xá-lợi-phất! Ấy gọi là trí tuệ của Bồ-tát ma-ha-tát. Dùng trí tuệ ấy có thể đầy đủ hết thảy pháp, cũng không thủ đắc tướng của hết thảy pháp.

LUẬN: Trong đây Phật dạy hai thứ trí tuệ: 1. Phân biệt phá hoại các pháp mà không chấp thủ tướng. 2. Không trước tâm, không thủ tướng, thấy mười phương chư Phật, nghe Pháp.

Hỏi: Làm sao hành Thí Ba-la-mật mà không thủ đắc tướng thí?

Đáp: Không thủ đắc tướng một, tướng khác, tướng thật, tướng không trong bố thí. Bố thí ấy do nhân duyên hòa hợp sanh, từ nôi bố thí ấy làm cho chúng sanh được phước vui và khuyến trợ Phật đạo. Vì vậy, thực hành bố thí cũng không thủ đắc tướng bố thí. Nghĩa không thủ đắc như trên đã nói. Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Ấy gọi là trí tuệ Bồ-tát, có thể đầy đủ hết thảy pháp mà không thủ đắc các pháp.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, sạch nôi năm mắt: Mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát mắt thịt sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Có Bồ-tát mắt thịt thấy xa được trăm do tuần, có Bồ-tát mắt thịt thấy xa được hai trăm do tuần, có Bồ-tát mắt thịt thấy một cõi Diêm-phù-đề, có Bồ-tát mắt thịt thấy được hai châu thiên hạ, ba châu thiên hạ, bốn chân thiên hạ. Có Bồ-tát mắt thịt thấy được tiểu thiên thế giới, có Bồ-tát mắt thịt thấy được trung thiên thế giới, có Bồ-tát mắt thịt thấy được ba ngàn đại thiên thế giới.

Này Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát mắt thịt sạch.

LUẬN: Hỏi: Sao Phật không nói hành Bát-nhã Ba-la-mật sanh năm mắt, mà lại nói sạch năm mắt?

Đáp: Bồ-tát trước có mắt thịt, cũng có một phần bốn mắt kia, vì các tội kiết sử che lấp nên không được trong sạch, như gương tánh nó chiếu sáng, vì nhơ nên không thấy, nếu trừ nhơ thì chiếu sáng như cũ. Bồ-tát

hành sáu Ba-la-mật, Diệt các pháp nhơ, nên mắt được trong sạch.

Mắt thịt: Do nghiệp nhân duyên nên trong sạch, mắt trời do thiền định và nghiệp nhân duyên nên trong sạch, ba mắt kia do tu vô lượng trí tuệ và phước đức nhân duyên nên trong sạch. Tối đại Bồ-tát mắt thịt rất thù thắng, thấy được ba ngàn đại thiên thế giới.

Hỏi: Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới có trăm ức núi Tu-di. các núi Thiết Vi, gò đồi, cây cối làm chướng ngại thì làm sao thấy khắp được? Nếu thấy được thì cần gì dùng mắt trời? Nếu không thấy được, thì sao trong đây nói thấy ba ngàn đại thiên thế giới?

Đáp: Không vì chướng ngại nên thấy, nếu không chướng ngại thì thấy được ba ngàn thế giới, như xem bàn tay không khác.

Lại nữa, có người nói: Mắt trời của Bồ-tát có hai thứ:

1. Do sức thiền định mà được.
2. Do quả báo của hành nghiệp đời trước mà được.

Do nghiệp báo sanh mắt trời thường ở trong mắt thịt, vì vậy các vật trong ba ngàn thế giới không thể làm ngăn ngại. Nhờ mắt trời mở chướng ngại mà mắt thịt được thấy. Thế nên mắt thịt được gọi là mắt trời, do quả báo sanh, thường ở trước mặt, không đợi phải nhiếp tâm.

Hỏi: Phật là Thế Tôn, có lực thấy cùng khắp, cớ sao chỉ thấy một ba ngàn đại thiên thế giới, chứ không thấy nhiều hơn?

Đáp: Nếu mắt thịt mà quá ba ngàn đại thiên thế giới còn thấy được thì đâu cần mắt trời, vì mắt thịt thấy không đến kịp, mới tu học mắt trời.

Lại nữa, ba ngàn đại thiên thế giới, kiếp ban sơ cùng một lúc sanh ra, kiếp tận cùng, một lúc diệt đi, ngoài thế giới, vô ương số do tuần đều là hư không; trong hư không thường có gió, mắt thịt trái với gió, vì trái nên không thể thấy xuyên qua thế giới khác. Hoặc có Bồ-tát ở trên cảnh ba ngàn thế giới, kể về số đạo chứng, cũng có thể thấy thế giới gần của phương khác.

Hỏi: Bồ-tát và Phật sao không chứa nhóm vô lượng phước đức thanh tịnh, để làm cho mắt thịt ở xa cũng thấy được?

Đáp: Nhân duyên mắt thịt hư dối không sạch, nhân duyên mắt trời trong sạch, nếu không mắt trời, sẽ tập luyện mắt thịt, cưỡng làm cho thấy xa.

Lại nữa, như trong Kinh nói, cực xa thấy được ba ngàn thế giới. Phật pháp không thể nghĩ bàn, kinh pháp rất nhiều hoặc có thể thấy xa, chỉ trong đây không nói mà thôi. Bồ-tát nhỏ xa thấy Phật đạo, thấy được hai ngàn trung thiên thế giới, vì không gieo nhân duyên hành nghiệp

thanh tịnh nên nhỏ, còn người không bằng thì thấy được tiểu thiên thế giới; lại người không bằng nữa thì thấy bốn châu thiên hạ (châu Nam Diêm-phù-đề, Bắc-cu-lô, Đông Uất-đơn-việt, và Tây Ngưu-hóa) một núi Tu-đi, một mặt trời mặt trăng. Lại thấy ba châu thiên hạ, hai châu thiên hạ, một châu thiên hạ, ngàn do tuần cho đến trăm do tuần; ấy gọi là mắt thịt sạch tối tiểu.

Hỏi: Sao không nói chín mươi, tám mươi... do tuần cho là nhỏ? Đáp: Chuyển luân thánh vương thấy được xa quá hơn người khác.

Lại có người do nhân duyên đời trước đốt đèn... nên được căn mắt kiên cố, có thể thấy xa, tuy xa nhưng không thấy được trăm do tuần. Vì vậy, Bồ-tát nhỏ thì thấy được trăm do tuần.

Hỏi: Mặt trời mặt trăng ở trên cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do tuần, người đều trông thấy, cớ sao không thể thấy trăm do tuần, thấy trăm do tuần đâu đủ kể?

Đáp: Mặt trời mặt trăng tuy xa, tự có ánh sáng chiếu trở lại mình, nên người được trông thấy, các màu sắc khác không như vậy.

Lại mặt trời mặt trăng ở xa, tuy thấy mà điên đảo. Vì sao? Vì mặt trời mặt trăng vuông tròn năm trăm do tuần mà trông thấy không quá như chiếc quạt; lớn mà thấy nhỏ, điên đảo chẳng thật. Bồ-tát mắt thịt không như vậy.

Hỏi: Bồ-tát đã được mắt thịt, thấy được việc gì?

Đáp: Thấy sắc có thể thấy. Nghĩa sắc đã nói rõ trong chương nói về sắc uẩn.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát có mắt trời trong sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát có mắt trời thấy được chỗ trời Tứ thiên vương trông thấy; thấy được chỗ trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại trông thấy; thấy được chỗ vua Phạm thiên cho đến trời Sắc cứu cánh trông thấy. Chỗ mắt trời của Bồ-tát thấy được, thì trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc Cứu Cánh đều biết đều thấy.

Này Xá-lợi-phất! Mắt trời của Bồ-tát ma-ha-tát ấy thấy chúng sanh trong mười phương hằng hà sa thế giới chư Phật, chết đây sanh kia.

Này Xá-lợi-phất! Ấy là mắt trời sạch của Bồ-tát.

LUẬN: Mắt trời của Bồ-tát có hai: 1. Do quả báo được 2. Do tu thiền được. Do quả báo được thì thường hợp với mắt thịt mà dùng, duy trong đêm tối thì chỉ dùng mắt trời. Các người được quả báo có mắt trời, thì thấy bốn châu thiên hạ và các trời cõi Dục; thấy dưới không thấy

trên, Bồ-tát được quả báo có mắt trời thì thấy ba ngàn đại thiên thế giới.

Mắt trời do thiền định lìa dục mà có được thì thấy, như đã nói ở chương Thiên nhãn minh trong mười lực trước kia. Bồ-tát dùng mắt trời ấy thấy chúng sanh mười phương hằng hà sa thế giới, sanh chết, tốt xấu, lành dữ, và nhân duyên nghiệp lành dữ, không gì chướng ngại. Hết thảy đều thấy chỗ trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc Cứu Cánh trông thấy, lại có thể thấy xa hôn, mà chư thiên ấy không biết được chỗ mắt trời của Bồ-tát trông thấy. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy ra khỏi ba cõi, được pháp tánh sanh thân, được Bồ-tát mười lực.

Do các nhân duyên như vậy, mắt trời của Bồ-tát sạch, bàn về mắt trời của các Bồ-tát khác, như trong chương tán thán năm thần thông của Bồ-tát đã nói rõ.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát mắt tuệ sạch thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát có mắt tuệ không nghĩ rằng có pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Bồ-tát có mắt tuệ, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không hay, không pháp gì không biết.

Này Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát mắt tuệ sạch.

LUẬN: Mắt thịt không thấy được việc ở ngoài vật chướng, lại không thể thấy xa, cho nên cầu mắt trời. Mắt trời tuy lại thấy được, nhưng cũng là hư dối. Thấy tướng một, tướng khác, tướng nam tướng nữ, tướng cây cỏ... vì thấy các vật hòa hợp hư dối, cho nên cầu mắt tuệ. Trong mắt tuệ không có các lỗi như thế.

Hỏi: Nếu như vậy, thế nào là tướng trạng mắt tuệ?

Đáp: Có người nói: Chánh kiến trong Tám thánh đạo là tướng trạng mắt tuệ; vì thấy được thật tướng của năm thọ uẩn, và phá các phiền não.

Có người nói: Tuệ duyên được Niết-bàn, gọi là mắt tuệ, vì sở duyên là Niết-bàn không thể phá hoại, nên trí tuệ ấy chẳng phải hư dối.

Có người nói: Tuệ tương ưng với ba môn giải thốt, ấy gọi là mắt tuệ. Vì sao? Vì tuệ ấy mở được cửa Niết-bàn.

Có người nói: Trí tuệ hiện tiền quán được thật tế, rõ ràng thâm nhập, thông đạt biết hết, ấy gọi là mắt tuệ.

Có người nói: Thông đạt được pháp tánh, thẳng qua không ngại. Có người nói: Định tâm biết các pháp tướng như, ấy gọi là mắt tuệ.

Có người nói: Pháp không ấy là mắt tuệ.

Có người nói: Trong Bất khả đắc không cũng không có pháp không;

ấy gọi là mắt tuệ.

Có người nói: Mười tám không đều là mắt tuệ.

Có người nói: Si và tuệ chẳng phải một, chẳng phải khác, pháp thế gian không khác xuất thế gian, pháp xuất thế gian không khác thế gian. Pháp thế gian tức là xuất thế gian, pháp xuất thế gian tức là thế gian. Vì sao? Vì khác nhau là không thể có được. Các quán dứt (quán hữu, vô, nhất, dị, thường, vô thường, ngã, vô ngã... N D), các tâm hành chuyển trở lại không đi đâu (tức tâm không chạy theo cái gì -N D) dứt hết thảy ngôn ngữ, thắng thế gian như Niết-bàn, chẳng khác. Được trí tuệ ấy, gọi là mắt tuệ.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói: Bồ-tát có mắt tuệ, đối với hết thảy pháp không nghi hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu... ấy gọi là mắt tuệ. Nếu Bồ-tát thấy hữu vi, thế gian, hữu lậu, tức đọa vào trong hữu kiến; nếu thấy vô vi, xuất thế gian, vô lậu tức là đọa vào trong vô kiến. Hai kiến hữu vô ấy bỏ, lấy tuệ không hý luận, hành theo trung đạo, ấy gọi là mắt tuệ.

Được mắt tuệ ấy, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không hay, không pháp gì không biết. Vì sao? Vì được mắt tuệ ấy phá các pháp tà vạy, các pháp vô minh, tổng tướng biệt tướng, mỗi mỗi đều như pháp.

Hỏi: A-la-hán, Bích-chi Phật cũng được mắt tuệ, cớ sao không nói không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không hay, không pháp gì không biết?

Đáp: Mắt tuệ có hai thứ: 1. Tổng tướng. 2. Biệt tướng. Thanh văn, Bích-chi Phật chỉ thấy tổng tướng các pháp, là vô thường, khổ, không... còn Phật dùng tuệ quán thấy cả tổng tướng biệt tướng; các pháp Thanh văn, Bích-chi Phật tuy có mắt tuệ mà có lượng có hạn.

Lại nữa, mắt tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật, tuy thấy thật tướng các pháp, vì nhân duyên ít nên mắt tuệ cũng ít, không thể soi khắp pháp tánh. Ví như đèn dầu và tim tuy sạch mà vì nhỏ nên không thể chiếu rộng. Mắt tuệ của chư Phật chiếu thật tánh các pháp, tận cùng ngần mé, vì vậy nên không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không tri, không pháp gì không thức. Ví như khi kiếp tận, lửa đốt ba ngàn thế giới, sáng không đâu không chiếu.

Lại nữa, nếu mắt tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật không pháp gì không biết, thì có khác gì với bậc Nhất thiết trí? Bồ-tát đời đời chứa nhóm phước đức trí tuệ khổ hạnh, dùng vào việc gì?

Hỏi: Phật dùng mắt Phật, không pháp gì không biết, chứ chẳng phải

là mắt tuệ, vậy sao nay nói mắt tuệ không pháp gì không biết?

Đáp: Mắt tuệ khi thành Phật biến thành mắt Phật, vì các phiền não vô minh... và tập khí đã diệt, nên đối với hết thảy pháp đều biết rõ. Như trong chương Phật nhãn nói không pháp gì không thấy, nghe, hay, biết. Vì vậy mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, khi thành Phật mất tên cũ, chỉ còn gọi là mắt Phật. Ví như bốn sông lớn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) chảy vào biển thì mất tên cũ. Vì sao? Vì mắt thịt do nghiệp phiền não hữu lậu sanh, nên hư dối không thật, chỉ có mắt Phật không hư dối. Mắt trời cũng do nhân duyên thiền định hòa hợp sanh, hư dối không thể thật thấy vật. Mắt tuệ, mắt pháp, vì tập khí phiền não chưa hết, không rốt ráo thanh tịnh nên phải bỏ. Trong mắt Phật không có sai lầm, cùng tận biên tế vì vậy mắt tuệ của A-la-hán, Bích-chi Phật không thể rốt ráo thanh tịnh, nên không thể pháp gì cũng thấy được.

Hỏi: Phật hiện tại được quả báo mắt thịt, có thể thấy sắc, việc ấy thế nào?

Đáp: Mắt thịt tuy sanh nhãn thức, mà Phật không theo tác dụng của nó, không cho là thật, như trong chương Thánh thần thông tự tại nói: Phật bảo A-nan, có khi mắt thấy sắc đẹp sanh tâm chán ghét, có khi mắt thấy sắc xấu sanh tâm không chán ghét, hoặc có khi thấy sắc mà không sanh tâm ô uế không ô uế, chỉ sanh tâm xả bỏ. Như vậy thì mắt thịt không có thiết dụng gì.

Lại nữa, có người nói: Khi được thánh đạo, năm căn thanh tịnh khác xưa.

Lại nữa, các pháp rốt ráo không, và các pháp thông suốt vô ngại, cả hai chung là mắt tuệ.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 40

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN: VÃNG SANH

Phần 3

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được mắt pháp thanh tịnh thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát dùng mắt pháp biết người ấy tu theo lòng tin (tùy tín hành) người ấy tu theo sự hiểu pháp (tùy pháp hành), người ấy tu vô tướng, người ấy tu môn không giải thốt, người ấy tu môn vô tướng giải thốt, người ấy tu môn vô tác giải thốt, được năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được năm căn nên được vô gián tam-muội, được vô gián tam-muội nên được trí giải thốt; được trí giải thốt nên dứt ba kiết là hữu thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Người ấy gọi là Tu-đà-hoàn.

Người ấy được tư duy đạo, làm mỏng dâm, nộ, si sẽ được Tư-đà-hàm.

Tăng tấn tư duy đạo, dứt dâm, nộ, si, sẽ được A-na-hàm.

Tăng tấn tư duy đạo, dứt ô nhiễm thuộc cõi Sắc, ô nhiễm thuộc cõi Vô sắc, dứt vô minh, kiêu mạn, trạo hối, được A-la-hán.

Người ấy tu môn không, vô tướng, vô tác giải thốt, được năm căn; được năm căn nên được vô gián tam-muội; được vô gián tam-muội nên được trí giải thốt; được trí giải thốt nên biết tập pháp đều là diệt pháp, thành Bích-chi Phật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt pháp thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát biết Bồ-tát ấy khi mới phát tâm tu Thí Ba-la-mật, cho đến tu Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu tín căn, tinh tấn căn, thiện căn thuần hậu, dùng lực phương tiện vì chúng sanh mà thọ thân, hoặc sanh vào dòng Sát-đế-lợi, hoặc sanh vào dòng Bà-la-môn, hoặc sanh vào nhà Đại cư sĩ, hoặc sanh vào trời Tứ thiên vương, cho đến cõi Tha-hóa-tự-tại. Bồ-tát ấy ở trong đó thành tựu chúng sanh, theo chỗ họ ưa thích cấp thí cho, cũng làm tịnh Phật quốc độ, gặp chư Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Pháp thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát biết Bồ-tát ấy thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết Bồ-tát ấy không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; biết Bồ-tát ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết Bồ-tát ấy chưa được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; biết Bồ-tát ấy đến địa vị bất thối chuyển, biết Bồ-tát ấy chưa đến địa vị bất thối chuyển; biết Bồ-tát ấy đầy đủ thần thông, biết Bồ-tát ấy chưa đầy đủ thần thông, biết Bồ-tát ấy đã đầy đủ thần thông bay đến mười phương hằng hà sa thế giới, thấy chư Phật cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán, biết Bồ-tát ấy chưa được thần thông, sẽ được thần thông; biết Bồ-tát ấy sẽ tịnh Phật độ, không tịnh Phật độ; biết Bồ-tát ấy thành tựu chúng sanh, chưa thành tựu chúng sanh; biết Bồ-tát ấy được chư Phật khen người, không khen ngợi; biết Bồ-tát ấy thân cận chư Phật, không thân cận chư Phật; biết Bồ-tát ấy thọ mạng có lượng, thọ mạng vô lượng; biết Bồ-tát ấy khi thành Phật, chúng Tỳ-kheo có lượng, chúng Tỳ-kheo vô lượng. Biết Bồ-tát ấy khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lấy Bồ-tát làm Tăng chúng, không lấy Bồ-tát làm Tăng chúng; biết Bồ-tát ấy sẽ tu khổ hạnh khó hành, không tu khổ hạnh khó hành; biết Bồ-tát ấy một đời bổ xứ, chưa một đời bổ xứ. Biết Bồ-tát ấy thọ thân tối hậu, chưa thọ thân tối hậu; biết Bồ-tát ấy ngồi được đạo tràng, không ngồi được đạo tràng; biết Bồ-tát ấy có ma phá, không ma phá.

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Pháp thanh tịnh.

LUẬN: Bồ-tát ma-ha-tát khi mới phát tâm, lấy mắt thịt thấy thế giới chúng sanh, chịu các khổ hoạn, tâm sanh thương xót, nên học các thiền định, tu được năm thông, lại lấy mắt trời thấy khắp chúng sanh trong sáu đường, chịu các thứ thân khổ, tâm khổ, càng thêm thương xót, nên cầu mắt tuệ để tế độ.

Được mắt tuệ rồi thấy chúng sanh tâm tưởng không đồng nhau, làm sao khiến chúng sanh ngộ được thật pháp, nên cầu mắt pháp, dẫn đạo chúng sanh vào trong pháp, nên gọi là mắt pháp. Nghĩa là biết người ấy tu theo lòng tin, người ấy tu theo sự hiểu pháp, bắt đầu vào đạo vô lậu. Người độn căn là người tu theo lòng tin, người này ban đầu nương sức tin mà đắc đạo, ấy gọi là tùy tín hành.

Người lợi căn là người tu theo sự hiểu pháp, người này do phân biệt các pháp mà đắc đạo ấy, ấy gọi là tùy pháp hành.

Hai hạng người này, đối với mười lăm tâm (khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí... cho đến đạo loại nhẫn, đạo loại trí – ND) gọi là vô tướng hành,

quá đây trở đi hoặc gọi Tu-đà-hoàn, hoặc gọi Tư-đà-hàm, hoặc gọi A-na-hàm. Mười lăm tâm đi qua rất mau không thể thủ được tướng nó, nên gọi là vô tướng.

Có người từ vô thỉ lại đây, tánh thường chất trực, ưa thích sự thật; có người ưa hạnh xả lìa, có người đời đời thường ưa thiện tịch.

Người ưa sự thật, thì dùng môn Không giải thốt mà đắc đạo, vì trong các thứ thật, Không là thật đệ nhất.

Người ưa hạnh xả lìa thì tu môn Vô tác giải thốt mà đắc đạo. Người ưa thiện tịch thì tu môn Vô tướng giải thốt mà đắc đạo.

Hỏi: Cớ sao nói được năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ)?

Đáp: Có người nói: Hết thảy thánh đạo, gọi là năm căn. Năm căn thành lập tám căn (năm căn và ba căn vô lậu là: vị tri đương, dĩ tri, cụ tri căn - ND) tuy đều là thiện mà ba vô lậu căn không có riêng khác, vì vậy chỉ nói năm căn.

Tam-muội tương ưng lúc thủ chứng quả, gọi là vô gián tam-muội. Được tam-muội ấy rồi, được trí giải thốt. Lấy trí giải thốt ấy dứt ba kiết, được chứng quả.

Có thân kiến: Ở trong năm thọ uẩn thấy có ngã, ngã sở.

Nghi: Không tin Tam bảo và lý Tứ đế.

Giới cấm thủ: Chấp thủ pháp của chín mươi sáu thứ ngoại đạo, hy vọng giải thốt khổ.

Hỏi: Thấy lý Tứ đế dứt mười kiết được quả Tu-đà-hoàn, cớ sao đây chỉ nói dứt ba kiết, không nói bảy kiết kia?

Đáp: Nếu nói có kiến là đã nói hết thảy kiến kiết. Như trong Kinh nói có kiến là cội gốc của sáu mươi hai kiến. Nếu người chấp ngã, lại suy nghĩ ngã là thường hay vô thường? Nếu bảo vô thường thì đọa vào đoạn diệt kiến, rồi sanh tà kiến, cho là không có tội phước. Nếu bảo là thường, thì đọa vào thường kiến, sanh giới cấm thủ, chấp nó để hy vọng đắc đạo, hoặc tu để được cái vui phước đức đời sau. Muốn được hai việc ấy nên thủ giới. Vì cầu nhân duyên khổ vui nên bảo là do trời làm, lại sanh ra kiến thủ. Nếu nói có thân kiến là đã bao gồm hai kiến là biên kiến và tà kiến. Nếu nói giới cấm thủ, là đã nói kiến thủ. Còn bốn kiết kia vì chưa nhổ gốc, nên không nói. Mười kiết này do nơi bốn đế ở trong ba cõi để dứt trừ, nên phân biệt có tám mươi tám sử.

Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, phân biệt thành Thanh văn và Bích-chi Phật đạo, như trước nói.

Mắt pháp của Bồ-tát có hai: 1. Phân biệt biết môn phương tiện đắc đạo của Thanh văn, Bích-chi Phật. 2. Phân biệt biết môn phương tiện

đắc đạo của Bồ-tát.

Pháp Thanh văn, Bích-chi Phật trước đã nói ở nhiều nôi. Nay sẽ phân biệt pháp của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát biết Bồ-tát ấy thực hành sáu Ba-la-mật sâu xa, mỏng các phiền não, nên dùng tín căn, tinh tấn căn và phương tiện, vì độ chúng sanh mà thọ thân. Vị Bồ-tát nhục thân sanh tử này, chưa được pháp tánh thần thông pháp thân, nên không nói ba căn. Vì chưa lìa dục, đời nay thực hành công đức bố thí với tín căn, tinh tấn căn, nên đời sau sanh vào dòng Sát-lợi, cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại. Trước biết nhân, sau biết quả.

Lại nữa, Bồ-tát không thối chuyển, là như trước nói tướng trạng không thối chuyển, cũng như trong phẩm không thối chuyển ở sau nói. Trái với đây, gọi là thối chuyển.

Bồ-tát không thối chuyển có hai: 1. Thọ ký. 2. Chưa thọ ký. Như trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội nói bốn thứ thọ ký.

Đầy đủ thần thông: Ở khắp mười phương hằng hà sa thế giới, trong một lúc có thể biến hóa ra vô lượng thân, cúng dường chư Phật và nghe pháp, thuyết pháp độ chúng sanh. Các việc ấy, trừ Phật không ai có được, ấy là thân tối hậu. Bồ-tát trái với đây, gọi là không đầy đủ.

Lại nữa, trong mỗi tự địa, không thiếu gì, gọi là đầy đủ trong mỗi tự địa chưa thành tựu, ấy là không đầy đủ.

Được thần thông có hai: 1. Có dùng. 2. Không dùng.

Chưa được thần thông là có Bồ-tát mới phát tâm nên chưa được thần thông. Hoặc vì chưa lìa dục, vì tâm giải đãi, vì tu pháp khác, ấy là chưa được. Trái với đây là được.

Tịnh Phật độ, chưa tịnh Phật độ như trước nói.

Thành tựu chúng sanh có hai: Có người trước tự thành công đức, sau mới độ chúng sanh; có người trước thành tựu chúng sanh, sau mới tự thành công đức. Như Phật Bảo Hoa, khi sắp vào Niết-bàn quán tâm hai Bồ-tát Di-lặc và Thích-ca Văn, thấy Di-lặc Bồ-tát tự công đức thành tựu mà đệ tử chưa thành tựu, Thích-ca Văn Bồ-tát thì đệ tử thành tựu mà tự thân chưa thành tựu. Thành cho nhiều người khó, tự thành cho mình dễ. Nghĩ như vậy rồi (Phật Bảo Hoa) liền vào trong hang báu của núi Tuyết, thân phóng hào quang. Khi ấy Thích-ca Văn Bồ-tát thấy Phật, nhiếp tâm thanh tịnh, một chân đứng luôn bảy ngày bảy đêm, dùng một bài kệ tán Phật. Do nhân duyên ấy mà vượt qua chín kiếp tu hành.

Như vậy biết người thành tựu chúng sanh, không thành tựu chúng sanh.

Chư Phật ngợi khen như trước đã nói, trái với đó gọi là chẳng người

khen.

Thân cận chư Phật, thọ mạng vô lượng, vô lượng Tỳ-kheo tăng, thuần Bồ-tát làm Tăng: không tu khổ hạnh, các nghĩa này như đã nói ở cuối Phẩm tựa đầu.

Một đời bổ xứ là, hoặc do xem tướng mà biết, như Đạo sĩ A-tư-đà xem tướng Thái-tử mà biết Ngài thành Phật ngay ở đời này. Bà-la-môn Sằn-nhã-bà thấy con nai sữa, biết người ngày nay thành Phật nên ăn. Như Bồ-tát Biến-cát. Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi..., thấy các Bồ-tát ấy tướng như chư Phật, biết sẽ thành Phật,...

Ngồi đạo tràng là, có Bồ-tát thấy chỗ Bồ-tát đi, dưới đất có đất Kim-cang giữ gìn Bồ-tát ấy. Lại thấy trời rồng quỉ thần mang các thứ cúng dường đến đạo tràng. Do những việc như vậy, biết ngồi đạo tràng. Có ma là, đời trước ngăn người khác hành đạo, và theo các cách cầu Phật đạo, không ưa thực hành Từ bi, chỉ ưa thực hành các pháp không, vô tướng...; do nhân duyên như vậy nên có ma phá hoại.

Hỏi: Cớ sao Bồ-tát thân cuối cùng còn chịu báo ác nghiệp có ma đến phá?

Đáp: Bồ-tát theo nhiều cửa vào Phật đạo, hoặc theo cửa Từ bi, cửa Tinh tấn, Trí tuệ mà vào Phật đạo. Bồ-tát này theo cửa Tinh tấn, Trí tuệ, không hành Bi tâm, ưa hành Tinh tấn, Trí tuệ; ví như người sang, tuy có nhiều thứ áo đẹp, hoặc có khi mặc một cái, các cái khác không mặc. Bồ-tát cũng như vậy tu các hạnh để cầu Phật đạo, hoặc tu Tinh tấn, Trí tuệ, dứt mất tâm Từ bi.

Phá người hành đạo là, vì tăng trưởng mạn, nên các trời trường thọ, ma quỷ thần không biết Bồ-tát phương tiện, thấy làm ác hành mà sao không chịu khổ báo, bèn sanh tà kiến chấp đoạn diệt, nên Phật thị hiện thọ báo. Vì vậy tuy không có nhân duyên tội, không có ma thật đến phá, mà Phật dùng phương tiện thị hiện có ma.

Hết thảy môn phương tiện của Thanh văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát như vậy, để làm cho chúng sanh vào đạo, ấy gọi là mắt pháp thanh tịnh.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Phật thanh tịnh thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Có Bồ-tát ma-ha-tát tâm cầu Phật đạo, thứ lớp vào Như Kim cang tam-muội, được trí nhất thiết chủng. Bấy giờ thành tựu Mười lực, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi. Bồ-tát ma-ha-tát ấy dùng trí nhất thiết chủng, đối hết thảy pháp, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không hay, không pháp gì không biết.

Này Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được mắt Phật thanh tịnh.

Như vậy Xá lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Năm mắt thì nên học Sáu Ba-la-mật. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì trong Sáu Ba-la-mật ấy thu nhiếp hết thảy thiện pháp. Như pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu nói chắc thật, cái có thể thu nhiếp tất cả thiện pháp, chính là Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật có thể sanh Năm mắt, Bồ-tát học Năm mắt là chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ-tát trú trong Mười địa, đầy đủ Sáu Ba-la-mật, cho đến Trí nhất thiết chủng. Bồ-tát vào Như Kim-cang tam-muội, phá các tập khí phiền não, liền được vô ngại giải thốt của chư Phật, liền sanh mắt Phật, đó là Trí nhất thiết chủng, Mười lực, Bốn trí vô ngại, cho đến Đại từ Đại bi các công đức, ấy gọi là mắt Phật.

Hỏi: Trí tuệ thấy vật, đó là tướng trạng của mắt, cớ sao Đại từ Đại bi mà gọi là mắt?

Đáp: Các công đức đều tương ưng với mắt tuệ, gọi chung là mắt.

Lại nữa, tâm Từ bi có ba: chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên.

Tâm từ của người phàm phu duyên chúng sanh mà phát, tâm từ của Thanh văn, Bích-chi Phật và Bồ-tát ban đầu duyên chúng sanh sau duyên pháp mà phát, tâm Từ của chư Phật khéo tu "rốt ráo không" nên gọi là vô duyên; thế nên từ bi cũng gọi là mắt Phật.

Đã nói mắt Phật, nay nói công dụng của mắt Phật. Mắt ấy không pháp gì không thấy, không nghe, không hay, không biết.

Lại nữa, có người nói Bồ-tát thập trụ không khác với Phật, như Bồ-tát Biến-cát, Văn-thù-sư-lợi, Quán Thế âm... đầy đủ công đức, mười lực như Phật, mà vì rộng độ chúng sanh nên không làm Phật, cho nên sanh nghi. Vì vậy nên nói tướng trạng của mắt Phật là đối với mười phương chúng sanh và các pháp, không gì không thấy, không gì không nghe. Các Bồ-tát Biến-cát... đối với các Bồ-tát khác thì lớn, nhưng so với Phật thì không thể biết khắp; như ánh sáng mặt trăng tuy lớn, nhưng đối với mặt trời thì không hiện.

Hỏi: Tướng trạng của mắt là thấy, cớ sao nói nghe?

Đáp: Trí tuệ của chúng sanh là sáu căn phát sanh, biết sáu trần. Có người nói: Phật có việc không nghe, như đối với kinh sách ngoại đạo hoặc có việc Phật không nghe được. Thế nên nói trí tuệ Phật không việc

gì không nghe.

Lại do nhớ thức làm nhân duyên sanh trí tuệ, trí tuệ biết được, nói là không việc gì không nghe.

Hỏi: Vì sao có cái biết của ba thức hiệp làm một, có cái biết của ba thức tách làm ba? Mắt gọi là thấy, tai gọi là nghe, ý biết gọi là thức, còn cái biết của mũi, lưỡi, thân gọi là giác?

Đáp: Ba thức mắt, tai, ý, giúp đạo pháp nhiều, nên nói tách riêng, còn ba thức kia không được như vậy nên nói hợp lại. Và ba thức này chỉ biết việc thế gian, nên hợp làm một, còn ba thức mắt, tai, ý biết việc thế gian cũng biết việc xuất thế gian, nên nói tách riêng.

Lại nữa, ba thức mũi, lưỡi, thân chỉ duyên pháp vô ký, còn ba thức mắt, tai, ý hoặc duyên pháp thiện hoặc duyên pháp bất thiện, hoặc duyên pháp vô ký.

Lại nữa, ba thức làm nhân duyên sanh ba thừa: như mắt thấy Phật và đệ tử Phật, tai nghe Pháp, tâm suy lường, chánh ức niệm.

Có các sai biệt như vậy, nên cái biết nói sáu thức chia làm bốn.

Trí nhất thiết chủng là, như người thấy gần không thấy xa, thấy ngoài không thấy trong, thấy thô không thấy tế, thấy đông không thấy tây, thấy đây không thấy kia, thấy hòa hợp không thấy tan rã, thấy khi sanh không thấy khi diệt.

Mắt thịt thấy, mắt trời không thấy, vì người phàm phu nhãn căn thành tựu mà chưa lìa dục nên không có mắt trời. Mắt trời thấy, mắt tuệ không thấy, vì người phàm phu được Thiên nhãn thông mà không có mắt tuệ. Mắt tuệ thấy mắt pháp không thấy, vì hàng Thanh văn chưa lìa dục, không biết các phương pháp độ chúng sanh, nên không có mắt pháp. Mắt pháp thấy mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát được Đạo chủng trí, biết các phương pháp độ sanh mà chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Lại nữa, mắt thịt mắt trời thấy, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì người phàm phu nhãn căn thành tựu, được Thiên nhãn thông mà không có mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật. Mắt thịt, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì hàng Thanh văn nhãn căn thành tựu mà không biết các phương pháp độ chúng sanh nên không có mắt pháp, vì là Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt thịt, mắt pháp thấy mắt Phật không thấy, vì mới được vô sanh nhẫn, chưa thọ pháp tánh sanh thân Bồ-tát, được Đạo chủng trí, vì chưa thành Phật, nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt tuệ thấy mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì người Thanh văn lìa dục, được Thiên nhãn thông chẳng phải là Bồ-tát, không có Đạo chủng trí nên không có mắt pháp, vì là người Thanh văn nên không có mắt Phật.

Mắt trời, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì được Bồ-tát thần thông, biết các phương pháp độ chúng sanh mà chưa thành Phật nên không có mắt Phật. Mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn rồi, có thể quán thấy nhân duyên đắc đạo của hết thảy chúng sanh, dùng các phương pháp mà độ thốt, song chưa thành Phật, nên không có mắt Phật.

Lại nữa, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy. Vì hàng Thanh văn nhãn căn thành tựu được Thiên nhãn thông, mà không Đạo chủng trí, nên không có mắt pháp, vì là Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì pháp tánh sanh thân Bồ-tát, đủ sáu thần thông, dùng các phương pháp độ chúng sanh, mà vì chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Lại nữa, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát mới được vô sanh pháp nhẫn, chưa bỏ nhục thân, được Bồ-tát thần thông, vô sanh pháp nhẫn, Đạo chủng trí đầy đủ, mà vì chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Như vậy không thể gọi là không pháp gì không thấy, không nghe, không hay, không biết. Nếu dùng mắt Phật xem các pháp, ấy gọi là không có gì không thấy, không có gì không nghe, không có gì không hay, không có gì không biết. Theo nghĩa phân biệt năm trần cũng như vậy.

Các thiện pháp của ba thừa là nhân duyên được năm mắt.

Các thiện pháp thu nhiếp vào Sáu Ba-la-mật.

Sáu Ba-la-mật lấy Bát-nhã Ba-la-mật làm gốc.

Vì vậy nói Bát-nhã Ba-la-mật sanh ra Năm mắt. Bồ-tát dần dần học Năm mắt ấy, không lâu sẽ làm Phật.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Thần thông Ba-la-mật. Dùng thần thông Ba-la-mật ấy, được các việc như ý: rung động đại địa, biến một thân làm vô số thân, vô số thân làm một thân, ẩn hiện tự tại, đi qua núi vách cây cối vô ngại như đi giữa không, đi trên nước như đi trên đất, bay trên không như chim, ra vào trong đất như ra vào trong nước, thân tuôn khói lửa như đống lửa lớn, trong thân ra nước như nước chảy từ núi Tuyết. Mặt trời mặt trăng, cho đến Phạm thiên oai đức khó đương, mà có thể sờ nắm, cho đến Phạm thiên, thân được tự tại, cũng không đắm trước thần thông như ý như vậy. Việc thần thông và thân ta đều không thể có được, vì tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh, không nghĩ rằng: Ta được thần thông như ý, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, được trí chứng Như ý thông.

Lại, Bồ-tát ấy lấy tai trời trong sạch hôn tai người, nghe hai thứ tiếng: tiếng trời tiếng người, cũng không đắm trước thần thông Thiên nhó ấy. Thiên nhó, tiếng và thân ta đều không thể có được. Vì tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có tai trời ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, được trí chứng Thiên nhĩ thông.

Bồ-tát ấy như thật biết tâm các chúng sanh khác hoặc có tâm dục như thật biết tâm dục; tâm lìa dục như thật biết tâm lìa dục; tâm sân như thật biết tâm sân; tâm lìa sân như thật biết tâm lìa sân; tâm si như thật biết tâm si; tâm lìa si, như thật biết tâm lìa si; tâm khát ái như thật biết tâm khát ái, tâm không khát ái như thật biết tâm không khát ái; tâm có thọ như thật biết tâm có thọ; tâm không thọ như thật biết tâm không thọ; tâm thu nhiếp như thật biết tâm thu thiếp, tâm phân tán như thật biết tâm phân tán; tâm nhỏ như thật biết tâm nhỏ; tâm lớn, như thật biết tâm lớn; tâm định như thật biết tâm định; tâm loạn như thật biết tâm loạn; tâm giải thốt như thật biết tâm giải thốt; tâm không giải thốt, như thật biết tâm không giải thốt; tâm có trên như thật biết tâm có trên; tâm không trên như thật biết tâm không trên; cũng không đắm trước tâm ấy. Vì sao? Tướng tâm ấy chẳng phải tâm, vì bất khả tư nghì, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta được trí chứng tha tâm, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật được "trí chứng Tha tâm thông".

Lại Bồ-tát ấy dùng trí chứng Túc mạng thông, nhớ lại một tâm đến trăm tâm, nhớ lại một ngày đến trăm ngày, nhớ lại một tháng đến trăm tháng, nhớ lại một năm đến trăm năm, nhớ lại một kiếp đến trăm kiếp, vô số trăm kiếp, vô số ngàn kiếp, vô số trăm ngàn kiếp, cho đến vô số trăm ngàn vạn ức kiếp; ta ở chỗ ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, ăn như vậy, ở lâu như vậy, sống có hạn như vậy, sống lâu như vậy, thọ khổ vui như vậy, ta chết chỗ ấy sanh chỗ kia, chết chỗ kia sanh chỗ ấy, có tướng mạo, có nhân duyên. Cũng không chấp trước túc mạng thông ấy. Vì việc túc mạng thông và thân ta đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có Túc mạng thông ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-

la-mật được trí chứng Túc mạng thông.

Lại Bồ-tát ấy dùng mắt trời thấy chúng sanh khi chết, khi sanh, đoan chánh, xấu xí, chỗ dữ, chỗ lành, hoặc lớn, hoặc nhỏ, biết chúng sanh theo nghiệp nhân duyên; các chúng sanh ấy thành tựu thân ác nghiệp, thành tựu khẩu ác nghiệp, thành tựu ý ác nghiệp, cố hủy báng thánh nhân; chịu nhân duyên tà kiến như vậy, nên khi thân hoại đọa vào trong địa ngục ác đạo. Các chúng sanh ấy, thành tựu thân thiện nghiệp, thành tựu khẩu thiện nghiệp, thành tựu ý thiện nghiệp, không hủy báng thánh nhân; chịu nhân duyên chánh kiến như vậy, nên khi mạng chung sanh vào thiện đạo, sanh cõi trời. Cũng không chấp trước Thiên nhãn thông ấy, vì việc Thiên nhãn thông và thân ta, đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có Thiên nhãn thông ấy ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, được trí chứng Thiên nhãn thông cũng thấy chúng sanh trong mười phương hằng hà sa thế giới sanh, chết, cho đến sanh cõi trời. Bốn thần thông kia cũng như vậy.

Lại Bồ-tát ma-ha-tát ấy được Lậu tận thông. Tuy được Lậu tận thông, không còn rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không nương dị pháp, cũng không đắm trước Lậu tận thông ấy. Vì việc Lậu tận thông và thân ta, đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tụ tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta được Lậu tận thông, ngoài trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật được trí chứng Lậu tận thông.

Xá-lợi-phất! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, đầy đủ Thần thông Ba-la-mật, đầy đủ Thần thông Ba-la-mật rồi, tăng ích Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Như trong biển lớn có vô lượng vô số các thứ ngọc báu, có thứ có thể sát độc, có thứ có thể ngăn quỷ, có thứ có thể chữa bệnh, có thứ có thể trừ lạnh nóng, đói khát, có thứ có thể theo ý muốn của người đều cấp cho. Trong biển Đại thừa cũng như vậy, có các hạng Bồ-tát bảo;

có Bồ-tát phá ba ác, có Bồ-tát mở ba cửa thiện, có Bồ-tát sanh năm mắt, có Bồ-tát tu Thần thông Ba-la-mật. Thế nên các Bồ-tát thường làm việc kỳ đặc hy hữu; như quán tướng nước nhiều tướng đất ít, thì có thể làm đất rung động theo ý muốn, biến một thân thành nhiều thân, nhiều thân

thành một, làm bụi bay đầy giữa hư không. Người lìa dục ấy, do nhân duyên phước đức, nên nhóm các vi trần lại làm ra nhiều thân, đều giống như nhau.

Có người nói: hàng phi nhân cung kính Bồ-tát ly dục ấy, nên vào trong thân Bồ-tát để tùy ý Bồ-tát muốn biến hóa gì cũng biến hóa được. Chuyển luân thánh vương chưa ly dục, có ít phước đức mà quỷ thần còn bị sai khiến, huống gì người ly dục thực hành vô lượng tâm.

Lại nữa, tâm tướng không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, do sức thiền định, nên tâm được điều nhu, chóng khắp trong các thân rồi trở lại cũng chóng, ví như rồng ngàn đầu, mắt, tai đều có hai ngàn, và có ngàn miệng, mà tâm sử dụng cùng trong một lúc. Rồng và thân thô còn như vậy, huống gì Bồ-tát.

Có người nói: Việc của người tọa thiền, có thế lực không thể nghĩ bàn, cho nên một thân làm ra vô lượng thân, vô lượng thân làm ra một thân.

Vách đá không ngăn ngại là, quán tướng vách đá như hư không, bụi trần xuyên qua nó như cọc đóng vào đất.

Đi trên nước là, quán tướng đất nhiều, nên đi trên nước như trên đất; quán tướng nước nhiều nên vào đất như nước; quán tướng lửa nhiều nên thân tuôn khói lửa.

Sờ nắm mặt trời mặt trăng là, do sức thần thông bất khả tư nghì nên khiến tay đụng đến mặt trời mặt trăng; vì vào hỏa định nên mặt trăng không thể làm lạnh; vì vào thủy định nên mặt trời không thể làm nóng.

Hỏi: Sức thần thông ấy cho đến Tứ thiền, cớ sao đây nói chỉ đến ngang phạm thiên, thân được tự tại?

Đáp: Điều ấy trước đã nói. Phạm thiên là cửa ban đầu, nói Phạm thiên là đã nói hết thảy cõi Sắc. Lại người đời đều quý Phạm thiên cho là chúa thế giới. Lại Bồ-tát ấy không muốn ở cõi Dục tâm tán loạn, thị hiện sự tự tại ấy. Thế nên cho đến người lìa dục, đều có thể làm được.

Tướng trạng thần thông như vậy, vô lượng vô số, vì để cho dễ hiểu, nên nói một vài ví dụ.

Các ngoại đạo đối với thần thông này có hai sự lầm: 1. Khởi tâm chấp ngã, cho ta là có thể khởi lên việc ấy rồi sanh tâm kiêu mạn. 2. Đắm trước thần thông ấy. Ví như người tham đắm châu bảo. Vì vậy thần thông của ngoại đạo không bằng thần thông của thánh nhân.

Bồ-tát đối với sức thần thông ấy, biết tất cả pháp tự tánh bất sanh, nên không đắm trước, chỉ tưởng nhớ trí nhất thiết chủng, để độ chúng sanh.

Năm thần thông kia cũng như vậy, đúng như pháp phân biệt, trước nói tướng trạng nó, sau đều nói nó không.

Các nghĩa khác của Sáu thần thông, như đã nói ở nghĩa Năm thần thông trong chương Tán thán Bồ-tát.

Vì Sáu thần thông ấy làm lợi ích chúng sanh rất lớn, cho nên nói đầy đủ thần thông như vậy, thì tăng ích Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

KINH: Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật an trú Thí Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, không sanh tâm xan lẫn.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú trong Giới Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, tội không tội, không chấp trước.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật an trú Nhẫn Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, không sanh tâm giận.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Tinh tấn Ba-la-mật nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, thân tâm tinh tấn, không giải đãi.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Thiền Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, tâm không loạn không mê đắm.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Bát-nhã Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, không sanh tâm si.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Sáu Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo không, vì không đến không đi, vì không cho không nhận, vì chẳng phải giới chẳng phải phạm, vì chẳng phải nhẫn chẳng phải sân, vì chẳng siêng chẳng lười, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu. Đương khi ấy Bồ-tát ma-ha-tát không phân biệt bố thí không bố thí, không phân biệt trì giới phạm giới, nhẫn nhục sân nhuế, tinh tấn giải đãi, định tâm loạn tâm, trí tuệ ngu si, không phân biệt hủy báng, phá hại, khinh mạn, cung kính. Vì sao? Này Xá lợi-phất! Vì trong vô sanh pháp, không có người thọ hủy, không có người thọ hại, không có người thọ khinh mạn, cung kính.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật được các công đức như vậy, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật không có được.

Được công đức ấy đầy đủ, thành tựu chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

LUẬN: Bồ-tát ấy khi mới phát tâm, hành Bát-nhã Ba-la-mật, lần lượt tu các công đức khác như Thí Ba-la-mật... Bồ-tát an trú Thí Ba-la-mật, tu sửa đạo Nhất thiết chủng trí, quán tất cả pháp rốt ráo không, không sanh tâm xan tham, do hai việc ấy nên mở đạo Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trong rốt ráo không, không có xan tham; cội gốc xan tham dứt, nên đầy đủ Thí Ba-la-mật; đầy đủ Thí Ba-la-mật nên trang nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, nên thường không sanh tâm si. Vì sao? Vì trong đây Phật tự nói: Tất cả pháp không đến không đi, không cho không nhận, cho đến không trí không ngu.

Hỏi: Nếu quán được như vậy mà hành Sáu Ba-la-mật thì được lợi ích gì?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Bồ-tát ấy không nghĩ rằng, có bố thí hay không bố thí, nếu nghĩ có bố thí thì rơi vào pháp hư dối. Lại nếu chấp việc bố thí, thì tâm sanh kiêu mạn; nếu nghĩ không có bố thí, thì rơi vào tà kiến. Luận về bố thí là cửa ngỏ ban đầu trong Phật pháp, cớ sao nói không? Cho đến không nghĩ rằng có ngu si có trí tuệ. Người ấy như núi Kim-cang, gió thổi bốn phía không làm lay động được. Bồ-tát ấy lúc bấy giờ nếu có ai nhiếc mắng hay khen ngợi, tâm không đổi khác. Vì sao? Vì trong đây Phật tự nói: Trong vô sanh pháp, không có người mắng, không có người hại, không có người cung kính. Hàng tu hạnh Thanh văn, Bích-chi Phật, không có tâm từ bi sâu xa, nếu gặp người gia hại thì hoặc im lặng hoặc tránh xa. Bồ-tát thì không như vậy, càng gia tâm từ xem đó như con, phương tiện độ nó, thế nên hôn tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật, năng giáo hóa hết thảy chúng sanh. Vì có phương tiện nhẫn nhục từ bi sâu xa, vì nhân duyên của nghiệp tùy thuận thanh tịnh, nên có thể trang nghiêm tịnh Phật độ. Đầy đủ pháp ấy, nên không bao lâu sẽ được trí nhất thiết chủng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh rồi, được tất cả các pháp bình đẳng; được tất cả các pháp bình đẳng rồi, an lập tất cả chúng sanh trong các pháp bình đẳng. Bồ-tát ma-ha-tát ấy, hiện đời được mười phương chư Phật nhớ niệm, cũng được tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi Phật nhớ niệm. Bồ-tát ấy tại chỗ sanh ra, mắt không thấy sắc không ưa, cho đến ý không biết đến pháp không ưa.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không giảm sút đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Nếu Phật dạy rộng tướng trạng các Bồ-tát, thì cùng kiếp không hết, nay Phật ở cuối phẩm này lược nói tướng ấy, tướng ấy là sở hành chung của các Bồ-tát, đó là đại từ bi, bắt đầu phát tâm độ hết thảy chúng sanh, học tâm bình đẳng quán chúng sanh của chư Phật, hết thảy pháp tự tánh không. Do nhân duyên như vậy, sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; được tâm bình đẳng ấy rồi, được tất cả các pháp bình đẳng.

Tất cả pháp bình đẳng là như trước nói nghĩa chúng sanh bình đẳng, pháp bình đẳng; nay lại nói thêm: thương xót bốn loài chúng sanh, nhất tâm muốn cho lợi ích, gọi là chúng sanh bình đẳng. Quán bốn niệm xứ cũng không thấy thân, gọi là pháp bình đẳng. Các bốn pháp như bốn chánh cần... cũng như vậy.

Lại nữa, nghĩ đến chúng sanh trong năm đường đều chìm đắm trong già, bệnh, chết, vô thường, gọi là chúng sanh bình đẳng. Thực hành Năm căn: tinh, tấn... hoặc năm thần thông, nhất tâm muốn độ chúng sanh, ấy gọi là pháp bình đẳng.

Lại nữa, đối với chúng sanh thực hành phước nhẫn nhục, từ bi, công đức vô lượng; công đức vô lượng nên tâm nhu nhuyến, tâm nhu nhuyến nên mau được thiền định; tu thiền định nên tâm như ý điều nhu; tâm như ý điều nhu nên phá tướng dài, ngắn, nam, nữ, trắng, đen của thế gian vào pháp nhất tướng, đó là vô tướng. Được pháp bình đẳng rồi, làm cho hết thảy chúng sanh được pháp bình đẳng.

Bồ-tát ấy được hai bình đẳng, thành tựu vô lượng phước đức, trí tuệ, nên được quả báo hiện tại là được chư Phật nhớ niệm, được các người khác nhớ niệm.

Vì ưa đắm mà sanh nhớ niệm đều là hư vọng, chỉ có chư Phật nhớ niệm, ấy là thật nhớ niệm, vì không ưa đắm. Người ấy, chư Phật còn ái niệm, huống gì Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát? Thanh văn, Bích-chi Phật là người dứt kiết sử còn ái niệm, huống gì người phàm phu chưa lìa dục?

Bồ-tát do nhân duyên phước đức sanh ra, nên quả báo đời nay vô lượng như vậy, đời sau ở chỗ sanh ra, mắt trọn không thấy ác sắc. Ác sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm phát sanh khổ thọ, cho đến làm phát sanh tâm ưu não. Như trời Lục dục, sáu căn đối với thứ dục tịnh diệu, tùy ý hoan hỷ. Chúng sanh trồng một ít phước đức, còn được sanh ở cõi trời như vậy, huống gì Bồ-tát có phước đức, thật trí tuệ vô

lượng vô biên, lại được mười phương chư Phật và các Hiền thánh nhớ niệm!

KINH: Khi thuyết phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy, ba trăm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy áo đang mặc dâng Phật, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy Phật mỉm cười, ánh sáng nhiều màu từ trong miệng phóng ra. Tuệ mạng A-nan từ tòa đứng dậy, sửa áo chấp tay, chân bên hữu quỳ sát đất bạch Phật rằng: Nhân duyên gì Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan: Ba trăm Tỳ-kheo ấy từ đây về sau sáu mươi mốt kiếp sẽ làm Phật, đều hiệu là Đại tướng. Ba trăm Tỳ-kheo ấy bỏ thân này, sẽ sanh vào nước Phật A-súc, và sáu vạn Thiên tử cõi Dục đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xuất gia thành Phật đạo, trong pháp của Phật Di-lặc.

Lúc ấy do oai thần của Phật, bốn bộ chúng ở tại chỗ mà thấy mười phương, mỗi phía có ngàn Phật, mười phương thế giới ấy nghiêm tịnh, thế giới Ta-bà này không sánh kịp.

Bấy giờ mười ngàn người phát nguyện: Chúng con tu hạnh nguyện thanh tịnh, do hạnh nguyện thanh tịnh, sẽ sanh đến thế giới Phật kia.

Khi ấy Phật biết thân tâm các thiện nam tử ấy, nên lại mỉm cười, ánh sáng nhiều màu từ trong miệng phóng ra.

A-nan sửa áo chấp tay bạch Phật: Nhân duyên gì Phật mỉm cười? Phật bảo A-nan: Ông thấy mười ngàn người ấy chăng?

A-nan thưa: Dạ thấy.

Phật dạy: Mười ngàn người ấy mệnh chung ở đây, sẽ sanh đến thế giới kia, không bao giờ lìa chư Phật, sau sẽ thành Phật, hiệu là Trang Nghiêm Vương.

LUẬN: Hỏi: Chư Phật kiết giới Tỳ-kheo ba y không được thiếu, sao các Tỳ-kheo này phá Giới Ba-la-mật mà thực hành Thí Ba-la-mật?

Đáp: Có người nói: Phật Thành đạo sau mười hai năm mới kiết giới, lúc Tỳ-kheo ấy thí y thì chưa kiết giới.

Có người nói: Tỳ-kheo ấy có y tịnh thí, sanh tâm nghĩ mình sẽ vẫn thọ dụng cho nên thí.

Có người nói: Các Tỳ-kheo ấy biết nhiều hiểu nhiều, liền có thể nhận được y lại, chứ việc không để qua đêm.

Lại có người nói: Các Tỳ-kheo ấy nghe Phật dạy về các Bồ-tát hành Thí Ba-la-mật, có thế lực của công đức vô lượng. được cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, nên tâm rất vui mừng nhảy nhót, liền lấy y thí, không còn nghĩ gì khác, không cố ý phá giới.

Lại nữa, các Tỳ-kheo biết Phật pháp rốt ráo không, không chấp trước, dứt pháp ái, vì theo thế đế nên kiết giới, chẳng phải vì đệ nhất nghĩa đế. Các Tỳ-kheo ấy theo Phật nghe đệ nhất nghĩa đế, và sáu Ba-la-mật bố thí... nghe các Bồ-tát có đại oai lực, thường nghĩ chúng sanh bị các phiền não che lấp, không thể được công đức như Bồ-tát ấy, nên sanh tâm đại bi, vì chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vậy lấy y bố thí. Nếu người vì tham dục, sân nhuế, sợ hãi, tà kiến, không có tâm cung kính, khinh lời Phật mà không chấp trì, ấy mới gọi là phá giới. Các Tỳ-kheo này đều không có tâm đó, thế nên không có tội phá giới.

Hỏi: Phật vì sao mỉm cười?

Đáp: Cười có nhiều thứ: Có người thấy việc ca múa nên cười, có người trong lòng sân nhuế nên cười, có người kiêu mạn nên cười, có người khinh vật nên cười, có người việc làm xong vui mừng nên cười, có người thấy làm việc không nên làm nên cười, có người trong lòng dối trá nhưng ngoài dương bày lành tốt nên cười, có người thấy việc hy hữu nên cười, nay Phật thấy Tỳ-kheo đem một áo Ca-sa bố thí, trong tương lai sẽ được thành Phật, là việc hy hữu, cho nên cười.

Hỏi: Sao A-nan thường hỏi Phật vì sao cười mà các Tỳ-kheo khác không hỏi?

Đáp: Các Tỳ-kheo ấy không gần gũi Phật, lại có tâm kính sợ nhiều, không dám tự hỏi. A-nan khéo biết tướng người, biết ý các Tỳ-kheo. Lại thấy Phật cười, nghi nên nghĩ rằng: Phật không có tướng chúng sanh, không có tướng pháp, biết ba cõi như mộng như huyễn, nay có việc gì có thể làm cho Phật cười? Phật như núi chúa Tu-di, đại địa, đại hải, không vì nhân duyên nhỏ mà lay động. Vì vậy nên hỏi nhân duyên vì sao cười.

Phật bảo A-nan: Nghiệp nhân duyên và quả báo tương tục, bất khả tư nghì, ba trăm Tỳ-kheo ấy sau sáu mươi mốt kiếp, sẽ được làm Phật, hiệu Đại tướng (khi bố thí dùng tay đưa vật thí lên làm dấu hiệu, nhân đó đặt tên - ND).

Trong sáu mươi mốt kiếp, người ấy lợi căn, gặp Phật thuyết pháp, nhờ cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng, nên người ấy chóng thành Phật.

Các Tỳ-kheo ấy vì chưa được Thiên nhãn, tự nghi không biết sẽ sanh chỗ nào, sợ không thể nhóm các công đức, không được đến đạo. Thế nên Phật dạy: Bỏ thân ấy sẽ sanh thế giới Phật A-súc. Sáu vạn Thiên tử cõi Dục, chắc chắn là có nhân duyên phước đức chung trong

đời trước, nên cùng năm trăm Tỳ-kheo, đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Là những người đáng được Di-lặc độ, nên Phật thọ ký họ sẽ xuất gia vào thời Phật Di-lặc. Nay Phật thọ ký các Tỳ-kheo sanh vào thế giới A-súc, nên mọi người đều muốn thấy thế giới thanh tịnh của chư Phật. Thế nên Phật làm cho đại chúng thấy khắp mười phương mỗi phương có ngàn Phật.

Bốn chúng ấy thấy thế giới Phật thanh tịnh trang nghiêm, thấy thân chư Phật lớn hôn núi Tu-di, có đại chúng Bồ-tát một đời bổ xứ vây quanh, dùng phạm âm thấu suốt vô lượng vô biên thế giới, mỗi vị tự làm hèn mọn thân mình. Vì thương xót chúng sanh, mà cầu vô lượng Phật pháp, phát nguyện sanh vào thế giới Phật kia. Như nói trong chương Thanh tịnh thế giới hạnh nguyện.

Nhân duyên cười, như trước đã nói.

Mười ngàn người ấy, mệnh chung ở đây, sẽ sanh vào nước kia. Khi sanh vào nước kia, do nhân duyên hạnh nghiệp đầy đủ, nên ở nôi đó chứa nhóm vô lượng phước đức sâu dày, trọn không xa lìa chư Phật.

Do thấy các thế giới Phật trang nghiêm mà phát tâm, nên hiệu là Trang Nghiêm Vương Phật.

----------o0o----------

GIẢI THÍCH PHẨM NĂM: TÁN THÁN CỨU ĐỘ

KINH: Bấy giờ, tuệ mạng Xá-lợi-phất, tuệ mạng Mục-kiền-liên, tuệ mạng Tu-bồ-đề, tuệ mạng Đại Ca-diếp, các Tỳ-kheo được nhiều người biết đến và các Bồ-tát ma-ha-tát, các Ưu-bà-tắc, các Ưu-bà-di như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Đại Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát; Tôn Ba-la-mật, Đệ nhất Ba-la-mật, Thắng Ba-la-mật, Diệu Ba-la-mật, Vô thượng Ba-la-mật, Vô đẳng Ba-la-mật, Vô đẳng đẳng Ba-la-mật, Như hư không Ba-la-mật, là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn! Tự tướng Không Ba-la-mật, là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn! Tự tánh Không Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát. Các pháp Không Ba-la-mật, Vô pháp hữu pháp không Ba-la-mật, Mở hết thảy công đức Ba-la-mật, Thành tựu hết thảy công đức Ba-la-mật, Không thể hoại Ba-la-mật, là Bát-nhã Ba-la-mật của các

Bồ-tát ma-ha-tát.

Các Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, bố thí không sánh bằng, đầy đủ Thí Ba-la-mật không sánh bằng, được thân không sánh bằng, được pháp không sánh bằng, ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, cũng như vậy.

Thế Tôn vốn cũng còn thực hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy, mà đầy đủ sáu Ba-la-mật không sánh bằng, được pháp không sánh bằng, được sắc không sánh bằng, được thọ, tưởng, hành, thức không sánh bằng. Phật Chuyển pháp luân không sánh bằng.

Phật đời quá khứ cũng như vậy, thực hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy, nên đầy đủ bố thí không sánh bằng, cho đến chuyển pháp luân không sánh bằng.

Phật đời vị lai, cũng thực hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy, nên sẽ làm việc bố thí không sánh bằng, cho đến sẽ Chuyển pháp luân không sánh bằng.

Vì vậy bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đến bờ kia của hết thảy pháp, phải nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Vâng, bạch Thế Tôn! Tất cả thế gian Trời, người, A-tu-la phải nên lễ kính cúng dường Bồ-tát ma-ha-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy.

Phật bảo chúng đệ tử và các Bồ-tát ma-ha-tát: Đúng vậy, đúng như vậy! Các thiện nam tử! Tất cả thế gian trời, người, A-tu-la phải nên lễ kính cúng dương vị tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nhân có Bồ-tát đến nên xuất sanh nhân đạo, thiên đạo, dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, Chuyển luân thánh vương, trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-nị-sắc; xuất sanh Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật.

Nhân có Bồ-tát đến nên thế gian bèn có ẩm thực, y phục, ngọa cụ, phòng xá, đèn đuốc, ma-ni, chân châu, tỳ-lưu-ly, san hô, vàng, bạc... các bảo vật xuất sanh.

Này Xá-lợi-phất! Các thứ vui của thế gian, hoặc ở cõi người, hoặc ở cõi trời, hoặc cái vui ly dục, tất cả thứ vui ấy đều do Bồ-tát mà có. Vì sao? Này Xá-lợi phất! Vì Bồ-tát ma-ha-tát khi tập hành Bồ-tát đạo, an trú sáu Ba-la-mật, tự hành bố thí cũng lấy việc bố thí thành tựu chúng sanh, cho đến tự hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng lấy Bát-nhã Ba-la-mật thành tựu chúng sanh.

Này Xá-lợi-phất! Thế nên Bồ-tát ma-ha-tát, vì an lạc cho hết thảy chúng sanh nên xuất hiện ở đời.

LUẬN. Hỏi: Trong năm ngàn Tỳ-kheo, ở trên còn có hôn ngàn Thượng tọa, như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp... cớ sao chỉ nói tên bốn người?

Đáp: Bốn Tỳ-kheo ấy là vô lượng phước điền hiện đời. Xá-lợi-phất là đệ tử tay phải của Phật, Mục-kiền-liên là đệ tử tay trái của Phật. Tu-bồ-đề tu định vô tránh hành không đệ nhất, còn Đại Ca-diếp tu mười hai hạnh đầu đà đệ nhất, được Thế Tôn cho áo và chia chỗ ngồi, có tâm thường thương xót chúng sanh sâu xa. Lúc Phật ở đời, nếu có người muốn cầu quả báo đời nay, mà cúng dường bốn vị ấy, liền được như nguyện. Vì vậy các Tỳ-kheo nhiều người quen, nhiều người biết ấy và tứ chúng tán thán Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: A-la-hán thân tối hậu ấy, việc cần làm đã làm xong, cớ sao còn tán thán Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Người ta đều biết A-la-hán được vô lậu đạo, vì Bồ-tát trí tuệ tuy lớn hơn A-la-hán, song kiết sử chưa dứt nên không quý. Lại vì A-la-hán ấy có tâm từ bi giúp Phật tuyên dương pháp hóa, nên lấy đó làm chứng.

Phật đạo đối với thế gian rất lớn, Bát-nhã có thể đưa lại việc ấy, nên gọi là Đại Ba-la-mật.

Trong tất cả pháp, trí tuệ là đệ nhất, nên gọi là Tôn Ba-la-mật.

Hay dẫn dắt năm độ kia theo đường chánh, nên gọi là Đệ nhất Ba-la-mật.

Năm độ kia không sánh kịp, nên gọi là Thắng Ba-la-mật

Như năm thức không bằng ý thức có thể làm lợi mình lợi người, nên gọi là Diệu Ba-la-mật.

Trong hết thảy pháp, không có pháp nào qua được, nên gọi là Vô thượng Ba-la-mật.

Không có pháp gì tương đồng nên gọi là Vô đẳng Ba-la-mật.

Các đức Phật gọi là Vô đẳng đẳng, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh, nên gọi là Vô đẳng đẳng Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy rốt ráo thanh tịnh, không thể lấy hý luận phá hoại, nên gọi là Như hư không Ba-la-mật.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật, tự tướng tất cả pháp không thể có được, nên gọi là Tự tướng không Ba-la-mật.

Trong Ba-la-mật ấy, tất cả pháp tự tánh không, các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh, nên gọi là Tự tánh không Ba-la-mật.

Trong các pháp không có tự pháp, nên gọi là Chư pháp không Ba-

la-mật.

Do chúng sanh không và pháp không ấy, phá các pháp làm cho không gì có được, không gì có được cũng không có gì được, nên gọi là Vô pháp hữu pháp không Ba-la-mật.

Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy, không có công đức gì không thu nhiếp được, như khi mặt trời xuất hiện, hoa nào cũng nở, nên gọi là Mở hết thảy công đức Ba-la-mật.

Mặt trời Bát-nhã Ba-la-mật trong tâm Bồ-tát xuất hiện, hết thảy công đức thành tựu được, đều làm cho thanh tịnh. Bát-nhã Ba-la-mật là gốc của hết thảy thiện, nên gọi là Thành tựu nhất thiết công đức Ba-la-mật.

Không có pháp thế gian nào làm cho khuynh động được, nên gọi là Bất khả phá hoại Ba-la-mật.

Nhân duyên khiến các A-la-hán ấy tán thán là, ba đời các đức Phật đều từ Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh, đó là bố thí không sánh, cho đến trí tuệ không sánh.

Trong thế gian không có gì sánh bằng, nên gọi là Không sánh.

Sáu Ba-la-mật ấy, rốt ráo thanh tịnh không có sai lầm nên gọi là Không sánh.

Không sánh tức là Vô đẳng đẳng.

Lại nữa, Vô đẳng đẳng, chư Phật gọi là Vô đẳng, sánh cùng chư Phật, nên gọi là Vô đẳng đẳng.

Hỏi: Trong chư Phật ba đời đã có Thích-ca Văn Phật, cớ sao nói riêng?

Đáp: Nay chúng ở trên tòa, đều do nơi Thích-ca Văn Phật mà đắc độ, cảm ôn nặng nên nói riêng. Như Xá-lợi-phất nói: Thầy tôi không ra đời, chúng tôi vĩnh viễn là kẻ mù tối.

Các A-la-hán biết chư Phật ba đời đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh, vì vậy các A-la-hán nói: Bạch Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát, muốn khắp biết hết thảy, biết hết thảy pháp, phải nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Trong khi A-la-hán tán thán Bồ-tát, sanh tâm cung kính, thế nên nói lễ kính cúng dường.

Trời, người, A-tu-la là nói ba thiện đạo, còn ba ác đạo không biết gì nên không nói.

Phật nghe A-la-hán tán thán rồi, Phật ấn khả nói: Đúng vậy, đúng vậy! Nên phải lễ kính cúng dường người tập hành Bát-nhã Ba-la-mật. Các ông tuy không có Nhất thiết trí, mà nói không sai. Cho nên nói lặp

"đúng vậy, đúng vậy". Vì sao? Vì trong đó Phật tự nói: Nhân nói Bồ-tát nên xuất sanh nhân đạo, thiên đạo, cho đến hết thảy các Bồ-tát, vì an lạc cho hết thảy chúng sanh nên nói.

Dòng lớn Sát-lợi cho đến trời Sắc-cứu-cánh; Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật đều như trước nói.

Hỏi: Nếu nhân nói Bồ-tát mà có ẩm thực... các bảo vật, cớ sao người ta lại phải đem sức làm lụng, kiếm sống, chịu đủ tân khổ mới có được? Đáp: Gặp lúc kiếp đói khát, tuy có bày đủ công sức cũng không có được, vì chúng sanh tội nặng. Bồ-tát đời đời tán thán việc bố thí, trì giới và thiện tâm, do nhân duyên ba thứ phước ấy nên có thượng, trung, hạ. Phước bậc thượng, hễ nghĩ đến liền có được; phước bậc trung, làm người được tôn trọng, sự cúng dường tự đến; phước bậc hạ, thì phải thí công sức mới có được. Vì vậy nói nhân nôi Bồ-tát mà có được, thật chứ không hư dối.

Nhân duyên sự vui rất nhiều, không thể kể hết, nay Phật lược nói vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn, đều do Bồ-tát mà có được. Trong đây Phật tự nói: Bồ-tát trụ trong Sáu Ba-la-mật, tự hành bố thí, cũng dạy chúng sanh hành bố thí. Tuy chúng sanh tự hành bố thí, nếu không có Bồ-tát giáo đạo, thì không thể hành.

Hỏi: Trừ thứ vui giải thốt Niết-bàn, hai thứ vui nầy là chỗ sanh ra kiết sử của chúng sanh, vì tham dục nên sanh sân nhuế, cớ sao Bồ-tát giáo đạo thứ nhân duyên sanh ra kiết sử ấy?

Đáp: Bồ-tát không lỗi. Vì sao? Vì Bồ-tát đem tâm từ bi thanh tịnh, dạy cho chúng sanh thứ nhân duyên vui, là nên tu phước sự, nếu chúng sanh không thanh tịnh thực hành phước đức, thì đối Bồ-tát có lỗi gì! Như người hảo tâm làm giếng, người mù bị rớt trong đó mà chết, người làm giếng không tội.

Lại như người bày đồ ăn ngon thết đãi người, người không biết độ lượng, ăn quá nhiều sinh bệnh, người thết đãi không tội.

Lại nữa, nếu chư Phật Bồ-tát, không dạy chúng sanh tạo nhân duyên phước đức, thì không có trời, không có người, không có A-tu-la, chỉ tăng trưởng ba ác đạo, không ai từ tội mà được ra khỏi.

Lại nữa, chúng sanh nhân vui mà sanh tham, nhân tham mà sanh giận, nhân giận mà sanh khổ, nhân khổ mà sanh tội. Nay muốn khỏi cho chúng sanh mắc về cái tội thứ năm nên cho vui.

Lại nữa, không nhất định do vui sanh tham dục. Hoặc nhớ nghĩ chánh nên vui làm phước thiện, nhớ nghĩ tà nên sanh tham dục. Nay vì chánh ức niệm vui, nên làm nhân duyên sanh ra phước đức.

Lại nữa, duy một mình Phật là không sai không lầm. Bồ-tát ấy chưa thành Phật đạo, chưa được Phật nhãn, nên dùng ba thứ vui giáo hóa chúng sanh khả độ, còn chư Phật chỉ dùng thú vui giải thốt giáo hóa chúng sanh.

----------o0o----------

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU: TƯỚNG LƯỠI

KINH: Bấy giờ, Thế Tôn xuất tướng lưỡi phủ khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, từ tướng lưỡi ấy phát ra ánh sáng vô số vô lượng màu sắc, khắp chiếu mười phương hằng hà sa thế giới Phật. Khi ấy ở phương đông, trong hằng hà sa thế giới, vô lượng vô số chư Bồ-tát, thấy ánh sáng lớn ấy, mỗi mỗi thưa với Phật ở thế giới mình rằng: Bạch Thế Tôn! Đó là sức ai mà có ánh sáng lớn ấy, chiếu khắp các thế giới?

Các Phật bảo các Bồ-tát: Các thiện nam tử! Phương Tây có thế giới gọi là Ta-bà, trong đó có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, tướng lưỡi của Phật kia phát ra ánh sáng lớn chiếu khắp phương Đông hằng hà sa thế giới chư Phật, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng lại như vậy, vì các Bồ-tát ma-ha-tát mà thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

Khi ấy các Bồ-tát mỗi mỗi bạch Phật ở thế giới mình rằng: Chúng con muốn qua cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni, và các Bồ-tát ma-ha-tát, cùng muốn nghe Bát-nhã Ba-la-mật.

Các Phật bảo các Bồ-tát: Thiện nam tử! Các ông tự biết thời.

Khi ấy các Bồ-tát ma-ha-tát, cầm các đồ cúng dường, vô lượng lọng hoa, tràng phan, chuỗi ngọc, hương thơm, vàng bạc, hoa báu, nhắm hướng thế giới Ta-bà, đi đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni. Lúc bấy giờ, các Trời Tứ thiên vương, cho đến Trời Sắc-cứu-cánh đều cầm hương Trời, hương bột, hương nước, hương cây, hương la Trời, các hoa sen Trời, xanh đỏ hồng trắng, hướng đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni. Các thứ hoa của các Bồ-tát và chư thiên ấy rải giữa hư không ba ngàn Đại thiên thế giới, hóa thành đài lớn, bốn trụ, đủ các sắc lạ trang nghiêm rõ ràng.

Khi ấy trong chúng của Phật Thích-ca Mâu-ni, có mười vạn ức người đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn!

Chúng con trong đời vị lai cũng được pháp như vậy, như Phật Thích-ca Mâu-ni hôm nay. Đệ tử, người thị tùng, đại chúng, thuyết pháp cũng như vậy.

Khi ấy, Phật biết thiện nam tử chí tâm, đối với hết thảy pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng xuất, chẳng tác, được pháp nhẫn ấy, Phật bèn mỉm cười, ánh sáng đủ màu từ trong miệng phóng ra.

A-nan bạch Phật rằng: Nhân duyên gì mà Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan: Mười vạn ức người trong chúng ấy, được Vô sanh nhẫn đối với các pháp. Các người ấy, trong đời vị lai, qua sáu mươi tám ức kiếp, sẽ làm Phật, kiếp gọi là Hoa Tích, Phật đều có hiệu là Giác Hoa.

LUẬN: Hỏi: Trong phẩm đầu Phật đã xuất tướng lưỡi, cớ sao nay còn xuất ra nữa?

Đáp: Việc ấy chẳng phải ở một ngày, một chỗ nói. Trước xuất tướng lưỡi, để hòa hợp đại hội, độ hết thảy chúng sanh, Xá-lợi-phất hỏi, Phật đáp, nay ở vào thời khác, lại vì người khác. Tu-bồ-đề khéo nói về không, Phật sai nói lại, nên phát ánh sáng nơi tướng lưỡi.

Hỏi: Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, đâu có thiếu gì mà Phật lại còn sai Tu-bồ-đề?

Đáp: Chúng đệ tử của Phật nhiều, một người nói xong, tiếp sai một người, ví như vua có quần thần đông, thứ lớp chung nói.

Hỏi: Nếu như vậy, Mục-kiền-liên, Ca-diếp... rất nhiều, cớ sao không sai nói tiếp?

Đáp: Kinh này gọi là trí tuệ, Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, thế nên hỏi. Tu-bồ-đề tuy có nhiều nhân duyên mà vì có hai nhân duyên lớn:

1. Ưa tu định vô tránh. Thường từ bi với chúng sanh, tuy không rộng độ chúng sanh, mà thường giúp cho Bồ-tát, đem việc Bồ-tát hỏi Phật.

2. Ưa thực hành sâu ra pháp không; trong Bát-nhã lại nói nhiều về pháp không, nên Phật sai Tu-bồ-đề nói.

Các nghĩa ánh sáng tướng lưỡi, các Bồ-tát qua lại, cho đến đài hoa cúng dường đều như trước đã nói.

Khi ấy chúng sanh thấy lực thần thông lớn ấy, đó là do chư Phật trong mười phương hằng hà sa thế giới và Phật Thích-ca Mâu-ni phóng ra vô lượng ánh sáng, nên chúng sanh nhờ thần lực của Phật mà thấy tướng lưỡi phủ khắp ba ngàn đại thiên thế giới và nghe thấy chư Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp, liền được vô sanh pháp nhẫn. Phát nguyện rằng: Chúng con trong đời vị lai có thần lực biến hóa cũng sẽ như Phật hôm nay.

Phật biết chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn, nên mỉm cười. Nghĩa mỉm cười, Phật đáp, đều như trước đã nói.

Người ấy qua sáu mươi tám ức kiếp sẽ làm Phật; người ấy thấy mười phương các Bồ-tát, đem hoa bảy báu đến cúng dường, biến thành đài hoa bảy báu. Nhân thấy như vậy rồi, tâm kia thanh tịnh, được vô sanh pháp nhẫn. Thế nên khi làm Phật, kiếp gọi là Hoa Tích, Phật đều có hiệu là Giác Hoa.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 41

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY: BA GIẢ

KINH: Bấy giờ, Phật bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề: Ông hãy dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát, như các Bồ-tát ma-ha-tát đáng được thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật đa.

Liền khi ấy, các Bồ-tát ma-ha-tát và đại đệ tử Thanh-văn, chư thiên v.v… khởi niệm rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề dùng sức trí tuệ của mình sẽ nói Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát ư? Hay là nhờ sức Phật?

Tuệ mạng Tu-bồ-đề biết tâm các Bồ-tát ma-ha-tát, các đệ tử, chư thiên, liền nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất rằng: Đệ tử Phật dám thuyết pháp, giáo thọ, đều nhờ Phật lực. Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các thiện nam tử học pháp ấy, được chứng pháp ấy. Phật thuyết pháp như đèn truyền chiếu. Xá-lợi-phất! Hết thảy Thanh-văn, Bích-chi Phật, thật không có năng lực thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế Tôn nói Bồ-tát, danh tự Bồ-tát. Pháp gì gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Chúng con không thấy pháp gọi là Bồ-tát, làm sao dạy cho Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã Ba-la-mật cũng chỉ có danh tự gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng chỉ là danh tự. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như nói tên ngã do hòa hợp mà có. Tên ngã ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, như các danh tự chúng sinh, thọ mạng, sinh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dạy, kẻ khiến khởi dạy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy v.v… là pháp do hòa hợp nên có. Các danh tự ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát-nhã Ba-la-mật đa, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như thân do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không

diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng do hòa hợp nên co, là cũng không sanh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như mắt, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Mắt ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói; sắc cho đến pháp cũng như vậy. Nhãn giới do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cho đến ý thức giới cũng như vậy. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh diệt, chỉ dùng danh tự để nói. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như nội thân, gọi là đầu, chỉ có danh tự; gọi là cổ, vai, tay lưng, gân, bắp vế, xương đùi, cẳng chân, là do hòa hợp nên có. Pháp ấy và danh tự không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; danh tự ấy cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng không sinh không diệt, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như ngoại vật cỏ, cây, cành, lá, cọng, mắt, tất cả vật ấy chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như quá khứ chư Phật, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như mộng, tiếng vang, bóng, huyễn, sóng nắng, việc biến hóa của Phật, đều là hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, không sinh không diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật,

giả đặt ra danh, giả đặt ra thọ, giả đặt ra pháp, như vậy nên học.

LUẬN: Hỏi: Phật đã nói các Bồ-tát ma-ha-tát có phước đức, trí tuệ, lợi căn hơn các Thanh-văn, cớ sao lại sai Tu-bồ-đề thuyết?

Đáp: Trong chương Tướng lưỡi ở trước đã nói, do có hai nhân duyên nên Phật sai khiến Tu-bồ-đề thuyết.

Lại nữa, Phật có oai đức tôn trọng, vì tâm kính sợ không dám hỏi Phật, sợ không tự mình hỏi hết.

Lại nữa, Phật biết tâm chúng có nghi, vì chúng sinh kính sợ Phật, không dám phát ra lời hỏi. Vì sao? Vì chúng sinh thấy thân Phật như núi Tu-di, lưỡi trùm ba ngàn đại thiên thế giới, thân xuất ra vô lượng các thứ ánh sáng, khi ấy chúng hội, tâm đều kinh sợ, không dám phát ra lời hỏi, mỗi mỗi tự nghĩ: Ta sẽ làm sao theo Phật nghe pháp? Vì vậy, Phật sai Tu-bồ-đề thuyết pháp cho chúng và nói: Ông thuyết pháp đều là do Phật lực, như trong Kinh nói.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật có hai thứ: Một là thuyết chung cho cả Thanh-văn, Bồ-tát, hai là chỉ thuyết cho pháp thân Bồ-tát. Vì tạp thuyết nên sai Tu-bồ-đề trước hết, rồi đến Di-lặc, Xá-lợi-phất, Thích-đề-hoàn nhơn.

Khi ấy, chúng hội nghe Phật sai Tu-bồ-đề thuyết, tâm đều kinh nghi. Tu-bồ-đề biết tâm mọi người, nên nói với Xá-lợi-phất v.v…hết thảy Thanh-văn thuyết được, biết được, đều nhờ Phật lực. Chúng ta sẽ thừa oai lực Phật thuyết pháp; ví như người truyền ngữ. Vì cớ sao? Vì Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các đệ tử học pháp ấy được chứng ngộ, có dám nói gì đều nhờ Phật lực. Điều chúng ta nói, tức là Phật nói. Vì cớ sao? Vì hiện tại ở trước Phật mà thuyết, chứ chúng ta tuy có mắt trí tuệ, nếu không gặp Phật pháp, thì không thấy gì; ví như đêm đi đường hiểm, không có người cầm đèn, thì không qua được. Phật cũng như vậy, nếu không lấy đèn trí tuệ chiếu soi chúng ta, thì chúng ta không thấy gì.

Lại nói với Xá-lợi-phất: Hết thảy Thanh-văn, Bích-chi Phật còn không có sức có thể nói Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát, huống tôi, một người. Vì cớ sao? Vì trí tuệ Bồ-tát rất sâu, hỏi đáp sâu xa; các pháp thiển cận khác, đối trước Bồ-tát nói ra còn khó, huống gì pháp sâu xa; như người có thể ăn một hộc cơm mà đi theo xin người chỉ có một đấu cơm để trừ đói, thì không thể trừ được. Vì vậy nên nói Thanh-văn, Bích-chi Phật không có sức có thể nói Bát-nhã cho các Bồ-tát. Tu-bồ-đề nói rõ Bồ-tát tôn quí, Phật cũng nhận như vậy. Nay Tu-bồ-đề muốn thuyết pháp thật tướng nên nói: Trong hết thảy pháp tìm Bồ-tát không thể có

được, vì Bồ-tát không thể có được nên danh tự Bồ-tát cũng không thể có được. Vì Bồ-tát, danh tự Bồ-tát không thể có được nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể có được. Ba việc ấy không thể có được, ta làm sao dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát?

Hỏi: Phật sai Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã cho các Bồ-tát, mà Tu-bồ-đề nói không có Bồ-tát, là trái với Phật, sao Phật tán đồng?

Đáp: Có hai cách: Một là tâm chấp trước mà nói, hai là tâm không chấp trước mà nói. Nay Tu-bồ-đề dùng tâm không chấp trước mà nói Không, Phật không quở trách.

Lại nữa, Tu-bồ-đề thường thực hành Tam-muội Không, biết các pháp là không, nên Phật bảo Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát, mà Bồ-tát lại rốt ráo không; thế nên Tu-bồ-đề kinh ngạc nói: Làm sao có Bồ-tát? Phật liền thuật thành: Bồ-tát như vậy từ khi phát tâm lại đây cho đến khi thành Phật đạo, đều rốt ráo không, nên không thể có được. Nếu dạy như vậy, tức là dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát.

Lại nữa, phàm có hai pháp: 1. Danh tự, 2. Nghĩa của danh tự. Như lửa có thể chiếu sáng, có thể đốt là nghĩa của nó. Chiếu sáng là tạo sắc, đốt lửa là hỏa đại (đất, nước, gió, lửa là bốn đại năng tạo; sắc, hương, vị, xúc là bốn đại sở tạo – ND). Hai pháp ấy hợp lại gọi là lửa. Nếu lìa hai pháp ấy có lửa, lại phải nên có công dụng thứ ba. Song trừ đốt trừ chiếu sáng lại không có công dụng thứ ba, nên biết hai pháp hòa hợp giả gọi là lửa; tên lửa ấy không ở trong hai pháp, vì sao? Vì pháp có hai, mà lửa là một, một không làm hai, hai không làm một. Nghĩa là hai danh pháp không hợp nhau. Vì cớ sao? Vì nếu hai pháp hợp làm một, thì khi nói lửa lẽ phải bị cháy miệng; nếu hai pháp lìa nhau, thì khi tìm lửa lẽ đáng được nước. Có các nhân duyên như vậy, biết lửa không ở trong hai pháp. Nhưng nếu lửa lìa ngoài hai pháp thì khi nghe tên lửa, không nên ở nôi hai pháp sinh tưởng lửa. Nhưng nếu lửa ở chặng giữa hai pháp, thì không có chỗ nương tựa. Hết thảy pháp hữu vi, đều không có chỗ nương tựa, nếu ở trung gian thì không thể biết! Vì vậy, lửa không ở ba chỗ, chỉ có tên giả. Bồ-tát cũng như vậy, do hai pháp là danh, và pháp hòa hợp nên gọi là Bồ-tát. Việc sắc khác, việc danh khác, nếu quyết định có Bồ-tát thì nên lại có việc thứ ba, nhưng không có việc ấy, nên biết giả gọi là Bồ-tát. Danh tự Bồ-tát cũng như vậy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Trong đây Phật nói thí dụ, như năm uẩn hòa hợp gọi là ngã, mà thật ngã không thể có được. Chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy đều là pháp giả danh do năm uẩn nhân duyên hòa hợp sinh. Các pháp ấy thật không sanh không diệt, thế gian chỉ dùng danh tự để nói.

Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, đều là pháp giả danh do nhân duyên hòa hợp. Trong đây Phật lại nói thí dụ.

Có người nói, do năm uẩn hòa hợp có chúng sinh, nên chúng sinh không, nhưng có pháp năm uẩn, Phật nói chúng sinh không, năm uẩn cũng do hòa hợp nên giả gọi là có. Mười hai xứ, mười tám xứ cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát có hai hạng: 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh. Hạng tọa thiền thường quán thân do các phần xương v.v… hòa hợp, giả gọi là thân, tức lấy cảnh sở quán ấy làm thí dụ, mà biết rằng phần xương đầu hòa hợp nên gọi là đầu, phần xương chân hòa hợp nên gọi là chân; xương đầu xương chân v.v… hòa hợp nên gọi là thân, mỗi mỗi truy tìm, đều không có căn bản. Vì cớ sao? Vì đây là điều thường tập, thường quán nên lấy đó làm thí dụ.

Hạng không tọa thiền thì lấy cây, cỏ, cành, lá, hoa, trái làm thí dụ. Như chư Phật quá khứ, cũng chỉ có danh tự, dùng danh tự ấy có thể thuyết giảng. Mười thí dụ cũng chỉ có danh tự. Nghĩa Bồ-tát cũng như vậy. Nghĩa mười thí dụ như trước đã nói.

Bồ-tát nên học ba thứ Ba-la-nhiếp-đề như vầy: 1. Pháp năm uẩn v.v… ấy là pháp Ba-la-nhiếp-đề. 2. Năm uẩn nhân duyên hòa hợp nên gọi là chúng sinh; các xương hòa hợp nên gọi là xương đầu; như gốc, cành, nhánh, lá hòa hợp nên gọi là cây; ấy là thọ Ba-la-nhiếp-đề. 3. Dùng danh tự ấy, chấp thủ tướng hai pháp, nói là hai thứ; ấy là danh tự Ba-la-nhiếp-đề.

Lại nữa, các vi trần hòa hợp nên có pháp thô sinh ra, như vi trần hòa hợp nên có sắc thô, ấy là pháp Ba-la-nhiếp-đề, vì từ pháp có pháp. Pháp thô ấy hòa hợp mà có tên gọi, như do vì hay đốt hay chiếu sáng nên có tên gọi là lửa; do danh và sắc nên có người, danh và sắc là pháp, người là tên giả, ấy là thọ Ba-la-nhiếp-đề. Vì chấp thủ sắc, chấp thủ danh nên gọi là thọ. Bên cạnh nhiều danh tự lại có nhiều danh tự; như bên cạnh danh tự cột, kèo, ngói v.v… lại có danh tự nhà; như bên cạnh danh tự cành, lá có danh tự cây; ấy là danh tự Ba-la-nhiếp-đề.

Hành giả trước hết phá danh tự Ba-la-nhiếp-đề, đến phá thọ Ba-la-nhiếp-đề, sau phá thọ Ba-la-nhiếp-đề đến phá pháp Ba-la-nhiếp-đề. Phá pháp Ba-la-nhiếp-đề là đến trong thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp chính là các pháp và danh tự Không Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật không thấy danh tự sắc là thường, không thấy danh tự thọ, tưởng, hành, thức là thường; không thấy danh tự sắc vô thường, không thấy

danh tự thọ tưởng hành thức vô thường; không thấy danh tự sắc vui; không thấy danh tự sắc khổ, không thấy danh tự sắc ngã, không thấy danh tự sắc vô ngã; không thấy danh tự sắc không, không thấy danh tự sắc vô tướng, không thấy danh tự sắc vô tác, không thấy danh tự sắc tịch diệt; không thấy danh tự sắc nhơ, không thấy danh tự sắc sạch; không thấy danh tự sắc sinh, không thấy danh tự sắc diệt; không thấy danh tự sắc trong, không thấy danh tự sắc ngoài, không thấy danh tự sắc ở chặng giữa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, nhân duyên nhãn và xúc sinh ra các thọ, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, nhân duyên ý và xúc sinh ra các thọ cũng như vậy. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, nôi tánh hữu vi cũng không thấy, nôi tánh vô vi cũng không thấy. Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, đều không khởi phân biệt pháp ấy. Bồ-tát ấy thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú trong pháp bất hoại, khi tu Bốn niệm xứ, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát. Cho đến khi tu mười tám pháp không chung, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy danh tự Bát-nhã Ba-la-mật; cũng không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ biết thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là không nhơ không sạch.

Như vậy, Tu-bồ-đề ! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là danh tự giả đặt ra; biết danh tự giả rồi, không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; không chấp trước mắt cho đến ý; không chấp trước sắc cho đến pháp; không chấp trước nhãn thức cho đến không chấp trước ý thức; không chấp trước nhãn xúc cho đến không chấp trước ý xúc; không chấp trước nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cho đến không chấp trước ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không chấp trước tánh hữu vi, không chấp trước tánh vô vi; không chấp trước Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật; không chấp trước Ba mươi hai tướng, không chấp trước thân Bồ-tát, không chấp trước nhục nhãn Bồ-tát, không chấp trước Phật nhãn; không chấp trước Trí Ba-la-mật, không chấp trước Thần thông Ba-la-mật, không chấp trước nội không cho đến không chấp trước vô pháp hữu pháp không, không chấp trước thành tựu chúng sinh, không chấp trước nghiêm tịnh Phật độ, không chấp trước pháp phương tiện. Vì cớ sao? Vì các pháp

ấy, không có người chấp trước, không có pháp chấp trước, không có chỗ chấp trước, vì đều không có.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, không chấp trước hết thảy pháp, bèn tăng ích Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được địa vị bất thối, đầy đủ Bồ-tát thần thông, dạo qua một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, cung kính tôn trọng, tán thán chư Phật, vì nghiêm tịnh Phật độ, vì thấy chư Phật để cúng dường, đồ cúng dường thành tựu thiện căn, đều được tùy ý. Cũng nghe chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không quên mất, được các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết các pháp là tên giả đặt ra.

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ-tát chăng; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Sắc, tiếng, mùi, vị, pháp là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Nhãn thức cho đến ý thức là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Địa chủng là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Nước, lửa, gió, không, thức chủng là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vô minh là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Cho đến già chết là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Lìa sắc là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tưởng sắc như là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Cho đến tướng lão tử như là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Lìa tướng sắc như cho đến lìa tướng lão tử như là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bồ-tát, cho đến lão tử chẳng phải Bồ-tát? Lìa sắc chẳng phải Bồ-tát, cho đến lìa lão tử chẳng phải Bồ-tát? Tướng sắc như chẳng phải Bồ-tát, cho đến tướng lão tử như chẳng phải Bồ-tát? Lìa tướng sắc như chẳng phải Bồ-tát cho đến lìa tướng lão tử như chẳng phải Bồ-tát?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sinh rốt ráo không thể có được, huống gì là Bồ-tát! Sắc không thể có được, huống gì là sắc, lìa sắc, sắc như, lìa sắc như là Bồ-tát! Cho đến lão tử không thể có được, huống gì là lão tử, lìa lão tử, lão tử như, lìa lão tử như là Bồ-tát!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên học như vậy, vì chúng sinh không thể có được nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể có được.

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức vô thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vui là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức vui là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc khổ là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức khổ là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức phi ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức phi không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức vô tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế tôn!
- Sắc tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức vô tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn! Cho đến lão tử cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải nghĩa Bồ-tát; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải nghĩa Bồ-tát; cho đến sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tác chẳng phải nghĩa Bồ-tát, cho đến lão tử cũng như vậy?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Sắc rốt ráo không thể có được, huống gì vô sắc là nghĩa Bồ-tát; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc thường rốt ráo không thể có được, huống gì sắc vô thường là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc vui rốt ráo không thể có được, huống gì sắc khổ là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc ngã rốt ráo không thể có được, huống gì sắc phi

ngã là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc có rốt ráo không thể có được, huống gì sắc Không là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tướng rốt ráo không thể có được, huống gì sắc vô tướng là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tác là rốt ráo không thể có được, huống gì sắc vô tác là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa sắc không thể có được; nghĩa thọ, tưởng, hành, thức cho đến nghĩa vô tác không thể có được, nên học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

Tu-bồ-đề! Ông nói con không thấy pháp gọi là Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Các pháp không thấy các pháp, các pháp không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy các pháp; pháp tánh không thấy địa chủng, địa chủng không thấy pháp tánh, cho đến thức chủng không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy thức chủng, pháp tánh không thấy tánh mắt, sắc, nhãn thức; tánh mắt, sắc, nhãn thức không thấy pháp tánh, cho đến pháp tánh không thấy tánh ý, pháp, ý thức; tánh ý, pháp, ý thức không thấy pháp tánh.

Tu-bồ-đề! Tánh hữu vi không thấy tánh vô vi, tánh vô vi không thấy tánh hữu vi. Vì cớ sao? Vì lìa hữu vi không thể nói vô vi, lìa vô vi không thể nói hữu vi.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các pháp không thấy gì, khi ấy không kinh, không sợ, không hãi, tâm cũng không chìm đắm, không hối hận. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy mắt cho đến ý, không thấy sắc cho đến pháp, không thấy dâm, nộ, si; không thấy vô minh cho đến lão tử, không thấy ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; không thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không thấy tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật; không thấy Bồ-tát, không thấy pháp Bồ-tát; không thấy Phật đạo. Bồ-tát ấy vì không thấy tất cả pháp, nên không kinh, không sợ, không hãi, không chìm đắm, không hối hận.

Tu-bồ-đề thưa Phật rằng; Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì tâm Bồ-tát không chìm đắm, không hối hận?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy tâm tâm số pháp của Bồ-tát ma-ha-tát là không thể có được, không thể thấy, nên tâm Bồ-tát ma-ha-tát không chìm đắm, không hối hận.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tâm Bồ-tát không kinh, không sợ, không

hãi?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ấy, ý và ý giới không thể có được, không thể thấy, vì vậy nên không kinh, không sợ, không hãi. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thảy pháp, không thể có được nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trong tất cả hành xứ không thủ đắc Bát-nhã Ba-la-mật, không thủ đắc danh tự Bồ-tát, cũng không thủ đắc tâm Bồ-tát, tức là dạy Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN: Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán danh tự sắc pháp chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến nơi tánh hữu vi vô vi không thấy có Bồ-tát, danh tự Bồ-tát. Như trước nói, đối với hết thảy pháp không khởi ức tưởng phân biệt. Bồ-tát trụ trong pháp bất hoại, thực hành Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, dùng trí tuệ biết thật tướng các pháp, tìm trong các pháp không thấy pháp nhất định gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, lại không thấy Bồ-tát và danh tự Bồ-tát. Dùng trí tuệ ấy phá các phiền não vô minh v. v... dùng các không thấy, và trí tuệ cũng không thấy ấy phá tâm chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật, danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, thông đạt vô ngại thật tướng thanh tịnh của các pháp. Bồ-tát được trí tuệ như vậy, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ đều như huyễn hóa; hoặc nghe, thấy, nghĩ, đều là hư dối, vì vậy nên không chấp trước sắc v. v... Trú trong trí tuệ vô ngại ấy, tăng ích Sáu Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được các lợi ích như vậy.

Chương này, Phật tự dạy Bồ-tát quán sát như vậy.

Tiếp chương sau, có người cho rằng Phật phần nhiều nói pháp Không nên trở lại hỏi Tu-bồ-đề: Nếu các pháp chẳng không, thì có thể có một pháp nhất định là Bồ-tát chăng? Nghĩa là sắc là Bồ-tát chăng? Cho đến như như là Bồ-tát chăng?

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Các pháp hòa hợp nên có Bồ-tát, ta làm sao nói có một pháp nhất định là Bồ-tát? Vì vậy nên nói: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Vì Tu-bồ-đề khéo chứng đắc chúng sinh không, nên Phật dạy: Lành thay, lành thay! Bồ-tát biết chúng sinh không, không thể có được, cần nên thực hành Bát-nhã Ba-la-mật. Sắc là nghĩa Bồ-tát, cho đến vô tác rốt ráo không cũng như vậy.

Tu-bồ-đề vào trong các pháp Không sâu xa, không nghi hoặc nên có thể lợi ích cho các Bồ-tát. Cho nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Phép của Bồ-tát là phải học Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp

Không, không thể có được.

Tu-bồ-đề nói: Con không thấy pháp nào gọi là Bồ-tát.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng Bồ-tát không thể thấy mà hoàn toàn không có pháp thấy pháp; pháp tánh vô lượng không thể thấy, thế nên các pháp không thấy pháp tánh. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tánh, rốt ráo không, nên pháp tánh không thấy các pháp, sắc tánh không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy sắc tánh, cho nên thức tánh cũng như vậy. Năm uẩn tánh cùng pháp tánh đồng danh nên gọi là tánh. Mười hai xứ, Mười tám giới, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng như vậy. Lược nói nhân duyên: Lìa tánh hữu vi không nói được tánh vô vi, lìa tánh vô vi không nói được tánh hữu vi, vì trong hai pháp ấy bao gồm hết thảy pháp.

Bồ-tát ấy tuy không thấy hết thảy pháp, cũng không sợ hãi. Vì cớ sao? Ví có chỗ thấy, có chỗ không thấy thì có sợ hãi, nếu hoàn toàn không thấy gì thì không sợ hãi. Đó là năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung.

Hỏi: Nếu Phật đã nói nhân duyên không sợ hãi, sao Tu-bồ-đề còn hỏi lại?

Đáp: Tu-bồ-đề nếu bảo các pháp hoàn toàn không, không có gì thì sợ đọa vào tà kiến. Vì cớ sao? Vì đệ tử Phật do được chánh kiến nên gọi là người hành đạo, làm sao nói hoàn toàn không thấy gì? Phật biết tâm Tu-bồ-đề cho nên nói hết thảy tâm tâm số pháp không thể có được, không thể thấy, nên không sợ. Người phàm phu muốn vào trong Không, thấy tâm tâm số pháp có thể có được, còn ngoại pháp không thể có được, nên sợ hãi. Còn Bồ-tát cho tâm tâm số pháp là hư dối không thật, quả báo điên đảo, không thể chỉ cho người thật sự, nên không sợ hãi. Do nghĩa ấy khác nhau cho nên còn hỏi lại.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao còn có câu hỏi thứ ba?

Đáp: Tâm tâm số pháp có thể thấy được ở trong ý thức; ý và ý thức là cội gốc của tâm tâm số pháp. Vì cớ sao? Vì trong ý thức phân biệt nhiều, nên sinh sợ hãi, còn năm thức thời khắc quá ngắn không phân biệt được gì. Muốn phá cội gốc sợ hãi cho nên còn hỏi lại, không lỗi. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật được như vậy, thì tuy không thấy bốn việc là: Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật, danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng có thể do ba nhân duyên, nên không sợ, tức là dạy cho Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc chỉ liễu giải tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Không từ mười phương cầu, cũng không ai cho, cũng chẳng phải như vàng bạc, vật báu, ra sức cầu

mới được.

---------o0o---------

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM: KHUYẾN HỌC

KINH: Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đầy đủ Thí Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật; muốn đầy đủ Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết sắc, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến muốn biết thức, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật; muốn biết nhãn cho đến ý, muốn biết sắc cho đến pháp, muốn biết nhãn thức cho đến ý thức, muốn biết nhãn xúc cho đến ý xúc, muốn biết nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật; muốn đoạn dâm, nộ, si, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn đoạn thân kiến, giới, thủ, nghi, dâm dục, sân nhuế, sắc ái, vô sắc ái, trạo, mạn, vô minh v.v... tất cả kiết sử và triền, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn đoạn bốn phược, bốn kiết, bốn điên đảo, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn biết mười thiện đạo, muốn biết bốn thiền, muốn biết bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn vào giác ý Tam-muội, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn vào sáu thần thông, định chín thứ lớp, siêu việt Tam-muội, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn được Tam-muội Sư tử du hý, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Muốn được Sư Tử phấn tấn, muốn được hết thảy môn Đà-la-ni hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Hết thảy Pháp ấn, Tam-muội Quán ấn, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất trụ tướng, Tam-muội Như Kim cang, Tam-muội Vào hết thảy pháp môn, Tam-muội Vương Tam-muội, Tam-muội Vương ấn, Tam-muội Tịnh lực, Tam-muội Cao xuất, Tam-muội Rốt ráo vào hết thảy biện tài, Tam-muội Vào hết thảy tên pháp, Tam-muội Quán mười phương, Tam-muội Ấn các môn Đà-la-ni, Tam-muội Hết thảy pháp không quên, Tam-muội Ấn nhiếp hết thảy pháp tụ, Tam-muội Hư không trụ, Tam-muội Ba phần thanh tịnh, Tam-muội Không thối thần thông, Tam-muội Xuất bát, Tam-muội Tràng Tướng, các Tam-muội... Muốn

được các môn Tam-muội như vậy, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sinh, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Trong phẩm đầu đã nói muốn được có các thứ, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trước chỉ tán thán muốn được các công đức ấy, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật, mà chưa nói Bát-nhã Ba-la-mật. Nay đã nghe ý vị Bát-nhã Ba-la-mật, nhân đó muốn được các công đức khác, là sáu Ba-la-mật v.v... hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trên dùng các nhân duyên nói các pháp không. Có người cho rằng, Phật pháp dạy đoạn diệt, không còn làm gì. Vì dứt mối nghi của người ấy, nên nói muốn được các công đức bố thí v.v... hãy thực hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bát-nhã Ba-la-mật thật không, không có gì, đoạn diệt, thì không nên nói nên thực hành các công đức bố thí v.v... Bậc có trí nói thì có gì trước sau trái nhau!

Lại nữa, trước nói rộng đây nói lược. Kia là Phật nói, đây là Tu-bồ-đề nói.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật thâm diệu, cho nên nói lại. Ví như tán thán công đức tốt nên nói: Lành thay, lành thay! Nghĩa của sáu Ba-la-mật như trước đã nói.

Biết năm uẩn là thấy nó vô thường, khổ, không, tướng chung, tướng riêng v.v..., sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ cũng như vậy. Hết thảy sự trói buộc ở thế gian, chính thọ là chủ, do thọ nên sinh các kiết sử, thọ vui sinh tham dục, thọ khổ sinh tham nhuế, thọ không khổ không vui sinh ngu si. Ba độc là nhân duyên khởi lên các phiền não và nghiệp, vì vậy nên chỉ nói thọ. Các tâm sổ pháp khác không nói đến là tưởng, thức, niệm v.v...; ba độc, mười kiết, các sử, các triền cho đến mười tám pháp không chung, như trước đã nói.

Tam-muội Giác ý, Tam-muội Siêu việt, Tam-muội Sư tử du hý ... các Tam-muội ấy của Bồ-tát, sau sẽ nói. Muốn làm cho hết thảy chúng sinh mãn nguyện, trước đã nói.

KINH: Muốn được đầy đủ thiện căn như vậy, không bị đọa ác thú, muốn được không sinh nhà bần tiện, muốn được không trú ở trong địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, muốn được Bồ-tát đảnh không đọa (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Đối với Bồ-tát đảnh, trọn không thối đọa – ND) hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đọa đảnh?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không dùng phương tiện thiện xảo thực hành sáu Ba-la-mật, vào không, vô tướng, vô tác Tam-muội, cũng không đọa địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng không vào Bồ-tát vị, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát pháp ái sinh, nên đọa đảnh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là Bồ-tát sinh? Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất rằng: Sinh gọi là pháp ái.

Xá-lợi-phất nói: Thế nào gọi là pháp ái?

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc là không mà lãnh thọ ức niệm ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là không mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là thuận đạo pháp sinh ái trước.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát, sắc là vô tướng mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng, mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô thường cho đến thức, sắc là khổ cho đến thức; sắc là vô ngã cho đến thức mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; ấy là Bồ-tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

Ấy là khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu; ấy là pháp nhơ, ấy pháp sạch, ấy nên gần, ấy không nên gần, ấy Bồ-tát nên làm, ấy chẳng phải Bồ-tát nên làm; ấy Bồ-tát đạo, ấy Bồ-tát học, ấy chẳng phải Bồ-tát đạo, ấy chẳng phải Bồ-tát học, ấy Bồ-tát Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; ấy Bồ-tát phương tiện, ấy chẳng phải Bồ-tát phương tiện; ấy Bồ-tát thành thục; ấy chẳng phải Bồ-tát thành thục.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, lãnh thọ, ức niệm, ái trước các pháp ấy; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

LUẬN: Hỏi: Do thiện căn gì mà không đọa ác đạo, nghèo hèn và Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng không đọa đảnh?

Đáp: Có người nói, thực hành thiện căn không tham nên các kiết sử ái v.v... suy mỏng, vào sâu thiền định; thực hành thiện căn không giận, nên các kiết sử giận v.v... suy mỏng, vào sâu tâm từ-bi; thực hành thiện căn không ngu si, nên các kiết sử vô minh v.v... suy mỏng, vào sâu Bát-nhã Ba-la-mật. Do lực thiền định, từ-bi, Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, nên không việc gì mà không thành được, huống gì bốn việc (không đọa ác

đạo, nhà bần tiện, Thanh-văn và Bích-chi Phật, không đọa đảnh).

Hỏi: Vì sao trong bốn việc chỉ hỏi việc đọa đảnh?

Đáp: Ba việc ở trước đã nói, việc đọa đảnh chưa nói cho nên hỏi.

Hỏi: Đảnh là pháp vị, nghĩa ấy trước đã nói, sao nay còn nói lại?

Đáp: Tuy đã nói nghĩa, mà tên gọi khác nhau. Không có phương tiện, vào ba giải thốt môn và có phương tiện, thì trước đã nói.

Pháp ái, đối với vô sinh pháp nhẫn, không có lợi ích nên gọi là sinh; ví như ăn nhiều không tiêu, nếu không trị liệu là tai hoạn cho thân. Bồ-tát cũng như vậy, khi mới phát tâm, tham ái món ăn chánh pháp, đó là không phương tiện thiện xảo thực hành các thiện pháp, thâm tâm buộc đắm nơi vô sinh pháp nhẫn, ấy là sinh, là bệnh. Vì đắm trước pháp ái nên đối vôi pháp không sinh không diệt cũng ái; ví như người chắc chắn chết, tuy uống thêm thuốc, thuốc trở lại thành bệnh. Bồ-tát đối với pháp rốt ráo không, không sinh không diệt pháp nhẫn mà sinh ái trước, cũng trở lại bị tai hoạn. Pháp ái đối với người, trời là thủ diệu, mà đối với vô sinh pháp nhẫn là hệ lụy.

Đối với hết thảy pháp, ức tưởng phân biệt quán thị quán phi, theo pháp mà ái, ấy gọi là sinh; không thể đựng nước thật tướng các pháp, trái với sinh (sống) gọi là Bồ-tát thục (chín).

Hỏi: Một việc ấy cớ sao gọi là đảnh, gọi là vị, gọi là không sinh?

Đáp: Pháp ở giữa nhu thuận nhẫn và vô sinh nhẫn, gọi là đảnh. Trú ở đảnh ấy, trên thẳng đến Phật đạo, không còn sợ đọa; ví như trong pháp Thanh-văn, ở giữa noãn pháp và nhẫn pháp gọi là đảnh pháp.

Hỏi: Nếu được đảnh không sợ đọa, sao nay nói đảnh đọa?

Đáp: Sắp gần được mà mất gọi là đọa. Được đảnh rồi trí tuệ an ổn, thì không sợ đọa; ví như lên núi, đã được đến đỉnh, thì không sợ rớt; giữa lúc chưa đến, khoảng khắc cheo leo sợ rớt. Đảnh cứ tăng trưởng kiên cố, gọi là Bồ-tát vị. Vào vị ấy, hết thảy kiết sử, hết thảy ma dân không làm lay động được, cũng gọi là vô sinh pháp nhẫn. Vì cớ sao? Vì khác với sinh. Các kiết sử ái v.v... và các thiện pháp hỗn tạp, gọi là sinh.

Lại nữa, không có lửa trí tuệ biết về thật tướng các pháp, nên gọi là sinh (sống), có lửa trí tuệ biết thật tướng các pháp nên gọi là thục (chín). Người ấy tín thọ được trí tuệ biết thật tướng các pháp, nên gọi là thục. Ví như bình nung chín có thể đựng nước, nung sống thì bị hư rã.

Lại nữa, nương dựa trí tuệ sinh diệt nên được xa lìa điên đảo, xa lìa trí tuệ sinh diệt nên không sinh không diệt, ấy gọi là vô sinh pháp. Hay tin, hay thọ, hay trì gọi là nhẫn.

Lại nữa, vị là nhổ hết thảy pháp quán về vô thường v.v... gọi là vị;

nếu không như vậy, ấy là thuận đạo pháp sinh ái trước.

KINH: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát vô sinh?

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, trong nội không, không thấy ngoại không; trong ngoại không, không thấy nội không; trong ngoại không, không thấy nội ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy không không; trong không không, không thấy nội ngoại không; trong không không, không thấy đại không; trong đại không, không thấy không không; trong đại không, không thấy đệ nhất nghĩa không; trong đệ nhất nghĩa không, không thấy đại không; trong đệ nhất nghĩa không, không thấy hữu vi không; trong hữu vi không, không thấy đệ nhất nghĩa không; trong hữu vi không, không thấy vô vi không; trong vô vi không, không thấy hữu vi không; trong vô vi không, không thấy tất cảnh không; trong tất cảnh không, không thấy vô vi không; trong tất cảnh không, không thấy vô thỉ không; trong vô thỉ không, không thấy tất cảnh không; trong vô thỉ không, không thấy tán không; trong tán không, không thấy vô thỉ không; trong tán không, không thấy tánh không; trong tánh không, không thấy tán không; trong tánh không, không thấy các pháp không; trong các pháp không, không thấy tánh không; trong các pháp không, không thấy tự tướng không; trong tự tướng không, không thấy các pháp không; trong tự tướng không, không thấy bất khả đắc không; trong bất khả đắc không, không thấy tự tướng không; trong bất khả đắc không, không thấy vô pháp không; trong vô pháp không, không thấy bất khả đắc không; trong vô pháp không, không thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không, không thấy vô pháp không; trong hữu pháp không, không thấy vô pháp hữu pháp không; trong vô pháp hữu pháp không, không thấy hữu pháp không.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, được vào Bồ-tát vị.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn học Bát-nhã Ba-la-mật, hãy học như vầy: Không niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không niệm mắt cho đến ý; không niệm sắc cho đến pháp; không niệm Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, tâm Bồ-đề không nên niệm, không nên cao: tâm vô đẳng đẳng không nên niệm, không nên cao; tâm rộng lớn không nên niệm, không nên cao. Vì

cớ sao? Vì tâm ấy chẳng phải tâm, tâm tướng thường tịnh vậy.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là tâm tướng thường tịnh?

Tu-bồ-đề nói: Nếu Bồ-tát biết tâm tướng ấy cùng với dâm, nộ, si, không hợp không lìa, cùng các kiết sử triền, lưu, phược... tất cả phiền não, không hợp không lìa; cùng tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật không hợp không lìa thì, nầy Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát tâm tướng thường tịnh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Có cái tâm không tâm tướng ấy chăng?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất rằng: Trong không tâm tướng, có thể có tâm tướng, không tâm tướng được chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không thể được.

Tu-bồ-đề nói: Nếu không thể được, thì không nên hỏi có tâm chẳng phải có tâm.

Xá lợi phát lại hỏi: Thế nào là không tâm tướng?

Tu-bồ-đề nói: Các pháp không hoại, không phân biệt, ấy gọi là không tâm tướng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Chỉ có tâm không phá hoại không phân biệt, sắc cũng không hoại không phân biệt, cho đến Phật đạo cũng không hoại không phân biệt ư?

Tu-bồ-đề nói: Nếu biết được tâm tướng không hoại không phân biệt, Bồ-tát ấy cũng biết được sắc cho đến Phật đạo không hoại không phân biệt.

Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Ông thật là con Phật, từ miệng Phật sinh, từ thấy pháp sinh, từ pháp hóa sinh, thủ phần pháp không thủ phần tài. Đối với pháp tự tin thân đắc chứng, như Phật đã nói trong hạng người được vô tránh, Ông là đệ nhất, thật như Phật đã cử ra.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, trong ấy cũng nên phân biệt biết, Bồ-tát thực hành như lời ông nói, thì không lìa Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn học Thanh-văn địa cũng phải nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bích-chi Phật địa cũng phải nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bồ-tát địa cũng phải nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, tụng đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Vì cớ sao? Vì

trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy nói rộng ba thừa, trong đó Bồ-tát ma-ha-tát, Thanh-văn, Bích-chi Phật nên học.

LUẬN: Trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không.

Có người nói: Các thứ ăn uống tứ đại bên ngoài đưa vào trong thân nên gọi là nội; nếu thân chết trở lại làm ngoài; vì hết thảy pháp không có tướng đến đi. Ngoại không chẳng ở trong nội không. Mười bảy không kia cũng như vậy, không sinh không diệt, không tướng khác, vì không đến đi nên trong mỗi mỗi không trú.

Lại nữa, tướng của Bồ-tát vị là không niệm hết thảy sắc là có, cho đến mười tám pháp không chung cũng không niệm là có. Nghĩa không niệm có như trước đã nói.

Hỏi: Tâm Bồ-đề, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm có gì sai khác?

Đáp: Bồ-tát khi mới phát tâm duyên đạo vô thượng, ta sẽ làm Phật, ấy là tâm Bồ-đề. Vô đẳng đẳng là Phật, vì cớ sao Vì hết thảy chúng sinh, hết thảy pháp không sánh bằng được. Tâm Bồ-đề ấy cùng Phật tương tợ. Vì cớ sao Vì nhân tợ quả vậy, ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng. Tâm ấy không việc gì không làm, không cầu ân huệ, sâu bền quyết chắc.

Lại nữa, Thí, Giới Ba-la-mật gọi là Bồ-đề tâm. Vì cớ sao?

Vì do Thí Ba-la-mật nên được giàu lớn, không thiếu gì; do Giới Ba-la-mật nên ra khỏi ba đường ác, được tôn quý trong hàng trời người, trụ vào hai Ba-la-mật quả báo nên được an lập, thành tựu việc lớn, ấy gọi là tâm Bồ-đề.

Tướng của Nhẫn, Tinh tấn Ba-la-mật, hiện việc kỳ lạ đối với chúng sinh, đó là có người đến cắt thịt moi tủy, xem như chặt cây, mà thương nghĩ đến oan gia, huyết hóa thành sữa. Tâm ấy tợ như tâm Phật, đối với hết thảy chúng sinh trong mười phương sáu đường, mỗi mỗi đều đem thâm tâm tế độ. Lại biết các pháp là rốt ráo không, mà đem tâm đại bi hành các hạnh, ấy là kỳ lạ; ví như người muốn trồng cây giữa không, ấy là hy hữu.

Oai lực của Tinh tấn Ba-la-mật như vậy, cùng với vô đẳng (Phật) tương tợ, ấy gọi là vô đẳng đẳng.

Vào thiền định, thực hành Bốn tâm vô lượng, cùng khắp mười phương, hợp với đại bi và phương tiện, cứu vớt hết thảy chúng sinh ra khỏi khổ. Lại thật tướng các pháp, diệt hết thảy quán niệm, ngôn ngữ dứt mà không đọa vào đoạn diệt, ấy gọi là đại tâm.

Lại nữa, mới phát tâm gọi là tâm Bồ-đề; thực hành sáu Ba-la-mật, gọi là tâm vô đẳng đẳng, vào tâm phương tiện gọi là đại tâm, có các sai

biệt như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát được đại trí như vậy, tâm cũng không cao vì tâm tướng thường thanh tịnh, như tướng hư không thường thanh tịnh; khói mây, bụi mù tạm đến che lấp làm cho bất tịnh. Tâm cũng như vậy, thường tự thanh tịnh, bị các khách phiền não vô minh đến che lấp, nên cho là bất tịnh, trừ bỏ phiền não, trở lại thanh tịnh như xưa. Kẻ tu hành công phu nhỏ mỏng, sự thanh tịnh ấy chẳng phải làm được, không nên tự cao, không nên ức niệm. Vì sao? Vì rốt ráo không.

Hỏi: Xá-lợi-phất đã biết tâm tướng thường tịnh, cớ sao còn hỏi?

Đáp: Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào sâu dính sâu. Tuy nghe nói tâm rốt ráo không, thường thanh tịnh, vẫn còn ức tưởng phân biệt, chấp thủ tướng vô tâm ấy. Vì thế nên Hỏi: Tâm không có tâm tướng ấy là có hay là không? Nếu có, cớ sao nói không có tâm tướng? Nếu không, cớ sao tán thán tâm vô đẳng đẳng ấy sẽ thành Phật đạo?

Tu-bồ-đề đáp rằng: Trong không tâm tướng rốt ráo thanh tịnh, có và không đều không thể có được nên không nên nạn hỏi.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào là không có tâm tướng?

Tu-bồ-đề đáp: Rốt ráo không, không phân biệt hết thảy các pháp, ấy gọi là không có tâm tướng.

Xá-lợi-phất hỏi: Chỉ có tâm tướng là không hoại không phân biệt, hay các pháp khác cũng như vậy?

Tu-bồ-đề đáp: Các pháp cũng như vậy. Nếu như vậy, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như hư không, không hoại không phân biệt.

Các Bồ-tát đắm sâu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên nghĩ rằng: Các pháp phàm phu có thể nói là hư dối, vì không chân thật, vì Bồ-tát chưa hết lậu hoặc, cũng có thể nói là không thanh tịnh, chứ sao Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng lại hư dối? Khi ấy tâm lo sợ không vui.

Tu-bồ-đề biết tâm kia rồi, suy nghĩ trù lượng: Ta nay nên nói pháp thật tướng cho họ chăng? Suy nghĩ xong, tự nghĩ, nay ở trước Phật, nên đem thật tướng mà đáp, nếu ta có lỗi, Phật sẽ tự nói. Mãi suy nghĩ xong, thế nên nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tuy là đệ nhất, cũng từ nôi pháp hư dối sinh ra, cho nên cũng là không, không hoại, không phân biệt. Vì vậy, hành giả nên theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành, không nên chấp thủ tướng để tự cao.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Còn

Phật im lặng nghe Tu-bồ-đề đáp, cũng ấn khả lời tán thán của Xá-lợi-phất.

Từ miệng Phật sinh là, có người nói: Bà-la-môn từ nơi miệng vua Phạm-thiên sinh, đệ nhất trong bốn đẳng cấp chúng sinh. Vì vậy, Xá-lợi-phất tán thán rằng: Ông thật từ miệng Phật sinh. Vì sao? Vì ông thấy pháp, biết pháp vậy!

Người chưa đắc đạo, nương Phật theo học sự cúng dường, ấy gọi là thủ phần tài. Lại như đứa con tệ ác, không theo lời cha, chỉ lấy phần tài. Lấy phần pháp là lấy các thiền định, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo phần, các thiện pháp, gọi là lấy phần pháp.

Được bốn điều tin chắc gọi là tự tín đối với pháp, được các thần thông, diệt tận định v.v... bám vào thân, ấy gọi là thân đắc chứng. Như Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất, Ma-ha Ca-diếp đầu đà đệ nhất, Tu-bồ-đề được Vô tránh Tam-muội đệ nhất. Vị A-la-hán được định Vô tránh thường quán xét tâm người, không khiến người khỏi tranh cãi. Tam-muội này nhiếp vào trong bốn thiền căn bản, cũng dùng ở trong cõi Dục.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật là việc của Bồ-tát, cớ gì nói người muốn được ba thừa đều nên học tập?

Đáp: Trong Bát-nhã Ba-la-mật, nói thật tướng các pháp tức là Vô-dư Niết-bàn. Người ba thừa đều cầu Vô-dư Niết-bàn nên phải tinh tấn tập hành Bát-nhã.

Lại nữa, các nhân duyên trong Bát-nhã, có nói về nghĩa không giải thốt môn. Như trong Kinh nói: Nếu lìa không giải thốt môn, thời không có đạo không có Niết-bàn. Vì vậy người ba thừa đều nên học Bát-nhã. Lại nữa, Xá-lợi-phất tự nói nhân duyên: Trong Bát-nhã Ba-la-mật, rộng nói tướng ba thừa trong đó.

Người ba thừa nên học để thành tựu.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 42

GIẢI THÍCH PHẨM CHÍN: TẬP TÁN

Phần 1

KINH: Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con biết không nắm được Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì sẽ vì ai nói Bát-nhã Ba-la-mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Con không biết không nắm được hết thảy pháp hoặc tập hoặc tán, nếu con vì Bồ-tát lập danh tự nói là Bồ-tát, thì con sẽ có hối hận.

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng không trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì, thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Bạch Đức Thế Tôn! Con đối với Bồ-tát ma-ha-tát và đối với Bát-nhã Ba-la-mật đều không biết không nắm được, làm sao khiến con đem pháp Bát-nhã Ba-la-mật tương ưng giáo giới giáo thọ cho các Bồ-tát ma-ha-tát? Bạch Thế Tôn! Con đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm còn không biết không nắm được, nếu con đem các pháp giáo giới giáo thọ cho các Bồ-tát ma-ha-tát, thời con sẽ có hối hận v.v... ND)

Bạch Thế Tôn! Con chẳng nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến thức hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự?

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên đó, danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được mắt hoặc tập hoặc tán, cho đến ý hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự mắt cho đến danh tự ý, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến pháp hoặc tập hoặc tán, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự sắc cho đến danh tự pháp ấy, chẳng trụ cũng chẳng

phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh tận hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết tận hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được dâm, nộ, si hoặc tập hoặc tán; các tà kiến hoặc tập hoặc tán, đều cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được Sáu Ba-la-mật hoặc tập hoặc tán; Bốn niệm xứ hoặc tập hoặc tán; cho đến Tám Thánh đạo phần hoặc tập hoặc tán; không, vô tướng, vô tác hoặc tập hoặc tán; Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc hoặc tập hoặc tán; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Bố thí, niệm Trời, niệm lành, niệm hôi thở ra vào, niệm Thân, niệm Chết hoặc tập hoặc tán. Con cũng không nắm được Mười lực của Phật cho đến Mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con nếu không nắm được sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán, thì làm sao để lập danh tự gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được năm uẩn như mộng hoặc tập hoặc tán; con không nắm được năm uẩn như tiếng vang, như bóng, như ráng nắng, như huyễn hóa hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được xa lìa hoặc tập hoặc tán; con không nắm được tịch diệt, bất sinh bất diệt, không hiển thị, không nhô không sạch hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Con không nắm được pháp lành, pháp chẳng lành, hoặc tập hoặc tán; con không nắm được pháp hữu vi vô vi, pháp hữu lậu vô lậu hoặc tập hoặc tán; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tập hoặc tán; pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hoặc tập hoặc tán. Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Đó là pháp vô vi.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được pháp vô vi hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được Phật hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được thế giới chư Phật như hằng hà sa ở mười phương và Bồ-tát, thanh-văn Tăng hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không nắm được chư Phật hoặc tập hoặc tán, thì làm sao dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát ma-ha-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự Bồ-tát ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được thật tướng các pháp hoặc tập hoặc tán, thì làm sao lập danh tự Bồ-tát để gọi đó là Bồ-tát!

Bạch Thế Tôn! Danh tự các pháp thật tướng ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

LUẬN: Hỏi: Trong phẩm trước đã nói không thấy Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy các pháp không trong không ngoài, không ở giữa v. v... sao nay còn nói lại?

Đáp: Có bốn thứ ái là dục ái, hữu ái, phi hữu ái, pháp ái. Dục ái dễ thấy, lỗi nó là bất tịnh v. v... ; hữu ái, không bất tịnh v. v... nhỏ nhiệm khó khiển trừ. Phi hữu ái, phá hữu, vì phá hữu nên in tuồng trí tuệ, khó khiển trừ. Pháp ái, ái trước các đạo thiện pháp lợi ích. Trong pháp ái, tội lỗi khó thấy, nên nói lại; ví như cây cỏ nhỏ, gia công ít dễ trừ, còn cây lớn, gia công nặng khó trừ.

Lại nữa, pháp trên và pháp đây có đồng có khác, trên kia nói không thấy danh tự Bồ-tát, ở đây nói không biết không nắm được danh tự Bồ-tát. Vì không biết không nắm được nên không thấy, chẳng phải vì lực trí tuệ ít nên không thấy.

Hỏi: Khi tập hành Bát-nhã Ba-la-mật là có Bồ-tát chăng? Sao nay nói không thấy Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Từ vô thỉ lại, chúng sinh vốn không thể có được, chứ chẳng phải vì tập hành Bát-nhã Ba-la-mật nên không thể có được. Chỉ vì điên đảo hư dối, người phàm phu chạy theo giả danh cho là có. Nay tập hành Bát-nhã Ba-la-mật diệt điên đảo hư dối, rõ nó là không, chẳng phải vốn có nay không; vốn có nay không thì rơi vào đoạn diệt.

Lại nữa, Tu-bồ-đề tâm hối hận, sợ phá giới vọng ngữ. Vì cớ sao? Vì trong Phật pháp hết thảy pháp quyết định là vô ngã, mà ta nói có Bồ-tát để nói Bát-nhã Ba-la-mật cho họ, thì bị đọa vào tội vọng ngữ, thế nên tâm hối hận.

Lại nữa, có nhân duyên làm cho tâm hối hận, hết thảy pháp vì

là không, không thể có được nên đều không. Vì cớ sao? Vì không tập không tán. Ví như mắt và sắc làm nhân duyên sinh nhãn thức, ba sự hòa hợp (Ba sự là mắt, sắc, nhãn, thức - ND) nên sinh nhãn xúc, trong nhân duyên nhãn xúc liền sinh các tâm số pháp thọ, tưởng, tư v.v... Trong đây, vì tà kiến ức niệm nên sinh ra các phiền não tội nghiệp, vì chánh ức niệm nên sinh ra các thiện pháp. Do nghiệp thiện ác mà thọ quả báo trong sáu đường. Từ nôi thân này lại gây ra nghiệp thiện ác, như vậy triển chuyển vô cùng, ấy gọi là Tập. Các căn tai, mũi v.v... cũng như vậy.

Tán, là nhãn thức v.v... niệm niệm diệt, vì các nhân duyên ly tán. Các pháp nhãn thức v.v... khi sinh không từ đâu lại, chẳng phải như hạt lúa trên ruộng vận chuyển tụ tập; còn khi diệt không đi đâu, chẳng phải như phân tán lúa cho dân; ấy gọi là lược nói tướng tập tán của các pháp; khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu, các pháp đều như huyễn hóa, chỉ dối hoặc con mắt.

Hỏi: Nếu như vậy, đã có tướng tập tán, cớ sao Tu-bồ-đề nói không biết không nắm được?

Đáp: Vì không từ đâu đến nên tướng tụ tập không thể có được; vì không đi về đâu nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, sinh không có, nên tướng tu tập không thể có được; diệt không có, nên tướng phân tán không thể có được; vì rốt ráo không, nên tướng tụ tập không thể có được; vì nghiệp nhân duyên không mất nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, quán lý thế gian biến diệt nên tướng tụ tập không thể có được, quán lý thế gian tụ tập nên tướng phân tán không thể có được. Có các nghĩa như vậy, nên biết tướng tụ tập phân tán không thể có được, làm sao lập danh tự là Bồ-tát? Nếu gượng nói có danh ấy, thì danh ấy cũng không trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Hỏi: Danh tự ấy cớ sao không trụ?

Đáp: Danh tự trụ ở trong pháp, vì pháp không, nên danh tự không có chỗ trụ, như xe do bánh xe, vành xe, cái hoa xe, cái bầu xe, hòa hợp nên có tên xe; nếu sự hòa hợp ấy phân tán thì mất tên xe. Tên xe ấy chẳng phải ở trong bánh xe v.v... cũng chẳng phải ở trong chỗ lìa bánh xe v.v... Danh tự xe, tìm trong một, khác đều không thể có được, vì mất trong danh tự xe, danh tự không có chỗ trụ. Khi nhân duyên phân tán còn không có, huống gì khi nhân duyên diệt? Chúng sinh cũng như vậy, do năm uẩn sắc, thọ v.v... hòa hợp, nên có danh tự chúng sinh, nếu năm uẩn ly tán, thì danh tự không có chỗ trụ; khi năm uẩn ly tán còn không có, huống gì không có năm uẩn?

Hỏi: Nếu khi phân tán, danh tự không thể có được, còn khi đang hòa hợp chưa phân tán thì có danh tự, cớ sao nói không thể có được?

Đáp: Danh tự Bồ-tát ấy chỉ có một, mà năm uẩn thì có năm, một không làm thành năm, năm không làm thành một; nếu năm làm một, không thể được; như năm con vật không được dùng làm một con, hoặc một làm năm, không thể được, như một con vật không được dùng làm năm con. Vì vậy một danh tự Bồ-tát không được trụ trong năm uẩn. Chẳng phải không trụ, là nếu không có danh tự, theo nhân duyên hòa hợp, thì ngôn ngữ, sự việc thế tục đều tiêu mất. Thế đế không có nên đệ nhất nghĩa đế cũng không có; hai đế không có nên các pháp rối loạn.

Lại nữa, nếu trong nhân duyên có danh tự thì như nói lửa ắt bị cháy miệng, nói có ắt bị lấp bít miệng. Nếu danh tự không ở trong pháp thì nói lửa không nên sinh ý tưởng về lửa, tìm lửa cũng có thể được nước. Từ xa xưa lại đây, chung nhau truyền danh tự nên do danh tự mà biết đến việc. Do vậy nên nói nghĩa của danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Lại nữa, trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì không có gì nên danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Giống như danh tự Bồ-tát, danh tự các pháp Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Như trước đã nói các pháp Năm uẩn hoặc tập hoặc tán đều không có được, nay cớ sao còn nói Năm uẩn?

Đáp: Ở trên nói ngay Năm uẩn, nay muốn nói Năm uẩn như mộng, như huyễn.

Lại nữa, có người nói Năm uẩn của người phàm phu hư dối không thật, như mộng, còn Năm uẩn của thánh nhân chẳng phải hư dối, vì vậy nên Tu-bồ-đề nói như mộng như huyễn, đều đồng chẳng trụ.

Hỏi: Trong mười thí dụ (xem mục Mười dụ) cớ sao đây chỉ nói đến năm việc?

Đáp: Nếu nói mười việc thì không có trong hiện tại, chỉ theo tâm chúng sinh nói năm dụ đủ biện biệt năm việc, nên không nói hết. Hoặc vì Năm uẩn nên nói năm dụ, các pháp khác cũng như vậy.

Lìa có hai:

1. Thân lìa.
2. Tâm lìa.

Thân lìa là bỏ thế sự ân ái gia đình, ở chỗ nhàn tịnh; tâm lìa là xa lìa hết các kiết sử.

Lại Lìa có hai thứ:

1. Các pháp lìa danh tự.
2. Các pháp mỗi mỗi lìa tư tưởng.

Trong đây cốt nói hai thứ lìa sau. Vì cớ sao? Vì trong đây cốt phá danh tự, còn chỗ khác nói lìa tự tướng. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói hai thứ lìa trước (thân lìa, tâm lìa).

Tịch diệt cũng có hai: 1. Thuần tướng lành tịch diệt ác sự. 2. Như tướng Niết-bàn tịch diệt. Quán các pháp thế gian cũng như vậy, trong đây chỉ nói thứ tịch diệt sau.

Bất sinh cũng có hai: 1. Pháp vị lai và vô vi. 2. Hết thảy pháp thật tướng vô sinh. Vì tướng sinh không thể có được nên trong đây chỉ nói thứ sinh sau.

Bất diệt có ba: 1. Trí duyên diệt (trạch diệt). 2. Phi trí duyên diệt (phi trạch diệt). 3. Vô thường diệt. Trong đây cốt nói vô thường diệt; vì trái với đây nên gọi là bất diệt.

Bất thị là hết thảy các quán diệt, đường ngôn ngữ dứt, không có pháp có thể chỉ bày, pháp ấy tưởng như vậy, hoặc có hoặc không, hoặc thường hoặc vô thường, chẳng nhơ chẳng sạch. Nghĩa là như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị, như trước đã nói.

Hỏi: Năm uẩn có tập có tán, trái với đây nên nói không tập không tán; còn như như, pháp tánh, thật tế v.v... không trái nhau, cớ sao không tập không tán?

Đáp: Hành giả được như như, pháp tánh v.v... nên gọi là tập, vì mất nên gọi là tán. Như hư không tuy không tập không tán, song khoét vách cửa gọi là tập, lấp bít lại gọi là tán. Các nghĩa thiện, bất thiện cho đến mười phương hằng hà sa chư Phật, như trước đã nói.

Các pháp ấy và danh tự Phật không chỗ nương dựa, cho nên đều không, chẳng trụ chẳng phải không trụ.

KINH: Bạch Thế Tôn! Các pháp do nhân duyên hòa hợp, giả danh bày đặt gọi là Bồ-tát. Danh tự ấy, không thể nói nó ở trong Năm uẩn; không thể nói ở trong Mười hai nhập, Mười tám giới, cho đến Mười tám pháp không chung, cũng không thể nói nó ở trong pháp hòa hợp. Bạch Thế Tôn! Ví như mộng, không thể nói nó ở trong các pháp; tiếng vang, bóng, ráng nắng, huyễn hóa, cũng không thể nói nó ở trong các pháp; ví như danh tự hư không, không thể nói nó ở trong pháp nào (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vô xứ khả thuyết - không thể nói nó ở chỗ nào – ND).

Bạch Thế Tôn! Như danh tự đất, nước, lửa, gió cũng không thể nói ở trong pháp nào; danh tự giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự Tu-đà-hoàn, cho đến danh tự A-la-hán, Bích-chi Phật, cũng không thể nói ở trong pháp nào, như danh tự Phật, danh tự Pháp cũng không thể nói ở

trong pháp nào; như danh tự hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc lìa, hoặc có hoặc không, không thể nói ở trong pháp nào.

Bạch Thế Tôn! Con vì nghĩa ấy nên tâm hối hận (nếu con nói Bát-nhã Ba-la-mật đa cho các Bồ-tát – ND). Hết thảy các pháp tướng tập, tướng tán không thể có được, làm sao vì Bồ-tát lập danh tự gọi là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy không trụ chẳng phải không trụ. Vì cớ sao? Vì danh tự không có gì. Vì vậy danh tự ấy không trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật tướng như vậy, nghĩa như vậy mà tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ-tát ấy chắc chắn trụ tánh bất thối chuyển, vì trụ pháp không trụ.

LUẬN: Môn không trụ cũng chẳng phải không trụ trước đây dùng để phá danh tự Bồ-tát và các pháp, nay dùng môn khác để phá danh tự Bồ-tát, không có pháp gì có thể gọi là Bồ-tát. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát chẳng phải là năm uẩn, năm uẩn chẳng phải là Bồ-tát; trong năm uẩn không có Bồ-tát, trong Bồ-tát không có năm uẩn; năm uẩn không thuộc Bồ-tát, Bồ-tát không thuộc năm uẩn; lìa Năm uẩn không có Bồ-tát, lìa Bồ-tát không có Năm uẩn. Như vậy danh tự Bồ-tát không thể có được, nên biết nó là không, cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy; thí như việc trông thấy trong mộng, đều là hư dối không thể nói. Trong mộng ấy không có tướng pháp nhất định gọi là Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, chỉ có tâm cuồng. Bóng, tiếng vang, ráng nắng, huyễn hóa cũng như vậy, chỉ dối gạt tai mắt; như hư không, không thể nói ở trong các pháp, vì vô tướng. Vì hư không trái với sắc, nên không được nói là sắc, chỗ sắc tiêu hết cũng chẳng phải hư không, vì không có pháp riêng biệt. Nếu bảo chỗ thân ra vào là tướng hư không, việc ấy không đúng. Đó là thân nghiệp chẳng phải tướng hư không, nếu không có tướng thì không có pháp. Vì vậy, hư không chỉ có danh tự. Danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Hỏi: Như mộng, hư không v.v... có thể chỉ có danh tự; làm sao đất, nước, lửa, gió thật pháp mà cũng chỉ có danh tự?

Đáp: Người vô trí cho các vật đất v.v... là thật, Thánh nhân bằng tuệ nhãn xem thấy toàn là hư dối. Thí như trẻ con thấy tượng trong gương cho là thật, vui mừng muốn lấy, người lớn xem đó chỉ là dối hoặc mắt người. Những người phàm phu thấy vi trần hòa hợp thành đất, cho

là đất thật, ai có mắt trời phân tán đất ấy, chỉ thấy vi trần, còn dùng tuệ nhãn phân biệt phá tan thì đất ấy hoàn toàn không thể có được.

Lại nữa, trong phẩm đầu của Luận, dùng các phá thân tướng, như thân phá, đất cũng phá.

Lại nữa, nếu đất là thật, tại sao khi quán hết thảy lửa thì đều là lửa? Hoặc cho thiền định quán là thật, còn Phật nói hết thảy pháp Không là hư vọng, thì việc ấy không đúng; nước, lửa, gió cũng như vậy. Như bốn đại hợp làm thân, vốn còn như vậy, huống gì các nghiệp do thân làm như giữ giới v.v... mà chẳng không? Như giữ giới là thô nghiệp còn không, huống gì thiền định, trí tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến v.v... mà chẳng không! Nếu năm pháp uẩn giới, định v.v... còn không, huống gì các Thánh đạo quả do giữ giới, thiền định v.v... làm nhân duyên để chứng đắc mà chẳng không! Nếu Thánh đạo quả còn không, huống gì người chứng Tu-đà-hoàn cho đến Phật mà chẳng không! Vì vậy, danh tự Bồ-tát tuy là thiện pháp, cho đến xuất ra từ trong pháp có, không, không gọi là thiện, cho đến không gọi là có, không, vì tập và tán không thể có được.

Tu-bồ-đề đã biết tướng không như vậy, làm sao gọi là Bồ-tát, để nói Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát? Nếu Bồ-tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, thì trụ trong tánh bất thối chuyển, vì như pháp bất trụ mà trụ vậy.

Tánh bất thối chuyển là, Bồ-tát ấy chưa được vô sinh pháp nhẫn, chưa được chư Phật thọ ký, chỉ nhờ sức phước đức trí tuệ, có thể tin vui các pháp rốt ráo không, ấy gọi là trụ trong tánh bất thối chuyển, vì được khí phần bất thối chuyển, như trẻ con sinh trong dòng họ quý, tuy chưa làm nên việc, mà do dòng họ quý làm quý.

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức; không nên trụ nôi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không nên trụ nơi nhãn xúc cho đến không nên trụ nôi ý xúc; không nên trụ nôi thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến không nên trụ nôi thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; không nên trụ nôi các chủng địa, thủy, hỏa, phong, không, thức; không nên trụ nơi vô sinh cho đến lão tử. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn! Sắc, tướng của sắc không, thọ, tưởng, hành, thức, tướng của thọ, tưởng, hành thức không. Bạch Thế Tôn! Sắc không, không gọi là sắc, lìa không cũng không gọi là sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thức không, không gọi là thức, lìa không cũng không gọi là thức; thức tức là không, không tức là thức, cho đến lão tử, tướng của lão tử không. Bạch Thế Tôn! Lão tử không, không gọi là lão

tử, lìa không cũng không có lão tử; lão tử tức là không, không tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi sắc cho đến không nên trụ nơi lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nôi Bốn niệm xứ. Vì cớ sao? Vì Bốn niệm xứ, tướng Bốn niệm xứ không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không, không gọi là bốn niệm xứ, lìa không cũng không có Bốn niệm xứ, Bốn niệm xứ tức là không, không tức là Bốn niệm xứ; cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nôi Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nôi Thí Ba-la-mật, không nên trụ nôi Giới Ba-la-mật, không nên trụ nôi Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tướng không. Bạch Thế Tôn! Thí Ba-la-mật không, không gọi là Thí Ba-la-mật; lìa không cũng không có Thí Ba-la-mật; Thí Ba-la-mật tức là không, không tức là Thí Ba-la-mật; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Sáu Ba-la-mật.

LUẬN: Trên kia Tu-bồ-đề do "khiêm nhượng" mà nói Bát-nhã, tuy nói không nói, song thật đã vì Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề do môn "không trụ", thẳng vì Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật có các danh tự; Quán, tu, tương ưng, hợp, nhập, tập, trụ v.v... ấy đều gọi là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ nói các danh tự, người nghe hoan hỷ.

Lại nữa, hơi có sai biệt về danh tự tu hành: Lắng nghe, đọc tụng, viết chép, chánh ức niệm, thuyết giảng, tư duy, trù lượng, phân biệt, tu tập cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chung lại gọi là tu hành. Vì từ tu hành mà phân biệt ra: Bắt đầu gọi là quán, như bắt đầu thấy vật; mỗi ngày học dần gọi là tập; có thể cùng Bát-nhã tương ưng gọi là hiệp; tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật gọi là tương ưng; thấu suốt Bát-nhã Ba-la-mật gọi là nhập; phân biệt chấp thủ tướng có việc ấy gọi là niệm; thường

hành không dứt làm cho tương tợ gọi là học; học xong, phương tiện khéo léo quán sát biết phải, quấy, được, mất, gọi là tư duy; dùng tâm thiền định tu hành, gọi là tu; được đạo Bát-nhã Ba-la-mật ấy không mất, gọi là trụ; trái với trụ là chẳng trụ.

Hỏi: Trước nói các pháp không, tức là chẳng trụ, sao nay nói không nên trụ nơi hết thảy pháp?

Đáp: Trước tuy đã nói, song tâm đắm trước pháp ái khó khiển trừ nên nay nói lại.

Lại nữa, có Tam-muội Vô tướng; vào Tam-muội ấy, không chấp thủ tướng các pháp nhưng không vào diệt định. Trí tuệ Bồ-tát không thể nghĩ bàn, tuy không chấp thủ hết thảy pháp tướng, nhưng có thể hành đạo, như chim ở giữa hư không, tuy không chỗ nương tựa mà có thể bay cao. Bồ-tát cũng như vậy, không trụ nơi các pháp mà có thể hành đạo Bồ-tát.

Hỏi: Tâm người gặp duyên thì khởi, làm sao Bồ-tát không trụ nơi hết thảy pháp mà không vào diệt định?

Đáp: Tu-bồ-đề tự nói: Sắc, sắc tướng tự không, sắc không là chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa không có sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Nghĩa này ở trong phẩm thứ hai đã nói, cho đến không nên trụ nơi Sáu Ba-la-mật cũng như vậy, vì không cho nên không chỗ trụ.

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nôi văn tự, không nên trụ nôi môn một chữ, môn hai chữ, các môn chữ như vậy. Vì cớ sao? Vì các chữ, tướng các chữ không, như trên đã nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nôi các thần thông. Vì cớ sao? Vì các thần thông, tướng các thần thông không; thần thông không, không gọi là thần thông, lìa không cũng không có thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi các thần thông.

LUẬN: Có hai hạng Bồ-tát: 1. Tập thiền định. 2. Học tụng. Ngồi thiền thì sinh thần thông, học tụng thì khởi tâm phân biệt văn tự.
Môn một chữ là một chữ một lời, như đất gọi là Phù. Môn hai chữ là hai chữ một lời, như nước gọi là Xà-lam.

Danh tự ba chữ như nước gọi là Ba-ni-lam. Có các tự môn như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát nghe một chữ, tức vào trong thật tướng hết thảy

pháp, như nghe chữ "A" tức biết các pháp từ xưa lại đây không sinh. Như vậy v.v... như nghe chữ "Đầu khư" biết hết thảy pháp sinh tướng khổ, tức thời sinh tâm đại bi; như nghe chữ "A-ni-tra" biết hết thảy pháp tướng vô thường, tức thời vào đạo Thánh hạnh. Ngoài ra như trong văn tự Đà-la-ni nói rộng.

Nghĩa thần thông, trước đã nói. Hai việc ấy rốt ráo không, nên Bồ-tát không trụ nơi đó.

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc là vô thường không nên trụ, thọ tưởng hành thức là vô thường không nên trụ. Vì cớ sao? Vì vô thường, tướng vô thường không. Bạch Thế Tôn! Vô thường không, không gọi là vô thường, lìa không cũng không có vô thường; vô thường tức là không, không tức là vô thường.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc là vô thường, không nên trụ, thọ tưởng hành thức là vô thường không nên trụ; sắc là khổ không nên trụ, thọ tưởng hành thức là khổ không nên trụ; sắc là vô ngã không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã không nên trụ; sắc là không, không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là không, không nên trụ; sắc là tịch diệt không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là tịch diệt không nên trụ; sắc là lìa không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là lìa không nên trụ; như trên nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không nên trụ nôi như như, vì sao? Vì như như, tướng như như không. Bạch Thế Tôn! Tướng như như không, không gọi là như như, lìa không cũng không có như như; như như tức là không, không tức là như như.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nôi pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Vì sao? Vì thật tế, thật tế không. Bạch Thế Tôn! Thật tế không không gọi là thật tế, lìa không cũng không có thật tế; thật tế tức là không, không tức là thật tế. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi hết thảy môn Đà-la-ni, không nên trụ nơi hết thảy môn Tam-muội. Vì sao? Vì môn Đà-la-ni, tướng môn Đà-la-ni không; môn Tam-muội, tướng môn Tam-muội không. Bạch Thế Tôn! Môn Đà-la-ni, môn Tam-muội không, không gọi là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội; lìa không cũng không có môn Đà-la-ni, môn Tam-muội; môn Đà-la-ni, môn Tam-muội tức là không, không tức là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trụ nơi Như như cho đến môn Đà-la-ni, môn Tam-muội.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta, mà trụ nôi sắc, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với sắc, đem tâm tôi, ta mà trụ nôi thọ tưởng hành thức, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với thức. Nếu Bồ-tát gia hạnh thì không nhiếp thọ Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật; vì không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật nên không thể thành tựu Tát-bà-nhã được.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta trụ nôi Mười hai nhập cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội, Bồ-tát ấy gia hạnh đối với Mười hai nhập cho đến gia hạnh đối với môn Đà-la-ni, Tam-muội. Nếu Bồ-tát gia hạnh thì không nhiếp thọ Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Vì không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật nên không thể thành tựu Tát-bà-nhã được. Vì sao? Vì sắc là không nhiếp thọ, thọ tưởng hành thức là không nhiếp thọ. Sắc không nhiếp thọ thì chẳng phải sắc, thọ tưởng hành thức không nhiếp thọ thì chẳng phải... thức, vì tánh không vậy.

Mười hai nhập là không nhiếp thọ, cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội là không nhiếp thọ, Mười hai nhập không nhiếp thọ thì chẳng phải Mười hai nhập; cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội không nhiếp thọ, thì chẳng phải môn Đà-la-ni, Tam-muội, vì tánh không vậy.

Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không nhiếp thọ, Bát-nhã Ba-la-mật không nhiếp thọ thì chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, vì tánh không vậy. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật nên quán các pháp tánh không. Khi quán như vậy tâm không chỗ duyên, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát không nhiếp thọ Tam-muội, vi diệu thù thắng, có tác dụng rộng lớn vô ngại, không chung với Thanh-văn, Bích-chi Phật. Tuệ Tát-bà-nhã (Nhất thiết trí trí) ấy cũng không nhiếp thọ; vì trong không ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Vì cớ sao? Vì Tát-bà-nhã ấy, không thể lấy tướng tu được, vì lấy tướng tu hành có cấu uế (phiền não). Thế nào là tướng cấu uế? Tướng sắc cho đến tướng môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, ấy gọi là tướng cấu uế.

LUẬN: Các Thánh hạnh quán vô thường, như như, pháp tánh,

thật tế, môn Đà-la-ni, Tam-muội, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp cấu uế không nên trụ, vì tội lỗi, còn trong pháp thiện, vô ký, cớ sao không nên trụ?

Đáp: Nó tuy chẳng phải tội, mà làm nhân duyên sinh tội, như Phật nói trong đây: Có Bồ-tát đem tâm tôi, ta tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, trụ trước nôi sắc, vì sinh sắc nên tạo tác các nghiệp; trụ trước nôi thọ, tưởng, hành, thức cùng như vậy. Vì sinh khởi năm uẩn nên tu hành, ấy là không nhiếp thủ Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy tuy nói ta tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là cách tu hành thế gian, không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, không thể đạt đến Nhất thiết trí trí. Cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội cũng như vậy.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không trụ, đó là sắc không nhiếp thọ, nếu sắc không nhiếp thọ thì chẳng phải sắc, vì tánh thường không vậy.

Hỏi: Sắc ấy vì có tội lỗi vô thường, khổ, không, vô ngã nên không nhiếp thọ; thí như cục vàng cháy nóng, tuy đối với vàng có thể tham, nhưng vì nóng không thể lấy, còn đây có lỗi gì, mà cưỡng phá Năm uẩn?

Đáp: Có hai thứ đắm trước: 1. Dục trước. 2. Kiến trước. Có người quán vô thường, khổ, phá dục trước mà được giải thốt; hoặc có người tuy quán vô thường v.v... mà còn đắm trước pháp, sinh vọng kiến. Vì hạng người ấy phân biệt tướng sắc không, như vậy thì xa lìa kiến trước; cho đến môn Đà-la-ni, Tam-muội cũng vậy.

Hỏi: Thanh-văn, Bích-chi Phật, không nhiếp thọ hết thảy pháp nên lậu hoặc dứt hết, cớ sao trong đây nói Tam-muội không nhiếp thọ không chung với Nhị thừa?

Đáp: Nhị thừa tuy có Tam-muội không nhiếp thọ, song không có tác dụng rộng lớn, lanh lợi, không sâu cũng không kiên cố.

Lại nữa, Thanh-văn, Bích-chi Phật khi lậu hoặc hết, mới được không nhiếp thọ các pháp, còn Bồ-tát tu lâu xa đã biết các pháp không nhiếp thọ, tất cả đều như Vô-dư Niết-bàn rốt ráo không, vì vậy nên nói không chung với nhị thừa.

Lại nữa, Nhị thừa còn có tập khí, có ngại có chướng nên tuy có Tam-muội không nhiếp thọ, nhưng không thanh tịnh, như Đại Ca-diếp nghe Bồ-tát đánh nhạc, không thể tự an trên chỗ ngồi. Các Bồ-tát hỏi: Ngài có hạnh đầu đà đệ nhất, tại sao vẫn lay động như múa? Ca-diếp đáp: Tôi đối với năm dục ở cõi trời cõi người lìa hẳn không lay động, còn đây là sức biến hóa do nghiệp phước đức của Bồ-tát, tôi chưa thể nhẫn

được. Như núi chúa Tu-di, bốn phía gió nổi, đều kham chịu nổi, nếu gặp gió Tùy-lam thổi đến thì không thể yên. Tập khí của Thanh-văn, Bích-chi Phật, đối với Bồ-tát thì đó là phiền não.

Lại nữa, Tam-muội không nhiếp thọ ấy, chỉ có Phật biết khắp. Bồ-tát vì cầu Phật đạo nên tuy không thể biết khắp mà vẫn hôn Nhị thừa, vì vậy nên nói không chung với Nhị thừa. Vì người quý trọng Tam-muội không nhiếp thọ ấy mà sinh tâm đắm trước, nên Tu-bồ-đề nói: Không chỉ Tam-muội ấy không nhiếp thọ, mà sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đều không nhiếp thọ. Vì cớ sao? Vì Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì Mười tám không nên không nhiếp thọ.

Hỏi: Cớ sao dùng Mười tám không để quán các pháp đều không?

Đáp: Trong đấy, Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Vì chấp thủ tướng đắm trước nên sinh các tướng kiết sử. Tướng sắc cho đến môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, đều là cội gốc phiền não. Nếu trong Phật pháp, thì cho đến không có tướng vi tế pháp có thể chấp thủ.

KINH: Nếu chấp thủ tướng ấy mà tu đạt được Tát-bà-nhã thì Tiên-ni Phạm-chí (Thắng quân Phạm-chí) không bao giờ sinh lòng tin đối với Nhất thiết trí. Thế nào là tin? Tin Bát-nhã Ba-la-mật, phân biệt hiểu biết, so lường, suy nghĩ (Nhất thiết trí trí – ND) không bằng vào tướng, không bằng vào vô tướng. Như vậy Tiên-ni Phạm-chí không chấp thủ tướng, ở vào hạng tùy tín hành. Do trí tánh không, ngộ nhập thật tướng các pháp, không chấp thủ tướng sắc, không chấp thủ tướng thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì các pháp tự tướng không vậy, không thể thủ đắc.

Tiên-ni Phạm-chí ấy chẳng do nội quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do nội quán ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không có trí quán mà được thấy trí tuệ ấy. Vì sao? Vì Phạm-chí ấy không thấy pháp, người biết, pháp biết, chỗ biết (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vì Phạm-chí không thấy trí Tát-bà-nhã bị quán, không thấy Bát-nhã năng quán, không thấy người quán, không thấy chỗ quán nương dựa và lúc khởi quán – ND). Phạm-chí ấy chẳng phải nôi nội sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nôi nội thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nôi ngoại sắc thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nôi ngoại thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nôi nội ngoại sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nôi nội ngoại thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; cũng chẳng lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy, vì nội ngoại đều không vậy.

Tiên-ni Phạm-chí tâm được tin hiểu Nhất thiết trí ở trong đây. Vì vậy Phạm-chí tin thật tướng các pháp, vì hết thảy pháp không thể có

được. Tin hiểu như vậy, không có pháp có thể chấp thủ, vì các pháp vô tướng, không ức niệm vậy.

Phạm-chí ấy đối với các pháp cũng không sở đắc, hoặc lấy hoặc bỏ, vì lấy bỏ không thể có được.

Phạm-chí ấy cũng không ức niệm trí tuệ, vì các pháp tướng vô niệm vậy.

Bạch Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy có thể từ bờ này đến bờ kia. Bồ-tát ấy không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không chấp thủ hết thảy pháp, cho đến không chấp thủ các môn Đà-la-ni, Tam-muội. Vì không chấp thủ hết thảy pháp nên Bồ-tát ấy cũng không chấp thủ Niết-bàn; mà vì bổn nguyện tu Bốn niệm xứ, cho đến Tám Thánh đạo phần chưa đầy đủ, và vì bổn nguyện chứng Mười lực, Mười tám pháp không chung của Phật chưa được thành tựu. Vì cớ sao? Vì Bốn niệm xứ ấy chẳng phải Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, chẳng phải Mười tám pháp không chung, vì các pháp ấy là phi pháp, cũng chẳng phi pháp. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng Mười tám pháp không chung.

LUẬN: Hỏi: Trong đây vì nhân duyên gì mà nói đến Tiên-ni Phạm-chí?

Đáp: Kinh này dùng các nhân duyên nói về pháp không, cho đến không có một chút tướng có thể chấp thủ. Lòng người nghi ngờ lấy làm lạ không tin, lý ấy khó thấy, vì rốt ráo vô tướng, thế nên Tu-bồ-đề dẫn chứng trong Tiểu thừa còn có nói pháp không, huống gì người tu hành pháp Đại thừa mà không tin pháp không.

Lại nữa, như Bà-la-môn San-nhã, giỏi biết tướng người Nhất thiết trí, thấy Bồ-tát ăn cháo sữa, mà biết Bồ-tát sẽ thành Phật ngày hôm nay. Tiên-ni là cậu của Bà-la-môn ấy, tuổi già, trí đức, có tiếng tăm lớn, xuất gia đọc rộng hết thảy kinh sách, tu tâm, ngồi thiền, học đạo. Bấy giờ muốn cầu trí tuệ nên đi đến nghị luận đường. Ở đây các Phạm-chí nói: Sáu thầy ngoại đạo đều tự xưng Nhất thiết trí. Bất-lan Ca-diếp (Phú-lan-na Ca-diếp: Ruruna Kasapa) có tiếng tăm lớn, là thầy của đại chúng, đệ tử ông ta chết, hoặc lớn hoặc nhỏ đều không nói nơi họ sinh đến, còn đệ tử của năm thầy đạo kia, chết hoặc nhỏ hoặc lớn, đều có nói nơi sinh đến của họ. Phật cũng là bậc Đại sư, có tiếng tăm lớn, đệ tử Ngài chết, nhỏ thì nói chỗ họ sinh đến, lớn thì không nói chỗ họ sinh đến. Tiên-ni nghe vậy rồi, vào lúc khác đi đến chỗ Phật, hỏi han xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Phật cho phép tôi thưa.

Phật bảo:

- Tùy ý ông hỏi.

Tiên-ni nói:

-Trước đây có lần tôi đi đến luận nghị đường, cùng các người luận nghị.

Và đem điều xưa đã nghe thuật đủ lại với Phật, nói tiếp:

-Lúc ấy tôi suy nghĩ, pháp của Phật nói người đệ tử nhỏ chết rồi còn tái sinh, đệ tử lớn không tái sinh, lấy gì làm chắc?

Phật bảo Tiên-ni:

-Pháp của Ta sâu xa, vi diệu, khó hiểu, các ông đêm dài đắm trước cái thấy khác, ham muốn khác, giáo pháp khác, đối với pháp của Ta, ông không thể chóng thấy được!

Tiên-ni Phạm-chí bạch Phật rằng:

-Tâm con kính Phật, nguyện xin thương xót nói Diệu pháp khiến cho con ngay tại chỗ ngồi được mắt sáng, không để đứng dậy suông.

Phật hỏi Phạm-chí:

-Ý ông nghĩ sao? Ông thấy sắc ấy là Như khứ chăng? (Tathāgata Trung Hoa dịch là Như Lai hay Như khứ - ND).

- Thưa không.
- Thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ (Như lai) chăng?
- Thưa không.
- Trong sắc là Như khứ chăng?
- Thưa không.
- Trong thọ, tưởng, hàng, thức là Như khứ chăng?
- Thưa không.
- Lìa ngoài sắc là Như khứ chăng?
- Thưa không.
- Lìa ngoài thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?
- Thưa không.
- Ông lại thấy không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?
- Thưa không.
- Nếu ông theo các "phương tiện không" thấy Như khứ thì có nên sinh tâm nghi rằng Phật pháp lấy gì làm chắc không?
- Thưa không nên.

Phật bảo Tiên-ni:

- Nếu đệ tử Ta không hiểu rõ pháp ấy thì Ta nói họ còn tái sinh đời

sau, vì ngã mạn xưa nay còn dư tàn. Nếu đệ tử Ta hiểu rõ nghĩa ấy, thì Ta không nói chỗ họ tái sinh, vì ngã mạn xưa nay không còn dư tàn.

Tiên-ni nghe nói như vậy liền đắc đạo. Đắc đạo rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch Phật rằng:

- Con xin được xuất gia hành đạo.

- Tức thời râu tóc tự rụng bèn thành Sa-môn, không bao lâu chứng được A-la-hán, vì từ nơi Phật được mắt sáng không hư dối vậy.

Kinh này luận nghị, Tiên-ni tin tưởng, là tin Phật có thể làm cho ông đắc đạo, ấy gọi là bắt đầu tin. Vậy sau nghe Phật phá tâm chấp ta, tôi, từ xưa lại đây, thường tự vô ngã, vô ngã nên các pháp không thuộc về đâu, như huyễn như mộng, hư dối không thật, không thể thủ lấy được. Được tín lực ấy rồi, vào thật tướng các pháp, không chấp thủ sắc là Như khứ, cho đến thức là Như khứ.

Hỏi: Cớ sao Phạm-chí đều đáp không với Phật?

Đáp: Phạm-chí vốn lấy tướng chung làm ngã, nay Phật mỗi mỗi hỏi riêng, vì vậy nên đều đáp với Phật là không.

Lại nữa, Phạm-chí nghe người ta hai lối nói ngã: Hoặc có người nói Năm uẩn tức là ngã, hoặc có người nói lìa ngoài Năm uẩn riêng có ngã. Nếu Năm uẩn tức là ngã, thì không có ngã riêng. Vì sao? Vì ngã là một, uẩn là năm, một không làm năm, năm không làm một.

Lại nữa, Năm uẩn tướng vô thường sinh diệt, nếu Năm uẩn là ngã, thì ngã lý đáng cũng sinh diệt; nếu ngã sinh diệt thì mất tội phước. Năm uẩn ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh, không tự tại; ngã nếu như vậy, thì dùng ngã làm gì, vì nó không tự tại vậy.

Có các sai lầm như thế nên không được nói sắc Như khứ, thọ tưởng hành thức Như khứ.

Lìa ngoài năm uẩn, cũng không nên có ngã, vì vô tướng. Hoặc biết, thấy, lãnh thọ v.v... thì đó đều là tướng Năm uẩn, chẳng phải tướng ngã; người trí làm sao nói lìa ngoài Năm uẩn mà có ngã? Vì vậy nên đáp không.

Nếu có người nói còn có ngã riêng, không có Năm uẩn, việc ấy không đúng, đều là điên đảo phân biệt thấy lầm.

Có các nhân duyên như vậy nên biết là vô ngã, ngã tức là Như khứ (Như Lai). Các pháp cũng như vậy, đều đồng Như khứ, vì vô chủ nên pháp cũng không thuộc về đâu.

Lại nữa, Phạm-chí suy cầu trí tuệ đắc đạo, theo nơi Bốn niệm xứ cầu, đều không có định tướng, nghĩa là quán năm uẩn nôi tự thân là nội, quán năm uẩn nôi thân người là ngoại, kia đây gọi là trong ngoài. Ba thứ

trí tuệ ấy không đắc đạo, không trí tuệ cũng không đắc đạo.

Lại nữa, nội là sáu nhập bên trong, ngoại là sáu nhập bên ngoài.

Lại nữa, nội là trí tuệ năng quán, ngoại gọi là chỗ sở quán. Tiên-ni biết các quán đều có tội lỗi. Vì sao? Vì do sức trí tuệ bên trong nên cho các pháp bên ngoài là thường, vô thường, có, không v.v... chứ chẳng phải pháp ngoài có định tướng. Nếu có định tướng thì không trí dụng. Lại trí tuệ ấy từ ngoại pháp làm nhân duyên phát sinh; tướng ngoại pháp không nhất định, nên trí tuệ cũng không nhất định. Như cái cân vì vật, vật vì cái cân, hai sự tiếp đãi nhau, nếu lìa vật thì không có cân, lìa cân thì không có vật. Trí không lường kể gọi là đắc đạo, phương tiện đắc gọi là được Thánh đạo quả.

Lại nữa, lược nói nghĩa trí tuệ thật, đó là không thấy nó nơi Năm uẩn bên trong, không thấy nó nơi năm uẩn bên ngoài, cũng không thấy nó lìa năm uẩn, thấy trí tuệ ấy là thật.

Lấy trí tuệ vô thường quán Năm uẩn vô thường, trí tuệ ấy do nhân duyên hòa hợp mà có nên không thật. Chấp trước quán là tà kiến, không chấp trước là đắc đạo, nếu tướng vô thường là thật, thì vì sao chấp trước vô thường lại không đắc đạo? Vì vậy, nên hết thảy trong ngoài không thấy trí tuệ nhất định. Nếu lìa vô thường quán là đắc đạo, thì hết thảy phàm phu cũng nên đắc đạo, vì vậy nên nói lìa trí tuệ, ấy cũng không được gì.

Bấy giờ, Phạm-chí lấy trí tuệ đối với hết thảy pháp tâm được xa lìa, đối với trí tuệ cũng lại xa lìa. Hết thảy tà kiến chấp thủ tướng về ngã kiến v.v... đều dứt sạch, cũng chẳng từ vô trí đắc.

Bấy giờ, Phạm-chí hoan hỷ, quán tánh tướng vô lượng pháp, Phật thật là Đại sư!

Không bỏ là vì các pháp đều có sức trợ đạo.

Không lấy là vì thật tướng các pháp rốt ráo không, không sở đắc.

Lại nữa, vì các phiền não kiết sử điên đảo hư dối nên không có gì bỏ, chỉ biết các pháp tướng như thật, không tướng không ức niệm; ấy gọi là Bồ-tát Ba-la-mật không lấy không bỏ, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, không qua bờ này bờ kia. Tướng thế gian tức là tướng Niết-bàn, tướng Niết-bàn tức là tướng thế gian, nhất tướng vô tướng. Nếu biết như vậy nên tịch diệt, vì chưa đầy đủ các công đức nên không diệt, vì lực bổn nguyện đại từ-bi nên không diệt. Tuy cầu Phật đạo mà ở nơi pháp ấy cũng không có tướng tốt xấu và tướng lấy bỏ. Vì vậy, phi pháp cũng phi phi pháp, ấy gọi là Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, không chấp thủ hết thảy tướng.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 43

GIẢI THÍCH PHẨM CHÍN: TẬP TÁN

Phần 2

KINH: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên suy nghĩ như vầy: Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Vì sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Bát-nhã Ba-la-mật của ai? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật suy niệm như vầy: "Nếu pháp không có gì, thì không thể có được", thì đó là Bát-nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Những pháp gì không có gì, không thể có được?

Tu-bồ-đề nói: Bát-nhã Ba-la-mật là pháp không có gì, không thể có được; Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, pháp ấy không có gì, không thể có được, vì trong không, ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá-lợi-phất! Sắc pháp không có gì, không thể có được; thọ tưởng hành thức pháp không có gì, không thể có được; pháp trong không, không có gì, không thể có được; cho đến pháp vô pháp hữu pháp không, không có gì, không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Pháp Bốn niệm xứ không có gì, không thể có được, cho đến Mười tám pháp không chung không có gì, không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Các pháp thần thông không có gì, không thể có được. Pháp như như không có gì, không thể có được. Pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp thật tế không có gì, không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Phật không có gì, không thể có được. Pháp Tát-bà-nhã không có gì, không thể có được. Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được, vì trong không cho đến vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi suy nghĩ như vậy, quán như vậy tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, thì nên biết Bồ-tát ấy không lìa hạnh Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì nên biết Bồ-tát không lìa hạnh Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề nói: Sắc, lìa tánh của sắc, thọ tưởng hành, thức lìa tánh của... thức; sáu Ba-la-mật lìa tánh của sáu Ba-la-mật, cho đến thật tế tánh lìa thật tế.

Xá-lợi-phất lại hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là tánh của sắc, thế nào là tánh của thọ tưởng hành thức, cho đến thế nào là tánh của thật tế?

Tu-bồ-đề nói: Không có gì là tánh của sắc; không có gì là tánh của thọ tưởng hành thức, cho đến không có gì là tánh của thật tế. Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy nên biết sắc lìa tánh của sắc,; thọ tưởng hành thức lìa tánh của... thức, cho đến thật tế lìa tánh của thật tế.

Này Xá-lợi-phất! Sắc cũng lìa tướng của sắc, thọ tưởng hành thức cũng lìa tướng của... thức, cho đến thật tế cũng lìa tướng của thật tế. Tướng cũng lìa tướng, tánh cũng lìa tánh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát nếu học như vậy, được thành tựu Tát-bà-nhã ư?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, thì được thành tựu Tát-bà-nhã. Vì sao? Vì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu vậy,

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu?

Tu-bồ-đề nói: Sắc, sắc không nên sắc ấy sinh, thành tựu không thể có được; thọ tưởng hành thức,... thức không nên thức ấy sinh, thành tựu không thể có được; cho đến thật tế, thật tế không, nên thật tế ấy sinh, thành tựu không thể có được.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, dần dần gần Tát-bà-nhã; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh, nên Bồ-tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, không sinh tâm giận, không sinh tâm si, không sinh tâm kiêu mạn, không sinh tâm xan tham, không sinh tâm tà kiến. Bồ-tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, cho đến không sinh tâm tà kiến, nên trọn không sinh trong bụng mẹ, thường được hóa sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nên tu hành Bát-nhã Ba-la-mật

như vậy, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

LUẬN: Hỏi: Từ trước đến nay đã nói rộng Bát-nhã Ba-la-mật, sao nay Tu-bồ-đề còn nói rằng, Bồ-tát ma-ha-tát nên suy nghĩ như vầy: Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Tu-bồ-đề trước đây theo môn "khiêm nhượng" nói, còn nay theo môn "không trụ" nói. Nay nói rõ thể Bát-nhã Ba-la-mật.

Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Bát-nhã Ba-la-mật là thật tướng hết thảy pháp, không thể phá, không thể hoại, hoặc có Phật, hoặc không có Phật, thường trú các pháp tướng, pháp vị, chẳng phải Phật, chẳng phải Bích-chi Phật, chẳng phải Bồ-tát, chẳng phải Thanh-văn, chẳng phải trời người làm được, huống gì các chúng sanh nhỏ khác.

Lại nữa, thường còn là một bên, đoạn diệt là một bên, lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, thường, vô thường, khổ, vui, không, thật, ngã, vô ngã v.v... cũng như vậy. Sắc pháp là một bên, vô sắc pháp là một bên, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, có đối ngại, không đối ngại, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, thế gian, xuất thế gian v.v... hai pháp cũng như vậy.

Lại nữa, vô minh là một bên, vô minh hết là một bên, cho đến già chết là một bên, già chết hết là một bên, các pháp có là một bên, các pháp không có là một bên, lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã-Ba-la-mật.

Lược nói: Sáu căn trong là một bên, sáu trần ngoài là một bên; lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật.

Đây Bát-nhã Ba-la-mật là một bên, đây chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật là một bên, lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật. Có hai môn như vậy nên nói rộng vô lượng tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, lìa có, lìa không, lìa chẳng có chẳng không, không rơi vào ngu si mà có thể tu hành thiện đạo, ấy là tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Có ba môn như vậy, là tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề nói trong đây: Pháp ấy không có gì, không thể có được. Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy không nên không có gì; vì các lối quán thường, vô thường v.v... tìm cầu không có tướng nhất định nên không thể có được.

Lại nữa, không có gì trong đây Tu-bồ-đề tự nói: Bát-nhã Ba-la-mật cho đến năm Ba-la-mật kia không có gì, không thể thủ, không thể thọ, không thể đắm trước.

Lại nữa, vì mười tám không, nên sáu Ba-la-mật không có gì, không

thể có được; thí như gió lớn phá tan đám mây, cũng như lửa lớn đốt cháy cỏ khô, cũng như Kim cang báu phá núi lớn; các Không cũng như vậy, hay phá các pháp.

Sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Bát-nhã, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Đệ nhất trong hết thảy trí tuệ, không gì trên, không gì bằng, lại không gì hơn, cùng tận bờ mé như giữa hết thảy chúng sanh, Phật là đệ nhất; giữa hết thảy pháp, Niết-bàn là đệ nhất; giữa hết thảy chúng Tăng, Tỳ-kheo Tăng là đệ nhất.

Hỏi: Trước ông nói thật tướng các pháp là Bát-nhã Ba-la-mật, đó là pháp vị, pháp trụ, dù có Phật không Phật, vẫn thường trú không khác, sao nay nói giữa các trí tuệ, Bát-nhã Ba-la-mật là đệ nhất; ví như giữa các pháp, Niết-bàn là đệ nhất?

Đáp: Pháp thế gian, hoặc có khi trong nhân nói quả, có khi trong quả nói nhân, không lỗi. Như nói người ăn ngày hết vài xấp vải, vải không thể ăn, nhưng nhân vải mà được ăn ấy gọi là trong nhân nói quả. Và như thấy bức vẽ đẹp nói khéo tay, ấy gọi là trong quả nói nhân. Thật tướng các pháp sinh trí tuệ, ấy là trong quả nói nhân.

Lại nữa, Bồ-tát ấy vào pháp môn bất nhị, khi ấy có thể tu hành đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, không phân biệt là nhân là quả, là duyên là trí, là trong là ngoài, là đây là kia v.v... nghĩa là nhất tướng vô tướng. Vì vậy nên không nên vấn nạn.

Lại nữa, có ba thứ trí tuệ thế gian: 1. Sự xảo diệu thế tục, hiểu rộng văn nghệ, nhân, trí, lễ kính v.v... 2. Trí tuệ lìa dục sinh, nghĩa là lìa cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ. 3. Trí tuệ xuất thế gian, đó là trí tuệ của hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật, lìa ngã, ngã sở, các lậu hoặc sạch hết. Bát-nhã Ba-la-mật là tối thù thắng, rốt ráo thanh tịnh, vì không nhiễm trước, vì lợi ích hết thảy chúng sanh. Trí tuệ Thanh-văn, Bích-chi Phật tuy sạch hết lậu hoặc nên được thanh tịnh, nhưng không có tâm đại từ-bi, không thể lợi ích hết thảy chúng sanh, nên không bằng, huống gì trí tuệ thế tục cấu, bất tịnh, giả dối? Ba thứ trí tuệ trên không bằng trí tuệ này, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trí tuệ này vì độ chúng sanh, vì cầu Phật đạo; thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với trí tuệ này, và thân nghiệp khẩu nghiệp từ trí tuệ khởi lên, và các tâm bất tương ưng hành như sinh, trụ v.v... các pháp ấy hòa hợp, gọi là Ba-la-mật. Trong các Ba-la-mật ấy, phần trí tuệ nhiều nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, phần niệm định nhiều nên gọi là Thiền Ba-la-mật, nghĩa các Ba-la-mật khác cũng như vậy.

Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật ấy là của ai? Trong đệ nhất nghĩa (nghĩa tuyệt đối) không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ được; hết thảy pháp không ta, không của ta, các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp tương tục phát sinh, nếu như vậy thời Bát-nhã thuộc về ai?

Phật pháp có hai thứ: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế thì Bát-nhã Ba-la-mật thuộc Bồ-tát, người phàm phu có nhiều tội lỗi, không thanh tịnh nên Bát-nhã không thuộc phàm phu. Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, phàm phu không ưa, như ruồi ưa ở chỗ nhô nhớp, không ưa hoa sen. Người phàm phu tuy có lìa dục, song vì tâm chấp tôi, ta, đắm theo pháp lìa dục nên không ưa Bát-nhã Ba-la-mật. Thanh-văn, Bích-chi Phật tuy ưa thích Bát-nhã Ba-la-mật song không có tâm từ-bi sâu xa, rất chán thế gian, một lòng hướng thẳng Niết-bàn, cho nên không thể đầy đủ được Bát-nhã Ba-la-mật .

Bát-nhã Ba-la-mật này, khi Bồ-tát thành Phật, đổi gọi là Trí nhất thiết chủng (hoặc Nhất thiết trí trí – ND). Vì vậy nên Bát-nhã không thuộc Phật, không thuộc Thanh-văn, Bích-chi Phật, không thuộc phàm phu, chỉ thuộc Bồ-tát.

Hỏi: Trong kinh này thường nói Năm uẩn trước, nói Trí nhất thiết chủng sau, sao nay trước nói đến Sáu Ba-la-mật?

Đáp: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề nghĩa không có gì. Năm uẩn dùng các nhân duyên quán, cưỡng làm cho nó không có gì, khó hiểu; Bát-nhã Ba-la-mật tức là không có gì, dễ hiểu. Thí như mặt trăng trong nước dễ rõ nó là không, còn mặt trăng trên trời khó làm cho nó không có gì. Năm Ba-la-mật cùng Bát-nhã Ba-la-mật đồng tên đồng sự, cho nên tiếp tục nói năm Ba-la-mật, vậy sau tiếp tục nói Năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được. Bồ-tát vào môn này, quán thật tướng các pháp mà không hãi không sợ, nên biết Bồ-tát không lìa Bát-nhã Ba-la-mật.

Không lìa là thường tập hành Bát-nhã Ba-la-mật không hư luống, chắc chắn có quả báo. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không lìa, đó là sắc lìa tánh sắc, trong sắc không có tướng sắc, hư dối, không có gì. Bồ-tát biết được như vậy, không lìa trí tuệ thật, cho đến Thật tế cũng như vậy. Bồ-tát hành được đạo không chướng ngại ấy, được đến Trí nhất thiết chủng, vì hết thảy pháp không sinh không xuất vậy.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là hết thảy pháp không sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, tướng sắc không, cho nên sắc không sinh không thành tựu, cho đến Thật tế cũng như vậy. Nếu Bồ-tát hành được như vậy là thanh tịnh đệ nhất, không gì trên, không gì so sánh, cho nên dần dần

gần Trí nhất thiết chủng. Vì dần dần gần Trí nhất thiết chủng nên tâm không sinh tà kiến phiền não hý luận, liền được tâm thanh tịnh. Quả báo tâm thanh tịnh nên được thân thanh tịnh, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, trang nghiêm thân. Được ba thứ thanh tịnh nên phá các pháp chấp thủ tướng hư dối, thọ pháp tánh sanh thân, tức là thường được hóa sinh, không ở bào thai.

Hỏi: Nếu có sức như thế, thì cần gì hóa sinh, tham trước thân mà không thủ chứng Niết-bàn?

Đáp: Có hai nhân duyên nên chư Phật là báu ở giữa chúng sanh, vì chúng sanh muốn cúng dường không chán; vì bản nguyện độ sinh, tịnh Phật độ chưa tròn.

Bồ-tát ấy do lực phương tiện, phước đức nên thường không xa lìa chư Phật.

----------o0o----------

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI: HÀNH TƯỚNG

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì nếu tu hành sắc là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vui là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vui là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc có là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức có là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc không, là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức không, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vô ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc xa lìa là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức xa lìa là tu theo tướng nó; nếu tu hành sắc tịch diệt là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có phương tiện thiện xảo mà tu hành Bốn niệm xứ là tu hành theo tướng nó; cho đến tu hành Mười tám pháp không chung là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát lúc tu hành Bát-nhã Ba-la-mật mà khởi niệm rằng: "Ta tu hành Bát-nhã Ba-la-mật có sở đắc" thì cũng là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khởi niệm rằng: Ta tu hành như vậy là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng là tu hành theo tướng nó.

Nên biết đó là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không có phương tiện thiện xảo (nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật – ND).

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi đang tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với sắc trú niệm tưởng vọng giải (phân biệt - Đại Bát-nhã ghi: thắng giải – ND) thì đối với sắc gia công tu hành; do gia công tu hành nên không giải thốt được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ báo đời sau. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát lúc tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, mà không có phương tiện thiện xảo đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ, cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, thọ nhận, suy tư và hiểu biết sai lầm, nên, đối với Mười tám pháp không chung gia công tu hành, mà gia công tu hành thì Bồ-tát ấy không giải thốt được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, và khổ báo đời sau. Bồ-tát như vậy còn không chứng được địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, huống gì chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! (không có lẽ ấy.)

Xá-lợi-phất! Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không có phương tiện thiện xảo.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao biết Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật có phương tiện thiện xảo?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không hành theo sắc, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức; không hành theo tướng sắc, không hành theo tướng thọ, tưởng, hành, thức; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vui, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là khổ; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã; không hành theo

sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô tác. Không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tịch diệt. Vì cớ sao? Xá-lợi-phất! Sắc ấy không là chẳng phải sắc; lìa không không có sắc, lìa sắc không có không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không là chẳng phải thức; lìa không không có thức, lìa thức không có không; không tức là thức, thức tức là không; cho đến Mười tám pháp không chung không, là chẳng phải Mười tám pháp không chung; lìa không không có mười tám pháp không chung, lìa mười tám pháp không chung không có không; không tức là mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tức là không.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Nên biết ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật có phương tiện thiện xảo. Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, hành cũng không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì nhân duyên gì nên không chấp thọ?

Tu-bồ-đề nói: Bát-nhã Ba-la-mật ấy tự tánh không thể có được, nên không chấp thọ. Vì cớ sao? Vì không có tánh gì, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật. Xá-lợi-phất! Vì lẽ ấy, nên Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, hành không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp tánh không có gì, không theo các pháp hành, không chấp thọ các pháp tướng, ấy gọi là công dụng rộng lớn của Tam-muội, không chấp thọ các pháp của Bồ-tát ma-ha-tát, không chung với Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu hành Tam-muội ấy không rời, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Phẩm trước dùng môn không phá các pháp, phẩm này muốn dùng môn vô tướng phá các pháp. Nếu Bồ-tát không có phương tiện quán sắc, thì đọa trong tướng. Vì đọa trong tướng nên mất Bát-nhã Ba-la-mật hạnh. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp không, nên không có tướng có thể chấp thủ.

Hỏi: Người biết quả báo thiện ác, chấp thủ tướng quả báo rồi phân biệt thiện ác, thiện thì lấy, ác thì bỏ; thế nên mới hành đạo, cớ sao nói tướng các pháp là vô thường?

Đáp: Chấp thủ tướng là vì hàng sơ học mà nói, còn vô tướng là vì hạng hành đạo, trú môn giải thốt mà nói, không nên đem việc thô thiển vấn nạn. Nay hành giả chấp thủ tướng lành phá tướng chẳng lành, nghĩa là chấp thủ tướng trai gái v.v... là nhân duyên sinh các phiền não, nên sau lấy tướng vô tướng phá tướng pháp lành; nếu phá tướng chẳng lành mà không phá tướng lành thì lành trở thành tai họa, vì sinh chấp trước. Lấy tướng vô tướng mà phá pháp lành, vô tướng cũng tự phá. Vì cớ sao? Vì vô tướng nhiếp vào trong pháp lành, ví như mưa đá hại lúa, rồi mưa đá cũng tự tiêu tan.

Lại nữa, hết thảy pháp tướng vô tướng là thật, ví như thân thể, đầy dẫy bất tịnh, chín lỗ thường chảy nhơ, không có tướng sạch, mà người ta vì vô minh cưỡng cho là sạch, sinh phiền não, tạo các tội, như trẻ con đối với vật bất tịnh chấp thủ tướng sạch cho là vui, người lớn xem thấy liền cười, vì biết là hư dối.

Các lỗi chấp thủ tướng như vậy, đều là hư vọng, như ngọc pha lê, tùy theo sắc đối đãi mà đổi mầu, tự nó không có mầu nhất định. Các pháp cũng như vậy, không có tướng nhất định, tùy theo tâm mà đối ra tướng khác hoặc thường hoặc vô thường v.v...; như vì tâm giận mà thấy người này là xấu, khi tâm giận hết, tâm dâm dục sinh ra lại thấy người này là đẹp; nếu sinh tâm kiêu mạn thì thấy người này là ty tiện, nghe nói người này có đức lại sinh tâm cung kính. Ghét thương có lý, ghét thương vô lý cũng như vậy đều là ức tưởng hư vọng; nếu trừ tướng hư vọng thì cũng không có tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, vì không có gì để phá.

Sắc ấy do nhân duyên hòa hợp mà có, ví như bọt nước, như huyễn, như mộng, nếu Bồ-tát đối với sắc chấp thủ tướng một, khác, liền mất Bát-nhã Ba-la-mật, vì tánh sắc là tướng vô tướng; chấp thọ sắc ấy rồi, thấy sắc tán hoại ma diệt cho là vô thường, nếu thấy nó hòa hợp tồn tại tạm thời thì cho là thường.

Thường có hai: 1. Hoặc tồn tại trăm năm, ngàn vạn ức năm, hoặc một kiếp, hoặc tám vạn kiếp, vậy sau tiêu diệt. 2. Thường trú không hoại. Bồ-tát nếu dứt biên kiến tà kiến, thì cũng không còn thấy chân thật thường; nếu thấy thường là thấy nó trụ lâu nên thường, chứ chẳng phải chân thật. Nếu không dứt biên kiến tà kiến thấy sắc là chân thật thường, nghĩ rằng cây cỏ, rụng xuống thành đất, đó chỉ là lúc nó ly tán

sự hòa hợp mà thôi; thế nên nói Bồ-tát ấy tu Bát-nhã không có phương tiện thiện xảo.

Bồ-tát hoặc quán sắc vô thường. Vô thường cũng có hai: 1. Niệm niệm diệt, hết thảy pháp hữu vi trụ không quá một niệm. 2. Pháp tương tục hư hoại gọi là vô thường. Như người mạng chết, như lửa cháy cây cỏ, như nước nấu khô. Nếu Bồ-tát mới phát tâm tiếp tục tu như vậy, thì tâm nhàm chán, dứt được vô thường thô thiển, còn nếu Bồ-tát tu lâu thì có thể thấy các pháp niệm niệm vô thường. Cả hai Bồ-tát này đều đọa vào trong sự chấp thủ tướng. Vì cớ sao? Vì sắc tướng thường hay vô thường đều không thể có được, như trước nói thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Khổ, lạc, ngã, phi ngã cũng vậy.

Hỏi: Năm uẩn ấy có thể quán nó thường, vô thường v.v... cớ sao nói Năm uẩn là tướng tịch diệt xa lìa?

Đáp: Hành giả không thấy tướng Năm uẩn thường, vô thường, nên biết Năm uẩn lìa tự tướng; nếu biết Năm uẩn lìa tự tướng tức là Năm uẩn tịch diệt như Niết-bàn.

Hỏi: Nếu như vậy ban đầu tự không có tướng, tại sao nói vì không phương tiện nên đọa trong chấp tướng?

Đáp: Bồ-tát ấy căn độn không có tâm tự giác, lìa sự chấp trước năm uẩn trở lại chấp trước viễn ly tịch tịnh, đối với vô tướng sinh chấp trước. Ba mươi bảy đạo phẩm cho đến Mười tám pháp không chung cũng nên theo nghĩa phân biệt như vậy. Nếu Bồ-tát quán ngoại pháp đều vô tướng nói rằng: "Ta có thể quán như vậy, vì có tâm chấp ngã dư tàn nên cũng đọa trong tướng. Nếu Bồ-tát có thể xa lìa tâm trước tướng phi đạo ấy mà thực hành trí tuệ chân tịnh vô tướng, nghĩ rằng ta có thể tu hành trong ngoài thanh tịnh như vậy, ấy là tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thì người ấy cũng đọa trong tướng. Vì cớ sao? Vì không có thể trước mà chấp trước, không có thể thủ mà chấp thủ. Thế nên Bồ-tát ấy gọi là tu không có phương tiện thiện xảo, vì nương nôi ái và kiến mà chấp trước pháp lành. Bồ-tát ấy tuy có phước đức cũng không lìa được già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Hỗn tạp hành đạo, còn không chứng được Tiểu thừa huống Đại thừa. Trái với trên đây, gọi là tu có phương tiện thiện xảo. Đối với hết thảy pháp không thọ không trước, vì các pháp hòa hợp, nhân duyên sinh không có tự tánh vậy.

Hỏi: Trước nói Tam-muội không thọ, ở đây nói Tam-muội chẳng thọ, có gì sai khác?

Đáp: Trước là không, đây là vô tướng.

Chẳng xa lìa là, thường hành không ngừng nghỉ, vì có tâm đại từ-

bi.

Mau được thành Phật đạo là, vào Tam-muội ấy không chướng ngại, trí tuệ cùng với Phật tương tợ. Nếu phải trải qua A-tăng-kỳ kiếp mới được, thì hoặc có khi vượt qua một A-tăng-kỳ kiếp, trăm kiếp, cho đến sáu mươi mốt kiếp, như Phật Phất-sa nhờ tán thán Phật Thích-ca Văn, mà vượt qua chín kiếp (Hai câu này văn nghĩa tra in tuồng trái ngược, nguyên là Phật Thích-ca Văn nhờ tán thán Phật Phất-sa mà vượt qua chín kiếp. Dưới đây trong văn kinh, Tu-bồ-đề nói một trăm lẻ tám Tam-muội cùng với phẩm Ma-ha Diễn ở sau, Phật tự nói trong phẩm Tà Kiến cuốn 4 trang 8 nói một trăm lẻ tám Tam-muội thời đồng nhau, chỉ có hai câu ba chữ là hơi khác, nên đối chiếu nghiệm đọc).

KINH: Xá-lợi-phất hỏi: Chỉ không lìa Tam-muội ấy là khiến Bồ-tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay còn có Tam-muội khác?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: Còn có các Tam-muội khác, Bồ-tát ma-ha-tát tu hành theo thì mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất hỏi: Những Tam-muội gì Bồ-tát-ma-ha-tát tu hành theo mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Các Bồ-tát ma-ha-tát có Tam-muội gọi là Thủ Lăng-nghiêm, tu hành Tam-muội ấy, khiến Bồ-tát ma-ha-tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Sư tử du hý, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Chư pháp ấn, Tam-muội Quán đảnh, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất tràng tướng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội nhập pháp ấn, Tam-muội Vương an lập, Tam-muội Phóng quang, Tam-muội Lực tấn, Tam-muội Xuất sinh, Tam-muội Tất nhập biện tài, Tam-muội nhập danh tự, Tam-muội Quán phương, Tam-muội Đà-la-ni ấn, Tam-muội Bất vọng, Tam-muội Nhiếp chư pháp hải ấn, Tam-muội Biến phú hư không, Tam-muội Kim cang luận, Tam-muội Bảo đoạn, Tam-muội Phổ chiếu, Tam-muội Bất cầu, Tam-muội Vô xứ trú, Tam-muội Vô tâm, Tam-muội Tịnh đăng, Tam-muội Vô biên minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Phổ biến minh, Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội, Tam-muội Vô cấu minh, Tam-muội Tác nhạc, Tam-muội Điển quang, Tam-muội Vô tận, Tam-muội Uy đức, Tam-muội Ly tận, Tam-muội Bất động, Tam-muội Trang nghiêm, Tam-muội Nhật quang, Tam-muội Nguyệt tịnh, Tam-muội Tịnh minh, Tam-muội Năng tác

minh, Tam-muội Tác hành, Tam-muội Tri tướng, Tam-muội Như Kim cang, Tam-muội Tâm trú, Tam-muội Biến chiếu, Tam-muội An lập, Tam-muội Bảo đảnh, Tam-muội Diệu pháp ấn, Tam-muội Pháp đẳng, Tam muội Sinh hỷ, Tam-muội Đáo pháp đảnh, Tam-muội Năng tán, Tam-muội Hoại chư pháp xứ, Tam-muội Tự đẳng tướng, Tam-muội Ly tự, Tam-muội Đoạn duyên, Tam-muội Bất hoại, Tam-muội Vô chủng tướng, Tam-muội Vô xứ hành, Tam-muội Ly ám, Tam-muội Vô khứ, Tam-muội Bất biến, Tam-muội Độ duyên, Tam-muội Tập chư công đức, Tam-muội Trú vô tâm, Tam-muội Diệu tịnh hoa, Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô lượng biện, Tam-muội Vô đẳng đẳng, Tam-muội Độ chư pháp, Tam-muội Phân biệt chư pháp, Tam-muội Tán nghi, Tam-muội Vô trú xứ, Tam-muội Nhất tướng, Tam-muội Nhất tánh, Tam-muội Sinh hành, Tam-muội Nhất hành, Tam-muội Bất nhất hành, Tam-muội Diệu hành, Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam-muội Nhập ngôn ngữ, Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam-muội Nhiên cự, Tam-muội Tịnh tướng, Tam-muội Phá tướng, Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam-muội Bất hỷ khổ lạc, Tam-muội Bất tận hành, Tam-muội Đa Đà-la-ni, Tam-muội Thủ chư tà chánh tướng, Tam-muội Diệt tắng ái, Tam-muội Nghịch thuận, Tam-muội Tịnh quang, Tam-muội Kiên cố, Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-muội Đại trang nghiêm, Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế Tam-muội, Tam-muội Vô tránh, Tam-muội Vô trú xứ lạc, Tam-muội Như trú định, Tam-muội Hoại thân suy, Tam-muội Hoại ngữ như hư không, Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành các Tam-muội ấy mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có vô lượng vô số môn Tam-muội, môn Đà-la-ni. Các Bồ-tát ma-ha-tát học môn Tam-muội, môn Đà-la-ni ấy, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tuệ mạng Tu-bồ-đề theo tâm Phật mà nói: Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Tam-muội ấy, đã được Phật quá khứ thọ ký, mười phương chư Phật hiện tại cũng thọ ký Bồ-tát ấy. Bồ-tát ấy không thấy Tam-muội ấy, cũng không niệm Tam-muội ấy, cũng không nghĩ rằng: Ta sẽ vào Tam-muội ấy, ta nay vào Tam-muội ấy, ta đã vào Tam-muội ấy. Bồ-tát ma-ha-tát đều không có niệm phân biệt.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát trú các Tam-muội ấy rồi mới theo chư Phật quá khứ được thọ ký ư?

Tu-bồ-đề đáp: Không phải, Xá-lợi-phất! Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-

la-mật không khác các Tam-muội, các Tam-muội không khác Bát-nhã Ba-la-mật; Bồ-tát không khác Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không khác Bồ-tát; Bát-nhã Ba-la-mật tức là Tam-muội, Tam-muội tức là Bát-nhã Ba-la-mật; Bồ-tát tức là Bát-nhã Ba-la-mật và Tam-muội, Bát-nhã Ba-la-mật và Tam-muội tức là Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Tam-muội không khác Bồ-tát, Bồ-tát không khác Tam-muội, Tam-muội tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Tam-muội, thì vì sao Bồ-tát có Tam-muội biết hết thảy pháp v.v... ?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát vào Tam-muội ấy, lúc ấy không nghĩ rằng: Ta do pháp ấy vào Tam-muội ấy. Vì nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ấy đối với các Tam-muội không biết không niệm.

Xá-lợi-phất hỏi: Vì cớ sao không biết không niệm?

Tu-bồ-đề đáp: Các Tam-muội vì không có gì, nên Bồ-tát ấy không biết không niệm.

Bấy giờ, Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề, như Ta nói: Ông tu hành Vô tránh Tam-muội bậc nhất, tương ưng với nghĩa này.

Bồ-tát ma-ha-tát hãy học Bát-nhã Ba-la-mật như vầy: Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung cũng nên học như vậy.

LUẬN: Hỏi: Như Phật dạy một đường đến Niết-bàn đó là không, vô tướng, vô tác, cớ sao Xá-lợi-phất lại hỏi còn có các Tam-muội khác khiến Bồ-tát mau thành Phật?

Đáp: Khi chưa gần Niết-bàn thì có nhiều đường khác, khi gần Niết-bàn thì chỉ có một đường là không, vô tướng, vô tác; các Tam-muội khác đều nhiếp vào trong ba môn giải thốt ấy, ví như thành lớn có nhiều cửa, đều được vào thành; lại như ngàn sông muôn dòng đều chảy về biển.

Những gì là các Tam-muội khác? Đó là các Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm v.v... Trong phẩm Ma-ha Diễn, Phật tự nói: Điều sâu xa khó hiểu, Phật sẽ dạy ở trong đây. Nếu Bồ-tát thực hành được một trăm lẻ tám Tam-muội và các môn Đà-la-ni, thì mười phương chư Phật đều thọ ký cho. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát tuy được các Tam-muội ấy, nhưng vì thật không có ngã, tâm ức tưởng phân biệt nên cũng không khởi niệm rằng: Ta sẽ vào Tam-muội ấy, nay vào, đã vào; ta sẽ trụ Tam-muội ấy, đó là Tam-muội của ta. Vì tâm ấy thanh tịnh không chấp trước pháp vi diệu, nên chư Phật thọ ký cho.

Bấy giờ Xá-lợi-phất trở lại lấy trí tuệ về không nạn hỏi Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát trú Tam-muội ấy, thủ lấy tướng Tam-muội ấy, có được thọ

ký không?

Tu-bồ-đề đáp: Không. Vì cớ sao? Vì ba việc không khác nhau: Bát-nhã không khác Tam-muội, Tam-muội không khác Bát-nhã; Bát-nhã không khác Bồ-tát, Tam-muội; Bồ-tát, Tam-muội không khác Bát-nhã; Bát-nhã, Tam-muội tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Bát-nhã, Tam-muội. Nếu Bát-nhã, Tam-muội và Bồ-tát khác nhau thì chư Phật thọ ký cho, song vì không khác nên không thọ ký.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Nếu như vậy, thì Tam-muội và hết thảy pháp bình đẳng không khác ư?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát có Tam-muội về các pháp v.v... vào trong Tam-muội ấy, các pháp không khác.

Lại nữa, như trước nói, đối với các Tam-muội không khởi ức tưởng phân biệt, không hay không biết, vì tự tánh các Tam-muội không có gì. Bồ-tát không biết không niệm, Phật vì Tu-bồ-đề chưa tự được Tam-muội ấy, mà khéo nói Tam-muội, Đà-la-ni vi diệu của Bồ-tát, đối với Bát-nhã Ba-la-mật không niệm không trước, thế nên Phật tán thán: Lành thay! Ta nói ông được vô tránh Tam-muội đệ nhất đúng như lời ta tán thán không sai.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là học Bát-nhã Ba-la-mật ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là học Bát-nhã Ba-la-mật, vì pháp ấy không thể có được; cho đến học Thí Ba-la-mật, vì pháp ấy không thể có được, học Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung vì pháp ấy không thể có được.

Xá-lợi-phất bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật, pháp ấy không thể có được ư?

Phật dạy: Đúng như vậy! Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật, pháp ấy không thể có được.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì không thể có được?

Phật dạy: Ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Năm ấm không thể có được, Mười hai nhập không thể có được, Mười tám giới không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Vô minh không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh cho đến lão tử không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Khổ đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Tập, Diệt, Đạo đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cõi Sắc cõi Vô sắc không thể có được, vì

rốt ráo thanh tịnh; Bốn niệm xứ không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cho đến Mười tám pháp không chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Sáu Ba-la-mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, Tu-đà-hoàn không không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ-tát không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Chẳng xuất chẳng sinh, không được không làm, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là học pháp gì?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy đối với các pháp không học gì. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Tướng các pháp không như tướng phàm phu chấp trước.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp có thế nào?

Phật dạy: Các pháp không có gì, có như vậy, không có gì như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Không có những gì mà việc ấy không biết, gọi là vô minh?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Trong đó phàm phu vì do vô minh khát ái nên vọng thấy phân biệt, gọi là vô minh. Kẻ phàm phu bị buộc vào hai bên, không biết không thấy các pháp không có gì, mà ức tưởng phân biệt đắm sắc, cho đến Mười tám pháp không chung. Hạng người ấy vì đắm trước nên đối với pháp không có gì khởi lên thức, tri, kiến. Ấy là phàm phu không biết không thấy. Không biết không thấy gì? Không biết không thấy sắc, cho đến Mười tám pháp không chung cũng không biết không thấy. Vì vậy nên đọa vào trong số phàm phu, như trẻ con. Hạng người ấy không ra khỏi. Không ra khỏi gì? Không ra khỏi cõi Dục, không ra khỏi cõi Sắc, không ra khỏi cõi Vô sắc; không ra khỏi pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật. Người ấy cũng không tín thọ. Không tín thọ gì? Không tin sắc không, cho đến không tin Mười tám pháp không chung. Người ấy không trú. Không trú gì? Không trú Thí Ba-la-mật cho đến không trú Bát-nhã Ba-

la-mật, không trú địa vị bất thối chuyển cho đến không trú Mười tám pháp không chung. Vì nhân duyên ấy, nên gọi là phàm phu, như trẻ nít. Cũng gọi là người chấp trước. Chấp trước gì? Chấp trước sắc cho đến thức, chấp trước nhãn nhập cho đến ý nhập, chấp trước nhãn giới cho đến ý thức giới; chấp trước dâm, nộ, si, chấp trước các tà kiến, chấp trước Bốn niệm xứ cho đến chấp trước Phật đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy cũng chẳng phải học Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, cũng chẳng học Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát cũng chẳng học Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát vì không có phương tiện thiện xảo, nên ức tưởng phân biệt, chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật, chấp trước Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng, cứ ức tưởng phân biệt chấp trước. Vì nhân duyên ấy, nên Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, cũng chẳng học Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hoặc có Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, chẳng học Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, chẳng học Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng được Nhất chủng trí.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát nay nên làm sao học Bát-nhã Ba-la-mật, được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát, khi học Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật. Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, được Trí nhất thiết chủng, vì không thể có được.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Vì các pháp nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

LUẬN: Xá-lợi-phất ở trên hỏi chỉ có vô thọ Tam-muội là mau được thành Phật hay còn có Tam-muội khác? Tu-bồ-đề đáp: Còn có Tam-muội khác mau được thành Phật. Bồ-tát không niệm, không chấp trước

Tam-muội ấy nên được chư Phật quá khứ hiện tại, thọ ký. Phật tán thán: Lành thay! Bồ-tát ma-ha-tát hãy học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, cho đến học hết thảy Phật pháp.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-mật là tướng không, còn các Tam-muội là các tướng có phân biệt, làm sao học các Tam-muội là học Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên hỏi.

Phật đáp: Xá-lợi-phất: Học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy đều vì bất khả đắc, vì tướng khí phần của Bát-nhã ba-la mật đều ở trong các Tam-muội, học được như vậy là học Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến học Mười tám pháp không chung. Phật liền ấn khả cho.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Pháp gì là không thể có được?

Trong đây Phật tự nói: Vì chúng sanh không, vì rốt ráo thanh tịnh nên ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy, Tu-đà-hoàn cho đến Phật không thể có được; vì pháp không, vì rốt ráo thanh tịnh, nên Năm uẩn không thể có được cho đến Mười tám pháp không chung không thể có được.

Rốt ráo thanh tịnh là không xuất không sinh, không được không làm v.v... Ở bên nhân không sinh khởi gọi là không xuất, ở bên duyên không sinh khởi gọi là không sinh. Tướng sinh nhất định không thể có được, nên gọi là không xuất không sinh. Vì không xuất không sinh nên gọi là không thể có được. Vì không thể có được nên gọi là không làm không khởi. Pháp có khởi, làm đều là hư dối; lìa tướng như vậy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành được đạo rốt ráo thanh tịnh như vậy vì học pháp gì, vì được pháp gì?

Phật đáp: Học được như vậy là vì không học gì, không được gì.

Hỏi: Bồ-tát dùng rốt ráo không ấy, học Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, cớ sao nói không có pháp gì có thể học?

Đáp: Trong đây Phật tự nói, các pháp không giống như chỗ chấp trước của phàm phu. Tâm phàm phu có vô minh, tà kiến kiết sử, những điều nghe, thấy, biết đều khác với pháp tướng; cho đến nghe Phật thuyết pháp, đối với Thánh đạo và quả báo đều chấp trước, làm ô nhiễm đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Nếu chỗ thấy của người phàm phu đều chẳng thật, vậy nay các pháp ấy làm sao có?

Phật dạy: Các pháp chẳng có gì, người phàm phu đối với chỗ chẳng có gì cũng cho là có. Vì cớ sao? Vì người phàm phu ấy lìa vô minh tà kiến thì không thể có chỗ xem thấy, vì thế nên nói chấp trước chỗ không có gì nên gọi là vô minh. Ví như nắm tay trống không để gạt con nít, con

nít chấp trước nên cho là có.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Những pháp gì không có vì chấp trước nên gọi là vô minh?

Phật đáp: Sắc cho đến Mười tám pháp không chung, trong đó vì vô minh tham ái nên ức tưởng phân biệt, thứ minh ấy là vô minh, rơi vào hữu biên vô biên, mất ánh sáng trí tuệ. Vì mất ánh sáng trí tuệ nên không thấy không biết sắc rốt ráo không, không có gì, mà tự sinh ức tưởng phân biệt rồi chấp trước, cho đến thức uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên, hoặc nghe pháp lành như Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, cũng như pháp thế gian; ức tưởng phân biệt chấp trước thánh pháp cũng như vậy. Do vậy gọi là rơi vào số phàm phu, giống trẻ con, bị người khinh cười. Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, người ngu chỉ thấy ngón tay không thấy mặt trăng; người trí khinh cười nói: Sao ông không hiểu được ý người chỉ, ngón tay là nhân duyên để biết mặt trăng, mà lại xem ngón tay không biết mặt trăng. Chư Phật hiển thánh nói pháp cho người phàm phu mà người phàm phu cứ chấp âm thanh ngữ ngôn, không nắm lấy ý thánh nhân, không được thật nghĩa. Vì không được thật nghĩa nên trở lại nôi thật nghĩa sinh chấp trước. Nay Phật chỉ lỗi của người phàm phu, nên nói không thể vượt qua ba cõi, cũng không thể lìa hai thừa. Vì không nắm được ý thánh nhân nên nghe nói các pháp không mà chẳng tin, vì không tin nên không thật hành, không an trú Sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung. Vì mất các công đức như vậy nên gọi là phàm phu, con nít. Con nít chấp trước Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, ba độc, các phiền não cho đến Mười tám pháp không chung; Vô thượng, Chánh đẳng, Chánh giác đều chấp trước, nên gọi là kẻ chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi: Nếu Bồ-tát tu hành như vậy, gọi là không hành Bát-nhã Ba-la-mật, không hành Bát-nhã Ba-la-mật nên chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật đồng ý với Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Liền vì nói nhân duyên cho là Bồ-tát mới tu hành, không có sức phương tiện, nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy, ức tưởng phân biệt, tìm cầu muốn lấy, nghĩ rằng: Ta bỏ cái vui thế gian, lại không được Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là mất cả hai, chuyên tìm cầu muốn được. Hoặc bảo nói không, là Bát-nhã Ba-la-mật; hoặc nói không cũng không, là Bát-nhã Ba-la-mật; hoặc nói các pháp như thật tướng là Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy dùng sáu mươi hai kiến, chín mươi tám tâm kiết sử phiền não, chấp trước cho là Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chấp như vậy. Lấy tâm chấp

trước ấy mà học các pháp, không thể được Trí nhất thiết chủng. Cùng với đây trái nhau là có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng có thể được Trí nhất thiết chủng; nghĩa là không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy hành giả, không thấy duyên pháp, không thấy cũng không thấy.

Xá-lợi-phất lại hỏi nhân duyên không thấy, Phật đáp Bồ-tát ấy vào Mười tám Không, cho nên không thấy, chẳng phải vô trí nên không thấy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 44

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI MỘT: HUYỄN HỌC

(Kinh Ma-ha Bát-nhã ghi: Phẩm Huyễn Nhân)
(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phần 2, Phẩm Huyễn Dụ thứ 10)

KINH: Lúc ấy Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu sẽ có người hỏi rằng: "Người huyễn học Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng? Người huyễn học Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, học Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng, được Trí nhất thiết chủng chăng?" Con sẽ đáp thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyễn có khác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức với huyễn có khác chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Mắt với huyễn có khác chăng, cho đến ý với huyễn có khác chăng? Sắc cho đến pháp với huyễn có khác chăng? Nhãn giới cho đến ý thức giới với huyễn có khác chăng? Nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ với huyễn có khác chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Bốn niệm xứ với huyễn có khác chăng, cho đến Tám Thánh đạo phần với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thí Ba-la-mật với huyễn có khác chăng, cho đến Mười tám pháp không chung với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì sắc không khác huyễn, huyễn không khác sắc, sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc.

Bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức không khác huyễn, huyễn không khác thọ, tưởng, hành, thức; thức tức là huyễn, huyễn tức là thức.

Bạch Thế Tôn! Mắt không khác huyễn, huyễn không khác mắt, mắt tức là huyễn, huyễn tức là mắt; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không khác huyễn, huyễn không khác Bốn niệm xứ; Bốn niệm xứ tức là huyễn, huyễn tức là bốn niệm xứ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác huyễn, huyễn không khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là huyễn, huyễn tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Huyễn có nhô có sạch chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Huyễn có sinh có diệt chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Nếu pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp ấy có thể học Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ấm giả danh là Bồ-tát chăng?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ấm giả danh có sinh diệt nhô sạch chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp chỉ có danh tự, chẳng phải thân, chẳng phải thân nghiệp, chẳng phải khẩu, chẳng phải khẩu nghiệp, chẳng phải ý, chẳng phải ý nghiệp, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, pháp như vậy có thể học Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Bồ-tát ma-ha-tát nếu học được Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, sẽ được Trí nhất thiết chủng, vì không có gì được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát nên học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người huyễn học. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn! Nên biết Năm ấm tức là người huyễn, người huyễn tức là Năm ấm.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Năm ấm ấy học Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì năm ấm ấy tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Năm ấm như mộng học Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì tánh mộng không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

- Ý ông nghĩ sao? Năm ấm như tiếng vang, như bóng, như ráng nắng, như biến hóa học Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì tiếng vang, bóng, ráng nắng, biến hóa, tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được. Sáu căn cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Thức cũng là sáu căn, sáu căn tức là năm uẩn. Pháp ấy vì nội không nên không thể có được, cho đến vì vô pháp hữu pháp không nên, không thể có được.

LUẬN: Hỏi: Vì sao Tu-bồ-đề đem việc ấy hỏi Phật? Nếu có người hỏi người huyễn học Bát-nhã Ba-la-mật được làm Phật chăng? Phải đáp rằng không được. Vì người huyễn hư dối, không có gốc, ngọn, việc ấy dễ đáp, sao lại đem hỏi Phật?

Đáp: Vì ở phẩm trên Phật nói nghĩa Không sâu xa cho Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề nghĩ rằng các pháp nhất tướng không có sai biệt, nếu như vậy người huyễn và Bồ-tát thật không có khác nhau, nhưng Bồ-tát tu hành các công đức thì được làm Phật, còn người huyễn không thật, chỉ gạt mắt người, không thể làm Phật.

Hỏi: Người huyễn không thể tu hành công đức, vì không có tâm thức, làm sao nói tu hành?

Đáp: Tuy thật không tu hành, người thấy in tuồng như tu hành, nên gọi là tu hành. Như người huyễn dùng thức ăn uống, tài vật, bảy báu, bố thí, xuất gia, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tọa thiền, thuyết pháp v.v... người vô trí cho đó là tu hành, không biết là huyễn.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu như Phật nói các pháp nhất tướng, không có gì, chỉ là hư dối, người huyễn và Bồ-tát thật cho đến Phật không có sai khác. Như người huyễn cũng huyễn làm Phật, hành sáu Ba-la-mật, hàng phục ma binh, ngồi đạo tràng, thành Phật đạo, phóng hào quang, thuyết pháp độ người, với Bồ-tát thực hành thật đạo, được làm Phật, độ chúng sinh, có gì sai khác?

Phật dạy: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp lời.

Hỏi: Cớ sao Phật không đáp thẳng, mà lại hỏi Tu-bồ-đề khiến tùy ý đáp?

Đáp: Tu-bồ-đề dùng trí tuệ Không, quán ba cõi Năm uẩn đều không, tâm sinh chán lìa, nhưng vì tập khí phiền não nên tuy biết được

tổng tướng các Phật pháp đều không, song còn có chỗ yêu quí nên không quán xem được Phật pháp như huyễn không có gì. Vì vậy nên mới dẫn dụ nói: Như ông lấy Năm uẩn Không làm chứng, các Phật pháp cũng vậy: Ông quán Năm uẩn thế gian là không. Ta quán Phật pháp cũng vậy. Thế nên hỏi Tu-bồ-đề rằng: Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyễn khác nhau chăng? Huyễn với sắc khác nhau chăng? Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, nếu khác thì ông nên hỏi, nếu không khác thì không nên hỏi như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Không khác.

Hỏi: Nếu sắc không khác huyễn, có thể được, vì người huyễn có sắc (còn thọ, tưởng, hành, thức không có sắc), cớ sao nói như huyễn không khác?

Đáp: Người huyễn có tướng mừng, vui, lo, khổ: người vô trí không thấy cho là có thọ, tưởng, hành, thức.

Lại nữa, Phật nói thí dụ để khiến người biết Năm thọ uẩn hư dối như huyễn; Năm thọ uẩn tuy không khác với huyễn, song Phật muốn khiến hiểu rõ nên nêu làm thí dụ. Chúng sinh cho huyễn là hư dối, còn Năm thọ uẩn tuy có mà không khác huyễn nên Tu-bồ-đề một lòng trù lượng, biết Năm uẩn cùng với huyễn không khác. Vì cớ sao? Vì như sắc người huyễn dối gạt mắt thịt, có thể làm cho sinh ra lo, mừng, khổ, vui; Năm thọ uẩn cũng có thể dối gạt mắt tuệ, làm cho sinh tham dục, sân não, các phiền não v.v... như trò huyễn, do một ít chú thuật, sự vật, ngôn ngữ làm gốc, có thể hiện ra các sự vật thành quách, nhà quán v.v... năm thọ uẩn cũng do một ít vô minh thuật đời trước mà có ra hành, thức, danh sắc các thứ. Do vậy, nên nói không khác, như người thấy việc huyễn sinh tâm chấp trước, bỏ phế sự việc nuôi sống, đến khi huyễn diệt liền sinh hối hận. Năm thọ uẩn cũng như vậy, do nghiệp đời trước huyễn sinh ra thân Năm uẩn đời nay, hưởng thọ năm dục, sinh tham giận, đến khi vô thường bại hoại, tâm nói hối hận. Vì sao ta chấp trước Năm uẩn huyễn ấy, để mất thật tướng các pháp? Phật mở cửa lạc thuyết cho Tu-bồ-đề nên đáp huyễn với sắc chẳng khác. Nếu không khác, pháp ấy tức là không, vào trong pháp chẳng sinh chẳng diệt. Nếu chẳng sinh chẳng diệt, làm sao tu hành Bát-nhã Ba-la-mật được làm Phật? Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Nếu như vậy, Bồ-tát vì cớ gì mỗi mỗi hành đạo, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật biết ý của Tu-bồ-đề, nên liền đáp: Năm uẩn hư dối, chỉ do giả danh gọi là Bồ-tát. Trong giả danh ấy không có nghiệp, không có nhân duyên nghiệp, không có tâm, không có tâm số pháp, không nhơ không

sạch, vì rốt ráo không. Phật dạy Bồ-tát nên như người huyễn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thân năm uẩn tức là người huyễn, không khác. Từ nhân duyên của nghiệp huyễn đời trước, vì từ nghiệp huyễn xuất sinh, nên thân năm uẩn ấy cũng không thể thành tựu Phật được. Vì sao? Vì bản tánh không có gì. Ngoài ra mộng, biến hóa, bóng, tiếng vang v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Cớ sao nói thức tức là Sáu nhập? Sáu nhập tức là Năm uẩn?

Đáp: Thức là chi thứ ba trong mười hai chi nhân duyên, trong ấy cũng có sắc, cũng có tâm số pháp, vì chưa thành thục nên gọi là thức. Từ thức sinh Sáu nhập, hai thời ấy đều có Năm uẩn. Sắc thành nên gọi là Năm nhập, danh thành nên gọi là ý nhập. Sáu nhập không lìa Năm uẩn, vì vậy nói thức tức là Sáu nhập.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Mười hai nhân duyên, mỗi mỗi đều có Năm uẩn, cớ sao nay chỉ nói thức và Sáu nhập có Năm uẩn?

Đáp: Thức ấy là gốc của thân hiện nay. Chúng sinh phần nhiều lầm đối với pháp hiện tại. Danh và sắc chưa thành thục, chưa có công dụng nên không nói, còn Sáu nhập thì thọ khổ vui, sinh ra tội phước nên nói, ngoài mười một nhân duyên ra, nên nói Sáu nhập là Năm uẩn.

Lại nữa, Phật biết sau năm trăm năm, người học phân biệt pháp tướng mỗi mỗi khác nhau: Lìa thức nói sắc, lìa sắc nói thức. Muốn phá các chấp kiến đó, để khiến họ nhập vào lý rốt ráo không, nên tuy trong thức không có năm nhập mà nói thức tức là sáu nhập, trong sáu nhập tuy không đủ năm uẩn mà nói sáu nhập tức là năm uẩn.

Lại nữa, đời trước chỉ có tâm trụ trong sáu nhập, khởi các thứ ức tưởng phân biệt nên sinh ra sáu nhập đời nay. Thân năm uẩn theo thân đời nay khởi ra các kiết sử tạo sáu nhập năm uẩn đời sau. Cứ triển chuyển như vậy, cho nên nói thức tức là sáu nhập, sáu nhập tức là năm uẩn. Pháp ấy trong nội không không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không không thể có được.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm Đại thừa, nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ không kinh, hãi, sợ ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát mới phát tâm Đại thừa mà đối với Bát-nhã Ba-la-mật không có phương tiện thiện xảo cũng không gặp thiện tri thức, thời Bồ-tát ấy hoặc kinh, hoặc hãi, hoặc sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện thiện xảo, mà Bồ-tát tập hành phương tiện ấy thì không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô thường cũng không thể có được. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng khổ cũng không thể có được; quán thọ. tưởng, hành, thức tướng khổ cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô ngã cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô ngã cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng không cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng không cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tướng cũng không thể có được; quán thọ, tương, hành, thức tướng vô tướng cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tác cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô tác cũng như vậy. Quán sắc tướng tịch diệt là không thể có được, cho đến quán thức tướng tịch diệt cũng như vậy. Quán sắc tướng lìa cũng không thể có được, cho đến quán thức tướng lìa cũng như vậy; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán tướng vô thường của sắc cũng không thể có được; quán tướng khổ của sắc, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lúc ấy Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: "Ta sẽ vì hết thảy chúng sinh mà nói pháp vô thường cũng không thể có được; sẽ vì hết thảy chúng sinh mà nói tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được"; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bố thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát không đem tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật quán sắc vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật quán thức vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật quán sắc khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tịnh giới Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nghe nói các pháp tướng vô thường cho đến tướng lìa mà tâm an nhẫn, muốn, vui; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được, cho đến tướng lìa cũng không thể có được. Quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng không bỏ không ngừng; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tinh tấn Ba-la-mật. Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không khởi ý Thanh-văn, Bích-chi Phật và các tâm bất thiện; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, tư duy như vầy: Không vì không sắc nên sắc không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không vì không nhãn nên nhãn không, nhãn tức là không, không tức là nhãn, cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, không vì không thọ nên thọ không, thọ tức là không, không tức là thọ. Không vì không Bốn niệm xứ nên Bốn niệm xứ không, Bốn niệm xứ tức là không, không tức là Bốn niệm xứ; cho đến không vì không Mười tám pháp không chung nên Mười tám pháp không chung không, Mười tám pháp không chung tức là không, không tức là Mười tám pháp không chung. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không kinh, không hãi, không sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát được thiện tri thức thủ hộ nên nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật mà không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát là người nói sắc vô thường cũng không thể có được, nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát. Người nói thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không thể có được; nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có thiện tri thức, nói sắc khổ cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức khổ cũng không thể có được; nói sắc vô ngã cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức vô ngã cũng không thể có được; nói sắc không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có thiện tri thức nói mắt vô thường,

cho đến mắt lìa cũng không thể có được; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nói là vô thường cho đến lìa cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết tri; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có thiện tri thức nói tu Bốn niệm xứ cho đến tu Bốn niệm xứ lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát, cho đến thiện tri thức nói tu Mười tám pháp không chung, tu Nhất thiết trí cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN: Hỏi: Cớ sao Tu-bồ-đề sinh nghi hỏi Phật rằng: Bồ-tát mới phát tâm nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ không kinh, hãi, sợ?

Đáp: Nghe nói không có Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng thân năm uẩn không, cũng không thể tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên sinh nghi: Ai sẽ tu hành Bát-nhã? Thế nên hỏi Phật.

Phật dạy: Nếu Bồ-tát không đầy đủ nhân duyên trong ngoài, sẽ có sợ hãi. Nhân duyên trong là không có chánh ức niệm, không có trí tuệ lanh lợi, đối với chúng sinh không có bi tâm sâu xa, bên trong không có phương tiện như vậy. Nhân duyên ngoài là không sinh ở trung tâm quốc độ, không được nghe Bát-nhã Ba-la-mật, không gặp thiện tri thức dứt nghi cho, không có nhân duyên ngoài như vậy. Nhân duyên trong ngoài không hòa hợp nên sinh kinh, hãi, sợ. Nay Tu-bồ-đề hỏi phương tiện ấy, Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp cũng không thủ đắc các pháp.

Hỏi: Phương tiện có khi quán sắc có các tướng vô thường v.v... nên không sợ hãi, sao nay chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp nên không sợ hãi?

Đáp: Bồ-tát từ trước lại đây chỉ quán các pháp không, tâm thô nên sinh đắm trước. Nay phân biệt quán, như ý Phật, đối với chúng sinh khởi tâm đại bi, không đắm trước hết thảy pháp, đối với trí tuệ không có gì được, chỉ muốn độ chúng sinh, dùng vô thường, không, v.v... các thứ quán các pháp, cũng không thủ đắc pháp ấy. Quán các pháp như vậy rồi, suy nghĩ rằng: Ta dùng pháp ấy độ chúng sinh, khiến xa lìa điên đảo. Vì vậy nên tâm không đắm trước, không thấy có một pháp nhất định; ví như thầy thuốc hòa hợp các thứ thuốc, người mắc bệnh lạnh thì cho thuốc nóng, đối với bệnh nóng là chẳng phải thuốc; trong hai sự bố thí, pháp

thí là lớn, ấy gọi là Thí Ba-la-mật. Năm Ba-la-mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

Lại nữa, phương tiện của Bồ-tát là: Chẳng phải vì Mười tám không, nên khiến sắc không. Vì cớ sao? Vì không lấy tướng không cưỡng ép làm cho không. Sắc tức là không, sắc ấy từ xưa đến nay thường tự không, vì sắc tướng không, nên không tức là sắc; cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Thiện tri thức là người dạy người khiến đem trí tuệ ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát trước đó biết các quán vô thường, không v.v... nay chỉ nói hồi hướng, là khác.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Cớ sao Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không có phương tiện thiện xảo, theo ác tri thức nên nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát lìa tâm Nhất thiết trí, tu Bát-nhã Ba-la-mật, được Bát-nhã Ba-la-mật ấy, nhớ nghĩ Bát-nhã Ba-la-mật ấy, đối với sự tu hành Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tịnh giới Ba-la-mật, Bố thí Ba-la-mật, đều nhớ nghĩ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát vì lìa tâm Tát-bà-nhã, mà quán sắc nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; quán thọ, tưởng, hành, thức nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; quán nhãn nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, cho đến quán ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với các Không có chỗ nhớ, có chỗ được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, vì lìa tâm Tát-bà-nhã mà tu Bốn niệm xứ, cũng nhớ, cũng được. Cho đến tu Mười tám pháp không chung, cũng nhớ cũng được. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật vì không có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy thì kinh, hãi, sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao Bố tát ma-ha-tát theo ác tri thức nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu-bồ-đề! Ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát dạy xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tịnh giới Ba-la-mật, Bố thí Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Ấy là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát còn có ác tri thức không nói việc ma, không nói tội của ma, không nói rằng ma hiện làm hình tượng Phật đi đến dạy Bồ-tát xa lìa sáu Ba-la-mật, mà nói với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử tu Bát-nhã Ba-la-mật làm chi! Tu Thiền Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-

mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tịnh giới Ba-la-mật, Bố thí Ba-la-mật làm chi! Nên biết, đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma còn hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói kinh Thanh-văn, hoặc Khế kinh (Sutrra – Tu đa la, Tu đố lộ) cho đến Luận nghị (Ưu ba đề xá). Dạy bảo phân biệt diễn nói Kinh như vậy, không nói việc ma, tội ma, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói rằng: Thiện nam tử! Ông không có tâm Bồ-tát chân thật, cũng chẳng phải địa vị bất thối chuyển, ông cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không nói cho biết việc ma, tội ma như vậy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Sắc không, vô ngã, vô ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức không, vô ngã, vô ngã sở, nhãn không, vô ngã, vô ngã sở; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không, vô ngã, vô ngã sở, Bố thí Ba-la-mật không, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật không, Bốn niệm xứ không, cho đến Mười tám pháp không chung không, thì ông dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm thân Bích-chi Phật đi đến chỗ Bồ-tát nói với Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Mười phương đều không, trong đó không có Phật, không có Bồ-tát, không có Thanh-văn. Việc ma, tội như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm thân Hòa thượng, A-xà-lê, đi đến chỗ Bồ-tát dạy xa lìa đạo Bồ-tát, dạy xa lìa Trí nhất thiết chủng, xa lìa Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, dạy xa lìa Bố thí Ba-la-mật cho đến dạy xa lìa Mười tám pháp không chung, dạy tu vào không, vô tướng, vô tác, nói rằng: Thiện nam tử! Ông tu niệm các pháp ấy sẽ chứng được Thanh-văn chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng cha mẹ đi đến chỗ Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Này con, con nên vì chứng quả Tu-đà-hoàn mà siêng tinh tấn, cho đến nên vì chứng quả A-la-hán mà siêng tinh tấn, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải chịu sống chết vô số kiếp, cắt

tay cắt chân, chịu đủ các thống khổ! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma hiện làm hình tượng Tỳ-kheo đi đến chỗ Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Con mắt vô thường là pháp có thật, cho đến ý vô thường là pháp có thật; con mắt khổ, con mắt vô ngã, con mắt không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa là pháp có thể nói; cho đến ý cũng như vậy. Dùng pháp có sở đắc để nói Bốn niệm xứ, cho đến dùng pháp có sở đắc để nói Mười tám pháp không chung của Phật. Tu-bồ-đề! Việc ma, tội ma như vậy, lại không dạy không nói, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát ma-ha-tát, biết rồi nên xa lánh.

LUẬN: Trước lược nói không có phương tiện, nay nói rộng không có phương tiện. Nghĩa là lìa tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu hành Bát-nhã, được định hướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Vì tự mình không có phương tiện lại được ác tri thức dạy vậy.

Lại nữa, ác tri thức làm mất lợi ích lớn, đủ thứ phá hoại người, là nhân duyên của đại ác. Phật còn dùng nhiều nhân duyên nói rõ tướng ác tri thức.

Ác tri thức là dạy người xa lìa sáu Ba-la-mật, hoặc dạy xa lìa, không tin quả báo tội phước; hoặc vì chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật nói rằng các pháp rốt ráo không, người làm sao tu? Hoặc tán thán Tiểu thừa, nói rằng người chỉ tự do thốt khỏi khổ già bệnh chết, chứ chúng sinh can dự chi việc ngươi! Có các nhân duyên như vậy dạy người ta lìa; ấy gọi là ác tri thức.

Lại nữa, ác tri thức là không dạy cho đệ tử biết ma là giặc của Phật, ma là chủ cõi Dục, có thế lực lớn, thường ghét người hành đạo. Phật có oai lực lớn, nên ma không thể phá hoại, chỉ phá hoại được Bồ-tát nhỏ, cho đến hiện làm hình tượng Phật đi đến phá hoại Bồ-tát đang hành lục độ, Hoặc tán thán, khai mở, luận thuyết theo các kinh khác của Thanh-văn cần phải học. Hoặc hiện làm thân Phật đến nói với Bồ-tát rằng: Ông không thể làm Phật. Hoặc nói con mắt v.v... hết thảy các pháp không, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm thân Bích-chi Phật, hoặc nói nhân không của ba thừa trong mười phương thế giới, người cầu Phật đạo, chỉ có tên suông, ông tại sao muốn làm Phật!

Hoặc dạy khiến xa lìa Ba mươi bảy phẩm đạo của Bồ-tát, khiến vào trong ba môn giải thốt của Thanh-văn, ông vào ba môn ấy thật tế chứng ngộ dứt hết các khổ, ông siêng tinh tấn để chứng được bốn quả, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm Hòa

thượng, A-xà-lê, cha mẹ đi đến dạy khiến xa lìa Phật đạo, phải luống chịu cắt tay, chân, tai, mũi đem cho mới cầu được, nếu không cho thì phá hỏng ý nguyện cầu Phật đạo, nếu cho thì chịu đau khổ. Hoặc có khi hiện A-la-hán, Tỳ-kheo mặc áo rách đi đến nói con mắt là không, vô thường, khổ; không, vô thường, vô tác, tịch diệt, lìa cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Chỉ nói theo lối có sở đắc thủ tướng, ức tưởng phân biệt. Vô lượng các việc ma như vậy, không dạy cho biết, ấy gọi là ác tri thức.

Xa lánh là vì ác tri thức không có lợi ích, như giặc nói lời dịu ngọt, đến thân cận mà hại người. Ác tri thức còn quá hôn thế. Vì sao? Vì giặc chỉ hại thân trong một đời, còn ác tri thức thì đời đời hại người; giặc chỉ có thể hại mạng cướp của, còn ác tri thức thì hại tuệ mạng căn, cướp vô lượng báu Phật pháp, biết rồi, phải gấp rút cả thân tâm đều xa lánh.

----o0o------

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI HAI: CÚ NGHĨA

(Kinh Đại Bát-nhã ghi: Phẩm Thí Dụ)

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là cú nghĩa Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ-tát. Vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nghĩa xứ, cũng vô ngã, vì thế không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Thí như chim bay giữa hư không không có dấu chân, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như việc thấy ở trong mộng không có nơi chốn, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như huyễn không có nghĩa thật, như sóng nắng, như tiếng vang, như bóng, như Phật biến hóa (kinh Đại Bát-nhã ghi : Phật sắc, thọ, tưởng, hành, thức; Phật sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... ND), không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như sắc người huyễn không có thật nghĩa; thọ, tưởng, hành, thức người huyễn không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát thật không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như con mắt người huyễn không có thật nghĩa, cho đến ý không có thật nghĩa.

Tu-bồ-đề! Như sắc người không có thật nghĩa cho đến pháp không có nghĩa; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như người huyễn khi tu hành nội không không có thật nghĩa, cho đến tu hành vô pháp hữu pháp không không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như người huyễn tu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung không có thật nghĩa. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như sắc của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì sắc ấy không có. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như thọ, tưởng, hành, thức của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì thức ấy không có. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như mắt Phật không có nôi chốn, cho đến ý không có nôi chốn; sắc cho đến pháp không có nôi chốn; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như Phật nội không không có nôi chốn, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như Bốn niệm xứ của Phật không có nơi chốn, cho đến Mười tám pháp không chung không có nôi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như trong hữu vi tánh không có nghĩa vô vi tánh, trong vô vi tánh không có nghĩa hữu vi tánh. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như nghĩa bất sinh bất diệt không có nơi chốn. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng nhô, chẳng sạch nên không có nơi chốn. Cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Pháp gì chẳng sinh chẳng diệt nên không có nôi chốn? Pháp gì chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng nhô, chẳng sạch nên không có nơi chốn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Sắc chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng nhơ, chẳng sạch cũng như vậy.

Mười hai nhập, mười tám giới chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn, cho đến chẳng nhơ, chẳng sạch cũng như vậy.

Bốn niệm xứ chẳng sinh chẳng diệt nên không có nôi chốn, cho đến chẳng nhô chẳng sạch cũng như vậy; Mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng diệt nên không có nôi có chốn, cho đến chẳng nhô chẳng sạch cũng như vậy. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như tịnh nghĩa Bốn niệm xứ rốt ráo không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như tịnh nghĩa Bốn Chánh cần cho đến Mười tám pháp không chung rốt ráo không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như trong tướng tịnh tướng, ngã không thể có được, vì tướng ngã không có; cho đến trong tướng tịnh, tướng kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì tướng biết thấy không có. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như khi mặt trời xuất hiện, không có bóng tối; Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như lúc kiếp tận lửa đốt, không còn việc gì. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Trong tịnh giới của Phật không có phá giới. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như trong định của Phật không có tâm tán loạn, trong tuệ của Phật không có tâm ngu si, trong giải thốt của Phật không có không giải thốt, trong giải thốt tri kiến của Phật không có không giải thốt tri kiến. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thí như trong ánh sáng Phật, ánh sáng mặt trời mặt trăng không hiện, trong ánh sáng Phật ánh sáng của trời Tứ thiên vương, trời ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu xuất đà, trời Hóa lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm chúng cho đến trời A-ca-nị-tra không hiện. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, cú nghĩa Bồ-tát không có cũng như vậy. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát, nghĩa Bồ-tát, đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc không hình, không đối ngại, nghĩa là nhất tướng vô tướng.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với tướng vô ngại của hết thảy pháp cần nên học, nên biết.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây Phật với Tu-bồ-đề, dùng đủ thứ nhân duyên phá danh tự Bồ-tát, sao nay còn hỏi cú nghĩa Bồ-tát?

Đáp: Tu-bồ-đề phá danh tự Bồ-tát, Phật không phá; nói danh tự Bồ-tát từ trước lại đây rốt ráo không, chỉ từ trong số năm uẩn giả danh là Bồ-tát. Song chúng sinh cho giả danh là thật, nên Phật nói giả danh không thật, chỉ từ các pháp số hòa hợp làm tên gọi.

Lại nữa, Phật pháp vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề nhân danh tự Bồ-tát không mà nói tướng Bát-nhã Ba-la-mật, nay muốn nghe Phật giảng tự nghĩa Bồ-tát, nhân đó mà nói Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, nhân duyên nên hỏi có vô lượng vô biên, nghĩa là âm thanh của Phật có sáu mươi thứ trang nghiêm, có thể khiến cho chư thiên chuyên nghe huống gì người. Chỉ có âm thanh đủ khiến người ưa nghe huống gì nói đến nghĩa lợi ích lớn!

Tu-bồ-đề theo Phật nghe việc ấy, đối với người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên khiến họ phát tâm; người đã phát tâm mà chưa thực hành sáu Ba-la-mật, thì khiến họ thực hành; người thực hành mà không thanh tịnh thì khiến họ thanh tịnh; người thực hành thanh tịnh thì khiến trú địa vị bất thối; thành tựu chúng sinh, đầy đủ Phật pháp, cho đến được một đời bổ xứ.

Do vô lượng nhân duyên lợi ích như vậy, nên Phật dùng Tu-bồ-đề làm vấn chủ, để nói với chúng sinh ở tại pháp hội trong mười phương thế giới. Phật bảo Tu-bồ-đề: Vô nghĩa là cú nghĩa Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nôi chốn, cũng không ngã không tên, ở trong đó không nơi nương tựa, tức là pháp không, không ngã danh, không người đắc đạo. Phật khai thị cho Tu-bồ-đề: Nếu ông biết không ta, không của ta, thì chứng A-la-hán. Bồ-tát cũng như vậy, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ta, không của ta, giống như chim bay giữa hư không, không có dấu chân. Nghĩa Bồ-tát cũng như vậy, đi

giữa các pháp hư không, không nôi nương tựa trú trước, vì lẽ ấy, nói không có cú nghĩa Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát cú? Theo ngữ pháp của Thiên Trúc (Ấn Độ), các chữ hợp lại thành lời, các lời hợp lại thành cú. Như "Bồ" là một chữ, "Đề" là một chữ, hai chữ ấy không hợp lại thời không có lời, nếu hợp lại gọi là "Bồ-đề", (Trung Hoa dịch là trí tuệ vô thượng). "Tát-đỏa" hoặc gọi là chúng sinh, hoặc gọi là đại tâm; vì trí tuệ vô thượng mà phát đại tâm, gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Nguyện muốn làm cho chúng sinh thành đạo Vô thượng, ấy gọi là Bồ-đề Tát-đỏa.

Lại nữa, trong phẩm này Phật và đệ tử dùng các nhân duyên nói nghĩa Bồ-tát ma-ha-tát. Bồ-đề một lời, Tát-đỏa một lời, hai lời hợp lại nên gọi là nghĩa. Nếu muốn danh tự, ngữ cú, thời đều đồng một việc, không nôi chốn. Nay Tu-bồ-đề hỏi do pháp có tướng nhất định gì gọi là cú nghĩa Bồ-tát. Thiên Trúc nói "Ba-đà", có nghĩa là "Cú". Cú ấy có các nghĩa, như trong thí dụ ở sau sẽ nói.

Hỏi: Chỉ cần lấy việc chim bay giữa hư không thì cũng đủ chỉ rõ cú nghĩa, cớ sao phải nói rộng nhiều thứ?

Đáp: Chúng sinh nghe lãnh thọ, có nhiều hạng không đồng, có người ưa nghĩa, có người ưa thí dụ. Thí dụ có thể làm cho hiểu nghĩa, nhân ví dụ mà sinh tâm ưa thích, như người sinh ra đoan chánh, lại thêm trang sức, càng làm cho rực rỡ. Trong thí dụ này phần nhiều lấy nghĩa để ví dụ nghĩa, như sau đây nói: Như mộng, như bóng, như tiếng vang, như sóng nắng, như việc Phật hóa ra, các việc ấy hư dối, như trước nói. Nghĩa Bồ-tát cũng như vậy, chỉ có thể tai nghe tiếng, hư dối không thật, vì thế, Bồ-tát không nên tự cao. Các câu như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế v.v..., không có nghĩa nhất định, như người huyễn, không có năm uẩn cho đến các Phật pháp, như năm pháp uẩn của Phật (Phật do năm pháp uẩn là giới, định, tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến hợp thành – ND) cho đến hết thảy pháp; như trong pháp hữu vi không có pháp vô vi, như trong pháp vô vi không có pháp hữu vi. Pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, còn trong các pháp, không có tướng chẳng sinh chẳng diệt, cũng không có dị tướng; như Ba mươi bảy đạo phẩm không có tướng thanh tịnh, vì có người đắm Ba mươi bảy phẩm pháp ấy, tức là kiết sử; như ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được tướng thanh tịnh.

Hỏi: Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy làm sao tịnh?

Đáp: Mỗi mỗi tìm kiếm tướng ngã không thể có được, ấy gọi là ngã tịnh. Còn trong đệ nhất nghĩa không tịnh, không bất tịnh, thí như rửa thây chó chết thối, cho đến da lông, máu thịt, xương tủy đều hết, lúc ấy chẳng

phải chó, chẳng phải heo, không được nói nó tịnh, không được nói nó bất tịnh. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy cũng như vậy. Lấy trí tuệ vô ngã, không, mà tìm kiếm tướng ngã không thể có được, lúc ấy chẳng phải hữu ngã, chẳng phải vô ngã. Như khi mặt trời xuất hiện không có bóng tối, lúc kiếp tận không có mọi vật; như giới uẩn trong năm pháp uẩn của Phật, việc phá giới không thể có được, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngọc thật chư thiên, quỉ thần, rồng chúa v.v... đối với ánh sáng của Phật thì không hiện được, vì ánh sáng của Phật từ lực đại phước đức thần thông phát sinh. Cú nghĩa Bồ-tát cũng như vậy, vào trong ánh sáng trí tuệ Bát-nhã Ba-la-mật, thì không hiện.

Nhân các thí dụ ấy dạy các Bồ-tát hãy siêng học hết thảy pháp, không thủ tướng, vì không sở đắc vậy.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là hết thảy pháp? Tại sao trong hết thảy pháp không có tướng ngăn ngại, nên học, nên biết?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thảy pháp là pháp lành, pháp ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp chung, pháp chẳng chung. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là hết thảy pháp. Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thảy pháp không có tướng ngăn ngại ấy, nên học, nên biết.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là pháp lành thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp lành thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, kính thờ tôn trưởng, bố thí chỗ có phước, phước nghiệp bố thí, phước nghiệp trì giới, phước nghiệp tu định, phước nghiệp khuyến đạo, phương tiện sinh phước đức, mười thiện nghiệp đạo thế gian, quán chín tướng là tướng phình trướng, tướng máu chảy, tướng hư hoại, tướng mục nát, tướng bầm xanh, tướng bị trùng ăn, tướng tan rã, tướng xương trắng, tướng đốt cháy; bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm điều lành; niệm hôi thở, niệm thân, niệm chết; đó gọi là pháp lành thế gian.

Những gì là pháp chẳng lành? Cướp mạng kẻ khác, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói phi thời, tham dục, não hại, tà kiến, mười bất thiện đạo; ấy gọi là pháp chẳng lành.

Thế nào là pháp hữu ký? Hoặc pháp lành hoặc pháp chẳng lành; ấy là pháp hữu ký.

Những gì là pháp vô ký? Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vô

ký, bốn đại vô ký; Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới vô ký, quả báo vô ký; ấy gọi là pháp vô ký.

Những gì là pháp thế gian? Pháp thế gian là Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười thiện đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian? Bốn niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác phần, Tám Thánh đạo, cửa không giải thốt, cửa Vô tướng giải thốt, cửa Vô tác giải thốt, ba Căn vô lậu là căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết; ba Tam-muội là Tam-muội có giác có quán, Tam-muội không giác có quán, Tam-muội không giác không quán, hoặc minh, giải thốt, niệm, tuệ, chánh ức, tám bội xả. Những gì là tám? Đó là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả đầu; trong không sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả hai; tịnh bội xả thân tác chứng, là bội xả ba; vượt qua hết thảy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không niệm hết thảy dị tướng, vào vô biên hư không xứ, là bội xả bốn; vượt qua hết thảy vô biên hư không xứ, vào nhất thiết vô biên thức xứ, là bội xả năm; vượt qua hết thảy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; vượt qua hết thảy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, là bội xả bảy; vượt qua hết thảy phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vào diệt thọ tưởng định, là bội xả tám.

Định chín thứ lớp là lìa dục lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc, vào Sô thiền; diệt các giác quán bên trong thanh tịnh nên nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào Nhị thiền; lìa hỷ nên hành xả, thọ thân vui, thánh nhân nói được xả được, niệm hành lạc, vào Tam thiền; dứt hỷ lạc, trước hết diệt ưu khổ, hành xả không khổ không vui, niệm thanh tịnh, vào Tứ thiền; vượt qua hết thảy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thảy dị tướng, vào vô biên hư không xứ; vượt qua hết thảy vô biên hư không xứ, vào hết thảy vô biên thức xứ; vượt qua hết thảy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ; vượt qua hết thảy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; vượt qua hết thảy phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vào diệt thọ tưởng định.

Lại có pháp xuất thế gian là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Mười lực, Bốn không sợ, Bốn vô ngại, Mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí của Phật, ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Những gì là pháp hữu lậu? Đó là năm thọ uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, sáu chủng, sáu xúc, sáu thọ, bốn thiền cho đến bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp hữu lậu.

Những gì là pháp vô lậu? Đó là Bốn niệm xứ cho đến Mười tám

pháp không chung và Nhất thiết trí, ấy gọi là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi? Đó là hoặc pháp sinh, trụ, diệt, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, năm uẩn cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh ra, Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, và Nhất thiết trí; ấy gọi là pháp hữu vi.

Những gì là pháp vô vi? Đó là pháp chẳng sinh, chẳng trú, chẳng diệt, hoặc nhiễm hết, sân hết, si hết, như như, bất dị, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Những gì là pháp chung? Đó là Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc; như vậy gọi là pháp chung.

Những gì gọi là pháp không chung? Đó là Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung; ấy là pháp không chung.

Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp tự tướng không ấy, không nên chấp trước, không lay động; Bồ-tát cũng nên biết hết thảy pháp không hai tướng, không lay động; ấy gọi là nghĩa Bồ-tát.

LUẬN: Hỏi: Cớ sao Tu-bồ-đề trước hỏi pháp lành thế gian, sau hỏi pháp xuất thế gian?

Đáp: Trước hỏi thô, sau hỏi tế. Trước biết tướng thế gian, sau mới có thể biết tướng xuất thế gian.

Pháp lành thế gian là biết có quả báo tội phước, có đời nay đời sau, có thế gian, có Niết-bàn. Có các thánh hiền, Phật v.v... đời nay đời sau, và chứng thật tướng các pháp; hiếu thuận cha mẹ cho đến mười niệm và đúng như pháp có được tài vật cúng dường cung cấp Sa-môn, Bà-la-môn. Sa-môn là người xuất gia cầu đạo. Bà-la-môn là người học vấn tại gia.

Hai hạng người này ở thế gian làm được việc khó làm, lợi ích chúng sinh, đáng nên cúng dường.

Tôn trưởng là đối với chú bác, chị, anh, cung kính cúng dường, đó là cách tu ở nhà. Bố thí, trì giới, tu định, khuyến đạo, như ở phẩm đầu đã nói.

Phương tiện sinh phúc đức như là sám hối, tùy hỷ, thỉnh Phật trụ lâu ở đời không Niết-bàn, Chuyển pháp luân, như tuy tu hành Không, không chấp trước Không, trở lại tu hành các pháp lành. Do các phương tiện như vậy sinh các phước đức.

Mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc, như trước đã nói. Trong mười niệm, tám việc như trước đã nói.

Niệm điều lành là tư duy nhân duyên nghiệp lành, chế phục tâm mình. Lại nữa, Niết-bàn là pháp chân thiện, thường buộc tâm niệm tưởng Niết-bàn, ấy là niệm thiện.

Thân niệm tức là thân niệm xứ. Trái với pháp lành gọi là pháp bất thiện.

Pháp vô ký là tâm oai nghi, tâm công xảo, tâm biến hóa và là khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp; trừ năm uẩn thiện và bất thiện, ngoài ra năm uẩn khác và hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi v.v...

Pháp thế gian là năm uẩn hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký; mười hai nhập, tám vô ký có bốn mươi ba loại, mười tám giới, tám vô ký có mười ba loại. Mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là pháp lành, người phàm phu có thể thành được.

Lại, tự không thể ra khỏi thế gian nên gọi là pháp thế gian.

Pháp xuất thế gian là Ba mươi bảy đạo phẩm, Ba môn giải thốt,

Ba căn vô lậu, Ba Tam-muội, như trước nói.

Minh là ba minh, giải thốt là hữu vi giải thốt, vô vi giải thốt.

Niệm là mười niệm.

Tuệ là mười trí tuệ.

Chánh ức là quán theo thật tướng các pháp, như quán theo thân pháp, gốc của hết thảy pháp lành.

Lại nữa, Tám bội xả, Chín định thứ lớp, Mười tám không, Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp không chung, như đã nói rộng ở trước.

Bốn niệm xứ v.v... ấy, nhất tâm vì đạo vậy.

Lại, Tám bội xả, Chín định thứ lớp v.v... phàm phu không thể chứng được, nên gọi nó là pháp xuất thế gian.

Niệm, tuệ, chánh ức tuy có có hai thứ là thế gian và xuất thế gian, trong đây chỉ nói về xuất thế gian.

Pháp hữu lậu là Năm uẩn, Bốn thiền, Bốn định vô sắc.

Pháp vô lậu là pháp chẳng phải thế gian, đó là Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung.

Pháp hữu vi lược nói có ba tướng là sinh, trụ, diệt, ràng buộc ba cõi và Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung. Tuy là pháp vô vi, song vì pháp có tạo tác, ấy là pháp hữu vi. Trái với tướng hữu vi gọi là pháp vô vi.

Lại nữa, diệt các phiền não ba độc v.v... năm uẩn không còn thứ lớp nối nhau; như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Hỏi: Sắc như như, sắc không lìa như như, như như không lìa sắc, sắc là hữu vi, làm sao như như là vô vi được?

Đáp: Sắc có hai thứ: 1. Sắc do mắt thịt kẻ phàm phu ức tưởng phân biệt. 2. Sắc thật tướng do tâm thánh nhân biết được, như Niết-bàn. Sắc

của phàm phu biết gọi là sắc, sắc ấy vào trong như như lại chẳng sinh chẳng diệt. Như pháp hữu vi tuy là năm uẩn mà có các danh tự là mười hai nhập, mười tám giới, nhân duyên v.v... Pháp vô vi tuy có ba thứ cũng phân biệt nhiều danh tự là như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v...

Pháp chung là chỗ sinh, chỗ vào của phàm phu và thánh nhân, vì chung nên gọi là pháp chung.

Pháp chẳng chung là Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung. Bồ-tát phân biệt biết mỗi mỗi tướng của các pháp, pháp ấy theo nhân duyên hòa hợp sinh, nên không có tự tánh, vì không có tự tánh nên tánh không. Bồ-tát trú trong pháp vô chướng ngại ấy không lay động, vì dùng pháp môn bất nhị nhập mà vào hết thảy pháp không lay động vậy.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 45

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI BA: MA-HA-TÁT

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Ma-ha-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát đối với chúng tất định làm thượng thủ, nên gọi là Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Những gì là chúng tất định mà Bồ-tát làm thượng thủ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chúng tất định là Tánh địa nhân, Bát nhân, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa vị bất thối. Tu-bồ-đề! Ấy là chúng tất định mà Bồ-tát làm thượng thủ. Bồ-tát ma-ha-tát đối với chúng ấy sinh tâm lớn, không thể hoại như Kim cang sẽ làm thượng thủ cho chúng tất định.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm lớn không thể hoại như Kim cang?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát nên sinh tâm như vầy: Ta sẽ ở trong sinh tử phát thệ nguyện rộng lớn trang nghiêm; ta phải nên bỏ hết thảy sở hữu; ta phải nên giữ tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh; ta phải nên lấy ba thừa độ thốt hết thảy chúng sinh, khiến vào Vô-dư Niết-bàn; ta độ hết thảy chúng sinh rồi, mà không thấy có cho đến chỉ một người vào Niết-bàn; ta phải nên hiểu tướng chẳng sinh của hết thảy các pháp; ta phải nên lấy tâm thuần Tát-bà-nhã tu hành sáu Ba-la-mật; ta phải nên học trí tuệ, liễu đạt hết thảy pháp; ta phải nên liễu đạt môn nhất tướng trí của các pháp; ta phải nên liễu đạt cho đến môn vô lượng tướng trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm lớn, không thể phá hoại như Kim cang. Bồ-tát ma-ha-tát ở tâm ấy mà làm thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Tu bồ đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nên sinh tâm như vầy: Ta sẽ thay hết thảy chúng sinh mười phương, hoặc chúng sinh địa ngục, hoặc chúng sinh súc sinh, hoặc chúng sinh ngạ quỉ mà chịu thống khổ; vì mỗi mỗi

chúng sinh trải trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp thay thế chịu khổ địa ngục cho đến khi chúng sinh ấy vào Vô-dư Niết-bàn. Do pháp ấy, vì chúng sinh mà chịu mọi cần khổ. Chúng sinh ấy vào Vô-dư Niết-bàn rồi vậy sau tự trồng căn lành, trải qua vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát tâm lớn không thể hoại như Kim cang, trú trong tâm ấy vì chúng tất định làm thượng thủ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm khối thích lớn, trú trong tâm khối thích ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tâm khối thích lớn của Bồ-tát ma-ha-tát?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sinh tâm ô nhiễm, tâm sân nhuế, tâm ngu si, tâm não hại, tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật, ấy gọi là tâm khối thích lớn của Bồ-tát ma-ha-tát; trú trong tâm ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ, cũng không nghĩ có tâm ấy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm bất động.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Sao gọi là tâm bất động?

Phật dạy: Thường niệm tâm trí nhất thiết chủng, cũng không nghĩ rằng có tâm ấy, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát bất động.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, đối với hết thảy chúng sinh, nên sinh tâm lợi ích an vui. Sao gọi là tâm lợi ích an vui? Là cứu vớt hết thảy chúng sinh, không bỏ hết thảy chúng sinh, làm việc ấy cũng không nghĩ có tâm ấy. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát sinh tâm lợi ích an vui đối với hết thảy chúng sinh.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, làm bậc thượng thủ tối thắng giữa chúng tất định.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên tu hành tâm muốn pháp, mừng pháp, vui pháp. Thế nào là pháp? Đó là không phá thật tướng các tướng các pháp, ấy gọi là pháp.

Thế nào gọi là muốn pháp, mừng pháp? Là tin pháp, nhẫn chịu pháp, lãnh thọ pháp; ấy gọi là muốn pháp, mừng pháp.

Thế nào là vui pháp? Là thường tu hành pháp ấy, ấy gọi là vui pháp.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, có thể làm bậc thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-

mật, trú ở nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú ở Bốn niệm xứ cho đến trú ở Mười tám pháp không chung, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú ở trong Tam-muội như Kim cang, cho đến trú ở trong Tam-muội lìa đắm hư không không nhiễm, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trú ở trong các pháp ấy, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma-ha-tát.

LUẬN: Tu-bồ-đề đã theo Phật nghe nghĩa Bồ-tát, nay hỏi nghĩa Ma-ha-tát.

"Ma-ha", là "lớn"; "Tát-đỏa" là "tâm" hoặc "chúng sinh". Chúng sinh này tối thượng đệ nhất giữa các chúng sinh thế gian, nên gọi là lớn. Lại, lấy tâm lớn biết hết thảy pháp, muốn độ hết thảy chúng sinh, ấy gọi là lớn.

Lại nữa, Bồ-tát nên gọi là Ma-ha-tát, Ma-ha-tát nên gọi là Bồ-tát, vì phát tâm cầu đạo Vô thượng vậy.

Lại nữa, như đã nói rộng trong phẩm Tán thán nghĩa Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nghĩa Ma-ha-tát.

Chúng sinh có ba phần:

1. Chánh định, chắc chắn vào Niết-bàn.

2. Tà định, chắc chắn vào ác đạo.

3. Bất định. Rất lớn ở giữa chúng sinh chánh định, nên gọi là Ma-ha-tát.

Đại chúng là chỉ hết thảy thánh hiền, trừ Phật.

Tánh địa nhân là sinh trong tánh Thánh nhân, nên gọi là tánh, như tiểu nhi sinh trong nhà sang quí, tuy nhỏ chưa có thể làm gì, sau chắc chắn hy vọng thành việc lớn. Địa vị này kể từ noãn pháp cho đến thế đệ nhất pháp.

Bát nhân địa là tu hành trong mười lăm tâm thuộc kiến đế đạo.

Hỏi: Trong mười lăm tâm ấy cớ sao gọi là bát nhân?

Đáp: Trong tư duy đạo dùng trí nhiều, trong kiến đế đạo dùng kiến và nhẫn nhiều, trí đi theo nhẫn. Vì cớ sao? Vì công nhẫn lớn.

Lại nữa, nhẫn và trí, hai việc ấy có thể đoạn, có thể chứng. Trú ở

trong tám nhẫn nên gọi là bát nhẫn.

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, như trước đã nói.

Bồ-tát sơ phát tâm là, có người nói: Người mới phát tâm, được vô sinh pháp nhẫn, theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phát tâm, ấy gọi là mới phát tâm, là chân phát tâm. Rõ biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng của tâm, phá các phiền não, theo tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không điên đảo; tâm ấy gọi là sơ phát tâm.

Có người nói: Người phàm phu tuy trú ở các kiết sử, nghe nói công đức Phật, phát tâm đại bi, thương xót chúng sinh, nguyện ta sẽ thành Phật. Tâm ấy tuy ở trong phiền não, vì tâm tôn quí, được trời người cung kính, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương khi mới thụ thai đã hơn các đứa con khác, trời quỉ, thần đều tôn quí. Tâm Bồ-tát cũng như vậy, tuy ở trong kiết sử, đã hơn chư thiên, thánh nhân, có thần thông.

Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có người được thọ ký vào pháp vị, được vô sinh pháp nhẫn, gọi là bất thối chuyển. Tướng bất thối chuyển, sau sẽ nói rộng.

Đối với đại chúng như vậy sẽ làm bậc thượng thủ, nên gọi là Ma-ha-tát. Bồ-tát ấy muốn làm chủ hết thảy Thánh nhân, nên phát tâm lớn, chịu hết thảy khổ, tâm kiên cố như Kim cang bất động.

Tâm Kim cang là không bị hết thảy kiết sử phiền não làm lay động, thí như núi Kim cang không bị gió làm lay động. Các chúng sinh ác, người ma đi đến, không làm theo ý nó, không tin thọ lời nó; bị sân mắng, hủy báng, đánh đập, giam trói, chặt đâm, cắt chẻ, tâm không đổi khác. Có người đến xin đầu mắt, tủy não, tay chân, da thịt, gân, xương, đều có thể cho hết. Người xin không biết chán còn sân giận mắng nhiếc, bấy giờ tâm Bồ-tát nhẫn chịu không động, thí như núi Kim cang kiên cố, người đến đục khoét hủy hoại, trùng thú cắn xé, không một chút tổn giảm; ấy gọi là tâm Kim cang.

Lại nữa, Phật tự nói tướng của tâm Kim cang, là Bồ-tát nên nghĩ rằng: Ta không phải một tháng, một năm, một đời, hai đời, cho đến ngàn vạn kiếp mà thề lớn trang nghiêm, ta phải nên trải qua vô lượng, vô số, vô biên đời sống chết làm lợi ích độ thốt chúng sinh. Hai là ta nên bỏ hết thảy vật quí trọng trong ngoài. Ba là tâm bình đẳng không thương ghét đối với chúng sinh. Bốn là ta sẽ lấy ba thừa mà tùy căn cô độ thốt hết thảy chúng sinh. Năm là độ chúng sinh như vậy rồi, mà thật không độ

ai, không có công ấy, trong tâm ấy cũng không hối hận không chìm đắm. Sáu là ta sẽ nên biết tướng các pháp là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng nhơ chẳng sạch. Bảy là ta sẽ nên lấy tâm thanh tịnh vô nhiễm tu hành sáu Ba-la-mật, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng. Tám là ta sẽ nên khéo biết hết thảy việc của thế gian làm và việc nên biết của xuất thế gian, thông đạt rõ ràng hết thảy. Chín là ta sẽ nên hiểu rõ môn nhất tướng trí của các pháp, đó là hết thảy các pháp rốt ráo không, quán hết thảy pháp như tướng Vô-dư Niết-bàn, lìa các ức tưởng phân biệt. Mười là ta sẽ nên biết các pháp hai tướng ba môn (bản Đại tạng Tích sa và Đại Chánh đều ghi ba tướng) cho đến vô lượng tướng môn, thông đạt rõ ràng.

Hai tướng là hết thảy pháp có hai thứ là hoặc có, hoặc không, hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc làm hoặc không làm, hoặc sắc hoặc vô sắc v.v...

Ba môn là hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, từ ba trở lên đều gọi là nhiều. Hoặc có, hoặc không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không; hoặc trên hoặc giữa, hoặc dưới; hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; ba cõi; ba pháp thiện, bất thiện, vô ký; ba môn, bốn môn, năm môn, như vậy vô lượng pháp môn, đều thông suốt vô ngại, trong đó tâm không hối, không khiếp, không nghi, tín thọ thông đạt vô ngại, thường tu không dứt, diệt các phiền não, quả báo nó và các việc chướng ngại, đều làm cho bại hoại; như Kim cang có thể xô các núi. Trú trong tâm Kim cang ấy, sẽ làm bậc thượng thủ của đại chúng, vì bất khả đắc không.

Bất khả đắc không là nếu Bồ-tát sinh đại tâm như Kim cang như vậy mà sinh lòng kiêu mạn thôi tội nặng hôn phàm phu. Vì vậy nói dùng vô sở đắc, các pháp không có định tướng, như huyễn như hóa.

Lại nữa, tâm như Kim cang là có những chúng sinh bị đọa vào ba đường ác, ta sẽ thay thế chịu siêng khổ, vì mỗi mỗi chúng sinh chịu thế khổ địa ngục cho đến khi chúng sinh ấy từ địa ngục ra khỏi, nhóm các căn lành, đến khi chứng Vô-dư Niết-bàn rồi. Lại cứu hết thảy chúng sinh, triển chuyển như vậy độ hết thảy chúng sinh, sau mới tự mình nhóm các công đức, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, mới thành Phật, trong ấy tâm không hối không thu hẹp lại. Thay thế chúng sinh chịu siêng khổ như vậy, tự tạo các công đức, ở lâu trong sinh tử, tâm không hối không chìm đắm, như đất Kim cang giữ gìn ba ngàn đại thiên thế giới, khiến không lay động, tâm ấy bền chắc nên gọi là như Kim cang.

Tâm khối thích lớn là tuy có tâm bền chắc, chưa phải khối thích lớn; như ngựa tuy có sức lớn mà chưa có khối thích lớn. Đối với chúng sinh được hai tâm bình đẳng nên không sinh dục nhiễm, nếu có thiên

ái thì là giặc; phá tâm chấp ngã v.v... là gốc của Phật đạo. Thường thực hành tâm từ-bi nên không có sân giận, thường quán các pháp nhân duyên hòa hợp sinh không có tự tánh, nên không ngu si; ái niệm chúng sinh quá hơn con đỏ nên không có tâm não hại; không bỏ chúng sinh, quí Phật đạo, nên không sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Nếu tâm kiên cố như Kim cang tức là bất động, sao nay còn nói tâm bất động?

Đáp: Hoặc có khi tuy kiên cố mà tâm còn có tăng giảm, như cây tuy kiên cố mà còn có thể lay động. Động có hai:

1. Ngoại duyên làm động, như trước nói.

2. Nội duyên làm động, như tà kiến, nghi v.v...

Nếu thường nhớ nghĩ Phật đạo và hết thảy trí tuệ, rằng ta sẽ được quả báo ấy, nên tâm không động.

Lại nữa, Bồ-tát nên dùng các nhân duyên làm lợi ích chúng sinh, từ việc uống ăn cho đến Phật kỹ nhạc làm lợi chúng sinh, thường không bỏ chúng sinh, muốn khiến cho lìa khổ, ấy gọi là tâm an lạc và cũng không nghĩ có tâm ấy.

Lại nữa, Bồ-tát vui pháp, gọi là thượng thủ. Pháp là không phá hoại các pháp tướng. Không phá các tướng là không có pháp có thể chấp trước, không có pháp có thể lãnh thọ, nghĩa là bất khả đắc. Tánh bất khả đắc không ấy chính là Niết-bàn; thường tin thọ nhẫn chịu pháp ấy, gọi là dục pháp; thường tu hành ba môn giải thốt gọi là vui pháp.

Lại nữa, Bồ-tát an trú trong mười tám không, vì không rơi vào mười tám ý hành, nên không khởi tội nghiệp. Trú Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, diệt các phiền não, nhóm các thiện pháp, có thể làm thượng thủ.

Lại nữa, Bồ-tát vào tâm Kim cang Tam-muội v.v... hưởng thọ khối lạc, chán cái vui thế gian, tăng trưởng thiện căn và trí tuệ phương tiện nên làm thượng thủ giữa chúng hội đại thánh. Nếu đối với người lớn mà làm thượng thủ được, thì huống gì đối với người nhỏ! Thế nên gọi là Ma-ha-tát.

---------o0o-------

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI BỐN: ĐOẠN KIẾN

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con muốn nói vì sao gọi là Ma-ha-tát.

Phật dạy: Ông hãy nói đi!

Xá-lợi-phất thưa: Chấp ngã, chấp chúng sinh, chấp thọ, chấp mạng, chấp sinh, chấp dưỡng dục, chấp chúng sổ, chấp người, chấp làm, chấp khiến làm, chấp khởi lên, chấp khiến khởi lên, chấp thọ, chấp khiến thọ, chấp có kẻ biết, chấp có kẻ thấy, chấp đoạn, chấp thường, chấp có, chấp không, chấp năm ấm, chấp mười hai nhập, chấp mười tám giới, chấp Bốn đế, chấp Mười hai nhân duyên, chấp bốn niệm xứ cho đến chấp Mười tám pháp không chung, chấp Phật đạo, chấp thành tựu chúng sinh, chấp tịnh quốc độ Phật, chấp Phật, chấp chuyển pháp luân, dứt các kiến chấp như vậy mà thuyết pháp, ấy gọi là Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất rằng: Vì nhân duyên gì nên chấp sắc gọi là kiến chấp? Vì nhân duyên gì nên chấp thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp chuyển Pháp luân gọi là kiến chấp?

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không có phương tiện thiện xảo nên đối với sắc sinh ra kiến chấp, vì cho là có sở đắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến chuyển Pháp luân sinh ra kiến chấp, vì cho là có sở đắc. Ở đây, Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, lấy sức phương tiện thiện xảo, dứt các lưới kiến chấp mà thuyết pháp, vì không sở đắc.

LUẬN: Hỏi: Phật dẫn năm trăm đại A-la-hán đến ao rồng A-na-bà-đạt-đa thọ sự dục lạc xa lìa, nói về nhân duyên nghiệp trước của tự thân và đệ tử mà Xá-lợi-phất không có ở đó. Phật bảo Mục-liên đi gọi đến. Khi ấy Mục-liên dùng sức thần thông đi đến Kỳ hoàn gặp Xá-lợi-phất đang may y. Xá-lợi-phất nói với Mục-liên đợi chút, chờ may y xong sẽ đến. Mục-liên thúc dục đi mau. Bấy giờ Mục-liên lấy tay xoa y, y liền hoàn thành. Xá-lợi-phất thấy Mục-liên quí thần thông ấy, liền lấy dải áo ném xuống đất và nói rằng: Ông hãy nhấc dải áo ấy lên. Mục-liên lấy hai tay nhấc dải lên, nhưng không làm sao nhấc lìa khỏi đất, liền vào định sâu xa để nhấc lên, quả đất bị rung động mạnh, dãi áo vẫn dính sát đất. Lúc ấy, Kiều-trần-như hỏi Phật: Vì nhân duyên gì mà quả đất rung động mạnh?

Phật dạy: Vì Mục-liên vào định sâu xa, dùng sức thần thông lớn nhấc dải áo của Xá-lợi-phất lên mà không được.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Thiền định của Xá-lợi-phất vào hoặc ra, cho đến Mục-liên còn không biết rõ tên; thiền định của Phật vào và ra, cho đến Xá-lợi-phất còn không biết rõ tên.

Hỏi: Như vậy, trí tuệ Xá-lợi-phất còn cách xa Phật, cớ sao nói con cũng vui nói?

Đáp: Xá-lợi-phất chẳng phải muốn phô bầy trí tuệ của mình trước

đại chúng, cao tâm cố nói. Xá-lợi-phất chỉ là người theo Phật chuyển pháp luân, rộng làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa chữ Ma-ha-tát ích lợi rất lớn, thế nên Phật dạy xong, Xá-lợi-phất tiếp nói theo.

Lại nữa, nhiều người tin ưa Xá-lợi-phất nói. Vì cớ sao? Vì nhân duyên đời trước nghe Xá-lợi-phất nói, nhiều người phát tâm Bồ-tát. Phật do các nhân duyên vì tâm đại từ-bi, tâm tôi, ta và căn bản tập khí đã nhổ sạch, pháp ái đã dứt, nên cho phép Xá-lợi-phất nói.

Xá-lợi-phất nói: Chấp ngã, chấp kẻ biết, kẻ thấy, chấp Phật, chấp Bồ-tát, chấp chúng sinh và các tà kiến chấp hữu, vô, đoạn, thường, năm uẩn cho đến các kiến chấp về chư Phật chuyển pháp luân. Bồ-tát ấy dứt được ba thứ kiến chấp ấy nên sẽ thuyết pháp giữa đại chúng. Ba thứ kiến chấp này, từ vô thỉ lại, đã thấm sâu vào xương tủy. Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Phật dạy năm uẩn cho đến các Phật pháp là chỗ hành của Bồ-tát, cớ sao vì dứt các kiến chấp nên thuyết pháp? Nghĩ như vậy rồi liền hỏi Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đáp: Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán sắc tìm định tướng, thủ lấy sắc định tướng nên sinh ra chấp kiến sắc; trái với đây, gọi là có phương tiện thiện xảo. Bồ-tát này tuy quán sắc, không sinh vọng kiến mà dứt được các tà kiến.

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao gọi là Ma-ha-tát!

Phật dạy: Ông hãy nói đi!

Tu-bồ-đề nói: Bạch đức Thế Tôn! Tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng ấy không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật. Vì cớ sao? Vì tâm Nhất thiết trí là vô lậu, chẳng ràng buộc; đối với tâm vô lậu, chẳng ràng buộc cũng không chấp trước; vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Thế nào là tâm vô đẳng đẳng của Bồ-tát ma-ha-tát không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật?

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm đến nay không thấy pháp có sinh có diệt, có thêm có bớt, có nhơ có sạch. Xá-lợi-phất! Nếu pháp không sinh không diệt, cho đến không nhơ không sạch, trong đó không có tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có tâm Phật thì nầy Xá-lợi-phất, ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng của Bồ-tát ma-ha-tát, không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như Tu-bồ-đề nói, tâm Nhất thiết trí, tâm vô lậu, tâm không ràng buộc, không dính mắc. Tu-bồ-đề! Sắc cũng

không dính mắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng không dính mắc; Bốn niệm xứ cũng không dính mắc, cho đến Mười tám pháp không chung cũng không dính mắc, cớ sao chỉ nói tâm ấy không dính mắc?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Sắc cũng không dính mắc, cho đến Mười tám pháp không chung cũng không dính mắc.

Xá-lợi-phất nói với Tu bồ đề: Tâm người phàm phu cũng vô lậu không ràng buộc, vì tánh không; tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, tâm chư Phật cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, Xá-lợi-phất!

Xá-lợi-phất nói: Tu-bồ-đề! Nếu vậy thì sắc cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng vô lậu, chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy!

Xá-lợi-phất nói: Bốn niệm xứ cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không, cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng rằng buộc, vì tánh không.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy! Như điều Xá-lợi-phất nói, tâm người phàm phu cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến Mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như chỗ Tu-bồ-đề nói không, vì không có tâm nên không chấp trước tâm ấy. Tu-bồ-đề! Vì sắc không có nên không chấp trước sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nên không chấp trước thọ; vì Bốn niệm xứ không có nên không chấp trước bốn niệm xứ, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên không chấp trước Mười tám pháp không chung.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy, Xá-lợi-phất! Vì sắc không có nên đối với sắc không chấp trước, cho đến vì Mười tám pháp không chung không có nên đối với Mười tám pháp không chung không chấp trước. Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, vì hết thảy pháp vô sở đắc, vì thế nên gọi là Ma-ha-tát.

LUẬN: Tu-bồ-đề nói tâm vô đẳng đẳng của Ma-ha-tát, đối với tâm ấy cũng không chấp trước. Không chấp trước là, Bồ-tát từ khi phát tâm lại đây không thấy có pháp, có tướng nhất định hoặc sinh hoặc diệt, hoặc

thêm hoặc bớt, hoặc nhô hoặc sạch. Tâm ấy rốt ráo không, trong đó không có tâm tướng phi tâm tướng, vì các tướng rốt ráo thanh tịnh, vì thế nên không có tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật, tâm Bồ-tát, tâm Phật. Tu-bồ-đề xưng tán, quí trọng tâm như vậy của Bồ tát cũng tốt, Bồ-tát không chấp trước tâm ấy cũng là tôn quí. Xá-lợi-phất muốn hỏi Tu-bồ-đề nên nói rằng: Chẳng phải chỉ có tâm Nhất thiết trí là vô lậu chẳng rằng buộc, Bồ-tát không nên tự cao. Vì cớ sao? Vì tâm người phàm phu cũng vô lậu chẳng rằng buộc, vì tánh thường không. Như tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, tâm Phật vô lậu, chẳng rằng buộc, thật tướng của tâm người phàm phu tánh không. Thật tướng tánh không, thanh tịnh không dính mắc, như trước nói: Mây tối che mặt trời mặt trăng, chứ không thể ô uế mặt trời mặt trăng. Lại, thật tướng của các phiền não với tâm tướng thường tánh không không khác nhau, chỉ ở nôi địa vị phàm phu thì là nhơ là sạch, còn ở nôi địa vị Thánh, vì tu trí tuệ vô tướng, không có phân biệt, chỉ vì thương xót chúng sinh nên tuy còn có nói năng mà tâm không chấp trước. Chẳng phải riêng tâm phàm phu là vô lậu chẳng ràng buộc, mà năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói: Phải!

Xá-lợi-phất lại nói: Tâm ấy không có tâm, vì tâm tướng không, nên không chấp trước. Nôi sắc, sắc tướng không có nên cũng không chấp trước, cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy! Vì thế nên Bồ-tát có thể quán các pháp tánh thường không, bất khả đắc không rốt ráo thanh tịnh, vì vậy nên nói tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, có thể mau đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

--------o0o-------

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI LĂM: PHÚ-LÂU-NA

KINH: Bấy giờ Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử (Mãn Từ tử) bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói lý do gọi là Ma-ha-tát.

Phật dạy: Ông hãy nói đi!

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử nói: Bồ-tát đại trang nghiêm là Bồ-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, Bồ-tát ấy cưỡi xe lớn (Đại thừa) nên Bồ-tát ấy gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất nói với Phú-lâu-na: Thế nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại

trang nghiêm?

Phú-lâu-na nói với Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm không phân biệt vì bấy nhiêu người nên trú Thí Ba-la-mật, thực hành Thí Ba-la-mật, mà vì hết thảy chúng sinh nên trú Thí Ba-la-mật, thực hành Thí Ba-la-mật; không vì bấy nhiêu người nên trú Giới Ba-la-mật, thực hành Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, mà vì hết thảy chúng sinh nên trú Bát-nhã Ba-la-mật, thực hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm không giới hạn số chúng sinh rằng Ta sẽ độ ngần ấy người chứ không độ nhiều hơn nữa; không nói rằng Ta chỉ làm cho ngần ấy người đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn các người khác không đến. Bồ-tát ma-ha-tát ấy khắp vì hết thảy chúng sinh nên đại trang nghiêm. Lại nghĩ rằng: Ta sẽ tự đầy đủ Thí Ba-la-mật, cũng làm cho hết thảy chúng sinh tu hành Thí Ba-la-mật; tự đầy đủ Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, tự đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, cũng làm cho chúng sinh tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Thí Ba-la-mật, có bố thí gì tâm đều tương ưng với Trí nhất thiết chủng, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, có Thí Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật thì nầy Xá-lợi-phất, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, có Giới Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng mà tin, nhẫn, muốn đối với pháp bố thí ấy thì ấy gọi là khi tu Thí Ba-la-mật, có Nhẫn Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ thì ấy gọi là khi tu Thí Ba-la-mật có Tinh tấn Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, không khởi lên tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật; ấy gọi là khi tu Thí Ba-la-mật có Thiền Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thí Ba-la-mật, bố thí

với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, quán các pháp như huyễn, không có người thí, không có vật thí, không có người thọ thì ấy gọi là khi tu Thí Ba-la-mật có Bát-nhã Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không thủ đắc các tướng Ba-la-mật thì nên biết ấy là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật có Thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật có tâm tin, nhẫn, muốn đối với giới pháp ấy thì gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật có Nhẫn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật, siêng tu không nghỉ thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật có Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật, không thọ nhận tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật thì ấy gọi là Bố tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật có Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật, quán hết thảy pháp như huyễn, cũng không nghĩ có giới ấy, vì dùng vô sở đắc thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật có Bát-nhã Ba-la-mật.

Như vậy Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Giới Ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác, vì vậy nên gọi là đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật có Thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật, không thọ nhận tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ thọ nhận tâm Trí nhất thiết chủng thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật có Giới Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, không ngừng không nghỉ thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật có Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật,

nhiếp tâm ở một chỗ, tuy gặp việc khổ, tâm không tán loạn thì ấy gọi là Bồ tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật có Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp không, không có người làm, không có người thọ, không có người trách mắng, cắt xẻ, tâm như huyễn như mộng thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật có Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Nhẫn Ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tấn Ba-la-mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không để cho thân tâm biếng nhác thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tấn Ba-la-mật có Thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, trước sau đầy đủ trì giới thanh tịnh thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật có Giới Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật, tu hành nhẫn nhục với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật có Nhẫn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, lìa dục, vào các thiền định thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật có Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không chấp thủ tướng hết thảy các pháp, đối với không chấp thủ tướng cũng không chấp trước thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật có Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Tinh tấn Ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, định tâm bố thí, không để tâm loạn thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật có Thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, trì giới với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, do định lực nên việc phá giới không thể xen vào thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật có Giới Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, tâm

tương ưng với Trí nhất thiết chủng, do định từ-bi nên nhẫn các não hại thì ấy gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật có Nhẫn Ba-la-mật. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, tâm tương ưng với trí nhất thiết chủng, đối với thiền không hứng thú, không nhiễm trước, thường cầu tăng tiến từ một thiền đến một thiền thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật có Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không nương dựa hết thảy pháp, cũng không theo thiền sinh thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật có Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Thiền Ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí vật sở hữu trong ngoài, không chút luyến tiếc, không thấy người cho, người nhận và vật thí thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật có Thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy hai việc giữ giới phá giới thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật có Giới Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy người trách, người mắng, người đánh, người giết, cũng không thấy dùng cái không ấy mà nhẫn nhục được thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật có Nhẫn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp rốt ráo không, lấy tâm đại bi, tu các thiện pháp thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật có Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vào các thiền định, quán các tướng lìa, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác của các thiền thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật có Thiền Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, thu nhiếp các Ba-la-mật khác.

Xá-lợi-phất! Như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Bồ-tát Đại trang nghiêm ấy, mười phương chư Phật hoan hỷ, xưng danh tán thán ở giữa đại chúng rằng, ở thế giới ấy có Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm ấy, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ.

LUẬN: Phú-lâu-na nghe hai đại đệ tử trên nói nghĩa Ma-ha-tát, được Phật hứa khả nói lành thay. Và Phú-lâu-na được Phật ở giữa đại chúng tán thán là vị pháp sư trên hết, lại muốn nói nghĩa Ma-ha-tát nên bạch Phật rằng: Con cũng muốn nói, Phật liền cho phép nói.

Hỏi: Tu-bồ-đề là vị chủ nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì Xá-lợi-phất nên hỏi Tu-bồ-đề, cớ sao nay hỏi Phú-lâu-na?

Đáp: Hai người ấy đồng là Bà-la-môn, chỉ lấy tên mẹ làm tên, hai người ấy đều là bậc lớn ở trong Phật pháp. Xá-lợi-phất lớn trong hàng trí tuệ. Phú-lâu-na thuyết pháp nhiều cách trang nghiêm, dắt dẫn chúng hữu tình, bậc lớn trong hàng thuyết pháp, cho nên hai người ấy ngang nhau, ngang nhau nên cùng nhau nghị luận ở trước Phật.

Lại, Phú-lâu-na trước đã cùng Xá-lợi-phất luận nghị, khéo đáp lại nhau. Như trong kinh Thí dụ bảy xe nói, họ đã cùng làm người thân hậu, lại ưa cùng luận lý, còn Tu-bồ-đề không có nhân duyên như vậy.

Lại, Phú-lâu-na nói nghĩa Ma-ha-tát, cho nên nên hỏi, chứ cớ sao lại hỏi Tu-bồ-đề!

Nghĩa Ma-ha-tát được nói đó là ngươi đại trang nghiêm, như người đi xa, có nhiều tư lương, lại như phá giặc nên chuẩn bị khí giới. Bồ-tát ấy cũng như vậy, muốn phá giặc phiền não ma quân, nên tu hành sáu Ba-la-mật để tự trang nghiêm. Người này trải vô lượng kiếp ở lâu trong sinh tử, nhóm các phước đức trí tuệ để làm tư lương; trong ba thừa, vì xu hướng Đại thừa nên phát tâm tu sáu Ba-la-mật, cưỡi xe lớn.

Xá-lợi-phất hỏi Phú-lâu-na: Thanh-văn, Bích-chi Phật cũng xu hướng đạo, sao không gọi là đại trang nghiêm, mà chỉ nói Bồ-tát đại trang nghiêm?

Phú-lâu-na đáp rằng: Thanh-văn, Bích-chi Phật tuy thực hành sáu việc bố thí v.v... nhưng có hạn lượng, vì tự độ mình và độ những chúng sinh đáng được độ; vì thế không gọi là đại trang nghiêm. Bồ-tát độ không phân biệt, không giới hạn vì ngần ấy chúng sinh mà tu bố thí cho đến trí tuệ. Không nghĩ rằng: Ta độ ngần ấy người được tam thừa, không thể độ ngần ấy người, khiến ngần ấy người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn ngần ấy người không thể độ. Bồ-tát thực hành đại trang nghiêm khiến hết thảy chúng sinh đều vào Đại thừa làm Phật. Bồ-tát thực hành đại trang nghiêm, tự thực hành Thí Ba-la-mật cũng khiến chúng sinh thật thành Thí Ba-la-mật, cho đến thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng như vậy.

Hỏi: Sao gọi là đại trang nghiêm?

Đáp: Vì độ chúng sinh, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên

thực hành các công đức phước thiện, lược nói là thực hành sáu Ba-la-mật, như Phú-lâu-na thứ lớp nói.

Nếu Bồ-tát vì hết thảy trí tuệ nên thực hành Thí Ba-la-mật, phước đức ấy chung cho hết thảy chúng sinh.

Chung nghĩa là phước đức bố thí ta và chúng sinh chung hưởng, ta lấy đó hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hồi hướng là với công đức ấy không cầu làm vua người, vua trời, cái vui thiền định thế gian, chỉ vì chúng sinh nên cho đến cái vui Niết-bàn cũng không cầu. Đem quả báo ấy, vì độ chúng sinh nên cầu Phật pháp. Các tướng như vậy gọi là Thí Ba-la-mật đại trang nghiêm.

Bồ-tát ấy khi thực hành bố thí, nếu thấy các Bích-chi Phật, A-la-hán hiện đại thần thông, được sạch lậu hoặc, vào Niết-bàn, cũng không tham trước việc ấy, chỉ nhất tâm tu Phật đạo thì ấy gọi là Thí Ba-la-mật phát sinh Giới Ba-la-mật. Lúc bố thí, nếu có người ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hủy hại, cưỡng xin những cái không đáng xin, tâm không sân không hối, vào trong thật tướng các pháp là rốt ráo không thì ấy gọi là Thí Ba-la-mật phát sinh Nhẫn Ba-la-mật.

Lúc thực hành bố thí, hòa hợp tài vật, thủ hộ để bố thí cho kẻ kia, thân tâm không biếng nhác không ngừng nghỉ thì ấy gọi là Thí Ba-la-mật phát sinh Tinh tấn Ba-la-mật.

Lúc bố thí, nhất tâm niệm Phật, niệm Phật pháp, không để tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật xen vào; nhân bố thí ấy liền vào thiền định thì ấy gọi là Thí Ba-la-mật phát sinh Thiền Ba-la-mật.

Lúc bố thí, Bồ-tát nghĩ rằng người thí, người nhận, tài vật do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên không, như huyễn, như mộng. Vì chúng sinh không nên không có người nhận, không có người thí; vì pháp không nên không có tài vật; ấy gọi là Thí Ba-la-mật phát sinh Bát-nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát vì Nhất thiết trí nên không chấp thủ các tướng Ba-la-mật, mà có thể thực hành các Ba-la-mật thì ấy gọi là Bồ-tát đại trang nghiêm. Trong ấy một Ba-la-mật sinh đủ các Ba-la-mật, trong kinh này tự phân biệt nghĩa ấy. Xưa nay nói khác, nghĩa chẳng rốt ráo, nên giúp phân biệt nói, mở cửa luận nghĩa. Năm Ba-la-mật kia, cũng nên tùy nghĩa để nói như vậy.

Hỏi: Sao chỉ nói trong Thí Ba-la-mật phát sinh sáu Ba-la-mật, còn trong năm Ba-la-mật kia chỉ nói phát sinh năm?

Đáp: Nếu năm Ba-la-mật sau, mỗi mỗi đều phát sinh sáu Ba-la-mật, cũng không có lỗi. Sáu Ba-la-mật chẳng phải là pháp tu trong một

lúc, trong một niệm mà trong vô lượng kiếp nhóm hợp sáu thứ công đức gọi là sáu Ba-la-mật. Trước phát sinh nhỏ, sau phát sinh vừa, lớn, có lỗi gì! Hết thảy các pháp đều lúc đầu nhỏ sau lớn, vì vậy các Ba-la-mật khác mỗi mỗi có thể phát sinh sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, lúc hết thảy chư Phật thuyết pháp đều dạy Thí Ba-la-mật là cửa ban đầu, như trong Kinh nói, Phật thường bắt đầu dạy cho chúng sinh bố thí, trì giới, sinh cõi trời, nói mùi vị năm dục, trước nói sự khổ não thế gian, lợi ích của đạo đức, sau mới nói Bốn đế, vì thế nên đầu tiên nói bố thí.

Hỏi: Sao Phật nói bố thí là cửa ban đầu?

Đáp: Cách thu nhiếp chúng sinh không có gì hơn bố thí. Lớn nhỏ, sang hèn cho đến súc sinh, bố thí thu nhiếp được cả, cho đến người oan gia được thí cho liền trở thành người không oán không thân, người không oán không thân được thí cho thời trở thành người thân thiện. Chư Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình đầy đủ các công đức, sở nguyện được như ý, đều do bố thí mà được. Như Bồ-tát Bảo Chưởng v.v... bảy báu từ trong tay xuất ra, đem cấp thí cho chúng sinh, lại làm cho chúng sinh hoan hỷ nhu nhuyến, có thể chứng được Niết-bàn. Có các nghĩa như vậy nên bố thí đứng đầu.

Hỏi: Cớ sao Phú-lâu-na nói trong một Ba-la-mật phát sinh các Ba-la-mật làm đại trang nghiêm?

Đáp: Mỗi Ba-la-mật ấy riêng nhau thì hành lực yếu kém; như lính chưa tập luyện thì không đủ sức đánh giặc, nếu đại quân cùng họp trang nghiêm, cầm binh khí thì đủ sức phá giặc. Bồ-tát cũng như vậy, sáu Ba-la-mật trang nghiêm một lúc thì có thể phá các giặc phiền não ma quân, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên nói trong một Ba-la-mật có đủ các Ba-la-mật.

Mười phương chư Phật xưng danh tán thán, thành tựu chúng sinh, tịnh Phật quốc độ, như trước nói.

KINH: Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử rằng: Vì sao Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa?

Phú-lâu-na nói với Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, lìa các dục, lìa các pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào Sô thiền, cho đến vào đệ Tứ thiền, lấy tâm từ rộng lớn, thực hành tâm không hai, không lượng, không oán, không hận, không não hại rãi khắp một phương, hai, ba, bốn phương, bốn góc, trên dưới; rãi khắp tất cả thế gian; tâm bi, hỷ xả cũng như vậy. Bồ-tát ấy lúc vào thiền lúc ra thiền, các thiền, vô lượng tâm và cành ngọn, cùng

tất cả chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu Thiền Ba-la-mật phát tâm thú hướng Đại thừa.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy trú ở thiền tâm vô lượng, khởi niệm rằng: Ta sẽ được Trí nhất thiết chủng, sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền Ba-la-mật có Thí Ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tu Sơ thiền, trú Sô thiền, nhị Tam, Tứ thiền cũng như vậy, không thọ nhận các tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền Ba-la-mật có Giới Ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiền, nghĩ rằng: Ta sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh có các tâm muốn, vui, nhẫn ấy thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền Ba-la-mật có Nhẫn Ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiền, nhóm các thiện căn, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền Ba-la-mật có Tinh tấn Ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn thiền và cành ngọn, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng với hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Thiền Ba-la-mật có Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát thực hành từ tâm, nghĩ rằng: Ta sẽ đem an lạc cho tất cả chúng sinh; vào bi tâm ta sẽ cứu vớt tất cả chúng sinh; vào hỷ tâm ta sẽ độ tất cả chúng sinh; vào xả tâm ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh sạch hết lậu hoặc thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm có Thí Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát tu các thiền vô lượng tâm ấy, không hướng đến địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm có Giới Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu Bốn vô lượng tâm, không tham địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, chỉ nhẫn, vui, muốn Trí nhất thiết chủng thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm, có Nhẫn Ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tương ưng với Trí nhất

thiết chủng, tu Bốn vô lượng tâm, hành hạnh thanh tịnh thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu bốn vô lượng tâm có Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi vào thiền, vào vô lượng tâm cũng chẳng tùy theo thiền vô lượng tâm phát sinh thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát khi tu vô lượng tâm có phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, hết thảy cách tu Bốn niệm xứ, cho đến hết thảy cách tu Tám Thánh đạo phần, hết thảy cách tu Ba môn giải thốt, cho đến Mười tám pháp không chung thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát có trí tuệ đối với nội không vì vô sở đắc, cho đến có trí tuệ đối với vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thảy pháp, trí tuệ không loạn không định thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng đại thừa, trí tuệ phi thường, phi vô thường, trí tuệ phi lạc, phi khổ, phi thật, phi không, phi ngã, phi vô ngã thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Trí Bồ-tát ma-ha-tát không đi trong đời quá khứ, không đi trong đời vị lai, không đi trong đời hiện tại, cũng chẳng phải không biết ba đời thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, trí không đi trong cõi Dục, không đi trong cõi Sắc, không đi trong cõi Vô sắc, cũng chẳng phải không biết cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, vì vô sở đắc thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong pháp thế gian, không đi trong pháp xuất thế gian, không đi trong pháp hữu vi, không đi trong pháp vô vi, không đi trong pháp hữu lậu, không đi trong pháp vô lậu, cũng chẳng phải không biết pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, hữu lậu, vô lậu, vì vô sở đắc.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

LUẬN: Hỏi: Sáu Ba-la-mật, nếu nói nghịch thì nên nói Bát-nhã Ba-

la-mật trước, rồi tiếp nói thiền... nếu nói thuận thì nên nói Thí Ba-la-mật trước, sao nay nói Thiền Ba-la-mật trước?

Đáp: Phát sinh đại trang nghiêm không có chúng sinh nào phá hoại được. Nếu nói Bồ-tát không có thiền định, tâm chưa lìa dục, thì tuy có tu hành các Ba-la-mật khác, nhưng dễ bị hoại. Tu Thiền Ba-la-mật, có thể vào tâm Từ vô lượng, bấy giờ không bị phá; như nói người tu Từ Tam-muội, dao không làm tổn thương, nước lửa không làm hại, cũng có sức thần thông, biến hóa các thứ, có thể phát sinh đại trang nghiêm; như Phật dạy, chim không có hai cánh, không thể bay liệng. Bồ-tát không có lực thần thông, không thể phát sinh đại trang nghiêm. Vào trong Thiền Ba-la-mật, có thể làm phát sinh tâm Từ vô lượng. Vì có năm thần thông nên ngoại vật không làm tổn thương được; vì vậy nên nói Thiền Ba-la-mật trước hết.

Hỏi: Trong Bốn thiền có các thứ công đức, đều có thể hành sáu Ba-la-mật, sao nay chỉ nói trong Bốn tâm vô lượng hành sáu Ba-la-mật?

Đáp: Bốn tâm vô lượng, thủ tướng chúng sinh, duyên chúng sinh, Bồ-tát thường vì chúng sinh nên hành đạo, trong Bốn tâm vô lượng ấy có tâm Từ-bi, có thể làm lợi ích chúng sinh; còn Tam bội xả, định chín thứ lớp v.v... không có lợi ích như vậy.

Hỏi: Bồ-tát trú ở năm thần thông có thể rộng làm lợi ích chúng sinh, cớ sao không nói?

Đáp: Đại bi là căn bản của Bồ-tát. Lại. năm thần thông trước đã nói, sau sẽ nói Bốn tâm vô lượng, vì đã nói nên nay không nói, nếu Bồ-tát chỉ hành Bốn tâm vô lượng, thì không gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Vì có sáu Ba-la-mật hòa hợp nên gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Bốn tâm vô lượng phát sinh sáu Ba-la-mật, trong đây Phú-lâu-na tự nói nhân duyên ấy.

Hỏi: Làm thế nào tu hết thảy Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung?

Đáp: Có hai thứ là tín hành tánh và pháp hành tánh. Tín hành tánh thì quán vô thường, khổ; hoặc chỉ quán vô thường, hoặc chỉ quán khổ. Pháp hành tánh thì quán không, vô ngã, hoặc chỉ quán không, hoặc chỉ quán vô ngã. Bồ-tát vì độ chúng sinh nên hết thảy pháp môn đều tu đều học..

Lại nữa, người phát tâm Đại thừa lấy Mười tám không phá mười tám thứ pháp, cũng bỏ luôn trí tuệ về mười tám thứ không ấy.

Lại nữa, Bồ-tát quán các pháp thường định, cũng không chấp thủ định tướng, ấy gọi là trí tuệ không định không loạn.

Lại nữa, vì sợ đọa vào điên đảo chấp thường chấp lạc, nên không quán các pháp thường, lạc, vì sợ đọa vào điên đảo chấp đoạn diệt nên không quán vô thường.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trí tuệ đối với ba cõi, ba đời không quán, không hành, không thủ tướng, biết nó đều hư vọng thì không rơi vào vô minh.

Lại nữa, đối với thế gian, xuất thế gian cũng chẳng phải trí. Chẳng phải trí là vì không, không có định tướng, rốt ráo thanh tịnh. Chẳng phải bất trí là vì quán vô thường, khổ, không v.v... Vào Bát-nhã Ba-la-mật không, chẳng phải không hành trí. Không hành là vì ngăn kiến, phá pháp ái, lìa nương tựa. Không phi trí là vì không ngu si, khác với phàm phu. Lại, hành là giữ giới, tu thiền định, tập các pháp quán. Sao gọi là phi trí? Như trong kinh Phật Lợi Chúng Sinh nói:

Hành giả bỏ các pháp.
Cũng không nương tựa tuệ,
Cũng không phân biệt gì,
Ấy là trí quyết định

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 46

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI SÁU: THỪA THỪA (CƯỠI XE)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Phú-lâu-na: Sao gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn (Đại thừa)?

Phú-lâu-na đáp Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật cưỡi Thí Ba-la-mật, cũng chẳng có được Thí Ba-la-mật, cũng chẳng có được Bồ-tát, cũng chẳng có được người thọ nhận vì dùng vô sở đắc (làm phương tiện – ND) thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi Thí Ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật cưỡi Giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, cưỡi Bát-nhã Ba-la-mật, cũng chẳng có được Bát-nhã Ba-la-mật, cũng chẳng có được Bồ-tát, vì dùng vô sở đắc thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn là, nhất tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu Bốn niệm xứ, vì pháp hoại (pháp bất khả đắc – ND), cho đến nhất tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu mười Tám pháp không chung, vì pháp hoại ấy cũng không thể có được. Xá-lợi-phất! Như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: Bồ-tát chỉ có danh tự, vì chúng sinh không thể có được thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nghĩ rằng: "Sắc chỉ có danh tự, vì sắc không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh tự, vì... thức không thể có được. Mắt chỉ có danh tự, vì mắt không thể có được; cho đến ý cũng như vậy. Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, vì bốn niệm xứ không thể có được; cho đến Tám Thánh đạo phần chỉ có danh tự, vì Tám Thánh đạo phần không thể có được. Nội không chỉ có danh tự, vì nội không không thể có được; cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự, vì vô pháp hữu pháp không không thể có được; cho đến Mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, vì Mười tám pháp không chung

không thể có được. Các pháp như như chỉ có danh tự, vì như như không thể có được. Pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chỉ có danh tự, vì thật tế không thể có được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật chỉ có danh tự, vì Phật không thể có được," thì nầy Xá-lợi-phất, như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm đến nay đầy đủ Bồ-tát thần thông, thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán các đức Phật, theo các đức Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp, gọi là Bồ-tát cưỡi xe lớn. Bồ-tát cưỡi xe lớn, từ một nước Phật đến một nước Phật thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, ban đầu không có tưởng Phật độ, cũng không có tưởng chúng sinh, người này trụ trong pháp bất nhị, vì chúng sinh thọ thân, tùy chỗ ứng hợp của chúng sinh mà tự biến hiện thân để giáo hóa họ; cho đến khi được Trí nhất thiết, không bao giờ lìa xe Bồ-tát (Bồ-tát thừa). Bồ-tát ấy được Trí nhất thiết chủng rồi, chuyển pháp luân mà hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật, trời, rồng, quỉ, thần, A-tu-la, nhân dân thế gian không thể chuyển được. Bấy giờ, chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương đều hoan hỷ xưng danh tán thán rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ-tát ma-ha-tát ấy cưỡi xe lớn, được Trí nhất thiết chủng, Chuyển Pháp luân.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát cưỡi xe lớn.

LUẬN: Phú-lâu-na lấy ba việc thuyết minh nghĩa Ma-ha-tát: Trên kia đã nói hai việc, nay hỏi việc thứ ba là việc cưỡi xe lớn (thừa đại thừa).

Phú-lâu-na đáp: Có người nói, Bồ-tát chỉ bố thí tài vật trong ngoài, mà không phá được tướng ta, tôi, thì gọi là đại trang nghiêm. Nếu phá được tướng ta, tôi, nhập vào chúng sinh không, chưa nhập vào pháp không thì gọi là đại trang nghiêm. Nhân chúng sinh không mà vào pháp không, tu hành Thí Ba-la-mật, không thấy ba việc là người cho, người nhận, và tài vật, được như vậy gọi là cưỡi xe lớn; các Ba-la-mật khác cũng như vậy. Bồ-tát ấy dùng tâm không tạp loạn, lìa các phiền não và tâm nhị thừa, vì Trí nhất thiết chủng mà tu Bốn niệm xứ, tu cũng không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; ấy gọi là cưỡi xe lớn; cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Lại nữa, nếu Bồ-tát biết hết thảy pháp chỉ là giả danh tự, hết thảy thế gian hoặc xuất thế gian đều là giả danh, ấy gọi là cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Bồ-tát phát tâm đại trang nghiêm, đầy đủ thần thông của Bồ-tát. Vì đầy đủ thần thông của Bồ-tát nên thành tựu chúng sinh, từ

một nước Phật đến một nước Phật. Các nước trải qua, mưa hoa sen bảy báu, cúng dường chư Phật, đưa chúng sinh ra khỏi ba đường ác, biến ra vô số thân, mỗi mỗi đến trước chư Phật, nghe lãnh pháp hóa Đại thừa. Từ trước chư Phật thú hướng tướng Đại thừa, cưỡi xe lớn ấy, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ, không sinh tướng chúng sinh, không sinh tướng Phật độ, trú trong địa vị bất nhị nhập, tùy các chúng sinh đáng được độ thì hóa độ họ. Vì chúng sinh nên thọ thân, thường cưỡi xe lớn, chưa bao giờ ngừng nghỉ, ấy là Bồ-tát cưỡi xe lớn, được thành Phật, Chuyển Pháp luân mà hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật không thể chuyển được, huống gì các kẻ phàm phu nhỏ nhoi. Chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương tán thán Bồ-tát ấy rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ-tát ấy cưỡi xe lớn, thành tựu chúng sinh, chuyển Pháp luân. Tướng trạng như vậy gọi là cưỡi xe lớn.

Lại nữa, xe lớn là sáu Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, Bồ-tát ma-ha-tát khi cưỡi xe lớn, lấy năm thần thông để tự trang nghiêm. Bồ-tát trú trong xe ấy trong một lúc biến ra vô số thân, đi đến mười phương thế giới cúng dường các đức Phật, độ thốt chúng sinh, ấy là Bồ-tát thường không lìa chư Phật, cho đến được thành Phật đạo, thường cưỡi xe lớn này.

---------o0o---------

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI BẢY: TRANG NGHIÊM

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Mặc áo giáp Đại thừa), thế nào là đại trang nghiêm? Thế nào là Bồ-tát có thể đại trang nghiêm?

Phật dạy Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát đại thừa đại trang nghiêm là Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật trang nghiêm; Bốn niệm xứ trang nghiêm cho đến Tám Thánh đạo phần; nội không trang nghiêm cho đến vô pháp hữu pháp không; Mười lực cho đến Mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng trang nghiêm. Biến thân như Phật trang nghiêm, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng chiếu khắp thế giới như hằng hà sa số ở phương Đông, phương Tây, Nam, Bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Ba ngàn đại thiên thế giới sáu cách rung động, cũng rung động cả thế giới như hằng hà sa số ở phương Đông, Phương Tây, Nam, Bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy.

Bồ-tát ma-ha-tát ấy trú Thí Ba-la-mật đại thừa trang nghiêm, là ba ngàn đại thiên thế giới biến thành lưu ly, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, tùy sự ưa muốn của chúng sinh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y phục, đồ nằm, hương hoa, anh lạc, hương bột, hương ướp, phòng xá, đèn đuốc, thuốc thang các thứ cần dùng, đều cấp cho đủ, cho rồi thuyết pháp là nên nói sáu Ba-la-mật. Chúng sinh nghe pháp ấy, không bao giờ lìa sáu Ba-la-mật, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại thừa đại trang nghiêm.

Tu-bồ-đề! Thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng ở trước mặt, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có chúng sinh, có cấp cho chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ các thứ, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết, tuy có bố thí mà thật không cho gì. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Vì tướng các pháp như huyễn vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Giới Ba-la-mật, hiện sinh vào nhà Chuyển luân Thánh vương, lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh, lại lấy Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, giáo hóa chúng sinh. Người mới nghe được pháp ấy cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa pháp ấy, thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, lấy Mười thiện đạo giáo hóa bảo làm; lại lấy Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung giáo hóa bảo làm.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có chúng sinh giáo hóa bảo làm Mười thiện đạo, cho đến Mười tám pháp không chung chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy. Lấy Mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh bảo làm, cho đến Mười tám pháp không chung mà thật không có chúng sinh làm Mười thiện đạo, cho đến Mười tám pháp không chung. Vì cớ sao? Vì các pháp như huyễn vậy.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật,

giáo hóa chúng sinh nhẫn nhục.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Nhẫn Ba-la-mật giáo hóa chúng sinh trú trong Nhẫn Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm lại đây, đại trang nghiêm như vầy: Nếu hết thảy chúng sinh đến mắng nhiếc, đao gậy làm tổn hại, Bồ-tát ma-ha-tát không khởi một niệm đối với việc ấy, cũng dạy hết thảy chúng sinh làm hạnh nhẫn nhục như vậy, thí như thầy huyễn thuật, hoặc học trò huyễn thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, khiến tu nhẫn nhục, ngoài ra như trên đã nói.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Tinh tấn Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Tinh tấn Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Tinh tấn Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Tinh tấn Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, giáo hóa chúng sinh, thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu thân tâm tinh tấn, ngoài ra như trên đã nói. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú Thiền Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Thiền Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thiền Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Thiền Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong các pháp, không thấy pháp hoặc loạn hoặc định. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Thiền Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Thiền Ba-la-mật, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa Thiền Ba-la-mật; thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Thiền Ba-la-mật, ngoài ra như trên đã nói.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, không có pháp được bờ kia, bờ này, như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, dạy hết thảy chúng sinh khiến tu Bát-nhã Ba-la-mật, thí như

thầy huyễn thuật, hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm là ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ ứng hợp, tự biến thân trú trong Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, cũng dạy chúng sinh khiến tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Chúng sinh ấy tu pháp ấy cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Tu-bồ-đề! Thí như thầy huyễn thuật, hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba-la-mật, ngoài ra như trên đã nói.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không sinh niệm rằng: Ta dạy ngần ấy người trú trong Thí Ba-la-mật, không dạy ngần ấy người trú trong Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy; không sinh niệm rằng: Ta dạy ngần ấy người trú trong Bốn niệm xứ, không dạy ngần ấy người trú trong Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung cũng vậy; cũng không sinh niệm rằng: Ta dạy ngần ấy người khiến được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Trí nhất thiết chủng, không dạy ngần ấy người khiến được quả Tu-đà-hoàn, cho đến Trí nhất thiết chủng. Ta sẽ khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh trú trong Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, dựng lập chúng sinh nơi bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng; thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba-la-mật, cho đến chứng được Trí nhất thiết chủng. Ngoài ra như trên đã nói.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm.

LUẬN: Ở trên Phú-lâu-na nói đại trang nghiêm và tướng phát đại thệ trang nghiêm, nay Tu-bồ-đề khởi niệm rằng: Phú-lâu-na chưa được trí nhất thiết, tuy nói Đại trang nghiêm nhưng hoặc có sai lầm, nên hỏi Phật để thủ lấy quyết định. Phật vì Tu-bồ-đề nói Thí Ba-la-mật đại trang nghiêm, cho đến Trí nhất thiết là quả báo của thiện pháp nên được sức thần thông lớn của Bồ-tát; vì hạng chúng sinh mến đạo xuất gia nên hóa làm thân Phật, phóng ánh sáng lớn, chiếu mười phương thế giới, rung động đại địa, khiến chúng sinh phát tâm tu thiện pháp,

tùy căn cơ thích hợp mà thuyết pháp cho, khiến được ba thừa, vì chúng sinh tại gia ham vui, làm Chuyển luân Thánh vương, biến ba ngàn đại thiên thế giới thành lưu ly, vì không chướng ngại, cưỡi xe bảy báu, thân phóng hào quang, mưa các bảo vật, tùy chúng sinh cần dùng, đều khiến cho đầy đủ, vậy sau nói pháp Bồ-tát. Bồ-tát trú trong đại thừa, lấy hai sự bố thí làm lợi ích chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí, chúng sinh nghe rồi tu Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Bồ-tát tuy trú trong biến hóa ấy nhưng cũng không sinh chấp trước tướng đối với các pháp, cũng không tự cao. Tu-bồ-đề khởi niệm rằng: Bồ-tát hành được đại sự như vậy nhưng chưa sạch hết các lậu hoặc, làm sao không đắm trước các pháp, cũng không sinh tâm tự cao được? Trong đây Phật tự nói thí dụ, thí như thầy huyễn thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm các thứ vật, tùy chỗ người cần đều có thể cho hết. "Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có cho chăng? Có người thọ nhận, có người cần dùng chăng?" Tu-bồ-đề thưa: "Đó chỉ là hư dối, thật không có gì." Phật dạy: "Bồ-tát cũng như vậy, tuy hiện làm thân Phật, thân Chuyển luân Thánh vương, lấy của và pháp thí cho chúng sinh, cũng như thầy huyễn thuật thật không có cho gì. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo không, như huyễn. Năm Ba-la-mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt."

Lại nữa, do nhân duyên Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, nên làm Chuyển luân Thánh vương giàu sang trong loài người, do các Ba-la-mật khác hoặc làm Phạm vương, hoặc làm pháp thân Bồ-tát.

Hỏi: Ngoài Sáu Ba-la-mật còn có pháp gì có thể trang nghiêm không?

Đáp: Các công đức đều thu nhiếp trong Sáu Ba-la-mật. Có người nói còn có trí Ba-la-mật và phương tiện Ba-la-mật v.v... ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ đáng độ, bày các nhân duyên thuyết pháp khiến chúng sinh trú trong Sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, quyết định thệ nguyện gọi là đại trang nghiêm, nghĩa là Bồ-tát không khởi niệm rằng: Ta độ ngần ấy người khiến trú trong Thí Ba-la-mật, mà không thể độ người khác. Cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy, cũng không khởi niệm rằng: Ta khiến ngần ấy người được quả Tu-đà-hoàn mà không thể khiến ngần ấy người được quả Tu-đà-hoàn; cho đến thành Phật đạo cũng như vậy. Ta sẽ khiến hết vô lượng vô số chúng sinh trú trong các công đức, Thí Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, như thầy huyễn thuật, như trước đã nói; ấy gọi

là phát thệ nguyện đại trang nghiêm.

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như ý nghĩa mà con theo Phật nghe được thì Bồ-tát ma-ha-tát không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì các pháp tự tướng không, nghĩa là sắc, tướng sắc không; thọ, tưởng, hành, thức... tướng thức không; mắt, tướng mắt không cho đến ý, tướng ý không; sắc, tướng sắc không, cho đến pháp, tướng pháp không; nhãn thức, tướng nhãn thức không cho đến ý thức, tướng ý thức không; nhãn xúc, tướng nhãn xúc không cho đến ý xúc, tướng ý xúc không; thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh, tướng thọ không, cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh, tướng thọ không.

Bạch đức Thế Tôn! Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật không. Nội không, tướng nội không không; cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không không; Bốn niệm xứ, tướng Bốn niệm xứ không, cho đến Mười tám pháp không chung, tướng Mười tám pháp không chung không; Bồ-tát, tướng Bồ-tát không. Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Tu-bồ-đề! Trí nhất thiết chủng, chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ-tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ-tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì người làm không thể có được, nên Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác sinh khởi. Các chúng sinh ấy cũng chẳng phải tạo tác sinh khởi, vì sao? Tu-bồ-đề! Vì sắc chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Mắt chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác cho đến ý chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác.

Tu-bồ-đề! Ngã chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, cho đến kẻ biết, kẻ thấy chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Vì sao? Vì các pháp ấy rốt ráo không thể có được.

Tu-bồ-đề! Mộng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác. Vì sao? Vì rốt ráo không thể có được. Huyễn, tiếng vang, bóng, sóng nắng, biến hóa chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác. Vì sao? Vì rốt ráo không thể có được. Tu-bồ-đề! Nội không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Tu-bồ-đề! Bốn niệm xứ chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được, cho đến Mười tám pháp không chung, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Vì sao? Vì pháp ấy rốt ráo không thể có được. Tu-bồ-đề! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được. Tát-bà-nhã và Trí nhất thiết chủng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Do nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Tát-bà-nhã chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi. Bồ-tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như con xem xét nghĩa của Phật dạy: Sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở.

Bấy giờ Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử nói với Tu-bồ-đề rằng: Sắc là không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Sắc là không trói không mở, thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử hỏi Tu-bồ-đề rằng: Thế nào là sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở?

Tu-bồ-đề nói: Sắc như mộng không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng không trói không mở. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang, như bóng, như huyễn, như sóng nắng, như biến hóa không trói không mở.

Này Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử! Sắc quá khứ không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không trói không mở. Sắc vị lai không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vị lai không trói không mở. Sắc hiện tại không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không trói không mở. Vì sao không trói không mở? Vì sắc ấy không có gì, nên không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không có gì, nên không trói

không mở, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lành không trói không mở; sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng lành không trói không mở. Sắc vô ký không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký không trói không mở. Sắc thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở. Vì sao? Vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh, nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Hết thảy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Này Phú-lâu-na! Thí Ba-la-mật không trói không mở; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Nội không cũng không trói không mở, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không trói không mở. Bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến Mười tám pháp không chung cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không trói không mở; Trí nhất thiết, Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ-đề không trói không mở, Phật cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, pháp vô vi không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú-lâu-na! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không trói không mở; Bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ-tát ấy trụ trong Thí Ba-la-mật cho đến trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật, không trói không mở; trú trong Bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến trú trong Trí nhất thiết chủng không trói không mở, thành tựu chúng sinh không trói không mở, tịnh quốc độ Phật không trói không mở, cúng dường chư Phật không trói không mở, nghe pháp không trói không mở, trọn không lìa chư Phật không trói không mở, trọn không lìa các thần thông không trói không mở, trọn không lìa năm mắt không trói không mở, trọn không lìa môn Đà-la-ni không trói không mở, trọn không lìa các Tam-muội không trói không mở, sẽ sinh Đạo chủng trí không trói không mở, sẽ được Trí nhất thiết chủng không trói không mở; Chuyển Pháp luân không trói không mở, an lập chúng sinh nơi tam thừa không trói không mở.

Như vậy Phú-lâu-na! Bồ-tát ma-ha-tát tu Sáu Ba-la-mật không trói không mở, sẽ biết hết thảy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Phú-lâu-na, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đại trang nghiêm không trói không mở.

LUẬN: Tu-bồ-đề nói: Như nghĩa con được nghe Phật dạy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm. Vì sao? Vì tự tướng không vậy.

Hỏi: Tu-bồ-đề cớ sao nói như vậy?

Đáp: Phật dạy nghĩa phát đại trang nghiêm rất sâu, khó được khó hiểu. Chúng sinh ở trong hội chúng nghe việc ấy, tâm hoặc bị thối mất: Trang nghiêm như vậy rốt ráo rỗng không; cũng do sức thần thông nên trong một lúc có thể khắp đến thế giới mười phương số như hằng hà sa, chúng sinh thích ý nói đây là việc thánh chúa, chúng ta làm sao biết được, vì thế nên Tu-bồ-đề nói phát đại trang nghiêm chẳng phải sâu chẳng phải khó, chẳng phải chỉ phát đại trang nghiêm, tự tướng không, dễ tu dễ được. Sắc, trong sắc định tướng không thể có được, cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ-tát biết được tướng Không tịch diệt của các pháp như vậy, mà không bỏ bổn nguyện tinh tấn, cho nên gọi là phát đại trang nghiêm chẳng phải khó được. Phật ấn chứng lời Tu-bồ-đề nói, nên nói: "Đúng vậy". Pháp tạo tác đều là hư dối, nên nói Tát-bà-nhã là pháp không tạo tác, vì chúng sinh rốt ráo không, cũng là pháp không tạo tác. Phật dạy người làm là không thể có được, nên hết thảy chẳng phải tướng tạo tác. Vì chúng sinh không thể có được, nên người làm không thể có được, vì người làm không thể có được, nên Tát-bà-nhã chẳng phải tướng tạo tác sinh khởi.

Lại nữa, sắc cũng không thể làm, vì pháp không, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Tu-bồ-đề gọi trong các pháp không có tướng tạo tác nhất, như huyễn, tuy không có sự thật mà có tướng đi lại, vì thế nên Phật dạy như huyễn, như sóng nắng, không có tướng tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Khi ấy người nghe suy nghĩ rằng: Mười tám Không có thể phá hết thảy pháp, thế là có tác dụng, thế thì là thật, nghĩa là có tạo tác? Vì vậy nên Phật dạy: Nội không không tạo tác, cho đến vô pháp hữu pháp không, Mười tám pháp không chung cũng không có tạo tác.

Hoặc nói: Mười tám không là hữu vi hư dối không thật, nên có thể không tạo tác, còn như, pháp tánh, thật tế, là pháp chân thật, nên phải có tạo tác. Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi mỗi mỗi đều có nhân chung,

pháp vô vi cũng làm nhân cho pháp có tạo tác? Nên Phật dạy: Như như, pháp tánh, thật tế, pháp trụ, pháp vị, cũng không tạo tác.

Lại hoặc nói: Bồ-tát, Phật, Trí nhất thiết chủng, là pháp thật có, có thể có tạo tác? Vì vậy nên Phật nói: Pháp ấy cũng vì rốt ráo không, nên cũng không tạo tác, vì tướng tạo tác do nhân duyên sinh.

Hành giả nghĩ rằng: Phật pháp rất khó, rất là hy hữu, các pháp đều không tạo tác, không trói không mở, chúng ta làm sao sẽ từ khổ được thốt? Thế nên Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như con biết nghĩa của Phật nói năm uẩn không trói không mở? Pháp người phàm phu hư dối không thể có được nên chẳng phải trói, pháp thánh nhân rốt ráo không, không thể có được nên chẳng phải mở. Năm uẩn như mộng, và năm uẩn trong ba đời, năm uẩn thiện bất thiện, hết thảy pháp cũng như vậy, cho đến thật tế, cũng như vậy, vì không có gì, vì lìa, vì không sinh, nên không trói không mở; ấy gọi là đạo Bồ-tát không trói không mở của Bồ-tát ma-ha-tát. Ở trong đạo ấy, các phiền não không kéo rơi vào trong phàm phu, cho nên nói không trói, không lấy các pháp vô lậu phá phiền não nên nói không mở.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, cho đến năm thần thông, năm mắt, các môn Tam-muội, Đà-la-ni, trọn không lìa Phật, và an lập chúng sinh trong tam thừa cũng không trói không mở. Vì cớ sao? Vì các pháp không có gì, vì lìa. vì tịch diệt, vì không sinh, vì rốt ráo không.

Do các nhân duyên như vậy, nên gọi là tướng Bồ-tát đại trang nghiêm, nghĩa là không trói không mở.

----------o0o----------

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI TÁM: ĐẠI THỪA

Phần 1

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát? Làm sao biết Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa? Thừa ấy phát xuất từ chỗ nào? Thừa ấy đi đến chỗ nào? Thừa ấy trú chỗ nào? Ai cưỡi Đại thừa ấy đi ra?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi thế nào là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát ư? Tu-bồ-đề! Sáu Ba-la-mật là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát. Những gì là sáu? Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh

tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật.

Sao gọi là Thí Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí tài vật trong ngoài, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thí Ba-la-mật.

Sao gọi là Giới Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự làm Mười thiện đạo, cũng dạy người khác làm Mười thiện đạo, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ ma-ha-tát chẳng chấp trước Giới Ba-la-mật.

Sao gọi là Nhẫn Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trì nhất thiết chủng, tự đầy đủ nhẫn nhục, cũng dạy người khác tu nhẫn nhục, vì dùng vô sở đắc, nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Nhẫn Ba-la-mật.

Sao gọi là Tinh tấn Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu năm Ba-la-mật, siêng tu không nghỉ, cũng an lập hết thảy chúng sinh nôi năm Ba-la-mật, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Sao gọi là Thiền Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng vôi Trí nhất thiết chủng, tự lấy phương tiện vào các thiền, không sinh theo thiền cũng dạy người khác khiến vào các thiền, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thiền Ba-la-mật.

Sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không đắm hết thảy pháp, cũng quán hết thảy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, cũng dạy người khác không đắm hết thảy pháp, cũng quán hết thảy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, nên gọi là Bồ tát ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ấy là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế nào là nội không?

Phật dạy: Nội không là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt, mắt không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Tai, tai không, mũi, mũi không; lưỡi, lưỡi không; thân, thân không; ý, ý không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là nội không.

Sao gọi là ngoại không? Pháp ngoài gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc, sắc không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thanh, thanh không; hương, hương không; vị, vị không; xúc, xúc không; pháp, pháp không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Sao gọi là nội ngoại không? Pháp trong ngoài gọi là trong sáu nhập, ngoài sáu nhập. Pháp trong, pháp trong không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì nó tự như vậy. Pháp ngoài, pháp ngoài không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là nội ngoại không.

Sao gọi là không không? Hết thảy pháp không, không ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là không không.

Sao gọi là đại không? Phương đông, phương đông không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy. Phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đại không.

Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Đệ nhất nghĩa tức là Niết-bàn; Niết-bàn, Niết-bàn không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sao gọi là hữu vi không? Pháp hữu vi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; cõi Dục, cõi Dục không; cõi Sắc, cõi Sắc không; cõi Vô sắc, cõi Vô sắc không; chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là hữu vi không.

Sao gọi là vô vi không? Pháp vô vi gọi là tướng không sinh, tướng không trụ, tướng không diệt; pháp vô vi, pháp vô vi không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô vi không.

Sao gọi là rốt ráo không? Rốt ráo tức là các pháp rốt ráo không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là rốt ráo không.

Sao gọi là vô thỉ không? Hoặc pháp chỗ bắt đầu đến không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô thỉ không.

Sao gọi là tán không? Tán là các pháp không diệt, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tán không.

Sao gọi là tánh không? Hết thảy pháp tánh, hoặc tánh pháp hữu

vi, hoặc tánh pháp vô vi, tánh ấy chẳng phải Thanh-văn, Bích-chi Phật làm, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải các người khác làm ra. Tánh ấy tánh không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là tánh không.

Sao gọi là tự tướng không? Tự tướng, sắc là tướng hư hoại, thọ là tướng lãnh thọ, tưởng là tướng nắm lấy tướng, hành là tướng tạo tác, thức là tướng hiểu biết. Như vậy các pháp hữu vi, vô vi, mỗi mỗi tự tướng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tự tướng không.

Sao gọi là các pháp không? Các pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, ý thức giới. Các pháp ấy, các pháp không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là các pháp không.

Sao gọi là bất khả đắc không? Tìm cầu các pháp không thể có được, ấy là bất đắc không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là bất đắc không.

Sao gọi là vô pháp không? Pháp không có ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô pháp không.

Sao gọi là hữu pháp không? Pháp có là các pháp trong sự hòa hợp có tự tánh tướng, pháp có ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là hữu pháp không.

Sao gọi là vô pháp hữu pháp không? Trong các pháp không có pháp, trong các pháp hòa hợp, có tướng tự tánh (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Thế nào là vô tánh tự tánh không? Vô tánh tự tánh là các pháp không thể có tánh hòa hợp và có tự tánh hòa hợp –ND) Vô pháp hữu pháp ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp, tướng pháp không; vô pháp, tướng vô pháp không; tự tánh, tướng tự tánh không; tha pháp, tướng tha pháp không.

Sao gọi là pháp, tướng pháp không? Pháp là năm uẩn, năm uẩn không; ấy gọi là pháp, tướng pháp không.

Sao gọi là vô pháp, tướng vô pháp không? Vô pháp là pháp vô vi; ấy gọi là vô pháp, tướng vô pháp không.

Sao gọi là tự pháp, tướng tự pháp không? Các pháp, tự tánh không, cái không ấy chẳng phải trí làm, chẳng phải cái thấy làm; ấy gọi là tự

pháp, tướng tự pháp không.

Sao gọi là tha pháp, tướng tha pháp không? Hoặc ra đời, hoặc Phật chưa ra đời, pháp trụ, tướng pháp, pháp vị, pháp tánh, như như, thật tế, quá các pháp không này; ấy gọi là tha pháp, tướng tha pháp không (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Hết thảy pháp hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, pháp bình đẳng tánh, pháp ly sinh tánh, chân như bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, thật tế, đều do tha tánh nên không, ấy gọi là tha tánh do tha tánh nên không, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát – ND).

LUẬN: Hỏi: Kinh này tên là Bát-nhã Ba-la-mật, lại Phật khiến Tu-bồ-đề vì Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật, Tu-bồ-đề nên hỏi Bát-nhã Ba-la-mật, Phật cũng nên đáp Bát-nhã Ba-la-mật, sao nay Tu-bồ-đề lại hỏi tướng Đại thừa, Phật cũng đáp Đại thừa?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật và Đại thừa cùng một nghĩa, chỉ có danh tự khác nhau, hoặc nói Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc nói Đại thừa, không lỗi. Đại thừa là Phật đạo, thực hành pháp ấy được đến Phật, đó là sáu pháp Ba-la-mật. Lớn nhất trong sáu Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, như ở phẩm sau Phật nói các nhân duyên lớn, nếu nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì nhiếp hết sáu Ba-la-mật. Nếu nói sáu Ba-la-mật thì nói đủ Bồ-tát đạo. Nghĩa là bao gồm từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật; ví như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng; tuy không nói kẻ tùy tùng, mà nên biết chắc chắn có. Đại thừa cũng như vậy.

Bồ-tát ban đầu phát tâm tu hành vì cầu Phật đạo, tu tập thiện pháp, tùy chúng sinh có thể độ mà nói các pháp, đó là kinh Bổn khởi, kinh Dứt hết thảy sinh nghi, kinh Hoa thủ, kinh Pháp hoa, kinh Mây, kinh Mây lớn, kinh Mây pháp, kinh Di-lặc hỏi, kinh Sáu Ba la-la-mật, kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy vô lượng vô biên vô số kinh, hoặc Phật nói, hoặc Hóa Phật nói, hoặc đại Bồ-tát nói, hoặc Thanh-văn nói, hoặc trời đắc đạo nói, việc ấy hòa hợp đều gọi là Đại thừa. Trong các Kinh ấy, Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn, nên nói là Đại thừa, tức là biết nói Bát-nhã Ba-la-mật. Các pháp trợ đạo khác không có Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp thì không thể đi đến thành Phật. Vì vậy hết thảy pháp trợ đạo đều là Bát-nhã Ba-la-mật. Như phẩm sau, Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nói Đại thừa không khác Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao lúc đầu không nói Đại thừa trước?

Đáp: Ở trên tôi đã nói Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn cho nên phải nói trước. Lại, ý Phật muốn nói Đại thừa Bát-nhã Ba-la-mật nên phóng ra ánh sáng lớn, mười phương các Bồ-tát đều tự hỏi Phật, nay sao có ánh

sánh đó? Chư Phật đều đáp: Ở thế giới Ta bà có Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật, các Bồ-tát kia và các trời người hòa hợp đi đến.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết hết thảy pháp phải nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật? Lại, trong phẩm đầu, Phật mỗi mỗi tán thán công đức Bát-nhã Ba-la-mật rằng, nếu ai muốn được như vậy hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Có các nhân duyên như vậy, nên ban đầu nói Bát-nhã Ba-la-mật. Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hãy vì các Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề khiêm nhường nói: Bồ-tát "không" chỉ có tên gọi; tiếp sau lại nói là biết rõ hiểu được tướng Bồ-tát như vậy, tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Đã biết như vậy rồi lại hỏi cú nghĩa Bồ-tát, tiếp đến hỏi nghĩa Ma-ha-tát. Trong nghĩa Ma-ha-tát có Đại thừa đại trang nghiêm; ví như dũng sĩ tuy có dao gậy trang nghiêm mà không cưỡi ngựa hay, thì không thể làm gì.

Đại thừa, Thiên trúc gọi là Ma-ha Diễn (Mahayana). Chư Phật vì dứt pháp ái, và vì nói rõ nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật không khác, nên Phật không quở trách. Vì vậy, Tu-bồ-đề lại dùng tên khác hỏi Ma-ha Diễn.

Hỏi: Như trong lời tựa Ma-ha Diễn nói: Từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, vì Phật đạo nên nhóm hết thảy thiện pháp, đều gọi là Ma-ha Diễn. Sao nay chỉ nói sáu Ba-la-mật là Ma-ha Diễn?

Đáp: Như trước nói: Nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì đã nói sáu Ba-la-mật, nói sáu Ba-la-mật thì đã nhiếp hết thảy thiện pháp. Vì vậy không nên hỏi các thiện pháp có nhiều sao chỉ nói sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Ma-ha Diễn, ban đầu phát tâm lập nguyện, cho đến về sau sáu Ba-la-mật phương tiện v.v... Các pháp ấy tuy không gọi là Ba-la-mật, nhưng theo nghĩa đều ở trong sáu Ba-la-mật. Như ban đầu phát tâm lập nguyện vì tâm đại bi v.v... có sức lớn nên gọi là Tinh tấn Ba-la-mật; bỏ lợi nhỏ, thủ lấy Đại thừa, thì gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Phương tiện tức là trí tuệ, trí tuệ thanh tịnh nên đổi gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật v.v... đều ở trong sáu Ba-la-mật, tùy nghĩa thu nhiếp nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao lại nói mười tám pháp không, một trăm lẻ tám Tam-muội v.v... gọi là Ma-ha Diễn?

Đáp: Sáu Ba-la-mật là thể Ma-ha Diễn, về sau chỉ phân biệt rộng nghĩa nó. Như mười tám không, bốn mươi hai chữ v.v... là nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, một trăm lẻ tám Tam-muội là nghĩa Thiền Ba-la-mật. Vì

vậy nên ban đầu nói Sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Cớ sao chỉ nói đúng Sáu Ba-la-mật, không nhiều không ít?

Đáp: Phật là đấng Pháp vương, tùy chúng sinh có thể độ, hoặc có khi lược nói một, hai, ba, bốn, hoặc có khi nói rộng, như kinh Hiền Kiếp nói tám mươi bốn ngàn Ba-la-mật.

Lại nữa, sáu đạo chúng sinh đều chịu thân tâm khổ não, như chúng sinh địa ngục bị khổ tra khảo, trong súc sinh bị khổ tàn hại lẫn nhau, trong ngã quỷ bị khổ đói khát, trong loài người bị khổ tìm cầu dục lạc, ở cõi trời bị khổ xa lìa điều ưa muốn, A-tu-la bị khổ đấu tranh; Bồ-tát sinh tâm đại bi muốn dứt khổ cho sáu đạo chúng sinh nên phát sinh sáu Ba-la-mật. Vì vậy nên nói Sáu Ba-la-mật, không nhiều không ít hơn.

Hỏi: Thí Ba-la-mật có nhiều tướng, sao trong đây Phật chỉ nói năm tướng là dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, xả tài vật trong ngoài, đem phước ấy cùng với chúng sinh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc, sao không nói đến tâm đại từ-bi, cúng dường chư Phật, và thần thông, bố thí v.v... ?

Đáp: Năm tướng ấy gồm nhiếp hết thảy bố thí. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí là duyên theo Phật đạo, nương Phật đạo.

Xả tài vật trong ngoài là xả hết thảy phiền não; chung với chúng sinh là tâm đại bi.

Hồi hướng là đem sự bố thí này chỉ cầu Phật đạo; không cầu quả báo gì khác.

Dùng vô sở đắc là được khí phần của Bát-nhã Ba-la-mật về thật tướng các pháp.

Thí Ba-la-mật chẳng phải hư dối, chẳng phải điên đảo, cũng không cùng tận.

Hỏi: Nếu như vậy thì không cần năm tướng, chỉ nói tâm tương ưng vôi Trí nhất thiết chủng là đủ?

Đáp: Việc ấy có thể như vậy. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết nghĩa thế nào là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí, cho nên lấy bốn việc phân biệt nghĩa kia.

Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là, đem tâm Bồ-tát cầu Trí nhất thiết chủng của Phật làm duyên, khởi niệm để buộc tâm; đem tâm ấy mà bố thí muốn quả Trí nhất thiết chủng, chứ không cầu nhân duyên, tiếng tăm, ân đức đời nay, cũng không cầu đời sau làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, chỗ giàu sang. Vì độ chúng sinh, không cầu Niết-bàn, chỉ muốn đầy đủ các Phật pháp Nhất thiết trí v.v... vì dứt hết

khổ cho hết thảy chúng sinh, nên gọi là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tài vật trong ngoài là, trong là đầu não, xương tủy, máu thịt v.v... vì khó xả bỏ nên nói trước; vật ngoài là quốc độ, vợ con, bảy báu, uống ăn v.v...

Cùng với hết thảy chúng sinh là, quả báu phước đức bố thí cho hết thảy chúng sinh dùng chung; ví như nhà giàu trồng lúa cho mọi người ăn chung. Quả báu phước đức của Bồ-tát, hết thảy chúng sinh đều đến nương nhờ; ví như cây có quả tốt, chim chóc đều qui tụ.

Hồi hướng là, bên cạnh phước đức, không cầu quả báo khác, chỉ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước tiên nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, sau nói hồi hướng, có sai khác gì?

Đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là nhân duyên sinh khởi các phước đức, còn hồi hướng là không cầu quả báo khác, chỉ cầu Phật đạo.

Lại nữa, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì ứng hợp với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên bố thí, như nghĩa ở trước nói Trí nhất thiết chủng làm chủ, hết thảy công đức đều vì Trí nhất thiết chủng.

Tán thán trí tuệ Phật có hai thứ:

1. Chánh trí vô thượng, gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

2. Trí nhất thiết chủng, gọi là Tát-bà-nhã.

Dùng vô sở đắc là, dùng tâm Bát-nhã Ba-la-mật để bố thí, thuận với thật tướng các pháp mà không hư dối.

Như vậy, là nói về nghĩa Thí Ba-la-mật.

Hỏi: Giới Ba-la-mật thì tổng nhiếp hết thảy giới pháp; ví như biển lớn tổng nhiếp các dòng. Nghĩa là không uống rượu, không ăn quá ngọ, không đánh đập chúng sinh v.v... việc ấy không nhiếp vào trong Mười thiện, cớ sao chỉ nói mười thiện?

Đáp: Phật nói tổng tướng Ba-la-mật, Mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng thì có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngọ... nhập vào trong điều thiện không tham; không gia hại chúng sinh nhập vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà nhiếp theo sau.

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi

phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, trói buộc, cắt chém cho đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn đầu. Sau khi chết lột da, ăn, nuốt, cắt xẻ, vui mừng đều gọi là giai đoạn cuối. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói Mười thiện đạo thì thu nhiếp hết thảy giới.

Lại nữa, Bồ-tát sinh tâm từ-bi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bố thí lợi ích chúng sinh, tùy chỗ họ cần đều cấp cho, trì giới không não hại chúng sinh, không gia thêm các khổ, thường thí vô úy, lấy Mười thiện nghiệp đạo làm căn bản. Ngoài ra, các việc khác là nhân duyên xa không não hại chúng sinh. Giới luật vì thủ chứng Niết-bàn tại đời này, dâm dục tuy không não hại chúng sinh, mà vì tâm bị trói buộc nên đại tội. Vì vậy nên dâm dục đứng đầu trong giới luật, kẻ bạch y thì giới bất sát ở trước. Vì cầu phước đức nên Bồ-tát không cầu Niết-bàn, trong đời này, qua lại sinh tử trong vô lượng đời để tu các công đức. Mười thiện là cựu giới, các luật nghi là khách.

Lại nữa, nếu Phật ra đời vào thời kỳ tốt đẹp, thì không có giới luật này. Như đức Phật Thích-ca Văn, tuy ở đời ác, mà sau khi thành đạo mười hai năm cũng không có giới này, vì vậy nên biết nó là khách.

Lại nữa, có hai thứ Giới: Giới lúc có Phật hoặc có hoặc không, còn Mười thiện, dù lúc có Phật không có Phật vẫn thường có.

Lại nữa, Giới trong Giới luật, tuy là vi tế sám hối thì thanh tịnh, còn phạm Mười thiện giới, tuy sám hối mà tội ba ác đạo không thể trừ. Như Tỳ-kheo giết súc sinh, tuy được sám hối, nhưng tội báo vẫn không trừ. Do các nhân duyên như vậy, chỉ nói Mười thiện nghiệp đạo, cũng tự làm, cũng dạy người khác làm, gọi là Giới Ba-la-mật.

Mười thiện đạo, bảy việc là giới, ba việc là thủ hộ. Gọi chung là Giới Ba-la-mật. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt. Như đã luận nghĩa nói rộng ở trong phẩm đầu.

Kinh này gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật gọi là tướng lìa bỏ, vì vậy nên đối với hết thảy pháp đều dùng vô sở đắc.

Hỏi: Nếu dùng hữu sở đắc để nhóm các thiện pháp thì đã là khó, huống gì dùng vô sở đắc? Nếu được trí vô sở đắc thì lúc ấy có thể trở ngại làm việc thiện, hoặc sinh tà nghi; nếu không được trí vô sở đắc thì lúc ấy không trở ngại làm việc thiện, cũng không sinh tà nghi?

Đáp: Phật cũng không khen tâm chấp trước thủ tướng làm các việc thiện. Vì sao? Vì hư dối ở thế gian, cuối cùng tiêu hết. Nếu chấp trước tâm tu thiện, bị phá rất dễ, nếu chấp trước Không, thì sinh hối hận, trở lại mất đạo; ví như lửa sinh trong cỏ, gặp nước thì tắt, nếu lửa sinh trong

nước, thì không vật gì làm tắt được. Bồ-tát ban đầu tập hành mà chấp trước tâm thủ tướng tu phước đức, giống như cỏ sinh lửa, dễ cháy, dễ tắt. Nếu Bồ tát thể hội được thật tướng các pháp, lấy tâm đại bi tu các hạnh, khó thể phá được; như lửa sinh trong nước, không thể diệt được. Vì vậy nên dùng tâm vô sở đắc tu các hạnh, tâm cũng không nhu nhược, không sinh nghi hối.

Ấy là lược nói nghĩa Sáu Ba-la-mật, còn nói rộng như trong phẩm đầu, mỗi mỗi Ba-la-mật đều đầy đủ.

Mười tám không là, trong Sáu Ba-la-mật nói nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật không nhiễm trước các pháp. Vì sao? Vì Mười tám không. Luận nghị về Mười tám không, như trong phẩm đầu Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát muốn an trụ Mười tám không hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa ấy như đã nói rộng trong ấy.

Hỏi: Mười tám không, sau nội không v.v... đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu người không tu tập hai không ấy, tức rơi vào hai bên hoặc thường hoặc đoạn diệt. Vì sao? Vì nếu các pháp thật có thì không có nghĩa diệt, bị rơi vào chấp thường; như người ra khỏi nhà này đi vào nhà khác, mắt tuy không thấy mà không gọi là không có. Các pháp cũng như vậy, từ đời vị lai đi vào đời hiện tại, từ đời hiện tại đi vào đời quá khứ, như vậy thì không diệt.

Hành giả vì lo sợ có, mà dùng không để phá tâm chấp có, song lại quí không mà đắm vào không, thì bị rơi vào đoạn diệt. Vì vậy nên tu hành không ấy để phá có, cũng không đắm không. Xa lìa hai bên ấy, lấy trung đạo để hành Mười tám không, dùng tâm Đại bi mà độ chúng sinh, thế cho nên sau Mười tám không, đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt; ấy gọi là Ma-ha Diễn. Trái với đây là hí luận của người cuồng, ở trong Phật pháp luống không được gì, như người ở giữa đống trân bảo lượm lấy ngọc thủy tinh, mắt tuy thấy đẹp mà chẳng có giá trị gì.

Hỏi: Nếu Mười tám không đã nhiếp hết các không, cớ sao còn nói bốn không?

Đáp: Trong Mười tám không, hiện không nhiếp hết, Chư Phật có hai cách thuyết pháp, hoặc đầu nói lược sau nói rộng, hoặc đầu nói rộng sau nói lược. Đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa; đầu rộng sau lược là vì dễ thọ trì. Hoặc vì chúng sinh đến sau nên lược nói yếu nghĩa, hoặc nói bằng kệ, tụng. Nay Phật đầu nói rộng Mười tám không, sau lược nói tướng bốn không.

Pháp, tướng pháp không là, trong hết thảy pháp, pháp tướng chẳng

thể có được, như trong sắc, sắc tướng chẳng thể có được.

Lại nữa, trong pháp chẳng sinh pháp, gọi là pháp pháp không.

Vô pháp, vô pháp không là, pháp vô vi, gọi là vô pháp. Vì sao? Vì tướng nó không thể có được.

Hỏi: Phật dùng ba tướng nói pháp vô vi, tại sao nói vô tướng?

Đáp: Không phải vậy, phá sinh nên nói vô sinh, phá trụ nên nói vô trụ, phá diệt nên nói vô diệt; đều từ bên sinh, trụ, diệt mà có tên gọi đó, không phải riêng có pháp vô sinh, vô diệt gọi là vô pháp, vô pháp không. Nghĩa này như đã nói trong phẩm vô vi không.

Tự pháp, tự pháp không là tự pháp, tự tánh các pháp. Tự tánh có hai: 1. Như pháp thế gian, đất có tánh cứng v.v... 2. Như như, pháp tánh, thật tế mà Thánh nhân rõ biết pháp ấy không. Vì sao? Vì không do trí thấy biết. Có hai tánh không, như trước nói.

Hỏi: Như, pháp tánh, thật tế, đã nhiếp vào trong pháp vô vi, sao còn nói lại?

Đáp: Trong khi quán xét phân biệt nói thật tướng năm uẩn, là pháp tánh, như như, thật tế. Lại chẳng phải do trí Không quán sát làm cho nó không, mà tánh nó tự không như vậy.

Hỏi: Như sắc là tự pháp, thức là tha pháp, trong đó vì sao nói như, pháp tánh, thật tế, có Phật không Phật vẫn thường trú, vượt qua đây gọi là tha pháp không?

Đáp: Có người vì chưa khéo dứt kiết sử tà kiến nên mỗi mỗi sinh tâm chấp trước, người ấy nghe nói như như, pháp tánh, thật tế, thì cho rằng vượt quá đây còn có pháp khác, vì vậy nên nói vượt quá như như, pháp tánh, thật tế cũng không.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 47

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI TÁM: ĐẠI THỪA

Phần 2

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa gọi là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Sư tử du hý, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Xuất chư pháp, Tam-muội Quán đảnh, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất tràng tướng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Nhập pháp ấn, Tam-muội Vương an lập Tam-muội, Tam-muội Phóng quang, Tam-muội Lực tiến, Tam-muội Cao xuất, Tam-muội Tất nhập biện tài, Tam-muội Thích danh tự, Tam-muội Quán phương, Tam-muội Đà-la-ni ấn, Tam-muội Vô cuống, Tam-muội Nhiếp chư pháp hải, Tam-muội Biến phú hư không, Tam-muội Kim cang luân, Tam-muội Bảo đoạn, Tam-muội Năng chiếu, Tam-muội Bất cầu, Tam-muội Vô trú, Tam-muội Vô tâm, Tam-muội Tịnh đăng, Tam-muội Vô biên minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Phổ chiếu minh, Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội, Tam-muội Vô cấu minh, Tam-muội Hoan hỷ, Tam-muội Điển quang, Tam-muội Vô tận, Tam-muội Oai đức, Tam-muội ly tận, Tam-muội Bất động, Tam-muội Bất thối, Tam-muội Nhật đăng, Tam-muội Nguyệt tịnh, Tam-muội Tịnh minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Tác hành, Tam-muội Biết tướng, Tam-muội Như Kim cang, Tam-muội Tâm trú, Tam-muội Phổ minh, Tam-muội An lập, Tam-muội Bảo tụ, Tam-muội Diệu pháp ấn, Tam-muội Pháp đẳng, Tam-muội Đoạn hỷ, Tam-muội Đáo pháp đảnh, Tam-muội Năng tán, Tam-muội Phân biệt chư pháp cú, Tam-muội Tự đẳng tướng, Tam-muội Ly tự, Tam-muội Đoạn duyên, Tam-muội Bất hoại, Tam-muội Vô chủng tướng, Tam-muội Vô xứ hành, Tam-muội Ly mông muội, Tam-muội Vô khứ, Tam-muội Bất biến dị, Tam-muội Độ duyên, Tam-muội Tập chư công đức, Tam-muội Trú vô tâm, Tam-muội Tịnh diệu hoa, Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô lượng biện, Tam-muội Vô đẳng đẳng, Tam-muội Độ chư pháp, Tam-muội Phân biệt chư pháp, Tam-muội Tán nghi, Tam-

muội Vô trú xứ, Tam-muội Nhất trang nghiêm, Tam-muội Sinh hành, Tam-muội Nhất hành, Tam-muội Bất nhất hành, Tam-muội Diệu hành, Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam-muội Nhập danh ngữ, Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam-muội Nhiên cự, Tam-muội Tịnh tướng, Tam-muội Phá tướng, Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam-muội Bất hỷ khổ lạc, Tam-muội Vô tận tướng, Tam-muội Đa Đà-la-ni, Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng, Tam-muội Diệt tăng ái, Tam-muội Nghịch thuận, Tam-muội Tịnh quang, Tam-muội Kiên cố, Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-muội Đại trang nghiêm, Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế, Tam-muội Đẳng Tam-muội, Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh, Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ, Tam-muội Như trú định, Tam-muội Hoại thân suy, Tam-muội Hoại ngữ như hư không, Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Sao gọi là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm? Biết chỗ thi hành của các Tam muội, gọi là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Bảo ấn? Trụ ở Tam-muội ấy có thể ấn nhập các Tam-muội khác, gọi là Tam-muội Bảo ấn.

Sao gọi là Tam-muội Sư tử du hý? Trụ ở Tam-muội ấy có thể dạo chơi trong các Tam-muội như Sư tử, gọi là Tam-muội Sư tử du hý.

Sao gọi là Tam-muội Diệu nguyệt? Trú ở Tam-muội ấy có thể chiếu soi các Tam-muội như trăng trong, gọi là Tam-muội Diệu nguyệt.

Sao gọi là Tam-muội Nguyệt tràng tướng? Trú ở Tam-muội ấy có thể giữ gìn các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Nguyệt tràng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Xuất chư pháp? Trú ở Tam-muội ấy có thể xuất sinh các Tam-muội, gọi là Tam-muội Xuất chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội Quán đảnh? Trú ở Tam-muội ấy có thể quán xem các chú đảnh Tam-muội, gọi là Tam-muội Quán đảnh.

Sao gọi là Tam-muội Tất pháp tánh? Trú ở Tam-muội ấy quyết định biết pháp tánh, gọi là Tam-muội Tất pháp tánh.

Sao gọi là Tam-muội Tất tràng tướng? Trú ở Tam-muội ấy có thể giữ gìn các Tam-muội tràng, gọi là Tam-muội Tất tràng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang? Trú ở Tam-muội ấy có thể phá các Tam-muội, gọi là Tam-muội Kim cang.

Sao gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn? Trú ở Tam-muội ấy nhập vào các pháp ấn, gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn.

Sao gọi là Tam-muội Vương an lập Tam-muội? Trú ở Tam-muội ấy thì an lập trú trong các Tam-muội như vua, gọi là Tam-muội Vương

an lập Tam-muội.

Sao gọi là Tam-muội Phóng quang? Trú ở Tam-muội ấy có thể phóng ánh sáng chiếu các Tam-muội, gọi là Tam-muội Phóng quang.

Sao gọi là Tam-muội Lực tiến? Trú ở Tam-muội ấy có thể làm thế lực đối với các Tam-muội, gọi là Tam-muội Lực tiến.

Sao gọi là Tam-muội Cao xuất? Trú ở Tam-muội ấy có thể tăng trưởng các Tam-muội, gọi là Tam-muội Cao xuất.

Sao gọi là Tam-muội Tất nhập biện tài? Trú ở Tam-muội ấy có thể biện thuyết các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tất nhập biện tài.

Sao gọi là Tam-muội Thích danh tự? Trú ở Tam-muội ấy có thể giải thích danh tự các Tam-muội, gọi là Tam-muội Thích danh tự.

Sao gọi là Tam-muội Quán phương? Trú ở Tam-muội ấy có thể quán sát các phương Tam-muội, gọi là Tam-muội Quán phương.

Sao gọi là Tam-muội Đà-la-ni ấn? Trú ở Tam-muội ấy giữ gìn các Tam-muội ấn, gọi là Tam-muội Đà-la-ni ấn.

Sao gọi là Tam-muội Vô cuống? Trú ở Tam-muội ấy không khi dối dối với các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô cuống.

Sao gọi là Tam-muội Nhiếp chư pháp hải? Trú ở Tam-muội ấy, có thể thu nhiếp các Tam-muội như nước biển lớn, gọi là Tam-muội Nhiếp chư pháp hải.

Sao gọi là Tam-muội Biến phú hư không? Trú ở Tam-muội ấy, khắp trùm các Tam-muội như hư không, gọi là Tam-muội Biến phú hư không.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang luân? Trú ở Tam-muội ấy, có thể giữ gìn phần các Tam-muội, gọi là Tam-muội Kim cang luân.

Sao gọi là Tam-muội Bảo đoạn? Trú ở Tam-muội ấy, dứt nhơ cấu phiền não nơi các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bảo đoạn.

Sao gọi là Tam-muội Năng chiếu? Trú ở Tam-muội ấy, có thể lấy ánh sáng chiếu rõ các Tam-muội; gọi là Tam-muội Năng chiếu.

Sao gọi là Tam-muội Bất cầu? Trú ở Tam-muội ấy, không có pháp gì có thể cầu, gọi là Tam-muội Bất cầu.

Sao gọi là Tam-muội Vô trú? Trú ở Tam-muội ấy không thấy pháp trú trong hết thảy Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô trú.

Sao gọi là Tam-muội Vô tâm? Trú ở Tam-muội ấy tâm tâm số pháp không hiện hành; gọi là Tam-muội Vô tâm.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh đăng? Trú ở Tam-muội ấy làm sáng như đèn nơi các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tịnh đăng.

Sao gọi là Tam-muội Vô biên minh? Trú ở Tam-muội ấy làm ánh

sáng vô biên cho các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô biên minh.

Sao gọi là Tam-muội Năng tác minh? Trú ở Tam-muội ấy tức thời làm ánh sáng cho các Tam-muội, gọi là Tam-muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam-muội Phổ chiếu minh? Trú ở Tam-muội ấy có thể chiếu rõ các cửa Tam-muội, gọi là Tam-muội Phổ chiếu minh.

Sao gọi là Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội? Trú ở Tam-muội ấy, có thể làm kiên tịnh các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội.

Sao gọi là Tam-muội Vô cấu minh? Trú ở Tam-muội ấy, có thể trừ cấu nhiễm của các Tam-muội; cũng có thể chiếu hết thảy Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô cấu minh.

Sao gọi là Tam-muội Hoan hỷ? Trú ở Tam-muội ấy có thể lãnh thọ cái mừng của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Hoan hỷ.

Sao gọi là Tam-muội Điển quang? Trú ở Tam-muội ấy chiếu các Tam-muội như điện sáng, gọi là Tam-muội Điển quang.

Sao gọi là Tam-muội Vô tận? Trú ở Tam-muội ấy đối với các Tam-muội chẳng thấy cùng tận, gọi là Tam-muội Vô tận.

Sao gọi là Tam-muội Oai đức? Trú ở Tam-muội ấy đối các Tam-muội uy đức chiếu rõ, gọi là Tam-muội Oai đức.

Sao gọi là Tam-muội Ly tận? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội cùng tận, gọi là Tam-muội Ly tận.

Sao gọi là Tam-muội Bất động? Trú ở Tam-muội ấy, khiến các Tam-muội không động, không đùa bỡn, gọi là Tam-muội Bất động.

Sao gọi là Tam-muội Bất thối? Trú ở Tam-muội ấy, có thể không thấy các Tam-muội thối, chuyển gọi là Tam-muội Bất thối.

Sao gọi là Tam-muội Nhật đăng? Trú ở Tam-muội ấy phóng ánh sáng chiếu các môn Tam-muội; gọi là Tam-muội Nhật đăng.

Sao gọi là Tam-muội Nguyệt tịnh? Trú ở Tam-muội ấy có thể trừ bóng tối nơi các Tam-muội, gọi là Tam-muội Nguyệt tịnh.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh minh? Trú ở Tam-muội ấy, được bốn trí vô ngại đối với các Tam-muội, gọi là Tam-muội Tịnh minh.

Sao gọi là Tam-muội Năng tác minh? Trú ở Tam-muội ấy, hay làm sáng các môn Tam-muội, gọi là Tam-muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam-muội Tác hành? Trú ở Tam-muội ấy hay khiến các Tam-muội mỗi mỗi có tác động, gọi là Tam-muội Tác hành.

Sao gọi là Tam-muội Tri tướng? Trú ở Tam-muội ấy thấy tướng biết của các Tam-muội. gọi là Tam-muội Tri tướng.

Sao gọi là Tam-muội như Kim cang? Trú ở Tam-muội ấy hay

xuyên suốt các pháp, cũng không thấy xuyên suốt, gọi là Tam-muội như Kim cang.

Sao gọi là Tam-muội Tâm trú? Trú ở Tam-muội ấy tâm không động, không chuyển không não, cũng không nghĩ có tâm ấy, gọi là Tam-muội Tâm trú.

Sao gọi là Tam-muội Phổ minh? Trú ở Tam-muội ấy khắp thấy ánh sáng các Tam-muội, gọi là Tam-muội Phổ minh.

Sao gọi là Tam-muội An lập? Trú ở Tam-muội ấy đối với các Tam-muội an lập chẳng động, gọi là Tam-muội An lập.

Sao gọi là Tam-muội Bảo tụ? Trú ở Tam-muội ấy khắp thấy các Tam-muội như thấy báu tích tụ, gọi là Tam-muội Bảo tụ.

Sao gọi là Tam-muội Diệu pháp ấn? Trú ở Tam-muội ấy hay ấn nhập các Tam-muội, vì vô ấn ấn nhập vậy, gọi là Tam-muội Diệu pháp ấn.

Sao gọi là Tam-muội Pháp đẳng? Trú ở Tam-muội ấy quán xem các pháp bình đẳng, không pháp gì không bình đẳng; gọi là Tam-muội Pháp đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Đoạn hỷ? Trú ở Tam-muội ấy dứt sự mừng trong hết thảy pháp, gọi là Tam-muội Đoạn hỷ.

Sao gọi là Tam-muội Đáo pháp đảnh? Trú ở Tam-muội ấy dứt các ám muội đối với pháp, cũng ở trên các Tam-muội, gọi là Tam-muội Đáo pháp đảnh.

Sao gọi là Tam-muội Năng tán? Trú ở Tam-muội ấy, hay phá tán các pháp, gọi là Tam-muội Năng tán.

Sao gọi là Tam-muội Phân biệt chư pháp cú? Trú ở Tam-muội ấy phân biệt các pháp cú của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Phân biệt chư pháp cú.

Sao gọi là Tam-muội Tự đẳng tướng? Trú ở Tam-muội ấy, được các danh tự Tam-muội, gọi là Tam-muội Tự đẳng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Ly tự? Trú ở Tam-muội ấy cho đến chẳng thấy một chữ trong các Tam-muội, gọi là Tam-muội Ly tự.

Sao gọi là Tam-muội Đoạn duyên? Trú ở Tam-muội ấy dứt các duyên Tam-muội, gọi là Tam-muội Đoạn duyên.

Sao gọi là Tam-muội Bất hoại? Trú ở Tam-muội ấy chẳng bị biến dị; gọi là Tam-muội Bất hoại.

Sao gọi là Tam-muội Vô chủng tướng? Trú ở Tam-muội ấy chẳng thấy chủng chủng pháp, gọi là Tam-muội Vô chủng tướng.

Sao gọi là Tam-muội Vô xứ hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy

nơi chỗ của Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô xứ hành.

Sao gọi là Tam-muội Ly mông muội? Trú ở Tam-muội ấy lìa các tối tăm vi tế của Tam-muội, gọi là Tam-muội Ly mông muội.

Sao gọi là Tam-muội Vô khứ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng đi của hết thảy Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô khứ.

Sao gọi là Tam-muội Bất biến dị? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng biến dị của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bất biến dị.

Sao gọi là Tam-muội Độ duyên? Trú ở Tam-muội ấy độ khỏi cảnh giới duyên của hết thảy Tam-muội, gọi là Tam-muội Độ duyên.

Sao gọi là Tam-muội Tập chư công đức? Trú ở Tam-muội ấy nhóm các công đức Tam-muội, gọi là Tam-muội Tập chư công đức.

Sao gọi là Tam-muội Trú vô tâm? Trú ở Tam-muội ấy, tâm không nhập vào các Tam-muội, gọi là Tam-muội Trú vô tâm.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh diệu hoa? Trú ở Tam-muội ấy khiến các Tam-muội được sáng sạch như hoa, gọi là Tam-muội Tịnh diệu hoa.

Sao gọi là Tam-muội Giác ý? Trú ở Tam-muội ấy được bảy giác phần trong các Tam-muội, gọi là Tam-muội Giác ý.

Sao gọi là Tam-muội Vô lượng biện? Trú ở Tam-muội ấy được biện tài vô lượng đối với các pháp, gọi là Tam-muội Vô lượng biện.

Sao gọi là Tam-muội Vô đẳng đẳng? Trú ở Tam-muội ấy được tướng vô đẳng đẳng trong các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô đẳng đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Độ chư pháp? Trú ở Tam-muội ấy vượt khỏi hết thảy cõi Tam-muội, gọi là Tam-muội Độ chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội Phân biệt chư pháp? Trú ở Tam-muội ấy Phân biệt thấy các Tam-muội và các pháp, gọi là Tam-muội phân biệt chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội Tán nghi? Trú ở Tam-muội ấy được tán hoại việc nghi đối với các pháp, gọi là Tam-muội Tán nghi.

Sao gọi là Tam-muội Vô trú xứ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy trú xứ các pháp, gọi là Tam-muội Vô trú xứ.

Sao gọi là Tam-muội Nhất trang nghiêm? Trú ở Tam-muội ấy trọn không thấy các pháp hai tướng, gọi là Tam-muội Nhất trang nghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Sinh hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các hành sinh khởi, gọi là Tam-muội Sinh hành.

Sao gọi là Tam-muội Nhất hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy bờ này bờ kia của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Nhất hành.

Sao gọi là Tam-muội Bất nhất hành? Trú ở Tam-muội ấy không

thấy các Tam-muội một tướng, gọi là Tam-muội Bất nhất hành.

Sao gọi là Tam-muội Diệu hành? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội hai tướng, gọi là Tam-muội Diệu hành.

Sao gọi là Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán? Trú ở Tam-muội ấy nhập vào hết thảy hữu, hết thảy trí tuệ Tam-muội, thông đạt cũng không chỗ thông đạt, gọi là Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán.

Sao gọi là Tam-muội Nhập danh ngữ? Trú ở Tam-muội ấy vào hết thảy danh tự ngữ ngôn các Tam-muội, gọi là Tam-muội Nhập danh ngữ.

Sao gọi là Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các âm thanh danh tự ngữ ngôn Tam-muội, gọi là Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ.

Sao gọi là Tam-muội Nhiên cự? Trú ở Tam-muội ấy oai đức chiếu sáng như đuốc; gọi là Tam-muội nhiên cự.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh tướng? Trú ở Tam-muội ấy sạch các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Tịnh tướng.

Sao gọi là Tam-muội Phá tướng? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các tướng Tam-muội, gọi là Tam-muội Phá tướng.

Sao gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc ? Trú ở Tam-muội ấy hết thảy các thứ Tam-muội đều đầy đủ, gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc.

Sao gọi là Tam-muội Bất hỷ khổ lạc? Trú ở Tam-muội ấy không thấy khổ vui của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bất hỷ khổ lạc.

Sao gọi là Tam-muội Vô tận tướng? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng cùng tận của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Vô tận tướng.

Sao gọi là Tam-muội Đa Đà-la-ni? Trú ở Tam-muội ấy hay giữ gìn các Tam-muội; gọi là Tam-muội Đa Đà-la-ni.

Sao gọi là Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng tà chánh nôi các Tam-muội; gọi là Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng.

Sao gọi là Tam-muội Diệt tăng ái? Trú ở Tam-muội ấy không thấy ghét thương các Tam-muội, gọi là Tam-muội Diệt tăng ái.

Sao gọi là Tam-muội Nghịch thuận? Trú ở Tam-muội ấy, không thấy các pháp các Tam-muội nghịch thuận, gọi là Tam-muội Nghịch thuận.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh quang? Trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam-muội sáng, nhơ, gọi là Tam muội Tịnh quang.

Sao gọi là Tam-muội Kiên cố? Trú ở Tam-muội ấy, chẳng đặng

các Tam-muội không kiên cố, gọi là Tam-muội Kiên cố.

Sao gọi là Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang? Trú ở Tam-muội ấy, các Tam-muội tròn đầy như trăng rằm, gọi là Tam-muội Mãn tịnh quang.

Sao gọi là Tam-muội Đại trang nghiêm? Trú ở Tam-muội ấy đại trang nghiêm thành tựu các Tam-muội, gọi là Tam-muội Đại trang nghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế? Trú ở Tam-muội ấy, hay chiếu các pháp và các Tam-muội, gọi là Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế.

Sao gọi là Tam-muội Đẳng Tam-muội? Trú ở Tam-muội ấy không thấy tướng định loạn đối với các Tam-muội; gọi là Tam-muội Đẳng Tam-muội.

Sao gọi là Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh? Trú ở Tam-muội ấy hay khiến các Tam-muội không phân biệt hữu tránh vô tránh, gọi là Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh.

Sao gọi là Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ? Trú ở Tam-muội ấy không thấy chỗ nương tựa của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ.

Sao gọi là Tam-muội Như trú định? Trú ở Tam-muội ấy không vượt qua như tướng của các Tam-muội, gọi là Tam-muội Như trú định.

Sao gọi là Tam-muội Hoại thân suy? Trú ở Tam-muội ấy không thủ đắc thân tướng, gọi là Tam-muội Hoại thân suy.

Sao gọi là Tam-muội Hoại ngữ như hư không? Trú ở Tam-muội ấy không thấy ngữ nghiệp của các Tam-muội như hư không, gọi là Tam-muội Hoại ngữ như hư không.

Sao gọi là Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm? Trú ở Tam-muội ấy thấy các pháp như hư không vô ngại, cũng không ô nhiễm, gọi là Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Ma-ha Diễn của Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN: Trên lấy mười tám không giải thích Bát-nhã Ba-la-mật, nay lấy một trăm lẻ tám Tam-muội giải thích Bát-nhã Ba-la-mật. Một trăm lẻ tám Tam-muội, Phật tự nói nghĩa đó, lúc ấy người vì lợi căn nghe nói đều được tin hiểu. Nay thì không được như vậy, nên luận giả giải thích lại nghĩa ấy, khiến cho dễ hiểu.

Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm dịch là Kiện tướng, phân biệt. Biết hành tướng các Tam-muội nhiều ít sâu cạn, như đại tướng biết các binh lực nhiều ít.

Lại nữa Bồ-tát được Tam-muội ấy, các ma phiền não và người ma không làm hoại được; ví như hảo tướng chủ binh của Chuyển luân Thánh vương, những chỗ đi đến đều hàng phục.

Tam-muội Bảo ấn là, hay ấn hợp các Tam-muội. Trong các thứ báu, pháp báu là thật báu, hay làm lợi ích đời này đời sau cho đến Niết-bàn. Như trong Kinh nói: Phật bảo Tỳ-kheo: Ta sẽ vì ngươi thuyết pháp, pháp được nói là pháp ấn, pháp ấn tức là Bảo ấn, Bảo ấn tức là cửa giải thốt.

Lại nữa, có người nói ba pháp ấn là Tam-muội Bảo ấn; hết thảy pháp vô ngã, hết thảy tác pháp (hành) vô thường, tịch diệt Niết-bàn. Ba pháp ấn ấy, hết thảy trời người không thể đúng như pháp phá hoại được. Vào Tam-muội ấy, có thể ba cách quán các pháp, ấy gọi là Bảo ấn.

Lại nữa, Bát-nhã la mật là báu, Tam-muội tương ưng Bát-nhã gọi là ấn, ấy gọi là Bảo ấn.

Tam-muội sư tử du hý là, Bồ-tát được Tam-muội ấy, thì ra vào hết thảy Tam-muội mau chậm đều được tự tại; thí như khi các con thú giỡn chơi, nếu thấy Sư tử thảy đều sợ hãi, còn khi Sư tử giỡn chơi thì tự tại không sợ gì hết.

Lại nữa, khi Sư tử giỡn chơi đối với các con thú, con mạnh thì giết, con sợ nép thì tha. Bồ-tát cũng như vậy, được Tam-muội ấy đối với các ngoại đạo, hễ kẻ cương cường thì phá, kẻ tín phục thời độ cho.

Lại nữa, Sư tử giỡn chơi là như trong phẩm đầu nói: Bồ-tát vào Tam-muội ấy có thể làm quả đất chấn động sáu cách, làm cho hết thảy mười phương thế giới địa ngục nóng lạnh, kẻ mù được thấy, người điếc được nghe v.v...

Tam-muội Diệu nguyệt là, như trăng tròn trong sạch không có các chướng che, có thể trừ đêm tối. Tam-muội này cũng như vậy. Bồ-tát vào Tam-muội ấy, hay trừ các tà kiến và vô minh che tối đối với các pháp.

Tam-muội Nguyệt tràng tướng là, như vị tướng của đại quân lấy tràng báu làm tượng mặt trăng, hễ thấy tướng tràng ấy, người đều đi theo. Bồ-tát vào trong Tam-muội ấy, thông đạt các pháp không ngăn ngại, thảy đều đi theo.

Tam-muội Xuất chư pháp là, Bồ-tát được Tam-muội ấy thì làm cho các Tam-muội tăng trưởng; thí như mưa đúng thời, rừng cây tươi tốt.

Tam-muội Quán đảnh là, vào Tam-muội ấy thì thấy được khắp Tam-muội; như ở trên chóp núi, thấy hết mọi vật.

Tam-muội Tất pháp tánh là, pháp tánh không lượng không hai, khó

có thể nắm giữ, vào Tam-muội ấy, chắc chắn được định tướng; thí như hư không, không thể cư trú, được lực thần túc, thì có thể ở được.

Tam-muội Tất tràng tướng là, vào Tam-muội ấy thì rất tôn trưởng đối với các Tam-muội; thí như quân tướng được cờ phướn, tiêu biểu vị đại tướng.

Tam-muội Kim cang là, thí như Kim cang phá hoại hết mọi vật, Tam-muội này cũng như vậy, thông đạt đến các pháp, khiến các Tam-muội mỗi mỗi đắc dụng; như xa cừ, mã não, lưu ly, chỉ có Kim cang xoi được.

Tam-muội nhập pháp ấn là, như người đi vào nước an ổn, có ấn tín thì được vào, không có ấn tín không được vào, Bồ-tát được Tam-muội ấy có thể vào trong thật tướng các pháp, đó là các pháp rốt ráo không. Tam-muội Vương an lập Tam-muội là, ví như đại vương an trú chánh điện, triệu các bầy tôi, thảy đều vâng mệnh; Bồ-tát vào Tam-muội vương, phóng ánh sáng lớn, triệu thỉnh mười phương, thảy đều tụ tập, lại sai hóa Phật khắp đến mười phương. An lập là thí như quốc vương an ổn ở chánh điện, thân tâm thản nhiên không chút sợ sệt

Tam-muội Phóng quang là, thường tu hỏa nhất thiết nhập (một trong phép tu quán mười pháp biến nhập vào khắp cả mọi vật, gọi là phép tu mười nhất thiết nhập hay mười biến xứ - ND) nên phát sinh lực thần thông, tùy ý phóng các ánh sáng màu sắc, theo chỗ ưa của chúng sinh, hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc không nóng không lạnh.

Tam-muội Năng chiếu là, ánh sáng có hai thứ:

1. Ánh sáng màu sắc.
2. Ánh sáng trí tuệ.

Trú trong Tam-muội ấy, chiếu các Tam-muội không có tà kiến vô minh v.v...

Tam-muội Lực tiến là, trước đối với các pháp được năm thứ lực là tín v.v... vậy sau đối với các Tam-muội được lực tự tại. Lại tuy ở Tam-muội mà thường biến hóa thần thông, độ các chúng sinh.

Tam-muội Cao xuất là, Bồ-tát vào Tam-muội ấy, phước đức trí tuệ có được thảy đều tăng trưởng, các tánh Tam-muội từ tâm mà ra.

Tam-muội Tất nhập biện tài là, trong bốn vô ngại biện, Tam-muội tương ưng với từ-biện tài. Bồ-tát được Tam-muội ấy, biết hết ngữ ngôn thứ lớp của chúng sinh và kinh sách, danh tự v.v... đều phân biệt được vô ngại.

Tam-muội Thích danh tự là các pháp tuy không, mà dùng danh tự biện biệt nghĩa các pháp, khiến người được hiểu.

Tam-muội Quán phương là, đối với mười phương chúng sinh, lấy tâm từ-bi thương xót bình đẳng xem xét.

Lại nữa, phương là tuân theo đạo lý gọi là được phương. Vì lực Tam-muội ấy, đối với các Tam-muội được đạo lý, ra vào tự tại vô ngại.

Tam-muội Đà-la-ni ấn là, được Tam-muội ấy, thì có thể phân biệt được các Tam-muội, đều có Đà-la-ni.

Tam-muội Vô cuống là, có Tam-muội phát sinh ái, giận, vô minh, tà kiến v.v... Tam-muội này đối với các Tam-muội hoàn toàn không có việc mê muội.

Tam-muội Nhiếp chư pháp hải là biết hết thảy dòng nước đều chảy về biển, pháp ba thừa đều vào trong Tam-muội này cũng như vậy. Lại các Tam-muội khác đều vào trong Tam-muội này, như Bốn thiền, Bốn định vô sắc thu nhiếp hết các giải thốt, định Chín thứ lớp đều vào trong đó.

Tam-muội Biến phú hư không là, hư không vô lượng vô biên, lực Tam-muội này hay trùm khắp hư không; hoặc ngồi kiết già phu, hoặc phóng ánh sáng, hoặc lấy âm thanh chứa đầy trong đó.

Tam-muội Kim cang luân là, như bánh xe chân Kim cang, chỗ ở vô ngại, được Tam-muội này, đối với các pháp đến được vô ngại.

Lại nữa, có thể phân biệt phần vị ranh giới các Tam-muội, nên gọi là luân (bánh xe), luân là phần vị ranh giới.

Tam-muội Bảo đoạn là, như có thứ báu có thể làm sạch các báu; Tam-muội này cũng như vậy, hay trừ các cấu nhơ phiền não của Tam-muội. Cấu nhơ ngũ dục dễ trừ, các cấu nhơ Tam-muội khó trừ.

Tam-muội Năng chiếu là, được Tam-muội này thì có thể lấy mười thứ trí tuệ chiếu rõ các pháp, thí như mặt trời mọc chiếu rõ Diêm-phù-đề, mọi sự đều rõ ràng.

Tam-muội Bất cầu là quán các pháp như huyễn hóa, tâm ái ba cõi dứt nên không mong cầu gì.

Tam-muội Vô trú là, Tam-muội ấy gọi là Tam-muội vô tác, trú ở Tam-muội ấy quán các pháp niệm niệm vô thường, không có lúc ngưng trụ.

Tam-muội Vô tâm tức là diệc tận định hoặc vô tưởng định, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Vào trong Tam-muội ấy, các tâm tâm số pháp không hiện hành.

Tam-muội Tịnh đăng là, đăng là đèn trí tuệ, các phiền não gọi là nhơ, lìa nhơ thì tuệ thanh tịnh.

Tam-muội Vô biên minh là, vô biên gọi là vô lượng vô số; sáng có hai: 1. Vì độ chúng sinh nên thân phóng hào quang. 2. Phân biệt tướng chung tướng riêng các pháp nên trí tuệ sáng suốt. Được Tam-muội này hay chiếu vô biên thế giới ở mười phương và vô biên các pháp.

Tam-muội Năng tác minh là, hay làm sáng nơi các pháp, như đốt đuốc trong chỗ tối.

Tam-muội Phổ chiếu minh là, ngọc báu của Chuyển luân Thánh vương, chiếu một do tuần ngoài bốn phía quân binh. Bồ-tát được Tam-muội ấy chiếu khắp mỗi mỗi môn các pháp.

Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội là, Bồ-tát được lực Tam-muội ấy nên làm cho các Tam-muội thanh tịnh cứng chắc.

Tam-muội Vô cấu minh là, Tam-muội tương ưng với ba môn giải thốt; được Tam-muội ấy lìa hết thảy cấu nhơ Tam-muội, lìa hết thảy vô minh, tham ái v.v... cũng hay chiếu hết thảy các Tam-muội.

Tam-muội Hoan hỷ là, được Tam-muội ấy thì đối với pháp sinh vui hoan hỷ. Thế nào là hoan hỷ? Có người nói: Đó là Sơ thiền. Như Phật dạy có bốn tu định:

1. Tu Tam-muội ấy được vui hiện tại hoan hỷ.
2. Tu định được biết thấy, thấy chúng sinh sinh tử.
3. Tu định được trí tuệ phân biệt.
4. Tu định được sạch hết lậu hoặc.

Lại nữa, được Tam-muội ấy thì phát sinh vô lượng vô biên pháp lạc hoan hỷ.

Tam-muội Điển quang là, như chớp sáng tạm hiện ra, người đi thấy đường; được Tam-muội ấy, bị mất đạo từ vô thỉ đời đến nay trở lại được.

Tam-muội Vô tận là, được Tam-muội ấy thì dứt các tướng vô thường của các pháp, tức vào bất sinh bất diệt.

Tam-muội Oai đức là, Bồ-tát được Tam-muội thì oai đức trang nghiêm.

Tam-muội Ly tận là, Bồ-tát được Tam-muội ấy thì chắc chắn được công đức thiện bổn vô lượng vô số kiếp, quả báo không mất.

Tam-muội Bất động là, có người nói:

Thiền thứ tư là bất động.

Ở trong cõi Dục vì ngũ dục nên động, trong Sơ thiền vì giác quán nên động, trong Nhị thiền vì mừng nhiều nên động, trong Tam thiền vui nhiều nên động, trong Tứ thiền lìa hơi thở ra vào, không có các tướng động nên bất động.

Có người nói: Bốn định vô sắc là bất động, vì lìa các sắc; có người nói diệt tận định là bất động, vì lìa tâm tâm số pháp; có người nói Tam-muội tương ưng với trí tuệ biết thật tướng các pháp rốt ráo không, nên bất động; được Tam-muội ấy đối với hết thảy Tam-muội, hết thảy pháp hoàn toàn không hý luận.

Tam-muội Bất thối là, trú ở Tam-muội ấy không thấy các Tam muội thối chuyển. Luận giả nói Bồ-tát trú ở Tam-muội ấy thường không thối chuyển, tức là Tam-muội tương ưng với trí tuệ bất thối. Bất thối là không đọa vào đảnh vị, như đã nói ở trong nghĩa đọa đảnh.

Tam-muội Nhật đăng là, được Tam-muội ấy thì có thể chiếu mỗi mỗi môn của hết thảy pháp và các Tam-muội; ví như mặt trời mọc hay chiếu hết thảy Diêm-phù-đề.

Tam-muội Nguyệt tịnh là như mặt trăng từ ngày mười sáu giảm dần đến ngày ba mươi là hết. Người phàm phu cũng như vậy, các công đức lành dần dần giảm hết phải đọa vào ba ác đạo; như mặt trăng từ ngày mồng một dần dần tăng trưởng, đến ngày mười lăm thì sáng suốt thanh tịnh, Bồ-tát cũng như vậy. được Tam-muội ấy từ khi phát tâm đời đời dần tăng trưởng thiện căn cho đến được Vô sinh pháp nhẫn, được thọ ký, trí tuệ thanh tịnh, lợi ích chúng sinh. Lại hay phá vô minh trong các Tam-muội.

Tam-muội Tịnh minh là, sáng gọi là tuệ, cấu làm ngại. Được Tam-muội ấy đối với các pháp không chướng ngại, vì vậy nên nơi đây Phật dạy: Trú trong Tam-muội ấy được bốn trí vô ngại.

Hỏi: Sao Phật chỉ riêng ở trong đây đối với Tam-muội nói bốn trí vô ngại?

Đáp: Ở trong Tam-muội không có tâm giác quán, có thể vui nói (lạc thuyết vô ngại), trái với định việc ấy là khó, vì được lực Tam-muội ấy nên được bốn trí vô ngại, nghĩa bốn trí vô ngại như trước nói.

Tam-muội Năng tác minh là, sáng tức là trí tuệ, trong các trí tuệ, trí tuệ Bát-nhã là cao tột. Tam-muội tương ưng với Bát-nhã ấy hay làm sáng.

Tam-muội Tác hành là, được lực Tam-muội ấy hay phát khởi trước tiên là được các Tam-muội.

Tam-muội trí tướng là, được Tam-muội ấy thì thấy có tướng trí tuệ thật trong hết thảy Tam-muội.

Tam-muội Như Kim cang là, được Tam-muội ấy thì lấy trí tuệ thông đạt hết thảy pháp, cũng chẳng thấy thông đạt; vì dùng vô sở đắc vậy.

Hỏi: Ba thứ Tam-muội, sao đều nói tên là Kim cang?

Đáp: Đầu nói Kim cang, giữa nói bánh xe Kim cang, sau nói như Kim cang. Tam-muội như Kim cang Phật dạy xuyên suốt hết thảy pháp, cũng không thấy Tam-muội Kim cang ấy thông suốt các Tam-muội.

Tam-muội Kim cang luân là, được Tam-muội ấy hay giữ gìn các bánh xe Tam-muội, đó đều là nghĩa của Phật dạy. Luận giả nói: Tam-muội như Kim cang là có thể phá hết thảy các phiền não kiết sử, không còn dư sót, thí như trời Đế-thích tay cầm Kim cang phá quân A-tu-la, tức là tâm cuối cùng của học nhân. Từ tâm ấy thứ lớp được ba thứ Bồ-đề, là Bồ-đề Thanh-văn, Bồ-đề Bích-chi Phật, Bồ-đề Phật Vô thượng. Tam-muội Kim cang là có thể phá hết thảy pháp vào Vô-dư Niết-bàn, không còn thọ thân sau, ví như chân Kim cang có thể phá các núi làm cho diệt sạch không còn. Bánh xe Kim cang là Tam-muội này hay phá hết thảy pháp, không ngăn ngại, ví như bánh xe Kim cang lúc chuyển đi không gì không phá, không bị chướng ngại.

Lại nữa, đầu là Kim cang, hai là bánh xe Kim cang, ba là như Kim cang. Danh tự khác nhau, Phật dạy nghĩa nó cũng khác nhau. Luận giả giải thích nhân duyên nó cũng khác, nên không nên cật nạn.

Tam-muội Tâm trú là, tâm tướng nhẹ nhanh, đi xa, vô hình, khó chế khó giữ, thường lay động như con khỉ; lại như điển chớp, cũng như lưỡi rắn. Được Tam-muội này có thể thâu nhiếp làm cho trú lại, cho đến trước dục lạc cõi trời, tâm cũng không động chuyển, huống gì dục lạc cõi người.

Tam-muội Phổ minh là, được Tam-muội ấy thì đối với hết thảy pháp thấy tướng quang minh, không có tưởng tối ám, như thấy ban ngày; thấy ban đêm cũng vậy; thấy trước thấy sau, thấy trên, thấy dưới cũng như vậy. Trong tâm vô ngại, do tu Tam-muội ấy nên được thiên nhãn thông, khắp thấy ánh sáng, rõ ràng vô ngại. Khéo tu thần thông ấy nên được thành tuệ nhãn, chiếu khắp các pháp, thấy rõ không ngại.

Tam-muội An lập là, được Tam-muội ấy thì an lập bền chắc trong hết thảy công đức thiện pháp. Như núi Tu-di ở giữa biển lớn, an lập bất động.

Tam-muội Bảo tụ là, được Tam-muội ấy, thì quốc độ có được đều thành bảy báu.

Hỏi: Điều đó mắt thịt thấy, hay thiền định thấy?

Đáp: Mắt trời, mắt thịt đều có thể thấy. Vì sao? Vì sáu trần bên ngoài bất định, hành giả thường tu tập thiền định nên có thể chuyển đổi bốn tướng nó.

Tam-muội Diệu pháp ấn là, diệu pháp là công đức và trí tuệ thâm

diệu của chư Phật Bồ-tát. Được Tam-muội ấy là được các công đức và trí tuệ thâm diệu.

Tam-muội Pháp đẳng là, đẳng có hai:

1. Chúng sinh bình đẳng,
2. Pháp bình đẳng. Tam-muội tương ưng với pháp đẳng, gọi là pháp đẳng.

Tam-muội Đoạn hỷ là, được Tam-muội ấy thì quán các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... tâm sinh nhàm lìa. Trong mười tưởng. Tam-muội này tương ưng với tưởng hết thảy thế gian không thể vui.

Tam-muội Đáo pháp đảnh là, pháp là pháp Bồ-tát, nghĩa là Sáu Ba-la-mật. Đến trong Bát-nhã Ba-la-mật, được lực phương tiện, đến đỉnh núi pháp. Được Tam-muội ấy có thể trú ở đỉnh núi pháp ấy, các vô minh phiền não không thể làm lay động.

Tam-muội Năng tán là, được Tam-muội ấy thì có thể phá tán các pháp, đây là Tam-muội tương ưng với tán không.

Tam-muội Phân biệt chư pháp cú là, được Tam-muội ấy thì có thể phân biệt ngữ ngôn tự cú của hết thảy pháp, vì chúng sinh thuyết ngôn từ không trệ ngại. Đây là Tam-muội tương ưng với trí lạc thuyết vô ngại.

Tam-muội Tự đẳng tướng là, được Tam-muội ấy thì quán các chữ, các ngữ đều bình đẳng, trách mắng hay tán thán, không có ghét thương.

Tam-muội Ly tự là, được Tam-muội ấy thì không thấy chữ ở trong nghĩa, cũng không thấy nghĩa ấy ở trong chữ.

Tam-muội Đoạn duyên là, được Tam-muội ấy, thì hoặc trong hoặc ngoài, đối với vui không sinh mừng, đối với khổ không sinh giận, đối với không khổ không vui không sinh tâm không biết mà xả. Đối với ba thọ ấy xa lìa không vướng mắc, thì tâm qui về tịch diệt, tâm nếu diệt thì duyên cũng diệt.

Tam-muội Bất hoại là, Tam-muội tương ưng với duyên pháp tánh rốt ráo không, hý luận không phá được, vô thường không chuyển được, vì trước đã hoại rồi.

Tam-muội Vô chủng tướng là, được Tam-muội ấy thì không thấy các pháp có mỗi mỗi tướng, chỉ thấy một tướng, đó là vô tướng (không có tướng).

Tam-muội Vô xứ hành là, được Tam-muội ấy thì biết lửa ba độc đốt ba cõi nên tâm không nương dựa, còn Niết-bàn rốt ráo không cũng

không nương dựa.

Tam-muội Ly mông muội là, được Tam-muội ấy, ở trong các Tam-muội, các thứ vô minh vi tế che ngăn đều trừ hết.

Tam-muội Vô khứ là, được Tam-muội ấy thì không thấy tướng đi lại của hết thảy pháp.

Tam-muội Bất biến dị là, được Tam-muội ấy thì quán hết thảy pháp, nhân không biến làm quả, như sữa không biến thành lạc, vì các pháp đều ở trong tự tướng, bất động.

Tam-muội Độ duyên là, được Tam-muội ấy thì các phiền não nơi sáu trần dứt hết, vượt qua biển lớn sáu trần, cũng có thể vượt qua hết thảy duyên Tam-muội, phát sinh trí tuệ.

Tam-muội Tập chư công đức là, được Tam-muội ấy thì nhóm các công đức, từ lòng tin đến trí tuệ, đầu đêm cuối đêm tu tập không ngừng, như mặt trời mặt trăng vận chuyển, chưa bao giờ ngừng nghỉ.

Tam-muội Trú vô tâm là, vào trong Tam-muội ấy, thì không theo tâm, chỉ theo trí tuệ, đến trú trong thật tướng các pháp.

Tam-muội Tịnh diệu hoa là, hoa trên cây rộ nở, làm cho cây nghiêm sức, được Tam-muội ấy, trong các Tam-muội mở ra các công đức để trang nghiêm.

Tam-muội Giác ý là, được Tam-muội ấy thì khiến các Tam-muội biến thành vô lậu, tương ưng với bảy giác chi, ví như một cân nhựa đá có thể biến ngàn cân đồng thành vàng.

Tam-muội Vô lượng biện tức là, lạc thuyết vô ngại biện, được lực Tam-muội ấy cho đến chỉ vui nói một câu trải vô lượng kiếp mà không cùng tận.

Tam-muội Vô đẳng đẳng là, được Tam-muội ấy xem hết thảy chúng sinh đều như Phật, xem hết thảy pháp đều đồng Phật pháp, vô đẳng đẳng, đó là tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật.

Tam-muội Độ chư pháp là, vào ba cửa giải thốt, ra khỏi ba cõi, độ chúng sinh ba thừa.

Tam-muội Phân biệt chư pháp tức là, Tam-muội tương ưng với phân biệt tuệ. Được Tam-muội ấy thì phân biệt các pháp tướng thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi.

Tam-muội Tán nghi là, có người nói: Tức là Tam-muội vô tướng trong Kiến đế đạo, vì Tam-muội tương ưng với Trí kiến để dứt nghi kiết. Có người nói: Đây là Tam-muội tương ưng với Vô sinh pháp nhẫn. Bấy giờ lưới nghi đối với hết thảy pháp đều dứt, thấy mười phương chư Phật, được thật tướng các pháp. Có người nói: Đây là Tam-muội tương ưng

với vô ngại giải thốt, chư Phật được Tam-muội ấy đối với các pháp đều vô ngại, không gần không xa, như xem bàn tay.

Tam-muội Vô trú xứ tức là, Tam-muội tương ưng với trí tuệ không lãnh thọ, được Tam-muội ấy không thấy hết thảy pháp có trú xứ nhất định.

Tam-muội Nhất trang nghiêm là, được Tam-muội ấy thì xem hết thảy pháp đều một, hoặc hết thảy pháp có tướng nên một, hoặc hết thảy pháp không có tướng nên một, hoặc hết thảy pháp không nên một, như vậy vô lượng đều một. Vì trí tuệ nhất tướng trang nghiêm Tam-muội ấy, nên nói là nhất trang nghiêm.

Tam-muội Sinh hành là, hành gọi là quán, được Tam-muội ấy, thì hay quán các hành tướng, tướng vào, tướng trú, tướng ra. Lại hành ấy đều không, cũng không thể thấy.

Tam-muội Nhất hành là, được Tam-muội ấy thì thường nhất hành, trong Tam-muội tương ưng với rốt ráo không, không còn các hành thứ lớp khác. Như trong vô thường hành, theo đấy có khổ hành, trong khổ hành thứ đến có vô ngã hành. Lại Bồ-tát đối với Tam-muội ấy không thấy bờ này, không thấy bờ kia. Tướng vào các Tam-muội là bờ này, tướng ra là bờ kia; tướng mới được là bờ này, tướng diệt là bờ kia.

Tam-muội Bất nhất hành là, trái với hành ở trên, đó là các hành tướng quán khác.

Tam-muội Diệu hành tức là, Tam-muội tương ưng với rốt ráo không (một trong mười tám không), cho đến không thấy không hai tướng, hết thảy trí luận không thể phá.

Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán là, hữu là ba cõi, để là phi hữu tưởng phi vô tưởng, vì khó đến nên gọi là để; đạt là lấy trí tuệ vô lậu xa lìa cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng mà vào Vô-dư Niết-bàn, ba cõi, năm uẩn đều là tán diệt.

Lại nữa, Bồ-tát được trí tuệ bất sanh bất diệt ấy thì hết thảy các cõi được thông đạt và tán diệt, đều không có gì.

Tam-muội Nhập danh ngữ là, được Tam-muội ấy thì biết hết thảy danh tự của hết thảy chúng sinh, hết thảy vật, hết thảy pháp, cũng lấy danh tự ấy nói giáo hóa người, hết thảy danh tự đều hiểu rõ hết, đều có thứ lớp.

Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ là, được Tam-muội ấy thì quán hết thảy các pháp đều không có âm thanh ngôn ngữ, tướng thường tịch diệt.

Tam-muội Nhiên cự là, như cầm đuốc đi đêm, không rơi chỗ hiểm,

Bồ-tát được Tam-muội ấy, dùng đuốc trí tuệ không lầm không dính đối với các pháp.

Tam-muội Tịnh tướng là, được Tam-muội ấy thì có thể thanh tịnh đầy đủ, trang nghiêm ba mươi hai tướng, lại có thể đúng như quán pháp tướng chung tướng riêng các pháp, cũng có thể quán các pháp thanh tịnh vô tướng, tức là không, vô tướng, vô tác, như phẩm Tướng nói rộng.

Tam-muội Phá tướng là, được Tam-muội ấy thì không thấy tướng hết thảy pháp huống gì tướng các Tam-muội, đây tức là vô tướng Tam-muội.

Tam-muội Nhất thiết hữu diệu túc là, được Tam-muội ấy thì lấy các công đức trang nghiêm đầy đủ, dòng họ tốt, gia đình tốt, thân tốt, quyến thuộc tốt; thiền định, trí tuệ đều đầy đủ, thanh tịnh.

Tam-muội Bất hỷ khổ lạc là, được Tam-muội ấy thì xem cái vui vẻ thế gian nhiều lỗi, nhiều lo, hư vọng điên đảo, không thể ưa vui, xem cái khổ thế gian như bịnh như mũi tên vào thân, tâm không mừng vui, vì hết thảy pháp hư dối, chẳng cầu cái vui đó. Vì sao? Vì lúc khác biến đổi là khổ; vui còn chẳng mừng huống gì đối với khổ.

Tam-muội Vô tận tướng là, được Tam-muội ấy thì xem hết thảy pháp không hoại không tận.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không rơi vào chấp bên thường?

Đáp: Cũng như Bồ-tát tuy quán vô thường cũng không rơi vào chấp đoạn, hoặc quán chẳng cùng tận không rơi trong chấp thường. Hai tướng ấy, đều không thể có được nơi các pháp. Có nhân duyên nên tu hành, nghĩa là vì tội phước chẳng mất nên nói thường, vì lìa chấp trước nên nói vô thường.

Tam-muội Đa Đà-la-ni là, được lực Tam-muội ấy, thì các Đà-la-ni như Văn trì Đà-la-ni v.v... đều tự nhiên được.

Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng là, được Tam-muội ấy thì chẳng thấy ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định, nhất tâm nhiếp lấy hết không bỏ nhóm nào. Lại nôi các pháp không thấy tướng chánh nhất định, tướng tà nhất định, vì các pháp không có tướng nhất định.

Tam-muội Diệt tăng ái là, được Tam-muội ấy thì đối với pháp khả hỷ không sinh yêu, đối pháp khả ố không sinh giận.

Tam-muội Nghịch thuận là, được Tam-muội ấy thì đối với các pháp nghịch thuận tự tại. Có thể phá chúng sinh tà nghịch, có thể thuận theo chúng sinh đáng được hóa độ. Lại lìa chấp trước nên phá hết thảy pháp, vì căn lành tăng trưởng nên thành hết thảy pháp, cũng chẳng thấy các

pháp nghịch thuận, việc ấy cũng không thấy, vì không có vậy.

Tam-muội Tịch quang là, được Tam-muội ấy thì các cấu nhô phiền não đối với các pháp không thể có được, vì không thể có được, nên các Tam-muội đều thanh tịnh.

Tam-muội Kiên cố là, có người nói tức là Kim cang Tam-muội, vì kiên cố không hoại. Có người nói: Kim cang không phải, vì Kim cang cũng dễ phá. Đây là Tam-muội tương ưng với trí biết thật tướng các pháp, không thể phá hoại như hư không, vì vậy nên gọi là kiên cố.

Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang là, được Tam-muội ấy thì lời nói thanh tịnh, không sai lầm, như mùa thu hư không trong sáng sạch, trăng tròn sáng mát mẻ đáng ưa, không chi đáng ghét. Bồ-tát cũng như vậy, tu các công đức như trăng tròn phá tối vô minh nên tịnh trí sáng suốt đầy đủ; dứt lửa ưa, giận v.v...nên công đức mát mẻ đầy đủ; làm lợi ích cho chúng sinh nên đáng ưa.

Tam-muội Đại trang nghiêm là, thấy mười phương thế giới số như hằng hà sa, lấy hoa hương bảy báu trang nghiêm, Phật ở trong đó trang nghiêm thanh tịnh như vậy, được Tam-muội ấy nên cùng một lúc trang nghiêm các công đức. Lại xem sự trang nghiêm đó rỗng không không có gì, tâm không dính mắc.

Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế là, được Tam-muội ấy nên có thể chiếu soi ba thứ thế gian là chúng sinh thế gian, trú xứ thế gian (khí thế gian) và ngũ uẩn thế gian.

Tam-muội Đẳng Tam-muội là được Tam-muội ấy, quán các Tam-muội đều nhất đẳng, nghĩa là nhiếp tâm tướng. Tam-muội ấy đều từ nhân duyên sinh, pháp hữu vi tạo tác, không có cạn sâu, được Tam-muội ấy thảy đều bình đẳng, ấy gọi là đẳng, cùng các pháp khác cũng bình đẳng không khác. Vì vậy nên theo nghĩa nói trong hết thảy pháp, tướng định, tướng loạn không thể có được.

Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh là, được Tam-muội ấy thì không thấy pháp ấy có tướng như vậy, pháp ấy không có tướng như vậy, không phân biệt các pháp hữu tránh vô tránh, đối với hết thảy pháp thông đạt vô ngại, đối với hết thảy chúng sinh cũng không tranh luận tốt xấu, chỉ theo tâm hành của chúng sinh mà độ thoát. Được Tam-muội ấy nên đối với các Tam-muội tùy thuận không nghịch.

Tam-muội Bất lạc nhất thiết trú xứ là, được Tam-muội ấy thì không ưa ở thế gian, không ưa ở phi thế gian, vì thế gian vô thường nên không ưa, trong phi thế gian thì không có hết thảy pháp, là chỗ đáng sợ nên không sinh ưa vui.

Tam-muội Như trú định là, được Tam-muội ấy thì biết tướng như thật của hết thảy pháp, không thấy có pháp gì quá hơn tướng như như ấy. Nghĩa như như, như trước đã nói.

Tam-muội Hoại thân suy là, máu thịt xương gân v.v... hòa hợp gọi là thân, thân ấy nhiều hoạn nạn, thường đấu tranh với đói, lạnh, nóng; ấy gọi là thân suy. Được Tam-muội ấy nên dùng lực trí tuệ phá hoại từng phần tướng thân suy, cho đến không thấy tướng không thể có được.

Tam-muội Hoại ngữ như hư không là, ngữ gọi là gió phát ra bên trong, chạm vào bảy chỗ nên có tiếng, nương tiếng nên có ngữ. Quán nhân duyên của ngữ ngôn như vậy nên hay phá ngữ ngôn, không sinh ngã tướng và ghét thương. Có người nói: Nhị thiền không có giác quán, đó là Tam-muội hoại ngữ, hiền thánh im lặng. Có người nói: Đó là Tam-muội định vô sắc, ở đây không có thân, lìa hết thảy sắc. Có người nói: Đó chỉ là Tam-muội của các Bồ-tát, hay phá thân bất tịnh do kiết nghiệp nhân duyên đời trước tạo ra mà thọ lấy pháp thân, tùy chúng sinh đáng được độ mà hiện các hình tướng.

Tam-muội Ly trước hư không bất nhiễm là, Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán các pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt; như hư không không vật gì ví dụ được. Độn căn Bồ-tát đắm trước hư không ấy, được Tam-muội này nên lìa nhiễm trước các pháp hư không, cũng không nhiễm trước Tam-muội ấy; như người bị sa trong bùn được có người kéo ra, khóa chân bắt làm nô bộc; có Tam-muội được lìa khỏi nhiễm trước hư không nhưng lại nhiễm trước Tam-muội thì cũng như vậy. Nay Tam-muội này có thể lìa nhiễm trước hư không, hư không cũng tự lìa nhiễm trước.

Hỏi: Phật phần nhiều nói về Tam-muội, sao ông chỉ nói các pháp?

Đáp: Phật nói nhiều về quả báo, Luận giả thì hợp cả nhân duyên và quả báo để nói, ví như người quán thân bất tịnh, được Tam-muội bất tịnh; thân là nhân duyên, Tam-muội là quả. Lại như người quán năm uẩn vô thường, khổ, không v.v... mà được Tam-muội Bảy giác ý, có thể sinh Tám Thánh đạo, Bốn quả Sa-môn.

Lại nữa, Phật thích ứng theo chúng sinh chỉ nói một pháp, Luận giả nói rộng ra, phân biệt các việc; thí như hết thảy hữu lậu đều là nhân của khổ, song Phật chỉ nói ái là nhân của khổ; hết thảy phiền não diệt gọi là Diệt đế, song Phật chỉ dạy ái tận. Bồ-tát ấy đối với các quán hạnh chắc chắn không nghi, nhưng đối với các Tam-muội thì chưa rõ, nên Phật chỉ nói Tam-muội. Luận giả nói các pháp, mà hết thảy Tam-muội

đều ở trong đó. Cuối các Tam-muội đều nên nói "dùng vô sở đắc", vì đồng Bát-nhã vậy.

Như vậy vô lượng vô biên Tam-muội hòa hợp lại gọi là Ma-ha Diễn.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 48

GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI CHÍN: BỐN NIỆM XỨ

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là Bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nôi trong nội thân quán theo thân, cũng không có giác tướng về thân, vì không thể có được. Nơi trong ngoại thân, nội ngoại thân quán theo thân, cũng không có giác tưởng về thân, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian. Nội thọ, nội tâm, nội pháp; ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp; nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, quán theo pháp, cũng không có giác tưởng về pháp, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

Tu-bồ-đề! Thế nào Bồ-tát ma-ha-tát nơi nội thân quán theo thân? Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi đi biết đi, khi đứng biết đứng, khi ngồi biết ngồi, khi nằm biết nằm, đúng như sở hành của thân, biết như vậy thì nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát như vậy nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát hoặc đến, đi, xem, ngó thường nhất tâm; eo, duỗi, cúi, ngước, mặc y Tăng già lê, cầm giữ y bát, uống ăn, nằm nghỉ, ngồi đứng, ngủ thức, nói năng, im lặng, vào thiền, ra thiền, cũng thường nhất tâm. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi nôi nội thân quán theo thân, nhất tâm nhớ nghĩ: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn. Ví như thợ thiết hoặc học trò thợ thiết, dây dài biết dài, dây ngắn biết ngắn, Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, nhất tâm niệm tưởng: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài, biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn. Như vậy, Tu-bồ-đề! Nôi nội thân quán theo thân. Siêng tinh

tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán thân tứ đại, nghĩ rằng trong thân có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Ví như người giết trâu hoặc học trò người giết trâu, dùng dao giết trâu chia làm bốn phần, chia bốn phần xong, hoặc đứng hoặc ngồi, nhìn xem bốn phần ấy, Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, lúc tu Bát-nhã Ba-la-mật, quán thân bốn đại, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân từ chân đến đỉnh da mỏng bọc quanh, đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, nghĩ rằng trong thân có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, máu, xương, tủy, lá lách, thận, tim, gan, phổi, tiểu tràng, đại tràng, dạ dày, bóng đái, nước tiểu, phân, cấu bẩn, mồ hôi, nước mắt, nước dãi, mủ, máu, đàm vàng trắng, mỡ não, ruột, màng mỏng; thí như trong kho của điền phu chứa đầy tạp cốc, đủ thứ lúa, mè, lúa mạch, đậu. Người mắt sáng mở kho liền biết đó là mè, là lúa mạch, lúa nếp, đậu, phân biệt rõ ràng. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, quán thân này từ chân đến đỉnh, da mỏng bọc quanh đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, tóc, lông, móng, răng, cho đến não, màng mỏng. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết vứt bỏ, một ngày hai ngày, cho đến năm ngày, phình trướng bầm xanh, nước mủ tươm ra, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, ta chưa thốt khỏi pháp đó. Như vậy Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nôi nội thân quán theo thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ hoặc sáu ngày hoặc bảy ngày bị quả, diều, kên kên, lang, sói, chồn, chó, các loài cầm thú như vậy cấu xé dành ăn, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thốt khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nôi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, cầm thú dành ăn, bất tịnh rã thúi, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thốt khỏi pháp đó... cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị

vứt bỏ, vòng khóa xương, máu thịt vấy nhớp, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thốt khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương máu thịt đã rã hết, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy chưa thốt khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy thân người chết vứt bỏ, vòng khóa xương đã tan rã trên đất, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thốt khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đế! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, xương rã trên đất, xương chân một nôi; xương hông, xương gân, xương lưng, xương tay, xương đỉnh, đầu lâu mỗi thứ ở mỗi nơi; tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thốt khỏi pháp ấy. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, lâu năm gió thổi, mặt trời nóng, sắc trắng như vỏ ốc, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thốt khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

LUẬN: Hỏi: Trong Bốn niệm xứ có nhiều cách quán, cớ sao chỉ nói mười hai lối quán là quán hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài?

Lại nữa, thế nào là trong, thế nào là ngoài; quán trong và ngoài xong, cớ gì còn nói riêng trong ngoài?

Lại nữa, trong Bốn niệm xứ, một niệm xứ là trong, nhiếp về pháp trong là tâm; hai niệm xứ là ngoài, nhiếp về pháp ngoài là thọ và pháp; một niệm xứ là trong ngoài nhiếp về pháp trong ngoài là thân, cớ sao nói bốn pháp đều là trong, đều là ngoài, đều là trong ngoài? Sao không chỉ nói quán thân mà nói quán theo thân? Tại sao quán thân mà không sinh giác tưởng về thân, cớ sao nói siêng tinh tấn nhất tâm? Ba mươi bảy đạo phẩm đều nên nói nhất tâm, cớ sao chỉ trong đây nói nhất tâm? Trong đây nếu khi tu hành Bốn niệm xứ, hết thảy năm triền cái đều trừ, cớ sao chỉ nói trừ tham? Sự vui mừng của thế gian cũng có thể chướng ngại đạo, cớ sao chỉ nói trừ ưu? Quán thân có các tính vô thường, khổ, không, vô ngã, cớ sao nay chỉ nói quán thân bất tịnh? Nếu chỉ quán bất tịnh, cớ sao còn niệm tưởng bốn oai nghi của thân? Việc nầy mà dễ biết

thì hỏi làm gì.

Đáp: Hành giả từ mười hai lối quán ấy mà được định tâm. Từ trước lại đây ba thứ tà hạnh hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài, phá ba thứ tà hạnh cho nên có ba thứ chánh hạnh. Có người nhiễm đắm nội tình nhiều, nhiễm đắm ngoại tình ít, như người vì bản thân nên có thể bỏ vợ con, thân thuộc bảo vật. Có người nhiễm đắm ngoại tình nhiều, nhiễm trước nội tình ít, như người vì tham của mà tan thân, vì dục mà mất mạng. Có người nhiễm đắm nội ngoại tình nhiều, nên nói ba thứ chánh hạnh.

Lại nữa, tự thân gọi là nội thân, tha thân gọi là ngoại thân. Chín thọ nhập gọi là nội thân, chín chẳng thọ nhập gọi là ngoại thân, năm căn nhãn, nhĩ v.v... gọi là nội thân, năm trần sắc, thanh v.v... gọi là ngoại thân, phân biệt nội ngoại như vậy. Hành giả trước dùng trí tuệ quán nội thân bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, tìm chẳng thấy được thân ấy tướng tốt hoặc tướng tịnh, hoặc tướng thường, hoặc lạc, hoặc ngã, hoặc thật. Nội thân đã không thể có được, lại quán ngoại thân tìm tướng tịnh, thường, ngã, lạc, thật thì cũng không thể có được. Nếu không có được bèn sinh nghi: Khi ta quán nội thì đối với ngoại lầm lẫn, khi quán ngoại đối với nội lầm lẫn, nay nội ngoại cùng quán một lần, cũng có thể có được. Lúc ấy tâm được chánh định, biết thân này bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung, như ghẻ, chín chỗ tươm chảy nhơ nhớp, đó là hầm xí, không lâu bị phá hoại, lìa tan, tận diệt, tướng chết. Thường có các khổ vây quanh như đói khát, lạnh, nóng, roi gậy, trói giam, mắng nhiếc, chê bai, già bệnh v.v... không được tự tại. Bên trong rỗng không, vô chủ, không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm, kẻ chịu; các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp nên có, tự sinh tự diệt, không lệ thuộc đâu, giống như cây cỏ, thế nên nội ngoại cùng quán. Các nghĩa nội ngoại khác như đã nói trong chương Mười tám không.

Quán theo thân là, tìm theo quán sát biết nó bất tịnh, suy già, bệnh chết, rã hoại hôi hám, xương gân mục nát, tiêu mòn trở về đất, như thân ta đây, da mỏng phủ kín, làm cho người cuồng mê lo sợ muôn mối, vì vậy nên theo dõi thân tướng trong ngoài, quán sát gốc ngọn. Lại, như Phật nói cách quán theo thân.

Không sinh giác tưởng về thân là, không thủ lấy tướng một, khác của thân mà sinh hý luận. Chúng sinh ở nôi thân khởi lên các giác tưởng, có người sinh giác tưởng cho là tịnh, có người sinh giác tưởng cho là bất tịnh, có người sinh sân giác, nhớ tội lỗi người khác. Có người quán thân này, thân là pháp gì? Bên các thân phần là một, là khác,

không sinh các giác tưởng như vậy. Vì sao? Vì không có lợi ích gì, chỉ làm ngăn ngại Niết-bàn.

Lại nữa, kẻ phàm phu, hàng Thanh-văn thủ lấy thân tướng mà quán thân, còn Bồ-tát chẳng thủ lấy thân tướng mà quán thân.

Siêng tinh tấn nhất tâm là, việc đời khéo léo tiện lợi, từ đời vô thỉ lại đây, thường lập thường làm, như ly biệt người thường dễ, ly biệt tri thức thì khó; ly biệt tri thức dễ, ly biệt cha con khó, ly biệt cha con dễ, tự lìa thân mình khó, tự lìa thân mình dễ, lìa tâm mình khó, tự không nhất tâm siêng tinh tấn thì việc ấy không thể làm được; ví như cưa cây lấy lửa, nhất tâm siêng năng không ngừng không nghỉ mới có thể được lửa, thế nên nói nhất tâm siêng tinh tấn.

Trừ tham ưu thế gian là, lòng tham trừ thì năm triền cái sạch hết; giống như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thì các mắt khác đều đi suốt.

Lại nữa, hành giả xa lìa năm dục, xuất gia học đạo, đã bỏ cái vui thế gian, chưa được cái vui thiền định, hoặc có lúc tâm sinh lo nghĩ, như cá ưa nước, tâm tướng như vậy, thường tìm sự vui, trở lại nhớ điều dục lạc xưa. Hành giả hay sinh hai tâm ấy cho nên Phật nói nên trừ tham ưu. Nói tham tức nói vui mừng thế gian; vì nó tương ưng.

Ban đầu quán bất tịnh là, thân người bất tịnh, vì da mỏng che, nên trước sinh tưởng tịnh, sau mới sinh các tưởng điên đảo khác. Vì vậy nên đầu tiên nói quán bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh phần nhiều đắm tham dục, thủ lấy tướng tịnh, còn sân nhuế, tà kiến thì không như vậy, nên trước trị tham dục phải quán bất tịnh.

Niệm bốn oai nghi của thân là, trước muốn phá giặc thân, người được nhất tâm, mọi việc làm đều được thành tựu, vì vậy nên trước tìm tòi việc của thân làm, sở hành, đến đi, ngủ thức, tọa thiền, quán việc thân làm, thường nhất tâm an tường, không lầm không loạn, quán sát bất tịnh như vậy, vì Tam-muội về bất tịnh dễ được. Thân tuy an tường mà bên trong có nhiều ác giác quán, làm phá hoại rối loạn tâm kia, vì vậy nên nói niệm hôi thở ra vào mười sáu cách để trừ giác quán. Nghĩa niệm hơi thở ra vào như trước đã nói.

Thân đã an tường, tâm không lầm loạn, vậy sau tu quán bất tịnh mới an ổn bền chắc. Nếu trước tu quán bất tịnh, vì cuồng tâm rối loạn nên bất tịnh trở thành tướng tịnh. Trong Phật pháp, hai pháp này gọi là cửa cam lồ ban đầu.

Quán bất tịnh là, Bồ-tát ma-ha-tát quán thân như cây cỏ đá ngói không khác. Bốn đại ngoài thân biến làm đồ uống ăn, chứa đầy trong

thân, phần cứng là đất, ướt là nước, nóng là lửa, động là gió. Bốn phần ấy vào bên trong tức là thân; trong bốn phần ấy đều không có ngã, không có ngã sở, đi theo bốn tướng vô thường sinh, già, bệnh, chết, không theo ý người. Khổ, không cũng như vậy, hoặc ngồi hoặc đứng, nằm thì biếng nhác, thân không động tâm cũng không động; đi thì tâm loạn, tâm không tịnh thân cũng không tịnh. Muốn lấy việc mắt thấy ví việc không thấy, nên nói ví dụ: Trâu ví dụ cho thân hành giả, kẻ mổ trâu ví dụ cho hành giả, dao ví dụ cho trí tuệ sắt bén, cướp mạng trâu ví dụ cho phá một tướng thân. Bốn phần ví dụ cho bốn đại. Người mổ trâu quán sát trâu bốn phần, không còn có trâu riêng, cũng chẳng phải là trâu. Hành giả quán thân do bốn đại cũng như vậy. Bốn đại ấy không gọi là thân. Vì sao? Vì đại có bốn mà thân chỉ là một. Lại, bốn đại là tổng tướng, thân là biệt tướng; nếu bốn đại ở ngoài thì không gọi là thân, khi vào trong thân, giả gọi là thân. Ngã không ở trong bốn đại, bốn đại không ở trong ngã. Ngã cách bốn đại xa, chỉ vì điên đảo vọng chấp là thân. Dùng trí tuệ phân tán thành không ấy, mà phân biệt bốn đại và tạo sắc, vậy sau vào ba niệm xứ kia, được vào đạo. Lại thân này từ chân đến tóc, từ tóc đến chân, da mỏng bọc quanh; suy nghĩ ngược xuôi không có một chỗ tịnh, tóc lông cho đến não, màng, nói lược thì có ba mươi sáu thứ bất tịnh, nói rộng thì rất nhiều.

Kho lúa ví dụ cho thân, nông phu ví dụ cho hành giả, ruộng gieo lúa ví dụ cho thân nghiệp nhân duyên của hành giả, gặt lúa vào kho ví dụ cho nhân duyên của hành giả thành thục thọ thân; lúa, mè, lúa tẻ, đậu ví dụ cho các thứ bất tịnh trong thân. Nông phu mở kho liền biết lúa, mè, lúa tẻ. đậu, các thứ khác nhau. Cũng như vậy, hành giả quán bất tịnh, lấy mắt tuệ kho thân thấy biết trong thân này đầy dẫy bất tịnh; chắc chắn sẽ tan hoại do kẻ khác hại hoặc do tự chết, trong thân này chỉ có phân, nước dãi bất tịnh, các thứ xấu xa hiện lộ.

Đã quán nội thân bất tịnh, nay quán ngoại thân bại hoại. Thế nên nói hai thứ bất tịnh: Một là đã hoại, hai là không hoại. Nay quán thân mình chưa hoại còn có sự hiểu biết. Nếu người kiết sử mỏng, lợi căn thì sinh tâm nhàm chán, còn người độn căn kiết sử dày, thấy người chết đã hoại, đáng sợ đáng ghét. Nếu chết một ngày đến năm ngày, bà con còn thủ hộ, khi ấy cầm thú chưa ăn, bầm xanh sình trướng, mủ máu tươm chảy, bụng phình phá vỡ, năm tạng nát hoại, phân nước tiểu hôi thối rất đáng chán ghét. Hành giả nghĩ rằng sắc thân này trước đẹp; đi lại, nói năng, đẹp đẽ lộng lẫy, dáng dấp thùy mị, mê hoặc lòng người, người dâm đãng ưa đắm. Nay xem chẳng thấy sắc đẹp ở đâu, như Phật

từng dạy, thật là pháp huyễn, chỉ dối mắt người vô trí. Sự thật ngày nay lộ hiện, hành giả liền nghĩ thân ta với thân người chết kia không khác, chưa thốt khỏi nó, làm sao tự mình mê đắm và mê đắm người khác? Lại cũng tại sao trọng mình khinh người? Quán được như vậy thì tâm điều phục, có thể cầu đạo, trừ được tham ưu thế gian.

Lại suy nghĩ thây ấy khi mới chết, chim thú trông thấy bảo chẳng phải người chết, không dám đến gần, vì vậy nên nói qua sáu, bảy ngày, thân thích đã đi hết, thì loài chim, kên kên, chồn, tranh đến xé ăn. Da thịt đã hết, ngày ngày đổi khác, vì vậy nên nói chỉ có người xương. Thấy rõ như vậy, càng sinh tâm nhàm chán, nghĩ rằng tim gan, da thịt này thật không có ngã, chỉ do thân này tập hợp nhân duyên tội phước thọ khổ vô lượng. Liền tự nghĩ thân ta không bao lâu sẽ phải như vậy, chưa lìa khỏi điều đó. Hoặc có khi hành giả thấy xương người trên đất, nước mưa dội, ngâm nắng phơi gió thổi, chỉ còn xương trắng; hoặc thấy xương gân lâu ngày đứt ra, đốt xương rã, phân tán mọi nôi, sắc trắng như bồ câu, hoặc mục nát tiêu hoại, đồng màu đất. Lúc đầu quán 36 vật bất tịnh, thây chết sình trướng, một ngày đến năm ngày, ấy là quán bất tịnh. Chim thú đến ăn cho đến đồng mầu đất, ấy là quán vô thường. Trong đó tìm ngã và ngã sở không thể có được, như trước nói do nhân duyên sinh, không tự tại, ấy là quán phi ngã. Quán thân tướng như thế không điều gì đáng vui, nếu đắm trước thì sinh ưu khổ, ấy là quán khổ.

Lấy bốn Thánh hạnh quán bất tịnh, vô thường, vô ngã, khổ để quán ngoại thân, tự biết thân mình cũng như vậy, vậy sau quán chung cả trong ngoài. Nếu tâm tốn loạn, nên nghĩ đến sự khổ già, bệnh, chết trong ba đường ác, thân mạng vô thường, Phật pháp sắp diệt. Như vậy, đánh tâm làm cho nép xuống, buộc trở lại vào trong quán bất tịnh; ấy gọi là siêng tinh tấn. Nhất tâm siêng tinh tấn nên trừ được tham ưu. Hai giặc tham ưu cướp pháp bảo của ta, hành giả nghĩ rằng thân này vô thường, bất tịnh đáng ghét, như thế cớ sao chúng sinh tham đắm thân này để khởi lên các nhân duyên tội lỗi? Suy nghĩ như vậy biết trong thân này có năm căn, ngoài có năm dục hòa hợp nên sinh cái vui điên đảo của thế gian. Tâm người tìm vui, chưa lúc nào ngưng trụ, hãy quán cái vui ấy là thật hay hư? Thân bền chắc hãy còn tan diệt, huống gì cái vui ấy? Cái vui ấy cũng không có chỗ ở, vị lai chưa có, quá khứ đã diệt, hiện tại không ngưng trụ, niệm niệm biến diệt, chỉ vì ngăn khổ nên gọi là vui, chứ không có cái vui thật. Ví như ăn uống, vì trừ khổ đói khát tạm cho là vui, ăn uống quá độ thì trở lại sinh khổ, như đã nói trong đoạn phá vui. Nên biết cái vui thế gian đều từ nhân duyên khổ sinh ra,

nó cũng hay sinh ra quả khổ, gạt người giây lát, về sau khổ vô lượng; ví như đồ ăn ngon lẫn chất độc, tuy ăn ngon thơm, chất độc hại người. Cái vui thế gian cũng như vậy, vì độc phiền não dâm dục v.v... cướp mạng trí tuệ nên tâm cuồng mê, bỏ lợi lấy suy thì ai thọ lãnh cái vui ấy? Chỉ có tâm thức. Quán kỹ cái tâm ấy niệm niệm sinh diệt, vì tương tục nên có thể thủ lấy tướng, như sóng nước, như ánh đèn. Tâm thọ khổ chẳng phái tâm thọ lạc, tâm thọ lạc chẳng phải tâm thọ khổ, tâm thọ chẳng khổ chẳng lạc chẳng phải tâm thọ khổ lạc; tướng thời gian khác nhau, vì vậy nên tâm vô thường, không tự tại, không tự tại nên vô ngã. Tưởng, tư, ức niệm v.v... cũng như vậy. Ba niệm xứ kia, tướng trong ngoài như trước đã nói. Thực hành bốn thánh hạnh ấy phá bốn điên đảo: Bất tịnh mà điên đảo chấp tịnh, vô thường mà điên đảo chấp thường, vô ngã mà điên đảo chấp ngã, khổ mà điên đảo chấp vui. Phá bốn điên đảo nên mở cửa thật tướng, khi mở cửa thật tướng rồi thì hổ thẹn thói cũ đã làm; giống như người ban đêm ăn đồ bất tịnh, lúc sau biết quấy nên hổ thẹn việc ấy.

Quán bốn pháp bất tịnh, vô thường v.v... ấy gọi là Khổ đế; các phiền não ái v.v... là nhân của khổ, ấy là Tập đế; phiền não ái v.v... dứt là Diệt đế; các phương tiện dứt phiền não ái v.v... là Đạo đế. Quán Bốn đế như vậy, tin đạo Niết-bàn, tâm an trú khối lạc, tương tợ như vô lậu, ấy gọi là Noãn pháp, như người cọ cây lấy lửa, vừa có khí nóng; hy vọng chắc chắn được lửa. Tin pháp ấy rồi, tâm ưa vui pháp ấy của Phật như Phật từng dạy: Như uống nước hay lành bệnh, biết là thầy giỏi; các người uống thuốc lành bệnh là đệ nhất trong loài người, ấy là tin Tăng. Tin Tam bảo như vậy, Noãn pháp tăng tiến, tội phước dừng lại bằng nhau, nên gọi là Đảnh pháp; như người lên núi đến đỉnh, đường đi hai bên bằng nhau. Từ Đỉnh pháp đến Nhẫn pháp cho đến A-la-hán là đường một bên, từ Noãn đến Đỉnh là đường một bên. Trong pháp Thanh-văn quán Bốn niệm xứ có được quả báo như vậy. Pháp của Bồ-tát ở nôi quán ấy không quên bản nguyện, không bỏ đại bi, trước dùng bất khả đắc không điều phục tâm địa, trú ở trong địa ấy, tuy có phiền não, tâm thường không đọa; như người tuy chưa giết được giặc, mà giam trói một nơi. Đỉnh pháp của Bồ-tát như đã nói ở trong pháp vị trước. Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp tức là Bồ-tát như thuận pháp nhẫn. Tu-đà-hoàn đạo cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật đạo là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Như ở phẩm sau Phật tự nói: Tu-đà-hoàn hoặc trí hoặc quả đều là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Bốn chánh cần, Bốn như ý túc tuy mỗi mỗi vị trí khác biệt, đều ở trong Bốn niệm xứ. Tuệ nhiều nên gọi là Bốn

niệm xứ; Tinh tấn nhiều nên gọi là Bốn chánh cần; Định nhiều nên gọi là bốn như ý túc.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao không nói trí xứ mà nói niệm xứ?

Đáp: Khi mới tập tu, chưa kịp có trí nên niệm là cửa ban đầu; thường niệm việc ấy, trí tuệ tùy theo niệm ấy nên lấy niệm làm tên. Bốn niệm xứ thật thể là trí tuệ. Vì sao? Vì quán nội ngoại thân tức là trí tuệ, niệm giữ trí tuệ ở trong duyên không để cho tán loạn nên gọi là niệm xứ. Trái với chín mươi sáu thứ tà hạnh cầu đạo nên gọi là Bốn chánh cần. Các ngoại đạo bỏ năm dục, tự làm khổ thân, không thể bỏ pháp ác bất thiện, không thể nhóm các pháp lành, còn Phật có hai cách dứt pháp ác bất thiện: Tà ác đã sinh dứt trừ, ác chưa sinh ngăn không cho sinh; đối với pháp lành cũng có hai cách là pháp lành chưa sinh khiến sinh, pháp lành đã sinh khiến tăng trưởng, ấy gọi là chánh cần. Lửa trí tuệ được gió chánh cần thì không có gì không bị đốt cháy. Chánh cần nếu quá mức thì tâm tán loạn, lửa trí suy yếu; như lửa được gió, quá mức thì hoặc tắt hoặc yếu, không thể đốt cháy, chiếu sáng, cho nên tu định để chế bớt gió tinh tấn quá mức thì có thể đắc định.

Định có bốn thứ là dục định, tinh tấn định, tâm định, tư duy định. Chế bớt trí tuệ quá mức trong Bốn niệm xứ, khi ấy định tuệ được tinh tấn nên sở dục như ý, sau được việc như ý thành biện nên gọi là như ý túc. Túc là nhân duyên như ý cũng gọi là phần. Mười hai pháp ấy ở nơi người độn căn gọi là căn; như cây có gốc mà chưa có lực, nếu ở nơi người lợi căn thời gọi là lực. Việc ấy rõ ràng có thể chóng được thành tựu công việc; như dao bén cắt đồ vật, nên gọi là lực. Sự chưa thành tựu nên gọi là đạo, sự thành tựu tư duy tu hành nên gọi là giác. Luận bàn về ba mươi bảy đạo phẩm như trước đã nói.

Hỏi: Nếu Bồ-tát tu ba mươi bảy đạo phẩm ấy, cớ sao không thủ chứng Niết-bàn?

Đáp: Vì bản nguyện bền chắc, vì tâm đại bi thâm sâu, vì biết rõ ràng thật tướng các pháp, vì mười phương chư Phật hộ niệm, như Kinh nói: Bồ-tát đến địa vị thất trụ, ngoài quán các pháp không, trong quán vô ngã, như người trong mộng buộc cây làm thuyền qua sông, giữa dòng thức dậy, nghĩ rằng ta luống tự khổ nhọc, không sông không thuyền, ta vượt qua đâu? Bồ-tát bấy giờ cũng như vậy, tâm chán nản ăn năn, ta độ cái gì, diệt cái gì? Muốn tự dứt tâm điên đảo. Bấy giờ mười phương Phật đưa tay xoa đầu nói: Lành thay, Phật tử! Chớ sinh tâm hối hận, hãy nhớ bản nguyện của ông! Ông tuy biết như thế, mà chúng sinh chưa ngộ. Ông hãy đem pháp không ấy giáo hóa chúng sinh. Điều ông chứng

được mới là một cửa, còn chư Phật vô lượng thân, vô lượng âm thanh, vô lượng pháp môn, Nhất thiết trí tuệ v.v... ông đều chưa được. Ông quán thấy các pháp không, nên đắm trước Niết-bàn. Trong các pháp không, không có chỗ diệt nên không có chỗ đắm trước. Nếu thật có diệt thì ông từ trước lại đây đã diệt. Ông chưa đầy đủ Sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp, ông nên đầy đủ pháp ấy, ngồi đạo tràng, như phép tắc của chư Phật!

Lại nữa, ba Tam-muội, mười một trí, ba căn vô lậu, Tam-muội giác quán, Mười niệm, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Tám bội xả, Định chín thứ lớp, như trước nói.

Lại nữa, Phật mười lực, Bốn không sợ, Bốn trí ngại, Mười tám pháp không chung, như đã nói trong phẩm đầu. Cuối các pháp ấy đều dùng vô sở đắc, vì hòa hợp với Bát-nhã Ba-la-mật nên rốt ráo không; gọi là trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được vậy.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, sắc trắng như chim Bồ câu, mục nát tiêu hoại hợp cùng với đất, tự nghĩ thân ta cũng như vậy, tướng như vậy, chưa thốt khỏi pháp đó. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được. Quán ngoại thân, quán nội ngoại thân cũng như vậy. Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ, cũng nên nói rộng như vậy. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Bốn chánh cần. Những gì là bốn? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh, vì không cho sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp ác bất thiện đã sinh, vì dứt trừ nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành chưa sinh, vì sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành đã sinh, vì an trụ không mất, tu tập đầy đủ thêm rộng, nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, vì không thể có được. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Bốn như ý phần. Những gì là bốn? Dục định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tâm định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tinh tấn định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tư duy định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần, vì không thể có được. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là năm căn. Những

gì là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Năm lực. Những gì là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Bảy giác phần. Những gì là bảy? Bồ-tát ma-ha-tát tu niệm giác phần nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết-bàn; tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần, nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết-bàn, vì không thể có được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Ba Tam-muội. Những gì là ba? Tam-muội Không, Vô tướng Vô tác. Tam-muội Không là các pháp tự tướng không, ấy là cửa không giải thốt. Vô tướng là hoại các pháp tướng, không nhớ không nghĩ, ấy là cửa vô tướng giải thốt; Vô tác là đối với các pháp không tạo tác, ấy là cửa vô tác giải thốt. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là khổ trí, tập trí, diệt trí, Đạo trí, tận trí, vô sinh trí, pháp trí, tỷ trí, thế trí, tha tâm trí, như thật trí. Sao gọi khổ trí? Là biết chỗ không phát sinh, ấy gọi là khổ trí. Sao gọi là tập trí? Là biết tập nên dứt, ấy gọi là tập trí. Sao gọi là diệt trí? Là biết khổ diệt, ấy gọi là diệt trí. Sao gọi là Đạo trí? Là biết Tám Thánh đạo phần, ấy gọi là Đạo trí. Sao gọi là tận trí? Là biết các pháp dâm, nộ, si diệt tận, ấy gọi là tận trí. Sao gọi là vô sinh trí? Là biết không còn sinh vào các cõi, ấy gọi là vô sinh trí. Sao gọi là pháp trí? Là biết bản tướng năm uẩn, ấy gọi là pháp trí. Sao gọi là tỷ trí? Là biết mắt vô thường, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô thường, ấy gọi là tỷ trí. Sao gọi là thế trí? Là biết danh tự nhân duyên, ấy gọi là thế trí. Sao gọi là tha tâm trí? Là biết tâm của chúng sinh khác, ấy gọi là tha tâm trí. Sao gọi là như thật trí? Là biết Nhất thiết chủng trí của chư Phật, ấy gọi là như thật trí. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là ba căn: Vị tri dục tri căn, tri căn, tri giả căn. Sao gọi là vị tri dục tri căn? Là năm căn tín,

tấn, niệm, định, tuệ của các học nhân chưa đắc quả, gọi là vị tri dục tri căn. Sao gọi là tri căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các học nhân đã đắc quả, ấy gọi là tri căn. Sao gọi là tri giả căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các vô học nhân, hoặc A-la-hán, hoặc Bích-chi Phật, chư Phật, ấy gọi là tri giả căn. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là ba Tam-muội. Những gì là ba? Tam-muội có giác có quán, Tam-muội không giác có quán, Tam-muội không giác không quán. Sao gọi là Tam-muội có giác có quán? Lìa các dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiền, ấy gọi là Tam-muội có giác có quán. Sao gọi là Tam-muội không giác có quán? Sô thiền, Nhị thiền, trung gian thiền, ấy gọi là Tam-muội không giác có quán. Sao gọi là Tam-muội không giác không quán? Từ Nhị thiền đến phi hữu tưởng phi vô tưởng định, ấy gọi là Tam-muội không giác không quán. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không có thể được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là mười niệm. Nhưng gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, niệm chết. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Tám bội xả, Định chín thứ lớp. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là mười lực của Phật. Những gì là mười?

Lực một: Phật như thật biết tướng hết thảy pháp là đạo lý hay phi đạo lý.

Lực hai: Phật như thật biết các nghiệp, các lãnh thọ của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết căn.

Lực ba: Phật như thật biết các thiền, giải thốt, Tam-muội, định, tướng cấu nhiễm, thanh tịnh, phân biệt.

Lực bốn: Phật như thật biết tướng các căn thượng hạ của chúng sinh.

Lực năm: Phật như thật biết các chỗ ham muốn, kiến giải của chúng sinh.

Lực sáu: Phật như thật biết vô số các chủng tánh của thế gian.

Lực bảy: Phật như thật biết đạo đưa đến hết thảy chỗ.

Lực tám: Phật như thật biết các túc mạng, có tướng, có nhân duyên, một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời, kiếp bắt đầu, kiếp chấm dứt, ta sinh ở trong chúng sinh kia, có họ như vậy, tên như vậy, uống ăn, khổ vui; thọ mạng dài ngắn như vậy, chết nơi kia sinh nơi đây, chết nơi đây lại sinh nơi đây; sinh nơi đây có họ tên, ăn uống, khổ vui, thọ mạng dài ngắn cũng như vậy.

Lực chín: Phật có thiên nhãn thanh tịnh quá hôn các mắt chư thiên, thấy chúng sinh khi sinh khi chết, đẹp đẽ, xấu xí, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đọa ác đạo, hoặc vào thiện đạo, nghiệp nhân duyên thọ báo như vậy. Các chúng sinh ấy thành tựu ác thân nghiệp, thành tựu ác khẩu nghiệp, thành tựu ác ý nghiệp, hủy báng Thánh nhân; vì nghiệp nhân tiếp thụ các tà kiến, nên khi thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục; các chúng sinh ấy thành tựu thiện thân nghiệp, thành tựu thiện khẩu nghiệp, thành tựu thiện ý nghiệp, không hủy báng thánh nhân, vì nghiệp nhân tiếp thu chánh kiến, nên khi thân hoại mạng chung, vào thiện đạo, sinh cõi trời.

Lực mười: Phật như thật biết các lậu đã hết nên tâm vô lậu giải thốt, tuệ vô lậu giải thốt, tự chứng tri, nhập vào pháp ấy ngay trong hiện tại biết rằng: Ta sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, từ đời nay không còn có đời sau. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là bốn không sợ. Những gì là bốn?

Vô úy một: Phật nói thành thật rằng: Ta là người Nhất thiết chánh trí, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc còn các chúng khác như thật nạn rằng: Pháp ấy Như Lai không biết, thì Ta cũng không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy hai: Phật nói lời thành thật rằng: Ta đã dứt sạch hết thảy lậu hoặc, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác, như thật nạn rằng: Lậu hoặc ấy Như Lai không sạch hết, thì Ta chẳng thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất

tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên hoặc các chúng khác không thể chuyển được.

Vô úy ba: Phật nói lời thành thật rằng: Ta nói pháp chướng đạo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc còn có các chúng khác như thật nạn rằng: Lãnh thọ pháp ấy không chướng đạo, thì Ta không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy bốn: Phật nói lời thành thật rằng: Thánh đạo Ta nói, có thể đưa ra khỏi thế gian, thực hành theo đó sẽ được hết khổ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc có các chúng khác như thật nạn rằng: Đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thì Ta không thấy có mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy nên ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm-thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Bốn trí vô ngại. Những gì là bốn? Nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, lạc thuyết vô ngại. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là Mười tám pháp không chung. Những gì là mười tám?

1. Thân chư Phật không lỗi.
2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Không có dị tướng.
5. Không có tâm bất định.
6. Biết tâm đã bỏ.
7. Dục không giảm.
8. Tinh tấn không giảm.
9. Niệm không giảm.
10. Tuệ không giảm.
11. Giải thốt không giảm.

12. Giải thốt tri kiến không giảm.
13. Hết thảy thân nghiệp hành theo trí tuệ.
14. Hết thảy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ.
15. Hết thảy ý nghiệp hành theo trí tuệ.
16. Trí tuệ biết thấy đời quá khứ không chướng ngại.
17. Trí tuệ biết đời vị lai không chướng ngại.
18. Trí tuệ biết thấy đời hiện tại không chướng ngại.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn. Những gì là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn? Môn chữ A, vì hết thảy pháp ban đầu chẳng sinh; môn chữ Ra, vì hết thảy pháp lìa cấu uế; môn chữ Ba, vì hết thảy pháp đệ nhất nghĩa; môn chữ Già, vì hết thảy pháp trọn không thể có được, hết thảy pháp không cuối cùng không sinh ra; môn chữ Na, vì các pháp lìa danh, tánh tướng chẳng được chẳng mất; môn chữ La, vì các pháp vượt thế gian, cũng là nhân của chi ái (trong 12 chi nhân duyên) diệt; môn chữ Đà, vì các pháp thiện tâm sinh, cũng là tướng bố thí; môn chữ Bà, vì các pháp chữ Bà lìa; môn chữ Đồ, vì các pháp chữ Đồ thanh tịnh; môn chữ Sa, vì các pháp vương, tánh sáu tự tại thanh tịnh; môn chữ Hòa, vì đường ngữ ngôn vào các pháp dứt; môn chữ Đa, vì vào các pháp như như bất động; môn chữ Dạ, vì vào các pháp như thật bất sinh; môn chữ Tra, vì vào các pháp chế phục không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tác giả không thể có được; môn chữ Ta, vì lúc vào các pháp không thể có được, vì các pháp chưa chuyển vậy; môn chữ Ma, vì vào các pháp, ngã sở không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, đi không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, xứ sở không thể có được; môn chữ Xà, vì vào các pháp, sinh không thể có được; môn chữ Bá, vì vào các pháp, chữ Bá không thể có được; môn chữ Đà, vì vào các pháp, tánh không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, định không thể có được; môn chữ Khư, vì vào các pháp, hư không không thể có được; môn chữ Xoa, vì vào các pháp, tận diệt không thể có được; môn chữ Sỉ, vì vào các pháp có không thể có được. Môn chữ Nhã, vì vào các pháp, trí không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, chữ Tha không thể có được; môn chữ Bà, vì vào các pháp, phá hoại không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, dục không thể có được, vì năm uẩn như bóng cũng không thể có được; môn chữ Ma, vì vào các pháp, chữ Ma không thể có được; môn chữ Hỏa, vì vào các

pháp, kêu không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Ta không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, hậu không thể có được; môn chữ Thá, vì vào các pháp xứ sở không thể có được; môn chữ Noa, vì vào các pháp, không đến không đi, không đứng, không ngồi, không nằm; môn chữ Phả, vì vào các pháp, biên không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tụ không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Tỉnh không thể có được; môn chữ Giá, vì vào các pháp, hành không thể có được; môn chữ Trá, vì vào các pháp, khu sử không thể có được; môn chữ Đồ, vì vào chỗ biên tế cùng cực các pháp, không cuối không sinh. Quá chữ Đồ, không còn có chữ để có thể nói. Vì sao? vì không còn chữ, các chữ vô ngại vô danh, cũng không diệt, cũng không thể nói, không thể chỉ bày, không thể thấy, không thể chép.

Tu-bồ-đề! Nên biết các pháp như hư không. Tu-bồ-đề! Ấy gọi là môn Đà-la-ni, đó là nghĩa chữ A. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát với các tự môn ấy, ấn cái ấn chữ A, hoặc nghe, hoặc lãnh thọ, hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc trì, hoặc vì người khác nói, biết như vậy, sẽ được hai mươi công đức. Những gì là hai mươi? Được biết nhớ mạnh, được tàm quí, được tâm kiên cố, được chỉ thú của Kinh, được trí tuệ, được vui nói vô ngại, dễ được các môn Đà-la-ni khác, được tâm không nghi hối, được nghe lành không mừng, nghe ác không giận, được không cao không hạ, trụ tâm không thêm bớt, được khôn khéo biết ngôn ngữ của chúng sinh, được khéo phân biệt Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên, Bốn duyên, Bốn đế, được khéo phân biệt các căn lợi độn của chúng sinh, được khéo biết tâm người khác, được khéo phân biệt thời tiết ngày tháng năm, được khéo phân biệt thiên nhó thông, được khéo phân biệt túc mạng thông, được khéo phân biệt sinh tử thông, được khéo nói phải đạo lý chẳng phải đạo lý, được khéo biết thân oai nghi qua lại, ngồi dậy v.v...

Tu-bồ-đề! Các môn Đà-la-ni, môn chữ A ấy v.v... ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì không thể có được.

LUẬN: Tự đẳng, ngữ đẳng là Đà-la-ni đối với các chữ bình đẳng không có yêu ghét.

Lại, các chữ ấy khi nhân duyên chưa hội hợp cũng không có, hiện tại cũng không có, chỉ ở trong tâm ta, tôi, tâm giác quán ức tưởng phân biệt nói ra, ấy là tâm tán loạn nói, không thấy sự thật; như trước bị gió làm lay động thì trông không thấy gì. Chữ đẳng là cùng với rốt ráo Niết-bàn đồng đẳng. Bồ-tát dùng Đà-la-ni ấy, đối với hết thảy pháp, thông đạt vô ngại; ấy gọi là tự đẳng, ngữ đẳng.

Hỏi: Nếu lược nói thì có năm trăm môn Đà-la-ni, nếu nói rộng thì có vô lượng môn Đà-la-ni, sao nay nói tự đẳng Đà-la-ni là cửa ban đầu của các môn Đà-la-ni?

Đáp: Trước nói một đại, thì biết các đại khác đều nói. Đây là cửa ban đầu của các Đà-la-ni, nói cửa ban đầu thì các cửa khác cũng nói.

Lại nữa, các pháp Đà-la-ni, đều phân biệt tự và ngữ mà sinh ra. Bốn mươi hai mẫu tự (Dvācatvā-Rīmsād-aksaramukha, tức bốn mươi hai mẫu tự tiếng Phạm) là căn bản của hết thảy chữ, nhân chữ có lời, nhân lời có danh, nhân danh có nghĩa. Bồ-tát hoặc nghe chữ, nhân chữ cho đến hiểu được nghĩa nó. Chữ ấy, bắt đầu là chữ A, cuối cùng là chữ Đồ, ở giữa có bốn mươi chữ. Bồ-tát được tự Đà-la-ni ấy, nếu nghe chữ A trong hết thảy lời, liền theo nghĩa nó là hết thảy pháp từ sô thỉ lại tướng chẳng sinh.

A đề là Sô; A-nậu-ba-đà là Bất sinh; nếu nghe chữ La liền theo nghĩa biết hết thảy pháp lìa tướng cấu uế. La-xà là Cấu; nếu nghe chữ Ba liền biết hết thảy pháp vào trong đệ nhất nghĩa. Ba-la Mạt-đà là Đệ nhất nghĩa; nếu nghe chữ Giá liền biết hết thảy các hành đều chẳng phải hành. Giá lê dạ là Hành; nếu nghe chữ Na, liền biết hết thảy pháp chẳng được chẳng mất; chẳng đến chẳng đi. Na là Bất; nếu nghe chữ La, liền biết hết thảy pháp lìa tướng khinh trọng. La-cầu là Khinh; nếu nghe chữ Đà, liền biết hết thảy pháp tướng lành. Đà-ma là Thiện, nếu nghe chữ Bà, liền biết hết thảy pháp không trói không mở. Bà-đà, Trung Hoa dịch là Phược, nếu nghe chữ Đồ, liền biết hết thảy pháp tướng không nóng. Nam Thiên Trúc gọi là Đồ-xà-năng là Bất nhiệt; nếu nghe chữ Sa, liền biết thân người có sáu chủng tướng. Sa, là Lục, nếu như chữ Hòa, liền biết hết thảy pháp lìa tướng ngữ ngôn. Hòa ba-tha là Ngữ ngôn; nếu nghe chữ Đa, liền biết các pháp ở trong như như bất động. Đa-tha, là Như, nếu nghe chữ Dạ, liền biết các pháp vào trong thật tướng bất sinh bất diệt. Dạ tha bạt là Thật; nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp tướng không chướng ngại. Trà-bà, là Chướng ngại, nếu nghe chữ Ca, liền biết trong các pháp không có tác giả. Ca-la-ca, là Tác giả, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp hết thảy chủng không thể có được. Tát-bà, là Nhất thiết, nếu nghe chữ Ma, liền biết các pháp lìa ngã sở. Ma ma ca la là ngã sở; nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp cùng để không thể có được. Già đà, là Để (đáy), nếu nghe chữ Tha, liền biết bốn câu "Như khứ" không thể có được. Đa-tha A-già-đà (Tathagatha), là Như khứ, nếu nghe chữ Xà, liền biết các pháp sinh già không thể có được. Xà-đề-xà la, là Sinh lão, nếu nghe chữ Thấp ba, liền biết các pháp

đều không thể có được. Như chữ Thấp ba không thể có được, chữ Thấp ba vô nghĩa nên không giải thích; nếu nghe chữ Đà, liền biết các pháp, pháp tánh không thể có được. Đà-ma là Pháp, nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp tướng tịch diệt. Xa da là Tịch diệt; nếu nghe chữ Khư, liền biết các pháp hư không không thể có được. Khư già, Trung Hoa dịch là Hư không, nếu nghe chữ Xoa, liền biết các pháp tướng tận diệt không thể có được. Xoa gia, là Tận; nếu nghe chữ Sỉ, liền biết biên tế các pháp được lợi gì. Ca-sĩ-độ-cầu-na là việc ấy được lợi gì; nếu nghe chữ Nhã, liền biết trong các pháp không có tướng Trí. Nhã-na (Prana) Trí, nếu nghe chữ Tha, liền biết các pháp tướng nghĩa không thể có được. A-lợi-tha là Nghĩa; nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp tướng không thể phá được. Bà-già là Phá; nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp không đi đâu. Già-xa-đề là Khứ; nếu nghe chữ Thấp-Ma, liền biết các pháp kiên cố như đá Kim cương. A-thấp-ma là Thạch; nếu nghe chữ Hỏa, liền biết các pháp không có tướng âm thanh. Hỏa-bà-dạ là Hoán lai (kêu lại); nếu nghe chữ Ta, liền biết tướng các pháp không xan tham không thí xả. Mạt-ta-la, là Xan, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp không dày không mỏng. Già-na là Hậu (dày); nếu nghe chữ Thá, liền biết các pháp không có trú xứ. Nam Thiên Trúc gọi là Thá-na là Xứ; nếu nghe chữ Noa, liền biết các pháp và chúng sinh không đến không đi, không ngồi không nằm, không đứng không dậy; vì chúng sinh không, pháp không. Nam Thiên Trúc gọi là Noa là Bất; nếu nghe chữ Phả, liền biết các pháp nhân quả không. Phả la là Quả; nếu nghe chữ Ca, liền biết năm uẩn không thể có được. Ca-đại là Chúng (uẩn); nếu nghe chữ Ta, liền biết chữ Ta là không. Các pháp cũng vậy; nếu nghe chữ Giá, liền biết các pháp tướng không động. Giá-la-địa là Động; nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp bờ này bờ kia không thể có được. Đa la là Ngạn; nếu nghe chữ Đồ, liền biết các pháp chắc chắn không thể có được. Ba-đồ là Tất (chắc chắn). Ngoài chữ Đồ, không còn có chữ, nếu có là chi phái của hai mươi bốn chữ, chữ này thường ở thế gian, vì tương tợ tương tục, vì vào hết thảy ngôn ngữ vô ngại. Như quốc quốc bất đông, không có danh xưng nhất định, nên nói là vô danh. Nghe xong liền tận diệt, nên nói là Diệt. Các pháp ở nơi pháp tánh, đều không thể có được huống gì có chữ để nói. Các pháp vì không có ức tưởng phân biệt nên không thể

chỉ bày. Trước tiên ý nghiệp phân biệt nên có khẩu nghiệp, nhân khẩu nghiệp nên thân nghiệp viết thành chữ, chữ là sắc pháp, hoặc mắt thấy, hoặc tai nghe, chúng sinh cưỡng gọi là chữ. Không có nhân duyên, vì

thế nên không thể thấy, không thể viết. Các pháp thường không, như tướng hư không, huống gì chữ nói xong liền mất. Văn tự Đà-la-ni ấy là cửa của các Đà-la-ni.

Hỏi: Biết nhân duyên của môn Đà-la-ni ấy có thể được vô lượng vô biên công đức, cớ sao chỉ nói hai mươi công đức?

Đáp: Phật cũng thường nói vô lượng vô biên công đức khác, vì sợ phế bỏ việc nói Bát-nhã Ba-la-mật nên chỉ lược nói hai mươi công đức.

Người được thức niệm mạnh là, Bồ-tát được Đà-la-ni ấy thường quán tướng các chữ, tu tập ức niệm nên được thức niệm mạnh.

Người được tàm quí là, nhóm các pháp lành, chán các pháp ác, nên sinh đại tàm quí.

Người tâm được kiên cố là, nhóm các phước đức trí tuệ nên tâm được kiên cố như Kim cương, cho đến dù ở trong địa ngục A-tỳ còn không thối mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống gì gặp các khổ khác.

Người được chỉ thú của Kinh là, biết Phật có năm thứ phương tiện thuyết pháp, nên gọi là được chỉ thú của Kinh. Một là Phật biết các cách thuyết pháp. Hai là Phật biết vì việc gì nên nói. Ba là Phật biết vì phương tiện nên nói. Bốn là Phật biết chỉ bày lý thú nên nói. Năm là Phật biết vì tâm đại bi nên nói.

Người được trí tuệ là, Bồ-tát nhân Đà-la-ni ấy, phân biệt phá tán các chữ, ngôn ngữ cũng không, ngôn ngữ không nên danh cũng không, danh không nên nghĩa cũng không, được rốt ráo không tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

Được trí tuệ vui nói là, đã được trí tuệ rốt ráo thanh tịnh vô ngại như vậy, vì tâm đại bi và vì bản nguyện độ chúng sinh nên vui nói không ngại.

Dễ được Đà-la-ni là, thí như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thì các mắt khác đều dễ chẻ. Bồ-tát cũng như vậy được văn tự Đà-la-ni ấy tự nhiên được các Đà-la-ni khác.

Được tâm không nghi hối là, vào trong thật tướng các pháp, tuy chưa được Nhất thiết trí tuệ mà đối với trong hết thảy pháp thâm sâu, không nghi hối.

Được nghe thiện không mừng nghe ác không giận là, phân biệt mỗi mỗi các thứ không tán thán, không hủy báng nên nghe thiện không mừng, nghe ác không giận.

Được không cao không hạ là, đã dứt hết yêu ghét.

Được khéo léo biết ngôn ngữ chúng sinh là, được Tam-muội biết hết thảy ngôn ngữ của chúng sinh.

Được khéo léo phân biệt Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên, Bốn duyên, Bốn đế là nghĩa năm uẩn v.v... như trước đã nói.

Được khéo léo phân biệt các chúng sinh có căn lợi độn, được khéo biết tâm người khác, thiên nhĩ, túc mạng, khéo nói có lẽ ấy, không có lẽ ấy là, như trong Mười lực đã nói.

Được khéo biết qua lại ngồi dậy v.v... là, như đã nói trong đoạn A-bệ-bạt-trí.

Được khéo léo phân biệt thời tiết ngày tháng năm là, ngày từ sớm đến sớm, phần đầu, phần giữa, phần cuối, đêm cũng có ba phần. Một ngày một đêm có ba mươi thời. Xuân phân, thu phân thì mười lăm thời thuộc ngày, mười lăm thời thuộc đêm. Các thời khác thì hoặc thêm hoặc bớt. Đến tháng Năm, ngày mười tám thời, đêm mười hai thời. Đến tháng Mười một, đêm mười tám thời, ngày mười hai thời. Một tháng hoặc có ba mươi ngày, hoặc ba mươi ngày rưỡi, hoặc hai mươi chín ngày, hoặc hai mươi bảy ngày rưỡi. Có bốn loại tháng là tháng của mặt trời, tháng của thế gian, tháng của mặt trăng, tháng của tinh tú. Tháng của mặt trời có ba mươi ngày rưỡi, tháng của thế gian có ba mươi ngày, tháng của mặt trăng có hai mươi chín ngày, thêm ba mươi của sáu mươi hai phần, tháng của tinh tú là hai mươi bảy ngày thêm hai mươi mốt của sáu mươi chín phần. Tháng nhuận là từ giữa tháng của mặt trời và tháng của thế gian xuất ra, ấy gọi là mười ba tháng, hoặc mười hai tháng, hoặc mười ba tháng gọi là một năm. Mỗi năm có ba trăm sáu mươi sáu ngày ngày, giáp một vòng thì trở lại ban đầu. Bồ-tát biết từng phân giờ trong mỗi ngày, phần trước đã qua, phần sau chưa sinh, phần giữa không có ngưng trụ, không có tướng để có thể thủ đắc. Nhật phần trống không, không có gì; khi đến ngày ba mươi thì hai mươi chín ngày đã diệt, làm sao hòa hợp thành tháng; tháng không có thì làm sao hòa hợp thành năm. Vì vậy nên Phật nói pháp thế gian như huyễn như mộng, chỉ là pháp dối tâm. Bồ-tát biết được ngày tháng năm hòa hợp của thế gian, biết được phá tán không có gì, ấy gọi là khéo phân biệt.

Các thứ phân biệt như vậy, gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 49

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI: PHÁT THÚ

Phần 1

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát thú hướng Đại thừa ư?

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Sáu Ba-la-mật, từ một địa vị đến một địa vị, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát thú hướng Đại thừa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát từ một địa vị đến một địa vị?

Phật bảo: Bồ-tát ma-ha-tát biết hết thảy pháp không có tướng đến đi, cũng không có pháp hoặc đến hoặc đi, hoặc đến hoặc không đến, vì tướng các pháp chẳng diệt. Bồ-tát ma-ha-tát ở các địa vị không niệm, không suy nghĩ mà tu trị địa nghiệp, cũng không thấy địa.

Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trị địa nghiệp? Bồ-tát ma-ha-tát lúc trú ở Sơ địa tu mười việc:

1. Thâm tâm kiên cố, vì là không thể có được.
2. Tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh, vì tướng chúng sinh không thể có được.
3. Tâm xả, vì người cho, người nhận không thể có được.
4. Thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao.
5. Cầu pháp, vì hết thảy pháp không thể có được.
6. Thường xuất gia, vì nhà không thể có được.
7. Thọ vui thân Phật, vì tướng hảo không thể có được.
8. Diễn xuất pháp giáo, vì các pháp phân biệt không thể có được.
9. Phá kiêu mạn, vì pháp sinh tuệ không thể có được.
10. Thật ngữ, vì các ngôn ngữ không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong Sơ địa như vậy, tu sửa mười việc trị địa nghiệp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong địa thứ hai, thường niệm tám pháp:

1. Giới thanh tịnh.
2. Biết ân, báo ân.

3. Trú lực nhẫn nhục.
4. Thọ hoan hỷ.
5. Không bỏ hết thảy chúng sinh.
6. Vào tâm đại bi.
7. Tin thầy, cung kính hỏi han, lãnh thọ.
8. Siêng cầu các Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ hai phải đầy đủ tám pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ ba tu năm pháp:

1. Học hỏi nhiều, không chán đủ.
2. Thí pháp thanh tịnh, cũng không tự cao.
3. Trang nghiêm Phật quốc độ, cũng không tự cao.
4. Chịu vô lượng cần khổ ở thế gian không lấy làm chán.
5. Ở chỗ tàm quý.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ ba phải đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tư phải thọ hành không bỏ mười pháp:

1. Không bỏ trú xứ A-lan-nhã (chỗ tịch tịnh)
2. Ít muốn.
3. Biết đủ.
4. Không bỏ công đức tu hạnh đầu đà.
5. Không bỏ giới. 6. Gớm ghét các dục.
7. Nhàm chán tâm thế gian.
8. Bỏ tất cả sở hữu.
9. Tâm không hư mất.
10. Không tiếc hết thảy tài vật.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ năm, xa lìa mười hai pháp:

1. Xa lìa kẻ bạch y thân thuộc.
2. Xa lìa Tỳ-kheo ni.
3. Xa lìa sự sẻn tiếc nhà người khác.
4. Xa lìa đàm thuyết vô ích.
5. Xa lìa giận hờn.
6. Xa lìa tự đại.
7. Xa lìa miệt thị người.

8. Xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện.
9. Xa lìa đại kiêu mạn.
10. Xa lìa tự ý thọ dụng.
11. Xa lìa điên đảo.
12. Xa lìa dâm nộ si.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ năm xa lìa mười hai việc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ Sáu pháp Ba-la-mật, lại có sáu pháp không nên làm:

1. Không khởi ý làm Thanh-văn, Bích-chi Phật.
2. Bố thí không nên sinh tâm ưu lo.
3. Thấy có người đến xin tâm không thối mất.
4. Vật sở hữu đem bố thí.
5. Sau khi bố thí tâm không ăn năn.
6. Không nghi pháp thâm sâu.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ sáu pháp, xa lìa sáu pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ bảy không chấp trước hai mươi pháp:

1. Không chấp trước ngã.
2. Không chấp trước chúng sinh.
3. Không chấp trước mạng sống.
4. Không chấp trước chúng số, cho đến không chấp trước kẻ biết, kẻ thấy.
5. Không chấp trước đoạn kiến.
6. Không chấp trước thường kiến.
7. Không chấp trước tướng.
8. Không nên chấp trước tác nhân.
9. Không chấp trước danh sắc.
10. Không chấp trước năm uẩn.
11. Không chấp trước mười tám giới.
12. Không chấp trước mười hai nhập.
13. Không chấp trước ba cõi.
14. Không làm chỗ chấp trước.
15. Không chấp trước chỗ kỳ hạn.
16. Không chấp trước chỗ dựa nương.
17. Không chấp trước ý kiến nương Phật.
18. Không chấp trước ý kiến nương Pháp.

19. Không chấp trước ý kiến nương Tăng.
20. Không chấp trước ý kiến nương Giới.

Ấy là hai mươi pháp không nên chấp trước. (Hai mươi thứ không chấp trước này, ở Kinh Đại Bát-nhã ghi:

1. Xa lìa chấp ngã cho đến chấp kẻ thấy.
2. Xa lìa chấp đoạn.
3. Xa lìa chấp thường.
4. Xa lìa chấp tướng.
5. Xa lìa chấp kiến.
6. Xa lìa chấp danh sắc.
7. Xa lìa chấp uẩn. 8. Xa lìa chấp xứ.
9. Xa lìa chấp giới.
10. Xa lìa chấp bốn đế.
11. Xa lìa chấp duyên khởi.
12. Xa lìa chấp trú trước ba cõi.
13. Xa lìa chấp hết thảy pháp.
14. Xa lìa chấp tất cả pháp như lý, không như lý.
15. Xa lìa chấp nương Phật kiến.
16. Xa lìa chấp nương pháp kiến.
17. Xa lìa chấp nương tăng kiến.
18. Xa lìa chấp nương giới kiến.
19. Xa lìa chấp nương không kiến.
20. Xa lìa chấp sự chán sợ không tánh – ND).

Lại có hai mươi pháp nên đầy đủ:

1. Đầy đủ không.
2. Chứng vô tướng.
3. Biết vô tác.
4. Ba phần thanh tịnh.
5. Đầy đủ trí từ-bi đối với hết thảy chúng sinh.
6. Không niệm hết thảy chúng sinh.
7. Bình đẳng quán hết thảy pháp cũng không đắm trong đó.
8. Biết thật tướng các pháp, việc ấy cũng không nghĩ.
9. Pháp vô sinh nhẫn.
10. Trí vô sinh.
11. Nói các pháp một tướng.
12. Phá tướng phân biệt.
13. Chuyển ức tưởng.
14. Chuyển kiến.

15. Chuyển phiền não.
16. Địa bình đẳng định tuệ.
17. Điều ý.
18. Tâm tịch diệt.
19. Trí thông suốt.
20. Không nhiễm ái.

Tu bồ đế! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ bảy nên đầy đủ hai mươi pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám nên đầy đủ năm pháp, là thuận nhập vào tâm chúng sinh, dạo chơi các thần thông; xem các nước Phật; như nước Phật được trông thấy mà tự trang nghiêm nước mình; như thật quán Phật thân mà tự trang nghiêm Phật thân, ấy gọi là đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám còn phải đầy đủ năm pháp là biết các căn cao thấp; làm thanh tịnh nước Phật; vào Tam-muội như huyễn, thường vào Tam-muội, theo thiện căn ứng hợp của chúng sinh mà thọ thân.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ chín nên đầy đủ mười hai pháp, là lãnh thọ phần hóa độ trong vô biên thế giới, Bồ-tát có được nguyện như vậy thì biết tiếng nói của trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà mà vì họ thuyết pháp, ở trong thai thành tựu; sinh thành tựu; nhà thành tựu; họ thành tựu; quyến thuộc thành tựu; xuất sinh thành tựu; xuất gia thành tựu; trang nghiêm cây Phật (cây giác ngộ) thành tựu; hết thảy các công đức lành đầy đủ thành tựu.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ chín, nên đầy đủ mười hai pháp.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ mười, nên biết giống như Phật.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với nhất thiết chúng trí, nhóm các căn lành, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát có tâm bình đẳng đối với chúng sinh?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, phát sinh Bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả, ấy gọi là Bồ-tát tâm

bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát tu bố thí?

Phật dạy: Bồ-tát thí cho hết thảy chúng sinh không phân biệt, ấy gọi là tu bố thí.

Thế nào là Bồ-tát thân cận thiện tri thức?

Phật dạy: Thường dạy trú vào trong Nhất thiết chủng trí, thiện tri thức như vậy, nên thân cận hỏi han lãnh thọ, cung kính cúng dường, ấy gọi là thân cận thiện tri thức.

Thế nào là Bồ tát cầu pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà cầu pháp, không rơi vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là cầu pháp.

Thế nào là Bồ tát thường xuất gia trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát đời đời không có tâm hỗn tạp xuất gia trong Phật pháp, không ai làm chướng ngại được, ấy gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát thấy thân tướng của Phật cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa niệm Phật, ấy gọi là Bồ-tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, vì chúng sinh thuyết pháp, đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối đều lành, diệu nghĩa khéo nói, thanh tịnh thuần nhất, đầy đủ đó là Khế kinh cho đến Luận nghị, ấy gọi là diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát do phá kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện, ấy gọi là Bồ-tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát thật ngữ trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát làm đúng như nói, ấy gọi là Bồ-tát thật ngữ trị địa nghiệp.

Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Sô địa tu hành mười việc trị địa nghiệp.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề trên kia hỏi Đại thừa, Phật mỗi mỗi đáp rõ tướng Đại thừa, trên lại hỏi phát thú Đại thừa, nay đây đáp tướng phát thú Đại thừa. Bồ-tát ma-ha-tát nương Đại thừa ấy, biết hết thảy pháp từ xưa lại đây chẳng đến chẳng đi, không động không phát, vì pháp tánh thường trú. Lại vì tâm đại bi, vì Tinh tấn Ba-la-mật, vì lực

phương tiện nên lại tu các pháp lành, lại cầu chỗ cao thắng mà không chấp thủ tướng địa vị, cũng không thấy địa vị ấy.

Hỏi: Nên đáp về phát thú Đại thừa, cớ sao nói phát thú địa.

Đáp: Đại thừa tức là địa, địa có mười phần. Từ Sơ địa đến Nhị địa gọi là phát thú; ví như cưỡi ngựa đi đến voi, bỏ ngựa cưỡi voi, cưỡi voi đi đến rồng, bỏ voi cưỡi rồng (phát thú nghĩa là phát xuất và đi đến- ND).

Hỏi: Trong đây là mười địa nào?

Đáp: Địa có hai thứ: 1. Chỉ địa vị Bồ-tát. 2. Địa vị chung, địa vị chung là từ Càn-tuệ địa cho đến Phật địa. Chỉ riêng địa vị Bồ-tát là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Hữu quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tại địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, Pháp vân địa (Có chỗ ghi: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn ly địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa – ND). Tướng mười địa này như trong kinh Thập địa nói rộng.

Bồ-tát vào Sô địa nên làm mười pháp, từ thâm tâm cho đến thật ngữ. Tu-bồ-đề, tuy biết mà vì dứt cái nghi của chúng sinh nên hỏi Thế Tôn: Thế nào là thâm tâm? Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhóm các căn lành.

Tâm Trí nhất thiết chủng là, Bồ-tát ma-ha-tát ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Ta trong đời vị lai sẽ làm Phật, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy tức là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tương ưng là, buộc tâm, nguyện ta sẽ làm Phật. Nếu Bồ-tát lợi căn, nhóm nhiều phước đức, các phiền não mỏng, tội nghiệp quá khứ ít. Phát tâm tức thâm tâm. Thâm tâm vui sâu Phật đạo, đời đời tâm thế gian mỏng, ấy gọi là tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, làm hết thảy công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu định v.v... không cầu phước lạc đời này đời sau, sống lâu an ổn, chỉ vì Trí nhất thiết chủng; ví như người xan tham, không có nhân duyên, cho đến một tiền cũng không thí, tham tiếc tích tụ, chỉ mong tăng trưởng. Bồ-tát cũng như vậy, phước đức hoặc nhiều hoặc ít, không hướng đến việc khác, chỉ tham tiếc tích tụ, hướng đến Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ-tát ấy chưa biết Trí nhất thiết chủng, không được mùi vị của nó, làm sao có thể có được thâm tâm cầu Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Tôi trước đã nói. Người ấy nếu lợi căn, các phiền não mỏng, phước đức thuần hậu, không ưa vui vẻ thế gian, tuy chưa nghe tán thán

Đại thừa, còn không ưa vui thế gian huống gì đã nghe. Như Ma-ha Ca-diếp cưới gái Kim sắc làm vợ, tâm chẳng ưa vui, xả bỏ xuất gia. Lại như con trưởng giả Gia-xá, nửa đêm trông thấy bọn thể nữ đều giống như chết, liền bỏ của báu trị giá mười vạn lượng vàng, đi chân đến bên bờ sông, vượt qua thẳng đến chỗ Phật. Các quốc vương, quý nhân như vậy, người chán bỏ ngũ dục vô số, huống gì Bồ-tát nghe nói mỗi mỗi nhân duyên công đức Phật đạo, mà không tức thời phát tâm thâm nhập? Như trong phẩm Tát-đà-ba-luân ở sau, con gái Trưởng giả nghe tán thán công đức Phật, liền bỏ nhà đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt.

Lại nữa, năm căn tín, tấn v.v... thành tựu thuần thục nên có thể được thâm tâm ấy, ví như tiểu nhi, năm thức nhãn nhĩ v.v... vì căn chưa thành tựu nên không phân biệt được năm trần, không biết tốt xấu. Năm căn tín, tấn v.v... chưa thành tựu cũng như vậy. Không rõ thiện ác, không biết trói mở, ưa vui năm dục, chìm trong tà kiến. Năm căn tín tấn v.v... thành thục thì có thể phân biệt thiện ác. Còn ưa vui mười thiện đạo, pháp Thanh-văn, huống gì đạo Vô thượng mà không tưởng niệm sâu xa. Bắt đầu phát tâm vô thượng đạo đã là tối thượng ở trong thế gian huống gì khi đã thành tựu.

Lại nữa, Bồ-tát bắt đầu được mùi vị Bát-nhã Ba-la-mật nên có thể phát sinh thâm tâm; như người bị nhốt ở chỗ tối, qua khe nhỏ thấy ánh sáng, thì tâm sung sướng nhảy nhót, nghĩ rằng: Tất cả mọi người đều chỉ cần thấy được ánh sáng. Như vậy, hân hoan ưa vui, liền sinh thâm tâm nhớ tới ánh sáng ấy, tìm cách thốt ra. Bồ-tát cũng như vậy, vì nhân duyên nghiệp trước mà bị nhốt trong ngục mười hai nhập vô minh tối tăm, có thấy biết gì đều là hư vọng. Khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật, được chút mùi vị, nhớ sâu Trí nhất thiết chủng, rằng ta sẽ làm sao ra khỏi cái ngục sáu thức này, được giống như Phật, thánh nhân.

Lại nữa, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành theo nguyện, vì vậy nên sinh thâm tâm.

Thâm tâm là, ưa các pháp không bằng ưa Trí nhất thiết chủng, yêu hết thảy chúng sinh không bằng yêu Phật. Lại sâu vào tâm bi, lợi ích chúng sinh, như vậy gọi là tướng thâm tâm. Sô địa Bồ-tát nên thường tu hành tâm ấy.

Tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh là, Bồ-tát được thâm tâm ấy rồi, tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh, chúng sinh thường tình ưa cái mình thân, ghét cái mình ghét. Bồ-tát được thâm tâm nên người oán kẻ thân bình đẳng, xem đó không hai. Trong đây Phật tự nói: Đẳng tâm là Bốn tâm vô lượng. Bồ-tát thấy chúng sinh thọ vui,

thì sinh tâm từ, tâm hỷ, nguyện rằng Ta sẽ làm cho hết thảy chúng sinh đều được cái vui của Phật. Nếu thấy chúng sinh thọ khổ thì sinh tâm bi thương xót, nguyện rằng Ta sẽ cứu chúng sinh ra khỏi khổ; nếu thấy chúng sinh thọ không khổ không vui, thì sinh tâm xả, nguyện rằng Ta sẽ làm cho chúng sinh bỏ tâm thương ghét. Các nghĩa khác về Bốn tâm vô lượng như trước nói.

Tâm xả là, xả có hai thứ:

1. Xả của, tu bố thí.

2. Xả kiết sử, đắc đạo. Đây lấy việc trừ xan lẫn làm xả, làm nhân duyên cho xả kiết sử, đến địa thứ bảy mới có thể xả kiết sử.

Hỏi: Tướng xả có các thứ trong ngoài, nhẹ nặng, tài thí, pháp thí, thế gian, xuất thế gian v.v... cớ sao Phật chỉ nói bố thí xuất thế gian không có phân biệt ức tưởng?

Đáp: Bố thí tuy có các tướng, nhưng đây chỉ nói đại bố thí không chấp thủ tướng.

Lại nữa, Phật không đắm trước hết thảy pháp, cũng lấy đó dạy Bồ-tát bố thí, khiến như Phật pháp không đắm trước. Trong đây nên nói rộng bố thí không phân biệt, các tướng bố thí khác đã phân biệt nói ở nhiều nơi.

Nghĩa thân cận thiện tri thức như trước đã nói.

Cầu pháp là, pháp có ba:

1. Pháp vô thượng trong các pháp, đó là Niết-bàn.

2. Pháp phương tiện được Niết-bàn, đó là Tám Thánh đạo.

3. Tất cả lời nói lành, lời nói chân thật, giúp Tám Thánh đạo là 84.000 pháp tụ, mười hai bộ Kinh. Bốn tạng là A-hàm, A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, Tạp-tạng. Các kinh Đại thừa như đại Bát-nhã Ba-la-mật v.v... đều gọi là pháp. Trong đây, cầu pháp là viết chép, đọc tụng, ức niệm đúng đắn, như vậy, vì trị bệnh chúng sinh nhóm các pháp dược, không tiếc thân mạng. Như đức Phật Thích-ca Văn, lúc xưa làm Bồ-tát, tên là Lạc Pháp, đời ấy không có Phật, không được nghe lời nói lành, đi bốn phương cầu pháp, siêng năng không biếng nhác, trọn không chứng được, khi ấy ma biến làm người Bà-la-môn, nói với Bồ-tát rằng: Ta có bài kệ của Phật, ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực, ghi chép kệ ấy, ta sẽ nói cho ông.

Bồ-tát liền tự nghĩ: Ta đời đời nát thân vô số mà không được lợi này, liền tự lột da phơi khô, để chép kệ ấy. Ma liền biến mất. Khi ấy Phật biết tâm chí thành của Bồ-tát liền từ phương dưới vọt lên, thuyết cho pháp thâm sâu, Bồ-tát liền được vô sinh pháp nhẫn. Lại như Bồ-

tát Tát-đà-ba-luân (Thường đề Bồ-tát) khổ hạnh cầu pháp, như Bồ-tát Thích-ca Văn, trăm cái đinh đóng vào thân, vì tâm cầu pháp. Lại như vua Kim Kiên khoét thân năm trăm chỗ làm tim đèn, gieo từ núi cao vào lửa. Như vậy các cách khổ hạnh khó làm, vì chúng sinh mà cầu pháp.

Lại nữa, Phật tự nói tướng cầu pháp, vì Trí nhất thiết chủng, chứ không vì địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Thường xuất gia là, Bồ-tát tại gia có các nhân duyên gây tội, nếu Ta ở nhà thì tự mình không thể tu hạnh thanh tịnh, làm sao khiến người khác được hạnh thanh tịnh? Nếu theo phép tại gia thì có những roi gậy làm khổ não chúng sinh, nếu làm theo pháp lành thì phá phép tại gia. Trù lượng hai việc, ta nay không xuất gia, thì khi chết cũng phải bỏ hết, xa lìa bây giờ, phước đức rất lớn.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng hết thảy quốc vương, quí nhân thế lực như trời, cầu vui chưa thôi thì cái chết đến cướp ngang! Ta nay vì chúng sinh nên bỏ nhà, giữ giới thanh tịnh, cầu Phật đạo, đầy đủ nhân duyên Giới Ba-la-mật. Trong đây Phật tự nói, Bồ-tát đời đời không tạp tâm xuất gia. Không tạp tâm là không xuất gia trong chín mươi sáu phái ngoại đạo, chỉ xuất gia trong Phật đạo. Vì sao? Vì trong Phật đạo có hai thứ chánh kiến là thế gian chánh kiến và xuất thế gian chánh kiến.

Ưa vui thân Phật là, nghe lời tán thán Phật có các công đức Mười lực, Bốn điều không sợ, Đại từ Đại bi, hết thảy trí tuệ. Lại thấy thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, phóng hào quang lớn, trời người cúng dường, không biết chán đủ, tự biết ta trong đời sau cũng sẽ được như vậy. Giả sử không có được nhân duyên làm Phật mà còn ưa vui, huống sẽ được mà không ưa vui. Có được thâm tâm ưa thích Phật ấy nên đời đời thường được gặp Phật.

Diễn xuất giáo pháp là, Bồ-tát cầu pháp như trên rồi, vì chúng sinh mà diễn nói.

Bồ-tát tại gia là, phần nhiều đem của bố thí, còn xuất gia thì tâm ưa Phật nặng nên thường lấy pháp bố thí. Hoặc Phật ở đời, hoặc không ở đời, khéo tu trì giới, không cầu danh lợi, tâm bình đẳng vì hết thảy chúng sinh mà thuyết pháp, tán thán nghĩa bố thí, gọi là sơ thiện phân biệt; tán thán trì giới, gọi là trung thiện. Quả báo của hai việc này là hoặc được sinh vào nước chư Phật, hoặc làm trời lớn, gọi là hậu thiện.

Lại nữa, thấy chịu thân năm thọ uẩn ở trong ba cõi nhiều khổ não, thì sinh tâm nhàm chán, gọi là sơ thiện, bỏ nhà xuất gia, vì thân xa lìa nên gọi là trung thiện; vì tâm xa lìa phiền não, nên gọi là hậu thiện.

Giải nói Thanh-văn thừa, gọi là sơ thiện; giải thuyết Bích-chi Phật thừa, gọi là trung thiện; tuyên dương Đại thừa, gọi là hậu thiện.

Diệu nghĩa diệu ngữ là, ba loại ngôn ngữ, tuy lời diệu mà nghĩa cạn cợt, hoặc tuy lý thâm diệu mà lời không đầy đủ, vì vậy nên nói diệu nghĩa diệu ngữ. Lìa ba độc cầu chỉ nói chánh pháp, không tạp phi pháp, ấy gọi là thanh tịnh. Đầy đủ Tám Thánh đạo, Sáu Ba-la-mật nên gọi là đầy đủ.

Tu-đa-la, mười hai bộ Kinh như trước đã nói.

Phá kiêu mạn là Bồ-tát ấy xuất gia, giữ giới, thuyết pháp dứt nghi cho chúng, hoặc có khi tự thị mà sinh kiêu mạn. Lúc ấy nên nghĩ rằng, ta cạo tóc mặc Ca-sa, bưng bát khất thực, ấy là phương pháp phá kiêu mạn, tại sao ở đây ta sinh kiêu mạn?

Lại, kiêu mạn ấy ở trong tâm người thì che mất công đức, người ta không ưa, tiếng xấu lan truyền, thân sau thường sinh vào trong loài súc sinh tệ ác, hoặc sinh trong loài người quê mùa hà tiện. Biết kiêu mạn có vô lượng tội lỗi như vậy, phá kiêu mạn ấy vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như người cầu tài vật còn phải khiêm tốn hạ mình, huống gì cầu đạo Vô thượng. Do phá kiêu mạn mà thường sinh chỗ tôn quí, trọn không sinh vào nhà hà tiện.

Thật ngữ là, gốc của các điều lành, là nhân duyên được sinh cõi trời, được người tín thọ. Người tu hành thật ngữ, không cần bố thí, trì giới, học vấn, chỉ tu thật ngữ, được phước vô lượng. Thật ngữ là làm đúng như nói.

Hỏi: Khẩu nghiệp có bốn thứ, cớ sao chỉ nói thật ngữ?

Đáp: Trong Phật pháp quí sự thật, nên nói thật là thu nhiếp các điều khác. Bốn đế thật nên được Niết-bàn.

Lại nữa, Bồ-tát với chúng sinh cọng sự, nói dữ, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, hoặc có khi có thể có, còn vọng ngữ tội nặng nên ở Sô địa phải bỏ. Bồ-tát ấy tu hành Sơ địa, chưa thể đầy đủ tu cả bốn nghiệp miệng, nên chỉ nói thật ngữ. Trong địa thứ hai thì có thể đầy đủ.

Hỏi: Trong Sơ địa cớ sao chỉ nói mười việc?

Đáp: Phải là vua pháp, tự tại giữa các pháp, biết mười pháp ấy thành được Sơ địa; ví như lương y biết rõ dược thảo số lượng hoặc năm hoặc mười đủ để trừ bệnh, trong đây không nên nạn hỏi nhiều ít.

KINH: Thế nào là Bồ-tát giới thanh tịnh? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có tâm niệm đến Thanh-văn, Bích-chi Phật và các sự phá giới chướng đạo pháp Phật, gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát biết ân, báo ân? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hành đạo

Bồ-tát cho đến ân nhỏ còn không quên huống gì ân nhiều, ấy gọi là Bồ-tát biết ân, báo ân.

Thế nào là Bồ-tát trụ ở lực nhẫn nhục? Nếu Bồ-tát không sân không não đối với hết thảy chúng sinh, ấy gọi là trú ở lực nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ-tát thọ hoan hỷ? Thành tựu cho chúng sinh, lấy đó làm mừng, ấy gọi là thọ hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ hết thảy chúng sinh? Nếu Bồ-tát có tâm niệm muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ấy gọi là không bỏ hết thảy chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát vào tâm đại bi? Nếu Bồ-tát nghĩ như vầy: Ta vì mỗi mỗi chúng sinh chịu cần khổ trong địa ngục trải qua nhiều kiếp như cát sông Hằng, cho đến mỗi chúng sinh ấy được Phật đạo vào Niết-bàn, như vậy gọi là vì mười phương hết thảy chúng sinh nhẫn chịu thống khổ, ấy gọi là vào tâm đại bi.

Bồ-tát tin thầy, cung kỉnh, hỏi han, lãnh thọ thế nào? Nếu Bồ-tát đối với các thầy tưởng như là Thế Tôn, ấy gọi là tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ.

Thế nào là Bồ-tát siêng cầu các Ba-la-mật? Nếu Bồ-tát nhất tâm cầu các Ba-la-mật không cầu việc khác, ấy gọi là siêng cầu các Ba-la-mật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ hai đầy đủ tám pháp.

Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát học vấn nhiều không nhàm đủ? Pháp của chư Phật nói, hoặc nói ở trong thế giới này, hoặc chư Phật trong mười phương thế giới nói, đều muốn nghe và thọ trì, ấy gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ.

Thế nào là Bồ-tát pháp thí thanh tịnh? Có bố thí pháp cho đến không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống gì cầu việc khác, ấy gọi là thí pháp không cầu danh lợi.

Thế nào là Bồ-tát tịnh thế giới Phật? Đem các căn lành hồi hướng, tịnh thế giới Phật, ấy gọi là tịnh thế giới Phật.

Thế nào là Bồ-tát chịu vô lượng cần khổ của thế gian không lấy làm chán? Nhờ đầy đủ các căn lành nên có thể thành tựu chúng sinh, cũng trang nghiêm Phật độ, cho đến khi đầy đủ Trí nhất thiết chủng trọn không mệt chán, ấy gọi là chịu vô lượng cần khổ không lấy làm chán.

Thế nào là Bồ-tát trú ở chỗ tàm quí? Hổ thẹn ý nghĩ Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là trú ở chỗ tàm quí; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong địa thứ Ba-đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ trú xứ A-lan-nhã? Hay vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là không bỏ trú xứ A-lan-nhã.

Thế nào là Bồ-tát ít muốn? Bồ-tát ít muốn là cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không muốn, huống gì thứ khác, ấy gọi là ít muốn.

Thế nào là Bồ-tát biết đủ? Được Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là biết đủ.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ công đức đầu đà? Quán các pháp nhẫn thâm sâu, ấy gọi là không bỏ công đức đầu đà.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ giới? Không chấp thủ giới tướng, ấy gọi là không bỏ giới.

Thế nào là Bồ-tát gớm ghét các dục? Tâm dục không sinh, ấy gọi là gớm ghét các dục.

Thế nào là Bồ-tát tâm chán thế gian? Biết hết thảy pháp chẳng tạo tác, ấy gọi là chán thế gian.

Thế nào là Bồ-tát bỏ tất cả sở hữu? Không tiếc các pháp trong ngoài, ấy gọi là bỏ tất cả sở hữu.

Thế nào gọi là Bồ-tát tâm không ẩn mất? Hai thứ thức xứ tâm không sinh, ấy gọi là tâm không ẩn mất.

Thế nào là Bồ-tát không tiếc hết thảy vật? Đối với hết thảy vật không đắm không nhớ, ấy gọi là không tiếc hết thảy vật; ấy là Bồ-tát ở trong địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Vì sao Bồ-tát xa lìa hàng bạch y thân thích? Vì Bồ-tát tùy chỗ sinh ra đều muốn xuất gia, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thường xuất gia, cạo tóc, mặc pháp y, ấy gọi là xa lìa hàng bạch y thân thích.

Vì sao Bồ-tát xa lìa Tỳ-kheo ni? Không ở chung với Tỳ-kheo ni, dù cho trong khoảng khắc cũng không sinh niệm, ấy gọi là xa lìa Tỳ-kheo ni.

Vì sao Bồ-tát xa lìa lẫn tiếc nhà người khác? Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Ta nên làm an lạc chúng sinh, nay kia giúp ta an lạc, cớ sao ta sinh lẫn tiếc? Ấy gọi là xa lìa lẫn tiếc nhà người khác.

Vì sao Bồ-tát xa lìa đàm thuyết vô ích? Vì nếu có đàm thuyết thì hoặc sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, ta nên xa lìa; ấy gọi là đàm thuyết vô ích.

Vì sao Bồ-tát xa lìa sân hận? Vì Không để cho tâm sân, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, ấy gọi là xa lìa sân hận.

Vì sao Bồ-tát xa kìa tự đại (Đại Bát-nhã ghi: Khen mình chê người – ND) ? Vì không thấy pháp trong, ấy gọi là xa lìa tự đại.

Vì sao Bồ-tát xa lìa miệt thị người? Vì không thấy pháp ngoài, ấy gọi là xa lìa miệt thị người.

Vì sao Bồ-tát xa lìa mười bất thiện đạo? Vì mười bất thiện đạo ấy hay chướng ngại Tám Thánh đạo, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là xa lìa mười bất thiện đạo.

Vì sao Bồ-tát xa lìa đại mạn? Vì Bồ-tát không thấy pháp có thể khởi lên đại mạn (tăng thượng mạn), ấy gọi là xa lìa đại mạn.

Vì sao Bồ-tát xa kìa tự dụng? Vì Bồ-tát không thấy pháp có thể khởi lên tự dụng, ấy gọi là xa lìa tự dụng (Đại Bát-nhã ghi: Do dự - ND).

Vì sao Bồ-tát xa lìa điên đảo? Vì chỗ điên đảo không thể có được, ấy gọi là xa lìa điên đảo.

Vì sao Bồ-tát xa lìa dâm, nộ, si? Vì chỗ dâm, nộ, si không thể thấy được, ấy gọi là xa lìa dâm, nộ, si; ấy là trú địa thứ năm xa lìa mười hai pháp.

Bồ-tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu pháp đó là Sáu Ba-la-mật. Chư Phật và Thanh-văn, Bích-chi Phật trú trong Sáu Ba-la-mật, có thể qua bờ kia, ấy gọi là đầy đủ sáu pháp.

Vì sao Bồ-tát không tác ý Thanh-văn, Bích-chi Phật? Vì nghĩ rằng ý Thanh-văn, Bích-chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ-tát bố thí không sinh tâm ưu? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ-tát thấy có người đến xin, tâm không thối mất? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ-tát bố thí vật sở hữu? Bồ-tát khi mới phát tâm bố thí, không nói rằng người ấy đáng cho, người ấy không đáng cho.

Vì sao Bồ-tát sau khi bố thí không hối tiếc? Vì lực từ-bi.

Vì sao Bồ-tát không nghi pháp sâu xa? Vì lực công đức của lòng tin; ấy là Bồ-tát trú trong địa thứ sáu xa lìa sáu pháp.

LUẬN: Luận giả nói: Giới thanh tịnh là ở Sô địa phần nhiều bố thí, thứ đến biết trì giới hơn bố thí. Vì sao? Vì trì giới thì thu nhiếp hết thảy chúng sinh, bố thí thì không thể trùm khắp hết thảy, còn trì giới biến khắp vô lượng; như giới không sát sinh thì là bố thí mạng cho hết thảy chúng sinh; như chúng sinh vô lượng vô biên thì phước đức cũng vô lượng vô biên. Lược nói các việc làm phá hoại Phật đạo, trong đây đều gọi là phá giới. Lìa sự ô cấu phá giới ấy, gọi là thanh tịnh; cho đến tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật còn gọi là giới cấu, huống gì các việc ác khác.

Biết ân báo ân là, có người nói, ta đời trước có nhân duyên phước

đức nên được, hoặc nói ta tự nhiên tôn quí, ông có ân gì? Rơi vào tà kiến như vậy, nên Phật nói Bồ-tát nên biết ân. Chúng sinh tuy có nhân vui của đời trước, song đời nay việc không hòa hợp thì do đâu được vui; ví như lúa gieo ở đất, không mưa thì không mọc, không thể vì đất có thể mọc lúa mà nói mưa không có ân; tuy vật được thọ dụng là đã gieo đời trước, mà người cung phụng với tâm tốt kính ái, há lại chẳng phải ân sao?

Lại nữa, biết ân là gốc đại bi, mở cửa ban đầu thiện nghiệp, được người ái kính, danh dự truyền xa, chết được sinh cõi trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân thì tệ hơn súc sinh. Như Phật nói kinh Bổn sinh rằng: Có người vào núi đốn cây, mê tối lạc đường, khi ấy gặp mưa bão, trời tối đói rét, ác trùng thú độc muốn đến xâm hại. Người ấy đi vào một cái hang đá, trong hang có một con gấu lớn, người ấy trông thấy khiếp sợ đi ra. Gấu nói: Ngươi chớ khiếp sợ, nhà này ấm nóng, có thể ở đêm. Thời gian mưa suốt bảy ngày, gấu thường lấy trái ngọt nước ngon, cung cấp cho người ấy; bảy ngày ngưng mưa, gấu đưa người ấy chỉ cho đường đi. Gấu nói với người: Ta mang thân tội, có nhiều kẻ oan gia, nếu có ai hỏi, chớ nói thấy ta. Người đáp: Vâng. Người ấy đi tới, gặp các người thợ săn, thợ săn hỏi: Ông từ đâu đến? Thấy có bầy thú chăng? Đáp: Ta thấy một con gấu lớn; gấu ấy có ân với ta, không được chỉ cho ông. Thợ săn nói: Ông là người, nên vì cùng loài người thân nhau, cớ sao lại tiếc thương con gấu. Nay một lần lạc đường, lúc nào trở lại? Ông chỉ cho tôi, tôi sẽ cho ông nhiều phần! Người ấy đổi tâm, liền đem thợ săn chỉ chỗ gấu ở. Thợ săn giết gấu, liền lấy nhiều phần đưa cho. Người ấy ngả tay lấy thịt, hai khuỷu tay đều bị sa xuống. Thợ săn nói: Ông có tội gì? Đáp: Gấu ấy xem ta như cha với con, ta nay bội ân, mắc phải tội ấy. Thợ săn khiếp sợ, không dám ăn thịt, đem thí chúng Tăng, bấy giờ vị Thượng tọa là A-la-hán đủ sáu thần thông nói với các vị hạ tọa: Đây là vị Bồ-tát sẽ thành Phật trong đời vị lai, chớ ăn thịt ấy. Liền dựng tháp cúng dường.

Vua nghe việc ấy, sắc xuống trong nước: Người không biết ân, không cho ở đây. Lại dùng các nhân duyên tán thán người biết ân. Cái nghĩa lý biết ân, ban khắp cõi Diêm-phù-đề, người đều tin làm.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu người có việc ác đối với ta, ta còn nên hóa độ, huống gì người đối với ta có ân.

Lực an trú nhẫn nhục như đã nói rộng trong đoạn Nhẫn Ba-la-mật.

Hỏi: Tướng nhẫn nhục có nhiều nhân duyên, sao trong đây chỉ nói

không giận, không não?

Đáp: Đây là thể nhẫn nhục. Trước khởi tâm giận vậy sau thân miệng mới xúc não người khác. Bồ-tát ấy mới bắt đầu tu nên chỉ nói chúng sinh nhẫn (nhẫn đối chúng sinh) không nói pháp thân nhẫn (nhẫn đối với pháp).

Thọ hoan hỷ là, Bồ-tát thấy việc trì giới thân miệng thanh tịnh; biết ân và nhẫn nhục tâm thanh tịnh; ba nghiệp thanh tịnh thì tự nhiên sinh hoan hỷ. Ví như người tắm nước nấu hương thơm, mặc áo mới đẹp, trang nghiêm anh lạc, tự soi gương, tâm sinh hoan hỷ, Bồ-tát cũng như vậy, được thiện pháp ấy tự trang nghiêm. Giới là căn bản của thiền định trí tuệ, ta nay được giới thanh tịnh nên vô lượng vô biên phước đức đều dễ được, vì vậy tự mình vui mừng. Bồ-tát an trú trong tịnh giới và nhẫn nhục, giáo hóa chúng sinh, khiến được sinh ở trước Phật nôi phương khác, lại sinh vào cõi trời cõi người thọ vui, hoặc khiến đắc Thanh-văn, Bích-chi Phật thừa. Phật thừa là, xem thấy chúng sinh đắm trước cái vui như Trưởng giả xem thấy con dại vui đùa với nhau, cũng cùng vui đùa với nó, rồi lấy một ít vật lạ cho nó, khiến nó bỏ các thứ ưa đắm. Bồ-tát cũng như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến được phước lạc cõi trời người, dần dần dụ dỗ tiến tới, khiến được ba thừa. Vì vậy nói là thọ hoan hỷ.

Không bỏ hết thảy chúng sinh là, khéo tu tập tâm Đại bi, thệ độ chúng sinh, phát tâm kiên cố, không bị chư Phật Thánh hiền khinh cười và sợ phụ lòng chúng sinh nên không bỏ; ví như trước hứa cho người vật gì, sau nếu không cho, tức là người có tội dối trá. Vì nhân duyên ấy nên không bỏ chúng sinh.

Vào tâm đại bi là, như trước nói. Trong đây Phật tự nói: Bản nguyện đại tâm vì chúng sinh, nghĩa là vì mỗi mỗi người nên ở trong vô lượng kiếp chịu thay sự khổ địa ngục, cho đến khiến người ta tập tu công đức để làm Phật, vào Vô-dư Niết-bàn.

Hỏi: Không có việc chịu tội thay, cớ sao phát nguyện ấy?

Đáp: Đó là tâm rộng lớn của Bồ-tát thương chúng sinh sâu xa, nếu có lý lẽ thay được thì chịu thay không nghi nan.

Lại nữa, Bồ-tát thấy nhân gian có miếu thờ trời, dùng máu thịt ngũ tạng của người để tế quỉ thần La sát, có người chịu thay thế thì được. Bồ-tát nghĩ rằng trong địa ngục, nếu có lẽ thay thế như vậy, thì ta sẽ thay thế. Chúng sinh nghe Bồ-tát có tâm lớn như vậy, thì quí kính tôn trọng. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn nghĩ đến chúng sinh hơn mẹ lành.

Tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ là, Bồ-tát nhân nơi thầy mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao không tin kính,

cúng dường. Thầy tuy trí tuệ cao minh, nhưng nếu không cung kính, cúng dường thì không được lợi lớn; ví như nước ngon dưới giếng sâu, nếu không có dây, gàu thì do đâu múc được nước? Nếu dẹp bỏ tâm cống cao kiêu mạn mà tôn trọng kính phục, thì lợi ích lớn, công đức qui tụ về; ví như mưa xuống, chẳng ở đỉnh núi mà chắc chắn qui về chỗ thấp. Nếu người có tâm kiêu mạn tự cao thì nước pháp không vào, nếu cung kính thầy lành, thì công đức qui tụ về.

Lại nữa, Phật dạy nương dựa thầy lành thì việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thốt đều được tăng trưởng; ví như cây cỏ nương nôi núi tuyết thì gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả đều được tươi tốt. Vì vậy Phật dạy đối với bậc tôn sư hãy kính như kính Phật.

Hỏi: Ác sư làm sao được cúng dường tín thọ? Thiện sư không thể xem như Phật, huống gì ác sư? Cớ sao ở trong đây Phật dạy đối với các tôn sư hãy tưởng như Phật?

Đáp: Bồ-tát không nên thuận theo pháp thế gian. Thuận theo pháp thế gian là đối với người thiện tâm ưa đắm, đối với người ác xa lìa, Bồ-tát thì không như vậy. Nếu có ai mở bày giải thích nghĩa lý thâm sâu, phá tan nghi kiết, đối với ta có ích, thì tận tâm cung kính, không nhớ các ác khác, như đãy rách đựng đồ báu, không được vì đãy nhơ mà không lấy đồ báu kia. lại như đêm đi đường hiểm, người tồi tệ cầm đuốc, không được vì người tồi tệ mà không dùng ánh sáng đó. Bồ-tát cũng như vậy, nơi thầy được trí tuệ sáng suốt, không kể thầy tệ ác.

Lại nữa, đệ tử nên nghĩ rằng: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, có vô lượng lực phương tiện, không biết cớ sao lại có việc tệ ác ấy? Như Bồ-tát Thường đế (Tát-đà-ba-luân) nghe trong hư không mười phương Phật dạy rằng: Ngươi đối với Pháp sư, chớ nên nhớ đến điều thiếu kém của pháp sư, mà thường nên sinh tâm kính sợ.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Pháp sư hay dở, chẳng phải việc của ta, điều ta cầu là chỉ muốn nghe pháp để tự lợi ích. Như tượng gỗ, tượng đất, không có công đức thật, nhưng nhờ nôi tượng mà phát sinh tâm tưởng Phật, được công đức vô lượng, huống gì người ấy có trí tuệ và phương tiện có thể vì người giảng nói. Vì vậy, pháp sư có lỗi, đối với ta không lỗi.

Tưởng như Thế Tôn là, tôi trước nói Bồ-tát khác với người đời; người đời phân biệt tốt xấu, đối với người tốt thì ưa đắm, mà còn không tưởng họ như Phật; huống nữa là đối với người xấu thì càng kiêu mạn, không coi họ ra gì. Bồ-tát thì không như vậy, quán các pháp rốt ráo không, từ xưa lại đây, giống như tướng Vô-dư Niết-bàn, quán hết thảy

chúng sinh xem đó như Phật, huống gì pháp sư có trí tuệ lợi ích, vì hay làm Phật sự nên xem như Phật.

Siêng cầu các Ba-la-mật là, Bồ-tát nghĩ rằng: Sáu Ba-la-mật ấy là nhân duyên của đạo chánh chân vô thượng, ta hãy nhất tâm hành nhân duyên ấy, thí như người đi buôn, người làm ruộng, tùy theo quốc độ thích ứng, cần thiết vật gì và đất thích hợp giống cây gì, mà siêng năng tìm tòi cho đạt được, thì không việc gì không thành. Lại như đời nay thực hành bố thí sau được giàu có, giữ giới sau được tôn quí, tu thiền định trí tuệ thì đắc đạo. Bồ-tát cũng như vậy, tu Sáu Ba-la-mật thời được thành Phật.

Siêng cầu là, thường nhất tâm siêng cầu Sáu Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì nếu tâm mềm tiến chậm thì bị phiền não che lấp, ma phá hoại, vì vậy nên Phật dạy ở trong địa thứ hai siêng cầu chớ giải đãi.

Học vấn nhiều, không chán đủ là, Bồ-tát biết học vấn nhiều là nhân duyên sinh trí tuệ, được trí tuệ thì có thể phân biệt hành đạo; như người có mắt, đi đến nôi không ngăn ngại. Thế nên Bồ-tát nguyện rằng: Mười phương chư Phật có nói pháp tôi đều thọ trì, nhờ có Văn trì Đà-la-ni, có lực thiên nhó thanh tịnh, có được Đà-la-ni không quên, ví như biển lớn, tiếp thụ giữ gìn được nước của mười phương dồn lại, Bồ-tát cũng như vậy, tiếp thụ giữ gìn pháp của mười phương Phật nói ra.

Pháp thí thanh tịnh là, như cỏ sinh giữa lúa, trừ cỏ rác thì lúa tốt. Bồ-tát cũng như vậy, lúc thí pháp không cầu danh lợi, đời sau được quả báo, cho đến vì chúng sinh mà không cầu Niết-bàn Tiểu thừa, chỉ lấy tâm đại bi đối với chúng sinh, theo Phật chuyển pháp luân về tướng thí pháp, tướng trang nghiêm Phật quốc, mà chịu vô lượng cần khổ giữa thế gian, trú ở chỗ tàm quí, không bỏ chỗ A-lan-nhã (nôi nhàn tịnh) ít muốn, biết đủ, tất cả điều như trước nói.

Hỏi: Có nhiều nhân duyên ở trong sinh tử không chán, cớ sao trong đây chỉ nói do hai nhân duyên không chán?

Đáp: Vì đầy đủ căn lành nên ở trong sinh tử mà khổ não mỏng ít, ví như người bị mụn ghẻ, được lương y xức thuốc, bệnh thuyên giảm. Bồ-tát được căn lành thanh tịnh nên đời nay tâm ưu sầu, tật đố, hung ác đều ngưng dứt; nếu lại thọ thân, được quả báo của căn lành, tự thọ hưởng phước lạc và các nhân duyên lợi ích chúng sinh, tùy sở nguyện của họ, tự thanh tịnh cõi nước, cõi nước trang nghiêm thanh tịnh hơn cả cung trời, trông không biết chán, làm vui thích tâm vị đại Bồ-tát, huống
chi người phàm. Vì vậy nên tuy có nhiều nhân duyên chỉ nói hai việc

không chán.

Tàm quí tuy có nhiều thứ, ở đây nói thứ lớn là tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát phát tâm muốn rộng độ hết thảy chúng sinh, gặp chút ít khổ não, liền muốn thủ chứng Niết-bàn riêng mình là điều đáng tàm quý; ví như có người dọn nhiều đồ ăn ngon, mời gọi mọi người, song tâm xan lẫn khởi lên, liền tự ăn một mình, thật đáng tàm quí.

Không bỏ trú xứ A-lan-nhã là, lìa chúng ở riêng, hoặc vượt quá tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật gọi là lìa chúng, vì hết thảy pháp không, không có sở đắc, không có chấp thủ, không có đắm tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không chấp thủ, vì tâm không có đắm trước. Bồ-tát thường nhóm các công đức không chán đủ, được đạo Vô thượng mới đủ, vì không còn có pháp gì cao hôn.

Ăn uống, y phục, ngọa cụ biết đủ là nhân duyên của pháp lành, không cho là trọng yếu, nên không nói.

Không bỏ công đức hạnh đầu đà là, như trong phẩm Giác Ma sau đây nói: Vô sinh pháp nhẫn, trong đây lấy vô sinh pháp nhẫn làm hạnh đầu đà. Bồ-tát trú ở thuận nhẫn, quán vô sinh nhẫn. Mười hai hạnh đầu đà vì trì giới thanh tịnh, trì giới thanh tịnh vì thiền định, thiền định vì trí tuệ; vô sinh pháp nhẫn tức là chân trí tuệ, vô sinh pháp nhẫn là quả báo của hạnh đầu đà, vì trong quả nói nhân.

Không xả giới, không thủ giới tướng là, Bồ-tát biết thật tướng các pháp, còn không thấy trì giới, huống gì phá giới. Có các nhân duyên không phá giới, đây là tối đại, vì vào không giải thốt môn.

Gớm ghét các dục là, như trước nói. Trong đây Phật nói biết rõ tâm tướng hư vọng không thật, nên cho đến không sinh tâm dục huống gì thọ dục.

Tâm chán thế gian là, như đã nói ở trong mục Thế gian không thể có tướng vui. Trong đây Phật nói quả báo của tâm nhàm chán, đó là vô tác giải thốt môn.

Bỏ hết thảy sở hữu là, như trước nói.

Tâm không thối mất là, trước nói nhiều nhân duyên các việc, Bồ-tát đối với các việc ấy mà không có tướng thối mất, sợ hãi.

Không sinh nơi hai thức là, nơi nhãn và sắc không sinh nhãn thức, cho đến nơi ý và pháp không sinh ý thức. Bồ-tát an trú nơi môn không hai ấy, quán các điều sáu thức biết đều là hư vọng không thật. Phát thệ nguyện lớn khiến tất cả chúng sinh trú nơi pháp không hai, lìa sáu thức ấy.

Không tiếc tất cả vật là, trong tất cả vật không tiếc, tuy có nhiều

nhân duyên, mà nhân duyên này rất lớn. Đó là Bồ-tát biết tất cả pháp rốt ráo không, không ức niệm, dứt hết thảy tướng chấp thủ. Vì vậy nên không cầu ân huệ nôi người thọ nhận bố thí, trong khi bố thí tâm không tự cao; như vậy là đầy đủ bố Thí Ba-la-mật thanh tịnh.

Xa lìa hàng bạch y thân thích là, hành giả vì sợ làm chướng ngại đạo nên xuất gia, nếu lại tập gần gũi bạch y thì không khác gì ở nhà, vì vậy nên hành giả trước cầu độ mình, vậy sau độ người. Nếu chưa thể độ mình mà muốn độ người, thì giống như người không biết bơi mà muốn cứu kẻ bị chìm, cả hai đều chìm. Bồ-tát xa kìa kẻ bạch y thân thích thì có thể nhóm các công đức thanh tịnh, niệm Phật thâm thiết nên biến thân đi đến nước Phật.

Xuất gia cạo tóc mặc pháp y. Vì sao? Vì thường ưa pháp xuất gia, không ưa tập gần gũi bạch y.

Xa lìa Tỳ-kheo ni là, như trong phẩm đầu đà nói.

Hỏi: Bồ-tát tâm bình đẳng xem tất cả chúng sinh, cớ sao không được ở chung?

Đáp: Bồ-tát chưa được địa vị bất thối, chưa dứt các lậu hoặc, nhóm các công đức nên được người ưa đắm, vì vậy nên không được ở chung. Lại vì xa lìa sự phỉ báng của người, nếu phỉ báng thì bị đọa địa ngục.

Xa lìa lẫn tiếc nhà người khác là, Bồ-tát nghĩ rằng: Ta tự bỏ nhà còn không tham không tiếc, cớ sao tham tiếc nhà người khác. Phép của Bồ-tát là muốn khiến hết thảy chúng sinh được vui, người kia giúp cho ta và chúng sinh vui, cớ sao ta lẫn tiếc. Chúng sinh nhờ phước đức đời trước, đời nay có ít nhiều công phu nên được cúng dường, cớ sao lẫn tiếc, ganh tị.

Xa lìa sự đàm thuyết vô ích là, đây tức là nói thêu dệt, vì việc giải sầu cho tâm mình tâm người, nói việc phép vua, việc giặc, biển lớn, núi rừng, cỏ thuốc, bảo vật, quốc độ các phương, những việc như vậy, không có ích gì cho phước, cho đạo, Bồ-tát nên nghĩ đến hết thảy chúng sinh chìm đắm trong lửa khổ vô thường, ta hãy cứu vớt, cớ sao ngồi yên nói suông những điều vô ích; như người bị lửa cháy nổi dậy bốn phía, làm sao ngồi yên trong đó nói chuyện đâu đâu. Trong đây Phật dạy, nếu nói Thanh-văn, Bích-chi Phật còn cho là nói vô ích, huống gì nói chuyện khác.

Xa lìa giận hờn là, trong tâm mới đầu sinh gọi là giận, vì chưa quyết định. Tâm giận tăng trưởng, sự việc quyết định, đánh, chặt, giết hại, đây gọi là tâm não; ác khẩu chê bai, đây gọi là tâm tranh tụng; nếu giết hại đánh trói v.v... đây gọi là chiến đấu. Bồ-tát vì đại từ-bi nên không sinh

các tâm ấy; thường đề phòng các ác tâm ấy không cho xen vào.

Xa lìa tự đại khinh miệt người là, không thấy pháp trong ngoài, nghĩa là không thấy năm uẩn chấp thọ, năm uẩn không chấp thọ.

Xa lìa mười bất thiện đạo là, Bồ-tát quán mười bất thiện đạo là nhân duyên của các tội lỗi, như trước nói. Trong đây Phật dạy mười bất thiện đạo còn phá Tiểu thừa, huống gì Đại thừa.

Xa lìa đại mạn là, Bồ-tát hành Mười tám không, không thấy các pháp có tướng lớn nhỏ nhất định.

Xa lìa tự dụng là, nhổ bảy thứ gốc rễ kiêu mạn, lại ưa thích sâu sắc thiện pháp.

Xa lìa điên đảo là, trong hết thảy pháp tướng thường, lạc, ngã, tịnh không thể có được.

Xa lìa ba độc là, ba độc nghĩa như trước nói: Lại. sở duyên của ba độc không có tướng nhất định.

Sáu Ba-la-mật là, như trước nói. Trong đây Phật dạy hàng tam thừa đều do Sáu Ba-la-mật này mà đến được bờ kia.

Hỏi: Đây là ở địa vị Bồ-tát, cớ sao nói Thanh-văn, Bích-chi Phật do Sáu Ba-la-mật đến được bờ kia?

Đáp: Nay Phật nói Sáu Ba-la-mật, có nhiều công năng, trong pháp Đại thừa, đã gồm thâu cả Tiểu thừa, còn Tiểu thừa thời không thể. Bồ-tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ Sáu Ba-la-mật, quán hết thảy các pháp không, chưa được lực phương tiện, sợ đọa vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, Phật thủ hộ nên nói không nên sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát vì luôn nghĩ đến chúng sinh, vì tâm đại bi, vì hết thảy các pháp rốt ráo không, nên khi bố thí không tiếc gì, thấy người đến xin không giận không lo, sau khi bố thí tâm cũng không hối tiếc; phước đức lớn nên đức tin cũng lớn, tin kính chư Phật một cách thâm sâu thanh tịnh, đầy đủ sáu Ba-la-mật, tuy chưa có lực phương tiện, vô sinh pháp nhẫn, Ban châu Tam-muội, mà đối với pháp thâm sâu cũng không nghi. Nghĩ rằng: Hết thảy luận nghị đều có lỗi lầm, chỉ trí tuệ Phật mới diệt các hý luận. Không có khuyết mất; mà hay dùng phương tiện tu các pháp lành, thế nên không nghi.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 50

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI: PHÁT THÚ

Phần 2

KINH: Vì sao Bồ-tát không chấp trước ngã? Vì rốt ráo vô ngã.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước chúng sinh, không chấp trước mạng sống, không chấp trước chúng số, cho đến kẻ biết, kẻ thấy? Vì các pháp rốt ráo không thể có được.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước đoạn kiến? Không có pháp đoạn, vì các pháp rốt ráo không sinh.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước thường kiến? Vì nếu pháp không sinh là không có thường.

Vì sao Bồ-tát không nên thủ tướng? Vì không có các phiền não.

Vì sao Bồ-tát không nên chấp tác nhân? Vì các kiến chấp không thể có được.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước danh sắc? Vì tướng chỗ danh sắc không có.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước Năm uẩn, không chấp trước Mười hai nhập, không chấp trước Mười tám giới? Vì tánh các pháp không có.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ba cõi? Vì tánh ba cõi không có.

Vì sao Bồ-tát không nên khởi tâm chấp trước? Vì sao Bồ-tát không nên khởi tâm nguyện? Vì sao Bồ-tát không nên khởi tâm nương tựa? Vì các pháp ấy tánh không có.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Phật? Vì khởi ý kiến nương thì không thấy Phật.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Pháp? Vì Pháp không thể thấy.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Tăng? Vì Tăng tướng vô vi không thể nương.

Vì sao Bồ-tát không chấp trước ý kiến nương Giới? Vì tội vô tội đều không thể chấp trước.

Ấy là Bồ-tát an trụ trong địa thứ bảy có hai mươi pháp không nên chấp trước.

Vì sao Bồ-tát nên đầy đủ Không? Vì đầy đủ các pháp tự tướng không.

Vì sao Bồ-tát chứng Vô tướng? Vì không niệm các tướng.

Vì sao Bồ-tát biết vô tác? Vì đối với ba cõi không có tạo tác.

Vì sao Bồ-tát ba phần thanh tịnh? Vì đầy đủ Mười thiện đạo.

Vì sao Bồ-tát đối với hết thảy chúng sinh, trí tuệ và từ-bi đầy đủ?

Vì được tâm đại từ-bi.

Vì sao Bồ-tát không niệm hết thảy chúng sinh?

Vì thế giới thanh tịnh đầy đủ.

Vì sao Bồ-tát bình đẳng quán hết thảy pháp?

Vì đối với các pháp không tổn giảm và tăng ích.

Vì sao Bồ-tát biết các pháp thật tướng?

Vì thật tướng các pháp vô tri.

Vì sao Bồ-tát được vô sinh pháp nhẫn?

Vì các pháp không sinh không diệt, không khởi nhẫn.

Vì sao Bồ-tát được vô sinh trí? Vì biết danh và sắc chẳng sinh.

Vì sao Bồ-tát nói các pháp nhất tướng?

Vì nhất tâm không hành theo hai tướng.

Vì sao Bồ-tát phá tướng phân biệt?

Vì hết thảy pháp không phân biệt.

Vì sao Bồ-tát chuyển ức tưởng?

Vì vô tưởng lớn nhỏ đều chuyển vậy.

Vì sao Bồ-tát chuyển thấy?

Vì cái thấy đối với Thanh-văn, Bích-chi Phật chuyển.

Vì sao Bồ-tát chuyển phiền não?

Vì dứt các phiền não.

Vì sao Bồ-tát được địa vị định tuệ bình đẳng?

Vì được Trí nhất thiết chủng.

Vì sao Bồ-tát điều phục ý?

Vì đối với ba cõi không lay động.

Vì sao Bồ-tát tâm tịch diệt? Vì chế phục sáu căn.

Vì sao Bồ-tát được trí vô ngại? Vì được Phật nhãn.

Vì sao Bồ-tát không nhiễm ái? Vì bỏ sáu trần.

Ấy là Bồ-tát trú trong địa thứ bảy đầy đủ hai mươi pháp.

Thế nào là Bồ-tát thuận vào tâm chúng sinh? Là Bồ-tát lấy nhất tâm biết hết thảy tâm tâm số pháp của chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát dạo chơi các thần thông? Là dùng thần thông ấy đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng không khởi tưởng cõi Phật.

Thế nào là Bồ-tát quán các cõi Phật? Là tự ở cõi mình thấy vô lượng cõi Phật, cũng không có tưởng cõi Phật.

Thế nào là Bồ-tát tự trang nghiêm cõi Phật mình như cõi Phật đã được thấy? Là ở, địa vị Chuyển luân Thánh vương, đi khắp ba ngàn đại thiên thế giới để tự trang nghiêm.

Thế nào là Bồ-tát như thật quán thân Phật? Là như thật quán pháp thân.

Ấy là Bồ-tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát biết các căn cao thấp? Bồ-tát trú ở mười lực của Phật, biết các căn thấp của tất cả chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh thế giới Phật? Là làm thanh tịnh chúng sinh vậy.

Thế nào là Bồ-tát trụ như huyễn Tam-muội? Là trú ở Tam-muội ấy, thành biện được hết mọi sự, cũng không sinh tâm tướng.

Thế nào là Bồ-tát thường vào Tam-muội? Là Bồ-tát được Tam-muội quả báo sinh.

Thế nào là Bồ-tát theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân? Là Bồ-tát biết chúng sinh có thiện căn được sinh phát mà vì họ thọ thân, để thành tựu chúng sinh.

Ấy là Bồ-tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới? Là Bồ-tát độ thốt chúng sinh đáng được độ trong mười phương vô lượng thế giới như pháp của chư Phật.

Thế nào là Bồ-tát được như sở nguyện? Là Sáu Ba-la-mật đầy đủ.

Thế nào là Bồ-tát biết ngôn ngữ của các trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà? Là do sức từ vô ngại biện.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu thai sinh? Là Bồ-tát đời đời thường hóa sinh.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu gia đình? Là Thường sinh vào đại gia.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu nôi sinh? Là hoặc sinh vào nhà Sát-lợi, hoặc sinh vào nhà Bà-la-môn.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu dòng họ? Là Bồ-tát sinh theo dòng họ đã sinh ra trong quá khứ.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu quyến thuộc? Quyến thuộc thuần là

các Đại Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu khi sinh ra? Là khi sinh ra có ánh sáng chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng không chấp thủ tướng ấy.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu xuất gia? Là khi xuất gia có vô lượng trăm ngàn ức chư thiên theo hầu xuất gia, các chúng sinh ấy chắc chắn đến Tam thừa.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu cây Phật trang nghiêm? Là cây Bồ-đề ấy lấy vàng ròng làm gốc, bảy báu làm thân cây, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô số ba ngàn đại thiên thế giới.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu đầy đủ hết thảy công đức thiện căn?

Là Bồ-tát được chúng sinh thanh tịnh, cõi Phật cũng
tịnh. Ấy là Bồ-tát trú ở địa thứ chín đầy đủ mười hai pháp.

Thế nào là Bồ-tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ-tát ấy như Phật? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đầy đủ sáu Ba-la-mật, bốn chỗ quán niệm, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng đầy đủ viên mãn, dứt hết thảy phiền não và tập khí, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ-tát ấy như Phật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong mười địa ấy, do sức phương tiện (vô sở đắc – ND) nên hành Sáu Ba-la-mật, Bốn chỗ quán niệm cho đến Mười tám pháp không chung, trải qua Càn-tuệ địa, Tánh địa, Bát nhẫn địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa; qua khỏi chín địa ấy, trú ở Phật địa, ấy là Bồ-tát mười địa của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

LUẬN: Luận giả nói: Ngã v.v... hai mươi pháp không thể có được nên không chấp trước. Lý do không thể có được như trước đã nói.

Chấp ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy, chấp Phật, chấp tăng là nhiếp vào chúng sinh, các kiến chấp ấy không nên chấp trước. Còn chấp đoạn, chấp thường cho đến chấp giới, là nhiếp vào pháp không, nên không nên chấp trước.

Hỏi: Các kiến chấp khác có thể biết, còn kiến chấp về nhân thế nào?

Đáp: Hết thảy pháp hữu vi, triển chuyển làm nhân làm quả. Đối với pháp ấy tâm đắm trước thủ tướng sinh chấp kiến, ấy gọi là kiến chấp về nhân. Đó là chẳng phải nhân mà nói nhân; hoặc chấp nhân và quả là một, là khác v.v...

Đầy đủ không là, nếu Bồ-tát tu hành đủ mười tám không ấy gọi là đầy đủ không.

Lại nữa, tu hành hai không là chúng sinh không và pháp không, ấy gọi là đầy đủ không.

Lại nữa, nếu Bồ-tát tu được rốt ráo không mà không đắm trước rốt ráo không ấy, gọi là đầy đủ không.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao trong Kinh trên đây Phật chỉ nói tự tướng không?

Đáp: Ba thứ không là chúng sinh không, pháp không, rốt ráo không, đều là tự tướng không. Vì Bồ-tát trú ở địa thứ sáu có phước đức nên lợi căn, lợi căn nên phân biệt thủ tướng các pháp. Vì vậy, ở trong địa thứ bảy lấy tự tướng không làm đầy đủ không.

Phật hoặc có khi nói hữu vi không, vô vi không, gọi là đầy đủ không.

Hoặc có khi nói "bất khả đắc không" là đầy đủ không.

Chứng vô tướng là, vô tướng tức Niết-bàn, có thể chứng không thể tu; không thể tu nên không được nói là biết, vì vô lượng vô biên không thể phân biệt nên không thể là đầy đủ.

Biết vô tác là, ba việc không, vô tướng, vô tác, tuy đều chung là biết, song hai việc là không, vô tướng thay đổi nghĩa mà lập tên là tu không, chứng vô tướng, còn vô tác thì chỉ có biết tên thôi.

Ba phần thanh tịnh là, Mười thiện đạo gồm thân ba, miệng bốn, ý ba, ấy gọi là ba phần. Giải thốt môn, trên đã nói nên ở đây không nói lại.

Ba phần thanh tịnh là, hoặc có người nghiệp thân thanh tịnh, nghiệp miệng không thanh tịnh; nghiệp miệng thanh tịnh, nghiệp thân không thanh tịnh; hoặc nghiệp thân, miệng thanh tịnh, nghiệp ý không thanh tịnh. Hoặc có thế gian ba nghiệp đều thanh tịnh mà chưa thể xa lìa chấp trước, còn Bồ-tát ấy ba nghiệp thanh tịnh lại xa lìa chấp trước, ấy gọi là ba phần thanh tịnh.

Đầy đủ trí từ-bi đối với chúng sinh là, Từ-bi có ba là sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. Trong đây nói vô duyên đại bi gọi là đầy đủ. Nghĩa là pháp không cho đến thật tướng cũng không, ấy gọi là vô duyên đại bi. Bồ-tát sâu vào thật tướng, vậy sau thương nghĩ đến chúng sinh; thí như người có một người con, được vật báu tốt, tâm rất thương tưởng, muốn lấy đem cho.

Không nghĩ đến hết thảy chúng sinh là, vì đầy đủ thế giới thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không nghĩ đến chúng sinh làm sao có thể làm thanh tịnh cõi Phật?

Đáp: Bồ-tát khiến chúng sinh trú ở Mười thiện đạo, là trang nghiêm cõi Phật. Tuy trang nghiêm mà chưa được vô ngại trang nghiêm. Nay Bồ-tát giáo hóa chúng sinh mà không thủ tướng chúng sinh nên các thiện căn phước đức thanh tịnh, các thiện căn phước đức thanh tịnh ấy là vô ngại trang nghiêm.

Bình đẳng quán hết thảy pháp là như đã nói trong phẩm Pháp đẳng nhẫn. Trong đây Phật tự nói đối với các pháp không thấy thêm bớt.

Biết thật tướng các pháp là, như trước đã nhiều cách nói rộng.

Vô sinh pháp nhẫn là, đối với thật tướng các pháp không sinh không diệt, tin thọ thông suốt vô ngại không thối chuyển, ấy gọi là Vô sinh nhẫn.

Vô sinh trí là, dầu nhẫn sau trí; thô là nhẫn, tế là trí. Ở đây Phật tự nói trí biết danh và sắc bất sinh.

Nói các pháp một tướng là, Bồ-tát biết trong ngoài mười hai nhập đều là lưới ma, hư dối không thật, sáu thức sinh từ trong đó cũng là lưới ma, hư dối. Thế nào là thật? Duy pháp không hai, không mắt, không sắc, cho đến không ý không pháp v.v... gọi là thật. Khiến chúng sinh xa lìa mười hai nhập nên thường dùng nhiều nhân duyên nói pháp không hai ấy.

Phá tướng phân biệt là, Bồ-tát trú ở trong pháp không hai ấy, phá các pháp sở duyên phân biệt trai gái, dài ngắn, lớn nhỏ v.v...

Chuyển ức tưởng là, phá nội tâm ức tưởng phân biệt các pháp.

Chuyển kiến là, Bồ-tát trước chuyển các tà kiến, ngã kiến, biên kiến v.v... vậy sau mới vào đạo. Nay chuyển pháp kiến, Niết-bàn kiến, vì các pháp không có tướng nhất định.

Chuyển Niết-bàn là, chuyển Thanh-văn, Bích-chi Phật kiến mà thẳng đến Phật đạo.

Chuyển phiền não là, Bồ-tát lấy lực phước đức, trì giới, chiết phục phiền não thô, an ổn hành đạo, chỉ còn có ái, kiến, mạn vi tế, nay cũng xa lìa phiền não vi tế.

Lại nữa, Bồ-tát dùng trí tuệ thật quán phiền não ấy tức là thật tướng; ví như người có thần thông, hay chuyển bất tịnh thành tịnh.

Địa vị định tuệ bình đẳng là, Bồ-tát ở ba địa đầu tuệ nhiều định ít, chưa thể nhiếp tâm; ba địa kế tiếp định nhiều tuệ ít, vì vậy nên không vào được Bồ-tát vị. Nay chúng sinh không, pháp không, định tuệ bình đẳng nên có thể an ổn hành Bồ-tát đạo, từ địa vị bất thối dần dần đến

được địa vị Trí nhất thiết chủng.

Điều ý là, Bồ-tát trước ức niệm già, bệnh, chết, ba ác đạo, thương xót chúng sinh nên điều phục tâm ý, khiến biết thật tướng các pháp, không đắm trước ba cõi, không đắm trước ba cõi nên tâm ý điều phục. Tâm tịch diệt là, Bồ-tát vì Niết-bàn nên đối với năm dục chiết phục năm thức. Vì ý thức khó chiết phục, nên nay trú ở địa thứ bảy, ý thức tịch diệt.

Trí vô ngại là, Bồ-tát được Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các pháp thật chẳng thật, được vô ngại. Được đạo tuệ ấy, đưa hết thảy chúng sinh khiến vào thật pháp, được giải thốt vô ngại, được Phật nhãn, đối với hết thảy pháp vô ngại.

Hỏi: Trong địa thứ bảy cớ sao nói được Phật nhãn?

Đáp: Trong ấy hãy học Phật nhãn đối với các pháp vô ngại, giống như Phật nhãn.

Chẳng nhiễm ái là, Bồ-tát tuy trú ở địa thứ bảy được lực trí tuệ, song còn có nhân duyên đời trước, nên có nhục thân này. Khi vào thiền định thì không nhiễm đắm, khi ra thiền định thì có tập khí nhiễm đắm, tùy theo mắt thịt trông thấy, thấy người đẹp thì thân ái; hoặc ái trước tuệ thật pháp của địa thứ bảy, cho nên Phật dạy hành tâm xả đối với sáu trần, không thủ lấy tướng tốt xấu (xong Địa thứ bảy).

Thuận vào tâm chúng sinh là, Bồ-tát ở trong địa thứ tám, quán thuận theo chỗ tâm xu hướng của chúng sinh, phát động tư duy, niệm sâu quán thuận, dùng trí tuệ phân biệt biết chúng sinh ấy vĩnh viễn không có nhân duyên đắc độ, chúng sinh ấy trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sau mới đắc độ, chúng sinh ấy trải qua một kiếp, hai kiếp, cho đến muôn kiếp mới đắc độ; chúng sinh ấy trải một đời, hai đời, cho đến đắc độ ngay trong đời này; chúng sinh ấy hoặc tức thời đắc độ, là thuần thục là chưa thuần thục; người ấy có thể dùng Thanh-văn thừa mà độ thốt, người ấy có thể dùng Bích-chi Phật thừa mà độ thốt. Thí như lương y thăm bệnh, biết sắp lành hoặc có thể trị hoặc không thể trị.

Dạo chơi các thần thông là, trước được các thần thông, nay được dạo chơi tự tại, đi đến vô lượng vô biên thế giới. Bồ-tát khi ở trong địa thứ bảy, muốn thủ chứng Niết-bàn. Bấy giờ có các nhân duyên và chư Phật mười phương ủng hộ, trở lại sinh khởi tâm muốn độ chúng sinh, khéo trang nghiêm thần thông, theo ý tự tại, cho đến trong vô lượng vô biên thế giới, không gì trở ngại, thấy các nước Phật, cũng không chấp thủ tướng nước Phật.

Xem các nước Phật là, có Bồ-tát dùng sức thần thông bay đến

mười phương, xem các thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng ấy muốn tự trang nghiêm nước mình; có Bồ-tát được Phật đem đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng thế giới thanh tịnh, tự phát nguyện tu hành, như đức Phật Thế Tự Tại Vương đem Tỳ-kheo Pháp Tích đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh; hoặc có Bồ-tát tự ở nước mình, dùng thiên nhãn thấy thế giới thanh tịnh ở mười phương, lúc đầu thủ lấy tướng tịnh, lúc sau được tâm không nhiễm trước, nên trở lại bỏ. Tự trang nghiêm nước mình như nước Phật đã được trông thấy như trước đã nói. Địa thứ tám này gọi là Chuyển luân địa, giống như Chuyển luân thánh vương cưỡi xe báu đi đến đâu cũng không bị chướng ngại, không có oán địch, Bồ-tát ở trong địa này hay mưa pháp bảo làm mãn nguyện chúng sinh, không có chướng ngại, cũng hay thủ lấy tướng nước Phật mà tự trang nghiêm nước mình.

Như thật quán thân Phật là, quán thân chư Phật như huyễn như hóa, chẳng nhiếp thuộc năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc ngần ấy sắc theo chỗ thấy của chúng sinh bởi nghiệp nhân duyên đời trước. Trong đây Phật tự nói, thấy Pháp thân ấy là thấy Phật. Pháp thân là pháp bất khả đắc không; pháp bất khả đắc không là các pháp sinh ra theo bên nhân duyên, không có tự tánh.

Biết các căn cao thấp là, như đã nói trong đoạn mười lực. Bồ-tát trước biết tâm sở hành của hết thảy chúng sinh, ai thuần thục, ai lanh lợi, ai bố thí nhiều, ai trí tuệ nhiều, nhân người có nhiều mà độ thốt.

Tịnh thế giới Phật là, có hai thứ tịnh: Một là Bồ-tát tự tịnh thân mình, hai là tịnh tâm chúng sinh, khiến tu đạo thanh tịnh. Do nhân duyên kia với ta thanh tịnh nên theo sở nguyện mà được thế giới thanh tịnh.

Vào Tam-muội như huyễn là, như người huyễn thuật ở một chỗ mà làm, các việc huyễn đầy khắp thế giới, nào bốn thứ binh chủng, cung điện thành quách, uống ăn ca múa giết chết, sống, ưu, khổ v.v... Bồ-tát cũng như vậy, ở trong Tam-muội này có thể biến hóa ở mười phương thế giới; đầy khắp trong đó, trước làm bố thí no đủ cho chúng sinh, sau thuyết pháp giáo hóa; phá hoại ba đường ác, sau mới an lập chúng sinh nôi ba thừa, tất cả việc có thể lợi ích không việc gì không thành tựu. Tâm Bồ-tát ấy không động, cũng không thủ lấy tướng của tâm.

Thường vào Tam-muội là, Bồ-tát được Tam-muội như huyễn v.v... Tâm được điều khiển trong việc tạo tác nên nay chuyển thân được Báo sinh Tam-muội (Tam-muội phát sinh theo quả báo chứ không phải theo sự tu tập hiện tại – ND); như người thấy sắc, không dùng tâm lực. Ở trong Tam-muội này, độ chúng sinh an ổn, hơn Tam-muội như

huyễn, tự nhiên thành việc, không cần tác động, như người cầu tài có khi dùng sức, có khi tự nhiên được.

Tùy theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân là, Bồ-tát hai thứ Tam-muội, hai thứ thần thông, do tu hành được và do quả báo được, biết dùng thân gì, ngôn ngữ gì, nhân duyên gì, việc gì, đạo gì, phương tiện gì, để mà thọ thân, cho đến thọ thân súc sinh để mà hố độ (xong Địa thứ tám).

Thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới là, sáu nẻo chúng sinh trong vô lượng vô số mười phương thế giới, là phần đáng độ mà Bồ-tát giáo hóa để độ. Thế giới có ba loại là tịnh, bất tịnh, lẫn lộn. Chúng sinh trong ba loại thế giới ấy, hạng đáng được độ có lợi ích, thì đều thu nhiếp hết. Ví như đốt đèn là vì người có mắt, chứ không vì người mù. Bồ-tát cũng như vậy, hoặc người trước đã có nhân duyên, hoặc người mới tạo nhân duyên.

Lại nữa, ba ngàn đại thiên thế giới, gọi là một thế giới, một thời sinh khởi, một thời hoại diệt. Mười phương thế giới như hằng hà sa như vậy là một Phật thế giới. Phật thế giới như vậy, số như hằng hà sa thế giới, là một biển thế giới Phật. Biển thế giới Phật như vậy, số như hằng hà sa thế giới mười phương là một Phật thế giới chủng. Thế giới chủng như vậy, mười phương vô lượng, ấy gọi là một thế giới Phật. Đối với hết thảy thế giới thủ lấy một phần như vậy, ấy gọi là phần chúng sinh được độ của một đức Phật.

Được như sở nguyện là, Bồ-tát phước đức trí tuệ đầy đủ, nên không ước nguyện gì không được. Người nghe nói phần chúng sinh được độ trong vô lượng vô biên thế giới nghi không thể làm được, thế nên tiếp nói sở nguyện được như ý. Trong đây Phật tự nói sáu Ba-la-mật đầy đủ, năm độ thì phước đức đầy đủ, Bát-nhã thì trí tuệ đầy đủ.

Biết ngôn ngữ các trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà là, như tôi ở trên kia nói, phước đức trí tuệ đầy đủ, sở nguyện được như ý. Biết ngôn ngữ của kẻ khác tức là việc ước nguyện.

Lại nữa, Bồ-tát được trí túc mạng thanh tịnh nên biết được hết thảy ngôn ngữ ở những nơi sinh ra.

Lại nữa, dược nguyện trí nên biết tâm của người lập danh, cưỡng lập danh tự ngữ ngôn.

Lại nữa, Bồ-tát được Tam-muội biết ngôn ngữ chúng sinh nên thông suốt hết thảy ngôn ngữ không trở ngại.

Lại nữa, tự được bốn trí vô ngại, còn học bốn trí vô ngại của Phật, vì vậy nên biết ngôn ngữ âm thanh của chúng sinh.

Ở thai thành tựu là, có người nói Bồ-tát cưỡi voi trắng, có vô lượng chư thiên Đâu-suất vây quanh cung kính cúng dường, hầu hạ vào thai mẹ; có người nói mẹ Bồ-tát được lực Tam-muội như huyễn nên làm cho bụng lớn rộng vô lượng, hết thảy ba ngàn đại thiên thế giới Bồ-tát, trời, rồng, quỷ, thần đều được vào trong thai. Do nhân duyên nghiệp phước đức của Bồ-tát chiêu cảm nên đã sau có cung điện đài quán, giường tọa trang nghiêm, treo màn rũ phan, rải hoa đốt hương, vậy sau Bồ-tát hạ đến ở đó. Cũng do lực Tam-muội nên xuống vào thai mẹ mà ở trên trời Đâu-suất vẫn như cũ.

Sinh thành tựu là, Bồ-tát khi sắp sinh, chư thiên, rồng, quỉ, thần, trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, lúc ấy có tòa hoa sen bảy báu, tự nhiên hiện ra. Từ trong thai mẹ có vô lượng Bồ-tát ra trước, ngồi trên hoa sen chấp tay tán thán, chờ đợi Bồ-tát và các trời, rồng, quỷ, thần, thánh, ngọc nữ v.v... đều chấp tay một lòng mong thấy Bồ-tát sinh, vậy sau Bồ-tát mới từ hông bên phải của mẹ sinh ra, như trăng tròn từ trong mây xuất hiện, phóng hào quang lớn chiếu vô lượng thế giới. Lúc ấy có tiếng lớn, vang khắp mười phương thế giới, xướng rằng: Vị Bồ-tát ở nước ấy sinh thân cuối cùng. Hoặc có Bồ-tát hóa sinh trong hoa sen. Trong bốn cách sinh, Bồ-tát hoặc thai sinh hoặc hóa sinh; trong bốn chủng người, Bồ-tát sinh vào hai chủng tánh Sát-lợi hoặc Bà-la-môn, vì sinh vào hai chủng tánh này thì được mọi người yêu quý.

Nhà thành tựu là, nhà Bà-la-môn có trí tuệ, nhà Sát-lợi có thế lực. Bà-la-môn lợi ích đời sau, Sát-lợi lợi ích đời này. Hai chủng tánh có ích ở đời nên Bồ-tát sinh ở trong đó.

Lại nữa, nhà có các pháp công đức, nghĩa là không thối chuyển, sinh, ấy gọi là nhà thành tựu.

Dòng họ thành tựu là, Bồ-tát ở trên trời Đâu-suất xem thế gian dòng họ nào quý, có thể thu nhiếp chúng sinh, tức sinh vào nôi dòng họ đó. Như trong bảy đức Phật, ba đức Phật đầu Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-xá-phù sinh trong dòng họ Kiều-trần-như; ba đức Phật kế tiếp Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp sinh trong dòng họ Ca-diếp. Còn đức Phật Thích-ca Mâu-ni sinh trong dòng họ Kiều-đàm.

Lại nữa, Bồ-tát ban đầu tâm sâu xa bền chắc, ấy gọi là dòng họ của chư Phật. Có người nói: Được vô sinh pháp nhẫn, ấy là dòng họ của chư Phật; lúc ấy được khí phần Trí nhất thiết chủng của Phật, như hạng người tánh địa trong pháp Thanh-văn.

Quyến thuộc thành tựu là, đều thuần người trí, người lành, đời đời nhóm công đức. Trong đây Phật tự nói thuần lấy Bồ-tát làm

quyến thuộc, như trong Kinh Bất khả tư nghì nói Cù-tỳ-gia là đại Bồ-tát. Tất cả quyến thuộc đều là Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển. Dùng lực Tam-muội phương tiện biến hóa làm nam làm nữ, chung làm quyến thuộc. Như Cư sĩ bảo của Chuyển luân Thánh vương, là những Dạ-xoa, quỷ thần hiện làm thân người, cọng sự với người.

Xuất gia thành tựu là, như Bồ-tát Thích-ca Văn đang đêm ở cung điện thấy các thể nữ, đều giống như chết; chư thiên quỷ thần mười phương, cầm đồ phan hoa cúng dường, phụng rước Bồ-tát đi ra. Lúc ấy, tuy Xa-nặc trước lãnh sắc lệnh vua Tịnh-phạn, nhưng lại theo ý Bồ-tát, tự dắt ngựa đến, sứ giả bốn thiên vương tiếp đỡ chân ngựa, vượt thành đi ra, vì để phá các phiền não, ma nhân nên chỉ cho mọi người thấy sự uế tạp tại gia rằng: Hạng người đại công đức quí trọng như thế mà còn xuất gia, huống gì hạng người phàm tiểu. Có các nhân duyên như vậy gọi là xuất gia thành tựu.

Trang nghiêm cây Phật thành tựu là, trang nghiêm cây Bồ-đề như trước nói. Trong đây Phật tự nói, cây Bồ-đề ấy lấy huỳnh kim làm gốc, bảy báu làm thân, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành. lá chiếu khắp mười phương vô lượng vô số thế giới Phật. Hoặc có đức Phật, lấy bảy báu của Bồ-tát trang nghiêm cây Phật, hoặc có vị không như vậy. Vì cớ sao? Vì thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn; vì chúng sinh nên hiện các thứ trang nghiêm.

Hết thảy các thiện căn công đức đầy đủ là, Bồ-tát ở trong địa thứ bảy phá các phiền não, lợi mình đầy đủ, vào ở địa thứ tám, địa thứ chín, lợi ích người khác, nghĩa là giáo hóa chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Lợi mình lợi người sâu xa rộng lớn, nên hết thảy công đức đầy đủ; như A-la-hán, Bích-chi Phật nặng về tự lợi, nhẹ về lợi tha nên không gọi là đầy đủ. Chư thiên và tiểu Bồ-tát tuy có thể làm lợi ích mà tự mình chưa trừ hết phiền não, nên cũng không đầy đủ. Ấy gọi là công đức đầy đủ (xong Địa thứ chín).

Nên biết Bồ-tát ấy như Phật là, Bồ-tát ngồi dưới cội cây như vậy, là vào địa thứ mười, gọi là Pháp vân địa. Ví như đám mây lớn trút mưa liên tục không nghỉ, tâm tự nhiên sinh vô lượng vô biên các Phật pháp thanh tịnh, niệm niệm vô lượng. Bấy giờ Bồ-tát nghĩ rằng: Tâm bọn Ma vương cõi Dục chưa hàng phục, nên phóng hào quang giữa hai chân mày, khiến trăm ức cung điện ma tối tăm không hiện, ma liền sân não, tập hợp binh chủng của nó đi đến bức não Bồ-tát. Bồ-tát hàng phục ma xong, mười phương chư Phật mừng công huân ấy, đều phóng hào quang giữa hai chân mày, chiếu vào đỉnh Bồ-tát. Lúc ấy, công đức của

địa thứ mười có được, biến làm Phật pháp, dứt hết thảy tập khí phiền não, được giải thốt vô ngại, đủ Mười lực, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi v.v... vô lượng vô biên Phật pháp.

Lúc ấy đất chấn động sáu cách, trời mưa hoa hương, các Bồ-tát trời, người đều chấp tay tán thán.

Lúc ấy Phật phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới; mười phương chư Phật, các Bồ-tát, trời, người lớn tiếng xướng rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ-tát ấy, ngồi ở đạo tràng thành tựu Phật sự, là hào quang ấy. Ấy gọi là Bồ-tát ở địa thứ mười như Phật.

Lại nữa, trong đây Phật còn nói tướng trạng địa thứ mười, là Bồ-tát hành Sáu Ba-la-mật do lực phương tiện nên trải qua Càn-tuệ địa cho đến Bồ-tát địa, trú ở Phật địa. Phật địa tức là địa thứ mười.

Bồ-tát tu mười địa như vậy, gọi là Phát thú Đại thừa.

---------o0o--------

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI MỐT: XUẤT ĐÁO

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi Đại thừa như vậy từ chỗ nào xuất sinh và đến trú chỗ nào ư? Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh đi đến trú trong Trí nhất thiết chủng, vì không hai pháp vậy. Vì cớ sao? Vì Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp cùng chung, chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối đãi, chỉ nhất tướng gọi là vô tướng. Nếu người muốn khiến thật tế xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến như như, pháp tánh, bất khả tư nghì tánh xuất sinh là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, nếu người muốn khiến "sắc không" xuất sinh là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến "thọ, tưởng, hành, thức không" xuất sinh là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Vì tướng "sắc không" không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; "thọ, tưởng, hành, thức không" không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì sao? Vì sắc, sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức không.

Nếu người muốn khiến "nhãn không" xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn "nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không" xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu

người muốn khiến cho đến "thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Vì "nhãn không" không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, cho đến "thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không" xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì nhãn và tướng của nhãn không, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, và tướng của thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không.

Nếu người muốn khiến mộng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Vì tướng mộng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa cũng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Nếu người muốn khiến Thí Ba-la-mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì sao? Vì tướng Thí Ba-la-mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì Thí Ba-la-mật, và tướng Thí Ba-la-mật không; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, và... tướng Bát-nhã Ba-la-mật không.

Nếu người muốn khiến "nội không" xuất sinh; cho đến "vô pháp hữu pháp không" xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không, không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì nội không, tánh của nội không không cho đến vô pháp hữu pháp không, tánh vô pháp hữu pháp không không.

Nếu người muốn khiến Bốn niệm xứ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì sao? Vì tánh Bốn niệm xứ không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì tánh Bốn niệm xứ, tánh Bốn niệm xứ không.

Nếu có người muốn khiến Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám Thánh đạo phần xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Vì tánh Tám Thánh

đạo phần không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì Tám Thánh đạo phần, tánh Tám Thánh đạo phần không; cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Nếu người muốn khiến A-la-hán có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Bích-chi Phật có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề! Tánh A-la-hán, tánh Bích-chi Phật, tánh Phật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì A-la-hán, tánh A-la-hán không; Bích-chi Phật, tánh Bích-chi Phật không, Phật, tánh Phật không.

Nếu người muốn khiến quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh nói như trên (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Những người muốn khiến pháp vô tướng có sinh có trụ, thì là muốn khiến các bậc Dự lưu có sinh vào đường ác, các bậc Nhất lai có sinh lại nhiều lần, các bậc Bất hoàn có sinh lại cõi Dục, các bậc đại Bồ-tát có sinh tâm tự lợi, các bậc A-la-hán, Độc giác, Như Lai có sinh lại đời sau. Nhưng không có việc ấy. Vì sao? Vì các bậc Dự lưu v.v... sinh vào đường ác là không thể có được – ND).

Nếu người muốn khiến danh tự là tướng giả danh bày đặt, chỉ có ngôn ngữ xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì sao? Vì danh tự không, không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì danh tự, tướng danh tự không, cho đến bày đặt cũng như vậy.

Nếu người muốn khiến pháp bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, vô tác xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì sao? Vì tánh pháp bất sinh cho đến vô tác không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng. Vì cớ sao? Vì tánh bất sinh cho đến, tánh vô tác không.

Tu-bồ-đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa từ trong ba cõi xuất sinh, trú không lay động trong Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Hỏi: Phật đã biết điều Tu-bồ-đề hỏi, sao nay còn nêu trở lại mà đáp?

Đáp: Đại Bát-nhã Ba-la-mật có mười vạn bài kệ, ba trăm hai mươi vạn lời, cùng bốn bộ A-hàm v.v... chẳng phải trong một lần ngồi mà nói hết. Lại điều Tu-bồ-đề hỏi trên kia, đã đáp hai việc, vì qua ngày khác

nên nêu câu hỏi thứ ba mà đáp.

Lại nữa, có người nói trong pháp Thanh-văn không có việc không thể nghĩ bàn, chẳng được trong một ngày một lần ngồi nói hết. Phật giải thốt vô ngại, Bồ-tát cũng có Tam-muội không thể nghĩ bàn, có thể làm cho thời gian nhiều thành thời gian ít, thời gian ít thành thời gian nhiều, cũng có thể lấy sắc lớn làm sắc nhỏ, sắc nhỏ làm sắc lớn. Lại như trong sáu mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa, có người cho đó là từ sáng đến bữa ăn.

Hỏi: Sắc hữu hình có thể thấy, thời gian vô hình chỉ có tên, làm sao lấy gần làm xa, lấy xa làm gần được?

Đáp: Vì vậy nên nói lực thần thông không thể nghĩ bàn, như người trong mộng, mộng thấy mọi việc, tự cho là thức tỉnh thấy; trong mộng lại mộng, triển chuyển như vậy, vẫn là một đêm. Vì vậy nên nêu trở lại câu hỏi mà đáp: Đại thừa ấy xuất sinh từ chỗ nào, chỗ nào đến trú? Phật đáp: Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Đại thừa ấy là Phật pháp hay Bồ-tát pháp? Nếu là Phật pháp cớ sao từ ba cõi xuất sinh; nếu Bồ-tát pháp cớ sao trú trong Trí nhất thiết chùng?

Đáp: Đại thừa ấy là Bồ-tát pháp, cho đến Kim cang Tam-muội các công đức thanh tịnh thì biến làm Phật pháp. Đại thừa ấy có sức lớn, có khả năng đi đến Phật, không còn chỗ hơn để đi đến nữa, nên nói là trú. Thí như lúc kiếp tận lửa đốt ba ngàn thế giới, thế lực lớn, không còn gì để đốt, nên liền tự tắt. Đại thừa cũng như vậy, dứt hết thảy phiền não, chứa nhóm các công đức, cùng tận ngần mé, không còn gì để đoạn, không còn gì để biết, không còn gì để chứa nhóm, liền tự quy về tịch diệt.

Pháp không hai là vì để dứt chấp trước của các Bồ-tát nên nói. trong đây Phật tự nói Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp, vì chẳng một nên không hợp, vì chẳng khác nên không tán, chỗ sáu thức biết đều hư vọng nên không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng.

Hỏi: Trước nói chẳng một nên không hợp, nay cớ sao nói một tướng?

Đáp: Trong đây nói một tướng đó tức là vô tướng. Không có tướng thì không có từ phát xuất, đi đến Phật đạo, mà vì dẫn dắt hàng phàm phu nên nói một tướng.

Thật tế là, thật tướng sau cùng của các pháp, không ra không vào. Nếu có người cuồng muốn khiến thật tế có sinh ra và đi đến Phật đạo, là

người ấy muốn khiến pháp vô tướng sinh ra. Như như, pháp tánh, pháp tướng, nói như trước.

Tánh không thể nghĩ bàn là, có người nói tức là như như, pháp tánh, thật tế, vô lượng vô biên. Tâm, tâm số pháp diệt nên nói là không thể nghĩ bàn. Lại có người nói: vượt qua thật tế, Niết-bàn, lại còn cầu tìm các pháp thật, hoặc có hoặc không, ấy gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, hết thảy các Phật pháp không thể suy nghĩ trù lượng, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại có người nói: Hết thảy các pháp phân biệt suy nghĩ đều đồng tướng Niết-bàn, ấy là không thể nghĩ bàn. Nếu người muốn khiến từ trong không xuất sinh, là người ấy muốn khiến trong pháp vô tướng xuất sinh. Trong đây Phật tự nói, tướng năm uẩn không, không thể xuất sinh từ ba cõi, không thể đi đến Trí nhất thiết chủng. Vì trong năm uẩn, tướng năm uẩn không. Mười hai nhập cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không cũng như vậy. Các thí dụ mộng không v.v... cũng như vậy, vì tự tướng không có nên không xuất sinh, không có đi đến.

Nếu người muốn khiến sáu Ba-la-mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh. Vì cớ sao? Vì Sáu Ba-la-mật do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh. Tự tánh không có nên không. Vì hàng Bồ-tát chấp trước Sáu Ba-la-mật bị đọa vào tà kiến, nên vì họ mà nói không, Mười tám không cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật có đạo, có tục, tục có thể chấp trước nên có thể nói không, còn Sáu Ba-la-mật xuất thế gian, Ba mươi bảy phẩm cho đến Mười tám pháp không chung, không chấp trước cớ sao nói không?

Đáp: Các Bồ-tát chưa dứt hết lậu hoặc, do lực phước đức và trí tuệ nên thực hành pháp ấy, hoặc còn thủ tướng mà ái trước, còn pháp phàm phu hư vọng điên đảo, pháp ấy từ pháp phàm phu sinh thì làm sao mà thật? Vì vậy nên Phật nói pháp ấy cũng không, để ví dụ pháp vô tướng. Đại thừa đây tức là vô tướng, vô tướng làm sao có ra có đến.

Các pháp đều không, chỉ có tướng nên gọi, giả danh ngũ ngôn, nay tên gọi cũng không, để ví dụ trong vô tướng đệ nhất nghĩa không, không thể có được, còn trong pháp thế tục thì có tướng. Tướng và nghĩa của tên gọi v.v... giả danh như trước nói. Dùng pháp như vậy, từ ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng, chẳng phải là thật pháp, cũng không lay động.

KINH: Tu-bồ-đề! Ông vừa hỏi Đại thừa ấy trú chỗ nào? Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy không chỗ trú. Vì sao? Vì hết thảy pháp không có tướng trú.

Đại thừa nếu trú thì không trú pháp trú. Tu-bồ-đề! Thí như pháp tánh chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, không khởi không làm, chẳng phải trú chẳng phải không trú. Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy cũng như vậy, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú. Vì cớ sao? Vì tướng pháp tánh chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú. Vì cớ sao? Vì tánh chẳng sanh, cho đến tánh vô tác, tánh vô tác tánh không. Các pháp khác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa không có chỗ trú, vì pháp chẳng trú, pháp chẳng động vậy.

LUẬN: Hỏi: Trước nói Đại thừa ấy đến trú Trí nhất thiết chủng, không còn pháp hơn có thể đi đến, sao nay lại nói Đại thừa ấy không có chỗ trú?

Đáp: Trước nói là do pháp Không bất nhị nên nói trú, như huyễn, như mộng, tuy có ngồi nằm đi ở, mà chẳng phải thật là ở. Bồ-tát cũng như vậy, tuy nói đến trú trong Trí nhất thiết chủng cũng không có trú nhất định. Trong đây Phật tự nói hết thảy pháp từ xưa nay không có tướng trú, làm sao riêng Đại thừa có trú. Nếu có trú là trú ở pháp rốt ráo không. Thí dụ: như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế, chẳng phải trú, chẳng phải chẳng trú, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhô chẳng sạch, chẳng khởi chẳng làm.

Chẳng trú là chẳng trú nôi tự tướng; chẳng phải chẳng trú là chẳng trú nôi dị tướng. Chẳng trú là nói không để phá có; chẳng phải chẳng trú là nói theo lẽ thế tục phương tiện có trú. Chẳng trú là nói vô thường để phá tướng thường; chẳng phải chẳng trú là phá tướng đoạn diệt.

Trong đây Phật tự nói pháp tánh, pháp tánh tướng không. Vì sao? Vì tự tướng không cho đến không khởi không làm, các pháp khác cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Ông hỏi ai sẽ cưỡi Đại thừa ấy ra đi? Không có người cưỡi Đại thừa ấy ra đi. Vì sao? Vì Đại thừa và người đi ra, pháp sở dụng và lúc đi ra, hết thảy pháp ấy đều không có. Nếu hết thảy pháp không có thì dùng pháp gì đi ra. Vì sao? Vì ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Tánh không thể nghĩ bàn không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Thí Ba-la-mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh.

Nội không không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bốn niệm xứ không thể có được, cho đến Mười tám pháp không

chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-đà-hoàn không thể có được, cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-đà-hoàn quả cho đến A-la-hán quả, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, không khởi không tác không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, sinh, trụ, diệt không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tăng giảm không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Pháp gì không thể có được nên không thể có được? Pháp tánh vì không thể có được, nên không thể có được; như như, thật tế, tánh không thể nghĩ bàn, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, Thí Ba-la-mật vì không thể có được nên không thể có được; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được nên không thể có được.

Nội không vì không thể có được nên không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không vì không thể có được, nên không thể có được.

Bốn niệm xứ vì không thể có được, nên không thể có được, cho đến Mười tám pháp không chung vì không thể có được nên không thể có được.

Tu-đà-hoàn vì không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật vì không thể có được, nên không thể có được.

Tu-đà-hoàn quả không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật đạo không thể có được nên không thể có được.

Chẳng sinh chẳng diệt, cho đến chẳng khởi chẳng làm vì không thể có được, nên không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Sô địa vì không thể có được, nên không thể có được, cho đến địa thứ mười vì không thể có được, nên không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Thế nào là Sô địa cho đến địa thứ mười? Đó là Càn-tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa, Phật địa.

Trong nội không, Sô địa không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không, Sơ địa không thể có được.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, địa thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười không thể có được. Vì sao? Tu-bồ-đề! Sô địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, cho đến địa thứ mười chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sinh không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, tịnh Phật độ không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, năm mắt không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát do hết thảy các pháp không thể có được nên cưỡi Đại thừa đi ra đến trú Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Luận giả nói: Thực hành Đại thừa ấy đến bên Phật đạo gọi là xuất sinh. Lại do thành tựu nên gọi là xuất sinh. Lấy Đại thừa ấy thành tựu Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là xuất sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của Không.

Thừa là sở dụng của Sáu Ba-la-mật.

Pháp là các pháp từ-bi phương tiện v.v... không nhiếp vào Sáu Ba-la-mật.

Người xuất là Bồ-tát. Ba pháp ấy đều không.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Ngã không thể có được cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo không.

Năm uẩn, Mười hai nhập, Mười tám giới, Thí Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung; Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch cho đến ba đời, ba tướng, tăng giảm v.v... ấy gọi là pháp không.

Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy, Tu-đà-hoàn cho đến Phật, ấy gọi là chúng sinh không.

Hỏi: Có hai thứ không thể có được: Một là có pháp, và trí tuệ ít nên không thể có được. Hai là có trí tuệ lớn suy tìm không thể có được, đây chỉ thứ không thể có được nào?

Đáp: Vì pháp không có nên không thể có được (tức thì không có được thứ hai – ND).

Hỏi: Hết thảy pháp gốc ngọn không thể có được, thì có lợi ích gì với người?

Đáp: Trong đây Phật tự nói rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo là nếu hành giả nương không mà phá có, đối với có được thanh tịnh, đối với không chưa thanh tịnh, vì có nương dựa. Trong đây Phật tự nói: Nhân duyên không thể có được, chúng sinh không thể có được, hết thảy pháp không thể có được, thí như: như như, pháp tánh, thật tế v.v...cho đến chẳng khởi, chẳng làm không thể có được.

Lại nữa, vì Mười tám không nên pháp tánh không thể có được,

cho đến chẳng khởi chẳng làm. Trong Mười tám không, không có Sơ địa cho đến địa thứ mười, không có thành tựu chúng sinh, không có tịnh Phật quốc độ, không có Năm mắt, vì Mười tám không nên không, vì rốt ráo thanh tịnh nên không thể có được. Bồ-tát dùng pháp không thể có được làm phương tiện mà cưỡi Đại thừa đi ra đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 51

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI HAI: THẮNG XUẤT

KINH: Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa là vượt lên trên hết thảy thế gian Trời, người, A-tu-la.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy cùng với hư không bình đẳng, như hư không thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Đại thừa cũng như vậy, thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy không thấy có chỗ đến, không thấy có chỗ đi, không thấy có chỗ ở. Đại thừa ấy đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được, ba đời đồng là Đại thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy, thừa ấy gọi là Đại thừa.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa ấy là sáu Ba-la-mật: Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát Đại thừa là hết thảy môn Đà-la-ni, hết thảy môn Tam-muội, đó là Tam-muội Thủ Lăng-nghiêm cho đến Tam-muội hư không, xa lìa vướng mắc không nhiễm, ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Như lời Tu-bồ-đề nói: Đại thừa ấy vượt lên trên hết thảy thế gian trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu có Dục sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, thường có, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian trời,

người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Vì cõi Dục hư vọng, do ức tưởng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều tướng vô thường, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Cõi sắc, cõi vô sắc nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì cõi Sắc, cõi Vô sắc hư vọng, do sức tưởng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều là tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu sắc sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì sắc hư vọng, do ức tưởng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều tướng vô thường, phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Nếu mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy, không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vì hư vọng, ức tưởng phân biệt hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì pháp tánh không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là có pháp, chẳng phải không có pháp thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Thí Ba-la-mật là có pháp, chẳng phải không có

pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Thí Ba-la-mật không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Nếu Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thề gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung là có pháp, chẳng phải không có pháp thì Đại thừa ầy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu pháp Tánh nhân là có pháp. chẳng phải không có pháp thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì pháp Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu pháp Bát nhân, pháp Tu-đà-hoàn, pháp Tư-đà-hàm, pháp A-na-hàm, pháp A-la-hán, pháp Bích-chi Phật, pháp Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì pháp Bát nhân cho đến pháp Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Tánh nhân là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bát nhân, Tu-đà-hoàn cho đến Phật, là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Bát nhân cho đến Phật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết

thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở khoảng trung gian đó, nếu sẽ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Đại thừa ấy không thể vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Song vì Bồ-tát từ sô phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở khoảng trung gian ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát như Kim cang tuệ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thể biết hết thảy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề! Song vì Bồ-tát ma-ha-tát như Kim cang tuệ là không có pháp, chẳng phải pháp nên Bồ-tát biết hết thảy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng, vì vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu Ba mươi hai tướng của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì oai đức chư Phật không thể chiếu sáng, vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la. Tu-bồ-đề! Song vì Ba mươi hai tướng của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên oai đức chư Phật chiếu sáng, vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la.

Tu-bồ-đề! Nếu ánh sáng chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì ánh sáng chư Phật không thể chiếu khắp hằng hà sa thế giới. Tu-bồ-đề! Song vì ánh sáng chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật lấy ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa thế giới.

Tu-bồ-đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì chư Phật không thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới. Tu-bồ-đề! Song vì sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật có thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới.

Tu-bồ-đề! Nếu Pháp luân của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì chư Phật không thể chuyển Pháp luân, các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được. Tu-bồ-đề! Song vì Pháp luân của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật chuyển Pháp luân, các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được.

Tu-bồ-đề! Chư Phật vì chúng sinh chuyển Pháp luân, chúng sinh ấy nếu thấy có pháp, chẳng phải không có pháp, thì không thể khiến chúng sinh ấy đối với Vô-dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Tu-bồ-đề! Song vì chư Phật vì chúng sinh Chuyển pháp luân, chúng sinh ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên có thể khiến chúng sinh đối với Vô-dư Niết-bàn, đã diệt, nay diệt, sẽ diệt (sẽ diệt độ, Niết-bàn –ND).

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề trên kia lấy năm việc hỏi Đại thừa, Phật đã đáp rồi. Tu-bồ-đề hoan hỷ tán thán rằng: Bạch Thế Tôn! Đại thừa ấy có oai lực lớn, phá hoại người, trời, thế gian đã có thể vượt hôn trong đó; thí như ba người đi qua đường dữ, một người giữa đêm trốn thốt riêng một mình, một người dùng tiền lo mà khỏi, một người như đại vương với đại quân, tướng, binh chúng, phá dẹp giặc thù, cất quân cứu tế toàn thể, không sợ hoạn nạn. Ba thừa cũng như vậy, như A-la-hán không thể biết hết thảy tướng chung tướng riêng, cũng không thể phá ma vương, lại không thể hàng phục ngoại đạo; chỉ chán già, bệnh, chết, thẳng đến Niết-bàn. Như Bích-chi Phật thâm nhập các pháp thật tướng hơn Thanh-văn, có một ít từ tâm, dùng lực từ tâm hóa độ chúng sinh, phá được phiền não mà không phá được ma và ngoại đạo. Như Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã khởi tâm đại từ-bi đối với hết thảy chúng sinh, tuy chưa thành Phật, mà ở khoảng trung gian ấy làm lợi ích vô lượng chúng sinh, quyết định biết thật tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba-la-mật nên phá các ma vương và ngoại đạo, dứt phiền não tập khí, đầy đủ trí nhất thiết chủng, tướng chung tướng riêng đều biết rõ, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba hạng người tuy đều ra khỏi sinh tử, nhưng đường tu phương tiện khác nhau. Thế nên Tu-bồ-đề tán thán Đại thừa, dẹp phá hết thảy thế gian, vượt trên trời, người, A-tu-la; ví như hư không hàm thụ hết thảy quốc độ mà hư không vẫn như cũ không chật. Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ ba đời chư Phật và các đệ tử mà Đại thừa cũng không đầy. Lại, như hư không vì tướng thường nên không có tướng vào, không có tướng ra, không có tướng trụ lại. Đại thừa ấy

cũng như vậy, không có chỗ vào ở vị lai, không có chỗ ra ở quá khứ, không có chỗ trụ lại ở hiện tại, phá ba thời nên ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa.

Hỏi: Phật nên khen Tu-bồ-đề về lời tán thán lành thay, cớ sao lại nói Đại thừa?

Đáp: Phật muốn thuận theo lời tán thán của Tu-bồ-đề nên khen.

Vì trên nói Đại thừa sâu xa, nay lược nói tướng Đại thừa, vậy sau nói rộng. Đại thừa được Tu-bồ-đề tán thán là sáu Ba-la-mật, các môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, mười tám không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung. Đại thừa như Tu-bồ-đề nói phá hoại hết thảy thế gian, vượt lên trên trời, người. A-tu-la, việc ấy thật như vậy, vì cớ sao? Vì ba cõi hư dối, như huyễn như mộng, vô minh hư vọng, do nhân duyên mà có, nhân quả không có thật nhất định, hết thảy vô thường, phá hoại tiêu diệt, đều là tướng không. Vì Đại thừa trái với ba cõi, nên có thể tồi diệt mà vượt lên trên, nếu ba cõi có thật nhất định, thường không hư vọng, thời Đại thừa không thể tồi diệt mà vượt lên trên, vì cớ sao? Vì thế lực ngang nhau. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, các thọ do sáu xúc sinh cũng như vậy.

Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa không thể phá thế gian để được vượt lên trên, vì pháp tánh chẳng phải có, nên Đại thừa có thể vượt lên trên thế gian được.

Hỏi: Pháp hữu vì do nhân duyên hòa hợp hư vọng nên nói không có, còn như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, là pháp vô vi thật, gọi là thật tế, vì sao nói không có?

Đáp: Vì vô vi không nên nói không có.

Lại nữa, Phật nói lìa pháp hữu vi, pháp vô vi không thể có được; thật tướng pháp hữu vi tức là pháp vô vi.

Lại nữa, quán sát pháp hữu vi ấy hư dối còn như như, pháp tánh, thật tế là thật. Vì người ta đối với pháp tánh chấp lấy tướng khởi lên tranh cãi cho nên nói không có pháp tánh; hoặc nói có, hoặc nói không, đều có nhân duyên nên không lỗi. Như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì cũng như vậy.

Thí Ba-la-mật thế gian vì chấp trước nên có, Thí Ba-la-mật xuất thế gian vì không chấp trước nên không. Vì phá xan tham nên nói có Thí Ba-la-mật, vì phá tà kiến nên nói Thí Ba-la-mật không có; vì độ người sĩ học nên nói có, nếu ở trong tâm Thánh nhân thì nói không. Như Thí Ba-la-mật cho đến chúng sinh nếu thật có, chẳng phải là không có pháp, thì không nên cưỡng ép làm cho tiêu diệt, vào Vô-dư Niết-bàn.

Hỏi: Từ khi có được ba mươi hai tướng về sau, sao không nói Đại thừa vượt lên trên?

Đáp: Cần nên nói, vì sợ văn dài nên không nói.

Lại nữa, từ khi được ba mươi hai tướng cho đến khi vì chúng sinh chuyển Pháp luân, cũng là Đại thừa, chỉ tên gọi khác nhau mà thôi.

Lại nữa, trên đây tổng quát nói tướng Đại thừa vượt lên trên, chẳng biết thế nào là vượt lên trên. Nay phân biệt nói rằng Phật có ba mươi hai tướng trang nghiêm thân, nên vượt trên hết thảy chúng sinh, Phật có ánh sáng hôn hết thảy ánh sáng mặt trời mặt trăng, chư Thiên; âm thanh của Phật hơn hết thảy âm thanh, hôn âm thanh hay của thế gian, hơn phạm âm của chư Thiên. Pháp luân của Phật hôn Bảo luân của Chuyển luân Thánh vương và hết thảy pháp luân của ngoại đạo, không chướng không ngại. Các Pháp luân khác lợi ích nhỏ, nông cạn, hoặc một đời, hai đời, cùng tột ngàn vạn đời, còn Pháp luân của Phật có thể khiến vĩnh viễn vào Vô-dư Niết-bàn, không còn trở lại sinh tử.

Lại nữa, nếu chúng sinh thật có, Phật không nên khiến chúng sinh vào Niết-bàn, nhổ sạch gốc nó, đây quá hơn giết một mạng, có lỗi lớn như vậy. Vì chúng sinh tâm điên đảo thấy có ngã, nên Phật phá tâm điên đảo ấy nói có Niết-bàn, không có chúng sinh thật có thể diệt, cho nên không lỗi. Có các công đức như vậy nên Đại thừa vượt lên trên hết thảy thế gian.

Hỏi: Hết thảy thế gian là mười phương sáu nẻo chúng sinh, cớ sao chỉ nói vượt lên trên trời, người, A-tu-la?

Đáp: Trong sáu đạo, ba là thiện đạo, ba là ác đạo. Đại thừa còn phá được ba thiện đạo mà vượt lên trên, huống gì là ác đạo!

Hỏi: Trong kinh Long vương nói rồng được đạo Bồ-tát, sao nói đó là ác đạo?

Đáp: Chúng sinh có vô lượng vô biên, rồng được đạo rất ít. Lại nữa, có người nói Đại Bồ-tát biến hóa thân để giáo hóa nên làm thân rồng chúa.

-------o0o-------

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI BA: HÀM THỤ

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng? Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Đại thừa cùng với hư không bình đẳng. Tu-bồ-đề! Như hư không, không có phương Đông, không

có phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên dưới, Đại thừa cũng như vậy, không có phương Đông, không có phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên dưới.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông, chẳng phải tròn, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông, chẳng phải tròn.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng thêm chẳng bớt, Đại thừa cũng như vậy, chẳng thêm chẳng bớt.

Tu-bồ-đề! Như hư không, không nhơ, không sạch, Đại thừa cũng như vậy, không nhơ, không sạch.

Tu-bồ-đề! Như hư không, không sinh, không diệt, không trụ, không biến khác, Đại thừa cũng như vậy, không sinh, không diệt, không trụ, không biến khác.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký, chẳng phải vô ký, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký, chẳng phải vô ký. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không không thấy, không nghe, không hiểu, không biết, Đại thừa cũng như vậy, không thấy, không nghe, không hiểu, không biết.

Như hư không không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu, Đại thừa cũng như vậy, không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm.

Như hư không chẳng trói buộc ở theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc, Đại thừa cũng như vậy, chẳng

trói buộc theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc.

Như hư không không có tâm mới phát, cũng không có tâm thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám chín, mười, Đại thừa cũng như vậy, không có tâm mới phát, cho đến tâm thứ mười.

Như hư không, không có địa vị Càn-tuệ, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Đại thừa cũng như vậy, không có địa vị Càn-tuệ, cho đến không có địa vị Dĩ biện.

Như hư không, không có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Đại thừa cũng như vậy, không có quả Tu-đà-hoàn, cho đến không có quả A-la-hán.

Như hư không, không có địa vị Thanh-văn, không có địa vị Bích-chi Phật, không có địa vị Phật, Đại thừa cũng như vậy, không địa vị Thanh-văn cho đến địa vị Phật. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không đối ngại, chẳng phải hợp chẳng phải tán, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không có đối ngại, chẳng phải hợp, chẳng phải tán. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải tối, chẳng phải sáng, Đại

thừa cũng như vậy, chẳng phải tối chẳng phải sáng. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Như hư không, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói, Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên nói Đại thừa, cùng với hư không bình đẳng.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề tán thán Đại thừa như hư không, Phật liền thuật rộng thành việc ấy. Như hư không, không có mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương, cũng không có dài ngắn, vuông tròn, xanh, vàng đỏ, trắng.

Hỏi: Hư không có thể như vậy, là pháp vô vi, không có sắc, không phương hướng, còn Đại thừa là pháp hữu vi, là sắc pháp, đó là bố thí, trì giới v.v... làm sao nói cùng với hư không bình đẳng?

Đáp: Sáu Ba-la-mật có hai thứ là thế gian và xuất thế gian. Thế gian là hữu vi, sắc pháp, chẳng đồng với hư không. Xuất thế gian cùng với như như, pháp tánh, thật tế, hòa hợp với trí tuệ nên giống như hư không. Từ sau khi chứng được Vô sinh pháp nhẫn, không có phân biệt như hư không.

Lại nữa, như Phật dùng trí vô ngại, quán thật tướng như hư không người khác thì không được như vậy, vì trí tuệ không được thanh tịnh rốt ráo.

Lại nữa, Phật trước sau nói các pháp rốt ráo không, như tướng Vô-dư Niết-bàn, như hư không, không nên nghi ngờ. Các pháp khác cũng như vậy, cho đến như hư không, chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói cũng như vậy.

Hỏi: Như hư không, nói là không có gì là đủ, cớ sao nói không có các tướng?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm, tâm đắm trước các pháp nhân duyên trong ngoài, vì vậy nên Phật nói như hư không, không có các tướng, Đại thừa cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Như lời ông nói: Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Chúng sinh không có nên biết hư không không có; hư không không có nên biết Đại

thừa cũng không có. Vì nhân duyên ấy nên Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì cớ sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, các pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, hết thảy pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết như như, pháp tánh, thật tế không có; như như, pháp tánh, thật tế không có, nên biết cho đến vô lượng vô biên vô số không có, vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thảy pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy, thật tế, cho đến vô lượng vô biên vô số, hết thảy pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết tánh bất khả tư nghì không có; tánh bất khả tư nghì không có, nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có; sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, nên biết Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy v.v... hết thảy pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết mắt không có; tai, mũi, lưỡi, thân, ý không có; mắt cho đến ý không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết Thí Ba-la-mật không có; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không có; Bát-

nhã Ba-la-mật không có, nên biết hư không không có; hư không không có nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô lượng vô biên vô số không có; vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biến vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã không có cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết "nội không" không có cho đến "vô pháp hữu pháp không" không có; vô pháp hữu pháp không không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết Bốn niệm xứ không có; Bốn niệm xứ không có, cho đến Mười tám pháp không chung không có; Mười tám pháp không chung không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa ấy hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã, chúng sinh không có, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết Tánh địa không có, cho đến Dĩ tác địa không có; Dĩ tác địa không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã, chúng sinh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết Tu-đà-hoàn không có; Tu-đà-hoàn không có, nên biết Tư-đà-hàm không có; Tư-đà-hàm không có, nên biết A-na-hàm không có; A-na-hàm không có, nên biết A-la-hán không có; A-la-hán không có, nên biết cho đến hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu-bồ-đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu-bồ-đề! vì ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thanh-văn thừa không có; Thanh-văn thừa không có, nên biết Bích-chi Phật thừa không có; Bích-chi Phật thừa không có, nên biết Phật thừa không có; Phật thừa không có, nên biết người Thanh-văn không có; người Thanh-văn không có, nên biết Tu-đà-hoàn không có; Tu-đà-hoàn không có cho đến Phật không có; Phật không có, nên biết Trí nhất thiết chủng không có; Trí nhất thiết chủng không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết cho đến hết thảy các pháp không có. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được. Tu-bồ-đề! Như Tánh Niết-bàn hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên ấy, Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô sồ chúng sinh, Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

LUẬN: Hỏi: Sao không nói hư không rộng lớn vô biên nên hàm thụ hết thảy vật, mà lại nói hư không không có nên có thể hàm thụ hết thảy chúng sinh, mọi vật, Đại thừa cũng không có?

Đáp: Hiện thấy hư không không có, hết thảy vạn vật đều ở trong đó, vì không có nên có thể hàm thụ.

Hỏi: Tâm, tâm số pháp cũng không hình chất, sao không hàm thụ hết thảy vạn vật?

Đáp: Tâm, tâm số pháp có tướng giác tri, chẳng phải tướng hàm thụ. Lại không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc gần hoặc xa, chỉ do tướng phân biệt nên biết có tâm. Pháp hình sắc có chỗ ở, nhân chỗ có sắc nên biết có hư không, do sắc không dung thọ các vật nên biết hư không dung thọ các vật. Sắc với hư không trái nhau, sắc nếu không dung thọ, thì biết hư không dung thọ; như do vô minh nên biết có minh, do khổ nên biết có vui, nhân sắc không có nên nói có hư không, chứ không có tướng riêng.

Lại nữa, tâm, tâm số pháp còn có nghĩa không dung thọ, như tâm tà kiến không dung thọ chánh kiến, tâm chánh kiến không dung thọ tà kiến. Hư không thì không như vậy, hết thảy đều dung thọ.

Lại tâm, tâm số pháp có tướng sinh diệt, là pháp có thể dứt, còn hư không thì không vậy. Tâm, tâm số pháp và hư không đều đồng vô sắc, vô hình, chứ không được nói hoàn toàn không khác. Vì vậy, nên trong các pháp, chỉ nói hư không có thể dung thọ hết thảy.

Hỏi: Trước tôi hỏi ý không phải vậy! Ý tôi hỏi cớ sao không nói

hư không vì vô lượng vô biên có thể dung thọ hết thảy vật, mà lại nói vì không có nên dung thọ hết thảy vật?

Đáp: Tôi nói hư không không có tự tướng là đối đãi với sắc tướng mà nói hư không; nếu không có tự tướng thì không có hư không, làm sao nói nó vô lượng vô biên!

Hỏi: Ông nói tướng dung thọ, tức là hư không, cớ sao nói không có?

Đáp: Tướng dung thọ tức là không có sắc tướng, chỗ sắc không đến được, gọi là hư không, vì vậy nên không có hư không. Nếu thật có hư không, thì khi chưa có sắc phải không có hư không; nếu chưa có sắc đã có hư không, thì hư không vô tướng. Vì sao? Vì chưa có sắc. Nhân sắc nên biết có hư không, có sắc nên liền biết có vô sắc. Nếu trước có sắc, sau có hư không, thì hư không là pháp tạo tác, pháp tạo tác thì không gọi là thường. Nếu có pháp vô tướng là không thể có được, vì vậy nên không có hư không.

Hỏi: Nếu thường có hư không, nhân sắc nên tướng hư không hiện rõ, vậy tướng hiện ra sau ấy ở hư không?

Đáp: Nếu hư không trước không có tướng, sau có tướng cũng không có chỗ ở. Nếu hư không trước có tướng, tướng không có sở tướng; nếu trước không có tướng, tướng cũng không có chỗ ở. Nếu lìa tướng là vô tướng, vì tướng không có chỗ ở; nếu tướng không có chỗ ở, thì chỗ sở tướng cũng không có, chỗ sở tướng không có, nên tướng cũng không có. Lìa tướng và chỗ tướng ở, thì không còn có pháp. Vì vậy nên hư không không gọi là tướng, không gọi là sở tướng; không gọi là pháp, không gọi là phi pháp; không gọi là có, không gọi là không có. Dứt các ngôn ngữ thì vắng lặng như Vô-dư Niết-bàn. Các pháp khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu hết thảy pháp như vậy tức là hư không, cớ sao còn lấy hư không làm ví dụ?

Đáp: Nhân quả các pháp đều là hư dối. Nhân vô minh nên có dối gạt tâm chúng sinh, chúng sinh đắm trước nơi pháp đó mà không đắm trước nôi hư không. Sáu trần dối gạt tâm chúng sinh, hư không tuy cũng dối gạt mà không như vậy, vì vậy nên lấy hư không làm ví dụ; lấy việc thô thiển phá việc vi tế. Như hư không nhân nơi sắc nên chỉ có tên giả, không có pháp nhất định, chúng sinh cũng như vậy, nhân năm uẩn hòa hợp nên chỉ có tên giả, cũng không có pháp nhất định. Đại thừa cũng như thế, vì chúng sinh không, nên không có Phật, không có Bồ-tát, vì có chúng sinh nên có Phật có Bồ-tát; nếu không có Phật, không có Bồ-

tát thì không có Đại thừa. Vì vậy nên Đại thừa hay dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh; nếu có pháp thì không thể dung thọ vô lượng chư Phật và đệ tử.

Hỏi: Nếu thật không có hư không, làm sao có thể dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh?

Đáp: Vì vậy nên Phật nói vì Đại thừa không có nên vô số không có; vô số không có nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có nên vô biên cũng không có, vô biên không có nên hết thảy pháp cũng không có, vì vậy nên có thể dung thọ.

A-tăng-kỳ (Asamkya) là, Tăng-kỳ là Số, A là Vô. Chúng sinh và các pháp mỗi mỗi không thể có được biên tế, nên gọi là vô số. Đếm mười phương hư không xa gần không thể có được biên giới của nó, nên gọi là vô số. Phân biệt đếm sáu Ba-la-mật, chủng chủng bố thí, chủng chủng trì giới v.v... không có số lượng, đếm bao nhiêu chúng sinh đã lên xe (Chánh pháp), sẽ lên xe, hiện lên xe, không thể kể hết; ấy gọi là vô số.

Lại nữa, có người nói bắt đầu đếm chỉ có một, chỉ có một, một một nên nói hai. Như vậy v.v... đều là một, không còn cách đếm khác; nếu đếm là một thì không có số (vô số).

Có người nói: Hết thảy pháp do hòa hợp nên có tên gọi như bánh xe, vành bánh xe, cái tay hoa xe, cái bầu giữa bánh xe hòa hợp nên gọi là xe, không có thật pháp nhất định. Một pháp không có nên nhiều pháp cũng không, vì trước một sau mới nhiều.

Lại nữa, dùng số đếm sự vật, sự vật không có nên số đếm cũng không có, nên gọi là vô số.

Vô lượng là như lấy đấu lường vật, lấy trí tuệ lường các pháp cũng như vậy. Các pháp không, nên vô số, vô số nên vô lượng vô biên, không có thật trí, làm sao biết được định tướng các pháp?

Vô lượng nên vô biên, lượng là tổng tướng, biên là biệt tướng; lượng là tướng đầu, biên là tướng cuối cùng.

Lại nữa, ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có nên thật tế cũng không có; thật tế không có nên vô số cũng không có; vô số không có, nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có, nên vô biên cũng không có; vô biên không có, nên hết thảy pháp cũng không có.

Vì vậy nên hết thảy pháp rốt ráo thanh tịnh. Đại thừa dung thọ được hết thảy chúng sinh và pháp, vì hai việc nhân nhau, nếu không có chúng sinh thì không có pháp, nếu không có pháp thì không có chúng sinh. Trước, tổng tướng nói hết thảy pháp không, sau mỗi mỗi riêng nói

các pháp không. Thật tế là diệu pháp sau cùng, nó cũng không có huống gì các pháp khác. Từ tánh bất khả tư lượng cho đến tánh Niết-bàn, cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Như ông nói, Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì hết thảy các pháp tướng chẳng động, nên pháp ấy không chỗ đến, không chỗ đi, không chỗ ở. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Tu-bồ-đề! Sắc pháp không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Như sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; như thọ, tưởng, hành, thức, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Tánh sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; tánh thọ, tưởng, hành, thức, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Tướng sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; tướng của thọ, tưởng, hành, thức, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Mắt, pháp mắt, như mắt, tánh, mắt tướng mắt không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp ý, như ý, tánh ý, tướng ý, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Địa chủng, pháp địa chủng, như địa chủng, tánh địa chủng, tướng địa chủng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; nước, lửa, gió, không, thức chủng, pháp thức chủng, như thức chủng, tánh thức chủng, tướng thức chủng, cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Như, pháp như, như như, tánh như, tướng như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Thật tế, pháp thật tế, như thật tế, tánh thật tế, tướng thật tế, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Bất khả tư nghì, pháp bất khả tư nghì, như bất khả tư nghì, tánh bất khả tư nghì, tướng bất khả tư nghì, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Thí Ba-la-mật, pháp Thí Ba-la-mật, như Thí Ba-la-mật, tánh Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, pháp Bát-nhã Ba-la-mật, như Bát-nhã Ba-la-mật, tánh Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Bốn niệm xứ, pháp Bốn niệm xứ, như Bốn niệm xứ, tánh Bốn niệm xứ, tướng Bốn niệm xứ, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát, pháp Bồ-tát, như Bồ-tát, tánh Bồ-tát, tướng Bồ-tát, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Phật, pháp Phật, như Phật, tánh Phật, tướng Phật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp, như, tánh, tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Hữu vi pháp, pháp hữu vi pháp, như hữu vi pháp, tánh hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Vô vi pháp, pháp vô vi pháp, như vô vi pháp, tánh vô vi pháp, tướng vô vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, Đại thưa không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở.

LUẬN: Luận giả nói: Phật bảo Tu-bồ-đề: Cớ sao ông chỉ tán thán Đại thừa không đến, không đi, không ở? Hết thảy pháp cũng như vậy, không đến, không đi, không ở, vì thật tướng hết thảy pháp chẳng động Hỏi: Các pháp hiện có đến, đi, có thể trông thấy, cớ sao nói tướng nó không động, không đến, không đi?

Đáp: Tướng đến, đi, trước đã phá, nay sẽ nói lại: Trong Phật pháp không có ngã, không có chúng sinh, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy, nên kẻ đến, kẻ đi không có; kẻ đến, kẻ đi không có, nên tướng đến, tướng đi cũng phải không có.

Lại nữa, trong ba đời tìm tướng đi, không thể có được. Vì cớ sao? Vì trong khi đã đi không đi, trong khi chưa đi cũng không đi, lìa đã đi và chưa đi, trong khi đi cũng không đi.

Hỏi: Chỗ có thân động chuyển gọi là đi; trong đã đi và chưa đi thân

không động chuyển. Vì vậy nên khi đi, thân động chuyển, tức phải có đi?

Đáp: Không phải vậy! Lìa tướng đi, khi đi không thể có được; lìa khi đi, tướng đi không thể có được, làm sao nói khi đi có đi?

Lại nữa, nếu khi đi có tướng đi, lý dáng lìa tướng đi có khi đi. Vì sao? Vì ông nói khi đi có đi?

Lại nữa, nếu khi đi có đi, thì nên có hai đi: Một là biết khi đi, hai là biết khi đi có đi.

Hỏi: Nếu như vậy thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu như vậy có hai người đi. Vì sao? Vì lìa người đi không có tướng đi, nếu lìa người đi thì không có tướng đi; lìa tướng đi thì không có người đi, thế nên người đi không đi, người không đi cũng không đi; lìa đi và không đi, cũng không có đi. Đến và ở cũng như vậy.

Vì vậy, Phật nói pháp của người phàm phu hư dối không thật, tuy là cái thấy của mắt thịt nhưng không khác loài súc sinh, điều đó không thể tin. Thế nên nói các pháp không đến không đi. không ở cũng không động. Sao vậy? Như thế gọi là sắc, pháp sắc, như sắc, tánh sắc, tướng sắc.

Sắc là việc của mắt thấy, chưa phân biệt tốt xấu, thật không thật, tướng mình tướng khác; pháp sắc là chỉ vô thường sinh diệt, bất tịnh v.v... Như sắc là sắc do hòa hợp có, như bọt nước không bền chắc, ly tán thì không có, hư ngụy không thật, chỉ dối gạt mắt người. Sắc hiện tại như vậy, sắc quá khứ, vị lai cũng như vậy, như hiện tại lửa nóng, so sánh biết lửa quá khứ vị lai cũng như vậy.

Lại nữa, như chư Phật quán sắc tướng rốt ráo thanh tịnh không, Bồ-tát cũng nên quán như vầy: Pháp sắc, như sắc, vì sao không giống như chỗ thấy của phàm phu?

- Vì tánh nó tự như vậy.

- Tánh ấy thâm diệu làm sao biết được?

Do lực của tướng sắc nên biết được. Như lửa lấy khói làm tướng, thấy khói thì biết có lửa. Thấy tướng sắc nay vô thường, phá hoại, khổ não, thô sáp mà biết tánh nó là vậy. Năm pháp ấy không đi không đến không ở, như trước nói. Cho đến vô vi, pháp vô vi; như, tánh, tướng vô vi, không đến không đi không ở cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề! Như ông nói, Đại thừa tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng. Vì vậy nên gọi là Đại thừa. Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Đại thừa ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có

được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa. Vì sao? Tu-bồ-đề! Đời quá khứ, đời quá khứ không; đời vị lai, đời vị lai không; đời hiện tại, đời hiện tại không; ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không; Đại thừa, Đại thừa không; Bồ-tát, Bồ-tát không. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì Không ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm, chẳng phải khác. Vì vậy nên nói ba đời bình đẳng.

Ấy là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, vì trong thừa ấy tướng bình đẳng chẳng bình đẳng không thể có được; nhiễm chẳng nhiễm không thể có được; sân chẳng sân không thể có được; si chẳng si không thể có được; mạn chẳng mạn không thể có được, cho đến hết thảy pháp lành, pháp chẳng lành không thể có được. Trong thừa ấy thường không thể có được, vô thường không thể có được, vui không thể có được, khổ không thể có được, thật không thể có được, không không thể có được; ngã không thể có được, vô ngã không thể có được; cõi Dục không thể có được, cõi Sắc không thể có được, cõi Vô sắc không thể có được; độ cõi Dục không thể có được, độ cõi Sắc không thể có được, độ cõi Vô sắc không thể có được. Vì sao? Vì Đại thừa ấy tự pháp không thể có được. Tu-bồ-đề! Sắc quá khứ, sắc quá khứ không, sắc vị lai, sắc hiện tại, sắc vị lai, sắc hiện tại không; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không; thọ, tưởng, hành, thức vị lai, hiện tại, thọ, tưởng, hành, thức vị lai, hiện tại không.

Trong không, sắc quá khứ không thể có được. Vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không, lại có sắc quá khứ được! Trong không, sắc vị lai hiện tại không thể có được. Vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có sắc vị lai hiện tại được!

Trong không, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không thể có được. Vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có thọ, tưởng, hành, thức quá khứ được! Trong không, thọ, tưởng, hành, thức vị lai hiện tại không thể có được. Vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có thọ, tưởng, hành, thức vị lai, hiện tại được!

Tu-bồ-đề! Thí Ba-la-mật quá khứ không thể có được, Thí Ba-la-mật vị lai không thể có được, Thí Ba-la-mật hiện tại không thể có được, trong ba đời bình đẳng Thí Ba-la-mật cũng không thể có được. Vì sao?

Vì trong bình đẳng, đời quá khứ không thể có được, đời vị lai không thể có được, đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng,

bình đẳng cũng không thể có được, huống gì trong bình đẳng có đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại được! Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong đời quá khứ Bốn niệm xứ không thể có được, cho đến trong đời quá khứ Mười tám pháp không chung không thể có được. Trong đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong ba đời bình đẳng Bốn niệm xứ không thể có được, trong ba đời bình đẳng cho đến Mười tám pháp không chung không thể có được. Vì sao? Vì trong bình đẳng Bốn niệm xứ đời quá khứ không thể có được, trong bình đẳng Bốn niệm xứ đời vị lai không thể có được, trong bình đẳng Bốn niệm xứ đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, huống gì trong bình đẳng có Bốn niệm xứ đời quá khứ, Bốn niệm xứ đời vị lai, hiện tại được! Trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, huống gì trong bình đẳng có quá khứ cho đến Mười tám pháp không chung được! Đời vị lai, hiện tại cũng vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người phàm phu đời quá khứ không thể có được, người phàm phu đời vị lai, hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, người phàm phu cũng không thể có được. Vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được. Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật trong đời quá khứ không thể có được, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật trong đời vị lai, hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật không thể có được. Vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được.

Tu-bồ-đề! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật học tướng ba đời bình đẳng, sẽ đầy đủ Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát, nghĩa là tướng ba đời bình đẳng.

Bồ-tát ma-ha-tát trú trong thừa ấy vượt lên trên hết thảy thế gian người, trời, A-tu-la, thành tựu Tát-bà-nhã.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát. Vì sao? Vì các Bồ-tát quá khứ nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng, các Bồ-tát vị lai cũng ở nơi thừa ấy học và đã được Trí nhất thiết chủng. Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ-tát trong mười phương vô lượng vô số thế giới hiện nay cũng ở nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng. Vì vậy nên, bạch đức Thế Tôn! Thừa ấy thật là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề! Đúng vậy, đúng vậy! Chư Phật quá khứ vị lai,

hiện tại nôi Đại thừa ấy học, đã được Trí nhất thiết chủng, sẽ được, nay được.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề lược tán thán Đại thừa ấy đời trước, đời sau, đời giữa trung tế không thể có được, vì ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa. Nay Phật diễn rộng lời tán thán của Tu-bồ-đề: Ba đời tại sao không thể có được? Đời quá khứ, đời quá khứ không, đời vị lai, đời vị lai không, đời hiện tại, đời hiện tại không, nên không thể có được. Ba đời bình đẳng, bình đẳng là không. Đại thừa, Đại thừa tự không; Bồ-tát, Bồ-tát tự không; ấy là ý nghĩa của tướng không trong ba đời. Tướng ba đời không, như trước đã nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không. Nghĩa là không, tướng không, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm v.v..., chẳng khác, chẳng hợp, chẳng tán, không có phân biệt. Thế nên ba đời bình đẳng tướng không, vì không có gì, bình đẳng ấy cũng không.

Bồ-tát hiểu được ba đời bình đẳng như vậy, không để cho từ đời vô thỉ lại đây làm mệt chán, không để cho đời vị lai vô biên làm khó khăn, ấy là Bồ-tát ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa. Trong Đại thừa ấy tướng bình đẳng không thể có được, tướng không bình đẳng cũng không thể có được. Được Tam-muội về ba đời bình đẳng ấy, phá tướng bất bình đẳng. Vì đối đãi tướng bất bình đẳng nên có đẳng, bất bình đẳng rốt ráo không có nên đẳng cũng không có. Muốn, chẳng muốn, cho đến ba cõi độ ba cõi, là pháp đối đãi cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói: Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh, tự tánh không có nên không.

Lại nữa, sắc quá khứ, tướng sắc quá khứ không; vị lai, hiện tại cũng như vậy. Như sắc, bốn uẩn khác cũng như vậy. Vì sao? Vì trong không, tướng không thể có được, huống gì trong không có tướng ba đời năm uẩn được! Bồ-tát quán năm uẩn không, dứt tham dục, đi vào đạo, là Thí Ba-la-mật v.v... Cũng như năm uẩn, ba đời không thể có được, vì ba đời bình đẳng, bình đẳng tức là không. Trong bình đẳng ấy, Thí Ba-la-mật không thể có được.

Hỏi: Cớ sao ba đời và trong ba đời bình đẳng, Thí Ba-la-mật không thể có được?

Đáp: Trong các pháp bình đẳng không có ba đời, trong bình đẳng, tướng bình đẳng cũng không thể có được, huống gì có ba đời. Năm Ba-la-mật khác cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Lại nữa, trong ba đời tướng phàm phu không thể có được, Thanh-văn cho đến Phật cũng không thể có được; vì chúng sinh không vậy.

Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật học ba đời bình đẳng không như vậy, nhóm các công đức lành, liền đầy đủ Trí nhất thiết chủng. Phật nói Bồ-tát trú được ba đời bình đẳng như vậy, thì vượt lên trên hết thảy thế gian trời, người và A-tu-la.

Khi ấy Tu-bồ-đề, tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Đại thừa lợi ích các Bồ-tát. Vì sao? Vì các Bồ-tát quá khứ học Đại thừa ấy, được Trí nhất thiết chủng; chưa được, nay được cũng như vậy.

Có người nói: Không có nhân duyên được thanh tịnh, cũng không có nhân duyên nhiễm cấu uế, lớn nhỏ, tốt xấu, trói mở đều do vô chủ đưa đến. Có người nói: Tốt xấu, trói mở, thời tiết đến thì tự được. Có người nói: Phước đức thành tựu nên được Phật đạo. Có người nói: Chỉ được thật trí tuệ thanh tịnh mới được Phật đạo.

Những người nói như vậy đều là phi nhân duyên, ít nhân duyên, Tu-bồ-đề không tán thán. Nay Phật bỏ phi nhân duyên, cũng bỏ nhân duyên, không đầy đủ; mà nói nhân duyên đầy đủ, đó là Sáu Ba-la-mật, ba đời Bồ-tát học thừa ấy đầy đủ, được thành đạo. Phật cũng được Tu-bồ-đề tán thán nói: Lành thay! lành thay!

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 52

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI BỐN: HỘI TÔNG

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật trước sai Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát, sao nay lại nói Đại thừa?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa sẽ không xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Tu-bồ-đề, không! Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát-nhã ba-la mật, không lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hết thảy pháp lành, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-đề, hoặc pháp Phật, hết thảy pháp ấy đều nhiếp vào trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành, pháp trợ đạo, pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đó là Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Bảy giác phần, Tám Thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, giải thốt môn, Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Đại từ Đại bi, Mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Tu-bồ-đề! Cùng các pháp lành khác, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Hoặc Đại thừa, hoặc Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, các thọ do nhãn và xúc làm duyên phát sinh, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, các thọ do ý và xúc làm duyên phát sinh; địa chủng cho đến thức chủng, Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác, giải thốt môn và các pháp lành hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc

hữu vi, hoặc vô vi, hoặc Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc nội không cho đến vô pháp hữu pháp pháp không, các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, Mười lực Phật cho đến Mười tám pháp không chung, hoặc Phật pháp, hoặc tánh Phật pháp, như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì, Niết-bàn, hết thảy các pháp ấy đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng, đó là vô tướng.

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì Đại thừa không khác Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không khác Đại thừa; Bát-nhã Ba-la-mật và Đại thừa không hai không khác. Thí Ba-la-mật không khác Đại thừa, Đại thừa không khác Thí Ba-la-mật; Thí Ba-la-mật và Đại thừa không hai không khác, cho đến Thiền Ba-la-mật cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Bốn niệm xứ không khác Đại thừa, Đại thừa không khác Bốn niệm xứ; Bốn niệm xứ và Đại thừa không hai không khác; cho đến Mười tám pháp không chung không khác Đại thừa, Đại thừa không khác Mười tám pháp không chung; Mười tám pháp không chung và Đại thừa không hai không khác.

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tức là nói Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Luận giả nói: Phú-lâu-na tuy tự mình không nghi, chỉ vì kẻ tân học độn căn không hiểu nghĩa một mà tên gọi khác, nên đặt câu hỏi. Tu-bồ-đề liền đem việc ấy bạch Phật: Phật pháp thậm thâm, điều con nói sẽ không có lỗi chăng? Phật đáp: Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát-nhã, không có sai trái. Nghĩa là lúc đầu đã luận rồi, nay Phật dạy cho nhân duyên tùy thuận; đó là hết thảy pháp lành thuộc ba thừa, đều tụ hợp vào trong Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp lành của ba thừa đều vì Niết-bàn. Cửa vào Niết-bàn có ba: Hết thảy pháp đều vào cửa không, cửa vô tướng, vô tác. Như trì giới hay sinh thiền định, thiền định hay sinh thật trí tuệ, vì không nhiễm trước thế gian.

Những gì là pháp trợ đạo của ba thừa nhiếp ở trong Bát-nhã? Đó là Sáu Ba-la-mật, Ba mươi bảy phẩm, Ba cửa giải thốt, Mười lực Phật, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Đại từ Đại bi, Mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Trong đó Ba mươi bảy phẩm, Ba cửa giải thốt, là pháp chung của ba thừa, Sáu Ba-la-mật là pháp của Bồ-tát, Mười lực cho đến thường xả hành là pháp của Phật.

Có người nói: Sáu Ba-la-mật có đầy đủ, không có đầy đủ. Không đầy đủ là pháp chung cả hai thừa, đầy đủ là pháp riêng của Bồ-tát.

Lại nữa, Đại thưa không, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không, nghĩa không là một. Tu-bồ-đề tùy thuận không lầm, như Bát-nhã Ba-la-mật không, năm Ba-la-mật cho đến như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, Niết-bàn, cũng như vậy.

Lại nưa, từ Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Niết-bàn, đều là không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối chỉ một tướng, đó là vô tướng. Vì đồng tướng nên nói Đại thừa là Bát-nhã Ba-la-mật, Đại thừa và Bát-nhã không hai không khác vậy.

--------o0o--------

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI LĂM: MƯỜI VÔ

KINH: Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát, đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được. Vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cũng vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cũng vô biên. Sắc là Bồ-tát ma-ha-tát cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát ma-ha-tát là cũng không thể có được. Như vậy, bạch Thế Tôn! Nôi hết thảy chủng, hết thảy chỗ, tìm Bồ-tát không thể có được. Bạch Thế tôn! Con sẽ dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho những Bồ-tát như thế nào? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát chỉ có danh tự, như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sinh; giống như ngã, các pháp cũng như vậy, không có tự tánh.

Những sắc gì rốt ráo không sinh, những thọ. tưởng, hành, thức gì rốt ráo không sinh? Bạch Thế Tôn! Rốt ráo không sinh không gọi là sắc, rốt ráo không sinh không gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Bạch Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo không sinh, nên dạy đó là Bát-nhã Ba-la-mật ư? Lìa rốt ráo không sinh cũng không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát nghe nói lời này mà tâm không chìm đắm, không ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát như vậy, có thể tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì nên nói Bồ-tát ma-ha-tát đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói sắc vô biên, nên biết Bồ-tát cũng vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ-tát cũng vô biên?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói sắc là Bồ-tát cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát cũng không thể có được?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói nơi hết thảy chủng, hết thảy chỗ tìm Bồ-tát không thể có được, nên dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho những Bồ-tát như thế nào?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói Bồ-tát chỉ có danh tự?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói như danh tự ngã, ngã rốt ráo không sinh, như ngã, các pháp cũng như vậy, đều không có tự tánh?

Tu-bồ-đề! Những sắc gì rốt ráo không sinh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo không sinh?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói rốt ráo không sinh không gọi là sắc; rốt ráo không sinh không gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì nên nói nếu pháp rốt ráo không sinh, thì nên dạy Bát-nhã Ba-la-mật ấy chăng?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói, lìa rốt ráo không sinh thì cũng không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng chánh giác?

Tu-bồ-đề! Do nhân duyên gì mà nói, nếu Bồ-tát nghe lời nói ấy mà tâm không chìm đắm, không ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, và nếu tu hành được như vậy, thì ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Bấy giờ, Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất rằng: Vì chúng sinh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được, vì chúng sinh không, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì chúng sinh lìa, nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì sắc không có nên đời trước không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì sắc không nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì sắc lìa nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức lìa nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì sắc tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì Thí Ba-la-mật không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì trong không, đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được. Không

chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát chẳng khác đời trước. Xá-lợi-phất! Không, Bồ-tát, đời trước, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Xá-lợi-phất! Vì Thí Ba-la-mật không nên Thí Ba-la-mật lìa, vì Thí Ba-la-mật tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; vì Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật không, nên Bát-nhã Ba-la-mật lìa, vì Bát-nhã Ba-la-mật tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Vì cớ sao? Xá-lợi-phất! Trong không, đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được. Không chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát cũng chẳng khác đời trước. Xá-lợi-phất! Không, Bồ-tát, đời trước không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất, nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nội không không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Vì nội không không nên nội không lìa, vì nội không tánh không có cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được; Bốn niệm xứ vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được, cho đến Mười tám pháp không chung không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; Mười tám pháp không chung, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói. Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất, nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thảy môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; môn Tam-muội, môn Đà-la-ni vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Pháp tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; pháp tánh vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được, các nghĩa khác như trên đã nói.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Như vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có, vì thật tế không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên tánh bất khả tư nghì không có; vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vì Thanh-văn không có, nên Bồ-tát đời

trước không thể có được; Thanh-văn vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được; Bích-chi Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì không có, cho đến vì tánh không có nên Bồ-tát đời trước không thể có được.

Lại nữa, Trí nhất thiết chủng vì không có cho đến vì tánh không có, nên Bồ-tát đời trước không thể có được. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì không, đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được, nên Bồ-tát đời sau không thể có được. Xá-lợi-phất! Không chẳng khác Bồ-tát, cũng chẳng khác đời trước; không, Bồ-tát, đời trước, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá-lợi-phất, nên Bồ-tát đời trước không thể có được; đời sau, đời giữa cũng như vậy.

LUẬN: Hỏi: Trước đã nói Bồ-tát, danh tự Bồ-tát không thể có được, thì vì ai để nói Bát-nhã Ba-la-mật? Sao nay còn nói lại?

Đáp: Không nên hỏi câu ấy. Vì Tu-bồ-đề tu không hạnh đệ nhất, thường ưa nói không, nếu có nói, thì cũng thường đem không môn để lợi ích chúng sinh.

Lại nữa, trên mới lược nói, trong đây lấy mười thứ để phân biệt rộng nghĩa Bồ-tát không thể có được. Hành giả nếu quán các pháp không, tùy thuận, vô tướng, vô tác, vì tâm vô tác nên không muốn có tác vi, như vậy còn không thể tự làm lợi ích cho mình, huống gì làm lợi ích cho người! Nếu người ở vào tâm hữu ngã thì có thể phân biệt các pháp tướng lành và chẳng lành, nhóm các pháp lành, bỏ các pháp chẳng lành. Nay Phật dạy trong Bát-nhã Ba-la-mật không nên có tâm chấp ngã, không nên phân biệt các pháp, chỉ tu hành các thiện, việc ấy rất khó. Hành giả nghĩ rằng: Nếu không có ngã, thì ai tu điều thiện? Nghĩ rằng: Trước có ngã, nay vì Bát-nhã Ba-la-mật nên không có, nên sinh tâm lo buồn. Vì thế nên Tu-bồ-đề nói lại: Ngã từ xưa lại đây không có chứ chẳng phải trước có nay không. Hành giả biết như vậy xưa nay tự không có, nay không mất gì, cho nên không lo sợ; ví như cây lớn rễ sâu, không thể chặt một nhát mà đứt, phải dùng sức chặt nhiều búa mới đứt được. Bồ-tát cũng như vậy, không thể nói một lần mà được, vì vậy nên phải phân biệt rộng.

Tu-bồ-đề khi hỏi Phật, nghĩ rằng: Nếu quyết định có Bồ-tát thì ba đời đều có, nay trong đời trước không có Bồ-tát, vì sao? Vì đời trước không có bắt đầu, đời vị lai cũng như vậy, vì chưa có nhân duyên. Trước sau đối đãi mới có trung gian, nếu không có trước sau thì không có trung

gian. Nếu cho năm uẩn là Bồ-tát thì năm uẩn không biên giới đủ thứ nhân duyên như trước đã nói. Vì năm uẩn rốt ráo không, nên vô lượng vô biên; vì vô lương vô biên nên đồng là pháp vô vi. Nếu Bồ-tát vô biên, việc ấy không đúng. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Trong tất cả chỗ, tất cả chủng, tất cả thời tìm Bồ-tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Như ngã rốt ráo không sinh rỗng không, không có gì, năm uẩn cũng như vậy, rốt ráo không sinh rỗng không có gì; đã không có chúng sinh và pháp năm uẩn, làm sao có Bồ-tát?

Hỏi: Chúng sinh và năm uẩn rốt ráo không sinh, người hiểu được pháp ấy tức là Bồ-tát sao?

Đáp: Rốt ráo không sinh, không gọi là sắc, không gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì năm uẩn là tướng sinh, trong rốt ráo không sinh không có tướng tự phân biệt ấy. Năm uẩn rốt ráo không sinh thì không thể đem ra giáo hóa; xa lìa rốt ráo không sinh, cũng không có Bồ-tát hành đạo, vậy sẽ dạy ai? Bồ-tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, ấy là có thể tu hành Bồ-tát đạo.

Hỏi: Ngã với Bồ-tát là một vật, cớ sao lấy ngã ví dụ Bồ-tát?

Đáp: Trong Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy pháp đều không, đối với kẻ sơ học không tiện vì họ nói không, nên trước tiên phải phân biệt tội phước, bỏ tội tu phước. Phước đức, quả báo của phước đức vô thường; vô thường nên sinh khổ, thế nên bỏ phước, nhàm chán thế gian, cầu đạo vào Niết-bàn.

Bấy giờ, nên suy nghĩ rằng: Nhân nơi ngã nên sinh các phiền não, ngã ấy ở trong sáu thức tìm không thể có được, chỉ do điên đảo nên chấp ngã, thế nên hiểu lý vô ngã dễ, dễ nên có thể lãnh thọ giáo hóa. Nếu nói sắc không, thì khó hiểu, tuy tai nghe nói không, mắt thường thấy thật có, thế nên trước phá cái ngã đối với tội ác sau mới phá tất cả pháp. Tất cả những Phật tử đắc đạo tự biết tự chứng vô ngã, người chưa đắc đạo thì tin các pháp không, chẳng thể như tin vô ngã; thế nên lấy vô ngã để ví dụ.

Trong đây Tu-bồ-đề nói hết thảy pháp không, suy đến không có Bồ-tát, nên dùng vô ngã để ví dụ, lấy nhỏ ví dụ lớn, như lấy đường phèn ví dụ cam lồ.

Hỏi: Xá-lợi-phất đã biết nghĩa không, vô ngã, cớ gì còn mỗi việc mỗi hỏi?

Đáp: Tu-bồ-đề là thuộc hàng Thanh-văn, đức không bằng Bồ-tát mà ở trước Phật nói Bát-nhã thâm sâu, thì tâm hàng Bồ-tát mới học sinh

nghi. Trên kia Phật khen tuy ông nói về Đại thừa tùy thuận Bát-nhã, vẫn cho là Phật muốn thuận theo Tu-bồ-đề. Xá-lợi-phất muốn dứt cái nghi ấy, nên hỏi.

Lại nữa, Phật muốn cùng Tu-bồ-đề nói Bát-nhã cho đến rốt ráo, nên Xá-lợi-phất mỗi việc mỗi hỏi khiến Tu-bồ-đề khéo phân biệt thâm nghĩa, khiến mọi người kính tin. Vì vậy nên hỏi trong quá khứ Bồ-tát không thể có được, cho đến vẫn không sợ không hãi. Tu-bồ-đề đáp nghĩa: Ngã, chúng sinh, người chính là một vật, nhưng khi chưa đắc đạo gọi là phàm phu, khi mới vào đạo cho đến A-la-hán gọi là người Thanh-văn, khi quán pháp nhân duyên ngộ lý không, chưa sâu, ít thương xót chúng sinh, gọi là người Bích-chi Phật, khi sâu vào pháp không, hành Sáu Ba-la-mật, Đại từ Đại bi, gọi là Bồ-tát. Vì công đức khác nhau nên tên gọi cũng khác. Như ngã, chúng sinh, người là một, mà do mắt thấy việc nên gọi là người ấy, ý biết được nên gọi là người biết, thọ khổ vui nên gọi là người thọ. Ngã, chúng sinh, người trước đã nói do các nhân duyên không có nên Bồ-tát cũng phải không có. Thế nên Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Vì chúng sinh không có nên trong ba đời không có Bồ-tát.

Hỏi: Do năm uẩn hòa hợp có Bồ-tát, vậy Bồ-tát lẽ phải không có, còn năm uẩn lẽ phải có?

Đáp: Vì phá việc ấy nên nói không có chúng sinh, không có ngã; không có ngã thì năm uẩn không thuộc về đâu; không thuộc về đâu nên không, vì không nên không có Bồ-tát.

Hỏi: Nếu năm uẩn không, không tức là Bồ-tát?

Đáp: Năm uẩn không cũng chẳng phải Bồ-tát. Không, không có gì nên không có phân biệt. Năm uẩn lìa, năm uẩn vô tánh cũng không có Bồ-tát, nếu nói không có Bồ-tát thì ba đời đều không có. Quán các pháp thế gian năm uẩn v.v... và quán đạo pháp Sáu Ba-la-mật v.v... ấy gọi là Bồ-tát. Vì pháp ấy không nên Bồ-tát cũng không. Trong đây Phật tử nói nhân duyên về các pháp không không khác Bồ-tát, Bồ-tát không khác các pháp không. Bồ-tát không và ba đời không không hai không khác, từ pháp sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu theo pháp ấy nên gọi là Bồ-tát. Vì các pháp ấy không, nên Bồ-tát cũng không. Pháp không này Thanh-văn, Bích-chi Phật chứng nhập không ấy gọi là Thanh-văn, Bích-chi Phật, Thanh-văn, Bích-chi Phật chứng nhập nhân không, Bồ-tát cũng như vậy.

KINH: Như Xá-lợi-phất nói, vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát cũng vô biên; thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi-phất! Sắc như hư không; thọ, tưởng, hành, thức như hư không. Vì sao? Xá-lợi-phất! Ví như hư không biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, không có biên tế, không có trung gian, nên chỉ gọi là hư không. Như vậy, Xá-lợi-phất! Sắc biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì sắc ấy không; trong không cũng không có biên tế, cũng không có trung gian; thọ, tưởng, hành, thức biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì thức ấy không, trong không, không có biên tế, không có trung gian. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, Sắc không biên tế nên biết Bồ-tát cũng không có biên tế; thọ, tưởng, hành, thức không có biên tế, nên biết Bồ-tát cũng không có biên tế, cho đến Mười tám pháp không chung như vậy.

Như Xá-lợi-phất nói: Sắc là Bồ-tát, ấy cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát cũng không thể có được. Xá-lợi-phất! Sắc, tướng sắc không, thọ, tưởng, hành, thức, tướng... thức không. Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Nội không, tướng nội không cũng không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không cũng không, Bốn niệm xứ, tướng Bốn niệm xứ không, cho đến Mười tám pháp không chung, tướng Mười tám pháp không chung không. Như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, tánh tướng bất khả tư nghì không; môn Tam-muội, tướng môn Tam-muội không; môn Đà-la-ni, tướng môn Đà-la-ni không; Nhất thiết trí, tướng Nhất thiết trí không; Đạo chủng trí, tướng Đạo chủng trí không; Trí nhất thiết chủng, tướng Trí nhất thiết chủng không.

Thanh-văn thừa, tướng Thanh-văn thừa không; Bích-chi Phật thừa, tướng Bích-chi Phật thừa không; Phật thừa, tướng Phật thừa không; người Thanh-văn, tướng người Thanh-văn không; Bích-chi Phật, tướng Bích-chi Phật không; Phật, tướng Phật không. Trong không, sắc không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, Sắc là Bồ-tát cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát cũng không thể có được. Như Xá-lợi-phất nói do nhân duyên gì nôi tất cả chủng, tất cả xứ, tìm Bồ-tát không thể có được, thì sẽ dạy Bồ-tát nào về Bát-nhã Ba-la-mật!

Xá-lợi-phất! Sắc không thể có được trong sắc, sắc không thể có được trong thọ; thọ không thể có được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc; thọ không thể có được trong tưởng, tưởng không thể có được trong tưởng; tưởng không thể có được trong sắc, thọ; tưởng không thể

có được trong hành; hành không thể có được trong hành; hành không thể có được trong sắc, thọ, tưởng, hành không thể có được trong thức, thức không thể có được trong thức; thức không thể có được trong sắc, thọ, tưởng, hành.

Xá-lợi-phất! Mắt không thể có được trong mắt, mắt không thể có được trong tai; tai không thể có được trong tai, tai không thể có được trong mắt; tai không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mắt; tai, mũi không thể có được trong lưỡi; lưỡi không thể có được trong lưỡi, lưỡi không thể có được trong mắt, tai, mũi; lưỡi không thể có được trong thân; thân không thể có được trong thân, thân không thể có được trong mắt, tai, mũi, lưỡi; thân không thể có được trong ý; ý không thể có được trong ý, ý không thể có được trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc; thọ do sáu xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung, hết thảy môn Tam-muội, hết môn Đà-la-ni, tánh pháp cho đến Bích-chi Phật pháp, Sơ địa cho đến Thập địa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật cũng như vậy.

Bồ-tát không thể có được trong Bồ-tát, Bồ-tát không thể có được trong Bát-nhã Ba-la-mật; Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được trong Bát-nhã Ba-la-mật; Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được trong Bồ-tát. Trong Bát-nhã Ba-la-mật, giáo hóa là vô sở hữu không thể có được trong giáo hóa; giáo hóa là vô sở hữu, không thể có được trong giáo hóa, Bồ-tát và Bát-nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, không thể có được.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Hết thảy pháp là vô sở hữu không thể có được. Do nhân duyên ấy nên nôi hết thảy chủng, hết thảy xứ tìm Bồ-tát không thể có được, nên dạy Bồ-tát nào về Bát-nhã Ba-la-mật?

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên nói Bồ-tát ma-ha-tát chỉ có giả danh? Xá-lợi-phất! Sắc là giả danh; thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thức. Vì sao? Vì tên, tướng tên không, nếu không thì chẳng phải Bồ-tát. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, Bồ-tát chỉ có giả danh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Thí Ba-la-mật chỉ có danh tự, trong danh tự chẳng phải có Thí Ba-la-mật, trong Thí Ba-la-mật chẳng phải có danh tự. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát chỉ có giả danh; Giới Ba-la-mật, Nhẫn

Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật chỉ có giả danh. Trong danh tự không có Bát-nhã Ba-la-mật, trong Bát-nhã Ba-la-mật không có danh tự. Do nhân duyên ấy, nên Bồ-tát chỉ có giả danh.

Xá-lợi-phất! Nội không chỉ có danh tự, cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự; trong danh tự không có nội không, trong nội không không có danh tự. Vì sao? Vì danh tự và nội không đều không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, Bồ-tát chỉ có giả danh.

Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, cho đến Mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, hết thảy môn Tam-muội, hết môn Đà-la-ni, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, tôi nói Bồ-tát chỉ có giả danh.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên nói danh tự ngã rốt ráo không sinh? Xá-lợi-phất! Ngã rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Xá-lợi-phất! Sắc rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Mắt rốt ráo không thể có được cho đến ý và thọ do xúc làm nhân duyên sinh rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thí Ba-la-mật rốt ráo không thể có được, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nội không rốt ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh?

Bốn niệm xứ rốt ráo không thể có được, cho đến Mười tám pháp không chung rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thanh-văn cho đến Phật rốt ráo không thể có được, làm sao sinh?

Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, tôi nói như danh tự ngã, ngã cũng rốt ráo không sinh.

LUẬN: Hỏi: Tâm, tâm số pháp vô hình, không thể thấy, nên có thể vô biên, còn sắc có hình, có thể thấy, làm sao vô biên?

Đáp: Không chỗ nào không có sắc, không thể trù lượng nó xa gần nặng nhẹ được. Như Phật dạy: Bốn đại không nôi nào không có, nên gọi là đại, không thể dùng năm thức biết được giới hạn của nó, không thể dùng cân đấu lường nó nhiều ít nặng nhẹ được, nên nói sắc là vô biên.

Lại nữa, sắc ấy ở thời quá khứ, lúc sô thủy không thể có được, trong thời vị lai, không có giới hạn kiếp số nhiều như hằng hà sa, sắc sẽ có cùng tận, nên không có ngần mé sau. Ngần mé đầu, ngần mé sau

không có, nên đoạn giữa cũng không có.

Lại nữa, ngằn mé là tướng của sắc. Sắc ấy bị phân biệt phá tan nên ngằn mé không thể có được, vì không có bản tướng.

Lại nữa, pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, nên vô số vô lượng vô biên, do quán pháp không nên quán sắc đều không, cùng với hư không và vô vi đồng tướng. Trong vô số vô lượng vô biên cho đến mảy may vi trần cũng không thể có được, huống gì Bồ-tát? Thế nên nói năm uẩn vô biên, Bồ-tát cũng vô biên. Như sắc vô biên, cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy, tùy theo tướng mà phân biệt như trước nói. Năm uẩn ấy vô lượng vô biên vô số, nên không được nói sắc là Bồ-tát. Bốn uẩn kia cũng như vậy.

Lại nữa, sắc nếu lìa tâm, tâm số pháp thì như cây cỏ, ngói đá, làm sao gọi là Bồ-tát? Nếu tâm tâm số pháp lìa sắc thì không có chỗ nương dựa, cũng không thể làm được gì, làm sao gọi là Bồ-tát?

Lại nữa, Sáu Ba-la-mật, Mười tám không, Ba mươi bảy phẩm, mười lực, cho đến Mười tám pháp không chung, như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, ba môn giải thốt, môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, Nhất thiết trí (Tát-bà-nhã), Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, ba thừa, người ba thừa, hoặc tu hoặc quán các pháp ấy, gọi là Bồ-tát. Các pháp ấy đều vì tự tướng không nên không, đó là Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không cho đến Phật, tướng Phật không.

Hết thảy xứ là, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, cho đến Trí nhất thiết chủng.

Hết thảy chủng là, Mười tám không, Ba môn giải thốt, Bát-nhã Ba-la-mật, quán hoặc thường hoặc vô thường v.v... vào một môn, hai môn, cho đến vô lượng môn v.v... ấy gọi là hết thảy chủng. Nơi xứ và chủng đó tìm cầu Bồ-tát không thể có được.

Lại vì nơi tự pháp không có tự pháp, cũng không có tha pháp, như trong đây nói sắc, không thể có được trong sắc, không thể có được trong thọ; thọ không thể được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật không thể có được trong Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến giáo hóa không thể có được trong giáo hóa. Chỉ có danh tự, năm uẩn ấy phá hoại tán diệt như hư không không khác. Bồ-tát chỉ có danh tự, như người huyễn hóa, trong danh tự giả lại lập danh tự.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Không chỉ Bồ-tát là danh tự giả mà năm uẩn cũng đều là danh tự giả, trong danh tự giả, tướng danh tự giả không thể có được, đều nhập vào đệ nhất nghĩa. Nếu không như vậy,

tức chẳng phải Bồ-tát.

Lại nữa, sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu hành pháp ấy nên gọi là Bồ-tát. Pháp ấy cũng danh tự giả, Bồ-tát cũng danh tự giả, không, không có gì, các pháp ấy, gượng đặt tên, do nhân duyên hòa hợp nên có, cũng không có sự thật đó. Ngã, danh tự rốt ráo không sinh, như phần đầu của phần này đã nói. Trong đó Tu-bồ-đề cũng lấy chúng sinh không và pháp không để phá ngã, nghĩa là ngã rốt ráo không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, làm sao có sinh? Năm uẩn rốt ráo không thể có được, làm sao có năm uẩn sinh? Cho đến ý và thọ do xúc làm nhân duyên sinh rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Sáu Ba-la-mật rốt ráo không thể có được, cho đến các môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Phật rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nếu pháp trước đã có, vậy sau có thể hỏi nó sinh, pháp thể trước đã không có, làm sao có sinh?

KINH: Như Xá-lợi-phất nói: Như ngã, các pháp cũng như vậy không có tự tánh. Xá-lợi-phất! Các pháp hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Xá-lợi-phất! Những gì hòa hợp sinh không có tự tánh?

Xá-lợi-phất! Sắc hòa hợp sinh, không có tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp sinh, không có tự tánh; mắt hòa hợp sinh, không có tự tánh, cho đến ý hòa hợp sinh, không có tự tánh. Sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến pháp giới, địa chủng cho đến thức chủng, nhãn xúc cho đến ý xúc, và thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp sinh, không có tự tánh. Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thảy pháp vô thường cũng chẳng diệt mất.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Những pháp gì vô thường cũng chẳng diệt mất?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc vô thường cũng chẳng diệt mất; thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng chẳng diệt mất. Vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, hết thảy pháp hữu vi vô thường cũng chẳng diệt mất.

Hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, vô thường cũng chẳng diệt mất. Vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên

Xá-lợi-phất, hết thảy pháp có tạo tác vô thường cũng chẳng diệt mất.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thảy pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt mất.

Xá-lợi-phất hỏi: Những pháp gì chẳng phải thường chẳng phải diệt mất?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt mất. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải diệt mất. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh ra chẳng phải thường chẳng phải diệt mất. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Như Xá-lợi-phất nói: Nhân duyên gì nên sắc rốt ráo chẳng sinh? Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng phải pháp tạo tác, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải pháp tạo tác. Vì sao? Vì tác giả không thể có được. Xá-lợi-phất! Mắt chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được, cho đến ý cũng như vậy. Ranh giới mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hết thảy các pháp đều chẳng phải khởi lên, chẳng phải tạo tác. Vì sao? Vì tác giả không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, sắc rốt ráo chẳng sinh; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là sắc; rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu-bồ-đề đáp: tánh Sắc không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác; tánh thọ, tưởng, hành, thức không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Tánh Mắt cho đến hết thảy pháp hữu vi không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, rốt ráo chẳng sinh, không gọi là sắc, rốt ráo chẳng sinh, không gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên pháp rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát-nhã Ba-la-mật ấy ư?

Tu-bồ-đề đáp: Rốt ráo chẳng sinh tức là Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tức là rốt ráo chẳng sinh. Bát-nhã Ba-la-mật và rốt ráo chẳng sinh không hai không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, nói rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát-nhã Ba-la-mật.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên lìa rốt ráo chẳng sinh, thì không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bồ-tát, rốt ráo chẳng sinh và Bồ-tát không hai không khác.

Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với sắc. Vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và sắc không hai không khác. Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và thọ, tưởng, hành, thức không hai không khác; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do hân duyên ấy, nên Xá-lợi-phất, lìa rốt ráo chẳng sinh thì không có Bồ-tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như Xá-lợi-phất nói: Do nhân duyên gì nên Bồ-tát nghe nói lời ấy, tâm chẳng chìm đắm, chẳng ưu hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, ấy gọi là Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát không thấy các pháp có giác, tri, tưởng, chỉ thấy hết thảy các pháp như mộng, như huyễn, như sóng nắng, như ảnh, như biến hóa. Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, nên Bồ-tát nghe lời ấy tâm không chìm đắm, không hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

LUẬN: Luận giả nói: Các pháp không có tự tánh là lấy tánh không phá mỗi mỗi tánh của các pháp. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói: Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh như hòa hợp pháp năm uẩn và thiện pháp Sáu Ba-la-mật, từ ấy xuất ra danh tự Bồ-tát. Bồ-tát ấy là pháp do tạo tác, các pháp hòa hợp sinh nên chẳng phải do một pháp tạo thành, vì thế nên nói là giả danh. Các pháp ấy cũng từ bên hòa hợp sinh; thí như có mắt, có sắc, có ánh sáng, có khoảng không, có tâm muốn thấy, đủ các nhân duyên ấy hòa hợp sinh nhãn thức. Trong đây không được nói mắt là cái thấy, hoặc thức là cái thấy, hoặc sắc là cái thấy, hoặc ánh sáng là cái thấy. Nếu mắt, sắc, thức mỗi mỗi không thấy được gì, thì hòa hợp lại cũng không thể có thấy. Vì vậy cái thấy rốt ráo không, như huyễn, như mộng. Hết thảy các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thảy các pháp vô thường cũng chẳng mất, vô thường thì phá điên đảo chấp thường, chẳng mất thì phá điên đảo chấp đoạn. Pháp vô thường chẳng mất ấy chính là vào cửa thật tướng. Thế nên Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Vô thường tức tướng động, tức là tướng không.

Hết thảy pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thảy pháp chẳng phải thường, chẳng phải mất, là như nghĩa sau cùng của Mười tám không.

Sắc rốt ráo chẳng sinh là, vì năm uẩn, tác giả, sinh giả, khởi giả không thể có được.

Lại nữa, tướng sinh không thể có được, như trước đã nói trong đoạn phá sinh. Hết thảy pháp cũng như vậy. Vì sao? Nếu nói sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Trong đây Tu bổ đề nói: Sắc từ nhân duyên sinh, không có tự tánh, tướng thường không. Nếu pháp tướng thường không, pháp ấy không có tướng sinh, không có tướng diệt, không có tướng trụ, tướng dị; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên pháp tướng chẳng sinh, tức là vô vi, chẳng phải tướng hữu vi. Các pháp khác cũng như vậy, rốt ráo chẳng sinh, thì sẽ dạy Bát-nhã cho ai? Rốt ráo chẳng sinh tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật, làm sao lấy Bát-nhã Ba-la-mật dạy Bát-nhã Ba-la-mật? Nếu lìa rốt ráo chẳng sinh mà có Bồ-tát thì nên dạy Bát-nhã Ba-la-mật, song Bồ-tát và Bát-nhã Ba-la-mật ấy rốt ráo chẳng sinh, không hai không khác, làm sao dạy cái rốt ráo chẳng sinh hành đạo được? Trong lần nói ở trên đã kết hợp giải thích. Bồ-tát nghe điều ấy mà không thối thất, không hối, Bồ-tát ấy đối với hết thảy pháp không thấy ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy, cũng không có kẻ nói, cũng không có kẻ nghe, không có tà thuyết, không có chánh thuyết, cũng không có kẻ không thuyết. Biết hết thảy pháp do nhân duyên hòa hợp nên sinh, các duyên xa lìa nên diệt, không có cái sinh khởi, không có cái diệt mất, cho nên không sợ, không hãi, không chìm đắm, không ưu hối. Bồ-tát biết hết thảy pháp hư dối không thật, không định, hoặc khi chết gấp, hoặc đọa địa ngục A tỳ, tâm còn không động, huống gì nghe nói Thanh-văn mà sợ hãi, như người trong mộng thấy việc sợ hãi, thức dậy, thì không có tâm sợ, biết việc mộng dối gạt tâm, không có sự thật. Bồ-tát cũng như vậy, vào trong tâm mộng của thế gian thấy có sợ hãi, khi ngộ được thật tướng các pháp, thì không có sợ, biết các pháp chỉ là hư dối, không có chân thật.

Lại nữa, thí như sự huyễn, người trí tuy thấy, tâm không mê hoặc, biết đó là pháp hư dối. Bồ-tát cũng như vậy, biết hết thảy pháp như huyễn, hay dối tâm người, trong đó không có gì thật, vì vậy nên chẳng sợ hãi. Như sóng nắng, như ảnh, như hóa cũng như vậy.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán các pháp như vậy, khi ấy Bồ-tát chẳng thọ sắc, chẳng quán xét sắc, chẳng trụ sắc, chẳng đắm sắc (Kinh

Đại Bát-nhã ghi: Không thọ, không thủ, không trụ, không trước – ND), chẳng nói đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lãnh thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là thọ, tưởng, hành, thức.

Đối với mắt chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mắt, tai. mũi, lưỡi, thân, ý, cũng chẳng lãnh thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là ý.

Thí Ba-la-mật chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Thí Ba-la-mật; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Bát-nhã Ba-la-mật.

Nội không chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Khi Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với Bốn niệm xứ chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Mười tám pháp không chung. Hết thảy môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng thọ, chẳng quán xét, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Trí nhất thiết chủng.

Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Khi Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng thấy sắc cho đến chẳng thấy Trí nhất thiết chủng. Vì sao? Vì sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh là chẳng phải thức. Mắt chẳng sinh là chẳng phải mắt; tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng sinh là chẳng phải ý. Thí Ba-la-mật chẳng sinh là chẳng phải Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật chẳng sinh là chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì sắc và chẳng sinh không hai không khác, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật và chẳng sinh không hai không khác.

Nội không chẳng sinh là chẳng phải nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh là chẳng phải vô pháp hữu pháp không. Vì sao? Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không và chẳng sinh không hai không khác.

Bạch đức Thế Tôn! Bốn niệm xứ chẳng sinh là chẳng phải bốn niệm xứ. Vì sao? Vì Bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác.

Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên Bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác; cho đến Mười tám pháp không chung chẳng sinh là chẳng phải Mười tám pháp không chung. Vì sao? Vì Mười tám pháp không chung và chẳng sinh không hai không khác. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên Mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng phải Mười tám pháp không chung.

Bạch đức Thế Tôn! Như như chẳng sinh là chẳng phải như như, cho đến tánh bất khả tư nghì chẳng sinh là chẳng phải tánh bất khả tư nghì. Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng sinh, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy cho đến Trí nhất thiết chủng và chẳng sinh không hai không khác. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc. Vì sao? Vì sắc và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức tướng chẳng diệt là chẳng phải thức. Vì sao? Vì thức và tướng chẳng diệt không hai không khác. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên thức chẳng có tướng diệt là chẳng phải thức. Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy nên sắc nhập pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức nhập pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng nhập pháp số không hai.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bồ-tát quán các pháp như vậy, đối với năm uẩn có năm hạnh chánh quán; nghĩa là chẳng thọ, vì nơi năm uẩn có lửa vô thường đốt cháy tâm.

Chẳng chỉ thị tức là chẳng chấp thủ tướng, chẳng phải chỉ quán cái lỗi vô thường v.v... còn quán năm uẩn ấy không, không chấp thủ tướng.

Chẳng trụ là, không nương tựa năm uẩn, vì sợ giặc phiền não kéo đến, không dám trụ lâu; ví như chỗ làng trống, chỗ giặc ở, người trí

không nên ở lâu.

Chẳng đắm là, năm uẩn nếu có một tội còn không nên đắm, huống gì thân có nhiều tội như đói, khát, lạnh, nóng, già, bệnh, chết v.v...; tâm thì có ưu sầu, sợ hãi, ganh ghét, sân hận v.v... đời sau đọa vào ba đường ác. Hết thảy đều vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng được tự tại, có vô lượng vô biên tội lỗi như vậy, làm sao đắm trước được!

Không nói là, sắc vì không lấy tà kiến nói sắc hoặc thường hoặc vô thường, không nói năm uẩn có tướng nhất định như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Vì sao? Vì đối với sắc tu hành năm thứ chánh hành, năm uẩn ấy đều không có tướng sinh, đều một tướng, một tướng thì là vô tướng. Nếu vô tướng thì chẳng phải có năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Nếu hết thảy pháp tướng chẳng sinh cùng Bát-nhã Ba-la-mật không hai không khác, có được tâm vô sinh ấy tức là Bát-nhã Ba-la-mật, được Bát-nhã Ba-la-mật tức là biết các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Vì thế nên Bát-nhã Ba-la-mật tức là chẳng sinh, không hai không khác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên rằng pháp vô sinh ấy chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng hai, chẳng phải tướng ba, chẳng phải tướng khác. Vì sao? Vì các pháp vô sinh là một tướng, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Như vô sinh, vô diệt cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao cuối cùng nói đến sắc cho đến Trí nhất thiết chủng nhập vào pháp số không hai?

Đáp: Bồ-tát nếu chưa phá sắc thì sinh kiết sử tham ái đắm theo sắc ấy; phá sắc rồi thì sinh tà kiến đắm vào sắc không ấy. Nay dùng trí tuệ quán không, để quán sắc... đều không, không có hai tướng. Các pháp ấy hư vọng không thật, nhiếp vào nội nhập và ngoại nhập gọi là hai; sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, lìa hai nên gọi không hai.

Nay Tu-bồ-đề thương xót chúng sinh nên nói các pháp ấy không hai, nhập vào số pháp không hai.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 53

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI SÁU: VÔ SANH

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán các pháp. Thế nào là Bồ-tát? Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Thế nào là quán?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Ông hỏi thế nào là Bồ-tát? Người phát đại tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ-tát. Cũng biết hết thảy pháp, hết thảy chủng tướng, cũng không đắm trước theo đó; biết sắc tướng không đắm trước, cho đến biết Mười tám pháp không chung cũng không đắm trước.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là hết thảy pháp tướng?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu có danh tự nhân duyên hòa hợp biết các pháp là sắc, là hương, vị, xúc, pháp, là trong, ngoài, là pháp hữu vi, là pháp vô vi; lấy tướng danh tự, ngữ ngôn ấy biết các pháp ấy gọi là biết tướng các pháp.

Như Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Xa lìa nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Xa lìa pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập; xa lìa Thí Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật; xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Vì xa lìa nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, xa lìa Bốn niệm xứ, cho đến xa lìa Mười tám pháp không chung; xa lìa Nhất thiết trí. Do nhân duyên ấy nên xa lìa gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Như Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là quán? Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô

pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, hết thảy môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni cho đến Trí nhất thiết chủng, quán chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật quán các pháp.

LUẬN: Hỏi: Nghĩa Bồ-tát, nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa các quán, trên kia đã hỏi, nay cớ sao còn hỏi?

Đáp: Trước đã đáp ví dụ cây lớn, không thể chặt một lát đứt được, việc ấy khó, nên lại hỏi tiếp.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật có vô lượng nghĩa, như trong phẩm Đàm-vô-kiệt nói: Bát-nhã Ba-la-mật như nước biển lớn vô lượng, như núi Tu-di đủ thứ nghiêm sức, thế nên hỏi. Lại, lời hỏi ấy tuy đồng mà đáp nghĩa có nhiều sai khác.

Lại nữa, chư Phật vì dứt tâm ái trước pháp (pháp ái) nên không lập kinh sách, cũng không trang sức ngôn ngữ, chỉ vì tế độ chúng sinh, tùy theo người đáng độ mà nói; như ao nước lớn tốt trong mát, vô lượng chúng sanh trước sau đi đến uống no rồi đi, người nghe pháp cũng như vậy. Phật trước tiên nói Bồ-tát, Bát-nhã và quán, người đến trước được giải ngộ rồi đi, người đến sau chưa nghe, thế nên lại hỏi tiếp.

Bồ-đề có ba là A-la-hán Bồ-đề, Bích-chi Phật Bồ-đề và Phật Bồ-đề. Không học mà trí tuệ thanh tịnh không nhỏ nên gọi là Bồ-đề. Bồ-tát tuy có trì tuệ lớn mà phiền não và tập khí chưa hết, nên không gọi là Bồ-đề. Trong đây chỉ nói một thứ đó là Phật Bồ-đề.

Tát-đỏa, là Chúng sanh; chúng sanh ấy vì đạo Vô thượng mà phát tâm tu hành.

Lại nữa, Tát-đỏa gọi là Đại tâm; người ấy phát đại tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa được, vì vậy nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Phật đã chứng được Bồ-đề ấy, không gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, vì đại tâm đã đầy đủ. Các nghĩa khác về Bồ-tát như trước đã nói rộng.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy vì Phật đạo nên tu hành; biết tướng hết thảy các pháp, cũng chẳng đắm trước. Tướng các pháp là cánh cửa để có thể biết các pháp là sắc, là tiếng v.v... Lược nói nghĩa Bồ-tát là trước tiên biết mỗi mỗi tướng của các pháp, như đất tướng cứng, vậy sau mới biết tướng rốt ráo không; đối với hai thứ trí tuệ ấy cũng không đắm trước, chỉ muốn độ chúng sanh. Bồ-tát được trí tuệ

như vậy, xa lìa hết thảy pháp tướng riêng, như đối với sắc lìa sắc, lìa sắc tức là tự tánh không. Xa lìa là tên khác của không.

Bồ-tát được Bát-nhã Ba-la-mật, tâm xa lìa hết thảy pháp. Vì cớ sao? Vì thấy tội lỗi của hết thảy pháp.

A-la-mật, là xa lìa. Ba-la-mật, là đáo bỉ ngạn. Hai âm ấy gần nhau, nghĩa hợp nhau, cho nên lấy A-la-mật giải thích Ba-la-mật.

Xa lìa những pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập, cho đến Nhất thiết trí. Vì xa lìa các pháp ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Như Thiền Ba-la-mật hay điều phục tâm người thì Bát-nhã Ba-la-mật hay dạy người xa lìa các pháp.

Quán là không quán các pháp thường vô thường, như trước đã nói.

KINH: Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, tướng sắc không, trong sắc không không có sắc không có sanh. Vì nhân duyên ấy nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thọ, tưởng, hành, thức không, trong thức không không có thức, không có sanh; vì nhân duyên ấy nên thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi-phất! Thí Ba-la-mật, tướng Thí Ba-la-mật không, trong Thí Ba-la-mật không, không có Thí Ba-la-mật, không có sanh; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, tướng Bát-nhã Ba-la-mật không, trong Bát-nhã Ba-la-mật không, không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có sanh. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất, Bát-nhã Ba-la-mật chẳng sanh là chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên nội không chẳng sanh là chẳng phải nội không, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên gì ông nói sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp rằng: Sở hữu sắc, sở hữu chẳng hai; sở hữu thọ, tưởng, hành, thức, sở hữu chẳng hai. Tất cả pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng.

Mắt cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất, sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải… thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai, là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Do nhân duyên gì nên nói sắc ấy vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng vào pháp số không hai?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác… thức; thức tức là vô sanh, vô sanh tức là thức. Do nhân duyên ấy nên, Xá-lợi-phất, sắc vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng như vậy.

LUẬN: Hỏi: Cuối phẩm trên, nên hỏi nghĩa chẳng sanh, cớ sao trong đây mới hỏi?

Đáp: Ba đại pháp dễ hiểu, vì lợi ích nhiều chúng sanh, nên trước hỏi: Vì nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng? Tu-bồ-đề đáp: Sắc là không, trong sắc không có tướng sắc. Hành giả dùng trí tuệ vô sanh ấy làm cho sắc vô sanh. Nếu hiểu được vô sanh ấy, tâm liền nghĩ rằng nay chính là được thật tướng của sắc, thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, sắc tánh thường tự vô sanh, chẳng phải nay dùng sức trí tuệ khiến nó vô sanh. Như có người phá sắc làm cho không, vẫn còn có ý tưởng về tướng bản sắc. Thí như phá nhà xí để làm nhà ở, nay tuy không còn nhà xí, mà vẫn có cảm tưởng bất tịnh; nếu biết được nhà xí vốn không, huyễn hóa làm ra, thì không có cảm tưởng nhà xí. Hành giả cũng như vậy, nếu biết được sắc từ xưa lại đây ban đầu tự đã vô sanh, thì không còn tưởng về sắc. Thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Ông trước tự nói vô sanh tức là không hai, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Nghĩa tuy một mà cửa đi vào quán có khác. Trên kia nói là phá trong nhân trước có quả, nếu không có quả là pháp sanh ấy có một có khác v.v... Sanh ấy hoặc ban đầu sanh, hoặc sau sanh; phá sanh như vậy v.v... gọi là vô sanh. Nay đây phá hai pháp mắt và sắc, có và không v.v... ấy gọi là không hai. Hành giả hoặc trước vào cửa quán vô sanh, sau vào cửa quán không hai; hoặc trước vào cửa quán không hai, sau vào cửa quán vô sanh. Nghĩa tuy một mà hành giả quán khác nhau. Phá

sắc hai, cho nên nói là không hai; phá sắc sanh cho nên nói là vô sanh. Trên kia nói nhân duyên của vô sanh, đó là tự tướng không; đây nói nhân duyên của không hai, đó là chẳng hợp, chẳng tán, nhất tướng đó là vô tướng. Nghĩa tuy đồng một không, mà trên kia là tự tướng không, còn ở đây là tán không.

Sắc vào pháp số không hai là, hành giả quán sắc tướng chẳng sanh chẳng diệt, khi ấy phân biệt sắc, nay biến làm vô sanh, thế nên nói sắc vô sanh tức là không hai. Vì cớ sao? Vì sắc phá tán tức là vô sanh. Như ở trước khi phân biệt các pháp, lìa sắc không còn có sanh được, còn ở đây sắc phá tán tức là vô sanh, không được còn có vô sanh nào khác. Vì vậy nên sắc tức là vào số không hai. Ấy là hai vị A-la-hán Xá-lợi-phất và Tu-bồ-đề ở trước Phật luận nghị với nhau xong.

Tu-bồ-đề bạch Phật mà còn nói lại nghĩa ấy, là muốn được Phật chứng tri vậy.

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán các pháp như vậy, khi ấy thấy sắc vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy ngã vô sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy nội không vô sanh cho đến vô pháp hữu pháp không vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Bốn niệm xứ vô sanh cho đến Mười tám pháp không chung vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy hết thảy Tam-muội, hết thảy Đà-la-ni vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; cho đến thấy Trí nhất thiết chủng vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy phàm phu, pháp phàm phu vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Tu-đà-hoàn, pháp Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, pháp Tư-đà-hàm, A-na-hàm, pháp A-na-hàm, A-la-hán, pháp A-la-hán, Bích-chi Phật, pháp Bích-chi Phật, Bồ-tát, pháp Bồ-tát, Phật, pháp Phật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Như tôi nghe nghĩa của Tu-bồ-đề nói sắc là chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh cho đến Phật, pháp Phật là chẳng sanh. Nếu như vậy thì nay không thể được Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, quả A-na-hàm, A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật, không thể được Trí nhất thiết chủng của Bồ-tát ma-ha-tát, cũng không có sáu đường sai khác, cũng không được năm thứ Bồ-đề của Bồ-tát ma-ha-tát. Này Tu-bồ-đề! Nếu hết thảy pháp tướng chẳng sanh, thì vì cớ sao Tu-đà-hoàn vì muốn dứt ba kiết là thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? Tư-đà-hàm vì muốn làm mỏng dâm, nộ, si, nên tu đạo? A-na-hàm

vì muốn dứt năm hạ phần kiết là tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? A-la-hán vì muốn dứt năm thượng phần kiết là sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh nên tu đạo? Bích-chi phật vì muốn pháp Bích-chi Phật nên tu đạo? Vì cớ sao Bồ-tát ma-ha-tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ vì chúng sanh? Vì cớ sao Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì cớ sao Phật Chuyển pháp luân?

Tu-bồ-đề đáp lại Xá-lợi-phất: Tôi không muốn khiến pháp vô sanh có sở đắc, tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh được có Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn; cho đến không muốn khiến trong pháp vô sanh được có A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật; tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh Bồ-tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ, vì chúng sanh, Bồ-tát cũng không lấy tâm làm việc khó làm để hành đạo. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì sanh tâm khó, tâm khổ là không thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thương xót chúng sanh, đối với chúng sanh tưởng như cha mẹ, anh em; tưởng như con dại và như thân mình. Như vậy mới có thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh tâm như vầy: Như ngã tìm khắp hết thảy xứ, hết thảy chủng đều không thể có được; nội ngoại pháp cũng như vậy. Nếu sanh tưởng như vậy, thì không có tâm khó, tâm khổ. Vì sao? Vì Bồ-tát đối nôi hết thảy xứ, hết thảy chủng, hết thảy pháp đều không thọ.

Xá-lợi-phất! Tôi cũng không muốn khiến cho trong pháp vô sanh có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không muốn khiến cho trong pháp vô sanh có Chuyển pháp luân, cũng không muốn khiến cho trong pháp vô sanh có đắc đạo.

LUẬN: Luận giả nói: Quán vô sanh có hai bậc: 1. Quán nhu thuận nhẫn. 2. Quán vô sanh nhẫn. Trước kia nói vô sanh là quán nhu thuận nhẫn, chưa rốt ráo thanh tịnh, dần dần tập quán nhu thuận mà được vô sanh nhẫn, thì rốt ráo thanh tịnh.

Hỏi: Bồ-tát chưa dứt hết kiết sử, chưa được Phật đạo, trí tuệ chưa thuần tịnh, làm sao nói rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Bồ-tát khi được vô sanh nhẫn, diệt các phiền não, được Bồ-tát đạo, vào Bồ-tát vị, tuy còn tập khí phiền não, đến khi ngồi đạo tràng mới hết, không bị chướng ngại nên rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, rốt ráo thanh tịnh là đối với nhu thuận đạo rốt ráo thanh tịnh, chứ không phải đối với Phật đạo. Vì chúng sanh không, pháp không, nên từ thấy được sắc vô sanh rốt ráo thanh tịnh, cho đến thấy

được Phật và Phật đạo vô sanh rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề dùng các nhân duyên nói các pháp tướng, quyết định vô sanh. Nhân việc ấy mà Xá-lợi-phất nạn hỏi: Trong giới Hiền Thánh, rất nhỏ là Tu-đà-hoàn và pháp Tu-đà-hoàn, rất lớn là Phật và Phật pháp. Nếu vô sanh như vậy thì Thánh nhân không có lớn nhỏ, Thánh pháp không có ưu liệt; cũng không có sáu đường sai khác? Đây là lược vấn nạn, tiếp sau hỏi về dứt ba kiết tu đạo là rộng vấn nạn.

Hỏi: Những gì là năm thứ Bồ-đề?

Đáp: Một là nhu thuận, hai là vô sanh nhẫn, và ba thứ Bồ-đề: Thanh-văn, Độc giác, Phật. Đối với ba Bồ-đề này, vượt qua hai thứ đầu mà trụ ở Bồ-đề thứ ba.

Lại có năm Bồ-đề:

1. Gọi là phát tâm Bồ-đề, là ở trong vô lượng sanh tử mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ-đề. Đây là trong nhân nói quả.

2. Gọi là phục tâm Bồ-đề, là bẻ gãy các phiền não, hàng phục tâm mình, và tu hành các Ba-la-mật.

3. Gọi là minh tâm Bồ-đề, là quán các pháp ba đời, gốc ngọn, tướng chung, tướng riêng, phân biệt trù lượng, rõ được thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh; nghĩa là tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

4. Gọi là xuất đáo Bồ-đề, là nôi Bát-nhã Ba-la-mật, vì được lực phương tiện (tức lấy vô sở đắc làm lực phương tiện) nên cũng không chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật, diệt hết thảy phiền não, thấy hết thảy chư Phật mười phương, được vô sanh pháp nhẫn, ra khỏi ba cõi, đến Trí nhất thiết chủng.

5. Gọi là Vô thượng Bồ-đề, là ngồi đạo tràng, dứt tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy là chứng được năm thứ Bồ-đề, còn nghĩa các hiền thánh dứt kiết sử, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp Thanh-văn nói rộng nghĩa dứt kiết, cớ sao không nói hạnh Bích-chi Phật, Bồ-tát có các hạnh?

Đáp: Pháp Bích-chi Phật không khác với Thanh-văn, chỉ có phước đức lợi căn, một ít thâm nhập thật tướng các pháp là khác. Còn Bồ-tát đạo tuy có các hạnh, nhưng chỉ khổ hạnh khó làm là việc hy hữu, chúng sanh trông thấy hoan hỷ, nói rằng Bồ-tát vì chúng ta mà hành hạnh như vậy, còn các hạnh khác tuy thâm diệu, song người phàm không thể biết, hạnh ấy không gây cảm được, nên không nói.

Lại nữa, như ý nạn vấn của Xá-lợi-phất là nếu các pháp hoàn toàn

vô sanh, không tịch, thì hết thảy chúng sanh đều đắm vui, cớ sao Bồ-tát một mình chịu khổ hạnh?

Lại nữa, chư Phật thường ưa xa lìa, tịch tịnh, dứt pháp ái, quyết định biết các pháp không chuyển không hoàn, cớ sao lại chuyển Pháp luân cho chúng sanh?

Tu-bồ-đề ở trước Phật nói pháp vô sanh, Phật không quở trách bác bẻ, được năng lực khối thích, vui nói không khó, nên đáp lại Xá-lợi-phất rằng: Tôi cũng hoàn toàn không muốn khiến nơi pháp vô sanh có sáu hạng Thánh nhân, trừ Bồ-tát nên nói sáu và sáu đạo khác nhau. Vì cớ sao? Vì chứng được pháp vô sanh nên gọi là Thánh pháp và Thánh nhân, có sai khác, còn trong pháp vô sanh hoàn toàn không có gì.

Lại nữa, trong pháp vô sanh có hai điều lỗi: Lỗi thô là vì tội sát sanh, trộm cắp v.v... nên có ba đường ác; lỗi vi tế là vì đem tâm chấp trước làm bố thí, trì giới nên có ba đường lành. Hoặc Bồ-tát sanh tâm cho là khó là khổ, thì không thể độ hết thảy chúng sanh. Như việc nhỏ của thế gian, tâm khó khăn cho là khổ, việc còn không thành huống gì thành Phật đạo. Nhân duyên thành Phật đạo là tâm đại từ đại bi, xem chúng sanh như cha mẹ, con cái, thân mình. Vì cớ sao? Vì cha mẹ, con cái, thân mình tự nhiên sanh lòng yêu mến, chứ không phải suy tính mà sanh lòng yêu mến. Bồ-tát khéo tu tâm đại bi, nên đối với hết thảy chúng sanh cho đến kẻ oán thù cũng đồng một tâm ái niệm. Quả báo của đại bi có được vật dụng lợi ích đều không tiếc, đem hết vật sở hữu trong ngoài thí cho chúng sanh. Ở đây nói lý do không tiếc là trên tất cả chỗ, tất cả chủng, tất cả pháp đều không thể có được. Nếu hành giả mới vào Phật pháp, trước dùng chúng sanh không, biết các pháp vô ngã, nay dùng pháp không, biết các pháp cũng không. Do hai nhân duyên là tâm đại bi và các pháp không, nên có thể không tiếc vật sở hữu trong ngoài, làm lợi ích chúng sanh, mà không khởi ý tưởng khó làm, ý tưởng khổ hạnh, một lòng tinh tấn hoan hỷ. Như người vì tự thân và vì cha mẹ, vợ con, siêng năng tu nghiệp, không cho là khổ; nếu vì người khác mà làm thì không có tâm hoan hỷ. Khổ hạnh, khó hành, như trong phẩm sau Nhân duyên bổn sanh, biến hóa hiện chịu làm thân súc sanh sẽ nói.

Hết thảy các pháp rốt ráo không, vì tướng bất khả tư nghì nên hết thảy pháp hoàn về mà không chuyển, nên không gọi là chuyển, chỉ vì phá điên đảo hư vọng nên gọi là Chuyển pháp luân.

KINH: Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nay tôi muốn khiến cho do sanh pháp đắc đạo hay do vô sanh pháp đắc đạo?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Tôi không muốn khiến do sanh pháp

đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói: Vậy nay Tu-bồ-đề muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo ư?

Tu-bồ-đề đáp: Tôi cũng không muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói: Như lời Tu-bồ-đề nói là không biết không được ư?

Tu-bồ-đề đáp: Có biết có được chẳng do hai pháp, mà do danh tự thế gian nên có biết có được. Do danh tự thế gian nên có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, chư Phật; còn trong thật nghĩa đệ nhất không có biết, không có được, không có Tu-đà-hoàn cho đến không có chư Phật.

Tu-bồ-đề! Nếu do danh tự thế gian nên có biết có được, vậy sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa ư?

Tu-bồ-đề đáp: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Như danh tự thế gian nên có biết có được, sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa. Vì cô sao? Xá-lợi-phất! Vì trong đệ nhất thật nghĩa không nghiệp không báo; không sanh không diệt, không sạch không nhơ.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Pháp bất sanh sanh hay pháp sanh sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Tôi không muốn khiến pháp bất sanh sanh cũng không muốn khiến pháp sanh sanh.

Xá-lợi-phất nói: Thế nào là pháp bất sanh, không muốn khiến nó sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; thọ, tưởng. hành. thức là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Sanh sanh hay bất sanh sanh?

Tu-bồ-đề đáp: Chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải bất sanh sanh. Vì cớ sao? Này Xá-lợi-phất! Sanh và bất sanh là hai pháp, không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng, đó là vô tướng. Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải bất sanh sanh.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề ưa nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh. Vì sao? Vì các pháp vô sanh và tướng vô sanh, ưa nói và ngôn ngữ, hết thảy pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Ông ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh, ngữ ngôn ưa nói ấy cũng bất sanh?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Này Xá-lợi-phất! Vì sắc chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh; mắt chẳng sanh cho đến ý chẳng sanh; địa chủng chẳng sanh cho đến thức chủng chẳng sanh; thân hành chẳng sanh, khẩu hành chẳng sanh, ý hành chẳng sanh; Thí Ba-la-mật chẳng sanh cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh.

Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh và ngôn ngữ ưa nói ấy cũng bất sanh.

LUẬN: Luận giả nói: Bấy giờ, Xá-lợi-phất biết Tu-bồ-đề ưa nói không khó nên hỏi rằng: Nếu tướng hết thảy pháp bất sanh, vậy tướng ấy làm sao chứng được? Dùng pháp sanh chứng được hay dùng pháp bất sanh chứng được? Nếu dùng pháp sanh chứng được, thì pháp sanh là hư dối, ông đã dùng các lý do để phá. Lại không thể lấy pháp sanh thốt được pháp sanh? Nếu dùng vô sanh mà chứng được, thì vô sanh chưa có tướng pháp, không thể dùng để chứng, làm sao chứng được? Tu-bồ-đề không thọ nhận cả hai pháp vì đều có lỗi, như trước nói.

Xá-lợi-phất suy nghĩ rằng: Trong Kinh Phật dạy hai pháp thu nhiếp hết thảy pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi; sanh là hữu vi, vô sanh là vô vi. Nay Tu-bồ-đề xa lìa hai pháp ấy, làm sao nói đến việc đắc đạo? Suy nghĩ như vậy rồi hỏi Tu-bồ-đề: Không có việc đắc đạo ư? Tu-bồ-đề là đại A-la-hán, thực hành Tam-muội Vô tránh bậc nhất, chỉ vì Bồ-tát nên thuyết pháp vô sanh ấy, sao ông khởi tà kiến nói không người đắc đạo? Thế nên nói có biết có được, biết và được tức là tên khác của chữ được đạo quả. Tu-bồ-đề sợ trái với lời nói ở trước nên nói không do hai pháp, mà chỉ vì thế tục nên nói có Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Vì sao? Vì hết thảy các pháp thật không có tướng ngã, nay dùng ngã mà phân biệt từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật, ấy là theo pháp thế tục.

Lại nữa, vì chưa được pháp không, nên nói ấy là thiện, ấy là bất thiện, ấy là hữu vi, ấy là vô vi v.v... Còn trong đệ nhất nghĩa, không có chúng sanh nên không có Tu-đà-hoàn cho đến Phật; vì pháp không, nên không có quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo. Thánh nhân, Thánh pháp còn hư dối không có định thật, huống gì nghiệp và quả báo người phàm

sáu nẻo.

Hỏi: Tu-bồ-đề đã dùng mỗi mỗi nhân duyên quyết định nói về pháp bất sanh sao nay Xá-lợi-phất còn hỏi pháp bất sanh hay pháp sanh sanh?

Đáp: Tu-bồ-đề trên kia nói nhân duyên đắc đạo, nên Xá-lợi-phất nhận được ý Tu-bồ-đề tuy nói pháp vô sanh phá hết thảy pháp, là vì nhân duyên nên nói mà tâm không chấp trước pháp vô sanh, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp ấy thậm thâm, muốn khiến người nghe hiểu được rõ ràng, nên lại hỏi.

Ở trên hỏi pháp tu hành đắc đạo, nay hỏi hết thảy pháp làm sao sanh. Dùng tuệ nhãn biết hết thảy pháp đều chẳng sanh, nhưng hiện thấy các pháp sanh, nên lại hỏi làm sao sanh.

Tu-bồ-đề đáp: Cả hai việc đều chẳng phải. Nếu sanh sanh, pháp sanh đã sanh, không cần phải sanh nữa, nếu chẳng sanh sanh, pháp sanh chưa có nên không cần sanh. Nếu bảo khi sanh, một nửa sanh, một nửa không sanh, ấy cũng chẳng sanh. Nếu là nửa phần sanh thì đã sanh rồi, nếu là nửa phần chưa sanh thì không sanh. Ấy là Tu-bồ-đề không dùng mắt thịt thấy, vì không thông đạt nên cả hai pháp đều không chấp thủ, chỉ nói sanh ấy như huyễn như mộng, từ hư dối pháp sanh, nên lìa, nên không thủ tướng.

Xá-lợi-phất hỏi: Những pháp gì cả hai đều không chấp thủ? Tu-bồ-đề dùng theo thế đế nên nói sắc cho đến Trí nhất thiết chủng rốt ráo chẳng sanh, tướng "Không" tự nhiên, không muốn khiến trong thật tướng có sanh, nếu về thế đế hư dối có thể có sanh, sanh như huyễn hóa.

Trong đây nói nhân duyên của chẳng sanh là chẳng hợp, chẳng tán.

Có người nói: Sanh với pháp giống nhau, sanh là thường, còn pháp được sanh là vô thường, thế nên lại hỏi. Người đáp lại cho sanh và pháp chẳng khác, nếu nói pháp sanh là đã nói tướng sanh, sanh chẳng sanh, như trên nói.

Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề nói, biết tâm Tu-bồ-đề ưa pháp vô sanh, nên nói với Tu-bồ-đề rằng: Ông thật ưa nói pháp vô sanh. Tu-bồ-đề liền nhận câu hỏi ấy, tâm cũng không thẹn. Vì sao? Vì luận nghị ấy không thể phá, không có lỗi. Sao biết? Tu-bồ-đề tự nói không có pháp có thể hợp, không có pháp có thể tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng, đó là vô tướng, tướng không còn không chấp thủ, huống

gì các tướng.

Xá-lợi-phất lại khen ngợi: Ông ưa nói pháp vô sanh và ngôn ngữ đều vô sanh, ấy thật thanh tịnh. Nếu chính đương ưa nói và ngữ ngôn chẳng phải vô sanh, chỉ nói ngoại vật vô sanh, thì chẳng phải thanh tịnh.

Tu-bồ-đề liền lại thọ nhận lời khen ngợi ấy, đáp lại Xá-lợi-phất rằng: Chẳng phải chỉ ưa nói và ngữ ngôn là vô sanh, mà sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng đều là vô sanh.

KINH: Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Tu-bồ-đề xứng đáng ở trên hết những người thuyết pháp. Vì sao? Vì Tu-bồ-đề tùy chỗ hỏi đều đáp được cả.

Tu-bồ-đề đáp: Vì các pháp không có chỗ nương.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao các pháp không có chỗ nương?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; thọ, tưởng, hành, thức thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tánh ý thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; tánh sắc thường không, cho đến tánh pháp thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Tánh Thí Ba-la-mật thường không, cho đến tánh Bát-nhã Ba-la-mật thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Tánh Nội không thường không, cho đến tánh vô pháp hữu pháp không thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá-lợi-phất! Bốn niệm xứ tánh thường không, cho đến Trí nhất thiết chủng tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá-lợi-phất! Do nhân duyên ấy, hết thảy các pháp không chỗ nương, vì tánh thường không. Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên thanh tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nên thanh tịnh Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát làm sao khi tu sáu Ba-la-mật thanh tịnh Bồ-tát đạo?

Tu-bồ-đề đáp: Có Thí Ba-la-mật thế gian, có Thí Ba-la-mật xuất thế gian; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật có thế gian, có xuất thế gian.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là Thí Ba-la-mật thế gian, thế

nào là Thí Ba-la-mật xuất thế gian?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát làm thí chủ hay cúng thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo cùng, kẻ ăn xin, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo; đồ nằm, giường nệm, phòng nhà, hương hoa, anh lạc, thuốc thang, các thứ cần dùng để nuôi sống, hoặc vợ con, quốc thổ, đầu mắt, tay chân, chi tiết, vật trong ngoài đều lấy cấp thí. Khi thí nghĩ rằng: "Ta cho kia nhận, ta không xan tham, ta là thí chủ, ta có thể bỏ hết thảy vật, ta theo lời Phật dạy bố thí, ta tu Thí Ba-la-mật". Làm việc bố thí như vậy rồi, dùng pháp có được cho hết thảy chúng sanh chung hưởng, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: "Nhân sự bố thí này mà khiến cho chúng sanh được cái vui đời này, sau sẽ khiến được vào Niết-bàn".

Người ấy bố thí như vậy có ba điều chướng ngại: Là tướng ta, tướng người khác, tướng bố thí. Chấp trước ba tướng ấy mà bố thí, ấy gọi là Thí Ba-la-mật thế gian. Vì nhân duyên gì nên gọi là thế gian? Vì không động, không xuất đối với thế gian nên gọi là Thí Ba-la-mật thế gian.

Thế nào gọi là Thí Ba-la-mật xuất thế gian? Đó là ba phần được thanh tịnh. Thế nào là ba? Là Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí, ta không thể có được, không thấy người thọ nhận và vật bố thí không thể có được, cũng không trông quả báo. Ấy gọi là Bồ-tát Thí Ba-la-mật ba phần thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí cho tất cả chúng sanh, tướng chúng sanh cũng không thể có được, lấy sự bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không thấy tướng pháp vi tế. Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Thí Ba-la-mật xuất thế gian. Vì sao gọi là xuất thế gian? Hay động hay xuất đối với thế gian nên gọi là Thí Ba-la-mật xuất thế gian.

Giới Ba-la-mật có chỗ nương là Giới Ba-la-mật thế gian, không chỗ nương là Giới Ba-la-mật xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí Ba-la-mật.

Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật có chỗ nương gọi là thế gian, không có chỗ nương gọi là xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí Ba-la-mật.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành sáu Ba-la-mật, làm thanh tịnh đạo Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề đáp: Tu Bốn niệm xứ là Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tu Tám Thánh đạo phần, môn giải thốt, không môn giải thốt vô tướng, môn giải thốt vô tác; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, hết thảy môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni, Phật mười lực, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi.

Xá-lợi-phất! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Năm trăm A-la-hán, Phật đều thọ ký cho là đệ nhất, như Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Mục-kiền-liên thần túc đệ nhất, Ma-ha Ca-diếp tu hạnh đầu đà đệ nhất, Tu-bồ-đề được Vô tránh Tam-muội đệ nhất, Ma-ha Ca chiên diên phân biệt Tu đa la đệ nhất, Phú-lâu-na đệ nhất trong hàng thuyết pháp, nay cớ sao Xá-lợi-phất lại khen ngợi Tu-bồ-đề xứng đáng đệ nhất trong hàng thuyết pháp?

Đáp: Phật dùng Phật nhãn quán hết thảy chúng sanh lợi căn, độn căn, trù lượng hết thảy pháp tổng tướng, biệt tướng, tùy chỗ đắc pháp của họ mà mỗi mỗi đều thọ ký đệ nhất, không lầm. Phú-lâu-na ở giữa bốn chúng dùng mười hai bộ Kinh, theo mỗi mỗi pháp môn, mỗi mỗi nhân duyên, thí dụ mà nói, có thể làm lợi ích chúng sanh đệ nhất. Tu-bồ-đề thường tu Vô tránh Tam-muội, cùng với Bồ-tát đồng việc, khéo nói một thứ pháp môn không tướng, hơn Phú-lâu-na; thí như người thợ có nhiều sở năng, sở năng nhiều nên tinh xảo cùng khắp, còn như có người có khả năng chuyên một việc, thì ắt cùng tột cái đẹp của nó. Phú-lâu-na tuy đa năng song không bằng Tu-bồ-đề thường ưa hành không tướng, nên hay khéo nói không. Thế nên Xá-lợi-phất nghe Tu-bồ-đề khéo nói nghĩa không, liền khen ngợi rằng: Ông đáng là đệ nhất trong hạng người thuyết pháp. Xá-lợi-phất thấy Tu-bồ-đề tùy chỗ hỏi đều đáp được, như gió đi giữa không, không gì ngăn ngại.

Khi ấy Tu-bồ-đề không nhún nhường, không thọ nhận. Vì sao? Vì an lập bình đẳng, chắc chắn là tướng người tốt. Tướng người tốt là không tự khen, không tự chê, cũng không khen không chê người khác. Nếu tự khen mình, thì chẳng phải là tướng đại nhân, không được người khen mới tự khen; nếu tự chê, ấy là người nịnh hót; nếu chê người khác, ấy là người gièm pha phá hại; nếu khen người khác, ấy là người dua nịnh. Tu-bồ-đề nói pháp vô sanh nên Xá-lợi-phất tuy khen mà không phải nịnh hót. Tu-bồ-đề cho Xá-lợi-phất khen thật nên không nhún nhường. Lại vì dứt pháp ái nên tâm không cao, cũng không ái trước, chỉ đáp về nhân duyên của sự không ngại không chướng, tức là hết thảy pháp không có chỗ nương tựa, không có chỗ nương tựa nên không ngại

không chướng. Nghĩa không có chỗ nương tựa như trước đã nói.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói vì nội pháp không nên sắc không nương tựa trong; vì ngoại pháp không nên sắc không nương tựa ngoài; vì trung gian không có nên sắc không nương tựa trung gian. Như sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Vì Bồ-tát biết tất cả ba cõi vô thường, không, nên không nương tựa trong đó; khi ấy phiền não dứt, tịnh được đạo Bồ-tát. Thế nên Tu-bồ-đề nói, Bồ-tát tu hành sáu Ba-la-mật, nên tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng tức là tịnh Bồ-tát đạo, cớ gì còn hỏi?

Đáp: Bồ-tát hay làm cho rốt ráo không, ấy gọi là thanh tịnh. Việc ấy thâm diệu, không thể tức khắc liền được, thế nên Xá-lợi-phất Hỏi: Hàng Bồ-tát tân học làm sao tu đạo phương tiện ban đầu đó?

Tu-bồ-đề đáp: Nếu Bồ-tát tu được hai thứ Ba-la-mật, thì sáu Ba-la-mật là bắt đầu mở đạo Bồ-tát, dùng vô sở đắc không mà tu Ba mươi bảy phẩm là mở Phật đạo. Tịnh gọi là mở, như trừ khử chông gai trên đường đi, gọi là mở đường.

Những gì là hai thứ Ba-la-mật? 1. Thế gian, 2. Xuất thế gian. Thế gian là Tu-bồ-đề tự nói nghĩa rằng: Cần ăn cho ăn v.v... như đã nói ở đầu phẩm. Nếu lúc bố thí mà có chỗ nương tựa, thì như người già bệnh nương tựa sức người khác mới có thể đi đứng được. Người bố thí xa lìa trí tuệ thật, tâm lực mỏng ít, cho nên nương tựa.

Nương tựa là, thân ta, tài vật, người nhận, tâm chấp trước thủ tướng pháp ấy, sanh các phiền não kiêu mạn v.v... ấy gọi là thế gian, không động không xuất.

Động là nhu thuận nhẫn.

Xuất là vô sanh nhẫn.

Trong pháp Thanh-văn, động là bậc hữu học, xuất là bậc vô học. Các nghĩa của năm Ba-la-mật kia cũng như vậy. Ấy gọi là bắt đầu mở đạo Bồ-tát.

Hỏi: Đạo Bồ-tát tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cớ sao còn hỏi?

Đáp: Lúc làm Bồ-tát phải có đạo. Phật đã đến chỗ không cần đạo, đạo ấy vì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là đạo Bồ-đề. Bồ-tát tu hành đạo ấy nên gọi là đạo Bồ-tát. Trong đây Phật dạy dạo xa là đạo Bồ-tát, sáu Ba-la-mật; dạo gần là đạo Bồ-đề, Ba mươi bảy phẩm. Trong sáu Ba-la-mật, Bố thí, Trì giới là tạp nên xa; Ba mươi bảy phẩm chỉ có Thiền định, Trí tuệ nên gần. Sáu Ba-la-mật có thế

gian, xuất thế gian xen lẫn nên xa; Ba mươi bảy phẩm, ba giải thốt môn v.v... cho đến Đại từ Đại bi, rốt ráo thanh tịnh nên gần.

Lại nữa, đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là từ địa vị mới phát tâm cho đến địa vị Kim cang Tam-muội, trung gian đó vì tu hạnh Bồ-đề, Bồ-tát đều gọi là đạo Bồ-đề.

KINH: Bấy giờ, Xá-lợi-phất tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, Lành thay! Thế nào là lực Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Là lực Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật hay xuất sanh hết thảy pháp lành, hoặc pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật hay nhiếp thọ hết thảy pháp lành, hoặc pháp Thanh-văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Chư Phật quá khứ thực hành Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai cũng thực hành Bát-nhã Ba-la-mật mà sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Chư Phật trong mười phương thế giới hiện tại cũng thực hành Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, không nghi không vấn nạn, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy thực hành đạo Bồ-tát.

Đạo Bồ-tát là cứu độ hết thảy chúng sanh nên tâm không xa bỏ hết thảy chúng sanh, vì không có sở đắc. Bồ-tát thường nên không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Xá-lợi-phất lại hỏi: Muốn khiến Bồ-tát ma-ha-tát thường không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi, nhưng nếu Bồ-tát ma-ha-tát không xa lìa niệm đại bi, thì hết thảy chúng sanh đều sẽ làm Bồ-tát. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì hết thảy chúng sanh cũng không xa lìa các niệm?

Tu-bồ-đề đáp: Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất! Ông muốn vấn nạn tôi mà trở thành nghĩa của tôi. Vì sao? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không có, tánh chúng sanh không có nên niệm cũng là tánh không có; pháp chúng sanh không có nên niệm cũng là pháp không có; chúng sanh lìa nên niệm cũng lìa; chúng sanh không nên niệm cũng không; chúng sanh không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá-lợi-phất! Sắc không có nên niệm cũng không có; tánh sắc không có nên niệm cũng là tánh không có; pháp sắc không có nên niệm cũng là pháp không có; sắc lìa nên niệm cũng lìa; sắc không nên niệm

cũng không; sắc không thể biết nên niệm cũng không thể biết; thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, địa chủng cho đến thức chủng, (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Địa giới, thức giới – ND), Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, hết thay môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nên niệm cũng không có, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành đạo ấy, tôi muốn khiến không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Bấy giờ, Phật tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Bồ-tát ma-ha-tát có nói Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên nói như vậy. Như ông nói Bát-nhã Ba-la-mật đều vâng thừa ý Phật. Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật nên như lời ông nói mà học.

Khi Tu-bồ-đề nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống; phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống; phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống, phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống; ở giữa vọt lên, hai bên chìm xuống; hai bên vọt lên, ở giữa chìm xuống.

Bấy giờ Phật mỉm cười.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Vì nhân duyên gì nên Phật mỉm cười? Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Ta ở thế giới này nói Bát-nhã Ba-la-mật, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới chư Phật ở phương đông cũng vì các Bồ-tát ma-ha-tát mà nói Bát-nhã Ba-la-mật, chư Phật ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc và trên dưới cũng nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy.

Khi nói phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy, mười hai na do tha các trời, người chứng được vô sanh pháp nhẫn. Khi chư Phật mười phương nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy, vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Luận giả nói: Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Tu-bồ-đề phân biệt nói rõ sáu Ba-la-mật thế gian, xuất thế gian và Bồ-đề đạo rất lợi ích cho chúng sanh nên hoan hỷ tán thán: Lành thay, lành thay! Nói lại hai lần là tỏ sự hoan hỷ cùng tột.

Hỏi: Ấy là do lực của Ba-la-mật nào?

Đáp: Tu-bồ-đề suy nghĩ rằng: Trong tất cả tâm số pháp, trừ trí tuệ, không có tâm số nào có khả năng phân biệt dứt nghi, mở lối như

vậy. Trong các Ba-la-mật, nếu lìa Bát-nhã Ba-la-mật tự mình không thể thành tựu, huống gì có thể phân biệt mở lối? Suy nghĩ như vậy rồi, đáp Xá-lợi-phất rằng: Đó là lực của Bát-nhã Ba-la-mật, như trước đã nói. trong các pháp không có ngã, không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nay đem điều ấy làm chứng biết đó là lực của Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng phải lực của Phật, chẳng phải lực của Tu-bồ-đề. Vì sao? Tu-bồ-đề nói lý do vì Bát-nhã Ba-la-mật xa lìa hai bên đoạn thường, có, không v.v... hay phát sanh tất cả pháp lành, đó là tướng định, tướng cứng chắc không hoại của pháp ba thừa.

Lại, Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng vô biên nên có thể nhiếp thụ tất cả pháp lành, như biển lớn hay nạp thụ trăm sông nghìn dòng.

Pháp lành ba thừa là, Sáu Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp không chung. Mười phương ba đời chư Phật thực hành Bát-nhã Ba-la-mật nên đều chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy thực hành các Ba-la-mật kia, mà Bát-nhã Ba-la-mật mới là tối tôn quí, có năng lực thông đạt. Thí như hòa hợp thuốc xổ, vị bã đậu mạnh hơn cả. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, tuy hòa hợp với các Ba-la-mật kia, nhưng phá các phiền não, tà kiến, xả bỏ hý luận thì lực Bát-nhã Ba-la-mật hôn cả. Vì vậy, nên nói đều là lực của Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Mỗi mỗi tán thán Bát-nhã Ba-la-mật là vi diệu thậm thâm, vậy ai hay tu hành, tùy thuận, tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Những Bồ-tát trong vô lượng đời chứa nhóm các phước đức, lợi căn, phiền não bị bẻ mỏng; tuy chưa đến địa vị bất thối, song nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật liền tin thọ thâm nhập. Người có tướng thông đạt như vậy, thì có thể thực hành đạo Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa là cứu độ hết thảy chúng sanh, khiến xa lìa ưu não thế gian, vì tâm đại bi nên không bỏ hết thảy chúng sanh. Bồ-tát thường không nên xa lìa tâm đại bi và niệm rốt ráo không, rốt ráo không, thì phá các phiền não thế gian, thị hiện Niết-bàn; mà tâm đại bi dẫn dắt khiến trở lại vào trong thiện pháp, để lợi ích cho chúng sanh.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nạn hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát không lìa niệm đại bi và niệm rốt ráo không ấy, thì tất cả chúng sanh đều sẽ làm Bồ-tát. Vì sao? Vì rốt ráo không, thì vô tướng, không phân biệt, không lẽ Bồ-tát có niệm đại bi, còn chúng sanh không có niệm đại bi. Nếu có thì hết thảy chúng sanh nên chung có, nếu không thì Bồ-tát cũng nên không?

Tu-bồ-đề đáp: Ông muốn nạn hỏi tôi mà trở lại giúp thành nghĩa của tôi. Vì sao? Vì các pháp tướng rốt ráo không, nên chúng sanh cũng

không, chúng sanh không nên niệm rốt ráo không cũng không. Nếu các pháp rốt ráo không, thì đâu có chúng sanh thật không mà nạn hỏi tôi rằng: Chúng sanh không lìa niệm ấy, thì đều sẽ làm Bồ-tát! Thế nên nói chúng sanh không có nên niệm rốt ráo không cũng không có. Chúng sanh không có tự tánh, chúng sanh lìa, chúng sanh không, chúng sanh không thể biết, niệm rốt ráo không cũng không. Sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây niệm là không lìa niệm đại bi, cớ sao nói không lìa niệm rốt ráo?

Đáp: Bồ-tát không lìa niệm ấy, tâm không bỏ chúng sanh, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện vậy. Vô sở đắc không và rốt ráo không, tên khác mà nghĩa một. Vô sở đắc không; vô sở đắc không ở đầu, rốt ráo không ở sau; vì rốt ráo không là lớn, nên sanh tâm bi cũng lớn. Đại bi, như trong Kinh A Sai Mạc nói có ba thứ bi: Là chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên. Vô duyên bi, từ rốt ráo không phát sanh, lấy đó mà giải sự nạn vấn của Xá-lợi-phất. Phật ấn chứng lời nói ấy nên tán thán "Lành thay!". Nếu muốn giải nói Bát-nhã Ba-la-mật, hãy nên như ông nói.

Bấy giờ ở trong chúng, hàng Trời, người, Bồ-tát nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, ba đời chư Phật đều từ trong đó xuất sanh, Tu-bồ-đề là người Tiểu thừa, tại sao Phật tán thán, muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật, hãy nên như ông nói, vì thế nên tiếp đến nói: Tu-bồ-đề nói đều vâng thừa ý Phật. Giả sử như Di-lặc Bồ-tát, Phạm-thiên vương v.v... không nương theo ý Phật còn không thể hỏi, huống gì Tu-bồ-đề ở trước Phật mà có thể tự do nói. Các Bồ-tát muốn học Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên như ông nói mà học.

Khi nói phẩm ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách là, lúc ấy ở trong hội chúng có nhiều Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều sẽ làm Phật.

Phật là chủ lớn của trời đất, địa thần hoan hỷ chủ ta nay xuất sanh nên khiến quả đất động mạnh.

Lại nữa, người có tâm tin Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, là hy hữu có được, nên người ấy do nhân duyên phước đức mà cảm gió lớn làm rung động nước, nước động nên đất động.

Lại nữa, đại Long vương ở dưới đất muốn đến nghe Bát-nhã Ba-la-mật, từ nước đi ra cho nên nước động, nước động nên đất động.

Lại nữa, do thần lực của Phật khiến đất động, vì muốn khiến mọi người tăng lòng tin vui Bát-nhã Ba-la-mật khó thấy khó biết. Ngoài ra,

nhân duyên làm đất động, như trước đã nói, còn trong đây Phật tự nói nhân duyên là Ta nói Bát-nhã Ba-la-mật, mười phương chư Phật cũng nói Bát-nhã Ba-la-mật, mười hai na do tha trời người được địa vị bất thối, vào pháp vị, thế nên đất động.

Lại, chúng sanh trong mười phương thế giới, cũng phát tâm Vô thượng đạo, thế nên đất động.

Bấy giờ chư Thiên cũng có rải các thứ hoa sen và các tạp hương, áo trời, lọng trời, ngàn vạn thứ kỷ nhạc trời. Các Long vương từ bốn biển nước lớn vọt lên và các Dạ-xoa, La sát v.v... đều sanh tâm từ, chấp tay tán Phật. Lại khi Phật mỉm cười, vô lượng ánh sáng trùm khắp mười phương các thế giới nhiều như hằng hà sa, có bấy nhiêu việc hy hữu. Nói tóm lại thì đất động đều do nói thật tướng các pháp, tức là Bát-nhã Ba-la-mật.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 54

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI BẢY: THIÊN VƯƠNG

KINH: Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương cùng với vô số trăm ngàn ức chư Thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Thích-đề-hoàn nhơn và các trời Đao-lợi, vua trời Tu-dạ-ma và các trời Dạ-ma, vua trời Đâu-suất-đà và các trời Đâu-suất-đà, vua trời Tu-niết-mật-đà và các trời Diệu Hóa, vua trời Bà-xá-bạt-đề và các trời Tự Tại Hành, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Phạm vương cho đến các trời Thủ-đà-hội, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Các trời Tứ Thiên vương cho đến các trời Thủ-đà-hội có ánh sáng nôi thân từ nghiệp báo sinh, đối với ánh sáng thường của Phật trăm phần, ngàn phần, ngàn vạn ức phần không kịp một, cho đến không thể lấy tốn số thí dụ so sánh được. Ánh sáng của Thế Tôn tối thắng tối diệu, tối thượng đệ nhất; ánh sáng do nghiệp báo sinh của chư thiên ở bên ánh sáng Phật không thể chiếu không thể hiện, như tim đèn cháy so với vàng Diêm-phù-đàn.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn (Đế-thích – Indra) bạch đại đức Tu-bồ-đề: Ba ngàn đại thiên thế giới các Trời Tứ Thiên vương cho đến các trời Thủ-đà-hội, hết thảy hòa hợp muốn nghe Tu-bồ-đề nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát vì sao phải trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật? Những gì là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát? Bồ-tát ma-ha-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế nào?

Tu-bồ-đề nói với Trời Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Kiều-thi-ca! Tôi nay sẽ thừa thuận ý Phật, thừa thuận thần lực Phật mà vì các Bồ-tát ma-ha-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật, như Bồ-tát ma-ha-tát đã nên trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Như Bồ-tát ma-ha-tát có thể nơi trong đó nên trụ như vậy, nên học như vậy – ND) các Thiên tử ai chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay hãy nên phát tâm.

Các Thiên tử! Nếu vào chánh vị Thanh-văn, người ấy không thể

phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì đã dựng ranh giới cách biệt chướng ngại với sanh tử. Người ấy nếu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, tôi cũng tùy hỷ. Vì cớ sao? Vì thượng nhân còn nên cầu thượng pháp; tôi trọn không dứt công đức của họ.

Kiều-thi-ca! Sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà niệm sắc vô thường, niệm sắc khổ, niệm sắc không, niệm sắc vô ngã, niệm sắc như bệnh, như ung thư, như ghẻ, như mũi tên vào thân, thống não, suy hoạn, lo sợ bất an, vì không có sở đắc; niệm thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Niệm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, niệm địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng, quán nó vô thường cho đến lo sợ bất an, vì cũng không có sở đắc.

Quán sắc tịch diệt, lìa, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhô, chẳng sạch; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Quán địa chủng cho đến thức chủng tịch diệt, lìa, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, cũng vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán vô minh làm duyên các hành, cho đến già chết làm nhân duyên cho nhóm khổ lớn, cũng vì không có sở đắc. Quán vô minh diệt nên các hành diệt, cho đến sinh diệt nên già chết diệt, già chết diệt nên ưu bi sầu não nhóm khổ lớn diệt, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu Bốn niệm xứ, vì không có sở đắc, cho đến tu Phật mười lực, Mười tám pháp không chung, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu Thí Ba-la-mật, vì không có sở đắc; tu Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, quán như vầy: chỉ có các pháp với các pháp làm nhân duyên, thuấn nhuần, tăng ích cho nhau, phân biệt so tính trong ấy không có ngã, ngã sở. Bồ-tát tâm hồi hướng không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng; tâm hồi hướng không thể có được nôi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được nơi tâm hồi hướng. Bồ-tát tuy quán hết thảy pháp cũng không có pháp có thể được. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn chơn hỏi Tu-bồ-đề: Tại sao tâm hồi hướng của Bồ-tát không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng? Tại sao tâm hồi hướng không thể có được nơi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có thể có được nơi tâm hồi hướng?

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Kiều-thi-ca! Tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chẳng phải tâm, chẳng phải tướng tâm; trong chẳng phải tướng tâm không thể có hồi hướng; chẳng phải tướng tâm ấy thường chẳng phải tâm tướng; tướng không thể nghĩ bàn thường tướng không thể nghĩ bàn, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát. (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Kiều-thi-ca! Tâm hồi hướng của các Bồ-tát ma-ha-tát thời chẳng phải tâm, tâm Bồ-đề cũng chẳng phải tâm; không thể chẳng phải tâm hồi hướng nôi chẳng phải tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nôi chẳng phải tâm, chẳng phải tâm, không thể hồi hướng nơi tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi tâm. Vì sao? Vì chẳng phải tâm tức là không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn tức là chẳng phải tâm. Hai thứ ấy đều không có gì, trong không có gì, không có nghĩa hồi hướng. Kiều-thi-ca! Tâm không có tự tánh, tâm tánh không có, nên tâm cũng không; tâm và tâm sở đã không có tự tánh, nên tâm cũng không có nghĩa tâm hồi hướng. Kiều-thi-ca! Nếu quán xét như vậy, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật – ND)

Bấy giờ, Phật tán thán Tu-bồ-đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Ông đã vì các Bồ-tát ma-ha-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật, an ủy tâm các Bồ-tát ma-ha-tát!

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nên báo ân, không nên không báo ân. Quá khứ các đức Phật và các đệ tử đã vì các Bồ-tát nói sáu Ba-la-mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng; Thế Tôn lúc bấy giờ cũng ở trong đó học, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con nay cũng vì các Bồ-tát nói Sáu Ba-la-mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng, nay chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Trong phẩm đầu Phật phóng ra ánh sáng thù thắng, chư thiên đã tập hội đông đảo, nơi đây sao còn nói lại?

Đáp: Có người nói đây là hội sau. Có người nói chính là hội trước.

Chư Thiên cho rằng Tu-bồ-đề khéo nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, nên chư Thiên hoan hỷ, vì vậy nên Phật mỉm cười. Ánh sáng thường càng phát sáng thì ánh sáng chư thiên không còn hiện. Như lúc mặt trời mọc, thì sao, trăng đèn, đuốc không còn chiếu sáng; thí như tim đèn cháy ở bên vàng Diêm-phù-đàn.

Bốn Trời Thiên vương là Thiên vương phương Đông tên là Đề-đa-la-tra (Dhritarāstra) là Trị quốc, hoặc Trì quốc, làm chủ Càn-thát-bà và Tỳ-xá-giá; Thiên vương phương Nam tên Tỳ-lưu-ly (Virādhaka), là Tăng Trưởng, làm chủ loài Câu-bàn-trà và Tỳ-lệ-đa; Thiên vương phương Tây tên Tỳ-lưu-ba-xoa (Virūpiska), là Tạp ngữ hay Quảng mục, là chủ các vua rồng và loài Phú-đa-na; Thiên vương phương Bắc tên Tỳ-sa-môn (Vaisramana), là Đa văn (Dhananda), làm chủ loài Dạ-xoa và La-sát. Thích-đề-hoàn chơn [Thích là Thích-ca (Sakya), là Năng; Đề là Đề-bà (Deva), là Thiên; Nhân đề là Chủ, hợp lại gọi là Thích-đề Bà-na-dân (Indra) Đế-thích thiên, ở cõi trời Đao-lợi.

Cõi Trời Tu-dạ-ma, Thiên vương tên Dạ-ma, là Diệu-thiện.

Cõi Trời Sách-đâu-suất-đà, Thiên vương tên Đâu-suất-đà, là Diệu-túc.

Cõi Trời Tu-niết-mật-đà, Thiên vương tên là Hóa-lạc.

Cõi Trời Bà-xá-bạt-đề, là Trời Tha-hóa-tự-tại.

Ở đây có Phạm-thiên vương tên Thi-khí (Sikhi), là Lửa.

Từ Phạm-thiên cho đến cõi Trời Thủ-đà-bà, Thiên vương tên Thủ-đà-bà, là Trời Tịnh-cư.

Ánh sáng nôi thân do nghiệp báo sinh là ánh sáng của trời cõi Dục giống như ánh sáng của đèn, đuốc, ngọc... do bố thí, trì giới, thiền định thanh tịnh nên thân thường chiếu sáng, không cần mặt trời mặt trăng.

Trời cõi Sắc do hành lìa dục, tu tập hỏa Tam-muội, nên thân thường chiếu ánh sáng đẹp hơn cả mặt trời mặt trăng và ánh sáng quả báo của trời cõi Dục. Ánh sáng của trời Ly dục, cốt yếu mà nói là do tâm thanh tịnh mà có được.

Ánh sáng thường của Phật mỗi phía tỏa ra một trượng; ánh sáng của chư thiên rộng lớn tuy vô lượng do tuần mà ở bên hòa quang của Phật thì bị che lấp không hiện.

Thích-đề-hoàn nhơn thấy thần lực hòa quang của Phật, nghĩ rằng: Hào quang của Phật hay che lấp ánh sáng của chư Thiên, ánh sáng trí tuệ của Phật cũng phá ngu tối của ta!

Lại vì Phật sai Tu-bồ-đề nói Bát-nhã, cho nên nói: Hết thảy chư Thiên đều tập hội đông đủ, muốn nghe Tu-bồ-đề nói nghĩa Bát-nhã. Nay chư Thiên đại phước đức đều tập họp, muốn nghe nghĩa Bát-nhã.

Sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Đây là hỏi về thể Bát-nhã. Làm sao tu hành? Đây là hỏi bắt đầu vào phương tiện tu hành.

Thế nào là trú? Đây là hỏi về thâm nhập rốt ráo an trú.

Tu-bồ-đề nhận lời hỏi ấy, đáp rằng: Nếu người đói khát, cấp cho

đủ ăn uống, thì họ cám ơn rất sâu, Bồ-tát cũng như vậy, vì người phát tâm cầu Phật đạo, mà nói Bát-nhã thì được lợi ích lớn, nên cám ôn cũng sâu, vì thế nên nói Bát-nhã. Nếu người chưa phát tâm thì sẽ phát, người đã vào Thánh đạo thì không thể đảm nhận, vì lậu hoặc hết, không còn tái sinh nên nói không thể đảm nhận.

Hỏi: Nếu người ấy không thể đảm nhận, cớ sao nói người ấy nếu phát tâm thì ta cũng tùy hỷ, không làm chướng ngại công đức kia, thượng nhơn nên tiếp cầu thượng pháp?

Đáp: Tu-bồ-đề tuy là Tiểu thừa, nhưng thường tập hành không, nên không chấp đắm đạo Thanh-văn. Vì vậy nên giả thiết nói: Nếu phát tâm thì có lỗi gì? Trong đây Tu-bồ-đề tự nói hai nhân duyên: Một là không làm chướng ngại tâm phước đức kia. Hai là thượng nhân nên tiếp cầu thượng pháp. Vì vậy nên thượng nhân cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lỗi gì, nếu thượng nhân mà cầu tiểu pháp mới đáng hổ thẹn. Vì nửa chừng gặp các việc bên cạnh nên lại nêu hỏi.

Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật? Đó là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc vô thường, khổ, không, vô ngã, như trước nói.

Quán năm uẩn hay sinh các phiền não, nên nói như bệnh. Có người nghe nói năm uẩn như bệnh, cho là còn nhẹ, nên nói nó như ung thư. Có người lại cho ung thư tuy khó trị có khi có thể chữa lành, nên lại nói nó như mũi tên bịt sắt đâm vào thân, không thể rút ra được. Có người lại cho mũi tên bịt sắt đâm vào thân chìm sâu khó nhổ ra, nhưng thuốc hay diệu thuật còn có thể nhổ ra được, nên lại nói nó thường thống não, như người gặp vận suy, thường có điều chẳng lành. Năm uẩn cũng như vậy, nếu người theo đuổi nó thường không an ổn. Vì có suy nên thường ôm lòng lo sợ. Ở chung với năm uẩn như ở chung với hổ lang, sư tử, thường ôm lòng lo sợ. Năm uẩn có lỗi là vô thường hư dối nên thường chẳng an ổn.

Hỏi: Năm uẩn chỉ có mười lăm điều ác như vậy, hay còn việc khác nữa?

Đáp: Nói lược thì có mười lăm, nói rộng thì có vô lượng vô biên, như trong kinh Tạp A-hàm nói năm uẩn có trăm thứ tội lỗi.

Hỏi: Sao thường nói nó vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có khi nói tám việc, như bệnh, như ung, như thư v.v... còn bảy việc kia ít nơi nói?

Đáp: Người có thượng, trung, hạ. Vì người lợi căn nên nói bốn việc, nghe liền ngộ Khổ đế. Người trung căn nghe nói bốn việc thì không thể sinh tâm nhàm chán, nếu nghe nói như bệnh, như ung v.v... tám việc, thì

sinh tâm nhàm chán. Người độn căn nghe nói tám việc còn không sinh tâm nhàm chán, nên lại vì họ nói bảy việc thống não v.v... sau họ mới nhàm chán. Người lợi căn dễ độ nên thường phần nhiều nói bốn việc vô thường, khổ, không, vô ngã; người độn căn có khi có thể độ nên ít khi nói các việc khác. Tám việc trên phần nhiều bậc Thánh thực hành, còn bảy việc kia thì phàm phu và Thánh nhân chung tu. Bốn việc đầu nhiếp vào trong mười sáu Thánh hạnh, nên trong kinh Bát-nhã thường nói.

Lại, nói Bát-nhã là vì hàng Bồ-tát lợi căn, nên phần nhiều nói Thánh hạnh. Nay hỏi vì sao pháp tu hành đầu tiên trong đây cũng đều nói? Ngoài ra mười hai nhập cho đến sáu chủng là địa chủng, thủy chủng, v.v... cũng đều nói?

Mười tám giới v.v... đáng quở trách cũng nên nói đủ, vì người đọc hay quên mất. Vì sao? Vì mười tám giới là tên khác của năm uẩn, không thể không nói. Nếu hành giả quán năm uẩn tịch diệt viễn ly, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, đây chỉ vì Bát-nhã Ba-la-mật, nên không nói chung với mười lăm việc trên, vì mười lăm việc ấy cả ba thừa chung có.

Trí lực của hàng Thanh-văn mỏng cho nên đầu tiên không thể quán năm uẩn hoặc viễn ly. hoặc tịch tịnh mà chỉ có thể quán vô thường, khổ v.v...; khi vào Diệt đế mới có thể quán tịch diệt. Bồ-tát vì lợi căn nên ban đầu quán năm uẩn thì liền ngộ được tướng tịch diệt.

Dùng vô sở đắc là, thường dùng trí tuệ vô sở đắc không mà quán các pháp tướng.

Lại nữa, Thích-đề-hoàn chơn hỏi tướng Bát-nhã Ba-la-mật chứ không hỏi nhàm chán tai họa của năm uẩn, nên chỉ nói tướng Bát-nhã. Tướng Bát-nhã là, không lìa năm uẩn có Niết-bàn; không lìa Niết-bàn có năm uẩn; thật tướng năm uẩn tức là Niết-bàn, vì vậy người độn căn khi mới phát tâm, trước tiên quán vô thường, vậy sau mới quán năm uẩn tịch diệt v.v... Quán mười hai nhân duyên cũng như vậy.

Lại nữa, tu Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần là pháp chung, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì là không có sở đắc, nên gọi là tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung thì chỉ là pháp Đại thừa.

Hỏi: Nếu nói tướng Bát-nhã Ba-la-mật tu hành, cớ gì trung gian còn nói đến các pháp, các pháp ấy lại làm nhân duyên thấm nhuần tăng ích?

Đáp: Tu-bồ-đề trên kia trước nói lỗi vô thường của các pháp; vậy sau mới nói các pháp là viễn ly. tịch diệt, không, không có sở đắc; rồi

sau nữa mới nói các pháp tuy không mà từ nhân duyên hòa hợp nên có.

Tiếp theo nói Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, tu hành vào Phật đạo. Người nghe nghĩ rằng: Trên nói viễn ly tịch diệt không, nên biết chẳng phải thường; nói Mười hai nhân duyên, nên biết chẳng phải diệt. Nhưng không có kẻ biết, không có kẻ thấy thì ai tu hành các pháp ấy để thành Phật? Thế nên nói: Bồ-tát nghĩ rằng: Các pháp không, vô ngã, không có chúng sinh, song từ nhân duyên nên có bốn đại, sáu thức, mười pháp, ấy đều có lực năng sinh, năng khởi, có chỗ tạo tác. Như đất hay giữ, nước hay làm rã nát, lửa hay tiêu diệt, gió hay xoay chuyển, thức hay phân biệt. Mười pháp ấy có chỗ tạo tác, vì chúng sinh điên đảo nên cho đó là người làm, ta làm. Như da xương hòa hợp lại nên có âm thanh, ngôn ngữ, người mê cho đó là người nói. Như lửa đốt khô rừng tre, phát ra tiếng lớn, trong đó không có người làm.

Lại như người gỗ, người huyễn, người biến hóa tuy có động tác mà không có người làm. Mười pháp này cũng như vậy. Pháp sinh trước pháp sinh sau, nhân duyên hòa hợp, hoặc nhân duyên cọng sinh, hoặc nhân duyên tương ưng, hoặc nhân duyên quả báo, hoặc nhân duyên thường tu thường tập làm cho quả báo tăng trưởng. Như mùa xuân trồng cây trái, tùy thời rưới tẩm, hoa quả tốt tươi. Lấy trí tuệ phân biệt biết các pháp không có người làm. Bồ-tát mới phát tâm hồi hướng, làm nhân duyên với tâm Phật. Mà lúc mới phát tâm hồi hướng, chưa có tâm Phật, trong tâm Phật không có tâm mới hồi hướng, tuy không có mà có thể làm nhân duyên để phát.

Hỏi: Nếu lúc mới phát tâm hồi hướng không có tâm Bồ-đề, thì hồi hướng về đâu?

Đáp: Trong thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, các pháp chẳng phải tướng thường, chẳng phải tướng vô thường, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, nên không nên nạn hỏi rằng: Tâm hồi hướng đã diệt không còn có gì thì làm sao làm nhân cho tâm Bồ-đề? Nếu các pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải chẳng diệt, làm sao đem sự chẳng sinh chẳng diệt nạn hỏi rằng: Không có tâm Bồ-đề thì hồi hướng về đâu?

Lại nữa, Phật tự nói tướng Bồ-đề chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, làm sao nạn hỏi rằng: Vị lai không có Bồ-đề nên hồi hướng về đâu?

Lại nữa, như trong Phẩm Như nói: Đời quá khứ không lìa đời vị lai, đời vị lai không lìa đời quá khứ; đời quá khứ như, đời vị lai như,

một như không có hai như, làm sao nói tâm Bồ-đề không ở trong tâm hồi hướng? Tâm hồi hướng không ở trong tâm Bồ-đề? Nhưng Bồ-tát nghe tán thán Phật pháp, liền phát tâm ưa vui, nói rằng ta có công đức gì đều hồi hướng đến Phật đạo. Từ khi mới phát tâm cho đến chứng Phật đạo, tu công đức ấy, không ngừng không nghỉ, dùng như huyễn, như mộng, vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật, hay biết các pháp làm nhân duyên sinh quả báo mà không có tướng nhất định.

Thích-đề-hoàn nhơn gạn hỏi: Vì sao tâm hồi hướng không thể có được ở trong tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề không thể có được ở trong tâm hồi hướng?

Tu-bồ-đề không vì nói theo thế đế như huyễn như mộng, chỉ nói theo đệ nhất nghĩa đế: Hai tâm ấy đều không, chẳng phải tâm tướng. Vì cớ sao? Vì trong các pháp rốt ráo không, không có thị tâm phi tâm, thì pháp như vậy làm sao có thể có hồi hướng? Nếu có hai pháp mới có thể có hồi hướng; thí như cưỡi xe đi từ phía Tây, phía Nam có chỗ dừng nghỉ, nên mới quay xe về hướng đến. Vì xe và chỗ quay hướng đến khác nhau mới có thể hồi hướng, chứ không được chỉ có xe mà nói hồi hướng, vì không khác nhau.

Chẳng phải tâm tướng thường chẳng phải tâm tướng là, ý Tu-bồ-đề muốn nói tâm tướng ấy như như thường trụ, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch. Vì chẳng phải tâm tướng nên chẳng phải tâm, cũng không có cái chẳng phải tâm ấy, cho nên nói không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn cũng thường không thể nghĩ bàn, không thể trù lượng tư duy chấp thủ tướng.

Do nhân duyên ấy, nên tâm làm nhân cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tương tợ quả, không tương tợ thì không thể sinh quả được. Nếu sơ tâm bất tịnh, sau không thể phát sinh tịnh tâm, như luyện thiếc không thể thành vàng.

Phật vì Tu-bồ-đề thâm nhập trong nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật, ấy là tên gọi Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thâm nhập được nhân duyên của các pháp nên liền lấy làm tên. Vì không sai trái nên ở giữa đại chúng tán thán: Lành thay, lành thay! Ông là người Tiểu thừa mà hay khéo nói Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

An ủi tâm các Bồ-tát là, vì lấy Bát-nhã Ba-la-mật chỉ bày cho các Bồ-tát: Ông chẳng tự cho mình phiền não chưa hết, chưa thành Phật đạo để tự biếng nhác! Các pháp không chướng không ngại, tâm đầu tâm cuối không có khác tướng, chỉ siêng tinh tấn thì thành Phật đạo.

Tôi nên báo ân là, Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Ta thực hành thật tướng

các pháp, được thốt khỏi khổ già, bệnh, chết, sao ta không nhớ đại ân các pháp ấy? Vì vậy nên thường ưa nói.

Lại nữa, Phật có tâm đại bi, ưa nói pháp độ chúng sinh, ta nhờ ân Phật nên đắc đạo, ta cũng giúp Phật thuyết pháp độ sinh. Ấy là báo ân.

Lại biết đức Thế Tôn hôm nay nhân nôi chư Phật quá khứ mà được thành Phật đạo, thế nên ta cũng ái kính chư Phật quá khứ, như con ái kính cha, cũng ái trọng tổ phụ, cũng ái kính quá khứ các Bồ-tát và đệ tử hay thuyết pháp chỉ dạy, đức Thế Tôn hôm nay cũng nhơn đó mà đắc đạo.

Tu-bồ-đề có tâm thâm tín Tam Bảo, nên nói tôi biết ơn Thế Tôn và pháp hôm nay, ơn chư Phật và đệ tử quá khứ. Pháp tức là Pháp bảo, Phật hôm nay là Phật quá khứ tức là Phật bảo, các Bồ-tát và các đệ tử là Tăng bảo. Sáu Ba-la-mật như trước đã nói.

Thị là, chỉ thị cho người biết việc tốt xấu, lành chẳng lành, nên làm không nên làm; sinh tử là xấu, Niết-bàn an ổn là tốt. Phận biệt Ba thừa, phân biệt Sáu Ba-la-mật như vậy gọi là chỉ thị.

Giáo là, dạy ông bỏ ác làm lành, ấy gọi là giáo.

Lợi là, khi chưa được mùi vị của thiện pháp, tâm dễ thối mất, vì họ thuyết pháp dẫn dắt khiến ra khỏi. Ông chớ tìm quả trong khi tu nhân, ông nay tuy cần khổ, nhưng khi quả báo xuất hiện thì được lợi ích lớn, khiến tâm kia lợi, nên gọi là lợi.

Hỷ là, tùy chỗ người ấy tu hành mà tán thán, khiến tâm người kia vui mừng. Nếu người ưa bố thí mà nghe tán thán bố thí thì vui mừng.

Vậy nên lấy bốn việc ấy trang nghiêm việc thuyết pháp.

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Kiều-thi-ca! Ông hãy lắng nghe! Bồ-tát ma-ha-tát đối với Bát-nhã Ba-la-mật như chỗ nên trú, chỗ không nên trú. Kiều-thi-ca! Sắc, sắc không, thọ, tưởng, hành, thức… thức không, Bồ-tát, Bồ-tát không, Sắc không với Bồ-tát không, không hai không khác; thọ, tưởng, hành, thức không với Bồ-tát không không hai không khác. Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật nên trú như vậy.

Lại nữa, mắt, mắt không, cho đến ý, ý không, Bồ-tát, Bồ-tát không: mắt không cho đến Bồ-tát không không hai không khác. Sáu trần cũng như vậy. Địa chủng (địa giới), địa chủng không, cho đến thức chủng, thức chủng không, Bồ-tát, Bồ-tát không cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Địa chủng không cho đến thức chủng không với Bồ-tát không không hai không khác. Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong

khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Vô minh, vô minh không, cho đến già chết, già chết không, vô minh diệt, vô minh diệt không, cho đến già chết diệt, già chết diệt không, Bồ-tát. Bồ-tát không, Kiều-thi-ca, vô minh không cho đến già chết không; vô minh diệt không cho đến già chết diệt không; Bồ-tát, Bồ-tát không không hai không khác. Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, tất cả môn Tam-muội, tất cả môn Đà-la-ni, thanh-văn thừa, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa, Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật cũng như vậy.

Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không, Bồ-tát, Bồ-tát không, Trí nhất thiết chủng không với Bồ-tát không không hai không khác. Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn hỏi Tu-bồ-đề rằng: Thế nào là chỗ không nên trú trong khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp: Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật không nên trú sắc, vì có sở đắc; không nên trú thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc; không nên trú mắt cho đến không nên trú ý, không nên trú sắc cho đến không nên trú pháp, không nên trú nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, vì có sở đắc, không nên trú nôi địa chủng cho đến thức chủng, vì có sở đắc, không nên trú nôi Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, vì có sở đắc, không nên trú nôi quả Tu-đà-hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nôi quả Tu-đà-hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nơi quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, Phật đạo, không nên trú nôi Trí nhất thiết chủng, vì có sở đắc.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc là thường không nên trú, sắc là vô thường không nên trú; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không nên trú sắc hoặc vui, hoặc khổ, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc chẳng không, hoặc tịch diệt, hoặc chẳng tịch diệt, hoặc lìa, hoặc chẳng lìa, vì vô sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát không trú tướng vô vi của quả Tu-

đà-hoàn, tướng vô vi của quả Tư-đà-hàm, tướng vô vi của quả A-na-hàm, tướng vô vi của quả A-la-hán; không nên trú tướng vô vi của đạo Bích-chi Phật, tướng vô vi của Phật đạo. Không nên trú phước điền Tu-đà-hoàn, không nên trú phước điền Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát không nên trú Sơ địa vì có sở đắc, cho đến không nên trú địa thứ mười vì có sở đắc.

Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát, trú trong sô phát tâm, nghĩ rằng ta sẽ đầy đủ Thí Ba-la-mật, không nên trú, cho đến ta sẽ đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trú; đầy đủ sáu Ba-la-mật sẽ vào Bồ-tát vị, không nên trú; vào Bồ-tát vị rồi ta sẽ trú địa vị bất thối chuyển, không nên trú; Bồ-tát sẽ đầy đủ năm thần thông, không nên trú, vì có sở đắc; Bồ-tát trú năm thần thông rồi ta sẽ dạo qua vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, lễ kính, cúng dường chư Phật và nghe pháp; nghe pháp rồi lại vì người khác nói, Bồ-tát ma-ha-tát không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Như thế giới chư Phật nghiêm tịnh, ta cũng sẽ trang nghiêm thế giới, không nên trú, vì có sở đắc; thành tựu chúng sinh khiến vào Phật đạo, không nên trú, đi đến vô lượng A-tăng-kỳ thế giới chỗ chư Phật, tôn trọng ái kính cúng dường, lấy hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương bột, tràng phan, lọng hoa, trăm ngàn ức thứ y báu, cúng dường chư Phật, không nên trú, vì có sở đắc. Ta sẽ khiến vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát không nên trú như vậy. Ta sẽ sinh năm mắt, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Tam-muội, không nên trú; tùy ý muốn dạo chơi các Tam-muội, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Đà-la-ni, không nên trú; ta sẽ được Mười lực của Phật, không nên trú; ta sẽ được Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, không nên trú; ta sẽ đầy đủ Đại từ Đại bi, không nên trú; ta sẽ đầy đủ Ba mươi hai tướng, không nên trú; ta sẽ đầy đủ tám mươi vẻ đẹp tùy hình, không nên trú, vì có sở đắc.

Người thứ tám, là người hành theo lòng tin, là người hành theo sự hiểu pháp, không nên trú Tu-đà-hoàn cùng tột bảy đời, không nên trú Gia gia, không nên trú. Tu-đà-hoàn mạng chung sạch hết lậu hoặc, không nên trú. Tu-đà-hoàn trung gian vào Niết-bàn, không nên trú. Người hướng đến chứng quả Tư-đà-hàm, không nên trú. Người Tư-đà-hàm nhất lai vào Niết-bàn, không nên trú. Người hướng đến chứng quả A-na-hàm, không nên trú. Người Tư-đà-hàm nhất chủng, không nên trú. Người A-na-hàm ở trong kia vào Niết-bàn, không nên trú. Người

hướng đến chứng quả A-la-hán, không nên trú. Người A-la-hán đời này vào Vô-dư Niết-bàn, không nên trú. Bích-chi Phật, không nên trú. Vượt qua Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, ta sẽ trú Bồ-tát địa, không nên trú. Đạo chủng trí, không nên trú, vì có sở đắc. Biết tất cả chủng, tất cả pháp rồi dứt các phiền não và tập khí, không nên trú. Phật đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ Chuyển pháp luân, không nên trú; làm Phật sự độ vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh vào Niết-bàn, không nên trú; Bốn Như ý túc, không nên trú; trú vào Tam-muội ấy sẽ sống lâu hằng hà sa kiếp, không nên trú; ta sẽ được sống lâu vô lượng số kiếp, không nên trú; Ba mươi hai tướng, mỗi mỗi tướng có một trăm phước trang nghiêm, không nên trú; một thế giới của ta như mười phương hằng hà sa thế giới, không nên trú; ba ngàn đại thiên thế giới của ta thuần là Kim cang, không nên trú; khiến cây Bồ-đề của ta sẽ xuất ra hương thơm như vậy, không nên trú; chúng sinh ngửi được không còn dâm dục, sân nhuế, ngu si, không có tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, những người ấy chắc sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên trú; nếu chúng sinh ngửi được mùi thơm ấy, thân bệnh, tâm bệnh thảy đều tiêu trừ, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự Thí Ba-la-mật cho đến không có danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, cũng không có danh tự Tu-đà-hoàn, cho đến Phật, không có danh tự Phật, không nên trú, vì có sở đắc. Vì sao? Vì chư Phật khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hết thảy pháp không có sở đắc.

Như vậy, Kiều-thi-ca! Bồ-tát trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, không nên trú tướng, vì không có sở đắc.

Bấy giờ tâm Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Nay Bồ-tát nên làm thế nào trú trong Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề biết tâm Xá-lợi-phất nghĩ, bèn nói với Xá-lợi-phất rằng: Ý ông nghĩ sao? Chư Phật trú ở đâu?

Xá-lợi-phất đáp Tu-bồ-đề: Chư Phật không có chỗ trú, chư Phật không trú nôi sắc, không trú nôi thọ, tưởng, hành, thức, không trú nôi tánh hữu vi, không trú nơi tánh vô vi, không trú nơi Bốn niệm xứ, cho đến không trú nơi Mười tám pháp không chung, không trú nơi Trí nhất thiết chủng.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nên trú như vậy trong Bát-nhã Ba-la-mật; như chư Phật trú nôi các pháp, chẳng phải trú chẳng phải chẳng

trú.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên học như vậy: Ta sẽ trú pháp không trú.

LUẬN: Luận giả nói: Trú trong Bát-nhã Ba-la-mật là năm uẩn, tướng không năm uẩn. Tướng không Năm uẩn là vì quán theo Mười tám không.

Lại nữa, trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói nghĩa không là tướng không của năm uẩn, chỉ vì phàm phu điên đảo nên chấp thủ tướng năm uẩn, năm uẩn hòa hợp lại chấp thủ tướng Bồ-tát. Trong Bát-nhã Ba-la-mật lấy chúng sinh không, trừ chúng sinh, tức không có tướng Bồ-tát; lấy pháp không trừ năm uẩn, thì không có tướng năm uẩn. Hai không không có sai khác nên nói năm uẩn không với Bồ-tát không không hai không khác. Như lửa củi Chiên-đàn tắt với lửa phân, cỏ cây tắt, cách tắt không khác nhau. Lấy tướng lửa khi chưa tắt để nói khi tắt, nên có khác nhau, trong khi tắt thì không khác cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Không nên trú là, không nên trú trong năm uẩn.

Hỏi: Nên nói như nghĩa trú, cớ sao nói không trú?

Đáp: Nếu có thể đối với năm uẩn tâm xa lìa không trú, thì ấy là nghĩa trú. Thế nên nói vì có sở đắc, nên không nên trú; cho đến đối với Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Trước nói đối với năm uẩn không nên trú, chẳng biết không nên trú môn gì. Nay nói trong các môn thường, vô thường chẳng nên trú, cho đến xa lìa; không nên trú.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú, có thứ lớp gì?

Đáp: Bồ-tát trước tiên quán các pháp không, không có gì, tâm thối mất, muốn sớm chứng Niết-bàn, Niết-bàn tức là tướng vô vi. Thế nên nói quả Tu-đà-hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú. Nếu quả Tu-đà-hoàn, tướng vô vi thì không có pháp để có thể chấp đắm, vậy thì đắm cái gì, chấp cái gì? Còn nếu là tướng vô vi, tướng hữu vi thì hư dối không thật cũng không nên trú. Thế nên nói quả Tu-đà-hoàn tướng vô vi không nên trú, cho đến Phật tướng vô vi không nên trú cũng như vậy. Như Bồ-tát muốn hành Phật đạo, đầu tiên tu Thí Ba-la-mật, nên cầu phước điền. Vì sao? Vì do công đức phước điền mà sở nguyện được viên mãn, như gieo ruộng tốt thì thâu hoạch nhiều; như Phật nói các ruộng khác, quả báo có giới hạn, còn ruộng Thánh hiền vô lượng, quả báo cũng vô lượng. Bồ-tát nghe nói ruộng phước Tu-đà-hoàn có quả báo vô

lượng nên muốn làm Tu-đà-hoàn, thế nên nói ruộng phước Tu-đà-hoàn, không nên trú, cho đến Bích-chi Phật cũng như vậy.

Hỏi: Nhị thừa nhỏ nên vượt qua không trú, còn phước điền của Phật, tại sao không trú?

Đáp: Pháp của Bồ-tát là phải bình đẳng đối với các pháp, nếu cho Phật là lớn, chúng sinh là nhỏ, thì phá tướng bình đẳng của các pháp.

Lại nữa, vì không, nên tất cả chỗ đều không nên trú.

Lại nữa, tâm Bồ-tát bình đẳng bố thí, nếu phân biệt phước điền, thì phá tâm đại bi, cũng phá sự bố thí với ba phần thanh tịnh.

Trong Sô địa không nên trú là, nếu không bỏ Sô địa thì không được Nhị địa. Cầu ích lớn thì nên bỏ lợi nhỏ.

Lại nữa, vì tâm chấp trước thủ tướng nên không nên trú, cho đến địa thứ mười cũng như vậy.

Hỏi: Nếu pháp của Bồ-tát ma-ha-tát, từ khi mới phát tâm nên tu hành Sáu Ba-la-mật, tu hành Sáu Ba-la-mật nên vào pháp vị, vào pháp vị nên trú địa vị bất thối chuyển. Trú địa vị bất thối chuyển rồi, nên phát khởi năm thần thông cúng dường mười phương chư Phật, như sau nói rộng, nay vì cớ sao đều nói không nên trú?

Đáp: Không phá cách trú thanh tịnh, chỉ phá tâm chấp ngã tà kiến thủ tướng mà trú; ví như sửa sang ruộng, chỉ trừ bỏ cỏ rác.

Lại nữa, vì dứt pháp ái, nên không nên trú. Không muốn trái với trí tuệ rốt ráo không của chư Phật dạy, nên không nên trú. Nếu đem tâm phương tiện không trú trước, thương xót chúng sinh nên tuy trú cũng không lỗi, cho đến đối với tám mươi tướng tốt tùy hình cũng như vậy.

Người thứ tám là, hạng người hành theo lòng tin (tín hành), hạng người hành theo sự hiểu pháp thuộc kiến đế đạo (pháp hành).

Có Tu-đà-hoàn cùng tột bảy đời; có Tu-đà-hoàn ngay đời này hết phiền não chứng được A-na-hàm; có Tu-đà-hoàn gia gia trải qua ba đời sinh, ba đời sinh rồi vào Niết-bàn, có trung gian Tu-đà-hoàn, trừ sinh đời thứ ba, các người kia trung gian vào Niết-bàn.

Trú trong sáu vô ngại đạo, năm giải thốt đạo, đều là Tu-đà-hoàn hướng.

Tư-đà-hàm dứt sáu phẩm tư hoặc của cõi Dục, sinh lên trời, từ trời sinh trở lại cõi người rồi vào Niết-bàn, gọi là A-na-hàm.

Dứt phẩm tư hoặc thứ bảy của cõi Dục, gọi là hướng A-na-hàm, dứt phẩm tư hoặc thứ tám cũng gọi là hướng A-na-hàm, lại gọi là nhất chủng tử A-na-hàm, nơi đây chết sinh nơi kia vào Niết-bàn. Dứt được hết thảy kiết sử của cõi Dục gọi là A-na-hàm, nôi đây chết, sinh vào cõi

Sắc, Vô sắc mà vào Niết-bàn, không còn sinh trở lại nữa. Có A-na-hàm đời nay vào Niết-bàn; có A-na-hàm ở thân trung ấm vào Niết-bàn; có A-na-hàm ngay khi sinh vào Niết-bàn; có A-na-hàm sau khi sinh khởi tâm tu các hạnh rồi vào Niết-bàn; có A-na-hàm không cần cầu các hạnh mà vào Niết-bàn; có A-na-hàm đi lên cho đến cõi Sắc cứu cánh; có A-na-hàm sinh cõi Vô sắc mà vào Niết-bàn; có A-na-hàm được thân chứng mà vào Niết-bàn. Ấy gọi là A-na-hàm, cũng gọi là hướng A-na-hàm.

A-la-hán có chín hạng, khi hết lậu hoặc, xả báo thân gọi là vào Vô-dư Niết-bàn. Qua khỏi Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, trú Bồ-tát địa, có Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, biết hết thảy pháp, dứt hết thảy phiền não và tập khí, thành Phật, Chuyển Pháp luân, đủ Ba mươi hai tướng, khắp thế giới độ vô lượng chúng sinh, sống lâu vô lượng, đều như trong Luận nghị đã nói trước kia.

Người Thanh-văn khéo tu bốn như ý túc, được lực Tam-muội ấy, có thể duy trì sống một kiếp, hoặc dưới một kiếp. Bồ-tát khéo tu Bốn Như ý Tam-muội, hoặc muốn sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng, cũng được như ý.

Ba ngàn đại thiên thế giới thuần Kim cang là, các thế giới khác tuy dưới đáy có Kim cang, và chỗ Phật đi Phật ngồi có Kim cang, mà chỗ khác đều không có, ấy là Bồ-tát nguyện thế giới đều là Kim cang.

Mùi thơm cây Bồ-đề độ chúng sinh là, như trước Luận nghị nói.

Hỏi: Việc trong đây tuy hy hữu đều có thể tin; còn nói không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Thí Ba-la-mật, không có danh tự Phật là điều khó tin?

Đáp: Có thế giới nơi người phước đức trí tuệ sinh ra. Cây cối, hư không, cõi đất, núi sông v.v... thường phát ra âm thanh diễn về thật tướng các pháp, pháp pháp đều là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, không, vô tướng, vô tác v.v... Chúng sinh sinh ra liền nghe âm thanh ấy, tự nhiên chứng được Vô sanh pháp nhẫn. Ở trong thế giới như vậy, không cần có danh tự phân biệt các pháp, rằng ấy là năm uẩn, mười hai nhập v.v... ấy là Thí Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, ấy là Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật. Chúng sinh ở thế giới ấy đều có Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân, có ánh sáng vô lượng, một thứ đạo, một thứ quả.

Trong ấy không nên trú là, nếu Bồ-tát tự nghĩ ta có thể sinh ra thế giới như vậy, thì sinh tâm cao mạn, thế nên không nên thủ tướng mà trú.

Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên không trú, chư Phật khi đắc đạo, đối với các pháp không thấy có tướng thật nhất định, sẽ trú chỗ nào?

Nay Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Nếu hoàn toàn không chỗ trú, vậy sẽ trú chỗ nào để thành Phật đạo?

Tu-bồ-đề biết tâm Xá-lợi-phất nghĩ, nên nói với Xá-lợi-phất rằng: Các Bồ-tát đều là Phật tử, phép làm con nên như sở hành của cha. Tâm chư Phật không trú hết thảy pháp từ sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, thì Bồ-tát cũng nên học như vậy, dùng tâm không trú vào đâu cả mà hành Bát-nhã Ba-la-mật. Như chư Phật trong tâm không trú vào đâu cả cũng không trú, trong tâm chẳng phải không trú cũng không trú, vì rốt ráo thanh tịnh, nên các Bồ-tát cũng nên trú theo Phật, vì rốt ráo thanh tịnh, các Bồ-tát cũng nên học theo Phật.

KINH: Bấy giờ trong hội chúng có các Thiên tử nghĩ rằng: Các Dạ-xoa nói ra ngôn ngữ tự cú, còn có thể hiểu, mà Tu-bồ-đề nói ra ngôn ngữ luận nghĩa giải thích Bát-nhã Ba-la-mật, hoàn toàn không thể hiểu!

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Không thể hiểu không thể biết ư?

Các Thiên tử nói: Thưa Đại đức! Không thể hiểu không thể biết.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử rằng: Các ông! Pháp không thể biết, tôi không có luận thuyết, cho đến không nói một chữ, cũng không có người nghe. Vì sao? Vì các chữ chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, trong Bát-nhã Ba-la-mật không có người nghe. Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không chữ không lời. Các Thiên tử! Như Phật biến hóa làm người, người biến hóa ấy lại hóa ra bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, người biến hóa thuyết pháp ở giữa bốn bộ chúng, ý các ông nghĩ sao? Trong đó có người nói, người nghe, người biết ư?

Các Thiện tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Hết thảy pháp đều như biến hóa, trong đó không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Các thiên tử! Ví như người trong mộng thấy Phật thuyết pháp, ý các ông nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề: Các Thiên tử! Hết thảy pháp đều như mộng, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như hai người ở trong khe sâu lớn, mỗi người

ở mỗi phía, tán thán Phật Pháp Tăng, có hai tiếng vang dội ra, ý các Thiên tử nghĩ sao? Tiếng vang của hai người ấy có triển chuyển hiểu nhau chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Các Thiên tử! Hết thảy pháp cũng như vậy, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như thầy huyễn thuật khéo, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng, thuyết pháp nơi ấy, ý các Thiên tử nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu-bồ-đề nói: Các Thiên tử! Hết thảy các pháp như huyễn, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Bấy giờ tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Lời Tu-bồ-đề nói muốn làm cho dễ hiểu lại càng sâu càng diệu!

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Sắc chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; tánh sắc chẳng phải sâu chẳng phải diệu; tánh thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải sâu chẳng phải diệu. Tánh nhãn cho đến tánh ý, tánh sắc cho đến tánh pháp, tánh nhãn giới cho đến tánh ý giới; nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, tất cả các môn Tam-muội, tất cả các môn Đà-la-ni, cho đến Trí nhất thiết chủng, tánh Trí nhất thiết chủng chẳng phải sâu chẳng phải diệu.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Trong sự thuyết pháp này không nói sắc, không nói thọ, tưởng, hành, thức, không nói mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, không nói Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, không nói nội không cho đến vô pháp hữu pháp không (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Vô tánh tự tánh không – ND), không nói Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, không nói môn Đà-la-ni, môn Tam-muội, cho đến Trí nhất thiết chủng, không nói quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, không nói đạo Bích-chi Phật, không nói đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong pháp ấy không nói danh tự ngữ ngôn.

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Đúng vậy! đúng vậy! Các Thiên tử! Các pháp như vậy cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, tướng không thể nói.

Trong ấy cũng không có người nói, cũng không có người nghe, cũng không có người biết.

Vì vậy nên, các Thiên tử! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào muốn trú, muốn chứng quả Tu-đà-hoàn, người ấy cũng nhân nôi nhẫn này mới trú chứng được; muốn trú, muốn chứng Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật đạo, cũng nhân nơi nhẫn này mới trú chứng được.

Như vậy, các Thiên tử! Bồ-tát ma-ha-tát từ lúc mới phát tâm, trong khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy, vì không nói không nghe vậy.

LUẬN: Hỏi: Lời các Dạ-xoa nói tuy u uẩn bất chính, mà sự việc quê hèn thiết cận, còn lời nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, tuy dùng ngôn từ thông thường mà chỉ thú u thâm huyền viễn, việc khác lý trái, sao đem so sánh nhau?

Đáp: Chư thiên thích đem việc người đời không hiểu để ví việc mình chưa ngộ, không nhất thiết phải sự lý đều đồng nhau mới lấy làm ví dụ. Có người nói Thiên đế có chín trăm chín mươi chín cửa, mỗi cửa đều dùng sáu Dạ-xoa áo xanh canh giữ. Các Dạ-xoa ấy nói năng phù phiếm hư ngụy, tình tứ gian siễn, chư thiên khinh hèn không thèm để ý, cho nên không hiểu nó nói, mà ý so sánh kia có thể không cần ngôn biện để ghi nhận, nên nói còn có thể hiểu biết. Nay nghe nói Bát-nhã sâu xa, lời nói như tuồng hiểu được mà chỉ thú u huyền thấm thúy, tìm đến càng sâu, lạc mất càng xa, nên lấy lời nói của Dạ-xoa mà so sánh chỗ chẳng biết. Lại lời nói của Dạ-xoa tuy khó hiểu, mà mắt thấy tướng, truyền lời nó, đo lường tâm nó thì đều có thể biết được; thí như nguồn sâu nước chảy, có thuyền thì qua được.

Tu-bồ-đề nói về Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa rốt ráo không, không có định tướng, không thể chấp thủ, không thể truyền dịch mà được ngộ; không được nói có, không được nói không có, không được nói vừa có vừa không có, không được nói chẳng phải có chẳng phải không có, chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không có cũng không có, hết thảy chỗ tâm đi dứt, đường ngôn ngữ đoạn, thế nên các Thiên tử kinh ngạc, nghi ngờ, mê muội.

Tu-bồ-đề đáp: Điều các Thiên tử không hiểu, pháp tự nhiên như vậy. Pháp ấy không chỗ nói, cho đến không nói một chữ, có thể đắm có thể lấy, không chữ không lời, ấy là Phật đạo. Vì sao? Vì danh tự đều không, hư dối không thật, như trong đoạn phá danh tự đã nói. Dùng danh tự thì có ngôn ngữ, nếu không có danh tự thì không có ngôn ngữ.

Các Thiên tử nghĩ rằng: Nếu không nói, nếu không nghe, thì nay

hòa hợp tụ hội để làm gì?

Tu-bồ-đề muốn giải thích nghĩa ấy nên lấy ví dụ để làm rõ.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Muốn lấy ví dụ để giải ngộ cho chúng tôi, song ví dụ này lại càng thêm thâm diệu. Ví dụ lấy thô dụ tế, lấy việc cố định làm rõ việc bất định, nay ví dụ cũng vi diệu, không có định tướng!

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử, ở trong Bát-nhã mê mờ không thể tự ra khỏi, vì vậy nên nói Bát-nhã Ba-la-mật không khác năm uẩn, thật tướng năm uẩn tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Nay năm uẩn này chẳng phải thâm chẳng phải diệu, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng phải thâm chẳng phải diệu.

Các Thiên tử bấy giờ rất biết Tu-bồ-đề miệng tuy nói sắc mà tâm không nói, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề biết tâm các Thiên tử, nên đáp rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Chẳng phải riêng tôi như vậy, khi Phật chứng được Bồ-đề cũng không nói, trong tướng tịch diệt thật không có người nói, không có người nghe. Thế nên quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo đều nhận nôi pháp vô vi mà có được. Lìa pháp ấy được nhẫn ấy thì không có Tu-đà-hoàn, cho đến Phật đạo cũng như vậy. Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến thành Phật, giữa khoảng trung gian đó, hết thảy pháp không có nói, không có nghe. Vì các quán diệt, vì ngôn ngữ dứt nên không thể nói; không thể nói nên không thể nghe; không thể nghe nên không thể biết; không thể biết nên đối với hết thảy pháp không lãnh thọ, không chấp trước, thì vào Niết-bàn.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 55

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI TÁM: NGƯỜI NHÂN NGHE PHÁP

KINH: Bấy giờ các Thiên tử tâm nghĩ rằng: Nên dùng hạng người nào nghe Tu-bồ-đề nói?

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Như người huyễn hóa nghe pháp, tôi dùng hạng người như vậy. Vì sao? Vì hạng người ấy không nghe, không thính, không biết, không chứng.

Các Thiên tử nói với Tu-bồ-đề rằng: Chúng sinh ấy như huyễn, như hóa, người nghe pháp cũng như huyễn như hóa ư?

Đúng vậy, đúng vậy! Các Thiên tử! Chúng sinh như huyễn nên người nghe pháp cũng như huyễn; chúng sinh như hóa nên người nghe pháp cũng như hóa.

Các Thiên tử! Ta như huyễn như mộng, chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy cũng như huyễn như mộng.

Các Thiên tử! Sắc như huyễn như mộng; thọ, tưởng, hành, thức như huyễn như mộng; mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh như huyễn như mộng; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật như huyễn như mộng.

Các Thiên tử! Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung như huyễn như mộng; quả Tu-đà-hoàn như huyễn như mộng; quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật như huyễn như mộng. Các Thiên tử! Phật đạo như huyễn như mộng.

Bấy giờ các Thiên tử hỏi Tu-bồ-đề: Ông nói Phật đạo như huyễn như mộng, ông nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng ư?

Tu-bồ-đề đáp các Thiên tử: Tôi nói Phật đạo như huyễn như mộng, tôi nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng, nếu có pháp gì hơn Niết-bàn, tôi nói cũng như huyễn như mộng. Vì cớ sao? Các Thiên tử! Vì huyễn mộng và Niết-bàn không hai không khác.

LUẬN: Trên kia đã nói như huyễn như mộng, không có người

nói, không có người nghe. Nay sao còn hỏi nên dùng hạng người nào theo ý Tu-bồ-đề nghe pháp?

Đáp: Các Thiên tử trước kia nói Tu-bồ-đề thuyết pháp không thể hiểu, trong đây Tu-bồ-đề nói ví dụ người huyễn hóa. Nay các Thiên tử lại nghĩ rằng: Hạng người nào nghe, ứng hợp với lời Tu-bồ-đề nói mà tín thọ, thực hành theo thì được đạo quả?

Tu-bồ-đề đáp: Người như huyễn hóa, nghe thì ứng hợp với pháp của tôi nói.

Hỏi: Người huyễn hóa ấy không có tâm, tâm số pháp, không thể nghe lãnh thọ, cần gì phải thuyết pháp?

Đáp: Chẳng phải khiến chính người huyễn hóa nghe, chỉ muốn khiến hành giả đối với các pháp dụng tâm không vướng mắc; như người huyễn hóa, người huyễn hóa ấy không nghe cũng không chứng. Chúng sinh như huyễn như mộng, nghe pháp cũng như huyễn như mộng.

Chúng sinh là người thuyết pháp, người nghe pháp là người lãnh thọ pháp, Tu-bồ-đề nói không những người nói pháp, người nghe pháp như huyễn như mộng, mà ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy đều như huyễn như mộng. Sắc cũng như huyễn như mộng, cho đến Niết-bàn cũng như huyễn như mộng, tức là pháp được nói như huyễn như mộng.

Trong tất cả chúng sinh, Phật là đệ nhất, trong tất cả pháp, Niết-bàn là đệ nhất, khi nghe nói hai việc ấy đều như huyễn như mộng thì tâm kinh ngạc nghi ngờ. Phật và Niết-bàn tối thượng diệu làm sao như huyễn như mộng, vì vậy nên lại còn hỏi việc kia: Phật và Niết-bàn xét đúng như huyễn như mộng ư? Tu-bồ-đề sẽ không nói lầm! Chúng tôi sẽ không nghe lầm! Vì thế nên lại hỏi cho chắc.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Tôi nói Phật và Niết-bàn chính tự như huyễn như mộng, hai pháp tuy diệu, đều từ pháp hư vọng xuất ra cho nên không. Vì cớ sao? Vì từ pháp hư vọng cho nên có Niết-bàn, từ phước đức và trí tuệ cho nên có Phật, hai pháp ấy thuộc nhân duyên, không có chân thật nhất định, như đã nói trong nghĩa niệm Phật, niệm Pháp.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Như lực Bát-nhã Ba-la-mật, thì giả sử có pháp gì hơn Niết-bàn còn có thể làm cho như huyễn, huống gì Niết-bàn. Vì sao? Vì nói Niết-bàn hết thảy ưu sầu khổ não đều rốt ráo diệt, vì thế nên không có pháp gì hơn Niết-bàn.

Hỏi: Nếu không có pháp hôn Niết-bàn, cớ sao nói nếu có pháp hơn Niết-bàn cũng lại như huyễn?

Đáp: Pháp dùng ví dụ hoặc lấy việc có thật, hoặc có khi giả thiết,

theo nhân duyên mà nói. Như Phật dạy: Nếu khiến cây cối hiểu lời Ta nói, Ta cũng thọ ký cho được Tu-đà-hoàn; nhưng cây cối không có thể hiểu được, Phật vì giải ngộ cho ý người nên dẫn dụ như vậy thôi.

Niết-bàn là pháp rốt ráo vô thượng trên hết thảy pháp; như biển lớn là trên các sông muôn dòng, Tu-di là trên các núi, hư không là trên hết thảy pháp. Niết-bàn cũng như vậy, không có khổ, già, bệnh, chết, không có các tà kiến, tham, sân, các suy hoại, không có khổ yêu thích bị xa lìa, không có khổ oán thù gặp gỡ, không có khổ cầu mong không được, không có hết thảy vô thường, hư dối, bại hoại, biến di. Nói tóm lại, Niết-bàn là tất cả khổ hết, rốt ráo thường vui, nơi quy về của mười phương chư Phật và chúng đệ tử Bồ-tát, an ổn thường vui không có gì hơn, trọn không bị ma vương ma dân phá hại; như trong A-tỳ-đàm nói: Pháp hữu thượng là pháp hữu vi, hư không, và phi trạch diệt vô vi (phi trí duyên tận); pháp vô thượng là trạch diệt vô vi (trí duyên tận) tức là Niết-bàn. Thế nên không có pháp gì hơn Niết-bàn.

Tu-bồ-đề khen lực Bát-nhã Ba-la-mật to lớn, nên nói: Nếu có pháp hôn Niết-bàn, cũng như huyễn; ví như lấy hoàn sắt lớn cháy nóng bỏ trên lông tay, đốt cháy ngay, không tổn một chút sức nóng, chỉ không còn gì để đốt nữa thôi. Trí tuệ Bát-nhã Ba-la-mật phá hết thảy pháp có, cho đến Niết-bàn thẳng qua không chướng ngại mà trí lực không giảm, chỉ không còn pháp gì để có thể phá nữa thôi. Thế nên nói nếu có pháp hơn Niết-bàn, lực trí tuệ cũng phá được.

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử, Ma-ha Ca-diếp và vô số ngàn Bồ-tát hỏi Tu-bồ-đề rằng: Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch tịnh vi diệu như vậy, ai sẽ tín thọ?

Bấy giờ A-nan nói với đại đệ tử và các Bồ-tát rằng: Bồ-tát ma-ha-tát ở địa vị bất thối chuyển, có thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa khó thấy khó hiểu khó biết, tịch tịnh vi diệu ấy. Hạng người thành tựu chánh kiến, A-la-hán lậu tận đã mãn sở nguyện, cũng có thể tín thọ Bát-nhã đó.

Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân thường thấy Phật nôi chỗ Phật cúng dường gieo trồng thiện căn nhiều, thân cận thiện tri thức có lợi căn, hạng người ấy có thể tín thọ, không nói thị pháp phi pháp.

Tu-bồ-đề nói: Không lấy "không" phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt "không"; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không lấy vô tướng, vô tác phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô tướng, vô tác;

thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. không lấy vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy. Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, tất cả môn Tam-muội, tất cả môn Đà-la-ni, Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật, Nhất thiết trí, cũng không lấy không phân biệt Nhất thiết trí, không lấy Nhất thiết trí phân biệt không, không lấy không phân biệt Trí nhất thiết chủng, không lấy Trí nhất thiết chủng phân biệt không. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử: Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ai thọ thì được? Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói; nếu không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói thì người tín thọ cũng không có thể được.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Trong Bát-nhã Ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa và nhiếp thủ pháp Bồ-tát từ địa vị Sơ phát tâm cho đến địa thứ mười, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, Mười Phật lực cho đến Mười tám pháp không chung là giáo pháp hộ trì Bồ-tát. Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, thường hóa sinh, không mất thần thông, dạo qua các nước Phật, đầy đủ căn lành, tùy theo ý muốn cúng dường chư Phật, liền được như nguyện, từ chỗ chư Phật nghe thọ pháp giáo, đến khi được Trí nhất thiết chủng chưa bao giờ đoạn tuyệt, chưa có lúc nào lìa Tam-muội, sẽ được biện tài nhanh nhẹn, biện tài lanh lợi, biện tài bất tận, biện tài không thể dứt, biện tài tùy ý, biện tài đúng nghĩa, biện tài tất cả thế gian tối thượng.

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy! Như Xá-lợi-phất nói: Bát-nhã Ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa và giáo pháp hộ trì Bồ-tát, cho đến Bồ-tát ma-ha-tát được biện tài tối thượng, hết thảy thế gian, đều không thể có được.

Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy đều không thể có được; sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật đều không thể có được. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không thể có được.

Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, Mười Phật lực cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không thể có được.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề: Vì nhân duyên gì trong Bát-nhã Ba-

la-mật nói rộng ba thừa mà không thể có được? Vì nhân duyên gì trong Bát-nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ-tát? Vì nhân duyên gì Bồ-tát ma-ha-tát được biện tài nhanh nhẹn cho đến biện tài tối thượng trong hết thảy thế gian cũng không thể có được?

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất: Vì nội không nên trong Bát-nhã Ba-la-mật nói rộng ba thừa, không thể có được, vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng ba thừa, không thể có được. Vì nội không nên hộ trì Bồ-tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thảy thế gian, không thể có được. Vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên hộ trì Bồ-tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thảy thế gian, không thể có được.

LUẬN: Luận giả nói: Lúc ấy các đại đệ tử như Xá-lợi-phất v.v... nói với Tu-bồ-đề rằng: Pháp Bát-nhã Ba-la-mật ấy sâu xa khó hiểu; vì các pháp không có định tướng nên là sâu xa; vì các tư duy quán hạnh dứt nên là khó thấy; cũng không chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật nên gọi là khó hiểu khó biết; diệt ba độc và các hý luận nên gọi là tịch diệt; được diệu vị của trí tuệ nên gọi là thường được đầy đủ; không còn cầu gì nữa, hết thảy trí tuệ khác đều thô sáp chẳng vui, nên gọi là vi diệu. Các đại đệ tử nói lời ấy rằng: trí Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, trí tuệ người thế gian cạn mỏng, chỉ tham đắm quả báo phước đức mà không ưa tu. Phước đức đắm có thì tình mạnh, phá có thì tâm khiếp. Vốn đã nghe học tập luyện kinh sách tà kiến, dính chặt không bỏ, người như vậy thường ưa cái vui thế gian. Vì vậy nên nói ai hay tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy? Nếu không tín thọ thì nói làm gì?

A-nan giúp đáp: Có bốn hạng người có thể tín thọ. Thế nên lời Tu-bồ-đề nói chắc chắn có người tín thọ, chẳng phải nói suông. Bốn hạng người có thể tín thọ là: 1. Vị Bồ-tát ma-ha-tát, ở địa vị bất thối, biết hết thảy pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thủ tướng, không chấp đắm, thời có thể lãnh thọ.

2. Vị A-la-hán hết lậu hoặc, vì hết lậu hoặc, không chấp đắm, được pháp vô vi tối thượng, sở nguyện đã mãn, không còn cầu gì, thường trú không, vô tướng, vô tác Tam-muội, tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật, thì có thể tín thọ.

3. Ba hạng học nhân, thành tựu chánh kiến, tuy chưa hết lậu hoặc, vì lực của bốn đức tin Phật, Pháp, Tăng, Giới cũng có thể tín thọ.

4. Có Bồ-tát tuy chưa được địa bất thối chuyển, nhưng có phước đức lợi căn, trí tuệ thanh tịnh, thường theo thiện tri thức, người ấy cũng có thể tín thọ.

Tướng mạo của sự tín thọ là không cho rằng pháp ấy chẳng phải Phật, Bồ-tát, đại đệ tử nói. Tuy nghe Bát-nhã Ba-la-mật nói các pháp đều rốt ráo không, cũng không vì đã tín thọ pháp trước mà cho pháp rốt ráo không ấy là phi pháp.

Hỏi: Từ trước lại đây, A-nan hoàn toàn không luận nói gì, sao nay lại đáp thế cho Tu-bồ-đề?

Đáp: A-nan là vị tướng Chuyển pháp luân thứ ba, hay làm thầy đại chúng, là thị giả hầu cận Thế Tôn, tuy được Sô quả, vì lậu hoặc chưa hết, nên tuy có trí tuệ đa văn, tự cho mình chưa có thiện xảo đối với trí tuệ không, nếu nói pháp không, mà tự mình chưa chứng nhập, thì đều là nói việc người khác, cho nên không nói. Hoặc khi nói về việc có, thì có thể hỏi có thể đáp được, như trong phẩm sau A-nan hỏi Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao chỉ tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, mà không tán thán năm Ba-la-mật kia. Còn trong phẩm này hỏi ai là người có thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, đây chẳng phải là việc "không" nên A-nan liền đáp: Tu-bồ-đề thường ưa nói việc không, không ưa nói việc có.

Lại vì A-nan lúc ấy tâm ưa nói phát sinh, cho nên Phật cho phép đáp. A-nan phiền não chưa hết, nên lực trí tuệ chậm, nhưng lực tin tưởng mãnh lợi, cho nên đối với Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm có thể như pháp hỏi đáp.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật không có gì, không có pháp nhất định, làm sao bốn hạng người có thể tín thọ mà chẳng cho là phí pháp?

Đáp: Nay Tu-bồ-đề trong đây tự nói nhân duyên rằng: Chẳng lấy không phân biệt sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, vì vậy nên Bát-nhã Ba-la-mật không bị lỗi, không bị phá; nếu không bị phá thì không có tội lỗi, cho nên không cho là phi pháp. Không tức là Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng lấy trí tuệ không để phá sắc làm cho không, cũng chẳng lấy nhân duyên phá sắc nên có không, vì không tức là sắc, sắc tức là không. Vì Bát-nhã Ba-la-mật phá các hý luận, có công đức như vậy, nên không ai tín thọ. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng đều nên nói rộng.

Hỏi: Các đệ tử hỏi nghĩa ấy, cớ sao Tu-bồ-đề lại đáp với các Thiên tử?

Đáp: Các đệ tử đã được A-la-hán, chỉ hỏi điều mình nghi, việc lợi ích ít, còn các Thiên tử phát tâm vì Bồ-tát, lợi ích sâu, cho nên nói với các Thiên tử.

Lại nữa, tuy nói cho chư thiên tức là đáp lời các đệ tử. Trên kia nói

các pháp không, đây nói Bát-nhã Ba-la-mật chúng sinh rốt ráo không. Vì vậy nên trong Bát-nhã Ba-la-mật không có người nói, huống gì có người nghe và tín thọ. Nếu hiểu được các pháp không như vậy, tâm không vướng mắc, thì có thể tín thọ.

Bấy giờ Tu-bồ-đề nói Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, Xá-lợi-phất tán thán giúp thành việc ấy. Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải chỉ vì không nên có thể tín thọ, trong Bát-nhã cũng rộng nói ba thừa. Nghĩa ba thừa như trước đã nói.

Nhiếp thủ Bồ-tát là, vì Bát-nhã Ba-la-mật lợi ích các Bồ-tát, khiến được tăng trưởng.

Lại nữa, nhiếp thủ là trong Bát-nhã ấy có mười địa khiến Bồ-tát từ một địa đến một địa, cho đến địa thứ mười. Nghĩa mười địa, từ sáu Ba-la-mật cho đến nghĩa Trí nhất thiết chủng như trước đã nói.

Hóa sinh là, nói hành báo của Bát-nhã. Hành Bát-nhã Ba-la-mật đối với hết thảy pháp không ngại, nên được biện tài nhanh nhẹn. Có người tuy có thể nhanh nhẹn, mà vì độn căn nên không thể thâm nhập, do thâm nhập được nên lợi, ấy là biện tài lanh lợi. Nói thật tướng các pháp vô biên vô tận, nên gọi là ưa nói không tận. Trong Bát-nhã không có hý luận, nên không thể vấn nạn làm đoạn tuyệt; ấy gọi là biện tài không thể dứt. Dứt pháp ái nên tùy chúng sinh thích ứng mà nói pháp cho, nên gọi là biện tài tùy ứng. Nói việc đưa đến Niết-bàn lợi ích ấy gọi là biện tài về nghĩa, nói việc đệ nhất của hết thảy thế gian, tức là Đại thừa; ấy gọi là biện tài tối thượng thế gian.

Tu-bồ-đề cho lời hỏi ấy đúng, nói: Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Tu-bồ-đề thường ưa nói không, cớ sao nay nhận lời tôi nói rằng trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói rộng giáo pháp ba thừa, nên phải còn có nhân duyên?

Tu-bồ-đề đáp: Bát-nhã Ba-la-mật tuy có rộng nói pháp ba thừa, mà chẳng phải có định tướng vì đều hòa hợp với Mười tám không. Nói nhiếp thủ Bồ-tát, bảy thứ biện tài cũng như vậy, vì "trí tuệ không" vậy.

----------o0o----------

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI CHÍN: RẢI HOA

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn chơn và Trời Tứ Thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến các Trời Sắc cứu cánh nghĩ

rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề muốn tưới mưa pháp, chúng ta nên hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ-tát ma-ha-tát, Tỳ-kheo Tăng, Tu-bồ-đề và Bát-nhã Ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn chơn và chư Thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ-tát ma-ha-tát, Tỳ-kheo Tăng và Tu-bồ-đề, cũng cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới, hoa đều cùng khắp giữa hư không, hóa thành đài hoa, đoan nghiêm thù diệu. Tâm Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Hoa của các Thiên tử rải đây, trên trời chưa từng thấy loại hoa như vậy, đây là hoa biến hóa, chẳng phải hoa từ cây sinh, hoa các Thiên tử ấy rải, từ cây tâm sinh ra; chẳng phải từ cây sinh ra.

Thích-đề-hoàn chơn biết tâm Tu-bồ-đề nghĩ, nói với Tu-bồ-đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh ra cũng chẳng phải cây tâm sinh ra.

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Kiều-thi-ca! Ông nói hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh, cũng chẳng phải cây tâm sinh. Kiều-thi-ca! Hoa ấy nếu là pháp chẳng phải sinh, chẳng gọi là hoa.

Thích-đề-hoàn chơn nói với Tu-bồ-đề rằng: Đại đức, chỉ có hoa ấy chẳng sinh, hay sắc cũng chẳng sinh; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh?

Tu-bồ-đề đáp: Kiều-thi-ca! Chẳng phải chỉ hoa ấy chẳng sinh, sắc cũng chẳng sinh; nếu chẳng sinh thì chẳng gọi là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi là thức. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc, thọ do sáu xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy. Thí Ba-la-mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi là Thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi Bát-nhã Ba-la-mật. Nội không chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi Bốn niệm xứ. Mười tám pháp không chung chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi Mười tám pháp không chung, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Thích-đề-hoàn chơn và chư Thiên, nghe Tu-bồ-đề nói nghĩa Bát-nhã, tất cả pháp đều là pháp đều là thật tướng, không có chỗ phân biệt. Tuy nói không mà đối với các pháp không có phá gì, cũng không mất các hành nghiệp và quả báo. Hàng Thanh-văn ở trước Phật nói được pháp thậm thâm ấy, Thích-đề-hoàn nhơn v.v... đều hoan hỷ nghĩ rằng

Tu-bồ-đề nói pháp không ngại không chướng. Thí như mưa đúng thời, như có quốc độ, tưới tẩm hạt giống và mọi sự cần dùng nước, thường khổ vì không đủ nước, nếu đúng thời được mưa xuống khắp, thấm ướt hết thảy, thì mọi điều như nguyện. Pháp Tiểu thừa cũng như vậy. Lúc đầu mỗi mỗi tán thán bố thí, trì giới, thiền định, quán vô thường v.v... có hạn lượng, sau cuối mới nói Niết-bàn. Còn trong đây Tu-bồ-đề nói rõ từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, chỉ nói Pháp thật tướng, không phân biệt gì. Thí như mưa lớn thấm ướt khắp Diêm-phù-đề, không chỗ nào không thấm.

Lại như đất trước tuy có hạt giống lúa, không mưa thì không mọc, hành giả cũng như thế. Tuy có nhân duyên, không gặp được mưa pháp, thì người đã phát tâm lại thối, người chưa phát khựng lại, nếu gặp được mưa pháp, thì người đã phát tâm được tăng trưởng, người chưa phát sẽ phát. Vì vậy nên nói như mưa trận mưa pháp.

Lại nữa, thí như gió giữ bụi đất, sức nóng, hơi độc v.v... gặp mưa thì tiêu diệt. Mưa pháp cũng như vậy, đất bụi "ác giác quán" ba độc bất thiện, gió giữ tà kiến, ác trùng tà sư, các ác tri thức ấy gặp được mưa Bát-nhã Ba-la-mật thì trừ diệt hết. Người mong trời mưa đúng thời nên cúng dường trời. Trời nghe mưa pháp rất có lợi ích, nên muốn cúng dường pháp, nghĩ rằng: Chúng ta nên biến hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng và Tu-bồ-đề, cũng cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, vì Tu-bồ-đề khéo nói Bát-nhã ấy, kính ngài trọng ngài gọi là chân cúng dường. Bát-nhã Ba-la-mật ấy phần nhiều nói về các pháp không, lại trên nói muốn được như người biến hóa nghe pháp, theo tướng đó nên lấy hoa biến hóa cúng dường.

Lại nữa, chư thiên lúc đương hoan hỷ bèn khởi tâm cúng dường, không cần lại lấy nhiều, liền hóa làm hoa rải trên Phật, Tu-bồ-đề, các Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng và Bát-nhã Ba-la-mật.

Hoa rải trên Phật là cúng dường Phật bảo, rải trên Bồ-tát, Tu-bồ-đề và Bát-nhã Ba-la-mật là cúng dường Pháp bảo, rải trên Tỳ-kheo Tăng là cúng dường Tăng bảo. Nghĩ như vậy rồi, tùy ý biến hóa cúng dường Tam Bảo. Đại phước đức thành tựu nên sở nguyện theo tâm đều được như ý, không cầu nơi khác.

Hỏi: Đài hoa đoan nghiêm là do sức của ai?

Đáp: Đó là sức của chư Thiên, chư Thiên phước đức tự tại nên có thể làm nhỏ thành lớn. Có người nói đó là thần lực của Phật, Phật do Bát-nhã Ba-la-mật này có công đức lớn, trong lúc tạo nhân ít mà quả báo rất lớn, thành tựu Phật đạo, thế nên hiện ra sự lạ ấy, Tu-bồ-đề liền

phân biệt biết ngay chẳng phải là hoa thật.

Thích-đề-hoàn nhơn biết Tu-bồ-đề đã hiểu hoa biến hóa đó, nên nói với Tu-bồ-đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải sinh; hoa chẳng phải sinh là nói hoa ấy vô sinh, không, không có xuất sinh. Tu-bồ-đề nói Bát-nhã Ba-la-mật các pháp vô sinh không tịch ấy, nên lấy hoa vô sinh để cúng dường.

Cây tâm là, chư Thiên theo ý nghĩ liền được. Nói tóm lược là, cây trời ứng theo ý muốn nghĩ liền đến, nên nói cây tâm.

Thích-đề-hoàn nhơn nạn hỏi Tu-bồ-đề nên nói hoa ấy vô sinh, cớ sao nói hoa ấy không từ cây sinh? Tu-bồ-đề gạn lại rằng: Nếu không sinh, cớ sao gọi là hoa? Nôi pháp không sinh, không có phân biệt là hoa hay chẳng phải hoa.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn tâm phục mà hỏi: Chỉ là hoa không sinh, các pháp cũng không sinh ư?

Tu-bồ-đề đáp: Chẳng phải chỉ là hoa không sinh, mà sắc cũng không sinh. Vì cớ sao? Vì nếu một pháp không, thì hết thảy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp không, thì hết thảy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp quyết định biết rõ là không, thì đối hết thảy pháp cũng rõ ràng. Nếu năm uẩn không sinh, thì chẳng phải tướng năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Không trái giả danh – ND).

Phật biết tâm niệm của Thích-đề-hoàn chơn, nói với Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Tu-bồ-đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Đại đức Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp như thế nào?

Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Sắc chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp; thọ, tưởng, hành, thức chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề cũng không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp. Vì cớ sao? Vì thật tướng của các pháp không có hoại và chẳng hoại, nên Tu-bồ-đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại; mắt cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh các thọ cũng như vậy. Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung cũng như vậy. Quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Phật, chỉ là giả danh. Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp. Vì sao? Vì thật tướng của các pháp ấy không có hoại và chẳng hoại. Tu-bồ-đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại. Như vậy, Kiều-thi-ca, Tu-bồ-đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Như Phật nói các pháp chỉ là giả danh, Bồ-tát ma-ha-tát nên biết như vậy, các pháp chỉ là giả danh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì không thấy sắc là cái sẽ có thể học; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là cái sẽ có thể học. Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy là không học Thí Ba-la-mật. Vì sao? Vì không thấy Thí Ba-la-mật là cái sẽ có thể học; cho đến không học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì không thấy Bát-nhã Ba-la-mật là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không. Vì sao? Vì không thấy nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung. Vì sao? Vì không thấy Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học quả Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng. Vì sao? Vì không thấy quả Tu-đà-hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng là cái sẽ có thể học. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn nhơn nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát vì sao không thấy sắc, cho đến không thấy Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Sắc, sắc không, cho đến Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không. Kiều-thi-ca! Sắc không không học sắc không cho đến Trí nhất thiết chủng không không học Trí nhất thiết chủng không. Kiều-thi-ca! Nếu không học không như vậy, ấy gọi là học không vì không hai. Bồ-tát ma-ha-tát học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai. Nếu học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai là Bồ-tát ma-ha-tát có thể Thí Ba-la-mật vì không hai, cho đến có thể học Bát-nhã Ba-la-mật vì không hai; có thể học Bốn niệm xứ vì không hai, cho đến có thể học Mười tám pháp không chung vì không hai; có thể học quả Tu-đà-hoàn vì không hai, cho đến có thể học Trí nhất thiết chủng vì không hai. Bồ-tát ấy có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp, nếu có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp là Bồ-tát không vì sắc tăng mà học, không vì sắc giảm mà học, cho đến không vì Trí nhất thiết

chung tăng mà học, không vì Trí nhất thiết chủng giảm mà học. Nếu không vì sắc tăng mà học, giảm mà học, cho đến không vì Trí nhất thiết chủng tăng mà học, giảm mà học, thì Bồ-tát ấy, không vì nhiếp thọ sắc mà học, không vì hoại diệt sắc mà học, cũng không vì nhiếp thọ thọ, tưởng, hành, thức mà học, cũng không vì hoại diệt thọ, tưởng, hành, thức mà học, cho đến cũng không vì nhiếp thọ Trí nhất thiết chủng mà học, cũng không vì hoại diệt mà học.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Bồ-tát ma-ha-tát học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc mà học, không vì hoại diệt sắc mà học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ mà học, cũng không vì hoại diệt mà học.

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát ma-ha-tát nếu học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc mà học, không vì hoại diệt sắc mà học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ mà học, cũng không vì hoại diệt mà học.

Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên gì Bồ-tát ma-ha-tát không vì nhiếp thọ sắc mà học, không vì hoại diệt sắc mà học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ mà học, cũng không vì hoại diệt mà học?

Tu-bồ-đề nói: Sắc ấy không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ, vì trong ngoài không.

Xá-lợi-phất! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát không nhiếp thọ hết thảy pháp nên có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng.

Khi ấy Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề rằng: Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng ư?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng vì không nhiếp thọ tất cả pháp.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đối với tất cả pháp không nhiếp thọ, không hoại diệt mà học, thì làm sao có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng?

Tu-bồ-đề đáp: Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc nhô, chẳng thấy sắc sạch, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì sắc, tánh sắc không; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy nhơ, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm. Vì sao? Vì thức, tánh thức không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy

sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy nhô, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm. Vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, tánh Trí nhất thiết chủng không.

Xá-lợi-phất! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát vì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng bỏ, chẳng nhô, chẳng sạch, chẳng hợp, chẳng tán, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát-nhã Ba-la-mật có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng, vì không học không đến vậy.

LUẬN: Thích-đề-hoàn chơn hoan hỷ nói: Tu-bồ-đề trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ Phật khen Tu-bồ-đề rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời giải thích.

Hỏi: Cớ sao Phật khen Tu-bồ-đề?

Đáp: Chỉ dạy người mà không tự cao, còn đệ tử thì thừa thuận giáo pháp của thầy. Có người thầy nói đệ tử không tín thọ, đệ tử nói thầy không nghe; như người phàm phu khi ở giữa chúng nói pháp, tất cả lời nói đều bị phá không tin thọ. Vì Phật không có tâm tôi, ta, nên khen Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy!

Lại nữa, Phật lấy tâm đại bi, muốn khiến chúng sinh tín thọ lời Tu-bồ-đề nói nên khen trí Tu-bồ-đề rất sâu.

Năm uẩn do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tánh nhất định, chỉ có giả danh, giả danh thật tướng là năm uẩn như như, pháp tánh, thật tế. Tu-bồ-đề nói không trái lý ấy. Vì sao? Vì Thánh nhân biết danh tự là Tục đế, thật tướng là đệ nhất nghĩa đế. Có sự nói ra là tùy theo người phàm phu, còn trong đệ nhất nghĩa đế không kia đây, cũng không tranh cãi, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, Chúng sinh không, cho đến kẻ biết, kẻ thấy cũng không. Tu-đà-hoàn chỉ có giả danh, cho đến Phật cũng như vậy.

Bồ-tát muốn biết hết thảy pháp giả danh, thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp chỉ có giả danh, đều không thuận theo tướng rốt ráo không của Bát-nhã Ba-la-mật.

Học như vậy không học sắc là, trong pháp giả danh không có sắc nhất định. Nếu không có sắc thì làm sao học sắc. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng năm mắt tìm sắc, mà không thấy sắc ấy. Tướng ngã hoặc vô ngã, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao chẳng thấy sắc?

Đáp: Trong sắc, tướng sắc không, không thể có được, không thể thấy tức là tự tướng không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Lại nữa, không học sắc là, sắc ấy không, tức tự không thể học sắc không, vì các pháp duyên biết tướng khác, không duyên biết tướng mình. Thí như người cưỡi ngựa, chẳng phải ngựa cưỡi ngựa.

Hỏi: Nếu không học hết thảy pháp như vậy, làm sao học Nhất thiết trí?

Đáp: Trong đây nói nếu đối với các pháp không mà không chấp trước ấy là chân thật học sắc không. Nếu lại chấp trước không, ấy là phá các pháp mà không phá không. Nếu người phá sắc mà không chấp trước không, thì đó là sắc và không không hai không khác. Ấy là học được sắc không, vì không thể có được nên chẳng thấy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng vô biên vô số Phật pháp là khen Trí nhất thiết chủng. Trí nhất thiết chủng trên ở trong tâm Bồ-tát thì có hạn lượng, ở trong tâm Phật thì không hạn lượng. Vì vậy nên trên tuy nói học Phật pháp, nay lại nói riêng. Nếu học được như vậy, là chánh hành đạo Bồ-tát, học sắc không tăng không giảm. Tăng là nếu chỉ thấy bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) hòa hợp thành thân, thì không sinh tâm chấp trước, để đối với thân này khởi lên các tướng nam nữ, tốt xấu, dài ngắn v.v... cho nhất định là có thật sinh tâm nhiễm đắm; ấy là tăng. Nếu phá sắc khiến cho không, tâm nhiễm đắm không ấy; ấy là giảm; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Chẳng thọ chẳng diệt là, vì không, nên chẳng thọ nghiệp quả, nhân duyên nối nhau nên chẳng diệt. Trong đây Tu-bồ-đề tự nói nhân duyên: Sắc, thọ là không thể có được nên chẳng thọ, lại vì sắc trong ngoài không nên chẳng thọ; sắc trong ngoài không, vì không, nên chẳng diệt.

Hỏi: Nếu lấy Mười tám không mà làm các pháp không, sao trong đây chỉ nói nội ngoại không?

Đáp: Sắc thọ là không có, nên nói nội không, sắc không thể thọ nên nói ngoại không. Vì Nội ngoại không thì nhiếp tất cả pháp không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu Bồ-tát học được như vậy thì xuất sinh Trí nhất thiết chủng, vì Trí nhất thiết chủng là tướng không chướng ngại. Nếu Bồ-tát quán tất cả pháp như hư không, không chướng ngại, thì ấy là học Trí nhất thiết chủng, vì nhân quả giống nhau.

Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Bồ-tát nên phải diệt tất cả phiền não, nên phải lãnh thọ tất cả các pháp, nay học không thọ không diệt thì làm sao xuất sinh Trí nhất thiết chủng? Nghĩ như vậy rồi, hỏi Tu-bồ-đề, Tu-bồ-đề đáp: Phá tướng sinh của tất cả pháp nên chẳng sinh, phá tướng vô thường của tất cả pháp nên chẳng diệt. Quán các tội lỗi của tất cả pháp

nên chẳng thọ, quán các lợi ích của tất cả pháp nên chẳng bỏ. Tất cả pháp tánh thường thanh tịnh nên chẳng nhô, tất cả pháp hay sinh tâm nhiễm trước nên chẳng sạch, tất cả pháp tuy là có làm không làm, khởi diệt, ra vào, qua lại v.v... mà chẳng nhiều chẳng ít, chẳng tăng chẳng giảm. Ví như biển cả, muôn dòng chạy về mà chẳng tăng, hỏa châu nấu không giảm. Các pháp cũng như vậy, vì pháp tánh thường trú, vì tất cả pháp tự tánh không thể có được.

Học được như vậy thì xuất sinh đạt đến Trí nhất thiết chủng, không thấy tướng học, không thấy tướng xuất, không thấy tướng Bồ-tát, không thấy tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây nói lược nên chỉ nói không học không xuất.

KINH: Bấy giờ, Thích-đề-hoàn nhơn hỏi Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm Bát-nhã Ba-la-mật ở đâu?

Xá-lợi-phất đáp: Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm ở trong phẩm Tu-bồ-đề nói.

Thích-đề-hoàn nhơn hỏi Tu-bồ-đề: Đó là do thần lực của ông sai Xá-lợi-phất nói Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm ở trong phẩm Tu-bồ-đề ư?

Tu-bồ-đề đáp Thích-đề-hoàn chơn: Chẳng phải do thần lực của tôi.

Thích hoàn nhơn hỏi Tu-bồ-đề: Ấy là do thần lực của ai?

Tu-bồ-đề đáp: Là do thần lực của Phật.

Thích-đề-hoàn chơn nói: Hết thảy pháp đều không có chỗ lãnh thọ, cớ sao nói đó là do thần lực của Phật? Vì lìa tướng không có chỗ lãnh thọ (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Không chỗ nương tựa giữ gìn) Như Lai không thể có được; lìa như như, Như Lai không thể có được?

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn chơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Lìa tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; lìa như như, Như Lai cũng không thể có được. Trong tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; trong như như Như Lai không thể có được; trong sắc như như, Như Lai như như không thể có được, trong Như Lai như như, sắc như như không thể có được; trong tướng sắc pháp, tướng Như Lai pháp không thể có được; trong tướng Như Lai pháp, tướng sắc pháp không thể có được; trong tướng thọ, tưởng, hành, thức

pháp cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Trong Như Lai, sắc như như chẳng hợp chẳng tán (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Chẳng phải tương ưng, chẳng phải không

tương ưng); trong thọ, tưởng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán; Như Lai lìa sắc như như, chẳng hợp chẳng tán, lìa thọ, tưởng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Như Lai với tướng sắc pháp chẳng hợp chẳng tán, với tướng thọ, tưởng, hành, thức pháp chẳng hợp chẳng tán, Như Lai với tướng lìa sắc pháp, chẳng hợp chẳng tán, với tướng lìa thọ, tưởng, hành, thức pháp, chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Như vậy trong hết thảy pháp chẳng hợp chẳng tán, thì thần lực Phật không dùng pháp sở thọ. (vì không y trì – ND).

Như Kiều-thi-ca nói, Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát nên tìm ở chỗ nào? Kiều-thi-ca! Không nên ở trong sắc tìm Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không nên lìa sắc tìm Bát-nhã Ba-la-mật, không nên ở trong thọ, tưởng, hành, thức tìm Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không nên lìa thọ, tưởng, hành, thức tìm Bát-nhã Ba-la-mật. Vì cớ sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc, không hình, không dối, chỉ một tướng tức là vô tướng, cho đến trong Trí nhất thiết chủng không nên tìm Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không nên lìa Trí nhất thiết chủng tìm Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật với Trí nhất thiết chủng, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc, không hình, không dối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng. Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lìa sắc như, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức như, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức như.

Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức pháp, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức pháp; cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng như.

Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa pháp Trí nhất thiết chủng. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì hết thảy pháp đều không có gì, không thể có được, vì không có gì, không thể có được nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc; chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lìa sắc như; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng; chẳng phải Trí nhất

thiết chủng như, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng như; chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa pháp Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Hỏi: Phật, Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề, từ trước lại đây đã dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết minh tướng Bát-nhã Ba-la-mật, nay cớ gì Thích-đề-hoàn nhơn hỏi nên tìm Bát-nhã ở đâu?

Đáp: Đây không hỏi về thể Bát-nhã, chỉ hỏi việc ngôn thuyết danh tự Bát-nhã có thể tụng đọc. Thế nên Xá-lợi-phất nói: Nên tìm nôi phẩm của Tu-bồ-đề nói.

Tu-bồ-đề ưa nói không, vì thường khéo tu tập không. Xá-lợi-phất tuy trí tuệ đệ nhất, vì không có tâm tôi, ta, tật đố, lại dứt pháp ái nên nói hãy tìm ở nơi phẩm của Tu-bồ-đề nói.

Hỏi: Phật nơi nơi nói Bát-nhã Ba-la-mật, muốn sánh với điều Tu-bồ-đề nói gấp trăm ngàn vạn không thể dùng tốn số thí dụ sánh được, cớ sao không nói tìm trong phẩm của Phật nói?

Đáp: Ý của Thích-đề-hoàn chơn là trừ Phật ra, ai là người khéo nói? Vì vậy Phật suy cử Tu-bồ-đề.

Lại nữa, Phật thường ngày đêm sáu thời, dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh, không để cho họ vì không nghe pháp phải đọa lạc, nên tùy chỗ chúng sinh có thể hiểu, có thể được, có thể tu tập mà nói. Hoặc nói Bát-nhã Ba-la-mật vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung v.v... gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc phân biệt tướng chung tướng riêng của các pháp, hoặc nói các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có kẻ làm, kẻ thọ, kẻ biết, kẻ thấy, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Hoặc nói pháp không, hoặc nói rốt ráo không, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Vì vậy nên không bảo nên tìm trong phẩm của Phật dạy.

Lại, tâm niệm Thích-đề-hoàn nhơn, không biết thế nào chắc chắn là tướng Bát-nhã nhất định. Vì vậy Xá-lợi-phất nói Tu-bồ-đề thường thâm nhập không, lời nói ra đều hướng về không, cái không được nói ấy cũng không, cho nên nói hãy tìm trong phẩm của Tu-bồ-đề nói. Thích-đề-hoàn chơn hoan hỷ tán thán Tu-bồ-đề rằng: Thần lực đại đức rất lớn! Tu-bồ-đề khiêm nhường nói: Chẳng phải sức tôi, đó là thần lực nhiếp thọ của Phật.

Thích-đề-hoàn chơn nói: Nếu hết thảy pháp đều không có nhiếp thọ làm sao nói đó là thần lực nhiếp thọ của Phật? Nếu lìa tướng không nhiếp thọ thì Như Lai không thể có được, lìa như như thì Như lai không thể có được. Thích-đề-hoàn chơn nghĩ rằng: Hết thảy không có tướng nhiếp thọ, hết thảy pháp không, không nôi nương tựa, thì làm sao nói nhất định có

Như Lai? Nếu không có Như Lai làm sao có thần lực nhiếp thọ?

Lại, lìa tướng không nhiếp thọ thì Như Lai cũng không thể có được, nay lìa như như, Như Lai không thể có được.

Hỏi: Tướng không nhiếp thọ với như như có gì sai khác?

Đáp: Thật tướng các pháp cũng gọi là không nhiếp thọ, cũng gọi là như như. Các pháp không thể dính mắc nên gọi là không nhiếp thọ, các hý luận không thể phá hoại nên gọi là như như. Nay nôi không, Như Lai không thể có được, lìa không, cũng không thể có được.

Tu-bồ-đề nhận đúng, nói: Đúng vậy, đúng vậy! Nay Tu-bồ-đề nói rộng việc ấy, nôi tướng không nhiếp thọ, tướng như như, Như Lai không thể có được; hoặc dùng danh tự Phật, gọi là Như Lai; hoặc dùng danh tự chúng sinh gọi là Như Lai (Tathagata).

Như đời trước đến, đời sau cũng đi như vậy, ấy cũng gọi là Như Lai, cũng gọi là Như Khứ. Như trong mười bốn trí nạn nói: Sau khi chết Như Khứ (Như Lai) là có tồn tại hay không tồn tại? Hay cũng có cũng không tồn tại? Hay cũng chẳng phải có chẳng phải không tồn tại?

Phật gọi là Như Lai, là như Phật Định Quang (Nhiên đăng) hành sáu Ba-la-mật, được thành Phật đạo. Phật Thích-ca văn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Như Phật Định Quang có trí biết các pháp như như, từ trong như như mà đến, nên gọi là Như Lai. Phật Thích-ca văn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Trong hai nghĩa Như Lai trên, đây là nói về Phật Như Lai. Nhân hiểu Phật Như Lai không có gì, hết thảy chúng sinh, hết thảy pháp, đều như vậy, cũng không có gì, không có nghĩa nhiếp thọ và Như Lai. Như trước đã nói, nay sẽ lược nói lại. Tướng không nhiếp thọ, tướng Như Lai đều không, không có gì, không có tướng nhiếp thọ, không có tướng như như, vì không có định tánh nên không có Như Lai.

Có người nói: Có hai cách nói thật tướng các pháp: 1. Tướng các pháp rốt ráo không, là thật; 2. Có người nói rốt ráo không ấy có thể chỉ có thể nói, nên chẳng phải thật. Như tướng Niết-bàn chẳng thể chỉ, chẳng thể nói, ấy gọi là thật. Nơi hai việc ấy, trong rốt ráo không, Như Lai không thể có được, trong thật tướng phá rốt ráo không, Như Lai cũng không thể có được. Rốt ráo không tức là tướng không nhiếp thọ, thật tướng phá rốt ráo không tức là như như. Từ đây trở đi, nói rộng hai nghĩa. Nôi năm uẩn cho đến Trí nhất thiết chủng, Như Lai không thể có được, vì Như Lai không thể có được, làm sao sẽ có thần lực Như Lai? Như Lai không thể có được, như trên đã nói. Năm uẩn chẳng phải

Như Lai, lìa năm uẩn chẳng phải Như Lai, năm uẩn không ở trong Như Lai, Như Lai không ở trong năm uẩn, Như Lai cũng chẳng có năm uẩn; tướng năm uẩn sinh diệt vô thường, khổ, không, vô ngã, nên chẳng phải là Như Lai, nếu là Như Lai thì Như Lai cũng phải sinh diệt.

Lại nữa, năm uẩn là năm pháp, Như Lai là một, làm sao năm pháp làm một? Nếu năm tức là một, một cũng phải tức là năm? Nếu như vậy, pháp thế gian, pháp xuất thế gian đều bị rối loạn, hư hoại. Do các nhân duyên như vậy nên năm uẩn chẳng phải Như Lai. Nếu lìa năm uẩn có Như Lai, thì Như Lai phải không có thấy, không có nghe, không có biết, không có hiểu, cũng không có cảm giác khổ vui. Vì cớ sao? Vì tri giác là pháp của năm uẩn.

Hỏi: Như Lai dùng mắt, tai, trí tuệ, thấy biết được thì có lỗi gì?

Đáp: Hay thấy là mắt, chẳng phải Như Lai. Nếu Như Lai chẳng phải là tướng hay thấy, dùng mắt mới thấy được, vậy khi chưa tiếp nhận sắc, làm sao biết dùng mắt để thấy? Và như thế thì cũng có thể dùng tai thấy chứ!

Hỏi: Như Lai dùng trí tuệ phân biệt có thể biết, mắt có thể thấy, các căn khác không thể thấy, vì vậy nên dùng mắt mà không dùng các căn khác?

Đáp: Biết cũng có lỗi như mắt, vì biết là việc của năm uẩn, chẳng phải là Như Lai. Nếu dùng cái biết để biết mắt, vậy lại dùng gì để biết cái biết đó?

Hỏi: Như Lai dùng biết để biết mắt, dùng mắt để biết sắc, nếu muốn biết Như Lai thì lấy gì biết được? Nếu lấy Như Lai biết Như Lai, thì vô cùng?

Đáp: Tướng biết ở trong biết. Như Lai nếu biết tức là tướng biết. Nếu là tướng biết thì là vô thường, nếu vô thường thì không có đời sau!

Lại nữa, lìa năm uẩn có Như Lai thì Như Lai lý đáng phải là thường; như tướng hư không, không nên biến khác, chịu khổ chịu vui; cũng nên không có trói, không có mở v.v... Có các sai lầm như vậy, phá dị biệt nên năm uẩn chẳng ở trong Như Lai, Như Lai chẳng ở trong năm uẩn, cũng chẳng phải Như Lai có năm uẩn.

Hỏi: Lẽ đáng do nhân duyên năm uẩn nên có Như Lai, nếu không có năm uẩn thì không có Như Lai?

Đáp: Nếu do nhân duyên năm uẩn có Như Lai thì Như Lai không có tự tánh; nếu không có tự tánh thì đâu từ tha tánh sinh được! Trong năm uẩn tìm nơi mỗi uẩn không thể có được Như Lai, vì thế nên không

có Như Lai; chỉ do hý luận nên nói Như Lai, vì dứt hý luận nên không có Như Lai. Như Lai là pháp chẳng sinh chẳng diệt, làm sao dùng hý luận mà tìm Như Lai? Nếu dùng hý luận tìm Như Lai thì không thấy Như Lai. Nếu cho hoàn toàn không có Như Lai, thì rơi vào tà kiến. Thế nên nếu dùng hý luận có hay không có mà tìm Như Lai thì không đúng. Tướng Như Lai tức là tướng tất cả pháp, tướng tất cả pháp tức là Như Lai; tướng Như Lai tức là tướng rốt ráo không, tướng rốt ráo không tức là tướng tất cả pháp.

Hỏi: Trong đấy cớ sao chỉ nói hai việc, là nói trong năm uẩn như như không có Như Lai như như, trong Như Lai như như không có năm uẩn như như?

Đáp: Đây là nói lược. Nói hai thì cả năm việc đều thu nhiếp.

Lại nữa, hai mươi ngã kiến (Sắc là ngã, ngã là sắc, sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy – ND), tuy tất cả phàm phu đều có nhưng không thể khởi lên một lần. Nay trong hội này, mê lầm hai việc ấy, nên chỉ nói hai việc, như năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy; tướng pháp năm uẩn cho đến tướng pháp Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Năm uẩn như như tức là pháp tướng.

Hỏi: Nếu như như tức là pháp tướng, cớ sao nói lập lại?

Đáp: Hành giả khi biết đến năm uẩn như như, tâm kinh sợ rằng cớ sao pháp tướng rốt ráo không, không có gì? Vì thế nên nói pháp tướng năm uẩn tự nó như vậy, như người đụng lửa cháy tay thì không có tâm giận, vì biết tướng lửa tự nó như vậy. Nếu người chấp lửa đốt thì sẽ oán giận, vì nó chấp lửa đốt.

Trong năm uẩn như như của Như Lai, trong pháp tướng năm uẩn chẳng hợp chẳng tán (chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng) là, trừ năm uẩn như như không có Như Lai, tức là một tướng, đó là vô tướng. Vì cớ sao? Vì một pháp thì chẳng hợp chẳng tán; có hai pháp nên mới có hợp có tán; lìa pháp tướng năm uẩn cũng không có hợp có tán. Vì cớ sao? Vì lìa pháp tướng năm uẩn, Như Lai không thể có được. Pháp tướng Như Lai như như và pháp tướng năm uẩn như như, không hai không khác. Lìa năm uẩn như như, năm uẩn pháp tướng, cũng chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Biết được pháp tướng như như như vậy, chẳng hợp chẳng tán, nên có thần lực ấy.

Nên tìm ở chỗ nào là, từ trước lại đây, nhân nơi thần lực của Phật nói tướng Bát-nhã, ở đây nói thẳng làm sao tìm Bát-nhã. Luận giả nói:

Năm uẩn hư dối vô thường, trước không nay có, có rồi lại không, như huyễn như mộng, Bát-nhã Ba-la-mật là trí tuệ của chư Phật, làm sao lại tìm trong năm uẩn? Thí như tìm ngọc báu chắc chắn phải tìm trong biển lớn, núi báu, chớ không thể tìm ở chỗ khe rãnh xú uế. Lìa năm uẩn thì không sinh không diệt, không làm không khởi lên, không có pháp tướng, trong đó làm sao có thể tìm?

Lại nữa, năm uẩn và Bát-nhã Ba-la-mật chẳng một chẳng khác, chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng tức là vô tướng.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật là tâm số pháp trí tuệ (tuệ tâm sở) nên có thể là không sắc, không hình, không đối, còn sắc uẩn trong năm uẩn, làm sao nói là không sắc, không hình, không đối?

Đáp: Thánh nhân dùng tuệ nhãn quán các pháp bình đẳng đều không, một tướng tức là vô tướng, vì vậy nên sắc uẩn không hình, không đối.

Lại nữa, sắc của người phàm phu thấy chẳng phải thật, như trước đã phá.

Lại nữa, có nhân duyên, Bát-nhã Ba-la-mật thấy năm uẩn không như người phàm phu thấy, vì phá năm uẩn của người phàm phu thấy, tức là Bát-nhã Ba-la-mật, nên nói chẳng lìa. Cho đến Trí nhất chủng cũng như vậy, tướng như như, tướng pháp tướng như trước đã nói.

KINH: Thích-đề-hoàn nhơn nói với Tu-bồ-đề: Ma-ha Ba-la-mật ấy là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ tát ma-ha-tát; vô lượng Ba-la-mật, vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát. Các Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, từ nơi Bát-nhã Ba-la-mật ấy học thành, cho đến các A-la-hán, quả A-la-hán, các Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật, các Bồ-tát ma-ha-tát, đều từ nơi Bát-nhã Ba-la-mật ấy học thành. Việc thành tựu chúng sinh tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật ấy học thành.

Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Ma-ha Ba-la-mật ấy là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát ; vô lượng Ba-la-mật, vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát, từ trong ấy học thành; quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, các Bồ-tát ma-ha-tát từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy học thành, việc thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiều-thi-ca! Sắc lớn nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng lớn. Vì sao? Vì sắc ấy đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa

không thể có được. Thọ, tưởng, hành, thức lớn nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng lớn. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức, đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, trung tế không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Do nhân duyên ấy, Ma-ha Ba-la-mật ấy là Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát.

Kiều-thi-ca! Sắc vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì sắc lượng không thể có được. Kiều-thi-ca! Thí như hư không lượng không thể có được, sắc cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng; sắc vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, lượng không thể có được; thí như hư không, lượng không thể có được. Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên Trí nhất thiết chủng vô lượng, Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng. Do nhân duyên ấy, nên Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ tát ma-ha-tát vô lượng.

Kiều-thi-ca! Sắc vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát vô biên. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì sắc ấy đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức đời trước, đời sau, đời giữa đều không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên. Vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng đời trước, sau, giữa không thể có được. Kiều-thi-ca! Do nhân duyên ấy, Bát-nhã Ba-la-mật vô biên, sắc vô biên, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Tu-bồ-đề! Thế nào là duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Duyên hết thảy pháp vô biên, nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Thế nào là duyên hết thảy pháp vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Duyên pháp tánh vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Duyên như như vô biên nên Bát-nhã Ba-la-

mật vô biên.

Thích-đề-hoàn chơn hỏi: Làm sao duyên như như vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Như như vô biên, nên duyên cũng vô biên, duyên vô biên nên như như cũng vô biên. Do nhân duyên ấy, Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát vô biên.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Chúng sinh vô biên, nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Thích-đề-hoàn chơn hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào là chúng sinh vô biên, nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề đáp: Ý ông nghĩ sao? Những pháp gì gọi là chúng sinh? Thích-đề-hoàn chơn đáp: Không có pháp gọi là chúng sinh, giả danh nên gọi là chúng sinh, danh tự ấy vốn không có pháp, cũng không chỗ xu hướng, chỉ gượng làm danh tự.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Trong Bát-nhã Ba-la-mật nói chúng sinh có thật chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn đáp: không.

Kiều-thi-ca! Nếu Bát-nhã Ba-la-mật không nói thật, thì chúng sinh vô biên cũng không thể có được.

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Phật sống hằng hà sa kiếp nói chúng sinh, danh tự chúng sinh, vả lại có thể có pháp chúng sinh có sinh có diệt chăng?

Thích-đề-hoàn chơn đáp: Thưa không. Vì sao? Vì chúng sinh từ xưa lại đây thường thanh tịnh.

Do nhân duyên ấy, Kiều-thi-ca! Chúng sinh vô biên, nên biết Bát-nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

LUẬN: Hỏi: Thích-đề-hoàn chơn là người Tu-đà-hoàn làm sao hỏi được Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa?

Đáp: Như Tu-bồ-đề, là vị A-la-hán hoàn toàn mà vì lợi ích cho Bồ-tát, thương xót chúng sinh nên hỏi việc của Bồ-tát làm. Thích-đề-hoàn nhơn tuy là người Thanh-văn, là thiên chủ của các trời, có trí tuệ lanh lợi, thương xót chúng sinh nên hỏi Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, có người nói: Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có trăm ức Thích-đề-hoàn chơn. Trong kinh Trung A-hàm nói Thích-đề-hoàn nhơn là người được quả Tu-đà-hoàn, khác với Thích-đề-hoàn chơn ở đây. Thích-đề-hoàn nhơn ở đây là đại Bồ-tát, vì thương xót chúng sinh nên có ba cách tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, là Ma-ha Ba-la-mật, vô lượng Ba-la-mật, vô biên Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật. Vì từ trong Bát-

nhã Ba-la-mật ấy học thành các Thánh đạo. Tu-bồ-đề nhận lời tán thán của Thích-đề-hoàn nhơn đúng mà giải rộng lời tán thán đó, bằng cách nói năm uẩn lớn nên Bát-nhã Ba-la-mật lớn.

Năm uẩn lớn là, tìm ở ba đời (tam tế) đều không thể có được, cũng vì vô lượng vô biên nên gọi là lớn. Phá vô lượng vô biên năm uẩn ấy mà đưa chúng sinh vào Vô-dư Niết-bàn nên nói Bát-nhã Ba-la-mật lớn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng là, cũng như vậy, chỉ dùng hư không để thí dụ là khác. Có pháp tuy lớn mà không hẳn vô lượng, thế nên không được lấy hư không để ví dụ... Như núi Tu-di tuy lớn giữa các núi mà có hạn lượng, khoảng tám mươi bốn ngàn do tuần.

Vô biên là, vì năm uẩn rộng lớn vô lượng cho nên nói vô biên; cũng vì năm uẩn có biên, thì còn có thỉ, có thỉ thì có chung, tức là không nhân không duyên, bị rơi vào các sai lầm chấp đoạn diệt.

Lại nữa, năm uẩn tìm ở trong ba đời đều không thể có được, nên nói là vô biên.

Duyên vô biên là, tất cả pháp có bốn duyên là nhân duyên, sinh tất cả pháp hữu vi; thứ đệ duyên là tâm tâm số pháp quá khứ hiện tại; duyên duyên, tăng thượng duyên. Tất cả pháp là Bốn duyên ấy vì ở tất cả chỗ, tất cả thời đều có nên nói là duyên vô biên. Duyên vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, duyên vô biên là bốn duyên hư dối không thật, rốt ráo không, cho nên vô biên.

Lại nữa, duyên như như, pháp tánh, thật tế vô biên, nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên. Như như, pháp tánh, thật tế là tướng vô vi tự nhiên nên vô lượng vô biên. Năm uẩn vô biên là do sức tu quán cưỡng làm nó vô biên.

Lại nữa, chúng sinh vô biên là vì chúng sinh nhiều. Vô lượng vô số chúng sinh trong ba đời mười phương, không ai có thể đếm biết được, nên nói vô biên.

Lại nữa, trong đây nói chúng sinh không, nên nói là vô biên, chỉ cưỡng đặt tên.

Cũng không chỗ thú hướng là vì chúng sinh có định pháp có thể thú hướng; như lửa định có chỗ thú hướng, còn danh tự chúng sinh không thật có chúng sinh có thể thú hướng.

- Ý ông nghĩ sao? Trong Bát-nhã Ba-la-mật, có thể nói thật có chúng sinh chăng?

- Thưa không, bạch Đại đức!

- Nếu chúng sinh thật không có, thì làm sao có biên?

Như chư Phật là bậc đệ nhất trong tất cả người nói thật, sống trong vô lượng hằng hà sa kiếp nói danh tự chúng sinh, mà pháp chúng sinh ấy không vì nói mà có sinh có diệt, huống gì các người khác điên đảo hư dối, chỉ nói một lúc? Vì làm phát sinh tâm ta, nên sẽ có chúng sinh thật. Chúng sinh ấy không vì đưa vào Bát-nhã Ba-la-mật nên nói không có, mà chính từ xưa lại đây, thường thanh tịnh, không có, hý luận nói có nói không đều dứt. Vì vậy nên nói chúng sinh vô biên nên Bát-nhã Ba-la-mật vô biên.

Hỏi: Sao đối với vô biên lại nói rộng, còn lớn và vô lượng thì nói lược?

Đáp: Do nhân duyên chúng sinh mà nói. Kẻ phàm phu khởi các phiền não, đối với năm uẩn sinh các tà kiến khó phá, cho nên nói rộng, nếu phá chấp tướng chúng sinh, thì các tướng khác dễ phá.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 56

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI: TÁN THÁN BA LẦN

KINH: Bấy giờ các Thiên vương và chư Thiên, các Phạm vương và Phạm-thiên, Trời Y-xà-na, thần tiên cùng các thiên nữ, đồng thời tán thán ba lần: Khối thay, khối thay! Tuệ mạng Tu-bồ-đề khéo thuyết pháp Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm là đều nương thần lực của Phật ra đời tại thế gian diễn bày pháp ấy. Nếu có Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy không xa rời, thì chúng ta xem người ấy như Phật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, tuy không có pháp sở đắc có thể được là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng, nhưng có giáo pháp ba thừa là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Bấy giờ Phật bảo các Thiên tử: Đúng vậy, đúng vậy! Các thiên tử! Như lời các ông nói, trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy tuy không có pháp có thể được, nhưng có giáo pháp ba thừa là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Các Thiên tử! Nếu có Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật ấy không xa rời, nên xem người ấy như Phật, vì không có sở đắc. Vì sao? Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy có nói rộng giáo pháp ba thừa là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa. Trong Thí Ba-la-mật tìm Phật không thể có được, lìa Thí Ba-la-mật, tìm Phật cũng không thể có được; cho đến trong Bát-nhã Ba-la-mật tìm Phật không thể có được, lìa Bát-nhã Ba-la-mật tìm Phật cũng không thể có được. Trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Phật bảo các Thiên tử: Bồ-tát ma-ha-tát nếu học được tất cả pháp Thí Ba-la-mật... cho đến Trí nhất thiết chủng, thì vì việc ấy hãy nên xem Bồ-tát ma-ha-tát ấy như Phật.

Các Thiên tứ! Ta xưa vào thời Phật Nhiên Đăng, ở trong thành Hoa Nghiêm, đầu ngã tư đường.

Ta thấy Phật nghe pháp liền được không rời hạnh tu Thí Ba-la-mật, không rời hạnh tu Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-

mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật; không rời hạnh tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần; không rời hạnh tu Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, hết thảy môn Tam-muội, hết thảy môn Đà-la-ni; không rời hạnh tu Bốn điều không sợ. Mười lực Phật, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi và vô lượng Phật pháp khác cũng không có sở đắc.

Khi ấy, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta đời tương lai, qua khỏi một A-tăng-kỳ kiếp sẽ làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Bấy giờ, các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hy hữu! Bát-nhã Ba-la-mật ấy có thể làm cho các Bồ-tát ma-ha-tát được Tát-bà-nhã, đối với sắc chẳng lấy chẳng bỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng lấy chẳng bỏ, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng lấy chẳng bỏ.

LUẬN: Người vì hoan hỷ tột cùng, thì tán thán ba phen. Thế nên chư thiên khi nghe Tu-bồ-đề nói Bát-nhã Ba-la-mật, hoan hỷ nói: Khối thay, khối thay!

Thiên vương là bốn vị Thiên vương ở bốn nơi dưới hết quanh chóp núi Tu-di của trời cõi Dục, trời Ba mươi ba là Thích-đề-hoàn chơn (Đế-thích thiên) cho đến các vua Phạm-thiên, Từ cõi Phạm-thiên trở lên, không có vua.

Chư Thiên là chỉ Trời cõi Dục.

Chư Phạm là chỉ Trời cõi Sắc.

Y-xà-na là vua Trời Đại Tự Tại và quyến thuộc.

Thần tiên có hai loại, hoặc người hoặc trời.

Thiên nữ là các Thiên nữ Xá chỉ v.v... phu nhân của trời Đế-thích.

Sở đó tán thán Tu-bồ-đề nói Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm là vì biết Tu-bồ-đề tuân thừa thần lực của Phật..

Nếu tu được Bát-nhã Ba-la-mật ấy, chúng tôi sẽ xem người đó như Phật. Vì sao? Vì tôn trọng pháp. Pháp ấy là Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Pháp thậm thâm là hết thảy pháp tuy rốt ráo không, nhưng có ba thừa phân biệt. Vì sao? Vì các pháp nếu rốt ráo không, mà không tu tập công đức ba thừa, thì bị rơi vào chấp đoạn diệt. Nếu tu công đức ba thừa thì là có phân biệt sai khác, không phải là rốt ráo không. Bát-nhã Ba-la-mật này tuy rốt ráo không mà không rơi vào đoạn diệt, tuy phân biệt có ba thừa mà không sinh tâm nhiễm đắm, không chấp thủ định tướng trong hai việc ấy. Việc ấy thậm thâm vi diệu, nên chư thiên rất hoan hỷ,

tán thán "khối thay!": Phật khen lời tán thán ấy, lại nói nhân duyên thậm thâm: Từ trong Sáu Ba-la-mật cho đến trong Trí nhất thiết chủng, tìm Phật không thể có được, lìa đây tìm Phật cũng không thể có được. Các pháp nhân duyên hòa hợp nên có Phật, không có tự tánh. Nếu Bồ-tát tu hành được như vậy, nên biết Bồ-tát ấy tức là Phật. Tức là Phật là nói theo thế tục đế, như Thái tử tuy chưa lên ngôi vua, mà chắc chắn sẽ làm vua, trong đây Phật tự diễn việc mình để làm chứng. Vị Bồ-tát ấy đã được vô sinh pháp nhẫn, vào Bồ-tát vị, thấy mười phương chư Phật. Chư thiên nghe Phật giải rộng nghĩa của lời tán thán, tâm rõ hiểu càng sâu, lại càng tán thán. Vì thấy tội lỗi của hết thảy pháp nên chẳng lấy, vì thấy nó có lợi ích nên chẳng bỏ.

Lại vì hết thảy pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt, nên chẳng lấy chẳng bỏ.

KINH: Bấy giờ, Phật quán thấy bốn chúng hòa hợp, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các Bồ-tát ma-ha-tát cùng bốn Thiên vương cho đến các Trời Sắc Cứu cánh, đều ngồi trong hội. Xem khắp rồi, Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn:

Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc các thiên tử, hoặc các thiên nữ, đối với Bát-nhã Ba-la-mật này hoặc nghe thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người nói, nghĩ nhớ đúng, không rời tâm Tát-bà-nhã thì, này các Thiên tử, những người ấy, ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ thuận tiện. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy, chắc chắn hiểu rõ sắc không, "không" không thể được "không" thuận tiện. Vô tướng không thể được vô tướng thuận tiện, vô tác không thể được vô tác thuận tiện, chắc chắn hiểu rõ thọ, tưởng, hành, thức không, "không" không thể được "không" thuận tiện, cho tác không thể được vô tác thuận tiện, cho đến chắc chắn hiểu rõ Trí nhất thiết chủng không, "không" không thể được "không thuận tiện, cho đến vô tác không thể được vô tác thuận tiện. Vì sao? Vì các pháp tự tánh không thể có được. Không có việc có thể được thuận tiện, thì ai chịu não hại?

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Đối với thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hoặc người hay chẳng phải người đều không thể tìm được chỗ thuận tiện. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khéo tu từ tâm, bi, hỷ, xả tâm đối với hết thảy chúng sinh, là vì không có sở đắc.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trọn không bị hoạch tử. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu Thí ba Ba-la-mật, tâm bình đẳng cung cấp đối với hết thảy chúng sinh.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Ba ngàn đại thiên thế giới, Trời Tứ Thiên vương, Trời Ba mươi ba, Trời Dạ-ma, Trời Đâu xuất đà, Trời Hóa lạc, Trời Tha-hóa-tự-tại, Trời Phạm, Trời Quang âm, Trời Biến tịnh, Trời Quảng quả, trong các Trời ấy, có người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa nghe Bát-nhã Ba-la-mật này, chưa thọ trì, thân cận. Các Thiên tử ấy, nay nên nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, nghĩ nhớ đúng, không rời tâm Tát-bà-nhã.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật này thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, không rời tâm Tát-bà-nhã thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hoặc ở nhà trống, hoặc ở giữa đồng vắng, hoặc ở chỗ có người trọn không sợ hãi. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hiểu rõ nội không, vì không có sở đắc; hiểu rõ ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không có sở đắc.

LUẬN: Hỏi: Trong đây Phật quán xem bốn bộ chúng xong, cớ sao bảo Thích-đề-hoàn nhơn?

Đáp: Trong các Phẩm khác phần nhiều nói về thể Bát-nhã Ba-la-mật, nay muốn nói rộng về công đức Bát-nhã, nên bảo Thích-đề-hoàn nhơn; ví như trước đem báu tốt chỉ cho người, sau mới ca ngợi công năng của nó.

Lại nữa, xem khắp là muốn khiến chúng sinh trong hội, đều biết Phật đối nghĩ tới mình thì không tự khinh, không tự khinh nên chịu nhận nghe pháp, vì vậy nên xem khắp. Ví như vua đối nhìn kẻ dưới, thì kẻ dưới hân hoan tự mừng. Vì nói đến công đức nên lấy cư sĩ làm chứng. Trong hạng cư sĩ, Thích-đề-hoàn nhơn là lớn; còn nói Bát-nhã thì lấy người xuất gia làm chứng, trong hàng xuất gia-Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề là lớn.

Hỏi: Trước nói Thích là danh tự, Thích-đề-hoàn chơn là Thiên chủ, sao nay Phật không gọi Thích mà lại gọi là Kiều-thi-ca?

Đáp: Xưa trong nước Ma-già-đà có Bà-la-môn, tên Ma-già, họ Kiều-thi-ca, có phước đức trí tuệ lớn, cùng với ba mươi ba người bạn tri thức cùng tu phước đức, khi mạng chung đều sinh lên tầng trời thứ hai ở chóp núi Tu-di, Bà-la-môn Ma-già làm Thiên chủ, ba mươi hai người bạn kia làm phụ thần. Vì ba mươi ba người ấy nên gọi là trời Ba mươi ba. Vì nói theo họ xưa, nên gọi là Kiều-thi-ca, hoặc gọi là Thiên chủ, hoặc gọi là Thiên nhãn v.v... Đối với người lớn nên xưng họ của người ấy.

Trong đây nói Bát-nhã Ba-la-mật chỉ cho ngữ ngôn văn tự biên

chép thành quyển kinh, tuyên truyền chỉ bày thật tướng trí tuệ của mười phương chư Phật đã dạy. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không có các tướng có quán sát, ngôn ngữ, mà nhân ngôn ngữ quyển kinh mới nhận được Bát-nhã Ba-la-mật ấy, vì vậy nên lấy danh tự quyển kinh gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây chỉ lược nói ý Phật, nếu có thể nghe, thọ trì Bát-nhã v.v... sẽ được các công đức, sau đó sẽ nói rộng. Vì muốn độ chúng sinh được Phật đạo, nên cúng dường thọ học Bát-nhã Ba-la-mật. Người ấy ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ thuận tiện để phá.

Hỏi: Thế nào là Ma? Cớ gì não hại Bồ-tát? Làm sao được thuận tiện?

Đáp: Ma tên chúa trời Tự tại, tuy nhờ có phước đức được sinh làm trời, nhưng ôm chặt tà kiến, cho rằng: Chúng sinh ở cõi Dục là nhân dân của mình, dẫu có sống chết xoay vần, vẫn không lìa khỏi cảnh giới của ta. Nếu còn tiếp sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng trở lại thuộc vào ta. Hoặc có được năm thần thông ngoại đạo, cũng chưa ra khỏi cảnh giới của ta nên ta đều không vì đó làm lo. Còn nếu Phật, Bồ-tát ra đời, hóa độ dân ta, nhổ gốc sinh tử, được vào Vô-dư Niết-bàn vĩnh viễn không trở lại, làm cho trống rỗng cảnh giới của ta. Vì thế nên khởi tâm hận thù đố kỵ.

Lại thấy người cõi Dục đều đến quy y Phật, không đến quy mình, mất sự cúng dường, nên sinh tâm tật đố. Vì vậy, cho Phật, Bồ-tát là oan gia. Vị Bồ-tát ấy vào pháp vị, được pháp tánh sinh thân, ma tuy khởi tâm ác, cũng không thể làm bại hoại được, nếu chưa được địa vị bất thối, thì ma dùng đủ cách phá hoại. Nếu Bồ-tát nhất tâm, không tiếc thân mạng, có phương tiện cầu Phật đạo, thì mười phương chư Phật Bồ-tát, đều chung hộ trì. Do nhân duyên ấy nên được thành Phật đạo.

Nếu làm Bồ-tát mà biếng nhác, tham đắm cái vui thế tục, không chuyên tâm siêng cầu Phật đạo, thì ấy là tự dối, cũng dối mười phương chư Phật Bồ-tát. Vì sao? Vì tự nói ta vì chúng sinh mong cầu Phật đạo mà làm tạp hạnh, hoại pháp Bồ-tát. Vì tội ấy mà chư Phật, Bồ-tát không thủ hộ nên ma tìm được chỗ thuận tiện để phá. Vì cớ sao? Vì tất cả Thánh nhân đã vào Thánh vị, chỉ nhất tâm hành đạo, vui sâu Niết-bàn; còn ma vào tà vị, tham đắm tà đạo. Tà chánh trái nhau, cho nên ma ganh ghét chánh hạnh, cuồng tự cao, gọi Phật bằng tiếng "Sa-môn Cù-đàm", Phật gọi nó thật là tệ ma; vì trái ngược nhau, nên gọi là oan gia.

Như Kinh nói: Ma có bốn thứ:

1. Phiền não ma.
2. Ngũ ấm ma.

3. Tử ma.

4. Tự tại thiên tử ma.

Trong đây vì lực Bát-nhã nên bốn ma không tìm được chỗ thuận tiện. Được thật tướng các pháp, phiền não dứt, tức hoại phiền não ma, thiên ma cũng không thể tìm được chỗ thuận tiện, vào Vô-dư Niết-bàn thì hoại ngũ ấm ma và tử ma.

Sao gọi là được thuận tiện? Ma và ma dân đến khủng bố Bồ-tát, như trong Kinh nói: Ma hiện làm thân rồng, đủ hình tượng kỳ dị đáng sợ, đêm đến khủng bố người tu. Hoặc hiện năm thứ dục lạc thượng diệu, phá hoại rối loạn Bồ-tát; hoặc chuyển tâm người thế gian, khiến cúng dường lớn, hễ hành giả tham đắm cúng dường thời mất đạo đức; hoặc chuyển tâm người khiến khinh khi não hại Bồ-tát; hoặc mắng, hoặc đánh, hoặc làm bị thương, hoặc hại người tu phải gặp khổ, hoặc sinh sân nhuế, ưu sầu v.v... Như vậy, ma tùy theo ý hướng của người đối diện mà phá hoại, ấy gọi là được thuận tiện, như đã nói rộng trong phẩm Ma.

Hỏi: Ma lực rất lớn, Bồ-tát mang thân xác thịt, đạo lực còn kém làm sao nó không tìm được chỗ thuận tiện?

Đáp: Như trên nói nhờ được chư Phật Bồ-tát thủ hộ. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy khéo tu các pháp không, cũng không chấp trước không; người không chấp trước không thì làm sao tìm được chỗ thuận tiện để phá? Thí như bàn tay không bị thương, thì không bị nhiễm độc; vô tướng vô tác cũng như vậy.

Lại nữa, tất cả pháp được thật quán sát thì đều là tướng không, vô tướng, vô tác; đều là tướng không, vô tướng vô tác thì không thể có được thuận tiện, cũng không có người chịu sự thuận tiện ấy. Thế nên "không" không thể được thuận tiện đối với "không"; vô tướng không thể được thuận tiện đối với vô tướng; vô tác không thể được thuận tiện đối với vô tác, vì chỉ một tướng; như lửa không thể diệt lửa, gặp nước thời diệt, vì khác tướng.

Hỏi: Bồ-tát trú ở ba môn giải thốt là đã ở chỗ chịu sự thuận tiện; vì trái với tất cả pháp: Không trái với hữu, vô tướng trái với hữu tướng, vô tác là trái với hữu tác?

Đáp: Trong Kinh này Phật tự nói ba môn giải thốt không có tự tánh. Lại, trước đây trong phẩm luận nghị có nói đối với không, vô tướng, vô tác, không chấp trước. Vì vậy tuy trú ở ba môn giải thốt mà ma và ma dân không thể được chỗ thuận tiện để phá.

Hỏi: Các nơi khác đều nói Bồ-tát ma-ha-tát, sao ở đây nói Thiện nam tử Thiện nữ nhân?

Đáp: Trước kia nói trí tuệ thật tướng khó lãnh thọ, vì có thể lãnh thọ, thì đó là Bồ-tát ma-ha-tát. Nay nói việc cúng dường, thọ trì, đọc tụng v.v... là nói lẫn lộn, nên thu nhiếp được thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Lại nữa, trong Kinh nói người nữ có năm chướng ngại là không được làm trời Đế-thích, Phạm vương, Ma vương, Chuyển luân Thánh vương và Phật. Nghe có năm chướng ngại không được làm Phật, người nữ thối tâm, không phát tâm được; hoặc có người nói pháp, không vì người nữ nói Phật đạo, nên ở trong đây Phật nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, người nữ có thể làm Phật, nhưng khi đã chuyển được thân nữ. Năm chướng ngại này là chỉ nói việc của một thân, (chứ không phải nói việc nhiều thân nhiều đời vẫn không được làm Đế-thích v.v... đây chỉ nói việc chướng ngại do tướng thân nữ, chứ không phải nói chướng ngại do tâm tánh. Phật dạy tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vậy đều có thể làm Phật, rất bình đẳng, nhưng về mặt thể xác, người nữ khác với người nam khi còn là thân nữ thì có năm chướng ngại, khi chuyển thân nữ thành thân nam thì năm chướng ngại ấy không còn – ND). Nghĩa thiện nam tử, thiện nữ nhân, như trước đã nói rộng.

Người không tìm được chỗ thuận tiện là, người đây là hoặc giặc, hoặc quan, hoặc người thù oán, muốn não loạn Bồ-tát nên tìm dịp thuận tiện để phá.

Hỏi: Trước kia chỉ nói về lý "không" là nhân duyên ma không tìm được dịp thuận tiện; còn nay nói nhân duyên người không tìm được dịp thuận tiện lại chỉ nói về bốn tâm vô lượng?

Đáp: Có người nói: Trước nói ma hoặc ma dân là oán hại lớn, cho nên pháp đối trị cũng lớn nên nói không, còn nay người oán hại nhỏ nên pháp đối trị cũng nhỏ, chỉ nói bốn tâm vô lượng. Có người nói bốn tâm vô lượng là pháp Bồ-tát thường tu để nhóm các công đức, sau mới lấy Bát-nhã Ba-la-mật không tướng để khiến trừ tà kiến. Không chấp trước chúng sinh, cũng không chấp trước pháp, hai pháp ấy trước sau không còn.

Lại nữa, trên kia ma gây việc khủng bố rất nhiều, mà không hiện bổn hình, chỉ hiện sấm sét, gió mưa, hoặc gây đau bệnh, vì vậy nên nói các pháp không để trừ. Nay người đến dùng ác khẩu mắng nhiếc, đao gậy đánh chặt, nên dùng Bốn tâm vô lượng để trừ.

Không hoạnh tử là, không tội mà chết. Hoặc thọ mạng chưa hết mà uống lầm thuốc nên chết, hoặc không thuận cách trị thuốc nên chết, hoặc không người nuôi bệnh nên chết, hoặc đói khát lạnh nóng phải

chết yểu... gọi là hoạnh tử.

Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, thường tu hành Thí Ba-la-mật đối với hết thảy chúng sinh, theo bệnh cho thuốc, tùy bệnh cần dùng, cứu vớt kẻ cô đơn nghèo cùng, theo chỗ họ xin đều cấp cho đủ, bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hảo tâm cúng dường, cũng tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Do công đức ấy nên không bị hoạnh tử. Trong đây đã lược nói ba công đức ấy.

Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có chư Thiên phát tâm mà chưa nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì trước gọi thiện nam tử, thiện nữ nhân bảo nên nghe và thọ trì, cho đến nghĩ nhớ đúng. Nay nói nhân duyên chư thiên có đại công đức còn cúng dường, huống gì người? Tuy tất cả trời người nên nghe Bát-nhã, song người có thể phát đạo tâm Vô thượng, thì rất nên đem thâm tâm mà nghe. Vì cớ sao? Vì Bát-nhã là gốc của Phật đạo.

Hỏi: Chư thiên ấy phát tâm, cớ sao không nghe Bát-nhã?

Đáp: Có người nói: Trời ấy đời trước còn ở trong loài người đã phát tâm; nay được sinh cõi Trời bị năm dục che tâm nên không nghe.

Lại nữa, chư thiên tuy phát đạo tâm vô thượng mà năm căn lanh lợi, năm dục thù diệu nên nhiễm đắm sâu, xem đông quên tây, không thể cầu Bát-nhã. Chư thiên cõi Sắc, tuy trước kia nghe pháp phát tâm, vì đắm trước thiền định sâu nên không thể cầu Bát-nhã. Thế nên nói người chẳng nghe nên nghe và thọ trì.

Lại nữa, trước nói ma và ma thiên không thể tìm được dịp thuận tiện là nhờ nhân duyên bên trong là Tam-muội không và Bốn tâm vô lượng. Nay lại nói không tìm được dịp thuận tiện là nhờ nhân duyên ngoài, đó là Phật bảo chư thiên: Các người cúng dường, thọ trì Bát-nhã thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy cũng cúng dường và thọ trì Bát-nhã. Vì đồng sự nên nếu ma đến phá thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, các người nên thủ hộ.

Lại nữa, người thọ trì Bát-nhã, hoặc ở nhà trống, hoặc ở đồng vắng, hoặc ở chỗ nhân gian. Trong nhà trống có nhiều quỉ mị và đạo tặc, các điều ác dễ đến, nên nói đầu. Trừ chỗ có người ở và nhà trống, ngoài ra núi, chằm, rừng cây đều là đồng vắng, vì ít người qua lại nên có nhiều hổ lang, sư tử, giặc ác, quỷ mị; còn chỗ có người ở, vì bất tịnh, ma và quỷ thần ít đến. Các tai nạn ít nên nói sau.

Hành giả ở nôi ba chỗ ấy, đều không sợ hãi vì nhờ có hai nhân duyên: Một là khéo tu mười tám không, hai là oai đức của Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Bấy giờ trong ba ngàn đại thiên thế giới, các Trời Tứ Thiên vương, Trời Ba mươi ba, Trời Dạ-ma, Trời Đâu-suất-đà, Trời Hóa-lạc, Trời Tha-hóa-tự-tại cho đến các Trời Thủ-đà-bà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hay thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, nghĩ nhớ đúng, không lìa tâm Tát-bà-nhã, chúng con thường sẽ thủ hộ. Vì sao? Vì Bạch đức Thế Tôn! Vì nhờ nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát nên dứt ba đường ác, dứt sự nghèo cùng trong cõi người, dứt các tai hoạn, bệnh tật, đói khát. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên có Mười thiện đạo xuất thế gian, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên thế gian có người sinh ra trong dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, các vua và Chuyển luân Thánh vương, trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-tra. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên có Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, quả A-la-hán; Bích-chi Phật, đạo Bích-chi Phật. Nhờ nhân duyên của Bồ-tát nên có việc thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, có chư Phật xuất hiện thế gian, có Chuyển Pháp luân, biết Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy, tất cả thế gian chư thiên, và người, A-tu-la, nên thủ hộ Bồ-tát ma-ha-tát ấy.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Nhờ nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát nên ba đường ác dứt cho đến có Tam Bảo xuất hiện ở đời. Vì vậy nên chư thiên và người, A-tu-la thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bồ-tát ấy.

Kiều-thi-ca! Cúng dường, cung kính tôn trọng, tán thán Bồ-tát ấy cũng là cúng dường Ta. Vì vậy nên đối với các Bồ-tát ma-ha-tát ấy chư thiên và người, A-tu-la, thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Kiều-thi-ca! Nếu ở trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy Thanh-văn, Bích-chi Phật, thí như tre, lau, lúa, mè, rừng cây, mà có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán thì phước đức không bằng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán vị Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, không rời sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì không nhờ nhân duyên của Thanh-văn, Bích-chi Phật mà có Bồ-tát ma-ha-tát và chư Phật xuất hiện ở đời; trái lại, nhờ nhân duyên có Bồ-tát ma-ha-tát mà có Thanh-văn, Bích-chi Phật và chư Phật xuất hiện ở đời. Này

Kiều-thi-ca! Vì vậy đối với vị Bồ-tát ma-ha-tát ấy, tất cả thế gian chư thiên và người, A-tu-la thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

LUẬN: Bấy giờ chư thiên bạch Phật: Chúng con sẽ thủ hộ các Bồ-tát ấy, vì cùng với chúng con đồng sự, cũng vì cầu Phật đạo, nên có thể bỏ sự dục lạc của mình khiến cho tất cả chúng sinh được vui.

Nhân có Bồ-tát mà dứt ba đường ác là, Bồ-tát tuy chưa lìa dục mà có thể ngăn chúng sinh làm mười điều bất thiện, dứt ba đường ác và sự nghèo cùng trong cõi trời, người và các tai hoạn. Tu mười điều thiện nên mở cửa ba đường lành. Hoặc có Bồ-tát thấy tội lỗi năm dục, nên lìa dục được Bốn thiền, vì bổn nguyện nên phát khởi Bốn tâm vô lượng; muốn xa lìa nhân duyên là thân khổ, nên khởi Bốn định vô sắc; vì Phật đạo nên tu Sáu Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng. Pháp ấy tự mình tu cũng dạy người tu, lấy phước đức và đạo pháp giữa chúng sinh triển chuyển dạy nhau nên thường ở thế gian,

Nay sẽ nói quả báo của các pháp lành đó, là được sinh vào dòng lớn Sát-lợi cho đến có Tam bảo xuất hiện ở đời, như đã nói ở trước. Nay Bồ-tát ấy kiết nghiệp sinh thân, đối với nhân duyên không có thế lực mà hay nói thiện pháp ấy khiến chúng sinh tu hành, chúng ta làm sao mà không thủ hộ; thí như Thiên tử tuy nhỏ mà quần thần trăm quan đều kính phụng. Phật ấn khả lời chư thiên, mà thuật lại hoàn thành rằng:

Nếu cúng dường Bồ-tát tức cúng dường Phật là, Bát-nhã là mẹ của Phật ba đời. Nếu vì Bát-nhã nên cúng dường Bồ-tát tức là cúng dường Phật. Cúng dường Nhị thừa chẳng bằng cúng dường Bồ-tát mới phát tâm.

Hỏi: Nhị thừa đã chứng thật tế, là ruộng phước của hết thảy chúng sinh, cớ sao chẳng bằng Bồ-tát mới phát tâm?

Đáp: Vì ba việc nên Nhị thừa chẳng bằng: 1. Bồ-tát dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà tu. 2. Bồ-tát thường không rời công đức Sáu Ba-la-mật. 3. Nhân nơi Bồ-tát ấy mà dứt ba đường ác, xuất sinh ba thừa. Nương người Nhị thừa không thể dứt ba đường ác, xuất sinh ba thừa.

--------o0o------

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI MỐT: DIỆT TRỪ TRANH CHẤP

KINH: Bấy giờ Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất kỳ lạ, hy hữu! Các Bồ-tát ma-ha-tát từ Bát-nhã Ba-la-mật, nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng mà

được công đức đời nay như vậy, cũng thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, đồ cúng dường theo ý muốn liền có, theo Phật nghe pháp, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không giữa chừng quên mất; cũng được nhà thành tựu, mẹ thành tựu, sinh thành tựu, quyến thuộc thành tựu, tướng mạo thành tựu, ánh sáng thành tựu, mắt thành tựu, tai thành tựu, Tam-muội thành tựu, Đà-la-ni thành tựu. Vị Bồ-tát ấy dùng sức phương tiện biến thân như Phật, từ một nước Phật đến một nước Phật đến nôi nào không có Phật thì tán thán Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; tán thán Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc; tán thán Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung; dùng sức phương tiện thuyết pháp, lấy pháp ba thừa độ thốt chúng sinh, đó là Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Khối thay, hy hữu! Thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật là đã nhiếp hết năm Ba-la-mật và mười tám pháp không chung, cũng thu nhiếp quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật ấy là đã nhiếp hết năm Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Đối với Bát-nhã Ba-la-mật ấy thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được công đức đời nay, ông hãy nhất tâm lắng nghe!

Thích-đề-hoàn chơn thưa: Dạ, bạch đức Thế Tôn! Con xin thọ giáo!

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Nếu có người ngoại đạo, Phạm-chí, hoặc ma, hoặc ma dân, hoặc người tăng thượng mạn, muốn làm sai trái, phá hại tâm Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát, các người ấy vừa sinh tâm đó thì tức thời diệt mất, không thể toại nguyện. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Bồ-tát ấy suốt đời tu Thí Ba-la-mật, tu Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát-nhã Ba-la-mật. Vì chúng sinh tham lam lâu dài, giành giựt nên Bồ-tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nôi Thí Ba-la-mật; vì chúng sinh đêm dài phá giới lâu dài nên Bồ-tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi giới; vì chúng sinh đấu tranh lâu dài nên Bồ-tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nôi nhẫn nhục; vì chúng sinh biếng nhác lâu dài nên Bồ-tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi tinh tấn; vì chúng sinh loạn tâm lâu dài nên Bồ-tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi thiền định; vì chúng sinh

ngu si lâu dài nên Bồ-tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi Bát-nhã Ba-la-mật; vì chúng sinh bị ái kiết lâu dài phải lưu chuyển sinh tử, Bồ-tát dùng sức phương tiện, dứt ái kiết cho chúng sinh mà an lập họ nôi Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, Tam muội không, vô tướng, vô tác, an lập chúng sinh nôi quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo.

Kiều-thi-ca! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật được công đức đời nay. Công đức đời sau là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát chuyển Pháp luân, khi sở nguyện đã mãn vào Vô-dư Niết-bàn. Kiều-thi-ca! Ấy là công đức đời sau của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Bát-nhã Ba-la-mật hoặc nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng thì nơi vị ấy ở, ma hoặc ma dân, hoặc ngoại đạo, Phạm-chí, người tăng thượng mạn, muốn khinh chê vấn nạn, phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật trọn không thành được, tâm ác của người kia chuyển diệt mà công đức chuyển tăng; nhờ nghe Bát-nhã Ba-la-mật nên dần dần lấy đạo ba thừa, dứt hết các khổ. Ví như có một vị thuốc tên là Ma-kỳ, có con rắn đói đi kiếm ăn, thấy con trùng muốn bắt ăn, trùng chạy đến chỗ thuốc, vì sức hơi thuốc nên rắn không thể tiến đến được, liền bỏ đi. Vì sao? Vì sức thuốc mạnh hơn rắn độc. Kiều-thi-ca! Thuốc Ma-kỳ có sức như vậy.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Bát-nhã Ba-la-mật hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng, nếu có người muốn các sự đấu tranh nổi lên, nên đến phá hoại, vì oai lực của Bát-nhã Ba-la-mật, hễ nổi lên ở đâu liền diệt ở đó, người kia liền sinh thiện tâm, tăng trưởng công đức. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật hay diệt các sự đấu tranh rối loạn. Đó là những pháp gì? Đó là dâm, nộ, si, vô minh cho đến đại khổ tụ và các cái, kiết, sử, triền, chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sinh, chấp đoạn, chấp thường, chấp nhô, chấp sạch, chấp có, chấp không; tất cả các chấp như vậy và xan tham, phạm giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, vô trí, tưởng thường, tưởng vui, tưởng tịnh, tưởng ngã, các ái hành như vậy. Hoặc chấp sắc, chấp thọ, tưởng, hành, thức, chấp Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, chấp nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, chấp Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, chấp Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, chấp Niết-bàn, tất cả pháp đấu tranh rối loạn ấy đều tiêu diệt

hết, không để cho tăng trưởng.

LUẬN: Nghe là theo ở bên Phật hoặc Bồ-tát, hoặc người thuyết pháp khác mà nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật, là pháp tạng của mười phương ba đời chư Phật. Nghe rồi dùng sức tin nên lãnh thọ, dùng sức ghi nhớ nên duy trì, được khí vị nên thường đến vâng thờ, hỏi han lãnh thọ nên thân cận; thân cận rồi hoặc xem văn tự, hoặc miệng thọ đọc; vì thường nhớ không quên nên tụng; tuyên truyền cho người chưa nghe nên gọi là vì người khác nói; kinh sách Thánh nhân nói thẳng khó hiểu nên giải nghĩa; quán các Phật pháp không thể nghĩ bàn, vì có tâm đại bi đối với chúng sinh nên thuyết pháp; không lấy tà kiến hý luận cầu Phật pháp, mà như ý chỉ của Phật là không chấp trước nên nói pháp cũng không chấp trước, trừ bốn điên đảo các tà ức niệm nên trú trong Bốn niệm xứ chánh ức niệm. Chỉ vì được đạo, không vì hý luận nên gọi là chánh ức niệm; chánh ức niệm là cội gốc của tất cả thiện pháp, hành giả khi mới vào tu tập nên gọi là chánh ức niệm; thường tu được thiền định, nên gọi là tu.

Công đức đời nay là như trước đã nói. Nay Thích-đề-hoàn chơn lại hỏi công đức đời nay, đó là giáo hóa chúng sinh cho đến khiến chúng sinh được ba thừa. Trước nói Bát-nhã thu nhiếp ba thừa, nay giải thích nghĩa ấy. Thế nên nói trong Bát-nhã Ba-la-mật thu nhiếp năm Ba-la-mật kia cho đến Trí nhất thiết chủng.

Phật ấn khả lời kia nói là muốn khiến người tin.

Được công đức đời nay, ông hãy nhất tâm lắng nghe là trên kia lược nói công đức đời nay, nay Phật muốn nói rộng việc ấy, là việc khó tin trì, nên nhất tâm lắng nghe.

Lại nữa, nhân nhỏ quả lớn, khó tin nên nói hãy nhất tâm lắng nghe. Đế-thích tuy tín thọ song người không biết, nên nói: Thưa vâng Bạch Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, tuy không thể phá hoại, nhưng ngôn ngữ để tuyên bày thật tướng thì có thể phá; vì ngôn ngữ phá người nên tín tâm chưa ổn định cũng có thể phá, vì thế nên nói hoặc ngoại đạo Phạm-chí đi đến muốn phá Bát-nhã Ba-la-mật.

Phạm-chí, là tất cả các ngoại đạo xuất gia, nếu người vâng dùng pháp của họ cũng gọi là Phạm-chí. Phạm-chí yêu đắm pháp của họ, nghe nói pháp thật tướng không, không tin nên muốn phá. Ma hoặc ma dân, như trước đã nói.

Người tăng thượng mạn đây là đệ tử Phật được thiền định, chưa được thánh quả mà tự cho đã được. Người ấy nghe nói không có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, không có đạo, không có Niết-bàn liền khởi

tăng thượng mạn, sinh tâm phẩn nộ muốn phá pháp thật tướng không ấy. Do thần lực Bát-nhã Ba-la-mật ấy khiến ác tâm kia liền tiêu diệt, trọn không thành nguyện. Như người lấy tay ngăn cái mâu nhọn, chỉ bị thương tay mà cái mâu không bị gì. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với pháp trong ngoài không chấp trước. Chúng sinh từ vô thỉ lại thường chấp trước pháp trong ngoài nên khởi lên đấu tranh. Bồ-tát bỏ chỗ chấp trước trong ngoài, tự mình an trú trong sáu Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh khiến bỏ pháp đấu tranh trong ngoài mà an lập chúng sinh nơi sáu Ba-la-mật. Do lực tu tập phước đức vô lượng đời nên gốc đấu tranh sạch hết, tuy có sự đấu tranh đưa đến song cũng chẳng thể được dễ dàng. Ví như con rắn độc muốn ăn con ễnh ương nên thường rượt theo, khi đến chỗ có cây thuốc Ma-kỳ, rắn nghe hơi thuốc độc liền tiêu diệt. Người ác muốn hại pháp ấy cũng như vậy, muốn phá hoại người tu Bát-nhã Ba-la-mật nên thường theo dõi. Vì oai lực của Bát-nhã Ba-la-mật nên chất độc sân nhuế, tà kiến liền tiêu diệt, có người được hàng phục mà đắc đạo, có người làm đệ tử, có người trở lại bỏ đi. Bát-nhã Ba-la-mật ấy hay phá kiết sử vô minh, dứt tà kiến chấp đoạn chấp thường, diệt được cả tâm chấp trước năm uẩn cho đến Niết-bàn, huống gì việc sân nhuế, tật đố mà không diệt được.

Hỏi: Trước đã nói ma và dân ma, ba loại người muốn phá hoại Bát-nhã, sao nay còn nói lại?

Đáp: Phật trước kia nói ba loại người đến tìm dịp thuận tiện khủng bố, muốn làm cho sầu não. Loại giữa chừng đi đến không vì não hại người mà chỉ muốn phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật. Vì không theo ý nguyện nó nên không thể phá được. Ba loại người đến sau tuy muốn sinh tâm phá hoại, nhưng vừa sinh tâm liền diệt.

KINH: Lại nữa, Kiều-thi-ca! Trong ba ngàn đại thiên thế giới, các trời Tứ thiên vương, Thích-đề-hoàn nhơn, vua Phạm-thiên cho đến trời A-ca-nị-tra thường thủ hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, là người hay thọ trì, cúng dường, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật. Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng cùng ủng hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, là người hay nghe, thọ trì, cúng dường, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy pháp bất thiện diệt, pháp thiện chuyển tăng, đó là Thí Ba-la-mật chuyển tăng, vì không có sở đắc, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật chuyển tăng, vì không có sở đắc. Nội không chuyển tăng cho đến vô pháp hữu pháp không chuyển tăng, vì không có sở đắc. Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung chuyển tăng, vì không có sở đắc.

Các Tam-muội, các môn Đà-la-ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chuyển tăng, vì không có sở đắc.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói ra mọi người đều tín thọ làm bạn thân kiên cố, không nói chuyện vô ích, không bị sân nhuế che lấp, không bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che lấp. Người ấy tự mình không sát sinh, dạy người không sát sinh, tán thán việc không sát sinh, cũng hoan hỷ tán thán người không sát sinh.

Tự mình xa lìa việc không cho mà lấy, cũng dạy người xa lìa việc không cho mà lấy, tán thán xa lìa việc không cho mà lấy, cũng hoan hỷ tán thán người xa lìa việc không cho mà lấy.

Tự mình không tà dâm, dạy người không tà dâm, tán thán việc không tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người không tà dâm.

Tự mình không nói dối, dạy người không nói dối, tán thán việc không nói dối, cũng hoan hỷ tán thán người không nói dối; nói hai lưỡi, nói hung dữ, nói không lợi ích cũng như vậy.

Tự mình không tham, dạy người không tham, tán thán việc không tham, cũng hoan hỷ tán thán người không tham; không sân não, không tà kiến cũng như vậy.

Tự mình tu Thí Ba-la-mật, dạy người tu Thí Ba-la-mật, tán thán việc tu Thí Ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Thí Ba-la-mật.

Tự mình tu Giới Ba-la-mật, dạy người tu Giới Ba-la-mật, tán thán việc tu Giới Ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Giới Ba-la-mật.

Tự mình tu Nhẫn Ba-la-mật, dạy người tu Nhẫn Ba-la-mật, tán thán việc tu Nhẫn Ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Nhẫn Ba-la-mật.

Tự mình tu Tấn Ba-la-mật, dạy người tu Tấn Ba-la-mật, tán thán việc tu Tấn Ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Tấn Ba-la-mật.

Tự mình tu Thiền Ba-la-mật, dạy người tu Thiền Ba-la-mật, tán thán việc tu Thiền Ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Thiền Ba-la-mật.

Tự mình tu Bát-nhã Ba-la-mật, dạy người tu Bát-nhã Ba-la-mật,
tám thán việc tu Bát-nhã Ba-la-mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tự mình tu nội không, dạy người tu nội không, tán thán nội không, cũng hoan hỷ tán thán người tu nội không, cho đến tự mình tu vô pháp hữu pháp không, dạy người tu vô pháp hữu pháp không, tán thán vô pháp hữu pháp không, cũng hoan hỷ tán thán người tu vô pháp hữu pháp

không.

Tự mình vào trong tất cả Tam-muội, dạy người vào trong tất cả Tam-muội, tán thán việc vào trong tất cả Tam-muội, cũng hoan hỷ tán thán người vào trong tất cả Tam-muội.

Tự mình được Đà-la-ni, dạy người được Đà-la-ni, tán thán việc được Đà-la-ni, cũng hoan hỷ tán thán người được Đà-la-ni; tự mình vào Sơ thiền, dạy người vào Sô thiền, tán thán việc vào Sô thiền, cũng hoan hỷ tán thán người vào Sô thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng như vậy.

Tự mình vào trong tâm Từ, dạy người vào trong tâm Từ, tán thán việc vào trong tâm Từ, cũng hoan hỷ tán thán người vào trong tâm Từ; tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy.

Tự mình vào Không vô biên xứ, dạy người vào Không vô biên xứ, tán thán việc vào Không vô biên xứ, cũng hoan hỷ tán thán người vào Không vô biên xứ; Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng như vậy.

Tự mình tu Bốn niệm xứ, dạy người tu Bốn niệm xứ, tán thán việc tu Bốn niệm xứ, cũng hoan hỷ tán thán việc tu Bốn niệm xứ; Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám Thánh đạo phần cũng như vậy.

Tự mình tu Tam-muội không, vô tướng, vô tác, dạy người tu Tam-muội không, vô tướng, vô tác, tán thán pháp Tam-muội không, vô tướng, vô tác, cũng hoan hỷ tán thán người tu, Tam-muội vô tướng, vô tác.

Tự mình vào Tám giải thốt, dạy người vào Tám giải thốt, tán thán pháp vào Tám giải thốt, cũng hoan hỷ tán thán người vào Tám giải thốt.

Tự mình vào định Chín thứ lớp, dạy người vào định Chín thứ lớp, tán thán pháp vào định Chín thứ lớp, cũng hoan hỷ tán thán người vào định Chín thứ lớp; tự mình tu Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Đại từ Đại bi, Mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tự mình tu pháp không sai lầm, tự mình tu pháp thường xả, dạy người tu pháp không sai lầm, pháp thường xả, tán thán việc tu pháp không sai lầm, pháp thường xả, cũng hoan hỷ tán thán người tu pháp không sai lầm, pháp thường xả.

Tự mình được Trí nhất thiết chủng, dạy người được Trí nhất thiết chủng, tán thán Trí nhất thiết chủng, cũng hoan hỷ tán thán người được Trí nhất thiết chủng.

Vị Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu Sáu Ba-la-mật có công đức bố thí đều

đem cho chúng sinh để cùng với mình hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không có sở đắc; có công đức Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ đều đem cho chúng sinh để cùng với mình hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng vì không có sở đắc.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi tu Sáu Ba-la-mật như vậy, nghĩ rằng: Ta nếu không bố thí, sẽ sinh vào nhà nghèo cùng, không thể thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, cũng không thể được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu không trì giới, sẽ sinh trong ba đường ác, còn không được thân người, huống gì thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu không tu nhẫn nhục, thì sẽ bị các căn bại hoại, sắc thân không đầy đủ, không được sắc thân Bồ-tát đầy đủ để chúng sinh trông thấy chắc chắn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể được đem sắc thân đầy đủ thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu giải đãi, không thể được đạo Bồ-tát, cũng không thể thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu loạn tâm, thì không thể sinh các thiền định, không thể dùng thiền định ấy thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu vô trí, thì không thể được trí phương tiện, dùng trí phương tiện vượt qua Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Vị Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta không nên thuận theo xan tham để không đầy đủ Thí Ba-la-mật, không nên thuận theo phạm giới để không đầy đủ Giới Ba-la-mật, không nên thuận theo sân nhuế để không đầy đủ Nhẫn nhục Ba-la-mật, không nên thuận theo giải đãi để không đầy đủ Tấn Ba-la-mật, không nên thuận theo loạn ý để không đầy đủ Thiền Ba-la-mật, không nên thuận theo tâm si để không đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu không đầy đủ Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, thì ta trọn không thể bước đến Trí nhất thiết chủng.

Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không xa lìa tâm Tát-bà-nhã nên được công đức đời nay và đời sau ấy.

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát

ma-ha-tát ấy tu Bát nhã Ba-la-mật, vì để hồi hướng Tát-bà-nhã (Trí nhất thiết chủng) cũng vì không sinh tâm cao mạn.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật vì để hồi hướng đến tâm Tát-bà-nhã, cũng vì không sinh tâm cao mạn?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát nếu tu Thí Ba-la-mật thế gian, bố thí chư Phật, Bích-chi Phật, Thanh-văn và các người bần cùng, người ăn xin, người đi đường, vị Bồ-tát ấy vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn; nếu tu Giới Ba-la-mật thế gian, nói rằng ta tu Giới Ba-la-mật, ta có thể đầy đủ Giới Ba-la-mật, vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện, nên sinh tâm cao mạn; nói rằng ta tu Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, ta hành Bát-nhã Ba-la-mật, ta tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì Bát-nhã Ba-la-mật thế gian ấy không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát khi tu Bốn niệm xứ thế gian, tự nghĩ rằng: Ta tu Bốn niệm xứ, ta đầy đủ Bốn niệm xứ. Vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn. Ta tu Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám Thánh đạo phần; tự nghĩ rằng: Ta tu không, vô tướng, vô tác Tam-muội, ta tu tất cả môn Tam-muội, ta sẽ được tất cả môn Đà-la-ni; ta tu Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Mười tám pháp không chung ; ta sẽ thành tựu chúng sinh, ta sẽ tịnh cõi nước Phật, ta sẽ được trí Nhất thiết chủng. Vì chấp trước tôi, ta, không lấy Trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu pháp lành thế gian chấp trước tôi, ta như vậy nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật xuất thế gian, không chấp có người thí, người nhận, vật bố thí. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát ấy tu Thí Ba-la-mật xuất thế gian, vì để hồi hướng đến Tát-bà-nhã nên cũng không sinh tâm cao mạn. Tu Giới Ba-la-mật, giới không thể có được; tu Nhẫn Ba-la-mật, nhẫn không thể có được; tu Tấn Ba-la-mật, tấn không thể có được; tu Thiền Ba-la-mật, Thiền không thể có được; tu Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã không thể có được; tu Bốn niệm xứ, Bốn niệm xứ không thể có được, cho đến tu Mười tám pháp không chung, Mười tám pháp không chung không thể có được; tu Đại từ Đại bi, Đại từ Đại bi không thể có được, cho đến tu Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không thể có được.

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật vì để hồi hướng đến Tát-bà-nhã, cũng vì không sinh tâm cao mạn.

LUẬN: Nói ra người đều tín thọ là, Bồ-tát ấy thường làm cho pháp bất thiện dứt, pháp thiện tăng, đó là Thí Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng. Người ấy tu tập phước đức, trí tuệ nên có đại oai đức, giả sử có nói dối mà người còn đều tín thọ, huống gì nói thật!

Bạn thân kiên cố là, người ấy đối với chúng sinh có tâm Từ-bi sâu xa, huống gì bạn thân đối với ta có ích! Bồ-tát ấy ưa dạy Phật đạo, biết thân miệng vô thường nên không nói lời vô ích. Vì thiện pháp tăng trưởng nên các phiền não sân nhuế không thể che tâm. Hành giả nghĩ rằng: Kiết sử tuy khởi lên song nhờ có trí tuệ tư duy nên không để cho nó che tâm; kiết sử nếu khởi lên thì đời nay chẳng lành, đời sau chẳng lành, trở ngại Phật đạo. Giả sử tâm khởi kiết sử thì cũng không khởi khẩu nghiệp; giả sử khởi khẩu nghiệp thì cũng không khởi thân nghiệp; giả sử khởi thân nghiệp thì cũng không đi đến đại ác như người phàm phu.

Lại, Bồ-tát ấy tuy ti tiện quê hèn, song nhờ tu thắng pháp nên được ở trong hạng người thắng hơn. Ấy là công đức đời nay. Người ấy rất ưa thiện pháp, có thể cầu Bốn chánh hành đối với thiện pháp, hàng Nhị thừa không thể đầy đủ Bốn chánh hành, vì không ưa sâu thiện pháp. Bốn chánh hành là tự mình không sát sinh, từ-bi đối với tất cả; vì rất được lợi ích cũng không dạy người sát sinh; từ-bi là pháp của các bậc Thánh hiền, nên thường tán thán. Bồ-tát ấy thường muốn khiến mọi người được vui nên thấy người không sát sinh thì vui mừng ưa thích, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Bốn chánh hành trên đã nói rộng. Nay lược nói công đức tổng nhiếp trong sáu Ba-la-mật, được quả báo cho chúng sinh cùng hưởng.

Bồ-tát chưa vào chánh vị nên các phiền não chưa hết, hoặc có khi khởi các phiền não, xan tham v.v... Khi ấy Bồ-tát nên suy nghĩ, can dán dụ dẫn tâm mình rằng: Nếu không bố thí thì ta mất bốn việc công đức, đó là thân sau sinh vào chỗ bần cùng, bần cùng nên tự mình không được lợi ích nên làm sao lợi người! Nếu không lợi người thì không thể thành tựu chúng sinh; không thể thành tựu chúng sinh nên cũng không thể tịnh cõi nước Phật. Vì sao? Vì chúng sinh có thanh tịnh thì thế giới mới thanh tịnh. Nếu không đầy đủ các việc như vậy, thì làm sao được Trí nhất thiết chủng?

Nói tóm lại, không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện thì tuy tu Sáu Ba-la-mật, bên trong cũng không thể lìa ngã tâm. Bên ngoài chấp

thủ các tướng, rằng ta là người cho, kia là người nhận, đây là vật cho. Do nhân duyên ấy nên không thể đi đến Phật đạo; trái với đây, ấy là có phương tiện.

Hỏi: Ba-la-mật thế gian, chẳng phải là chánh đạo, sao Phật đem nói trong Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Đây là cửa ban đầu của hành giả, tương tợ với chánh đạo, nên trước tu pháp tương tợ sau mới được chánh đạo.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 57

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI HAI: SO SÁNH THÁP BÁU

KINH: Bấy giờ Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tâm không rời Tát-bà-nhã, gặp khi hai trận giao chiến, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tụng Bát-nhã Ba-la-mật, đi vào giữa trận trọn không mất mạng, đao tên chẳng làm thương tổn. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, suốt đời tu Sáu Ba-la-mật, tự mình trừ đao tên dâm dục, cũng trừ đao tên dâm dục của người khác; tự mình trừ đao tên sân nhuế, cũng trừ đao tên sân nhuế của người khác; tự mình trừ đao tên ngu si, cũng trừ đao tên ngu si của người khác; tự mình trừ đao tên tà kiến, cũng trừ đao tên tà kiến của người khác; tự mình trừ đao tên triền cấu, cũng trừ đao tên triền cấu của người khác; tự mình trừ đao tên kiết sử, cũng trừ đao tên kiết sử của người khác.

Kiều-thi-ca! Do nhân duyên ấy nên thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không bị đao tên làm thương tổn.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nghe Bát-nhã Ba-la-mật mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tâm không rời Tát-bà-nhã, thì hoặc lấy thuốc độc xông, hoặc dùng kế độc, hoặc dùng hầm lửa, hoặc dùng nước sâu, hoặc muốn dùng dao giết, hoặc bỏ thuốc độc, các việc ác như vậy đều không thể làm tổn thương. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy là thần chú đại minh, thần chú vô thượng. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy học thần chú đại minh thì tự mình không não thân, cũng không não người, cũng không não cả hai. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không chấp có ngã, không chấp có chúng sinh, không chấp có thọ mạng cho đến kẻ biết, kẻ thấy đều không thể có được; không thể có được sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không thể có được. Vì không thể có được nên không tự não mình, cũng không não người, cũng không não cả hai. Học thần chú đại minh ấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quán tâm chúng sinh, tùy ý thuyết pháp. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ học

thần chú đại minh ấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật tương lai học thần chú đại minh ấy, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật hiện tại học thần chú đại minh ấy, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Đối với Bát-nhã Ba-la-mật, nếu có người chỉ viết chép quyển kinh để tại nhà cúng dường, không thọ, không đọc, không tụng, không nói, không nhớ nghĩ đúng thì ở chỗ ấy hoặc người, hoặc phi nhân cũng không thể tìm được chỗ thuận tiện để phá. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy được Trời Tứ thiên vương cho đến Trời A-ca-nị-tra trong ba ngàn đại thiên thế giới và Trời Tứ thiên vương cho đến Trời A-ca-nị-tra trong mười phương vô lượng vô số thế giới thủ hộ. Nơi chỗ có Bát-nhã Ba-la-mật chư Thiên đều đến cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, lễ bái rồi đi. Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy chỉ viết chép Bát-nhã Ba-la-mật để tại nhà cúng dường, không thọ, không đọc, không tụng, không nói, không nhớ nghĩ đúng mà đời nay được công đức như vậy; thí như hoặc người, hoặc súc sinh đi đến dưới cội Bồ-đề, các bên trong ngoài, giả sử người hoặc kẻ phi nhân đi đến, cũng không thể tìm được thuận tiện để phá. Vì sao? Vì chỗ ấy, chư Phật quá khứ từng ở nơi đó chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai, chư Phật hiện tại cũng ở nôi đó chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thành Phật rồi, thí cho tất cả chúng sinh sự không sợ không hãi, làm cho vô lượng vô số chúng sinh thọ hưởng phước lạc cõi trời cõi người, cũng làm cho vô lượng vô số chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do năng lực Bát-nhã Ba-la-mật nên ở chỗ ấy được cung kính, lễ bái, hương hoa, anh lạc, hương bột, hương nước, cờ lọng, kỹ nhạc cúng dường.

LUẬN: Hỏi: Hiện có người thọ trì, đọc tụng mà vào quân trận bị đao binh làm tổn thương cho đến mất mạng; vả lại Phật nói nhân duyên của nghiệp, chẳng phải bay giữa không, lặng dưới biển, không chỗ nào tránh khỏi được, sao trong đây Phật lại nói người đọc tụng Bát-nhã vào quân trận đao binh không làm thương tổn, cũng không mất mạng?

Đáp: Có hai thứ nghiệp nhân duyên:

1. Quyết chắc phải thọ báo.

2. Không quyết chắc phải thọ báo. Quyết chắc phải thọ báo theo trong kinh Pháp Cú nói kệ như vậy; còn trong đây nói là không quyết chắc phải thọ báo, nên nói đọc tụng Bát-nhã, đao binh không làm hại.

Thí như người mắc trọng tội đại nghịch phải chết, tuy có sức mạnh, tài bảo, cũng không thể cứu khỏi; có người tội tuy vào sổ chết, nhưng lý còn cứu được, dùng thế lực, tài vật, liến được cứu mạng, không cứu thì chết. Thiện nam tử cũng như vậy, nếu không có tội chắc phải thọ báo, tuy có việc chết đến, chí tâm tụng đọc Bát-nhã Ba-la-mật thì được thốt khỏi; nếu không tụng thì không khỏi chết. Thế nên không được nói Bát-nhã Ba-la-mật không có thế lực.

Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu xa lìa ác pháp, điều phục tâm mình, phiền não giảm dứt, nhất tâm tin thẳng thiện pháp, không có nghi hối, từ lâu xa lại đây, tu tập phước đức, trí tuệ, có tâm từ-bi đối với tất cả chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, trừ bỏ ác tâm thì Thiện nam tử như vậy đao binh không làm tổn thương, mạng không chết yểu; như Phật tự nói nhân duyên: Suốt đời tu Sáu Ba-la-mật, trừ đao tên ba độc nơi mình và người khác. Tu năm Ba-la-mật là phước đức, tu Bát-nhã Ba-la-mật là trí tuệ. Do rộng tu tập hai việc ấy nên không bị mất mạng giữa chừng; thuốc độc, nước lửa v.v... cũng như vậy.

Lại nữa, như năng lực chú thuật của thần tiên ngoại đạo còn làm cho vào nước không chìm, vào lửa không cháy, trùng độc không cắn, huống gì Bát-nhã Ba-la-mật là chú thuật do mười lực chư Phật làm nhân thành tựu.

Hỏi: Nói như trên, việc ấy tin được; còn trong đây nay nói không thọ trì, đọc tụng, niệm tưởng Bát-nhã, chỉ có viết chép, cúng dường thì làm sao được công đức như vậy?

Đáp: Người này được công đức cũng đồng như trên. Vì sao? Vì có người trước đã nghe thầy giảng nghĩa Bát-nhã, hết sức ưa thích, nhưng không biết văn tự, xa lìa lời thầy dạy, không thể đọc tụng, mà chỉ mượn tài bảo thuê người viết chép, tận tâm cúng dường, ý nguyện đồng với người đọc tụng, cho nên cũng được công đức.

Người không thể tìm được chỗ thuận tiện là, vì được chư thiên thủ hộ, việc ấy khó tin, nên Phật lấy cây Bồ-đề làm thí dụ. Phật do oai lực Bát-nhã, nên ở tại cội Bồ-đề thành đạo Vô thượng; do oai lực của đạo Vô thượng, nên chỗ ấy vẫn có oai đức, chúng sinh đi vào trong đó các sự ác không tìm được chỗ thuận tiện để phá, huống gì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật mà thiện nam tử tận tâm cúng dường sao lại không có công đức!

KINH: Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép Bát-nhã Ba-la-mật, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường, nếu có người sau khi Phật

Niết-bàn, hoặc cúng dường xá lợi, hoặc xây tháp, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường, hai việc ấy việc nào được phước nhiều?

Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Ý ông nghĩ sao? Như Phật được Trí nhất thiết chủng và được thân này thì từ đâu học đạo mà được Trí nhất thiết chủng và được thân này?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Phật từ nơi Bát-nhã Ba-la-mật học mà được Trí nhất thiết chủng và thân tướng tốt ấy.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Từ nơi Bát-nhã Ba-la-mật học mà được Trí nhất thiết chủng.

Kiều-thi-ca! Không phải do thân này gọi là Phật, chính do được Trí nhất thiết chủng nên gọi là Phật.

Kiều-thi-ca! Trí nhất thiết chủng ấy của Phật từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra. Kiều-thi-ca! Vì vậy, thân Phật ấy là chỗ nương ở của Trí nhất thiết chủng, Phật nhân thân ấy được Trí nhất thiết chủng. Thiện nam tử nên suy nghĩ rằng: Thân ấy là chỗ nương ở của Trí nhất thiết chủng. Vì thế nên sau khi Ta Niết-bàn, xá lợi nên được cúng dường.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu nghe Bát-nhã Ba-la-mật mà viết chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, dùng hương hoa, anh lạc, hương bột, hương nước, phan lọng, kỹ nhạc cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đã cúng dường Trí nhất thiết chủng. Kiều-thi-ca! Vì thế, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc; cúng dường, lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Phật Niết-bàn cúng dường xá lợi, xây tháp, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường thì thiện nam tử, thiện nữ nhân mà viết chép Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc, người ấy được phước nhiều hôn. Vì sao? Vì từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh năm Ba-la-mật, sinh nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, hết thảy Tam-muội, hết thảy Thiền định, hết thảy Đà-la-ni đều từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh; việc thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật đều từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh; Bồ-tát gia tộc thành tựu, sắc thân thành tựu, vật nuôi sống thành tựu, quyến thuộc thành tựu, Đại từ Đại bi thành tựu đều từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh; dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ đều từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh; trời Tứ thiên

vương cho đến trời A-ca-nị-tra, Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, các Bồ-tát ma-ha-tát, chư Phật, Trí nhất thiết chủng của chư Phật đều từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ở cõi Diêm-phù-đề không cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, không cung kính, không tôn trọng, không tán thán, vì họ không biết cúng dường, được nhiều lợi ích ư?

Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Trong cõi Diêm-phù-đề được mấy người tin Phật chắc chắn không biến hoại; tin Pháp, tin Tăng chắc chắn không biến hoại? Mấy người không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng? Mấy người có tâm quyết liễu với Phật, với Pháp, với Tăng?

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người Diêm-phù-đề có lòng tin chắc chắn không biến hoại đối với Phật Pháp Tăng rất ít! Có tâm không nghi, quyết liễu đối với Phật Pháp Tăng cũng ít!

Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Ở cõi Diêm-phù-đề có mấy người tu được Ba mươi bảy phẩm, Ba môn giải thốt, Tám giải thốt, định Chín thứ lớp, Bốn trí vô ngại, Sáu thần thông? Ở cõi Diêm-phù-đề được mấy người dứt ba kiết nên được đạo Tu-đà-hoàn? Mấy người dứt ba kiết và mỏng dâm, nộ, si nên được đạo Tư-đà-hàm? Mấy người dứt năm hạ phần kiết nên chứng được đạo A-na-hàm? Mấy người dứt năm thượng phần kiết nên chứng được A-la-hán? Ở Diêm-phù-đề được mấy người cầu Bích-chi Phật? Mấy người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Trong cõi Diêm-phù-đề ít người tu được Ba mươi bảy phẩm cho đến ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Ít người có lòng tin Phật chắc chắn không biến hoại, có lòng tin Pháp chắc chắn không biến hoại, có lòng tin Tăng chắc chắn không biến hoại; ít người không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng; ít người có tâm quyết liễu đối với Phật, có tâm quyết liễu đối với Pháp, có tâm quyết liễu đối với Tăng. Kiều-thi-ca! Cũng ít người tu được Ba mươi bảy phẩm, Ba môn giải thốt, Tám giải thốt, định Chín thứ lớp, Bốn trí vô ngại, Sáu thần thông. Kiều-thi-ca! Cũng ít người dứt ba kiết được Tu-đà-hoàn, dứt ba kiết và mỏng dâm, nộ, si được Tư-đà-hàm, dứt năm hạ phần kiết được A-na-hàm, dứt năm thượng phần kiết được A-la-

hán; ít người cầu Bích-chi Phật, trong đó cũng ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong các người phát tâm cũng ít người tu Bồ-tát đạo. Vì sao? Vì chúng sinh ấy đời trước không thấy Phật, không nghe Pháp, không cúng dường Tỳ-kheo Tăng, không bố thí, không trì giới, không nhẫn nhục, không tinh tấn, không thiền định, không trí tuệ, không nghe nội không, ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không; cũng không nghe, không tu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung; cũng không nghe, không tu các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, cũng không nghe không tu Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Kiều-thi-ca! Do nhân duyên ấy, nên biết ít có chúng sinh tin Phật một cách chắc chắn không biến hoại, tin Pháp một cách chắc chắn không biến hoại, tin Tăng một các chắc chắn không biến hoại, cho đến ít có chúng sinh cầu đạo Bích-chi Phật, trong đó cũng ít có chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; trong số phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có chúng sinh tu Bồ-tát đạo; trong số ấy cũng ít có chúng sinh chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kiều-thi-ca! Ta dùng Phật nhãn thấy ở phương đông vô lượng vô số chúng sinh phát tâm, tu tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu Bồ-tát đạo, chúng sinh ấy vì xa lìa lực phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật, nên chỉ hoặc một hoặc hai người được ở địa vị bất thối, còn phần nhiều rơi vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật; phương nam, tây, bắc, bốn góc, trên dưới cũng như vậy. Vì vậy, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nghe Bát-nhã Ba-la-mật, nên thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng rồi, nên chép quyển kinh cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường. Đối với các thiện pháp khác thuộc vào Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên nghe, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng.

Những gì là các thiện pháp khác? Đó là Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi. Vô lượng các thiện pháp như vậy đều thuộc vào Bát-nhã Ba-la-mật, cũng nên nghe, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy sẽ nghĩ như vầy: Xưa Phật khi làm Bồ-tát, tu

như vậy, học như vậy, nghĩa là tu học Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi. Vô lượng Phật pháp như vậy, chúng ta cũng nên tu học. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là pháp chúng ta tôn quý, Thiền Ba-la-mật cho đến vô lượng các thiện pháp khác cũng là pháp chúng ta tôn quý. Đó là pháp ấn của chư Phật, pháp ấn của các Bích-chi Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Chư Phật học Bát-nhã Ba-la-mật ấy cho đến Trí nhất thiết chủng mà được đến bờ kia. Các Bích-chi Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cũng học Bát-nhã Ba-la-mật ấy cho đến Trí nhất thiết chủng nên được đến bờ kia. Kiều-thi-ca! Vì vậy, hoặc Phật tại thế, hoặc Phật Niết-bàn rồi, thiện nam tử, thiện nữ nhân nên nương dựa Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật cho đến cũng nên nương tựa Trí nhất thiết chủng. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng là chỗ nương dựa của Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát ma-ha-tát cho đến thế gian trời, người, A-tu-la.

LUẬN: Hỏi: Phật đã nhiều cách tán thán công đức Bát-nhã, nay Thích-đề-hoàn nhơn cớ sao đem xá lợi của Phật so sánh với công đức Bát-nhã nhiều ít?

Đáp: Người tín căn nhiều ưa cúng dường xá lợi; người tuệ căn nhiều, ưa đọc tụng kinh pháp. Thế nên hỏi có người chép Kinh cúng dường, có người cúng dường xá lợi, bên nào công đức nhiều? Nghĩa hoa hương, anh lạc như trước đã nói.

Ý ông nghĩ sao là, trong bốn cách hỏi đáp, đây là đáp bằng cách hỏi lại. Thế nên Phật liền hỏi lại Thích-đề-hoàn nhơn: Hoặc có người cúng dường xá lợi được phước đức nhiều, hoặc có người cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật được phước đức nhiều là tùy theo lòng người, Phật không thể đáp nhất định, cho nên hỏi lại.

Từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh năm Ba-la-mật là, trong phẩm sau Phật tự nói: Không có phương tiện trí tuệ mà bố thí hồi hướng, thì không gọi là Thí Ba-la-mật; Mười tám không, tức là trí tuệ, trí tuệ làm nhân duyên sinh Bốn niệm xứ, cho đến Trí nhất thiết chủng; tuy chẳng phải tất cả đều là trí tuệ, mà vì đồng tánh nên lấy trí tuệ làm chủ; thế nên nói từ trí tuệ sinh. Nhờ tu Bát-nhã Ba-la-mật được thật tướng các pháp, nên thông đạt bố thí, trì giới v.v... Nếu không được thật tướng Bát-nhã thì không thể thông đạt bố thí, trì giới. Vì sao? Vì nếu hết thảy

đều không, thì không có tội không có phước, cần gì phải bố thí, trì giới? Nếu là thật tướng các pháp thì không nên từ nhân duyên sinh, vì trước đã có. Nếu chúng sinh là thường thì thí như hư không, cũng không có ai chết; nếu vô thường thì thần thức theo thân diệt, cũng không có tội phước đời sau? Nếu không có chúng sinh, thì đâu có tội giết, như vậy cũng không có giới không sát sinh v.v...? Nếu được Bát-nhã Ba-la-mật thật tướng ấy thì không rơi vào hai bên có, không; dùng lý trung đạo thông đạt bố trí, trì giới v.v..., do quả báo của bố thí, trì giới mà có dòng lớn Sát-lợi, cho đến có chư Phật

Hỏi: Người cõi Diêm-phù-đề phần nhiều tham phước đức lợi lộc, cớ sao không cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Vì người trí ít, nên không biết cúng dường Bát-nhã, không lỗi; thí như báu thật, người đui không biết. Vì ở Diêm-phù-đề người chỉ tin Tam bảo mà còn ít, huống nữa là thực hành? Phật muốn khiến Thích-đề-hoàn nhơn tự nói, cho nên hỏi lại có bao nhiêu người đối với Tam bảo có lòng tin không biến hoại.

Hỏi: Lòng tin không biến hoại, không nghi, quyết liễu, có gì sai khác?

Đáp: Có người nói, không có sai khác, vì Phật trang nghiêm nhiều cách nói để khai ngộ lòng người.

Có người nói đối với Tam bảo có được lòng tin không biến hoại. Sao biết? Vì không nghi ngờ. Sao biết không nghi ngờ? Vì quyết liễu.

Hỏi: Không nghi, quyết liễu có gì sai khác?

Đáp: Đầu tin Tam Bảo, nên ấy là không nghi; trí tuệ rốt ráo nên quyết liễu, thí như lội nước, mới bước vào là không nghi, qua đến bờ kia là quyết liễu. Do lực ba phần Thánh giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, nên lòng tin không biến hoại; do lực bốn phần là chánh tư duy, chánh tin tấn, chánh niệm, chánh định nên không nghi; do lực phần chánh kiến nên quyết liễu.

Lại nữa, trong kiến đế đạo là lòng tin không biến hoại; trong tư duy đạo, là không nghi, trong vô học đạo là quyết liễu. Như vậy nhiều cách phân biệt ba việc ấy.

Được quả báo gì? Từ Ba mươi bảy phẩm đến Sáu thần thông, đó là quả hữu vi; ba kiết dứt hết cho đến phiền não và tập khí dứt hết, đó là quả vô vi; được quả báo như vậy.

Thích-đề-hoàn nhơn có quả báo sinh ra đã có khả năng biết tâm người khác, cũng từng lấy thiên nhó nghe các đạo sai khác. Lại, vì đây là đại Bồ-tát lợi căn, vào Tam-muội quán tâm chúng sinh, nên biết được

các đạo sai khác. Thế nên đáp lại Phật: Người thâm tín ít; người Tu-đà-hoàn cho đến người mới phát tâm cầu Phật đạo càng ít hôn, càng ít nên không biết cúng dường Bát-nhã. Vì sao ít? Vì trong sinh tử đời trước, không từng nghe danh hiệu Tam Bảo, cho đến không nghe tên Trí nhất thiết chủng.

Phật muốn làm chứng việc trên, nên nói Ta nay dùng Phật nhãn xem mười phương vô lượng vô số chúng sinh, người phát tâm Vô thượng đạo, vì xa lìa lực phương tiện Bát-nhã nên chỉ hoặc một hoặc hai người trú địa vị bất thối.

Các thiện pháp khác thuộc vào Bát-nhã Ba-la-mật là, chỉ cho các Kinh khác như kinh Pháp Hoa, kinh Mật Tích v.v...

Nghĩa trong mười bộ Kinh đồng với Bát-nhã là các kinh tuy không gọi là kinh Bát-nhã Ba-la-mật, song nghĩa lý đồng với Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Làm sao Tu-đà-hoàn cũng học Bát-nhã Ba-la-mật cho đến học Trí nhất thiết chủng đến học Trí nhất thiết chủng được đến bờ kia?
Đáp: Trong đây Sáu Ba-la-mật, Ba môn giải thốt, Ba mươi bảy phẩm v.v... cho đến Trí nhất thiết chủng, nó chẳng phải là riêng của Bồ-tát mà cả ba thừa chung có, theo phần học.

KINH: Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Phật Niết-bàn, vì cúng dường Phật nên dựng tháp bảy báu cao một do tuần, dùng hương trời, hoa trời, anh lạc trời, hương bột trời, hương nước trời, áo trời, phan lọng trời, kỹ nhạc trời cúng dường, cúng kính, tôn trọng, tán thán thì này Kiều-thi-ca, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên đó được phước nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Rất nhiều!

Phật dạy: Không như vậy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật mà viết chép, thọ trì, thân cận, nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Tát-bà-nhã, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, hoặc hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy phước đức nhiều hơn.

Phật dạy: Kiều-thi-ca! Không kể một tháp bảy báu, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, dựng tháp bảy báu khắp cõi Diêm-phù-đề đều cao một do tuần, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương, anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường thì này Kiều-thi-ca, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Phước kia rất nhiều.

Phật dạy: Không như vậy. Thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật như trước, thì phước ấy rất nhiều.

Kiều-thi-ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp cõi Diêm-phù-đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, dựng tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ đều cao một do tuần, cúng dường như trước thì này Kiều-thi-ca, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Rất nhiều, rất nhiều, bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy: Không như vậy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, gìn giữ Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường, thì phước ấy rất nhiều.

Kiều-thi-ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, dựng tháp bảy báu khắp tiểu thiên thế giới đều cao một do tuần, cúng dường như trước thì này Kiều-thi-ca, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Rất nhiều!

Phật dạy: Không như vậy! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép Bát-nhã Ba-la-mật, thọ, trì, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường, thì phước ấy rất nhiều.

Kiều-thi-ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp tiểu thiên thế giới, nếu có thiện nam tử, thiện nữ chơn vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, dựng tháp bảy báu khắp hai ngàn trung thế giới, đều cao một do tuần, cúng dường như trước thì vẫn không bằng cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, phước ấy rất nhiều.

Kiều-thi-ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp hai ngàn trung thế giới, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, dựng tháp bảy báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều cao một do tuần, trọn đời cúng dường hoa trời, hương trời, anh lạc trời cho đến kỹ nhạc trời thì theo ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: Không như vậy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép, giữ gìn Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng

dường hoa hương, cho đến kỹ nhạc, thì phước ấy rất nhiều.

Kiều-thi-ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, mỗi mỗi chúng sinh vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, đều dựng tháp bảy báu cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương cho đến kỹ nhạc, và nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép giữ gìn Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Tát-bà-nhã, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hương hoa, anh lạc cho đến kỹ nhạc, thì người ấy được phước đức rất nhiều.

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Người ấy cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát-nhã Ba-la-mật thời tức là cúng dường Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh nhiều như cát sông Hằng trong thế giới mười phương, mỗi mỗi chúng sinh vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết-bàn, đều dựng tháp bảy báu, cao một do tuần, người ấy hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường thì bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Phật dạy: Rất nhiều!

Thích-đề-hoàn chơn thưa: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, giữ gìn Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường, phước ấy rất nhiều. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì tất cả pháp lành đều thuộc vào Bát-nhã Ba-la-mật, đó là Mười thiện đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Ba mươi bảy phẩm, Ba môn giải thốt, không, vô tướng, vô tác, Bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Sáu thần thông, Tám giải thốt, định Chín thứ lớp, Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Đại từ Đại bi, Mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là pháp ấn của hết thảy chư Phật. Từ trong pháp ấy, hết thảy Thanh-văn, Bích-chi Phật, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại học pháp ấy được qua bờ kia.

LUẬN: Bát-nhã Ba-la-mật hoặc nghe, thọ trì, đọc tụng có vô lượng công đức. Lại muốn nói nữa nên dùng việc hiện tiền thí dụ chứng minh, người trông thấy tháp đất cao lớn, liền sinh tâm cho rằng vị chủ tháp ấy

phước đức rất lớn, huống gì dựng tháp bảy báu cao một do tuần, thế nên Phật lấy tháp để ví dụ.

Hỏi: Tháp ấy là thật hay giả?

Đáp: Phật muốn khiến người biết phân biệt phước đức nhiều ít nên lấy thí dụ, không nên hỏi nó thật hay giả.

Có người nói: Có thật, có giả. Như sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, có quốc vương tên Cát lê cật, lúc ấy người sống hai vạn tuổi. Quốc vương ấy vì cúng dường xá lợi nên dựng tháp bảy báu, cao năm mươi dặm. Lại đời quá khứ có Chuyển luân Thánh vương, tên là Đức Chủ, trong một ngày dựng năm trăm tháp, cao năm mươi do tuần. Ở đây nói khắp ba ngàn đại thiên thế giới, việc ấy là giả ví dụ.

Có người nói: Đều là thật có, như tiểu quốc vương, tùy sức dựng tháp bảy báu, đại quốc vương có thể dựng tháp bảy báu cao một do tuần, hoặc quá một do tuần. Tiểu Chuyển luân vương có thể dựng tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ, đại Chuyển luân vương có thể dựng tháp bảy báu quá bốn châu thiên hạ, Phạm-thiên vương chủ ba ngàn đại thiên thế giới, là đệ tử Phật, tâm có thể sinh biến hóa, dựng tháp cao đến Phạm-thiên, khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc có Bồ-tát được môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, hành sâu Sáu Ba-la-mật, nên sau khi Phật diệt độ, có thể dựng tháp bảy báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Khắp là nói nhiều, chứ không phải nói giữa đó không dung xen thứ gì khác.

Sau nói mỗi mỗi chúng sinh có nghĩa là thí chủ nhiều nên phước đức nhiều. Trong đây Phật tự nói nhân duyên được phước là mười thiện đạo cho đến Trí nhất thiết chủng đều nhiếp thuộc trong Bát-nhã Ba-la-mật. Hòa hợp với pháp ấy, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Bát-nhã ấy, chỉ xuất sinh Phật, còn nên cúng dường, huống gì xuất sinh cả ba thừa, cho đến sự an vui trong cõi trời cõi người đều nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật mà có, lại không cúng dường ư?

Xá lợi là pháp vô ký, là chỗ nương tựa của các pháp lành; nên về sau hay cho người quả báo. Tu Bát-nhã Ba-la-mật hiện thời được quả, tương lai được báo.

--------o0o-------

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI BA: THUẬT THÀNH

KINH: Bấy giờ Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, chép Bát-nhã Ba-

la-mật, giữ quyển kinh thọ học, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại thêm cúng dường hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, phan lọng, kỹ nhạc nên được phước đức vô lượng vô biên vô số không thể nghĩ bàn, không thể cân lường. Vì sao? Vì Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng của chư Phật đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh.

Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật của Bồ-tát ma-ha-tát đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh.

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh. Năm mắt của chư Phật đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh. Việc thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, các Phật pháp đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh. Thanh-văn thừa, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa đều từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh.

Vì vậy, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân chép Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì quyển kinh, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại còn cúng dường hương hoa cho đến kỹ nhạc, phước đức nhiều hơn người trước cúng dường tháp bảy báu trăm phần, ngàn phần, ngàn ức vạn phần, cho đến tốn số thí dụ không thể kịp được. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì nếu có Bát-nhã Ba-la-mật ở đời thì Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo trọn không diệt.

Nếu có Bát-nhã Ba-la-mật ở đời thì Mười thiện đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, đều hiện ở đời.

Nếu có Bát-nhã Ba-la-mật ở đời, thì thế gian bèn có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-nị-tra, Tu-đà-hoàn quả cho đến A-la-hán quả, Bích-chi Phật đạo, Bồ-tát ma-ha-tát, Vô thượng Phật đạo, Chuyển pháp luân, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật.

LUẬN: Trên kia Đế-thích đáp lại Phật rằng: Cúng dường Bát-nhã, phước đức rất nhiều. Lại có trời lớn hơn cho rằng Đế-thích chẳng phải người Nhất thiết trí, nói ra có thể sai lầm. Vì vậy Phật ấn khả lời Đế-thích nói rằng: Đúng vậy, đúng vậy!

Hỏi: Nếu đối với tướng Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy các sự quán sát đều diệt, đường ngôn ngữ dứt, chẳng sinh chẳng diệt, như tướng hư không, thì nay cớ sao nói có Bát-nhã ở đời thì Tam Bảo không diệt?

Đáp: Thể tánh Bát-nhã Ba-la-mật, có Phật không có Phật vẫn

thường trú chẳng diệt. Đây nói ở đời là chỉ quyển kinh Bát-nhã, có thể tu tập đọc tụng, ấy là trong nhân nói quả. Ví như giếng sâu, dây ngắn không đến, bèn nói là mất giếng mà giếng thật chẳng mất. Thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật như giếng sâu, quyển kinh gọi là dây, hành giả không thể viết chép, tu tập, nên nói là diệt.

Hỏi: Nếu nói Tam Bảo thu nhiếp hết tất cả người lành, pháp lành, cớ sao còn nói có Bát-nhã ở đời thì thế gian có Mười thiện đạo, cho đến Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Các pháp và các đạo ấy đều giải rộng trong nghĩa Tam Bảo. Phật bảo là năm chúng vô học (hay năm pháp uẩn là giới, định, tuệ, giải thốt, giải thốt tri kiến – ND) nhiếp thuộc Phật pháp. Pháp bảo là đế thứ ba tức Niết-bàn, trừ công đức học, vô học nhiếp thuộc bốn quả Sa-môn, công đức Bích-chi Phật dư tàn, công đức Bồ-tát. Tăng bảo là bốn hướng, bốn đắc (bốn quả), năm uẩn học vô học. Ngoài ra Mười thiện đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng v.v... đều là cửa phương tiện vào đạo, cho nên nói riêng.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 58

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI BỐN: KHUYẾN TRÌ

KINH: Bấy giờ, Trời Tứ thiên vương cho đến Trời A-ca-nị-tra trong ba ngàn đại thiên thế giới, nói với các Trời Thích-đề-hoàn nhơn rằng: Nên lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, nên giữ gìn, nên thân cận, nên tán thán, nên đọc tụng, nên giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Vì sao? Vì thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật nên tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ, tăng ích chúng chư thiên, tổn giảm chúng Tu la.

Các Thiên tử! Thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát-nhã Ba-la-mật, nên hạt giống Phật không dứt, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng không dứt; hạt giống Phật, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng không dứt nên thế gian bèn có Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật đều xuất hiện ở đời. Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, đạo Bồ-tát đều hiện ở đời. Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo, Tu-đà-hoàn cho đến Phật, đều xuất hiện ở đời.

Bấy giờ Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Ông nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật ấy và đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Vì sao? Vì nếu các A-tu-la sinh tâm ác muốn chiến đấu với trời Ba mươi ba thì này Kiều-thi-ca, bấy giờ ông nên tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật, các A-tu-la tâm ác liền diệt, không còn sinh trở lại.

Kiều-thi-ca! Nếu các Thiên tử, Thiên nữ lúc năm tướng chết hiện ra, sẽ đọa vào chỗ không như ý thì bấy giờ ông nên ở trước họ, tụng đọc Bát-nhã Ba-la-mật, các Thiên tư, Thiên nữ ấy khi nghe oai lực công đức của Bát-nhã Ba-la-mật, được trở lại sinh chỗ cũ. Vì sao? Vì nghe Bát-nhã Ba-la-mật, có được lợi ích lớn.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Hoặc thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc các Thiên tử, Thiên nữ, nghe Bát-nhã Ba-la-mật, do công đức ấy nên dần dần sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Kiều-thi-ca! Vì chư Phật và đệ tử quá khứ, đều học Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô-dư Niết-bàn. Kiều-thi-ca! Chư Phật vị lai, mười phương chư Phật và đệ tử hiện tại đều học Bát-nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô-dư Niết-bàn. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Bát-nhã Ba-la-mật thu nhiếp tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật là thần chú đại minh, thần chú vô thượng minh, thần chú vô đẳng đẳng minh. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật trừ được tất cả pháp chẳng lành và cho tất cả pháp lành.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy, Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật là thần chú đại minh, thần chú vô thượng minh, thần chú vô đẳng đẳng minh. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì chư Phật quá khứ nhân thần chú sáng này, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai, mười phương chư Phật hiện tại cũng nhân thần chú sáng này nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhân thần chú sáng này, thế gian bèn có Mười thiện đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc; bèn có Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung; bèn có pháp tánh, như như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế; bèn có năm mắt, quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Kiều-thi-ca! Do nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát nên có mười thiện pháp xuất hiện thế gian; có Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng cho đến Trí nhất thiết chủng, Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật, xuất hiện thế gian; thí như trăng tròn chiếu sáng, tinh tú cũng chiếu sáng. Kiều-thi-ca! Như vậy, tất cả pháp lành thế gian, chánh pháp, Mười điều lành cho đến Trí nhất thiết chủng, nếu lúc chư Phật không ra đời, thì đều từ Bồ-tát phát sinh; lực phương tiện của Bồ-tát ma-ha-tát đều từ Bát-nhã Ba-la-mật phát sinh, Bồ-tát ma-ha-tát lấy lực phương tiện ấy mà tu Thí Ba-la-mật cho đến Thiền Ba-la-mật; tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, tu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, không chứng Thanh-văn, Bích-chi Phật địa mà thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, thọ mạng thành tựu, thế giới thành tựu, quyến thuộc Bồ-tát thành tựu, được Trí nhất thiết chủng, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật phát sinh.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, thân cận cho đến nhớ nghĩ đúng, người ấy sẽ

được công đức đời này đời sau.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng được công đức đời này đời sau?

Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, thì trọn không trúng độc chết, gươm dao không làm thương tổn, nước lửa không hại, cho đến bốn trăm lẻ bốn bệnh không thể trúng, trừ do nghiệp báo đời trước.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có việc quan nổi lên, nhờ tụng đọc Bát-nhã Ba-la-mật, mà khi đến chỗ quan, thì quan không khiển trách. Vì sao? Vì nhờ oai lực của Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đọc Bát-nhã Ba-la-mật, đi đến chỗ vua, hoặc Thái tử, đại thần, vua và Thái tử, đại thần đều hoan hỷ hỏi han, hợp ý nói năng. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy thường có tâm từ-bi hỷ xả hướng về chúng sinh.

Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, thì được các công đức đời nay như vậy.

Kiều-thi-ca! Thế nào là công đức đời sau của thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy trọn không xa lìa Mười thiện đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Sáu Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, người ấy trọn không đọa vào ba đường ác, thọ thân đầy đủ, không sinh vào nhà bần cùng hà tiện, thợ thầy dọn cầu xí, khiêng thây ma; thường được thân đủ Ba mươi hai tướng, thường được hóa sinh thế giới chư Phật hiện tại, trọn không lìa thần thông Bồ-tát. Nếu muốn từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, nghe pháp chư Phật liền được tùy ý, dạo qua cõi Phật, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kiều-thi-ca! Ấy gọi là công đức đời sau. Kiều-thi-ca! Vì vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, hương hoa cho đến kỹ nhạc cúng dường, thường không lìa Tát-bà-nhã. Đó là thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thành tựu công đức đời này đời sau.

LUẬN: Phật là Pháp vương, tán thán người thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật rồi, tiếp đến Thiên vương, Đế-thích tán, Đế-thích tán rồi, nay đến lượt chư Thiên tán, Vì nhiều người tán thán, nên làm cho người tín tâm càng sâu. Nói rằng: Nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Trong đây nói về

nhân duyên thọ trì: Tu các công đức, tăng ích hàng chư Thiên, tổn giảm chúng A-tu-la, Tam Bảo không đoạn diệt, các công đức Sáu Ba-la-mật xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, Phật ấn khả lời tán thán của chư Thiên, bảo Đế-thích rằng: Ông nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây nói nhân duyên nên thọ trì rằng: Nếu A-tu-la sinh tâm ác, muốn chiến đấu với Trời Ba mươi ba, thì bấy giờ ông đọc tụng Bát-nhã, ác tâm liền diệt; nếu trong khi hai bên giao chiến mà đọc tụng Bát-nhã, thì A-tu-la liền thối lui bỏ đi.

Hỏi: Nếu như vậy cớ sao không thường tụng Bát-nhã khiến ác tâm A-tu-la đừng sinh, cớ gì đợi khi hai bên giao chiến mới tụng?

Đáp: Chư Thiên phần nhiều đắm phước vui, tâm nhiễm đắm dục lạc mạnh mẽ, tuy biết Bát-nhã có công đức lớn mà không thể thường tụng.

Lại vì Trời Đao-lợi có nghiệp nhân duyên bất tịnh nên gây ra oán địch, không thể không chiến đấu.

Chư Thiên khi mạng sắp chết, có năm tướng chết hiện ra: 1. Hoa trên mũ héo, 2. Dưới nách ra mồ hôi, 3. Ruồi đến đậu trên thân. 4. Thấy có vị trời ngồi chỗ của mình. 5. Tự mình không ưa chỗ ngồi cũ. Chư Thiên thấy tướng chết ấy, nghĩ tiếc cái vui cõi Trời, thấy mình sẽ sinh chỗ dữ, tâm rất lo khổ. Bấy giờ nếu nghe thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, các pháp hư dối cuồng loạn, vô thường, không tịch, tin lời Phật dạy ấy, tâm được thanh tịnh nên sinh trở lại chỗ cũ.

Chư Thiên ấy không chỉ sinh trở lại chỗ cũ, mà còn nhờ nghe Bát-nhã nên đời đời hưởng phước vui, dần dần thành đạo Vô thượng. Nhân duyên trong đây như Kinh nói: Bát-nhã Ba-la-mật là thần chú sáng lớn.

Hỏi: Thích-đề-hoàn nhơn cớ sao gọi Bát-nhã là thần chú sáng lớn (đại minh)?

Đáp: Các Thánh nhân của ngoại đạo có các chú thuật, lợi ích nhân dân, đọc thần chú ấy có thể theo ý muốn sai sử quỷ thần; các tiên nhân có thần chú ấy rất nổi tiếng, nhân dân quy phục. Vì quý chú thuật nên Đế-thích bạch Phật rằng: Trong các chú thuật, Bát-nhã Ba-la-mật là đại chú thuật. Vì sao? Vì thường hay cho chúng sinh cái vui đạo đức, còn cái vui của chú thuật khác hay khởi phiền não, lại vì tạo nghiệp bất thiện nên đọa vào ba đường ác.

Lại nữa, các chú thuật khác hay theo tham dục, sân nhuế, tự do làm ác, còn thần chú Bát-nhã Ba-la-mật hay dứt sự đắm trước thiền định,

Phật đạo, Niết-bàn, huống gì bệnh tham sân thô thiển. Vì thế nên gọi là thần chú đại minh, thần chú vô thượng, thần chú vô đẳng đẳng.

Lại nữa, thần chú ấy hay làm cho người xa lìa già bệnh chết, hay an lập chúng sinh nôi Đại thừa, hay làm cho hành giả rất lớn ở giữa chúng sinh, thế nên nói là thần chú lớn. Hay làm lợi ích như vậy nên gọi là vô thượng. Từ trước có tiên nhân làm chú thuật, đó là các thần chú có thể biết tâm người khác tên là Ức xoa ni; thần chú bay đi biến hóa tên là Kiền đà lê; thần chú hay làm cho sống lâu ngàn vạn năm vì các thần chú khác không sánh bằng. Đối với chú thuật không thể sánh ấy, Bát-nhã còn vượt quá vô lượng, nên gọi là vô đẳng.

Lại nữa, các Phật pháp gọi là vô đẳng đẳng, Bát-nhã Ba-la-mật là nhân duyên được thành Phật quả nên gọi là vô đẳng đẳng.

Lại nữa, chư Phật là vô đẳng giữa chúng sinh; Bát-nhã chú thuật được Phật nói ra, nên gọi là thần chú vô đẳng đẳng.

Lại nữa, trong Kinh này tự nói nhân duyên của ba thần chú, đó là thần chú này hay xả bỏ tất cả pháp bất thiện, hay cho tất cả thiện pháp. Phật thuận theo lời tán thán, nên nói: Đúng vậy, đúng vậy! Lại cũng nói rộng lời tán thán đó rằng, nhân nôi Bát-nhã nên xuất sinh Mười thiện đạo cho đến chư Phật. Bát-nhã Ba-la-mật thuộc Bồ-tát nên Phật nói thí dụ; chư Phật hay đại phá bóng tối vô minh, nên như trăng tròn, Bồ-tát phá bóng tối không bằng, như tinh tú, như trong đêm có thấy được đều nhờ sức trăng sao. Trong đêm sinh tử thế gian, có thấy biết được đều nhờ thế lực Phật, Bồ-tát. Nếu đời không có Phật, bấy giờ Bồ-tát thuyết pháp độ chúng sinh, đặt vào trong cái vui cõi trời cõi người, làm cho dần dần được cái vui Niết-bàn. Bồ-tát có được trí tuệ đều là nhờ oai lực Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tuy tu Ba mươi bảy phẩm, Mười tám không, biết các pháp rốt ráo không thể chấp thủ, cũng không chứng đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật mà có thể trở lại khởi lên các thiện pháp, giáo hóa chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, thọ mạng đầy đủ v.v... đều là oai lực Bát-nhã Ba-la-mật.

Hoặc người ấy nhờ thọ trì Bát-nhã cho đến nhớ nghĩ đúng, nên được công đức đời nay đời sau. Công đức ở đời là trọn không bị trúng độc chết v.v...

Hỏi: Trước đã nói không bị bất đắc kỳ tử, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trước đã nói, Bát-nhã Ba-la-mật không phải chỉ nói trong một hội, ở đây vì người đến sau nên nói lại.

Lại nữa, dao, độc, nước, lửa có hai thứ: Có thứ người khác làm, có thứ tự làm. Trước kia nói do người khác gia hại bằng binh đao, độc

hại, nước lửa v.v..., là không tự mình làm tổn thương. Làm sao biết? Vì tiếp nói bốn trăm lẻ bốn bệnh nên biết. Trên tuy nói người khác không thể tìm được chỗ thuận tiện để hại, chứ không nói người kia còn trở lại cung kính cúng dường.

Bốn trăm lẻ bốn bệnh là hợp với bốn đại làm thân. Bốn đại thường xâm hại nhau nên trong mỗi đại có một trăm lẻ một bệnh khởi lên. Bệnh lạnh có hai trăm lẻ hai do thủy đại và phong đại khởi lên; bệnh nóng có hai trăm lẻ hai do địa đại và hỏa đại khởi lên. Tướng lửa nóng và tướng đất cứng, vì cứng ... nên khó tiêu, khó tiêu nên khởi lên bệnh nóng. Máu thịt, gân tủy v.v... thuộc phần địa đại, trừ nghiệp báo, tất cả các pháp đều nhân duyên hòa hợp sinh, không có người làm, vì không có người làm nên chắc chắn thọ nghiệp báo, Phật không cứu được, huống gì Bát-nhã. Chắc chắn thọ nghiệp báo, không chắc chắn thọ nghiệp báo như trước đã nói.

Việc quan nổi lên là, nhờ oai lực tụng Bát-nhã Ba-la-mật, nên việc nổi lên liền diệt.

Hỏi: Trước đã nói người không tìm được dịp tiện lợi để phá, sao nay còn nói nữa?

Đáp: Trước tuy nói người không thể tìm được dịp tiện lợi, mà chưa nói Quốc vương, đại thần v.v... đã không tìm được dịp tiện lợi, lại còn cung kính, cúng dường. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy thường có tâm từ-bi hỷ xả hướng đến chúng sinh.

Công đức đời sau là, đời đời sinh ra thường không rời Mười thiện đạo, vì thế nên thường không đọa ác đạo. Người ấy nhờ chiết phục ác tâm nên thọ thân hoàn hảo đầy đủ, không sinh vào các nhà hà tiện. Học đạo của Phật học, nên được thần biến hóa như Phật, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Thường được hóa sinh vào cõi Phật hiện tại là tùy tâm đi đến mười phương thế giới, cúng dường chư Phật, nghe thọ các pháp, giáo hóa chúng sinh, dần dần được thành Phật đạo. Thế nên hành giả tuy nghe, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng không lìa tâm Tát-bà-nhã. Như vậy là được công đức đời này đời sau.

----------o0o----------

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI LĂM: PHẠM-CHÍ

KINH: Bấy giờ các ngoại đạo Phạm-chí đi đến chỗ Phật, muốn tìm chỗ dở của Phật. Khi ấy Trời Thích-đề-hoàn chơn nghĩ rằng: Các ngoại

đạo Phạm-chí này đi đến chỗ Phật, muốn tìm chỗ dở của Phật. Ta nay hãy tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật đã được lãnh thọ nơi Phật, các ngoại đạo Phạm-chí ấy trọn không thể nửa chừng làm trở ngại, dứt việc nói Bát-nhã Ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn nhơn nghĩ như vậy xong, liền tụng Bát-nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ các ngoại đạo Phạm-chí từ xa đi quanh Phật rồi trở lại đường cũ đi luôn.

Khi ấy Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Trong đây vì nhân duyên gì các ngoại đạo Phạm-chí từ xa đi quanh Phật rồi trở lại đường cũ đi luôn?

Phật biết tâm Xá-lợi-phất nghĩ, bảo Xá-lợi-phất rằng: Thích-đề-hoàn chơn tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật, do nhân duyên ấy, nên các ngoại đạo Phạm-chí từ xa đi quanh Phật rồi trở lại đường cũ đi luôn.

Này Xá-lợi-phất! Ta không thấy các ngoại đạo Phạm-chí có một tâm niệm thiện, các ngoại đạo Phạm-chí chỉ ôm tâm ác đi đến, muốn tìm chỗ dở của Phật.

Này Xá-lợi-phất! Ta không thấy trong khi nói Bát-nhã Ba-la-mật mà có ai trong tất cả thế gian hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc chúng Sa-môn, chúng Bà-la-môn mang tâm ác đi đến có thể tìm được chỗ dở. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì các trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-nị-tra, các Thanh-văn, Bích-chi Phật, các Bồ-tát ma-ha-tát trong ba ngàn đại thiên thế giới thường thủ hộ Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Vì sao? Vì các trời người ấy đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Chư Phật và Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát ma-ha-tát, các Trời, Rồng, Quỷ thần v.v....trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều thủ hộ Bát-nhã Ba-la-mật ấy. Vì sao? Vì chư Phật v.v... đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra.

Bấy giờ ác ma nghĩ rằng: "Nay Phật và bốn bộ chúng hiện tiền tập hội, có cả các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc, trong ấy chắc có vị Bồ-tát ma-ha-tát được thọ ký sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta có thể đến chỗ Phật phá hoại ý đó". Khi ấy ác ma hóa ra bốn loại binh, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn nghĩ: Bốn loại binh này là do ác ma hóa làm muốn đi đến chỗ Phật. Vì sao? Vì bốn loại binh ấy trang bị hơn cả bốn loại binh của vua Tần bà ta la, của vua Ba tư nặc, của các Thích tử, của các tộc Lê xương. Ác ma ấy luôn luôn tìm chỗ dở của Phật, muốn não hại chúng sinh. Vậy ta có thể tụng niệm Bát-nhã Ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn nhơn tức thời tụng Bát-nhã Ba-la-mật, ác ma nghe

đúng như lời tụng, dần dần trở lại đường cũ đi luôn.

Bấy giờ trong hội các Thiên tử của Tứ thiên vương cho đến các Thiên tử trời A-ca-nị-tra, hóa làm hoa trời từ giữa hư không rải lên Phật thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nguyện làm cho Bát-nhã Ba-la-mật trụ lâu cõi Diêm-phù-đề. Vì sao? Vì người cõi Diêm-phù-đề thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, tùy lúc trú ở, Phật bảo không diệt, Pháp bảo, Tăng bảo, cũng trụ không diệt.

Bấy giờ chư Thiên trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng cũng rải hoa và thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nguyện khiến Bát-nhã Ba-la-mật trụ lâu cõi Diêm-phù-đề, nếu Bát-nhã Ba-la-mật trụ lâu, Phật Pháp Tăng cũng sẽ trụ lâu, cũng phân biệt được đạo Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, ở trú xứ nào có thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, thọ trì quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật thì nơi ấy chiếu sáng, lìa xa mọi tối tăm.

Phật bảo các Thiên tử Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca và các Thiên tử người cõi Diêm-phù-đề thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, tùy lúc trụ ở, Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, cũng trú như vậy, cho đến trú xứ nào có thiện nam tử thiện nữ nhân viết chép thọ trì quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thì chỗ ấy chiếu sáng, xa lìa mọi tối tăm.

Bấy giờ các Thiên tử hóa làm trời rải trên Phật và thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng thì ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ tiện lợi. Bạch đức Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ủng hộ các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy. Vì sao? Vì nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, chúng con liền xem người ấy như Phật, hoặc gần Phật.

Khi ấy Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết người ấy đời trước đã làm các công đức đối với Phật, thân cận cúng dường chư Phật, được thiện tri thức ủng hộ.

Bạch đức Thế Tôn! Nhất thiết trí của chư Phật, nên tìm trong Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên tìm trong Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng khác Nhất thiết trí, Nhất thiết trí chẳng khác Bát-nhã Ba-la-mật; Bát-nhã Ba-la-mật và Nhất thiết trí không hai không khác. Vì vậy chúng con xem người ấy tức là Phật hoặc gần Phật.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca!

Nhất thiết trí của chư Phật tức là Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết trí. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Nhất thiết trí của chư Phật từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra, Bát-nhã Ba-la-mật chẳng khác Nhất thiết trí, Nhất thiết trí chẳng khác Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật và Nhất thiết trí không hai không khác.

LUẬN: Trong Phẩm trên nói người nghe, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật thì ma hoặc ma dân, ngoại đạo Phạm-chí không tìm được chỗ tiện lợi để phá, nay muốn hiện tiền chứng nghiệm, nên dùng oai thần cảm đến chúng ma, và các ngoại đạo. Vì vậy ngoại đạo Phạm-chí nghĩ rằng: "Lúc Phật ở núi Kỳ xà quật nói Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa là nói các pháp rốt ráo không, không có gì để dẫn dắt mười phương chúng sinh. Chúng ta cùng đến vấn nạn, phá không luận ấy. Luận ấy nếu bị phá, thì Phật tự lui, chúng ta được trở lại như cũ". Các ngoại đạo ấy chỉ có tà kiến ác tâm, kiêu mạn đi đến, muốn chỉ ra chỗ sai quấy của Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh ấy. Thí như người cuồng muốn làm trúng thương hư không, luống tự lấy khổ nhọc.

Bấy giờ Đế-thích như lời Phật dạy, thọ trì Bát-nhã, ngoại đạo không thể tìm được chỗ tiện lợi, nay muốn nghiệm thật, khiến người ta tin biết. Đế-thích thành tựu vô lượng phước đức, nhờ căn trời lanh lợi nên rất tin Bát-nhã, liền tụng niệm, được oai lực Bát-nhã nên ngoại đạo ở từ xa đi quanh Phật, rồi lui lại đường cũ mà đi.

Hỏi: Cớ sao không quay thẳng về mà vừa nhiễu quanh Phật rồi đi trở lui.

Đáp: Do nhờ thần lực Bát-nhã nên bị hàng phục từ chỗ xa, suy nghĩ rằng: Oai đức của Phật chúng rất lớn, chúng ta đi tới đó, luống tự mình bị khổ nhục, không thành được gì, nếu chúng ta vừa trông thấy Phật, bỏ đi ngay, người đời sẽ cho chúng ta khiếp nhược, đã đến Phật mà đi về không, vì vậy trá hiện điệu bộ cúng dường đi quanh Phật, rồi trở lại đường cũ mà đi.

Xá-lợi-phất xưa vốn là Phạm-chí, thấy các ngoại đạo ở chỗ xa mà bỏ đi, tâm hơi thương xót, không thể vì việc nhỏ mà ngoại đạo đến rồi đi như vậy, nên vào Tam-muội tìm hiểu, nghĩ rằng: Các ngoại đạo này vì nhân duyên gì mà đến, rốt cục không mong được độ, mà đi trở về không. Phật bảo đó là do thần lực Bát-nhã Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất suy nghĩ: Phật dùng Bát-nhã Ba-la-mật tế độ hết mọi việc, cớ sao khiến các ngoại đạo này đi trở về không?

Phật biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, bảo Xá-lợi-phất rằng: Các Phạm-chí ấy cho đến không có một tâm niệm thiện, chỉ mang ác ý, tà kiến

dính tâm, muốn tìm định tướng các pháp, thế nên không thích hợp được độ. Thí như bệnh chắc chắn chết tuy có lương y, thần dược mà không thể cứu khỏi.

Này Xá-lợi-phất! Khi thuyết Bát-nhã Ba-la-mật không phải chỉ có Phạm-chí, mà tất cả người thế gian mang ác tâm đi đến, cũng không thể tìm chỗ tiện lợi để phá. Vì sao? Vì tất cả chư Phật, chư Bồ-tát và chư thiên thường thủ hộ Bát-nhã. Vì cớ sao? Vì chư Phật, Bồ-tát, trời, người nghĩ rằng: Chúng ta đều từ Bát-nhã sinh. Ma đến muốn nạn vấn phá hoại cũng như vậy.

Lúc ấy, các Thiên tử trong hội, trước chỉ nghe nói công đức Bát-nhã, nay mới thấy sự chứng nghiệm nên tâm rất hoan hỷ, hố ra các hoa cúng dường và nguyện rằng: Nguyện Bát-nhã Ba-la-mật trụ lâu ở cõi Diêm-phù-đề. Việc này như dưới đây nói rộng. Phật liền ấn khả.

Chư thiên ở trước Phật tự thề: Hành giả nếu nghe, thọ trì Bát nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, chúng tôi thường thủ hộ. Vì sao? Vì chúng tôi xem người ấy như Phật, hoặc gần Phật.

Như Phật là, thân Pháp tánh trú địa vị bất thối, được vô sinh pháp nhẫn, cho đến mười địa.

Gần Phật là, nhục thân Bồ-tát hay nói Bát-nhã Ba-la-mật và nghĩa chánh của nó.

Bấy giờ, Đế-thích do nhân duyên đời trước đã nhóm công đức, trí tuệ, tán thán Bồ-tát ấy, trong đây lại nói nhân duyên sự tán thán.

Trí nhất thiết chủng của chư Phật nên tìm trong Bát-nhã là, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ nên khi được thành Phật, Bát-nhã biến thành Trí nhất thiết chủng, nên nói Trí nhất thiết chủng nên tìm trong Bát-nhã. Phật hay nói Bát-nhã Ba-la-mật, nên nói Bát-nhã Ba-la-mật nên tìm trong Trí nhất thiết chủng. Thí như sữa biến thành lạc, lìa sữa không có lạc, cũng không được nói sữa chính là lạc. Bát-nhã Ba-la-mật biến làm Trí nhất thiết chủng, lìa Bát-nhã cũng không có Trí nhất thiết chủng, cũng không được nói Bát-nhã chính là Trí nhất thiết chủng. Bát-nhã làm nguyên nhân sinh Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng làm nguyên nhân để nói Bát-nhã. Nhân quả không rời nhau, nên nói không hai không khác.

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI SÁU: TÔN ĐẠO

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao không ngợi khen Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, cho đến Mười tám pháp

không chung mà chỉ khen ngợi Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo A-nan: Bát-nhã Ba-la-mật là tôn quý, dẫn đạo năm Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung.

Này A-nan! Ý ông nghĩ sao? Không hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà bố thí có được xưng là Ba-la-mật không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

-Không hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ có gọi là Bát-nhã Ba-la-mật không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Vì vậy nên biết Bát-nhã Ba-la-mật đối năm Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung là tôn quý dẫn đạo, vậy nên khen ngợi Bát-nhã.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bố thí, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng để thành Thí Ba-la-mật cho đến thành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo A-nan: Do không hai Bố thí, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Thí Ba-la-mật; do bất sinh không thể có được hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà bố thí, ấy gọi là Thí Ba-la-mật, cho đến do trí tuệ biết pháp không hai, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật; do bất sinh, không thể có được, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là do pháp không hai hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà Bố thí, ấy gọi là Thí Ba-la-mật, cho đến thế nào là do pháp không hai hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo A-nan: Do pháp sắc không hai, pháp thọ, tưởng, hành, thức không hai, cho đến pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không hai vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là pháp sắc không hai cho đến pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng hai?

Phật dạy: Sắc, sắc tướng không. Vì sao? Vì Thí Ba-la-mật và sắc không hai không khác, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Thí Ba-la-mật không hai không khác. Năm Ba-la-mật kia cũng như vậy.

A-nan! Vì vậy nên chỉ khen ngợi Bát-nhã Ba-la-mật, đối với năm Ba-la-mật cho đến Trí nhất thiết chủng là tôn quý dẫn đạo.

Này A-nan! Thí như đất lấy hạt giống rải vào, gặp đủ nhân duyên hòa hợp liền mọc, các hạt giống ấy nương đất mà mọc. Này A-nan! Như vậy năm Ba-la-mật nương Bát-nhã Ba-la-mật được sinh; Bốn niệm xứ

cho đến Trí nhất thiết chủng cũng nương Bát-nhã Ba-la-mật được sinh. Này A-nan! Vì vậy nên Bát-nhã Ba-la-mật đối với năm Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung là tôn quý dẫn đạo.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật nói công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nghĩ đúng chưa hết. Vì sao? Vì thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, thì là thọ trì đạo Vô thượng của ba đời chư Phật. Vì cớ sao? Vì muốn được Trí nhất thiết chủng hãy từ trong Bát-nhã Ba-la-mật mà cầu, muốn được Bát-nhã Ba-la-mật hãy từ trong Trí nhất thiết chủng mà cầu.

Bạch đức Thế Tôn! Nhờ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng nên có Mười thiện đạo xuất hiện ở đời, có Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, cho đến Mười tám pháp không chung xuất hiện ở đời. Nhờ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, nên thế gian bèn có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương cho đến trời A tra nị ca. Nhờ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng nên bèn có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát ma-ha-tát. Nhờ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, nên có chư Phật xuất hiện thế gian.

Bấy giờ, Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, Ta không nói chỉ có ngần ấy công đức. Vì sao? Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng còn thành tựu được vô lượng giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thốt uẩn, giải thốt tri kiến uẩn.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng nên biết người ấy là như Phật.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Hết thảy Thanh-văn, Bích-chi Phật có được giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thốt uẩn, giải thốt tri kiến uẩn, không sánh kịp được giới uẩn cho đến giải thốt tri kiến uẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trăm phần, ngàn phần, ngàn vạn ức phần, cho đến tốn số, thí dụ cũng không thể kịp được. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân này đối với Thanh-văn, Bích-chi Phật địa, tâm được giải thốt, lại không cầu pháp Đại thừa.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, giữ gìn quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, với sự cung kính, tôn trọng, và hương hoa, anh lạc cho đến kỹ nhạc, cũng được công đức đời nay đời

sau.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng, cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, với sự cung kính, tôn trọng, và hương hoa cho đến kỹ nhạc thì con thường thủ hộ người ấy.

LUẬN: A-nan đa văn, sức phân biệt được "không" mà chưa lìa dục, nên không thể thâm nhập, tuy thường hầu Phật mà không thường vấn nạn về không. Nay Phật tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, cũng tán thán người tu, vì thế nên A-nan mới bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao không tán thán các Ba-la-mật khác và các pháp, mà chỉ tán thán riêng Bát-nhã Ba-la-mật?

Hỏi: Phật từ đầu đến đây, thường nói tên Sáu Ba-la-mật, sao nay A-nan nói Phật không xưng tán?

Đáp: Trước tuy nói danh tự, không phải xưng khen, đều chỉ vì khiến tìm vào Bát-nhã nên nói.

Phật bảo A-nan: Trong tất cả pháp hữu vi, trí tuệ là đệ nhất; trong tất cả trí tuệ đưa qua bờ kia, Bát-nhã Ba-la-mật là đệ nhất; thí như đi đường, tuy có chúng bạn mà vị thầy dẫn đường là đệ nhất. Bát-nhã cũng như vậy, tuy tất cả thiện pháp đều có lực, song Bát-nhã hay chỉ đường ra khỏi ba cõi, đạt đến ba thừa. Nếu không có Bát-nhã, tuy làm các thiện pháp bố thí, mà thọ quả báo theo hành nghiệp có cùng tận; vì có cùng tận, nên còn không thể được Niết-bàn Tiểu thừa, huống gì đạo Vô thượng. Nếu làm việc thiện bố thí v.v... mà quán được như tướng Phật đạo không hai, không sinh không diệt, không được không mất, rốt ráo không tịch, ấy gọi là hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, thì phước của bố thí ấy, đời đời thường thọ quả báo không cùng tận, sau sẽ được Trí nhất thiết chủng; giống như bố thí, tất cả pháp khác cũng như vậy.

Hỏi: Cớ sao Phật không đáp nhân duyên của không hai (bất nhị) mà trở lại tiếp giải thích nghĩa không hai?

Đáp: A-nan không hỏi về nhân duyên của không hai, chỉ hỏi pháp gì không hai, thế nên Phật đáp các pháp sắc v.v... không hai. Bát-nhã Ba-la-mật có thể làm cho năm việc kia thành Ba-la-mật, nên chỉ khen ngợi Bát-nhã Ba-la-mật. Phật muốn làm cho nghĩa ấy dễ hiểu, nên lấy ví dụ như đại địa hay sinh muôn vật, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Giữ gìn được tất cả chủng tử thiện pháp là, trừ Bát-nhã Ba-la-mật thì tất cả thiện pháp khác đều có được từ khi phát tâm lại đây.

Nhân duyên hòa hợp là, đối với Phật đạo nhất tâm tin nhẫn, tinh

tấn không ngừng nghỉ, muốn thọ trì thông đạt không biến hoại, có các pháp như vậy.

Việc được thành biện là, sự tăng trưởng ấy, từ khi phát tâm khởi lên, học các Ba-la-mật, từ một địa đến một địa cho đến Phật địa.

Hỏi: Cớ gì Đế-thích nói Phật dạy chưa hết công đức thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật của hành giả?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng vô biên, nên công đức cũng vô lượng vô biên, nói chưa rốt ráo, thì giữa chừng ngoại đạo Phạm-chí và ma đi đến, nên bàn qua việc khác, nay trở lại muốn tiếp tục nghe. Đế-thích rất ưa quả báo phước đức, ưa nghe nói công đức Bát-nhã, nghe không biết chán, nay lại muốn nghe nói nữa, nên tự nói nhân duyên: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu người thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, thì được công đức và trí tuệ Vô thượng đạo của ba đời chư Phật. Vì cớ sao? Vì nên tìm Trí nhất thiết chủng trong Bát-nhã, nên tìm Bát-nhã trong Trí nhất thiết chủng", như nói ở cuối Phẩm trên. Các hành giả nếu thọ trì Bát-nhã, phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh, nên nhóm các công đức Bát-nhã Ba-la-mật như Mười thiện đạo cho đến Mười tám pháp không chung xuất hiện ở thế gian. Do nhân duyên của pháp lành ấy nên có dòng lớn Sát-lợi cho đến chư Phật.

Phật bảo Thiên đế: Người ấy không chỉ được công đức như trên mà còn được vô lượng công đức giới uẩn v.v... Giới uẩn là Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, đối với hết thảy chúng sinh tu hạnh thí vô úy một cách tốt ráo. Số chúng sinh trong mười phương vô lượng vô biên, trong ba đời số cũng vô lượng vô biên, bốn loài chúng sinh trong sáu đường mỗi tướng mỗi loại cũng vô lượng vô biên. Đối với vô lượng vô biên chúng sinh ấy, thí cho vật yêu quý nhất là mạng sống, thế nên được vô lượng quả báo giới uẩn. Như vậy giới bất sát v.v… chỉ nói danh tự thì có hai trăm năm mươi, trong Tỳ-ni nói lược thì tám mươi bốn ngàn, nói rộng thì có vô lượng vô biên. Giới này, người phàm phu hoặc thọ tu một ngày, hoặc một đời, hoặc trăm ngàn vạn đời, còn Bồ-tát thì thí vô úy đối với tất cả chúng sinh, cho đến khi vào Vô-dư Niết-bàn. Ấy gọi là vô lượng giới uẩn. Cho đến giải thốt tri kiến uẩn cũng như vậy, theo nghĩa mà phân biệt. Công đức năm uẩn ấy hơn Nhị thừa, không thể lường kể.

Nếu người viết chép cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, thì được công đức đời này đời sau.

Hỏi: Công đức đời này sau rất nặng, còn việc viết chép, giữ gìn,

cúng dường là nhẹ, làm sao được công đức hai đời?

Đáp: Cúng dường có hai cách:

1. Bắt chước người khác mà cúng dường.
2. Tự thân tâm cúng dường.

Biết công đức Bát-nhã nên thân tâm cúng dường, nên được công đức hai đời.

Bát-nhã có nhiều cửa vào; nếu nghe, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, đó là từ cửa trí tuệ, tinh tấn mà vào; viết chép, cúng dường, đó là từ cửa tin và tinh tấn mà vào. Nếu nhất tâm tin sâu thì cúng dường quyển kinh hơn, nếu không nhất tâm thì tuy thọ trì mà không bằng.

Lại nữa, có ngọc báu như ý, là sắc pháp vô ký, không tâm, không thức, do nhân duyên phúc đức của chúng sinh mà sinh ra. Nếu có người đem cúng dường còn có thể khiến cho người thọ dụng tùy ý, huống gì Bát-nhã là trí tuệ vô thượng, là mẹ của chư Phật, là đệ nhất báu trong các pháp báu; nếu người đúng như điều được nghe, nhất tâm tín thọ cúng dường, làm sao chẳng được công đức hai đời? Chỉ vì người không nhất tâm cúng dường, lại vì đời trước tội nặng, nên tuy cúng dường Bát-nhã mà không được công đức như trên, điều ấy, Bát-nhã không có lỗi.

KINH: Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy khi muốn đọc, tụng, giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì có vô lượng trăm ngàn chư thiên đều đến nghe pháp. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói Bát-nhã Ba-la-mật, các Thiên tử giúp thêm sức can đảm; các Pháp sư ấy nếu quá mệt mỏi, không muốn thuyết pháp, thì các Thiên tử giúp thêm sức can đảm cho nên lại có thể thuyết.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, cúng dường hoa hương cho đến kỹ nhạc cũng được công đức đời nay ấy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khi nói Bát-nhã Ba-la-mật giữa bốn bộ chúng, tâm không khiếp nhược, nếu có ai luận nạn, cũng không có ý tưởng sợ. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được Bát-nhã Ba-la-mật hộ trì.

Trong Bát-nhã Ba-la-mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc lành, hoặc chẳng lành, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân trú nội không cho đến trú vô pháp hữu pháp không nên không thấy người nạn luận Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy người thọ nạn, cũng không thấy Bát-nhã Ba-la-mật... Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ

nhân được Bát-nhã Ba-la-mật hộ trì nên không ai nạn luận, phá hoại được.

Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, không chìm đắm, không sợ hãi. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không thấy pháp ấy chìm đắm hoặc sợ hãi.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, hương hoa cúng dường cho đến phan lọng cũng được công đức đời nay.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, viết chép, giữ gìn quyển kinh, hương hoa cúng dường, cho đến phan lọng, người ấy được cha mẹ yêu, tôn thân tri thức nhớ, các Sa-môn, Bà-la-môn kính; mười phương chư Phật và Bồ-tát ma-ha-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán cho đến Tu-đà-hoàn thương kính. Hết thảy thế gian hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc A-tu-la cũng đều thương kính; người ấy tu Thí Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật không có lúc nào đoạn tuyệt; Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật cũng không có lúc nào đoạn tuyệt. Tu nội không không dứt, cho đến tu vô pháp hữu pháp không không dứt; tu Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung không dứt; tu các môn Tam-muội không dứt, tu các môn Đà-la-ni không dứt, tu các thần thông Bồ-tát không dứt, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật không dứt; cho đến tu Trí nhất thiết chủng không dứt, người ấy cũng có thể hàng phục nạn luận, hủy báng.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng, viết chép giữ gìn quyển kinh, hương hoa cúng dường cho đến phan lọng, cũng được công đức đời này, đời sau.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép giữ gìn quyển kinh, ở trú xứ ấy, các Trời Tứ thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ấy, kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi đi trở về, Trời Ba mươi ba, Trời Dạ-ma, Trời Đâu-suất-đà, Trời Hóa-lạc, Trời Tha-hóa-tự-tại, Trời Phạm-chúng, Trời Phạm-phụ, Trời Phạm-hội, Trời Đại Phạm, Trời Quang, Trời Thiểu-quang, Trời Vô-lượng-quang, Trời Quang-âm, Trời Thiểu-tịnh, Trời Vô-lượng-tịnh, Trời Biến-tịnh, Trời Vô-âm-hành, Trời Phước đức, Trời Quảng-quả phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ấy, kinh Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi

đi trở về.

Các Trời Tịnh-cư là Trời Vô-cuống, Trời Vô-nhiệt, Trời Diệu-kiến, Trời Hỷ-kiến, Trời Sắc cứu cánh đều đến chỗ ấy, kinh Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi đi trở về.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Các Trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới cho đến Trời Quảng quả, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng Trời Tịnh cư và các Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cũng đến quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi đi trở về.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nên nghĩ rằng: Trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới cho đến Quảng quả, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng Trời Tịnh-cư và các Trời, Rồng, Quỷ Thần, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, đến thấy quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái, như vậy là ta đã pháp thí rồi.

Kiều-thi-ca! Các Trời Tứ thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới cho đến Trời Sắc cứu cánh, và các Trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới, cho đến trời Sắc cứu cánh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thủ hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khiến các sự ác không thể được dễ dàng, trừ có tội nặng đời trước.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy cũng được công đức đời nay là các Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ấy. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì các Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chỉ muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, không bỏ tất cả chúng sinh, đem an lạc cho tất cả chúng sinh.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân làm sao biết được khi các Trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh đến? Và các Trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới cho đến các Trời Sắc cứu cánh đến quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái?

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thấy ánh sáng lớn trong, ắt biết khi đó có đại đức chư Thiên đến, quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu nghe mùi thơm lạ, ắt biết khi đó có đại đức chư Thiên đến quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nhờ tu hành tinh khiết nên chư thiên đến chỗ đó, quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, hoan hỷ, lễ bái, trong chỗ đó nếu có bọn quỷ nhỏ, liền bỏ đi ra, vì không đương nổi oai đức các đại đức chư Thiên. Do đại đức chư thiên ấy đến, nên thiện nam tử, thiện nữ nhân sinh đại tâm. Vì vậy, trú xứ của Bát-nhã Ba-la-mật, bốn phía không nên có đồ bất tịnh, nên thắp đèn, đốt hương, rải các danh hoa. lấy hương bôi đất, treo tràng phan, lọng, các thứ trang nghiêm.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi nói pháp trọn không mỏi mệt, tự giác thân nhẹ, tâm vui, nghĩ ngôi đúng pháp, ngủ thức an ổn, không có các ác mộng. Trong mộng thấy chư Phật Ba mươi hai tướng, Tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo Tăng vây quanh ở hai bên Phật nghe thọ pháp giáo Sáu Ba-la-mật, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung; phân biệt nghĩa Sáu Ba-la-mật, Bốn niệm xứ, cho đến Mười tám pháp không chung; cũng thấy cây Bồ-đề trang nghiêm thù diệu; cũng thấy các Bồ-tát đi đến cây Bồ-đề chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thấy chư Phật thành đạo rồi Chuyển pháp luân; thấy trăm ngàn vạn Bồ-tát cùng nhau tập pháp luận nghĩa: như vậy cầu Trí nhất thiết chủng, nên như vậy thành tựu chúng sinh, nên như vậy tịnh cõi nước Phật.

Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật, cũng nghe danh hiệu ấy, cõi ấy, có Phật ấy, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Bồ-tát, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Thanh-văn, cung kính vây quanh nghe thuyết pháp.

Lại thấy mười phương vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật Niết-bàn, lại thấy tháp bảy báu của vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật, lại thấy cúng dường các tháp, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương, cho đến phan lọng.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thấy mộng lành như vậy, ngủ yên thức yên, chư thiên giúp thêm khí lực, tự giác thân thể nhẹ nhàng, không quá tham đắm ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang. Đối với bốn sự cúng dường ấy, tâm rất nhẹ nhàng, thí như Tỳ-kheo tọa thiền, từ thiền định dậy, tâm cùng định hợp, chẳng tham đắm uống ăn, tâm rất nhẹ nhàng. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì phép của chư thiên là nên dùng chất tinh khiết của các vị để tăng thêm khí lực, nên mười phương chư Phật và trời, rồng, quỷ, thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cũng giúp thêm khí lực.

Kiều-thi-ca! Như vậy, Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn được

công đức đời nay như vậy, hãy nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, cũng không rời tâm Tát-bà-nhã, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân tuy không thể thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, hãy nên viết chép giữ gìn quyển kinh, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hoa hương, anh lạc cho đến phan lọng.

Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, viết chép quyển kinh, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy rất nhiều hơn cúng dường mười phương chư Phật và cúng dường đệ tử, cung kính, tôn trọng, tán thán, y phục, đồ nằm, ăn uống, thuốc thang. Sau khi chư Phật và đệ tử vào Niết-bàn, dựng tháp bảy báu cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng.

LUẬN: Hỏi: Trên Trời tự có Bát-nhã, cớ gì còn đi đến chỗ người thuyết pháp giúp thêm sức can đảm cho họ?

Đáp: Trên Trời tuy có Bát-nhã mà chư Thiên thương xót chúng sinh nên đi đến. Khi đến tự nhiên ác quỷ tránh xa, mà sức can đảm của Pháp sư được tăng lên, khiến Pháp sư vui nói. Lại khiến chúng sinh càng thêm tin kính, vì thế nên đi đến.

Có người nói: Vị cam lồ của Trời vi tế thấm vào lỗ chân lông khiến các căn bốn đại của thiện nam tử, mềm mại, nhẹ nhàng, lanh lẹ, vui nói.

Hỏi: Tất cả người nói Bát-nhã đều được vị cam lồ của chư Thiên, khiến cho vui nói chăng?

Đáp: Không. Nếu có hành giả nhất tâm cầu Phật đạo, chiết phục kiết sử, y phục sạch sẽ, chỗ thuyết pháp thanh minh, hương hoa, phan lọng, nước hương rưới đất không có các đồ bất tịnh, thế nên chư thiên hoan hỷ và cũng lợi ích cho người nghe. Người thuyết pháp tuy không đọc nhiều kinh sách trong ngoài, song thâm nhập nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật nên tâm không khiếp nhược, không chìm đắm, không sợ hãi. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có định pháp có thể chấp, có thể vấn nạn, có thể phá.

Lại nữa, trong Bát-nhã Ba-la-mật cũng phân biệt nói các pháp thế gian, xuất thế gian, thường, vô thường, thiện, bất thiện v.v... không có pháp gì không có. Vì có đủ các pháp nên không khiếp không sợ, nếu chỉ có một pháp thì vì thiếu nhiều điều nên sợ hãi. Vị Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật bẻ mỏng phiền não, các phước đức tăng trưởng ướp thân nên có oai đức đáng kính. Thân là trú xứ của công đức, tuy hình thể xấu

xí, không thể làm gì, vẫn được người ái trọng, huống gì tự nhiên đoan chánh, có thể lợi ích người.

Hỏi: Nếu được chư Phật, Sa-môn, Bà-la-môn ái trọng, có thể được, còn cha mẹ thương nhớ đâu đủ khen?

Đáp: Con người tuy cha mẹ sinh, không nghe lời cha mẹ, thì không được thương nhớ; trong các sự cung kính, cung kính Bồ-tát là thù thắng gấp bội. Nhờ cúng dường, cung kính, tôn trọng bậc đạo đức nên được Sa-môn, Bà-la-môn thương kính. Bình thật chí thành, miệng không nói dối, rất ưa công đức đời sau, không đắm cái vui đời này, tiếp dưỡng người dưới không tự cao tự đại; nếu thấy người có lỗi còn không nói sự thật của họ, huống gì chê bai, hủy báng; nếu bất đắc dĩ phải nói, trọn không nói hết, thương cấp kẻ cô đơn khốn cùng, không dành riêng cho kẻ theo mình, những việc như vậy đều là nhờ oai lực của Bát-nhã Ba-la-mật. Công đức người ấy nghe xa nên chư thiên, người đời đều thương kính. Do cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật nên đời đời thường được Sáu Ba-la-mật, không có lúc nào đoạn tuyệt. Người ấy có phước đức, trí tuệ, tiếng tăm, nên nếu có ai vấn nạn hủy báng, đều hàng phục được hết.

Lại nữa, chư Thiên vì cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, nên đi đến trú xứ Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, núi sông, cây cỏ, thành quách, thổ địa, tất cả quỷ thần, đều thuộc về Tứ Thiên vương, nên khi Tứ Thiên vương đi đến, họ đều cùng đi theo; trong các quỷ thần ấy, có kẻ không được quyển kinh Bát-nhã, cho nên đến chỗ Bát-nhã Ba-la-mật để cúng dường, đọc tụng, lễ bái, cũng vì làm lợi ích cho thiện nam tử. Đây cũng là công đức đời nay, do có chư Thiên thiện thần đến. Thiên đế muốn phá cái nghi của người mắt thịt, nên hỏi: Làm sao biết đại đức chư Thiên đến? Đáp: Do thấy ánh sáng lớn, hoặc nghe mùi hương lạ, và do như trước nói trú xứ thanh tịnh.

Hỏi: Thân người bên trong đầy bất tịnh, bên ngoài tịnh thì ích lợi gì?

Đáp: Sạch trú xứ, sạch y phục, thì bên ngoài đều sạch, bên ngoài đều sạch, nên chư Thiên hoan hỷ, thí như chỗ Quốc vương đại nhân đến, thì thứ dân tránh đi, chỗ chư Thiên đại đức đến, tiểu quỷ tránh đi cũng như vậy, trời lớn oai đức trọng, nên tiểu quỷ ở chỗ cũ tránh đi, có các Trời lớn đến gần, thì tâm người ấy thanh tịnh rộng lớn. Hành giả muốn chư Thiên đại đức đến, thì nên làm như trong Kinh nói. Ác quỷ đi xa, thì thân tâm nhẹ nhàng, lanh lợi. Vì sao? Vì gần ác quỷ thì làm cho thân tâm người dần dần trở nên ác; ví như gần người giận thì ưa làm

cho người giận, gần sắc đẹp thì làm cho lòng ưa sắc đẹp khởi lên. Nhân duyên ác bên trong bên ngoài xa lìa nên người ấy ngủ yên thức yên, không có ác mộng. Nếu có mộng, chỉ thấy chư Phật như trong Kinh đã nói.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật ở trong thân Phật, nếu cúng dường một vị Phật thì là cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, cớ gì nói cúng dường mười phương Phật, không bằng cúng dường Bát-nhã?

Đáp: Tâm người cúng dường, nếu cúng dường Phật mà chấp thủ tướng người, tướng người rốt ráo không thể có được, mà vì chấp thủ tướng nên phước điền tuy lớn mà công đức mỏng ít. Cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật thì như được nghe trong Bát-nhã nói là không chấp thủ tướng người, không chấp thủ tướng pháp, dùng tâm ấy cúng dường, nên phước đức lớn.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của mười phương chư Phật, cũng là Thầy chư Phật, chư Phật được thân Ba mươi hai tướng, Tám mươi vẻ đẹp tùy hình, và ánh sáng vô lượng, thần thông biến hóa, đều là thế lực của Bát-nhã Ba-la-mật. Vì các nhân duyên như vậy nên cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật hơn cúng dường mười phương chư Phật, chứ không phải không kính Phật.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 59

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI BẢY: XÁ LỢI

KINH: Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Kiều-thi-ca! Nếu xá lợi Phật đầy Diêm-phù-đề làm một phần, lại có người viết quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật làm một phần, trong hai phần ấy, ông lấy phần nào?

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu xá lợi Phật đầy cõi Diêm-phù-đề làm một phần, quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật làm một phần, trong hai phần ấy con thà lấy phần quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Con đối với xá lợi Phật chẳng phải không cung kính, chẳng phải không tôn trọng, vì xá lợi từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh, nhờ huân tu Bát-nhã Ba-la-mật, nên xá lợi ấy được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Bát-nhã Ba-la-mật không thể lấy, vì không sắc, không hình, không đối, nhất tướng, tức là vô tướng, ông làm sao muốn chấp lấy. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy không vì chấp thủ nên xuất sinh, không vì xả bỏ nên xuất sinh, không vì tăng giảm, tụ tán, tổn ích, nhơ sạch nên xuất sinh (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, không thủ, không xả, không tăng, không giảm, không ích, không tổn, không cấu, không tịnh -ND) Bát-nhã Ba-la-mật ấy không hợp cùng pháp chư Phật, không bỏ pháp phàm phu, không hợp cùng pháp Bích-chi Phật, pháp A-la-hán, pháp học, không bỏ pháp phàm phu; không hợp cùng tánh vô vi, không bỏ pháp hữu vi, không hợp cùng nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không hợp cùng Bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng, không bỏ pháp phàm phu.

Thích-đề-hoàn chơn nói với Xá-lợi-phất: Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Nếu có người biết Bát-nhã Ba-la-mật ấy không hợp cùng pháp chư Phật, không bỏ pháp phàm phu, cho đến không hợp cùng Trí nhất thiết chủng, không bỏ pháp phàm phu, ấy là Bồ-tát ma-ha-tát hay thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, hay tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không hành theo tướng hai pháp, không có tướng hai pháp là

Bát-nhã Ba-la-mật, không có tướng hai pháp là Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật.

Bấy giờ Phật tán thán Thích-đề-hoàn nhơn: Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca! Như lời ông nói, Bát-nhã Ba-la-mật không hành theo tướng hai pháp, không có tướng hai pháp là Bát-nhã Ba-la-mật, không có tướng hai pháp là Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật.

Kiều-thi-ca! Nếu người muốn có được pháp tánh hai tướng là người muốn có được Bát-nhã Ba-la-mật hai tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì pháp tánh và Bát-nhã không hai không khác, cho đến Thí Ba-la-mật cũng như vậy. Nếu người muốn có được thật tế, pháp tánh, tánh bất khả tư nghì hai tướng, là người muốn có được Bát-nhã Ba-la-mật hai tướng. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật và tánh bất khả tư nghì không hai không khác (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Nếu người muốn khiến Bát-nhã thậm thâm cho đến Thí Ba-la-mật có hai tướng, là muốn khiến pháp giới, như như, pháp tánh, thật tế, bất tư nghì giới cũng có hai tướng. Vì sao? Vì Bát-nhã thậm thâm cho đến Thí Ba-la-mật, đều cùng với pháp giới cho đến bất tư nghì giới không hai không khác – ND).

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy người thế gian và chư Thiên, A-tu-la nên lễ bái cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các Bồ-tát ma-ha-tát học Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Con thường ngồi trên nhà thiện pháp, nếu khi con không có ở trên tòa, thì các Thiên tử đến cúng dường con, làm lễ đi quanh chỗ con ngồi rồi đi trở lui. Các Thiên tử nghĩ rằng: Thích-đề-hoàn chơn ở tại chỗ này nói pháp cho các trời Ba mươi ba nghe như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Ở chỗ có chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật thọ trì, đọc tụng, vì nói cho người khác nên chỗ ấy chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca lầu la, Khẩn na la, Ma-hầu la già trong mười phương đều đến lễ bái Bát-nhã Ba-la-mật, và cúng dường xong lui về. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra chư Phật và tất cả dụng cụ vui thích của chúng sinh. Xá lợi chư Phật cũng là nhân duyên trú xứ cho Trí nhất thiết chủng. Bạch Thế Tôn! Vì vậy, trong hai phần ấy con lấy Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu con thọ trì, đọc tụng kinh Bát-nhã Ba-la-mật, tâm sâu vào trong pháp, khi ấy con không thấy tướng sợ hãi. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết. Bạch đức Thế Tôn! Không tướng,

không mạo, không ngôn, không thuyết là Bát-nhã Ba-la-mật cho đến là Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật, nếu có tướng chẳng phải vô tướng, thì chư Phật không thể biết tất cả pháp không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết.

Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật thật là không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết nên chư Phật biết tất cả pháp không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vì các đệ tử nói các pháp cũng không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la đều nên cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, anh lạc cho đến phan lọng.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có người thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng và viết chép, cúng dường hương hoa cho đến phan lọng, người ấy không đọa địa ngục, súc sinh, ngã quỉ, không rơi vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, thường thấy chư Phật; người ấy từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa cho đến phan lọng.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Xá lợi Phật đầy ba ngàn đại thiên thế giới làm một phần, quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật làm một phần, trong hai phần ấy, con lấy phần Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy sinh xá lợi chư Phật. Thế nên xá lợi được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nhờ cúng dường, cung kính xá lợi nên được thọ phước lạc ở cõi trời, cõi người, thường không bị đọa vào ba đường ác, được như sở nguyện, dần dần dùng pháp ba thừa vào Niết-bàn. Thế nên, bạch đức Thế Tôn! Hoặc có thấy Phật hiện tại, hoặc thấy quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, bằng nhau không khác. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã Ba-la-mật và Phật không hai không khác.

LUẬN: Hỏi: Trên lấy việc dựng tháp bảy báu so sánh việc cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa đã đầy đủ, sao nay Phật còn đem xá lợi và quyển kinh so sánh nhau?

Đáp: Trước nói tháp bảy báu là trú xứ của xá lợi, nay chỉ nói rõ xá lợi so với quyển kinh. Xá lợi tuy không bằng Bát-nhã, song đầy cõi Diêm-phù-đề, còn Bát-nhã thâm diệu, nên chỉ nêu quyển kinh.

Lại nữa, người xuất gia phần nhiều tham trí tuệ, vì trí tuệ là nhân

duyên giải thốt, còn người tại gia phần nhiều tham phước đức, vì phước đức là nhân duyên vui; người xuất gia phần nhiều tham vật do ý thức biết, còn người tại gia phần nhiều tham vật do năm thức biết. Thích-đề-hoàn nhơn đã được quả báo phước lạc rất lớn, rất là tôn thắng giữa người tại gia, vì vậy nên Phật hỏi Thích-đề-hoàn nhơn. Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Trong hai phần ấy, con lấy phần quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Trong đây tự nói nhân duyên: Bạch đức Thế Tôn! Con không dám khinh mạn không cung kính xá lợi. Con biết cúng dường bằng hạt cải được công đức vô lượng vô biên, cho đến khi thành Phật, công đức không cùng tận, huống gì cúng dường xá lợi đầy cõi Diêm-phù-đề!

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát thọ thân bèn có xá lợi, người không xem quí; khi được thành Phật, xá lợi do Bát-nhã huân tu, nên người đều cung kính, tôn trọng, cúng dường. Vì vậy nên trong hai phần, con lấy phần hơn.

Hỏi: Xá-lợi-phất đã biết Thích-đề-hoàn nhơn do vì thế đế nên nói lấy Bát-nhã Ba-la-mật, cớ sao còn nạn hỏi?

Đáp: Thích-đề-hoàn chơn vì tại gia bị phiền não trói buộc, năm dục che lấp, mà nói được Bát-nhã Ba-la-mật, việc ấy hy hữu! Vì vậy Xá-lợi-phất gạn hỏi, muốn Thích-đề-hoàn nhơn trở lại hỏi thâm nghĩa của Phật, cho nên nạn hỏi. Thích-đề-hoàn chơn thuận theo ý Xá-lợi-phất, đáp rằng "Đúng vậy". Ý của Thích-đề-hoàn nhơn là đối với hết thảy pháp không có hai tướng, không cho xá lợi Phật là nhỏ, không cho Bát-nhã Ba-la-mật là lớn. Bát-nhã Ba-la-mật không có tướng hai, tướng phân biệt, mà vì lợi ích cho hàng Bồ-tát mới phát tâm nên theo thế đế nói Bát-nhã Ba-la-mật như vậy... làm cho tâm chúng sinh không hai không phân biệt. Vì lợi ích lớn, nên con lấy Bát-nhã.

Khi ấy, Phật tán thán Thích-đề-hoàn chơn: "Lành thay, lành thay!" Vì có thể phân biệt các pháp và có thể khéo nói tướng Bát-nhã, là tướng không hai, cho nên tán thán.

Trong đây Phật tự nói thí dụ: Nếu người muốn phân biệt pháp tánh, thật tế làm hai phần là người ấy muốn phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật làm hai phần.

Đế-thích tự nói Bát-nhã, lại nghe Phật lập lại, tâm ông thanh tịnh, tin sâu hoan hỷ, nói: "Hết thảy thế gian nên lễ kính". Thích-đề-hoàn chơn tự nói nhân duyên: "Tất cả Bồ-tát học Bát-nhã ấy, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Lại trong đây lấy thân mình để ví dụ, thân mình ví dụ Phật, quyển kinh Bát-nhã ví dụ chỗ ngồi.

Có người nói: Thân mình ví dụ Bát-nhã, chỗ ngồi ví dụ xá lợi,

thế nên trong hai phần, lấy phần quyển kinh Bát-nhã.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Con nếu thọ trì đọc tụng Bát-nhã, khi ấy cho đến không thấy có dấu hiệu sợ hãi, huống gì sợ hãi thật. Vì cớ sao? Vì hết thảy pháp không tướng, không ngôn, không thuyết. Bát-nhã Ba-la-mật hay khiến người tu ngộ được pháp vô tướng ấy, cho nên không sợ.

Người thọ trì cúng dường Bát-nhã không bị rơi vào ba đường ác và ba thừa, đời đời không lìa chư Phật, thường cúng dường mười phương chư Phật. Thế nên đối với Bát-nhã Ba-la-mật, hết thảy thế gian nên cúng dường.

Lại nữa, Phật mở đầu bằng lấy xá lợi Phật đầy cõi Diêm-phù-đề, Đế-thích rõ hai việc hơn thua, vì hết thảy chúng sinh nên tăng rộng xá lợi đến ba ngàn đại thiên thế giới. Trong đây tự nói nhân duyên: Thấy Bát-nhã Ba-la-mật cùng với thấy Phật ngang nhau không khác.

KINH: Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Như Phật ở đời thị hiện ba việc (Đản sinh, Thành đạo, Nhập Niết-bàn – ND) và nói mười hai bộ Kinh, từ Tu đa la, Kỳ dạ cho đến Ưu ba đề xá. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng, giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật, hai việc ấy bằng nhau không khác. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sinh ba việc thị hiện và mười hai bộ Kinh, từ Tu đa la cho đến Ưu ba đề xá.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Mười phương chư Phật ở đời thị hiện ba việc, nói mười hai bộ Kinh từ Tu đa la cho đến Ưu ba đề xa. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, vì người khác nói, hai việc ấy bằng nhau không khác. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh chư Phật và mười hai bộ Kinh, từ Tu đa la cho đến Ưu ba đề xá.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có người cúng dường chư Phật trong mười phương thế giới như số cát sông Hằng cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng. Lại có người chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng, phước kia bằng nhau, vì mười phương chư Phật đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát-nhã Ba-la-mật ấy, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng và vì người khác nói, người ấy không đọa địa ngục, súc sinh, ngã quỉ, cũng không rơi vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy chính ở địa vị bất thối. Bát-nhã Ba-la-mật ấy xa lìa tất cả

khổ não suy bệnh.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, thân cận, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, người ấy lìa hết các sợ hãi.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như người mắc nợ thân cận với quốc vương, cung cấp hai bên, chủ nợ lại trở lại cúng dường cung kính người ấy, người ấy không còn sợ hãi. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì người dựa kề nôi vua, nương cậy người có thế lực. Như vậy, bạch đức Thế Tôn! Xá lợi chư Phật nhờ Bát-nhã Ba-la-mật huân tu, nên được cúng dường cung kính.

Bạch đức Thế Tôn! Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật như vua, Xá-lợi-phất như người mắc nợ; người mắc nợ dựa vua nên được cúng dường. Xá lợi cũng dựa Bát-nhã Ba-la-mật huân tu nên được cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Nên biết Trí nhất thiết chủng của chư Phật cũng do Bát-nhã Ba-la-mật huân tu nên được thành tựu. Vì thế, bạch đức Thế Tôn! Trong hai phần, con lấy phần Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh 32 tướng, xá lợi chư Phật cũng từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, đại từ đại bi.

Bạch đức Thế Tôn! Từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh năm Ba-la-mật kia làm cho được danh tự là Ba-la-mật, từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh Trí nhất thiết chủng của chư Phật.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới nếu có người thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát-nhã Ba-la-mật thì ở chỗ ấy, hoặc người hoặc chẳng phải người, không thể tìm được chỗ tiện lợi để phá. Người ấy dần dần được vào Niết-bàn.

Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật có lợi ích lớn như vậy, có thể ở trong ba ngàn đại thiên thế giới làm Phật sự.

Bạch đức Thế Tôn! Ở trú xứ nào có Bát-nhã Ba-la-mật thì ở đó là có Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như ở trú xứ có ngọc ma ni vô giá, các phi nhân không tìm được chỗ tiện lợi để phá. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có bệnh nhiệt, lấy ngọc ấy đeo trên mình, bệnh nhiệt liền hết, nếu có bệnh gió, bệnh lạnh, bệnh lẫn lộn cả nóng gió lạnh, lấy ngọc ấy đeo trên mình, bệnh đều trừ hết. Nếu trong chỗ tối, ngọc ấy có thể soi sáng, khi nóng có thể làm mát, khi lạnh có thể làm ấm, chỗ có ngọc không lạnh không nóng, thời tiết thuận hòa, chỗ ấy cũng không có các

thứ độc khác. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân bị rắn độc cắn, lấy ngọc chỉ cho thấy, độc liền tiêu mất.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu nam tử, nữ nhân đau mắt, đau da, mù lòa, lấy ngọc chỉ cho thấy, liền trừ diệt; nếu có ghẻ lác, phù thủng, lấy ngọc đeo trên mình, bệnh liền hết.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Ngọc ma ni ấy ở trong nước, nước theo ma ni thành một màu, nếu lấy vật màu xanh gói lại để trong nước, màu nước thành xanh, nếu lấy vật màu vàng, đỏ, trắng, hồng, hồ thủy bọc lại để trong nước, nước liền theo đó thành màu vàng, đỏ, trắng, hồng, hồ thủy. Lấy vật có các màu như vậy gói ngọc để trong nước, nước liền theo đó thành các màu.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu nước đục, lấy ngọc để vào nước liền trong, ngọc ấy có đức tánh như vậy.

Bấy giờ, A-nan hỏi Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Ngọc ma ni ấy là báu trên trời, hay là báu cõi Diêm-phù-đề?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa với A-nan: Đó là báu trên trời, người cõi Diêm-phù-đề cũng có báu ấy, nhưng vì công đức ít nên không đầy đủ, còn báu trên trời trong sạch, nhẹ đẹp, không thể lấy thí dụ so được.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Ngọc ma ni ấy nếu để trong hòm, khi lấy ngọc ra, công năng nó xông ướp hòm nên người ta đều yêu kính.

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, ở trú xứ có chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật thì chỗ ấy không sợ các sự não hại, cũng như chỗ có đeo ngọc ma ni, thì không có các nạn.

Bạch đức Thế Tôn! Sau khi Phật Niết-bàn, xá lợi được cúng dường đều do năng lực của Bát-nhã Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật; do năng lực công đức của nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Trí nhất thiết chủng.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghĩ rằng: Xá lợi Phật ấy là trú xứ của các công đức chư Phật, như Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, đại từ đại bi, dứt hết thảy kiết sử và tập khí, thường hành xả, pháp không sai lầm ngang bằng trụ xứ công đức của chư Phật. Do vậy nên xá lợi được cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Xá lợi là vật báu của các công đức, là trú xứ của Ba-la-mật không nhô không sạch, là trú xứ của Ba-la-mật chẳng sinh chẳng diệt, Ba-la-mật chẳng vào chẳng ra, Ba-la-mật chẳng tăng chẳng giảm, Ba-la-mật chẳng đến chẳng đi chẳng ở. Xá lợi Phật ấy là

trú xứ Ba-la-mật các pháp tướng, do Ba-la-mật các pháp ấy huân tu nên xá lợi được cúng dường.

Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Không kể xá lợi đầy ba ngàn đại thiên thế giới, mà xá lợi đầy cả thế giới như cát sông Hằng làm một phần, có người chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật làm một phần, trong hai phần ấy, con lấy phần Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sinh xá lợi Phật, do Bát-nhã Ba-la-mật ấy huân tu nên xá lợi được cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường xá lợi, cung kính, tôn trọng, tán thán, quả báo công đức kia không có ngằn mé, hưởng thọ phước lạc cõi trời cõi người, đó là dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, chỗ trời Tứ thiên vương, cho đến phước lạc trong cõi trời Tha-hóa-tự-tại, cũng do nhân duyên phước đức ấy nên sẽ được hết khổ. Nếu thọ Bát-nhã Ba-la-mật này, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng thì người ấy có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật cho đến Thí Ba-la-mật, có thể đầy đủ Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung, vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, trú địa vị Bồ-tát; trú địa vị Bồ-tát vị rồi, được thần thông Bồ-tát, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Vị Bồ-tát ấy vì chúng sinh mà thọ thân tùy chỗ thích ứng, thành tựu chúng sinh, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc sinh dòng lớn Sát-lợi, hoặc sinh dòng lớn Bà-la-môn, để thành tựu chúng sinh . Vì vậy, Bạch đức Thế Tôn! Con không phải vì khinh mạn không cung kính mà không lấy phần xá lợi, vì thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật tức là cúng dường xá lợi.

Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Có người muốn thấy pháp thân, sắc thân Phật hiện tại trong mười phương vô lượng vô số thế giới, người ấy nên nghe, thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, vì người khác nói rộng. Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy sẽ thấy pháp thân, sắc thân Phật hiện tại trong mười phương vô lượng vô số thế giới. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật cũng nên dùng pháp tướng tu Niệm Phật Tam-muội.

Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn thấy chư Phật hiện tại hãy nên thọ Bát-nhã Ba-la-mật ấy, cho đến nhớ nghĩ đúng.

LUẬN: Lại nữa, Phật trú ba sự thị hiện, thuyết mười hai bộ Kinh.

Hỏi: Trong tất cả người thuyết pháp, không ai bằng Phật, Phật nói mười hai bộ Kinh đầy đủ tất cả, tại sao thiện nam tử chỉ thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật mà lại bằng với Phật không khác?

Đáp: Trong đây Phật muốn xưng tán Bát-nhã là lớn. Trong mười

hai bộ Kinh, Bát-nhã là tối thắng. Vì sao? Vì nói Bát-nhã Ba-la-mật ấy thì có nhiều người phát tâm Bồ-tát. Còn khi nói mười hai bộ Kinh thì phát tâm ba thừa lẫn lộn. Không lấy công đức Bố tát sánh với vô lượng thân Phật, vì đây nói pháp thân. Bồ-tát chỉ nói Bát-nhã, khuyến dẫn Đại thừa; Phật nói lẫn lộn, khuyến dẫn ba thừa, cho nên bằng nhau không khác.

Lại nữa, ba sự thị hiện và nói mười hai bộ Kinh, căn bản là Bát-nhã Ba-la-mật. Cúng dường chư Phật mười phương như số cát sông Hằng, hoặc lại có người cúng quyển kinh Bát-nhã cũng bằng nhau không khác.

Trong đây Phật tự nói Bát-nhã sở dĩ có nhân duyên phước đức thù thắng là vì Bát-nhã phá được hết thảy khổ não, suy bệnh, sợ hãi; như người mắc nợ dựa vào vua. Vua ví dụ Bát-nhã, người mắc nợ ví dụ xá lợi. Xá lợi là do nghiệp nhân duyên đời trước tạo thành. Trong nhân duyên phải đền trả đối xứng, song do có Bát-nhã Ba-la-mật huân tu, nên sự đền trả đối xứng theo nhân duyên đời trước và sự đói khát lạnh nóng không xâm hại được, trái lại được cõi trời cõi người cúng dường, như người mắc nợ, dựa vào vua, trở lại được chủ nợ tôn kính. Trước kia nói không có các suy não và sợ hãi để nói rõ bên trong, nay nói ngọc ma ni thì người và chẳng phải người không tìm được chỗ dễ để nói rõ bên ngoài.

Người ấy do cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật nên hoặc đời nay hoặc đời sau, hoặc thân suy tâm bệnh đều trừ hết, các việc thiện nguyện tùy ý cho hết. Được báu Bát-nhã Ba-la-mật, không có các sợ hãi, không bị thiếu hụt, thí như có châu báu vô giá, muốn gì được nấy.

Hỏi: Ngọc báu ma ni là thứ báu gì trong các thứ pha lê, vàng bạc, xa cừ, mã não, lưu ly, san hô, hổ phách và kim cương?

Đáp: Có người nói: Ngọc báu ấy từ trong não Rồng chúa xuất sinh, người có được ngọc ấy, chất độc không thể hại, vào lửa không cháy, có công đức như vậy.

Có người nói: Đó là Kim cương của Đế-thích cầm dùng khi chiến đấu với A-tu-la, bị vỡ nát rơi đến cõi Diêm-phù-đề.

Có người nói: Xá lợi Phật từ quá khứ lâu xa, khi chánh pháp diệt tận, thì xá lợi biến thành ngọc ấy, để lợi ích chúng sinh.

Có người nói: Do chúng sinh có phước đức nhân duyên, nên tự nhiên có ngọc ấy; thí như vì nhân duyên tội nặng nên trong địa ngục tự nhiên có đồ trị tội. Ngọc báu này tên như ý, không có màu sắc nhất định, trong suốt nhẹ đẹp, đồ vật của bốn châu thiên hạ đều được

chiếu sáng. Nghĩa ngọc như ý, như trước đã nói. Báu này thường sinh ra tất cả vật báu như y phục, ẩm thực đều theo ý muốn cấp cho đủ cả, cũng trừ được các suy não bệnh khổ.

Ngọc báu này có hai thứ: Có thứ báu như ý ở trên trời, có thứ báu như ý ở cõi người. Chư Thiên phước đức dày nên ngọc có công năng đầy đủ, người phước đức mỏng nên ngọc có công năng không đầy đủ. Ngọc này để trong phòng xá, rương hòm, chỗ ấy cũng có oai đức. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, như ngọc báu như ý, có thể cho người tại gia phước lạc đời này, tùy ý mong muốn; Bát-nhã Ba-la-mật có thể cho người xuất gia cái vui giải thốt ba thừa; tùy ý mong cầu. Chỗ có ngọc báu như ý, kẻ phi nhân không thể tìm được chỗ tiện lợi, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, tâm hành giả tương ưng với Bát-nhã, thời tà ác La sát không thể lọt vào tâm kia làm trở hoại ý đạo, cướp mạng sống trí tuệ.

Lại nữa, chỗ có Bát-nhã, ma hoặc ma dân, địa thần, Dạ-xoa các ác quỷ, không thể tìm được chỗ tiện lợi. Ngọc như ý trừ được bốn trăm lẻ bốn bệnh, bốn bệnh căn bản là phong, nhiệt, lạnh và hỗn hợp. Bát-nhã Ba-la-mật cũng trừ được tám mươi bốn ngàn bệnh, bốn bệnh căn bản là tham, sân, si, đẳng phần (gồm cả tham, sân, si – ND). Phần bệnh dâm dục có hai mươi mốt ngàn, phần bệnh sân nhuế có hai mươi mốt ngàn, phần bệnh ngu si có hai mươi mốt ngàn, phần bệnh đẳng phần có hai mươi mốt ngàn. Lấy bất tịnh quán trừ tham dục, lấy từ-bi tâm trừ sân nhuế, lấy nhân duyên quán trừ ngu si, chung ba thứ thuốc trên hoặc quán bất tịnh, hoặc quán từ-bi, hoặc quán nhân duyên trừ bệnh đẳng phần.

Như ngọc báu trừ được hắc ám, Bát-nhã cũng như vậy, trừ được hắc ám ba cõi. Như ngọc báu trừ được nhiệt, Bát-nhã cũng như vậy, trừ được nhiệt dâm dục, sân nhuế. Như ngọc báu trừ được lạnh, Bát-nhã cũng như vậy, trừ được lạnh vô minh, bất tín, bất kính, giải đãi. Mặt trời mặt trăng đều do các báu thành, mặt trời làm nóng, mặt trăng làm lạnh, tuy đều có lợi ích cho chúng sinh, song vì không thể gồm hết nên không gọi là như ý. Chỗ có ngọc báu, các rắn độc trùng dữ không thể làm hại, Bát-nhã cũng như vậy, độc tham dục không thể làm bệnh. Nếu có người bị rắn độc cắn, cầm ngọc báu này chỉ cho xem, liền lành độc, nếu người bị độc tham dục cắn, gặp được Bát-nhã Ba-la-mật, độc tham giận liền tiêu, như Nan-đà, Ương-quật Lê-ma-la v.v... Người có mắt đau, mù lòa, lấy ngọc báu chỉ cho xem liền lành bệnh; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, có người vì vô minh, nghi ngờ, hối hận, điên đảo tà kiến phá mắt tuệ, gặp được Bát-nhã liền được sáng mắt. Như người bị ghẻ lở, ung thư,

phù thủng, lấy ngọc báu chỉ cho liền hết bệnh, Bát-nhã cũng như vậy, năm tội nghịch phong lác, gặp được Bát-nhã liền tiêu. Như lấy vật có các màu sắc gói ngọc để vào trong nước, nước tùy theo đó biến thành một màu. Bát-nhã cũng như vậy, hành giả được thế lực Bát-nhã, thời tâm mềm dịu, không đắm trước gì, tùy theo năm căn tín v.v..., cũng tùy theo Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Tám bội xả, Tám thắng xứ, và Mười nhất thiết nhập.

Lại nữa, tùy tiện học khắp Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, không có gì trái nghịch.

Sắc thứ sáu là sắc hồ thủy là, sắc hư không, hành giả có được Bát-nhã quán các pháp không, tâm cũng theo đó mà không chấp trước. Như vậy, vào hết thảy các pháp, đều tùy thuận không chướng ngại. Như nước hỗn trược, tạp sắc nhơ nhớp, lấy ngọc để vào, đều trở nên thanh tịnh một màu. Bát-nhã cũng như vậy, người có các phiền não, tà kiến, hý luận, khuấy tâm hỗn trược, có được Bát-nhã thì trong sạch một màu. Như ngọc như ý có vô lượng công đức, công đức Bát-nhã cũng như vậy.

Nay sẽ nói tướng riêng công đức Bát-nhã. Ngọc như ý ấy chỉ trừ được ác quỷ, không thể phá thiên ma, Bát-nhã trừ được cả hai. Ngọc chỉ trị được thân bệnh, Bát-nhã trị được cả thân bệnh, tâm bệnh. Ngọc chỉ trừ được bệnh người mà thần trị được, còn Bát-nhã thì trị được tất cả bệnh mà người rồng và quỷ thần không trị được; ngọc chỉ trị được bệnh đời đời từng trị, còn Bát-nhã trị được bệnh từ đời vô thỉ lại chưa từng trị được. Có các sai biệt như vậy, ngọc soi được chỗ đêm tối có để nó, còn Bát-nhã soi được tất cả chỗ tối vô minh tương ưng với phiền não và vô minh bất cọng (tức vô minh độc lập, không tương với phiền não –ND), và tất cả sự ngu si hắc ám không hiểu rõ các pháp. Ngọc chỉ phá được nóng tại chỗ ở, không phá được nóng tại các chỗ khác, còn sức Bát-nhã cho đến ngọn lửa đốt cháy vô lượng thế giới lúc kiếp tận, thổi một hơi là tắt hết, huống gì một chỗ nóng! Ngọc chỉ phá được lửa hình chất, sức nóng mặt trời, còn Bát-nhã trừ được sức nóng của tâm có ba độc; ngọc chỉ trừ được gió mưa, tuyết lạnh, còn Bát-nhã trừ được khí lạnh của tâm bất tín, bất kính, giải đãi của chúng sinh trong mười phương vô lượng thế giới; ngọc chỉ trừ được nọc độc bên ngoài, không thể trừ được rắn độc bốn đại, còn Bát-nhã trừ được hoàn toàn cả hai thứ độc ấy; ngọc không thể trừ được tà kiến, còn Bát-nhã trừ được; ngọc trị được mắt thịt, còn Bát-nhã trị được mắt tuệ; ngọc trị được mắt thấy gần, còn Bát-nhã trị được mắt thấy xa; ngọc trị được mắt thịt, mắt thịt không là ngọc, còn

Bát-nhã trị được mắt tuệ, mắt tuệ tức là Bát-nhã; ngọc trị được mắt thịt, sau bệnh lại phát, còn Bát-nhã trị được mắt tuệ, rốt ráo thanh tịnh; ngọc trị được ghẻ lác, phù thủng, còn Bát-nhã trị được thân ác tâm ác.

Hỏi: Trong bốn thứ bệnh, đã gồm tất cả bệnh, cớ sao còn nói riêng bệnh mắt. bệnh lác?

Đáp: Mắt là đệ nhất trong thân, sử dụng rất quý, cho nên nói riêng. Ở trong các bệnh, bệnh lác rất nặng, do tội nhân duyên đời trước nên khó trị. Vì vậy nên nói lại.

Ngọc có thể làm cho nước hiện màu tùy theo màu sắc của vật gói nó, còn Bát-nhã có thể làm cho thiện pháp tùy thuận tâm số; ngọc không chuyển được tâm người, còn Bát-nhã chuyển được tâm tánh ưa muốn của tất cả chúng sinh; ngọc có thể làm cho chỗ nước bỏ nó vào đục thành trong, chứ không phải tất cả nước, còn sức Bát-nhã có thể làm cho tâm uế trược của sáu giác quán đều thanh tịnh, lại có thể làm cho thanh tịnh tâm uế trược tham giận của các chúa rồng, chúa quỷ thần, chúa người; ngọc có thể khiến chỗ phòng xá, hòm rương chứa nó khiến cho có oai đức, còn sức Bát-nhã có thể độ vô số chúng sinh trong mười phương vô lượng thế giới làm cho có oai đức; công năng của ngọc khi bỏ vào hòm rương không thể giúp cho người có được công năng tùy ý, còn xá lợi được Bát-nhã huân tu nên người nào cúng dường chắc chắn trở lại được Bát-nhã mà được thành Phật. Rương hòm đựng ngọc ấy người phàm phu quý, còn xá lợi thì người phàm phu và Thánh nhân đều quý; rương hòm đựng ngọc, người thọ vui thế gian quý, còn xá lợi cả người thọ vui thế gian, xuất thế gian đều quý. Bát-nhã là ví dụ ngọc báu như ý, hòm rương là ví dụ xá lợi. Trong xá lợi tuy không có Bát-nhã song nhờ huân tu Bát-nhã nên được cúng dường.

Lại nữa, trong Thánh pháp, Bát-nhã là đệ nhất, không gì có thể ví dụ được, vì người thế gian quý ngọc báu nên lấy ngọc ví dụ. Người thấy được ngọc báu như ý, sở nguyện đều thành, nếu thấy chỗ để ngọc, cũng được thành đôi chút sở nguyện. Hành giả cũng như vậy, rõ được nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, liền được vào Phật đạo. Nếu thấy xá lợi có Bát-nhã trú ở mà cúng dường nên được vô lượng phước lạc đời này đời sau, lâu sẽ đắc đạo. Tổng tướng, biệt tướng như vậy nên biết.

Hỏi: Nếu Bát-nhã có công đức như vậy, cớ sao nói xá lợi là trú xứ của năm Ba-la-mật và Trí nhất thiết chủng nên được cúng dường?

Đáp: Trước đã nói trong hết thảy pháp, Bát-nhã là đầu, là dẫn đạo sáng suốt; thí như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng, chỉ nói vua là có đủ các người khác. Tán thán Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa này trước đã

nói.

KINH: Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Có hai pháp tướng là tướng các pháp hữu vi và tướng các pháp vô vi.

Thế nào là tướng các pháp hữu vi? Đó là trí tuệ đối với nội không, cho đến trí tuệ đối với vô pháp hữu pháp không; trí tuệ đối với Bốn niệm xứ cho đến trí tuệ đối với Tám Thánh đạo phần; trí tuệ đối với Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung; trí tuệ đối với pháp lành chẳng lành; trí tuệ đối với pháp hữu lậu pháp vô lậu; trí tuệ đối với pháp thế gian pháp xuất thế gian, ấy gọi là tướng các pháp hữu vi.

Thế nào gọi là tướng các pháp vô vi? Đó là tự tánh các pháp không sinh không diệt, không trụ không dị, không nhô không sạch, không tăng không giảm.

Thế nào gọi là tự tánh các pháp? Các pháp không có tánh gì, đó là tự tánh các pháp; ấy gọi là tướng các pháp vô vi.

Bấy giờ Phật bảo Thích-đề-hoàn chơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Chư Phật quá khứ, nương Bát-nhã Ba-la-mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đệ tử chư Phật quá khứ cũng nương Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật đạo; vô lượng vô số chư Phật vị lai, hiện tại trong mười phương, nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đệ tử chư Phật vị lai, hiện tại cũng nhân nơi Bát-nhã Ba-la-mật, chứng được Tu-đà-hoàn đạo cho đến Bích-chi Phật đạo. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói rộng nghĩa ba thừa. Nhưng đây vì nói pháp vô tướng, vì pháp không sinh không diệt, vì pháp không nhô không sạch, vì pháp không làm không khởi, không vào không ra, không tăng không giảm, không lấy không bỏ; đây nói như vậy là theo thế tục, chứ không phải theo đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì Bát-nhã chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải cao chẳng phải thấp, chẳng phải bằng chẳng phải không bằng, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu chẳng vô lậu, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Bát-nhã Ba-la-mật không thủ lấy pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng không bỏ pháp phàm phu.

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, biết hết thảy tâm chúng sinh, cũng không thủ đắc chúng sinh, cho đến không thủ đắc kẻ biết, kẻ thấy.

Bồ-tát ấy không thủ đắc sắc, không thủ đắc thọ, tưởng, hành, thức; không thủ đắc mắt cho đến ý; không thủ đắc sắc cho đến pháp; không thủ đắc thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh ra cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh ra; không thủ đắc Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung; không thủ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thủ đắc Phật pháp, không thủ đắc Phật. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật không vì thủ đắc pháp nên xuất hiện. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật tánh không có gì, không thể có được, năng đắc sở đắc và hai chỗ nương tánh tướng đều không, không thể có được.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Như lời ông nói, Bồ-tát ma-ha-tát suốt đời tu học Bát-nhã Ba-la-mật, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không thể có được, huống gì có thể chứng đắc Bồ-tát và pháp Bồ-tát.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát chỉ tu học Bát-nhã Ba-la-mật, không tu học các Ba-la-mật khác chăng?

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Bồ-tát tu học sáu Ba-la-mật, vì không có sở đắc. Tu Thí Ba-la-mật, không sở đắc người cho, không sở đắc người nhận, không sở đắc tài vật. Tu Giới Ba-la-mật, không sở đắc giới, không sở đắc người giữ giới, không sở đắc người phá giới, cho đến tu Bát-nhã Ba-la-mật, không sở đắc trí tuệ, không sở đắc người trí tuệ, không sở đắc người không trí tuệ.

Kiều-thi-ca! Bồ-tát ma-ha-tát khi tu bố thí có Bát-nhã Ba-la-mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Thí Ba-la-mật; Bồ-tát ma-ha-tát khi tu trì giới có Bát-nhã Ba-la-mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Giới Ba-la-mật; Bồ-tát ma-ha-tát khi tu nhẫn nhục có Bát-nhã Ba-la-mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Nhẫn nhục Ba-la-mật; Bồ-tát ma-ha-tát khi tu tinh tấn có Bát-nhã Ba-la-mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Tinh tấn Ba-la-mật; Bồ-tát ma-ha-tát khi tu thiền có Bát-nhã Ba-la-mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Thiền Ba-la-mật; Bồ-tát ma-ha-tát khi quán các pháp có Bát-nhã Ba-la-mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Bát-nhã Ba-la-mật. Tất cả pháp vì không có sở đắc, đó là sắc cho đến Trí nhất thiết chủng.

Kiều-thi-ca! Thí như các cây trong cõi Diêm-phù-đề, có những hoa, những lá, những quả, những màu sắc khác nhau mà bóng của nó không sai khác. Cũng như vậy, các Ba-la-mật vào trong Bát-nhã Ba-la-mật là Trí nhất thiết chủng không có sai khác, vì không có sở đắc.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã

Ba-la-mật thành tựu công đức lớn. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thành tựu tất cả công đức. Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức lớn, thành tựu công đức vô đẳng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hương hoa cho đến phan lọng, nhớ nghĩ đúng như lời Bát-nhã Ba-la-mật nói, và có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, phước nào nhiều hơn?

Phật dạy Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường xá lợi chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, và nếu lại có người chia xá lợi nhỏ bằng hạt cải cho người khác, khiến cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, thì phước nào nhiều hơn?

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như nghĩa con đã được nghe trong pháp Phật dạy: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân tự cúng dường xá lợi, cho đến phan lọng; và nếu lại có người chia xá lợi nhỏ bằng hạt cải cho người khác, khiến cúng dường, thì phước ấy rất nhiều. Bạch đức Thế Tôn! Phật thấy phước ấy lợi ích chúng sinh nên vào Kim cang Tam-muội, đập nát thân Kim cang làm thành mạt xá lợi. Vì sao? Vì sau khi Phật diệt độ, có người cúng dường xá lợi cho đến nhỏ bằng hạt cải, phước báu ấy vô biên cho đến được hết khổ.

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, hương hoa cho đến phan lọng và nếu lại có người chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, khiến học thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy phước rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân đúng như nghĩa lý Bát-nhã Ba-la-mật đem nói cho người khác, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu thì thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy công đức hơn thiện nam tử, thiện nữ nhân trước. Nên xem người giảng cho nghe Bát-nhã Ba-la-mật như Phật va như người có phạm hạnh cao thắng. Vì sao? Vì nên biết Bát-nhã Ba-la-mật chính là Phật, Bát-nhã Ba-la-mật không khác Phật, Phật không khác Bát-nhã Ba-la-mật. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều tu học Bát-nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và thành người phạm hạnh cao thắng. Người phạm hạnh cao thắng là địa vị bất thối. Bồ-tát ma-ha-tát cũng học Bát-nhã Ba-la-mật

sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người Thanh-văn học Bát-nhã Ba-la-mật chứng được đạo A-la-hán, người cầu đạo Bích-chi Phật học Bát-nhã Ba-la-mật chứng được đạo Bích-chi Phật; Bồ-tát cũng học Bát-nhã Ba-la-mật vào Bồ-tát vị. Vì vậy, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn cúng dường Phật hiện tại, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, hãy cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật. Ta thấy lợi ích ấy, nên khi mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta nghĩ như vầy; Ai là người đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nương dựa? Kiều-thi-ca! Ta không thấy trong tất cả thế gian, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn có ai bằng Ta, huống gì hôn Ta! Ta tự suy nghĩ: Pháp này do Ta chứng được, để tự mình làm Phật, vậy Ta cúng dường pháp ấy, cung kính tôn trọng, tán thán, an trú nương tựa pháp ấy. Pháp ấy là gì? Là Bát-nhã Ba-la-mật vậy.

Kiều-thi-ca! Ta tự cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, tán thán rồi, an trú, nương tựa pháp, huống gì thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, anh lạc, cho đến phan lọng. Vì sao? Vì từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh các Bồ-tát ma-ha-tát, từ Bồ-tát ma-ha-tát sinh ra chư Phật. Vì vậy Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu cầu Phật đạo, nếu cầu Bích-chi Phật, nếu cầu đạo Thanh-văn đều nên cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa cho đến phan lọng.

LUẬN: Hỏi: Nhân duyên gì nên nói tướng pháp hữu vi, pháp vô vi?

Đáp: Đế-thích tán thán Bát-nhã Ba-la-mật bao gồm hết thảy pháp. Ở đây muốn nói nhân duyên ấy.

Tướng pháp hữu vi là Mười tám không, Ba mươi bảy phẩm, cho đến Mười tám pháp không chung. Lược nói là pháp lành pháp chẳng lành, cho đến pháp thế gian, xuất thế gian, ấy gọi là pháp hữu vi. Vì sao? Vì đó là tướng có tạo tác, trước không có nay có, có rồi lại không. Trái với đây tức là tướng pháp vô vi. Tướng hai pháp ấy đều bao gồm trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Pháp lành hữu vi là, chỗ tu hành, pháp vô vi là chỗ nương tựa. Còn pháp vô ký, pháp chẳng lành, vì lìa bỏ nên không nói. Đấy là chỗ học của Bố tát mới phát tâm. Nếu có được sức phương tiện của Bát-nhã Ba-la-mật.

Pháp lành hữu vi là chỗ tu hành, pháp vô vi là chỗ nương tựa. Còn pháp vô ký, pháp chẳng lành, vì lìa bỏ nên không nói. Đấy là chỗ học của Bồ-tát mới phát tâm. Nếu có được sức phương tiện của Bát-nhã Ba-la-mật, nên vào vô sinh nhẫn, thì chẳng ưa pháp lành, chẳng ghét pháp xả, không lìa pháp hữu vi mà có pháp vô vi, thế nên không nương tựa Niết-bàn. Vì vậy trong Kinh nói: Trong Bát-nhã Ba-la-mật đã nói rộng ba thừa, vì dùng pháp vô tướng nên không sinh không diệt. Theo thế đế nên nói như vậy, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Bồ-tát tu học thật tướng các pháp, tuy quán tâm hết thảy chúng sinh cũng không thủ đắc chúng sinh, tuy tu học hết thảy pháp cũng không thủ đắc hết thảy pháp. Vì sao? Vì được Bát-nhã Ba-la-mật không sở đắc.

Phật ấn khả lời tán thán kia, Bồ-tát thường tập hạnh ấy, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà còn không có sở đắc, huống gì pháp khác!

Tâm Đế-thích nghĩ rằng: Nếu Bát-nhã là pháp rốt ráo thì người tu chỉ tu Bát-nhã Ba-la-mật là đủ, cần gì tu pháp khác?

Phật đáp: Bồ-tát tu Sáu Ba-la-mật, vì dùng pháp Bát-nhã Ba-la-mật không sô đắc hòa hợp, ấy tức là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu chỉ tu Bát-nhã, không tu năm pháp kia thời công đức không đầy đủ, không đẹp không diệu; thí như người ngu không biết, ăn uống đủ thứ, nghe nói muối là chủ trong các vị, liền ăn thuần muối, mất mùi vị lại bị họa. Người tu cũng như vậy, muốn trừ tâm nhiễm đắm, chỉ tu Bát-nhã, lại rơi vào tà kiến, không thể tăng tấn pháp lành; nếu hòa hợp với năm Ba-la-mật thì công đức đầy đủ. Nghĩa vị điều hòa thích hợp, tuy có các hạnh hòa hợp mà Bát-nhã là chủ. Nếu bố thí v.v... mà lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì có các sai biệt, nếu đến trong Bát-nhã Ba-la-mật thì chỉ một tướng, không có sai biệt. Thí như ao A-na-bà-đạt-đa ở cõi Diêm-phù-đề chia ra bốn dòng sông lớn, mỗi sông lớn có năm trăm sông nhỏ chảy về, đều vào biển cả, thì mất tên gốc, biến thành một vị, không có sai khác. Lại như cây cối, nhành lá hoa quả, màu sắc khác nhau, mà bóng thì không khác.

Hỏi: Bóng cũng có sai khác, cây lớn bóng lớn; cành, lá, hoa, quả hình thù lớn nhỏ khác nhau, làm sao không khác?

Đáp: Che ánh sáng nên có bóng hiện ra, chỗ không sáng thời gọi là bóng, bóng ấy không lấy hình thù lớn nhỏ làm ý nghĩa.

Hỏi: Tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, tụng đọc cho đến nhớ nghĩ đúng, việc ấy khó; còn chép, cất giữ quyển kinh Bát-nhã cho người khác, là dễ, công đức còn không thể bằng, làm sao nói hơn?

Đáp: Riêng mình đọc, tụng, nhớ nghĩ đúng tuy khó, hoặc vì tâm chấp ngã nên công đức nhỏ, còn chép quyển kinh cho người khác mà có tâm đại bi, làm nhân duyên cho Phật đạo, không có tâm chấp ngã, nên công đức lớn.

Như Phật hỏi Đế-thích: Nếu người tự mình cúng dường xá lợi, lại có người lấy xá lợi cho người bảo cúng dường, phước ấy nhiều thế nào?

Đáp rằng: Cho người khác, bảo họ cúng dường được phước nhiều, vì đem từ tâm không chấp ngã mà cho. Phật tuy không dùng phước đức, song thấy có lợi ích lớn cho chúng sinh như vậy, nên vào Kim cang Tam-muội, tự làm nát thân mình thành nhiều mảnh xá lợi.

Hỏi: Nếu phước đức cốt ở tâm, cần gì Phật làm nát thân mình ra thành xá lợi nhỏ bằng hạt cải, bảo người cúng dường?

Đáp: Lòng tin thanh tịnh từ hai nhân duyên sinh: 1. Bên trong nhớ nghĩ đúng. 2. Bên ngoài có ruộng phước tốt. Thí như có giống lúa tốt, ruộng lại phì nhiêu, thâu hoạch chắc chắn nhiều. Thế nên tâm tuy tốt phải nhân nơi xá lợi, vậy sau mới được quả báo lớn.

Phật đã ấn khả lời kia, lại còn tự nói: Có người viết chép quyển kinh cho người, lại có người ở giữa đại chúng giải rộng nghĩa kia. Phước ấy hôn người trước, nên xem người ấy như Phật, hoặc gần Phật. Như Phật hoặc gần Phật nghĩa như trước nói.

Phật do hai nhân duyên làm chứng nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật là tối thắng:

1. Thánh nhân ba đời học trong đó mà thành Thánh đạo.
2. Ta do pháp ấy nên được thành bậc Thánh vô thượng. Ta nay trở lại tôn thờ chiêm ngưỡng pháp ấy.

Pháp là thật tướng các pháp, tức Bát-nhã Ba-la-mật.

Kiều-thi-ca! Ta không còn cầu gì, mà vẫn suy tôn cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, huống gì thiện nam tử mà không lấy các thứ cúng dường cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật. Ở đây nói nhân duyên rằng: Bát-nhã Ba-la-mật là nhân duyên căn bản của Bồ-tát, Bồ-tát là nhân duyên căn bản của chư Phật, chư Phật là nhân duyên vui lợi ích lớn của tất cả thế gian. Thế nên người Thanh-văn, Bích-chi Phật, muốn mau được an ổn, hành giả vào ba cửa giải thốt, còn cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật, huống gì Bồ-tát!

Đồ cúng dường là nhất tâm nghe, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, và dùng hương hoa cho đến phan lọng cúng dường.

**

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 60

GIẢI THÍCH PHẨM BA MƯƠI TÁM: MƯỜI THIỆN

KINH: Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy chúng sanh trong một cõi Diêm-phù-đề hành Mười thiện đạo, ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên ấy, được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật đem cho người khác khiến đọc tụng, giảng nói, được phước nhiều hơn. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói rộng các pháp vô lậu. Thiện nam tử, thiện nữ nhân học từ trong đó, đã học, nay học, sẽ học; được vào trong chánh pháp vị, đã vào, nay vào, sẽ vào; được Tu-đà-hoàn quả, đã được, nay được, sẽ được, cho đến được A-la-hán quả. Cầu Bích-chi Phật đạo cũng như vậy. Các Bồ-tát ma-ha-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được vào trong chánh pháp vị, đã vào, nay vào, sẽ vào; được Vô thượng Chánh đẳng hánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiều-thi-ca! Những gì là pháp vô lậu? Đó là Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, Bốn Thánh đế, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Mười lực Phật, cho đến Mười tám pháp không chung. Thiện nam tử, thiện nữ nhân học pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy một người khiến cho được quả Tu-đà-hoàn, người ấy được phước đức hơn dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề hành Mười thiện đạo. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề hành Mười thiện đạo không lìa khỏi khổ địa ngục, súc sinh, ngã quỷ. Kiều-thi-ca! Dạy một người chứng được quả Tu-đà-hoàn thì lìa khỏi ba đường ác, cho đến được quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-

hán, Bích-chi Phật đạo, không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy một người khiến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được phước nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì nhân nơi Bồ-tát nên sinh ra Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật; vì nhân nơi Bồ-tát nên sinh ra chư Phật.

Kiều-thi-ca! Do nhân duyên ấy nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, khiến chép, cất giữ, đọc tụng, giảng nói được phước rất nhiều. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy có nói rộng về các pháp lành. Học trong pháp lành ấy bèn xuất sinh dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng; bèn có Bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng; bèn có Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật; bèn có chư Phật.

Kiều-thi-ca! Không kể người trong một cõi Diêm-phù-đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy chúng sinh trong thế giới bốn châu thiên hạ hành Mười thiện đạo, ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên ấy người đó được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân, chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, giảng nói được phước nhiều. Ngoài ra như trên đã nói.

Kiều-thi-ca! Không kể chúng sinh trong thế giới bốn châu thiên hạ, nếu dạy chúng sinh trong tiểu thiên thế giới hành mười thiện đạo cũng như vậy.

Kiều-thi-ca! Không kể chúng sinh trong tiểu thiên thế giới, nếu dạy chúng sinh trong hai ngàn trung thế giới, bảo hành Mười thiện đạo, và nếu lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, thì người ấy được phước nhiều. Ngoài ra như trên đã nói.

Kiều-thi-ca! Không kể chúng sinh trong hai ngàn trung thế giới, nếu dạy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, bảo hành mười thiện đạo, và nếu lại có người chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, thì người ấy được phước đức nhiều.

Kiều-thi-ca! Không kể chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, nếu dạy chúng sinh trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, bảo hành Mười thiện đạo, và nếu lại có người chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, thì phước ấy nhiều.

Ngoài ra như trên nói.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Có người dạy chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề, bảo an trú Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn nhơn thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, được phước nhiều. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói về các pháp lành. Ngoài ra như trên nói.

Kiều-thi-ca! Không kể chúng sinh cõi Diêm-phù-đề, lại không kể chúng sinh trong thế giới bốn châu thiên hạ, chúng sinh trong tiểu thiên thế giới, chúng sinh trong hai ngàn trung thế giới, chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới. Kiều-thi-ca! Nếu có người dạy chúng sinh trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, bảo an trú Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước đức nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, được phước nhiều. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật có nói rộng về các pháp lành. Ngoài ra như trên nói.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, cất giữ, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, phước đức người ấy hôn dạy người chúng sanh toàn cõi Diêm-phù-đề hành Mười thiện đạo, an trú Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông.

Nhớ nghĩ đúng là thọ trì, thân cận Bát-nhã Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng, không với hai pháp, không với chẳng hai pháp. Thọ trì, thân cận Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật cho đến nhớ nghĩ đúng không với hai pháp, không với chẳng hai pháp. Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhớ nghĩ đúng, nội không cho đến Trí nhất thiết chủng không với hai pháp, không với chẳng hai pháp.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Hoặc có thiện nam tử, thiện nữ nhân dùng nhiều nhân duyên diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị phân biệt làm cho người khác dễ hiểu.

Kiều-thi-ca! Thế nào là nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật? Kiều-thi-ca!

Nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng phải quán với hai tướng, chẳng phải quán với chẳng hai tướng, chẳng phải có tướng chẳng phải không có tướng, chẳng vào chẳng ra, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng trụ chẳng không trụ, chẳng thật chẳng hư, chẳng hợp chẳng tán, chẳng đắm chẳng phải không đắm, chẳng nhân chẳng phải không nhân, chẳng pháp chẳng phải không pháp, chẳng như chẳng phải không như, chẳng thật tế chẳng phải không thật tế.

Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân lấy nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật ấy, dùng các nhân duyên diễn nói, khai thị, phân biệt làm cho người khác dễ hiểu, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức rất nhiều hôn người tự thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân tự thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, dùng các nhân duyên diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho người khác dễ hiểu, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức rất nhiều!

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên như vậy diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu.

Phật dạy Thích-đề-hoàn nhơn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nên như vậy diễn nói Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu như vậy, được vô lượng, vô biên, vô số phước đức. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường mười phương vô lượng vô số chư Phật đến suốt đời, tùy chỗ nhu cầu, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng cúng dường, và lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, dùng các nhân duyên diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt, làm cho người khác dễ hiểu, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân này được phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, đều học nơi Bát-nhã Ba-la-mật ấy mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đã được, nay được, sẽ được.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu, Thí Ba-la-mật trong vô lượng vô biên vô số kiếp không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân đem nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, giảng nói. khai thị, phân

biệt làm cho người khác dễ hiểu, phước này rất nhiều, vì không có sở đắc.

Sao gọi là có sở đắc? Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát vì có sở đắc nên bố thí, trong khi bố thí nghĩ rằng: Ta cho, kia nhận, đây vật thí, ấy gọi là có sở đắc bố thí, không được Ba-la-mật; ta giữ giới, đây là giới, ấy gọi là sở đắc giới, không được Ba-la-mật; ta nhẫn nhục, nhẫn nhục vì người kia, ấy gọi là sở đắc nhẫn nhục, không được Ba-la-mật; ta tinh tấn, tinh tấn vì việc ấy, ấy gọi là sở đắc tinh tấn, không được Ba-la-mật; ta tu thiền, pháp tu là thiền, ấy gọi là sở đắc thiền, không được Ba-la-mật; ta tu tuệ, pháp tu là tuệ, ấy gọi là sở đắc tuệ, không được Ba-la-mật.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tu như vậy không được đầy đủ Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật.

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm sao đầy đủ Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Thích-đề-hoàn nhơn: Bồ-tát ma-ha-tát khi bố thí không thủ đắc người cho, không thủ đắc người nhận, không thủ đắc vật cho, người ấy được đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, không thủ đắc trí, không thủ đắc trí được tu, người ấy được đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Kiều-thi-ca! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân tu Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, nên vì người khác mà diễn nói nghĩa kia, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu. Tu Thiền Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật, nên diễn nói nghĩa kia, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì đời vị lai sẽ có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật mà nói tương tợ Bát-nhã Ba-la-mật. Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghe Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ ấy, bị mất chánh đạo. Thiện nam tử, thiện nữ nhân nên vì người ấy diễn nói đầy đủ nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ?

Phật dạy: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân nói Bát-nhã Ba-la-mật có chỗ thủ đắc, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Như thế nào là thiện nam tử,

thiện nữ nhân, nói Bát-nhã Ba-la-mật có sở đắc, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ?

Phật dạy: Thiện nam tử, thiện nữ nhân nói Bát-nhã Ba-la-mật có sở đắc đắc, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ là, nói về sắc vô thường, nói rằng tu được như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Hành giả tìm sắc vô thường, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ. Nói về thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nói rằng tu được như vậy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Hành giả tìm cầu thọ, tưởng, hành, thức vô thường ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Nói mắt vô thường cho đến nói ý vô thường, nói sắc vô thường cho đến nói pháp vô thường, nói nhãn giới vô thường, sắc giới, nhãn thức giới vô thường cho đến nói ý giới, pháp giới, ý thức giới vô thường, nói địa chủng (địa giới) vô thường, cho đến nói thức chủng vô thường, nói nhãn thức (nhãn thức chủng) vô thường, cho đến nói ý thức thân vô thường; nói thọ do nhãn xúc vô thường cho đến nói ý xúc vô thường; nói nhãn và xúc làm nhân duyên sinh vô thường, cho đến nói thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô thường. Rộng nói như năm uẩn. Nói sắc khổ, cho đến nói thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh khổ; nói sắc vô ngã, cho đến nói thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô ngã, đều nói như năm uẩn.

Hành giả khi tu Thí Ba-la-mật, vì nói sắc vô thường, khổ, vô ngã, cho đến nói thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô thường, khổ, vô ngã.

Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Tu Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc vì nói là vô thường, khổ, vô ngã. Tu Bốn niệm xứ, vì nói là vô thường, khổ, vô ngã, cho đến khi tu Trí nhất thiết chủng vì nói là vô thường, khổ, vô ngã, dạy như vậy. Người tu được như vậy cho là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Kiều-thi-ca! Ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ở đời vị lai nói Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ là nói rằng: Thiện nam tử, các ông tu Bát-nhã Ba-la-mật, khi các ông tu Bát-nhã Ba-la-mật, sẽ được Sơ địa cho đến sẽ được Địa thứ mười. Tu Thiền Ba-la-mật, cho đến tu Thí Ba-la-mật cũng như vậy. Hành giả do tương tợ có sở đắc, do tổng tướng tu Bát-nhã Ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật mà nói rằng: Thiện nam tử, các ông tu hành Bát-nhã Ba-la-mật xong, sẽ vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật; thì ấy gọi

là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì người cầu Phật đạo mà nói như vầy: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, các ông tu hành Bát-nhã Ba-la-mật rồi vào Bồ-tát vị, được vô sinh nhẫn, được vô sinh nhẫn rồi, bèn trú ở Bồ-tát thần thông, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nói như vậy, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì người cầu Phật đạo mà nói như vầy: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, các ông học Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, sẽ được vô lượng vô biên vô số công đức. Nói như vậy, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân vì người cầu Phật đạo mà nói rằng: Như chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại có gốc lành công đức, từ khi mới phát tâm đến khi thành Phật đều tập hợp hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói như vậy, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Thích-đề-hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiện nam tử, thiện nữ nhân vì người cầu Phật đạo không nói Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ?

Phật dạy: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì người cầu Phật đạo mà nói Bát-nhã Ba-la-mật rằng: Này thiện nam tử, ông tu hành Bát-nhã-Ba-la-mật, chớ quán sắc vô thường. Vì sao? Vì sắc, tướng của sắc không, tánh sắc ấy chẳng phải pháp, nếu chẳng phải pháp tức gọi là Bát-nhã Ba-la-mật; trong Bát-nhã-Ba-la-mật, sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì trong Bát-nhã, sắc còn không thể có được, huống chi thường, vô thường.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nói như vậy, ấy gọi là không nói Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân vì người cầu Phật đạo nói rằng: Thiện nam tử các ông tu hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các pháp chớ vượt qua, chớ trụ lại. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp có thể vượt qua, có thể trụ lại. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh không, tự tánh không là chẳng phải pháp, nếu chẳng phải pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp có thể vào có thể ra, có thể sinh có thể diệt.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói như vậy, ấy gọi là

không nói Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ. Nói rộng như trên.

Trái với nói tương tợ là không nói Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật như vậy. Nếu nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật như vậy, được công đức hơn người trước.

LUẬN: Luận giả nói Phật lại muốn bằng cửa khác làm rõ Bát-nhã Ba-la-mật hơn, nên hỏi Đế-thích rằng: Nếu có người dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề tu Mười thiện đạo, phước ấy nhiều không? Như trong Kinh đã nói rộng, trong đó nói nhân duyên: Sở dĩ hơn là vì Bát-nhã Ba-la-mật rộng nói các pháp vô lậu, thành ba thừa đạo, vào Niết-bàn, không trở lại; còn Mười thiện đạo chỉ là pháp thiện hữu lậu, được hưởng phước lạc vô thường trong thế gian, rồi trở lại chịu khổ, thế nên không bằng.

Lại nữa, trước là pháp thế gian, sau là pháp xuất thế gian; trước là pháp sinh ra sinh tử, sau là pháp diệt sinh tử; trước là nhân duyên của cái vui vô thường, sau là nhân duyên của cái vui thường; trước là pháp chung giữa phàm phu và Thánh nhân, sau chỉ là pháp của Thánh nhân. Có các sai biệt như vậy.

Pháp vô lậu là Ba mươi bảy phẩm, Mười tám pháp không chung, cho đến vô lượng các Phật pháp. Muốn khiến việc ấy dễ hiểu rõ ràng, nên lại nói nhân duyên rằng, dạy một người khiến được quả Tu-đà-hoàn được phước đức lớn hơn dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề tu Mười thiện đạo; vì tuy tu Mười thiện đạo, vẫn chưa thốt khỏi ba đường dữ. Cho đến được A-la-hán, Bích-chi Phật đạo cũng như vậy.

Phật lại nói thí dụ: Nếu có người dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề, khiến chứng được Thanh-văn, Bích-chi Phật đạo, không bằng có người dạy một người khiến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người ấy được phước nhiều. Vì sao? Vì Tu-đà-hoàn đến Bích-chi Phật, đều từ Bồ-đề sinh. Trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy, mỗi mỗi nói nhân duyên về Phật đạo, thế nên chép Bát-nhã Ba-la-mật cho người, hơn dạy Mười thiện đạo cho bốn châu thiện hạ, cho đến thế giới nhiều như cát sông Hằng.

Lại nữa dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề cho đến người trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, khiến tu Bốn thiền v.v... cho đến năm thần thông cũng như vậy. Chỉ tu Bốn thiền là người ly dục sai khác với người tu Mười thiện.

Lại nữa, nếu có người dạy người trong một cõi Diêm-phù-đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, khiến tu Mười thiện đạo,

Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Năm thần thông, không bằng người ấy thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng được phước nhiều.

Được phước nhiều là, trên lấy quyển kinh Bát-nhã cho người, nay tự thực hành Bát-nhã, khác nhau. Trước kia Mười thiện đạo cho đến Năm thần thông nói riêng, nay hợp lại nói.

Hỏi: Cớ sao không giải thích thọ trì, đọc tụng, giảng nói, mà chỉ giải thích nhớ nghĩ đúng?

Đáp: Thọ trì, đọc tụng, giảng nói phước đức nhiều, còn nhớ nghĩ đúng có đủ cả hai việc là phước đức và trí tuệ; thế nên nói riêng. Như người hái cỏ thuốc, cho đến hòa hợp thuốc mà chưa uống, bệnh không giảm, uống mới trừ bệnh. Nhớ nghĩ đúng như uống thuốc trừ bệnh. Thế nên chỉ giải thích nhớ nghĩ đúng.

Tướng trạng nhớ nghĩ đúng là, chẳng phải hai, chẳng phải chẳng hai tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa hai chẳng phải hai như trước nói. Ban đầu lấy việc chép quyển kinh hôn xá lợi, đoạn giữa lấy quyển kinh Bát-nhã cho người, hôn dạy người tu Mười thiện đạo cho đến Năm thần thông, khiến người thọ trì, đọc tụng, giảng nói. Đối với việc thọ trì, việc nhớ nghĩ đúng hôn. Nay chư Phật thương xót chúng sinh giải thích nghĩa kia làm cho dễ hiểu lại hơn tự thực hành nhớ nghĩ đúng.

Khi ấy, Phật muốn phân biệt rộng phước đức, nên nói: Nếu có người suốt đời cúng dường mười phương Phật, không bằng giải nói nghĩa Bát-nhã cho người khác. Trong đây nói nhân duyên hơn là, ba đời chư Phật đều học Bát-nhã, mà thành đạo Vô thượng.

Lại nữa, nếu Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật trong vô lượng kiếp, vì có sở đắc, nên không bằng người giải nói Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác.

Có sở đắc là, lấy tâm chấp ngã thủ tướng các pháp. Phật lại muốn nói chánh nghĩa Bát-nhã nên đáp Đế-thích: Bồ-tát không có sở đắc tu Sáu Ba-la-mật thì được đầy đủ, đó tức là chánh nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật.

Có người trong đời vị lai nói Bát-nhã tương tợ là, ở trong hội chúng có người nghe nói nhớ nghĩ đúng, suy nghĩ rằng: Thế nào là nhớ nghĩ sai? Thế nên nói cho biết tướng Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Như người biết rõ là đạo phi đạo, nên bỏ phi đạo hành chánh đạo.

Lại nữa, vì thương xót chúng sinh đời vị lai không gặp Phật và các đại Bồ-tát, chỉ gặp kinh sách, nhớ nghĩ tà, nên theo đó chấp đắm âm thanh, nói Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ.

Tương tợ là, danh tự ngữ ngôn đồng mà tâm và nghĩa khác. Như đem tâm chấp trước thủ tướng nói năm uẩn v.v... vô thường, cho đến không sinh không diệt, đó là Bát-nhã tương tợ. Nếu không đem tâm chấp trước, không chấp thủ tướng nói năm uẩn vô thường, chỉ vì để phá điên đảo chấp thường nên không chấp vô thường, như vậy là Bát-nhã chân thật.

Người thuyết pháp này, dạy bỏ Bát-nhã Ba-la-mật tương tợ mà tu tập Bát-nhã chân thật; ấy gọi là nói chánh nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, công đức hơn trước.

KINH: Lại nữa, Kiều-thi-ca! Đối với chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều dạy khiến được Tu-đà-hoàn, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vầy: Thiện nam tử, ông đến lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, siêng học, tụng nói, nhớ nghĩ đúng và thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sinh Tu-đà-hoàn.

Kiều-thi-ca! Không kể chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, lại không kể chúng sinh trong bốn châu thiên hạ, tiểu thiên thế giới, hai ngàn trung thiên thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới, nếu có người dạy chúng sinh trong thế giới nhiều như cát sông Hằng dạy tất cả khiến chứng được Tu-đà-hoàn. Ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vầy: Thiện nam tử, ông đến lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, siêng đọc, tụng nói, nhớ nghĩ đúng, thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sinh Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy người trong cõi Diêm-phù-đề khiến được Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, ý ông nghĩ sao? Người ấy được nhiều phước chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân, bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho

người dễ hiểu, nói như vầy: Ông đến đây, thiện nam tử! Hãy lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, siêng đọc, tụng nói, nhớ nghĩ đúng, thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sinh Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề khiến được Bích-chi Phật đạo, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt, làm cho người dễ hiểu, nói như vầy: Ông hãy đến lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, siêng đọc, tụng nói, nhớ nghĩ đúng, thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy xuất sinh các Bích-chi Phật đạo, dạy chúng sinh trong bốn châu thiên hạ, cho đến trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân dùng nhiều cách diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vầy: Ông hãy học theo Bát-nhã Ba-la-mật sẽ được Nhất thiết trí, ông nếu được Nhất thiết trí, ông bèn được tu hành Bát-nhã Ba-la-mật tăng ích đầy đủ; nếu được tu hành Bát-nhã Ba-la-mật tăng ích đầy đủ, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh các Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề, khiến an trụ địa vị bất thối chuyển, ý ông nghĩ sao? Người ấy phước đức nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân, dùng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vầy: "Thiện nam tử! Ông hãy đến lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật cho đến thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, ông bèn được Nhất thiết trí, được Nhất thiết trí rồi, cho đến được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh các Bồ-tát ma-ha-tát an trú địa vị bất thối chuyển", cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác hiểu, khai thị phân biệt, nói như vầy: "Thiện nam tử! Ông hãy đến lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật cho đến thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, học xong, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", lại có người diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho một vị Bồ-tát an trú địa vị bất thối chuyển, khai thị phân biệt, nói như vầy: "Thiện nam tử! Ông hãy lãnh thọ Bát-nhã Ba-la-mật, cho đến thực hành như trong Bát-nhã Ba-la-mật nói, học xong, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác"; thì thiện nam tử này được công đức rất nhiều. Cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Nếu có chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề đều được địa vị bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác, trong số đó có một Bồ-tát muốn mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân diễn giải nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho vị Bồ-tát ấy thì người này có công đức rất nhiều, cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Thích-đề-hoàn chơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát như vậy là vị chuyển gần đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như vậy hãy nên triển chuyển giáo giới giáo thọ tu Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, nên giáo thọ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Tám Thánh đạo phần, Mười lực Phật, Bốn điều không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, cũng nên cúng dường y phục, ngọa cụ, ẩm thực, thuốc thang, theo chỗ cần dùng. Thiện nam tử, thiện nữ nhân này pháp thí, tài thí cúng dường vị Bồ-tát ấy, được công đức hôn người trước. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn chơn rằng: Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca! Ông vì Thánh đệ tử mà an ủi các Bồ-tát ma-ha-tát, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đem pháp

thí, tài thí làm lợi ích, lẽ nên như vậy. Vì sao? Vì từ trong Bồ-tát xuất sinh Thánh chúng của chư Phật. Nếu Bồ-tát không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì Bồ-tát ấy không thể học Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, nếu không học Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời không có Thanh-văn, Bích-chi Phật. Kiều-thi-ca! Vì vậy, các Bồ-tát ma-ha-tát khi học Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên dứt địa ngục, súc sinh, ngã quỷ đạo, thế gian bèn có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hữu tưởng Phi vô tưởng; bèn có Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã Ba-la-mật; có nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bốn niệm xứ cho đến Mười tám pháp không chung xuất hiện ở đời. Thanh-văn, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa đều xuất hiện ở đời.

LUẬN: Luận giả nói: Giáo hóa người trong cõi Diêm-phù-đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng khiến được Thanh-văn, Bích-chi Phật đạo không bằng diễn nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho người khác. Trong đây nói nhân duyên rằng: Vì các bậc Thánh hiền đều từ Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh.

Nhỏ không bằng là, đại Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán; càng không bằng nửa là A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Ái niệm cúng dường người biết thật tướng các pháp là các vua Trời, vua người, và những người phước đức trong thế gian. Vì thế nên thường nói Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh các Hiền thánh, dòng lớn Sát-lợi cho đến hết thảy các trời.

Lại nữa, giáo hố người trong một cõi Diêm-phù-đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, phát tâm Vô thượng đạo cho đến an trú địa vị bất thối chuyển, không bằng giải nói chánh nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật cho người.

Hỏi: Trên nói pháp phàm phu, pháp Nhị thừa không bằng thì có thể được, nay nói giáo hóa người phát tâm Vô thượng đạo đạt được địa vị bất thối chuyển là việc Phật đạo, cớ sao không bằng?

Đáp: Nói chánh nghĩa Bát-nhã có hai hạng: 1. Hạng Bồ-tát còn mang nhục thân sinh tử. 2. Hạng Bồ-tát mang pháp tánh sinh thân, không sinh không tử. Đối với Bồ-tát này chỉ cần nói việc vượt quá việc của Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển là việc giáo hóa chúng sinh, tịnh cõi

nước Phật, phân biệt tâm hạnh nghiệp nhân duyên của hết thảy chúng sinh trong ba đời vô lượng kiếp, phân biệt các thế giới thành hoại kiếp số nhiều ít, có tâm đại từ đại bi, Nhất thiết trí, có vô lượng các Phật pháp. Vì hạng người này mà nói pháp, hơn giáo hóa chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, khiến họ phát tâm.

Lại đạt đến địa vị bất thối chuyển, từ địa vị bất thối chuyển trở lên đến Phật đạo, trung gian còn có một hạng người gần Phật đạo muốn mau thành Phật, giáo hóa cho hạng người này về chánh nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, phước kia rất nhiều. Vì sao? Vì ruộng phước lớn nên phước đức cũng lớn. Thí như cúng dường tất cả Thánh nhân cho đến Bồ-tát sắp ngồi đạo tràng trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, không bằng cúng dường một đức Phật. Ví như phạm đến một thái tử đắc tội nặng hôn phạm đến hết thảy người; nếu cúng dường thái tử thì có ân hơn cúng dường hết thảy phàm phu. Nếu phạm đến quốc vương đắc tội nặng hơn phạm đến thái tử. Nếu cúng dường quốc vương hơn cúng dường thái tử. Như vậy, giáo hóa cúng dường cho vị Bồ-tát gần thành Phật công đức hơn sự cúng dường giáo hóa cho Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển nhiều như cát sông Hằng. Vì sao? Vì ruộng phước thâm hậu, việc ấy có thể làm cho chúng sinh tăng trưởng.

Bấy giờ, Đế-thích rõ biết pháp ấy có sức lớn, nên bạch Phật rằng: Đối với Bồ-tát chuyển dần gần đến Vô thượng đạo, như vậy nên giáo hóa cúng dường, công đức chuyển dần nhiều hơn.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề tán thán Đế-thích rằng: Lành thay, lành thay! Ông có thể an ủi khuyến tấn các Bồ-tát, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà dùng tài, pháp bố thí. Tài thí là cúng dường cơm áo v.v..., pháp thí là dạy Sáu Ba-la-mật v.v...

Đế-thích đắc đạo nên gọi là Thánh đệ tử. Pháp của Thánh đệ tử là phải an ủy khuyến tấn các Bồ-tát. Trong đây nói nhân duyên rằng: Các Thánh chúng ấy đều từ trong Bồ-tát xuất sinh. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không thực hành Sáu Ba-la-mật, không thành Vô thượng đạo, thì không có Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi phật. Do nhân duyên của Bồ-tát nên có Mười thiện đạo, cho đến vô lượng Phật pháp xuất hiện ở đời. Thế nên ba ác đạo bị dứt, và có dòng lớn Sát-lợi, cho đến có chư Phật xuất hiện ở đời.

Thế nên Bồ-tát giải nói chánh nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, dạy cho người gần thành Phật, phước đức rất lớn.

**

-oOo-